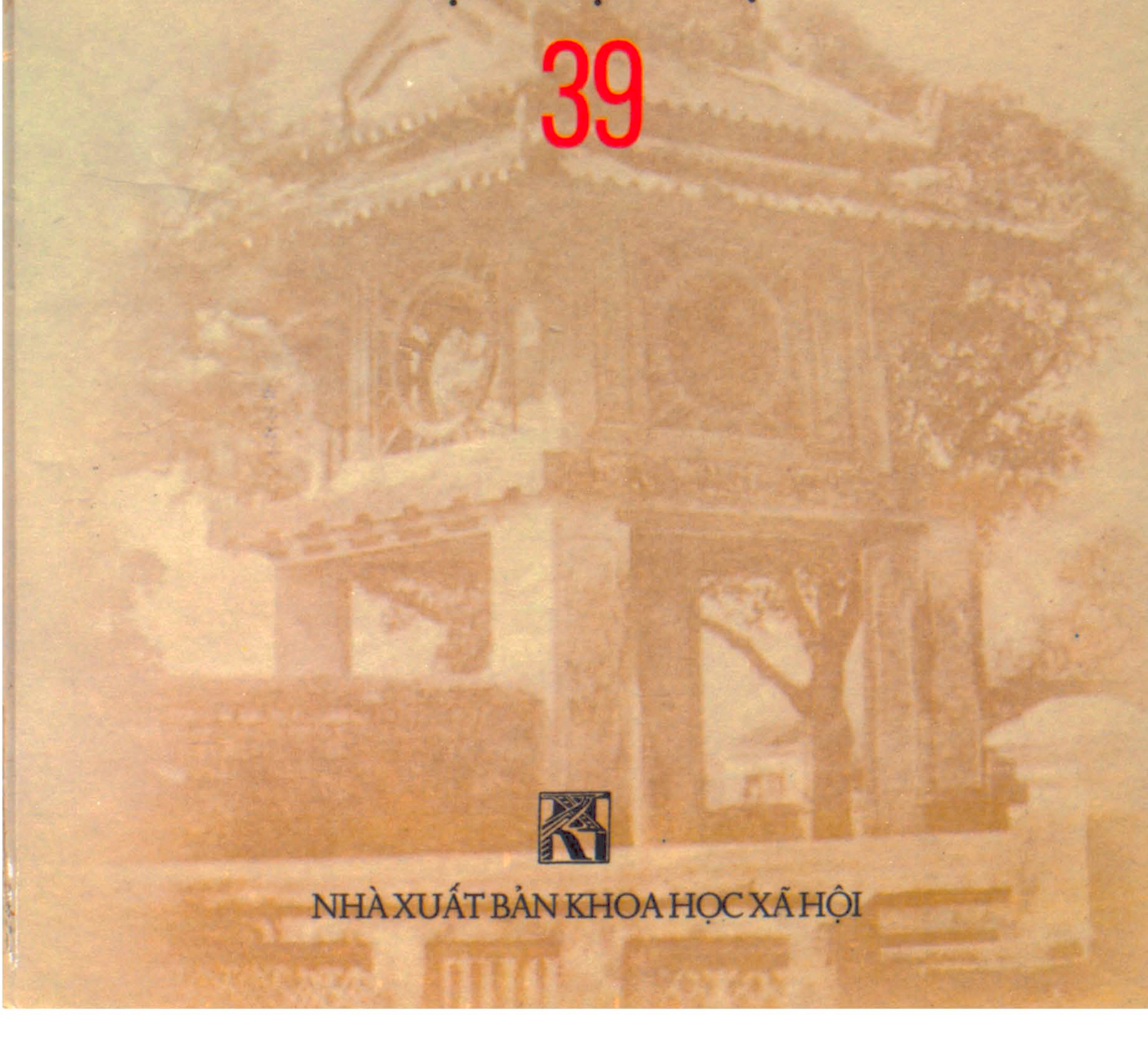
TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TRỌN BỘ 42 TẬP

39



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

Trọn bộ 42 tập
Có chỉnh lý và bổ sung

TẬP 39

Chủ biên: ĐẶNG NGHIÊM VẠN
Sưu tầm, biên soạn:
CHU THÁI SƠN - NGUYỄN HỮU THẤU
LỤC VĂN PẢO

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2000

Trong việc xây dựng nền văn hoá Việt Nam, các dân tộc ít người anh em đã có nhiều thành tựu lớn. Trong khi chờ đợi có thể giới thiệu một cách hệ thống và toàn diện những thành tựu ấy, chúng tôi xin giới thiệu trong các tập 39, 40, 41 một số tác phẩm quen thuộc đã sưu tầm được trong kho tàng văn hoá các dân tộc ít người anh em.

KHẢI LUẬN

Nằm trên đường trục từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang đông và ngược lại, của lục địa Đông Nam Á, án ngữ ngã ba đường trông ra biển Đông, ở giữa hai nền văn minh lớn cổ xưa của phương Đông, lại thừa hưởng một nền văn hoá huy hoàng thời đá đồng, Việt Nam là một xứ sở mở, đón nhận những dòng người, dòng văn hoá đa dạng. Vậy nên, đất nước Việt Nam cư trú hầu hết đại biểu của các dân tộc thuộc những dòng ngôn ngữ của một miền rộng lớn từ phía nam sông Trường Giang qua lục địa Đông Nam Á tới tận miền hải đảo. Các dân tộc ít người đã tự ý thức được mình là người Việt Nam, nhưng vẫn không quên là thuộc về một dân tộc riêng lẻ. Đó là quá trình đoàn kết lâu đời để bảo vệ trước hết sự sống còn của bản thân dân tộc, đồng thời là bảo vệ và xây dựng cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất không gì lay chuyển nổi.

Người Việt - một cộng đồng người phức hợp, mà ngôn ngữ và văn hoá chứa đựng nhiều yếu tố thuộc các dòng ngôn ngữ Môn - Khơme, Tày - Thái, Nam-Đảo và Hán - đồng nhất, chiếm khoảng 87% tổng số dân cả nước. ở Việt Nam còn có mặt 53 dân tộc chiếm khoảng 13% số dân. Có dân tộc với số dân từ 700.000 đến 1 triệu như Tày, Thái, Mường, Hán (Hoa), Khơme, Nùng. Có dân tộc với số dân từ 100.000 đến nửa triệu như Hmông, Dao, Giarai, Êđê, Bana, Sán Chay, Chăm, Xơđăng, Sán Dìu, Hrê, Kơho. Có dân tộc với số dân từ 10.000 đến 90.000 như Raglai, Mnông, Thổ, Xtiêng, Khơmú, Bru-Vân Kiều, Giáy, Kơtu, Gié Triêng, Ta Ôi, Mạ, Co, Chơ-ro, Hà Nhì, Xinh Mum, Chu-ru, Lào; còn có dân tộc chỉ có số dân từ vài trăm đến 9.000 như La Chí, Phù Lá, La Hủ, Kháng, Lự, Pà Thẻn, Lô Lô, Chứt, Mảng, Cơ Lao, Bố Y, La Ha, Cống, Ngái, Si La, Pu Péo, Brâu, Rơ-măm, Ơ-đu. Những dân tộc kể trên hầu hết đều có những đồng tộc ở các nước láng giềng.

Trong những thập kỷ gần đây, các dân tộc ít người đã có mặt ở một số quốc gia trên thế giới. Họ vẫn giữ mối liên hệ khá bền chặt với những đồng tộc ở trong nước, thay vì ý thức quốc gia, dân tộc vẫn còn sâu đậm, sự hội nhập với cộng đồng họ đương cư trú mới là ban đầu.

Các dân tộc thiểu số phần lớn cư trú ở miền núi và trung du suốt dọc từ Bắc vào Nam. Bốn dân tộc Hán (Hoa), Khơme, Chăm, Chơro, cư trú dưới đồng bằng, một bộ phận ở các thành phố và thị trấn. Phần đông các dân tộc thuộc dòng ngôn ngữ Nam - Á, sinh trưởng ngay trong khu vực lịch sử - văn hoá, xưa kia bao gồm cả miền Giang Nam - Trung Hoa và lục địa Đông Nam Á. Một số khác thuộc dòng Nam - Đảo và Hán - Tạng đều đã trải qua một thời gian dài cư trú ở những miền cùng một hoàn cảnh tự nhiên và lịch sử với Việt Nam. Người Khơme, người Lào, người Hán có những dòng tộc là tộc này khác với tộc người (dân tộc) người chủ thể của một quốc gia láng giềng, vì vậy phần lớn các văn bản có tính bác học giống như ở chính quốc. Một số không nhỏ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam xưa đã góp phần xây dựng nên những nhà nước ở miền Nam Trung Hoa và miền Tây Đông Dương. Họ giữ lại trong mình nhiều tác phẩm văn học có giá trị.

Nhiều dân tộc đã có chữ viết từ rất sớm, nay đã thành tử ngữ như Lô Lô, hoặc còn ở dạng tiền văn tự như Pà Thẻn, hoặc đã sử dụng mẫu văn tự của Ấn Độ (Thái, Khơme, Lào, Chăm) hay mẫu văn tự Hán như Tày, Nùng, Hmông, Dao, Sán Chay, Sán Dìu, v.v... Những tác phẩm của cha ông về trước cho đến trước Cách mạng tháng Tám, được lưu lại, viết trên lá dướng, giấy bản. Một số có văn tự dựa trên bộ vần Latinh được xây dựng gần 100 năm trở lại đây như Hmông, Tày, Nùng, Thái, phần lớn các dân tộc ở dọc Trường Sơn - Tây Nguyên.

Nhiều dân tộc chưa có văn tự hoặc để mất văn tự (?) như nhiều truyền thuyết ghi nhận, cũng để lại những áng văn thơ không kém giá trị qua truyền miệng từ thế hệ này đến thế hệ khác.

Cũng cần chú ý, do những nguyên nhân lịch sử và địa lý, những dân tộc thiểu số đã chịu tác động suy thoái toàn thể hay bộ phận, thậm chí một số đáng lẽ đã phải chịu diệt vong, nếu không có Cách mạng đến cứu họ. Vậy nên, không lấy gì làm lạ về vốn văn học của các dân tộc tuy đã rơi rụng đi đáng kể, nhưng vẫn còn làm nhiều nhà nghiên cứu ngạc nhiên. Tình hình đó lại càng thêm lệch lạc nếu ta chỉ xem xét chủ nhân ông của nó trong tình trạng trước Cách mạng tháng Tám. Cần có cái nhìn lịch sử và biện chứng cần thiết, đúng đắn. Chủ nghĩa dân tộc chủ quan hay dân tộc trung tâm (ethno-entrisme) dễ dẫn đến những nhận

thức sai lệch đáng phê phán bởi lẽ không nhìn nhận thấy xã hội các dân tộc ở miền núi nước ta qua quá trình bị thống trị, đều chịu một sự suy thoái, thậm chí số dân tộc bị diệt vong cũng không ít. Cách nhìn nhận đó kéo dài suốt một thời, nhất là trước 1975 ở số đông tác giả nước ngoài và cả một số tác giả Việt Nam. Đến nay, cách nhìn nhận đó cũng chưa phải là đã hết.

Đúng, các nhà khoa học xã hội Việt Nam, nhất là các nhà dân tộc học, Fônklo học, sử học từ 1954, đã cố gắng rất nhiều trong việc thu thập và giới thiệu những tác phẩm văn học của các dân tộc thiểu số. Đó là một thành tựu đáng khích lệ sau cách mạng. Xuất phát từ lòng chân thành, sự ngưỡng mộ những giá trị tinh thần của các dân tộc thiểu số, giới khoa học đã khẳng định được sự đóng góp xứng đáng vào kho tàng văn học Việt Nam của một bộ phận văn học ẩn tàng, bị quên lãng từ trước 1945 của các cư dân anh em miền núi. Cuốn *Truyện cổ tích miền núi* (1957) là cuốn đầu tiên sưu tập vốn văn học các dân tộc miền núi phía Bắc. Cuốn *Văn học dân tộc thiểu số* trong Hợp tuyển thơ văn Việt Nam xuất bản năm 1962[1] là cuốn sách đầu tiên nhắc nhở cho các nhà nghiên cứu trong, ngoài nước, cho toàn độc giả miền xuôi và miền ngược nhận rõ thực tiễn này; và lần đầu tiên các tác giả *Hợp tuyển* đã chính thức khẳng định thơ văn nói riêng và văn hoá nói chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam, không chỉ là của riêng người Việt mà là của chung các dân tộc sinh sống, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thiêng liêng này.

50 năm đã qua, sau Cách mạng tháng Tám. Hàng trăm cuốn sách xuất bản ở trung ương, ở các địa phương đã giới thiệu văn học các dân tộc thiểu số. Giới khoa học đã đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác về những phát hiện liên tiếp ngày một mới lạ. Đồng bào cả nước tự hào về di sản của ông cha. Kho tàng văn học Việt Nam đã thêm đa dạng, giàu có. Chỉ có một điều đáng tiếc là những xuất bản phẩm song ngữ còn quá hiếm. Nhà xuất bản *Văn hoá Dân tộc* cũng như một số địa phương như Lào Cai, Hà Giang, Hoà Bình, Thanh Hoá, Gia Lai-Kon Tum (cũ)... có nhiều cố gắng, nhưng cũng gặp không ít khó khăn. Tổng tập này cũng lại dành chỉ giới thiệu được những tác phẩm đã biên dịch ra chữ quốc ngữ. Đó là điều đáng tiếc và ít nhiều đáng trách, vì một lẽ người sưu tầm, giới thiệu không thể nắm chắc được tiếng mẹ đẻ của các dân tộc. Mặt khác việc xuất bản một tác phẩm song ngữ còn có khó khăn. Gần đây những tập sách song ngữ đã

1. *Hợp tuyển thơ Việt Nam*, Văn học dân tộc thiểu số. Nxb Văn hoá - Viện Văn học, Nông Quốc Chấn, Nông Minh Châu, Mạc Phi, Hoàng Thao, Hà Văn Thư biên soạn, 1962.

bắt đầu được giới thiệu với sự tài trợ của nhà nước và một số của nước ngoài. Tuy nhiên, công việc đó vẫn còn chưa đáng kể. Phổ biến các trường hợp thanh niên nam nữ cũng như ông già bà cả truyền tay chép những áng văn học của cộng đồng mình, hoặc của ông cha để lại bằng văn bản, hoặc truyền khẩu qua những buổi kể chuyện đêm khuya, hoặc qua các sách song ngữ được xuất bản còn quá hiếm hoi. Thiếu sót đó cần được sửa chữa dần dần để có một hợp tuyển song ngữ. Tất nhiên, việc đó không dễ dàng, vì cần có vốn đầu tư rất lớn và một tổ chức điều hành rất khoa học.

Dân trí được nâng cao, con người tự ý thức hơn về lịch sử, về vốn văn hoá của cha ông. Nếu thế hệ đương đại không lưu ý bảo tồn những vốn cổ của các dân tộc, nếu không chú ý giới thiệu những văn bản bằng tiếng mẹ đẻ, hoặc chí ít cũng lưu giữ lại ở một số cơ quan có thẩm quyền, thời sau này con cháu có quyền thẩm vấn chúng ta, những nhà nghiên cứu đương thời đã để mất, để rơi vào dĩ vãng những tinh hoa văn học của tổ tiên. Thế hệ chúng ta phải chịu trách nhiệm về những thương tổn này.

Văn học các dân tộc thiểu số thường khuyết danh. Những nhà nghiên cứu chuyên môn am hiểu ít nhiều cũng chỉ tìm thấy dăm bảy tác giả, trong đó nổi lên có Bế Văn Phủng, Nông Quỳnh Văn, Hoàng Đức Hậu, Nông Quốc Chấn... (Tày). Bàn Tài Đoàn (Dao), Cầm Biêu (Thái)... trước 1945 có một vài sáng tác thơ, sau 1945 mới được khẳng định. Bởi vậy khi thảo luận đến văn học nói riêng và văn hoá nói chung của các dân tộc thiểu số ở nước ta, trước Cách mạng tháng Tám, cho đến tận ngày nay, đại đa số các nhà nghiên cứu vẫn chủ trương đưa vào phạm trù *Văn hoá dân gian* mà văn học là một bộ phận. Việc Nhà xuất bản Khoa học xã hội cho ra mắt một *Tổng tập* gồm nhiều quyển văn học viết và văn chương truyền miệng có giá trị như một loại văn học bác học của các dân tộc thiểu số anh em, trong đó như không bao gồm bộ phận văn học dân gian, là một bước tiến, phản ánh một nhận thức sát thực với tình hình văn học nước ta. Điều đó hoàn toàn đúng đắn, vì nếu chỉ bó hẹp trong văn học viết, biết bao áng văn hay của những dân tộc chưa có chữ viết thì sao? Chính vì vậy, cần phải tính cả một số tác phẩm truyền miệng hay mới được ghi lại trên giấy bằng chữ viết chưa lâu. ở đây, có nên máy móc lấy chuẩn mực của các nước châu Âu để phân định ranh giới giữa *dân gian* với *bác học* hay không? Khi xét một tác phẩm có tính dân gian và là đối tượng của ngành Fônklo, ta thường đồng nghĩa với các thuật ngữ bình dân, quần chúng, nghiệp dư, nhân dân, không có tác giả, chưa thành trường phái để đối lập với chính thống, bác học, chuyên nghiệp, có tác giả, có trường phái. Dân gian cũng còn được hiểu (hay ngầm hiểu) là đại trà, thấp kém,

ít giá trị về trình độ diễn đạt, biểu diễn, về phương diện nội dung hay tam sao thất bản so với cái được gọi là bác học, chính thống, có tác giả, không hoặc ít dị bản, như ở châu Âu thường xem xét.

Thật ra ở nước ta, thuật ngữ dân gian[1] có phần gượng ép đối với một số thể loại văn học, vì ranh giới của cái được gọi là *dân gian* và cái được gọi là *chính thống*, là *bác học*, thường không rõ ràng; ở một nước dường như con người không muốn tự khẳng định thành quả của cá nhân, mà lại muốn nhường vinh dự đó cho tập thể, cho cộng đồng. Cốt lõi duy lý không thấy rõ ở đây như ở phương Tây. Gần đây, nhiều nhà triết học phương Tây và phương Đông đã tranh cãi về sự khác biệt này. Có thể xem trong hai cuộc đối thoại nổi tiếng của D.Ikada với A.Toynbee và D.Ikada với Wilson gần đây[2].

Trong cuốn sách gần đây[3], S.Amin đã phê phán có hệ thống đúng đắn chủ nghĩa trung tâm châu Âu, ý thức hệ của nó. Ông cho rằng một nhân loại thống nhất, nhưng được cấu thành bởi nhiều nền văn minh, nhiều dân tộc khác nhau. Áp đặt một khái niệm của một nền văn minh này cho một nền văn minh khác là điều không dẫn người nghiên cứu tiếp cận thực tiễn. Ông cho rằng sự tiến triển của nhân loại mang tính thống nhất, nhưng biểu hiện lại rất đa dạng, châu Âu hay phương Tây có nhiều cống hiến về phương diện xây dựng những ngành khoa học hiện đại nhờ tư duy duy lý; nhưng ngược lại, cũng phạm sai lầm không ít trong việc áp đặt những khái niệm của bản thân, nhất là về phương diện khoa học xã hội và nhân văn trong việc nghiên cứu các nền văn minh ngoài châu Âu. Ông cho rằng những sai lầm đó có thể *dẫn đến chủ nghĩa chủng tộc*. Vậy nên, trong vấn đề ngày, chúng ta cũng cần xuất phát từ thực tiễn của Việt Nam và phương Đông mà tìm hiểu, không nên và không thể sao chép những khái niệm châu Âu một cách thiếu cân nhắc kỹ, nhất là một nước mà ở đấy, chủ nghĩa duy lý vắng bóng từ lâu.

---

1. Thuật ngữ dân gian cũng chưa được ưa thích trong trường hợp chỉ những tác phẩm dân gian thực sự như ca dao, hò, vè, truyện cổ tích... Thuật ngữ đó có người muốn thay bằng thuật ngữ quần chúng, nhân dân vì nếu dịch từ thuật ngữ populaire thì rõ ràng thuật ngữ dân gian là không bao hàm đủ, nên có xu hướng để nguyên thuật ngữ fônklo cho rành rọt.

2. A.Toynbee – D.Ikada: *Chọn lựa cuộc sống* (Choisis la vie) Paris, 1981. Bản tiếng Anh được dịch ra 12 thứ tiếng.

D.Ikada - Wilson B.: *Tương lai nhân loại và vai trò tôn giáo* (L'avenir de l'humanité et le rôle de la réligion. Paris, 1987).

3. S.Amin: *Chủ nghĩa trung tâm châu Âu* (Phê phán một ý thức hệ) L'eurocentrisme, Crique d'une idiologie. Anthropos Paris, 1988.

Ở Việt Nam nói chung, ở miền núi nói riêng, có hiện tượng nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật giá trị đã cao, lại khuyết danh, và mang tính "nhân dân". Làm sao có thể tưởng tượng được những bộ dã sử, chính sử, những cuốn sách ghi chép lệ luật lại có ghi rõ sự thay đổi về những điều này, điều khác qua từng thời chúa đất[1], những áng văn chương có tính nghệ thuật cao, những làn điệu dân ca nhạc cổ, những đồ án kiến trúc đã hằn dấu vết đặc thù khác biệt, chỉ vì không có tên tác giả lại không coi là bác học, là chính thống, của từng địa phương, từng dân tộc, từng đất nước.

Ngược lại không ít tác phẩm, thậm chí có tên tác giả đã nổi tiếng, cũng không hẳn đã được khẳng định, vẫn gây ra những lúng túng cho những người nghiên cứu. Những tác phẩm văn học của các dân tộc, đa số cũng như thiểu số, có một giá trị nhất định không ai chối cãi được như *Trê cóc, Tống Trân Cúc Hoa, Tiễn dặn người yêu, Đam Săn, Đan Kteh Mlan, Đẻ đất - Đẻ nước, Nam Kim - Thị Đan, út Lót - Hồ Liêu...* , chả lẽ lại coi là dân gian? Trong khi đó, nhiều tác phẩm được gán cho Văn Hoan (Thái), Quản Nhạc, Quỳnh Văn (Tày), Hoàng Đức Hậu (Tày), thậm chí Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm và đến cả những tác giả đầu thế kỷ XX này như Nguyễn Khuyến, Tú Xương, và gần đây nữa: Nguyễn Bính,... rồi Bút Tre, rất có thể lại mang tính "dân dã" không kém vì sự gán ghép chưa thẩm tra được. Thậm chí tiểu sử của nhiều tác giả trên cũng được nhiều nét hư hư, thực thực[2]. Tình hình này cho thấy cả ở một số nước quanh vùng.

Trừ một số trường hợp nhất định, điều nêu trên còn có cơ sở nhất định để phân biệt trong lĩnh vực văn học thì lại càng mơ hồ trong lĩnh vực nghệ thuật, vì ở đó còn ngự trị những chuẩn mực duy lý của phương Tây và có thể chỉ đúng với phương Tây. Trong lĩnh vực điêu khắc đình làng thế kỷ XVI - XVII, Thái Bá Vân đã phải kêu lên khi cảm nhận trình độ nghệ thuật tinh vi của nó và đặt ra câu hỏi: "Và trong mấy thế kỷ đó, đối lập với loại điêu khắc đình làng này, mà ta định gọi là *dân gian*, thì còn nghệ thuật nào gọi là *bác học*[3]". Lưu Công Nhân gần đây, khi nghiên cứu tranh Tết cũng đã thấy không thể như ở cuốn sách của Nhà xuất bản Văn hoá gọi nghệ thuật khắc gỗ là nghệ thuật dân gian, mà cần thấy ở nét bút bậc thầy của nghệ sĩ chuyên nghiệp[4]. ông cho rằng, từ xa xưa

1. Xem các cuốn sử, luật tục Thái cổ có in trong *Tổng tập*.

2. Đặng Nghiêm Vạn: *Một vài ý kiến cần thảo luận xung quanh vấn đề văn nghệ dân gian*. Tạp chí Văn học. Số 4. 1981. tr. 09.

3.Thái Bá Vân: *Điêu khắc đình làng*. Tạp chí Nghiên cứu Nghệ thuật, Số 4, 1976, tr. 71.

4. Lưu Công Nhân: *Nhân tranh con rồng năm Thìn, lại nói về tranh tết*. Lang Bian. Lâm Đồng, số 2, 1988, tr.117.

nghề vẽ, tạc tượng là nghề của thợ, và nhấn mạnh những phường thợ có lối học chính quy từ thợ nhỏ đến thợ phó, thợ cả đều phải thi tay nghề[1]. Điều này, ta cũng thấy ở lĩnh vực điêu khắc, kiến trúc. Những làng chuyên nghiệp ở đồng bằng Bắc Bộ với những vị tổ sư hư hư thực thực, với việc truyền nghề theo dòng đời từ cha ông đến con, cháu với tục "hèm" để giữ bí mật của kỹ thuật, là một đặc trưng mang tính phổ biến. Vậy nên, nó tạo ra bản sắc riêng của các làng, một thứ nếu nói không ngoa như một "trường phái" ở phương Tây vậy. Có điều ở đây, con người rất hiếm ghi tên mình vào công trình sáng tạo. Giáo sư G.Condominas cũng nhận xét tương tự với nghệ thuật đánh cồng chiêng ở Tây Nguyên, một loại âm nhạc không lời, diễn tả tài tình và điêu luyện nội tâm của con người[2]. Mỗi dàn nhạc đều có người nhạc trưởng khiêm tốn điều chỉnh, mà không mặc áo đuôi tôm, không đứng ở bục chỉ huy với những quy cách bộc lộ rõ quyền uy của người điều khiển như các nhạc trưởng phương Tây. Mỗi làng, mỗi dân tộc đều có kiểu cách riêng, có bài bản riêng. Những ai am hiểu âm nhạc Tây Nguyên khi nghe cồng chiêng nhận ra được là của dân tộc nào, địa phương nào. Núp cũng đã dạy cho tôi điều đó và khuyên tôi nên lưu ý tính "khép kín" của từng nhóm địa phương, từng làng Tây Nguyên trên lĩnh vực nghệ thuật và văn học.

Ngay như đến bộ *Ký hoạ Việt Nam đầu thế kỷ XX* được H.Oger thuê những người thợ chọn lọc khắc vẽ và được ông cho xuất bản vào những năm 1908 -1909[3] trong đó có ghi tên, tuổi, quê quán của bốn nghệ nhân, rõ ràng mang tính bác học, hay những bức khắc vẽ minh hoạ trong cuốn *Hiểu biết về Việt Nam*[4] vẫn được coi là tranh dân gian. Gần đây, những bức tranh khắc đó được nhiều tác giả đề cập đến và được Nguyễn Mạnh Hùng giới thiệu rất đắc ý[5], đã nhận thấy những nghệ nhân các tranh khắc đó thuộc về một dòng do cụ tổ Lương Như Hộc sản sinh ra (sdd: tr.86) và đã nhận xét: "Các nghệ nhân không có thói quen ghi lại tên tuổi của mình dưới những trang in mộc bản, những Nho sách kinh... Vì

1. Lưu Công Nhân: Bài đã dẫn. tr. 117.

2. Nhận xét của G.Condominas nhân dịp thăm lại làng SarLuk sau 40 năm xa cách, đêm biểu diễn cồng chiêng 1990.

3. H.Oger Introduction génerale à l'étude de la technique du peuple Annamite, Paris. 1909 - 1910 (2 volumes) và Technique du peuple Annamite. Volume des planches Hanoi.

4. Huard và M.Durand: *Connaissances du Vietnam*. Paris. 1954. Bản dịch ra tiếng Việt của Đỗ Trọng Quang, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1993.

5. Nguyễn Mạnh Hùng. *Ký hoạ Việt Nam đầu thế kỷ XX*. Nxb Trẻ. Thành phố Hồ Chí Minh, 1989.

thế mà các nghệ nhân khắc gỗ đã trở thành khuyết danh suốt mấy trăm năm" (sđd: tr. 85). Thế mà, những bức tranh khắc gỗ đó, niềm tự hào của đất nước, vẫn bị một số nhà nghiên cứu các ngành khoa học xã hội và văn học nghệ thuật coi là tranh dân gian. (Xem các chỉ dẫn trong sách của Nguyễn Mạnh Hùng). Ngược đời, bản thân tên cuốn sách của họ Nguyễn, người đã có nhận xét đúng đắn như đã dẫn ngay ở mấy dòng trên, lại vẫn được dịch một cách trang trọng trên bìa sách ra tiếng nước ngoài, là một bộ sưu tập hơn 4.000 tranh dân gian (folk paintings collected). Số phận đó chắc cũng lại bị gán cho một số tranh tín ngưỡng in màu, đầy sắc thái địa phương và dân tộc ở miền núi.

Thật vậy, cần phải nói, có một số tác phẩm văn học nghệ thuật của các dân tộc, kể cả đa số và thiểu số, cho dù là khuyết danh, cũng đã phải coi là bác học, mà không thể nói là dân dã được. Những tác giả của nó thường là những nghệ nhân có nòi được đào tạo, có thể thành một *dòng nghệ thuật* như thuật ngữ của Thái Bá Vân hay của một *làng chuyên* như Lưu Công Nhân đã nhận xét trong bài đã dẫn, là những thầy đồ có học dưới xuôi, những thầy mo, thầy tào, cha truyền con nối ở miền sơn cước. Cũng cần lưu ý bạn đọc, các thầy mo (mo mường) thầy tào, những pdâu (thầy cúng), những nghệ nhân vô danh thường là cha truyền con nối có một địa vị khá trân trọng trong xã hội cổ truyền. Họ là những trí thức địa phương gần giống như thầy đồ dưới xuôi, thường kiêm cả nho, y, lý, số. Họ là người chịu trách nhiệm tổ chức các nghi lễ[1], cúng tế cho cộng đồng, làm sứ giả đối ngoại, đặc biệt là người am hiểu, sáng tạo và giữ gìn, phát triển văn học nghệ thuật một làng, một mường, một vùng. Họ là những tác giả vô danh của những công trình văn hoá, trong đó có văn học nghệ thuật. Khi nghiên cứu văn học, nghệ thuật các dân tộc ít người không thể bỏ qua đặc tính trên.

Ở đây cũng cần bàn thêm tính nguyên hợp thể hiện trong văn nghệ dân gian, có khi thể hiện trong văn học và phần lớn trong nghệ thuật bác học. Ngâm Kiều, lẩy Kiều, bói Kiều là một thí dụ. Tính nguyên hợp lại đương được tái hiện trong văn nghệ hiện đại, nhất là khi phương tiện nghe nhìn phổ biến.

Vậy nên, khi xác định ranh giới giữa văn nghệ dân gian hay bác học, tính nguyên hợp cũng chỉ nên coi như một yếu tố để tham khảo. Nên coi bản thân giá trị nghệ thuật của tác phẩm là thước đo duy nhất, nhất là đối với kho tàng

---

[1] Như trường hợp Út Ỏ, một ông mo mường nhà chúa đất Mường Mụa (Mai Sơn) xuống triều cống dưới kinh đô. Xem bài *Út Ỏ về kinh* được giới thiệu trong Tổng tập này.

truyền thống văn nghệ ở nước ta, đặc biệt với các tác phẩm văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số, đã hoặc chưa có văn tự. Nếu không, thời ngoài một số tác phẩm văn học Hán - Việt và Nôm (chỉ rộ lên từ thế kỷ XVI về sau) và những hình thức văn nghệ cung đình rất nhỏ nhoi ngay như ở người Việt, liệu trong các lĩnh vực khác, chả lẽ chỉ toàn phần dân gian thôi ư? và đối với kho tàng văn nghệ của các dân tộc thiểu số, dường như không có gì đáng coi là bác học ư, kể cả văn học? Điều đó không thể chấp nhận được, nếu như ta hiểu gần đây, hàng loạt các nhà bác học đã hướng về phương Đông, nơi họ thường cho rằng, chính ở đây mới tìm ra được triết lý về cuộc sống con người mai hậu, nếu ta đã hiểu văn học nghệ thuật hiện đại phương Tây cũng đang tìm cái bản thể (essence) trong văn học, nghệ thuật Á, Phi và Mỹ - La tinh.

Những tác phẩm không gọi là dân gian ấy, lại giàu tính nhân dân, đượm bản sắc dân tộc, bởi lẽ cội rễ gắn chặt với cộng đồng, với dân tộc, với địa phương của một xã hội nông nghiệp, với những bản làng nông - công (ở đây là thủ công hay nghề phụ gia đình), với một lịch sử đầy tự hào, nhưng cũng không ít đau thương. Những tác phẩm đó có tính chất chung của đất nước, mang những sắc thái riêng của dân tộc, của địa phương, được trình diễn có bài bản, có nghi thức, tuỳ từng lúc, trong từng nơi, liên quan với những cấm kỵ nhất định. Tham gia vào những tác phẩm mang tính bác học này, là những dân tộc đã có một trình độ phát triển xã hội nhất định. Đó không phải là những câu tục ngữ, ca dao, hò, vè, những truyện cổ tích mà tác giả đã chọn lọc[1] và tiếc rằng Nhà xuất bản Văn học chưa tiếp tục in trọn bộ, mới in được một số tập trong số mười tập như dự định. Đó là những bộ dã sử hay chính sử của những "mường" do một chúa đất cầm đầu, nhưng bộ luật, lệ của một dân tộc, một "nhà nước", một mường, những tập truyện thơ dài, những trường ca nổi tiếng của Tây Nguyên, những bản sử thi còn mang nặng tính huyền thoại những anh hùng ca, như của người Mường, người Tày..., những bài hát phong tục liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo, đến chu kỳ đời sống một đời người (ma chay, cưới xin), đến chu kỳ sản xuất, một số truyện phỏng theo các truyện cổ của Ấn Độ, Trung Hoa, của dân tộc Việt hay Chăm bằng văn vần hay văn xuôi, được dân tộc hoá hay địa phương hoá, những bài

1. *Truyện cổ các dân tộc ít người Việt Nam*. 3 tập đầu 1985 - 1986 - 1987. Nxb Văn học do Đặng Nghiêm Vạn, Đặng Văn Lung, Tăng Kim Ngân biên soạn. Tái bản và bổ sung 2 tập năm 1995; dự định in 2 tập tiếp trong cuối năm 1995.

dân ca đối đáp nói lên tình yêu chung thủy hay một mối tình tan vỡ, được những trí thức của các dân tộc sáng tạo, thêm bớt, sửa chữa, gọt giũa từ thế hệ này qua thế hệ khác, đứng vững với thời gian, trở nên gắn bó với từng dân tộc, từng địa phương. Những tác phẩm này có một giá trị nghệ thuật đáng kể, mang một dấu ấn khó phai mờ, góp phần vào những đóng góp trong đời sống tinh thần của người dân, bên cạnh những tác phẩm nghệ thuật khác: kiến trúc, hội hoạ, âm nhạc, ca múa...

Ở đây, trong một số trường hợp, ranh giới dân gian và bác học vẫn rất khó phân biệt. Nhưng điều đó không đáng ngạc nhiên, vì đó gần như là tất yếu, nếu như nghiên cứu các bộ sách cổ như *Ramayana, Eliade* và *Odyssée*, thậm chí cả kinh Cựu ước. Có những truyện tác giả dựa theo một hay nhiều truyện cổ tích mang tính dân gian nâng cao và cấu thành, lại như trường hợp truyện *ú Thêm* (Thái), *Tong Đón - ăm* Ca (Thái), *Chín chúa tranh vua* (Tày), *Đăm Di đi săn* (Êđê), hay có khi lại mượn từng đoạn thơ ca dân gian để diễn đạt ý của câu chuyện. Trong những trường hợp đó, dấu ấn của tác giả khuyết danh chỉ để lại ở cấu trúc, nội dung, triết lý câu chuyện, còn hình thức diễn đạt, miêu thuật, ý tứ, chi tiết lại còn đậm đà tính dân gian. Điều đó cũng được thấy cả ở những tác phẩm về Luật tục Êđê, Mnông, lệ mường (Thái), tuy đã được định hình như một tác phẩm khuyết danh, diễn trình có tính hệ thống, nội dung đã uyên bác. Người đọc lại thấy rõ hơn trong những bài tình ca, những bài hát phong tục đã được diễn xướng với một nội dung chặt chẽ (tuy có dị bản) của các dân tộc. Một vấn đề đặt ra là những bài hát này thường được giữ lại một cách "giáo điều", có thay đổi chút ít, ban đầu phải có một tác giả nào đó đã sáng tác, được nhân dân chấp nhận, gặp hoàn cảnh thích hợp, hát lên và tự thay lời thêm bớt ít nhiều để thoả mãn tâm tình của mình trong khi trình diễn.

Có nhiều bài ca ngắn, gọn, có giá trị nghệ thuật và tính nhân dân được sáng tác từ bao giờ và của ai chưa rõ, nhưng truyền khẩu hay viết trên giấy. Những bài đó cũng được chọn lọc và coi là văn học khuyết danh, thường thấy ở các dân tộc dọc Trường Sơn - Tây Nguyên. ở đây, cần lưu ý một số bài của người La Ha (xưa gọi là Xá Khao) hay người Kháng, đồng bào còn nhớ cả tác giả, cũng như những bài thơ của Bàn Tài Đoàn, Cầm Biêu những ngày trước Cách mạng (1945).

Thông qua những tác phẩm khuyết danh, độc giả sẽ thấy khá rõ nét tâm hồn của con người, Ở các dân tộc anh em, thấy được sắc thái thông qua những đặc

thù của xã hội từng vùng, từng cộng đồng. Có thể nói đấy là những vốn quý được ghi lại hay truyền lại thành bài bản cần thiết cho những nhà nghiên cứu khoa học xã hội. Những tục lệ tiêu biểu cho hai vùng có trình độ phát triển khác nhau (Tây Nguyên và Tây Bắc)[1] không chỉ cần thiết cho các nhà dân tộc học, xã hội học, mà còn cần cho cả các nhà luật học, nếu muốn tìm cách định ra nhiều văn bản luật hay dưới luật thích hợp với những trình độ dân trí từng vùng. Trên cơ sở đó, pháp luật mới có cơ sở thực tiễn để đi vào dân và dân mới có thể thực hiện. Rất tiếc các nhà làm luật Việt Nam hiện nay ít lưu ý đến, và trong các bộ luật cả nước cũng ít thấy các khoản áp dụng riêng phù hợp với đặc thù xã hội từng miền hay từng dân tộc. Những bộ sử đã góp phần làm phong phú thêm lịch sử nước nhà. Những bản trường ca Tây Nguyên, mà bản thân nhóm biên soạn muốn chọn lựa với một số lượng lớn, cũng như các truyện của các dân tộc Mường, Thái, Tày... quan hệ đến thuở *Đẻ đất Đẻ nước*, thời con người mới bước vào buổi đầu dựng nước (*Pú Lương Quân, Chín chúa tranh vua*), hay thuở các Then (Trời) thả người xuống trần (chương đầu *Kể chuyện bản mường*) lập bản, lập mường đều giúp các nhà nghiên cứu hiểu rõ được bản sắc văn hoá tại chỗ, góp phần lý giải tại sao các dân tộc có khả năng tiếp thu và chuyển biến những yếu tố văn minh Trung - Ấn và những văn minh khác từ bên ngoài vào, mà vẫn không tự đánh mất mình.

Điều đó phụ hoạ thêm bởi những truyện của các dân tộc khác như Pu Péo, Lô Lô... Cụm truyện của người Hmông thiên về phản ánh phong tục có tính xã hội, cũng như những bài then, lượn, pụt của người Tày và các dân tộc khác, muốn nhắc nhở mối quan hệ xã hội xa xưa đầy nước mắt của một cộng đồng phân chia giàu nghèo, ảnh hưởng của tam giáo. Rất tiếc rằng các tác phẩm của người Nùng sưu tập được còn quá ít. Số tác phẩm có tác giả chiếm một vị trí khiêm tốn. Đáng chú ý là truyện Út Ò về kinh phổ biến ở người Thái-Tày Bắc Việt Nam, tả lại quang cảnh thành Thăng Long và hành trình về kinh chầu cống từ thời chúa Trịnh, có lẽ sớm hơn *Thượng kinh ký sự* của Lê Hữu Trác. Nội dung phản ánh nhận thức của một trí thức miền núi đương thời về quang cảnh và sinh hoạt của

---

1. Luật tục Êđê đã được xuất bản bằng tiếng Pháp, Luật tục Thái được xuất bản năm 1977, được các học giả Pháp, Nhật và các nước đón nhận trân trọng. Ông Minami Yoshizawa, giới thiệu trên nguyệt san Việt Á - Phi của Nhật năm 1982 với một bài dài chiếm nửa số trang tạp chí (Monuhly Bulletin of Afro - Asian Instute of Japan. Chiefdom of Thai: The study of "le Mương" in Mai Châu: Vol: 22N-9, tháng 9 - 1982, tr. 7-32).

kinh đô thời đó. Chắc sẽ thú vị, nếu ta làm một so sánh với các cách nhìn của các tác giả phương Tây đương thời về tình hình sinh hoạt của nước ta buổi ấy. Rất tiếc thơ Văn Hoan ở Châu Mộc chưa được xuất bản. Thơ Hoàng Đức Hậu được giới thiệu khá đầy đủ năm 1974, là nhà thơ Tày mất đúng năm Cách mạng tháng Tám ra đời. Trước đó, vào thời Mạc, có thơ của Quản Nhạc, Quỳnh Văn ở Cao Bằng tuy tam sao thất bản nhưng cũng được giới thiệu trong Tổng tập này.

Số truyện thơ khuyết danh, có giá trị văn học lớn như *Tiễn dặn người yêu*, được người Thái ví như *Truyện Kiều* của mình, hay những anh hùng ca nổi tiếng không chỉ ở trong nước và trên thế giới như *Đam Săn, Đẻ đất Đẻ nước*, cùng các truyện thơ của người Mường, Tày, Dao đều được chọn lọc. Cũng cần xin độc giả thuộc các dân tộc anh em hiểu cho, việc lựa chọn các tác phẩm giới thiệu, chỉ có thể dựa trên những văn bản đã được ấn hành, tùy theo sự đóng góp của dân tộc này hay dân tộc khác, tùy theo sự lựa chọn cho đỡ trùng lặp, lại thêm năng lực của nhóm biên soạn chắc chắn còn nhiều hạn chế, nên không thể bao quát hết được. Nếu đã chọn *Đẻ đất - Đẻ nước* của người Mường, tất phải lựa *Tiễn dặn người yêu* của người Thái và phải bỏ nhóm truyện *Ăm Ệt Luông, Ăm Ệt Nọi*; Nếu đã chọn cụm *Tiếng hát cưới xin, Tiếng hát làm dâu*, nổi tiếng của người Hmông thì phải *bỏ Tiếng hát cưới xin* của người Tày và lại phải chọn những truyện lịch sử đặc sắc của con cháu Pú Lương Quân. Có một số không ít các dân tộc vắng mặt trong Tổng tập. Đó là thiếu sót chung của giới nghiên cứu, sưu tầm, từ đấy cần lưu ý đi sâu phát hiện những hạt vàng còn đọng lại trong một bộ phận đồng bào, ở những nhà văn học đã khuất mà tác phẩm của họ mang tính chuyên nghiệp nhất định kẻo rồi lại bị cuốn trôi đi mất cùng với thời gian, để rồi phải hối tiếc, trống vắng...

Nhóm biên soạn gồm có: *Đặng Văn Lung, Lương Ninh, Lục Văn Pảo, Chu Thái Sơn, Nguyễn Hữu Thấu, Đặng Nghiêm Vạn, Lê Trung Vũ*, do Đặng Nghiêm Vạn tổ chức và chủ biên, Chu Thái Sơn làm Thư ký học thuật, chịu trách nhiệm chính về biên tập nội dung. *Phần văn học các dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong Tổng tập* này chia làm ba tập:

Phần đầu Tập 40 giới thiệu các tác phẩm mang tính bác học rõ nét. Đó là những tập lịch sử, diễn tả giai đoạn nửa huyền thoại, nửa lịch sử bằng văn vần hay văn xuôi đặc sắc. Loại hình này rất phổ biến, độc đáo, phản ánh một vũ trụ quan và nhân sinh quan của một nền văn hoá bản địa, có pha trộn ít nhiều yếu tố Ấn - Trung, dẫn dắt người đọc vào buổi hoang sơ của loài người và bước đầu hình thành dân tộc, hình thành nhà nước: Truyện *Pú Lương Quân*, ghi nhận sự

sinh ra con người, bản mường từ cặp người Khổng Lồ, cũng như truyện *Cẩu chúa cheng vùa*, một sử thi của người Tày kể truyện về Thục Phán giành ngôi, chứng tỏ vùng đất Cao Bằng hiện nay gắn bó với cái nôi sinh thành người Tày, giống như đất Mường Thanh (tức Điện Biên Phủ) với người Thái. Những truyện dã sử hay sử biên niên đặc sắc của dân tộc Thái, cho thấy cần con mắt nhìn nhận lại trình độ và giá trị của loại văn học có tính bác học này. Trong tập này, chúng tôi tuyển chọn tác phẩm *Kể truyện bản mường*, một loại sử biên niên khái quát của cả một vùng Thái ở Tây Bắc, bao gồm nhiều mường khác nhau, mà trung tâm là Mường Muổi, Mường La (Sơn La). *Kể truyện bản mường*[1] có thể xem là một bộ sử biên niên của ngành Thái Đen, mở đầu từ thời Tạo Ngần, Tạo Xuông dựng mường, cho đến thời Lạn Chượng mở đất, qua Tà Ngần, Bun Phanh đến ngày trước Cách mạng tháng Tám, trải qua suốt gần 10 thế kỷ. Bên cạnh cùng loại, lại chọn *Lai lịch dòng họ Hà Công*, cho thấy công cuộc dựng mường, mở đất cho một mường nhỏ: Mường Mùn, sau phân đôi, phân ba thành Mường Thượng, Mường Hạ, Mường Khoòng. Mường Khoòng sau tách hẳn không còn nằm chung với Mường Thượng, Mường Hạ[2].

Những bộ luật tục hay tập quán pháp của dân tộc Thái, Êđê, Mnông điểm thêm của người Mường... cho thấy trình độ bác học của loại hình văn học hiếm thấy ở nhiều cư dân miền núi. *Chia bản - chia mường*, một tác phẩm có giá trị rất lớn với việc nghiên cứu xã hội truyền thống phương Đông, được một giáo sư, tiến sĩ Nhật Bản gần đây đang dịch ra tiếng Anh, xuất hiện vào gần nửa thiên niên kỷ nay như một chứng cớ cơ bản tìm hiểu phương thức sản xuất châu Á (theo như C. Mác). Giới thiệu các lệ, luật một mường người Thái, cho thấy trình độ bác học của văn học Thái. Bộ lệ luật đó là một tác phẩm hiếm có về tính chính xác của nó, dựa vào tinh thần của bộ Luật Hồng Đức, cho phép các dân tộc ít người dựa vào và thay đổi cho phù hợp với tình hình xã hội dân tộc địa phương, âu cũng là điều ngày nay cần được học tập để tránh sự rập khuôn không đúng đắn khi áp dụng luật chung của cả nước đối với từng vùng, từng dân tộc cụ thể. Bộ luật này được làm rõ thêm bởi các tác phẩm. Một số luật lệ người Thái ở mường Ca Da (Thanh Hoá), và *Lệ luật dòng lang họ Quách* (dân tộc Mường). Về phương diện văn học, ta thấy được một lối văn pháp lý chính thống, có hệ thống, ít thấy ở các khu vực khác ở Đông Nam Á.

---

1. Tác phẩm sắp được J.Lemoine dịch ra Pháp văn.

2. Xem *Tư liệu lịch sử và xã hội Thái*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1975.

Luật tục của người Êđê mà văn bản chính dựa theo văn bản tiếng Pháp của D.Antomarchi và Sabatier[1] được kiểm tra lại và chỉnh lý qua các bản bằng tiếng Êđê gần đây được sưu tầm sau ngày giải phóng[2], có sửa chữa, đính chính những sai sót và bổ sung, cho thấy chứng cớ một cơ chế chính trị - xã hội của một thời kỳ manh nha có giai cấp của một dân tộc Tây Nguyên. Bộ luật được cơ cấu, bằng văn xuôi, điểm xuyết nhiều thành ngữ và tục ngữ, tiến bộ nhiều so với bộ luật tục tìm thấy ở người Xrê do J. Dournes và luật tục của người Giarai do P.Lafont mới giới thiệu, có thể sánh ngang, nhưng chính xác hơn với bộ luật tục của người Bana, Xơđăng do P.Guilleminet sưu tập. Ngoài ra còn trích dịch *Luật tục Mnông*, một dân tộc ở trình độ kinh tế - xã hội kém phát triển hơn ở miền nam của Trung Tây Nguyên.

Tác phẩm *Dặn lại mường* mô tả niềm nhớ nhung của một người phải xa quê, miêu tả cặn kẽ bằng thơ ký ức của tác giả về một mường xưa.

Tập 40 bao gồm các tác phẩm là những vốn cổ mang tính lịch sử xã hội, phản ánh những phong tục cổ truyền, bộc lộ một giá trị bác học các dân tộc ít người, biểu hiện một sự đa dạng về loại hình, mà không ai có thể chối cãi được tính hoàn thiện của nó.

Phần sau của tập 40 dành cho một số trường ca Tây Nguyên nổi tiếng đã được sưu tầm. Đó cũng là ý của các soạn giả và Nhà xuất bản muốn độc giả tiếp cận dạng anh hùng ca, mà có nhà biên soạn còn muốn coi là sử thi[3] hiếm thấy ở các dân tộc khác, nhất là ở người Việt. Có thể nói Tây Nguyên được coi như nơi bảo lưu một loại hình văn học quý giá của Việt Nam. Nhân vật trong các câu chuyện kể như *Đam Săn, Đăm Noi, Đăm Di, Xing Nhã, Hbia Đơ-rang, Chàng Tiăng*, là những nhân vật được coi như có thật. Đó là những tù trưởng, những anh hùng có tài xuất chúng, những người làm nên nghiệp lớn. Nhưng các nhân

---

1. Recueil des coutumes Rhadées du Darlac. Sưu tầm: Sabatier dịch và chú thích: D.Antomachi, Hà Nội 1940, B.E.F.E.O.

2. Hai bản mới sưu tầm được gồm có: Bản của cụ Y Bnul, xã Ea Yông, huyện Krông Pách do Chu Thái Sơn, Bế Viết Đẳng và Nguyễn Nam Tiến sưu tầm. Bản thứ hai của ông Y Chang, xã Ea Tam, ngoại ô Buôn Ma Thuột do Chu Thái Sơn sưu tầm và bổ sung. Bản này nguyên là của Hội đồng sắc tộc, chính quyền Sài Gòn cũ hệ thống lại.

3. Ở đây, các soạn giả tránh tranh luận việc phân loại hình văn học các tập trường ca. Đó là điều được các nhà lý luận văn học đương quan tâm và chắc còn tốn nhiều công sức để tìm ra cái đúng.

vật đó lại được các thần linh đỡ đầu. Ở đây huyền thoại và thực tiễn quyện vào nhau. Thế giới huyền thoại và lịch sử không tách được nhau.

Kết thúc Tập 40 là một sử thi của người Mnông là *Chàng Tiăng* mới được phát hiện gần đây. Đó là một công trình sưu tầm hiếm thấy ở một dân tộc nói ngôn ngữ Môn - Khơ-me.

Mở đầu Tập 41 là một Thiên tình ca *Đăm Kteh Mlan* cho ta hiểu rõ những phong tục tập quán độc đáo trong hôn nhân ở chế độ mẫu hệ với những luật tục khe khắt của nó. Bên cạnh tình ca duy nhất này của Tây Nguyên là các trường ca nổi tiếng như *Xing Chơ Niếp, Xing Nhã, Chi Ló Kăk, Đăm Di đi săn* của các dân tộc nói ngôn ngữ Nam Đảo trên cao nguyên miền Trung. Trường ca "*Chàng M'hiêng*" của dân tộc Êđê mới được phát hiện trong mấy năm gần đây chứng tỏ vốn văn học cổ truyền còn tiềm ẩn trong các buôn làng Thượng mà chúng ta mới bước đầu khai thác được.

Nếu lần theo dấu vết ngược thời gian lịch sử, ta thấy những câu chuyện kể đó phản ánh những cuộc chiến tranh không xa hiện tại là bao giữa các dân tộc, các nhóm địa phương, các buôn làng trong và ngoài Tây Nguyên. Những yếu tố cấu tạo nên nội dung vừa phản ánh là một không gian xã hội vượt ra ngoài Tây Nguyên, lại thích hợp với trình độ phát triển kinh tế xã hội tương ứng một xã hội manh nha có giai cấp, với nhiều vết tích xã hội nguyên thủy của thời kỳ trước Pháp thuộc. Tây Nguyên không phải là một vùng khép kín, mà lại là nơi ngã tư đường giao lưu từ phía Tây và Tây Bắc qua Lào đến, từ phía Nam qua Cămpuchia vào và từ phía Đông qua Chăm và Việt lên. Vậy nên dấu ấn của văn hoá Ấn Độ qua Cămpuchia, Lào, Chăm ở đây không hiếm. Do đấy những bản trường ca phản ánh thực tế lịch sử nói trên, vừa là sản phẩm tại chỗ, vừa là sản phẩm ngoại sinh được tiếp biến cho thích nghi. Nên ta thấy bất cứ ở bản trường ca dù theo chủ đề nào, chất Tây Nguyên bộc lộ rất rõ. Nhưng không vì vậy mà những yếu tố từ bên ngoài, có khi cả nguồn gốc nội dung, thậm chí đến tên nhân vật của câu chuyện cũng được đưa vào. Đó là kết quả tất yếu của giao lưu văn hoá. Loại trừ tính phóng đại của truyện kể, loại trừ những phép thuật cao cường đi mây, về gió, lên trời, xuống biển, biến hoá khôn lường của các nhân vật anh hùng, ta thấy cảnh đời thường của Tây Nguyên vẫn là cái nền của cốt truyện. Vẫn thấy nhà rông hiện nay là trung tâm của các hoạt động mang tính xã hội; vẫn chiếc nhà dài với những bếp lửa, với những sinh hoạt thu hẹp trong gia đình. Vẫn cách làm nương, vẫn những lễ thức thân thuộc, những phong tục tập quán thường ngày...

Về một phương diện nào đó, những bản trường ca là những tư liệu quý để góp phần dựng lại bộ mặt thực một Tây Nguyên đã qua, mà sử sách ít chép và bản thân những dân cư Tây Nguyên lại chưa có phương tiện để tự ghi lại. Những bản trường ca này không giống *Đẻ đất - Đẻ nước* (dân tộc Mường), hay *Ẩm Ệt Lương, Ẩm Ệt Nọi* (dân tộc Thái), cũng không giống những truyện về nguồn gốc trời đất, loài người, các sự vật thường thấy ở những câu truyện kể ở miền Bắc, lại càng không phải là dạng dã sử, truyền thuyết, dù dưới hình thức văn vần hay văn xuôi. Đó đây, các bản trường ca Tây Nguyên đối với văn hoá Việt Nam có giá trị lớn. Rất tiếc là những bản trường ca đó, một số ít mới được giới thiệu song ngữ và chưa được nghiên cứu đầy đủ. Các bản dịch, về chất lượng tuy đã vượt thời kỳ trước 1945, nhưng cũng chưa đáp ứng được yêu cầu khoa học đòi hỏi.

Nội dung các bản trường ca phản ánh tình hình của xã hội đương thời, nêu cao tính nhân đạo xã hội nguyên thuỷ, bảo vệ cái Thiện chống lại cái Ác, nêu cao tinh thần thượng võ của giai đoạn dân chủ quân sự, bảo vệ buôn làng, bảo vệ nhân dân, chống lại những bất công xã hội. Suy cho cùng đa số truyện vẫn nhằm đề cao cái mà truyền thống xã hội suy tôn, chấp nhận khuôn khổ số phận đã định, một số phận được các thần linh quyết định. Đặc biệt truyện *Hbia Đơ-rang* đã muốn vượt ra khỏi khuôn khổ trần gian, gái Trời muốn lấy trai dưới trần, truyện Đăm Di muốn vượt ra khỏi khuôn khổ không gian xã hội Tây Nguyên, vượt ra biển cả. Truyện *Đam Săn* vẫn là truyện đáng được lưu ý nhất, bởi lẽ con người Đam Săn đã muốn cưỡng lại số phận, phá vỡ khuôn khổ xã hội ràng buộc mình, đòi lấy nữ thần Mặt Trời làm vợ, muốn chinh phục thiên nhiên, cưỡng lại tục nối nòi, muốn trở thành một anh hùng văn hoá. Tuy nhiên, kết thúc bi thảm của câu chuyện với cái chết của Đam Săn, rồi cuối cùng hồn Đam Săn lại đầu thai làm con của chị mình để rồi lại lấy vợ cũ, thực hiện tục nối nòi như lệ xưa. Đúng là ước muốn của Đam Săn vẫn chỉ là mầm hy vọng cho một ý chí muốn phá vỡ xã hội cổ truyền. Truyện Đam Săn vẫn chỉ như một lời kêu gọi.

Đáng chú ý truyện *Đăm Kteh Mlan* là trường ca độc nhất chỉ kể một mối tình trắc trở trái ngược với phong tục đương thời; kết quả là đôi trai gái người lên ở mặt trăng, người đến mặt trời xa cách không bao giờ còn thấy mặt nhau.

Tập 41 giới thiệu những áng văn thơ mang tính văn học với thể loại văn vần hay văn xuôi, dài ngắn khác nhau.

Sử thi *Đẻ đất - Đẻ nước* của dân tộc Mường (xem tập 42) được P.Grossin và J.Cuisnier để cập đến tác phẩm này[1] . Công lao sưu tầm toàn văn và giới thiệu lại là công của các nhà trí thức Việt và Mường sau ngày đất nước độc lập. Hiện nay có ba văn bản lưu hành ở ba vùng Hoà Bình, Nghĩa Lộ, Thanh Hoá, là một áng văn truyền miệng phổ biến rộng rãi toàn vùng Mường, có nhiều dị bản, thiếu, đủ, nhưng có một nội dung khá thống nhất. Đây là một tác phẩm dài phản ánh một giai đoạn nửa huyền thoại, nửa lịch sử của dân tộc Mường, khẳng định dân tộc Mường đã là một cộng đồng thống nhất. Rất tiếc, nếu trung tâm tộc Mường là vùng Hoà Bình[2], bản *Đẻ đất - Đẻ nước* đáng tin cậy còn lại, lại phải chọn bản của Thanh Hoá, bởi lẽ vừa có văn bản gốc bằng tiếng Mường, vừa có bản dịch và phân tích công phu. Nếu *Pú Lương Quân, Chín chúa tranh vua* , hay *Ẳm Ệt Luông, Ẳm Ệt Nọi,* chỉ cho độc giả thấy hoặc toàn thể nhưng đơn giản, hoặc từng đoạn của thời kỳ lịch sử hư hư, thực thực này, thì *Đẻ đất - Đẻ nước* rõ ràng có ưu thế cung cấp một toàn cảnh khá đầy đủ, khá tiêu biểu cho không chỉ người Mường và cho nhiều dân tộc ở khu vực Đông Dương. *Đẻ đất - Đẻ nước* lấp được chỗ trống quan trọng trong văn học Việt Nam.

Những tác phẩm Mường và Thái tuyển chọn ở cả ba tập 40, 41 và 42 như *Vần Va; Tráng Đồng; Út Lót - Hồ Liêu; Nàng ờm-chàng Bồng Hương; Nàng Nga-Hai Mối, Tiễn dặn người yêu; Chàng Lú-Nung Ủa; Ú Thêm* gắn bó với hai dân tộc Mường, Thái đã trở nên phổ biến toàn quốc trong đại gia đình Việt Nam về giá trị văn chương của nó. Những tác phẩm này được tái bản nhiều lần, vẫn chưa đáp ứng được lòng mong mỏi của độc giả. Nổi lên là truyện *Sóng chụ sôn sao* (tức *Tiễn dặn người yêu*), được in nhiều lần bằng hai thứ tiếng. Nếu bản của Mạc Phi cần thiết cho người nghiên cứu, thì bản của Điêu Chính Ngâu được tuyển chọn ở đây lại được dịch sát nghĩa hơn, tuy văn bản không đầy đủ bằng[3]. Đồng thời cũng là muốn trân trọng với một nhà văn kiêm nghệ nhân Thái đã mất và là người đầu tiên tự mình dịch tác phẩm đồng tộc anh yêu thích ra tiếng phổ thông. Đó cũng là bản dịch một truyện thơ đầu tiên của các dân tộc thiểu số, mở

1. P.Grossin: *La Province Mường de Hoa Binh*, Hanoi, 1926; J. Cuisinier: *Les Mường*, Paris, 1948.

2. Rất tiếc ông Quách Giao người giữ khá đủ văn bản sử thi Mường đã khuất núi, bản thảo cũng mất theo trước khi bản dịch ra tiếng Việt được công bố (1976).

3. Nếu so sánh với bản dịch của Mạc Phi, Nxb Văn hoá Dân tộc ấn hành, Hà Nội, 1977. Chúng tôi cũng đã chọn bản nổi tiếng với cuốn Chàng Lú - Nàng Ủa.

đầu cho phong trào dịch, khảo dị và biên soạn các truyện thơ khác của các dân tộc miền núi.

Trừ truyện *Tráng Đồng*, na ná giống mô típ dũng sĩ diệt đại bàng cứu người đẹp, những truyện thơ sưu tập kể trên phản ánh những khía cạnh đời thường, những mâu thuẫn, ngang trái trong xã hội qua mối tình của các nhân vật chính, qua những sự kiện dồn dập, nói lên lời tố cáo xã hội đương thời, lên án cái ác, đòi hỏi cái thiện. Nếu truyện *Tiễn dặn người yêu* gắng kết thúc có hậu như cảnh tái hồi Kim Trọng trong *Truyện Kiều*, thì các truyện khác lại kết thúc bi thảm, phản ánh một sự thật chua chát, đắng cay, đau thương của xã hội đương thời. Đó cũng là một đặc tính của một số truyện có tính bi kịch của văn học các dân tộc thiểu số, hiếm thấy ở văn học Việt. Điều này nổi lên với truyện *Khun Lú – Nàng Ủa, Ú Thềm, Vần Va* ...

Tuy cốt truyện thường cùng một mô típ, nhưng mỗi tác giả lại diễn tả những ngóc ngách đa dạng của một cuộc đời nghèo - giàu bất công, không có công lý, gia trưởng, một xã hội cái lý của kẻ mạnh bao giờ cũng là hơn của cuộc đời, nên đã làm người đọc hay người nghe hấp dẫn bởi cốt truyện, vừa có dịp tự suy nghĩ đến cuộc đời của chính mình. Lại thêm, các tác giả thông qua nhiều diển tích đầy tính nhân dân, lại nói lên được ý nghĩa sâu lắng ẩn tàng nhất trong những cảnh ngộ khác nhau, diễn đạt bằng những lời lẽ đẹp đẽ, giản dị, đời thường, nên làm câu chuyện trở thành bất hủ.

Hầu hết những truyện thơ trên đều sản sinh từ xã hội Thái hay Mường, quê hương của các tác giả. Riêng có hai truyện *ú Thềm* và *Khun Lú – Nàng Ủa* là phỏng theo cốt truyện ban đầu của các dân tộc khác. Truyện *Ú Thềm* là lắp ráp hai truyện *Ú Thềm* xuất xứ từ Ấn Độ phổ biến ở dân tộc Khome và Lào và truyện *Người lấy tiên*, mà trong kho tàng truyện thơ Thái và Lào lấy tên là Tạo Thi Thốn. Tác giả lược bỏ ảnh hưởng của tôn giáo Ấn, tạo thành một truyện có nội dung lôgic, đượm bản sắc của tâm hồn người Thái. *Truyện Khun Lú – Nàng Ủa* lại bắt nguồn từ một chuyện của người Khơmú phổ biến ở Lào và Việt Nam, nhưng đã được tác giả Thái diễn đạt bằng thơ với tâm tình người Thái. Hai câu chuyện kết thúc thật bi thảm, làm cho tính cách và nội dung câu chuyện thêm nhiều ấn tượng khó quên.

Trong *Tiếng hát phong tục* của người Hmông, một dân tộc đã trải qua một số phận với một lịch sử khổ đau đầy máu và nước mắt. *Nếu Tiếng hát cưới xin*

nhằm giới thiệu cùng bạn đọc một phong tục đầy tính gia trưởng, cha mẹ cưỡng ép việc gả chồng cho con, cho dù con còn nhỏ, nhưng qua đó lại biết được khá đầy đủ phong tục cưới xin của một dân tộc trên rẻo cao còn đang gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống, thời *Tiếng hát làm dâu* lại muốn người đọc suy ngẫm những tiếng kêu não lòng của những người phụ nữ bất hạnh của một chế độ gia trưởng ngặt nghèo, thể xác bị dập vùi, tình cảm bị chà đạp, chỉ biết trách phận than thân vào những câu thơ tự thán hoặc đồng cảm với những người cùng cảnh. *Tiếng hát mồ côi* còn não lòng hơn. Những trẻ mồ côi hát lên cho vơi bớt nỗi đau riêng, cho người nghe động lòng trắc ẩn, và cũng là nói lên nỗi khổ của một dân tộc đói nghèo trong xã hội xưa kia thiếu đạo lý, đầy gian truân... *Tiếng hát đưa ma* kể lại một cách hoang đường nguồn gốc con người và vũ trụ.

Đến cuối tập 41 người đọc làm quen với một dân tộc có nhiều ảnh hưởng văn hoá Trung Hoa và Việt Nam. Chính nhờ vậy, chữ Nôm Tày ra đời, dẫn đến việc xuất hiện nhiều tác giả như *Bế Văn Phủng, Nông Quỳnh Văn*, tương truyền sống từ đời nhà Mạc khi dời đô lên Cao Bằng, khoảng cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII.

Người đọc thấy ở thơ Quản Nhạc (biệt của Bế Văn Phủng) và Nông Quỳnh Văn một văn phong khác hẳn với văn hoá Thái, Mường, với nhiều điển tích cổ Trung Hoa, pha lẫn của Việt và của Tày được hiểu theo tri thức đương thời. Thơ hai người này được truyền tụng khá rộng rãi, phản ánh một thời kỳ xã hội loạn ly, một tâm trạng nhà nho bi quan, hoài nghi, ra làm quan hay ẩn dật, vui thú với thiên nhiên; nhưng đều có băn khoăn đến vận nước, vận nhà. *Tổng tập* giới thiệu tập *Tam nguyên* của Quản Nhạc, ý nói cuộc đời xoay vần khi hưng thịnh, lúc suy vong. Tập *Vịnh bốn mùa* của Quỳnh Văn ý cũng nói như trên. Lời lẽ có chỗ khó hiểu, điển cố có chỗ không rõ ràng, văn phong theo thể thất ngôn, ý tứ có chỗ dịch khó thoát. Âu là vì tam sao thất bản hay cũng là vì bắt đầu hội nhập một văn hoá ngoại sinh mang tính bác học cao vào xã hội Tày. Giá trị văn thơ hai ông được coi là những viên gạch đầu để xây dựng nên hai thể loại *Pụt* và *Then*[1], tuy tính quần

---

1. Tương truyền, trong nhân dân, hai ông là người sáng tạo nên hai thể loại thơ này: thơ phong tục lễ, thức. Điều đó chưa có chứng cứ chắc chắn nhưng với thời Mạc, trí thức Tày được tiếp thu nhiều ảnh hưởng xuôi, ngược. Nên có thể hai ông đã có công nâng giá trị hai thể loại thơ truyền thống này lên một trình độ cao hơn.

chúng thể hiện ở hai thể loại này có rõ rệt hơn hai tập thơ được giới thiệu, đồng thời cũng tạo nên những nhà thơ tên tuổi về sau, đặc biệt đáng kể là Hoàng Đức Hậu. Dựa theo hai hướng đó, *Tổng tập* giới thiệu một tập thơ *Pụt: Vượt biển* và một tập thơ *Then: Bách điểu* để độc giả so sánh: *Vượt biển* mượn cảnh cơ cực của những người lái đò phải đưa các quan Nhà Trời qua biển ngăn cách trần gian và thế giới thần linh để kêu than về một xã hội bất công, ở đấy thân phận con người không có lối thoát. *Bách điểu*, ngược lại, kể chuyện các loài chim lên trời xin Ngọc Hoàng chức tước, tranh nhau kể công. *Pụt* ảnh hưởng Phật nhiều, Then lại lấy Đạo giáo làm gốc. Những người hành nghề mượn cái bài thơ đầy tính nhân văn, tính đời, để làm cho buổi cầu cúng được hấp dẫn. Nên chi trong kho tàng *Then, Pụt*, ngoài những điển cố rút ra từ những tác phẩm gần gũi, quen thuộc, ta thấy một hành văn bình dân hơn.

Luồng thơ văn thứ hai không đi vào hướng phục vụ tín ngưỡng, tạo nên những tác phẩm Nôm Tày thành văn khuyết danh, ở đây chọn *Nam Kim - Thị Đan, Đính Quân, Lưu Đài - Hán Xuân*. Cấu kết truyện *Nam Kim - Thị Đan* ít điển cố, kết thúc bi thảm, giữ được tính chất Tày hơn, giống như các truyện cùng thể loại ở người Thái Tây Bắc và Mường. Ngược lại, hai truyện kia lại kết thúc có hậu, nhiều sự tích, nhân vật có những pháp thuật cao cường, ảnh hưởng nhiều của Đạo giáo, lại lấy hoàn cảnh các triều đại Trung Hoa. Ở đây cũng cho ta thấy được hai xu hướng trong văn học khuyết danh Tày.

Nổi lên vào đầu thế kỷ XX trước Cách mạng tháng Tám, nhà thơ Hoàng Đức Hậu với một tiểu sử rõ ràng. Thuở nhỏ nhà thơ theo Nho học, đi nhiều, biết rộng, dùng ngòi bút để tả cảnh đồng ruộng thôn dã, dốc bầu tâm sự cùng thời cuộc. Những bài thơ thường làm theo Đường luật, được nhân dân mến mộ. Sau Cách mạng, thơ được giới thiệu nhiều lần, đáng chú ý là tập thơ của Nhà xuất bản Việt Bắc năm 1974, đề tài đa dạng nói lên mối tình với quê hương, bộc lộ sự phản ứng gay gắt với kiếp người nô lệ.

Mở đầu cho tập tiếp theo là *Những khúc ca đám cưới* ở Lạng Sơn, Cao Bằng do *Nguyễn Văn Huyên* sưu tập có một giá trị văn chương bác học được diễn đạt theo thông lệ của những đám cưới trong một vùng. Có thể coi đó là một tác phẩm

dân ca được nâng cao và chuẩn hoá. Đặc biệt là dịch bản đã tỏ ra có sự đầu tư thoả đáng, không làm thương tổn đến giá trị ban đầu của tác phẩm. Sau đó mời độc giả tiếp cận với những áng thơ ca của các dân tộc khác ở miền núi và ít nhiều với thơ Chăm và Khơme ở Miền Nam[1].

Đáng lưu ý, những tập thơ sưu tầm được của dân tộc Lô Lô, Dao, Pu Péo, Chăm... Tập thơ gọi là *Dân ca* của dân tộc Lô Lô thực chất đã vượt xa tính dân gian như tác giả đặt tên. Đó có thể coi như một thứ kịch thơ đơn giản đầy lý thú với những nhân vật trình bày một chủ đề đời thường hay huyền thoại. Ở đây, thơ người Dao được trích trong truyện *Bàn Hồ* (Trời đất - Con người và Bài ca một ngày) hay *Bài ca can chi* cho thấy bản sắc của một cư dân có văn tự từ lâu, ảnh hưởng của văn hoá Trung Hoa. Dân tộc Pu Péo nhỏ bé giới thiệu một tập thơ về nguồn gốc huyền thoại của hai cây lương thực chủ yếu, một có tính bản địa (lúa), một mới du nhập từ ngoài (ngô). Dân tộc Giáy giới thiệu bài *Hát đạo lý* với một mong ước để dạy con cháu cách sống, ứng xử trong xã hội, ở đây rõ ràng là xã hội xưa, nhưng có điều ngày nay còn có ích. Tập *Truyện thơ Chăm* chắc chưa hẳn là tiêu biểu, cho ta thấy được ảnh hưởng của các truyện Ấn Độ và xa hơn, nhưng đã được địa phương hoá. Thơ kết cấu theo từng câu dài, có thể coi như một thứ kể truyện bằng văn vần. Nội dung ly kỳ, bênh vực điều Thiện, chống lại cái ác, nhưng có lúc cái Ác còn thắng cái Thiện. Tập thơ *Hội kín về sen hồng nở* của người Khơ-me miêu tả một hiện tượng gần đây, Đảng về, hy vọng đến.

Phần thơ của nhiều dân tộc được tuyển trong *Hợp tuyển Văn học dân tộc thiểu số*, Hà Nội, 1962, giới thiệu những bài thơ khuyết danh, hay đã có tác giả, đó là tiếng thở dài, nỗi căm phẫn của người dân nô lệ, tiếng khóc thương tiếc người anh hùng trách than số phận, thương sót kẻ lầm đường theo giặc, nói lên nỗi khát vọng, lòng quyết tâm giành lại cuộc sống, thậm chí tham gia hội kín chống giặc ngoại xâm. Bên cạnh các dân tộc dân số đông, trong tập thơ ta thấy có thơ của các dân tộc La Ha, Kháng, Khơmú, Kơtu, Hrê, Xơđăng, Bana, Mnông, Mạ, Kơtu. Đáng lưu ý là đã xuất hiện các tác giả của các dân tộc dân số ít, có giá

---

1. Rất tiếc, những tác phẩm của hai dân tộc Chăm và Khơme sưu tập không tương xứng với vị trí của dân tộc. Điều đó cũng là tình trạng như của một số dân tộc khác. Đó là một hạn chế cần bổ sung. Thơ văn Khơ-me ở Nam Bộ có tính thuần địa phương lại chưa sưu tập được nhiều.

trị như Lò Thị So (La Ha), Hà Sinh Háy (Khơmú), hay các tác giả như Cầm Biêu (Thái), Bàn Tài Đoàn (Dao) sau 1945 đã trở thành những nhà thơ có tên tuổi trong làng thơ Việt Nam.

*

Do yêu cầu của bộ *Tổng tập*, những chú thích được giảm đến mức tối đa, trừ một số rất cần thiết. Vì vậy, mỗi tác phẩm hay cụm tiểu phẩm đều được Ban Biên soạn phân công giới thiệu ngắn gọn. Ban Biên soạn không làm công việc nghiên cứu văn bản, chỉ chọn lựa những văn bản tiêu biểu và giới thiệu, nhằm nêu lên một giai đoạn sưu tập văn học các dân tộc thiểu số tạm kết thúc vào giữa thập kỷ cuối cùng của thế kỷ XX. Việc nghiên cứu, phân tích xin để dành cho các tác giả chuyên khảo. Độc giả có thể tìm hiểu ở những văn bản gốc đã được xuất bản, một số ít sẽ được ra mắt độc giả trong thời gian sắp tới.

Cuối cùng, một lần nữa, nhóm Biên soạn cần xin lỗi độc giả, nhất là các độc giả thuộc các dân tộc thiểu số, vì chưa có điều kiện để giới thiệu các tác phẩm bằng tiếng mẹ đẻ. Vì vậy, giá trị tác phẩm sẽ giảm đi tính hấp dẫn, sâu sắc của nó, nhất là về phần văn ngôn, đó là không kể trường hợp rất có thể, tuy không nhiều, đôi chỗ dịch phẩm phản ánh lệch lạc hoặc đảo ngược với bản gốc mà sự đánh giá vượt ra ngoài khả năng của chúng tôi.

Hà Nội, Tháng 8 năm 1995

TM. NHÓM BIÊN SOẠN

GS. ĐẶNG NGHIÊM VẠN

DÂN TỘC TÀY

PÚ LƯƠNG QUÂN

Truyện này tồn tại ở các vùng Tày với nhiều tên khác nhau, ở Bắc Cạn, Tuyên Quang gọi là Tài Ngào (Khổng Lồ); ở Cao Bằng gọi là Báo luông sao cải (Trai to, gái lớn) hoặc Pú luông dả cải (Ông to, bà lớn). Nhưng các nơi khác đều gọi chung với nghĩa tôn kính: Pú Lương Quân (Ông Lương Quân), Từ lâu, truyện này được dân gian kể như một truyền thuyết nói về sự ra đời của người Tày. Trong truyện lấy những sự kiện, tên đất ở vùng Đông Bắc, đặc biệt là vùng Cao Bằng làm chính. Do đó, chúng tôi tuyển truyện này theo bản dịch kể của hai ông Lã Văn Lô và Lê Bình Sự trên tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 65-1964.

LỤC VĂN PẢO

Từ ngày xưa lâu lắm, không biết mấy vạn năm, khi đó mới khai thiên lập địa, cây cỏ mới mọc lên, vạn vật cũng xuất hiện. Loài người mới sinh ra trên trái đất. Dáng người vừa lớn vừa cao, thân cao như cây lai, tay to bằng cành trám, bước đi nửa dặm, đi đâu cũng nhanh nhẹn lạ thường. Thời đó ở vùng này (tức vùng Cao Bằng) trời mới sinh ra hai người: một gái, tên là Sao Cải, người rất cao thân hình to lớn đầy đặn. Một trai tên là Báo Luông, người cũng to lớn, mặt hồng hào. Hai người đều ở trần truồng, lông lá đầy mình. Khi rét họ lấy da thú che thân, không quần áo, không nhà cửa, tối đâu họ ngủ đấy. Tối thì ngủ gốc cây, tối thì ngủ kẽ đá mà thường là ngủ hang động. Họ đi lang thang khắp nơi, không có chỗ ở ổn định. Ngày ngày họ vào rừng săn bắt thú muông để nuôi thân sống qua ngày tháng. Ăn thì ăn sống nuốt tươi cả lông lẫn máu. Họ lột da những con thú to để làm áo che thân khi rét mướt, còn những con nhỏ họ ăn hết cả da lẫn thịt. Khi săn họ dùng khúc cây hay

cục đá để đập hay ném chết hươu nai. Sau họ dùng đá sắc đẽo cây nhọn làm giáo để đâm chết muông thú.

Một hôm, Sao Cải đi từ Nậm Quét[1] ra Yên Sơn đuổi nai thì gặp Báo Luông đang săn cáo ở đó. Hai nam nữ vừa tuổi mười tám đôi mươi, không hẹn mà gặp, liền cùng nhau kết nghĩa vợ chồng rồi cùng đến ở hang Ngườm Ngả. Báo Luông từ khi có vợ, người càng xinh trai thêm, càng chăm chỉ săn bắt. Sao Cải từ khi có chồng người cũng tươi đẹp vui vẻ thêm, khác với khi sống cô đơn lạnh lẽo. Nay chị đã có chồng, đi đâu đôi lứa có nhau, có người bên cạnh giúp đỡ, yêu thương nên không còn lo ngại điều gì nữa. Thời gian qua nhanh chóng từ khi Báo Luông, Sao Cải lấy nhau, chẳng mấy chốc mười hai xuân đã trôi qua. Sao Cải đã sinh đẻ sáu lứa con, mỗi lứa bốn năm đứa. Hai vợ chồng mừng thầm thấy bầy con hơn hai mươi trai gái, đứa nào cũng béo mập, xinh xắn, ngày ngày tíu tít nô đùa, chạy nhảy đuổi nhau ở trong rừng. Nhưng lúc đó vẫn chưa có chỗ ở ổn định, con cái ngày theo cha mẹ đi săn bắt, tối đâu là ngủ đó. Nhất là những hôm mưa nắng, trẻ con đi lại rất khó khăn. Một hôm trời đã tối, Báo Luông mới bắt được hai con sơn dương, thịt chưa đủ để lũ con ăn, cha mẹ đành nhịn đói. Đêm đó cả nhà ngủ ở một kẽ đá, mưa xuống mọi người ướt như chuột lột. Sao Cải nghĩ thương đàn con nhỏ rét cóng kêu khóc rầu rĩ. Hai vợ chồng liền bàn nhau tìm một bãi phẳng trên núi Khâu Luông có bụi sấu um tùm, cành lá dầy đặc đủ để che mưa nắng rồi đưa đàn con đến đó để chúng tha hồ mà đùa nghịch trèo nhẩy, đứa lớn trông nom đứa bé. Còn cha mẹ thì đi săn ngày hai buổi mang thịt muông thú đến cho con ăn, tối thì về ngủ với con cái.

Ngày tháng qua vùn vụt, không mấy chốc lại mười năm qua, Sao Cải đẻ thêm năm con nữa, thế là cả thảy có 50 trai gái, lớn lên như thổi. Một hôm, trời nắng gắt rồi tối sầm lại một góc trời, cơn mưa bão ầm ầm đổ đến. Đàn con ở một mình sợ nhớn nhác, chạy tán loạn, bỗng ầm một tiếng sét đánh, cây móc bị chẻ ra làm đôi, lửa cháy sáng rực, mặc dầu đang trong cơn mưa to. Mưa vừa tạnh, Báo Luông, Sao Cải cũng vừa chạy đến chỗ đàn con trú ẩn. Báo Luông mồm huýt một tiếng sáo, đàn

1. Các địa điểm trong bài đều ở vùng Cao Bằng xin không ghi, nếu cần, người đọc tham khảo ở bản chính.

con đâu đấy lại tụ tập đông đủ dưới gốc sấu để đón mừng cha mẹ sau khi đã trải qua một cơn mưa kinh khủng. Ở gốc cây móc vừa bị sét đánh, khói vẫn bốc nghi ngút. Báo Luông đến xem thì thấy lửa vẫn cháy, than đỏ rực và nhìn kĩ thì thấy hai con cắc kè chết cháy bị thui vàng ở đó. Anh cầm lấy xé một miếng ăn thử thì thấy rất thơm ngon, liền đem về cho vợ con nếm thử, mọi người đều khen ngon, rất lấy làm thích thú được ăn của chín. Mọi người liền kéo ra xem cây móc đang bốc cháy. Sao Cải lấy con gà rừng mới bắt được đem nướng vàng lên cho mọi người ăn thì thấy thơm ngon lạ thường. Cả nhà rủ nhau lấy cây khô chất vào gốc móc cho bén lửa để đem về nhà dùng cho tiện. Từ đó Sao Cải được cử ở nhà giữ lửa. Chị lấy cây khô đốt cháy âm ỉ, vùi tro lên để giữ được lửa mãi. Hồi đó, những lứa con đẻ đầu thì đã lớn, có thể theo bố lên rừng săn bắt để đem thịt muông thú về nuôi gia đình. Những muông thú săn bắt được Sao Cải lột lông da để làm quần áo che thân, còn thịt thì xé mỏng ra đem sấy nướng để phân phối cho mọi người trong gia đình. Từ đó Báo Luông và Sao Cải đã biết dùng lửa để nướng chín thịt ăn.

Rồi hai mươi năm trôi qua, râu Báo Luông đã dài, mặt Sao cải cũng đã bắt đầu có những nếp nhăn. Chị sinh hạ được chín lứa con nữa, thế là cả thảy có 100 trai gái. Những lứa con lớn thì đã tự đi vào rừng săn bắt muông thú được. Những lứa con út tuy còn nhỏ tuổi nhưng đứa nào cũng khoẻ mạnh cứng cáp. Một hôm về mùa hạ, mưa xuống như trút nước, Báo Luông đi săn về không bắt được một con thú nào cả. Hôm đó, mọi người phải nhịn đói. Thương hại nhất là đàn con nhỏ đói bụng kêu khóc vang cả một khu rừng. Sao Cải thương con suốt đêm trằn trọc không ngủ được. Chị nói với chồng: "Tôi nghĩ nghề săn bắt, tuy lắm lúc kiếm ăn cũng dễ dàng, nhưng không thể lâu bền được. Muông thú ngày càng ít đi thì sau này lấy gì mà sinh sống. Cho nên cần phải biết lo xa, tìm kiếm một thứ cây gì có thể nuôi sống con người, phòng khi săn bắt không được muông thú". Báo Luông cho vợ nói rất phải: "Đúng đấy, việc săn bắt rất bấp bênh, muốn có thức ăn đều đặn cần phải tìm kiếm một thứ cây gì có thể nuôi sống con người". Sao Cải nói: "Tôi thấy ở bờ sông có thứ cỏ xanh có hạt nhân trắng. Tôi ăn thử hạt nhân thì thấy có thể ăn được". Nói xong Sao Cải liền chạy xuống bờ sông hái lấy thứ cỏ xanh đó đem cấy xuống bùn được bảy ngày thì thấy nó mọc xanh tươi, ba tháng thì có đòng đòng và mấy tháng sau biến thành những bông lúa vàng chắc nịch.

Người ta cắt những bông lúa đó đem về hơ lửa bóc vỏ rồi đưa vào mồm nhai thì thấy nó rất thơm ngon. Nhưng Báo Luông thấy hạt hơi dai khó nhấm liền đem vùi bông lúa vào tro nóng thì thấy nó nổ trắng xoá như hạt bông, đem ăn càng thấy ngon bùi. Thấy thứ cỏ này có thể nuôi sống con người, không kém gì thịt muông thú, hai vợ chồng Báo Luông rất vui mừng, đặt tên nó là "Co khẩu", tức là cây lúa[1] và đem nó trồng ở một bãi phẳng trên bờ suối, hằng ngày đem nước tưới thì thấy lúa mọc rất mau chóng. Từ đó, bầy con hằng ngày đi theo mẹ kiếm lúa giống để trồng thêm. Lúc đầu còn trồng ở bãi thấp có thể khơi mương để nước chảy vào, sau phát dần dần những chỗ cao hơn để biến thành ruộng, đắp bờ để giữ nước. Những thửa ruộng hình thành từ đó. Năm đó hai vợ chồng Báo Luông cấy được mấy đống thóc khô có thể nuôi sống gia đình trong hai tháng. Lúc đó người ta vừa lo việc cấy lúa lại vừa đi săn bắt. Báo Luông nhận thấy cách làm đó không hợp lí vì nếu người ta chỉ chuyên về cấy lúa thì không có thì giờ đi săn bắt để kiếm thêm thức ăn. Nghĩ như vậy, Báo Luông liền bàn với vợ chia gia đình thành hai nhóm. Một nhóm chuyên đi săn bắt, do con cả đứng đầu. Một nhóm chuyên làm ruộng do Báo Luông cai quản. Tuy nhiên, mỗi khi cần thiết, các nhóm vẫn phải giúp đỡ lẫn nhau, khi xong việc, nhóm nào lại chuyên việc đó. Còn Sao Cải thì ở nhà trông nom các con nhỏ, ngày làm hai bữa ăn, kiếm củi để nướng thịt, sấy da muông thú để làm quần áo che thân khi rét mướt.

Phân công đâu đấy thì vừa bước sang xuân, mùa trồng trọt bắt đầu, Báo Luông cùng đàn con, người thì đi lấy đá sắc để đẽo cây nhọn đào đất, hoặc để chặt cây phá rừng cho dễ dàng. Người thì phát cây cỏ chất đống lại đem đốt lên, rồi dùng cây nhọn chọc đất gieo lúa. Người ta trồng lúa trên những bãi thấp có thể tưới nước dễ dàng, đồng thời trồng cả trên những bãi cao, đắp suối để cho nước chảy vào. Năm đó cả vùng lân cận đều trồng lúa, trông xanh rờn khắp chân núi thung lũng. Đó là những cánh đồng Nà Loòng, Nà Đuốc, Nà Thoong, Nà Niền, Thác Tháy. Rồi năm này qua năm khác, số ruộng nương khai phá ngày càng nhiều ở hai ven sông Bằng Giang cho tới mãi Tả Cáp. Lúa chín vàng khắp nơi. Đó là những cánh đồng Tổng Pá, Ảng Giàng, Nà Vinh, Phai Chang.

1. Co khẩu tức là cây lúa. Khẩu: tiếng Tày còn có nghĩa là "vào", thứ ăn vào mồm.

Cách nấu nướng lúc đó còn rất thô sơ. Người ta chỉ biết bỏ hột thóc vào tro nóng để nó nổ thành hạt bỏng rồi nhặt đem ăn. Sao Cải nghĩ cách tước vỏ hạt thóc để lấy hạt nhân ăn cho dễ dàng. Sao Cải đem thóc đổ xuống một hốc đá, dùng cây giã nát vỏ hạt thóc rồi đem nước rửa để trấu chảy đi, còn hạt gạo thì lắng xuống. Sau đó, Sao Cải đào một hố xuống đất, lấy lá chuối lót, đổ gạo và tưới nước vào, rồi lại lấy lá chuối che kín đi, đun lửa lên trên. Khi mở ra thì gạo chín, mùi thơm phức, ăn vừa mềm vừa ngon, bữa ăn lại nhanh hơn là cách vừa ăn vừa nướng thóc bỏng. Cả nhà đều cười vui sung sướng. Cái hốc đá đổ thóc vào để giã đó gọi là "độc", tức là chiếc cối và cái cây để giã gạo đó gọi là "sác", tức là chiếc vồ. Nơi Sao Cải nghĩ ra cách giã gạo đầu tiên đó ngày nay gọi là "Dộc Săm". Việc hấp cơm trong lá chuối gọi là "Cươm Khẩu" tức là nấu cơm. Còn nơi nấu cơm đó ngày nay gọi là Nà Nỏ.

Từ đó, gia đình Báo Luông lại càng hăng say khai phá thêm nhiều ruộng nương ở hai bên tả hữu ngạn sông Bằng Giang, xuống đến tận sông Măng Giang. Nhưng ruộng nương càng khai phá thêm nhiều, thì càng thiếu người làm. Cha con Báo Luông phải trần lực làm suốt mấy tháng trời mới cấy xong đồng ruộng, nếu cấy chậm thì lúa dễ bị hỏng. Báo Luông đứng trước nhiều vấn đề nan giải. Cho đến nay, cứ mỗi lần phát cỏ cây xong chất đống đốt đi rồi dùng cây nhọn đào đất gieo hạt là lúa mọc lên. Năm đầu lúa mọc ùn lên, không sao làm cỏ xuể. Báo Luông nghĩ cách chế một thứ công cụ mới để đào đất, dùng nước khuấy đất cho sục bùn rồi mới gieo thóc giống thì chắc chắn lúa sẽ mọc tốt hơn. Anh liền vào rừng chặt một cây "lim" nặng[1] đem đẽo nhọn một đầu đi, buộc dây vào rồi vắt lên vai cho mấy người kéo để cày đất lên. Sau đó lại lấy một khúc gỗ có nhiều mắt cho kéo làm cho đất nhỏ đi rồi mới gieo thóc giống thì quả nhiên lúa mọc rất tốt. Nhưng vì lúa mọc dày quá nên thu hoạch kém. Báo Luông lại nghĩ cách làm khác: lần này, trước khi gieo đã đem thóc giống ngâm nước mọc mầm rồi mới đem gieo ở một chỗ. Sau một tháng lúa mọc xanh tươi, lại đem nhổ đi cấy ở những thửa ruộng đã cày bừa kĩ, làm sao cho nước không lìa gốc lúa. Khi có cỏ dại mọc lên thì nhổ đi ngay. Từ nay, Báo Luông y cách đó mà làm. Tuy việc làm có chậm

1. "Lim ": một thứ gỗ đen thường gọi là "lim cóc" (lim sừng) rất nặng mà đồng bào Tày thường dùng để đẽo cày.

hơn, nhưng lúa thu hoạch được nhiều, hạt rất chắc. Chiếc cây vót nhọn để cày đất gọi là "thay" tức là cái cày. Còn khúc cây nhiều mắt dùng để bừa nhỏ đất gọi là "phưa", tức là cái bừa. Nơi ngâm thóc giống đó ngày nay gọi là Vò Má, và nơi gieo mạ gọi là Phiêng Pha. Cây lúa mới mọc lên rồi nhổ đem cấy gọi là "chả" tức cây mạ.

Khi mạ đang mọc lên tươi tốt ở bãi Phiêng Pha thì có một đàn trâu rừng đến phá. Báo Luông đang đi lấy củi về đến làng Kẻ Ngả nhìn thấy trâu rừng đang ăn mạ liền đặt gánh củi xuống bên sông, tay cầm đá ném đuổi trâu rừng, không ngờ hòn đá lại rơi xuống Tĩnh Túc làm cho núi đá lún xuống thành vùng mỏ Tĩnh Túc ngày nay. Báo Luông bỏ gánh củi ở đó về nhà. Hai bó củi của anh sau biến thành hai quả núi đá, một quả ở Tổng Ngà, một quả ở Cốc Lải, ở hai bên bờ sông Dề Lào.

Đã hai mươi năm qua, kể từ khi Báo Luông bắt đầu trồng trọt để lấy thóc gạo, ruộng nương được khai phá khắp nơi. Nơi nào bằng phẳng Báo Luông đều biến thành đồng ruộng. Cả gia đình Báo Luông vừa làm ruộng vừa săn bắt để kiếm thêm thức ăn. Anh thấy việc làm lụng quá vất vả: con người vừa phá rừng chặt cây khai phá thành ruộng, vừa kéo cày bừa, cấy lúa, tốn công sức rất nhiều. Lại những khi bị đau yếu, lấy sức người đâu mà làm việc. Báo Luông ngày đêm lo nghĩ đến héo ruột gan. Sau anh nghĩ được một kế và bàn với vợ: "Ta thấy trong rừng có nhiều giống muông thú có thể thay người kéo cày bừa. Ta nên bắt lấy chúng đem về nuôi để làm việc thay người. Và như vậy công việc đồng áng sẽ dễ dàng hơn". Sao Cải cho lời chồng rất hay và khuyên nên làm ngay việc đó. Báo Luông liền đi lên rừng tìm muông thú. Anh đi đến vùng Thin Tảng bắt được mấy thớt voi đem về nhốt ở khe Gáp Dạng để nuôi dạy. Anh lại đi lên núi Phia Tháng bắt mấy chục trâu rừng đem nhốt ở Nà Vài và đuổi đi chăn ở Lùng Vài. Sau đó anh đi Nóc Mò, một vùng luôn luôn bị hạn hán, bắt được mấy chục bò rừng đem về nhốt ở Mà Vò. Trâu bò rừng bắt được đem xâu mũi, buộc sừng nhốt vào một nơi để nuôi dạy dần. Sau ba tháng nuôi dạy, súc vật dần dần quen với người, có thể kéo cày bừa được. Báo Luông nghĩ cách làm lại cày bừa để đào xới đất được tốt hơn. Rồi anh dùng voi đi cày ở các cánh đồng Tổng Quảng, Tổng Sảng, Nà Luổng, Nà Lự, Thác Tháy, Tổng Pá, Nà Lòng, Bản Sẩy. Cha con Báo Luông cày cấy trong ba tháng mới xong. Từ khi có súc vật

làm việc giúp người ruộng đất ngày càng tốt, thóc lúa thu hoạch ngày càng nhiều. Thóc lúa gặt về xếp đầy đống, có nơi chất thành núi không có gì che mưa nắng, nên thóc lúa mục đi đã biến thành núi Khau Khấu.

Từ khi ruộng đất trở nên màu mỡ hơn, thóc lúa thu hoạch thừa thãi đến nỗi để mục thành núi, Báo Luông nảy ra một ý nghĩ mới. Anh thấy số thóc thừa có thể đem nuôi súc vật để ăn thịt và cũng đã lâu việc săn bắt không thể nào cung cấp được thịt ăn đều, vì số muông thú ngày càng hiếm dần. Anh thấy trên rừng có nhiều giống gà rừng, vịt, ngan, ngỗng trời, lợn cỏ có thể bắt đem nuôi được. Báo Luông liền vào rừng bắt được mấy chục gà rừng đem về nhốt nuôi ở núi Rằng Cáy. Gà được ăn thóc, con nào cũng béo mượt lông, lâu dần ở quen không thể rời bỏ người được nữa. Chúng sinh sản rất nhanh chóng. Báo Luông lại bắt thêm vịt, ngan, ngỗng trời về nuôi. Vịt lúc đầu đem nuôi ở núi Lậu Pất. Sau đó, Báo Luông lại vào rừng Đông Giào, bắt lợn cỏ về nuôi ở Chông Mu. Thấy nuôi lợn tốn rất nhiều cơm gạo, anh trồng khoai ở Mà Bon để lấy dọc chăn lợn. Lợn sinh sản ngày càng nhiều, không sao nấu cám lợn cho xuể. Báo Luông liền chọn một gò đá lớn rồi thái dọc khoai bỏ vào chỗ trũng, đổ nước vào, đun lửa chân gò đá để làm cho chảo cám lợn sôi lên. Nhờ cách đó, cám lợn nấu được nhiều, lợn nuôi rất béo tốt. Chỗ nấu cám lợn đó gọi là "béc mu" tức là chảo lợc. Còn cái gò lõm đó ngày nay gọi là núi Vò Héc. Ở chân gò có giếng nước mạch. Mỗi khi thiếu thức ăn Báo Luông thường thịt lợn ăn. Anh đem lợn đến làm lông, moi ruột ở con suối làng bản Sẩy.

Một đêm đông mưa dầm gió bấc, trời tối như mực, một con hổ lớn đến bắt lợn ở Chông Mu vác lên núi. Nghe tiếng lợn kêu, Báo Luông thức giấc liền vác giáo đuổi theo đến núi Khau Sửa thì đuổi kịp hổ. Con thú dữ thấy người liền trừng mắt nhe nanh vuốt để doạ. Báo Luông không hề sợ sệt nao núng liền nhảy xổ vào đâm con cọp. Cọp nhảy tránh sang một bên, Báo Luông đâm không trúng, ngọn giáo đâm quá mạnh cắm sâu xuống đất rút mãi không ra. Cọp thừa thế nhảy đến vồ. Báo Luông nhanh tay nắm chặt hai cẳng trước của nó rồi hai bên xô đi đẩy lại hồi lâu. Báo Luông dùng chân đá vào mạng mỡ cọp. Con thú

dữ hộc máu ra, kiệt sức dần rồi lăn ra chết. Anh giành lại được con lợn đem về nhà.

Nhân việc hổ bắt lợn, Báo Luông nghĩ nên tìm một giống vật để đêm hôm giúp người coi nhà, canh giữ gia súc. Anh liền lên núi Khau Han bắt mấy con chó rừng về nuôi dạy ở núi Khau Ma. Giống chó thuần dưỡng rất dễ dàng, chỉ trong hai tháng là có thể giúp người coi nhà, săn đuổi nai hoẵng được. Nhưng mọi khi đi săn, con người phải đuổi các giống muông thú băng qua rừng qua núi, chỗ thấp chỗ cao, cần có một giống vật để cưỡi thì đuổi được nhanh chóng, bắt được muông thú dễ dàng. Báo Luông lên núi Phia Ma bắt giống ngựa rừng đốm đen đốm trắng về nuôi dạy ở Mà Mạ, bản Ngần. Đàn ngựa tập quen dần, con nào cũng béo tốt, cưỡi đi rừng đi núi rất tiện. Báo Luông lại thấy kho thóc ở Lùng Vạ tối nào cũng có hàng đàn chuột đến phá, thóc lúa bị mất mát rất nhiều, anh thấy trên núi đá Mèo Vạc có giống cáo chuyên bắt chuột ăn, liền đến đó bắt mấy con về nuôi sau trở thành giống mèo ngày nay. Chuột thấy mèo rất hoảng sợ chạy dần hết về phía Nà Nu. Báo Luông lại thấy ở trên đèo Gạm Bẻ có giống hoẵng lông lốm đốm đen trắng sinh sản rất nhanh chóng, đem nuôi tất có lợi. Chàng liền bắt giống hoẵng đó về nuôi, sau trở thành giống dê ngày nay. Đàn dê của Báo Luông thường đem chăn ở núi Vò Bẻ. Ngày thường Báo Luông không những đi săn, anh còn xuống sông, suối kiếm cá để có thêm thức ăn. Để mỗi khi cần dùng đến bắt cho tiện, anh đem cá về nuôi ở ao Thâm Lấm.

Thời đó các thứ rau cỏ, hoa quả trong rừng có thể ăn được hiếm dần đi do việc phá rừng vỡ ruộng. Báo Luông vào rừng tìm kiếm các giống rau cỏ, hoa quả để trồng thêm, anh đã trồng rau ở Khuổi Phíăc, trồng khoai ở núi Khau. Phải để lấy bông kéo sợi dệt vải mặc. Anh lại trồng trám ở Pò Bẩy, trồng mít ở Đóc Mị, trồng cam ở Pác Cam và đi Cốc Pàng lấy giống bưởi về trồng ở Roỏng Vàng.

Công việc trồng trọt chăn nuôi đã tạm ổn định. Báo Luông thấy nếu gia đình cứ ở núi Khau Luông mãi sẽ có nhiều điều bất tiện. Nhất là ruộng nương ngày càng khai phá thêm ở xa dần chỗ ở, việc đi lại làm ăn gặp nhiều khó khăn. Anh liền quyết định di cả nhà xuống bản Vạn, nơi này rộng rãi bằng phẳng hơn, gần ruộng nương hơn, việc đi lại làm ăn dễ

dàng hơn. Anh vào rừng Đông Viào lấy gỗ để dựng nhà và ra bãi Pá Gà cắt gianh để lợp. Từ đó, nơi ăn chốn ở được ổn định.

Lúc này Báo Luông, Sao Cải tuổi đã cao. Từ khi hai người kết duyên với nhau ở rừng Yên Sơn bốn năm chục năm đã trôi qua. Hai vợ chồng lúc nào cũng yêu nhau thắm thiết, làm ăn sớm tối có nhau, việc gì cũng cùng nhau bàn bạc, từ việc săn bắt, trồng trọt, chăn nuôi cho đến việc nuôi dạy con cái. Nay công việc mọi bề đã yên hai vợ chồng già bàn đến việc xây dựng tương lai cho con cái và làm ăn về sau này. Từ khi lấy Báo Luông, Sao Cải đã sinh đẻ đến hai mươi lứa con, trung bình mỗi lần năm đứa, tính chẵn có một trăm trai gái, người nào cũng to béo khoẻ mạnh, cũng xinh trai đẹp gái và đều có tên gọi riêng như Mã, Lê, Lương, Lâm, Tô, Vũ, Trần, Trương, Phạm, Hoàng, Hà, Nông, Bế, Đoạn, Đàm, Đinh, Đào, Lý, v.v... Trăm trai gái lớn như thổi, bữa ăn mấy chục mâm, lớn bé ngồi vào ăn như tằm ăn rỗi.

Báo Luông vui mừng thấy đàn con đông đảo đang khôn lớn, việc làm ăn trong nhà ngày càng có nề nếp, gia đình mọi người được ấm no. Nhưng anh nghĩ băn khoăn cho tương lai của chúng sau này sẽ ra sao. Một đêm, anh bàn với vợ: "Đàn con thì đã lớn, nhưng chưa đứa nào có vợ có chồng, ở đây chỉ có con cái gia đình ta, không một trai gái nào khác. Làm sao xây dựng cho con cái thành vợ thành chồng?". Sao Cải nói: "Ở đây, ngoài gia đình ta, không có một ai. Tốt hơn hết là để cho con cái chúng nó tuỳ từng lứa tuổi thích hợp mà tự chọn lấy nhau làm vợ làm chồng".

Báo Luông nghe theo. Hai vợ chồng liền tập hợp đàn con đủ một trăm trai gái và truyền cho chúng nó có thể tuỳ từng lứa tuổi thích hợp mà tự chọn lấy nhau làm vợ làm chồng.

Từ đó, con cái đã thành gia thất, Báo Luông, Sao Cải thì thành ông thành bà, và cũng từ đó người ta gọi là Pú Luông Già Cải (tức là hai ông bà khổng lồ). Hai ông bà tuy tuổi đã cao, nhưng vẫn mạnh khoẻ, vẫn cùng con cái chăm lo công việc đồng áng. Khi đó, con cháu sinh đẻ ngày một nhiều, chỗ ở lại chật hẹp, ruộng nương nhiều đám ở xa nhà, việc cày bừa gặt hái không thuận tiện. Già Cải bàn với Pú Luông nên phân chia các con đi ở nhiều nơi để làm ăn cho dễ dàng. Đàn con nghe theo lời cha

mẹ, mọi người đều liền tự chọn lấy nơi đi ở riêng. Trước hết Nông, Bế đi Nà Mỏ; Lê đi Chông Mu; Lý, Hà đi Tả Lạn. Rồi đến Trương, Hoàng đi Bản Vạn; Lương, Phạm đi Bản Đon; Dương, Đào đi Nà Toàn; Đàm, Đoạn đi Tản Cọn v, v... Từ đó những làng bản mới mọc lên, con cháu sinh sôi nẩy nở ngày càng nhiều, nhân khẩu tăng lên và cũng từ đó mới phân chia thành các họ Bế, Nông, Lê, Hà v.v. như ngày nay. Truy đến gốc, tất cả đều cùng một ông tổ và bà tổ sinh ra, là Pú Luông và Già Cải.

Pú Luông sống tới hơn một trăm tuổi, lúc nào cũng khoẻ mạnh, vẫn cày bừa, đi săn đánh cá như trai tráng. Nhưng một hôm cụ đi câu cá trở về thì bị cảm và ốm chết. Con cháu đem chôn cụ ở gò Bằng Hà, đằng sau thị trấn Nước Hai (huyện lỵ Hoà An, Cao Bằng). Già Cải sau khi mất cũng được đem chôn cùng một chỗ với chồng.

Đời sau, nhân dân nhớ ơn hai ông bà Pú Luông, Già Cải đã có công sinh ra loài người, khai phá ruộng nương lập nên mường bản, nên lập đền thờ hai ông bà ở bờ ngòi làng Bản Vẹn, gần Nước Hai, tức là đền thờ Pú Luông Quân, mà dân làng thường gọi là đền thờ Thần Nông. Pú Lương Quân đã trở thành Thần Nông để bảo vệ mùa màng, phù hộ cho dân làng làm ăn thịnh vượng.

DÂN TỘC TÀY

CHÍN CHÚA TRANH VUA

Truyền thuyết này phổ biến trong cư dân Tày vùng Cao Bằng. Nội dung, khoảng cuối thời Hùng Vương, ở phía Nam Trung Quốc có một nước tên là Nam Cương, bao gồm miền Tây tỉnh Quảng Tây và cả đất Cao Bằng ngày nay. Thục Chế là cha Thục Phán làm vua nước Nam Cương. Khi Thục Chế chết. Thục Phán còn nhỏ tuổi. Chín chúa đem quân đến vây kinh thành đòi nhường lại ngôi vua. Thục Phán tuy tuổi còn nhỏ nhưng đã tỏ ra thông minh, tài trí. Phán liền thách chín chúa thi tài, ai thắng sẽ được nhường ngôi. Kết quả là các chúa đều thua cuộc nên Thục Phán vẫn giữ ngôi vua của cha. Các chúa đều quy phục. Nước Nam Cương trở nên cường thịnh. Nhân lúc nước láng giềng là Văn Lang suy yếu, Thục Phán đem quân chiếm, thành lập nước Âu Lạc, hiệu là An Dương Vương, đóng đô ở Cổ Loa.

Dựa theo truyền thuyết dân gian, ông Lê Sơn viết thành một trường ca hơn một nghìn câu bằng tiếng Tày. Ông Lã Văn Lô đã dịch ra tiếng Việt theo thể thơ thất ngôn, gieo vần như thơ Tày, và giới thiệu trên Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 5 và 6-1963. Dưới đây là toàn văn bài dịch đó.

LỤC VĂN PẢO

NƯỚC NAM CƯƠNG

Ngày xưa ở đầu sông Tả Giang
Phía Nam nước lân bang Trung Quốc
Có quốc gia Nam Cương hùng cứ
Gồm miền tây cả xứ Quảng Tây
Và cả đất Cao Bằng ngày nay
Có Lạc Vương Thục Chế làm vua
Nam Bình[1] là kinh đô địa cứ
Nam Cương gồm chín xứ hợp thành
Thứ ba, xứ xa xôi Bảo Lạc
Do chúa Nông Quang Thạc trị dân.
Thứ tư, xứ Thạch An Sơn Ngạn,
Do chúa Lý Kim Đán đứng đầu.
Thứ năm, xứ Phục Hoà đồng rộng,
Do chúa Lương Ngọc Tặng cai mường.
Thứ sáu là Thượng Lang đất Cháng[2]
Do chúa Hà Thành Giáng cầm quyền
Thứ bảy là Quảng Nguyên Phia Đán
Do chúa Trương Thiết Vận cầm binh.
Thứ chín là Quy Sơn Thin Tẳng
Do chúa Lục Văn Thắng dẫn đường.
Cả chín xứ nước Nam Cương,
Nhân dân làm ăn chăm chỉ,

1. Tức Cao Bình, huyện lỵ Hoà An, Cao Bằng, các địa danh ở vùng Cao Bằng và xung quanh, xin không chú thích.

2. Đất Cháng tức là đất người Cháng ở Quảng Tây.

Khắp nơi lạc thú an khang
Duy chỉ có đất Quy Sơn,
Có lắm núi cao rừng rậm,
Ít ruộng, dân trồng bắp làm nương,
Năm được mùa mưa hoà gió thuận,
Dân ấm no xiết nỗi vui mừng.
Những năm hạn hán không mưa,
Ruộng nương bỏ đó cầy bừa thì không!
Nhân dân đói khổ,
Cướp bóc lẫn nhau.
Người mường nọ cướp mường kia lấy của,
Làm cho dân đói khổ xiêu tan.
Chúa phải cử các quan đi dụ.
Mở kho lấy thóc lúa cứu dân.
Dân đủ no mới yên trộm cướp.
Có năm dân bị đói gớm ghê,
Người chết sạch, thôn quê vắng ngắt.
Nhiều người bị phiêu bạt phương xa
Ăn xin để sống qua ngày tháng,
Bỏ mường bản, cỏ mọc thành rừng.
Trông quang cảnh thảm thương quá đỗi.
Giặc dã lại nổi dậy phá mường,
Giết nhau thây ngổn ngang thành núi,
Lúc đó chúa buồn tủi muôn phần,
Dụ không được, nhân dân không ổn,
Đem quân đi áp trấn dẹp tan.
Dân mới được làm ăn yên ổn.

*

Thuở trước có chúa Thạch An,

Là Quang Bạt tuổi còn non trẻ.
Cờ bạc suốt ngày,
Rượu say bí tỉ,
Đã tám chín vợ mà vẫn đa mang.
Nào nhân ngãi, nhân nghì nhăng nhăng nhít nhít,
Không kể chi gái tơ, quả phụ vợ người.
Nhiều khi dân bắt quả tang chơi bời bạ bậy,
Quang Bạt xin quỳ lạy mới thôi,
Đã vậy, lại còn là người hung ác,
Trong dân gian ai mắc tội chăng?
Liền bắt đem về, chẳng nói, chẳng rằng,
Gậy đánh đập vai lưng dồn dập,
Đánh ngã lăn xuống đất mới thôi,
Người bị đánh đau quá thóp thoi,
Sống không được chết ngay tại chỗ.
Người bị đánh nằm ngã mẩn mê,
Tỉnh dậy mình tái tê sưng húp,
Nằm liệt trên nền đất nhà giam,
Không có ai đến thăm đến hỏi.
Không cho con cho vợ vào thăm.
Có nhiều người nhịn ăn chết lả,
Đành chịu chết biết ngỏ cùng ai
Đối với những người khố ôm, áo rách,
Chúa Chu Quang Bạt hết sức bạo tàn,
Nhưng đối với người có của giàu sang,
Thì Chu Quang Bạt có đường đối xử.
Người có tội, nhưng có bạc thay thế,
Tiền đầy túi, chúa mời uống nước.
Được về nhà yên việc như không.

Vì Quang Bạt tội ác chất chồng,
Làm nhân dân khắp mường khắp bản,
Người mất vợ, mất tiền, chết oan, chết uổng,
Lửa căm hờn sôi sục trong tâm
Liền cùng nhau một lòng đứng dậy,
Cử chúa Lý Kim Đán cầm đầu,
Cùng lật đổ họ Chu tàn bạo,
Kim Đán lên làm chúa cai mường,
Từ đó xứ Thạch An yên ổn.

*

Từ khi vua An Trị xưng vương[1],
Dân đất nước Nam Cương an lạc.
Không hề có quân giặc quấy mường.
Chín xứ khắp bốn phương thần phục,
Ba năm lại triều cống một lần.
Ai ai cũng yêu thương Thục Chế.
Nước Nam Cương lúc đó hùng cường.
Không ai dám đến tranh đất nước.
Nước Trung Quốc thuở trước coi thường,
Đem quân đánh Nam Cương mấy trận,
Lần nào cũng thất tán trở về,
Từ lúc đó không hề quấy rối,
Thấy Nam Cương từ đấy hùng cường.
Không thể nào xâm lăng được nữa.
Mới thương lượng giao hữu cùng nhau.

1. Thục Chế tự xưng là An Trị Vương.

Hai nước sống thuận hoà hữu nghị.
Nước Văn Lang ở về phía miền Đông,
Vốn xưa là nước hùng cường vững chắc
Nay trở nên suy nhược kém Nam Cương.
Do các vua Hùng Vương thuở đó,
Không nghĩ gì đến dân sự bản mường,
Đêm ngày chỉ vào rừng săn bắn,
Và chơi bời, rượu nhắm, đánh cờ,
Sau đến nỗi binh thua nước mất.

CHÍN CHÚA TRANH NGÔI VUA THỤC

Lên làm vua được sáu mươi năm,
Và thọ được chín mươi nhăm tuổi.
Thục Chế chết từ biệt cõi Nam Cương,
Về chầu trời cùng tổ tông ngày trước,
Bỏ con trai Thục Phán còn thơ,

Chưa thể nối ngôi vua thay bố,
Việc nước tạm giao phó Thục Mô.
Là cháu họ của vua Thục Chế.
Các chúa ở các xứ mường thoán vị,
Không phục cháu kế vị làm vua,
Liền cùng dấy binh cơ đến đánh.
Ngựa lừa kéo đặc kín đêm ngày;
Trên đường bộ, quân chật đầy thung lũng,

Dưới đường sông, lính nhịp nhộn thuyền bè,
Binh mã thẳng tiến về cung điện.
Khép vòng vây bao kín kinh đô.
Bắt cho được Thục Mô mới hả.
Bắt Thục Mô phải trả ngôi vua
Để Thục Phán kế thừa ngôi báu,
Thục Mô thấy các chúa tiến binh,
Bao vây khắp kinh thành mọi chốn
Lo xảy ra chinh chiến điêu linh,
Làm tổn hại sinh linh đất nước,
Liền bước lên ngữ các trên thành,
Nói với các quân binh chín xứ:
"Tôi Thục Mô, cháu vua Thục Chế,
Khi Thục Vương tạ thế chầu trời
Tạm giao tôi trông coi quốc sự.
Chỉ vì nay Thái tử còn thơ,
Chưa thể kế ngôi vua cửu ngũ.
Để khi nào Thái tử trưởng thành,
Sẽ trao trả ngai vàng quyền bính".
Nhưng đại binh của chín xứ quân,
Bắt Thục Mô trao quyền tức khắc,
Cho Thục Phán nhận chức Quốc vương
Cai quản nước Nam Cương chín xứ.
Thục Mô thấy thế sự khó khăn,
Liền trao quyền thiếu quân Thục Phán.
Rồi tránh ra ngoài bản với dân,
Để khỏi hại đến thân có bữa.
Thục Phán lên thừa kế ngôi vua,
Đang lúc mười tuổi thơ niên ấu.

Làm sao giữ ngôi báu an dân,
Làm sao cai quản quân chín xứ.
Phỏng xứ nào gây sự binh đao,
Làm sao đủ lược thao đánh giặc.
Thục Phán ngồi nghĩ ngợi lo âu:
"Sự đã vậy biết sao tránh khỏi,
Để sau này ta sẽ lo toan,
Lo đi trước biết đường nào phải".
Thục Phán lên trị vì ba hôm,
Các xứ vẫn đóng quân thành ngoại.
Chín chúa đang họp hội bàn nhau:
"Cùng vào chầu đức vua trong điện,
Xin vua thêm người một huyện dân đinh,
Vua đồng ý, thì việc ổn thoả,
Nhược chống lại, ta sẽ dấy binh,
Ta đem quân đánh phá kinh thành,
Bắt vua Thục phải nhường ngôi báu,
Để chúng ta cai quản giang sơn".
Chín chúa đều đắc ý hân hoan,
Rồi vào chầu thiếu quân Thục Phán,
Ngồi trên ngai cửu trùng uy nghi
Hai bên có hổ quỳ, rồng chầu,
Dưới sân rồng văn võ bá quan,
Tung hô chúc Quốc vương vạn tuế,
Thục Phán truyền mở cửa cho vào,
Các chúa vào yết kiến trước vua,
Quỳ lạy chúc tụng hô vạn thọ.
Thục Phán truyền các chúa bình thân,
Rồi lại hỏi ân cần mọi sự:

"Các chúa ở chín xứ Nam Cương,
Mọi người được an khang mạnh khoẻ?
Nhân dân ở các xã làm sao?
Binh lính trong quân ngũ thế nào?"
Các chúa liền quỳ tấu Quốc vương:
"Nhân dân khắp các mường yên ổn,
Không có dâu mất mùa rối loạn,
Mọi người đều yên ổn làm ăn".
Thục Vương lại hỏi các sứ quân:
"Các chú vì việc chi mà đến,
Đem quân binh vây kín kinh đô"
Các chúa liền tung hô quỳ tấu:
"Sau Tiên vương quy Tiên chầu Phật,
Thục Mô liền cướp mất ngôi vua,
Chúa Thái tử còn thơ ấu dại.
Bọn chúng tôi vì vậy không dung,
Đem quân đến phò tá ấu vương.
Không có gì nhiễu nhương giả trá.
Nay Quốc vương trị vì thiên hạ,
Chúng tôi đến bái hạ điện tiền.
Nhưng Quốc vương hãy còn thơ ấu,
Làm thế nào trị quốc an bang.
Ngộ sinh ra bốn phương rối loạn,
Vương hãy đem chín huyện chia ban,
Mỗi chúa thêm đinh dân một huyện,
Để chúng tôi mãn nguyện trở về"
Thục Vương nghe tức thì liền phán:
"Giang sơn trẫm hiện nay mười huyện,
Đem chia chín, còn một huyện mà thôi

Như vậy trẫm giữ ngôi sao đặng.
Hoặc cho trẫm còn nhỏ tuổi chưa đáng,
Chưa kế tục được sự nghiệp Tiên vương,
Các chúa hãy nên nói rõ ràng.
Trẫm tức khắc sẽ nhường ngôi báu.
Không phải gây binh đao chiến đấu.
Chiến chinh thêm tổn tướng hao quân,
Làm cho cả đôi bên thiệt hại.
Nhưng trước khi trao các chúa ngai rồng,
Trẫm xin cứ thật lòng bày tỏ:
Chín chúa đều cao tay nghề võ,
Thử cùng nhau giao đấu một phen,
Ai tài giỏi thuật quyền cao cả,
Trẫm sẵn sàng trao trả ngai vàng
Lời hứa trẫm rõ ràng như vậy".

ĐẤU VÕ

Các chúa thấy thiếu quân non trẻ,
Ai cũng tưởng mình có thể nắm ngôi vua,
Liền rủ nhau ra trường đua võ nghệ.
Sắn áo quần chân tay mạnh mẽ,
Như trâu mộng khí thế bừng bừng,
Chúa nào sẽ chiếm phần thắng thế?
Hoàng Tiến Đạt liền nhảy xuống sân.
"Tứ binh mã" nghìn cân kiên cố

"Ai tài giỏi hãy thử cùng ta".
Liền đó chúa Phục Hoà Ngọc Tặng,
Phi thân chân đá vút thật nhanh,
Phạp thế mã tứ binh Tiến Đạt,
Tay Tiến Đạt liền quặt trở về,
Định bắt ngay lấy chân Ngọc Tặng,
Ngọc Tặng liền bên phải tránh sang,
Cất chân đá phắt ngang cẳng địch.
Tiến Đạt liền tay phạt xuống chân,
Rồi trở tay đấm luôn sườn địch.
Ngọc Tặng đành phải nhích sang bên,
Để tránh khỏi miếng quyền hiểm ác.
Xong rồi tay liền phạt vào đầu.
Tay Tiến Đạt liền mau dở miếng.
Vừa nghe một tiếng "éc" chối tai,
Ngọc Tặng tránh ra ngoài thế hiểm.
Hai người đấu mười tám hiệp quyền,
Người đấm sang người liền tránh miếng.
Người lùi bước người tiến theo luôn.
Cuốn quanh như đôi rồng uốn khúc.
Không người nào kém sức người nào.
Thục Vương ngồi trên lầu ngự lãm,
Nhìn hai người vật lộn đua tài,
Hai địch thủ đều người tài giỏi.
Nhưng Tiến Đạt lanh lợi nhiều hơn,
Nắm quyền thuật trăm phần vững chắc,
Vừa tiến nhanh vừa chắc bước chân,
Đấu mãi ắt có phần thắng thế.
Ngọc Tặng cũng nhanh nhẹn tay chân,

Nhưng lên, xuống xoay vần nhiều quá.
Quyền thuật còn có chỗ hớ hênh,
Ắt sẽ bị có lần đánh bại,
Thục Vương tuy còn tuổi măng non,
Nhưng chí khí đã hơn người lớn.
Về quyền thuật học vốn tinh thông,
Biết nhận xét tài tình hơn hết,
Nhác trông quân tứ phía vỗ tay,
Lại nhìn sang sau lưng Ngọc Tặng,
Thấy ngang lưng có vệt đỏ hằn,
Bị Tiến Đạt thụi ngang một quả.
Ngọc Tặng càng xấu hổ càng hăng.
Gắng sức nhẩy bốn phương đâm bổ.
Tiến Đạt giữ thế thủ kiên cường
Đợi tới khi đối phương miếng hở,
Mới xông lên phá vỡ thế công,
Làm Ngọc Tặng toàn thân xiêu ngửa.
Tiếng hò reo như vỡ trường đua.
Các chúa cùng hoan hô tay vỗ.
Hai người lại đâm bổ tiến công,
Lại đua thêm vài môn quyền nghệ.
Thấy Ngọc Tặng yếu thế rõ ràng
Để đánh lâu tất sinh bất lợi,
Ra về khó tránh khỏi thù hằn
Thục Vương ra lệnh truyền thôi đấu:
"Nghỉ giải lao lát chốc sẽ hay,
Đấu lâu quá hai người mệt nhọc"
Hai người đang lúc hăng khí thế,

Lệnh vua truyền được nghỉ giải lao,
Muốn đấu xem thắng bại ra sao,
Nhưng lệnh vua, người nào dám chối.
Đành dừng tay vào tấu ngũ lâu,
Chắp tay hướng lên lầu liền tấu:
"Quyền chúng tôi chẳng thấm vào đâu,
Ắt khó làm vừa lòng Điện hạ".
Vua truyền: "Cả hai chúa đều tài,
Ắt giúp nước sau này có ích.
Nhưng hai chúa đã đấu giờ lâu,
Hãy tạm nghỉ cho người lại sức.
Giờ đây hai chúa khác đua tài.
Hãy đấu thử xem ai hơn kém".
Liền thấy chúa Thiết Vận Quảng Nguyên,
Sấn tay nhảy xuống sân thách thức:
"Chúa nào tài hãy bước ra đây,
Thử một phen xem ai hơn kém".
Chúa Viết Dũng Trường Kiện Thái Ninh,
Liền nhảy ra võ trường nghênh địch.
Hai chúa này võ thuật ngang tài,
Đấu được hơn hai mươi hiệp võ.
Cũng không phân thắng phụ về ai,
Vua liền truyền nghỉ ngơi dưỡng sức.
Đến lượt chúa Quy Sơn thách thức,
Đấu với chúa Thành Giáng Thượng Lang.
Bảo Lạc cùng Hà Quảng giao tranh.
Duy có chúa Thạch An còn lẻ,
Chưa biết mình tài nghệ ra sao,
Chúa Tiến Đạt xông vào thách đánh.

Hai chúa đều tài, khôn so sánh,
Cả hôm đó đua đánh thuật quyền,
Đến đêm tối bất phân thắng bại.
Người nào cũng tài giỏi thuật quyền.
Cuộc đấu võ không phân thua thắng
Thục Vương liền ra lệnh truyền phán:
"Hôm nay chín chúa xứ Nam Cương
Đua tài trên võ trường ở đây,
Chúa nào cũng tài giỏi thuật quyền
Không hơn kém lệch chênh nhau mấy,
Điều này ta đều thấy rõ ràng,
Danh tiếng xứ Nam Cương rạng rỡ.
Nước ta thêm mạnh mẽ hùng cường
Tiếng đồn khắp tứ phương thiên hạ,
Không nước nào dám gây hoạ đao binh.
Nhân dân hưởng thái bình lạc thú,
Không nước nào dám gây sự tranh giành,
Nhưng một điều trẫm nói rõ ràng.
Là nhường ngôi đế vương nhà Thục,
Cho chúa nào phúc đức giỏi tài,
Lên làm vua quản cai đất nước.
Hôm nay thi thao lược chọn tài,
Trẫm chưa thấy một ai xứng đáng.
Để truyền ngôi vương phụ khi xưa,
Trẫm vẫn giữ ngôi vua như trước."

THI LÀM NGHỀ TỐT VIỆC NHANH

Thục Vương vừa mới phán xong,
Các chúa liền đồng lòng xin hỏi:
"Người thế nào Điện hạ mới ưng,
Mới được trị ngôi vua thiên hạ?
Thục Vương liền phán các sứ quân:
Người nào mà có nhân có đức,
Người nào mà thao lược gồm tài,
Lại là người giỏi tài nghề nghiệp,
Trị thiên hạ mọi việc mới yên,
Trẫm tức khắc nhường liền ngôi báu.
Chúa nào có nghề nào tài giỏi,
Hãy đua tài để trẫm duyệt y.
Ba ngày đêm cuộc thi kết thúc,
Chúa nào hoàn thành nhanh và tốt,
Trẫm sẽ nhường ngôi báu cho ngay,
Lần này nói không phải đua nhau.
Các chúa hãy nghe lời của trẫm,
Còn một điều nữa trẫm nói thêm:
Trong ba ngày đêm làm nhanh làm tốt,
Mọi người y cho mới đáng được nhường ngôi.
Nhược bằng lại làm sai quá hạn,
Không ai làm nên chuyện nên trò,
Thì trẫm vẫn giữ ngai vua của trẫm,
Không ai được sờ đến ngai vàng,

Ngai nhà Thục vẫn hoàn lại Thục.
Các chúa hãy ngẫm nghĩ xem sao.
Lời nói trẫm đúng, sai cho biết?"
Các chúa liền đứng dậy tâu vua:
Rằng: "Lời của Đức Vua hợp lí,
Chúng tôi, chúa chín xứ Nam Cương,
Được nghe tin Tiên vương đã mất,
Thục Mô liền ăn cướp ngai vàng
Chúng tôi ở chín mường lo lắng,
Mới cùng đem binh tướng tới đây.
Bắt Thục Mô trả ngôi Thái tử,
Chúng tôi chỉ có ý thế thôi.
Nhưng Thái tử còn nhỏ ấu thơ,
Việc thiên hạ sợ lo chẳng khắp,
Nhân dân sinh loạn lạc lầm than,
Làm thế nào an bang trị quốc.
Chúng tôi muốn cho nước hùng cường.
Mới tâu cùng Quốc vương vừa ý.
Nên không nhường ngôi vị cho ai.
Giờ đây đưa ra việc đua tài,
Ai giỏi sẽ nhường ngôi cửu ngũ.
Lời vua ban chúng tôi lĩnh chỉ.
Nhưng cần ghi trên giấy làm bằng,
Mới tin lời phán truyền Điện hạ".
Vua liền sai các tả hữu quan,
Đem giấy mực bút nghiên ra viết.
Những lời đã cam kết với nhau.
Viết hai bản tay trao cầm giữ.

Hai bên cùng kí kết xong xuôi,
Để làm chứng sau này khỏi vỗ,
Sáng mai trời sáng rõ bắt đầu,
Giờ Hợi đêm ngày kia hết hạn.
Người nào hoàn thành xong đúng hẹn.
Sẽ được lên cai nước trị dân.
Các chúa đều cười thầm thích chí.
Biết đâu chẳng trị vì đế vương?
Thục Phán cũng rời vào hậu cung,
Nằm trằn trọc suốt đêm không ngủ,
Nghĩ mưu chước đối phó phen này,
Để bọn chúa không xoay ta nổi,
Để cho họ từ đấy về sau,
Khỏi phải coi thường vua tuổi trẻ.
Thục Phán nghĩ ngay được một kế,
Bấy giờ mới yên nghỉ giấc nồng.
Mai tỉnh dậy thiết triều nghị sự,
Các chúa đều tham dự luận bàn,
Nghe các chúa tự phân công việc.
Các chúa đều lần lượt đến chầu.
Cúi đầu chúc đức vua vạn tuế.
Thục Vương liền phán các sứ quân:
"Đêm qua đã hợp đồng kí kết,
Thi làm tốt nghề nghiệp mình quen,
Ai làm giỏi và nhanh hơn hết
Sẽ làm vua nối nghiệp đế vương.
Nhưng nay chưa biết được tài năng,
Các chúa hãy luận bàn kĩ lưỡng.

Thi môn nào tuỳ theo chí hướng".
Các chúa nghe lời vua truyền phán,
Liền cùng nhau bàn luận thi đua.
Để lên làm vua, an dân trị nước.
Các chúa đều nhất trí tán đồng,
Thục Vương ngồi ngai rồng nghe rõ,
Công việc của mỗi chúa định làm.
Thục Vương liền phán truyền các chúa:
"Việc các chúa mỗi người tự định,
Nhưng phải theo mệnh lệnh Thục Vương,
Đêm ngày kia bước sang giờ Hợi,
Mọi công việc hết thảy phải xong.
Đem trình lên Quốc vương chấm duyệt.
Ai giỏi nhất kế nghiệp đế vương,
Lúc đó trống bốn phương vang động.
Báo mọi người hết hạn cuộc thi.
Công việc làm có khi dang dở,
Cũng bỏ đi đành trở về đây,
Lời trẫm truyền các người nghe rõ?".
Các sứ quân đều tấu: "Đồng tình"
Và Thục Vương liền truyền triều bãi.
Các sứ quân trở về,
Người nào lo việc ấy,
Cũng ngay trong lúc ấy.
Thục Phán liền bày mưu,
Chọn chín cung nhân sắc đẹp hơn người.
Giỏi văn thơ gồm tài võ nghệ,
Có sức lực, khôn ngoan, trí tuệ.

Thục Vương giao mưu kế mọi người.
Lẻn đi theo khắp nơi các chúa.
Cung nhân liệu tuỳ cơ thi thố,
Làm cho cuộc đua tài lỡ dở mất công,
Không một ai thành công hoàn hảo,
Không ai chiếm được ngôi báu quốc vương,
Không ai chiếm được Nam Cương của Thục.
Theo chín chúa, lẻn đi thi kế.

ĐI TRUNG QUỐC LẤY TRỐNG RỒNG

Trống của Thục lâu ngày đã thủng.
Vua lên ngôi cửu trùng vừa xong,
Phải có trống để mừng vua mới,
Nhưng muốn mua phải tới nước Ngô
Mới tìm được trống to da rồng.
Lấy được trống sẽ công to lớn.
Sứ Bảo Lạc giáp tận nước Ngô,
Quang Thạc nguyện sang Ngô lấy trống.
Các sứ quân đồng ý tức thì.
Quang Thạc quyết tâm đi Trung Quốc.
Hôm đó đến Bảo Lạc ăn cơm trưa.
Qua Pắc Nặm xế chiều liền nghỉ.
Quang Thạc lên nhà trọ ăn cơm chiều.
Chúa liền nghỉ một lèo đến sáng.

Hôm sau đến Ngọc Động Cô Tô,
Là kinh đô nước Ngô Trung Quốc.
Quang Thạc liền vào chọn trống rồng,
Mua một chiếc cực kì to lớn.
Trống vẽ màu đỏ tím hoa vân,
Khi đánh tựa trời vần đất động.
Quang Thạc liền vác trống đem về.
Đến Pắc Nặm nghỉ chân ngủ trọ
Sáng sau thăm qua quýt quê hương.
Chiều tà đi tới đường Suất Tính,
Vừa bước chân đến dốc Khau Luông.
Bỗng thấy một quán hàng mới dựng,
Bán đủ cả thịt rượu bánh xôi.
Thấy Quang Thạc tới nơi vất vả,
Vai vác chiếc trống vẽ rồng vàng.
Chủ hàng liền đón đường chào hỏi:
"Mời tráng sĩ tạm hãy dừng chân,
Vào quán hàng xơi cơm lót dạ".
Đi đường mỏi chân tay rã rời,
Quang Thạc liền vào nghỉ quán hàng,
Treo trống rồng lên trên bức vách.
Bảo chủ hàng dọn thịt rượu cơm.
Thạc ngồi xếp vòng tròn liền nhấm.
Vừa ăn uống vừa ngắm cô hàng
Nước da trắng mịn màng xinh xắn,
Một thiếu nữ thanh tân tươi tắn,
Răng đều đặn, mắt sắc sáng ngời.
Càng nhìn dáng càng tươi đẹp đẽ,
Đèo heo hút nơi này vắng vẻ,

Không sợ gì sống lẻ một mình!
Đặt chén rượu Thạc liền thăm hỏi:
"Nàng ở đâu quê quán xa gần,
Đến mở quán bán hàng cơm rượu
Chỉ mình nàng sao dám ở nơi đây.
Sao không sợ làm mồi thú dữ?"
Nàng trả lời:" Em vốn người Mán,
Sinh trưởng trên Phia Đán lâu ngày,
Không sợ gì cọp cầy ác thú,
Đêm cọp về em hú đuổi đi,
Nằm hóng mát có khi ngỏ cửa.
Không thú nào bén mảng đến đây".
Quang Thạc vừa nghe lời nàng nói,
Không biết nàng tài giỏi ra sao.
Chúa Quang Thạc tiếp lời lại hỏi:
"Nàng ra dáng thông giỏi thuật quyền,
Môn võ nàng ai truyền dạy bảo?
Tôi muốn nàng chỉ bảo tôi thêm.
Xin nàng hãy tận tâm giúp đỡ".
- "Em có học chút võ thuật quyền.
Nhưng sao dám dạy truyền tráng sĩ.
Chỉ là múa rìu qua mắt thợ,
Lại càng thêm rác mắt quan anh".
Quang Thạc cứ cố tình nài mãi:
Xin vài đường múa thử xem sao".
Nàng không thể làm sao từ chối,
Liền rút kiếm sẵn dắt trên lưng,
Kiếm sáng quắc hai thanh nắm chặt,
Múa bài "Song kiếm thuật" dẻo dang.

Miếng chém miếng gạt ngang chính giữa.
Miếng lùi miếng chém giữa đâm lên.
Miếng chém ngồi vụt lên đâm thẳng,
Kiếm xoay tròn ánh sáng loáng ánh gương,
Khắp thân nàng hào quang che lấp,
Ruồi bay cũng khó lọt đến thân.
Múa xong cùng Thạc quan thưa gửi:
"Ngón kiếm em như vậy còn non,
Chớ cười em tài hèn sức mọn.
Bây giờ đây đến lượt quan anh,
Cho thưởng thức nghề quyền mấy ngón".
Bóng đêm tối phủ ngoài trước quán,
Trong hàng ăn lửa nến sáng trưng.
Quang Thạc vẫn không ngừng chè chén,
Thiếu nữ mời biểu diễn quyền môn.
Liền đặt chén xuống mâm đánh cốc.
Bên cạnh chàng lăn lóc sáu chai.
Rượu đã ngấm men say quá độ.
Liền phi thân tay vớ chiếc đòn
Múa bài quyền "Phá quan đao pháp".
Miếng chém tiếp miếng đạp bốn phương,
Gậy múa trong quán hàng vun vút
Nhân Quang Thạc một phút vô tâm,
Ra bức vách kiếm nàng liền cắt,
Dây đứt đôi trống lăn xuống dốc,
Từ sườn non xuống tuột vực sâu,
Trống lăn tiếng ầm ầm vang động,
Khắp các mường lân cận xa xôi,

Làm cho các chúa,
Đang lúc đua tài, thi thố,
Công việc đành bỏ dở nhỡ nhàng,
Tưởng Quang Thạc công thành danh toại
Đã lên ngôi trị vì quốc dân,
Mới đánh trống ầm vang báo hiệu.
Các chúa ở các xứ trở về,
Thu thập lấy binh cơ bản bộ,
Lại trở về chốn cũ ngày xưa,
Không dám mong ngôi vua thiên hạ.
Quang Thạc còn đang múa bài quyền,
Trống thì đã lăn chiêng xuống vực.
Không thể nào lại vực trống lên,
Lấy được trống thời gian đã quá,
Còn mong gì thiên hạ trị vì.
Thôi đành quay trở về Bảo Lạc.
Tan giấc mộng cùng các đế vương,
Từ nay chốn điền viên yên phận.

Nay trên đèo Ben Le,
Đường Bắc Cạn, Cao Bằng,
Có sườn núi cao dốc,
Tên gọi dốc "Tổng Lân"
Đó là nơi Quang Thạc,
Ngày xưa mất trống rồng,
Vì mắc lừa cung nữ,
Do Thục Phán mưu thâm.

CUNG BẮN LÁ ĐA

Chúa Thạch An giỏi thuật bắn cung.
Liền nhận bắn cây đa trước điện,
Ba đêm ngày bắn sạch lá rơi,
Các chúa liền nhận lời thách bắn.
Kim Đán đến bên vua đứng sẵn,
Giương cung bắn ào ào từng trận,
Tên bắn lên lá rụng rào rào.
Chim chóc bay xôn xao trước gió,
Tổ chim bị phá vỡ tan tành.
Đêm không tổ thôi đành màn trời chiếu đất,
Tiếng kêu ran thảm thiết thương tâm.
Con bị tên nhào lăn xuống gốc,
Thương đàn con mới cánh vỗ tập bay,
Bắn đến ngày thứ ba chiều tối.
Cây đa to lá mọc um tùm,
Nghìn vạn lá trùng trùng rơi sạch.
Ngọn còn trơ vài chiếc lá non,
Còn chưa bị bắn rụng ngoài sân,
Kim Đán dạ phân vân liền nghĩ:
"Hạn còn dài vội chi bắn tiếp,
Đến nửa đêm mới hết cuộc thi.
Hãy ngồi xuống nghỉ ngơi chút ít,
Rồi ta sẽ bắn tiếp sợ chi.
Còn mấy lá lo gì chẳng rụng"

Kim Đán đang gốc đa ngồi nghỉ
Thấy một nàng thùy mị đáng yêu,
Đôi mắt liếc má đào tủm tỉm,
Chào Kim Đán bắt chuyện hỏi ngay:
"Tráng sĩ bắn làm chi hết lá.
Lá rụng rơi, lá vừa mới nở.
Chim qua lại không chỗ yên thân,
Chim làm tổ dưới lá,
Khác chi người trần thế,
Có nhà sớm tối để yên thân.
Quê tráng sĩ xa gần,
Bảo quyến được bình an mạnh khoẻ?"
Thấy cô nàng ăn nói có duyên,
Người xinh đẹp như tiên giáng thế.
Kim Đán liền chào hỏi cô nàng:
"Tôi là người Thạch An núi lớn,
Triệu lên đây để bắn cung thi.
Bắn hết lá tức thì được cuộc.
Được làm vua trị nước Nam Cương.
Nàng ở đâu, quê hương đâu đấy?"
– "Em ở làng Pác Khuổi chân đồi,
Về đây để kiếm tìm rau lợn,
Thấy tên bắn lớp lớp lá rơi,
Lá đa rụng tơi bời hết trụi,
Thấy hay hay em lại ngó trông.
Tài tráng sĩ bắn cung tuyệt giỏi.
Em muốn cùng học hỏi tài cao.
Để em bắn xem cao hay thấp"

Nàng liền ôm lấy cung ngắm nghía.
Và bảo: "Cung này quý biết bao!
Em cố gắng làm sao học hỏi,
Để sau này bắn giỏi mới nghe".
Nàng vừa cười liếc nhìn âu yếm,
Làm Kim Đán mê mẩn tâm thần.
Đang lúc Kim Đán mê say,
Nàng liền rút ngay dao nhỏ,
Đã từng giấu sẵn trong lưng,
Lẻn ghé vào dây cung Kim Đán,
Rồi giả vờ đứng lên thử bắn,
Mấy phát tên xuống đất lên trời.
Quay lại nàng vui cười hớn hở,
Kim Đán càng mê mẩn tâm thần.
Việc làm nàng đã xong xuôi.
Chào Kim Đán, nàng quay xuống suối.
Lòng Kim Đán trăm mối tơ vò,
Tiên đã biết bao giờ lại gặp,
Trông bóng nàng đi khuất mới thôi.
Nhìn trở lại thì trời đã tối.
Tay cầm cung tấp tới bắn ngay.
Chưa kịp xem lại dây xấu tốt.
Tên bắn lên mới tới ngọn cây,
Bị đàn chim đớp ngay đón lấy.
Không tên nào bắn tới lá đa.
Đán uất ức tim như muốn nứt,
Lại thấy cung sắp đứt, chùng dây.
Bắn không được giờ đây rõ chán,

Chiều đã về bóng tối đến càng mau,
Trời không giúp ta còn đâu thắng cuộc,
Kim Đán đành buồn bực trở về,
Việc không xong cuộc thi bỏ dở,
Đành đứng nhìn thiên hạ làm vua.
Nay cây đa vẫn xanh,
Ở ngay làng Bản Tẻn
Làm tổ như ngày trước.

LÀM NGHÌN BÀI THƠ

Chúa Thái Ninh chữ giỏi văn hay
Nguyện xin làm nghìn bài thơ phú.
Ba đêm ngày bút hoạ liền tay,
Còn thiếu một bài là đủ số.
Chắc chắn tên đứng số đầu công,
Lần này ngôi đế vương đến lượt.
Đang trong lúc nóng lòng sốt ruột,
Bỗng đâu gió thổi mát hiu hiu,
Ngước mắt bên cạnh lầu nhìn thấy,
Một cô nàng má phấn môi son.
Viết Dũng thấy trong lòng rạo rực,
Vần thơ nghĩ bứt rứt không ra,
Đặt bút ra vườn hoa trông ngóng,
Cô nàng liền đả đon hỏi chào:

"Em xin chào Viết Dũng quan anh,
Thơ văn đã làm xong rồi chứ?
Cùng quan anh xin ngỏ đôi lời.
Quan anh có nhận lời không đấy?".
Thấy cô nàng gọi đúng tên mình,
Viết Dũng liền vui mừng đáp lại:
"Làm sao nàng lại biết tên nhau:
Làm sao cùng biết nhau tìm đến?".
Nàng trả lời:
"Em bấy lâu quan anh nghe tiếng.
Quan anh thật là đấng tài hoa,
Ba ngày xong nghìn thơ tài quá,
Em cũng biết võ vẽ ghép vần.
Nhưng so với quan anh sao được,
Xin quan anh hết sức dạy cho,
Nếu không chê tài thô trí thiển".
Viết Dũng đáp:
"Ngày kia sẽ cùng nàng chỉ dạy,
Thơ ta đang nghĩ mãi chưa ra"
Nàng nói: "Quan anh đừng vội vã,
Làm thơ phải thong thả mới hay.
Em sẽ xin một tay giúp đỡ.
Nghìn bài thơ đủ số mới thôi".
Viết Dũng không làm sao từ chối.
Nhìn mặt nàng hây hây má đào,
Người dường như hồn xiêu phách lạc.
Viết Dũng mới ướm hỏi cô nàng:
"Nàng ở đâu về tới nơi đây,
Có gia đình chưa, năm nay bao tuổi?
Và cha mẹ bảo quyến ra sao? "

Nàng rảo bước đến bên Viết Dũng:
"Em vốn con gái quan Tả Tướng,
Cha mẹ đều còn sống song toàn.
Năm nay mười tám xuân vừa đúng,
Vẫn đơn thân chưa dựng gia đình.
Phòng không em vẫn đợi chờ anh,
Mong kết nghĩa trăm năm loan phượng.
Chỉ sợ chàng chê vụng xấu xa,
Không ưng thuận đôi ta kết nghĩa.
Ý chàng sao hãy ngỏ cùng em"
Viết Dũng dạ mừng thầm liền nói:
"Em là con gái Tả Tướng quân,
Trong cung các giàu sang cao quý,
Lại lấy một hàn sĩ như ta,
Vàng với mực đối so không xứng,
Thơ văn cũng không sánh kịp nàng,
Làm sao ta dám mong kết ngãi,
Tướng công biết bắt tội thêm rầy".
- "Quan anh hãy nghe thiếp vững tin,
Lời em chắc như đinh đóng cột.
Nếu quan anh quả tình thương thiếp,
Định cùng nhau duyên kết trăm năm,
Em ở lại hầu anh tức khắc,
Giúp quan anh làm nốt bài thơ".
Viết Dũng mừng như hoa đương nở,
Híp mắt cười ha hả biết gì,
Bóng đen tối đêm về đã đến,
Viết Dũng liền đốt nến thắp lên,
Mời nàng sang phòng bên yên nghỉ.

Sửa sang lại áo quần tử tế,
Nàng lên giường trướng rủ màn buông,
Mời Viết Dũng lên giường trò chuyện,
Càng chuyện trò quyến luyến yêu đương.
Như vợ chồng tao khang kết ngãi,
Viết Dũng cản sao nổi sóng tình,
Đã rắp tâm ép tình hoa nguyệt.
Nhưng cô nàng cương quyết không ưng,
Lựa đủ lời nàng răn: "Chàng hỡi!
Xin chàng đừng nóng vội làm chi,
Đôi ta đã nên nghì phu phụ,
Thiếp đã là người vợ từ đây,
Như quả chín trong tay nắm chắc,
Ăn lúc nào chẳng được chàng ơi".
Dũng nghe lời nói phải đành thôi.
Từ đó vừa chuyện vui, vừa nể.
Đến nửa đêm tứ phía trống vang,
Đành chịu để ngai vàng kẻ khác.
Dũng vẫn còn đang giấc ngủ ngon,
Tỉnh dậy vứt bút nghiên thơ phú.
Nàng tiên đã từ giã về cung,
Bỏ Viết Dũng một mình nằm đó.

Ngày nay ở đền vua Lê,
Có chiếc bút đặt kê nghiên mực,
Tục truyền là của bậc hiền nhân,
Ngày xưa thi thơ văn lỡ dở,
Tức mình liền vứt bỏ ra về,
Còn lại đến ngày nay sự tích.

NHỔ MẠ PHIÊNG PHIA
– CẤY "NÀ" TỔNG CHÚP

Chúa Thạch Lâm tài nghề cấy ruộng,
Đất Thạch Lâm đồng ruộng thênh thang,
Hằng năm thóc lúa ăn thừa thãi.
Chúa Tiến Đạt tính lại cần cù,
Vốn xưa nay nông gia căn bản,
Cấy ruộng nhanh nhất hạng chúa ta.
Tiếng đồn khắp gần xa đều biết.
Ngày nay thi làm tốt làm nhanh,
Tiến Đạt liền đứng lên thách thức,
Hẹn ba ngày ba đêm kết thúc,
Quyết cấy xong cánh đồng Tổng Chúp.
Mọi người đồng ý cuộc thi đua.
Chúa Tiến Đạt liền lo liệu kế,
Chúa tức khắc ra đồng,
Thửa cày thửa bỏ dở,
Chưa thửa nào làm xong,
Tiến Đạt liền đặt kế:
Ngày thứ nhất bừa xong ruộng đã,
Ngày thứ hai nhổ mạ Phiêng Phia,
Ngày thứ ba cấy "nà" Tổng Chúp.
Tiến Đạt liền ráo riết ra công:
Khơi mương đón nước,
Bừa thửa cao trước, thửa thấp sau.
Ruộng xa bừa trước, tiếp sau ruộng gần.
Mọi việc hoàn thành khi đêm đến.

Đồng Tổng Quảng lấp lánh,
Nước lớp lớp như sao,
Mặt nước phẳng phiu, trông thẳng tắp,
Tận chân ruộng Nà Luồng.
Đúng vựa lúa của mường của nước.
Sáng hôm sau tinh mơ thức giấc,
Đi nhổ mạ trên bãi Phiêng Phia.
Vừa tới mương tức thời liền nhổ,
Nhổ luôn luôn không bỏ rời tay,
Từ tinh mơ đến tối ngày,
Chúa nhổ bay ba trăm hai pung mạ[1],
Mạ xếp vào thúng gánh liền.
Gánh suốt một đêm mới hết.
Sáng hôm sau quăng mạ khắp đồng.
Chúa Tiến Đạt ra công liền cấy.
Cấy liền liền không nghỉ phút nào.
Cúi mặt cấy một lèo hết ruộng
Chỉ còn một đám ruộng ba pung
Cấy ít nữa là xong hết thảy.
Chúa Tiến Đạt ngước mắt nhìn trông,
Xanh rờn khắp cánh đồng mới cấy,
Tiến Đạt dạ hoan hỉ mừng vui.
Biết đâu chẳng lên ngôi hoàng đế.
Nhìn trời thì đã xế về chiều,
Lưng cũng đã ít nhiều mỏi mệt.
Cần nghỉ ngơi một chút giải lao.
Ba pung mạ đi đâu mà vội, .

---

1. Một pung là 40 bó mạ giống.

Cấy giật lùi nháy mắt cũng xong,
Hạn còn đến giờ Hợi,
Quyết không sợ nhỡ nhàng,
Nghỉ ngơi cho đỡ mỏi,
Bỗng nhiên một thiếu nữ thoáng qua.
Mặt đẹp tựa Tiên Nga lộng lẫy.
Tiến Đạt chưa kịp hỏi han nàng,
Tiên Nga đã hàn huyên thăm hỏi:
"Ruộng cấy xong ngồi giải lao chăng?
Xin mấy lời thưa cùng tráng sĩ.
Quê hương ở huyện phủ nào đấy?
Về cấy cày cánh đồng Tổng Quảng,
Ruộng một nơi nương mạ một nơi,
Nay đã cấy xong rồi nhanh quá.
Cấy nhanh hơn tiên nữ dệt tơ,
Cấy nhanh hơn trên trời chim lượn,
Cấy nhanh hơn cao vút tên bay.
Em vốn dĩ một tay cấy chóng,
Với tráng sĩ em khôn so sánh,
Hẳn đã học mưu thánh chước thần.
Trong đám những người trần hạ giới,
Quả thật em chưa thấy một ai".
Tiến Đạt nghe mấy lời phổng mũi.
Cho là có tài giỏi phép thần,
Trong dạ rất vui mừng sung sướng,
Đạt rằng: "Nàng quá ngợi khen,
Tôi đâu có phép thần truyền dạy,
Từ thuở nhỏ học cấy nghề lành,
Nên mới cấy được nhanh như vậy.

Nàng ở đâu quê quán gần xa?
Sao biết nghề nông gia cày cấy
Mời nàng hãy thử cấy xem sao?"
Nàng rằng: " Tráng sĩ hãy nghỉ ngơi.
Lát nữa em ra tay cấy giúp,
Nay chỉ còn một chút ruộng con,
Một giờ là cấy xong chớ ngại" .
Tiến Đạt càng yên dạ ngồi thêm
Đã có người tiên nhân giúp đỡ,
Ngồi trên bờ vui vẻ chuyện trò.
Tiến Đạt mới hỏi đùa thiếu nữ:
"Chồng con chưa, nam nữ mấy người?
Cha mẹ nàng yên vui khoẻ mạnh?"
- "Em năm nay vừa chẵn hai mươi,
Chưa chồng con chưa người nương tựa.
Hôm nay em xem cá giữa đồng,
Thấy quan anh cấy nhanh cấy tốt,
Em đến đây ngưỡng mộ tài năng.
Xem tiên hay người trần dương thế,
Ngờ đâu người trần thế dương gian,
Lại đúng là quan anh mới lạ!
Giờ đây em xin có vài lời:
"Nay đang lúc đã trời chiều tối,
Cùng đi ăn kẻo lỡ bữa cơm.
Nhà em ở Gốc Xâu cũng gần.
Cơm xong ta nghỉ chân một chốc,
Rồi đôi ta dốc sức cấy đều,
Chỉ gắng sức một lèo là hết".
Tiến Đạt lòng nghĩ ngợi phân vân
Say mê người mĩ nhân xinh xắn

Liền theo nàng về bản nghỉ chân
Vừa đi chuyện hàn huyên vui vẻ,
Vui như một đôi lứa mặt trăng
Về đến nhà nàng liền sửa sang,
Mổ gà làm cơm rượu thịt,
Đối diện ngồi mời thết nhau ăn.
Chén uống xong lại thêm chén khác.
Tiến Đạt đã mệt, khát suốt ngày,
Càng uống càng thấy say ngon miệng.
Tiệc kéo dài đến tận nửa đêm,
Say ngủ một giấc liền đến sáng.
Còn nghe chi tiếng trống hiệu vang.

Ruộng Tổng Quảng đám ba pung,
Biến thành một mô con giữa ruộng,
Lớn bằng mẹt, bằng nón đời xưa,
Cho nên gọi tên là Tổng Chúp.

ĐÓNG THUYỀN RỒNG

Chúa Phục Hoà biết đóng thuyền rồng,
Nhận đóng thuyền Quốc vương du lãm
Các sứ quân chấp nhận cuộc đua,
Ngọc Tặng vào rừng già chặt gỗ,
Ngày thứ nhất gỗ đủ xong xuôi,
Kể đến ngày thứ hai sẻ ván,
Ngày thứ ba ghép, chạm sơn rồng.

Thuyền đã đóng sơn xong tươm tất,
Đầu rồng còn đôi mắt bỏ không.
Chỉ còn việc điểm nhãn là xong.
Điểm xong trên lòng sông đem thả,
Sông biến thành biển cả mênh mông,
Vùng vẫy như cá rồng trong bão táp.
Để Quốc vương du lãm bốn phương,
Ngọc Tặng mới vẽ xong đầu rồng,
Chỉ còn đôi mắt rồng chưa điểm.
Một thiếu nữ uyển chuyển bước vào.
Mắt liếc miệng hỏi chào niềm nở:
"Quan anh vẽ hệt con rồng,
Vẽ ngũ sắc đỏ vàng xinh quá,
Càng xem càng ngắm nghía say mê.
Đêm đã tối hãy về nghỉ đã,
Đôi mắt rồng một chấm vẽ là xong.
Một nét bút yên lòng hả dạ,
Ngôi đế vương thiên hạ về tay,
Tha hồ ngự thuyền đi du lãm".
Ngọc Tặng đang điểm nhãn, dừng tay,
Trông lên thấy một người mĩ nữ.
Nàng chào hỏi miệng nở nụ cười
Mặt trắng như hoa tươi đang nở.
Tay chàng rơi bút vẽ hay còn!
Ngọc Tặng thấy tim dồn đập mạnh.
Mắt nhìn mãi không chớp giờ lâu,
Vụt trấn tĩnh ngỏ câu thăm hỏi:
"Phải chăng tiên thượng giới xuống thăm,
Hay người trần đến tìm chi đó?"

- "Nhà em ở dưới rẫy Đông Đăm
Hôm qua thấy quan anh chặt gỗ.
Thấy vậy em liền ngó đứng xem.
Hôm nay anh đã quên quá vội.
Giờ đây trời đã tối anh ơi,
Dừng tay về nghỉ ngơi tạm đã.
Ăn cơm xong sẽ vẽ nhãn rồng.
Một nét bút là xong chớ ngại"
Ngọc Tặng thấy lời nói dễ nghe,
Liền theo nàng về nhà tạm nghỉ.
Đến nơi cơm gà rượu sửa sang,
Đem u tàu pha trong rượu ngọt
Càng uống càng miệng ngọt say sưa,
Rượu quá say đến giờ không biết.
Tỉnh dậy chân vừa bước đến thuyền,
Cầm bút ti chấm liền long nhãn.
Nhưng tiếng trống hết hạn ầm vang,
Đành mất ngôi đế vương thiên hạ.
Dại gì mà còn vẽ mắt rồng,
Và lật ngửa thuyền rồng chi nữa[1].
Rồi Ngọc Tặng vác búa về liền,
Để mãi mãi chiếc thuyền úp đó.

Chiếc thuyền kia úp bỏ trên đồi,
Mối ăn dần sau này mục nát,
Biến thành núi cỏ tạp mọc lên.
Núi "Khau Lừa" mang tên từ đó.

---

1. Khi đóng thuyền xong đem thả sông mới lật ngửa thuyền lên.

ĐẼO ĐÁ LÀM GUỐC

Xứ Quy Sơn non núi điệp trùng,
Nhiều thứ đá trắng vàng ngũ sắc.
Có nhiều thợ xuất sắc chạm hay
Văn Thắng là một tay thợ chạm.
Trong hội đồng Chúa nhận thi tài,
Đánh tảng đá chiều dài mười thước,
Rộng ba thước, làm guốc rửa chân.
Về Quy Sơn đẽo xong đúng hạn.
Các chúa đều chấp nhận cuộc thi.
Văn thắng về đến nơi Thín Tẳng.
Lên núi cao kiếm tảng đá dài,
Đi xem khắp mọi nơi không thấy.
Chiều tà về tới lũng Quy Sơn,
Mới tìm thấy một hòn đá lớn,
Đẽo guốc vừa được đúng một đôi.
Dạ mừng vui ra công đánh đá.
Ngày thứ hai mới bổ thành đôi.
To quá đẽo chiều dầy một nửa,
Mới tương ứng giữa chiều rộng chiều dài,
Ngày thứ ba thi tài kết thúc.
Đến buổi trưa đôi guốc xong xuôi,
Chỉ còn hai lỗ quai chưa đục,
Đục xong lỗ, đôi guốc hoàn thành.
Nhưng phải đem về kinh mới ổn,

Đường vừa xa guốc nặng kinh người.
Văn Thắng liền buộc ngay hai tảng
Quẩy đòn lên bèn gánh đem về,
Về đến đầu cánh đồng Bản Thảnh.
Vừa xế chiều trẻ đánh trâu về,
Đường xa, guốc nặng, mệt mỏi,
Văn Thắng liền tạm nghỉ lấy hơi.
Đến đây đã gần nơi đô thị,
Nay chỉ còn cách trở dòng sông,
Nghỉ chốc lát rồi sang cũng kịp.
Trong lòng đang suy nghĩ phân vân,
Bỗng một nàng nhẹ chân đi tới,
Miệng nhoẻn cười chào hỏi: "Quan anh,
Gánh đá từ Quy Sơn Thín Tẳng,
Rõ ràng có tài đánh muôn người.
Trước đây em học đòi quyền võ,
Vai có thể gánh nổi trăm cân
Nhưng bì sao được anh tráng sĩ"
Nói xong quẩy lên vai liền gánh,
Chân bước đi vài bước dừng ngay.
Bỏ gánh xuống thở hơi hồng hộc.
Nàng nói:" Anh sức lực vô song,
Em phận gái đào non liễu yếu,
Làm sao bì kịp với trượng phu".
Chúa Văn Thắng cười khà híp mắt,
"Nàng phận gái được thế rất tài tình,
Nàng học tập nghề quyền ai đó
Trông tay chân mạnh mẽ lợi lanh".

Nàng đáp lại: "Thuở còn thiếu niên
Cha có dạy thuật quyền võ nghệ,
Nên nay em còn nhớ vài môn.
Quyền nghệ em vẫn còn non kém,
Quan anh có lòng mến thương em,
Dạy em thêm thuật quyền vài hiệp"
Văn Thắng thấy người nàng tươi đẹp
Mặt hồng như đào nở đương xuân.
Lại thạo cả quyền côn thao lược,
Thắng quên cả quãng dốc còn dài.
"Hầu quyền" liền múa bài tức khắc,
Miếng võ đi vững chắc ai bằng,
Trông toàn thân uốn cong đẹp mắt.
Múa xong ngồi xuống đất nói rằng:
"Bây giờ đến lượt nàng múa thử"
Cô nàng cũng chẳng chịu kém thua,
Xắn tay liền nhảy ra múa diễn,
Múa bài quyền uyển chuyển "Xà long".
Tay nhanh nhẹn quyền môn vững chắc.
Múa xong nói: "Nghề quyền kém thấp,
Có điều gì chỉ bảo cho thêm".
Văn Thắng nói: "Xưa nàng đã học,
Đường quyền đi vững chắc dẻo dang.
Ta chẳng hơn gì nàng quền võ".
Lúc này trời không rõ nhá nhem,
Nàng liền mời quan anh Văn Thắng:
Trời tối rồi ngồi đấy làm chi
Quan anh hãy về nhà em nghỉ".

Văn Thắng chẳng biết nghĩ gần xa,
Liền theo nàng đi về trong bản.
Để guốc đá bên cạnh sườn đồi,
Không nhớ đục lỗ quai đôi guốc,
Không nhớ cả đến cuộc đua tài;
Về đến nhà liền mời ngồi nghỉ,
Bày bàn mâm thết đãi thật sang,
Nào thịt lợn, lạc rang, nem, rượu,
Song song ngồi đối diện mời ăn,
Như vợ chồng ái ân thắm thiết.
Ngồi uống rượu thân thiết mừng vui.
Văn Thắng đi suốt ngày mệt nhọc,
Uống rượu như uống nước chè không.
Rượu uống bao nhiêu bình khôn toán,
Cơm chưa xong loạng choạng ngồi say.
Nàng liền đỡ vực ngay vào ngủ.
Đến nửa đêm trống nổi âm vang
Văn Thắng vẫn trên giường yên giấc.
Người thắng đã nắm chắc ngai rồng,
Ta chưa đục lỗ xong đôi guốc,
Còn mong gì trị nước cai dân,
Thôi đành về Quy Sơn Thín Tẳng
Bỏ đôi guốc lồng chồng giữa đống.

Nay guốc đá vẫn còn,
Dưới con đường Bản Thảnh,
Dân làm cầu đi lại,
Dùng vào việc công lợi.

NUNG VÔI LÀM GẠCH XÂY THÀNH

Chúa Hà Quảng có tài nung gạch,
Chúa Thượng Lang giỏi thuật nấu vôi,
Hai bên cùng đua tài thách thức,
Nung vôi gạch ra sức xây thành,
Gạch nung mười vạn viên.
Vôi nung vài nghìn tạ.
Hai người sẽ giúp đỡ lẫn nhau,
Để hoàn thành xong mau công việc.
Các chúa đều đồng lòng y duyệt.
Hai người vào Khau Lắm đại ngàn,
Chặt gỗ cây ngổn ngang mặt đất,
Chất thành củi nung đốt gạch vôi.
Lại dựng thêm sáu ngôi lán gỗ.
Để đống gạch chất vôi đem đổ.
Lò đào thành hàng dẫy sườn non.
Làm việc từ sáng đến chiều hôm,
Gạch đã đóng xong năm mươi vạn,
Đá vôi vài nghìn tạ đủ cân.
Đêm đó gạch bỏ lò xếp chặt,
Lửa sáng rực nam bắc tây đông.
Cọp nai chạy tứ tung, hoảng hốt,
Tưởng chừng bị săn bắt bao quanh.
Tuyền Thượng vừa một mình đun củi,
Vừa đóng gạch cặm cụi suốt đêm.
Hôm sau gạch được hơn trăm vạn,
Cả số gạch trong lò chín sẵn.

Thành Giáng thì đóng mảng thuyền bè,
Trăm mảng lớn chuyên đi tải gạch.
Sáng hôm sau mọi việc làm xong,
Hai người đi tải khuân vôi gạch.
Đem xếp sẵn cửa bến Tà Hoong
Đem tải xuống Vàng Dòng cạnh điện
Thành Giáng liền xuống chuyển lên thành,
Xếp tường vòng chung quanh cung thất.
Thượng trở về đóng gạch nung thêm,
Số gạch chín được thêm mười vạn
Xếp vào lò sửa soạn lại nung.
Ngoảnh sau thấy một nàng thiếu nữ,
Vào cửa lò đứng đó nhìn trông.
Miệng nhoẻn cười hỏi han Tuyền Thượng
"Quan anh làm trăm vạn gạch vôi
Vôi gạch đâu mà nhiều lắm thế?
Để em đun lửa hộ nên chăng?"
Tuyền Thượng liền thăm hỏi cô nàng:
"Nàng là người ở mường nào đấy?
Lại về đây giúp đỡ đun lò,
Một mình tôi tự lo cũng đủ".
Nàng liền bảo: "Anh chớ do dự,
Để cho em khuân đỡ củi đun,
Rồi chúng ta sẽ cùng trò chuyện".
Khuân chớp nhoáng củi chuyển hết hàng đôi,

Khắp mình nàng mồ hôi đẫm áo,
Liền hé áo hóng gió ngồi trông
Nhìn khói toả không trung.

Kết thành hình người ngựa,
Khắp bốn phương bay toả,
Thấy rạo rực trong lòng.
Tuyền Thượng đang đốt lửa,
Luôn nghé mắt nhìn trông;
Thấy cô nàng má hồng tươi đẹp,
Người đầy đặn, xinh nhất trong vùng,
Người duyên dáng nhìn càng ưa mắt,
Trong lòng sinh ngây ngất đắm say,
Thượng bảo nàng ra tay giúp đỡ:
"Nàng thay tôi đốt lửa trông lò".
Nàng liền đến cửa lò đốt lửa,
Chiếc áo ngoài nàng chửa mặc xong,
Vút hẳng căng ngực tròn xinh xắn.
Thượng mê mải mắt nhìn say đắm,
Quên mọi việc đứng ngẩn ngơ trông,
Lại ngồi xuống cùng nàng trò chuyện:
"Nàng bao tuổi gia đình định chửa,
Cha mẹ còn sức khoẻ làm sao?"
- "Em nay vừa tuổi xuân mười chín,
Đang lớn lên chưa định gia đình,
Cha mẹ em lâu ngày đã mất.
Nay em sống đơn độc một thân,
Không có người cậy trông hôm sớm.
Nếu không nói thành ra giấu giếm,
Nói ra sợ hổ thẹn quan anh,
Xin quan anh đừng khinh em nhé".
Tuyền Thượng nghĩ thân thế đáng thương:
"Gặp ta hãy yên lòng nàng ạ.

Rồi ra đi ta sẽ cùng nhau
Được xum họp biết đâu có lúc".
Trời sẩm tối vừa lúc nhá nhem,
Nàng bảo: "Chắc quan anh đã đói;
Để em đi nấu thổi cơm ăn,
Ăn xong sẽ lần lần dỡ gạch".
Tuyền Thượng liền ưng ý theo nàng,
Chỉ một lát mâm cơm thịt rượu,
Sắp đầy mâm nàng dọn bưng lên.
Thượng thấy đủ món ăn mĩ vị,
Trong lòng chàng suy nghĩ phân vân.
Sao sắm sửa bàn mâm chóng vánh,
Nghĩ tài năng ai sánh kịp nàng.
Nàng liền rót rượu nồng đầy chén,
Cùng Tuyền Thượng đối diện ngồi ăn.
Vừa uống rượu ân cần trò chuyện,
Tuyền Thượng luôn mấy ngày bận rộn.
Càng uống nhiều thấy miệng càng ngon,
Say tuý luý càn khôn bất tỉnh.
Nàng liền vực Tuyền Thượng vào lều,
Rồi trở lại cung vua như trước.
Chính nàng đổ thuốc mê vào rượu.
Để làm cho Tuyền Thượng say mê.
Làm bỏ lỡ cuộc thi tranh nước.
Tối sau mới tỉnh giấc còn chi.
Tuyền Thượng thấy sơn khê vắng vẻ,
Kêu gọi nàng thục nữ chẳng thưa.
Như giấc mộng đêm khuya vắng ngắt.
Gặp nhau chốc lát quen nhau,

Tỉnh ra không biết người yêu phương nào!
Tuyền Thượng mệt, chân tay rời rã.
Xem gạch nung hoá đá đã lâu.
Gạch bị chảy đun lâu quá độ.
Nên đã biến thành đá quặng gang,
Khi đó trống ầm vang báo hiệu.
Thôi đành bỏ mộng triệu đế vương.
Chúa Tuyền Thượng trở lại quê hương.
Đành bỏ lại ngai vàng Thục Đế,

Ngày nay: Trên sáu bảy ngọn đồi,
Con đường đầu Háng Bó.
Nay thuộc xã Dân Chủ
Có rất nhiều quặng đá,
Đem đốt chảy thành gang.
Dùng để đúc chảo kiềng,
Bán khắp chợ dân gian.
Tục truyền là những đá:
Vôi gạch của Lâm Tuyền
Đun cháy thành quặng gang.

Thành Giáng ở kinh đô lo việc,
Thuyền bè đã tải gạch tới nơi
Đã chuẩn bị vôi tôi cát trộn,
Liền xây dựng đêm ngày chẳng quản.
Xây hai ngày bốn mặt xong ba.
Bốn cửa thành xong ba còn một.
Còn cửa đông đợi gạch tải về,
Chỉ nửa đêm thành xây hoàn hảo.

Nhưng chờ mãi Tuyền Thượng không về,
Không biết có điều gì trở ngại.
Thành Giáng liền trở lại xem coi,
Nhác thấy bên cửa tây gạch lở.
Liền đến xem duyên cớ vì đâu,
Mấy viên gạch trên đầu cửa gẫy,
Tất có người phá hoại nơi đây.
Thành Giáng liền vá xây kín lại.
Đương lúc đó ở dưới sườn non,
Một thiếu nữ trắng giòn như bắp chuối,
Chân bước lên miệng hỏi cười vui:
"Quan anh làm việc chi ở đó,
Một mình xây bốn cửa cổng thành,
Xây bốn bên chung quanh cung điện.
Tài ba đáng quý mến hơn người,
Anh mệt, em một tay làm giúp".
Thành Giáng nói:" Giá gạch có đủ,
Đêm nay đến giờ Hợi xây xong,
Nhưng gạch tải đường sông chưa đến.
Biết Tuyền Thượng nung chín hay chưa?
Ta đã định lên kia thăm hỏi"
Nàng nói rằng:" Anh vội làm chi,
Người đã mệt còn đi sao đặng,
Mệt thêm sinh tật ốm đau,
Ở đây ai chăm lo thang thuốc.
Tuyền Thượng nếu nung gạch đã xong,
Sẽ đưa theo dọc sông tải đến,
Hắn đã nhận trách nhiệm phân cho,

Ắt phải làm tròn lo công việc".
Thành Giáng nghe nói vậy liền thôi,
Không lên núi xem coi lò gạch.
Đã về chiều, gà rừng xao xác,
Bản làng con trẻ dắt trâu về
Trên sườn núi xa xa Khau Khấu,
Trẻ gọi trâu ạ ới về làng.
Chiều về Thành Giáng lòng buồn bực,
Mong chờ nào thấy gạch đâu về.
Chờ sốt ruột liền đi Phia Gót.
Lấy đá để thay gạch xây thành.
Nàng tiên nữ theo chàng lên núi,
Khuân đá xanh xuống dưới xây thành.
Giúp Thành Giáng cửa đông xây nốt,
Trời đen mây phủ khắp sơn lâm,
Thành Giáng chẳng quản công khó nhọc,
Quyết tâm xây bằng được mới thôi.
Quyết tâm giành được ngôi nhà Thục,
Cai quản được cả nước chín mường,
Giáng xây đến nửa đêm không ngớt.
Giáng xây đến nửa đêm không ngớt.
Cửa đông sẽ chốc lát hoàn thành,
Nhưng còn thiếu đá xanh chưa đủ,
Thành Giáng liền vào núi kiếm thêm.
Giữa lúc vừa bước chân tới núi,
Trống liên hồi vang dội phương xa:
Ngôi đế vương đã về người khác.
Còn sống chi thêm nhục cái thân,

Liền đập đầu vào thân cây chết.
Bỏ cửa đông xây dở chưa xong.
Thành Giáng chết dưới chân núi đá.

Cho nên: Phia Gót hoá thành Phia Giáng
Sau biến thành Phia Giảng,
Nay quen gọi là Phia Dẳng.

MÀI LƯỠI CÀY THÀNH KIM

Chúa Quảng Nguyên tài giỏi làm kim,
Dùng lưỡi cày mài thành kim nhỏ,
Mài ba ngày đủ số trăm kim,
Trong triều hội chúa xin thách thức.
Các chúa đều nhất nhất tán thành,
Để Thiết Vận mài kim trăm chiếc.
Nhận xong xuôi chúa liền trở lại,
Chẻ lưỡi cày mài mãi suốt ngày đêm,
Mài ba ngày đêm liền không nghỉ.
Chỉ còn một chiếc nữa đủ trăm.
Đem trăm kim đủ số tiến dâng.
Sẽ trị vì quốc vương chín xứ.
Bỗng thấy một thiếu nữ thướt tha,
Người đẹp như tiên nga giáng thế,
Xinh đẹp như người vẽ trong tranh,

Nhẹ bước đến bên mình Thiết Vận.
Mắt liếc nhìn lơ lẳng cười vui:
"Quan anh kim mới mài tốt đẹp,
Mong sao được một chiếc để xem.
Em sẽ không dám quên ơn đó".
Thiết Vận nghe lời nói dễ thương
Liền bảo: "Tôi tài năng tầm thường,
Làm kim cốt để dùng may vá,
Xin nàng đừng có quá ngợi khen".
- " Xin anh cho mài thêm một chiếc,
Để dùng trong việc vá may,
Nhưng hiềm vì lỗ tai khó đục,
Xin quan anh sẽ giúp một tay".
Thiết Vận thấy lẽ lời khôn khéo,
Phải chăng là con cháu nhà quan?
Mới đẹp đẽ cao sang như vậy.
Thiết Vận liền đứng dậy bảo nàng:
"Nàng mài xong tôi sẽ bảo khoan tai,
Thành kim để về may quần áo".
Nàng mài xong một chiếc kim to,
Bằng chiếc "này" để xe sợi chỉ,
"Xin quan anh giúp đỡ khoan tai,
Em không thể có tài đục lỗ"
Thiết Vận liền cầm tay ngắm nghía.
"Kim này còn to quá nàng ơi,
Nàng mài nhỏ thêm đôi chút đã.
Để dễ dàng khâu vá cầm tay".
Thiếu nữ liền cố mài cố giũa.

Đến nửa đêm mới sửa mài xong,
Kim Thiết Vận cũng đã hoàn thành,
Khoan một tai nữa là xong trăm chiếc.
Nhưng bỗng đâu trống đánh vang tai,
Thôi hết mộng lên ngai trị nước!
Tai kim này còn đục làm chi.
Cuộc đua tài quá thì ước hẹn.
Đành về nhà, tốn kém bao công!
Đành để đó ngai vàng nhà Thục!
Chín sứ quân thi tài tranh nước,
Chẳng chúa nào thắng cuộc thành công
Đó là do mưu thâm Thục Phán.
Cho cung nữ đón đường ngăn cản,
Làm cho lỡ dở cuộc thi đua.
Để giữ lấy ngôi vua họ Thục.
Nhờ Thục Phán mưu lược hơn người;
Mới giữ được chiếc ngai nhà Thục.
Mới giữ được đất nước Nam Cương.
Từ ngày được phục hưng kế vị,
Phục Phán ngồi trị vì an dân,
Quyết làm cho quốc dân cường phục,
Được nhân dân trăm họ mến thương,
Chẳng mấy chốc Nam Cương cường thịnh,
Tướng thao lược quân lính hùng cường.
Tiếng đồn khắp tứ phương nam bắc,
Nước Ngô bên Trung Quốc nể nang,
Hai nước kết giao bang hữu hảo,
Nhân dân năng đi lại đổi trao,

Như một nước cùng nhau thân thiện,
Nước Văn Lang phía đông tiếp cận,
Vua Hùng Vương lười biếng xa hoa,
Chỉ chơi bời không lo việc nước;
Dân nhiều người đói rách xiêu tan;
Quân biếng tập cung tên quyền võ,
Phần đông bỏ đội ngũ về nhà;
Tướng quân ngày văn thơ chè chén.
Không lo việc binh lính quân cơ.
Nước Văn Lang đến giờ suy nhược,
Không cách nào cứu được nguy cơ.
Thục Phán nhớ khi xưa đất nước,
Bị Văn Lang xâm lược luôn luôn.
Nay phục thù tiến công đánh lại,
Liền đem quân đánh bại Hùng Vương
Văn Lang biến thành giang sơn họ Thục.
Thục Phán từ đó xưng vương,
Hiệu là An Dương Vương hoàng đế,
Và đóng đô ở Cổ Loa thành,
Đổi quốc hiệu lấy tên Âu Lạc;
Và từ đó đất nước hùng cường,
Nhân dân khắp bốn phương yên ổn,
Không xẩy ra rối loạn chiến tranh,
Lúc đó nước hùng cường vững mạnh.
Ngày nay bên cạnh huyện Đông Anh
Còn lại nơi Loa Thành vết tích,
Là kinh đô Âu Lạc khi xưa,
Nơi Thục Phán đóng đô thuở trước.

DÂN TỘC THÁI

KỂ CHUYỆN BẢN MƯỜNG

Kể chuyện bản mường (Quắm tố mường) là những bộ thông sử của tộc người Thái, ngành Thái Đen, nói đến cả từ thời nửa hư nửa thực (chuyện trời đất, loài người) qua việc đi tìm đất để xây dựng bản mường cách đây khoảng gần ngàn năm của chúa đất Thái Đen ở Mường Lò, từ đấy toả ra toàn vùng Tây Bắc, đến việc trị vì của một chúa đất ở một mường cụ thể. Kể chuyện bản mường cung cấp những sử liệu tin cậy, bổ sung cho sử Việt Nam, trình bày bởi các mo mường, một chức dịch trong hệ thống cai trị của chúa đất Thái, từ đời này qua đời khác cho đến những thập kỷ gần đây.

Với Kể chuyện bản mường, với chuyện người Thái đánh giặc (Tảy pú xấc) tộc người Thái tự chứng tỏ mình có một nền văn hoá cao, nhờ có được văn tự khá sớm. Kể chuyện bản mường cũng là những tác phẩm văn học với hình thức văn xuôi khá sớm, chí ít cũng phải từ bảy tám trăm năm về trước. Bên cạnh Kể chuyện bản mường, người Thái còn các truyện bằng văn vần hay văn xuôi ghi lại những truyện lịch sử của một thời kỳ, một nhân vật.

Ở đây, chúng tôi giới thiệu một văn bản của lịch sử Thái được in năm 1977 trong Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái do Nxb Khoa học xã hội phát hành. Tác phẩm được dịch, chú thích và khảo dị công phu, đáng tin cậy.

ĐẶNG NGHIÊM VẠN

CHƯƠNG I

TRUYỆN TRỜI ĐẤT, LOÀI NGƯỜI

Thuở ấy, trời sinh ra mới nhú lên bằng hoa nấm, đất mới dựng chụm lại thành ba cột. Từ miền bảy quả đồi, miền chín ngọn nước, miền Mường Ôm, Mường Ai, Mường Lò ngoài vòm trời, nước chảy tụ vào miền sông Đà, sông Thao nước đỏ, gặp nhau.

Then lớn cử bảy chúa đều là người dưới gầm trời đem con cháu gồm có mười giống Xá, có năm giống Thái, xuống "ăn" đất trần gian để dựng bản, lập mường. Nhưng loài người lúc đó còn dại lắm. Có bản không biết lập mường, có mường không biết đặt tạo. Họ từng bầy, từng lũ lang thang ven rừng, khe suối. Nhà cửa chưa biết làm; đến tối họ gặp đâu ngủ đấy, nay gốc cây, mai hang đá, họ kiếm được gì ăn nấy. Ăn sống không cần chọc tiết, ăn thịt tươi đỏ lét không biết tanh hôi. Thế mà người họ vẫn khoẻ, thân rắn như đồng, như sắt, chân chạy nhanh thì bắt được hươu, tay vơ vội được chim, được sóc. Họ không có quần áo che thân, trần truồng như bầy thú. Họ không biết nên vợ, nên chồng, ăn chung ở đụng. Con đẻ ra không biết bố, người lớn lên không biết dòng họ. Thực là "hỗn độn không cùng giống, vạn người không cùng bản"; làm sao họ dựng nên trần gian được? Then đành phải gọi hết về trời.

*

* *

Then lại cho lớp người khác xuống. Thuở đó, người già, người lột, rắn già thì rắn chết; thế mà rắn vẫn nhiều như lá cây trong rừng. Mọi vật đều biết nói. Con đỉa còn biết kêu, con vắt còn biết nghe ngóng. Rái cá biết trả lời; nai , hoẵng biết kêu than; cú vọ, chim ưng biết kể chuyện; lợn, chó biết kêu xin. Cỏ cây biết tiếng người. Người muốn giết, vật van lạy; người muốn chặt, cây kêu xin. Cây chặt ra máu chảy như máu người. Riêng cây chuối không biết nói. Người mới dùng chúng làm nhà ở.

Thuở đó, trời còn thấp lè tè, người đứng với tay cũng tới. Bò đi còn vướng cổ; lợn đi còn vướng gông; giã gạo sợ vướng chày; phơi lúa e vướng giát; xe chỉ lo vướng guồng. Trời đất đi lại với nhau dễ dàng.

Thuở đó, hạt lúa to bằng quả bí xanh. Bẹ rau phải lấy rìu chặt. Thân mía lấy rìu đẽo. Lá cây bông bằng lá dong. Nhúm bông xe sợi đủ mắc khung cửi dệt. Người làm ít, được ăn nhiều. Then lại cho người biết đan chài có chân sắt, có chân đồng xuống. Từ đó, thức ăn kiếm càng dễ dàng. Chài quăng xuống nước được cá chiên, cá chầm; quăng lên cạn được ăn nai, ăn hoẵng; quăng vào bản úp được hồn người.

Người thuở đó ăn gỏi, ăn lạp. Lại thêm, lúa trong bịch hết, lúa khắc về nhà; cá hết, cá khắc đến. Muốn gieo lúa, lúa tự bay vào ruộng mạ; muốn được quả, quả tự khắc hiện trên cành. Một lần, mẹ con nhà goá bụa, tính hay cáu gắt, đi nương gặp khóm lúa cao làm vướng tai, vướng cổ, bèn cầm dao băm chém hạt lúa. Lúa rơi xuống đất nằm lẫn trong đất. Lúa biến thành như loài cỏ. Từ đó, ai lấy lúa về gieo mới có ăn. Lúa cũng lười không chịu đi vào bịch. Lúa trên nương đòi người đến ngắt; lúa dưới ruộng, bắt người đến hái.

Thuở đó, gà không làm ổ, khi đẻ không nhớ chuồng. Gà tranh nhau chỗ ở, giành nhau trứng. Người ta cũng quên chỗ trú; dựng nhà, quên mất nhà. Người như gà ở lẫn lộn, tranh giành nhau. Việc đó không hợp ý Then. Da Náng Then (tức vợ Then) trên trời giận dữ sai cắt dây khau cát làm đứt đường lên xuống dưới trần gian. Trời dâng lên cao; lên cao mãi chín tầng mây cách biệt hẳn mặt đất, cao bằng sáu đời cong, hai đời tạo. Trời đất xa nhau bằng ba đống tơ, to bằng ba con trâu, xa bằng bảy đống mây, to bằng bảy con voi; xa bằng ba trăm ba mươi đường tên đi, năm trăm năm mươi lần đạn réo.

Thuở đó, người già người lột, nên sống lâu, sống lâu lại không được sinh nở; sống lâu mãi phát chán vì không được về trời. Người mới bảo nhau làm trái ý Then. Họ đi lùng giết ếch nhái, giết rắn, lấp hang cóc. Các con vật hãi hùng kêu thấu điếc tai Then. Then nổi giận. Cái tức bằng ba con trâu; cái giận bằng bảy con voi. Then bèn mở bảy đường nắng, đóng chín đường mưa. Dưới trần hạn hán kéo dài. Nắng dữ, đất cằn cỏ héo. Trâu bò chết đói cỏ. Lúa trên nương, trên rẫy chết khô. Ốc

dưới đồng sâu chết cạn. Men rượu trên gác bếp nhuốm khói. Củ mài mục hấp hơi dưới hố. Người đi buôn chết khát giữa đường. Người già muốn có cá ăn không có. Người làm ruộng muốn ăn con niểu, con niếng cũng không còn. Loài người dần chết hết. Kẻ chết dưới gốc khem, người nằm bên gốc cú. Duy sót lại Lạng Ải và Lạng Nhì. Họ phải đưa nhau lên Thanh Nưa làm chặng, làm li bắt cá. Ba ngày, họ mong cá chiên qua, cá không qua. Sáu ngày, họ mong cá chấm xuống, cá không xuống. Tức quá , họ lấy gỗ khẻ về làm li, gỗ mí về làm phai. Họ giết rắn rồi giả làm ma; liệm nhái như liệm người chết; lấy ốc về làm đồ rau; đem con cú về làm chủ hồn; con ruồi làm chủ áo; đem con kỳ dông về thay ông nghe rót rượu; cúng rượu lên trời cúng bằng chum con. Quả nhiên, Then giận bằng ba con trâu, tức bằng bảy con voi; sai mở chín đường mưa, đóng bảy đường nắng. Sấm vang chớp loé, mây kéo đen trời. Khắp trần gian tối mịt như ngập trong chậu nước chàm. Hạt mưa to bằng quả "muối". Khắp sông suối đều tràn; mọi hồ, ao, khe ruộng đều ngập. Nước dâng tới cửa trời, cuốn cát sỏi vào bậc cửa trời. Ba tháng vẫn còn mưa; sáu tháng, nước mới cạn. Loài người không còn ai. Cây cỏ đều chết sạch. Mùi hôi thối đưa lên tận thiên đình. Trời không chịu nổi lại "mở bảy đường nắng, rút chín đường mưa". Trời nắng như thiêu. Người vật, cây cỏ chết gặp nắng mủn ra, tan thành cát bụi. Đất bị hun nóng chín thành từng mảnh cháy đỏ; đá biến thành vôi. Người vật lại xong một kiếp.

*

* *

Trời lại sinh một kiếp người cho xuống trần gian nối dõi.

Lúc đó trái đất còn khô cằn. Cây cỏ còn vàng héo. Trâu, bò, voi, ngựa thiếu cỏ ăn. Mạ dưới ruộng héo khô; lúa trên nương cằn cỗi. Rau trong vườn không nảy nhánh. Cây trên rừng không ra hoa, kết quả. Đã thế, người ta be bờ không thành vũng; khơi lòng suối, nước không chảy.

Hoạ mi vắng tiếng hót; gà rừng vắng tiếng gáy; chim cu không biết gù; vượn trên non không biết hú; loài cáo không chạy chơi; chim công ít

nhảy múa; dơi nằm lì trong hốc đá. Loài người đâm chán nản. Kiếp người thật ngắn ngủi. Họ không muốn sống lâu dưới trần gian, kêu van Then xin về chầu trời.

*
* *

Then buồn bực lắm, mới đến nhà Me Bảu sai đúc cho trần gian một lớp người khác. Lần này, loài người to bằng ba quả núi, tai bằng chiết quạt lúa; má phính tự chái nhà; đùi to năm người ôm không xuể. Đó là con cháu ải Lạc Cạc. Lớp người này xuống trần đem theo bò chín ngàn bướu, trâu chín ngàn vai, cày, bừa to, khoẻ, sức voi mới kéo xuể. Họ xuống mặt đất cày cấy làm ăn. Họ cày nơi đất rộng, phá rừng thành ruộng nước. Họ dùng mai chạm trổ, cán bịt bạc ngắn để đào mương. Đất màu trùm lên đất xấu. Đường cày rộng đủ cho ngựa phi. Ruộng cấy đủ hai chục trâu chạy. Trời làm mưa thuận, gió hoà. Trâu, bò có cỏ ăn. Voi, ngựa không lo đói. Đời ấy, trồng lúa ruộng, lúa tốt vàng đầy đồng. Đời ấy, trồng lúa nương, lúa nương xanh đầy rẫy. Trồng rau, rau mọc tầu cao. Trồng rau thơm, mau đẻ nhánh. Be nước, nước thành vũng. Khơi suối, nước tràn đầy. Lợn, chó không bị chết... Gà, vịt không hề toi. Muốn gì làm được nấy. Mường bản đầy tiếng ca. Qua hai ngàn mùa lúa chín; qua hai ngàn đời cá ruộng; lớp người này lại đưa nhau về chầu trời; bỏ lại trần gian vắng tanh. Lúa mọc không có người ăn, đất bằng không người qua lại. Đó là lúc ải Lạc Cạc bị Chô Côm bẻ gãy giò chết.

*
* *

Tiếp đó, Then lại phải cho loài người khác xuống xếp đặt mọi việc dưới trần gian. Then cho tạo Tum Hoàng về làm chủ vùng ngọn sông Nặm Lài, Ao Xe, Nặm Tè, Nặm Na, Nặm Tao. Từ đó, tạo Tum Hoàng, rể Then, mới đưa hai anh em tạo Xuông, tạo Ngần xuống ăn đất Mường

Ôm, Mường Ai ngoài vòm trời. Hai tạo được Then cho tám quả bầu và tám chiếc cột đồng để chống trời. Then giao các thứ đó cho ba trăm ba mươi họ Xá, năm trăm năm mươi họ Thái đưa xuống mặt đất. Then lại cho đặt trong quả bầu đủ thứ: đủ ba trăm ba mươi giống lúa, ba trăm ba mươi giống cá, có cả sổ cúng, sổ bói, sổ xem ngày tháng. Then còn dặn khi người trần sinh nở phải treo nhau ra ngoài cho Then biết.

Cha con tạo đến cánh đồng Xe gặp đá nhai lại. Đá nhai kêu đôm đốp; đá nhai kêu lộp cộp. Ai cũng sợ, cũng run. Hai tạo cử bà một, ông mo, ông chang đặt lễ cúng. Cúng cả trâu, cả lợn, cả dê. Cúng không thiếu thứ gì. Chủ đá vẫn không ưng. Hai tạo lại sai bà một, ông mo, ông chang, dân trai tráng ném ba trăm ba mươi giống bưởi, ba trăm ba mươi giống bòng vào mồm đá nhai lại. Đá bị ghê răng, lạnh gáy ngừng nhai. Hai tạo sai bò xuống trước. Bò vừa lùi vừa kêu: "ăm bò". Vì vậy, nay sừng bò mới cụp về phía trước. Hai tạo lại sai trâu xuống. Trâu sợ, trâu kêu "á ngạ". Bởi thế, nay sừng trâu ngả về phía sau. Tạo tiếp tục cho ngựa xuống. Ngựa sợ, bỏ sừng lại. Nay ngựa không còn sừng. Nai xuống tiếp theo nhặt được sừng của ngựa, nai từ đó có sừng. Hai tạo lại đi gặp "chủ khoét lỗ trời" nhờ khoét lỗ trời làm đường xuống trần gian. Tạo mới xuống tới Mường Chuông Cang, rồi đến Mường Ôm, Mường Ai ngoài vòm trời. Mường Ôm sẵn nguồn trâu; Mường Ai sẵn nguồn thóc, nhưng ở đó, người, vật chỉ ăn hơi, ăn hương, ăn hoa; chỉ ngửi mùi cơm chín. Mường Ôm, Mường Ai không ở được.

Hai tạo mới cho xuống Mường Bỏ Té sáu quả bầu và sáu cột đồng chống trời. Tạo cho đất Kinh, đất Mọi, đất Lào, Mường Dôn (?), Mường Tôi (?), Mường Tao (?) hai quả bầu và hai cột đồng.

Tạo Xuông, tạo Ngần xuống dựng Mường Lò Luông. Cùng theo, có các họ Lò, Lường, Quàng, Tòng, Lèo. Những họ này tôn họ Lò làm chủ. Lúc đó, đất Mường Lò đã có người Mọi, người Mang cư trú. Xây dựng xong Mường Lò, tạo Ngần về Mường Bỏ Té. Còn tạo Xuông ở lại, lấy vợ ở đó sinh con là tạo Lò. Tạo cho khun Lường làm mo, tạo Lò làm chúa. Về sau, không sống được ở đó, tạo Xuông trở về Mường Ôm, Mường Ai quê cũ.

CHƯƠNG II

TẠO LÒ LÀM CHỦ ĐẤT MƯỜNG LÒ, CHÚA LẠNG CHƯỢNG ĐI TÌM ĐẤT MƯỜNG, XÂY DỰNG CƠ NGHIỆP

Tạo Lò lấy vợ sinh ra bảy con trai là: Ta Đúc, Ta Đẩu, Lập Li, Lò Li, Lạng Ngạng, Lạng Quang và Lạng Chượng. Khi con tạo đã "cao bằng khiên, lớn theo bản theo mường", tạo Lò chia đất cho các con đi làm chúa. Ta Đúc "ăn" Lò Luông; Ta Đẩu "ăn" Lò Cha; Lập Li "ăn" Lí Gia; Lò Li "ăn" Mường Min; Lạng Ngạng "ăn" Mường Vân, Mường Vành; Lạng Quang "ăn" Xí Xam, Bản Lọm. Ngoài ra tạo cho bô lão Xửa Cang Ho "ăn" Mường Pục, Mường Mẻng.

Tạo Lò cho Khun Khoàng làm mo với Ta Đúc. Ta Đúc có mười chín người con. Ta Đẩu có hai mươi. Khi các con Ta Đúc, Ta Đẩu cao bằng khiên, lớn theo bản, theo mường, hai tạo phân cho đi ăn miền đất đầu sông Thao nước đỏ.

Riêng Lạng Chượng là con út tạo Lò, không có mường để "ăn". Chính vì vậy mà có câu: "Con út không có ngựa, con rốt không có mường". Chúa Lạng Chượng mới bàn cùng các ông ho hé, ông mo, ông nghe triệu tập binh tướng, dân chúng kéo nhau đi tìm mường.

Chuẩn bị đầy đủ, chúa Lạng Chượng Cầm Lả (tức là con út - ND) mang mộc, đeo giáp rầm rập kéo quân qua dốc Khau Cả, Khau Pục đến Mường Min. Đến đây chúa bói thấy tiến cũng không lợi, trở về cũng không tốt. Chúa phải cúng "pang cha đáp" cầu hồn tạo Xuông, tạo Ngần phù hộ. Chúa lấy cây "uổng quài' về đẽo gươm chém trâu tế, làm bàn cúng và làm bát đựng thức ăn. Hồn tạo Xuông, tạo Ngần được "ăn" mới che chở cho Lạng Chượng.

Được ngày lành tháng tốt, chúa kéo binh đến Mường Lùng. Khi đến dốc Khau Phạ, chúa nhìn thấy đồng ruộng bên dốc binh vượt nhanh dốc Khau Xam Xíp tới Mường Chiến. Tạo Mường Chiến sợ hãi xin gả con gái cho chúa. Chúa rất ưng ý nhận đất Mường Chiến là đất mường họ ngoại của mình.

Ôm, Mường Ai ngoài vòm trời. Hai tạo được Then cho tám quả bầu và tám chiếc cột đồng để chống trời. Then giao các thứ đó cho ba trăm ba mươi họ Xá, năm trăm năm mươi họ Thái đưa xuống mặt đất. Then lại cho đặt trong quả bầu đủ thứ: đủ ba trăm ba mươi giống lúa, ba trăm ba mươi giống cá, có cả sổ cúng, sổ bói, sổ xem ngày tháng. Then còn dặn khi người trần sinh nở phải treo nhau ra ngoài cho Then biết.

Cha con tạo đến cánh đồng Xe gặp đá nhai lại. Đá nhai kêu đôm đốp; đá nhai kêu lộp cộp. Ai cũng sợ, cũng run. Hai tạo cử bà một, ông mo, ông chang đặt lễ cúng. Cúng cả trâu, cả lợn, cả dê. Cúng không thiếu thứ gì. Chủ đá vẫn không ưng. Hai tạo lại sai bà một, ông mo, ông chang, dân trai tráng ném ba trăm ba mươi giống bưởi, ba trăm ba mươi giống bòng vào mồm đá nhai lại. Đá bị ghê răng, lạnh gáy ngừng nhai. Hai tạo sai bò xuống trước. Bò vừa lùi vừa kêu: "ằm bò". Vì vậy, nay sừng bò mới cụp về phía trước. Hai tạo lại sai trâu xuống. Trâu sợ, trâu kêu "á ngạ". Bởi thế, nay sừng trâu ngả về phía sau. Tạo tiếp tục cho ngựa xuống. Ngựa sợ, bỏ sừng lại. Nay ngựa không còn sừng. Nai xuống tiếp theo nhặt được sừng của ngựa, nai từ đó có sừng. Hai tạo lại đi gặp "chủ khoét lỗ trời" nhờ khoét lỗ trời làm đường xuống trần gian. Tạo mới xuống tới Mường Chuông Cang, rồi đến Mường Ôm, Mường Ai ngoài vòm trời. Mường Ôm sẵn nguồn trâu; Mường Ai sẵn nguồn thóc, nhưng ở đó, người, vật chỉ ăn hơi, ăn hương, ăn hoa; chỉ ngửi mùi cơm chín. Mường Ôm, Mường Ai không ở được.

Hai tạo mới cho xuống Mường Bỏ Té sáu quả bầu và sáu cột đồng chống trời. Tạo cho đất Kinh, đất Mọi, đất Lào, Mường Dôn (?), Mường Tôi (?), Mường Tao (?) hai quả bầu và hai cột đồng.

Tạo Xuông, tạo Ngần xuống dựng Mường Lò Luông. Cùng theo, có các họ Lò, Lường, Quàng, Tòng, Lèo. Những họ này tôn họ Lò làm chủ. Lúc đó, đất Mường Lò đã có người Mọi, người Mang cư trú. Xây dựng xong Mường Lò, tạo Ngần về Mường Bỏ Té. Còn tạo Xuông ở lại, lấy vợ ở đó sinh con là tạo Lò. Tạo cho khun Lường làm mo, tạo Lò làm chúa. Về sau, không sống được ở đó, tạo Xuông trở về Mường Ôm, Mường Ai quê cũ.

CHƯƠNG II

TẠO LÒ LÀM CHỦ ĐẤT MƯỜNG LÒ, CHÚA LẠNG CHƯỢNG ĐI TÌM ĐẤT MƯỜNG, XÂY DỰNG CƠ NGHIỆP

Tạo Lò lấy vợ sinh ra bảy con trai là: Ta Đúc, Ta Đẩu, Lập Li, Lò Li, Lạng Ngạng, Lạng Quang và Lạng Chượng. Khi con tạo đã "cao bằng khiên, lớn theo bản theo mường", tạo Lò chia đất cho các con đi làm chúa. Ta Đúc "ăn" Lò Luông; Ta Đẩu "ăn" Lò Cha; Lập Li "ăn" Lf Gia; Lò Li "ăn" Mường Min; Lạng Ngạng "ăn" Mường Vân, Mường Vành; Lạng Quang "ăn" Xí Xam, Bản Lọm. Ngoài ra tạo cho bô lão Xửa Cang Ho "ăn" Mường Pục, Mường Mẻng.

Tạo Lò cho Khun Khoàng làm mo với Ta Đúc. Ta Đúc có mười chín người con. Ta Đẩu có hai mươi. Khi các con Ta Đúc, Ta Đẩu cao bằng khiên, lớn theo bản, theo mường, hai tạo phân cho đi ăn miền đất đầu sông Thao nước đỏ.

Riêng Lạng Chượng là con út tạo Lò, không có mường để "ăn". Chính vì vậy mà có câu: "Con út không có ngựa, con rốt không có mường". Chúa Lạng Chượng mới bàn cùng các ông ho hé, ông mo, ông nghe triệu tập binh tướng, dân chúng kéo nhau đi tìm mường.

Chuẩn bị đầy đủ, chúa Lạng Chượng Cầm Lả (tức là con út - ND) mang mộc, đeo giáp rầm rập kéo quân qua dốc Khau Cả, Khau Pục đến Mường Min. Đến đây chúa bói thấy tiến cũng không lợi, trở về cũng không tốt. Chúa phải cúng "pang cha đáp" cầu hồn tạo Xuông, tạo Ngần phù hộ. Chúa lấy cây "ưởng quài' về đẽo gươm chém trâu tế, làm bàn cúng và làm bát đựng thức ăn. Hồn tạo Xuông, tạo Ngần được "ăn" mới che chở cho Lạng Chượng.

Được ngày lành tháng tốt, chúa kéo binh đến Mường Lùng. Khi đến dốc Khau Phạ, chúa nhìn thấy đồng ruộng bên dốc binh vượt nhanh dốc Khau Xam Xíp tới Mường Chiến. Tạo Mường Chiến sợ hãi xin gả con gái cho chúa. Chúa rất ưng ý nhận đất Mường Chiến là đất mường họ ngoại của mình.

Chúa tiếp tục kéo quân đến Mường Chai. Tạo Mường Chai sợ, nộp chúa nhiều trâu.

Binh chúa vượt qua rừng, qua cầu mây về Vạn Tọ, khiêng thuyền, bắc cây qua Nặm Tè. Ở đây chúa vấp phải sức kháng cự của người "Xá Cắm Ca" do tù trưởng khun Quàng cầm đầu. Mác chúa ngắn nên chúa phải chạy; mác Quàng dài nên Quàng đuổi chúa xuống sông Nặm Tè. Chúa bị cạo trọc đầu phơi nắng. Binh chúa chết tám trăm người gan dạ. Ông Căm Tang gan dạ cũng chết, thây bị cát vùi nơi Vằng Đoi. Lạng Chượng phải để tang. Buồn rầu, chúa phải dẫn binh quanh về Ít Ong. Chúa thua trận vì hồn giặc không lên bến theo thuyền lại với chúa, tướng hổ cũng không theo đường cạn tới giúp tạo. Chúa bèn sai Khun Dùng, Khun Dằng xuôi gọi thêm binh hùng tướng mạnh tận đất Kinh lên giúp. Hồn giặc ở mường Lò lên rồi, theo đường nước một triệu sáu, tướng hổ ở mường Lò đã kéo đến, theo đường cạn một triệu tư. Được ngày lành, quân chúa xông lên đánh. Được tháng tốt, binh tạo tiến vào giết.

Mác Quàng ngắn, Quàng thua; mác chúa dài, chúa thắng. Giữa rừng gió cuốn bay.

Chúa lại tiếp tục theo Nặm Bú đá ráp, qua Khau Pa-Kéo Tèo về đến Mường La. Chúa qua Nặm Cá về Chiềng An, Chiềng Cầm, Cọ Kẹ. Chúa gặp nhiều điều lành. Nhưng chúa nghĩ: "Chặt cây phải triệt gốc, phá mường không giết chủ, không yên". Lúc này, ở Viềng Luông Bôm Tậu còn chủ khun Ầm Pầm. Chúa tiến đánh, chúa thắng. Người Xá phải lui và xin quy phục. Chúa đóng binh ở Viềng Hài lấy đó làm nơi cúng đẳm, cúng hồn. Chúa phá ruộng, dựng bản làng và trao đất Mường La cho khun Dùng làm chủ.

Được ngày lành tháng tốt, chúa kéo binh qua núi Khau Hào lên mường Muổi. Lúc đó, khun Ầm Poi hùng mạnh đóng ở núi Khau Tù, Khau Cả. Chúa đem quân đánh nhiều lần nhưng đều bị thua. Cuối cùng chúa khéo lừa, khéo nói xin Ầm Poi gả con gái làm vợ. Khun Ầm Poi ưng ý. Chúa bèn chọn ngày lành, làm tiệc mời bố vợ về ăn. Trong bữa tiệc rượu, hai chúa uống hết nhiều chum. Lựa lúc Ầm Poi say mềm, chúa bắt đem giết. Người Xá mất chủ chạy tan tác. Kẻ chạy đi mường Mộc, Mường Xang, kẻ sang Ngô, sang Hán. Ở Mường Muổi ít lâu, chúa thấy Mường Muổi xếp thành vệt dài, có núi đá chạy men theo suối, đất hẹp, không đủ

khai phá, của cải ít không đủ nuôi quân. Trong hang lại có ma Dạ Bôm, Dạ Bai, chúa chê: "Mường bé chúa không ở, mường nhỏ chúa không ăn" bèn trao cho khun Dàng làm chủ.

Chúa kéo binh lên Mường É, mường bé nhỏ bùn lầy chúa không ăn. Chúa kéo quân lên mường Quài. Mường Quài đất ẩm ướt, nước váng tanh hôi. Mường bé chúa không ở, mường nhỏ chúa không ăn. Mường Quài lại là mường miệng trời, rét lắm. Chúa cho khun Pọng Chua làm chủ. Chúa đi qua Mường Húa. Chúa để lại khun Dài làm chủ. Quân chúa kéo đến Mường Ảng, đất ở đây ẩm ướt, nhiều lau sậy nên chúa chê. Chúa kéo binh đến Mường Phăng, đất ở đây trũng thấp, bé như vũng trâu đầm. Chim cuốc chạy qua, chim đa đa chạy lại cũng thấy. Mường bé chúa không ở, mường nhỏ chúa không ăn.

Chúa kéo quân ồ ạt vào Mường Thanh. Đất này thật là tốt. Mường rộng lớn, tròn như cạp nong, cong cong như sừng trâu. Chúa mới chiếm Mường Thanh, cho quân lính phá rừng làm ruộng. Chúa chia đất thành hai vùng gọi là Xong Thanh; cử ông già Nà Lếch làm mo.

Lạng Chượng làm chủ đất Mường Thanh, lấy vợ ở bản Pe sinh ra tạo khun Pe. Khun Pe lấy người cùng bản, cùng mường sinh ra khun Mứn. Nhưng đời tạo ngắn ngủi không khác nào ngựa khoẻ chạy trước trâu. Khun Pe mất. Lạng Chượng lo buồn đem cháu là khun Mứn về nuôi dạy dỗ. Khun Mứn lấy người cùng bản, cùng mường sinh ra tạo Pàn. Chúa Lạng Chượng già rồi mất, để lại bản mường cho khun Mứn xếp đặt. Tạo Pàn lấy người cùng bản, cùng một mẹ. Tạo Chiêu lên ăn đất Mường Lay. tạo Cầm về ăn đất Mường Muổi.

Tạo Cầm lấy nàng Cầm Kẻo sinh ta tạo Chông.

Tạo Chông lấy nàng U Chạng Phán sinh ra tạo Thâng.

Tạo Thâng lấy nàng Tha Náng Mường sinh ra tạo Quá Lạn.

Tạo Quá Lạn lấy nàng Tứm Luông sinh ra tạo Chưng.

Tạo Chựng lấy nàng Ửởi Tười sinh ra tạo Quạ.

Tạo Quạ lấy nàng An Phấu ở Mường Lay làm vợ cả và nàng Xo người Xá dòng dõi khun Quàng, Ảm Poi làm vợ hai.

Nàng Xo có con với tạo Quạ là tạo Lò Lẹt.

CHƯƠNG III

CHÚA LÒ LẸT LÀM CHỦ ĐẤT MƯỜNG MUỔI

Lò Lẹt lấy tên hiệu là Ngu Háu làm chủ đất Mường Muổi được nhiều năm. Chúa xếp đặt công việc rất khéo, chăm lo cúng trời đất tổ tiên cho bản mường yên ổn. Dân ai cũng tin ưa. Chúa lại đặt ra chữ dạy cho dân.

Thời đó, ở dưới xuôi vua Chính Hoàng lên làm chủ, Phạ Phông Cầm trị vì đất Chiềng Đông, Chiềng Tòng.

Ở Mường Lay, chúa Lồm Lạnh Lạt Ma ăn. Mường Lay còn có tên là Chiềng Vai. Chúa Ngu Háu thấy gầm nhà cần có voi, cạnh chúa cần có nàng, bèn cho họ bên nhà vợ là tạo Ngần Cầm lên xin nàng Pù Cầm con gái chúa Lồm Lạnh. Được ngày lành, tháng tốt, nàng Pù Cầm về ở cạnh chúa, cho chúa nhiều con: Ải Ún, Con Mường, Bun Phương, Nhộc Nha Lự, Xen Chiêng Đi, tạo Piệng, Han Phai Tòng tạo Náy, Ta Cầm.

Con chúa dần cao bằng khiên, lớn theo bản, theo mường. Chúa đặt các chức dịch, cho ông Khất To Lự làm pằn, ông Xa To Lự làm pọng, ông Cầm Nặm Non làm ho luông; ông Xửa Cai Lam làm ho dao, ông Xa Chá Phạ làm ho hé.

Chúa cậy thế mạnh, sai tạo Piệng, tạo Náy đến tận đất Xoong Nạt Tát Tè đòi cống nạp. Trái ý triều đình, nhà vua cho quân lên đánh, chúa sợ phải chạy sang đất Chiềng Đông, Chiềng Tòng nương nhờ Phạ Chảu Phông Cầm. Phạ Chảu cho Ngu Háu đi dựng nhà ở đất Mường Hoàn và cho ăn đất Mường Quý.

Thời đó, ở đất Mường Dôn Chao Tẩu không chịu nộp cống, họ nổi loạn khắp nơi. Phạ Chảu sai chá Mứn Luông, Mứn Cang đem quân đi đánh dẹp, nhưng hai tướng bị thua. Sau Phạ Chảu sai Ngu Háu cầm binh đi đánh. Binh chúa kéo đến Hin Xốp Mu, Nặm Hằm, Pha Đăm, Pha Đeng và Chiềng Hung. Binh chúa tới đâu, quân Mường Dôn Chao Tẩu bị thua tới đó. Họ run sợ và chịu nộp chúa ba ngàn lạng bạc. Ngoài ra, họ còn xin nộp các khoản trước đây không chịu nộp lên Phạ Chảu, tất cả là ba ngàn, ba trăm lạng bạc, ba mươi ngựa cái và ba mươi trâu đực. Chúa mang dâng vật đó lên Phạ Chảu, Phạ Chảu hài lòng, bắt đầu tin cậy Ngu

Háu và cho ăn thêm đất Mường To Kén, Tén Kèn, Mường Khau Phục, Khau Phần.

Năm sau, đất Mường Mẹt, Mường Pa không chịu cống nạp Phạ Chẩu ngà voi và cỏ voi ăn (cỏ gianh, cỏ lau cỏ chít). Phạ Chẩu lại cho Chá Mứn Luông, Mứn Cang đi dẹp; nhưng hai tướng lại bị thua. Phạ Chẩu lại phải cầu Ngu Háu đi đánh. Binh chúa lại thắng, bắt được nhiều voi ngựa. Chúa lại bắt được cả nàng Thi Đi Nạt Kẻo Chuông Ngần và con nàng là Thi Đi Nạt Kẻo Chuông Cầm. Nhưng được voi chúa không cưỡi, được hổ chúa không màng, được gối chúa không tựa, được màn chúa không buông, được nàng chúa không ngủ, chúa đem tất cả đồ thu được nộp Phạ Chẩu. Phạ Chẩu rất vừa lòng, tin yêu chúa và gả nàng Chông Ngần cho chúa làm vợ. Chúa nuôi nấng nàng Chuông Cầm thương yêu như con đẻ.

Ít lâu sau Phạ Phòng Cầm mất, Phạ Phi Phạ lên thay.

Phạ Chẩu lấy nàng Chuông Cầm, con nuôi chúa, làm vợ. Phạ Chẩu lại mời chúa làm xen khoa. Nhưng chúa từ chối vì còn nhớ đất Mường Muổi, đất mường của tổ tiên, của họ ngoại, họ nội từ ngàn xưa; đất mường có vườn rau xanh tươi tốt, có ao cá trong xanh. Chúa xin trở về quê cũ.

Phạ Phi Phạ cho con trai chúa giữ các chức lớn ở đất Lào. Ải Ún con cả chúa được làm xen khoa. Han Phai Tòng, con thứ bảy chúa làm mứn. Nhộc Nha Lợ con thứ tư chúa được "ăn" suốt dọc dải đất ven sông Mã và Mường Thanh. Phạ Chẩu coi tạo như cánh tả của mình. Tạo Piếng trông coi đất Mường Puổn được coi là cánh hữu của Phạ Chẩu. Chiều ý chúa, Phạ Chẩu thu xếp cho Ngu Háu về quê cũ làm chúa. Đến nơi, chúa lo sắp lại bản mường. Con Mường là con thứ, được chúa cho ở cùng, giúp chúa trông coi đất Mường Muổi. Ta Cầm là con út được đi "ăn" đất Mường Húa, Mường Quài. Chúa dựng nhà cúng đẳm, cúng hồn ở đất Chiềng Ten, Chiềng Cang.

Ít lâu sau, vì tuổi già sức yếu, chúa muốn tìm nơi có thịt ngon, cá lớn, có ngọn rau non, có lá trầu tươi nên về nghỉ ở đồi Muôn Mường Xại. Chúa để đất Mường Muổi cho Con Mường giữ. Nhà cúng đẳm, cúng hồn chúa để Con Mường coi.

Chúa Ngu Háu sống đã nhiều năm, hưởng nhiều mùa lúa. Chúa chống gậy lên chầu Then.

Con Mường báo tin cho Ta Cầm biết. Hai anh em sai người tâu lên Phạ Chảu đất Chiềng Đông, Chiềng Tòng. Phạ Phi Phạ cho Ải Ún, tạo Piềng, Nhộc Nha Lợ, con chúa Ngu Háu kéo binh cùng tôi tớ, gái trai, mang theo nhiều trâu đực, trâu cái, ngựa đỏ, ngựa đen, nồi đồng bốn tai, vải khít, vải pè, vòng vàng, nhẫn bạc về phúng viếng hồn chúa. Vì quân binh về đến Mường Quà đông quá, con Mường sợ có ý khác chạy xuống nương tựa triều đình. Ba anh em sai binh mời Con Mường về, nhưng tạo vẫn sợ không dám về. Triều đình bèn cho Con Mường đi ăn đất Mường Vẩy, Mường Cái.

Sau khi thu xếp mai táng cha xong, vì đất Mường Muổi không ai làm chủ, anh em rút về tâu lại Phạ Chảu Phi Phạ. Phạ Chảu tạm để Cho Ngôm ở lại trông nom bản mường. Con Mường trộm kéo quân về cướp lại Mường Muổi bắt giết Cho Ngôm. Tin đó đến vua Lào. Phạ Chảu sai tướng Phồn Luông lấy binh vùng Mường Thanh và ven sông Mã về đánh Con Mường. Con Mường thua, bị bắt và bị giết ngay ở Mường Muổi.

Phạ Chảu cho Ta Cầm ăn đất Mường Muổi. Ta Cầm chê mường bé không đủ ăn, voi ít không đủ cưỡi. Phạ Chảu cắt thêm đất từ Hin Xong Phòng đến Mường Húa, Mường Quài cho nhập vào đất Mường Muổi. Lúc đó Ta Cầm mới bằng lòng.

Ta Cầm lấy nàng Cầm Lạn con ông Phồn Luông ở đất Phúng, đất Cha sinh ra các tạo: Ta Ngần, Ta Đếch, Ta Tòng, Ta Hin, Ta Đăm, Cầm Nặm Nàn, tạo Ten, Xóng Khuôn và các nàng: nàng Nọi, nàng Muổi.

Ta Cầm thu xếp việc bản mường cho quan Tang, con trai quan Vầy làm pần, Cầm Xen làm mo, tạo Lò làm ho luông.

Khi con chúa đã cao bằng khiên, lớn theo bản, theo mường, chúa mới phân chia cho đi ăn các nơi:

- Chúa Ta Ngần ăn Mường Lầm. Ở đó, To Phít làm pần, Ải Phùn làm pọng, già Quài làm ho luông.

- Ta Đếch ăn Mường La. Ở đấy, Phi Nha Ngam làm pần. Quài Hựa làm ho luông.

- Ta Tòng ăn Mường Mụa. Ở đây, Nộc Tòng làm pần, Xáy Tòng làm ho luông.

- Ta Hôn ăn Mường É.

- Ta Đăn ăn Mường Quài.

- Cầm Nặn Nàn ăn Mường Húa và Chiềng Đao.

- Tạo Ten ăn Chiềng Muôn, Mường Xại.

- Xong Khuôn ăn Mường Bú.

Chúa gả nàng Nọi đi đất Kinh, nàng Muổi cho Xen Tay Nhó Chảu.

Ít lâu sau, thấy mình tuổi già sức yếu không đi chầu Phạ Chảu được, chúa mới về Mường Quài ở cùng Ta Đăm và sai bô lão đi mời chúa Ta Ngần tới thay. Nhưng Ta Ngần còn đang bận làm lễ cúng hồn. Hơn nữa, vì chưa có vợ, nên chúa chưa thể về ngay được. Biết tin, Ta Cầm mới cử ông Bẩu Ngòi Chạng Chính Ngòi Hua Chua cùng hai ông khun Lùn và quảng Hài đến hỏi nàng Xen Mương, con gái chúa Xo Mơi Tăng Ca Pét Lạn, chủ lớn đất Mường Lay. Tạo Mường Lay ưng gả. Sau đấy, chúa Ta Ngần vâng lời cha về làm chủ đất Mường Muổi.

CHƯƠNG IV

TA NGẦN XÂY DỰNG MƯỜNG MUỔI, PHÁT TRIỂN THẾ LỰC KHẮP VÙNG SÔNG ĐÀ - SÔNG MÃ

Chúa sắp xếp công việc bản mường. Chúa cử quan Tang con quan Vầy làm pần, Ta Cầm làm pọng, già Đôi Ngần làm chá hườn luông. Ta Ngần sinh ra các tạo: Pha Nhù, Ngua Cho Lún, Mứn Hầm, Cầm Ban, tạo Dè Duông Cầm, tạo Pon.

Chúa Ta Cầm mất. Chúa Ta Ngần sai người đưa thư báo cho Ta Đếch ở Mường La, Ta Tòng ở Mường Mụa cùng về Mường Quài tổ chức lễ

an táng cho cha. Hai tạo có lòng xấu không đến, xin quân ở Mường Lay, Mường Là về đánh chiếm đất Mường Muổi, bắt gia quyến Ta Ngần trong đó có Xong Khuôn đưa lên Mường Lay. Bà Xen Mường vợ Ta Ngần (con gái chúa Mường Lay - ND) tức quá chạy ra sàn nhà, mắng quân Mường Lay, Mường Là: "Bố chồng ta vừa mất, các người không biết ư? Nhẽ ra đang lúc buồn rầu, các người phải về an ủi con gái chúa mới phải, nay lại về cướp phá bản mường gây thêm tang tóc, làm nhà cửa thêm tan hoang. Các người đã trồng cây nay lại tự nhổ, trồng dâu, nay lại tự chặt. Đất bên lúng ta mà làm bậy thế ư?". Nghe vậy quân Mường Lay, Mường Là xấu hổ bỏ về.

Khi đó, ở đất Chiềng Đông, Chiềng Tòng, Phạ Phi Phạ đã mất. Phạ Xam Xen Tày lên thay.

Sau khi làm lễ an táng cho bố xong, Ta Ngần đi tâu Phạ Chẩu chuyện Ta Đếch, Ta Tòng về cướp phá bản mường. Phạ Chẩu bèn phái chá Mứn Luông, Mứn Cang cầm quân về xem xét phải trái. Khi binh Phạ Chẩu đến Mường Quài, Ta Đăm ra lạy, nên được trông coi bản mường như cũ. Đến Mường É, Ta Hin cũng ra lạy, lại mổ cỗ trâu ăn mừng, nên lại được làm chủ Mường. Chá Mớn tới Mường Muổi rồi xuống Mường La. Ta Đếch sợ quá chạy vào vùng Che Kẹ, Che Cẩm. Chá Mứn sai quân vây chặt bắt được Ta Đếch đem giết, bắt được gia quyến đem về làm tội. Quân chá Mứn lại kéo xuống Mường Mụa. Ta Tòng ra tâu đổ cho anh là Ta Đếch: "Phận làm em, anh bảo sao nghe vậy". Chá Mứn không cho Ta Tòng làm chủ mường nữa và buộc đi ăn đất To Mẩn; rồi để Chẩu Kết làm chúa Mường Mụa.

Tiếp đó, ông về Mường Muổi phong Ta Ngần làm chủ ở đó. Mọi việc đã xong, chá Mứn về tâu với Phạ Chẩu.

Bản mường yên ổn, Ta Ngần mới phái Nho Nha Điêu lên Mường Lay đón Xong Khuôn trở về và cho Xong Khuôn đi ăn đất Mường Bú, Mường Khoa đến tận bản Kẹ.

Lúc đó, khun Mong ăn đất Mường La. Nhưng vì đó là nơi "nước đầu nguồn", nên Xong Khuôn không phục. Ta Ngần phải cho khun Mong đi làm chúa Muổi Nọi và cử Duông Cẩm làm chủ Mường La.

Duông Cẩm lấy nàng Ủa ở Mường É sinh ra tạo Ải Têm Mường và tạo Nố.

Thuở đó, bên Chiềng Đông, Chiềng Tông, giặc nổi lên ở đất Chiềng Ten, Chiềng Từm. Phạ Chảu Xam Xen Tày phái chá Mứn Luông, mứn cang cầu cứu Ta Ngần. Chúa bèn cử hai tướng giỏi là Xong Khuôn và Mứn Hầm thay mình đi đánh giặc. Trước khi đi, hai tướng đã chọn được mỗi người một thanh gươm sắc nhất trong số ba mươi thanh gươm vỏ bạc, vỏ vàng của chúa đã trao. Hai tướng kéo đại binh đến gặp Phạ Chảu. Phạ Chảu rất mừng, cho hai tướng chọn lấy mỗi người một thớt voi khoẻ nhất trong số hai mươi thớt voi của mình.

Chuẩn bị xong xuôi, được ngày lành tháng tốt, quân tướng của Xong Khuôn và Mứn Hầm kéo vào đánh phá từ Chiềng Ten, Chiềng Từm đến tận Hin Xốm Phun, Nặm Hầm, Pha Đăm, Pha Đeng. Quân hai tướng đi đến đâu thắng đến đó vì có lưỡi gươm sắc, có voi hùng, có quân tướng gan dạ không sợ chết. Giặc tan, hai tướng trở về Mường Luông trình Phạ Chảu. Vui mừng, Phạ Chảu tặng thưởng hai tướng và quân quan vàng, bạc, ngà voi rất nhiều, rồi làm lễ tiễn đưa hai tướng về với chúa Ta Ngần. Ta Ngần ở nhà biết tin sai bô lão đi đón. Hai tướng đến nơi, quỳ trước mặt chúa tâu rằng: "Mọi việc đã xong, quân ta thắng trận, xin dâng lên chúa tất cả lễ vật của Phạ Chảu". Chúa vui mừng sai bô lão mở tiệc khao quân và làm lễ cầu hôn nhân dịp quân tướng trở về bình yên. Xong Khôn lại trở về Mường Bú. Còn Mứn Hầm ở lại với cha.

Ít lâu, ở Mường Lay có giặc Án Păn, Án Nham ở Mường Tiêng, Chiềng Khem, Mường Muôn về cướp phá. Vì chống cự không nổi, chúa Pét Lạn phải chạy về cầu cứu chúa Ta Ngần. Chúa sai tướng Pha Tu, Me Hạng lên dàn xếp. Đến nơi Me Hạng cho gọi Án Păn, Án Nham cùng Pét Lạn đến làm lễ ăn thề, nguyện không được tranh cướp nhau, ai về đất mường mình như cũ. Me Hạng dàn xếp xong trở về Mường Muổi. Chút Pét Lạn đội ơn gả nàng Bo Phai làm lẽ chúa Ta Ngần và cắt đất từ thác nước Chiềng Hin Tẳng đến Ít Ong, Chiềng Chạn, Vạn Áng nộp chúa. Chúa cử Xửa Pá Phạ làm chủ Mường Chiến. Xửa Chảu Phạ làm chủ Mường Dôn, Xửa Ngựt Phạ làm chủ Mường Chai. Còn dải đất từ Pia, Vàn, Chiềng Chan, Vạn Áng cho thuộc Mường Bú dưới quyền Xong Khuôn, cánh phải của chúa.

Thời đó, phạ Nghịa nổi lên đuổi phạ Xam Xen Tày chiếm giữ đất Chiềng Đông, Chiềng Tông. Phạ Nghịa lại lo sợ con là phạ Ngùm "sinh ra ở cánh đồng giữa trưa" nên bỏ con lên cho bè trôi về đất Chiềng Xôm,

Chiềng Xa. Người Lào phía dưới đem Ngùm về nuôi lớn. Khi đã cao bằng khiên, phạ Ngùm Ngược dọc Nặm Xanh vào Mường Bòn, Mường Lầm tới Mường Muổi cầu cứu Ta Ngần xin binh đánh bố phạ Nghịa. Phạ Nghịa sợ chạy vào Mường Dôn, Mường Tao. Phạ Ngùm lên làm chủ Chiềng Đông, Chiềng Tông, không bao lâu lại bị phạ Xam Xen Tày đem quân về bắt giết và lên làm chúa như cũ. Chúa cho tạo Pon, con chúa Ta Ngần làm xen luông; cho Pạ Pang làm tướng cách phải, cho Mứn Chẩu làm Mứn Luông.

Chúa Xam Xen Tày rất lo sợ chúa Ta Ngần, muốn hoà hoãn cho bản mường được yên ổn, sai quản tượng giỏi là bà nàng Ủa Xong Cầm Dương đem đôi voi có ngà bọc bạc, bọc vàng tên là voi óc, voi ác đi cống chúa Mường Muổi. Chúa đem voi tiến vua Thái Tổ, Thái Tông ở đất Kinh. Nhưng vua không vừa lòng vì voi muốn quay về chủ cũ. Chúa Xam Xen Tày lại phải chọn lấy đôi voi có ngà bắt chéo rất hùng, rất khoẻ, sai phốn Dôn, phốn Bun đưa qua chúa Ta Ngần tiến vua Kinh.

Vua Lê rất ưng thích đòi Ta Ngần đem vải khít có màu sặc sỡ xuống làm gối và đệm cho voi nằm. Chúa thu được ba ngàn ba trăm "chẩu" vải rồi cử tạo Dè mang xuống nộp vua.

Nhờ vậy, chúa được vua tin cậy, phạ Chẩu kính mến. Vua Kinh ban sắc phong chúa làm chủ cả một vùng rộng lớn, những nơi có dân ở nhà sàn, áo đỏ bao gồm: miền ba dải đất vùng chín ngọn nước đến miền chỗ sông Hồng và sông Đà gặp nhau; từ miền người Mọi, người Mang ở Mường Pí, Mường Xàng đến vùng đầu sông Thao nước đỏ; từ miền Chu Nhi, Chu Phụng, Che Lạn, Chiềng Luống đến tận miền ngọn sông Đà sông Nặm Na.

Ta Ngần phân chia bản mường cho con cái, họ hàng và cử các bô lão chức dịch làm lam các nơi để thu nhận lễ vật. Trước khi chia, chúa có lời khuyên răn mọi người: "Đầu bản, cuối mường đều cánh phải, cánh trái của chúa. Các tạo không được tranh giành nhau làm bản mường loạn lạc, dân chúng đói khổ, tan tác. Hằng năm phải mang đồ cống nạp chúa Mường Muổi".

- Xong Khuôn, cánh phải của chúa, làm chủ Mường Bú, làm lam mường Vang, Mường Vẩy, Mường Cái.

- Mứn Hầm làm chủ Chiềng Muôn, làm lam Mường Xôm, Mường Tông.

- Duồng Cầm làm chủ Mường La, làm lam Mường Chính, Mường Mọi.

- Cầm Ban làm chủ Muội Nọi, làm lam Mường Cúc, Mường Át.

- Cầm Pon làm chủ bản Bó, làm lam Mường Pục, Mường Mảnh.

- Pha Nhù làm chủ Mường Piếng, làm lam Mường Vân, Mường Vành.

- Tạo Đè làm chủ bản Lụa, làm lam Mường Táng, Mường Luông.

- Ta Đăm làm chủ Mường Khiêng, làm lam Mường Cứu, Mường Hàm.

- Già Nhang Cun làm lam Lò trên.

- Han Xưa làm lam Lò dưới

- Già Mòn nọi Ngần Păn làm lam Mường Tấc, Mường Pùa.

- Già Nha Hôn làm lam Mường Muông, Mường Én.

- Phan Chay làm lam Mường Mụa, Mường Vạt.

- Pha tu Me Hạng làm lam Mường Mộc, Mường Xanh.

Đó là những đất mạn dưới Mường Muổi.

- Ong Phồng Kin Má Tếnh Hua làm lam Mường Báng.

- Xưa Kin Chụ Me Hạt làm lam Mường Quài.

- Khun Lù và Quảng Hài làm lam Mường Lay.

- Bầu Ngòi Chạng Chích Ngòi Hua Chua làm lam Mường Xo, Mường Là.

- Nhi Nha Hôn làm lam Chiêng Pi.

- Cầm Xen Xẩu làm lam Mường Kiềng, Chiềng Lè

- Quan Vẩy làm lam Mường Ten, Chiềng Luông.

- Ải Phùn làm lam Mường Chúp, Mường Mị.

- Quan Tang làm lam Mường Hin, Mường Tè.

- Chạng Táng Hai làm lam Mường Mả, Mường Xát.

- To Phít làm lam Mường Vi.

- To Cầm làm lam Mường Bám.

- Pha Lôm Lạnh làm lam Mường Ẳng.

- Già Quài Hựa làm lam Mường Mùn.

Đó là những đất mạn phía trên Mường Muổi.

Tiếng tăm Ta Ngần lừng lẫy nên Phạ Chẩu cũng nể và nhường thêm đất đai cho chúa. Vùng đất rộng lớn suốt từ ba mươi đường nước ven sông Nặm Na, từ Khâu Cầm, Nguổng Hì, Pu Pi, Ang Lạnh, Hua Cảnh, Long Chuông, bao gồm cả miền đất Mường Thanh, dọc ven sông Mã, đất Ẳng, Lằng, Húa, Quài, Tanh, Pục, Nà Lơi cho tới tận miền núi Pha Hà, Chiềng Xét, Xốm Ét mạn phía trên.

Sau khi được phong đất, hằng năm chúa đem lễ vật xuống tiến vua Kinh và biếu Phạ Chẩu đất Lào.

Chúa Tà Ngần đã sống nhiều năm, hưởng nhiều lúa. Chúa mất để lại bản mường cho Phạ Nhù xếp đặt.

CHƯƠNG V

MỨN HẲM LÀM CHÚA MƯỜNG MUỔI KHOA NGẤM LỘNG QUYỀN ẢI TÊM MƯỜNG XÂY DỰNG MƯỜNG LA

Từ lúc Phạ Nhù lên làm chúa, dòng họ tạo giống như cây khô bị ngấm nước nên chóng mục. Chúa không chăm lo sắp đặt công việc bản mường. Bô lão tả hữu khuyên răn chúa, chúa để ngoài tai, chỉ nghe lời xúc xiểm. Chúa tham lam của cải, không biết thương người già, con trẻ, hay ức hiếp con gái. Chúa cậy thế, động một chút là nhăn mặt, nắm chuôi gươm, trái ít bắt phạt trâu, trái nhiều bắt làm tôi tớ, nhân dân oán thán, bô lão không phục, không tin sang kiện Phạ Chẩu.

Thuở ấy, đất Chiềng Đông, Chiềng Tông, Phạ Xam Xen Tày đã mất, Phạ Lạn Cầm Đeng thay.

Sau khi các bô lão Mường Muổi sang kiện về việc Phạ Nhù, Phạ Lạn Cầm Đeng sai xen Cang Hốc đến Mường Muổi xem xét. Nhưng vì có mặt Phạ Nhù nên không ai dám nói thẳng với sứ giả. Xen Cang Hốc đành mời Mứn Hầm và Phạ Nhù sang Mường Luông. Các bô lão, các khun, các tạo cũng phải sang theo. Tại triều đình, Phạ Chảu lúc đầu hỏi ai tốt, ai xấu. Bô lão chỉ trả lời: "Tạo mường ai cũng tốt cả, chỉ có con hổ, con gấu mới ác thôi". Sau Phạ Chảu sai chia sân ra làm hai và truyền cho Phạ Nhù và Mứn Hầm mỗi người đứng một bên. Phạ Chảu nói: "Tất cả bô lão, khun, tạo ai ưa Phạ Nhù thì đứng sang bên Phạ Nhù, ai thích Mứn Hầm thì đứng sang bên Mứn Hầm". Hầu hết mọi người đều sang với Mứn Hầm, bên Phạ Nhù chỉ có tám người.

Mứn Hầm được làm chúa Mường Muổi, còn Phạ Nhù phải đuổi đi cho ăn đất tận miền ngọn sông Nậm U, miền Pù Phang. Ở đó, tạo sinh ra tạo Cầm Bong và nàng Cầm Tòng.

Mứn Hầm lại xếp đặt lại mọi việc trong bản, trong mường. Chúa cử ông Xứa Cang làm pần; ông Xứa Pá Viềng làm mo.

Chúa lấy nàng Cầm Pâng, con tạo Cầm Kẻo Pha Kén ở đất Púng, đất Cha sinh ra tạo mứn Pú, Mứn Lạn. Chúa cho mứn ở cùng, cho Mứn Lạn đi làm chủ Chiềng Pấc.

Ở đất Chiềng Đông, Chiềng Tông, phạ Lạn Cầm Đeng mất. Phạ Nhưng và phạ Chích Cầm tranh làm chủ. Được xen Khoa, xen Han và Mứn Nọng ở mường dưới giúp đỡ, Chích Cầm đem binh đánh Phạ Nhưng, Phạ Nhưng sợ, định chạy vào Mường Đô, Mường Tòng, Chao Tẩu chẳng may đến giữa đường bị Mứn Nọng phục giết mất. Tưởng thế đã yên, nào ngờ phạ Xam Mứn ở Mường Thanh cũng cậy thế dòng dõi Phạ Chảu cất quân đánh phạ Chính Cầm. Ông cử Cầm Bong tới đòi Mứn Hầm cầm binh đi giúp. Mứn Hầm không đi, chỉ cử tạo Pâng ở Mường Muổi, tạo Đeng ở Mường La, pọng Đôn ở Mường Xại, pọng Phạ ở Mường É, pần Ngần ở Mường Pểng, ho hé ở Mường Khiêng, quảng Đếch ở Mường Chanh lên giúp phạ Xam Mứn. Phạ Xam Mứn không vừa lòng, cho Cầm Bong đem nghìn ba trăm quân đánh Mứn Hầm, Mứn Hầm sợ chạy bỏ bản mường lớn nhờ tạo Cướt Cầm ở Mường Lay. Tạo cho chúa đi ăn đất Mường Lự, Mường Xo.

Mứn Pú, Mứn Lạn ra hàng Cầm Bong. Cầm Bong làm chủ Mường Muổi. Chúa sai Mứn Pú, Mứn Lạn đem binh lên Mường Thanh giúp phạ Xam Mứn. Khi đến Mường Quài, có người khuyên hai tạo "đất dòng Phạ Chảu vẫn sẽ thuộc con cháu Phạ Chảu. Đất đó còn vững chắc như cầu bằng gỗ lim, gỗ sến, đất Phạ Chảu nay voi còn đầy gầm sàn nào đã có con nào chết". Hai tạo cho mo đi bói lại thấy" đi thì bất lợi, trở về đuổi Cầm Bong thì hợp ý trời hơn", bèn làm y lời khuyên và lời bói. Cầm Bong trở tay không kịp, chạy đến Mường Lầm, Mường Bon thì bị binh mứn Bú, mứn Lạn giết chết.

Lấy lại được Mường Muổi, hai anh em sai người lên đón mứn Hầm về. Mứn Hầm ơn Cướt Cầm đem trả lại chúa vùng đất khi xưa chúa Pét Lạ cắt cho Ta Ngần. Bất đồ, nhân cơ hội đó, Cướt Cầm trở mặt chiếm lấy đất Chiềng Muôn. Mứn Hầm thấy vậy cầu cứu Duông Cầm ở Mường La. Duông Cầm vốn người thẳng thắn, nóng nảy, thấy anh bị gặc uy hiếp, đem quân lên cứu, Tạo đóng quân ở đồng Táng, ruộng Vai, thúc mứn Hầm ra quân trước, mứn Hầm trì hoãn lấy cớ còn bận cúng hồn, đẩy Duông Cầm một mình đi đánh quân Mường Lay. Chúa có ý xấu nghĩ nếu Duông Cầm có bị thua, quân Mường Lay tất cũng yếu, lúc đó ra quân sẽ thắng hoặc sẽ cầu hoà. Đúng vậy, Dương Cầm tin anh mình sẽ tiếp quân, nên kéo binh đánh giặc ở đồng Dôn, đồng Tòng. Đánh lâu mà quân ứng cứu không thấy, quân tạo vỡ. Tạo bị quân Mường Lay, Mường Là giết chết. Lúc đó, mứn Hầm mới cầu hoà với Cướt Cầm. Quân bên nào bên đó rút như đã định.

Tình thế đã yên ổn, mứn Pú, mứn Lạn xin trao đất mường lại cho cha. Nhưng mứn Hầm không nhận vì nghĩ khi gặp thời buổi khó khăn, hai anh em đã tự chèo chống được. Chúa trao bản mường cho mứn Phú, mứn Lạn rồi về "ăn" đất Chiềng Muôn. Mứn Pú lên làm chúa Mường Muổi, cho mứn Lạn “ăn” Chiềng Pấc, tạo Hốc, tạo Pâng “ăn” Muổi Nọi.

Từ khi Duông Cầm chết trận, Mường La không có chủ. Con chúa là Ải Têm Mường còn nhỏ chưa trông nom được bản mường. Nhân cơ hội đó, Khoa Ngấm giết tạo Dôn, tạo Năm cướp quyền làm chủ đất Mường La. Ông mưu diệt Mường Muổi, xúi giục mứn Pú lật đổ mứn Lạn. Mứn Lạn sợ chạy về cầu vua Hồng Đức, nhà vua sai quân lên bắt mứn Pú đóng cũi giải về Kinh. Mứn Lạn được trở về làm chúa Mường Muổi và cho Pần mường đi ăn đất Chiềng Pấc. Khoa Ngấm lại lôi kéo Pần mường, xúi tạo Pâng, tạo Hốc phản giết mứn Lạn.

Được tin mứn Lạn chết, Khoa Ngấm vờ như có ơn nghĩa với mứn Lạn, kéo binh cùng Pần mường lên cứu Mường Muổi. Khi quân hai tạo đã tiến vào Chiềng Đi, hai tạo nổi chiêng trống thức tỉnh dân mường. Trai tráng trong mường ồ ạt kéo đến nhà chúa mứn Lạn. Ở đó, Khoa Ngấm và Pần mường đã bắt trói tạo Pâng, vu cho tạo Pâng phản nghịch giết mứn Lạn. Trai mường mới giết chết tạo Pâng. Khoa Ngấm cử Ải Têm Mường đuổi bắt giết nốt tạo Hốc ở Pú Hứa, Nậm Hào. Trong khi đó, ở Mường Muổi, Khoa Ngấm, Pần mường giết chết cả con cháu tạo Pâng, tạo Hốc.

Lại nói, khi tạo Pâng, tạo Hốc vào giết cả nhà mứn Lạn, con nhỏ còn bú sữa của mứn Lạn là Ngần Pần Na được bà già Lào Lọt và các khun Lù, khun Xam là kẻ hầu người hạ trong nhà ẩm xuống gầm nhà và sau đem đi ẩn ở bản Xíp Pá Nưa. Ít lâu, họ mang con chúa sang nương nhờ tạo Cầm ban ở Mường Piếng. Cầm Ban sợ mường mình nhỏ sau con cháu khôn lớn không đủ ăn, bèn nói với người đi theo "nước nhỏ không chứa được cá chấm, mường nhỏ không đủ nuôi con cháu" và sai người đưa Ngần Pần na xuôi thuyền xuống ở nhờ ông tư mã, tư đồ ở Mường Xang.

Khoa Ngấm lên làm chủ cả Mường Muổi. Nhưng bô lão không phục, truất đi đưa Pần mường lên làm chúa. Pần mường sinh con là Cầm Vinh, Cầm Xi Lặng, Cầm Ban. Chúa cho Cầm Vinh ở cùng. Cầm Ban làm chủ Chiềng Muôn, Cầm Xi Lặng làm chủ Mường É. Khoa Ngấm lại về làm chủ Mường La.

Lúc đó, Ải Têm Mường "ăn" bản Lái, bản Lồng, Pần mường không ưa cho là ăn nhiều quá, rút chỉ cho ít ruộng rất xấu. Ruộng bé cấy được có bảy con mạ, thu được hằng năm có một bung, thóc lép nhiều, mẩy ít. Hằng năm, tạo lại phải nộp cống cho Pần mường vì "ruộng đó vẫn hai chủ, thóc đó vẫn hai tạo ăn". Nhưng Ải Têm Mường vẫn sống đủ vì các bô lão và nhân dân thương yêu đùm bọc. Bô lão lúc này theo Ải Têm Mường có các ông: quan bản Hốc, bản Mời, bản Xói, bản Púa, bản Lầu, bản Nhọt, cùng hai ông Mo tên là Lù và Bứa, Ải Têm Mường sau lấy nàng Khót Ngần con Khoa Ngấm. Khoa Ngấm mới cho Ải đi ăn đất Bản Cấp, Bản Cút, Bản Ún, Mường Bon, bản Củ, Bản Kéo, Bản Cơi, Bản Pòn, Bản Khau Hay, Bản Ủng, Bản Áng. Vùng này khí hậu khô nóng, mùa hay bị mất. Sau Ải Têm Mường lại xin được Khoa Ngấm cho về "ăn" đất Mường Khiêng nhân dịp pần Tòng Xan chủ mường ở đó chết.

Lại nói Ngần Pần Na ở với chúa Mường Xang, Mường Mộc đã được nhiều mùa lúa. Khi tạo khôn lớn, quan tư mã, tư đồ mới đưa Pần Na đi hầu vua. Vua ban ấn sắc phong cho Pần Na tước hầu, làm tổng binh xứ và sai quan tư mã, tư đồ lấy binh của Mường Tấc, Mường Pùa, Mường Vạt đưa Pần Na về quê cũ. Pần Mường bị bắt đưa về giết ở đất Kinh. Pần Na lên làm chúa Mường Muổi. Phải trái rõ ràng, mọi người đều vui vẻ.

Ngần Pần Na lấy nàng Ngần Chăn con tạo Cầm Lả Mường Xang sinh ra các tạo: Nhì, Pở, Pàn, Chăn, Pành Mường, Pành Kẻo và bun Xung.

Thuở đó, ở Mường Lay, tạo Cầm Ky đương làm chủ. Cậy dòng dõi Cướt Cầm, tạo Cầm Tun ở Mường Bôm về cướp Mường Lay. Cầm Ky đánh không nổi, lại cầu cứu Ngần Pần Na. Chúa đưa Cầm ky về hầu vua Hồng Đức. Vua ban ấn sắc cho tạo về ăn đất Mường Lay. Tạo Tun sợ hãi trở về Mường Bôm như cũ.

Ở Mường La, Khoa Ngấm tuổi già, cậy thế không tới hầu con cháu, khước từ nộp cống vật cho Ngần Pần Na. Tạo cũng không chịu nộp lễ vật hằng năm cho vua Kinh. Vua Kinh đem binh lên hỏi tội. Khoa Ngấm chạy vào Che Tòi. Binh vua vây bắt được đem giết. Thế là Mường La tan hoang, lợn lê đuôi qua, nai lê sừng lại. Bản mường thành vũng nước trâu đầm.

Chúa Ngần Pần Na cho tạo Tòng đi làm chủ Mường La. Đến nơi tạo bị ốm phải quay về, ngang đường thì mất. Ngần Pần Na lại sai viên ho hé lấy áo của Ải Têm Mường ở Mường Khiêng về bói. Được điểm tốt, lại thấy Ải Têm Mường là dòng dõi tạo Duông Cầm, chúa thu xếp cho tạo làm chủ Mường La. Vì Ải Têm Mường nghèo. Mường La lại bỏ tan hoang nên Ngần Pần Na cho các quan bản: Bản Tồm, Bản Dồm, Bản Lút, Bản Xan, Bản Cụ, Bản Cá, Bản Pọng, Bản Mòn và hai ông mo Lỷ và Bứa cùng đi. Ngoài ra, chúa còn cấp cho Ải Têm Mường nào là gươm chuôi ngà, áo dát bạc, dát vàng, voi, ngựa cả yên, chiêng, trống, cong, áo dài đen khâu vải xanh đỏ sặc sỡ.

Chuẩn bị đầy đủ, Ải Têm Mường khua chiêng gõ trống, kéo bô lão, dân chúng rời Mường Khiên theo đường Nong Đứa, Nong Bó Khương đến hang Phẳng. Đến đấy gặp điềm xấu, tạo bèn quay lại. Được ngày lành

tháng tốt, tạo sai mo Lù, mo Bứa, bói tìm đường tốt để đi. Đoàn tạo đi đường Khau Heo, Mạ Lu, Lả, Thúm, Lè, Lào, Niểu, Nam, Phiêng Nghè, về Bản Có, Bản Thé, Nà Mòn. Từ Nà Mòn, tạo tiến vào cánh đồng chính của Mường La. Đó là đồng Phủ, đồng Bản Cá. Đến đây đoàn gặp một người đàn bà Xá đeo gùi bạc đang rẽ vào Bản Cá. Thấy đoàn người đông, bà ta sợ bỏ gùi lại chạy mất. Tạo cho là điềm tốt, điềm được của, nên đổi tên Bản Cá thành bản Xả Chiềng Ngần (Xá cho bạc - ND) và lấy bản này làm chỗ ở tạm thời , chỗ cho người già, con trẻ buộc địu, đeo võng. Chúa bắt đầu cho trai, gái phát rừng lau rừng sậy lập bản, làm ruộng. Năm đầu mới phát được một vùng từ Bản Kẹ đến Chiềng Ngần, Bản Cá. Năm sau, chúa cho người gọi dân chúng trước tránh nạn ở ven Nặm Pàn về. Nhờ đó, chúa có thêm người, thêm sức để khai phá. Dân chúng lấy trâu hoang để cày ruộng. Họ bẫy mãi mới bắt đủ trâu cày. Cứ hai nhà chung một con, ba nhà chung một trâu. Ải Têm Mường dựng nhà ở Chiềng Cầm làm nơi cúng đẳm, cúng hồn. Dần dần bản mường mới thành đất phủ, đất châu như cũ.

Ải Têm Mường sinh con là: Cầm Mựt, Cầm Kheo, Cầm Cong, Cầm Lài.

Lại nói đến Ngần Pản Na chúa Mường Muổi. Hằng năm, chúa về chầu vua. Có một lần, chúa dám nghịch nàng hầu của vua. Người trong triều bắt được tâu vua. Vua cả giận, đóng cũi tống ngục. Ở tù được hai, ba năm, chúa đút lót người coi ngục chạy trốn theo đường sông Đà vất vả nhiều ngày mới về được Mường Muổi.

Chúa đã tưởng được ăn ngon ngủ yên. Nào ngờ, vua lại sai quan tham đốc Thái Vang(?) đến tận nơi đòi bắt về. Chúa sợ hãi sai tạo Nhi mang bốn trăm sải vải, vàng bạc, châu báu, ngà voi, sừng tê, với các của quý nhất ở đường rừng xuống xin vua tha lỗi. Vua thương lên cho Ngần Pản Na làm chúa Mường Muổi như cũ.

Nhưng sau chúa lại nghe người Lào, người Lự, Người có đùi xăm, đùi vằn dụ dỗ, đem gia quyến sang nương tựa đất Chiềng Đông, Chiềng Tông, bỏ bản mường vô chủ. Tức giận, nhà vua sai người sang gọi chúa về, nhưng chúa không theo. Vua bèn đem binh đi đánh chúa ở đất Pùng, đất Cha, biến mường này thành vũng nước trâu đằm. Chúa chống cự

không nổi, xin hàng và muốn về làm chủ Mường Muổi như cũ. Nhà vua không nghe bắt chúa về làm ruộng. Được ba bốn mùa lúa chín, hằn thù chúa một lớn, gan mật chúa một to, chúa sai người đưa thư cầu cứu vua Hán. Ý chúa muốn mượn binh Hán diệt Kinh để cho mình làm vua cả đất Kinh và làm tôi đòi cho Hán. Bất đồ, có người biết báo nhà vua. Nhà vua sai người chặn các ngả đường, bắt được kẻ cầm thư và xử tội giết Ngần Pần Na và các con là tạo Pợ, tạo Pàn, tạo Chăn, Pành Mường, Pành Kẻo. Đến lúc định giết nốt tạo nộc tức bun Xung, sấm dậy tiếp ba hồi. Nhà vua sai người bói thấy tạo Nộc thực sự là con trời, bèn không giết và để lại mong sau này sẽ sử dụng. Nhà vua thích mặt tạo Nộc ngang dọc và đầy đi ở đất Mọi, đất Mang.

CHƯƠNG VI

BUN XUNG ĐƯỢC VUA KINH ĐƯA VỀ LÀM CHÚA MƯỜNG MUỔI. CHÚA BẦU ĐIỀU CHÚA ĐẤT THÁI DIỆT MẠC, PHÒ LÊ. MƯỜNG LA DẦN CƯỚP QUYỀN LÀM CHỦ VÙNG CHÍN CHÂU THÁI

Ở Mường Muổi: Cầm Vinh làm chủ, sinh con là Cầm Bạch Lùn, Cầm Bạch Cố, Cầm Bạch Hoà và nàng Ún Xuân.

Chúa cho Cầm Bạch Lùn ở cùng cho Cầm Bạch Cố ăn đất Mường É, cho Cầm Bạch Hoà ăn đất Mường Piểng. Cầm Vinh mất. Nhân Cầm Bạch Lùn còn nhỏ, Cầm Ban xuôi về tâu vua Hồng Đức. Vua ban ấn sắc cho Cầm Ban làm chúa Mường Muổi. Cầm Ban sinh con là Cầm Nhân Hoà, Cầm Nhân Xơ. Chúa cho Cầm Nhân Hoà ở cùng và cho Cầm Nhân Xơ đi ăn Chiềng Pấc. Cầm Ban mất, Cầm Nhân Hàa lên thay.

Ở Mường La: Ải Têm Mường mất. Cầm Mựt lên làm chủ. Cầm Mựt tham lam trai gái, không thẳng thắn. Bô lão không phục xin Cầm Nhân Hoà cho Cầm Kheo thay làm chủ. Cầm Nhân Hoà ưng cho.

Cầm Kheo mất, Cầm Pành thay.

Cầm Pành lấy nàng Ngần Chăn, con Cầm Lả ở Mường Vạt sinh ra Cầm Ún Mường, Cầm Chom, Cầm Pần, Cầm Mứn, Cầm Xâu và Cầm Phấu.

Cầm Pành cho Cầm Ún Mường đi ăn Mường Bú, cho Cầm Chom ở cùng. Nhưng ở Mường La, khách Kinh, Lào đi lại rầm rập, nàng Ngần Chăn không muốn cho con riêng mình ở cùng, bèn xin với tạo cho Ún Mường về ở với cha và Cầm Chom về Mường Bú. Nàng phải cắt thêm đất bản Chạy, bản Bó Lý, bản Pú Pháy cho Mường La, Ún Mường mới nhận. Cầm Pần ăn Bản Kẹ giữ chức pần, Cầm Mứn ăn Bản Mé, Cầm Xâu ăn ruộng áng giữa mường. Cầm Phấu ăn bản Tòng.

Cầm Pành già rồi mất, Ún Mường thay.

Ún Mường lấy nàng Ún Xuổm con mứn Cầm Vinh sinh ra Tòng Mường và Nho Mường.

Ở Mường Muổi: Hai anh em Cầm Nhân Hoà đi ăn cá đầu mùa ở bản Cuông Mường, Cầm Nhân Xơ xúi po Muổi, po Tố làm lam Chiềng Pấc cầm nỏ phục bắn nhưng không trúng. Hoảng sợ, hai ông lam đánh cắp ngựa của Cầm Nhân Hoà chạy trốn. Cầm Nhân Hoà chạy về Chiềng Đi nổi cong tập hợp dân mường. Mọi người đều đông đủ chỉ vắng có po Muổi, po Tố. Biết kẻ định giết mình, chúa cử binh đánh em ở Chiềng Pấc. Xơ sợ chạy sang Lào cùng gia quyến. Còn po Muổi, po Tố chạy về xuôi gặp tạo Nộc tức bun Xung. Lúc này ông đương làm quan tư mã chính ngạch. Số là dưới thời vua Thái Chính, ở Mường Dôn, Chao Tẩu có thư về trình vua. Không ai biết đọc thứ chữ đó. Vua phải triệu bun Xung ở đất Mọi, đất Mang về xem. Bun Xung đọc được. Vua thưởng sai thao Thay, thao Nha dựng nhà cho ông ở cửa Đông, cửa Hậu để ngày ngày được vua sai khiến. Được tin anh em chúa Mường Muổi chém giết nhau, bun Xung tâu việc đó để vua rõ. Nhà vua bèn ban ấn sắc cho bun Xung về làm chúa Mường Muổi.

Bun Xung sinh con là Phìa Bun, Cầm Còng và Cầm Phúc. Chúa cho phìa Bun ở cùng, cho Cầm Còng ăn Mường Piềng. Cầm Phúc ăn Mường É.

Thời đó, vua Thái Chính trị vì được một năm thì mất. Vua Lạn Khánh được bốn năm, vua Khánh Thống được mười năm đều đã mất. Vua Hồng Xộn đương trị vì.

Bun Xung đã ở cạnh vua dưới Kinh cho đến khi tuổi già mới được về làm chúa Mường Muổi. Nay chúa lại đi chầu dưới vua, không may mất ở đó. Vì đường xá xa xôi, không đưa xác chúa về quê và an táng theo tục người Thái được, những người đi theo phải chôn chúa ở đất Kinh. Bản mường đưa phìa Bun lên thay làm chủ bản mường.

Lại nói đến đất Mường La. Ún Mường không tìm được đất cho con trai "ăn". Hồi đó, chỉ còn đất Mường Mụa đã hai ba đời từ thời Khoa Ngắm bỏ cho chúa Mường Xang ăn, Ún Mường lên xin phìa Bun cho phép đánh chiếm lại. Phìa Bun thấy việc đó không can hệ gì đến Mường Muổi bèn để tuỳ ý Ún Mường quyết định. Chúa chỉ khuyên nên nhìn xa, nghĩ rộng và nếu muốn chiếm lại phải xin phép nhà vua. Nhận được trả lời, Ún Mường cử tạo On và quyền Nuốt xuống xin vua Hồng Xộn. Vua ban ấn sắc cử Lý Nhân lên cấp cho Ún Mường. Nhận được ấn sắc Ún Mường cho Nho Mường đi ăn Mường Mụa và cho Tòng Mường ở cùng.

Ún Mường chết, Tòng Mường lên thay.

Tòng Mường lấy nàng Cầm Can, con Cầm Bạch Hoà ở Mường Piềng sinh ra Chưởng Oai, Chưởng Ba, Cun Mường và Bua Cầm.

Nho Mường ở Mường Mụa lấy nàng Tọ, con ông Tiên Cồn ở Mường Tấc sinh ra quảng Khế sau làm chủ đất Chiềng Nưa và Quảng Xộn.

Ở Mường Muổi: Cầm Phúc tranh quyền phìa Bun. Phìa Bun sợ chết, ẩn vào rừng đợi dịp lấy lại Mường Muổi. Ba năm sau, khi Cầm Phúc chết, phìa Bun lại trở lại làm chủ Mường Muổi, phía Bun lấy nàng Cầm Bua ở Mường É sinh ra Cầm Pành hay Pành Mường, Quảng Tọ, Quảng Ngạ, Tạo Ba và Tạo Năm.

Pành Mường lấy nàng Chom Bun ở Mường Bú sinh ra Mứn, phìa Tư

Ở Mường La: Tòng Mường làm chủ. Nào ngờ đâu, người Mường Mộc, Mường Xang thừa lệnh: "Kính giữa hàng là Bầu" kéo binh lên bắt về xuôi đánh giặc. Chúa và cả hai con trai đều bị chết trận. Bản mường đổ xiêu không ai làm chủ. Bô lão đưa Cun Mường lên.

Cun Mường lấy nàng Căm Pẩn ở Mường Mụa.

Bua Cầm lấy nàng Ngẩn Tòng ở Mường Chanh.

Quảng Khế lấy vợ sinh ra Pa Cùn.

Ở Mường Muổi: Pành Mường làm chủ nhưng chết sớm. Phìa Bun đưa cháu là phìa Mứn lên thay, phìa Bun cũng bị "Kính giữa hàng là Bầu" bắt đi và chết trận dưới xuôi.

Phìa Mứn làm chủ bản mường, nhưng không khôn khéo nên bô lão không phục. Hai chú là quảng Hó, quảng Ngạ, trình sự tình lên "vua" họ Vũ, "vua" sai ông Binh cùng hai chú vây bắt phìa Mứn đem giết đi, con trai tạo phải chạy sang Lào.

Bô lão xin vua ban ấn sắc cho phìa Tư kế tục làm chúa. Phìa Tư lấy bà Cố con quảng Kế ở Mường Mụa sinh ra Văng Mường, phìa Thao Nhọt Mường, Xăng Nghịa và Đô Kiểng.

Ở Mường La: Cun Mường làm chủ sinh ra: Cầm Nàng, Cầm Thân. Em là Bua Cầm sinh ra Màng Pành.

Cun Nàng sau chết. Bua Cầm thay nhưng không được dân Xá và Thái phục. Phìa Tư không chịu tìm căn nguyên phải trái, giết mất Bua Cầm. Cầm Mang lên thay làm chủ được năm năm thì mất. Cầm Thân lên thay. Làm chúa được một năm, Thân bị anh em trong họ giết chết ngay ở giữa cánh đồng. Bô lão bèn xin phìa Tư cho Cầm Nhò (tức bun Vằng) lên thay làm chủ đất Mường La.

Bun Vằng lấy nàng Ngần Tòng sinh ra Bun Duổng và Nhọt Mường.

Ở Mường Mụa: Quảng Khế mất, Pha Cun lên thay.

Ở Mường Muổi: Phìa Tư già mất, Văng Mường lên thay. Chúa cho xử Lệ làm xen ăn Bản Mòn. Ông Cun làm mo ăn Bản Pán.

Văng Mường lấy nàng Cầm Xỏi con ông Tiân Cồn Mường Tấc sinh ra. Mang Kẻo ông Đốc và ông Mường.

Văng Mường thu xếp công việc bản mường được vua Kinh yêu, vua Lào mến. Chúa được vua Kinh phong chức Thái tử thiếu bảo, tục gọi là Thiếu bảo Quành.

Chúa phân cho Chướng Tháo ăn Chiềng Xét, ông hiên ăn Mường Hung. Chúa cho anh mình ăn Mường Lầm, Xự Hồng ăn Mường Luấn, Mứn Quài ăn Mường Quài; Cầm Kheo ăn Mường Xại; Bun Vằng ăn Mường La; Bun Mì ăn Mường Mụa; Quảng Xan ăn Mường Chanh trên; Phong Chanh ăn Mường Chanh dưới.

Văng Mường sau tự ý bỏ họ Cầm; tự ý cắt đứt tình anh em với bun Vằng và bun Duồng ở Mường La. Bun Vằng sợ về tâu "vua" họ Vũ. Còn bun Duồng lúc đó còn nhỏ chạy đi ẩn bên họ ngoại. Quảng Xộn lên thay làm chủ Mường La.

Văng Mường sau mất. Phìa Thao Nhọt Mường là em lên thay. Chúa lấy nàng Ngần Nọi con ông Xen Xầm ở Mường Quài, sinh ra các con là phìa Kẻo Công Mường và Cầm Ún, chúa bạo ngược, không nghe phải trái, hà hiếp con gái, gây nhiều cảnh oan ức hằn thù. Xen Lệ trộm giết chết. Công Mường sợ đi thuyền về xuôi. Ún Mường cưỡi ngựa chạy lên ngược. Bản mường bỏ không ai ăn. Bà Cố cùng Xăng Nghĩa mới lên làm chủ bản mường.

Nhưng bản mường vẫn như ở cảnh không chủ, nước chảy ngược lên bờ, Thái, Xá chém giết nhau. Xen Lệ lại giết luôn bà Cố và Xăng Nghĩa rồi đưa ông Đốc lên thay. Ông Đốc lại không biết thương người già con trẻ, không biết nghe lời phải trái, nên bô lão không phục.

Khi đó ở Mường La, Quảng Xộn vẫn đang làm chủ. Được chín năm, tạo bị tử trận, bô lão đi đón bun Duồng ở đất họ ngoại về tạm thay và về xuôi mời bun Vằng về làm chủ.

Ở Mường Mụa: Pha Cùn chết, Cầm Công tức bun Mì thay và sinh ra bun Quảng.

Ở Mường La: Bun Vằng và bun Duồng làm chủ Mường La, không được tạo Mường Muổi phục. Cha con phải đến nương nhờ Phòng Chanh ở đất Mường Chanh. Ở đó hai cha con cốt thu xếp cho Phòng Chanh ăn đất Mường Muổi vì chúa là dòng dõi Cầm Nhân Hoà ngày trước.

Ở Mường Muổi: Phòng Chanh làm chủ sinh con là Ún Mường và tạo Tun. Chúa cho các con đi ăn đất ngoài cả.

Phìa Kẻo Công Mường ở Mường Lầm là cháu phìa Mứn muốn cướp lại đất Mường Muổi mới cầu cứu quân Mường Lay, Mường La về giết Phòng Chanh. Nhưng, sau phìa Lương đi cầu cứu đất Kinh chiếm lại đất. Ít lâu sau phìa Kẻo Công Mường lại từ Mường Lay về, được bô lão trong mường làm nội ứng chiếm lại Mường Muổi.

Ở Mường La: Bun Duồng cùng cha ra sức xây dựng bản mường, muốn biến Mường La thành mường chủ các châu Thái. Bun Duồng lấy

nàng Cầm Kẻo, con bun Quảng sinh ra tạo Cầm Cong, nàng Cầm Xôm, tạo Cầm Xao, tạo quảng Phủ và bun Xung.

Ở Mường Muổi: Tạo Kẻo Công Mường không được bun Vẳng và bun Duồng ưng. Cha con chúa Mường La mới kéo binh lên đánh. Lúc đầu chỉ kéo đến Pha Han giết được ông Kiệu người của Mường Muổi. Sau binh Mường Muổi lại đánh lui được quân Mường La. Tạo Kẻo Công Mường làm chủ được bốn năm thì nhường lại cho anh là ông chưởng Xộn tức phìa Mang Kẻo. Còn ông đi ăn đất Mường Lầm. Phìa chưa có vợ mới sai ông mo đi hỏi con gái ông Tiên Cồn ở Mường Tấc. Tiếc rằng nàng còn nhỏ quá. Phìa lại sai đi hỏi con gái ông tổng binh Lương ở mường Xang. Ông này gả con là nàng Cầm Kẻo về làm vợ phìa. Tạo chưởng Xộn cho đón phìa Kẻo Công Mường đi ăn đất Chiềng Hung và cắt thêm đất Phiềng Khương, Chiềng Xôm, Khong Tẩu nhập vào đất Mường Hung mà không để thuộc Mường Lầm.

Chưởng Xộn ít lo lắng việc bản mường. Vì vậy "Thái không theo, Xá không phục". Con tạo tranh giành nhau. Ông Đốc, ông Mường đánh đuổi, phìa phải chạy lên Mường Lay cầu cứu. Tạo Mường Lay không giúp. Tạo về cùng bô lão ẩn vào Che Bôm. Được tin đó, ông Đốc, ông Mường đem quân vây chặt. Tạo phải sai người lên đưa thư cầu cứu bun Vằng, bun Duồng ở Mường La. Hai tạo bèn cho xự Kiếm đem binh đi giết được ông Đốc, ông Mường ở Mường Mụa.

Hồi đó, ở Mường Quài, tạo Ún đánh tạo Mường Báng, Mường Mồn để mở rộng đất đai. Nhưng vì binh yếu nên tạo cầu viện Mường Lay. Mường Lay không giúp. Tạo quay về xin tạo Mường Thanh giúp. Tạo Mường Thanh kéo binh bắt cả gia quyến tạo Mường Báng, Mường Mồn . Riêng hai tạo chạy thoát về cầu cứu chưởng Xộn. Nghe lời hai tạo, chưởng Xộn khởi binh đánh quân Mường Thanh. Mường Quài, bắt được tạo Ún và cứu được cả vợ con hai tạo. Từ đó, ba mường trên phải xin làm mường phụ thuộc của Mường Muổi: "dựng nhà xin làm mái, dựng lều xin làm vách".

Cậy thế mạnh, chúa kéo binh lên đánh Mường Thanh. Việc đó phật ý phạ Chảu bên Mường Đeng. Phạ Chảu cùng các tạo đất Mường Phồn, Chiềng Muôn ở Luông Cang đem quân giúp tạo Mường Thanh. Quân chưởng Xộn thua chạy về Mường Pia và sai ông xen là tạo Vó đi cầu cứu Kinh Bầu.

Tạo Mường La lòng phản trắc giết chúa ở Mường Pia. Đô Kiểng là chú thấy vậy chạy sang Lào cầu cứu phạ Chảu Mường Luông. Phạ Chảu định đưa đô Kiểng về làm chúa đất Mường Muổi, nhưng bun Vằng, bun Duổng không nghe nên việc không xong. Mường Muổi không ai làm chủ. Ông Pọng Đức mới sai ông quảng Xạ đi Pá Tấu mời phìa Kẻo Công Mường trở về xây dựng bản mường. Quảng Xạ tìm mãi mới thấy tạo ở bản Pàn, bản Pịn. Lúc đầu tạo ngại chúa Mường La và tạo Mường Mụa nên không nhận. Sau tạo không chối được đành về và tạm ở Viếng Tửu tức bản huông. Ít lâu sau, bản mường yên ổn, trái vui vẻ, phải vui tới. Tạo sai bô lão mang lễ xin quy phục chúa Mường La, tạo Mường Mụa. Được hai chủ mường bằng lòng, tạo mới rời từ Viềng Tửu về Viềng Púa.

Phìa Kẻo Công Mường sinh con là Thái tử thiếu bảo An.

Ở Mường La: Bun Vằng mất, bun Duổng thay làm chủ.

Ở Mường Mụa: Cầm Cóng (tức bun Mi) mất; bun Quảng thay. Tạo lấy nàng Cầm Xôn em bun Duổng sinh ra tạo Cầm Quyến.

CHƯƠNG VII

GIẶC PHẺ QUẤY NHIỄU BẢN MƯỜNG, BUN PHANH ĐÁNH THẮNG. MƯỜNG LA PHÁT TRIỂN ẢNH HƯỞNG KHẮP VÙNG TÂY BẮC

Ở Mường La: Bun Duổng chết, Cầm Cong thay. Chúa dựng nhà ở Bản Giảng nên gọi là Viềng Giảng. Chúa lấy nàng Ngần Đăm ở Chiềng Khừa con tạo Ten, sinh ra nàng Cầm Ảm Ca. Nàng là người thông minh biết nhiều, giỏi chữ nghĩa nên thường giúp tạo sắp xếp việc bản mường. Một hôm, nàng nằm mê thấy được kết hôn với một người nghèo khổ. Nàng theo giấc mơ đi đến Nặm Pàn nơi Văng môn gặp được Tóng Đón. Nàng bèn cưới Tóng Đón và xin phép cha vỡ đất cùng chồng ở đây xây

bản, dựng mường. Cầm Cong còn có con vợ lẽ là tạo Bun. Chúa làm chủ đất được chín năm thì mất. Bun Xao lên thay cũng mất. Em là Bun Xung lại thay.

Ở Mường Muổi: Phìa Kẻo Công Mường tức chưởng Thao mất. Con là Thiếu bản An thay. Chúa được phạ Chảu phong thêm đất một vùng suốt từ Hin Khoang, Canh Lụp, Pha Hà, Chiềng Xét, Xốm Ét, đến Pù Xằng, Lạn Ngạn, Pù Tia, Đán Đeng, Kéo Lồm, Kéo Khót, Buôn Nhùng, Hin Đăm, Áng Lạnh, Hua Cảnh, Lọng Chuông. Ở phía sông Đà từ Chiềng Chang, Bản Áng đến Hát Lảng, Tạng Luông.

Chúa cho pọng Thiếp làm xen. Khi pọng Thiếp chết, xự Xăng thay. Xen được ăn Bản Mòn và Bản Cha. Sự Lạn được làm pọng. Xự Pùn làm ho luông. Những ông này được giữ chức đó vì có công giữ bản mường và đưa tạo cha trở về.

Chúa lấy ba vợ là nàng Cầm Đeng con bun Mì ở Mường Mụa, nàng Chưởng con gái ông Chom Bun ở Mường Vạt và nàng Cầm Xọn ở Mường Chiến. Chúa sinh ra các tạo: Cầm Phưa, Cầm Phủ, chưởng Chiêu, chưởng Đông, chưởng Nam, chưởng Sinh, chưởng Văn, xự Nguyên, xự Ta và xự Ún.

Chúa mất, con là Cầm Phưa lên thay. Chúa lấy nàng Ngần Én con chưởng Lộc sinh ra Cầm Xôm. Ít lâu sau chúa mất, bản mường trao lại cho con.

Cầm Xôm lấy nàng Cầm Phanh con ông Cầm Kiên làm vợ cả. Chúa lấy vợ hai là nàng Cầm Xỏm con ông bun Pha sinh ra Cầm Bua.

Chúa không chịu nghe lời bô lão nên bị đuổi lên tận Mường É. Bô lão đưa Cầm Ten ở Mường Lầm về làm chủ Mường Muổi.

Ở Mường La: Bun Xung lấy nàng Ngần Pang con thiếu bảo An sinh ra bun Cấng, bun Quyền, quảng Xộn, Cầm Pâng, quảng Tin và bun Pành.

Bun Xung mất, bun Cấng thay.

Bun Cấng lấy nàng Ngần Khay ở Mường Muổi làm vợ cả sinh ra tạo Cầm Phưa; lấy con gái bun Quảng ở Mường Mụa sinh ra các tạo Cầu Xâu, Cầm Hặc, Mang Kiển, quảng Vâng, Cầm Miến, Cầm Pản.

Ở Mường Mụa: Bun Quảng mất, Cầm Quyền thay. Cầm Quyền sinh con là Cầm Pấng, Cầm Tom, Cầm Phẳn. Cầm Quyền mất, Cầm Phẳn thay. Vì Cầm Phẳn còn nhỏ nên hai anh tranh nhau ăn. Cầm Phẳn phải xin lên làm con nuôi nương nhờ Ten Mường. Nhưng Ten Mường chúa Mường Muổi từ chối "nước lớn ta có một chèo, chèo chưa nổi, phai to mình ta đắp, lo đắp chưa xong". Cầm Pấng, Cầm Tom cũng xin làm con nuôi bun Cấng. Bun Cấng đem binh đuổi Cầm Phẳn về Mường Mộc, Mường Xang. Cầm Phẳn được chúa đất ở đây đưa về tâu vua Chính Hoàng. Vua cho Cầm Phẳn trở về làm chủ như cũ và cử ông Tần, ông Voi lên bắt bun Cấng về giam ở đất Kinh. Các ông Cầm Xâu, Cầm Hặc, Cầm Mứn, Cầm Phẳn con bun Cấng bị giết cả vì đã dám cưỡng lại binh vua.

Ở Mường La: Con tạo sống sót còn có Mang Kiển. Mang Kiển tìm kiếm mãi mới gặp quảng Vằng ở trong rừng. Tạo mang em về nuôi đến lớn.

Ở Mường Muổi: Cầm Ten lấy nàng Cầm Xâu con gái ông Cầm Hặc sinh con là Cầm Đôi; lấy vợ lẽ là nàng Cầm Piếng con gái tạo Mường Chanh sinh được Cầm Tom tức là phìa Chính Thân.

Cầm Ten già chết. Con là phìa Chính Thân thay. Nhưng bô lão không phục bãi bỏ. Đất mường không có ai làm chủ.

Ở Mường La: Bun Kiển làm chủ được có một năm. Chú cháu trong nhà lục đục nghe lời Văn Hiên và Tiến Lương xúi bẩy. Chúng bày mưu, bày tiệc lớn, rượu, thịt, cá mời bun Kiển đến ăn và nhân khi say giết chết. Quảng Vằng định lên thay nhưng chú là bun Pành không chịu, xuôi tâu vua. Vua bèn ban sắc chỉ "Tiến y nhật hiệu quan" cho bun Pành về làm chúa Mường La và sai hai ông Phụ, ông Hề kèm về.

Bun Pành lấy nàng Cầm Xọn, con Chom Bun ở Mường Bú làm vợ cả, lấy nàng Cầm Pành con Cầm Yên ở Mường Chanh sinh được Cầm Pản, bun Dom, bun Piếng, Cầm Pâng, Cầm Yên, Cầm Yêu, Cầm Hiềng, Cầm Phanh, Cầm Xôm.

Chúa đóng ở Mường Chai cùng bô lão và dân chúng khai phá rừng lau sậy đào ao to nuôi cá. Ao đó tên là Văng Mường.

Ở Mường Muổi; Cầm Bua con Cầm Xôm sợ chạy về Mường Y, Mường Lay đưa thư cầu cứu bun Pành và xin làm chân tay của chúa.

Bun Pành mới giúp đưa Cầm Bua về làm chúa Mường Muổi. Cầm Bua lấy nàng Cầm Hặc ở Chiềng Páo sinh ra Cầm Pấng.

Cầm Bua mất, Cầm Pấng còn nhỏ bị Cầm Tom tranh. Cầm Pấng chạy về nương tựa bun Pành, được chúa đưa về chầu vua. Vua ban ấn sắc cho Cầm Pấng về ăn đất Mường Muổi. Cầm Pấng lấy nàng Cầm Hói, con Cầm Pâng ở Mường Mụa.

Ở Mường Mụa: Cầm Pâng, Cầm Tom và hai anh Cầm Phẳn ở ven sông Mã kéo binh về đuổi em là Cầm Phẳn chiếm bản mường. Cầm Phẳn không chịu cầu cứu bun Pành được chúa đưa về chầu vua. Vua cử ông Cứ, ông Thiên kéo binh cùng bun Pành đuổi Cầm Phấng, Cầm Tom sang vùng sông Mã. Hai tạo sợ bị chết phải đút lót vàng, bạc, vải khít cho bun Pành, Chúa mới ưng rút quân về và cho Cầm Phẳn làm chủ Mường Mua như cũ.

Ở Mường La: Bun Pành phân đất cho các con cái và đặt các chức dịch, bô lão. Chúa cho Cầm Pần "ăn" Mường Bú, bun Piềng "ăn" Mường Chai, bun Hiềng "ăn" Chiềng Lái, quảng Khanh "ăn" Mường Khiên, quảng Huyên "ăn" Muổi Nọi lấy từ Khâu Hào, Bản Bon, Bản Phặng đến Nà Nam; Cầm Phanh "ăn" Bản Tam; quảng Linh "ăn" Mường Bon; quảng Thái "ăn" Mường Pia; bun Pần "ăn" Bản Phai; Cầm Xôm "ăn" Mường Chùm.

Bun Pành làm chúa được nhà vua yêu mến, vua Lào tin phục. Chúa mất, bun Don thay.

Ở Mường Muổi: Cầm Tom chạy sang Lào cầu cứu mang quân về đuổi Cầm Pấng. Cầm Pấng xuôi kiện vua Bảo Thái. Nhà vua lên bắt Cầm Tom bỏ cũi. Sau nhờ tạo đút lót nên trốn thoát về Mường Muổi, đuổi Cầm Pấng lấy lại mường. Tạo tưởng yên ổn, nào ngờ đâu cháu là phìa Khuyên tức Cầm Đôi gọi giặc Phẻ Co, Phẻ Kiền ở đất Hán, đất Ngô về đánh phá bản mường. Bản mường như bị trong gió lốc, trời mây u ám. Lúc này muốn làm phai không tìm được mương, dựng mường không tìm được tạo. Người Thái, người Xá ồn ào, lộn xộn, tan tác chạy sang Lào.

Ở Mường La: Bun Dom không chịu nghe lời bô lão, chỉ nghe kẻ gian xúc xiểm. Chúa truất quyền bun Pần ở mường Chai. Bun Pần kiện vua

Bảo Thái. Bun Dom sợ chạy về Mường Luốn. Mường Lầm. Bun Pần lên nhưng bô lão không phục lại mời bun Dom về làm chủ mường La. Nhà vua lại bắt bun Dom vì nghi chúa theo giặc Phẻ Co, Phẻ Kiển. Cầm Hiểng tạm thay làm chúa nhưng giặc Phẻ không tin đem giết ông cùng Cầm Bun.

Sau nhà vua biết bun Dom không theo giặc, tha về cho làm chủ đất mường như cũ.

Ít lâu sau người Giảng ở miền sông Thao nước đỏ lại về giết bun Dom. Bản mường lại tan hoang. Xá, Thái chạy tan tác khắp nơi.

Ở Mường La, may còn bun Phanh chí lớn không chịu bỏ đất tổ tiên cho giặc. Chúa chiêu mộ binh mã, từ ven sông Nặm Pàn kéo đại binh về đánh thắng giặc chiếm lại Mường La. Lấy được Mường La rồi, chúa sai Cầm Pâng truy kích giặc phía trên tới tận Mường Khim, Mường Càng, Mường Hồng, Châu Tiến, Mường Xo, Mường La, Căm Làng, Mường Mả, Mường Xát. Phía dưới, chúa quét giặc tận đất Mọi, đất Mang vùng Quảng Lang, Huy Lang, Mường Tấc, Mường Pùa, Mường Vạt, Mường Xang. Chúa đuổi giặc tới Mường Pỏ, Mường Cẩu, Mường Xầm, Mường Xon.

Chúa bun Phanh đại thắng. Bản mường yên ổn. Thái, Xá tụ về. Vua Kinh tin yêu, vua Lào mến phục chúa.

Vua Kinh ban sắc chỉ "Nhật hầu" phong tước "Gia ngãi tướng quân" cho bun Phanh và cho chúa làm chủ toàn thể Xá, Thái, những nơi dân ở nhà sàn, cai quản một vùng rộng lớn từ miền đất ba dải, vùng chín con nước, đến miền chỗ sông Hồng, sông Đà gặp nhau; phía dưới đến vùng đất Mọi, đất Mang; phía trên giáp đất Hỏ, đất Hán.

Vua Lào cũng phong cho bun Phanh chức "phìa Minh úp xáy phạ khưng" và tặng chúa nhiều thanh gươm to với mác dài. Chúa bun Phanh lấy vợ sinh con là ông chính Lương Quyển và ông Hom tức bun Xôm.

Để nhận cống nộp lễ vật hàng năm của các mường, bun Phanh khi lên làm chúa phân các bô lão làm lam các mường như sau:

- Pần Quyển làm lam Mường Mùn, Mường Xang,

- Mo Khang làm lam vùng người Mọi phải cản.

- Quyển Ban làm lam Mường Xo, Mường Là.

- Ho Luông làm lam Mường Lay, Mường Chiên.

- Yên Quý làm lam mường Hung, Xong Khong.

- Ông Hiển làm lam Mường Bon, Mường Lầm

- Quảng Thẩm lam làm Xốp Ét, Chiềng Cọ.

- Tiên Đán làm lam Mường Hằng, Mường Pao, Xong Hào và Đán Lọng.

- Ông Pọng bản Bó làm lam Mường Muổi, Mường Quài.

- Ho Dao làm lam Mường Mụa, Mường Chanh.

- Hé Nả làm lam Mường Pở, Mường Và, Mường Xon.

- Lam ho Phủ làm lam Mường Tấc, Mường Pùa.

Bun Phanh làm chúa mường từ cuối đời vua Bảo Thái. Sau vua Bảo Thái là vua Vĩnh Khánh ở ngôi được ba năm. Vua Long Đức ở ngôi được hai năm, rồi đến vua Vĩnh Hựu.

CHƯƠNG VIII

LÊ DUY MẬT, HOÀNG CÔNG CHẤT CHIẾM TÂY BẮC. BUN HIỀNG CHIẾM LẠI MƯỜNG LÒ TRONG TAY NGƯỜI HỎ VÀ NGƯỜI GIẢNG

Thời này dưới kinh đô, trong triều chia làm nhiều phe, đảng. Hoàng Mật, Hoàng Hai ở Huế không được, kéo binh lên đóng ở Mường Mó, Mường Xang, bỏ cung để vua Cảnh Hưng ngồi. Ít lâu, hai ông kéo binh lên chiếm đất Mường La. Chúa bun Phanh chống cự không được phải chạy đi ẩn ở đất Mọi, đất Mang cho qua ngày tháng. Lúc đó, Cầm Yêu lên làm chủ đất Mường La thay bun Phanh.

Ba bốn năm sau, bun Phanh mới kéo binh về đánh đuổi Hoàng Mật, Hoàng Hai chạy sang Xốp Hào ở đất Lào, Cầm Yêu sợ quá cũng chạy sang Lào.

Bun Phanh lại trở về đất Mường la. Vì già yếu ông nhường cho con cả là ông chính Lương Quyền làm chúa bản mường và cho con thứ là ông Hom đi "ăn" đất Mường Chai.

Ông chính Lương Quyền lấy nàng Ngần Xen, con ông ho luông sinh con là ông Mường tức bun Hiềng. Ông làm chúa Mường La được mười năm thì mất.

Bun Phanh lại phải ra làm chúa như cũ. Chúa nuôi cháu nội là ông Mường. Khi lớn, ông Mường lấy vợ là nàng Ngần Ún, con ông nghe Dong ở bản Phường. Bun Phanh tuổi già tưởng sẽ được yên ổn. Nào ngờ đâu gặp buổi đất trời chật hẹp, có Kinh Thiên Chết lên xây thành ở Mường Thanh, Thiên Chết đòi bun Phanh đến hầu, nhưng tạo không phục, không chịu đến. Chúa Thiên Chết bèn đem quân đến đánh. Bun Phanh đem binh đánh nhau ở Cặm Khất, nơi ranh giới đất mường. Quân bun Phanh chống cự được bốn năm, mong chờ binh nhà vua lên giúp. Bản mường loạn lạc, nhân dân làm ăn không được, đói kém, chạy tán loạn khắp nơi. Binh lực của bun Phanh mỗi ngày một yếu, cuối cùng ông phải lui binh. Thiên Chết đuổi bắt được ông và toàn gia đình đem về Mường Thanh.

Chúa Thiên Chết bảo: "Nếu nhà ngươi chịu hàng, ta sẽ cho làm chủ mường lớn như cũ. Người chỉ phải nộp cống lên Mường Thanh cho ta và coi ta là vua đất Thái. Nếu không hàng, ta sẽ bắt nhà ngươi làm tôi tớ." Bun Phanh nghĩ, nếu hàng là trái ý nhà vua. Sau này, quân nhà vua thắng, con cháu ông không được ăn bản mường nữa, lại có thể bị giết sạch cả ba họ. Nghĩ vậy nên ông không chịu hàng.

Bun Phanh thọ tám mươi ba tuổi, chết ở Mường Thanh. Cháu nội là ông Mường (tức bun Hiềng) trốn thoát về ẩn nấp ở đất Mọi, đất Mang ở Mường Cha, Mường Lò và chuẩn bị đón quân nhà vua lên đánh đuổi Thiên Chết.

Mẹ và vợ con ông Mường bị Thiên Chết bắt làm tôi ở Mường Thanh. Một năm sau, họ trốn thoát, chạy đến đất họ ngoại ở bản Phường để ẩn.

Họ được họ hàng ở đấy dẫn xuyên qua rừng núi về đất Mọi, đất Mang với ông Mường.

Mường La không có ai trông coi. Bun Xao, con bun Pần, chạy theo giặc Phẻ trước đây, nay về hàng chúa Thiên Chết, được Thiên Chết cấp sắc cho về ăn đất Mường La.

Bun Xao lấy nàng Cầm Ún, con Cầm Pần ở Mường Bú và bà Cầm Xôm, sinh được: chưởng Hai, phìa bun Mì, chưởng Hom, chiêu Chính, chiêu Dong, chiêu Hương.

Ở Mường Mụa: Cha con Cầm Phẳn, Cầm Vang đương làm chủ đất mường dưới quyền chúa Thiên Chết. Nhưng vì tạo Pi và khun Mong không ưa, không phục, gièm với Thiên Chết và đón quân chúa về đánh bắt được Cầm Vang đem giết đi. Cầm Phẳn vẫn được làm chủ đất Mường Mụa. Đến khi Cầm Phẳn chết, không có người thay. Bô lão mới đi đón Cầm Nguyên ở Mường Chanh về làm chủ đất.

Cầm Nguyên sinh con là chưởng Mường, chưởng Cả, chưởng Ban và chiêu Phúc.

Thời đó, chúa Thiên Chết đã xưng chúa ở đất Mường Thanh. Các tạo mường đã không đi cống nạp lễ xuống kinh đô nữa mà lên cống chúa Thiên Chết.

Ông Mường đang ở đất Mường Cha, Mường Lò biết tin quân nhà vua kéo lên đánh chúa Thiên Chết bèn ra đón. Người cầm quân nhà vua là ông lãnh binh Tả Tiệp ban ấn sắc chỉ khánh đỏ cho ông Mường và bảo ông lập ra một châu mường mới lấy tên là châu Mọi. Châu Mọi mới lập gồm có: Mường Khun, Cang, Mường Chiến, Mường Chai và Ít Ong.

Chú ông Mường là ông Hom ăn đất Mường Chai. Ở Mường La, bun Xao ra hàng ông lãnh binh Tả Tiệp nên làm chủ đất như cũ. Ông lãnh binh đánh đuổi chúa Thiên Chết chạy sang Nặm U, Nặm Khong đất Lào. Quân nhà vua, sau khi đã xem xét công việc bản mường rồi xuôi về tâu vua Cảnh Hưng.

Ở Mường Muổi: Ở đất Mường Muổi, phìa Chu làm chủ. Các con là: chưởng Nam, chưởng Tây, chiêu Hương. Nhưng phìa Chính ở Mường

Lầm muốn tranh nên xuôi về tâu với vua. Vua Cảnh Hưng ban ấn sắc cho phìa Chính là chủ đất Mường Muổi và bắt phìa Chu đưa về kinh đô.

Ở Mường La: Phìa bun Xao làm chủ đất được chín năm. Sau vì không nghe lời bô lão nên họ bàn nhau truất đi và đón ông Mường ở Ít Ong, Chiềng Tè về thay. Ông Mường xuôi về tâu vua được nhà vua ban ấn sắc, chỉ đỏ, khánh cho làm chủ đất Mường La. Bô lão suy tôn là chúa bun Hiềng. Bun Xao được chúa cho ăn đất Mường Bằng và chết ở đấy. Chúa bun Hiềng sinh con là phìa Cầm bun Xung, bun Thó, chưởng Ba.

Phìa Cầm bun Xung lấy nàng Ngần Đôi làm vợ cả và nàng Cầm Viện làm vợ lẽ.

Ở Mường Chai: Bun Xôm là chú bun Hiềng làm chúa ở đó, sinh con là: ông chiêu Ban, chiêu Cả (tức phìa Nguyên), bun Inh, chiêu Ban (tức Cầm Xười), chiêu Mẳng Kẻo (tức Cầm Nhò) và Cầm Hiếng.

Bun Xôm muốn tìm đất cho các con đi "ăn" nhưng không có. Chỉ còn đất Mường Lò là đất của ông cha ngày trước để lại hiện đương bị giặc Hỏ, giặc Giảng đến chiếm và ở đó đã ba bốn đời nay rồi. Bun Xôm cử bô lão về bàn với bun Hiềng tìm cách chiếm lại đất Mường Lò. Mọi người đều đồng lòng. Bun Hiềng phái người xuống tâu vua. Nhà vua cấp giấy cho bun Hiềng được phép đi đánh Mường Lò.

Được ngày lành tháng tốt, chú, cháu, anh em ra quân và đánh tan được giặc. Giặc thua chạy tan tác lên miền đầu sông Nậm U, Pù Phang.

Sau khi lấy lại được đất Mường Lò, bun Hiềng trao quyền làm chủ đất này cho em mình là phìa bun Inh, con thứ ba của bun Xôm.

Phìa bun Inh xuống tâu vua, được nhà vua ban sắc, chỉ đỏ cho về làm chủ đất Mường Lò và lập thành một châu mường như trước, gồm có các lộng:

Mường Lò Cha cho chưởng Ban ăn.

Mường Lùng cho chiêu Bun ăn.

Phiêng Cại và Ít Ong cho Cầm Hiềng ăn.

Cầm Nhò Kẻo ở với cha ở Mường Chai, Chiêu Cả ăn Mường Pia, bản Áng.

Ở Mường La: Bun Hiềng làm chủ được vua Kinh yêu, vua Lào mến. Sau vì tuổi già sợ không về chầu vua được nên cho con cả là bun Xung lên thay. Bun Xung xuôi về tâu vua, được vua ban ấn sắc cho về thay cha. Bun Nhỏ làm phó chủ Mường.

Ở Mường Mụa: Cầm Nguyên chết. Cầm Quý thay.

CHƯƠNG IX

CÁC TẠO MƯỜNG MUỔI, MƯỜNG LA, MƯỜNG MỤA TRANH NHAU ĐẤT. MƯỜNG LA VẪN LÀM CHỦ

Tạo Mường Muổi tham ăn kéo binh về lấn chiếm đất Mường La của bun Hiềng. Phìa bun Hiềng sai bun Xung đem quân đón đánh ở Hong Hốc. Tạo Muổi thua chạy sang Lào.

Lúc đó, người Man đùi xăm, đùi vằn ở Mường Xủi, Mường Puồn đã chiếm Xốp Ét, Chiềng Cọ. Tạo Muổi xin nhập bọn họ. Người Man bèn kéo binh đưa tạo Muổi về lấy lại bản mường và tiến đánh Mường La. Bun Hiềng phải tạm lui quân về Ít Ong, Chiềng Tè. Riêng phìa bun Mì chạy ra hàng người Man đùi xăm, đùi vằn và được họ trao cho ăn đất Mường La.

Ít lâu sau, người Man đùi xăm, đùi vằn trở về đất Lào, thừa cơ hội đó, bun Hiềng lấy binh về chiếm lại đất Mường La. Bun Mì sợ quá bỏ chạy về với Mường Muổi.

Ở Mường Muổi: Phìa chính Cầm Inh làm chủ đất mường, lấy nàng Ngần Bun sinh con là: Cầm Pần, Cầm Ín, Cầm Đanh, Cầm Phanh, Cầm Thông, Chưởng Lục.

Phìa chia cho các con đi ăn:

Cầm Pần ở cùng ăn đất Mường Muổi.

Cầm Ín đi ăn Mường Xại.

Cầm Đanh đi ăn Mường Lầm.

Phìa Cầm Inh chết, phìa cốc mường Cầm Pần thay. Phìa cốc mường Cầm Pần lấy nàng Cầm Thông, con phìa Vinh ở Mường Quài sinh con là: Cầm Bông (tức Bạc Kim Phủ), Cầm Pành (tức chưởng Thu) Cầm Bong (tức chưởng Nguyên), Cầm Chười (tức chưởng Hang), Cầm Ten (tức chưởng Thảo), Cầm Phanh, Cầm Chum (tức chưởng Hom), Cầm Nhọt.

Phìn cốc mường Cầm Pần khéo xếp đặt công việc nên yên ổn bản mường. Chúa được vua Kinh yêu, vua Lào mến, tiếng tăm vang lừng. Phìa chia đất cho các con:

Cầm Bông tức Bạc Kim ăn đất Chiềng Đi.

Chưởng Chu làm phìa Mường Muổi.

Cầm Bong cho đi làm thầy phán ở Mường La.

Cầm Ten và Cầm Chười cho ở cùng.

Cầm Chum làm phìa phó Mường Muổi.

Ở Mường La: Phìa bun Hiềng vẫn làm chủ. Phìa bun Xung con cả ông chết sớm nên ông cùng với bô lão cho bun Nhò làm phìa chính. Chúa chia đất cho các con đi "ăn":

Phìa bun Nhò ở cùng làm phìa chánh trong châu.

Phìa kẻo Ún Mường làm phìa phó trong châu.

Ông Phúc đi "ăn" Mường Bú.

Phìa Cầm Hom tức bun Xôm "ăn" Mường Chai gồm từ ven sông Đà đổ về.

Chưởng Vụ "ăn" Mường Chùm.

Chưởng Sinh "ăn" Mường Bằng.

Quảng Nguyên "ăn" nương Bản Búc, Bản Lạnh.

Chưởng Phanh "ăn" Bản Cấp.

Còn các đất mường ở xa, phìa phân cho bô lão làm lam.

Ông Pần (tức Quảng Hiềng) làm lam Mường Muổi và Mường Bú.

Ông Pọng (tức quảng Tâm) làm lam Mường Quài và Mường Chùm. Ho luông (tức quảng Đức) làm lam Mường Mụa và bản Cấp.

Quảng Hùn làm lam Mường Thanh.

Ông Quyền, quảng Quyền làm lam Mường Bằng và Mường Bon.

Quảng Tiềm làm lam Mường Xang và Búc, Lạnh.

Sụ Pần làm lam Mường Tấc, Mường Pùa.

Bấy nhiêu mường hằng năm phải cống tiến lễ vật.

Bun Hiềng làm chủ Mường La thọ tới 80 tuổi.

Chúa mất, Bun Nhò thay làm chủ đất Mường La.

Dưới kinh đô vua Gia Long lên ngôi.

Bun Nhò lấy nàng Ngần Ban, con quảng Lảng sinh con là: bun Inh, chưởng Quý, chưởng Phúc; lấy vợ lẽ là nàng Cầm Pẳng ở Mường Muổi, sinh con là: chưởng Hân.

Phìa kẻo Ún Mường làm phìa phó được một năm thì mất. Phìa Nhò sai bô lão đưa phìa An về tâu vua. Nhà vua ban sắc cho phìa An làm phìa phó. Phìa An lấy nàng Ngần Ín, con quảng Lột sinh con là: chưởng Ban, chưởng Tây. Chiểu An làm phìa phó được ba năm thì mất. Bun Nhò cho chưởng Kế đến thay.

Chưởng Kế muốn lên làm phìa chính nên đã cho em và cháu là chiểu Yên, chiểu Khiên, cùng chưởng Xinh xuôi tâu vua. Khi họ trở về, nhà vua đòi Bun Nhò xuống hầu. Chiểu Yên, quảng Lương bèn kéo quân từ Mường Bú, Mường Bằng về cướp phá bản mường. Ông Pần và quảng Nghiêm, cử một số bô lão tức tốc về xuôi báo cho bun Nhò biết. Bun Nhò tâu việc đó lên vua. Nhà vua cho người lên bắt phó Kế, chưởng Xinh, chiểu Khiên xuống bỏ cũi bốn năm, đồng thời cách chức chưởng Kế.

Nhà vua cho binh lính đưa bun Nhò lên làm chủ đất Mường La như cũ và ban ấn, sắc phong cho chức: Chiêu thảo tướng quân.

Bun Nhò phái bô lão đưa bun Ín xuống tâu vua. Bun Ín được nhà vua phong cho chức phìa phó.

Chưởng Vụ được "ăn" Mường Bú.

Cầm Nhò (tức chưởng Kéo) "ăn" Mường Chai. Ông lấy nàng Ngần Bun, con Cầm Xôn sinh con là Cầm Phấu (tức bun Quảng), chưởng Hai, chưởng Ba, chưởng Tư.

Cầm Nhò lại lấy con chưởng Công ở đất Mường Pục, Mường Mảnh tên là Cầm Đức, sinh ra Cầm Nhân Đức (tức Bun Long), chưởng Thiếp và chưởng Hôm.

Bun Nhò tiếp tục cho các con cháu, anh em họ hàng đi "ăn" đất:

Chưởng Phủ "ăn" Mường Chùm. Chưởng Thế "ăn" Mường Băng. Quảng Kế "ăn" Búc, Lạnh. Quảng Tào "ăn" Bản Cấp.

Đất Mường ở xa, bun Nhò phân cho bô lão làm lam:

- Ông Pần quảng Nghiêm làm lam Mường Bú.

- Ông Pọng quảng Kế làm lam Mường Chum, Mường Mụn, Mường Quài.

Ho Luông Hiển làm lam Mường Chai, Mường Thanh, Xốp Cộp, Mường Hung.

- Ho Luông quảng Châu làm lam Mường Bằng, Mường Ẳng.

- Ông Bách ở xổng pần làm lam Búc, Lạnh.

- Ông bách ở xổng pọng làm lam Mường Ưởn (!)

- Bách xổng ho luông làm lam Tạ Bú và Chiềng Tè.

- Bách xổng lam ho làm lam Pìa, Vàn, Chiên Chan, Bản Áng.

- Ông nghe quảng Quyến làm lam Mường Vạt.

Các bản mường trên hàng năm phải nộp lễ cống lên chủ đất Mường La.

Ở Mường Muổi: Cầm Pần già, mất. Cầm Chười (tức chưởng Hàng) lên thay được bốn năm thì mất. Ông Xen, cùng bô lão đồng ý mời Cầm Ten, chưởng Tháo lên thay.

Cầm Ten lấy vợ sinh con là: Cầm Hặc (tức chưởng Thể), Cầm Ten được nhà vua phong chức tri phủ kiêm tiến y coi cả đất Thái Đen.

Ở Mường Mụa: phìa Cầm Nhân Quý tuổi già không về chầu vua được mới cho phìa Thơm lên thay Phìa Quý mất. Phìa chính Thơm lên

làm chủ đất Mường. Phìa chính Thơm được vua Lào ưa nên cắt đất Bản Đán, Chiềng Khún, Hín Cỏn nhập vào đất Mường Mụa.

Phìa chính Thơm lấy con bun Hiếng là Cầm Mưu ở Mường La sinh con là chưởng Hiển, chưởng Chụ, chưởng Ba. Chưởng Ba (tức Cầm Pành) lấy vợ hai là nàng Cầm Xọp, con Cầm Pản ở Mường Muổi sinh con là Cầm Hói.

Ở Mường La: Bun Nhỏ già, mất. Phìa bun Ín lên thay vào năm hặp hậu (Ất Dậu) (71) vua Minh Mạng thứ 6, năm 1825.

Bun ín phái bô lão đưa chú là chưởng Ban, về tâu xin vua cho làm phìa phó. Nhà vua ưng thuận, ban ấn sắc, cho về cùng với Bun in trông coi bản mường. Phìa Bun Ín lấy vợ cả con Cầm Nhỏ ở Mường Chai là bà Cầm Ban; lấy vợ hai là bà Cầm Păn còn Cầm Phấu ở Chiềng Pấc; lấy vợ ba là bà Cầm Ánh con quảng Châu ở Muổi Nọi, sinh con là Cầm Bông.

Vì có người xúi bẩy, chú cháu Bun Ín và chưởng Ban lôi kéo dân chia làm hai phe chống lại nhau. Họ xuôi về kiện vua Minh Mạng. Nhà vua cách chức cả hai người. Hai chú cháu hối tiếc muốn xin ở lại chức cũ nhưng không được. Bản mường không có ai trông coi. Bô lão bàn nhau cử Pản Mường và Cầm Chum cùng với mo Thông đi đón Cầm Nhỏ ở Mường Chai về làm chủ đất Mường La. Cầm Nhỏ không ưng, cho con trai là Cầm Phấu đi thay mình. Bô lão đưa Cầm Phấu xuống tâu vua. Nhà vua ban ấn sắc cho làm chủ đất mường. Bô lão suy tôn Cầm Phấu làm chúa, tên hiệu là bun Quảng. Năm đó là năm khốt nhì (Canh Dần) Minh Mạng thứ 11.

Ở Mường Chai: Phìa kẻo Cầm Nhỏ già, mất. Chưởng Ba (tức bun Long) thay.

Ở Mường Mụa: Phìa chính Thơm mất, Cầm Pành lên thay vào năm hài xa ngạ, Thiệu Trị thứ 6 năm 1846. Cầm Pành được vua Kinh ưa, vua Lào mến. Chúa lấy vợ sinh con là Cầm Nhân Ban, Cầm Văn Vân, Cầm Nhân Nghi.

Ở Mường La: Bun Quảng là chúa đất, lấy nàng Cầm Nhỏ con tạo Mường Quải, vợ hai là nàng Ngần Liều, con phìa Mường Chăn sinh con là Cầm Vinh, Cầm Hương, Cầm Pụa, Cầm Piệng, Cầm Bốn, Cầm Chạ.

Bung Quảng làm chủ đất mường đến năm hặp xẩu (Ất Tị - 1845) thì rủ bô lão đi đào ao Bôm, Vài, vỡ đất làm ruộng Cáy Chố, ao Nong Đa,

Bản Pục, suối Co Pục. Đến năm mằng một (Đinh Mùi - 1847), chúa rủ già trẻ vỡ ao Huổi Hin để thả cá.

Năm pấc xăn (Mậu Thân - 1848) lý châu Cầm Pành ở đất Mường Mụa đem bô lão về lấn đất Mường La, Cầm Pành lấy ngà voi cắm đất của Mường La, từ Bó Luổng, Bó Xàng đến Kéo Nộc Xâu để sáp nhập vào đất Mường Mụa. Bun Quản tức giận phái chưởng Hơn đi đòi lại nhưng không được. Ông bèn nổi cong, chiêng triệu tập bô lão về bàn. Bô lão nói: "Đất mường ta từ ngày xưa đã định như vậy, Mường Mụa làm thế không được phải đòi bằng được..." Bun Quảng phái quảng Tị cầm đơn xuống kiện vua. Nhà vua sai thủ nhì Đỗ Châu lên cùng với phìa bun Quảng đi đuổi bắt chưởng Châu, Lý Tam, quan Bản Mạt, Bản Lầu xuống hầu vua.

Mường Mụa thua phải trả lại đất cho Mường La. Nhà vua có trát ban cho bun Quảng "ăn" cả đất Mường Mụa. Được bốn năm, vì già yếu bun Quảng không trông coi được Mường Mụa, xin trả cho vua, vua quan cử người khác trông nom như cũ. Bun Quảng được vua Kinh ưa, vua Lào mến.

Bun Quảng định chức cho bô lão:

Chưởng Nhạc làm pần. Chưởng Chính làm pọng. Quảng Tị làm ho luông, quảng Bua làm lạm ho. Quảng Văn làm ông quyền. Quảng Hiềm làm bách ở xổng pần. Quảng Tương làm xự ở xổng pọng. Quảng Tiềm làm xự ở xổng lam ho. Quảng Thông làm mo "ăn" bản Giảng. Quảng Quyên làm nghe "ăn" bản Phường. Quảng Văn làm quan cuông "ăn" bản Phiêng Ngùa. Quảng Khánh làm chủ Mường Bằng. Quảng Hiền làm chủ Búc, Lạnh. Chiều Tâm làm chủ bản Cấp. Cầm Nhân Đức (tức bun Long) "ăn" Mường Chai.

Tiếp đó, chúa phân cho bô lão làm lam các nơi:

Chưởng Nhạc làm lam Mường Chai. Chưởng Chính làm lam Mường Chùm. Quảng Tị làm lam Mường Bú. Quảng Bua làm lam bản Cấp và Mường Mụa. Quảng Văn làm lam Mường Bằng. Quảng Hiền làm lam Búc, Lạnh. Quảng Quyền làm lam Mường Vạt. Bấy nhiêu mường hằng năm phải tới nộp lễ vật cho chủ đất Mường La.

Năm mằng xẩu (Đinh Tị) Tự Đức thứ 10, năm 1857 bun Quảng xuống nộp lễ vật ở Hưng Hoá. Vì tuổi già sức yếu, ông qua đời ở đây. Nhà vua thương hại, cho đưa thi hài ông trở lại bản mường bằng thuyền ngược sông Đà qua Chiềng Chan, Mường Bon, Bản Ót, Bản Muông. Bô lão và vợ bun Quảng ra đón, đưa thi hài về làm lễ an táng.

Mường La không có chủ. Bô lão bàn nhau đưa Cầm Vinh xuôi về tâu xin vua, được vua ban ấn sắc cho về làm chủ đất Mường La. Bô lão tôn Cầm Vinh là bun Piệng.

Bun Piệng lấy nàng Cầm Thân ở Mường Ký, lấy vợ hai là nàng Ngần La con quảng An ở bản Nà Hạ, sinh con là Cầm Hiềng.

Cầm Nhân Đức (tức bun Long) "ăn" Mường Chai, được về làm phó châu. Bun Long sinh con là Cầm Ngọc Y, Cầm Ngọc Yêu, Cầm Văn Lả, nàng Cầm Tó.

Ở Mường Mụa: Cầm Pành làm chủ mường được hai mươi năm. Năm hặp pẩu (Ất Sửu) Tự Đức thứ 18, năm 1865, ông mất. Nhà vua ban ấn sắc cho Cầm Nhân Ba, cho làm tri châu Mường Mụa thay cha.

Cầm Nhân Ba sinh con là Cầm Văn Bon.

Cầm Nhân Ba định chức cho họ hàng, con cháu:

Cầm Văn Vận (tức Cầm Inh) là em cho ở cùng. Em thứ ba là Cầm Nhân Nghi (tức Cầm Ánh) được làm thư lại. Cầm Văn Bon được làm phìa chính trong châu. Cầm Văn Bon sinh con là Cầm Văn Tâm.

Cầm Nhân Nghi sinh con là Cầm Văn Chính và Cầm Văn Thanh.

Cầm Nhân Ba làm tri châu được chín năm thì mất. Cầm Văn Vận (tức Cầm Inh) lên thay. Lúc đó vào năm Tự Đức thứ 26, năm cá hậu (Quý Dậu - 1873).

Cầm Văn Vận không có con trai bèn lấy con của Cầm Nhân Nghi tên là Cầm Văn Thanh về làm con để nuôi nối dõi.

Cầm Văn Vận làm tri châu được mười hai năm thì mất.

Bô lão đưa Cầm Văn Tâm, con Cầm Văn Bon lên thay. Năm cáp xẩu (Giáp Thân - 1884), vua Kiến Phúc ban ấn sắc cho Cầm Văn

Tâm làm tri châu Mường Mụa. Nhưng được sáu tháng thì Cầm Văn Tâm mất. Bô lão đưa Cầm Văn Thanh xuống tâu vua Hàm Nghi. Nhà vua ban ấn sắc cho Thanh về làm tri châu Mường Mụa. Năm đó là năm hặp hậu (Ất Dậu - 1885).

Ở Mường La: Cầm Vinh (tức bun Piềng) làm chủ đất được chín năm thì lâm bệnh điên loạn. Bà Chính phải trông coi bản mường cho đến khi chồng mất. Phìa lý châu là Cầm Phanh cũng mất. Bô lão bèn đưa quyền suất đội là Cầm Ngọc Yêu xuôi tâu vua, nhà vua ban ấn sắc cho Cầm Ngọc Yêu lên làm chủ đất Mường La. Bô lão suy tôn là bun Yêu. Lúc đó là năm Tự Đức thứ 19, năm hài nhì (Bính Dần-1866).

Cầm Hương làm phìa chánh tổng Mường Chai.

Cầm Ba làm phó châu Mường La.

Cầm Lả tức bun Hoan cũng làm phó châu Mường La, ăn đất Mường Bằng.

CHƯƠNG X

GIẶC CỜ VÀNG, QUÂN CỜ ĐEN KÉO VÀO ĐẤT TÂY BẮC

Phìa bun Yêu làm tri châu Mường La được bảy năm thì bản mường loạn lạc. Năm tấu xăn (Nhâm Thân - 1872), giặc Cờ Vàng do tướng Dịp Tài chỉ huy kéo đến cướp phá bản mường.

Nguyên nhân chuyện này như sau:

Hồi đó, binh Ngô Hán đã tràn vào đánh đất người kinh. Họ đánh phá và chiếm được tỉnh Bắc Thành. Nhưng chỉ được ít lâu, quân nhà vua ở ngoài thành phản công lại, giết được tướng của quân Ngô Hán. Quân Ngô Hán chạy tán loạn lên tỉnh Lào Cai. Quan quân vua Kinh ở Lào Cai yếu sức không chống cự được phải bỏ chạy. Ông Lưu cậy quân mình

mạnh vào chiếm đóng thành Lào Cai. Ông Phần Lần Xi tự cho mình là đứng đầu quân Ngô Hán, buộc ông Lưu phải rút khỏi thành để quân mình vào đóng. Hai bên thương thuyết với nhau nhưng không kết quả. Ông Phần Lần Xi tức giận cho quân đánh thành. Hai bên đánh nhau được ba hôm thì ông Lưu rút quân. Ông định xuôi gặp vua Kinh, nhưng bị quân ông Phần Lần Xi đuổi riết nên phải rẽ qua Mường Lò. Lúc đó ông Cầm Ngọc Hãnh giữ chức Hiệp quản phó đề đốc của người Thái ở Mường Lò ra đón ông Lưu vào trú chân ở Mường Lò. Ông Lưu nói với ông Hãnh: "Tôi có việc nhà vua cần kíp lắm phải lên Mường La và Mường Lay ngay, nếu quân Ngô Hán là Phần Lần Xi đến đánh thì đừng có sợ. Hãy về bày binh đánh chặn nó lại đừng để chúng đánh tràn phía trên". Rồi ông Lưu kéo quân ngược lên Mường Lùng, Mường Chiến, Mường Chai, lại ngược sông Đà lên Mường Xại, Chiềng Muôn, Mường Muổi.

Ông Lưu đòi tri châu Mường La Cầm Ngọc Yêu và tri châu Mường Muổi Cầm Ten đến hầu. Ông nói: "Chúng tôi có việc của nhà vua sai đến, nay hành binh lâu ngày lương, tiền đã hết xin hai ông giúp đỡ". Hai tri châu bèn giao cho ông Lưu một trăm nén vàng, một nghìn nén bạc. Ông Lưu nhận và ngược lên Chiềng Vai, Mường Lao gặp tạo Điêu Văn Trì.

Tướng Ngô Hán là Dịp Tài đem quân đuổi theo ông Lưu. Dịp Tài là tướng Hán Cờ Vàng kéo quân trà quan Trái Hút vào Mường Lò. Nó ra lệnh bắt chủ đất Mường Lò phải nộp lương tiền, lấy cớ là cần vội ngược lên đuổi bắt ông Lưu. Phó đề đốc Cầm Ngọc Hãnh bày binh đón đánh quân Dịp Tài. Nhưng vì quân Thái không gan dạ nên phải lui vào trong châu mường cố thủ.

Dịp Tài cho quân đào hào vây chặt bảy vòng. Quân Thái bị vây lâu ngày nên sợ. Cầm Ngọc Tâm phản bội ra hàng Dịp Tài. Bản mường xiêu đổ, toàn bộ đất Mường Lò lọt vào tay Dịp Tài tướng Ngô Hán.

Cầm Ngọc Tâm tưởng được yên ổn và làm chủ đất Mường Lò như cũ. Có ngờ đâu, Tâm bị Dịp Tài giết cùng với ông Cầm Ngọc Hãnh và nhiều người Thái khác nữa.

Sau khi chiếm đất Mường Lò, Dịp Tài kéo quân chiếm đất Mường Chiến và sai người lên loan báo cho tri châu Mường La Cầm Ngọc Yêu ra hàng. Bun Yêu biết, cử đội sáu và ông lam ho mang binh phục sẵn ở núi Khau Xam Xíp, ở giáp giới giữa Mường Chiến và Mường La. Đội sáu theo lệnh bun Yêu lập nhiều bẫy đá ở những nơi xung yếu để chặn đánh Dịp Tài.

Hai bên đánh nhau dữ dội, binh Thái thua phải lui về báo cho bun Yêu. Bun Yêu đem hết binh lực của ông ra chặn đánh quân Dịp Tài ở Mường Bú. Ra tới đó, Yêu gặp quân của nhà vua phái lên giúp ông. Binh nhà vua do quan lãnh binh làm tướng. Quân Thái và quân Kinh hiệp làm một kéo qua sông Đà sang Ít Ông thì gặp quân Hán. Hai bên đánh nhau to. Người Hán bắn trúng ông lãnh binh ngã ngựa và chết. Ngực ông bun Yêu cũng bị trúng đạn ngã gục. Bun Yêu bỏ ngựa chạy trốn. Quân Kinh, Thái tan vỡ rút cả về Mường La. Theo lệnh bun Yêu, dân chúng chạy cả vào rừng ẩn nấp ở hang núi.

Bun Yêu xuôi về thành Hưng tâu vua. Người Hán thuê người bỏ thuốc độc giết bun Yêu. Phìa lý chánh bun Hoan bỏ chạy sang Chiềng Cọ đất Thượng Lào. Đất Mường La bỏ lại cho quân Hán ăn.

Người Hán đè nén, hãm hiếp đàn bà con gái, chém giết bừa bãi, cướp tiền, cướp vải, dân chúng khổ sở. Số phận họ lúc đó như cá sa vào lưới vậy.

Ông pọng Chính sống không nổi ra hàng Hán Cờ Vàng. Lần lượt, bốn ông xổng khác cũng theo ra hàng. Hán Cờ Vàng đánh đập dân chúng như lợn, như chó.

Đất Thái bị phá tan hoang. Riêng có Mường Lay là được yên vì theo ông Lưu. Dịp Tài "ăn" đất Thái được nhiều năm. Vua Tự Đức mới sai quan thống lãnh kéo binh lên thu xếp việc bản mường. Đến Chiềng Chan, quan thống lãnh đưa trát đòi Dịp Tài ra hàng, nếu không sẽ bị giết. Dịp Tài vờ xin quy phục: "Chúng tôi người Hán phiêu bạt tới đây xin sống nhờ đất thôi". Nghe vậy, thống lãnh cũng tin không đánh đuổi quân Hán Cờ Vàng nữa.

Thống lãnh gọi bô lão trong Mường La ra hỏi. "Chủ đất bun Yêu của các người chết rồi, nay các người tính sao? Bô Lão nói: "Tuỳ nhà vua thu xếp"... Thống lãnh bèn cử Cầm Hiểng, em Cầm Vinh lên thay làm quyền tri châu Mường La. Thư lại Cầm Chính được giữ chức thổ thiếp châu.

Xếp đặt xong, quan thống lãnh xuôi về tâu vua Tự Đức. Nhưng bản mường lại vẫn phải làm tôi đòi cho Hán như cũ. Dịp Tài vẫn đóng ở Mường La và ức hiếp nhân dân. Phìa chánh lý bun Hoan ẩn ở đất Thượng Lào, Chiềng Cọ ăn không ngon, ngủ không yên phải dời về Xốp Cộp ở cùng với phìa Điểm. Được ít lâu, bố nuôi ông là người Hán ở Bó Lù, Mường Mần sang đón ông đến ở cùng. Sau có người ghen ghét báo Dịp Tài biết. Dịp Tài cho người đòi bun Hoan về hầu, lừa sẽ cho bun Hoan làm chủ đất Mường La như cũ. Phìa bun Hoan tưởng thật, đưa cả gia quyến về Mường La. Đến nơi người Hán trói ghì ông lại và bắt ông phải nộp tiền.

Phìa bun Hoan biết thế nào ông cũng bị người Hán giết cả ba họ. Ông nghĩ cách nói dối: "Xin cho tôi đi lấy vải, lấy tiền ở Mường Bằng về chuộc tội". Dịp Tài cho bốn người khiêng kiệu ông đi Mường Bằng. Đi đến ao Bôm, Vài, phìa bun Hoan giả cách đánh rơi gối xuống đất, bảo bọn khiêng kiệu đặt xuống để nhặt. Nhân đó, ông trốn thoát. Dịp Tài được tin này bắt anh ông là Cầm Vinh và bà Chính giết đi. Còn vợ ông là nàng Ngần Pâng và con là nàng Cầm Phá may nhờ có ông ho luông chưởng Văn xin đem về nuôi nên thoát chết.

Phìa bun Hoan ẩn ở Mường Bằng ít lâu rồi chạy sang Mường Chai ẩn ở bản Huổi Cầm, nơi giáp giới đất Mường Than, Mường Khim. Ở đây, được một năm, ông lại chạy sang Mường Chiến. Đến đây ông nhờ bác ông, tạo Mường Chiến tên là Cuộc về đón vợ con ông xuống Xam Lò. Gặp vợ con, ông vui lòng đôi chút nhưng vẫn nghĩ đến đất Mường La đang gặp lúc giặc giã.

Trong khi đó tạo Mường Lay đưa thư lên ông Lưu ở Lào Cai xin tiếp quân xuống đánh đuổi giặc Cờ Vàng ở Mường La. Ông Lưu đồng ý và bảo cần gọi ông Văn ở Mường Tấc lên hiệp lực. Điêu Văn Trì bắt đầu hành binh về Mường Muổi. Quân Hán lui về đóng ở Mường La. Trì đưa thư gọi

bun Hoan ở Mường Lò lên giúp. Được thư, bun Hoan tức tốc lên đường về Mường Chiến gặp cánh quân đường thuỷ của Điêu Văn Trì do Nguyễn Văn Quang, chủ đất Mường Khoa, Mường Chăn, Châu Tiến chỉ huy. Hai ông đưa thư báo ông Văn kéo binh lên Chiềng Dong, gặp binh tạo Lay phá giặc Cờ Vàng.

Hán Cờ Vàng cũng kéo quân lên bản Vai. Binh tạo Lay gặp đánh lui được quân Hán trở về Mường La. Tạo Lay thúc quân đuổi theo qua bản Phiêng Nghè đến bản Panh thì gặp quân Hán tập trung cả ở đây để chống cự lại.

Năm cắt mẩu (Kỉ Mão - 1879) Tự Đức thứ 32, tạo Lay mở đại binh đánh Hán Cờ Vàng nhưng bị thua. Điêu Văn Trì, Cầm Văn Hoan, Nguyễn Văn Quang cùng ông Văn tập trung dân đắp kè chắn con xuối Mường La ở khúc chỗ bản Phiêng Ngùa hàng nước ngập làm quân Hán chết đuối. Nhưng ông Văn bị quân Hán bắn chết ở Đon Nát đang lúc ông thúc dân chúng đắp đê. Thừa thế, quân Hán đánh bừa vào làm binh tạo Lay hoảng sợ phải rút lui và sau bị quân Hán bao vây. Điêu Văn Trì phải tức tốc đưa thư báo ông Lưu ở Lào Cai về cứu. Ông Lưu báo về vua Kinh. Nhà vua phái Lê Ngô đem đại binh lên Lào Cai cùng với ông Lưu kéo cả quân về Mường Chai.

Lê Ngô dàn xếp cho quân Hán và Thái phải bãi binh không được đánh nhau nữa. Hán Cờ Vàng phải bỏ đất Thái để về ở Xẩn Phòng. Năm đó là năm khốt xi (Canh Thìn) Tự Đức thứ 33, năm 1880.

Năm sau, năm khốt xi (Canh Thìn) Tự Đức thứ 33, năm 1881, Cầm Hiếng chủ đất Mường La bị bệnh điên dại. Lê Ngô định đưa Cầm Hương con bun Quảng ở đất Mường Chai về làm tri châu Mường La nhưng Cầm Hương không nhận. Sau bun Hoan được cử giữ chức ấy.

Ở Mường Tấc: Cầm Văn Núi làm tri châu vào năm Tự Đức thứ 29, năm 1876.

Ở Mường Xang: Xa Văn Cả làm tri châu vào năm Tự Đức thứ 31, năm 1878.

Ở Mường Muổi: Cầm Ten bị Hán Cờ Vàng giết ở Mường La. Cầm Chung, con thứ Cầm Bòng được lên thay làm chủ đất Mường Muổi. Năm đó là năm cá một (Quý Mùi) Tự Đức thứ 36 năm 1883.

Cầm Chung có con là: Bạc Cầm Muôn, Bạc Cầm Chính, Bạc Cầm Huấn, Bạc Cầm Năm, Cầm Chung làm tri châu được hai năm thì mất. Con trai ông Bạc Cầm Ten là Bạc Cầm Hặc trước làm đội bảy, lên thay. Dân thường gọi là tri châu Bảy. Bạc Cầm Hặc còn có tên là Bạc Cầm Thế. Chúa sinh con tên là Bạc Cầm An, Bạc Cầm Yên, Bạc Cầm Dọn tức Bạc Cầm Dung.

Ở Mường La: Cầm Bun Hoan xếp đặt lại các chức dịch trong mường. Quyền Nó làm pần; chưởng Chính làm pọng. Chưởng Văn làm ho luông. Văn Nhọc làm lam ho. Mo, nghe cùng các bô lão khác đều được xếp đặt lại đầy đủ chắc như cột nhà sàn.

Pần Nó sau làm trái phép bị giết ngay. Bun Hoan cất nhắc chưởng Văn là anh vợ lên thay.

Bun Hoan làm chủ đất Mường La được ba năm thì gặp phải thời buổi loạn lạc.

CHƯƠNG XI

GIẶC PHÁP VÀO CHIẾM ĐẤT THÁI, BỌN PHONG KIẾN THÁI DẦN DẦN ĐẦU HÀNG CHÚNG

Ở Mường Kinh, Tây trắng Lang Xa vào chiếm đóng ở ngọn thành Gia Lương. Họ mang binh kéo vào, nhưng miệng còn nói chỉ xin vào buôn bán nhờ đất nhà vua thôi. Vua Kinh không tin, đem quân đánh Tây chạy. Sau Tây lại đưa binh vào lần nữa. Đúng là họ có mưu đồ đánh phá đất Kinh. Tức giận, vua Kinh kháng cự. Trận đánh kéo dài nhiều ngày không phân thắng bại. Sau Tây dụ dỗ: "Chúng tôi chỉ xin nhờ đất để

buôn bán, thực không dám chiếm đất, vì nhà vua đánh, nên phải chống cự lại". Vua Kiến Phúc nghe lời ngon ngọt đó để cho Tây đánh chiếm được ngọn thành Gia Định và Kinh đô.

Đến đời vua Hàm Nghi nguyên niên, 1885, quân Hán đứng đầu là ông Lưu nghe nói có Tây vào Mường Kinh cho binh về hiệp lực cùng các tỉnh kháng cự.

Quan đề tướng đóng binh ở Sơn Tây. Ông sai tướng Ba Dương cùng quân Ngô Thái giàn binh hai mặt đánh Tây, còn tự mình cầm binh đánh chẹn mặt sau. Khi lâm trận, Tây bắn bị thương tướng Ba Dương. Nhưng Ba Dương bắn trả trúng tên quan năm Tây rồi cùng chết với nó. Tuy vậy quân Tây còn mạnh, tiếp tục đánh; quân Hán phải bỏ chạy về Lào Cai.

Ít lâu sau, vua Hán sai tướng Xầm Công Pẩu kéo quân qua Vân Nam, từ Mông Tự tới Lào Cai hiệp lực cùng ông Lưu đánh Tây. Theo lệnh ông Lưu, mười sáu châu Thái phải đem quân đến Lào Cai cùng đánh giặc. Đại quân kéo cả xuống tỉnh Tuyên. Quân Tây kéo lên ứng chiến. Đánh mãi không phân thắng bại, hai bên hẹn nhau ngừng chiến bảy ngày. Sau bảy ngày, trận đánh tiếp diễn vẫn không ai thắng ai. Tây mới bầy mưu mang tiền nộp tướng Xầm Cống Pẩu xin giảng hoà với vua Hán và hứa nộp trả đất Kinh cho nhà vua. Họ lại xin tất cả quân Hán ở đất Kinh đều rút về nước. Còn người Pháp được ở lại đất vua để buôn bán. Vua Hán đồng ý, hạ lệnh cho Xầm Cống Pẩu rút về bỏ đất Kinh cho Tây ăn. Tây bèn kéo lên chiếm tỉnh Lào Cai.

Lúc đó, ở đất Thái, người Hán còn sót lại, nhân thời buổi loạn lạc, nổi lên chiếm bản mường. Trong số đó có ông Phàng Xập (tức Phương Thập - ND) chiếm Mường Chai. Tạo Mường Chai là Cầm Văn Tứ còn trẻ đang ở cùng với bác là Nguyễn Văn Quang ở Châu Tiến. Thấy thế, ông xin bác đem binh đuổi Phàng đi và trở về làm phìa Mường Chai.

ở Mường Chăn, Hán cũng chiếm đất. Tri châu Mường Chăn Nguyễn Văn Quang đưa thư cho bun Hoan xin mang binh giúp mình đánh chiếm lại. Hoan hợp cùng Quang tiến đánh. Hán bỏ Mường Chăn rút về giữ Tạ Khoa, uy hiếp Mường La. Bun Hoan sợ chạy ẩn vào rừng đưa gia quyến về Mường Chai bỏ Mường La cho Hán ăn. Hoan cầu cứu Quang, Quang

hẹn Hoan gặp nhau ở Mường Chăn cùng lên Lào Cai cầu cứu quan năm Tây. Đó là năm Đồng Khánh thứ 2, năm 1887. Lợi dụng dịp tốt đó, quan năm Tây báo cho quan sáu ở Hà Nội biết. Tây quyết định đuổi Hán chiếm lấy đất Thái.

Trong lúc đó, quân Hán từ Mường La về chiếm Mường Chai. Hoan ở đất Mường Khim, Mường Cang được tin dữ, phái anh rể là Chưởng Cốc báo cho Quang ở Mường Chăn biết. Quang lại chạy lên lạy quan năm ở Lào Cai một lần nữa. Quan năm cử quan ba đem năm trăm lính Tây theo Quang về Mường Chăn chặn đánh Hán. Lúc này Hoan đã ở đó. Binh Hán từ Mường Chai đánh về Mường Cang. Binh Hoan chống cự không nổi, bỏ chạy.

Trong lúc Hán đương mổ trâu, bò chuẩn bị ăn trưa để rồi đánh về Mường Chăn, Tây được Quang và Hoan dẫn đường về đánh úp. Bị đánh bất ngờ, Hán thua chạy về Mường Khim. Hôm sau được biết binh Tây đã rút, Hán lại đánh lấy lại Mường Cang. Binh Quang, Hoan thua phải rút chạy bỏ mường cho Hán. Sau nhờ Tây tiếp viện Quang, Hoan đánh thắng Hán. Mường Cang lọt vào tay Pháp. Trong trận này, Hán chết nhiều. Ai sống sót đều chạy về Mường La cả. Mường Cang biến thành vũng nước, làng mạc nhà cửa tan hoang.

Công trạng của Quang và Hoan được báo về Hà Nội biết. Bọn Tây ở Hà Nội muốn thấy mặt quan Thái vì đó là "giống người lạ", đòi Quang, Hoan xuống hầu, Quang, Hoan tới quỳ tâu mọi lẽ và được Tây thưởng bốn mươi khẩu súng "phá khị" cùng đạn dược.

Pháp quyết định hành binh quét Hán khắp bản mường. Quan năm Tây sai Hoan dẫn đường đưa binh đánh Mường La và Quang dẫn đường đánh Mường Lay. Đó là năm mẳng cậu (Đinh Hợi) Đồng Khánh thứ 2, năm 1887.

Hoan đưa Tây về Mường Chai. Hán túng thế bỏ về Mường La. Binh Tây kéo về Tạ Bú. Ông ho luông Phanh trốn bỏ hàng ngũ Hán ra đón Hoan. Phanh báo Hoan rõ Hán chỉ có độ vài trăm cây súng đương chẹn đánh ở Khau Pha Kéo Tèo, Hoan cử luôn Cầm Văn An là em đương làm phìa Mường Chum và ông lam ho ký đưa một bộ phận lính Thái theo đường Nà Xi về chẹn đầu Mường La.

Đại binh của Tây do Hoan dẫn , phái hai lính gan dạ là Bạ và Tun đi dò thám. Đến Pha Kéo Tèo, Hán bắn trọng thương cả Bạ lẫn Tun. Hai đứa kêu lên. Binh Tây đổ tới đánh nhau to. Binh Hán do ông Lầu chỉ huy phải lui về Mường La. Binh Tây đuổi tới bản Xằng ăn sáng rồi kéo vây Mường La. Hán cố sức chống, sau thế yếu rút vào đồn ở bản Cá. Tây tới bản Phiêng Ngùa thấy bản Cọ tưởng đồn Hán, hỏi Hoan. Hoan chỉ cho Tây đồn Hán ở Bản Cá nấp vào vách đá bên phải. Tây kéo đến mô đất Chiềng Ngần thấy đồn Hán bèn nổ súng. Hán chống không nổi phải chạy ra ruộng Xam Kha rút lên phía đầu Mường. Bất đồ gặp binh Cầm An phục ở đó chặn đánh. Hán chết nhiều. Số sống sót chạy lên Mường Xại, Mường Quài.

Tây chiếm được Mường La. Bun Hoan sai anh vợ là ông pần Lò Văn Uộng tìm lợn, trâu mổ khao quân. Bốn ông xổng kéo dân chúng ra hàng Tây. Thấy vậy quan tư cười hề hề nói: "Ta không giống người Hán hà hiếp dân đâu. Ta chỉ mong dân yên ổn làm ăn"... Quan lại, chức dịch hiểu vậy, mới xin làm tôi tớ cho Tây sai khiến.

Lại nói về cánh quân do Quang dẫn đánh Mường Lay.

Quan năm Tây đánh đến Mường Xo. Tạo Mường Xo ra hàng. Tây cho "ăn" mường như cũ. Khi Tây kéo đến Pá Tần gặp quân tạo Lay Điêu Văn Trì chặn đánh. Binh Tây đánh không lại phải tràn qua Mường Lay đánh về Mường La. Khi đi qua, dân chúng bỏ bản, bỏ mường không ai chịu ra hàng. Hoan cùng tay chân ra đón quan năm Tây. Nghĩ thương hại Hoan khó nhọc, quan thưởng tiền cho Hoan và cho thêm ba mươi cây súng có đồng bịt ở báng và được giữ ba mươi lính cơ để hộ thân. Ít lâu sau, cả quan năm, quan tư đều rút khỏi Mường La. Quan ba ở lại trông nom Mường La cùng Hoan.

Phìa Bun Hoan xếp đặt lại bản mường. Ai theo Hán đều bị giết cả. Người có công theo Hoan được giữ chức lớn.

Ông Pần, anh vợ Hoan được giữ chức phìa lý trong châu. Ông Táng Ùi làm pọng. Ông Văn Phanh, em vợ Hoan làm ho luông. Quảng Hoán làm lam ho. Quan xự ở xổng Pần "ăn" bản Phiềng Nghè.

Quan xự ở xổng lam ho "ăn" bản Chậu. Mo Tiềm "ăn" bản Giảng. Chưởng Cốc có công theo Hoan đánh Hán "ăn" Mường Băng, mường này được coi như một xổng. Văn Ùi có công đánh Hán được "ăn" Bản Cấp.

Cầm Văn Tứ làm phìa chánh Mường Chai. Cầm Văn An, em của Hoan được làm thư lại trong châu.

Cầm Văn Hoan sinh con là Cầm Phá, Cầm Thị Hoa, Cầm Thị Vành và các ông Cầm Quế, Cầm Túng, Cầm Cả, Cầm Héo.

Thời đó, Điêu Văn Trì còn đóng quân rải rác khắp nơi đánh Pháp. Quan sáu ở Hà Nội sai Pavi lên bình định. Pavi thấy ai cương lại thì giết, ai hàng cho làm chức dịch như xưa. Sau Pavi dụ được Điêu Văn Trì. Thế là mười sáu châu Thái thuộc về Tây. Tây lập đồn ở Đon Mèn tính nước ở lâu dài. Ở mỗi châu mường, Tây tuyển năm mươi lính Thái. Các tri châu chỉ được giữ ba mươi người. Còn hai mươi người Tây tập trung lại chỉ huy.

CHƯƠNG XII

BẢN MƯỜNG THÁI DƯỚI THỜI KỲ THỰC DÂN PHÁP THỐNG TRỊ

Ở Mường Mụa: Cầm Văn Thanh làm chủ được sáu năm. Khi Tây vào chiếm đất Thái, Thanh xin nghỉ cho Cầm Văn Oai lên thay. Năm đó, là năm khốt nhi (Canh Dần), Thành Thái thứ 2, năm 1890. Cầm Văn Oai lấy bà Cầm Phá, con gái cả bun Hoan sinh con là Cầm Văn Dung, Cầm Văn Vinh và Cầm Văn Dong. Tây thấy Oai gan góc cho làm quản binh.

Ở Mường La, ở Mường Bú, có hai người là Bô và Khụt nổi dậy phá phách bản mường bắn giết phìa Phanh và ông Xổng tên là Chom. Chức dịch ở đó lên báo Hoan. Hoan báo Tây kéo binh xuống bắt được Bô và Khụt giết ở Dua Cá (Bản Cá - Mường La).

Sau việc này, Tây rời đồn ra Pá Giặng ven sông Đà gần bến Tạ Bú. Chỗ đó gọi là Vạn Bú.

Thời đó Cầm Văn Hoan làm tuần phủ trông coi chín châu Thái Đen. Cầm Văn Oai, tri châu Mường Mụa, kiêm chức Quản đạo Thái Đen. Điêu Văn Trì giữ chức Quản đạo Thái Trắng trông coi các châu Thái Trắng. Bạc Cầm Châu thay Bạc Cầm Hặc làm tri châu Mường Muổi. Hoàng Văn Cấp tri châu Mường Vạt. Xa Văn Cả tri châu Mường Xang.

Vào năm 1911, những người tù do cai Khạt dẫn đầu nổi dậy cướp phá. Họ đánh giữa trưa ngày chủ nhật chiếm trại lính, dinh chánh xứ, nhà giám binh và nhà kho bạc tỉnh Sơn La. Ba tháng sau, họ bị Tây đánh thua.

Trong dịp này, những người tù ở Lai Châu cũng nổi lên nhưng bị thua ngay.

Vào năm 1914, có cuộc đánh Pháp do Lường Xám dấy lên từ tỉnh Xầm Nưa (Lào). Hẩu Xám ở Mộc Châu cũng hưởng ứng. Hai ông là người Hoa đã ở đất Thái lâu đời. Cầm Văn Tứ nguyên phìa Mường Chai cũng theo. Bạc Cầm Châu, nguyên tri châu Thuận Châu , Lường Văn Nó phìa Mường Lầm bị Tây nghi theo giặc. Bạc Cầm An tri châu Thuận Châu theo Tây cầm binh án ngữ Lường Xám ở sông Mã bị giết chết. Cầm Văn Oai và Xa Văn Cả khôn khéo lúc đầu lừng chừng đứng giữa, ý nếu Hán được theo Hán, Tây được theo Tây. Quân Hán đánh vào Sơn La chiếm được đồn Khau Cả, nơi có dinh chánh sứ, nhà giám binh và kho bạc. Họ vây hãm bun Hoan cùng chánh sứ, lính Tây ở trong trại. Viện binh của Tây từ Vạn Bú kéo lên đàn áp, lúc này Oai mới ngả hẳn theo Tây . Khi Tây bắn pháo hoa hạ lệnh tấn công hán ở đồn Khau Cả. Oai khôn khéo đốc binh lên chiếm được đồn trước, lập được công to. Năm đó vào năm 1918. Cầm Văn Tứ bị bắt và bị án biệt xứ sang Thái Nguyên, Bạc Cầm Châu, Lường Văn Nó bị giết.

Năm 1918-1922, đồng bào Mèo (Hmông) toàn Tây Bắc do Giàng tả Chay lãnh đạo, nổi dậy ở Tủa Chùa, Điện Biên (1918), Long Hẹ (1922) đánh Pháp mạnh mẽ. Sở dĩ dân Mèo nổi dậy là vì một năm Tây bắt nộp ba lần thuế. Tây và phìa tạo Thái bị thiệt hại nhiều. Thấy không thể dùng binh đàn áp được, Tây dùng lối lừa phỉnh mua chuộc. Trong túp lều nương ở ven rừng gần bản Xam Mứn ở Mường Thanh, Oai và Chay kết nghĩa anh em. Oai khuyên Chay tạm hoãn binh vì sức Tây còn lớn đánh chưa nổi. Oai lừa Chay nói là mình cũng có ý định đánh Tây, nhưng tự

nhận còn yếu nên phải ẩn mình chờ thời cơ... Chay nghe lời, thu binh rút sang Lào. Oai lập được công to và Tây cho Oai mề đay Bắc Đẩu bội tinh hạng Tư.

Vài năm sau, Chay nổi lên đánh Tây rất lớn ở Xầm Nưa bên Lào.

Ngày 1-2-1917, Chánh xứ Lômét mở trường dạy chữ Quốc ngữ và chữ Tây ở Sơn La.

Cùng năm đó, sau khi làm chủ Mường La được 33 năm, Hoan chết. Khi làm ma, mổ 32 trâu và trồng 36 cây hèo ở mộ. Cầm Văn Quế là con cả lên thay.

Năm 1919, Quế làm nhà ngói. Mỗi xổng phải nộp quế một trăm đồng bạc trắng.

Năm 1922, Tây báo bắt dân đổi tiền "Cống chảy" lấy tiền "hua cổm" hẹn một năm thì xong. Cứ ba đồng "Cống chảy" được một đồng "hua cổm". Dân mường thời đó túng tiền lắm. Họ phải bán gạo, trâu bò với giá rẻ mạt (một trâu mộng bán 12 đồng) và mua các thứ như sợi, thuốc lào, muối với giá cắt cổ (một cân muối giá năm hào).

Năm 1927, ở Mường Chai và vùng tả ngạn sông Đà thuộc Sơn La bị lụt lớn, 49 người Thái, 6 người Mèo, 4 người Xá bị chết. Ruộng mất 286 mẫu.

Năm 1928, có bọ xít nhiều. Bọ xít lan từ bản Tin Tốc ở Mai Sơn ra mọi nơi, gây thiệt hại lớn cho mùa màng.

Năm 1931, Tây xây nhà tù Sơn La; mở đường cái ô tô đi Tạ Khoa. Năm 1932, Tây lại mở đường đi Thượng Lào và từ Mộc Châu về Suối Rút. Con đường này người Thái gọi là đường Pha Lỷ, Pha Tổ. Biết bao người Thái bị chết trên con đường này. Con trai bị đi phu, con gái phải gả bán sớm, bản mường không yên vui.

DÂN TỘC THÁI

CHIA BẢN CHIA MƯỜNG

Đây là một văn bản có giá trị khoa học hiếm thấy ở các tộc người thiểu số miền núi, một chứng cứ chứng tỏ trình độ phát triển xã hội cao, gần với miền xuôi và do tác động của miền xuôi.

Chia bản chia mường *(Păn bản păn mường), giới thiệu ranh giới một mường (khốp nặm đen đin) với quá trình hình thành của nó rất tỉ mỉ và đầy đủ. Tiếp đó là phần trình bày những lệ, luật của tổ chức chính trị một mường. Phát hiện tài liệu hiếm có này là Khà Văn Tiến, người quê Mai Châu, sau nhờ cán bộ Viện Dân tộc học tổ chức biên dịch, giới thiệu, chú thích, khảo dị và được Nhà xuất bản Khoa học xã hội in trong tập* ***Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái*** *năm 1977. Tiếng vang không chỉ được giới sử học trong nước đón nhận mà còn được giới khoa học xã hội thế giới (Liên Xô, Pháp và Nhật Bản) biết đến và giới thiệu.*

Chia bản chia mường *cho thấy từ thế kỷ XV-XVI ở một huyện miền núi Hoà Bình, một tổ chức xã hội đã được tổ chức có luật, có lệ. Luật, lệ đó phản ánh một phương thức sản xuất được C.Mác gọi là phương thức sản xuất Châu Á.*

Chia bản chia mường *cũng chứng tỏ ở các tộc người miền núi đã có một hình thức văn chương khá chính xác, văn chương hành chính, pháp luật.*

Nếu luật tục Êđê và các bộ luật tục khác của các tộc người ở Trường Sơn - Tây Nguyên cống hiến cho ta những tư liệu quý giá về một xã hội bắt đầu phân hoá giai cấp, thì với ***Chia bản chia mường****, độc giả có được những tư liệu hiếm về một xã hội phương Đông của một thời kỳ giai cấp đã định hình.*

ĐẶNG NGHIÊM VẠN

RANH GIỚI BẢN MƯỜNG
(KHÓP NẶM ĐEN ĐIN)

Từ khi nên nước, nên đất, nên cỏ, nên trời, nên gió, trời mới ban luật, ban lệ, trước định thế nào, nay phải theo như thế.

Dưới trần, có năm mươi chỗ mường Kinh, năm mươi nơi mường Thái. Vì bảo ban không được, dạy dỗ không nghe, vua Hồng Đức mới ban luật, ban lệ xuống các mường Kinh, nơi có quan tần, quan sứ, có quan phủ, quan huyện cai quản.

Còn đối với các mường người Thái "cơm đồ, nhà gác", mường có sàn, bản có cột, trên có châu dưới có mường, có bản. Châu cai quản mường; mường cai quản bản; trên thì chúa, có tạo, dưới có già, có trẻ. Vua cũng định ra luật, ra lệ cho các tạo hàng châu, hàng mường, hàng bản phải nhớ. Từ đó đến nay, từ khi vua Hồng Đức đã định ra luật lệ ban xuống, nếu việc quan không biết xử, thì cứ chiểu theo các điều trong luật, trong lệ này mà xét.

Từ xửa từ xưa, đất Mường Hạ được định thành huyện, thành châu, Mường Hịch theo về Mường Hạ; Mường Pa theo về Mường Xượng (tức Mường Thượng). Sau Mường Thượng, Mường Hạ tranh chấp nhau kể đã không biết bao đời. Đến đời ông Huê, ông Cầm vì thua kiện, mất đất, phải chạy sang Bó Lào, đến ở vùng Tổng Cảng Chiềng Luông. Sau, vì không ở được, con cháu mới quay về xuống ở Bản Chại. Tạo hàng châu Mường Mùn là Hà Công Ứng thấy thế mới cho người xuống Chu Da xin cho tạo và dân (páy) Mường Hạ trở về đất cũ. Pha nha Lộc (tức Hà Công Minh) mới cùng dân páy Mường Hạ trở về xin thần phục theo viềng, theo chu, xin được làm đầu mường, đầu bản (hua mường, hua bản). Chúa hàng châu mới chia đất cho tạo Mường Hạ, nhận cho theo lệ đầu mười (hua xịp), chịu thuế má, cống dịch.

Vì Mường Hịch cùng Mường Hạ tính là một đầu mường, nên thuế, lệ cống, dịch tính là một. Vì vậy, thường gọi là Mường Hạ đổng (tức tổng Mường Hạ - ND).

Lúc đó, đất Mường Mùn chỉ có ba tổng:

Chiềng Châu, Chiềng Xại gọi là tổng Mường Thượng.

Mường Pa, Bản Nhót gọi là tổng Bao La.

Mường Hạ, Mường Hịch gọi là tổng Mường Hạ.

Trong tổng Mường Hạ, nếu Mai Hạ chịu thuế phải nộp 10 phần, thì Mường Hịch phải chịu nộp bằng 7 phần.

Đến hết đời Hà Công Ứng, con cháu ông Ứng mới chia cho riêng Mường Hạ thành đầu mười, ngang hàng với các tổng trong châu. Tạo hàng châu mới chia đất cho Mường Hạ như sau:

Phía trên từ khe Bó Dóng đến thác Chào (Hát Chào), đến nguồn nước Tiểu Hiếu (hay Tiểu Hía), lên đỉnh núi đa Cờ Nóc, về đến hang Cánh Ké, đến đỉnh Pù Cờ; cắt ngang sang đến chỗ cây sấu ba cành (co cú xam ngá), tiếp đến chỗ khe Đen mường (tức biên giới của châu - ND), đến khu rừng Khì, rừng Ban, đến Pha Dàng, qua núi đá Lò Xụp, đến đèo Khoác (Kéo Khoác), đến Tát Lạnh, Cánh Cón, sang đỉnh núi Pom Thoảng, đến ngọn suối Cóng Đóng, sang suối Pù Chuông, cắt ngang đến Cánh Quang, sang tới đỉnh Hin Đon Cáy, về cạnh Hang Nòn, quay về đỉnh Đán Đón, đến thung nhỏ Bó Hó, lên đỉnh Bó Hó, xuống đường Pá Phao, bên đỉnh núi đá Hin Khòn, sang đỉnh núi đá Nong Khèo, đến đỉnh núi đá Chưa Nháo, xuống thửa ruộng Co Háy xam ngá (cây si ba cành), về đến chỗ cây đa rừng gianh Pá Khá Lè; cắt ngang sang suối Nặm An Lắn, qua khe Ké Xé, tới rừng Puốc Luông, đến đỉnh núi Pha Tằng, sang núi Pha Máy, về đến thung lũng Cói Tói, xuống chỗ nguồn nước Bó Puốc, qua suối Nặm Hóng có chiếc cầu treo, sang bên kia suối Năm Xia, tới khe Đán Hượu, sang đỉnh Pù Chàm, qua đèo Pha Ho, tới đỉnh Pá Cú, đỉnh Đông Dồn, về đến thung lũng Cái Tái (thung Cái Tái tức thung đã có chủ, tên là Cái Tái - ND), đến sông Mã, dọc xuống tới suối Ma Han, về đến Hang Dàng, xuôi suối Huổi Hầm, Huổi Hài sang Thung Nghẹ, tới rừng Lấu Nọi, rừng Lầu Luông.

Đến đời con cháu Hà Công Ứng, đất Mường Hạ được chia quy định là như thế đấy. Chúa hàng châu đã cấp đất (cấp nặm cấp đin) cho hưởng, cho nhượng với bề trên hàng viềng, hàng chu. Pha nha Hà Công Minh chịu lệ nộp đùi thú (khánh sắt kha nựa). Tạo mường, dân hàng mường đi săn được thú, phải mang đùi, mang thăn nộp tạo hàng châu; dân trong Chiềng Hạ, Chiềng Hịch, Chiềng Pa đi săn được thú, vừa phải mang đùi, mang thăn nộp tạo hàng châu, vừa nộp tạo trong mường.

Mường Hạ lại phải làm nguột cho tạo hàng châu (hay tạo chu) là 3000 bó mạ cấy, không phải làm phiên, nộp lính gì.

Đến đời con cháu, anh em nhà tạo không thương yêu nhau mới làm tờ giao ước ai được từ voi có ngà, tê giác có sừng, hổ, gấu, lợn, nai, hươu; ai được từ đùi trâu, đùi bò, không phải cho nhau, tạo mường nào ăn của mường nấy. Mường Hạ chỉ cày cấy ruộng nguột hàng châu có 2000 bó mạ. Tạo hàng châu bị bớt miếng ăn, miếng uống chừng đó, bớt ruộng nguột 1000 bó mạ. Lệ mới định ra để theo; lệ cũ huỷ đi. Mường Hạ lúc đó đã chính thức thành một tổng trong châu rồi. Về ranh giới đất Mường Hạ cũng chia lại không để như xưa nữa.

Con Hà Công Minh là Hà Công Phục mới lên làm tạo lại xin làm tôi tớ, làm nhượng cho viềng, cho chu, xin chia lại đất một lần nữa. Ông lại xin bỏ lệ mới định và xin cứ theo lệ của hàng châu ban cho. Đến đời con cháu cứ theo lệ này không thay đổi.

Ranh giới các chiềng, các pọng trong đất Mường Hạ quy định như sau:

Nguyên đất Chiềng Hạ, phía trên từ Hát Chào, cắt về đến dốc đỉnh Đan Cờ, xuôi về khe cạn giáp giới mường (hóng đen mương), giáp vào đất Bản Lác, đến núi Pha Đông, trông thẳng sang đỉnh núi Hon Khoan, đỉnh Noong Éng, về tận rừng già Đông Cuống, xuôi theo tới dốc đỉnh Tang Ke, Xe Ke qua rừng Pước Luông, về Xăng Máng Pha Tằng, qua Chùng Chằng Pha Máy, về đến đầu Khe Cói Tói, đến đỉnh núi đá Ma Hon, thẳng xuống lái Hin Dón, về đến đầu ruộng Na Mường, qua khe Co Bơi, lên khe Băng Bay, về tận ruộng Nà Mười, Nà Hè, ruộng của dân trong chiềng, thẳng lên theo dọc suối bên đường cái đến Phai Luông, sang bên suối Nặm Mùn, bên kia đường Na Chán, về chỗ bằng trong núi (khọ) Kẹm Chạng, tuột theo khe Kẹm Chạng sang nguồn nước Bó Lặc, đến tận Hang Đon, Co Đẳm, thẳng về bên Nặm Mùn, bên Nà Cán, theo dòng nước Nặm Mùn về đến Hát Chào.

Còn Bản Khả thì ghép vào chiềng. Bản Khả phải nộp "đầu hai" (hay hai đầu cống = xoong hua hịp). Tạo quan Bản Khả coi như chức dịch trong chiềng. Tạo Khả được ăn đất Bản Khả, phải trông nom, sửa sang đường sá phía trong từ đỉnh núi Hon Khoan đi ra, phía ngoài từ Hóng Lặc đổ vào.

Nguyên đất pọng Lặc, Lầu phía trên từ Khe Bó Dóng về tận Nặm Mùn, xuống theo dòng nước đến cuối rừng Co Dầm, giáp ruộng của dân chiềng..., cắt ngang về Huổi Lặc, tới Hang Ái sang núi đất Lầu Nọi, đến tận Làng Lình sang bên kia núi đất Pù Lầu, tắt về Hang Tay, lộn sang bên phía bên kia rồi quay lại Nhót Hóng trở lại Bó Dóng.

Nguyên đất pọng Nghe phía trên từ góc Phai Luông, cắt về cuối Nà Chén, xuống tới Khèm, ven bờ sông Nậm Mùn, đổ xuống bãi tha ma Hẻo Nóng, sang qua sông Nậm Mùn lấy từ rừng Nà Mo Mường về đến rừng Vẳng Bau, xuống Nà Làn, lên Nà Hang, thẳng tới khe Pha Long xuyên giữa núi sang phía bên kia theo Ké Cáng, khe Hài, thung Nghệ, cắt về đỉnh núi Pu Gia Hác, tắt sang bên kia núi đá dựng đứng như thành Đán Lý, về núi Gia Húc, đến tận hang Làng Lình, tắt về vũng Co Nôm đến tận núi Pú Lầu, quay về cuối hang Nà Chén.

Nguyên đất pọng Củm, Lọng, phía trên từ khe Hin Dón lên tới đỉnh đèo Ma Hon, thẳng về khe Coi Tói xuống tận Mường Mùn góc bờ ao Cha Lạng, sang suối Xia lên tới khe Đán Hượu, vượt đỉnh Hượu Bang về đến Co Ba Luông (cây đa to), tắt quay lại khe Pha Phứng, phía bên trong tắt xuống khe máng nước ruộng Nà Co Ba, cắt ngang về khe Pha Họ, lên đỉnh Phượng Hốc Hằm, ra bên ngoài xuống tận hang Dàng, chiếu thẳng về núi Co Tăng, đi theo ngọn suối Lọng, ven theo suối Hài, quay ra đỉnh Cặp Kè, Hốc Hài, Thung Nghệ, về đến khe Pha Lòng xuống tận Phai Hang, về khe Co Mười đến đầu ruộng Nà Mường, tắt về khe Hin Dón.

Nguyên đất Bản Khán, đất của tạo mường lấy làm cuông làm thín, phía trong từ khe đặt máng nước ruộng Nà Co Ba (ruộng cây đa), tắt về bên trong khe Pha Phiếng, đổ về Buốc Mu, sang đỉnh núi Co Hào, giáp với đất Mường Hịch, về đỉnh đèo Pha Họ, xuống núi đá Linh Nòn, tận Hang Nọi, tắt về ngọn Huổi Nhụ tới Co Phường về Núi Sổ Lổ, sang đỉnh núi đá Căng Hiếng tới Cánh Hen, Kểnh Hen, ngược lên ngọn suối Cánh Hen, tắt sang đèo Khơi, đỉnh núi Co Ba xuống thác Pha Đeng, lên núi Buốc Khán về tận Buốc Chạng, đi vào theo đỉnh Hộc Hằm Hằng, xuống đỉnh núi Pha Họi, xuống khe đặt máng nước ruộng Nà Co Ba, giáp vào đất Cụm, Lọng.

Nguyên đất Khăn Xui, Bản Co Bòng, Bản Ban giáp đất Mường Ánh là đất thuộc chung cả mường phải trông nom. Nếu có người nào ở nơi

khác về xin ở thì tạo mường bắt làm cuông, làm thín. Nếu dân hàng mường xin ra ở, khi có lễ cúng toàn mường, người đó phải nộp một con lợn để cúng "ma áo" (phia xửa) chỗ Xốp Xia. Người nơi khác hoặc dân trong mường ra ở đều phải trông nom, sửa sang đường từ Kẹm Hen ra phía ngoài đến suối Ma Ham, phía trong lên đến vũng Cái Tái. Nếu không có ai ra ở đó, thì dân hàng mường phải chung nhau cúng "ma áo" Xốp Xia và ra phát đường ở đó như lệ đã định.

LỆ MƯỜNG
(LỆ MƯỜNG)

Lệ làm nhà cho tạo mường: Cột gỗ đã có tấc thước quy định. Nếu làm nhà năm gian, tạo mường phải mổ cho dân hàng mường đến làm ăn ba trâu. Lúc sửa soạn làm nhà, chỉ cần có cơm, rượu, thịt. Các bản thín phải nộp mây để buộc nhà. Tạo phải mổ một bò để nuôi mây và cho dân thín hai chum rượu cần. Dân mường phải làm túp cơi phía ngoài, táng chàn phía trong; dân thín phải làm túp cơi chàn, chàn và bếp lửa. Lệ làm nhà cho tạo bản: Nếu cột gỗ lõi đường kính là 4 nắm tay (quảng xi) trở xuống, nhà năm gian, tạo bản phải mổ cho dân hàng bản đến làm, một con trâu làm ngải hườn, chịu cơm rượu, một con lợn, ba quan tiền. Ngày lợp nhà phải mất thêm một lợn; ngày đóng vách, một lợn. Hàng bản phải làm túp cơi và rào xung quanh nhà theo lối hua hào nạo thí. Nhà tạo mường thì rào theo lối hua tấm luộng, tức là rào ghép tre hay nứa xít nhau, cao 6 khuỷu tay, có năm lượt chông, cửa kép. Người nhà tạo bản phải làm sàn bên ngoài, túp cơi bên trong và bếp. Rào nhà tạo pọng cũng phải rào theo lối hua tấm tuộng và cao 5 khuỷu tay, có ba lượt chông, không làm cửa kép.

Lệ dân mường làm ruộng vụ mùa cho tạo mường. Bản Chiềng và Bản Khá phải cấy 2000 bó mạ làm nguột. Lệ nguột Bản Nghẹ, 1000 bó mạ; Lệ nguột Bản Lầu, 1000 bó mạ; Lệ nguột Bản Cùm, Lọng, 1000 bó mạ. Mường vui mường làm nguột cho tạo mường tất cả 5000 bó mạ. Dân

toàn mường phải làm chỗ ruộng nguột từ khi cày cấy đến lúc thu hoạch gánh thóc vào lều tròn mới coi là xong. Tạo mường phải bảo những nhưng (tức người chức dịch hầu trong nhà quan) và người nhà giã gạo, nấu rượu nuôi dân hàng mường kèm theo một con trâu hôm cúng ngài nà. Hôm cúng cơm mới nuôi nguột cũng thế. Cơm, rượu phát theo đầu ruộng (hua nà nuột). Thịt trâu chia đôi để ở nhà tạo một nửa, chia cho các đầu ruộng một nửa. Tạo đem phần thịt để ở nhà tạo chia cho các ông tạo pọng, quan pọng, chá, các ông quan chiềng, nhưng nha, các bản thín, nhà cuông. Hôm cúng ngài nà, các ông tạo pọng phải mang đến 10 bát gạo, một chum rượu, các nhưng nha, các nha lình mỗi nhà phải mang đến 5 bát gạo, một vò rượu giúp tạo mường. Dân mường phải dựng lều thóc, làm lỏng cho tạo mường. Dân bản phải dựng lều thóc, làm lỏng cho tạo bản.

Lệ dân pọng làm ruộng vụ mùa cho tạo pọng. Bản nào cũng phải làm nguột cho tạo pọng 1000 bó mạ cấy. Tạo pọng phải mổ lợn, ba quan tiền, cơm rượu cúng ngài nà và nuôi nguột. Nguột cũng phải làm mọi việc từ lúc cày cấy đến khi đổ thóc vào lều mới thôi.

Lệ dân mường làm ruộng vụ chiêm cho tạo mường: Dân hàng mường, bất kỳ nhà bé hay nhà to, nhà nào cứ có bốn cột cắm xuống đất trở lên, các nhưng nha đều phải cày bừa ruộng cho tạo mường. Mỗi nhà, mỗi người một buổi. Người nào đến làm, ăn cơm nhà mình. Có cơm nhổ mạ ngài lộc mạ. Hôm cấy, hôm làm cỏ, hôm gặt, mỗi nhà phải làm một ngày. Dân hàng mường không phải gánh thóc về lều. Việc đó, nhưng nha và đầy tớ (con hườn) nhà tạo mường làm.

Lệ dân pọng làm ruộng chiêm cho tạo pọng. Bất kỳ nhà bé đến nhà to trong đất pọng đều phải cày bừa mỗi nhà một người một buổi, ăn cơm nhà mình. Có cơm nhổ mạ. Hôm cấy, hôm làm cỏ, hôm gặt, mỗi nhà phải làm một buổi. Người nhà tạo pọng khắc gánh lúa về nhà.

Lệ phát nương bông cho tạo mường. Bất kỳ nhà bé đến nhà to trong đất mường, các nhưng nha cho đến dân hàng mường, đều phải đi phát nương bông cho tạo mường một ngày. Phải chặt cây to thành khúc nhỏ đốt cho cháy hết, phải rào và phải làm cỏ lượt đầu sau khi đốt nương. Tạo mường chỉ phải mất một con chó to để làm bữa cơm cho hàng mường ăn hôm phát nương thôi.

Lệ dân mường làm phiên (hầu hạ) ở nhà tạo mường (hay lang): Ba bản pọng phải cử mỗi ngày một người túc trực hầu hạ ở nhà tạo mường. Bản Chiềng phải cử hai người đến để trông nom các việc to nhỏ, cai quản phiên bạ bản pọng. Phiên phải làm mọi việc từ việc giữ nước ruộng, nước đồng, làm mạ, cho đến việc giữ đồ đạc, trông nom nhà cửa của tạo, của bà. Khi nhà tạo có việc, hé (tức người cai quản các phiên) phải trông nom xem xét bát, đĩa, sanh, nồi cho cẩn thận. Nếu mất của nhà tạo, người hé phải đền.

Lệ dân pọng làm phiên ở nhà tạo pọng: Tạo pọng lấy một nhà thay phiên hầu hạ trong nhà. Bất cứ việc gì trong nhà, hé phải trông nom săn sóc. Nếu tạo pọng có việc quan vắng nhà, hé phải xem xét mọi việc từ nước đồng, nước ruộng, làm mạ cho tạo. Tạo pọng đi hầu quan, nhà hé phải đi với tạo. Dân bản không phải đi.

Lệ tạo mường lấy lính chân tay. Nếu thời loạn lạc, tạo tuyển nhiều lính; nếu thời bình, mỗi bản phải cử một người. Tào tuỳ xem thấy nhà nào cần bắt lính thì lấy. Khi tạo đi đâu, lính đi trước; khi tạo ở nhà, lính ở cạnh tạo. Khi ở nhà, lính phải chùi súng, chùi giáo, kiếm, gươm, nghiền thuốc, cuột ngòi hoả mai, đan chài đan lưới, đi săn, đánh cá. Tạo không bắt lính làm các việc khác. Nếu tạo đã lấy nhà nào làm lính, hàng mường không được bảo nhà đó "đưa gánh, đóng bè" tức là đưa đón khách khứa của bản mường nữa. Nếu có khách, nhà đó chỉ phải nộp bát gạo, hũ rượu mà thôi.

Lệ nhà có người làm lính nếu săn được thú vật hay giết mổ thịt gia súc: Từ con khỉ trở lên, nhà đó chỉ phải nộp tạo mường mà không phải nộp tạo bản nào nữa, vì đã có người nhà là lính của mường rồi.

Lệ đầu thuế, đầu lệ (hua xuế, hua tể) ruộng hoang: Tất cả các ruộng bỏ hoang ở trong hàng mường cấy được hai vụ thì phải nộp thuế. Cứ thửa ruộng nào cấy hết 1000 bó mạ phải nộp 4 tiền thuế. Sau hai vụ nữa, ruộng đã phải thu tiền đầu nhà (hua hươn hay hua hộ) gọi là nà hịp. Người họ hàng nhà tạo hàng cháu, các ông tạo păn nà không phải tính hua hộ. Chỉ dân thường (hua nọi) phải tính hua hộ thôi. Hịp hua hộ của dân chiềng, hịp của dân bản nộp về pọng. Khi đã được tính nà hịp, người đầu ruộng được nhượng ruộng đó, tức là được coi thửa ruộng đó như của mình (nà pí chẩu).

Lệ các bản thín: Các Bản Te, Bản Pu, Nà Só, Bản Lồng, Bản Xam Khoè, Bản Xô, Bản Khá là bản thín ngoài chiềng. Khi tạo mường làm nhà, các thín phải nộp mây làm lạt buộc nhà cho tạo. Nhà tạo phải mất một con bò, một chum rượu nuôi mây. Các thín phải làm bếp, cầu thang, cơi chàn, các thứ bên trong nhà, vườn rau thơm và chăm nom nước đèn không được thiếu lúc nào. Nếu tạo có người nhà, thì người nhà làm chuồng lợn, chuồng gà; nếu không, thín cũng phải làm. Các thín phải thay nhau cử một người làm phiên để nước đèn cho nhà tạo. Nếu tạo đi vắng lâu, các quan thín phải thay nhau giữ nhà cho tạo. Hàng năm, đến lễ cơm mới, mỗi bản thín phải nộp cho tạo hai chiếc sàng, sẩy, bốn chiếc bung đựng gạo, hai chiếc cót, năm cái chầy giã gạo. Khi nhà tạo có việc, thín phải nộp chuối non để nấu canh, nộp lá và phải hầu hạ nhà tạo. Tạo thiếu thứ gì, sai làm thứ đó; cần điều gì, sai làm điều đó. Riêng Bản Khán phải nộp hai cái chà cá (lang pộc). Riêng các bản thín trong chiềng không phải nộp các thứ kể trên. Các bản thín vẫn phải nộp thuế ruộng. Không kể ruộng vỡ hoang hay ruộng nhà, nếu nhà nào cấy 1000 bó mạ, nhà đó phải nộp 4 tiền; nếu cấy 100 bó mạ thì nộp 24 đồng. Nhà nào cấy vụ nào, nộp vụ đó. Nếu tạo đi thăm các mường hay về chầu dưới Kinh, tạo cần tiền uống nước (hịp chèn kin nậm), các thín phải góp cho tạo.

Lệ các nhà phải giã cơm mới làm tế cho tạo mường. Cả mường phải bảo nhau đi săn, đánh cá, giã gạo làm cơm mới cho tạo. Riêng Bản Khán phải nộp gà để làm cơm lót dạ (kin lèng) khi đi đánh cá cho tạo. Dân pọng hằng năm cũng phải đánh cá, đi săn và giã gạo làm cơm mới cho tạo pọng như trên.

Lệ miếng ăn, miếng uống, khi có cúng, có lễ phải giết con thú thì đã có lệ không được đòi thêm, đòi bớt.

Ở bản chiềng, khi các hua hịp cúng ma nhà mổ lợn phải nộp một đùi sau, hai gói thịt gốc (tong cốc), một gói thịt ngọn (tong pai) cho nhà tạo. Các hua nọi (tức nhà dân cúng ma nhà) mổ lợn cũng phải nộp đùi và ba gói thịt.

Nếu làm vía (ệt khon) thì chỉ khi nào làm vía cho chủ nhà (cốc hườn) mới phải nộp đùi lợn cho nhà tạo. Còn khi làm vía cho con, thì vì đã có bố, có mẹ và làm vía cho vợ thì vì đã có chồng, nên không phải nộp đùi cho tạo.

Lệ đi săn: Nếu bắn được thú từ cầy, chồn, cầy bay, khỉ, dím, đon, phải nộp đùi trước, một miếng thịt và bộ lòng cho tạo. Nếu bắn soi hay bắn ngày được từ con hoẳng trở xuống, người bắn lấy nửa to (tức nửa có đầu), bản lấy nửa nhỏ (tức nửa không có đầu), tạo chỉ lấy một đùi thôi.

Lệ làm hiếu, làm ma: Người chết là việc lớn. Khi làm hiếu, gia chủ phải nộp đùi, nộp thịt thăn cho tạo. Ngoài ra, còn phải nộp 5 gói thịt và một xâu thịt cho tạo. Nếu chưa kiếm được trâu làm hiếu, khi tạo chôn, giết con gì cũng phải nộp khoanh đùi cho tạo. Tạo lấy khoanh gốc và 3 gói thịt. Những súc vật nuôi bị chết hoặc bị hổ vồ, phải nộp khoanh gốc cho tạo mà không phải nộp đùi và thăn.

Có nộp đùi mới phải nộp thăn. Khi tạo đã lấy đùi thì không được đòi khoanh gốc nữa.

Các đầu việc (cốc việc) được hưởng khoanh thịt. Khi dân mượn người làm nương, làm ruộng, phải biếu tạo khoanh gốc, biếu ông quyền khoanh ngoài, biếu ông chá ngàn khoanh gần chân. Theo lệ, chỉ phải nộp ba khoanh thôi. Tạo bản nào mượn người làm ruộng, làm nương phải bưng mâm thịt, hai gói cơm về biếu tạo mường.

Lệ nhà nào được tổ ong: Nếu được ong trên cây (phứng mạy), ong trên vách đá (phứng pha) và ong dưới đất (phứng tó), dân phải nộp nước mật đầu (năm hua) cho tạo. Nếu được ong ở vách đá hay ở dưới đất còn phải nộp tầng giữa cho tạo nữa.

Lệ nhà nào được ba ba: Nếu được ba ba to 4 nắm tay (xí căm), dân phải nộp đùi cho tạo. Người già, dân đen, hay các ông trong chiềng đi quăng chài được cá to hay làm hũ rượu lớn phải biếu tạo.

Lệ các bản pọng về hầu tạo mường và khách mường dưới, khách mường trên về thăm hỏi, hầu hạ tạo mường. Trong các trường hợp đó, các ông tạo ba bản, các ông quyền và các ông trong chiềng, các nhưng nha, mỗi nhà phải đem một con gà, một chai rượu về giúp nhà tạo. Nếu cần rượu thêm, nhà nào còn lấy của nhà đó. Khách mường dưới, khách mường trên về hầu nhà tạo phải làm cơm rượu, hàng mường phải đến phục dịch và được ăn uống.

LUẬT MƯỜNG
(HỊT KHÒNG MƯỜNG BẢN)

Từ khi nên nước, nên đất, nên cỏ, nên trời, nên gió, trời mới ban luật, ban lệ, trước định thế nào, nay phải theo như thế. Luật bản, lệ mường định ra là cốt để mọi người tuân theo cho bản mường được vững mạnh.

Từ đời xửa đời xưa, sách luật, sách lệ đã được định, nay khi xét kiện cáo, phải chiểu theo đó. Cần phải làm sao cho thực, cho minh, đừng lấy nặng làm nhẹ, cũng không lấy nhẹ làm nặng; đừng lấy điều trái làm phải, cũng không cho điều phải thành trái. Khi kiện cáo nhau, người dân phải trình nơi cửa nhà tạo bản (hồng tạo bản). Thoạt tiên, tạo bản xét (khản). Nếu tạo bản không biết xét, biết xử, tạo sẽ đệ trình lên tạo mường xét. Nếu tạo mường cũng không biết xét, biết xử, tạo sẽ đệ trình lên tạo hàng châu (tạo chu) xét. Nếu tạo bản xét đã cho là công bằng rồi, mà một bên vẫn chưa chịu, lại xin đưa lên tạo mường xét; tạo bản đừng có cấm ngăn. Nếu tạo bản cấm ngăn là có lỗi vì trái với phép định trong luật. Nếu dân có việc kiện với tạo mường, tạo mường xét đã cho là công bằng rồi, mà một bên vẫn chưa chịu, lại xin đưa lên tạo chu xét, tạo mường đừng có cấm ngăn. Nếu tạo mường cấm ngăn, là có lỗi vì trái với phép định trong luật.

Nếu tạo chu xét xử cũng giống như tạo mường xét, hai bên phải trở lại cho tạo mường phạt. Nếu tạo mường xét rồi, mà tạo chu lại xét khác đi, thì tạo mường không được phạt. Nếu tạo mường (hay tạo chu) xét xử cũng giống như tạo bản xét, hai bên phải trở lại cho tạo bản phạt. Nếu tạo bản xét rồi, mà trên xử khác, tạo bản không có quyền được phạt. Trong các trường hợp xét xử khác ý nhau này, người bị kiện bị tội nặng, nhẹ đã theo trong các điều ghi trong luật.

Tạo bản chỉ có quyền được phạt mức từ ba lạng bạc (xam vía) kèm theo rượu, lợn trở xuống mà thôi. Nếu phạt mức từ ba lạng bạc, kèm theo rượu, trâu trở lên, tạo bản được phạt, nhưng phải biếu tạo mường một nửa. Đó là nói trường hợp của bốn bản pọng. Còn ở chiềng, vì không có tạo pọng, tạo mường thay mặt tạo chu cai quản ở đó, nếu xử phạt mức từ năm lạng bạc, kèm theo rượu, trâu trở xuống, tạo mường được phép bắt

vạ và khắc ăn. Đó là tính trong trường hợp người có tội không xin đưa (thiêng) lên trên xét lại. Nếu mức phạt đến mười lăm lạng bạc, tạo mường phải biếu tạo chu năm lạng. Nếu mức phạt đến hai mươi nhăm lạng bạc„tạo mường phải biếu tạo chu một nửa.

Nếu mức phạt đáng từ năm lạng bạc, kèm theo rượu, trâu trở lên, tạo bản không được xét vì việc đó đã lớn rồi mà phải đưa lên trình tạo mường xét. Nếu tạo bản trộm xét là sai. Tạo mường cũng chỉ được xét mức phạt từ hai mươi nhăm lạng bạc trở xuống. Nếu mức phạt đã quá hai mươi nhăm lạng bạc, tạo mường phải cho người dẫn kẻ bị kiện lên hầu tạo chu. Đó là do việc phạt đã lớn. Nếu tạo mường trộm xét là sai.

Dù mức phạt to đến thế nào, nếu tạo chu xử kiện và định mức phạt, nửa số tiền phạt vẫn cho tạo mường. Tạo chu chỉ giữ lại một nửa.

Việc xảy ra thuộc quyền ai, ở khu vực của ai, thì người đó có quyền bắt phạt. Dân bản sai, tạo bản khắc phạt. Tạo bản được ăn hai phần tiền phạt và phải nộp (kháo) tạo mường một phần. Dân mường sai, tạo mường khắc phạt. Tạo mường được ăn hai phần tiền phạt và phải nộp (kháo) tạo chu một phần. Dân mường sai với tạo chu, tạo chu khắc bắt và xét xử. Trong trường hợp này, tạo chu được hưởng hai phần tiền và cho tạo mường một phần.

LUẬT LỆ ĐỊNH RA VỚI TỪNG LOẠI NGƯỜI

Đối với loại người hay lẻn đi ban đêm không ai biết, đi ban ngày, không ai hay, giấu giấu giếm giếm gọi là người ăn trộm (cổn lặc).

Đối với loại người cầm đòn doạ nạt người lấy của, gọi là người ăn cướp (cổn cướp).

Đối với loại người chỉ có chân tay không mà ép, doạ người lấy của, gọi là người ăn hiếp (cổn hiếp).

Đối với loại người mà hai bên đều thích kiện tụng nhau, tranh chấp nhau gọi là người hay trình (cổn trình).

Đối với loại người mà phần mình được chia cho hưởng còn chưa vừa ý, lại muốn đòi thêm của người khác, gọi là người xấu (cồn hại).

Đối với loại người không chịu trả của cải người ta gửi mình trước hay lệ đã định rõ cho mình được bao nhiêu lại đòi lấy thêm, gọi là người hám của, người hay nhầm quên (cồn nhầm tứm).

Đối với loại người trước đã định làm việc gì, sau lại thôi, bỏ đi làm việc khác, gọi là người dại dở (cồn pớ).

Đối với loại người hay đi nói những điều người khác đã bảo cần giữ kín để làm hại người đã nói với mình, gọi là người xỏ xiên (cồn xéo lách).

Đối với loại người làm ngơ khi thấy việc phải làm, bỏ qua khi thấy việc phải đi, giả đò coi như không biết có việc khó khăn hay có việc phải đi xa, gọi là người lười biếng (cồn két).

Đối với loại người, đối với người trên thì nịnh, thì nâng; đối với người nghèo thì khinh, thì gièm pha, gọi là người nịnh, người hại người (cồn xặm).

Đối với loại người vừa đi, vừa nói, vui miệng là nói theo, như gió thổi chiều nào, hùa theo chiều đó, điều nào cần giấu lại nói hết ra gọi là người hớt lẻo (cồn bẻo).

Đối với loại người, gốc bằng đũa, ngọn bằng quạt (cốc tỏ thú, pai bì), thấy bé lại xé ra to gấp ba, gấp bốn lần, gọi là người khoác lác (cồn cáo phứa).

Đối với loại người, ai xưa tốt với mình nay lại quên, ai xưa thấy mình đáng ghét, mà vẫn quý, nay thấy họ nghèo, mình lại bỏ đi, gọi là người bất nhân (cồn bất nhân).

Đối với loại người, có điều đáng giấu ngàn đời, lúc vui truyện mở miệng nói ngay, ruột để ngoài da cho người khác thấy, gọi là người nhẹ dạ (cồn bấu đăm).

Đối với loại người, nhà nào có rượu thịt cho ăn thì coi họ như người ăn ở có đầu có đũa (chẩu hua, chẩu hang); nhà nào nghèo không được chấm mút gì thì chửi đổng họ suốt từ sáng đến tối, gọi là người kiếm ăn (cồn kiếm kin).

Đối với loại người, ở với người này, bụng dạ lại thích người khác, ngoài miệng nói quý trọng người này, trong bụng lại quý người kia, gọi là người gian ác (cồn chan).

Đối với loại người, đối với người nghèo xử sự vẫn tốt, gọi là người tốt (cồn đi).

Đối với loại người, người ta không mong, không trông mà tự khắc đến giúp, người ta tưởng làm việc đó sẽ không nên, mà mình bảo nên và lúc làm lại thành, gọi là người khôn (cồn lắc).

Đối với loại người, không ai khiến bảo, thấy giặc tự ra đánh, gặp hổ, tự giết hổ, gọi là người gan dạ (cồn han).

Đối với loại người, người ta đổ cho mười cái xấu, cũng không chối, không cãi, người ta bảo đi, bảo làm, đi luôn, làm luôn, không ganh tị, gọi là người có lòng nhân (cồn nhân).

Đối với loại người, làm gì thì làm thật, ăn gì thì ăn thật, nói gì thì nói thật, mọi thứ đều làm vừa lòng người khác gọi là người thực bụng (cồn thực).

Đối với loại người, thấy ai nói câu gì xấu, làm điều gì không phải, thì bản thân mình hãi kinh; thấy có cái gì thành của ăn, của để thì dành dụm gọi là người đáng quý (cồn hặc).

Đối với loại người, thấy tạo lo việc gì thì giúp, nếu mình không giúp được cũng không làm gì hại thêm, gọi là người phúc đức (cồn bun, cồn phúc, cồn đức).

Đối với loại người, đã quý nhau thì trước sau vẫn như vậy đến chết cũng không quên, ai làm điều gì ghét bỏ đối với mình cũng không giận, mọi thứ đều nhường nhịn bỏ qua, gọi là người có nghĩa (cồn nghĩa).

Đối với loại người, có gì giận nén để bụng, không tỏ ra nét mặt, làm như không giận; có gì vui cũng tự nhiên như không gọi là người thâm thuý (cồn nặc tong).

Đối với loại người, thấy người khác không gánh vác được thì tự nhấc, tự khiêng, gọi là người có lực (cồn mì lực).

Đối với loại người, việc gì người khác muốn cáng đáng nhưng không nổi, mà mình làm được; việc gì người khác muốn đi nhưng không đi nổi, mà mình đi được, gọi là người có tài (cồn mì tài).

*

* *

Đối với người xấu, người ăn cắp, chiểu theo luật, tội nặng phạt nặng, tội nhẹ phạt nhẹ.

Đối với người ăn cướp, chiểu theo luật, phải giết đi, tài sản phải tịch thu, vợ con bắt làm tôi tớ.

Đối với người ăn hiếp, chiểu theo luật, tội nặng phạt nặng, tội nhẹ phạt nhẹ.

Đối với người hay thưa trình, không được để hai bên tự đối đáp với nhau, phải xem xét của đó thuộc ai thì trả cho người đó. Người được kiện phải làm lễ tạ ơn; người thua kiện không phải mất lễ đó. Nếu xử hoà, hai bên phải chung nhau làm lễ tạ ơn; nếu một bên cứ nhất nhất xin làm lễ tạ một mình và xin cho xét lại, thì luật cũng không ngăn. Chiểu theo luật, nếu người đó phải, thì phải cho họ làm lễ tạ ơn. Còn lễ tạ ở cửa quan (hồng hườn tạo), phải bắt hai bên cùng chịu bằng nhau.

Đối với người hám của, phạt tiền một lạng bạc, kèm theo rượu, lợn vì tội định tâm lấy của người khác. Nếu đã lấy rồi, thì tội nặng phạt nặng; tội nhẹ phạt nhẹ, phải thu lấy cái đã lấy đem trả cho người gửi. Nếu của gửi đáng một lạng, bắt đền một lạng, đáng hai lạng, bắt đền hai lạng. Đối với người dại dở, không biết lo liệu, chiểu theo luật, tội nặng, phạt nặng, tội nhẹ, phạt nhẹ.

Đối với người hay hớt lẻo, xỏ xiên, chiếu theo luật, tội nhỏ thì bắt, tội to thì giết.

Đối với người ngỗ nghịch (cồn ngàn), chiểu theo luật, lần đầu thì mắng, mắng không chừa thì đánh, đánh không chừa thì bắt, bắt vẫn không chừa thì giết.

Đối với người lười, chiểu theo luật, lần đầu thì mắng, mắng không chừa thì trói, trói không chừa thì đánh, đánh không chừa thì bắt.

Đối với người hay nịnh trên, chèn dưới, chiểu theo luật, lần đầu thì mắng, mắng không chừa thì đánh, đánh không chừa thì bắt.

Đối với người dở người (cổn pở điếng), chiểu theo luật thì bắt.

Đối với người gian ác (cổn chan hay cổn gian), chiếu theo luật, việc nhỏ thì bắt, việc to thì giết.

Đối với người nhẹ dạ (cổn toong bau), chiểu theo luật, thì đừng cho ở gần. Đối với người tốt, người khôn, cần quý trọng, phải trọng dụng làm sao cho xứng đáng, phải dần chăm lo cho họ ngày một thêm khôn. Nếu đảm đương được những việc khó khăn, thì cho phong chức, khen thưởng.

Đối với người dũng mãnh, cần quý trọng giao cho họ gánh vác từ việc nhỏ, việc hèn đến việc to, việc sang. Nếu họ có công, phải cho hưởng công, hưởng chức, khen thưởng.

Đối với người thẳng thắn (cổn xứ), phải quý trọng, quý mình thế nào, quý họ như thế.

Đối với người chăm chỉ, có công lao, phải quý trọng cho ở gần. Nếu họ có công, phải ghi nhớ đến lúc chết chớ quên. Lúc nào làm nên, phải trả ơn, đền công cho họ. Người có công không vì thế mà ngỗ ngược, cậy thần cậy thế.

Đối với người có nghĩa, cần trọng dụng, coi như bạn. Phải tìm dịp trả nghĩa cho họ.

Đối với người có tài, phải quý trọng, trọng dụng họ.

Đối với người thâm thuý, phải quý trọng, trọng dụng họ.

Điều I: LUẬT VỀ VIỆC TRANH CHẤP RUỘNG

Nếu hai bên tranh chấp nhau thửa ruộng, luật sẽ giải quyết theo văn tự của thửa ruộng. Nếu không có văn tự, bên nào quen "ăn" thửa ruộng đó, đã được một đời không bỏ, thì cho bên đó được tiếp tục "ăn" thửa ruộng như cũ.

Nếu tháo nước ruộng của người khác (bộc táng nà: tháo chỗ nước chảy ở bờ ruộng) để ăn cắp nước, người tháo nước phải phạt một lạng bạc, kèm theo rượu, lợn và mất một đồng cân bạc, kèm theo rượu, gà cúng vía cho chủ ruộng. Nếu phạm tội dỡ ống dẫn nước ở bờ ruộng người

khác (bộc ống táng nà: tháo ống dẫn nước đặt qua bờ ruộng) để ăn cắp nước, người tháo nước phải phạt ba lạng bạc, kèm theo rượu, lợn và mất một đồng cân bạc, kèm theo rượu, gà cúng vía cho chủ ruộng.

Điều II: LUẬT DỰNG VỢ GẢ CHỒNG

Theo lệ bản mường, người con trai đón vợ về dù đã được mấy năm, nếu người con gái chưa thực ăn cùng mâm, ngủ cùng màn với mình, thì chưa coi là nên vợ, nên chồng. Nếu người con gái đã ăn cùng mâm, ngủ cùng màn với mình kể từ ngày nào, tháng nào thì coi là nên vợ nên chồng từ ngày đó.

Chiểu theo luật, trong trường hợp người con gái phải trả của cho nhà chồng, thì các thứ tiền như tiền lót nhà (ngân keng hườn), tiền xanh rửa chân (ngân mỏ sửa tin), tiền vòng tặng mẹ vợ (ngân khẩu khen mè), tiền thay chỗ ngủ (ngân pốt tí nòn), thì không phải trả lại. Đồ chăn đệm hôm cưới người con gái tặng nhà trai (chướng phá, chướng hồm), nhà trai được lấy.

Luật định nếu người con gái lấy chồng được một tháng mà chết, nhà gái phải trả lại của cho nhà trai; được hai tháng mà chết, nhà gái phải trả lại của cho nhà trai; được ba tháng mà chết, nhà gái phải trả lại của cho nhà trai; được bốn tháng mà chết, nhà gái phải trả lại của cho nhà trai; được năm tháng mà chết, nhà gái phải trả lại của cho nhà trai; được sáu tháng mà chết, nhà gái phải trả lại của cho nhà trai; được bảy tháng mà chết, nhà gái phải trả lại của cho nhà trai; được tám tháng mà chết, nhà gái phải trả lại của cho nhà trai. Nếu được chín tháng mà chết, nhà gái phải trả lại của cho nhà trai hai phần; bố mẹ người con gái được một phần. Nếu được mười tháng mà người con gái chết, nhà gái phải trả lại của cho nhà trai hai phần; bố mẹ người con gái được một phần. Nếu được mười một tháng mà người con gái chết, nhà gái phải trả lại của cho nhà trai một nửa; bố mẹ người con gái được một nửa. Nếu được đủ năm mà người con gái chết, nhà gái phải trả lại của cho nhà trai một nửa, bố mẹ người con gái được một nửa. Nếu về nhà chồng từ một năm trở lên mà người con gái chết, nhà gái phải trả lại cho nhà trai một phần thôi; bố mẹ người con gái được hai phần. Nếu người con gái chết mà đã có con thay mặt (lục pợt nả), nhà gái không trả lại của nữa.

Theo luật, nếu nhà trai muốn xin đòi lại của trong trường hợp người con gái chết, thì phải làm hiếu (dệt phi) cho người con gái. Nếu không làm hiếu, thì nhà trai mất không của.

Luật định nếu người con trai lấy vợ được một tháng mà chết, chủ mái muốn gả người con gái cho ai thì gả; nếu được một năm mà chết, chủ mái muốn gả người con gái cho ai thì gả; nếu được hai năm mà chết, chủ mái muốn gả người con gái cho ai thì gả; nếu được ba năm mà chết chủ mái muốn gả người con gái cho ai thì gả. Nếu vợ chồng đã có con trai, mà chồng chết, chủ mái chỉ được quyền gả người con gái trong trường hợp nuôi được đứa cháu. Nếu chủ mái không nuôi được đứa cháu, lại bảo người con gái về nhà lúng ta, thì tiền xanh rửa chân, tiền vòng tặng mẹ vợ, tiền lót chỗ ngủ, nhà gái không phải trả cho chủ mái. Nhà gái chỉ phải trả tiền cá hua thôi. Nếu bên cha, mẹ người con gái tức bên lúng ta tự đến xin đón con gái về và tự gả con gái đi lấy chồng lần nữa thì các thứ tiền từ tiền cá hua đến tiền xanh rửa chân, tiền vòng tặng mẹ vợ, tiền lót chỗ ngủ đều phải trả nhà trai cả. Đó là vì một con gà không được dùng làm đồ cúng hai lần; một nàng không được gả chồng hai bận.

Dù trường hợp bên nhà chồng hay nhà mình gả chồng cho gái goá, lúng ta cũng phải cúng hồn rể cũ. Nhà chồng mới phải làm mâm cơm cúng (phướn chắp) và khi cúng, nhà chồng mới phải bỏ tiền vào mâm cúng. Khi đó, lúng ta mới đứng ra làm và lễ cúng mới coi là xong. Còn tiền cá hua giải quyết như lệ đã quy định. Khi lấy chồng trước, tiền cá hua định là bao nhiêu, lần lấy chồng sau chỉ được định bằng mức ấy. Nếu người con gái đã có con với người chồng trước, cứ có một con, tiền cá hua phải tính bớt đi một lạng. Nếu là nhà quý tộc (pú luông), cứ một đứa con phải tính rút đi một nén.

Con trai không được ăn cá hua của mẹ. Anh em con chú con bác ruột (pì nọng huốm pú huốm pấu), họ hàng cũng vậy. Chỉ có chủ mái được ăn cá hua thôi. Chủ mái chỉ có thể là bố mẹ chồng cũ, chú bác ruột chồng cũ, anh cùng cha, em cùng mẹ của chồng cũ. Nếu những người đó không còn sống, tạo được "ăn" cá hua. Đó là nói trường hợp chủ mái nuôi được cháu. Nếu không nuôi được, tạo "ăn" mới đúng luật.

Điều III: LUẬT ĐỂ TANG CHỒNG

Nếu chồng chết, vợ phải kiêng ba năm mới được đi lấy chồng mới (kiêng mái). Nếu vợ chồng bỏ nhau, vợ phải kiêng ba tháng mới được đi lấy người khác (kiêng hạng). Nếu vợ chồng chưa có con, lấy nhau được ba năm mà chồng chết, vợ phải để tang ba năm; nếu lấy nhau được ba tháng mà chồng chết, vợ phải để tang một năm. Nếu đã pháng, chưa đón con gái về nhà chồng mà chồng đã chết, người con gái sau ba tháng mới được đi lấy chồng khác.

Nếu không "kiêng" mà phạm lệ, phạm luật. Nhà gái phải phạt ba lạng bạc kèm theo rượu, trâu.

Điều IV: LUẬT BỎ VỢ, BỎ CHỒNG

Gái bỏ trai, một đền hai; trai bỏ gái, mất không của (nhình thiêng chài, một phang xong; chài thiêng nhình, xia không đai đóc).

Nếu lấy chồng khác mường mà bỏ chồng, người con gái về phải trình lại nhà tạo chu; nếu lấy chồng cùng mường mà bỏ chồng, người con gái phải về trình nhà tạo mường. Nếu là thuộc hàng quý tộc (pú luông), nhà gái phải phạt tiền một nén để cúng vía, nếu là nhà dân thường (pú nọi), tiền phạt phải là một lạng.

Nếu gái bỏ chồng, phải đền của gấp đôi. Nhưng nếu nhà trai có chịu nhận, gái mới được bỏ. Nếu nhà trai không chịu nhận thì gái cũng không được bỏ. Sau khi làm lễ dạm (pay tham pợ), nếu muốn thôi không gả, là dân đen, thì nhà gái phải đền nhà trai một lạng bạc "tiền trả tiếng" và tiền nhà trai dẫn đi khi dạm (khong phác); là nhà quý tộc thì phải đền một nén bạc "tiền trả tiếng" và tiền không phác phải trả một thành hai.

Sau khi đã làm lễ dạm lần thứ hai (pay xo khoảm hụ), nếu muốn thôi không gả, trong trường hợp người con trai đã đến ở rể, là dân đen, thì nhà gái đền nhà trai một lạng bạc "tiền trả tiếng", còn tiền khong phác phải trả một thành hai. Nếu là nhà quý tộc, nhà gái phải đền nhà trai một nén bạc "tiền trả tiếng", còn tiền khong phác phải trả một thành hai. Mỗi ngày ở rể, tiền công sức (cá heng) tính là một đồng cân bạc.

Trong trường hợp người con trai chưa đến ở rể hay là pháng, tiền công sức không có, nhà gái chỉ phải trả tiền khong phác như đã định lệ.

Nếu đã đón dâu về nhà mà người con gái bỏ thì "miếng ăn, miếng mặc" (cằm kin cằm mác) của người con trai, phải trả nhà trai, của người con gái phải trả nhà gái. Nếu nhà trai đã cúng vía cho người con gái hết bao nhiêu của, thì nhà gái phải đền lại bằng đấy. Lệ tí nòn nhà trai hưởng, nhà gái muốn xin, phải chuộc bằng tiền cá hua. Của nhà trai phí tổn khi cưới, nhà gái phải trả một thành hai.

Nếu vợ chồng đã có con, mà người con gái bỏ chồng, "của ăn, của mặc" của người con trai phải trả nhà trai, của người con gái phải trả nhà gái. Nếu nhà trai đã cúng vía cho người con gái hết bao nhiêu của, thì nhà gái phải đền lại bằng đấy. Lệ tí nòn nhà trai hưởng, nhà gái muốn xin, phải chuộc bằng tiền cá hua. Con trai về với bố, con gái về với mẹ. Của nhà trai phí tổn khi cưới, nhà gái phải trả một thành hai. Của bố mẹ vợ (lúng ta) cho, nhà gái lấy về. Của do vợ chồng làm ra chia bằng nhau.

Trong trường hợp nhà trai đã cúng vía cho người con gái, khi đau ốm nếu người con gái đã làm nhiều việc cho nhà chồng thì không phải trả nữa. Nếu người con gái làm ít việc cho nhà chồng, thì phải đền của phí tổn khi cúng cho nhà trai.

Nếu trai bỏ vợ lâu dài, tạo phạt năm lạng bạc, kèm theo rượu, trâu. Nhà trai phải đền cho nhà gái ba lạng bạc kèm theo rượu, lợn để "trả miếng". Tiền cá hua không được đòi lại vì bên nhà trai đã trái. Con tạo đã được trông coi dân (tức không phải là tạo păn nà nữa - ND) bỏ vợ lâu dài, tạo phạt mười lăm lạng bạc kèm theo rượu, trâu. Nhà trai phải đền nhà gái ba lạng bạc kèm theo rượu, lợn để trả tiếng.

Gái goá (me mái) đã tái giá mà goá chồng phải trả của cho nhà trai tất cả. Lễ tí nòn nhà trai hưởng. Nhà gái muốn xin chuộc, phải trả bằng tiền cá hua.

Gái goá bỏ chồng, chạy về nhà tạo bên mẹ (tạo lúng ta) phải trả nhà trai tiền cá hua một bằng hai. Còn tiền lót nhà, tiền khong phác cằm kin, cằm mác, thì thôi không phải trả.

Gái goá mới trầu cau bỏ chồng chạy đến nhà tạo bên mẹ, phải trả tiền khong phác, căm kin, căm mác, một thành hai. Nếu người con trai đã đến ở rể ít ngày thì nhà gái phải đền tiền công sức (cá heng), cứ mỗi ngày là một đồng cân bạc; nếu đã nhiều ngày thì phải trả nhiều nhất là ba lạng bạc thôi.

Gái goá bỏ chồng đến nhà tạo, tiền cá hua chỉ phải trả bằng cũ không phải trả một thành hai. Nếu đã ăn ở nhà chồng lâu ngày, nhà gái không được phép chuộc tí nòn, phải để cho nhà trai hưởng. Nếu tạo gả chồng cho gái goá, tạo sẽ hưởng tí nòn. Nếu nhà trai xin quyền tí nòn mà tạo quyết giữ, thì nhà trai không được đòi vì me mái đã trở thành người của nhà tạo. Căm kin, căm mác trả bằng cũ. Đồ ăn thức đựng trong nhà của cả trai lẫn gái thì nhà trai được lấy.

Điều V: LUẬT VỢ CHỒNG BỎ NHAU

Nếu đã có con, con trai về bên bố, con gái về bên mẹ. Của gái trả nhà gái, của trai trả nhà trai. Của làm chung mà có, chia đôi bằng nhau. Nếu có nợ nần gì, riêng chồng vay chi riêng cho chồng, thì chồng trả, riêng vợ vay chi riêng cho vợ, thì vợ trả; nếu là nợ chung, chi dùng chung thì vợ chồng cùng phải trả. Nếu "tiền lót nhà" còn ở bên nhà bố mẹ vợ, nhà gái còn được chuộc lại. Lệ tí nòn nhà gái được hưởng. Nếu đã có con trai, vợ chồng chia đôi của làm vía giống (chướng khoan pông); nếu chưa có con trai người con gái lấy tất. Của hồi môn (chóng dóng hay chướng dóng khong khà, tức tư trang ngày cưới của vợ và của cải vợ mang về ngày cưới) thì trả nhà gái tất cả.

Điều VI: LUẬT ĂN "XỤT" NGƯỜI CHẾT (KIN XỤT PHỦ TAI)

Người chết tuyệt tự (xụt), nếu là dân bản, tạo bản thu lấy hết của cải của người đó; nếu là tạo bản, tạo mường thu hết của cải của người đó; nếu là tạo mường, tạo chu thu lấy hết cả của cải của người đó.

Nếu người chết không có con trai mà có con gái, nhà đó phải phạt vì tội tuyệt tự (xụt), nếu là tạo mường phải phạt ba nén bạc; nếu là tạo bản,

một nén; nếu là họ hàng nhà tạo không tại chức (tức tạo păn nà), năm lạng; nếu là dân thường (páy), ba lạng. Nếu đã tịch thu ruộng đất, không được phạt tiền. Nếu không lấy ruộng đất, mới được ăn xụt. Của cải của người chết để lại phải đem chi làm ma (dệt phi) cho người đó, sau đó nộp phạt xụt, còn thừa lại bao nhiêu, trả lại cho người con gái. Thực ra, như luật xưa, chỗ thừa đó tạo được ăn mới đúng. Tất cả ruộng nước (tổng nà), ruộng hoang (hộc hựa), chum ao (lum nong), nương rẫy, rừng non (lau le), gốc cau (cộc mác), dây trầu không (hác pù), cây chua (co xổm), cây ngọt (co ban), của đương trồng, đương ương (chướng púc, khong chằm), hang (thẩm) đều phải nộp tạo hết. Nợ của chồng vay người khác, nếu còn chịu, mà người vợ đã biết, thì vợ phải trả món nợ đó. Nếu là nợ của bố chồng, mẹ chồng hay của chồng vay từ khi chưa nên vợ nên chồng, người vợ không biết đến và không được tiêu dùng thì người vợ không phải trả. Nếu trường hợp tạo lấy của xụt, thì người vợ cũng không phải trả. Nếu người vợ còn có con nuôi, còn được "ăn" ruộng, "ăn" nương, hưởng rừng noi, ao cá, thì phải trả nợ. Nếu người vợ không có con nuôi thì thôi.

Điều VII: LUẬT TRÂU ĐÁNH NHAU CHẾT

Trâu, bò còn đương ở trong chuồng nhà chủ, trâu nơi khác tự nhiên húc chết, chủ trâu phải đền một thành hai. Nếu trâu nơi khác đến đánh, bị trâu nhà húc chết, thì chủ trâu nhà không phải đền vì tại trâu tự nghịch, tự chết thôi. Nếu trâu nhà người ta đã đem đi chăn trong rừng, ngoài ruộng mà mình đã biết, lại còn đem trâu đến chăn cùng chỗ, bảo lại không nghe, trường hợp trâu mình húc chết trâu người đã đem chăn từ trước, chủ trâu phải đền một thành hai. Nếu trâu người đến chăn sau bị húc chết, chủ trâu đến chăn trước không phải đền gì cả.

Nếu ai đuổi trâu, cho trâu đánh nhau để xem cho thích, trâu chết thì người đó phải đền một thành hai. Nếu trâu tự nhiên đánh nhau mà chết, cả hai nhà chủ trâu sẽ thương lượng với nhau. Nếu bên nào phải đền, thì chỉ một đền một, không phải đền một thành hai.

Điều VIII: LUẬT DÂN BỎ ĐI MƯỜNG KHÁC

Nếu người dân chạy đi mường khác, không muốn ở mường nữa, khi đi không có tội vạ gì, chỉ vì lười biếng (mạc ngái pái việc), đi thật, đi thà,

tạo bản hưởng tất cả ruộng nương, đất đai mà người đó để lại. Tạo mường, tạo chu không được hưởng.

Nếu các tạo bản, tạp păn nà thuộc các pọng bỏ đi, thì tạo mường được lấy tất cả ruộng đất, ruộng hoang của họ để lại. Tạo chu không được lấy.

Nếu họ hàng nhà tạo (tạo păn nà) trong chiềng như Chiềng Chu, Chiềng Hạ, Chiềng Hịch, Chiềng Pa mà bỏ đi nơi khác, thì ruộng đất, ruộng hoang của họ để lại, tạo chu được. Nếu những người bỏ đi sau trở lại có lễ lạt hoặc xin nhượng thì tạo chu trả lại ruộng đất đã tịch thu. Nếu lễ lạt không to lắm, thì người xin phải nhượng lại một việc gì mới được trả lại ruộng đất.

Nếu người chạy đi mường khác, không phải đi tốt lành, mà vì có tội với nhà chu, nên sợ mà chạy khỏi chu, khỏi khun (xia chẩu, xia khun), như ngủ với vợ, với con người ta, trói vợ, trói con người ta hay làm điều gì sai trái với họ hàng, phạm phải luật pháp (phịt khòng, chòng khòng) mà tội đó chỉ mình làm mình chịu, lại đi thoát, thì tất cả ruộng nương, ruộng hoang, của cải của người đó đều bị tịch thu. Của cải thu được đem chia làm bảy phần. Tạo chu lấy bốn phần, tạo mường lấy hai phần, tạo bản lấy một phần. Nếu người trốn đi quay trở lại, khéo nhượng xin đền tội lỗi hoặc có lễ lạt hậu hĩnh thì lúc đó các tạo mới trả lại ruộng đất, của cải cho người đó.

Nếu họ hàng nhà tạo không có tội vạ gì mà chạy đi mường khác, tạo chỉ được tịch thu ruộng hoang thôi. Còn ruộng nước (tòng nà) không được lấy mà phải đem chia cho anh em họ hàng hưởng với điều kiện là người nhận ruộng phải mất tiền, gạo đóng góp ứng với số ruộng đó. Nếu họ hàng nhà tạo có tội mà chạy đi mường khác, bỏ công, bỏ việc, bỏ bản, bỏ mường, bỏ châu, thì tạo có quyền tịch thu tài sản (bom pàng) và ruộng đất tư, mọi thứ. Khi họ trở lại, nếu có lễ thì cho chuộc. Nếu dân kỳ cựu (páy ho to kén) có tội mà chạy đi mường khác, dù chạy thoát cũng vậy, tạo chỉ được lấy ruộng tư, tài sản, chuôm ao thôi. Còn ruộng hịp thì không được lấy, phải để chia cho người dân khác ăn nhượng.

Điều IX: LUẬT GIẾT NGƯỜI KHÔNG CÓ LỆNH CỦA TẠO CHU

Nếu giết ai không được lệnh của tạo chu, người đó bị bắt vạ và phải đền mạng bằng giá cá hua. Nếu lại để mất xác người bị giết, người giết người phải đền thêm một cá hua nữa.

Giá cá hua của chính chu là 30 nén bạc. Kẻ giết người bị phạt 30 nén, phải làm hiếu (dệt phi) cho người chết. Khi làm hiếu xong, người có tội bị chém chết theo người bị giết. Giá cá hua chức pằn là 30 nén bạc. Kẻ giết người bị phạt 30 nén, phải làm hiếu cho người chết. Khi làm hiếu xong, người có tội bị chém chết theo người bị giết.

Giá cá hua chức chướng là 20 nén bạc. Kẻ giết người bị phạt 30 nén bạc, phải làm hiếu cho người chết. Khi làm hiếu xòn, người có tội bị chém chết theo người bị giết.

Giá cá hua chức tiểu là 15 nén bạc (có bản ghi 10 nén). Kẻ giết người bị phạt 15 nén (có bản ghi 10 nén), phải làm hiếu cho người chết. Khi làm hiếu xong, người có tội bị chém chết theo người bị giết.

Giá cá hua chức xứ là 9 nén bạc. Kẻ giết người bị phạt 9 nén, phải làm hiếu cho người chết. Khi làm hiếu xong, người có tội bị chém chết theo người bị giết.

Giá cá hua chức đô là 6 nén bạc. Kẻ giết người bị phạt 6 nén, phải làm hiếu cho người chết. Khi làm hiếu xong, người có tội bị chém chết theo người bị giết.

Giá cá hua chức cai là 5 nén bạc. Kẻ giết người bị phạt 5 nén, phải làm hiếu cho người chết. Khi làm hiếu xong, người có tội bị chém chết theo người bị giết.

Giá cá hua người mới có chức (phú héng mì chức) là 4 nén bạc. Kẻ giết người bị phạt 4 nén, phải làm hiếu cho người chết. Khi làm hiếu xong, người có tội bị chém chết theo người bị giết.

Giá cá hua người chưa có chức (đai đóc báu mì chức) và dân thường (páy) là 3 nén bạc. Kẻ giết người bị phạt 3 nén, phải làm hiếu cho người chết. Khi làm hiếu xong, người có tội bị chém chết theo người bị giết.

Nếu đúng theo luật lệ, ai giết người phải chết theo người chết. Nếu không muốn bị tội chết, phải đền tiền cá hua cho gia đình người bị giết

và làm hiếu cho người bị giết đủ mọi thức. Gia đình người bị giết không được trả thù kẻ giết người đã giết người nhà mình vì xưa có thù nhau nên mới sinh ra ghét nhau. Nay gia đình đã được đền tiền cá hua và đã được làm hiếu rồi thì phải thôi. Nếu chết mất xác, kẻ giết người phải đền xác bằng giá một cá hua. Nhà có người bị giết được hưởng tiền cá hua. Còn tiền phạt tạo được hưởng.

Điều X: LUẬT ĐỐI VỚI NGƯỜI ĂN CẮP

Ai ăn cắp mạ đã ngâm (cá ché), phải phạt 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía (peng) cho chủ mạ 5 đồng cân bạc, và trả số mạ đã lấy. Ai ăn cắp mạ cây (cá co), phải phạt 3 lạng bạc kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ mạ 1 lạng bạc, và trả số mạ đã lấy.

Ai ăn cắp mạ đã nhổ (cá nhác), phải phạt 15 lạng bạc kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ mạ 1,5 lạng bạc và trả số mạ đã lấy. Nếu ăn cắp trên một trăm bó mạ, phải phạt một nén bạc, và nuôi vợ con người mất mạ.

Ai ăn cắp lúa ở ruộng (phát khẩu tức gặt lúa), lúa mùa no, phải phạt 15 lạng bạc kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ lúa 1,5 lạng bạc và trả lại số lúa đã lấy.

Ai ăn cắp lúa trong lều (rìa) lúc mùa no, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ lúa 1,5 lạng bạc và phải trả lại số lúa đã lấy.

Ai ăn cắp lúa trong lều lúc mùa đói, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ lúa nửa lạng bạc. Nếu lấy một gánh, trả cho một bên; nếu lấy một bên, trả cho một nửa. Người ăn cắp được một nửa vì mua không ai bán, xin không ai cho, sắp chết đói nên mới phải ăn cắp.

Ai ăn cắp gạo (khẩu xan) lúc mùa no, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ gạo 1 lạng bạc và trả lại số gạo đã lấy.

Ai ăn cắp gạo, lúc mùa đói, phải-phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ gạo nửa lạng bạc, không phải đền gạo. Số gạo lấy cắp cho người ăn cắp ăn.

Ai ăn cắp cơm đầy hông (khẩu xúc) lúc mùa no, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ cơm 1,5 lạng bạc và trả lại số cơm đã lấy.

Ai ăn cắp cơm đầy hông, lúc mùa đói, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ cơm 1 đồng cân bạc, không phải đền cơm. Chỗ cơm lấy cắp cho người ăn cắp ăn.

Ai ăn cắp rượu cần (lảu xá), phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ rượu 1 lạng bạc và trả lại số rượu đã lấy.

Ai ăn cắp rượu cất (lảu xiêu), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ rượu 1 lạng bạc và trả lại số rượu đã lấy.

Ai ăn cắp rượu nếp (lảu lọn) phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ rượu 1 lạng bạc và trả lại số rượu đã lấy.

Ai ăn cắp muối đầy lọ (cưa têm báng), phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ muối 5 đồng cân bạc và trả lại số muối đã lấy. Ai ăn cắp trâu, phải phạt 25 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ trâu 3 lạng bạc và trả lại trâu đã lấy.

Đến đời ông Đức Bụt ngồi chu, luật xử tội ăn cắp trâu được sửa lại. Ông họp cùng các ông quảng Liên, quảng Tài, quảng Văn, xứ Lý, xen Chu bàn định mức phạt thì để như cũ, nhưng mức đền cho chủ trâu thì tăng lên, ăn cắp một trâu thì trả thành hai trâu.

Ai ăn cắp bò, phải phạt 25 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ bò 3 lạng bạc và trả lại bò đã lấy.

Ai chém trộm trâu, bò cũng phải mức phạt và bồi thường cho chủ trâu hay chủ bò như trường hợp ăn cắp trâu, bò.

Ai ăn cắp dê, phải phạt 25 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía chủ dê 3 lạng bạc và trả lại dê đã lấy.

Ai ăn cắp lợn, phải phạt 25 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ lợn 3 lạng bạc và trả lại lợn đã lấy.

Ai ăn cắp chó phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ chó 1,5 lạng bạc và trả lại chó đã lấy.

Ai ăn cắp mèo, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ mèo 1,5 lạng bạc và trả lại mèo đã lấy.

Ai ăn cắp ngỗng, phải phạt 25 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ ngỗng 3 lạng bạc và trả lại ngỗng đã lấy.

Ai ăn cắp gà, phải phạt 25 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ gà 3 lạng bạc và trả lại gà đã lấy.

Ai ăn cắp vịt, phải phạt 25 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ vịt 3 lạng bạc và trả vịt đã lấy.

Ai ăn cắp trứng, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ trứng 5 đồng cân bạc và trả lại số trứng đã lấy.

Ai ăn cắp thịt đã pha lọc xương (chịn lẻo pha), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ lợn 5 đồng cân bạc, và trả lại số thịt đã lấy.

Ai ăn cắp xiên thịt (hỉu) hay gắp thịt, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ thịt 3 đồng cân bạc và trả lại số thịt đã lấy.

Ai ăn cắp cá đã giết, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ cá 5 đồng cân bạc và phải trả lại số cá đã lấy.

Ai ăn cắp vôi ăn trầu, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ vôi 3 đồng cân bạc và trả lại số vôi đã lấy.

Ai ăn cắp men rượu (peng lảu), phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ men 3 đồng cân bạc và trả lại men đã lấy.

Ai ăn cắp mỡ, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ mỡ 5 đồng cân bạc và trả lại mỡ đã lấy.

Ai ăn cắp mật (nạm ói), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ mật 5 đồng cân bạc và trả lại mật đã lấy.

Ai ăn cắp cá chua (pá xổm), phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ cá 1 lạng bạc và trả lại số cá đã lấy.

Ai ăn cắp thịt chua (chịn xổm), phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ thịt 1 lạng bạc và trả lại số thịt đã lấy.

Ai ăn cắp cá khô (pá giảng) hay cá sấy, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ cá 1 lạng bạc và phải trả lại số cá đã lấy.

Ai ăn cắp thịt khô (chịn giảng) hay thịt sấy, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ thịt 1 lạng bạc và trả lại số thịt đã lấy.

Ai ăn cắp nước chấm (nặm bẳn), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ nước chấm nửa lạng bạc và trả lại nước chấm đã lấy.

Ai ăn cắp khoai, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ khoai 1 lạng bạc và trả lại số khoai đã lấy.

Ai ăn cắp bầu, bí, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ bầu, bí nửa lạng bạc và trả lại số bầu, bí đã lấy.

Ai ăn cắp dưa (mác teng), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ dưa 5 đồng cân bạc và trả lại số dưa đã lấy.

Ai ăn cắp chuối xanh, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ chuối 5 đồng cân bạc và phải trả lại số chuối đã lấy.

Ai ăn cắp chuối chín cả buồng phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ chuối 3 đồng cân bạc và trả lại buồng chuối đã lấy.

Nếu ăn cắp chuối chín ở trên cây không phải phạt vì không lấy cũng bỏ. Lấy mít chín trên cây cũng xử như thế. Nếu ăn cắp một nải chuối chín không phải vạ.

Ai ăn cắp ba cây mía khi đi đường xa hay khi đi làm đồng ăn cho đỡ khát không phải vạ. Nếu ăn cắp mía trong vườn lúc ở nhà, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn và cúng vía cho chủ mía 5 đồng cân bạc và trả lại số mía đã lấy.

Ai ăn cắp rau, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ rau 3 đồng cân bạc và phải trả lại số rau đã lấy.

Ai ăn cắp quả chua (mác xổm), phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ quả 3 đồng cân bạc và trả lại số quả đã lấy.

Ai ăn cắp quả ngọt (mác ban), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ quả 3 đồng cân bạc và trả lại số quả đã lấy.

Ai ăn cắp trầu không, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ trầu 1 lạng bạc và trả lại số trầu không đã lấy.

Ai ăn cắp cau, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ cau 1 lạng bạc và trả lại số cau đã lấy.

Ai ăn cắp thuốc lào, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ thuốc lào 3 đồng cân bạc, trả lại số thuốc đã lấy.

Ai ăn cắp cà, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ cà 3 đồng cân bạc và phải trả lại số cà đã lấy.

Ai ăn cắp ớt, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ ớt 3 đồng cân bạc và phải trả lại số ớt đã lấy.

Ai ăn cắp đó (xay) đang ngâm, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ đó 1,5 lạng bạc và phải trả lại đó và số cá đã lấy. Nếu ai ăn cắp ban ngày, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ đó 1 lạng bạc, trả lại đó và số cá đã lấy.

Ai ăn cắp đống đá bẫy cá dưới suối (coọng hụm), phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ đống đá 1,5 lạng bạc và trả lại số cá đã lấy.

Ai tát trộm ao (kháng nong), phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ ao 1,5 lạng bạc và phải trả lại số cá đã lấy.

Ai tát trộm vũng cá cạnh nhà (kháng hem), phải phạt 25 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ vũng 1,5 lạng bạc và trả lại số cá đã lấy.

Ai nhấc trộm cạm, bẫy (cạp, hẻo), phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ cạm, chủ bẫy 1,5 lạng bạc. Nếu được thịt, người ăn cắp phải trả lại số thịt đã lấy.

Ai nhấc trộm bẫy sóc trên cây có chủ (dú cuống), phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ cạm, bẫy 1,5 lạng bạc. Nếu được thịt, người ăn cắp phải trả lại số thịt đã lấy.

Ai đi săn chạy chặn ngay trước mặt người khác (lặc tỏn hỏm: ăn cắp chỗ mặt) hay rình trộm sau lưng người khác (lặc dú củ, dú mỏ), phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ hỏm, chủ

củ, chủ mỏ 1,5 lạng bạc. Nếu được thịt phải trả lại số thịt đã bắn cho chủ hỏm, chủ củ, chủ mỏ.

Ai tranh chỗ săn dơi hay thung lũng săn nai (lặc cà nặp kia, lặc đi đón nhựng), phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ chỗ săn 1,5 lạng bạc. Nếu được thịt phải trả lại số thịt đã bắn được cho chủ chỗ săn.

Ai ăn cắp tổ châu chấu (háng chồm), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ tổ 1 lạng bạc và trả lại số châu chấu đã lấy.

Ai ăn cắp mỏ tôm (háng củng), phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ hang 1,5 lạng bạc và trả lại số tôm đã lấy.

Ai đánh nhựa trộm trên cây bẫy chim (lác pặc tăn), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ pặc tăng 1 lạng bạc và trả lại số chim đã bắt được.

Ai ăn cắp tổ ong trên cây (phứng mạy), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ ong 5 đồng cân bạc và trả lại đõ ong đã lấy.

Ai ăn cắp tổ ong trên vách đá (phứng pha), phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ ong 1,5 lạng bạc và trả lại đõ ong đã lấy.

Ai ăn cắp tổ ong dưới đất (phứng tó), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ ong 5 đồng cân bạc và trả lại đõ ong đã lấy.

Ai ăn cắp cân tiểu ly, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ cân 1,5 lạng bạc và trả lại cân đã lấy.

Ai ăn cắp lĩnh, gấm, vóc (lỉnh, gấm, póc), phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ lĩnh, chủ gấm, hay chủ vóc 1,5 lạng bạc và trả lại số lĩnh, gấm, vóc đã lấy.

Ai ăn cắp the, lụa (xe, củi), phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ the hay chủ lụa 1,5 lạng bạc và trả lại số the hay số lụa đã lấy.

Ai ăn cắp vải (phải phén), phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ vải 1,5 lạng bạc và trả lại số vải đã lấy.

Ai ăn cắp bông (phải bóc), phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ bông 1 lạng bạc và trả lại số bông đã lấy.

Ai ăn cắp chăn (phà) nếu là nhà giàu có, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ chăn 1 lạng bạc và trả lại chăn đã lấy; nếu là nhà nghèo, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ chăn 1 lạng bạc và trả lại chăn đã lấy.

Ai ăn cắp màn (pới), nếu là nhà giàu có, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ màn 1,5 lạng bạc và trả lại màn đã lấy; nếu là nhà nghèo, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ màn 1 lạng bac và trả lại màn đã lấy.

Ai ăn cắp gối, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ gối 1 lạng bạc và trả lại gối đã lấy.

Ai ăn cắp áo; nếu là nhà giàu có, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ áo 1 lạng bạc và trả lại áo đã lấy; nếu là nhà nghèo, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ áo 5 đồng cân bạc và trả lại áo đã lấy.

Ai ăn cắp váy; nếu là nhà giàu có, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ váy 1 lạng bạc và trả lại váy đã lấy; nếu là nhà nghèo, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ váy 5 đồng cân bạc và trả lại váy đã lấy.

Ai ăn cắp thắt lưng nữ (éng), phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ thắt lưng 3 đồng cân bạc và trả lại thắt lưng đã lấy.

Ai ăn cắp túi, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ túi 1 lạng bạc và trả lại túi đã lấy.

Ai ăn cắp khăn, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ khăn 1 lạng bạc và trả lại khăn đã lấy.

Ai ăn cắp khố, dù là người dại cũng như người khôn đều phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ khố 1 lạng bạc và trả lại chiếc khố đã lấy.

Ai ăn cắp vàng, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ vàng 1,5 lạng bạc, và trả lại số vàng đã lấy.

Ai ăn cắp vòng, nhẫn hay hoa tai, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ vòng, nhẫn hay hoa tai nửa lạng bạc và trả lại vòng, nhẫn hay hoa tai đã lấy.

Ai ăn cắp chì, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ chì 3 đồng cân bạc và trả lại số chì đã lấy.

Ai ăn cắp sắt, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ sắt 1,5 lạng bạc và trả lại số sắt đã lấy.

Ai ăn cắp sắt vụn (háng lệch), phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ sắt 1 lạng bạc và trả lại số sắt đã lấy.

Đến đời pha nha luông bun xềnh mới hạ mức phạt xuống 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, mức đền chủ sắt xuống 3 đồng cân bạc và trả lại sắt đã lấy.

Ai ăn cắp giáo (cháo), phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ dáo, 1,5 lạng bạc và trả lại giáo đã lấy.

Ai ăn cắp súng, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ súng 1,5 lạng bạc và trả lại súng đã lấy.

Ai ăn cắp kiếm (láp), phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ kiếm 1,5 lạng bạc và trả lại kiếm đã lấy.

Ai ăn cắp dao, dù dao to (pạ) hay dao bé (mịt), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ dao 1 lạng bạc và trả lại dao đã lấy.

Ai ăn cắp rìu, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ rìu 1 lạng bạc và trả lại rìu đã lấy.

Ai ăn cắp mai (lủa), thuổng (xiêm), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ mai hay chủ thuổng 1 lạng bạc và trả lại mai hay thuổng đã lấy.

Ai ăn cắp dây chạc bừa vặn bằng dây rừng (xiếu: dây rừng), phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ dây 3 đồng cân bạc và trả lại dây đã lấy.

Ai ăn cắp dây chạc bừa vặn bằng dây po (co po: cây dùng để vặn dây tự phải trồng - ND), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ dây 1 lạng bạc và trả lại dây đã lấy.

Đến đời pha nha luông Bun Xểnh mới hạ mức phạt xuống 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, mức đền chủ dây xuống 3 đồng cân bạc và trả lại số dây đã lấy.

Ai ăn cắp dùi (chì), phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ dùi 3 đồng bạc và trả lại dùi đã lấy.

Ai ăn cắp giũa (khua), bào (pao), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ giũa hay bào 1 lạng bạc và trả lại giũa hay bào đã lấy.

Ai ăn cắp đe (ná tắng), phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ đe 8 đồng cân bạc và trả lại đe đã lấy.

Ai ăn cắp búa sắt (khọn tin lếch), phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ búa 8 đồng cân bạc và trả lại búa đã lấy.

Đến đời pha nha luông Bun Xểnh mới hạ mức phạt xuống 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, mức đền chủ búa vẫn định như cũ.

Ai ăn cắp kìm, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ kìm 8 đồng cân bạc và trả lại kìm đã lấy.

Đến đời pha nha luông Bun Xểnh mới hạ mức phạt xuống 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, mức cúng vía cho chủ kìm vẫn như cũ.

Ai ăn cắp hái (nái), phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ hái 1 lạng bạc và trả lại hái đã lấy.

Đến đời pha nha luông Bun Xểnh mới hạ mức xuống 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, mức cúng vía chò chủ hái xuống 3 đồng cân bạc và trả lại hái đã lấy.

Ai ăn cắp dao ngắt (hét), phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ dao ngắt lúa 3 đồng cân bạc và trả lại dao ngắt lúa đã lấy.

Ai ăn cắp kim (khim), phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ kim 3 đồng cân bạc và trả lại kim đã lấy.

Ai ăn cắp suốt chỉ (này), phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ suốt chỉ 3 đồng cân bạc và trả lại suốt chỉ đã lấy.

Ai ăn cắp giỏ đựng chỉ (tòn), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ giỏ 5 đồng cân bạc và trả lại giỏ đã lấy.

Ai ăn cắp cán bông (ft), sa sợi (la), sa chỉ (phiếng), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ cán bông, chủ sa chỉ hay sa sợi 5 đồng cân bạc và trả lại cán bông, sa chỉ hay sa sợi đã lấy.

Ai ăn cắp cung bật bông (công), phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ cung 3 đồng cân bạc và trả lại cung bật bông đã lấy.

Ai ăn cắp guồng sợi (pia), phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ guồng 5 đồng cân bạc và trả lại guồng sợi đã lấy.

Ai ăn cắp khung dệt cửi (Kí sấm lúc), phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ khung dệt 5 lạng bạc và trả lại khung dệt đã lấy.

Ai ăn cắp dập sợi (phứm), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ dập sợi 5 đồng cân bạc và trả lại dập sợi đã lấy.

Ai ăn cắp go sợi (khau), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ go sợi 5 đồng cân bạc và trả lại go đã lấy.

Ai ăn cắp cây gỗ cuốn vải (xa pặn), xác nác, kẻ, tép, mỏ chim (ngóp nghép: những bộ phận khung cửu - ND), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ gỗ cuốn vải, xác nác, kẻ, lép, mỏ chim 5 đồng cân bạc và trả lại các thứ đã lấy.

Ai ăn cắp chiêng (dàm), khánh (lằng khằng), cồng (cọng), chập choeng (xéng), phải phạt 5 lạng bạc và trả lại các thứ đã lấy.

Ai lặc kin (tức "ăn" quá mức đáng được hưởng – ND) phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho người bị mất hay chủ lặc kin 1,5 lạng bạc và trả lại số lấy quá mức quy định.

Ai lặc xên (tức làm mo mùn đi cúng ăn lạm quá mức - ND), phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho người bị mất hay chủ lặc xên 1,5 lạng bạc và trả lại số lấy quá mức quy định.

Ai ăn cắp áo quan để trong hang, phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ áo quan 1,5 lạng bạc và trả lại áo quan đã lấy.

Ai ăn cắp xanh, ninh (biếng, mỏ), phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ xanh, chủ ninh 1 lạng bạc và trả lại xanh, ninh đã lấy.

Ai ăn cắp hũ (hay ham), vò, vại (chồng), phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ hũ, vò, vại 5 đồng cân bạc và trả lại hũ, vò, vại đã lấy.

Ai ăn cắp chậu sành (áng), phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ chậu 3 đồng cân bạc và trả lại chậu đã lấy.

Ai ăn cắp bát, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ bát 3 đồng cân bạc và trả lại số bát đã lấy.

Ai ăn cắp đĩa, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ đĩa 3 đồng cân bạc và trả lại số đĩa đã lấy.

Ai ăn cắp đũa, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ đũa 3 đồng cân bạc và trả lại số đũa đã lấy.

Ai ăn cắp nồi đất, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ nồi 1 lạng bạc và trả lại nồi đã lấy.

Ai ăn cắp chum, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ chum 3 đồng cân bạc và trả lại chum đã lấy.

Ai ăn cắp cối, chày (chộc, xác), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ cối, chủ chày nửa lạng bạc và trả lại cối chày đã lấy.

Ai ăn cắp nỏ, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ nỏ 3 đồng cân bạc và trả lại nỏ đã lấy.

Ai ăn cắp tên không thuốc (pưn khao), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ tên 3 đồng cân bạc và trả lại số tên đã lấy. Nếu ăn cắp tên đã dùng (pưn tai) thì không phải vạ.

Ai ăn cắp trống (cong), phải phạt 25 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ trống 3 lạng bạc và trả lại trống đã lấy.

Ai ăn cắp mâm (pàn), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ mâm 1 lạng bạc và trả lại mâm đã lấy.

Ai ăn cắp khoá, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ khoá 1 lạng bạc và trả lại khoá đã lấy.

Ai ăn cắp dấu (đấu), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ đấu 1 lạng bạc và trả lại đấu đã lấy.

Ai ăn cắp lư hương (lư), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ lư 1 lạng bạc và trả lại lư đã lấy.

Ai ăn cắp ống rượu cần (bua lảu), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ ống 3 đồng cân bạc và trả lại ống đã lấy.

Ai ăn cắp chiếu, nếu là nhà giàu có, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ ống 5 đồng cân bạc và trả lại chiếu đã lấy; nếu là nhà nghèo, phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ chiếu 3 đồng cân bạc và trả lại chiếu đã lấy.

Ai ăn cắp quạt, nón, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ quạt, nón 5 đồng cân bạc va trả lại quạt, nón đã lấy.

Ai ăn cắp ống thuốc của đàn bà (nghỉu), phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ ống 3 đồng cân bạc và trả lại ống đã lấy.

Ai ăn cắp ống thuốc của đàn ông (kháp), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ ống 5 đồng cân bạc và trả lại ống đã lấy.

Ai ăn cắp cót phơi thóc (pởn), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ cót 5 đồng cân bạc và trả lại cót đã lấy.

Ai ăn cắp đó (xay) để ở nhà phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ đó 5 đồng cân bạc và trả lại đó đã lấy.

Ai ăn cắp hông xôi, phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ hông 3 đồng cân bạc và trả lại hông đã lấy.

Ai ăn cắp thúng (đúng), sàng (xăng), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ thúng, chủ sàng 5 đồng cân bạc và trả lại thúng, sàng đã lấy.

Ai ăn cắp phên vo gạo (huốt), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ huốt 5 đồng cân bạc và trả lại huốt đã lấy.

Ai ăn cắp sọt (móng), phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ sọt 5 đồng cân bạc và trả lại sọt đã lấy.

Đến đời pha nha luông Bun Xềnh mới hạ mức phạt xuống 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn và hạ mức cúng vía cho chủ sọt xuống 1 đồng cân bạc và phải trả lại sọt đã lấy.

Ai ăn cắp địu tre hay gùi (ớp), bế (giăng), hòm nan (ben), phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ địu, gùi, bế, hòm 5 đồng cân bạc và trả lại các thứ đã lấy.

Ai ăn cắp giỏ đựng rau (xạ), phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ giỏ 1 đồng cân bạc và trả lại giỏ đã lấy.

Ai ăn cắp thuyền độc mộc (hùa), bè (tè, pè), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ thuyền, bè 5 đồng cân bạc và trả lại thuyền, bè đã lấy.

Ai ăn cắp cày phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ cày 5 đồng cân bạc và trả lại cày đã lấy.

Ai ăn cắp bừa, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn. Chủ bừa lấy con trâu của người ăn cắp.

Ai ăn cắp ách trâu phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn. Chủ ách lấy con trâu của người ăn cắp.

Ai ăn cắp mõ tre (khóc mạy póng) đeo ở cổ trâu phải phạt 25 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu. Chủ mõ lấy trâu của người ăn cắp.

Đến đời pha nha luông Bun Xềnh, mới bỏ lệ chủ ách, chủ mõ được lấy trâu của người ăn cắp, hạ mức phạt xuống 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu và hạ mức đền cho chủ ách, chủ mõ xuống 6 đồng cân bạc.

Ai ăn cắp mõ gỗ (khóc mạy chính) đeo ở cổ trâu, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ mõ 3 đồng cân bạc. Chủ mõ lấy trâu của người ăn cắp.

Ai ăn cắp chạc trâu (chước khoài) phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ chạc 3 đồng cân bạc và trả lại chạc đã lấy.

Ai ăn cắp cây trồng (mạy púc) phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ cây 1 lạng bạc và trả lại cây đã lấy.

Ai ăn cắp phang (thứ gỗ đỏ rất hiếm dùng để nhuộm vải - ND) phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ phang 1 lạng bạc và trả lại phang đã lấy.

Ai ăn cắp gianh đã đánh thành gấp phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ gianh 1 lạng bạc và trả lại số gianh đã lấy.

Ai ăn cắp rào (khên hụa) phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ rào 1,5 lạng bạc và trả lại rào đã lấy.

Ai ăn cắp củi (lua) phải phạt 25 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ củi 3 lạng bạc và trả lại số củi đã lấy.

Ai ăn cắp gai (tặt pan) chưa cắt, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ gai 1 lạng bạc và trả lại số gai đã lấy.

Ai ăn cắp gai đã cạo, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ gai nửa lạng bạc và trả lại số gai đã lấy.

Ai ăn cắp lá dâu tằm, phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ lá dâu 1 lạng bạc và trả lại số lá dâu đã hái.

Ai ăn cắp bẫy đặt trên đất hoặc dưới nước (náng bộ, náng nặm), phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ bẫy 1,5 lạng bạc và trả lại bẫy đã lấy. Nếu được thịt phải trả lại thịt, được cá phải trả lại cá.

Ai ăn cắp chài, lưới giăng (mòng), phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ chài, chủ lưới 1,5 lạng bạc và trả lại chài lưới đã lấy.

Ai ăn cắp xúc cá loại lớn (cọ tóng), phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ xúc cá 1 lạng bạc và trả lại xúc cá đã lấy.

Ai ăn cắp xúc cá loại nhỏ (bặc), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ xúc cá 1 lạng bạc và trả lại xúc cá đã lấy.

Ai ăn cắp giỏ đựng cá (muống), phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ giỏ 3 đồng cân bạc và trả lại giỏ đã lấy.

Ai ăn cắp diêm sinh phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ diêm sinh 3 đồng cân bạc và trả lại số diêm sinh đã lấy.

Ai ăn cắp diêm thuốc trong hang dơi (niêm), phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ diêm thuốc 1 lạng bạc và trả lại số diêm thuốc đã lấy.

Ai ăn cắp thuốc súng (xuốc), phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ thuốc súng 3 đồng cân bạc và trả lại số thuốc súng đã lấy.

Ai ăn cắp đạn, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ đạn 3 đồng cân bạc và trả lại số đạn đã lấy.

Ai ăn cắp dây đốt bùi nhùi (hăng mai), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ dây 1 lạng bạc và trả lại dây đã lấy.

Ai ăn cắp bàu đựng thuốc súng, thứ thuốc nhậy bắt lửa của súng hoả mai (vồng mác ngòi), phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chủ bàu, chủ thuốc 3 đồng cân bạc và trả lại bàu, thuốc đã lấy.

Ai ăn cắp cây liệm (một phụ tùng ở trong súng hoả mai - ND), phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ liệm 1 lạng bạc và trả lại liệm đã lấy.

Ai ăn cắp nước lã (nặm tá), phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chủ nước 3 đồng cân bạc và trả lại số nước đã lấy.

Điều XI: LUẬT ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐÁNH NGƯỜI

Ai đánh tạo, phạt 25 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía (peng chơ peng tạo) cho tạo 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu.

Ai đánh ông, bà ruột của mình (pú giá óc), phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho ông, bà 1 lạng bạc kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh bố, mẹ chồng (pỏ pú, mẻ giá óc), phải phạt 15 lạng bạc kèm theo rượu, trâu, phải cúng bố, mẹ 1 lạng bạc kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh bố, mẹ đẻ (pó óc, mẻ óc), phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng bố, mẹ 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh cậu, dì ruột của mẹ (pó nạ, mẻ nạ óc), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh ông, bà ngoại (ta óc, nài óc), phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho ông, bà 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh bác ruột (pá lung óc), phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho bác 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh chú, thím ruột (ao, a óc) phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chú, thím 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh cậu ruột (nạ óc), phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho cậu 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh anh, chị ruột (ải, ưởi óc), phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho anh, chị 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh vợ bác ruột (pá pợ óc), phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho bác gái 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh thím ruột (a pợ óc) phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh mợ ruột (vợ cậu - nạ pợ óc), phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho mợ 3 lạng bạc ,kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh chị dâu ruột (ưởi pỏ óc) phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chị dâu 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh chồng bác ruột (lùng khươi óc) phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho bác 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh chồng cô ruột (ao khươi óc) phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chú 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh cậu rể ruột (nạ khươi óc) phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho cậu rể 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh anh rể ruột (pí khươi óc) phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho anh rể 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh bố, mẹ vợ (po tá, ma nái óc) phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho cho bố, mẹ 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh anh, chị của vợ (pí lung, pí pá óc) phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho anh, chị 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Vợ cả (me luông) đánh vợ lẽ (me nọi) phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho vợ lẽ 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Vợ lẽ đánh vợ cả phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho vợ cả 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Vợ đánh chồng phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho chồng 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh người khác thuộc bề trên (pướn thám tềnh) phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho người bề trên 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh người khác thuộc bề dưới (pướn thám tở) phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho kẻ dưới 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai đánh người khác cùng vai vế (pướn tò căn) phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho người bị đánh 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Điều XII: LUẬT ĐỐI VỚI NGƯỜI CHỬI RỦA CAY NGHIỆT (CHẤM CỎ NÓNG)

Ai chửi tạo phải phạt 15 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho taổ 5 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai chửi ông, bà ruột phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho ông, bà 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai chửi bố, mẹ phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho bố, mẹ 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai chửi cậu của mẹ ruột phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho ông 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai chửi dì của mẹ ruột phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho bà 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai chửi ông, bà ngoại phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho ông, bà 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai chửi bác ruột phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho bác ruột 1 lạng, kèm theo rượu, lợn.

Ai chửi chú, thím ruột phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho chú, thím 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai chửi cậu ruột phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho cậu 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai chửi anh, chị ruột phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải mất rượu, lợn cúng vía cho anh, chị.

Ai chửi bác gái ruột phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải mất rượu, lợn cúng vía cho bác.

Ai chửi thím ruột phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải mất rượu, lợn cúng vía cho thím.

Ai chửi mợ ruột phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải mất rượu, lợn cúng vía cho chị.

Ai chửi chị dâu ruột phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải mất rượu, lợn cúng vía cho chị.

Ai chửi chồng bác ruột phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải mất rượu, lợn cúng vía cho bác.

Ai chửi chồng cô ruột phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải mất rượu, lợn cúng vía cho chú.

Ai chửi cậu rể ruột phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải mất rượu, lợn cúng vía cho cậu.

Ai chửi anh rể ruột phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải mất rượu, lợn cúng vía cho anh.

Ai chửi bố, mẹ phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho bố, mẹ 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai chửi anh, chị vợ ruột phải phạt 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, phải cúng vía cho anh, chị 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Vợ cả chửi vợ lẽ phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải mất 1 hũ rượu cúng vía cho vợ lẽ.

Vợ lẽ chửi vợ cả phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải mất rượu, lợn cúng vía cho vợ cả.

Ai chửi người khác thuộc bề trên, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải cúng vía cho bề trên 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

Ai chửi người khác thuộc kẻ dưới, phải phạt 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải mất một hũ rượu cúng vía cho kẻ dưới.

Ai chửi người khác bằng vai vế hay em dâu cãi nhau phải phạt 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn, phải mất rượu, lợn cúng vía cho người bị chửi.

Điều XIII: LUẬT VỀ TỘI TRỘM YÊU (LẶC MẶC) TỨC HỦ HOÁ, LOẠN LUÂN

1. Luật xử phạt ai trêu ghẹo vợ hay chồng người ta đi đến chỗ làm cho tan hoang nhà cửa phải phạt 25 lạng bạc, ngoài ra phải cúng vía cho đương sự 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn.

2. Luật xét trai gái hai bên đồng tình yêu nhau thì phạt cả hai bên; nếu trai ép gái thì phạt bên trai; nếu gái ép trai thì phạt bên gái.

a) *Trường hợp loạn luân với người trong họ còn con gái chưa để có mang.*

Trộm yêu với bác ruột (pá óc) còn con gái, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc; cả trai lẫn gái mỗi bên mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu với cô ruột (a óc) còn con gái, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc; cả trai lẫn gái mỗi bên mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu với dì ruột (nạ óc) còn con gái, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc; cả trai lẫn gái mỗi bên mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu chị ruột (ưởi óc) còn con gái, nếu bắt được, phạt trai 15 lạng bạc, gái 15 lạng bạc; cả trai lẫn gái mỗi bên mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu em ruột (nọng óc) còn con gái, nếu bắt được, phạt trai 15 lạng bạc, gái 15 lạng bạc; cả trai lẫn gái mỗi bên mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu con đẻ (lục óc) còn con gái, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc; cả trai lẫn gái mỗi bên mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu cháu ruột (lan óc) còn con gái, nếu bắt được, phạt trai 15 lạng bạc, gái 15 lạng; cả trai lẫn gái phải mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu chị vợ (pí pả óc) còn con gái, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho lúng ta (bên nhà vợ).

Trộm yêu em vợ (nọng nạ óc) còn con gái, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc, trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho lúng ta.

Trộm yêu con riêng của mẹ (lục khé hay lục mừa nầm mẻ) còn con gái, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc; cả trai lẫn gái mỗi bên mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho họ.

b) *Trường hợp loạn luân với người trong họ còn con gái, để có mang.*

Trộm yêu bác ruột còn con gái mà có mang, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc, trai cũng như gái mỗi bên mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu cô ruột còn con gái mà có mang, nếu bắt được, trai phạt 25 lạng bạc, gái phạt 25 lạng bạc; trai cũng như gái mỗi bên mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu dì ruột còn con gái mà có mang, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc; trai cũng như gái mỗi bên mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu chị ruột còn con gái mà có mang, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc; trai cũng như gái mỗi bên mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu em ruột còn con gái mà có mang, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc; cả trai cũng như gái mỗi bên mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu con đẻ còn con gái mà có mang, nếu bắt được, phạt trai 45 lạng bạc, gái 45 lạng bạc; trai cũng như gái mỗi bên mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu cháu ruột còn con gái mà có mang, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc; cả trai lẫn gái mỗi bên mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu chị vợ còn con gái mà có mang, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho lúng ta.

Trộm yêu em vợ còn con gái mà có mang, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho lúng ta.

Trộm yêu con riêng của mẹ còn con gái mà có mang, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc; cả trai lẫn gái mỗi bên mất 3 lạng bạc để cúng vía cho cả họ.

c) Trường hợp hủ hoá với vợ tạo và loạn luân với người trong họ đã có chồng.

Trộm yêu vợ tạo còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Gái phải xăm (hay thích) mặt, bắt làm tôi tớ, cắt bỏ búi tóc.

Trộm yêu mẹ đẻ (mẻ óc), còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 45 lạng bạc, gái 45 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu cúng vía cho bố, gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu cúng vía cho chồng.

Trộm yêu bác ruột còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho bác, gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng.

Trộm yêu cô ruột còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chú, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng.

Trộm yêu dì ruột còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chú, gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng.

Trộm yêu chị ruột còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho anh rể, gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng.

Trộm yêu em ruột còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho em rể, gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng.

Trộm yêu con ruột còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 45 lạng bạc, gái 45 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho con rể, gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng.

Trộm yêu vợ bác ruột (pà pợ óc) còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho bác, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng.

Trộm yêu thím ruột (a pợ óc) còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chú, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng.

Trộm yêu mợ ruột (nạ pợ óc) còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cậu, gái mất 3 lạng bạc, rượu, lợn cúng vía cho chồng.

Trộm yêu chị dâu ruột (pí pợ óc) còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho anh, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng.

Trộm yêu em dâu ruột (nọng pợ óc) còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho em, gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng.

Trộm yêu con dâu (lục pợ) còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho con trai, gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho chồng.

Trộm yêu cháu dâu (lan pợ) còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cháu, gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng.

Trộm yêu mẹ vợ (mé nái) còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu cúng vía cho bố vợ, gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho chồng.

Trộm yêu em ruột mẹ vợ (mé nái nạ óc) còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chú vợ, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng.

Trộm yêu chị ruột vợ (pí pả óc) còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho anh vợ, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng.

Trộm yêu em ruột vợ (nọng nạ óc) còn chồng, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho em rể, gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng.

d) *Trường hợp hủ hoá với vợ tạo và loạn luân với người trong họ còn chồng rồi rủ nhau trốn đi (lặc mặc... pà ní).*

Trộm yêu vợ tạo, còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 45 lạng bạc. Trai phải đền tạo 35 lạng bạc, phải cúng vía cho tạo 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu. Ngoài ra, trai phải viết giấy cam đoan trả lại vợ cho tạo. Nếu tạo tốt vẫn thương coi là vợ thì thôi, nếu không, người vợ phải làm tôi tớ, phải thích mặt, cắt bỏ búi tóc.

Trộm yêu mẹ đẻ, còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho bố, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng.

Trộm yêu bác ruột, còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho bác, gái mất 3 lạng bạc cúng vía cho chồng. Nhà gái (lúng ta) phải trả tiền cá hua cho nhà chồng, một gấp đôi.

Trộm yêu cô ruột, còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chú, gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Nhà gái phải trả tiền cá hua cho nhà chồng, một gấp đôi.

Trộm yêu dì ruột, còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chú, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn, cúng vía cho chồng. Cả trai lẫn gái đều phải trả tiền cá hua cho nhà chú, một gấp đôi.

Trộm yêu chị ruột còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho anh rể, gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho nhà chồng. Nhà gái phải trả tiền cá hua cho nhà chồng, một gấp đôi.

Trộm yêu em ruột còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc; gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho em rể, gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Nhà gái phải trả tiền cá hua cho nhà chồng, một gấp đôi.

Trộm yêu con dâu còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho con rể, gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Nhà gái phải trả tiền cá hua cho nhà chồng, một gấp đôi.

Trộm yêu cháu ruột còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cháu rể, gái mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Nhà gái phải trả tiền cá hua cho nhà chồng, một gấp đôi.

Trộm yêu vợ bác ruột còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho bác, gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Cả trai lẫn gái đều phải trả tiền cá hua cho nhà bác, một gấp đôi.

Trộm yêu thím ruột còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chú, gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Cả trai lẫn gái đều phải trả tiền cá hua cho nhà chú, một gấp đôi.

Trộm yêu mợ ruột còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cậu, gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Cả trai lẫn gái đều phải trả tiền cá hua cho nhà cậu, một gấp đôi.

Trộm yêu chị dâu ruột còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho anh, gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Trai phải ứng tiền cá hua lấy vợ khác cho anh. Nhà gái phải trả lại cá hua cho rể.

Trộm yêu em dâu ruột còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, trai phạt 35 lạng bạc, gái phạt 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho em trai, gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Trai phải ứng tiền cá hua lấy vợ khác cho em. Nhà gái phải trả lại cá hua cho rể.

Trộm yêu con dâu còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn

cúng vía cho con trai, gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Trai phải ứng tiền cá hua lấy vợ khác cho con. Nhà gái phải trả lại cá hua cho rể.

Trộm yêu cháu dâu còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cháu, gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Trai phải ứng tiền cá hua lấy vợ khác cho cháu. Nhà gái phải trả lại cá hua cho rể.

Trộm yêu mẹ vợ còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu cúng vía cho bố vợ, gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Trai phải ứng tiền cá hua lấy vợ khác cho bố vợ. Bố vợ đòi lại con gái (tức vợ của trai - ND) về. Ngoài ra lúng ta của bố vợ phải trả lại cá hua cho rể.

Trộm yêu em ruột mẹ vợ còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chú vợ, gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Trai phải ứng tiền cá hua lấy vợ khác cho chú vợ. Bố vợ của trai đòi lại con gái (tức vợ của trai - ND) về. Ngoài ra lúng ta của chú phải trả lại cá hua cho rể.

Trộm yêu chị ruột vợ còn chồng, rủ nhau đi trốn, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho anh vợ, gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Trai phải ứng tiền cá hua lấy vợ khác cho anh. Bố vợ của trai đòi lại con gái về và trả lại cá hua cho rể.

Trộm yêu em ruột vợ còn chồng, rủ nhau trốn đi, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc; trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho em vợ, gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Trai phải ứng tiền cá hua lấy vợ khác cho em vợ. Bố vợ của trai đòi lại con gái về và trả lại tiền cá hua cho rể.

Trong tất cả các trường hợp, nếu người chồng còn thương vẫn coi là vợ thì thôi, nếu không người vợ thành tôi tớ cho nhà chồng.

e) *Trường hợp hủ hoá với vợ goá của tạo và loạn luân với gái goá trong họ nhưng chưa mang thai.*

Trộm yêu vợ tạo goá, nếu bắt được, phạt trai 15 lạng bạc, gái 15 lạng bạc. Cả trai lẫn gái, mỗi người phải mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu cúng vía cho chủ mái. Phải làm ma cho tạo cũ rồi cho hai bên lấy nhau.

Trộm yêu mẹ đẻ goá, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu cúng vía cho chủ mái. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu bác gái ruột goá, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu cô ruột goá, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu dì ruột goá, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu chị ruột goá, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu em ruột goá, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu con đẻ goá, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi bên mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn

cúng vía cho chủ mái. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu cháu ruột goá, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu vợ bác ruột goá, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu vợ chú ruột goá, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu vợ cậu ruột goá, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu chị dâu ruột goá, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người mất 3 lạng bạc; kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc cúng vía cho cho cả họ.

Trộm yêu em dâu ruột goá, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người mất 3 lạng bạc; kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu con dâu goá, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Cả trai lẫn gái, mỗi người mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu cháu dâu goá, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn

cúng vía cho chủ mái. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu mẹ vợ goá, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái. Riêng trai mất thêm 3 lạng bạc cúng vía cho cho cả họ.

Trộm yêu em ruột mẹ vợ goá, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho lúng ta, và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ. Gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cho chủ mái.

Trộm yêu chị ruột vợ goá, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho lúng ta, và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ. Gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái.

Trộm yêu em ruột vợ goá, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho lúng ta, và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ. Gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái.

g) *Trường hợp hủ hoá với vợ goá của tạo và loạn luân với người trong họ để có mang.*

Trộm yêu vợ tạo goá để có mang, nếu bắt được, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu cúng vía cho chủ mái. Phải làm ma cho tạo cũ rồi cho hai bên lấy nhau.

Trộm yêu mẹ đẻ goá để có mang, nếu bắt được, phạt trai 55 lạng bạc, gái 55 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người phải mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu cúng vía cho chủ mái, và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu bác ruột goá để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người phải mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu cô ruột goá để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người phải mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu dì ruột goá để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người phải mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu chị ruột goá để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người phải mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu em ruột goá để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu con đẻ goá để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người phải mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái và 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu cháu gái goá để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người phải mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu vợ bác ruột goá để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người phải mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu thím ruột goá để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người phải mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu vợ cậu ruột goá để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người phải mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu chị dâu ruột goá để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người phải mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu em dâu ruột goá để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người phải mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu con dâu goá để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu cháu dâu ruột goá để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái, mỗi bên mất 3 lạng bạc kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu mẹ vợ goá để có mang, nếu bắt được, phạt trai 45 lạng bạc, gái 45 lạng bạc. Trai mất thêm 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu cúng vía cho lúng ta và mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu cúng vía cho cả họ. Gái mất thêm 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu cúng vía cho chủ mái và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu em ruột mẹ vợ goá để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Trai mất thêm 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho lúng ta và mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ. Gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho lúng ta và 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu chị ruột vợ goá để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng

vía cho lúng ta và mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ. Gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái và mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ.

Trộm yêu em ruột vợ goá để có mang, nếu bắt được, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho lúng ta và mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho cả họ. Gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chủ mái và 3 lạng bạc cúng vía cho cả họ.

h) *Trường hợp hủ hoá với gái khác họ*

Trộm yêu gái tân mà rủ nhau đi trốn, nếu bắt được mà tạo cho phép hai người được lấy nhau, không phải phạt. Nếu không bắt được, nhà trai phải đền cho nhà gái cá hua vì người nhà mình quyến rũ con người ta.

Trộm yêu gái tân để có mang, nếu bắt được, phạt trai 15 lạng bạc, gái 15 lạng bạc. Ai không nộp tiền phạt phải bắt về nhà tạo làm tôi tớ.

Trộm yêu người con gái đã có người dạm hỏi (cáng mác), phạt trai 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu, gái 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu. Trai mất thêm 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho nhà người con gái lúng ta, gái mất thêm 1 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng chưa cưới.

Trộm yêu người con gái đã có người dạm hỏi mà rủ nhau trốn đi, phạt trai 15 lạng bạc, gái 15 lạng bạc. Trai mất thêm 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho nhà người con gái. Ngoài ra còn phải đền vợ cho người ta tức là mất tiền cá hua. Gái phải trả của cho người chồng chưa cưới và mất 1 lạng bạc cúng vía cho chồng chưa cưới.

Trộm yêu người con gái đã có người dạm hỏi để có mang, phạt trai 15 lạng bạc, gái 15 lạng bạc. Trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho nhà người con gái. Ngoài ra còn phải đền vợ cho người ta tức là mất tiền cá hua. Gái phải trả của cho chồng chưa cưới và mất thêm 1 lạng bạc cúng vía cho chồng chưa cưới.

Trộm yêu gái đã có chồng mà chồng còn sống, phạt trai 35 lạng bạc, gái 35 lạng bạc. Cả trai lẫn gái mỗi người mất 5 lạng bạc kèm theo rượu, trâu cúng vía cho người chồng. Chồng đòi lại tiền cá hua, và các thứ tiền khác khi cưới xin một gấp đôi. Gái về với chồng cũ, nếu ngoan thì nên vợ, nếu không ngoan thì làm tôi, làm tớ.

Trộm yêu gái đã có chồng còn sống, cùng nhau trốn đi, phạt trai 25 lạng bạc, gái 25 lạng bạc. Trai mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho nhà người con gái, gái mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn cúng vía cho chồng. Chồng đòi lại tiền cá hua và các thứ tiền khác khi cưới xin một gấp đôi. Gái về với chồng cũ nếu ngoan thì nên vợ, nếu không thì làm tôi, làm tớ.

Trộm yêu gái goá, phạt trai 15 lạng bạc, gái 15 lạng bạc. Chủ mái được hưởng tiền cá hua. Nếu không còn người thân thích đủ tư cách làm chủ mái, thì tạo hưởng cá hua. Cả trai lẫn gái phải mất 3 lạng bạc, kèm theo rượu, lợn để cúng vía cho họ chồng cũ.

Trộm yêu gái goá để có mang, phạt trai 15 lạng bạc, gái 15 lạng bạc. Cho hai bên được lấy nhau sau khi đã làm ma cho chồng cũ đầy đủ.

Điều XIV: LUẬT SĂN SÓC VỢ CHỒNG KHI ĐAU ỐM

Vợ chồng lấy nhau phải khi đau ốm, dù trường hợp nào cũng vậy phải trông nom săn sóc nhau chu đáo.

Nếu vợ ốm, chồng phải săn sóc thuốc thang. Nếu chồng bỏ đi, không trông nom, phạt nhà chồng 35 lạng bạc kèm theo rượu, trâu. Nhà chồng phải mất thêm 5 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu cúng vía cho nhà bên vợ (lúng ta). Nếu chồng ốm, vợ phải săn sóc thuốc thang, phải trông nom suốt đời, "đời chủ cây, đời người nhà" (tời chảu mạy, tời cồn hườn). Nếu vợ bỏ đi không trông nom, phạt nhà gái 35 lạng bạc, kèm theo rượu, trâu. Nhà gái mất thêm 5 lạng bạc kèm theo rượu, trâu cúng vía cho chồng.

Điều XV: LUẬT NUÔI CON NUÔI

Nếu cho nhà mình chưa đông con, mà xin con người về làm con nuôi, thì khi chia của cải phải chia cho công bằng. Ví dụ chia ruộng: con cả (thảu ải) được 10 bó (nhác); con thứ hai (thảu hai) được 9 bó; con thứ ba (thảu pa) được 8 bó; con thứ tư (thảu pốn) được 7 bó; con thứ năm (thảu hả) được 6 bó; con thứ 6 (thảu hốc) được 5 bó; con thứ bảy (thảu chết) được 4 bó; con thứ tám (thảu pét) được 3 bó; con thứ 9 (thảu cảu) được 2 bó; con thứ mười (thảu xịp) được 1 bó. Con gái không được hưởng gì từ các thứ đồ đạc trong nhà (chưởng tô) cho đến ruộng hoang (nà hộc, nà hựa), nương rẫy hay rừng non (lau le); từ cây chua, cây ngọt, gốc cau, gốc mít, gốc trầu không, cho đến cây có đặt bẫy (cú mỏ co nạm), hang don, hang dơi, hang hon con báng (?) (thẩm hon con báng trong nguyên văn - ND), đống đá ven suối (nhúm nong cong hụm). Chỉ có con trai, dù con nuôi hay con đẻ, mới được hưởng tất cả các thứ đó.

Điều XVI: LUẬT VỀ VIỆC TẠO LẤY VỢ

Nếu tạo lấy vợ, dân thường (pú nọi) phải nộp tiền cá hua cho tạo.

Điều XVII: LUẬT VỀ VIỆC TẠO PHẢI VẠ

Nếu tạo mắc tội phải phạt, phải vạ, dân thường phải góp của cho tạo.

Bằng ấy điều trên phải được coi trọng. Nếu ai không tuân theo, đừng chê trách luật.

<u>DÂN TỘC THÁI</u>

MỘT SỐ LUẬT LỆ MƯỜNG CA DA[1]

LUẬT ĐỊNH RA TỪNG LOẠI NGƯỜI

- Những người thấy việc có ích cần phải làm, mà lại làm ngơ, coi như không biết. Đó là người lười biếng.

- Những người nói một đằng, làm một nẻo, miệng bảo quý người này, nhưng trong bụng lại quý người kia, đó là người gian ác.

- Những người hay nịnh hay nâng người trên, khinh thường hoặc dèm pha kẻ nghèo khó. Đó là kẻ hại người .

- Những người thấy ít nói nhiều, thấy nhỏ nói to, gốc bằng đũa ngọn bằng quạt. Đó là người khoác lác.

- Những người hay kiếm chuyện, điều đáng giấu không giữ gìn, gặp đâu nói đó. Đó là người hớt lẻo.

- Những người không được ai nhờ, ai bảo, thấy giặc đến mm tự ra đánh, thấy hổ đến bản, tự mình ra giết hổ. Đó là người gan dạ.

- Những người thấy ai nói điều xấu, làm việc sai trái, thì tự bản thân mình sợ hãi. Đó là người đáng quý trọng.

- Những người làm được việc tốt mà nhiều người khác không làm được. Đó là người có tài.

---

1. Lệ tục một mường ở Thanh Hoá, trích trong cuốn *Văn hoá truyền thống Mường Ca Da*. Do Sở Văn hoá - Thông tin Thanh Hoá xuất bản năm 1986.

- Những người không có ai nhờ mà tự đến giúp khi làm người chủ không tin rằng làm được, nhưng cuối cùng việc lại thành. Đó là người khôn ngoan.

- Những người có vui trong bụng không ai biết, có tức trong lòng không ai hay. Đó là người thâm thuý.

- Đối với những người gan dạ, người có tài, có nghĩa thì phải biết quý trọng họ, phải đãi ngộ và trọng dụng cho xứng đáng. Nếu có công phải cho hưởng công, phải được khen thưởng.

- Đối với những kẻ gian ác, hại người, nếu sai lầm lần đầu thì bắt, bắt không chừa thì đánh, đánh không chừa thì giết.

- Đối với những người hay nịnh trên khinh dưới, sai lầm lần đầu thì mắng, mắng không chừa thì bắt, bắt không chừa thì đánh.

- Đối với những người lười biếng, siêng ăn nhác làm, thì tìm công việc cho họ làm; nếu không làm thì không cho ăn, bụng đói mà vẫn không chịu làm thì đuổi ra khỏi mường.

LUẬT LỆ VỀ RỪNG VÀ SÔNG SUỐI

- Ai muốn tự ý phát rừng làm rẫy, rừng thuộc địa phận bản nào, phải được tạo bản cho phép. Nếu tự ý ra làm thì sẽ bị phạt từ 1 đến 3 nén bạc và kèm theo rượu, thịt.

- Hằng năm cứ đến cuối tháng 5 (tính theo Âm lịch) mới được vào rừng lấy măng, nhưng chỉ được hái lứa đầu và lứa thứ tư, không được hái lứa thứ hai và thứ ba. Cấm ngặt không được hái măng luồng, măng tre. Ai làm sai sẽ bị phạt 1 nén bạc, kèm theo rượu, thịt.

- Ai phát hiện được tổ ong mật ở vách đá hay ở ngọn cây, nhưng chưa có điều kiện để lấy ngay được, thì phải làm dấu bằng cách thắt các ngọn cây, lá cây xung quanh đó lại với nhau và treo ta - leo (ta-leo được đan bằng lạt tre hoặc lạt nứa, có mặt tròn to nhỏ tuỳ theo ý thích người đan, có cái bằng bàn tay, có cái bằng mặt đĩa - ND). Có dấu hiệu ấy là tổ ong này đã có chủ, không ai được lấy nữa.

- Cây gỗ trong rừng dù lớn dù nhỏ, nhưng trên cây đã có dấu chữ thập (+) hoặc dấu chữ X, vậy là cây gỗ này đã có chủ, ai ai cũng phải tôn trọng, không được phép chặt cây gỗ này nữa.

- Một nhóm người hoặc một người đi săn bắn được hổ phải nộp xương, nộp râu; được gấu phải nộp xương, nộp mật; được nai phải nộp lộc nhung cho lang đạo, phải chia thịt nhiều cho người có công nhiều, ít cho người có công ít. Nếu bắt được con lòi, con hoẵng thì phải nộp một đùi và một cái thăn cho lang đạo, còn thịt phải đem chia cho những người có công săn bắn. Nếu làm sai trái thì tuỳ theo lỗi nặng nhẹ mà phạt vạ từ một nén bạc đến ba nén bạc và kèm theo rượu thịt.

- Con suối là của chung, nhưng mọi người trong mường đều có quyền được chọn một đoạn suối hoặc gần nhà hoặc thuận tiện cho việc nuôi cá, thì người ấy phải làm dấu hiệu bằng cách chặt cành cây rấp đoạn suối ấy lại và treo lên ngọn cây một ta-leo. Như vậy đoạn suối này đã có chủ, mọi người phải tôn trọng, không ai được chiếm đoạt, không được đánh bắt cá ở đây. Ai làm sai tuỳ theo lỗi nặng nhẹ mà phạt vạ từ 1 quan tiền đồng đến 1 nén bạc và kèm theo rượu thịt.

- Bất cứ ai từ lang đạo đến dân thường, nếu làm thịt lợn, gà, trâu, bò hoặc phóng uế ở đầu nguồn nước đều bị phạt vạ từ 5 quan tiền đồng đến 3 nén bạc.

- Ai để cháy lều trên rẫy, cháy lều coi ruộng của mình hoặc là của người khác thì phải phạt vạ từ 5 quan tiền đến 2 nén bạc và kèm theo rượu, thịt.

- Ai làm cháy nhà chặng, nhà chịp (tức là nhà làm trên mặt nước để trông coi cá - ND) thì phải phạt vạ từ 2 lạng bạc đến 2 nén bạc. Nhà đã làm trên nước mà còn để cháy nên bị phạt nặng hơn.

DÂN TỘC THÁI

DẶN LẠI MƯỜNG[1]

(SĂNG MƯỜNG)

Ở lại nhớ,
Mảnh đất quê cũ mường yêu của tôi ơi!
Con đường Nà Liềng quen đi lên núi Che Háng,
Khe vách voi có cây sấu Minh Để.
Ta đâu chê đường rậm rì lau lách,
Nơi ta quen đi săn bắn thường ngày.
Nơi có đường dây leo, ai đi sớm hay được sóc to,
Ruột sóc ngon làm chua rất quý.
Mùa chiêm, châu chấu, ốc đá xào củ kiệu,
Thêm ớt, mẻ cùng tỏi, xả, lá chanh, thật ngon.
Ở lại nhớ.
Gốc cây dừa trước cửa.
Mắt ta thấy cây bùng to đổ xuống ruộng póc lóc,
Con nước dữ như thuồng luồng cuốn đi.
Mưa lũ dâng lên đầu bãi Tá Chiềng,
Nước tràn ngập khu Pách, ruộng héo của ông cai Nhưng,
Cây cầu Khoáng nước cuốn không giữ được,
Bên dưới nước trôi quặt về ao.

---

1. Tương truyền bài này do ông Phú Mường làm tạo ở Mường Hịch sáng tác, sau dùng trong lễ cúng.

Nước lớn ta phải tháo bớt kẻo vỡ,
Nếu không, ngập bản còn đâu dân vua.
Ở lại nhớ,
Đàn ong đông, tổ to khe vách Lộng,
Đàn cá chôi khoang nước suối Dươn.
Cá Khinh Sói lượn lờ gốc cây Chạy,
Bắt ăn gỏi buổi trưa đã miệng.
Tháng hai, tháng ba tiết trời đã nóng.
Gà rừng kiếm ăn, gáy rộn quanh rừng Biêng Tá,
Ta nghe thương quá,
Tiếng gọi hồn về nhà
Nghe ông mo gọi hồn lên Mường Trời vào hầu vua Then.
Ở lại nhớ,
Mảnh đất quý, xin nhắn lại Bằng Bon trước đã,
Nơi ta luôn được cá chày to làm canh.
Sáng trưa, ta quen ăn ở bên khoang nước đó.
Tuổi già từ biệt về trời,
Ta gặp ông Then,
Để yên nằm ở Mường Trời nơi ấy,
Nhắn lại mảnh đất yêu, ta chuyển đi xa,
Ghi lời này cho người sau để nhớ.
Những gì yêu quý của tôi ơi!
Khe Bương Khảnh, ta quen chăn trâu,
Ta bỏ lại gối hoa và chăn đệm,
Chết lên trời chẳng còn thấy nữa đâu.
Nức nở, nước mắt tràn khóc dặn,
Xin nhắn lại cỏ cây,

Quê cũ mường sau, còn gì ta chưa dặn lại.

Xin gửi lời chào nốt,

Tất cả các con suối, ta thường ăn cá,

Tất cả các thửa ruộng, ta thường ăn gạo.

Cả cây Tạu[1] nhỏ ta thường quen đến chăn trâu.

Cả con đường, ta thường đi thăm nhiều bạn.

Xin gửi lời chào để về sau không còn được thấy,

Chúng bạn quê cũ mường sau của tôi ơi...

1. Tất cả các địa dang trong bài đều ở Mường Hịch.

DÂN TỘC MƯỜNG

LỆ LUẬT DÒNG LANG HỌ QUÁCH[1]

Văn bản Lệ luật này là hệ thống các lệ luật truyền miệng ở địa phương, chứng tỏ trình độ văn học bác học của tộc người Mường. Lệ luật không kỹ lưỡng như của người Thái nhưng lại ngắn, gọn quy định những lệ cơ bản của một mường.

ĐẶNG NGHIÊM VẠN

Lệ 1 - Hễ con trai trưởng được quản thúc nhân dân các khuê; còn các con khác nếu có lòng hiếu kính thì cho làm Phụ đạo[2] không được quản dân. Hễ con trai trưởng không may tuyệt tự, thì con trai thứ mới được thế làm con trưởng và kế tập quản coi nhân dân.

Lệ 2 - Hễ hằng năm đến mùa làm ruộng, nhân dân các khuê cùng đem nhau ra cày cấy ruộng cho Đại Thủ quan[3] đi hết mọi xuất; nếu ai thiếu thì bị phạt lợn 1 con, rượu 1 chum. Đến mùa lúa chín, nhân dân các khuê cùng nhau đem hết mọi xuất ra thu hoạch, đem về kho cho xong hoàn hảo, ai thiếu cũng phạt như trên.

Lệ 3 - Đại Thủ quan có việc cưới vợ, chấu hoá[4] phải xuất tiền nộp lễ cưới; Phụ đạo các khuê phải chịu việc nuôi tiếp tân khách và phải nghe theo Đại Thủ quan chia bổ nhiều hay ít, y theo lời dạy, nếu ai tự cường không theo, thì tước đoạt mất phần.

Lệ 4 - Phụ đạo các khuê, hễ nhà có việc tang lớn và việc cầu đảo hoặc việc gì có mổ trâu, bò, dê, lợn thì phải để ra một phần biếu cho Đại

---

1. Theo gia phả họ Quách, xã Hạ Bì, huyện Mỹ Lương, phủ Quảng Oai, tỉnh Hà Tây.

2. Tức lang đạo.

3. Tức lang cun sau này.

4. Một chức dịch.

Thủ quan một miếng vai liền xương bả (3 xương) và chân giò, lại một mâm cỗ đồ ăn chín và phẩm vật bày trên chiếu ngồi.

Lệ 5 - Các nhà nhân dân ở các khuê hễ có việc tang lớn, cầu đảo, tế lễ mổ trâu, bò, dê, lợn phải kính biếu Đại Thủ quan một miếng vai liền xương bả và chân giò với một mâm cỗ đồ ăn chín cùng các phẩm vật.

Lệ 6 - Đại Thủ quan có việc làm nhà ở thì nhân dân ở các khuê phải tận xuất mọi người ra làm các việc: đẵn gỗ, tre, nứa, cắt cỏ gianh để dùng đủ việc làm nhà xong rồi lại làm rào gỗ, phên thưa, nghi môn kín; khi việc làm nhà hoàn thành, các khuê phải chịu lần lượt phục dịch canh giữ, mỗi phiên hai người , cả ngày và đêm, ai thiếu thì phạt.

Lệ 7 - Hễ Đại Thủ quan có ngày giỗ chạp thì nhân dân các khuê phải dự bị trước ngày, hết thảy mọi người phải đi săn, đánh cá, ai thiếu thì phạt vì tội bất kính. Về phần Phụ đạo các khuê, mỗi đạo phải lợn một con, rượu một chum và phải tề tựu đến lễ bái, ai thiếu thì phạt về tội bất kính và bị tước đoạt mất dân.

Lệ 8 - Đại Thủ quan mỗi năm thu lợn, gà của nhân dân trong bản xã, mỗi nhà phải nộp lợn 1 con, gà 2 con; nếu không có gà thì thế 1 đôi vịt; và phải nộp lá dâu nuôi tằm, mỗi nhà nộp một bồ cao 1 thước 5 tấc, khoát 1 thước 3 tấc.

Lệ 9 - Nhân dân các khuê bản xã, mỗi nhà mỗi năm phải nộp bông 5 cân, tơ sống 5 nén, quả thầu dầu 15 bát, rượu hàng 2 vò.

Lệ 10 - Đại Thủ quan có việc tang lớn báo hiếu, nhân dân các khuê bản xã, mỗi nhà phải nộp trâu 1 con, lụa 10 thước, vải trắng 20 thước, rượu 1 chum để tiếp đãi các bậc tân khách.. Nhà nào cũng phải cắt tóc để tang y như tang bố mẹ đẻ, và xây nhà mồ, mộ đá, chung quanh rào gỗ, đầy đủ các hạng.

Lệ 11 - Nhân dân các khuê ai có phạm điều gì phải tạ lễ. Nếu bỏ thiếu thì bắt người làm tôi tớ. Nếu nhà ấy có con trai thì cho thay thế bằng trâu 1 con, hoặc không có trâu thì bắt con gái làm nô tì. Nếu không có con gái thì tịch thu ruộng nương, của cải và nhà cửa...

DÂN TỘC Ê-ĐÊ

LUẬT TỤC
(KLEI DUÊ BHIĂN KDI)

Hầu hết các dân tộc ở Tây Nguyên đều có luật tục (hay tập quán pháp). Mọi xã hội cổ truyền nơi đây đều vận hành theo luật tục của dân tộc mình. Toà án phong tục của mỗi làng được tổ chức và triệu tập khi có việc nghiêm trọng xảy ra cần xét xử. Hình phạt cụ thể sẽ được quyết định theo luật tục.

Luật tục ở mỗi dân tộc Tây Nguyên đều nhằm mục đích bảo vệ mọi lợi ích chung của làng buôn, của cộng đồng, củng cố chế độ gia đình mẫu hệ, bảo vệ môi trường, bảo vệ quyền con người theo chuẩn mực ứng xử của mỗi dân tộc.

Luật tục ở đây là một thể loại văn chương truyền miệng độc đáo, gồm hàng loạt câu bằng văn vần hay văn xuôi, được liên kết thành một hệ thống những quy định xã hội về từng quan hệ như: quan hệ hôn nhân, gia đình, quan hệ với tài sản, quan hệ với cộng đồng làng, với người thủ lĩnh, với việc hình sự v.v...

Trong luật tục, những thành ngữ, tục ngữ, phương pháp ví von, so sánh được sử dụng như là thủ pháp chính để chứng minh, phân tích, lập luận, buộc tội. Cũng có thể nói, luật tục ở đây là một hệ thống những điều răn dạy về bổn phận của mỗi người theo chuẩn mực của xã hội cổ truyền ở Tây Nguyên.

Do phạm vi, mục đích của mình mà luật tục có một ngôn ngữ riêng, khác hẳn với cách diễn đạt ở bất cứ một thể loại nào trong kho tàng văn chương truyền miệng của xứ sở này. Người am hiểu về luật tục luôn là những người hoạt bát, có tài hùng biện ở nông thôn.

Vào những năm đầu của thập niên thứ 3 thế kỷ XX, công xứ Pháp tỉnh Đắc Lắc: L. Sabatier đã tổ chức sưu tầm luật tục của người Ê-đê bằng cách ghi âm bởi một thứ chữ Êđê lúc bấy giờ mới

được các cố đạo người Pháp xây dựng dựa vào bộ vần chữ cái Latinh. Sưu tập này: Klei duê bhiăn kdi (Tập quán pháp ca) được hoàn thành và công bố vào năm 1926. Đến năm 1940, D.Antomarchi cho công bố bằng bản dịch ra tiếng Pháp trên tạp chí của Trường Viễn Đông Bác cổ (BFEO). Từ bản dịch này, Nguyễn Hữu Thấu chuyển qua tiếng Việt vào trước năm 1975 để lưu trữ tại Phòng Tư liệu Viện Dân tộc học. Năm 1984, do nhu cầu của Chương trình nghiên cứu, điều tra Tây Nguyên II (mã số 48c)[1]*. Ông Nguyễn Hữu Thấu được mời chỉnh lý lại lần thứ nhất để lưu hành nội bộ. Năm 1991, trong khi biên soạn công trình* "Tuyển tập văn học các dân tộc ít người ở Việt Nam", *(bốn tập), ông Nguyễn Hữu Thấu đã chỉnh lý lại lần thứ hai, trên cơ sở một số hiểu biết mới sau vài chuyến điền dã của ông ở Đắc Lắc. Nhưng rất tiếc là những bổ sung này không kịp đưa vào* Tuyển tập *như chủ trương của nhóm biên soạn chúng tôi.*

Năm 1993, để thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học giữa chúng tôi (Ngô Đức Thịnh - Viện Văn hoá Dân gian và Chu Thái Sơn Viện Dân tộc học) với Uỷ ban Khoa học - Công nghệ và Môi trường tỉnh Đắc Lắc, chúng tôi lại yêu cầu dịch giả "Tập quán pháp ca Êđê" xem xét lại toàn bộ dịch phẩm của mình trên cơ sở cá nhân tôi (Chu Thái Sơn) đã cung cấp cho ông 2 bộ sưu tập mới có giá trị để đối chiếu, chỉnh lý, kiểm tra lại cả phần chữ Êđê trong sưu tập của L.Sabatier ở những thập niên đầu thế kỷ. Hai bộ sưu tập này là:

1 - Bộ sưu tập thứ nhất của một nhóm công tác gồm: Gs Bế Viết Đẳng, Chu Thái Sơn và Nguyễn Nam Tiến, lấy tại buôn Ea Yông xã Ea Yông huyện Krông Pách (Đắc Lắc) từ năm 1977 - 1979, do cụ Y Bnul (năm 1979: 82 tuổi, người Êđê, giáo viên tiểu học thời Pháp thuộc) cung cấp, gồm mười một chương viết tay trên vở học trò, 4 quyển, 192 trang chữ Êđê.

2 - Bộ sưu tập thứ hai của Chu Thái Sơn, phát hiện năm 1986 tại buôn Alê A, xã Ea Tam, ngoại thị Buôn Ma Thuột, trong gia

1. Chương trình cấp Nhà nước do giáo sư Lê Duy Thước làm chủ nhiệm, giáo sư Đặng Nghiêm Vạn là Phó chủ nhiệm, phụ trách bộ phận khoa học xã hội. Chu Thái Sơn là Thư ký khoa học của Chương trình.

đình Y Chang - một giáo viên tiểu học, cán bộ Ban biên soạn sách Êđê thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắc Lắc. Bộ sưu tập này gồm 11 chương, 137 trang đánh máy chữ Êđê trên khổ giấy 21x29, một vài trang bị mất và rách nát, một số trang mờ, khó đọc. Dựa vào bản chép tay của cụ Y Bnul, tôi đã bổ sung vào những chỗ trống của sưu tập này cho đủ.

Từ sự phát hiện bản của Y Chang đã đưa đến một buổi làm việc giữa chúng tôi (gồm Gs Đặng Nghiêm Vạn và Chu Thái Sơn) với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắc Lắc để tìm kiếm một giải pháp xuất bản luật tục bằng song ngữ Việt - Êđê. Cũng nhờ đó, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắc Lắc có trong tay một sưu tầm về luật tục Êđê của Y Chang. Lại cũng rất tiếc là mong muốn này đã đi vào quên lãng của Sở Giáo dục và Đào tạo ngót mười năm qua!

Được biết sưu tập nói trên là một tài liệu của Bộ Phát triển sắc tộc trong nhiệm kỳ Nguyễn Văn Thiệu (trước 1975) đã được nhân ra.

Từ năm 1993, Ngô Đức Thịnh và Chu Thái Sơn hợp tác với Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường tỉnh Đắc Lắc, đã tổ chức việc bổ sung và biên soạn lại Bộ Luật tục Êđê. Bản Luật tục in lần này chủ yếu là kết quả của công trình hợp tác ấy.

Già Nguyễn Hữu Thấu - Nhà Tây Nguyên học - cho đến nay, vẫn là dịch giả duy nhất của Luật tục Êđê qua hai ngữ Êđê và Pháp để chuyển qua tiếng phổ thông. Bản dịch được giới thiệu sau đây, mặc dù còn chưa thoả mãn; lại vẫn có những khó khăn về thời hạn giao nộp sản phẩm thêm những khó khăn về sức khoẻ - đang ở vào cái tuổi của già làng Y Bnul đã quá vãng... dẫu vậy, dịch phẩm lần này được bổ sung, chỉnh lý không ít so với sưu tập của L. Sabatier và dịch phẩm Pháp văn của D. Antomarchi ở nửa đầu thế kỷ. Phải nói rằng, trong số những luật tục của Tây Nguyên, mà cho tới nay chúng ta biết đến, như luật tục của người Bana, Xơđăng, Giarai ở Bắc Tây Nguyên, Mnông ở Trung Tây Nguyên, Xtiêng ở miền Đông Nam Bộ..., thì luật tục của người Êđê ở Đắc Lắc là được sưu tập đầy đủ hơn cả; cũng là luật tục điển hình cho những tộc người tồn tại chế độ gia đình mẫu hệ, làm nông nghiệp rẫy, ở rừng, phát triển trong giai đoạn tiền nhà nước.

Trong khi biên tập, tôi giữ lại một số chú thích cần thiết của những người nghiên cứu trước với mục đích làm rõ thêm sự vận hành của xã hội Êđê hồi đầu thế kỷ. Cũng cần lưu ý với bạn đọc là, có vài điều do các quan cai trị người Pháp thêm vào. Để thấy rõ một dấu ấn lịch sử, tôi cũng không lược đi.

Cuối cùng, có thể nói, công trình này là kết quả của một chặng đường sưu tầm, nghiên cứu, dịch thuật, hiệu đính, chú thích và biên tập của hơn nửa thế kỷ qua, từ L.Sabatier đến ông Nguyễn Hữu Thấu - từ giữa nửa đầu thế kỷ đến gần cuối thế kỷ XX. Nếu không có những nỗ lực đáng kính vào lúc này của ông Nguyễn Hữu Thấu thì chưa biết đến bao giờ giới khoa học nhân văn ở nước ta mới có được dịch phẩm đáng tin cậy dưới đây từ bản gốc ngôn ngữ Êđê.

CHU THÁI SƠN

CHƯƠNG I

CÁC QUY ĐỊNH MỞ ĐẦU

1- VỀ CÁC HÌNH PHẠT

Kẻ nào như cái kổng hlông[1], như con càtòng cụt đuôi, kẻ ấy là một con người hay sinh sự.

Hắn thường thách cả cọp, đòi cao hơn cả thần linh, chống bằng cả lời của người tù trưởng.

Hắn như cái cán niết[2] mà không chịu để nắn thẳng, như cái cán chà gạc[3] mà không chịu để uốn cong, lời mạ cha dạy bảo, hắn không chịu nghe. Con chó mà háu ăn thì ném cho một quả cà [nóng]. Con người mà xấc láo thì lấy lời khuyên bảo, nếu không được thì phải trừng trị.

Thịt miếng nhỏ thì đựng bằng bù đài, thịt miếng lớn thì đựng bằng rổ rá. Chuyện nhỏ thì xử nhẹ, chuyện lớn thì xử nặng. Nếu là chuyện giữa những người bà con anh em thì cũng đều xét xử như vậy.

Nếu là chuyện nhỏ thì phạt tiền một aơng[4]; nếu là chuyện lớn thì phạt tiền một kõ[5]. Nếu là chuyện quá sức con người gánh không nổi không kham.

Thì như lợn gà để hiến sinh ắt phải mất mạng, trâu bò để hiến sinh ắt phải chết, kẻ gây ra chuyện nghiêm trọng cũng phải chịu mất mạng[6].

Lưỡi niết thì mài bằng đá ráp, lưỡi chà gạc thì mài bằng đá mịn sao cho thấu tình đạt lý.

---

1. Là cái cồng có tiếng to nhất trong bộ cồng [cồng không núm chiêng có núm].

2. Là cái cuốc rẫy cỏ của người Êđê, lưỡi dài và hẹp, cán thẳng và ngắn, lưỡi tra gần như vuông góc với cán.

3. Là cái rựa chặt cây của người Êđê, cán dài bằng tre, tận cùng bằng một mấu tre vuông góc với tay cầm, lưỡi dao được tra nghiêng vào với mấu tre đó.

4. Một đơn vị tiền tệ cổ bằng hiện vật (năm 1945, trị giá bằng một đồng bạc Đ.D) .

5 . Một đơn vị tiền tệ cổ bằng hiện vật, bằng 4 sông (Xem chú thích 4 cùng trang).

6. Nguyên văn: Jih asei, tuc asei. Có 3 mức độ khác nhau: ở tù chung thân; bị bán làm nô lệ; bị xử tử (treo cổ).

2. VỀ NHỮNG VỤ ĐÁNH NHAU VÌ GĂNG NHAU

Người thì đập như đập đầu cá rô, người thì đập như đập đầu cá trên chẳng ai hề biết xấu hổ.

Lưỡi niết thì mài bằng đá ráp, lưỡi chà gạc thì mài bằng đá màu [đá mịn]

Họ đều muốn giết lẫn nhau, thì không việc gì phải đưa ra xét xử.

3. LẤY CẮP, LẤY TRỘM MỘT PHẢI ĐỀN BA*

Hắn là một tên đầu trộm đuôi cướp, thò tay ra là để đánh cắp của cải của người ta.

Hắn rình rập lần mò trong đêm tối.

Hắn là kẻ không thịt ăn, không rau nấu, không thuốc hút, nên hắn làm như con lợn phàm ăn, con chó ăn vụng, vô cớ đánh cắp của người ta.

Nếu tóm được cổ hắn túm được tóc hắn, lấy được cái ống điếu của hắn thì cứ dẫn hắn đến cây đa đầu suối, cây sung đầu làng, đến người trông coi xóm làng.

Cây đa đầu suối sẽ luận giá [số của bị đánh cắp], bẻ que ghi giá, vụ việc như vậy là được giải quyết.

Con chó mà hám ăn thì ném cho một quả cà [nóng]. Con người mà táo tợn thì lấy lời khuyên bảo, nếu không được thì phải trừng trị.

Kẻ ăn cắp ăn trộm phải trả lại đủ giá [số của cải đã đánh cắp ăn trộm]. Ngoài ra phải chịu một khoản bồi thường hắn phải trả thêm

---

*. Chú thích: Xem luật Hittit của Hrozny: "Nếu một con bò, một con ngựa, một con la, một con lừa bị kẻ nào đó ăn trộm, thì người chủ sẽ bắt kẻ ăn trộm và lấy lại nguyên vẹn con vật mất, ngoài ra kẻ ăn trộm còn phải trả người chủ thêm hai lần" (tr.61).

"Nếu người nào đó bắt được đồ vật mà không đem trả, nếu người chủ đồ vật tìm thấy đồ vật thì kẻ đó phải trả lại gấp ba" (tr.95).

hai [tức] phải trả gấp ba, thêm một trước, một sau [số của cải đã đánh cắp].

Nếu người ta đã giết heo, giết gà cúng thần cầu tìm cho ra con đàn bà nào, thằng đàn ông nào là kẻ ăn trộm cắp, có trâu có bò thì kẻ chăn dắt đó là ai;

Thì hắn cũng phải trả lại, bồi thường đầy đủ cho người ta.

4. VỀ TANG CHỨNG

Nếu hắn là một con đàn bà thì phải biết rõ hắn là con nào.

Nếu hắn là một thằng đàn ông thì phải biết rõ hắn là thằng nào.

Nếu hắn là một con trâu bò, thì phải biết rõ ai là kẻ chăn dắt.

Phải tóm được chân hắn, phải nhìn tận mắt hắn, phải tôm cổ được hắn bằng giữ được cái gùi [hắn đeo], bằng nắm được cánh tay của hắn, phải nhận được mặt mũi hắn thật chắc chắn.

Khi con gà đã nắm được cẳng, đã khoá được cánh thì phải hô hoán to lên, để mọi người được biết.

Khăn áo, đao, chà gạc, các đồ vặt vãnh của hắn thì phải lấy cho được.

Khoanh một vòng dưới đất, khắc một dấu trên cột nhà [để làm dấu].

Nếu là rừng thì phải bẻ một nhánh cây, phải khắc một dấu vào cây rừng để cho rõ nơi nó đến [tức nơi xảy ra sự việc].

Phải có bốn năm người, vài ba người, khi sự việc xảy ra, tất cả đều đã nghe, mắt đều đã thấy.

Có như vậy, tang chứng mới thật là chắc chắn.

5. VỀ VIỆC ĐÒI XỬ LẠI MỘT VIỆC ĐÃ XÉT XỬ XONG TỪ LÂU*

Từ lâu lửa đã tắt, điếu thuốc đã tàn, khắp thung, khắp rừng đều đã đi qua hết. Câu chuyện trời long đất lở đã qua rồi, mọi điều xấu xa đen tối đã chấm dứt.

Chuyện hồi ấy cây tung vì bị đóng nọc mà phải chịu đau, cây blang vì bị đóng nọc mà phải chịu đau, là chuyện đã xử phải bồi thường rồi.

Thế mà bây giờ hắn làm ồn ào như cái hlong, hắn lại ngọ nguậy như con cà tong đuôi cụt, hắn lại khuấy câu chuyện lên.

Nói với người nghèo thì hắn làm bộ giữ tợn, nói với nhà giàu thì hắn tỏ ra xấc láo.

Hắn là kẻ dám thách thức cả cọp, đòi cao hơn cả thần, ăn nói hỗn hào. Vụ việc đã xử xong nay hắn lại đảo ngược phải trái.

Chuyện hồi ấy đã như ống điếu đã được nhồi thuốc rồi, miệng ống điếu đã được bít lại rồi. Sự việc đã xét xử xong xuôi thoả đáng, không còn một dấu vết nào, cả phân nước tiểu cũng đã khô.

Thế mà bây giờ tranh đã khô lại đòi tươi trở lại, rượu đã nhạt lại đòi ngọt trở lại. Câu chuyện đã kết thúc lại đòi được đặt lại.

Con cọp đang ngủ, hắn lay dậy, con gấu đang ngủ hắn dựng dậy, những lời nói xấu xa hắn lại nhắc đến một lần nữa.

Từ lâu, voi người ta xiềng, chiêng người ta đã treo, vụ án người ta đã giải quyết rồi. Giờ đây, miếng cơm nhai đã nhuyễn, [lưỡi] đòi lật lại, miếng xôi nhai đã nhuyễn, [lưỡi] còn đòi lật lại, hắn còn đòi xét lại những lời [đã phán quyết], đòi cái vòng đã đeo vào lại phải tháo ra.

Như vậy hắn là kẻ có tội, có việc phải đưa ra xét xử giữa người ta và hắn.

---

* Dịch theo bản *Klei duê bhiăn Êđê* của Y Chang xã Ea Tam, Buôn Ma Thuột (do Chu Thái Sơn cung cấp). Số đoạn giống nhau với bản của D.A nhưng được sắp xếp theo một trật tự hợp lý hơn.

6. VỀ TỘI VI PHẠM LỜI CAM KẾT

Kẻ ban đêm nói một đằng, ban ngày lại nói một nẻo, cứ quay lưng là đã nói khác đi rồi.

Đi củi, hắn quên đem theo nước. Đi rẫy, hắn quên đem theo niết, chà gạc. Hắn là kẻ thường làm thường hứa lung tung.

Miệng thì lia lịa, lời thì thao thao, nhưng việc gì hắn cũng làm qua quýt. Hắn ồn ào như cái kồng hlõng, luôn luôn ngọ nguậy như con càtong đuôi cụt. Hắn là một con người lắm chuyện.

Hắn bất chấp rào người ta ngăn, cây người ta chắn, bất chấp lời cam kết với người tù trưởng nhà giàu. Hắn là một con người xiên xẹo.

Hắn như quả cà luôn luôn biến dạng [khi người ta già], như cây le [từ xa tưởng còn thẳng nhưng thực ra đã dập nát].

Sáng sớm hắn là con chim bhi trống, giữa trưa hắn biến thành con khỉ mái. Đến khi vào thung, vào rừng, hắn lại biến thành một cái gì khác.

[Miệng hắn cứ] đồm độp như cây nứa nổ, quang quác như con chim phượng hoàng kêu. Hắn là một con người hay hứa quàng hứa hão.

Hắn như ngọn cỏ mà muốn vươn cao hơn cây lau. Như ong cong tranh mà muốn vươn cao hơn cây sậy, như con thú rừng muốn vượt qua cả lùm dây êjung.

Hắn là một con ngựa khoẻ nhưng không nhanh, là một con người mà không am hiểu gì nhiều.

Hắn bất chấp dấu báo có chông, hắn bất chấp rào ngăn có bẫy thì hắn phải sa vào bẫy. Hắn bất chấp lời người ta răn bảo thì hắn sẽ gây ra chuyện phải xét xử.

Hắn đã phá ngang những phán quyết của người tù trưởng nhà giàu. Hắn dã tháo bỏ cái vòng đồng mà hắn chấp nhận.

Như vậy hắn là kẻ có tội, có việc phải đưa hắn ra xét xử.

---

* Dịch theo bản *Klei duê bhiăn Êdê* của Y Chang xã Ea Tam. Buôn Ma Thuột do Chu Thái Sơn cung cấp và cùng một lý do với điều 5.

7. VỀ NHỮNG KẺ TÔI TỚ BỎ CHỦ ĐI MÀ KHÔNG NÓI TRƯỚC

Trước kia hắn đến xin ở làm đầy tớ trai đi vác nước, làm đầy tớ gái giúp việc trong nhà.

Hắn vốn là một người gan dạ, khoẻ mạnh, làm được những việc lớn, việc khó. Thế mà bây giờ ngày không ở trọ cho đến chiều, đêm không ở trọ cho đến sáng, làm cỏ phát rẫy thì uể oải, thời gian hắn ở chưa được bao lâu.

Hắn bỏ ra về một mình theo ý riêng của hắn, không hé miệng nói một lời với ai, không trình không báo với ai, chuyện hắn muốn ra về hắn không hề cho chủ biết.

Vậy hắn là kẻ có tội.

8. VỀ GIÚP ĐỠ KẺ CÓ TỘI*

Kẻ người ta không đi được thì hắn cõng, người ta không ăn được thì hắn mớm, người không biết gì thì hắn nói cho biết.

Người ta đói cơm thì hắn đem cho, khát nước thì hắn gùi tới, người ta không biết đường đi lối lại thì hắn chỉ giùm.

Hắn cho ngựa thì cho cả roi. Người ta không biết chuyện gì thì hắn nói cho biết.

Hắn đi cùng đi bước cùng bước, nói cùng nói [với người có tội].

Vì vậy hắn cũng là có tội

9. VỀ A DUA, TÒNG PHẠM

Hắn tin ở lời phán của thầy bói, lời truyền của thầy phù thuỷ. Khi có chuyện người ta kể cho nghe thì hắn làm như ma ác quỷ dữ nhảy xổ vào, coi đó là việc của hắn.

---

* Điều này với điều 12 ở dưới đây hoàn toàn giống nhau về nội dung và lời văn tiếng Êđê nên điều 12 chúng tôi không lặp lại nữa (CTS).

Hắn là kẻ thèm mắm, thèm cá, lúc nào cũng muốn mở miệng nói mà không có lí do.

Hắn là kẻ người ta không đi được thì hắn cõng, người ta không ăn được thì hắn mớm, người ta không biết gì thì hắn nói cho biết.

Hắn là kẻ có tội, phải đưa hắn ra xét xử.

10. VỀ NHỮNG KẺ TÒNG PHẠM VỚI BỌN CÓ TỘI

Hắn tin ở lời thầy bói, tin ở lời truyền của thầy phù thuỷ, khi có chuyện người ta kể cho nghe thì hắn làm như ma ác quỷ dữ nhẩy xổ vào, coi đó là việc của hắn.

Hắn là kẻ thèm nấm, thèm cá, lúc nào cũng mở miệng nói ra mà không có lí do.

Cái nhọt đã xẹp xuống, hắn lại làm cho mưng mủ lên, cơm đã nguội hắn lại đem hâm nóng lại. Người ta là một con người nhát gan, hắn kích lên thành một con người táo tợn.

Người ta không đi được thì hắn cõng đi, người ta không ăn được thì hắn mớm cho. Người không biết gì cả thì hắn nói cho biết.

Cây le không nhọn thì hắn vót nhọn bằng dao, nếu vẫn chưa nhọn thì hắn nhọn bằng đao, bằng kiếm. Câu chuyện nhỏ hắn xé ra to.

Như vậy, hắn là kẻ có tội, có việc phải đưa ra xét xử giữa người ta với hắn.

11. VỀ GIẤU GIẾM CÁC VỤ PHẠM TỘI NGHIÊM TRỌNG, KHÔNG BÁO CHO THỦ LĨNH BIẾT

Kẻ ăn giấu uống giếm, tìm cách bưng bít sự việc.

Kẻ ăn cơm trong buồng, ăn gà trong bụi, dao... trong nhà. Chuyện xiên xẹo xấu xa kẻ khác làm, hắn có nghe, nhưng không hé miệng nói ra làm cho người ta biết. Hắn không đem câu chuyện báo cáo với người thủ lĩnh lớn.

Hắn đứng về phía người ngoài làng, không đứng về phía người trong làng. Hắn đi theo kẻ lạ người dưng.

Cơm hắn núp ăn dưới lá, nước hắn núp uống dưới rổ rá thúng mủng. Sự việc trôi qua hắn để trôi qua lặng lẽ.

Hắn nghe ở bìa rừng ven làng có tiếng gió reo, bờ hàng rào làng có tiếng sấm rền. Hắn nghe đồn rằng ở làng tây xóm đông có người phạm tội nghiêm trọng, có chuyện tầy đình mà hắn không báo cáo.

Hắn biết tận mắt kẻ phạm tội, đã nhìn thẳng vào mắt tên này. Tiếng tên này nói hắn nhận ra ngay, mùi riêng của tên này hắn ngửi thấy ngay. Miệng tên này nói ra điều gì, tai hắn nghe hiểu cả. Hắn đã cùng tên này đứng nhìn, đứng nghe. Thế mà hắn không về báo cho người thủ lĩnh.

Hắn là kẻ chân đứng trong làng nhưng mông để ngoài làng, là kẻ tuốt dao, tuốt gươm giữa sân làng. Hắn ganh ghét với dân làng, nên tiếng trống kêu to, hắn làm cho kêu nhỏ đi, xóm làng đông đúc, hắn làm trở thành thưa thớt. Hắn là kẻ đã làm cho xóm làng của người tù trưởng nhà giàu vợi dần dần.

13. VỀ TỘI CHỨA CHẤP NGƯỜI LẠ, HOẶC NÔ LỆ HAY TÙ NHÂN CỦA NGƯỜI KHÁC

Kẻ là cây đa đầu suối, cây sung đầu làng, là người trông coi dân làng.

Lẽ ra trước khi cho [kẻ có tội] cơm ăn nước uống thì phải trói, phải cột nó lại chắc đã.

Lẽ ra khi có chuyện này chuyện nọ xảy ra thì phải không được giấu giếm, ngậm miệng giữ kín, không được che giấu bọn người lạ mặt, bọn nô lệ và tù nhân là những kẻ đã trốn thoát khỏi gông cùm, những tên vốn gốc từ xa đến được phải mất nhiều ngày đường.

Bọn này là những kẻ khác rẫy khác rừng.

Thế mà lại cho chúng nương náu ngày đêm, cả khách là người Kinh cũng không dò hỏi.

Biết đâu đó là khách đến thăm viếng, là khách đi săn, là khách đến bán bó thuốc, gói muối, nắm men, thỏi thép?

Biết đâu đó là khách quý có việc gì bàn với tù trưởng nhà giàu và đến chào hỏi thăm viếng?

Hay biết đâu đó là những tên nô lệ chăn lợn, nhốt gà cho ai đó?

Là người đầu làng mà không biết lột vỏ cây knot, không biết tách sợi chỉ gai. Không biết trải khố áo ra cho tù trưởng nhà giàu. Lại chưa gì đã cơm đem ra rẫy, nước đem ra bìa rừng [cho kẻ lạ] gùi cơm gùi nước đem đút giấu trong bụi bờ.

Cơm cho ăn, nước cho uống đó đều nấu lén nấu trộm, để [kẻ lạ] được yên thân sống trong làng.

Như vậy người đầu làng đó đã cướp nô lệ của nhà giàu, chiếm tôi tớ của tù trưởng, giành lấy người của người anh em.

Vì vậy, ông ta là kẻ có tội, có việc nghiêm trọng phải đưa ra xét xử giữa người khác và ông ta.

14. VỀ NUÔI NGƯỜI PHẠM TỘI MÀ KHÔNG HỎI XEM HẮN LÀ AI, TỪ ĐÂU ĐẾN VÀ SẼ ĐI ĐÂU

Hắn là kẻ hễ thấy con lợn [nào đó] có lợi cho hắn là hắn cho ăn ngay, hễ thấy con chó [nào đó] có lợi cho hắn là hắn cho ăn ngay, hễ thấy con người nào đó có lợi cho hắn là hắn nhận nuôi cho ăn ngay.

Tội của hắn là khi có một người đàn ông [nào đó] đến nhà, hắn không chất vấn, khi có người đàn bà đến nhà hắn không hỏi kĩ, khi có một thằng con trai [hoặc] một đứa con gái [nào đó] đến nhà hắn không hỏi rõ [họ là ai].

Thấy ngựa của người ta, trâu của người ta có lợi cho hắn là hắn cột ngay, thấy nô lệ của người ta bỏ trốn có lợi cho hắn là hắn giữ lại nuôi ngay.

Tội của hắn là cơm cho ăn, hắn đã nấu lén, rau cho ăn hắn đã nấu trốn, hắn đã cho bọn chúng ăn lén ăn lút, hắn cho bọn chúng ở tại nhà hắn.

Tội của hắn là tối đến hắn mới giã gạo, là hễ thấy bọn con trai con gái là nhận nuôi ngay.

Thịt tươi cá sống, cá *kpung*, cá *khuah*, hắn đều nuốt chửng tất. Nô lệ của tù trưởng nhà giàu mà hắn không quen biết nhưng vẫn có lợi cho hắn là hắn nhận nuôi ngay.

Như vậy hắn là kẻ có tội, có việc phải đưa ra xét xử giữa người ta với hắn.

15. VỀ BẮT PHẠT KHI VỤ VIỆC CHƯA XÉT XỬ XONG

Vụ việc vẫn còn như một cái chăn sờn chiếu cũ chưa phải để đem bỏ đi, như một căn bệnh thầy phù thuỷ người bà mẹ còn chưa chuẩn đoán xong.

Thế mà chưa gì hắn đã gầm lên như sấm, chồm lên như cọp. Nhưng hắn giữ kín như bưng không khác cái áo quan đã bịt, không khác con thuyền gỗ đã bít [các kẽ hở].

Vụ việc thì vẫn còn như con người chưa nhìn thấy được tận mắt như đám rẫy chưa phát hết, đến chốn đến nơi.

Thế mà hắn đã [âm mưu] đem bán bùa mê thuốc độc, gieo rắc bệnh hoạn [cho người ta].

Trong vụ việc còn chưa tính xong giá của vụ việc, việc bàn cãi về vụ việc còn chưa kết thúc.

Thì chưa gì hắn đã dăng dây ra, lấy dây trói người ta, chưa gì hắn đã cướp đoạt ngựa roi của người ta.

Hắn vốn thèm những con ngựa đẹp voi hay, thèm những con voi nổi tiếng có tiếng rống khanh khách của người ta.

Không một người đàn bà nào đã xui hắn [làm như vậy], không một người đàn ông nào đã xui hắn [làm như vậy]. Hắn đã hành động hoàn toàn theo ý riêng của hắn.

Vì vậy cho nên hắn đã bị tất cả các ông chồng chê, tất cả các bà vợ trách. Vì vậy cho nên người tù trưởng nhà giàu đã xét đây là vụ án lớn.

Hắn phải đền cho người ta một lợn thiến, một ché bô và một khoản bồi thường giá sáu *kô*.

16. VỀ KẺ VÔ CỚ BẮT TRÓI NGƯỜI TA

Hắn là kẻ vô cớ bắt người ta mà trói, mà xiềng mà bắt người ta phải chịu gông cùm.

Hắn muốn có khiên là hắn khiến voi đi cướp, hắn muốn có voi là hắn sai người đi giật lấy của người ta. Hắn muốn trở thành một tù trưởng nhà giàu nên bắt trói người ta.

Hắn nhào vào mà giật, chồm lên mà vồ.

Hắn trồng thuốc độc để gây rối trong làng, để làm loạn trong nhà người ta đang sống yên lành, hắn tìm cớ xiềng, trói người ta.

Nếu hắn đã có vụ kiện cáo đã cũ từ xưa, cũ như củ khoai đã rỗng mất ruột, thì hắn hãy đến hỏi cây đa đầu suối, cây sung đầu làng, hỏi người trông nom dân làng.

Nếu hắn có món nợ muốn đòi thì đòi đi đã, nếu xảy ra việc gì thì hắn hãy tìm người đầu làng hỏi đã.

Sao hắn lại làm như ngọn cỏ mà muốn cao hơn cây lau, cọng tranh mà muốn cao hơn cây sậy, thú rừng mà muốn vượt cả lùm êjung?

Ngôi nhà dài hắn không vào, túp lều ngắn hắn cũng chỉ đi qua bên ngoài, hắn chê cả ngôi nhà ở đó người ta vẫn ăn bò ăn trâu.

Vậy thì có việc phải đưa hắn ra xét xử.

17. VỀ CÁC VỤ BỊA ĐẶT, VU CÁO

Hắn bịa chuyện vu khống cả kẻ sang người giàu.

Hắn nói họ như một cây gạo đã rỗng ruột, như một cái cối đã thủng đáy trong khi chẳng có tí gì như vậy cả.

Có những chàng trai trong làng, những cô gái ngây thơ, những người Mnông, người Boih chất phác thực thà, đã bị hắn đổ cho là đã đi vào bụi vào bờ [lén lút] ăn thịt bò thịt trâu [đã đánh cắp]. Hắn trèo lên cây êya (?) cây pah (?) lớn tiếng vu cáo người tù trưởng nhà giàu mà không có chút căn cứ. Họng hắn như họng con hoẵng, miệng hắn như miệng con rắn. Mồm hắn hễ hà ra là để nói tầm bậy tầm bạ.

Hắn nói ngựa ăn lúa, sao hắn không lắc cây báo động, hắn nói trâu ăn lúa, sao hắn không báo trình. Có bao nhiêu là người, mà nào có ai nghe được.

Người ta là người chàng trai cô gái trong trắng, trong trắng như hạt gạo mới giã, sáng như đoá hoa êpang, như ánh sáng mặt trời (?)

Còn hắn thì như con cọp vồ trượt mồi, như con hoẵng hất mõm vào chỗ trống không, như người nhà giàu bị thua kiện (?)

Hắn là con người ma, dạy chẳng nghe, cha bảo không vâng, hắn cầm cây sáo wưt thổi đến tàn hơi.

Hắn bị lửa cuốn lấy đùi, nước cuốn lấy chân. Hắn đã gây sự giữa ban ngày ban mặt thì gậy ông lại đập lưng ông.

Vì vậy có việc phải đưa ra xét xử giữa người ta và hắn.

Con lợn để hiến sinh thì phải chết, con trâu để hiến sinh thì phải chết, kẻ sinh chuyện sẽ phải mất mạng.

Hắn sẽ không còn được ai ngó ngàng, chăm sóc nữa.

Hắn là con đàn bà sinh sự, là thằng đàn ông đã gây chuyện.

Nếu hắn bịa chuyện nhỏ, thì hắn sẽ bồi thường nhỏ. Nếu hắn bịa chuyện lớn thì hắn phải bồi thường to.

18. VỀ NHỮNG KẺ BỊA ĐẶT, VU CÁO NGƯỜI KHÁC

Hắn bịa chuyện vu khống cả kẻ sang người giàu.

Hắn muốn làm cho người ta thấy họ đã ăn thịt bò, thịt trâu, họ sẽ đi vào con đường ra nghĩa địa.

Miệng hắn nói ra những lời dối trá, mồm hắn phun ra những lời độc địa, bẻ cong bẻ queo các cán rìu, cán chà gạc.

Khi cuốc cỏ, hắn làm lòng vòng, khi phát cây hắn làm lèo vèo, hắn muốn vơ lấy cả các cành cây lẫn các khúc cây đã chặt hạ xuống.

Kẻ đem cái gùi, cái sọt ném ra xa rồi lại tố cáo sai những người khác nhằm làm hại họ[1].

Như vậy là có việc phải đưa ra xét xử giữ người ta và hắn.

Nếu sau này hắn nói rằng người ta đã đóng nọc vào cây tũng mà không làm tổn thương đến cây tũng, đã đóng cọc vào cây blang mà không làm tổn thương cây blang, người ta xét xử hắn không đúng, thì phải nói với hắn rằng cái lí, cái đúng hoàn toàn thuộc về người ta.

Nếu sau này hắn lại nói rằng hắn là kẻ ngu si không người dạy bảo, là kẻ điếc lác không ai chỉ vẽ cho.

Thì phải nói cho hắn hiểu rằng hắn là kẻ đã bất chấp dấu báo có bẫy, đã bất chấp cây đặt chắn đường, bất chấp lời chỉ bảo của người tù trưởng nhà giàu.

Và như vậy vẫn có việc phải đưa ra xét xử giữa người ta và hắn.

---

1. Câu này dịch bản còn bỏ trống nên lấy lại theo dịch bản cũ đã chỉnh lý lần thứ II (Xem lời giới thiệu - CTS).

19. VỀ NHỮNG KẺ DỐI TRÁ

Kẻ đêm nói một đằng, ngày nói một nẻo, hễ quay lưng đi là đã nói khác đi rồi.

Kẻ ồn ào như cái cồng klông, luôn luôn ngọ nguội như con cà tong cụt đuôi, kẻ hay sinh chuyện.

Kẻ như quả cà, quả ớt cứ quay đi quay lại, cứ lật xấp lật ngửa [trong nồi, lúc nước đang sôi].

Kẻ ăn trộm, ăn cắp, hễ thò tay ra [là lấy của người ta].

Những kẻ đó là có việc phải đưa ra xét xử.

20. VỀ NHỮNG KẺ LỪA ĐẢO

Hắn là kẻ biến mủ cây đa thành mủ cây sung, biến voi cái thành voi đực, biến người này thành người kia.

Nghe hắn nói cứ như nghe nứa nổ lốp bốp [khi cháy trong rừng] như nghe phượng hoàng đất oang oác gọi nhau.

[Nhà hắn], ở phía tây chỉ thấy một cái ghế để ngồi, ở phía đông chỉ thấy có một cái sọt để bát [còn người thì chỉ] chơ vơ một vợ một chồng.

Nhìn lên trên các cây quá giang thì chỉ thấy có trời sao, nhìn xuống dưới các cây xà ngang thì chỉ thấy có cứt lợn [trong nhà] chỉ thấy có một vợ một chồng nằm ngủ.

Hắn vốn là kẻ lười biếng chòi không làm, rẫy không phát, không siêng năng trong việc rẫy việc nhà.

Vì vậy hắn là thằng đàn ông hay nói bậy bạ, là con đàn bà hay nói lăng nhăng, hắn hay gây chuyện với người ta.

Như vậy là có việc phải đưa ra xét xử.

21. VỀ TỘI NGUYỀN RỦA VÀ LĂNG MẠ NGƯỜI KHÁC

Kẻ miệng như miệng hoẵng, miệng rắn, hễ há miệng ra là nói với người ta những điều chẳng ra gì.

Hắn chửi bới, lăng mạ cả kẻ sang người giàu. Hắn ngứa mồm ngứa miệng như ăn phải củ năn, củ môn ngứa.

Nghe hắn nói cứ như nghe nứa nổ lốp bốp [khi cháy rừng] cứ như phượng hoàng đất oang oác gọi nhau. Hễ muốn nói là há miệng nói tầm bậy tầm bạ.

Hắn vô cớ chửi mắng mẹ [người ta], [doạ] chém cho cụt tay cụt chân, hắn văng tục văng tĩu thoá mạ người ta mà không có lý do.

Vì vậy có việc phải đưa ra xét xử giữa người ta và hắn.

Nếu người ta bị hắn lăng mạ là một nhà nghèo thì hắn phải hiến sinh cho người ta một con lợn giá 1 *sõng*.

Nếu người ta bị lăng mạ là một nhà giàu thì hắn phải hiến sinh cho người ta một con lợn giá 1 *kõ*.

22. VỀ TỘI LĂNG MẠ, CHỬI BỚI NGƯỜI KHÁC

Kẻ chửi cha mắng mẹ, [doạ] chém cụt tay cụt chân, văng tục văng tĩu thoá mạ người khác.

Phải chăng có chuyện cái niết bị mẻ hòn đá đánh lửa bị vỡ?

Phải chăng có chuyện sai trái gì khiến hắn đã nổi nóng, chửi bới như vậy. Có chuyện gì đã xảy ra mà bụng hắn tức, chân hắn khuỳnh ra, mắt hắn nhìn [trừng trừng] như vậy?

Hắn chửi người ta quá quắt, quá đỗi thì tội hắn cũng nặng thêm.

Thử hỏi đâu là chỗ hắn bị tổn thương, đâu là chỗ hắn xót xa đau đớn, vì lí do gì mà hắn đã nổi khùng.

Nếu hắn đã lăng mạ mẹ người nghèo, hắn sẽ phải hiến sinh một lợn giá một sõng.

Nếu hắn đã lăng mạ mẹ một nhà giàu, hắn sẽ phải hiến sinh một trâu.

Nếu hắn đã lăng mạ cha mẹ một tù trưởng lớn [nguyên văn: cha mẹ vua, hoàng hậu] thì hắn sẽ phải đền bằng nô lệ và voi.

23. VỀ VI PHẠM TẬP QUÁN*

Hằng năm, khi mùa khô đã đến, lúa đã tuốt xong, theo tập quán người tù trưởng nhà giàu phải mở hội làm lễ ăn uống đông vui, giết trâu giết lợn hiến sinh cho trời đất.

Vì vậy, nhà nhà nong nia rổ rá phải sẵn sàng, người người phải đông đủ ở ngày lễ đó.

Tất cả bà con dân làng, tất cả những anh em con cháu, tất cả những người từ đằng này đến đằng kia, tất cả hãy đến với người tù trưởng nhà giàu.

Ai có con cháu thì phải dạy hết cho chúng biết có lễ hội đó.

Cả con cháu của tù trưởng nhà giàu cũng phải được nhắc nhở là có tập quán đó.

Những kẻ nào không nhanh chân nhẹ gót đến lễ hội này là có tội, Nhà nước sẽ xét xử chúng.

---

* Chú thích D.A: Điều này có liên quan chủ yếu đến ngày lễ hàng năm gọi là "Lễ tuyên thệ" (trung thành với chính quyền Pháp). Pháp đặt ra từ ngày 1-1-1926 ở Đắc Lắc. Như vậy, đây là một tập quán mới, phải làm cho dân làng và các thủ lĩnh biết rõ.

CHƯƠNG II

VỀ CÁC TỘI XÚC PHẠM ĐẾN NGƯỜI ĐẦU LÀNG

24. VỀ TỘI KHÔNG NGHE LỜI NGƯỜI THỦ LĨNH

Kẻ dạy không nghe, bảo không vâng, tưởng mình mạnh hơn cả cọp, lớn hơn cả thần linh, hễ mở miệng là bướng, nói hỗn.

Kẻ không nghe những lời người ta dạy, không vâng những lời người ta khuyên, cứ hành động như một người điên người dại.

Kẻ ưng sống trong rừng le, rừng lồ ô, chung sống như các con thú rừng, những kẻ đó người ta nẹt chúng như trị con chó ăn vụng bằng cho ăn cà nóng, như trị những tên xấu xa, những kẻ láo xược [với người thủ lĩnh].

25. VỀ TỘI BẤT TUÂN NGƯỜI THỦ LĨNH

Chúng là những kẻ thủ lĩnh dạy không nghe, bảo không vâng. Đối với chúng, các lời răn dạy của các huấn ca từ xưa để lại không có ý nghĩa.

Nếu con lợn để hiến sinh phải chết, nếu con trâu để hiến sinh phải chết thì chúng cũng sẽ mất mạng, nếu chúng gây ra chuyện này chuyện nọ.

Nếu cha mẹ chúng có của thì họ lấy của đó đem bồi thường.

Còn nếu họ không có của thì lấy cái cối thủng, cái chày cùn mà liệng vào người chúng. Trường hợp sự việc chúng gây ra là nghiêm trọng thì chúng phải chịu mất mạng.

Con đàn bà nào không chịu vâng lời, thằng đàn ông nào không chịu vâng lệnh, những đứa nào không ưa lời dạy bảo của người thủ

lĩnh cũng như không nghe những lời dạy bảo của cha mẹ chúng, thì chúng đều là những kẻ có tội, có việc phải đưa ra xét xử giữa người ta và chúng.

26. VỀ TỘI VƯỢT MẶT NGƯỜI THỦ LĨNH

Hắn là kẻ có cây đa đầu suối mà không hỏi cây đa đầu suối, có cây sung đầu làng mà không hỏi cây sung đầu làng, có mẹ có cha mà không hỏi mẹ cha.

Hắn làm như lửa cháy vượt khe, như nước chảy tràn đê, hắn bất chấp những lời nói của người thủ lĩnh nhà giàu.

Hắn như con cà tong lúng túng trong rừng cây với đôi sừng, một mình đứng giậm chân tại chỗ.

Hắn cầm trong tay một con mèo mướp, lại giắt trong khố một con mèo đen và chọc cho hai con mèo cắn lẫn nhau.

Hắn là kẻ gặp vũng nước là nhảy qua, gặp sông gặp suối là vọt qua, hắn bất chấp những lời nói của người tù trưởng nhà giàu.

Hắn bất chấp dấu báo có bẫy, bất chấp cây rào chắn đường, bất chấp lời khuyên răn của người thủ lĩnh.

Hắn là một kẻ hay sinh chuyện, luôn luôn ngọ nguậy như con ngựa lưng bị thương, như con cà tong đuôi cụt.

Hắn như con sông tràn bờ, như hung thần gây ra ôn dịch, hắn gây ra những sự việc làm chính hắn sẽ mất mạng.

Hắn như con lợn để hiến sinh phải chết, như con trâu để hiến sinh phải chết, hắn đã gây chuyện thì hắn sẽ mất mạng vì những chuyện hắn đã gây ra.

27. VỀ TỘI KHÔNG HỎI Ý KIẾN MẸ CHA, Ý KIẾN NGƯỜI THỦ LĨNH

Có cây đa thì phải hỏi cây đa, có cây sung thì phải hỏi cây sung, có cha mẹ thì phải hỏi cha mẹ.

Kẻ như lưỡi dao lại muốn dày hơn sống dao, là một trẻ nít lại muốn to hơn người lớn, có mẹ có cha mà không hỏi mẹ cha.

Có cây đa đầu suối, có cây sung đầu làng, người trông nom dân làng mà không hỏi.

Hắn đi rừng lấy củi mà không hỏi cha, đi suối lấy nước mà chẳng nói với mẹ, bàn cái này mua cái nọ mà không hỏi các ông già bà cả.

Như vậy là có chuyện sai lầm phải đưa ra xét xử.

28. VỀ VIỆC BẦU NGƯỜI ĐẦU LÀNG*

Hãy nhen lửa lên, triệu tập tất cả dân làng, hãy mời tất cả những người anh em con cháu, tất cả các bà mẹ ông cha, tất cả những người ông người bà, cả những mẹ goá, con côi. Hãy mời tất về đây ở giữa làng.

Hãy trên dưới cùng bàn bạc. Chị em anh em cùng trao đổi, ai ai cũng phải được hỏi ý kiến.

Ai là người trông đằng trước cũng ưng, nhìn đằng sau cũng ưng, xứng đáng làm cây đa đầu suối, cây sung đầu làng, xứng đáng làm kẻ trông nom những người anh em con cháu dân làng [về điều đó]

* Chú thích D.A. Khi người đầu làng chết thì rể ông ta, hay người nòi [nuê] của ông ta đến làm chồng kế, hay một người bạn đồng hao của ông ta sẽ là người thừa kế chức vụ của ông ta. Nếu người nòi còn quá bé thì người đàn ông lớn tuổi nhất trong nhà có nhiệm vụ giúp đỡ anh ta trong công việc của người làng.

Vì vậy khi không có người thừa kế tự nhiên mới phải chọn người đầu làng mới khác.

người người phải nói ý kiến của mình, không ai lại đem đôi đũa cả (?) đi giấu; không ai được bịt kín suy nghĩ của mình về việc hệ trọng này[1].

29. VỀ NHỮNG KẺ GIẢI QUYẾT CÁC VỤ VIỆC KHÔNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA MÌNH

Kẻ thèm ăn nấm, ăn quả, miệng luôn luôn ngứa ngáy như ăn phải củ môn, của năn.

Kẻ không chịu thừa nhận núi nào là núi không có ngọn, làng nào là làng không có tù trưởng của riêng mình.

Kẻ mưu toan lấy lời của người phù thuỷ, của người bói sãi cây buộc người khác phải nghe.

Kẻ rắp tâm mượn tiếng của thần, mượn oai của quỷ để giải quyết những vụ việc không thuộc thẩm quyền của mình, những kẻ đó là có tội và có việc phải đưa hắn ra xét xử. Điều này có liên quan đến các trường hợp thẩm quyền.

30. VỀ NHỮNG KẺ KHÔNG NGHE LỜI RĂN ĐE CỦA THỦ LĨNH

Là ngọn cỏ cọng tranh mà hắn đòi cao hơn cây lau cây sậy, là con thú rừng mà hắn đòi vọt qua lùm cây êjung.

Hắn dám thách cả cọp, đòi cao hơn cả thần: hễ mở miệng ra là nói những lời hỗn xược, những lời người tù trưởng nhà giàu dạy bảo hắn, hắn không nghe.

---

1. Câu này phỏng theo bản dịch đã chỉnh lý lần II (vì câu cụt - CTS).

Nếu vậy thì con chó háu ăn phải trị bằng cho ăn cà nóng, kẻ ngỗ ngược ngang bướng cũng phải được trừng trị.

31. VỀ TỘI ĐÚT LÓT ĐỂ ĐƯỢC BAO CHE

Hắn là mụ đàn bà đang có chuyện, là thằng đàn ông đang có việc, cho nên hắn đến tìm chỗ tựa ở người tù trưởng nhà giàu.

Hắn đến trao vòng và quà biếu xén cho người là cây đa đầu suối, kẻo ông ta đứng về phía người ngoài làng, không đứng về phía người trong làng, kẻo ông ta đứng về phía những người dưng xa lạ.

Hắn sợ rằng ông ta sẽ bỏ gà bênh cáo, có những phán quyết có lợi cho người khác.

Hắn muốn ông ta nói những lời lẽ có lợi cho hắn, nói sao cho ngay thẳng, cho tốt đẹp cho hắn ta.

Hắn không có chân, hắn mượn chân của thỏ, hắn không có sức mạnh của cọp, hắn không có miệng, hắn mượn miệng của người tù trưởng nhà giàu.

Chân hắn không bước được thì hắn đi bằng voi, chân hắn không chạy được thì hắn chạy bằng ngựa. Hắn như một đứa trẻ thơ nghèo đói khổ cực tìm đến người tù trưởng nhà giàu để có nơi nương tựa, để được người tù trưởng nhà giàu ôm ấp như ôm ấp con, tắm rửa như tắm rửa con, để được ông ta chăm nom nuôi nấng sung sướng.

Vì vậy cho nên hắn đã đem tiền của đút lót ông ta.

Như cây cà chích, cây êrăng, phải mọc rễ [để bám vào đất], hắn đã biến ông ta thành cha thành mẹ của hắn.

Đi gùi nước từ suối về thì phải có chỗ tựa lưng nơi vách núi, muốn đắp bờ ngăn nước, thì phải có những hòn đá tảng, đá hộc, muốn đi kiện phải có chỗ tựa nơi người giàu có đầu làng.

Hắn làm như vậy là có chuyện phải đưa ra xét xử giữa người ta và hắn.

32. VỀ TỘI VU CÁO NGƯỜI THỦ LĨNH NHẰM ĐỔ TỘI CHO ÔNG TA

Là kẻ được thủ lĩnh đầu làng chăm ẵm như chăm ẵm em, tắm rửa như tắm rửa con, chăm nom nuôi nấng cho sung sướng.

Là kẻ được thủ lĩnh đầu làng săn sóc như săn sóc cái giường nằm, giữ gìn như giữ gìn cái ghế dài ngồi đánh cồng chiêng, giữ gìn cái ghế đẩu để ngồi chơi, cưu mang lo lắng như chính đối với vợ con mình.

Thế mà như con rựa sắc, cái cuốc bén, hắn lại quay lại phản mẹ cha.

Chiêng từ trong hầm hắn lôi ra, la từ trong hầm hắn lấy lên, hắn ghen tuông muốn làm hại anh em hắn trong nhà.

Như ngọn tre đung đưa trước gió, như hòn núc di động nay đó mai đây, hắn lang thang lêu lổng khắp đông tây.

Hắn không có mặt, hắn đi lấy mật của con trăn, hắn không có mặt hắn đi lấy mật của con rắn, hắn phao tin này tin nọ về người tù trưởng nhà giàu.

Hắn chọn đem biếu ông ta miếng thịt thăn thịt vai, tán tỉnh ông ta bằng những lời ngon ngọt.

[Nhưng] như con cọp dựng cái tai lên chộp mồi, như con chồn xù bộ lông ra khi chộp gà, hắn đã cáo giác người ta mà không có căn cứ.

Cây le đang tươi hắn làm cho nó khô héo đi, cây lồ ô đang nguyên vẹn, hắn làm cho gẫy nát. Hắn vô cớ buộc tội người tù trưởng nhà giàu.

Bởi vậy, có việc nghiêm trọng phải đưa hắn ra xét xử.

Như con lợn hiến sinh phải chết, như con trâu để hiến sinh phải chết, hắn đã gây tội thì hắn sẽ mất mạng.

33. VỀ TỘI BỎ LÀNG ĐI MÀ KHÔNG BÁO CHO NGƯỜI ĐẦU LÀNG BIẾT

Kẻ ra đi sống ở làng tây xóm đông mà không hề mở miệng nói cho cây đa đầu suối, cây sung đầu làng, không nói cho người trông nom dân làng, anh em con cháu biết.

Kẻ bất chấp các dấu cấm đường, không tuân lời người tù trưởng nhà giàu đầu làng.

Kẻ xem thường người đầu làng, khinh người đầu làng như khinh con chó, không thừa nhận quyền lực của người đầu làng, trong khi ông ta chưa bao giờ làm hại hắn, chưa bao giờ làm hắn phải lo ngại, chưa bao giờ khiển trách, hiếp đáp hắn. Những kẻ như vậy là có việc phải đem ra xét xử.

34. KẺ BỎ LÀNG ĐI, LẠI KÉO THEO DÂN LÀNG MÀ KHÔNG BÁO CHO NGƯỜI ĐẦU LÀNG BIẾT

Hắn là kẻ bễ không có hơi thì hắn thụt, chuột không chui ra thì hắn thọng, hươu nai heo rừng [đang sống yên ổn] thì hắn làm cho bỏ chạy tứ tung [?]. Hắn là một con người đảo điên xiên xẹo.

Vì vậy, hắn đã nhặt để gánh đi, hắn đã ngoặm để tha đi, lột trần xóm làng lôi đi hết dân.

Người ta không đi được thì hắn cõng, người ta không ăn được thì hắn mớm, người ta không hiểu biết gì thì hắn chỉ vẽ cho.

Hắn là kẻ gặp vũng nước là nhảy qua, gặp sông gặp suối là vọt qua, hắn bất chấp những lời khuyên răn của người tù trưởng nhà giàu.

Như vậy là có việc phải đưa ra xét xử.

35. VỀ NHỮNG DÂN LÀNG HÀNH HUNG NGƯỜI ĐẦU LÀNG VÌ ÔNG TA CAN NGĂN HỌ, KHÔNG CHO XÉT XỬ VỤ VIỆC CỦA NGƯỜI KHÁC

Kẻ ngực căng lên vì tức, họng thắt lại vì giận, kẻ nổi tức nổi giận dễ dàng.

Kẻ thiếu kiên nhẫn, không làm chủ được hành vi của mình, không còn biết đâu là phải là trái.

Kẻ thấy cây đa chặt cây đa, thấy cây sung chém cây sung, thấy mẹ cha hoặc người đầu làng muốn chỉ vẽ dạy dỗ cho thì hành hung họ tàn nhẫn.

Kẻ nguy hiểm như một cái cuốc bén, như một con rựa sắc, không còn ai điều khiển được nữa.

Kẻ như bó tranh khô, như sợi lạt giòn [dễ gãy], kẻ dễ nổi nóng, không sao can ngăn được nữa.

Kẻ bảo không chịu nghe, dạy không chịu vâng, bất chấp mọi lời răn dạy.

Chó háu ăn thì phải trị bằng cho ăn cà nóng, kẻ tỏ ra hung hãn láo xược thì phải được trừng trị đích đáng.

36. VỀ NHIỆM VỤ CỦA NGƯỜI DÂN PHẢI GIÚP NGƯỜI ĐẦU LÀNG

Tất cả dân làng, tất cả những người anh em con cháu, tất cả những người ở đằng này và ở đằng kia [hãy nghe đây].

Khi người đầu làng có khó khăn trong việc làm chòi làm rẫy, có khó khăn trong việc sửa chữa chốn ở nơi ăn thì mọi người phải giúp.

Để người đầu làng không sa vào cảnh ốm đau, thiếu đói.

Củi cho ông ta phải đi hái giùm, nước cho ông ta phải đi gùi giúp, khi thời vụ đã muộn màn thì phải góp sức rẫy cỏ dọn giùm, phải giúp ông ta trong công việc nương. Phải làm sao khi chòi của ông ta muốn đổ

thì đã có người đến chống, khi nhà của ông ta muốn quỵ xuống thì đã có người đến dựng lại, nếu váy áo nhà ông ta rách thì phải có người đem cho cái kim sợi chỉ, không bỏ mặc cho chị em ông ta.

Có như vậy thì khi ông ta còn sống, ông ta mới có nhiều rượu [để mời uống] lúc ông ta chết mới có nhiều cơm [để đãi ăn], anh em bà con mới được đông đúc.

Cho nên có ai đó dám thách cả cọp, dám đòi cao hơn cả thần, hễ há miệng ra là nói những lời ngang bướng thì kẻ đó là có tội, có việc phải đưa ra xét xử giữa người đầu làng với hắn.

Tội nhỏ thì phạt ít, tội lớn thì phạt nhiều.

37. VỀ TỘI KẺ GÂY RỐI

Với gậy ngắn hắn thọc hang trăn, với que ngắn hắn thọc hang rắn, hắn mượn tiếng của tù trưởng nhà giàu để nói năng.

Hắn vốn không thịt ăn, không rau nấu, không thuốc hút.

Hắn như mưu toan cướp đoạt của cải của tù trưởng nhà giàu, cướp đoạt của cải của bà con dân làng.

Hắn vờ chăm chú chạm khắc cái ống đựng muối, xắp xếp lại trật tự các bắp ngô, hắn làm cho người tù trưởng nhà giàu mất cảnh giác.

Cây trà gạc thì hắn vác trên vai, [một tay] hắn cầm cây rìu lớn, [một tay] hắn huơ tấm da cọp hù doạ dân làng.

Sáo thổi không kêu thì miệng huýt gió, đàn gẩy không lên tiếng thì hắn vẫn búng móng tay. Người ta đang yên lành vô sự thì hắn cố gây chuyện cho người ta.

Hắn như con cá pat nhiều xương, như cái cuốc nhiều chỗ mẻ. Xóm làng đang yên vui thì hắn làm cho rối ren.

Hắn giơ thuốc độc hăm doạ dân làng, gây hoang mang cho mọi người. Xóm làng đang yên lành, hắn làm cho nhiễu loạn.

Thịt còn sống, cá còn tươi, [hắn vẫn muốn ăn], hắn muốn ăn tươi nuốt sống hết của cải của người tù trưởng nhà giàu.

Hắn như cây juê, cây *ê ngai*[1]. Không ai thèm chăm sóc, như con dao vót đã lọt không ai thèm tra cán lại.

Con lợn để hiến sinh thì phải chết, con trâu để hiến sinh thì phải chết, hắn là kẻ gây ra chuyện thì hắn sẽ mất mạng.

38. VỀ NHỮNG KẺ GIẢ DANH THỦ LĨNH ĐẦU LÀNG ĐỂ GÂY RỐI

Hắn là kẻ đi buôn đi mua muối, đi bán men [rượu] bán thép.

Hắn là kẻ chưa hề được dùng vào việc hái củi gùi nước. Tự ý hắn muốn đi đâu thì đi.

Hắn vốn là kẻ không thịt ăn, không rau nấu, thuốc hút cũng không.

Hắn làm bộ làm tịch, gọt đẽo tỉ mỉ cái ống lồ ô đựng muối; giả đò sắp xếp từng hạt ngô để đánh lừa người khác.

Hắn nói rằng, người ta đã bảo hắn cuốc, người ta đã bảo hắn phát [rẫy]. Hắn muốn nói nhân danh người thủ lĩnh đầu làng[2].

Như một đứa trẻ thèm có vuông vải, như một chàng trai thèm có dải khâu nhiễu để bịt đầu, hắn tìm cách cướp đoạt của cải của người ta.

Hắn có kì vọng ôm lấy cả bụi tre, muôn vơ vét những gì đựng trong cái gùi, muốn cướp đoạt tài sản của người khác[3].

Cái cán chổi có sọc hắn bảo là con rắn, cái tai có vằn, hắn bảo là con cọp, chính miệng hắn nói ra, hắn lại nói đó là lời của tù trưởng. Hắn bảo nước đó là do hắn tạo ra, núi mọc lên, mưa đổ xuống là do hắn mà có.

---

1. Juê và ê ngai là hai giống chuối rừng, quả đắng, không ăn được. Hai bản của L. Sabatier và của Ychang - xã Ea Tam, Buôn Ma Thuột (do Chu Thái Sơn cung cấp) đều ghi là juê và amai, "chị" là vô nghĩa.

2. và 3. Những đoạn này còn bỏ trống. Người biên soạn theo dịch bản đã chỉnh lý lần thứ II (xem lời giới thiệu - CTS).

Hắn là thằng đàn ông đi lang thang, là con đàn bà đi phất phơ, hắn đặt điều ra buộc người ta phải tin.

Như vậy là có việc phải đưa ra xét xử giữa người ta và hắn.

39. VỀ NHỮNG KẺ XÚI GIỤC DÂN LÀNG KHÔNG TUÂN LỆNH NGƯỜI THỦ LĨNH

Hắn là kẻ muốn lấy cái cuốc ra khỏi cán cuốc, là kẻ tháo rời cây chà gạc ra cho lưỡi đi đằng lưỡi, cán đi đằng cán, là kẻ đã xuyên tạc lời nói của người tù trưởng nhà giàu.

Cái nhọt đã tiêu rồi, hắn lại làm cho mưng mủ, cơm đã nguội đi hắn đem hâm lên cho nóng lại, người ta là một kẻ nhát gan, thì hắn làm cho hăng máu lên.

Cán cuốc hắn đem so, cán chà gạc hắn đem đọ, hắn muốn thi gan đọ sức với người tù trưởng nhà giàu.

Cây xà dọc hắn đem so, cây quá giang hắn đem đọ, chế chiêng hắn cũng đem sánh xem ai nhiều ai ít, giữa hắn và người tù trưởng nhà giàu.

Như vậy là có việc phải đưa ra xét xử giữa người thủ lĩnh và hắn.

40. VỀ NHỮNG KẺ PHAO TIN NHẢM LÀM DÂN SỢ HÃI

[Hắn phao lên rằng] xưa kia không hề có, trước kia không từng thấy có ai phải phụng sự ai, có ai phải phục tùng ai.

[Rằng] tất cả đều mới bày đặt ra, ngày nay mới thấy có, chỉ một mình hắn là thông hiểu những chuyện trước đây thôi.

[Rằng] ai vượt qua dấu báo có chông thì sẽ trúng chông, ai vượt qua dấu báo có bẫy thì sẽ sa vào bẫy, ai bất chấp lời dạy của ông bà mình thì kẻ đó là chuyện.

Là lưỡi dao mà muốn dày hơn sống dao, là trẻ nít mà muốn to hơn người lớn, hắn là kẻ coi mẹ cha chẳng ra gì.

[Lẽ ra] có cây đa thì hắn phải hỏi cây đa, có cây sung thì hắn phải hỏi cây sung, có người thủ lĩnh lớn thì hắn phải hỏi người thủ lĩnh lớn.

[Đằng này] chặt le đốn nứa, hắn thường đốn thường chặt quá già, hắn là kẻ bất chấp lời nói của người thủ lĩnh.

[Có chuyện xảy ra] hắn không vạch ra cho thấy, hắn không nói cho biết cho hay, hắn không đến báo cho người thủ lĩnh.

Hắn che đậy bằng lá *Ktu*, đắp điếm bằng lá *ênăm*, hắn giấu giếm sự việc với anh em dân làng.

Trong tay hắn cầm một con mèo mướp, trong khố hắn giắt một con mèo đen [trọc cho chúng gầm gừ nhau], hắn là một con người hay sinh chuyện.

Là ngọn cỏ mà hắn muốn vượt cây lau, là cọng tranh mà hắn muốn vượt cây sậy, là con thú rừng mà hắn muốn vượt qua lùm dây *êjung*.

Như vậy là có việc nghiêm trọng phải đưa ra xét xử.

41. VỀ NHỮNG KẺ KÍCH ĐỘNG DÂN LÀNG KHÁC NỔI DẬY, BỎ THỦ LĨNH ĐẦU LÀNG CỦA HỌ

Hắn là kẻ muốn lay cái cán cuốc ra khỏi cái lưỡi cuốc, muốn tháo rời cây chà gạc ra cho [lưỡi đi đằng lưỡi, cán đi đằng cán] hắn là kẻ bịa đặt chuyện xấu xa cho dân làng người ta.

Hắn chọn đem biếu họ những miếng thịt thăn thịt đùi, hắn âm mưu dùng lời lẽ ngọt ngào để kích động họ.

Hắn là kẻ [nhọn] như ngọn măng trúc, [nhọn] như đầu cây gậy đào củ mài, hắn đâm bị thóc chọc bị gạo, dấy lên hết chuyện này chuyện nọ.

Cây gậy không nhọn thì hắn vót bằng dao, cây gậy chưa đủ nhọn thì hắn dùng dao để vót, người đã là kẻ nhát gan, thì hắn làm cho hăng máu

lên. Cuộc sống trong buôn làng đang tốt đẹp, hắn đem reo rắc vào những chuyện xấu xa.

Người ta không đi được thì hắn cõng, người ta không ăn được thì hắn mớm, người ta không hiểu biết gì thì hắn chỉ vẽ cho.

Hắn là con đàn bà hay sinh sự, là thằng đàn ông nợ đìa ra, hắn như con cá lóc, con ếch có nhiều hang hốc để trốn. Hắn dùng gậy ngắn để chọc hang trăn, hắn dùng cây ngắn để thọc hang rắn. Hắn manh tâm gieo rắc vào lòng người ta những điều xấu xa đen tối.

Cái nhọt đã tiêu đi hắn làm mưng mủ lại, cơm đã nguội đi hắn lại đem hâm nóng lên. Người ta là kẻ nhát gan, hắn tìm cách làm cho hăng máu lên. Người tù trưởng nhà giàu là một người tốt, thế mà hắn bày chuyện bêu xấu ông ta.

Như vậy hắn là kẻ có tội, có việc phải đưa ra xét xử giữa người ta và hắn.

42. VỀ TỘI ĐÁNH BỊ THƯƠNG HOẶC GIẾT CHẾT NGƯỜI THỦ LĨNH

Hắn vốn là kẻ thèm có những cây gỗ thẳng, thèm có những con chà gạc bén, thèm có những con người nhanh nhẹn, mạnh chân khoẻ tay.

Như vậy hắn đã trao đổi vòng sắt [với những người khác] để kéo bè kết đảng.

Hắn bàn bạc với họ trong suối sâu vực thẳm, để có được vài ba người giúp hắn thực hiện âm mưu.

Kẻ thì đi kiếm thuốc độc, người thì lo tập hợp giáo, lao, để giúp hắn giết hại người thủ lĩnh.

Hắn thèm những con voi của người thủ lĩnh [đứng xếp hàng] ở sàn hiên, hắn thèm những cái chiêng của người thủ lĩnh treo trên giá. Vì vậy, hắn đem dao đi rửa, đem gươm đi chùi, hắn vốn căm ghét người tù trưởng nhà giàu, nên nuôi âm mưu hành hung sát hại ông ta.

Cây đang đâm chồi, hắn toan chặt ngọn, hắn muốn trở thành người thủ lĩnh nên mới âm mưu giết ông ta.

Hắn gây sự với người ta mà không có lí do. Hắn chém giết người ta mà không có nguyên nhân. Hắn vốn chỉ là một kẻ hay ganh ghét không đâu với những người anh em của hắn.

Vì vậy, tội của hắn là nghiêm trọng. Như con lợn để hiến sinh phải chết, như con trâu để hiến sinh phải chết, hắn đã gây ra sự việc thì hắn phải chịu mất mạng.

Nếu có ba bốn kẻ nào đó đã theo hắn thì cũng phải truy bắt cho bằng được. Cả cha mẹ chị em hắn, nếu họ đã cho hắn ăn lén trong rừng, uống lén ngoài rẫy, đem cho hắn hết gùi nọ sọt kia thì cũng bắt trói cho bằng hết.

43. VỀ NHỮNG KẺ THÔNG ĐỒNG LÀM HẠI NGƯỜI THỦ LĨNH ĐẦU LÀNG

Họ là những kẻ đem cơm [cho bọn làm loạn] ăn ngoài rẫy, đem nước [cho chúng] uống ở bìa rừng. Gùi sọt [của họ] đều lôi hết ra giữa trời.

Họ là những kẻ người thì ở trong làng nhưng mông lại để ở ngoài làng. Họ tuốt gươm dao giữa sân làng, để giúp kẻ thù của người tù trưởng nhà giàu.

Họ chặt dây đồng hàng sải, đội gạo hàng thúng [đem đi] để bắt tay với bọn tù trưởng nhà giàu khác.

Họ bàn bạc với nhau vực thẳm suối sâu. Họ tụ bốn tụ năm, tụ hai tụ ba, họ đã gọi nhau đến đông đủ.

Voi họ cho xiềng lại, chiêng họ cho treo lên. Họ cùng nhau cam kết, hẹn hò nhau, mọi người như một.

Bọn đàn ông thì trao cho nhau cây gậy, bọn đàn bà thì giao ước miệng với nhau, thoả thuận cùng nhau đeo đuổi công việc.

Kẻo rồi ngày mai ngày kia nước lại đem đổ đi, củi lại đem chất đống, tội lỗi lại đem đổ lên đầu chỉ một người.

Họ đi cùng đi, dậy cùng dậy, dương nỏ cùng dương, bật nỏ cùng bật, trăm tiếng nghe như một.

Thuốc độc họ giúp nhau đem bỏ, giáo lao, gậy gộc, họ giúp nhau tập hợp.

Cây le không hút, họ lấy dùi dùi cho thủng, cây nứa không thủng, họ lấy khoan khoan cho thủng, con rùa, còn kỳ nhông không có hang thì họ đào hang cho chúng. Họ vô cớ gây thù hằn với người tù trưởng nhà giàu [đầu làng họ].

Nếu là đàn bà thì phải biết được đó là những con nào, nếu là đàn ông thì phải biết được đó là những thằng nào, nếu là trâu bò thì phải biết được ai là kẻ chăn giữ, biết được thì dù bốn năm đứa cũng bắt cho được, dù hai ba đứa cũng bắt cho kỳ hết. Cả những người chị, người em [gái] của chúng cũng bắt không bỏ sót đứa nào, nếu chúng đã làm như con chim ngói bay theo nắng, như con chim két bay theo gió, đã đồng tình giúp đỡ bọn làm loạn.

Như con lợn để hiến sinh phải chết, như con trâu để hiến sinh phải chết, chúng đã gây sự việc thì chúng sẽ mất mạng.

44. VỀ NHỮNG KẺ KHÔNG CHỊU PHỤC TÙNG (CHÍNH QUYỀN PHÁP)

Những kẻ lúa không chịu đội đi nộp, thuế không chịu đi đóng, đường sá của ông bà không chịu góp công làm.

Những kẻ gạo không chịu giao, đường không chịu phát. Không chịu làm những việc từ ông bà xưa vẫn làm.

Bọn chúng là những kẻ hung hăng, liều mạng: Ai đến là chúng chém, ai hỏi là chúng đâm.

Bọn chúng khác nào ngọn tranh đã khô [dễ cháy] sợi lạt đã giòn [dễ gẫy]. Tính tình nóng nảy hung hăng.

Chúng là những kẻ [khi mới sinh] đã liếm sương cho đến no, cắn cái dùi cho đến gẫy [ở lễ đặt tên].

Hễ thấy người là chúng đánh, chúng chém, sai không cần biết, đúng không cần hay.

Những ai là kẻ chăm lo giường cứt chiếu đái cho chúng, đem cho chúng từ miếng trầu, điếu thuốc đến hạt gạo, cọng rau...

Thì những kẻ đó phải đưa ra truy tố.

Những ai ẩn trong chòi, náu trong lẫm thóc, nằm mẹp dưới mái tranh, núp trong rơm rạ, rình giết người vô tội qua đường.

Những ai bắt mọi người phải khom lưng phục tùng chúng, thì những kẻ đó xưa kia người ta đem treo cổ trong rừng, bỏ xác cho thú rừng ăn.

Người ta sẽ không cho chúng ăn cơm ngon canh ngọt nữa.

Người ta sẽ đem bán cho người Lào lấy bò, bán cho người Mđhua lấy trâu, bán cho người Miên người Kinh lấy tiền lấy của.

Người ta đem bán chúng cho người làng khác, xứ khác, cho đến xứ của người Mđhua, xứ của người Bih, người Mnông để lấy tiền.

Đã mài cuốc thì phải mài bằng đá nhám, đã mài dao thì phải mài bằng đá mịn và phải mài cho đến cùng.

45. VỀ NHỮNG KẺ GÂY RỐI LÀNG NGƯỜI KHÁC

Đó là những kẻ vì chúng mà người ta ướt mông, ướt đùi, vì chúng mà voi khôn bị chết, cồng chiêng quý bị vỡ, người tù trưởng nhà giàu cũng bị giết.

Chúng mưu toan như con voi của thần cá sấu, tựa thế cây *klông*, cây *kpang* để chiếm đoạt nhà cửa của người tù trưởng nhà giàu.

Chúng muốn đọ sức với cọp, so gan với gấu, thử xem nanh vuốt của cọp của gấu sắc hay đã nhụt rồi. Chúng muốn biết bát canh đã tra muối là nhạt hay đã mặn đắng. Chúng trêu gan người tù trưởng nhà giàu để xem có thật ông ta gan góc cứng cỏi không.

Chúng đến đâu là rừng ở đấy tan hoang, chúng đứng ở đâu là rú ở đó tàn lụi. Chúng ở đâu thì xóm làng ở đó tan nát vì chúng.

Muốn có chiêng chúng xua người đi ăn cướp, muốn có voi, chúng xua người đi giật lấy của người ta. Muốn trở thành tù trưởng nhà giàu, hắn gây chuyện đánh nhau với người ta.

Chúng đến ở đâu là gốc cây ở đó phải gẫy, chúng đứng ở đâu là rễ cây ở đó phải nát. Chúng ở đâu là tù trưởng ở đó sẽ không còn.

Chúng chém giết bất kể, vô cớ giết hại cả người tù trưởng nhà giàu.

Vì vậy chúng bị các ông chồng đều chê, các bà vợ đều trách, các tù trưởng nhà giàu ai ai cũng căm giận chúng.

Chúng là những kẻ có tội rất lớn, phải đưa chúng ra xét xử thật nghiêm khắc.

46. VỀ NHỮNG KẺ PHẢN BỘI, CUNG CẤP CHO ĐỊCH NHỮNG ĐIỀU CHÚNG NGHE ĐƯỢC TRONG LÀNG

Kẻ với một cây gậy ngắn đòi thọc hang trăn, kẻ với một cây gậy ngắn đòi thọc hang rắn. Hắn mưu toan đem chuyện trong làng đi rêu rao với làng khác.

Tay cầm chiêng nhỏ, chiêng lớn, hắn đi khắp làng tây xóm đông phao tin này tin nọ, hắn làm như một người dại người điên.

Hắn thèm nấm, thèm cà, thèm các trái cây, hắn ngứa ngáy cái miệng như ăn phải củ môn ngứa, củ nứa.

Hắn muốn nghe nhưng không biết đứng lại mà nghe, hắn muốn hiểu nhưng không biết đứng lại mà hiểu. Hễ có chuyện là hắn đi kể cho người [làng] khác biết ngay.

Hắn nghe người ta nói ít, hắn phịa ra nhiều, hắn nghe người ta nói ngắn, hắn kéo dài ra nói tràng giang đại hải, dấu chân người ta nhỏ, hắn nói là to. Những lời người tù trưởng nhà giàu nói hắn nghe được, hắn đem nói ra hết cho người ta biết.

Vì vậy, hắn là kẻ có tội với người tù trưởng nhà giàu, phải đưa hắn ra xét xử.

47. VỀ NHỮNG KẺ GIÚP ĐỊCH ĐÁNH LẠI LÀNG MÌNH

Chúng là những kẻ không đứng về phía gà mà đứng về phía chuồng, chúng nghe theo lời kẻ khác.

Người chúng thì ở trong làng nhưng chân chúng thì ở ngoài làng, chúng tuốt gươm tuốt dao giữa sân làng. Chúng ganh ghét hết thảy dân làng, kẻ lấy đá ném tổ ong, miệng thì ở trong làng nhưng tai thì nghe lời kẻ địch, môi ở đây mà lưỡi ở kia, sống bằng không khí và làm tay chân cho kẻ địch.

Chúng là những con đàn bà lắm chuyện, là những thằng đàn ông hay sinh sự, thường ưng người dưng, đứng về phía lợi ích của người dưng.

Chúng như những cái cuốc bén, lại dùng chém lại mẹ cha, là những thằng đàn ông, con đàn bà phản lại người thủ lĩnh, phản lại xóm làng của chúng.

Chúng là những con đàn bà lắm chuyện, những thằng đàn ông nợ đìa, là những con cá lóc, con ếch nhiều hang hốc để chui vào chui ra.

Chúng đi cùng đi, bước cùng bước, cùng bước đi theo một đường với kẻ địch.

Chúng là có tội lớn, phải đưa chúng ra xét xử thật nghiêm khắc.

48. VỀ NHỮNG KẺ DẪN ĐƯỜNG CHO ĐỊCH ĐẾN ĐÁNH LÀNG MÌNH

Người ta không đi được thì hắn cõng, người ta không ăn được thì hắn mớm...

Người ta không biết thì hắn mách bảo, người ta hỏi han, thăm dò thì hắn đáp, hắn bày tỏ tường tận.

Người ta còn nghi ngại thì hắn sẵn sàng, dắt dẫn; hắn vẽ đường cho hươu nai chạy, hắn không còn biết đến cây đa đầu suối, cây sung đầu làng là đâu nữa[1].

Đường rừng hắn dẫn đi, đường nước hắn dắt đi, đêm hôm hắn chỉ đường cho biết. Bọn chúng đã bàn kỹ với nhau ở đầu nguồn, ven suối. Vì vậy, hắn phải lo việc chỉ lối đưa đường. Voi hắn đã xiềng, chiêng hắn đã treo, với người ta, hắn đã cam kết xong mọi điều.

Nơi nào hàng rào [làng] kiên cố, nơi nào cổng làng đóng chặt vững vàng, từ hôm kia hôm trước, hắn đều đã thấy cả.

Nơi nào hàng rào làng có bùa ngải, nơi nào cổng làng có chông bẫy, nơi nào là hầm cất giấu chiêng ché, nơi nào là cọc cột trâu cột voi, hắn đều tìm đến kẻ địch cho biết tất cả.

Nơi nào hàng rào làng kiên cố, cổng làng to lớn như thế nào, nơi nào là nhà ở của người tù trưởng nhà giàu, tất tật hắn đều chỉ vẽ cho kẻ địch.

Nhà nào trong làng có chiêng la, ché quý; kho lẫm ở đâu có lúa, có kê là hắn mách bảo kẻ địch cho kỹ hết.

Cây đa đầu suối, cây sung đầu làng và những anh chị em, bà con của hắn nghĩ một đằng, hắn nghĩ một đằng. Cả làng buôn đã ngủ thì hắn trằn trọc; cả làng buôn còn yên tĩnh trong đêm tối thì hắn mò mẫm đi đến với kẻ gian mà hắn đã hẹn trước ở ven suối, bìa rừng[2].

Vì vậy, hàng trăm dân làng đã bị kẻ địch bắt, hàng nghìn dân làng đã bị kẻ địch giết, chòi rẫy lẫm thóc đã bị kẻ địch đốt, gông cùm kẻ địch đã đem tới, kẻ địch đem dây tới trói dân làng bắt làm nô lệ hoặc cầm tù.

Voi đực kẻ địch chiếm kỹ hết, voi cái kẻ địch bắt đi không còn sót một con, ché kẻ địch lấy gùi đi.

Nếu là một con đàn bà, mà biết được hắn là ai, nếu là một thằng đàn ông, mà biết được hắn là ai, nếu là trâu bò, mà biết được ai là người chăn dắt thì người ta sẽ [xử chém] hắn bằng dao sắc, gươm lớn, bỏ xác hắn cho diều tha quạ mổ.

---

1. và 2: Hai câu ở mỗi đoạn này do Chu Thái Sơn bổ sung, bản dịch này bỏ trống, còn bản dịch cũ, mặc dù đã chỉnh lý lần thứ II nhưng vẫn bỏ trống cả điều 48 này(CTS).

49. VỀ NHỮNG KẺ PHẢN BỘI ĐI VỚI ĐỊCH, BÁO CHO ĐỊCH BIẾT NHỮNG CHUYỆN VỀ NGƯỜI THỦ LĨNH CỦA LÀNG MÌNH

Hắn lén ra đi lúc rạng sáng, lúc nửa đêm khi mọi người đang yên giấc.

Hắn trốn tránh lánh mặt người thủ lĩnh, lánh mặt cả bọn tôi tớ trong nhà, lén lút đi báo cho địch biết rằng thủ lĩnh của hắn sẽ đến đánh chúng ngay tại nhà, vây chúng ngay trong làng;

Rằng thủ lĩnh của hắn đã cho chặt cây nhiều sải, cho đội gạo đi nhiều thúng, đã triệu tập nhiều tù trưởng nhà giàu, đến cùng đi đánh.

Rằng kẻ địch phải gọi tất cả đàn ông đàn bà trong làng đến, dặn mọi người phải cảnh giác xem chiêng. Không một người đàn bà nào được đi một mình, cũng không một người đàn ông nào được đi lẻ loi;

Rằng bờ rào làng [của kẻ địch] phải đóng thêm cọc cho kiên cố, cổng làng phải đóng lại cho chặt, việc trông coi phải được chăm chú thường xuyên.

Thế là bò người ta xua ngay ra ngoài làng, trâu người ta xua ngay vào trong rừng, đàn bà trẻ con người ta xua cả vào núi.

Còn ché tuk đỏ, ché êbah Mnông, vòng xuyến tiền của trong gùi quý, người ta đem giấu đi ngay. Mọi thứ đồ đạc của cải người ta đều đem giấu đi hết.

Vì vậy, nếu là con đàn bà mà người ta biết được hắn là ai, nếu là thằng đàn ông mà người ta biết được hắn là ai, nếu là trâu bò mà người ta biết được ai là người chăn dắt thì với một thanh dao lớn, người ta sẽ chặt đầu hắn, với một con dao sắc người ta sẽ cắt cổ hắn và người ta vất xác hắn cho quạ mổ diều tha, hoặc người ta sẽ đem hắn vào rừng treo cổ hắn trên cây và bỏ mặc hắn cho thú rừng.

Con đường hắn đi là con đường tội lỗi, hắn đã không biết đâu là đường nên đi, đâu là đường không nên đi.

Như con lợn, con trâu để hiến sinh, kẻ phạm tội phản bội sẽ phải mất xác.

50. VỀ TÙ BỎ TRỐN

Trước đây, hắn hứa sẽ ở yên, không phá rẫy, sẽ làm ăn tốt cho người thủ lĩnh.

Thế mà bây giờ hắn nói thế này, ngày mai hắn nói thế khác; vừa quay lưng đi, hắn đã làm khác đi rồi.

Thoát khỏi xiềng, hắn liền chạy trốn; thoát khỏi gông, hắn liền chạy trốn.

Hắn ẩn trong rừng tre, hắn trốn trong rừng lồ ô, bất chấp lời kêu gọi của người thủ lĩnh.

Như ngọn tre bay trước gió, như những hòn núi di động nay đây mai đó, hắn đi khắp đông tây.

Hắn đang trốn trong một hòn núi nhỏ thì đã lo tìm một hòn núi lớn hơn, hắn đang trốn trên một con suối nhỏ thì đã lo tìm một con sông lớn.

Kẻ gang miệng [người thủ lĩnh] lại, hớt môi [ông ta] đi, mở [tháo] chiếc vòng tay mà hắn đã nhận.

Hắn trốn đi biệt tăm, giữ im hơi lặng tiếng, tìm chỗ yên ổn nương thân, không còn muốn làm việc cho chủ nữa.

Kẻ nào đêm nói một đằng, ngày nói một nẻo, vừa quay lưng đi đã làm khác đi rồi.

Kẻ đó là có tội, phải đưa hắn ra xét xử về tội không giữ lời cam kết.

51. VỀ NHỮNG KẺ ĐƯỢC THỦ LĨNH GIAO CHO CHIẾC VÒNG ĐEM ĐI VÌ CÓ VIỆC KHẨN CẤP MÀ KHÔNG ĐI KỊP THỜI CỨ LẦN CHẦN DỌC ĐƯỜNG

Đường đi quanh co phải trèo đèo lội suối, hắn là người được giao đem cái vòng tay có việc khẩn cấp đi, một trái ớt và một cục than cột vào gấp một cái que [làm dấu hiệu khẩn cấp] đã giao cho hắn cầm theo để đi cho nhanh cho chóng.

Thế mà lấy cớ đầu nặng bụng to, hắn đủng đà đủng đỉnh, chạy không ra chạy, đi không ra đi, giữ rịt lấy sợi dây cườm, găm chặt lấy cái vòng tay. Khi hắn đem đến thì trời đã tảng sáng, hoặc đã vào lúc chiều tối, nửa đêm người ta đã đi ngủ.

Thế mà hắn làm như đã đánh mất cái vòng trong rừng, đánh rơi cái vòng xuống sông, như đã để cho kiến cho mối tha đi mất, như hắn đã ngủ quên dọc đường, vì vậy mà cái vòng hắn phải đem đến cho người tù trưởng nhà giàu đã đến nơi không kịp.

Như vậy, hắn là có tội, phải đưa ra xét xử tội của hắn đối với người thủ lĩnh.

52. VỀ VIỆC ĐẺ MÀ KHÔNG ĐẾN KHAI SINH VỚI NGƯỜI ĐẦU LÀNG

Người đàn bà nay hông đã thắn lại, ngực đã ưỡn ra, bụng vươn ra phía trước.

Thế là đã đến mùa cây soài, cây muỗm ra hoa, cây kpang rụng lá, người đàn bà có mang đã đến kỳ sinh nở.

Đứa trẻ sinh ra là một mụn con trai có đôi bàn tay mũm mĩm, hay là một mụn con gái có đôi bàn tay xinh đẹp, người mẹ đã sinh nở bình thường.

Sáng dậy, khi mặt trời đã có, trước kia hứa gì với thần thì hãy cúng ngay, để những ngày ở cữ được tốt lành như mong muốn, để người mẹ sớm hồi phục sức khoẻ, mọi sự được tốt lành.

Sau đó, một người đàn ông hay một người đàn bà trong nhà phải lột vỏ, tước gai, cởi áo bỏ khố tìm đến cây đa đầu suối, cây sung đầu làng, người trông nom những người anh em con cháu dân làng làm nhiệm vụ lột vỏ cây, bóc vỏ gai, phanh áo khố, báo cho.

Ai lấy lá kutu lá ênăm đắp điếm chuyện sinh đẻ, giấu giếm có trẻ con mới sinh, không báo cho người đầu làng biết, người ấy là có tội, phải đưa hắn ra xét xử.

53. VỀ VIỆC TRONG NHÀ CÓ NGƯỜI CHẾT MÀ KHÔNG BÁO CHO NGƯỜI ĐẦU LÀNG BIẾT

Người bệnh mà ốm mê man, đau quá nặng, phải nằm xông lửa nửa tỉnh nửa mê thì phải gọi phù thuỷ, thầy bói đến cúng đoán bệnh.

Nếu bệnh không thuyên, đau không giảm, người bệnh không rời được khỏi chiếc chăn, đã cúng bằng lợn không bớt, đã cúng bằng trâu cũng không khỏi. Như vậy là số của bệnh nhân đã bị thần buộc phải chết.

Người chết thì khác nào lúa mục cỏ héo, số phận họ đã bị ma quỷ bắt đi.

Thế mà không một thân nhân nào của người chết dù thân nhân đó là một người đàn ông hay là một người đàn bà tìm đến báo cho cây đa đầu suối cây sung đầu làng, người trông nom những người anh em dân làng.

Nếu người chết là một người lớn thì e rằng vì họ còn những món nợ phải trả, họ còn mắc vụ này việc nọ, họ còn mượn bò của tù trưởng. Họ còn mượn trâu của nhà giàu, họ còn mượn của cải tiền nong của các làng khác, mà không đến báo người đầu làng.

Nhưng nếu người chết là một đứa bé sơ sinh, một đứa bé còn nằm ngồi trên đùi của cha mẹ, vì bị một bệnh trẻ em mà chết thì sao lại không tìm đến người đầu làng để làm nhiệm vụ bóc vỏ cây, lột vỏ gai, phanh áo phanh khố nói cho thấy hết?

Chết trẻ nít, sợ không biết than khóc thế nào, chết kẻ già, sợ không biết kể lể chuyện gì, những nỗi sợ đó sao không báo cho người đầu làng biết.

Thân nhân người chết như vậy là có tội, phải đưa họ ra xét xử. Họ phải chịu nộp phạt một kõ và phải cúng hiến sinh một lợn giá một sõng.

54. VỀ NHỮNG KẺ SỬ DỤNG TRỘM ĐỒ ĐẠC CỦA NGƯỜI ĐẦU LÀNG

Hắn là kẻ: cuốc của người ta móc trên giá hắn lấy đem đi cuốc, chà gạc của người ta đang móc trên giá, hắn lấy đem đi chặt, đồ dùng của người ta cất giữ, hắn lấy đem dùng trộm.

Hắn dùng con két, con vẹt [làm mồi] để bắt két, bắt vẹt bằng cây [dính] nhựa. Hắn không có can hệ gì, không được phép mà dám lấy đồ đạc của người tù trưởng nhà giàu để sử dụng.

Hắn không hỏi xin mà dám chặt cây kè để dùng; không nói gì mà cứ lấy cục sắt để làm việc của mình. Hắn tự tiện lấy đồ đạc, dụng cụ của nhà người thủ lĩnh, nhà người giàu để dùng[1].

Cau muốn ăn, hắn không đong, thép muốn dùng hắn không hỏi. Đồ đạc của tù trưởng nhà giàu [hắn muốn dùng] hắn cũng không xin, không hỏi.

Hắn là kẻ bị lửa quấn lấy đùi, bị nước cuốn lấy chân.

Hắn gây chuyện lấy của [của người ta] giữa ban ngày.

Như vậy hắn là kẻ có tội, có việc phải xét xử giữa người đầu làng với hắn.

55. VỀ QUYỀN THỪA KẾ TÀI SẢN KHI CON CÁI CỦA HỌ ĐÃ BỎ ĐI Ở NHÀ KHÁC

Chúng chính là con dòng cháu giống của họ. Chúng là những cây dưa cây bắp chính tay họ trồng. Họ chính là người mẹ người cha chăm ẵm chúng, lo giường cứt chiếu đái, lo củi lửa ngày đêm cho chúng, đêm đêm họ không bao giờ được yên giấc.

---

1. Hai đoạn này dịch giả còn bỏ trống, tôi phỏng theo dịch bản cũ - đã được chỉnh lý lần thứ II để bổ sung (CTS).

Thế mà khi đã lớn khôn, vai dài sức rộng. Chúng đã tách ra làm chòi riêng rẫy riêng, những bát canh ngon rau blê rau băl, chúng ăn một mình.

Mẹ chúng, cha chúng, chúng không còn muốn nhìn. Chúng không còn muốn nhận họ là mẹ, là cha của chúng. Chúng không còn chút tình chút nghĩa nào đối với những người đã sinh ra chúng.

Vì vậy, cha mẹ chúng thấy người Bih là họ nuôi, thấy người Mnông là họ cho ăn, nhận được người Kriêng người Kyông là họ đem về làm con làm cháu như của chính mình. Họ làm như vậy là để có người chăm lo cho việc nương rẫy, trồng cho cây bắp cây dưa, để khi váng mình sốt mẩy, có người trông nom, khi ốm đau bệnh tật có người săn sóc, để khi thiếu người gùi cho que củi, cõng cho bầu nước, không ai nấu cho miếng cơm bát canh, không có ai dệt cho dải khố tấm chăn, manh áo tấm váy thì những người con mày con xin bằng xuyến vòng tiền của của họ này lo liệu cho.

Cả cho đến khi như lúa mọc cỏ nát họ phải mãi mãi ra đi, những đứa con đẻ của chính họ vẫn không thăm viếng nhòm ngó đến họ.

Chúng bỏ mặc họ. Khi họ ốm đau, chúng đã không đỡ đần chăm sóc, chúng có rượu có gạo mà chúng không cho để cúng thần chữa chạy, đến khi họ chết, chúng cũng không giúp gì vào việc vực bó [chiếu] liệm chôn cất.

Vậy thì sau khi đã trả tiền thầy tiền thuốc, còn thừa lại được chút của cải chiêng ché nào đều không có phần cho bọn chúng mà đều đem chia tất cả những con nuôi sống với họ ở nhà họ. Tất cả những gì họ có đều thuộc về những người này.

56. VỀ NHỮNG KẺ XEM THƯỜNG NGƯỜI ĐẦU LÀNG, GIẤU GIẾM KHÔNG CHO BIẾT MÌNH TỪ ĐÂU ĐẾN VÀ SẼ ĐI ĐÂU

Hắn là kẻ miệng thì giấu giếm, môi thì không hé nửa lời. Nói với tù trưởng nhà giàu, hắn chỉ ậm ừ cho qua chuyện.

Hắn nhìn gốc hoá ra ngọn, nhìn ngọn hoá ra gốc. Hắn không nhận ra ông ta là người tù trưởng nhà giàu.

Hắn coi ông ta như rác, khinh ông ta như chó, hắn không thừa nhận quyền hành người tù trưởng nhà giàu của ông ta.

Hắn gặp ông ta trên đường cái lớn từ cây klơng vào làng, con đường mà dân làng thường qua lại, ông ta lên tiếng hỏi han hắn, hắn không làm như người ta bóc vỏ cây, lột vỏ gai, phanh áo phanh khố [trả lời cặn kẽ].

Như vậy hắn là có tội, phải đưa ra xét xử thái độ của hắn đối với người tù trưởng nhà giàu.

CHƯƠNG III

VỀ CÁC TỘI PHẠM CỦA NGƯỜI TRƯỞNG BUÔN

57. VỀ TỘI GIẤU GIẾM MỘT SỐ NÀO NHÂN KHẨU

Cái thìa ông ta đã giấu đi, cái miệng ông ta đã ngậm tăm, ông ta đã ỉm đi một số người.

Trước đây đã đốt thì ông ta đốt cho đến nứt ra[?], đã trình bày thì trình bày cho đến sáng tỏ, đã nói thì nói cho đến khi người ta hiểu hết.

Nếu có con mụ đàn bà nào đó không vâng lời, thằng đàn ông nào đó không tuân lệnh, không chấp nhận lời nói của ông ta.

Thì ông ta đem [cây gai] lột cho đến hết vỏ, tước cho tòi lõi ra, phanh hết khố áo [kẻ có lỗi] ông mới chịu.

Cọc chôn, đinh đóng đã chắc, voi ngựa đã được cột chặt.

Cây ngang đường đã đem đặt, cụm tranh cũng đã buộc xong và các cuộn mây, cây guột, các bàn tay giỏi giang khéo léo[1], ông ta cũng đã nắm chắc rồi.

Như vậy là ông ta có chuyện phải đưa ra xét xử.

58. VỀ TỘI GIẤU DÂN*

Là cây đa đầu suối, cây sung đầu làng, ông ta là người trông nom anh em con cháu dân làng.

Trước đây ông ta nói đã khai hết, không sót một ai, dù là đàn ông - con trai hay đàn bà - con gái.

Thế mà bây giờ đây người ta còn thấy trong rừng, trong chòi rẫy nào đàn ông, nào đàn bà.

Như vậy là miệng của ông ta đã bưng bít, lời khai của ông ta đã giấu giếm [bớt đi].

Tội của ông ta là ăn dối nói trá, khác nào đã ăn phải phân non.

Như vậy là ông ta đã giang tay lén ăn cắp ăn trộm**

Muốn có chiêng ông ta đi lấy của người khác, muốn có voi đi cướp của người khác; muốn có tiền của tù trưởng nhà giàu, ông ta tìm đến lấy trộm.

Như vậy số tiền ông ta trả phải là thêm hai, gộp lại là ba, [ngoài số tiền đánh cắp] phải trả thêm một trước, một sau.

---

1. Ý có lẽ muốn nói những người khéo ăn khéo nói, có tài bưng bít, giúp được người đầu làng trong việc giấu dân.

*Antomarchi cho rằng nói đây là nói tội giấu dân để trốn thuế. Đôi khi số tiền phạt là tỷ lệ với số đinh đã giấu đi. Người đầu làng còn có thể buộc phải chịu trách nhiệm thanh toán số thuế thay cho số đinh mà ông ta không kê khai trong sổ thuế (chú thích D. A).

** Antomarchi cho rằng nói đây là nói tội giấu dân để trốn thuế. Đôi khi số tiền phạt là tỷ lệ với số đinh đã giấu đi. Người đầu làng còn có thể buộc phải chịu trách nhiệm thanh toán số thuế thay cho số đinh mà ông ta không kê khai trong sổ thuế (chú thích D. A).

Rồi đây chắc rằng ông ta sẽ nói sao đóng nọc* vào cây tung mà không thấy có sẹo [ở vỏ cây], sao đóng nọc vào cây blang [cây gạo] mà không thấy có sẹo [ở vỏ cây], xử ông ta phải đền là không đúng.

[Nhưng giờ đây] ông ta phải thừa nhận nọc đã đóng vào cây tung nên trên cây tung mới có sẹo, nọc đã đóng vào cây blang nên trên cây blang mới có sẹo, xử ông ta phải đền như vậy là đúng.

59. VỀ TỘI BƯNG BÍT, GIẤU GIẾM CÁC VỤ VIỆC TRONG LÀNG

Ông ta làm như con nhện giăng tơ, như con thỏ chạy trốn, trong làng xảy ra những vụ việc giữa anh em con cháu trong làng mà ông ta giấu đi.

Miệng thì ngậm tăm, lời khai thì bưng bít, ông ta tìm cách che đậy các vụ việc.

Ông ta không muốn đốt cho đến nứt ra, không muốn trình bày cho thật sáng tỏ. Ông ta không tìm đến báo cáo cho [cấp trên] biết.

Ông ta nói không thẳng làm không ngay, không tìm đến cấp trên kể cho hết.

Như vậy là ông ta có tội, có chuyện phải đưa ra xét xử giữa cấp trên với ông ta.

60. VỀ TỘI CHIẾM DÂN CỦA LÀNG KHÁC

Ông ta xí dân của làng tù trưởng, cướp dân của làng nhà giàu, chiếm dân của các làng anh em.

---

*. Để leo lên những cây cao to, người Êđê dùng những nọc tre cứng vót nhọn đóng vào thân cây để làm bậc thang, cái nọc đó dùng xong rút đi thường để lại những vết sẹo to trên thân cây (ở vỏ) NHT.

Ông ta không vạch ra cho người ta thấy, không báo cho [người ta] hay; khi có người làng khác vào ở làng ông ta, ông ta không báo cho ai biết cả.

Như vậy có việc phải đưa ông ta ra xét xử.

61. VỀ TỘI LÀM BẬY VỚI DÂN LÀNG

Ông ta là cây đa đầu suối, cây sung đầu làng, là người trông nom anh em con cháu trong làng.

Thế mà ông ta lại lấn át, chà đạp, áp bức họ.

Ông ta làm như thằng đàn ông lắm mồm, con đàn bà lắm chuyện, vừa quay trước quay sau, đã đi khác rồi.

Ông ta khác nào quả cà, trái ớt chạy quanh lúc sấp lúc ngửa [trong nồi nấu].

Được lót miếng thăn miếng sấn là ông ta tìm ngay ra cớ bao che [cho kẻ có tội].

Vì vậy là có việc phải đưa ông ta ra xét xử.

62. VỀ TỘI KHÔNG CHĂM LO CHU ĐÁO DÂN LÀNG

Gốc bí mà khô thì ông ta phải tưới; nếu nó non thì ông ta ngắt bớt mầm, nếu ngọn nó vươn lên cao thì ông ta phải kéo xuống.

Là người đầu làng mà miếng trầu miếng vỏ ông ta không mời dân, việc no đói của dân làng ông ta không lo, chuyện giường cứt chiếu đái của dân làng ông ta không chú ý. Ông ta không chăm ẵm họ như chăm ẵm em mình, không tắm rửa cho họ như tắm rửa cho con mình, ông ta không chăm lo ấm no hạnh phúc cho họ.

Ông ta cắn không chặt chiếc vòng [không giữ lời cam kết làm tốt nhiệm vụ] không chăm nom dân làng chu đáo, không lo cho đời sống dân làng được lành yên.

Nếu có ai đó phạm sai lầm thì ông ta cắn xé, nếu có ai đó té ngã thì ông ta làm thịt, chân tay họ ông ta cột lại bẻ gẫy.

Nếu [vì ông ta mà] nuôi lợn không đến được tuổi thiến, nuôi trâu không có được trâu mộng, có ủ rượu trong ché tuk ché bô mà không có rượu uống.

Cây xà dọc lớn ông ta [dùng làm dùi] đập trống, cây xà ngang lớn ông ta cũng đem làm đồ chơi, còn người nghèo khổ thì ông ta bày chuyện để phạt vạ.

Ông ta là người mẹ bảo ban con sai, là người cha nuôi dạy con không tốt, cho nên có bao nhiêu vòng xuyến bát đĩa trong gùi quý đều không còn gì nữa.

Ông ta là mẹ nhưng là mẹ chồn, là cha nhưng là cha cọp, nuôi con đó mà cũng cắn con đó.

[Vì ông ta] dân làng nằm dưới nước mà không thấy mát, ở trong đầm mà không thấy yên, ở dưới bẹn voi, bẹn tê giác mà không thấy ấm.

Người ta lỡ hụt bước ngã xuống, ông ta lấy khoeo chân đè lên. Khi ăn uống người ta có lỗi lầm nào đó, ông ta liền nghĩ ngay đến phạt vạ.

Có ai đó nói sai, ông ta liền vểnh tai nghe; có ai đó nói trật, ông ta liền nắm lấy mà gây sự, dù là bà con họ hàng, ông ta cũng không tha.

Một người đầu làng như vậy, là có tội.

63. VỀ TỘI BẮT BỚ, GIAM CẦM OAN

Ông ta vô cớ bắt người đem xiềng, đem cột, đem trói, đem đóng gông, đóng cùm.

Muốn có chiêng, ông ta sai người đi ăn cướp; muốn có voi, ông ta sai người đi lấy trộm; muốn trở nên giàu có, ông ta bắt người đem xiềng, đem trói.

Ông ta lao vào mà cướp, chồm lên mà giật [của cải của người ta].

Ông ta trồng thuốc độc để gây rối trong làng; ông ta trồng thuốc độc để gây rối trong nhà người ta; người ta đang sống yên lành thì ông ta đến bắt, đem xiềng, đem trói.

Nếu ông ta có vụ việc [gì] cũ, cũ như củ khoai đã rỗng ruột, cũ như một chuyện xưa thì ông ta hãy tìm hỏi cây đa đầu suối, cây sung đầu làng, người trông nom những người anh em con cháu dân làng.

Nếu có người nào đó còn mắc nợ ông ta mà ông ta muốn đòi thì ông ta hãy hỏi người đầu làng. Sao [ông ta lại làm như] ngọn lách lại muốn cao hơn cây lau, cọng tranh lại muốn cao hơn cây sậy, con thú rừng mà muốn vượt cả lùm êjung.

Ngôi nhà dài ông ta không thèm vào; túp nhà ngắn ông ta chỉ đi qua ở ngoài; ngôi nhà ăn trâu ăn bò, ông ta cũng coi khinh.

Vì vậy có chuyện phải đưa ra xét xử giữa ông ta với những người khác.

64. VỀ TỘI BẮT TRÓI NGƯỜI TRONG NHÀ NGƯỜI KHÁC

Ông ta vô cớ vây nhà người ta, bắt trói oan người ta, ông ta muốn bắt trói người của tù trưởng nhà giàu, bắt trói những người anh em mà không có lý do.

Ông ta chụp như chụp nơm, quăng như quăng câu. Ông ta tìm chộp như diều hâu chộp.

Cây rầm nhà dài, cây xà dọc nhà to là những vật cũ, thế mà ông ta đã bắt trói người trong nhà người tù trưởng nhà giàu, trong nhà người anh em dân làng. Như vậy là có chuyện phải đưa ra xét xử giữa ông ta với họ.

Ngôi nhà dài ông ta không thèm vào, túp nhà ngắn ông ta chỉ đi qua bên ngoài, ngôi nhà ăn trâu bò ông ta cũng coi khinh.

Ông ta nhìn người bằng nửa con mắt, khinh người như khinh chó, không biết đâu là giá của con người.

Bện trong nhà người ta là nơi cữ, cả ngôi nhà người ta là một nơi kiêng. Dù là nhà ở hay chòi rẫy đều là những nơi kiêng cữ cả.

Nếu ông ta trói người trong nhà một nhà giàu tù trưởng thì ông ta phải nộp phạt 1 kõ và hiến sinh một trâu cho người chủ nhà.

Nếu ông ta trói người trong nhà một nhà nghèo thì ông ta phải nộp phạt 3 kõ và hiến sinh một con lợn giá 2 sõng cho người chủ ngôi nhà.

65. VỀ TỘI XÉT XỬ CÁC VỤ VIỆC KHÔNG THUỘC THẨM QUYỀN MÌNH

Cây đèn dài cả một khuỷu tay, cây đuốc cao cả một sải [ý nói vụ việc là to], thế mà ông ta cả gan xét giấu xét giếm một mình. Vụ việc của người ta to mà bạn bè của người ta chưa đủ, người thân của người ta cũng chưa có mặt.

Đôi ngà voi đã doãng rộng đến thế mà ông ta định dùng vòng [khoá] khoá lại, chân voi ông ta đã xiềng lại một, thế mà ông ta còn muốn xiềng đủ cả bốn chân.

Về vụ việc này, dân làng không được ông ta triệu tập, thúng mủng chưa được tập trung, họ hàng hai bên chưa đông đủ.

Thế mà ông ta vẫn xử, xét giá vụ việc, một mình bẻ que tính giá, quyết định khoản phạt, kết thúc vụ việc.

Như vậy là ông ta có tội, có chuyện phải đưa ra xét xử giữa ông ta và cấp trên của ông ta.

66. VỀ TỘI TỪ CHỐI, KHÔNG XÉT XỬ CÁC VỤ VIỆC THUỘC THẨM QUYỀN MÌNH

Ông ta là cây đa đầu suối, cây sung đầu làng, là người trông coi những người anh em, con cháu, dân làng.

Thế mà trong làng có vụ này, việc nọ, ông ta không chịu xét xử, không chịu bẻ que tính giá cho xong khoản phạt, giải quyết cho xong vụ việc.

Xảy ra giữa dân làng là những vụ việc chẳng đáng gì, chỉ là những vụ việc giữa cái chũm quả bầu [đựng nước] với cái cổ của quả bầu thế mà ông ta không chịu xét xử cho xong.

Thế thì làm sao cái cuốc lại không mẻ, hòn đá đánh lửa lại không bể, làm sao vụ việc giữa dân làng lại không xấu thêm.

Cái nong xổ vành, ông ta không lo cạp lại; cái nia xổ vành ông ta cũng không lo cạp lại. Là người tù trưởng nhà giàu [đầu làng] mà ông ta không lo xét xử các vụ việc giữa dân làng.

Nhà đã siêu mà ông ta không lo lấy nạng chống, nhà đã vẹo mà ông ta không lo đỡ cho đứng thẳng lên, váy áo đã rách bươm ông ta không lo vá víu lại giùm.

Như vậy là ông ta có tội, tội làm tan cửa nát nhà buôn làng ông ta.

Lợn đẻ ông ta không lo lót ổ sẵn cho lợn, gà nhảy ổ ông ta không lo lót ổ sẵn cho gà. Trong làng xảy ra chuyện xấu xa, ông ta không lên tiếng lấy một lời.

67. VỀ TỘI ĂN HỐI LỘ, BAO CHE TỘI PHẠM*

Ông ta nói rằng ông ta nghe con cua.., con ốc..., nghe tiếng người ta chê cười nhau(?).

---

*. Chú thích của người dịch (NHT):

Bài này dịch có nhiều chỗ không chắc. Nguyên văn tiếng Êđê trong bản của Antomarchi và trong bản của Y Chang xã Ea Tam, Buôn Ma Thuột do Chu Thái Sơn cung cấp không khớp nhau cả về nội dung, cả về lời văn, cần xác minh sai đúng giữa hai bản để chỉnh lý lại bản dịch.

Bản dịch tiếng Pháp của Antomarchi đã được tham khảo. Song vì nguyên văn tiếng Êđê của bản dịch có nhiều sai sót, lại từng chỗ có thể hiểu khác nhau giữa người dịch. Vì vậy bản dịch tiếng Việt này có những điểm khác cơ bản với bản dịch tiếng Pháp của antomarchi.

Rằng người ta là những người đàn bà thì hay sinh sự, đàn ông thì hay gây chuyện, tù trưởng nhà giàu thì...

Rằng người ta là con chim mling hót mùa khô, là con mlang kêu buổi chiều, rằng người ta hát với nhau giữa trai và gái (?).

Ông ta nói rằng ông ta đã nghe gió thổi ngoài bìa rừng, nghe sấm gầm ngoài rào làng

Ông ta nói rằng ông ta đã nghe người ta đo lại cái cuốc (?), người ta sửa lại con chà gạc, người ta nói với nhau về những chuyện sẽ xảy ra mai kia (?).

Nếu chắc chắn rằng những con người đó là những con đàn bà hay sinh sự, là những thằng đàn ông hay gây chuyện, thì những thằng đàn ông đó khác nào những con tê giác sợ bẫy sập, những con đàn bà đó khác nào những con cọp sợ mang cung. Ông ta bảo họ hãy đem cho ông ta một số bẽ, biếu ông ta một số sõng, để sau đó khi đứng dậy đi gùi nước thì đã có sẵn vách núi [để tựa], khi đi ngăn suối ngăn sông thì đã sẵn có những tảng đá [để dùng], nếu có chuyện kiện tụng xảy ra giữa người ta với họ thì cứ để mặc ông ta lo liệu.

Cây to bằng bắp chân là chỗ tựa của ông ta, cây to bằng bắp đùi là chỗ dựa của ông ta. Khi người ta leo lên nhà [để kiện] thì cứ để mặc ông ta; miệng ông ta sẽ lấp liếm; mồm ông ta sẽ cãi lại; cái cuốc [hỏng] thì ông ta đã có cách làm lại cho ngay ngắn, hãy cứ để mặc ông ta nói đâu là đúng đâu là sai. Còn bản thân anh [người đã đút lót] thì chân đã rút ra được rồi anh cứ lội nước; đùi đã thoát được rồi, anh cứ cho vướng nghệ [ý nói cứ yên tâm nằm với vợ]; nếu đầu anh bù, tóc anh rối nay đã thoát được thì anh hãy cầm lại cái lược. Chuyện giữa anh với người ta, mình đã thoát, ông ta [người đầu làng] sẽ là người dàn xếp, miễn là mình đã cho ông ta bao nhiêu đấy.

Người ta kiện là đúng, ông ta nói là sai. Vậy ông ta là người có tội.

CHƯƠNG IV

CÁC TỘI PHẠM ĐỐI VỚI LỢI ÍCH CỘNG ĐỒNG

68. VỀ NHỮNG KẺ LANG THANG, LÊU LỔNG KHÔNG CHỊU Ở LẠI LÀNG MÌNH

Hắn là một tên lang thang, lêu lổng, ăn bát đủ mọi nhà, đến đâu ngoác miệng ra xin ăn ở đấy, ở làng này thấy không tốt thì đi làng khác.

Hắn như cây kim lòi trôn ra ngoài, người thì ở trong làng nhưng trôn thì ở ngoài làng. Hắn là kẻ tuốt trần gươm ra để giữa sân làng.

Chừng nào hắn còn sống, hắn giống như con trâu rừng. Đến khi hắn chết, hắn sẽ giống như con trâu thần. Khi hắn biến thành con chim diều [khi hắn chết rồi], không một ai thấy thương tiếc hắn.

Quan tài hắn người ta bỏ mặc dưới mồ, hoặc người ta đem ném xuống vực sâu, chân tay hắn có gẫy nát cũng không một ai thấy thương xót.

Hắn là kẻ miệng rộng như miệng cái đơm, ngoạc ra như cái nong, không còn ai có thể nghe lọt tai được[1].

Hắn là cái nong sổ vành không ai cạp lại được, dầu cái sàng không còn ai cạp lại được. Tất cả mọi người, từ người thủ lĩnh tù trưởng nhà giàu cho đến từng bà con anh em dân làng, không một ai còn có thể khuyên bảo hắn được nữa.

Nếu hắn cứ như con muỗi tìm đốt cho được.

Nếu hắn cứ như con đàn bà, thằng đàn ông thích sinh sự thì sẽ không một ai muốn nhòm ngó, che chở hắn nữa. Người ta sẽ để mặc hắn cho số phận của hắn trôi nổi theo dòng nước.

1. Đoạn này có đôi chỗ còn bỏ trống, người biên tập đã bổ sung (CTS).

Như con lợn, con trâu để cúng hiến sinh, hắn đã gây ra chuyện thì hắn phải chịu thiệt mạng.

69. VỀ NHỮNG KẺ SỐNG PHIÊU BẠT, KHÔNG QUÊ HƯƠNG

Hắn là một kẻ như con dao cùn, như cây chà gạc quản, luôn luôn sinh sự. Hắn như con ngựa hoang, con trâu hoang. Không biết họ hàng gốc gác của mình, cha không có mẹ cũng không.

Hắn là một kẻ dốt nát không có ai dạy bảo, một người câm điếc không được ai dạy bảo cho điều gì.

Hắn đi lang thang, phiêu bạt, chân ở phía đông nhưng đầu lại ở phía tây, khác nào con bò rừng trên đồng cỏ.

Hắn không thịt ăn, không gây ra những chuyện xấu xa khắp các buôn làng.

Tay cầm sâu rơm, sâu xanh, hắn đi tìm người ta ở làng đông xóm tây để hù doạ. Hắn làm như một kẻ dại điên.

Như vậy, phải đưa hắn ra xét xử.

Như con lợn con trâu để hiến sinh, hắn sẽ phải chịu mất mạng vì chính những chuyện hắn đã gây ra.

70. VỀ NHỮNG KẺ Ở HẲN NGOÀI RẪY

Hắn đi lung tung, nay ở trong rẫy, mai ở trong rừng, chui nhủi lúc trong bụi le, lúc trong bụi lồ ô, sống như một con thú rừng.

Hắn biết chỗ nào bờ rào làng yếu, chỗ nào cổng làng đổ nát, hắn dò la đâu là hầm cất giấu chiêng ché, đâu là rừng thả voi, đâu là bên thả ngựa.

Hắn ngồi trong nhà, đít đặt trên ghế, nhưng mặt thì quay ra cửa ra vào, đầu óc thì hướng về phía rừng núi.

Hắn là một kẻ người thì ở trong làng, nhưng trôn lại để ở ngoài làng, hắn tuốt trần gươm đao của hắn giữa sân làng. Hắn vốn là một kẻ ganh tị với người tù trưởng nhà giàu.

Hắn ẩn náu trong đầm lầy, trốn tránh trong rừng sâu, sống lẻ loi một mình, trong núi rừng.

Hắn là kẻ có tội, phải đưa hắn ra xét xử.

71. VỀ CÁC CHUYỆN GÂY TAI HOẠ

Hắn đi ngay ở giữa làng, đầu đội chăn sờn chiếu rách, vai mang một ít với những nồi sứt bát mẻ, tay ôm cái ché và bát đĩa, còn lợn thì hắn cõng hắn khiêng.

Thế mà cơm hắn không hề cúng, bấp hắn không hề dâng, làm ma oán thần giận. Do đó sinh ra trong làng có người đau ốm, người ta đã sai một người, nếu không có đàn ông thì đàn bà, đi báo cho hắn và buộc hắn phải đến xem. Người bệnh đau nhẹ hay đau nặng đều do thần khiển trách vì chuyện hắn bỏ ra đi. Cả thầy bói sãi cây và cả thầy phù thuỷ, chữa bệnh sẽ vạch ra đâu là nơi hắn vướng vì hắn đã đi ngang qua giếng làng, qua vùng đất dành làm rẫy, khu rừng dành cho xúc tát cá.

Nếu là một người bệnh lúc đầu chỉ đau ít nhưng sau nặng lên hay là một người bệnh đau ít rồi bớt dần thì phải cho hắn thấy. Nếu người bệnh đã phải tốn lợn tốn gà [để cúng] thì cũng phải cho hắn thấy tận mắt.

Nếu người bệnh rốt cuộc lành được bệnh, thoát khỏi chăn chiếu, thì hắn phải trả đủ những gì người ta đã chi để chạy chữa cho người bệnh.

Nhưng nếu rốt cuộc người bệnh không lành được, không thoát khỏi chăn chiếu, nếu người bệnh chết thì hắn phải đền mạng, bởi vì người ta chết là do ma oán thần hờn, chuyện hắn đã bỏ ra đi, đem theo chăn sờn chiếu rách. Tội của hắn là đã không có chút gạo, chút ngô, cúng ma cúng thần.

Ma oán thần hờn gây ra chết chóc, công việc nương rẫy gặp khó khăn chính là vì vậy.

Cho nên hắn là kẻ có tội, phải đưa hắn ra xét xử.

72. VỀ TỘI TRUYỀN BỆNH CHO NGƯỜI KHÁC

Những năm có thiên tai, hạn hán thời tiết nóng nực, ông Adu, ông Adiê thường gieo rắc tai hoạ.

Hắn là kẻ đã bị thần làm, trời làm cho đau ốm, thế mà hắn không chịu xem, nhà hắn như có tang, hắn không chịu kiêng cữ.

Hắn làm cho con voi của thần Cá Sấu đến cọ mình vào cây kcik, như con voi của thần Cá Sấu đến cọ mình vào cây kpang, hắn muốn truyền bệnh cho dân làng của người tù trưởng nhà giàu.

Thế là vì hắn mà cả trăm người đã chết, cả nghìn người đã ngã xuống, chết cả những tay cuốc tay chà gạc giỏi giang, chết cả những người có tài tháo vát khoẻ mạnh.

Như vậy là có việc phải xử giữa người ta với hắn.

73. VỀ TỘI TRUYỀN BỆNH GHẺ LỞ CHO NGƯỜI KHÁC

Bệnh lở, bệnh ghẻ, hắn muốn truyền cho người ta. Hắn tha bệnh đi khắp làng tây xóm đông. Hắn tìm cách làm cho con cái tù trưởng nhà giàu mắc phải.

Hắn truyền cho người ta bệnh đậu mùa, họ làm cho bệnh lở loét lan ra, làm cho con cái người ta phải tắm hết thuốc đắng này đến thuốc chua khác.

Rồi đây, người ta không còn sinh con được những đứa con gái, không còn đẻ được những đứa con trai, người ta không còn sinh sôi con hàng trăm hàng ngàn để giữ lấy giống nòi, ấy là vì bệnh đậu mùa, bệnh lở loét mà hắn đã làm lan rộng ra.

Họ hàng không sinh sự, cây thuốc lá không đâm chồi, giống nòi không đông đúc, ấy là vì hắn.

Cây le cây lồ ô đang trổ ngọn, hắn đem chặt phắt. Con cái nhà giàu tù trưởng phải sinh sôi nẩy nở, ấy thế mà hắn tìm cách làm họ tuyệt nòi.

Như vậy là hắn có tội, có chuyện phải xét xử giữa người ta và hắn.

74. VỀ TỘI CÓ BỆNH TRUYỀN NHIỄM MÀ KHÔNG KHAI BÁO

Vào mùa khô, tiết trời nóng nực, nhiều người sinh ra đau ốm, có người mắc bệnh đậu mùa, có người nhiễm thuỷ đậu, lại có người đau cẳng đau chân, chăm sóc chẳng khỏi, thuốc men cũng không lành bệnh.

Có người đang ngủ mà phát bệnh, có người vừa ăn xong lăn ra chết, đàn ông có, đàn bà cũng có. Có nhiều người bị cảm, ho hoặc đau bụng, nôn mửa, tháo dạ rồi chết.

Tất cả các bệnh có thể lan rộng, lây đến các làng khác.

Nếu không một ai, là đàn bà hay đàn ông, chạy đi báo cho cây đa đầu suối, cây sung đầu làng, báo cho kẻ trông coi những người em người cháu, trông coi dân làng, [như vậy thì khác nào] họ đem trăn, đem rắn bỏ vào nhà người ta, khác nào kẻ thấy dân làng khoẻ mạnh sinh ganh ghét.

Hễ có chuyện này chuyện nọ, nhất là những chuyện hiểm nguy thì bao giờ cũng phải cho người đi báo với đầu làng.

Đằng này miệng hắn cứ im thít, răng hắn có dài, có chuyện này chuyện nọ trong làng hắn giấu kín, không báo cáo.

Như vậy, hắn là kẻ có tội, có chuyện phải đưa ra xét xử giữa người ta với hắn.

75. VỀ VIỆC PHẢI CÁCH LY NGƯỜI BỊ PHUNG CÙI, LÀM LỀU CHO HỌ Ở TRONG RỪNG

Người lên đậu, kẻ bị phung cùi hay lên thuỷ đậu, không được đem họ về ở trong làng.

Sợ rằng họ sẽ truyền bệnh đậu mùa, bệnh phung cùi, bệnh thuỷ đậu cho những người dân khác trong làng.

Vì vậy, cha mẹ họ, gia đình họ phải làm cho họ một túp lều trong rừng, một cái lẫm trong rú, và họ phải sống ở đó một mình.

Cha mẹ họ, gia đình họ phải làm cho họ một cái lán ở trong rừng, một cái lẫm ở trong bụi, và phải cấm họ không được trở về làng, cấm họ không được đi vào các chòi rẫy, cấm họ không được uống nước, không được tắm ở đầu nguồn, vì sợ rằng tất cả dân làng, không trừ ai, sẽ trúng bệnh.

Để đậu mùa, phung cùi, thuỷ đậy không lây lan sang người khác, người ta sẽ nhắc nhở kẻ làm cha làm mẹ, những người này sẽ là có tội, nếu họ không biết trông coi đứa con bất hạnh của họ, đứa con mà thần đã quở, trời đã phạt làm cho đau đớn thân xác.

Và nếu như vậy, có chuyện phải đưa họ ra xét xử giữa họ với người ta.

76. VỀ NHỮNG KẺ VU CÁO LÀNG NGƯỜI KHÁC BỊ BỆNH ĐẬU MÙA

Hắn là kẻ có cái miệng quen bịa đặt, có những cái răng dài ra vì những chuyện mà hắn phịa ra.

Kẻ cây tre cây nứa mọc cao mà muốn đem rút thấp xuống, đối với người ta, hắn cũng muốn làm như vậy, không có lý do.

Hắn là kẻ người ta đang khoẻ mạnh, hắn đem dây thừng tròng vào cổ, gây cho người ta những chuyện không hay.

Hắn đi bán rao những chuyện ngây ngô ngớ ngẩn bày đặt ra chuyện người này kẻ khác là có bệnh.

Hắn phao lên rằng cây bông gạo đã rỗng ruột, rằng cái cối giã gạo đã thủng trôn. Hắn muốn cho người ta tin rằng trong làng đã có người

lên sởi, lên đậu. Hắn đã bỗng dưng bịa ra những chuyện không đâu cho những người giàu có sang trọng.

Vì vậy có chuyện phải đưa hắn ra xét xử giữa người ta với hắn.

77. VỀ NHỮNG KẺ THẤY XÁC CHẾT, MÀ KHÔNG BÁO, KHÔNG NHẬN MẶT ĐÓ LÀ AI

Hắn là kẻ quen ăn giấu uống giếm, quen đắp điếm mọi sự.

Nếu hắn bắt gặp một người nằm lăn ra giữa đường hay nằm vắt qua giữa lối, vì say rượu hay bị trời làm trong lúc đang hạn hán nóng nực.

Thì lẽ ra hắn phải nghĩ ngay ra rằng người ta có thể bị ngựa xéo, voi chà, bị cọp tha vào rừng mất, rằng hắn sẽ là kẻ có tội, nếu hắn không đến tận nơi, nhìn tận mắt xem người nằm đó là ai, có thật họ đã chết rồi chưa.

Đằng này, vừa thấy người nằm đó là hắn đã bỏ chạy biến.

Hắn làm như vậy thì có khác nào như cái gậy mnũng đánh lén, như cái gậy mniêng đánh trộm, như chính hắn đã giết lén giết lút người ta trong bờ trong bụi.

Hắn làm như vậy khác nào hắn lén tròng dây vào cổ người, thắt cổ trộm người ta, khác nào hắn đâm trộm chém vụng người ta bằng đao bằng giáo.

Như vậy là có chuyện phải xét xử hắn.

78. VỀ NHỮNG KẺ CÓ DỊCH TRÂU BÒ, MÀ KHÔNG BÁO VỚI THỦ LĨNH ĐẦU LÀNG

Những năm hạn hán, vào mùa khô, ông trời hay thả xuống đất thứ nước gây bệnh tật, giết chết trâu bò.

Bò thì khoèo chân yếu đi, trâu thì cẳng mềm ra. Chúng không còn ăn cỏ uống nước được nữa.

Khi những ngày hội ăn uống đã hết, người đầu làng đã đi đây đi đó, đi khắp trong làng nhắc nhủ mọi người không sót một ai.

Ông bảo rằng khi có ăn đông uống vui thì phải vào cữ, làng nào ăn uống riêng làng ấy.

Bờ rào làng phải tăng cường, cổng làng phải củng cố, ở phía ngoài bên kia cổng làng, ở bìa rừng ven làng phải treo những tượng hình đầu trâu đầu bò.

Ông ta là cây đa mọc đầu suối, là cây sung mọc đầu làng, là người trông nom anh em con cháu dân làng.

Thế mà có kẻ ông dạy bảo hắn không vâng, ông dạy hắn không nghe. Hắn là kẻ dám thách cả cọp, muốn cao hơn cả thần, xem thường những lời dạy bảo của người tù trưởng nhà giàu.

Lửa hắn không tời lên, người hắn không gọi tới, hắn không tập hợp dân làng để bảo cho hay. Hắn không vạch ra cho thấy, không nói rõ ra cho tường tận rằng có trâu bò đau, phải đi báo với người đầu làng, tù trưởng nhà giàu.

Như vậy là hắn có tội, có việc nghiêm trọng phải đưa ra xét xử.

79. VỀ NHỮNG KẺ KHÔNG CHĂM SÓC ĐÀN GIA SÚC CỦA MÌNH KHI CÓ DỊCH BỆNH

Những năm có thiên tai hạn hán, thời tiết nóng nực, ông Đu, ông Adiê thường gieo rắc tai hoạ.

Những năm thiên tai hạn hán, vào mùa khô, khi trời nắng gắt, bệnh tật thường lan tràn trong khắp dân làng, làm trũng khắp mọi nơi, trên mọi nẻo đường, từ làng gần đến làng xa, trên toàn xứ.

Làng làng vì vậy phải lo giữ thân, phải đặt các dấu cấm đường ngăn trên mọi nẻo đường dẫn vào làng, phải cấm trâu bò làng khác đi vào làng mình.

Điều đó, ai có con phải lo dạy cho con, ai có cháu phải lo dạy cho cháu. Phải dặn chúng rằng [khi có dịch trâu bò] trâu bò làng nào phải ngăn riêng làng ấy.

Nếu có ai đó dám thách cả cọp, đòi cao hơn cả thần, xem thường mọi lời dạy bảo, vẫn cứ thả rông trâu bò, vẫn cứ để trâu bò làng mình đi lẫn vào đàn trâu bò của làng khác, thì nếu có trâu bò của người khác chết, hắn sẽ là kẻ có tội, có chuyện phải đưa hắn ra xét xử giữa người ta với hắn.

Như con lợn, con trâu để hiến sinh, hắn sẽ mất xác vì chuyện hắn gây ra.

80. VỀ CÁC VỤ CHÁY RỪNG

Đàn ông thường đốt lửa bừa bãi, đàn bà thường đốt lửa bậy bạ, có những người đốt lửa mà làm như kẻ điếc kẻ đui.

Đàn ông thường đốt lửa bừa bãi, đàn bà thường đốt lửa bậy bạ, có những người đốt lửa mà làm như kẻ điên người dại.

Thế là cây le đang đâm chồi, họ chặt mất ngọn, cây lồ ô đang đâm chồi, họ chặt mất ngọn. Nếu người ta đem những cây le, cây lồ ô đó cho người tù trưởng nhà giàu xem thì chân họ tất sẽ bị trói ngay, tay của họ người ta tất xiếng lại.

Cả rừng le bị cháy khô, cả rừng lồ ô bị cháy trụi, hang thỏ hang chồn đều bị thiêu trụi tất cả. Vì vậy có chuyện nghiêm trọng phải xét xử họ.

Ai có con thì phải dạy con, có cháu thì phải dạy cháu, kẻo có khi đi hái củi mà không biết đi, đi suối lấy nước mà không biết đi. E rằng họ sẽ đốt đuốc cầm theo.

E rằng đi rẫy lo việc nương rẫy mà không biết đi, cầm theo những đầu dây còn cháy dở có thể huỷ diệt cả rừng. Lửa sẽ bén vào rừng thiêu trụi cỏ cây mọi vật.

Còn e rằng lửa sẽ cháy lan ra, thiêu trụi cả xóm làng, thiêu trụi cả chòi, cả kho lúa người ta đã dựng lên trong rừng trong rẫy, mà chưa kịp dọn quang xung quanh.

Cho nên nếu biết được con đàn bà ấy là ai, thằng đàn ông ấy là ai thì việc xét xử phải đi đến buộc phải bồi thường.

Nếu kẻ phạm tội không có tài sản thì mức phạt có thể là buộc phải mất mạng.

81. VỀ VIỆC GÂY RA HOẢ HOẠN VÌ KHÔNG DẬP TẮT LỬA NHÀ MÌNH*

Hắn là kẻ buồn ngủ là đi ngủ, uống no rồi là lăn ra nằm, củi đang cháy dở không dập đi, để lửa cháy lan ra làm cháy hết đồ đạc của cải của cả làng.

Hôm qua, hôm kia khi mở hội ăn uống đầu năm, mọi người đã được lưu ý phải xem chừng.

Kẻ ngốc người câm đều đã được bảo ban, dặn dò.

Tội của hắn là như cái xa, cái máy cán bông chạy xộc xệch, là như con bò, con trâu không chịu xỏ dây, là tội của người con trai con gái không chịu nghe lời răn bảo.

Bởi vì hắn là kẻ người ta nói không muốn nghe, người ta khuyên răn không chịu làm theo. Hắn hành động như một người điên. Hắn có con mà không dạy, hắn có cháu mà không bảo. Hành động của hắn đúng là hành động vì ganh ghét.

Cho nên có việc phải đưa ra xét xử giữa người ta và hắn.

---

* Chú thích D.A: Xem luật Hittit của Hrozny: "Nếu một người dân tự do làm cháy một cái nhà, thì hắn sẽ làm lại cái nhà, nhưng có gì trong nhà bị chết, dù đó là người, là bò hay là cừu thì hắn không phải bồi hoàn" (tr. 77).

82. VỀ CÁC VỤ CHÁY LÀNG

Lửa đã lém, nước đã tràn, lửa đã lém, nước đã ngấm nong nia [đất đai xóm làng] đã bị ngập sạch.

Cột nhà, cột chòi, cột lẫm, bồ lúa, bịch thóc của người ta đều bị mất hết.

Nếu thuốc nhuộm, thúng đựng tro, hòn đá mài, trã luộc rau đều mất hết.

Bộ phản chân gùi, bộ ghế dài ngồi đánh chiêng, các ghế đẩu quanh bếp, các thang lên nhà, cái trống to đụng xà dọc đều mất hết.

Các ché tuk đỏ, ché êbah Mnông, vòng xuyến bát đĩa đựng trong gùi quý các gùi Giarai, các sọt to, các túi, các tay nải, các gói lớn gói nhỏ đều mất hết.

Các áo thâm, áo đỏ, áo gấm, áo thêu kim tuyến sang trọng, y phục của tù trưởng nhà giàu mất hết.

Cả những cây rầm nhà dài, những cây xà dọc lớn, cả thóc, cả gạo cũng mất hết.

E rằng nguyên nhân là thế này [lời người thủ lĩnh ngồi xét xử] hôm ấy khi tôi quyết định chúng ta mở hội ăn uống, tôi đã nhắc nhở bà con dân làng về việc củi lửa.

Người khờ kẻ dại tôi đã dạy, kẻ điếc câm tôi đã bảo. Miệng tôi không tiếc lời nhắc đi nhắc lại. Trong việc nhắc nhở con tôi không để xót điều gì.

Thế mà hắn đã bất chấp rào ngăn, đường cấm [có bẫy] bất chấp những lời tôi đã nhắc nhở khuyên răn. Hắn là kẻ dạy không nghe, bảo không vâng, các bài ca ông bà xưa để lại khuyên răn những gì hắn đều để ngoài tai.

Hắn là kẻ dám đọ sức với cọp, đòi cao hơn cả thần, bất chấp những lời người ta khuyên răn dạy bảo.

Vì vậy, có chuyện phải đưa hắn ra xét xử với người ta.

83. VỀ NHỮNG KẺ BẤT CHẤP LÀNG CÓ CỮ, CỨ XÔNG VÀO LÀNG

Hắn cời lửa lên, hãy đi mời mọi người. Hãy cời lửa lên, hãy mời về đây tất cả dân làng con cháu anh em [để nghe điều sau đây].

Năm có mùa, tháng có dịp, một tập tục là phải vào cữ.

Khi mùa khô đến cầu cho mọi nhà được tốt lành, làng được bình yên, con cháu được yên ổn.

Tín hiệu cữ đã cắm, cây chắn đường đã cắm, không cho người lạ tìm cách vào làng nhầm để làng được bình yên.

Khắp mọi nẻo đường vào làng đã chăng dây treo chão, chông đã cắm, nhánh cây đã trồng, kẻ nào bất chấp cứ đòi vào thì tóm cho được người hắn, chăn giữ chân hắn, tịch thu hết đồ đạc của hắn cho đến hết biết cữ ngày kiêng, cữ đặt mang cung, cữ ăn trâu ăn bò, trong ba ngày đêm.

Cho đến khi các cây cấm đã phá bỏ, các nhánh cây đã rút trần, đường xá được mở ra lại, lúc đó mới trả lại đồ đạc của hắn ta.

Còn đối với kẻ phạm tội cứ xông vào [làng], không biết đâu là phải, đâu là trái thì kẻ đó phải nộp vạ. Nếu là một cữ nhỏ thì nộp vạ ít, nếu là một cữ lớn thì phải nộp vạ lớn.

84. VỀ NHỮNG NGƯỜI BẤT CHẤP LÀNG CÓ CỮ VÌ DỊCH BỆNH, CỨ XÔNG VÀO LÀNG

Những năm hạn hán nóng nực, trời hay gây ra bệnh hoạn, chết chóc. Vì vậy làng phải cữ để năm tháng được trở lại yên lành. Nhiệm vụ cữ là của mỗi người dân.

Kẻ nào khi làng vào cữ, đường đã cắm dấu cấm đi, đường đã có cây chắn chặn lại, mà vẫn đi vào làng thì kẻ ấy là có tội.

Nếu vì thấy bị xúc phạm mà ông trời và các thần linh lại nổi giận, gây ra bệnh hoạn, chết chóc thì hắn phải chịu trách nhiệm.

Người ta đã phải giết bao nhiêu lợn, bao nhiêu gà để cúng thì hắn phải đền lại bấy nhiêu lợn bấy nhiêu gà. Có bao nhiêu ché rượu đã phải lấy ra để cúng, hắn phải đền lại đủ bấy nhiêu.

Nếu xảy ra có người ốm không khỏi được, cứ nằm li bì trên chiếu trong chăn thì hắn cũng là kẻ phải chịu trách nhiệm.

Nếu người đó chết thì hắn phải đền mạng, trả giá mạng người. Còn nếu người đó chỉ bị thương tật thì hắn phải chịu phạt một khoản bồi thường.

85. VỀ NHỮNG KẺ KHÔNG CHĂM SÓC CHU ĐÁO NGƯỜI ỐM

Những người đau mà không chăm, có người ốm mà không trông, có gạo có rượu mà không bỏ ra để lo chữa chạy cho người bệnh, có bà mụ mà không mời bà mụ, có thầy cúng mà không mời thầy cúng để lo chẩn trị kịp thời cho người bệnh.

Thuốc thang họ đã không lo, có lợn gà họ cũng không giết để cúng. Họ không chút quan tâm đến việc cứu chữa người bệnh.

Người bệnh nằm li bì trên chiếu, nằm mê man trong chăn, tiếng nói cứ yếu đi nhanh. Thế mà có bò họ không giết bò, có trâu họ không giết trâu để cúng thần, cúng tổ tiên cầu cho người bệnh.

Người bệnh khát nước, họ không đem nước đến cho uống. Người bệnh đói cơm, họ không nấu cơm đem đến cho ăn. Họ không lo cái ăn cái uống cho người bệnh.

Nếu chính họ lại là cây đa đầu suối, cây sung đầu làng, là người trông nom dân làng mà kẻ ngu người điếc trong làng họ không lo dạy bảo, họ không gần gũi dân làng, thăm hỏi nhòm ngó dân làng dù là chỉ trong một đêm hay một ngày.

Họ trốn tránh biệt tăm, giữ im hơi kín tiếng, chỉ mong sao phần họ được yên thân.

Tất cả những người đó, khi có người đau, bọn họ không trông nom, khi có người ốm họ không chăm sóc, thậm chí có ai đó trong làng đi qua, họ cũng không hỏi với lấy một câu về người bệnh.

Như vậy bọn họ đều là có tội, có chuyện phải đưa ra xét xử giữa người đầu làng và họ.

86. VỀ NHỮNG KẺ LẨN TRỐN HOẶC BỎ CHẠY KHI CÓ NGƯỜI KÊU CỨU, XIN ĐƯỢC GIÚP ĐỠ

Hắn là con đàn bà không biết điều, là thằng đàn ông không biết nghe. Hắn không một lòng một dạ với mọi người. Hắn muốn thách cả cọp, muốn cao hơn cả thần, hắn xem thường lời nói của người tù trưởng nhà giàu. Những điều người thủ lĩnh dạy bảo hắn đều không nghe.

Hắn không nghe cùng một tai, không nói cùng một miệng, không một lòng một dạ với mọi người. Con tê giác đến gây tai hoạ là chuyện nguy cấp, người ta lo xua đuổi, hắn không cùng đi. Con voi đến gây tai hoạ là chuyện nguy cấp, người ta lo xua đuổi, hắn không cùng đi. Ma lai quỷ dữ gây chết chóc là chuyện nguy cấp, hắn không đến viếng thăm, hắn không tham gia chôn cất người không may mà chết.

Hắn đi trốn biệt tăm, giữ im hơi lặng tiếng, chỉ mong sao phần hắn được yên thân.

Có tê giác đến gieo hoạ, hắn không góp phần xua đuổi, có voi đến gây tai hoạ, hắn không góp phần xua đuổi, khi người tù trưởng nhà giàu, khi những người anh em có chuyện nguy cấp, hắn không góp phần giúp đỡ.

Như vậy hắn là kẻ có tội, có chuyện phải đưa hắn ra xét xử giữa người đầu làng và hắn.

87. VỀ NHIỆM VỤ NGƯỜI DÂN PHẢI GIÚP ĐỠ NHAU TRONG MỌI VIỆC

Củi nặng thì mang giùm, nước nặng thì gùi giúp, công việc nương rẫy muộn màng thì phải giúp nhau làm cho kịp thời vụ, ai ốm ai đau phải được mọi người trông nom chăm sóc.

Khi sống, ché rượu phải có đông người uống. Khi chết, đám tang phải có đông người dự, truyền thống đó mọi người không được quên đi.

Tất cả phải nghe cùng một tai, nói cùng một miệng, tất cả phải một lòng một dạ.

Tất cả dân làng từ những người anh em con cháu đến những kẻ ăn người ở, tất cả mọi người ở đây và ở kia, tất cả đều phải lắng tai nghe lấy điều này.

Có ai đó, dù đó là đàn ông hay đàn bà, không chấp nhận truyền thống đó, không tán thành những lời nhắc nhở đó thì kẻ đó có tội với người đầu làng, phải đưa hắn ra xét xử. Hắn phải nộp phạt cho người đầu làng giá trị 1 kõ và phải cúng hiến sinh cho dân làng 1 lợn giá trị 1 sõng.

88. VỀ HÀNH VI ĐỘC ĐOÁN BẮT NGƯỜI TRONG NHÀ MỘT NGƯỜI KHÁC

Hắn là kẻ vô cớ bắt bớ người ta, tự nhiên vây bắt người ta ở nhà một người khác. Hắn bắt cả con cái tù trưởng nhà giàu, cả những người anh em [dân làng] mà không có lý do.

Hắn tìm chụp như chụp nơm, quăng câu như câu cá. Hắn chộp người ta như diều hâu, chồn cáo thường chộp.

Hắn làm ô uế cây xà ở dưới [đỡ sàn nhà], ô uế cây xà dọc ở trên, hắn cố ý bắt người trong nhà người tù trưởng nhà giàu, trong nhà của người con người cháu, vì vậy có chuyện phải đưa hắn ra xét xử.

89. VỀ NHỮNG KẺ LƯỜI BIẾNG, KHÔNG CHỊU LÀM RẪY

Những kẻ lười tay dao tay cuốc, lười việc rẫy việc nương, không trồng lấy một cây bắp cây dưa rễ [để có ăn].

Hễ no cơm rồi thì nằm lăn ra ngủ, no rượu rồi thì chỉ thích nằm dài. Nghèo đói là thế nào, chúng không lo gì đến.

Chúng là những kẻ mẹ dạy không nghe, cha bảo không vâng, những bài ca cổ truyền dạy bảo gì, chúng đều bỏ ngoài tai.

Miếng cơm cọng rau, chúng không có, thức ăn đồ uống mà ai ai cũng có chúng đều không có.

Cả chòi rẫy, chúng cũng không có, còn nhà ở của chúng thì trống tuếch trống toác. Những người tù trưởng nhà giàu ai ai cũng khinh ghét chúng. Buổi chiều thì chúng ăn cơm ở nhà này, buổi sáng thì chúng ăn cơm ở nhà khác. Chúng đi đâu thì chúng ngủ ở đó. Chúng cứ nhởn nhơ như vậy, chẳng mó tay vào bất cứ việc gì.

Vì vậy, con chó ăn vụng thì phải trị bằng ném cho một quả cà nóng, con người dữ tợn thì phải trừng trị, kẻ lười biếng công việc nương rẫy cũng phải bị trừng phạt.

90. VỀ NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ LÔNG BÔNG, LÊU LỔNG

Như con muỗi lạc đàn, như con ruồi mất mẹ, mụ ta là kẻ không mẹ không cha.

Lăng quăng như con gà tìm ổ đẻ, mụ ta đến làng này thấy xấu thì đi tìm ngay làng khác, đến nhà người này không tốt thì đi tìm ngay nhà một người khác.

Nhờ lang thang nên mụ ta có nhiều bát ăn. Rau mụ ta ăn nhà này, cơm mụ ta ăn nhà kia. Mụ ta đến đâu là ngủ lại đó, đi đến đâu là nằm lại đó.

Mụ ta ăn không chừng uống không mực, nương rẫy không làm, củi không kiếm, nước không gùi, chòi rẫy không bao giờ mụ ta đặt chân đến.

Bông mụ ta không hái, sợi mụ ta không se. Tay mụ ta không bao giờ sờ mó đến cái cối cái chày. Mụ ta ăn ở không vừa lòng ai.

Mụ ta cứ nghĩ đến chuyện đi lang thang, chân để ở phía đông, đầu để ở phía tây. Khác nào con bò rừng trong rừng tranh.

Bảo ban mụ ta không nghe, dạy dỗ mụ ta không theo, mụ ta làm như con điên con dại.

Mồm mụ ta ngoạc ra như miệng cái nơm, mồm mụ ta ngoác ra như cái nong. Mụ ta quả là mụ đàn bà không uốn nắn được.

Bởi vậy, chó đã háu ăn thì phải ném cho nó một quả cà nóng [để trừng trị]. Kẻ bất trị thì phải răn đe trừng phạt.

91. VỀ NHỮNG KẺ KHÔNG THAM GIA VIỆC CỨU HOẢ

Tê giác là một kẻ thù, phải giúp nhau đánh đuổi, voi là một kẻ thù, phải giúp nhau đánh đuổi. Nếu kẻ thù là ma ác quỷ dữ thì càng phải chung sức chung lòng giúp đỡ những người lâm nạn, phải đến viếng thăm, cùng chia sẻ nỗi buồn đau. Hễ nghe có ai đó bị khó khăn nguy hiểm là phải báo cho mọi người biết để cứu trợ.

Thế mà hắn [kẻ không tham gia dập tắt cháy làng] đã lặng thinh, im thít, bình chân như vại, khi thấy cháy làng, nhà của chòi lẫm bị thiêu, hắn đi không chạy đến ngay, tham gia cứu chữa.

Hắn làm như hắn là người lạ, không phải là người làng. Hắn xử sự như một kẻ người dưng nước lã.

Có địch, hắn không khẩn cấp chém ngay, thấy địch rồi hắn vẫn không tham gia bắn. Chuyện nguy ngập xảy ra buổi sáng, đến chiều vẫn chưa thấy mặt hắn tại chỗ.

Như vậy hắn là kẻ có tội có chuyện phải đưa ra xét xử giữa người ta với người đầu làng.

92. VỀ NHỮNG KẺ ÂM MƯU GÂY HOẢ HOẠN

Hắn là kẻ ganh ghét người Êđê, ganh ghét cả các thần linh. Vô cớ hắn cầm lửa đốt tụi rừng tranh, hắn cấm lửa thiêu trụi xóm làng của người tù trưởng nhà giàu, của những người anh em dân làng.

Nếu hắn là một con đàn bà mà người ta biết rõ là ai, nếu hắn là một thằng đàn ông mà người ta biết rõ nó là ai, nếu là trâu bò mà người ta biết chắc ai là người chăn dắt, nếu người ta tóm được cổ hắn, nắm được cánh tay hắn, nhận được mặt mũi hắn thì người ta sẽ lấy dây đem dăng nó ra, lấy dây trói nó lại, bắt hắn làm nô lệ hay cầm tù hắn. Nếu hắn là một thằng đàn ông thì hắn sẽ bị xử chém. Nếu hắn là một con đàn bà thì

người ta sẽ đem hắn bán cho tù trưởng nhà giàu để lấy trâu lấy bò cho những người anh em dân làng.

Như vậy là để cho lợn đừng háu ăn, cho chó đừng quen thói, cho nồi niêu chén bát đừng bị vỡ nữa.

93. VỀ TỘI CHÔN CƠM NGUỘI TRONG RẪY NGƯỜI KHÁC

Làm uế tạp đất đai, nước non của người ta, e rằng kê sẽ không trổ, lúa sẽ không đâm bông, mùa màng sẽ thui chột, đất sẽ không còn màu cho lúa mọc, rừng sẽ không còn màu cho kê nảy mầm, dòng họ sẽ không giầu có lên được nữa. Việc làm đó còn nguyên, người ta xem là một điều tối kỵ.

Kẻo đất không còn xanh tươi, nước không còn đổi mới, cây chuối cây mía trồng không mọc, cây lúa cây kê sẽ lụi tàn, không lớn lên được, không vào hạt được.

Nếu người ta biết con đàn bà là ai, thằng đàn ông là đứa nào, đứa nào là kẻ chăn dắt bò trâu, nếu người ta biết được kẻ đã đem cơm nguội chôn vào rẫy thì người ta níu giữ hắn nắm lấy hắn tóm tay hắn để biết chắc mặt mũi hắn, người ta dẫn hắn tới cây đa đầu suối, cây sung đầu làng, người trông coi anh em con cháu dân làng.

Cây đa đầu suối sẽ đánh giá [sự việc] bỏ qua [định giá], giải quyết vụ việc.

Nhưng nếu thằng đàn ông, con đàn bà đó không chấp nhận điều cây đa đầu làng đã phán quyết thì người này sẽ dẫn hắn tới người "khoa kring" [chánh tổng ở vùng Êđê thời Pháp thuộc].

"Khoa kring"[1] sẽ đưa hắn đến toà án, toà án sẽ chất vấn kỹ càng hắn một lần nữa.

---

1. Người đứng đầu một khu vực gồm một số làng buôn. (CTS).

Và nếu chính hắn là thủ phạm, là thằng đàn ông đã đem chôn bừa, là con đàn bà đã vùi ẩu [cơm nguội vào rẫy người ta] làm như là những kẻ đui người điếc, thì hắn là kẻ có tội, hắn như ma ganh ghét với người ta.

Như vậy là có chuyện phải xét xử giữa người ta với hắn.

Hắn phải hiến sinh một lợn giá 2 sõng cho chủ đánh rẫy, và một lợn giá 1 kõ để cúng tẩy uế cho đất.

94. VỀ TỘI MAI TÁNG TRONG RẪY NGƯỜI KHÁC

Làm uế tạp đất đai, nước non của người ta, e rằng kê sẽ không trổ, lúa sẽ không đơm bông, mùa màng sẽ thui chột, đất sẽ không còn màu cho lúa mọc, rừng sẽ không còn màu cho kê nảy mầm, dòng họ sẽ không giàu có lên được nữa. Việc làm đó, đối với con người, người ta xem là một điều tối kỵ.

Nếu có kẻ xây mồ đắp mả, trồng các cột kút cột klao* trong nương rẫy người khác thì như vậy hắn đã làm một trò đùa ngạo mạn quá quắt, tự gây cho mình chuyện nghiêm trọng.

Hắn sẽ phải trả giá, nộp phạt để điều cấm kỵ được bỏ qua, để điều xấu xa được gột sạch, để kê trở lại sinh sôi, lúa lại đâm bông nảy hạt, để con người mạnh khoẻ tấn tươi.

Như vậy là có chuyện phải xét xử.

Hắn phải tẩy uế đất bằng trâu trắng.

Một con lợn bạch sẽ được giết để làm hiến sinh cho người chủ rẫy.

---

* Cột trang trí và đánh dấu ngôi mộ (ND).

CHƯƠNG V

VỀ HÔN NHÂN

95. VIỆC TRAO VÒNG ĐÍNH HÔN VÀ TỪ HÔN

Trai gái ưng nhau, nguyện vọng là được thành vợ thành chồng.

Muốn vậy, họ hãy mời các anh em trai trong gia đình, các ông cậu, ông bác trong họ đến: cần rượu ngậm miệng, vòng đồng cầm tay, họ sẽ giới thiệu người đứng ra làm mối.

Họ sẽ trao cho nhau các vòng cườm đeo cổ, các vòng đồng đeo tay, vòng kia đổi lấy vòng này, vòng này đổi lấy vòng kia, vòng của người con gái sẽ trao cho người con trai, vòng của người con trai sẽ trao cho người con gái.

Trâu bò không ai ép thừng, trai gái không ai ép duyên. Nếu hai người ưng nhau muốn lấy nhau thì vòng cứ đặt trên chiếu, tự họ, họ sẽ cầm lấy, không một ai cầm trao tay cho họ.

Nhưng, nếu sáng ngủ dậy khi mặt trời vừa mọc, chàng trai đã đêm nói một đằng, ngày nói một nẻo, quay đi quay lại đã nói khác rồi, anh ta không bằng lòng lấy cô gái kia nữa.

Thì đó là một điều làm nhục cô gái, anh ta phải trả cho cô gái một khoản tiền bồi thường 1 *kõ*, và làm 1 lễ *kpih* hiến sinh một lợn giá 1 *sõng*.

96. VỀ VIỆC QUÁ HẸN KHÔNG NỘP ĐỦ CỦA DẪN CƯỚI

Đã hứa thì phải giữ lời, phải nộp cho gia đình gốc gác của người ta đủ số của dẫn cưới.

Họ cứ làm như cây sào vắt chăn mền đung đưa qua lại, cứ đến hạn họ lại khất, hết tháng này qua tháng khác, hết năm này qua năm khác, hết mùa ve *tê*, ve *tiết* này kêu lại đến ve *tê* ve *tiết* khác kêu.

Các trái xoài thật là ngon lành, các trái vải thật là đáng thèm, thế nhưng họ chỉ cho xem bằng mắt, họ không thực tâm muốn cho, họ lơ là trong việc đem giao. Họ đã tỏ ra nhạt nhẽo với người con rể.

Họ là những người đêm nói một đằng, ngày nói một nẻo, vừa quay lưng đi đã nói khác rồi.

Như vậy là họ vặn vẹo như cây cầy [knia], cong queo như cây đa [Mnũt]. Vậy thì có chuyện gì mà lòng dạ của họ không còn được như cũ, trâu bò của họ đã đem đánh dấu khác đi, có chuyện gì mà họ đã buông ro cây cần rượu đang ngậm ở miệng, mà họ đã tháo vứt đi cái vòng tay hai đầu đã khép lại. Nếu có chuyện gì thì hãy nói ra, là chuyện sông đã tràn bờ hay chuyện sông đã kiệt nước, hay là chuyện có lời ăn tiếng nói không hay với nhau. Nếu có chuyện đã cũ như củ khoai vì để lại từ xưa nên đã teo quắt rỗng ruột thì thương lượng trả giá đến mạng, bồi thường.

Nhưng đây lại là chuyện hứa mà không nộp, hẹn mà không giao, chuyện vi phạm điều đã cam kết.

Kể từ bấy đến nay đã biết bao năm đợi tháng chờ, đã trải qua mười mùa rẫy mới, năm mùa rẫy cũ.

Đây phải đâu là chuyện họ đi mua chiêng mà không mua được, họ đi mua voi mà không mua được, thực ra trước đây họ chỉ làm cái việc đi mua hoa thơm về để cầm chơi.

Vì vậy ngay đêm hôm nay, ngay ngày hôm nay, họ phải đem giao nộp, có được như vậy chúng tôi mới chịu. Phải đâu con chúng tôi là đứa làm ăn không giỏi, công việc nương rẫy không sành, đâu phải là đứa sáng ở nhà cha trưa về nhà mẹ.

Nếu họ không đem giao nộp ngay đêm hôm nay thì nó là con của chúng tôi, chúng tôi sẽ rút nó về lại với chúng tôi.

Và trong trường hợp đó, tội thuộc về họ.

97. VỀ VIỆC NỐI NÒI KHI NGƯỜI CHỒNG CHẾT

Giầm nhà gãy thì phải thay, giát sàn nát thì phải thế. Chết người này thì phải nối bằng người khác.

Vì tranh cùng một dòng, [cây] knôk cùng một họ, hai dòng họ đã lấy nhau, nuôi lẫn nhau từ xưa.

Như đối với rẫy cũ, với củi mniêng, quý những hạt giống do ông chúng ta, do bác [anh trai của mẹ] chúng ta để lại, như chúng ta quý các hạt giống của lúa hdrô lúa blã để lại từ cũ, từ xưa.

Tục lệ luôn luôn là cây quá giang nằm trên, cây xà dọc nằm dưới, là đi từ tây sang đông, là người [chết] phải được nối, người nòi phải được cho. Từ những đời ông bà xưa tục lệ là như vậy.

Đó không phải là những tập quán mới được đặt ra ngày hôm nay mới được biết, không phải là những tập quán ông cũ bà xưa của chúng ta chưa hề biết đến.

Vì sợ rằng cái bếp sẽ nứt, cái nhà sẽ nát, cái rào sẽ đổ, sợ rằng cái bếp sẽ nứt, cái nhà sẽ rã, lời ăn tiếng nói sẽ buồn rầu.

Cho nên tập quán là đứt thì phải nối lại, yếu thì phải làm vững lên.

Kẻo gia đình sẽ tan tác ngoài nương rẫy, dòng họ sẽ kiệt quệ đi, giống nòi sẽ khô kiệt như những con suối trong núi [mùa hanh khô], kẻo tuyệt nòi không còn con cháu nữa.

Vì vậy, tập quán là phải luôn luôn nối lại.

---

* Chú thích D.A: Tục lệ gọi là "Bi cuê brei nuê" [nối lại bằng cho một người nòi] quy định rằng khi trong hai vợ chồng có một người chết thì gia đình người chết phải tức thì có người thế vào.

Hôn nhân ràng buộc không chỉ người đàn ông với người đàn bà mà cả dòng họ của người đàn ông với dòng họ của người đàn bà. Một khi hôn nhân đã thành rồi thì không gì có thể gián đoạn sợi dây đã ràng buộc, kể cả cái chết cũng vậy. Như vậy là tục lệ thay thế nhằm củng cố hôn nhân và bảo đảm cho nó có sự lâu dài. Sự vi phạm tục lệ đó sẽ dẫn đến sự tan rã của gia đình, sự phân tán gia sản và gieo rắc sự bất hoà trong các gia đình.

98. VỀ TẬP TỤC PHẢI NỐI NÒI, NHƯNG VÌ KHÔNG CÓ CON CHÁU TRỰC HỆ LÀM NÒI THÌ PHẢI XIN MỘT ĐỨA CON CỦA CHỊ EM GÁI CÙNG HỌ LÀM NÒI*

Tập quán là gẫy giầm sàn thì phải thay, gẫy giát sàn thì phải thế, người này chết thì phải nối bằng một người khác.

Đứt thì phải nối, yếu thì phải làm vững lên, tập quán có từ xưa luôn phải.

Cậu chết thì nối lại bằng cháu [cháu trai của cậu] bà chết thì nối lại bằng cháu [ba đời của bà], người này chết thì ghép người khác vào.

Họ sẽ phát đầm để trồng cau, sẽ phát tranh để trồng mía. Không có con đẻ của chính mình thì họ sẽ tìm xin con của người chị, tìm xin con của người em gái. Ở làng này không có thì họ sẽ tìm ở làng khác, miễn là thuộc cùng một dòng họ.

Con của chị gái, họ sẽ tìm mua, con của em gái, họ sẽ tìm mượn, con của tù trưởng nhà giàu, họ sẽ hỏi thuê.

Kẻo bếp sẽ nứt, nhà sẽ tan, lời ăn tiếng nói trong nhà buồn rầu.

---

* Chú thích của D. A: Án lệ: Vụ xử số 25 ngày 2 - 4- 1925, người trưởng họ của người chết đã bị phạt tù giam cho đến khi đã có một người đàn bà để làm nòi giao cho người đàn ông goá.

Chú thích của Công sứ tỉnh: Tôi xin lưu ý ông Khâm sứ đối với vụ xử quan trọng này và đối với tục lệ rất có ý nghĩa đã là lý do của vụ xử tù giam tên Y Dju. Tục lệ này đảm bảo tính liên tục của dòng họ và sự gia tăng của tài sản gia đình.

Sự không tuân thủ và vi phạm tục lệ đó từ gần 25 năm nay là một trong những nguyên nhân chính của sự suy thoái xã hội ở những bộ lạc Mã Lai - Pôlinêxia ở Đắc Lắc, những gia đình đông đúc đã giảm dần số đi một cách rõ nét hoặc đã tan biến đi mất, còn của cải thì bị phung phí.

Y Dj u chỉ ở trong nhà ra có 24 tiếng đồng hồ, người nòi trước đó không có, nhưng chỉ trong một thời gian hết sức ngắn đã tìm ra.

Vụ xét xử số 21 ngày 8 - 2 - 1926: buộc phải hoàn lại các của cải ênôah đôah bị chiếm đoạt với lý do người ta đã không tìm được một người đàn ông làm nòi.

Chú thích của NHT:

Cho đến nay, khái niệm nuê thường được dịch là "người thay thế", cách dịch này phỏng theo cách dịch của Pháp là Le remplacant mà chúng tôi nghĩ là không đúng. Trong bản dịch này, chúng tôi dịch nhất quán là "nòi", người nòi. Nuê của người Êđê có tương đương trong nhiều tiếng dân tộc ở Tây Nguyên: noi (Bana), nuai (Giarai, Chăm, Ra-glai) Trong tiếng Việt đó là nòi như trong khái niệm "nòi giống" hay "giống nòi".

Tập quán từ xưa là các dòng họ muôi lẫn nhau, lấy nhau qua lại. Tập quán đó không phải ông bà chúng ta chưa biết đến.

Nếu họ tỏ còn non, ngửi thấy mùi nước, nếu họ tỏ ra còn nhạt, chưa thấy thơm mùi nghệ, nếu họ không thực bụng muốn [nối nòi] thì tội thuộc về họ.

Nếu phía người đàn ông [người chồng chết] không chc người nòi để nối lại thì các chị em gái anh ta và các cháu [gọi anh ta bằng cậu] chỉ được hưởng một phần nhỏ số tài sản sinh thời anh ta do làm chung với vợ mà có [số tài sản này, người Êđê gọi bằng thuật ngữ *ênuah duah*].

Nếu phía người đàn bà [người vợ chết] không cho người nòi để nối lại thì các chị em gái của người đàn ông goá và những người cháu gọi anh ta là cậu sẽ được hưởng một phần lớn số tài sản do anh ta đã làm chung với người vợ anh ta khi chị này còn sống mà có [phần tài sản này, người Êđê gọi bằng thuật ngữ *mnhai kpinao*], chỉ một phần nhỏ để lại cho những đứa con của anh ta.

99. VỀ VIỆC NỐI NÒI BẰNG MỘT ĐỨA CON GÁI QUÁ BÉ MÀ NGƯỜI CHỒNG THÌ ĐÃ LỚN TUỔI

Giầm sàn gẫy thì phải thay, giát sàn gẫy thì phải vá, người mà mất đi thì phải nối lại.

Đứt thì phải nối lại, yếu thì phải làm vững lại.

Không được để cái bếp nứt ra, không được để cái nhà nát ra, không được để lời ăn tiếng nói trở thành buồn rầu.

Cho nên cần có người để cuốc đất làm rẫy, trồng cây dưa cây bắp như trước đây.

Nhưng cháu [gái] ba đời chúng tôi vẫn còn là một đứa bé nằm đườn ra trên chiếu, một đứa bé cuốn lấy cái chăn, một đứa bé còn chưa rời được chân cha mẹ.

Cháu còn nhỏ như vậy thì xin hãy dìu dắt nó, anh [ông] đã lớn tuổi xin hãy cứ đợi chờ.

Cháu không thuận thì anh hãy dỗ dành bằng chuỗi cườm.

Còn nếu anh [ông] chân thì trên đường, nhưng tay trong bụi, nếu anh [ông] có dan díu với một người đàn bà nào đó thì cũng được thôi, không có chuyện gì phải đưa ra xét xử, miễn là anh [ông] vẫn lo việc cuốc đất làm rẫy, trồng cây dưa cây bắp, miễn là anh [ông] vẫn lo việc phát bìa rẫy, chặt các bụi bờ [quanh rẫy], đuổi con két con vẹt, giữ gìn cái vòng cưới, chăm nom nuôi nấng con cháu cho được sung sướng, chăm lo con ngựa giống con trâu giống, sao cho có nhiều lợn ở dưới [gầm sàn] có nhiều gà ở trên [sàn nhà], sao cho vòng đồng bát đĩa trong gùi quý được cất giữ chu đáo.

Còn nếu anh [ông] không nán không chờ được, nếu anh [ông] thấy trong rừng có bông hoa vàng, trong bụi có bông hoa đỏ, anh [ông] thấy có một người đàn bà nào đó mà anh [ông] ưng [lấy làm vợ] thì anh [ông] có tội, tất cả các tài sản sẽ thuộc về vợ nòi, anh [ông] còn phải chịu một khoản bồi thường cho người nòi. Còn anh [ông] thì sẽ phải ra đi [khỏi nhà vợ] với hai bàn tay không, không được mang theo một chút gì, dù đó chỉ là một miếng trầu, miếng vỏ.

100. TRƯỜNG HỢP NỐI NÒI BẰNG MỘT CHÀNG TRAI TRẺ CHO MỘT NGƯỜI VỢ ĐÃ GIÀ THÌ NGƯỜI VỢ PHẢI CHO ANH TA MỘT NGƯỜI VỢ LẼ ĐỂ KHÔNG BỊ TUYỆT NÒI, ĐỂ NHÀ KHỎI TAN, CỬA KHỎI NÁT

Đòn dọc mà yếu đi là phải thay, quá giang mà yếu đi là phải thế. Bà ấy [bà goá] đã già, không còn làm được việc xới cơm đơm canh, mắt đã kém không còn làm được công việc bếp núc, vì vậy, phải chọn trong các cháu gái [ba đời] của mình một đứa để làm vợ lẽ cho người nòi.

Vì sợ rằng sẽ bị tuyệt nòi, đường con cái không chắc do bà ấy đang già đi, mắt mờ da nhăn nheo như lá thuốc [thuốc hút] héo.

Bà ấy không còn khả năng sinh đẻ, khó tránh được bếp sẽ nứt, nhà sẽ nát, cái cọc rào sẽ bị nhổ mất.

Vì vậy đã sợ mất thì bà ấy phải lo nối, đã sợ yếu đi thì bà ấy phải lo củng cố, bà ấy phải đưa thêm người cháu gái [ba đời] của bà ấy vào, để việc cuốc đất làm rẫy được trôi chảy, để cái vòng cưới vẫn được giữ gìn, con cháu được chăm nom nuôi nấng sung sướng như ở buổi đầu xưa kia, để họ hàng được phồn vinh, con đàn cháu đống, mãi mãi trường tồn.

Đó là lý do phải cho người nòi một người vợ lẽ.

101. NẾU NGƯỜI VỢ ĐÃ GIÀ, THÌ PHẢI CHO NGƯỜI TRAI NỐI NÒI MỘT NGƯỜI VỢ LẼ ĐỂ CÓ CON CÁI, TRÁNH TUYỆT NÒI

Bà ấy tuổi đã cao, mắt đã mờ, tóc đã rụng, ngày càng già đi, không còn nấu được cơm được canh, muốn dệt khố áo cho người chồng nòi nhưng mắt không còn thấy được đường chỉ dệt.

Thế thì vì xà dọc đã yếu nên phải thay, quá giang đã yếu nên phải thế, bà ấy phải lấy cho người chồng nòi một người cháu gái [cháu ba đời] làm vợ lẽ.

Người chồng nòi đang còn là một người trai trẻ sung sức, mặt mũi tươi tắn, đang ở độ tuổi có thể đi xúc tát, đi làm rẫy làm chòi. Anh ta cần có người cùng đi, đun cho bầu nước, gói cho gói cơm. Anh ta cũng cần có người dệt cho tấm áo cái khố.

Ước mong là có con đàn cháu đống, là có trẻ em đông đúc như xưa, nhưng sợ rằng.

Vì lúc này bà ấy đã già rồi, mắt đã mờ, da đã nhăn như tàu thuốc lá héo rồi, không còn sinh đẻ được nữa.

Khi người đàn bà đã già đi thì phải làm như vậy. Khi người đàn ông già đi thì cũng phải làm như vậy. Đó là điều đã có từ bà xưa ông cũ, không phải điều mới bày đặt ra ngày nay mà là một tập quán từ xưa.

Ai mà vi phạm là có tội, có việc phải đưa họ ra xét xử.

102. VỀ TRƯỜNG HỢP CHỒNG LỚN - VỢ BÉ, NẾU NGƯỜI CHỒNG NGOẠI TÌNH THÌ KHÔNG CÓ CHUYỆN GÌ PHẢI XÉT XỬ

Đã là vợ mà vẫn còn là một con bé con vú chưa nhú, chưa biết muốn đàn ông.

Ngực chưa căng, bẹn còn hẹp, chưa biết làm dáng như mọi người con gái.

Tóc chưa xén, răng chưa cà, công việc làm ăn chẳng biết gì.

Đúng là một con bé vẫn còn chơi vóc đất, vẫn còn phải bám thang [khi leo lên leo xuống nhà], vẫn quấn lấy chân cha mẹ.

Ngủ thì chưa rời được mẹ, phải rúc trong chăn, phải bám lấy cha mẹ.

Vợ còn là một trẻ nít như vậy thì anh ta phải lo dìu dắt chỉ vẽ, vì vợ đang còn bé cơm canh chưa biết nấu, điếu thuốc miếng trầu [cho chồng] chưa lo, nói gì đến việc vợ chồng biết ăn nằm với nhau.

Vì vậy nếu anh ta chân đi trên đường, nhưng tay để trong rừng, nếu anh có dan díu với một người đàn bà nào đó thì cũng được thôi, không có chuyện gì phải xét xử.

103. VỀ TRƯỜNG HỢP NGƯỜI CHỒNG CÒN BÉ, CHƯA BIẾT MUỐN ĐÀN BÀ, NẾU VỢ ANH TA CÓ THỂ NGOẠI TÌNH, THÌ KHÔNG CÓ CHUYỆN GÌ PHẢI XÉT XỬ

Đứt thì nối lại, yếu thì phải làm vững lại, tập quán là phải làm lại được như cũ như sưa.

Giầm nhà gẫy thì phải thay, giát sàn nát thì phải giặm, người này chết đi thì một người khác phải nối vào bằng một người khác, [như vậy] để khi đi thì phía sau có những người đệp, phía trước có những người cháu [gọi bằng cậu], miễn là bên họ người chết có một đứa bé dù là mới ngang đầu gối, cao ngang thắt lưng cũng là tốt rồi.

Để cái bếp khỏi nứt, cái nhà khỏi rã, để lời ăn tiếng nói trong nhà không buồn rầu.

Thì dù đứa bé đó chưa biết phát bìa rẫy, chưa biết phát bụi bờ [quanh rẫy] cũng cứ được, chưa biết đuổi con két con vẹt cũng được. Đứa bé còn ngờ nghệch thì dạy bảo nó, còn ngốc nghếch thì sẽ chỉ bảo nó, nếu nó lười biếng công việc nương rẫy thì sẽ tập cho nó biết làm.

Chị ta vốn là một người chăm chỉ như con voi đã thuần, [hơn nữa] lại là một người mẹ đã có con, trăm công nghìn việc đều thông thạo.

Nếu chị ta có dan díu ngoại tình, đi ngang về tắt trong rừng với một người đàn ông nào đó thì cũng chẳng sao, miễn là nồi cơm nồi canh chị ta vẫn lo tươm tất, tấm khố manh áo cho người chồng chị ta vẫn lo đầy đủ.

Miễn là mặt chị ta đừng sa sầm xuống, đầu chị ta đừng làm bộ uể oải, miễn là chị ta đừng sinh ra lạnh nhạt với người chồng. Được vậy thì không có chuyện gì phải đưa ra xét xử với chị ta, vì người chồng của chị đang còn là một đứa bé.

104. VỀ TÙ TRƯỞNG NHÀ GIÀU CHẾT, PHẢI CÓ NGƯỜI NỐI NÒI ĐỂ CÓ MỘT THỦ LĨNH

Giầm nhà gãy thì phải thay, giát sàn gẫy thì phải giặm, chết người chủ làng thì những người chị em ông ta phải đến để bàn việc nối lại, để họ cho một người nòi, để có một người nòi ngồi trên giường người thủ lĩnh, ngồi ở đầu gùi quý [đựng của cải của gia đình] trông coi chăm sóc chiêng la, điều khiển những người con, người cháu, điều khiển dân làng như người đã quá cố.

Nhiệm vụ của người nòi đó là phải ngồi trên giường người thủ lĩnh, là phải ngồi trên ghế người chủ nhà, là phải lo nuôi nấng vợ con của người đã quá cố, để cái bếp khỏi nứt, cái nhà khỏi rã, lời ăn tiếng nói trong nhà khỏi buồn rầu, để những người con người cháu, để dân làng không tan tác, kẻ ở ngoài rẫy, kẻ ở trong rừng, làng xóm điêu tàn.

Nhưng nếu rẫy cũ đã có chuối có mía thì rẫy mới phải có dứa có thơm, của dẫn cưới lại phải nộp, tiền bạc lại phải đem cho [gia đình gốc gác của người nòi], phải làm lễ hiến sinh một con lợn đực cho người cha, một con lợn cái cho người mẹ, để công việc rẫy nương được tốt đẹp, để trồng được nhiều dưa nhiều bắp.

Hãy xiềng voi lại, hãy treo chiêng lên, hãy một lần nữa làm lễ trao vòng kết hôn.

105. VỀ NGƯỜI NÒI TRỞ THÀNH ĐẦU LÀNG NHƯNG CÒN QUÁ BÉ, NGƯỜI CON TRAI CỦA THỦ LĨNH ĐÃ CHẾT PHẢI GIÚP ĐỠ ĐỨA BÉ

Nó còn là một đứa bé chưa biết đi nên phải địu nó, chưa biết ăn nên phải mớm cho nó. Nó còn chưa hiểu biết gì nên phải bảo ban nó.

Nó chưa biết leo núi thì kéo giúp nó lên, nó chưa biết tụt dốc thì hãy dìu giúp nó xuống, nó chưa hiểu biết gì thì phải giúp nó, dạy bảo nó.

Nó còn thuộc lớp bé trai, bé gái tay mềm chân yếu bước chưa kịp theo bước chân của người khác.

Nó chưa từng đi đây đi đó, quanh vùng nó cũng chưa biết hết đó đây, tai nó còn chưa nghe gì được khác.

Nó vẫn còn là một đứa trẻ mới lớn lên phải được giúp đỡ chỉ bảo, khác nào như một con voi đực, một con voi cái cần được giúp đỡ thuần hoá.

Phải giúp đỡ nó phía sau lưng, giúp đỡ nó cả phía trước mặt, lời ăn tiếng nói của nó cũng phải chỉ vẽ giùm.

Vì vậy người con trai của người chủ làng [đã chết] phải giúp đỡ nó trông coi công việc xóm làng, nó chỉ như con nhặng chưa biết được, con vò vẽ chưa biết tổ, làm sao nó có thể trông nom dân làng được.

106. VỀ NGƯỜI ĐÀN BÀ KHÔNG CON, NÊN NUÔI CON GÁI NGƯỜI CÙNG HỌ, KHI NGƯỜI ẤY CHẾT CỦA CẢI PHẢI THUỘC VỀ NGƯỜI CON GÁI NUÔI

Bà ta vốn là một người đàn bà vô sinh, không từng sinh đẻ.

Con gái để làm giống, con trai để bồng bế, bà ấy đều không có vì vậy bà ấy phải tìm nuôi lấy một đứa con của người chị hay một đứa con của người em gái, không có đứa này thì phải tìm một đứa khác trong cùng một họ với mình.

Đó là vì không có ai gùi cho gùi củi, cõng cho gùi nước, không có ai lo cho công việc rẫy nương.

Vì sợ rằng khi váng mình sốt mẩy, ăn uống không được, bà ấy lo không có ai lo cời cho đống lửa, gùi cho gùi nước, nấu cho miếng cơm miếng canh, dệt cho tấm váy, manh áo.

Vì sợ rằng khi đau không có ai chăm, khi ốm không có ai nom, khi chết không có người vuốt mắt, cột chân, sợ rằng cột mồ không có ai đẽo, cái hòm không có ai làm cho, sợ rằng không có ai lo cho việc khâm liệm.

Vì sợ rằng có trâu có bò nhưng nào có ai thui, nào có ai để lo việc làm ma chôn cất.

Do đó, của cải của bà ấy có bao nhiêu thì đều để lại cho người con mà bà ấy đã nuôi, tất cả mọi thứ kể cả vật nuôi trong nhà đều thuộc về người con ấy.

Nhưng nếu người con bà ấy nuôi, không chăm lo công việc rẫy nương cho bà ấy, khi bà ấy ốm đau, không lo chạy chữa thuốc men cúng lễ, lại ra ở riêng làm ăn riêng, cơm ngon canh ngọt ăn riêng một mình, đến khi bà ấy chết, lại không lo việc khâm liệm chôn cất, cột mồ không đẽo, cái hòm không làm, đứa con đã không săn sóc chữa chạy thì [trong trường hợp đó] bao nhiêu của cải của bà ấy có, người con đó đều không được thừa hưởng, mà trái lại hắn phải ra về tay không, dù là 1 hào giấy cũng không cho, hắn phải ra về mình trần thân trụi.

Tuy nhiên, nếu hắn có quan tâm chút nào đến mẹ nuôi hắn, có đỡ đần ít nhiều bà ấy thì hắn cũng có quyền thừa hưởng một số của cải.

107. VỀ ĐÀN BÀ VÔ SINH NUÔI MỘT ĐỨA CON GÁI CỦA CHỊ EM GÁI HOẶC CỦA NGƯỜI NỮ CÙNG HỌ LÀM CON NUÔI

Bà ta là người không được thần cho có con, con gái không có, con trai cũng không.

Vì vậy bà ấy phải tìm xin một đứa con của người chị, hay phải tìm xin một đứa con của người em [gái], tìm nơi này không có thì tìm nơi kia, sao cho có được một đứa trẻ làm con làm cháu như của chính mình.

Đó là vì sợ rằng bà ấy có khi váng mình sốt mẩy, có khi đau bụng nhức đầu, có khi ăn không đủ no, không ai đem cho miếng cơm, không ai đem cho gùi nước, không ai nhen cho ngọn lửa, không ai cùng nhau trao đổi chuyện trò.

Cho nên mong rằng bà ấy có được một người để giữ cho cái chân, để nắm cho cái tay [khi đau ốm], làm như đó chính là đứa con bà ấy sinh ra.

Vì sợ rằng không có ai nấu cho bà ấy miếng cơm bát canh, không ai dệt cho bà ấy tấm váy manh áo.

Vì sợ rằng khi bà ấy chết, không có ai vuốt mắt cho, không có ai cột chân cho, không có ai bó chăn bó chiếu khâm liệm cho, không có ai lo cho việc chôn cất, đẽo cho các cây cột mồ, làm cho cỗ hòm để được mồ yên mả ấm.

Bởi vậy có bao nhiêu cái âu đồng tổ diều hâu, có bao nhiêu cái chậu đồng tổ chèo bẻo, có bao nhiêu của cải của ông bà xưa để lại đều thuộc người con đó, từ các cái bát nhỏ cho đến các tô đồng, cho đến các đồ vật nhỏ nhoi, cho đến cái nồi đã rạn, cái bát ăn bằng vỏ bầu, cái ché yăng, băng gri, cái nồi bung mua của người Hroi, cái nồi biê mua của người Enin, [tóm lại] tất cả của cải trong nhà đều thuộc người đó.

Lý do cần có một người con gái để làm giống [như giống lúa] cần có một người con gái lớn đến ngang đầu gối, ngang thắt lưng để tránh mất giống, tuyệt nòi là như vậy đó.

108. VỀ NGƯỜI ĐÀN ÔNG CHẾT, KHÔNG CÓ NÒI ĐỂ NỐI, GIA ĐÌNH GỐC CỦA ANH KHÔNG ĐƯỢC CHIA CỦA LÀM CHUNG, MÀ CHỈ ĐƯỢC NHẬN LẠI CỦA HỒI MÔN (GỒM CUỐC VÀ CHÀ GẠC)

Đâu đâu cây quá giang cũng ở trên, cây đòn dọc ở dưới, đâu đâu cũng nói từ tây xuống đông.

Khi có người chết là phải nối, là phải cho một người nòi [để nối]. Đó là một tập quán để lại từ xưa.

Thế mà khi có người chết họ lại không nối, họ lại không cho một người nòi, họ lại không chịu nối cho bằng một người em, bằng một người cháu [của cậu].

Giầm nhà gẫy, họ không chịu thay, giát sàn nát họ không chịu giặm, chết người này, họ không chịu nối cho bằng một người khác.

Sao lại sinh ra cái chuyện cái niết mẻ, hòn đá đánh lửa vỡ, sinh ra cái chuyện sai lầm ấy nhỉ.

Phải đâu phải hiến sinh lợn mà người ta không giết lợn, phải hiến sinh trâu mà người ta không giết trâu, phải đâu có chuyện trẻ con phạm tội mà người ta chưa làm lễ hiến sinh để rửa tội?

Hay phải đâu có chuyện ốm mà người ta không chăm, đau mà người ta không nom, có rượu có gạo mà người ta không cúng để cứu chữa?

Hay phải đâu có chuyện người ta keo kiệt, có bò có trâu mà người ta không giết cúng để cứu bệnh.

Hay là phải đâu có chuyện nấm mồ bị nứt ra, cái áo quan bị lật tung lên, phải đâu có chuyện người ta lo tang ma không chu đáo, không đủ kiêng đủ cữ, mà họ không cho người để nối, mà họ không cho người ta một người nòi.

Họ tỏ ra không thương tiếc gì cái rẫy cũ, không thương tiếc gì đống củi dây mniêng. Họ không thương xót thương người goá bụa mà cho người ta [một người nòi].

Vậy thì họ không có quyền được chia phần số của cải do hai vợ chồng người ta làm chung mà đã có được [tức số của cải gọi theo tiếng Êđê là wăng kgã] thì người ta chỉ trả lại cho họ một cái niết [wong] nhỏ, một con chà gạc [kgă] nhỏ, cái ná, cái ống đựng tên, đôi dép da và con dao ngâu mà thôi.

109. VỀ TÍNH VỮNG BỀN CỦA HÔN NHÂN

Họ là đôi trai gái quấn quýt lấy nhau. Khát vọng của họ là được thương nhau, yêu nhau, sống với nhau thành vợ thành chồng.

Vòng cườm họ đã trao cho nhau, vòng đeo tay họ đã đổi cho nhau, vòng kia đổi lấy vòng này, vòng của người con trai đổi cho người con gái, vòng của người con gái đổi cho người con trai. Việc trao đổi do chính ý họ muốn.

Họ như những con ngựa không bị ai ép phải chịu cương, là những con trâu không bị ép phải chịu thừng, không có ai đã buộc họ phải đổi vòng đổi cườm cho nhau.

Chính họ đã yêu cầu cây đa đầu suối xiềng voi họ vại, treo chiêng họ lên, cho họ được làm lễ đính hôn như lắp cánh ná vào tay [báng] ná.

Kẻo sau này, sinh sớm thì làm con chim phi trống, đến giữa ban ngày lại trở thành con chim phi mái, kẻo khi xuống thung khi vào rừng lại sinh ra chuyện khác.

Kẻo rồi đây [cây gậy] đánh xuống thì lại nẩy lên, [cây roi] quất xuống thì rồi lấy lại, các bài huấn ca từ xưa lại hát khác đi.

Đã lấy vợ thì phải ở [với vợ] cho đến chết, đã cầm cần mời rượu thì phải cho đến khi rượu nhạt, đã đánh cồng thì đánh cho đến khi người ta giữ tay lại.

Chớ có ban đêm thì nói thế này, ban ngày thì nói thế khác, vừa quay lưng đi là đã sinh ra chuyện khác.

Đằng này, tuy đã dặn dò kỹ đừng làm như nàng Hbăn moi gừng, họ đã sáng trồng trưa nhổ.

Đây không phải chuyện thần gây ra gió bão, không phải chuyện thần muốn tác tai tác hoạ, không phải là chuyện có ốm đau, mà là chuyện họ muốn vô cớ bỏ nhau giữa vực sâu khe cạn.

Họ đã bất chấp dấu báo có nguy hiểm, bất chấp cây chắn cấm đường, không đếm xỉa đến lời răn dạy của người tù trưởng nhà giàu.

Họ như lửa lém vượt cả vực, như nước chảy tràn cả đập, họ đã bất chấp những lời cam kết của họ với người tù trưởng nhà giàu.

Nếu chị muốn sinh sự, anh muốn kiếm chuyện thì họ sẽ bị như con chó háu ăn, người ta sẽ ném cho quả cà nóng, họ sẽ bị trừng trị như là những kẻ ngang bướng, người ta sẽ bàn việc trừng phạt họ, để người chồng vẫn là người đi trước dắt dẫn người vợ đi sau như mỗi buổi ban mai, chồng đi trước vợ đi sau trên đường đi chòi rẫy.

Thế nhưng ở đây, chuyện sai chuyện trái, chuyện [xúc phạm] hồn vía nhau đều không có.

Họ đã bất kể cây cấm báo có chông nên đã trúng chông, bất kể cây cấm báo có thò [loại tên tự bắn ra] nên đã trúng thò. Họ bất chấp lời cam kết của họ với người tù trưởng nhà giàu. Vì vậy có việc phải đưa ra xét xử giữa người tù trưởng nhà giàu với họ.

110. VỀ LY HÔN KHI ĐÃ TRAO VÒNG ĐÍNH HÔN*

Anh đã được hỏi, chị cũng được hỏi. Cả hai anh chị đều được hỏi cả.

Như con ngựa không bị ép phải chịu cương, như con trâu không bị ép phải chịu thừng, anh chị không bị ép khi anh chị trả lời.

Kẻo sợ rồi đây đêm anh ta nói một đằng, ngày anh ta nói một nẻo, vừa quay lưng đi anh ta lại nói khác đi rồi.

---

*. Chú thích D.A: xem luật Hittit: "Nếu người đàn ông hãy còn chưa lấy người con gái và từ chối người con gái, thì anh ta sẽ mất những gì anh ta đã bỏ ra để mua người vợ", Tr. 25.

Bây giờ đây có thể anh sẽ nhận lời một cách hoàn toàn tự nguyện, có thể anh sẽ cầm lấy cái vòng của người ta, nhưng biết đâu lát nữa anh lại biếng nhác trong việc làm cỏ, uể oải trong việc phát rẫy, đến ngày khác tháng khác lại không muốn ăn ở với người ta nữa.

Bây giờ người ta trao cườm trao vòng với anh, vòng của anh trao cho người ta, vòng của người ta trao cho anh.

Của dẫn cưới cho gia đình anh, lợn để ăn, rượu để uống, người ta sẽ đem tới.

Của cải làm của dẫn cưới người ta sẽ đem nộp, tiền bạc làm của dẫn cưới, người ta sẽ đem tới tất cả.

Vậy giờ đây cái vòng của người ta chúng tôi để trên chiếu, chuỗi cườm của người ta, chúng tôi để trên giát sàn, mẹ cha người ta đã có mặt đông đủ tất cả. Nếu anh bằng lòng lấy người ta, thì cái vòng để trên chiếu anh hãy cầm lấy. Chúng tôi là người hỏi người mối, chúng tôi không cầm giao tận tay anh đâu, kẻo mai kia anh lại bảo những người mối chúng tôi ép anh.

Còn nếu đã nhận làm chồng người ta mà anh không lấy người ta nữa thì tội thuộc về anh, có việc phải đưa ra xét xử giữa người ta với anh.

111. VỀ NGƯỜI CHỒNG BỎ ĐI, KHÔNG CHĂM NOM GÌ ĐẾN VỢ CON

Chòi đi đằng chòi, rẫy đi đằng rẫy, chồng ở một nơi, vợ ở một nơi.

Hắn ăn canh nhà này nhưng ăn cơm nhà khác, hắn bỏ về chốn cũ nơi xưa của hắn, bỏ về với em với cháu [gọi bằng cậu] của hắn.

Chòi hắn bỏ không thăm, rẫy hắn bỏ không làm, công việc làm ăn hắn chẳng nghĩ gì đến, cái bẫy này bẫy khác hắn cũng bỏ mặc, hắn không lo gì đến việc nuôi nấng vợ con.

Hắn là kẻ có tội.

112. VỀ KẺ LƯỜI BIẾNG KHÔNG LO NUÔI VỢ CON LÀM CHÒI, LÀM RẪY, CHỈ NGHĨ ĐẾN CHUYỆN LANG THANG, LÊU LỔNG

Hắn là kẻ lười biếng công việc chòi rẫy, không chăm việc đốn cây, phát rẫy.

Chòi hắn không thăm, rẫy hắn không làm, không có công việc gì được hắn nghĩ đến.

Canh hắn ăn ở nhà này, cơm hắn ăn ở nhà khác, hắn đi đến đâu là ngủ đêm lại đó.

Hắn ăn ở đâu là ngủ đêm lại đó, uống ở đâu là nằm lăn ra ở đó, hắn đi đâu là ở đó cả tháng cả năm.

Hắn đi lang thang như thằng Y Trịa[1], hắn háu ăn như thằng Y Run[2], hắn là một kẻ chân không có, đầu cũng không.

Vợ hắn, hắn nuôi không đủ no, con hắn, hắn nuôi không đủ sướng, hắn chỉ nghĩ đến chuyện đi ve vãn, tán tỉnh những người đàn bà khác.

Hắn là kẻ ngủ không biết dậy, nằm không biết đứng lên, cha mẹ dạy không biết nghe, hắn là một đứa con không còn ai khuyên can được.

Hắn là kẻ không biết lo gì đến lúc bụng đói tai ù, không lo thoát khỏi cảnh nghèo nàn đói khổ.

Hắn là kẻ có tội, có việc phải đưa ra xét xử giữa những người khác với hắn.

113. VỀ KẺ GÂY CẢN TRỞ TRONG HÔN NHÂN

Khi giầm sàn gẫy thì họ phải thay, khi giát sàn nát thì họ phải giặm. Khi có người chết thì họ phải nối, vì đã yếu đi nên họ phải làm chắc lại, sao cho vẫn được như xưa.

Vì vậy họ phải sốt sắng lo liệu [việc nối nòi] kẻo bếp sẽ nứt, nhà sẽ rã, lời ăn tiếng nói trong nhà sẽ buồn rầu. Kẻo không có ai lo việc nuôi nấng vợ con của người đã mất.

1, 2. Những nhân vật lười nhác trong chuyện cổ Êđê (CTS).

Vì vậy đã đứt là họ phải nối, đã yếu là phải làm chắc lại, khi anh em nhà người ta đến hỏi đến xin thì phải có người để cho làm người nuôi nấng con trẻ, trông coi của cải như cũ như xưa để chòi đừng xiêu, nhà đừng đổ, để rào giậu đừng...

Họ là người mẹ sinh ra, là người cha cõng địu, nhưng họ lại sinh chuyện sáng sớm là con chim phí đực, giữa trưa là con chim phí mái, vừa vào trong rừng là họ đã gây cho người ta chuyện khác.

Họ là những con người sáng trồng trưa nhổ, đêm cho nhưng ngày lại đòi lại, lấy lại.

Đêm họ nói một đằng, ngày họ nói một nẻo, vừa quay lưng đi đã khác đi rồi.

Họ đảo điên như quả cà quả ớt [đang nấu trong nồi], họ hay làm chuyện lật lọng.

Miệng họ nói thì thật là hay. Họ hứa toàn những điều tốt đẹp cả. Nhưng những lời lọt tai ấy, mặc dù có thần linh chứng giám, thế rồi họ lại chối phắt đi được. Họ kiếm toàn những chuyện lạ để dối lừa người ta[1].

Trước kia họ đã giấu đi cây đũa cả, họ đã giữ kín mồm kín miệng. Giờ đây họ lại quên, quay về lấy khố lấy áo. Họ bất chấp người tù trưởng nhà giàu, bất chấp những lời hứa hẹn với anh em. Khi miệng họ đang ngậm cần, tay họ đang cầm cái vòng cam kết. Họ bất chấp cả những lời mối lái, những người làm chứng.

Vì vậy có việc phải đưa họ ra xét xử giữa người ta với họ.

114. VỀ THÔNG DÂM NGOẠI TÌNH*

Hắn lẻn vào nhà người ta, chui vào buồng nhà người ta, mò vợ người ta để thông dâm, bất kể đó là vợ người tù trưởng nhà giàu, hay vợ của người anh em.

1. Cả đoạn này dịch giả còn bỏ trống, người biên tập bổ sung phỏng theo dịch bản cũ [CTS].

*. Chú thích D.A: xem luật Hittit: "Nếu một người đàn ông tóm lấy một người đàn bà trong núi, đó là tội của hắn và hắn phải chết. Nhưng nếu hắn tóm người đàn bà trong nhà, thì cũng như vậy, người đàn bà là người có tội, người đàn bà phải chết. Nếu người đàn ông [chồng] của người đàn bà bắt được hai người thì anh ta có thể giết cả đôi mà anh ta không bị trừng phạt nào cả" [tr. 149].

Hắn đứng lén ở một xó nhà kín đáo, kéo người đàn bà ra đó để thì thầm.

Voi thì hắn lén xiềng, chiêng thì hắn lén treo, hắn hẹn hò vụng trộm, quyến rũ vợ người ta.

Hắn là kẻ to gan lớn mật, dám vượt cả non cao, muốn chiếm đoạt cả vợ của người tù trưởng nhà giàu.

Hắn muốn chiếm lấy bằng được, muốn đoạt được bằng xong.

Thấy sừng tê giác, hắn chiếm sừng tê giác, thấy ngà voi hắn chiếm ngà voi. Hắn chiếm cả vợ của người tù trưởng nhà giàu.

Hắn là kẻ dám chặt đứt đuôi voi, dám đập vỡ bát thuế, dám mò cả vợ của người tù trưởng nhà giàu.

Vì vậy có việc phải đưa ra xét xử giữa người ta với hắn.

115. VỀ TỘI THÔNG DÂM GIỮA TRAI CÓ VỢ VỚI GÁI CÓ CHỒNG

Đây là một vụ không cần nói nhiều, không cần đi xa hơn nữa. Đâu là bến của con tê giác, của con voi đều đã rõ rồi.

Đây là một vụ không cần lớn tiếng, không cần to họng cãi nhiều.

Đây là một vụ không còn khó khăn phải đốt đuốc lên mới soi tỏ.

Đây là một vụ ăn ăn không còn cắn đứt, nhai không còn cần nhá kỹ, một vụ không cần bàn cãi thêm nữa.

Con đàn bà đã nằm chềnh ềnh ra đó, thằng đàn ông đã nằm chết dí ra đó, khăn áo, dao chà gạc, đồ đạc này nọ của hắn người ta đã tóm được cả rồi.

Đã rõ ràng là trai thông dâm với gái, chúng đã rủ nhau vào rừng kín để thông dâm.

Tội chúng, trai gái đều đã thú nhận. Như con tê giác, con voi người ta đã tóm được đuôi, người ta đã tóm được chúng ngay tại chỗ, chúng đang ăn nằm với nhau.

Giống như cái đầu con nhím, cái tai con chuột, chúng là con đàn bà hay sinh chuyện, là thằng đàn ông hay gây sự.

Một đứa thì [như báng ná] đã có cánh ná, một đứa thì đã có chồng.

116. VỀ ĐÀN BÀ GOÁ THÔNG DÂM NGOẠI TÌNH KHI CHƯA LÀM LỄ BỎ MẢ CHỒNG

Ngôi mộ đang còn đắp, nấm mồ đang còn vun, niềm thương tiếc người quá cố còn chưa nguôi.

Nhưng nấm mồ bỗng nứt ra, cỗ áo quan bỗng bật lên. Ấy là do mụ ta [người vợ goá] không chịu tang đứng đắn, không kiêng khem kiêng cữ.

Tóc mụ ta không bỏ xoã, tay mụ ta không bưng cầm, mụ ta không thực hiện đầy đủ các cữ kiêng vì người chồng mới qua đời, như thóc đã bắt đầu mục.

Củi Ktu mụ ta có hai đống, củi êbla mụ ta có ba đống, tình nhân mụ ta có hàng trăm hàng nghìn người.

Một gói thuốc mà mụ ta chia ra gói làm đôi, một gói muối mà mụ ta đem chia ra làm ba: Mụ ta muốn có cả trăm cả ngàn tình nhân.

Mụ ta rủ trai đi ngủ lén, đưa trai vào rừng kín bụi rậm.

Giữa khi ngôi mộ đang còn đắp, nấm mồ vẫn còn giữ, công việc lo cho vong hồn người quá cố làm chưa xong, bụi chuối dây khoai chưa trồng [trên mộ], con gà, con vịt chưa phóng sinh, lễ giã từ, lễ bỏ mả người chết chưa làm.

Như vậy là mụ ta có tội, có việc phải đưa ra xét xử giữa họ hàng gia đình của người chồng đã chết của mụ ta và mụ ta.

Nếu là một nấm mồ nhỏ, mụ ta phải làm lễ cúng người chết một con lợn giá 3 *sõng* và phải trả giá nộp bồi thường cho người ta một số tiền là 3 *kõ*.

Nếu là một nấm mồ lớn của tù trưởng nhà giàu thì mụ ta phải làm lễ giải uế bằng trâu và phải bồi thường một số tiền là 6 *kõ*.

117. VỀ ĐÀN BÀ GOÁ, MÀ KHÔNG CÓ NÒI ĐỂ NỐI, CÒN CHỊ TA LẠI MUỐN LẤY CHỒNG TRONG KHI MẢ CHƯA BỎ, THÌ GIA ĐÌNH CHỒNG CŨ CÓ THỂ CHO TÁI GIÁ

Người chết đã rữa ra như cây gỗ mục: Thế là hết, người em để đi theo sau không còn nữa, người cháu [gọi bằng cậu] để đi theo trước không còn nữa.

[Tình hình này] đã được nêu lên với người chị [của người chết], đã được đem ra bàn với người em [em gái của người chết], hai bên đã trao đổi ý kiến về vấn đề này.

[Vấn đề là] phải cho một người nòi để nối lại, nhưng [phía người chết] không còn có ai để đem đến thay người đã khuất.

Vậy thì [lời của phía người chết nói với người vợ goá], "Tuỳ ý bạn, khi bạn thấy có cây dưa đã rụng lá, có cây bắp đã rụng lá, khi bạn thấy ở làng tây xóm đông có người đàn ông nào vừa ý bạn thì bạn cứ lấy.

Vì sợ rằng bếp bạn sẽ nứt, nhà bạn sẽ rã ra, lời ăn tiếng nói trong nhà buồn rầu.

Sợ rằng không có ai phát giùm cho cái bìa rẫy, chặt giùm cho các bụi cây, không có ai hét giùm đuổi con két con vẹt.

Sợ rằng con bạn có khi khóc, rẫy bạn có khi cỏ mọc um tùm, gùi quý gùi thường của bạn trống rỗng.

Sợ rằng không có ai nuôi cho con lợn, không có ai xuống chuồng cho đàn gà, kẻo không có ai đứng ra giao thiệp với dân làng.

Sợ rằng voi không có người điều khiển, nô lệ không có người sai khiến, ché *tuk* ché *ba* không có người ủ rượu, cho nên bạn cứ tìm lấy cho mình một người chồng mà bạn ưng.

Chúng tôi sẽ không cản trở cho bạn trên đường đi tìm, cũng như trong lời ăn tiếng nói. Còn chúng tôi thì không làm cái việc trái với tục lệ đi tìm giùm bạn đâu.

Chúng tôi sẽ không gây chuyện bắt đền đâu, miễn là bạn có hiến sinh lợn cho ngôi mộ, bạn có giết gà để cúng các thần linh, bạn có đem rượu ra nhà mồ để cúng người đã quá cố, nhằm báo với các thần linh, báo với vọng linh người đã quá cố, để thần linh được biết, để người chết được hay.

Như vậy là không có chuyện gì phải đưa ra xét xử. Chúng ta hãy trao vòng thoả thuận với nhau".

118. VỀ VIỆC CHIẾM CHỒNG, CHIẾM VỢ NGƯỜI KHÁC

Hắn là kẻ to gan lớn mật, đòi vượt cả non cao.

Sừng tê hắn muốn chiếm, ngà voi hắn muốn đoạt, hắn muốn chiếm đoạt vợ, chồng của người tù trưởng nhà giàu, của người anh em.

Mẹ dạy hắn không nghe, cha bảo hắn không vâng, hắn xem thường các lời huấn ca từ xưa để lại.

Cán cuốc hắn muốn đem so, cán chà gạc hắn muốn đem sánh, hắn muốn thi gan đọ sức với người ta: So với các cây đòn dọc xem dài ngắn hơn nhau bao nhiêu sải, so các cây quá giang dài ngắn hơn nhau bao nhiêu khuỷu tay, đếm xem chiêng ché ai nhiều ai ít.

Vậy thì có việc nghiêm trọng phải đưa ra xét xử giữa người ta với hắn.

Nếu người ta là một nhà nghèo thì hắn phải nộp một khoản tiền bồi thường 6 kõ và phải làm một lễ *kpih* với một con lợn giá 1 kõ. Nếu người ta là nhà giàu, một nhà tù trưởng thì hắn phải nộp một khoản tiền bồi thường bằng giá một cái la [đường bán kính] một khuỷu tay thêm một nắm tay và phải làm một lễ *kpih* với 1 con trâu.

Nhưng nếu như hắn vẫn thích trùm hoa *tông mông*, hắn vẫn ưa cái diều có đuôi dài, hắn vẫn gắn bó với người khác.

Thì tất cả của cải từ các chén sứ bát đồng, từ các đồ lặt vặt, cái gùi Giarai, cái bồ cái sọt, cái túi vải tay nải, các gói lớn gói nhỏ cho đến các

ché *yõng*, bằng *gri*, các ngựa giống, trâu bò, cho đến lợn dưới gà trên, các vòng đeo tay, các bát đĩa.

Cái chòi, cái rẫy cũng sẽ được đo cả chiều ngang chiều dọc.

Thịt nhỏ thì tính bằng bồ đài, thịt lớn thì tính bằng xâu, hươu nai thì tính bằng số gạc.

Nếu là con thú [săn được] nhỏ thì khoản bồi thường nhỏ, nếu là con thú lớn thì khoản bồi thường lớn. Nếu là tù trưởng nhà giàu thì sẽ liệu tính.

119. VỀ NGƯỜI ĐÀN BÀ CƯỚP CHỒNG CỦA CHỊ EM GÁI

Hắn là một con mụ muốn vơ lấy cho mình cả chỉ đỏ chỉ đen, cả nồi nấu canh, nồi nấu cơm. Hắn muốn vơ lấy cho hắn cả chồng của em, chồng của chị.

Chồng của em, chồng của chị, thế mà hắn muốn chiếm bằng được, cướp bằng xong. Lẽ ra chỉ có người dưng nước lã làm việc đó. Đằng này, là chị cả trong nhà, chính mụ ta lại là người đã làm nên cái việc đáng xấu hổ đó với dân làng.

Đối với mụ ta xử lý thế này hay xử lý thế kia đều không xong.

Mụ ta vốn cùng một lưng sinh ra, do cùng một tay đỡ ra, rành rành là do cùng một bụng đẻ ra, do đó không phạt đền mụ ta được, vì đây là một điều cũ. Tốt hơn, nên cho mụ ta được chung chồng, nhưng chỉ được làm vợ lẽ, và làm chung cho ba người một lễ hiến sinh bằng lợn để báo với thần linh, báo với tổ tiên, cầu cho nương rẫy được tốt hơn, cây dưa cây bắp được sinh sôi nảy nở, cây kê cây lúa được trĩa bông không bị sâu bệnh vàng úa.

Còn phần người chồng thì anh ta nộp cho vợ một khoản bồi thường vì tội đã lừa dối vợ.

120. VỀ NHỮNG NGƯỜI NHÀ THÔNG DÂM VỚI NÔ LỆ GÁI CỦA MÌNH, THÌ NHỮNG NGƯỜI NÀY ĐƯỢC TRẢ TỰ DO

Họ như các con mèo mướp, mèo đen, đang ngồi trên nắp gùi quý lại nhảy xuống đất ăn đồ ăn của lợn của chó.

Họ là những anh chàng đi mò gái, lén đưa vào rừng sâu bụi rậm những kẻ là người cõng nước, người cấy lúa, người làm việc bếp núc trong nhà họ.

Bọn người này, nếu không thuận thì họ dỗ bằng thuốc, nếu vẫn không thuận thì họ dỗ bằng trầu, bằng vỏ, nếu vẫn không dám ưng thì họ ép bằng vòng tay chuỗi cườm. Họ cứ làm như thế cho đến khi bọn người đó phải thực sự ưng họ. Nhưng nếu bọn người đó rút cuộc vẫn không chịu họ, thì với thân phận là tôi tớ, sao bọn người đó lại không sợ quyền uy của người chủ đã bỏ tiền ra mua mình, sao bọn người đó lại không phải chịu nỗi sợ, phải chịu mũi dao, lưỡi kiếm đã tuốt trần của họ.

Đến sáng hôm sau đó, khi thức dậy, nếu vợ họ bắt gặp được họ giữa lúc đang bẻ lá, bắt gặp được người đàn bà đang lúc đội vỏ cây trên đầu, bắt gặp được cả thằng đàn ông con đàn bà đang trong bụi trong bờ thì vợ họ sẽ túm lấy cổ, túm lấy đầu họ, giằng lấy mọi đồ đạc, áo khăn của họ đem báo cho anh em bà ta hay.

Con đàn bà thì nằm lăn ra đấy, thằng đàn ông thì nằm chết dí ở đấy, cho nên không có gì phải nói nhiều. Người nô lệ gái mà hắn đã thông dâm đó được trả lại tự do, tự do như con dế trong rừng, như con châu chấu trong rú, như hạt lúa phơi ngoài sân, thân phận của người đó đã trở lại sáng sủa, người đó được quyền trở về nhà mình với chị em gần xa của mình.

Còn phần người đàn ông thì anh ta phải nộp cho vợ anh ta một khoản bồi thường: nếu là nhà nghèo, thì phải làm một lễ hiến sinh một lợn giá bằng 2 *sõng* cho vợ, và nộp cho vợ một khoản bồi thường giá 3 kõ, còn nếu là một nhà giàu tù trưởng thì vật hiến sinh sẽ là một con trâu, khoản bồi thường phải là 6 *kõ*.

121. VỀ NGƯỜI ĐÀN BÀ BỎ CHỒNG ĐỂ LẤY NÔ LỆ CỦA MÌNH

Người chồng của hắn đã được mẹ cha tốn công tìm kiếm, anh em của hắn cũng đã khó nhọc đi tìm, đi hỏi. Vợ chồng đã người ưng kẻ thuận, như chiêng với la đã cùng treo lên, như dầu với sơn đã hoà làm một. Hắn có bao nhiêu anh em trai thì bấy nhiêu đều đã gặp mặt, máu bò máu trâu hiến sinh đều đã đem thoa [cho hai vợ chồng], của dẫn cưới đã đem nộp cho nhà trai, lợn đã giết ăn, rượu đã đưa ra uống, cả mẹ gần mẹ xa [dì, già của người Việt], chị em gần xa, cả mẹ đã đều được làm lễ hiến sinh hoặc lớn hoặc nhỏ.

Thế mà vừa lấy chồng một ngày chưa đầy đến chiều, một đêm chưa đầy đến sáng, hắn lại đã tìm lấy chồng khác, hắn lại đã ưng trùm hoa *tông mông*, hắn lại thèm cái diều có đuôi dài, hắn lại đã ưng lấy làm chồng người nô lệ trong nhà mẹ cha hắn, do đó hắn bỏ mặc chồng hắn giữa vực sâu khe cạn, vô cớ hắn đã bỏ chồng. Vì vậy hắn phải trả giá, nộp cho người chồng một khoản bồi thường, anh ta sẽ đánh trâu đánh bò về nhà cho mẹ anh ta, anh ta sẽ đem lợn đem gà về nhà cho mẹ anh ta, bản thân anh ta cũng trở về nhà với cha mẹ.

Còn phần hắn, kẻ bỗng dưng cái gùi đang ở phía tây lại đem đặt sang phía đông, cái gối của phòng khách hắn lại đem vào để ở trong buồng riêng, hắn sẽ lấy người nô lệ trong nhà làm chồng vậy.

Mẹ cha hắn dạy bảo hắn không nghe, khuyên răn hắn không chịu, hắn hành động như một con điên con dại.

Mồm hắn ngoác ra như miệng một cái nơm, ngoác ra như cái nong. Hắn là một con người không sao uốn nắn được nữa.

Người chồng của hắn bây giờ là một kẻ lơ là nương rẫy, phát cây rẫy cỏ đều không siêng, chỉ muốn ăn không các của cải đã tích luỹ được từ trước.

Ăn no rồi hắn nằm lăn ra ngủ, uống say rồi hắn nằm vật xuống ngủ. Hắn chỉ nghĩ đến làm sao cho mẹ vợ hắn khánh kiệt hết tài sản.

Hắn không có cá có thịt để ăn, thì hắn mua bằng tiền [của gia đình nhà vợ]. Hắn không có cơm ăn, thì hắn lấy tiền đó mà mua. Còn nương

rẫy ra sao thì hắn chẳng nghĩ đến. Có bao nhiêu bò trâu, chiêng la, ché quý, bất kể thứ gì là tài sản của người ta tích luỹ được từ xưa, hắn đều đem bán ăn hết.

Bởi vậy, cả hai đứa hắn và người nô lệ đều là có tội.

122. VỀ SỰ GHEN TUÔNG

Hắn quất người ta bằng mũi tên, hắn đánh người ta bằng cán chổi, hắn vô cớ đánh ghen, quăng chài bắt cá nhưng chẳng được gì.

Hắn là thằng đàn ông ăn nói bậy bạ, là con đàn bà ăn nói hồ đồ. Hắn ăn nói như một kẻ mù người điếc. Hắn vô cớ gây gổ với người ta.

Hắn đánh ghen, quăng chài, vô cớ chửi bới con cái của người tù trưởng nhà giàu.

Người ta là một người đàn ông vô tội, là một người đàn bà trong trắng, thuần phát như người Bih, người Mnông.

Nếu quả thật người ta có dan díu với nhau, đưa nhau vào rừng kín bụi rậm để ăn nằm với nhau thì sao hắn không nắm lấy cái gùi, không tóm lấy cánh tay, không nhìn tận mặt tận mũi. Nếu người bỏ chạy trốn thì dao ắt phải rơi, khăn ắt phải tuột.

Đằng này hắn chỉ nghe tiếng gió ngoài ven rừng, tiếng sấm ngoài rào làng.

Hắn tin ở những câu chuyện người ta kể trên đường đi củi đi nước.

Những người cầm cây gậy trong tay đánh bên phải rồi bên trái. Họ tuôn ra những lời ác độc để gây hoạ.

Những người đó là có tội. Họ như người phù thuỷ, nếu nghe theo họ, như nghe lời ma quái, sẽ bị u mê, xui khiến làm những điều tai ác.

Hắn không còn tinh khôn vì hắn đã tin ở bất cứ một điều gì mà hắn nghe được người ta nói [1].

---

1. Đoạn này dịch giả còn bỏ trống, bổ sung của người biên tập [CTS].

Vì vậy, có việc phải đưa ra xét xử giữa người ta và hắn.

Nếu hắn đánh ghen với một người nhà nghèo, thì hắn phải làm cho người đó một lễ hiến sinh với một con lợn giá 1 *sōng*. Nếu hắn đánh ghen với một người nhà giàu, hắn phải làm cho người ta một lễ hiến sinh với một con lợn giá 1 *kō*.

123. VỀ SỰ GHEN TUÔNG KHÔNG CÓ CHỨNG CỚ

Hắn quất người ta bằng mũi tên, hắn đánh người ta bằng cán chổi, hắn vô cớ đánh ghen, quăng chài bắt cá nhưng chẳng được gì.

Hắn là thằng đàn ông ăn nói bậy bạ, là con đàn bà ăn nói hồ đồ. Hắn ăn nói như một kẻ mù người điếc.

Nếu quả thật người ta có dan díu với nhau đưa nhau vào rừng kín bụi rậm để ăn nằm với nhau thì sao hắn không nắm lấy tay thằng đàn ông, chộp lấy tay con đàn bà, nắm lấy đuôi của con voi tê giác. Trai gái mà gian dâm với nhau thì phải tóm được ngay tại chỗ.

Đằng này thì hắn chém cha chửi mẹ người ta, văng tục chửi bậy người ta.

Tội của hắn đã không nhìn dưới gầm sàn, đã không nhìn lên nóc nhà, đã không rình mò lúc đêm hôm xem thực hư thế nào.

Phải đâu người ta như con trâu con bò cứ vỗ vào lưng là được? Lẽ ra hắn phải thấy hạt thóc ngay trong bồ trong bịch.

Đằng này người ta trong trắng như hạt gạo đã giã, như trái êpang, như ánh sáng mặt trời, người ta là những người đàn ông, đàn bà vô tội, là những người Bih, người Mnông chất phác, thật thà.

Vậy thì người đàn ông phải được thả ra, người đàn bà phải được thả ra, người Bih, người Mnông phải được tuyên bố là vô tội.

Nếu hắn đánh ghen với một người nhà nghèo thì hắn phải hiến sinh một con lợn giá 1 đồng bạc, nếu hắn nghi ngờ cho người nhà giàu thì hắn phải hiến sinh cho người ta một con lợn giá 1 *kō*.

124. TRƯỜNG HỢP BẮT ĐƯỢC VỢ (HAY CHỒNG) ĐANG THÔNG DÂM NGOẠI TÌNH, MÀ KHÔNG CÓ NGƯỜI LÀM CHỨNG

Hắn đã bắt được nhưng chỉ có một mình mình biết, không có một ai khác đã thấy đã biết.

Bạn bè hắn không đem theo, tôi tớ hắn không rủ đi cùng, với vài ba bốn năm người, hắn không nói cho hay, báo cho biết.

Hắn quất người ta bằng mũi tên, đánh người ta bằng cán chổi, hắn vô cớ đánh ghen với người ta.

Hắn làm như người đi úp nơm, câu cá. Hắn tìm chộp lấy người ta như con diều, con cáo.

Rồi thịt mông hắn đem cho, thịt vai hắn đem biếu người tù trưởng nhà giàu, nhằm tranh thủ sự đồng tình của người thủ lĩnh đối với lời hắn khai báo.

Nhưng hắn đã bắt người ta vô cớ, hắn đã chém người ta không lý do, bầy đặt chuyện để bắt những người anh em [dân làng].

Hắn vốn là kẻ thèm có những cây gỗ thẳng, thèm có những con chà gạc Bih, thèm có những người mạnh chân khoẻ tay [thèm được bồi thường].

Như vậy là không có chuyện [thông dâm ngoại tình] phải đưa ra xét xử.

125. VỀ TỐ GIÁC VU KHỐNG NGƯỜI KHÁC THÔNG DÂM NGOẠI TÌNH

Hắn là kẻ đổ oan, buộc tội khống cho người ta. Người ta không có tội, hắn ghép tội cho người ta.

Chòi của người ta đang lành lặn, hắn giật tranh ném đi. Nhà của người ta đang yên lành, hắn làm thóc gạo đổ tung toé. Chăn chiếu của người ta đang êm ấm, hắn lôi trăn lôi rắn bỏ vào.

Hắn vu oan cho người giàu, giá hoạ cho người sang.

Không một ai muốn leo lên [nhà hắn] dạy bảo hắn, không một ai muốn xuống [đất] khuyên răn hắn. Hắn như con tê giác, con voi phải đi vòng quanh giẫm ruộng mà không có ai dẫn đường cho.

Hắn thèm nấm, thèm cà.

Nếu đúng là hắn đã bắt được người ta trai trên gái dưới trong rừng kín bụi rậm thì sao hắn không nắm lấy cái gùi, không tóm lấy cánh tay, không nhận ra mặt mũi người ta chắc chắn là ai.

Nếu con đàn bà bỏ chạy trốn thì sao hắn không nhặt lấy khăn lấy áo. Nếu thằng đàn ông bỏ chạy thì sao hắn không nhặt lấy cái đao, con chà gạc, không nhặt nhặn đồ nọ thứ kia người ta bỏ lại, có như vậy mới chắc chứ.

Mới ăn không còn cần phải nhai, nhai không còn cần phải nhá, sự việc không còn phải bàn cãi nhiều nữa.

Nếu hắn chỉ nắm được một mình đồ đạc của người đàn bà thì xem như không có chuyện gì phải xét xử. Nếu hắn chỉ nắm được một mình đồ đạc của người đàn ông thì cũng vậy xem như không có chuyện gì phải xét xử.

Chỉ khi nào hắn nắm được đồ đạc của cả hai người, cả đồ đạc của người đàn ông, cả đồ đạc của người đàn bà, và hắn đứng ở cây klõng hắn nói, hắn đứng ở cây hrac [dầu cá] hắn gọi, hô hoán lên báo cho người tù trưởng nhà giàu biết.

Chỉ khi nào có một người được biết, có vài ba người được thấy, có cả trăm cả nghìn người được nghe thì khi đó mới có việc phải đưa ra xét xử.

Đằng này, hắn là một con cọp đã vồ trượt mồi, một con hoẳng đã hất mõm vào khoảng không, làm sao người tù trưởng nhà giàu không sợ sai trong xét xử được [vì không có chứng cớ].

126. VỀ TỐ CÁO NGOẠI TÌNH DO TIN ĐỒN, MÀ KHÔNG BẮT ĐƯỢC QUẢ TANG

Hắn vu khống nhà sang, vu oan cho nhà giàu.

Nếu đúng là trai gái dan díu với nhau, đưa nhau vào rừng kín bụi rậm để ăn nằm với nhau thì sao áo, khăn, dao, chà gạc, những thứ này đồ nọ của người ta hắn không tóm lấy.

Nếu họ bỏ chạy thoát lấy thân thì sao hắn không nhặt lấy cái ống điếu thằng đàn ông bỏ lại, sao hắn không giữ lấy cái áo cái khăn con đàn bà bỏ lại.

Nếu thằng đàn ông hắn nắm được chân, con đàn bà hắn giữ được tay, nếu hắn tóm được họ ngay tại chỗ, trên chiếu trong chăn họ đang ăn nằm với nhau, và có bao nhiêu người ở gần đấy, hắn đều cho biết tất cả thì như vậy mới đảm bảo là hắn nói đúng.

Nếu là ở trong rừng thì thằng đàn ông phải đi bẻ lá, con đàn bà phải đội vỏ cây, đi tìm một nơi nằm trong bụi trong bờ, trong rừng sâu rú kín mà chỉ có một thằng đàn ông với một con đàn bà thì điều hắn nói mới là đúng.

Nếu hắn bắt được hai con ếch đang nhảy nhau, bắt được hai con cóc đang cõng nhau thì hắn hãy nắm lấy chân lấy cẳng chúng có như vậy thì điều hắn nói mới là đúng.

Về thằng đàn ông thì hắn hãy lấy cái khăn, về con đàn bà thì hắn hãy lấy cái váy và hắn đem những thứ đó trình với cây đa đầu suối, cây sung đầu làng, người trông coi anh em con cháu dân làng.

Đằng này, chưa gì hắn đã tin ở lời người thầy bói sãi cây[1] tin ở lời nói của người phù thuỷ, ở các lời đồn đại đến tai hắn.

Như vậy là hắn có tội, có việc phải đưa ra xét xử giữa người ta và hắn.

127. VỀ VỢ CHỒNG BỎ NHAU KHI ĐÃ CÓ HÔN ƯỚC

Họ đã thành vợ thành chồng, như chiêng đã treo với la. Vợ chồng đã cam kết với nhau ở lễ cưới khi làm hôn ước.

Thế mà nay, họ bỏ nhau không có lý do, không ai phạm sai lầm đối với ai, vợ chồng bỏ nhau, anh em bỏ nhau vô cớ.

Vậy thì có bao nhiêu voi đã xiềng lại, có bao nhiêu chiêng đã treo lên, có những điều gì đã cam kết với nhau khi họ thành vợ thành chồng, khi ghép cánh nỏ vào với báng nỏ thì họ phải trả giá bồi thường cho nhau đủ bấy nhiêu.

Họ hãy hỏi những ai miệng đã ngậm cần uống rượu, tay đã cầm cái vòng cam kết, họ hãy hỏi người đứng làm mối, người nhận lời cam kết của họ.

Nếu voi đã được xiềng chắc chắn, chiêng đã treo vững vàng, nếu cam kết khi làm hôn ước đã được làm kỹ càng thì họ phải bồi thường đủ cho người ta như đã cam kết.

Kể từ đó cái vòng đồng sẽ mở ra, cái vòng đồng dây sẽ tháo ra, con ngựa con voi sẽ chăn ở khác bãi, khác rừng. Kể từ đó, các chuỗi cườm, vòng tay sẽ trao trả lại, vòng tay kia trả lại lấy vòng này, vòng tay người đàn ông đang đeo trả lại cho người đàn bà, vòng tay người đàn bà đang đeo trả lại cho người đàn ông. Và thế là không còn có việc gì phải đưa ra

---

1. Bói sãi cây: Bói bằng cách dùng sải tay đo trên một cái gậy dài để tính toán (CTS).

xét xử nữa. Nếu người đàn ông muốn lấy vợ thì cứ lấy. Nếu người đàn bà muốn lấy chồng khác thì cứ lấy.

128. KẺ BẤT CHẤP HÔN ƯỚC, BỎ VỢ ĐỂ LẤY NGƯỜI KHÁC

Người ta đã lên buồng hắn ra phòng khách. Người ta muốn kiếm một người chồng, vì người ta không có ai để phát cỏ dọn bờ rẫy, không có ai để nuôi nấng người ta.

Vì vậy người ta đã cho anh em nhà người ta tìm đến hắn ta, đưa lời hỏi hắn ta.

Hắn đã một ừ hai gật, tự tay cầm lấy cái vòng, miệng nói xin vâng.

Vì vậy anh em nhà người ta đã cơm gói gà đùm cất công đến rước hắn ta về, đưa hắn ta về nhà người ta.

Người ta đã giết lợn, cài rượu, đi mời dân làng.

Chân [hai người] đã được thoa nước hiến sinh, lễ hiến sinh thoa nước phép cho hai vợ chồng, cầu cho hai người được như hai cánh nỏ gắn với báng nỏ, đã được tổ chức.

Người ta đã cầu phúc cho cha hắn ta một con lợn đực, cho mẹ hắn ta một con lợn nái, của dẫn cưới người ta đã đem nộp cho mẹ, cho chị em [gái] hắn ta, người ta đã thết thịt lợn. Thết rượu đủ mặt từ chị em gần xa, mẹ gần, xa [dì, già], mẹ đẻ cho đến ông cậu, ông bác, anh em của hắn ta.

Để trả ơn nuôi dưỡng của người mẹ: người ta đã tặng mẹ hắn ta tám cái vòng đồng đeo tay, một tấm chăn địu, một bát đồng để hứng sữa.

Vì vậy, voi người ta đã xiềng, chiêng người ta đã treo, nút hôn ước đã được thắt lại, phòng khi đánh chiêng đã mỏi, đánh cồng đã ngán, nhìn nhau đã thấy chán, hắn ta có thể bỏ vợ.

Lợn cũng đã được giết, rượu cũng đã được đem ra làm lễ tạ ơn người mối, công người mối cũng đã được đem trả.

Thế mà bây giờ đây, đêm hắn ta nói một đằng, ngày hắn ta lại nói một đằng khác, vừa quay lưng đi hắn đã nói khác đi rồi.

Hắn ta lại thèm được bông hoa vàng trong rừng thưa, được bông hoa đỏ trong rừng dương xỉ. Hắn thấy một người đàn bà khác hắn lại ưng người ta rồi.

Hắn bất chấp dấu hiệu báo cấm đường, bất chấp cây rào chắn đường. Hắn bất chấp lời người tù trưởng nhà giàu nói khi làm hôn ước cam kết.

Như vậy hắn là có tội, có việc phải đưa ra xét xử giữa người ta với hắn.

129. VỀ VIỆC LẤY VỢ, LẤY CHỒNG MÀ KHÔNG BÁO CHO NGƯỜI ĐẦU LÀNG BIẾT

Hắn lấy vợ mà chỉ một mình hắn biết, hắn không cho một ai khác được hay.

Cả cây đa đầu suối, cây sung đầu làng, người trông coi anh em dân làng cũng không được hắn báo cho biết.

Hắn là chồng theo, vợ hắn cũng là vợ theo. Họ tự ý lấy nhau một mình không cho ai biết.

Voi đã không đem xiềng, chiêng đã không đem treo, họ đã lấy nhau mà không có hôn ước cam kết.

Hắn đã không báo cho biết, không nói cho hay rằng hắn đã cưới vợ.

Những ngôi nhà dài, hắn không vào; những túp nhà ngắn, hắn chỉ đi qua bên ngoài. Hắn xem thường cả những nhà ăn thịt bò thịt trâu.

Gặp vũng nước, hắn nhảy qua; gặp khe suối, hắn nhảy qua. Hắn bất chấp người tù trưởng nhà giàu.

Như vậy là có việc phải đưa hắn ra xét xử.

130. VỀ KẺ BỎ VỢ, ĐI Ở LÀNG KHÁC, ĐỂ LẤY NGƯỜI LÀNG NÀY

Hắn bỏ ra đi, chân thì đi về hướng đông nhưng đầu lại quay về hướng tây, chân thì đi về hướng đông nhưng đầu lại quay nhìn ngang. Hắn bỏ ra đi lang thang khắp nơi đây nơi đó.

Vợ hắn để lại nhà ngoài [phòng khách] hắn không còn thương tiếc đoái hoài gì đến người ta.

Hắn thèm được bông hoa vàng trong rừng thưa, thèm được bông hoa đỏ trên nơi cỏ. Hắn gặp một người đàn bà khác, hắn lấy ngay người này.

Ngựa trâu đứt dây thì người ta lần theo vết. Chồng bỏ ra đi thì vợ ắt phải theo tìm.

Nhưng hắn làm như đầu hắn là đầu nhím, tai hắn là tai chuột. Hắn gây ra hết chuyện này đến chuyện khác.

Hắn ăn dưa mà không bổ, ăn cau mà không bỏ đi một thứ gì. Hắn đến ở một xứ lạ mà không cho người đầu làng được biết.

Hắn đi ở hẳn một nơi khác, hắn dựng nhà, phát rẫy ở miền đất lạ, cư ngụ xứ sở của người ta[1].

Hắn lấy dưa chuột ra ăn mà không báo cho chị hắn biết, hắn lấy dưa hấu ra ăn mà không báo cho em gái hắn hay. Hắn có chuyện mà hắn không báo cho cha mẹ hắn rõ.

Như vậy hắn là kẻ có tội, có việc nghiêm trọng phải đưa ra xét xử giữa người ta và hắn.

Như con lợn, con trâu để hiến sinh thì phải chết, hắn là kẻ hay kiếm chuyện, hắn cũng sẽ mất mạng.

---

1. Đoạn này dịch giả còn bỏ trống, người biên tập bổ sung theo dịch bản cũ. (CTS).

131. VỀ KẺ ĐÃ CÓ VỢ, CÒN LÀM CHO NGƯỜI CON GÁI KHÁC CÓ THAI

Hắn là kẻ đã có vợ có chồng, như cánh nỏ đã tra vào báng nỏ.

Còn người ta thì là một gái chưa chồng như con chà gạc chưa tra cán, như nỏ chưa có dây.

Hắn thèm người ta như thèm quả chua, như thèm rau ngọt. Hắn vốn đã thèm người ta từ hôm qua hôm kia rồi.

Nếu hắn thèm người ta mà đi lại vụng trộm với người ta thì phải xem chừng, miễn là vừa phải. Đến kỳ trăng lên, hắn phải tháo cái vòng đồng đúc ra, phải cởi cái vòng đồng dây ra, ngựa và voi phải mỗi con đi ăn mỗi ngả.

Đằng này, hắn đi lại vụng trộm với người ta cho đến khi củ đã sinh chồi, khoai đã đâm ra khỏi mặt đất, cho đến khi đầu vú người ta đã thâm đen, cho đến khi lưng người ta đã cong hõm vào, bụng người ta đã nhô lên.

Cho nên hắn phải cho bà mụ một cái khăn địu, cho đứa bé sẽ sinh một lá chiếu, cho người ta một con dao vót để vót con dao cắt dây rốn.

Với người đàn bà là người phải một mình đã cưu mang đứa bé, hắn phải trả giá bồi thường, số tiền là một *kõ* và một lễ hiến sinh với lợn và rượu.

132. VỀ KẺ CHUNG SỐNG VỚI NGƯỜI ĐÀN BÀ NHƯ VỢ CHỒNG MÀ KHÔNG CƯỚI HỎI, RỒI LẠI BỎ HỌ KHI CÓ CON

Họ là chồng theo vợ theo, họ tự ý ăn ở với nhau một mình [không làm hôn ước].

Hắn [người đàn ông] thấy lợn là muốn ăn thịt, thấy ché là muốn uống rượu, thấy đàn bà là muốn ăn ở với người ta.

Voi hắn ta không từng xiềng, chiêng hắn ta không từng treo, lễ cam kết hôn ước hắn không từng làm.

Hắn ăn ở với người ta cho đến khi củ đã sinh chồi, cho đến khi khoai đã nhú lên, cho đến khi đầu vú người ta đã thâm đen, cho đến khi người ta đã có một đứa bé để bồng bế.

Nhưng rồi hắn đã bỏ người ta trong vực sâu khe cạn, hắn đã bỏ người ta mà không có lý do.

Trước kia, họ không phải là con ngựa bị ép cương, con trâu buộc phải chịu thừng, họ là đôi trai gái không ai ép phải nhận vòng đồng chuỗi cườm.

Hắn ta không phải là người chồng mẹ cha đã đi hỏi, anh em [bên vợ] đã cất công đi tìm.

Hắn đã tự tìm được đến chung sống với người ta. Thế mà rồi sau đó, hắn lại không ưng với người ta nữa. Buổi sáng không ưng, buổi chiều cũng không ưng, hắn đã chán vợ, không còn muốn tiếp tục ăn ở với người vợ đáng thương nữa[1].

Như vậy hắn là kẻ có tội. Hắn phải bồi thường cho người ta để người ta lấy đó mà nuôi con, cũng giống như trong trường hợp vợ chồng có cam kết hôn ước vậy.

133. VỀ TRAI GÁI ĐI LẠI VỚI NHAU CHO ĐẾN KHI CÓ CON

Chuyện trai với gái, đây không phải là chuyện mới bầy đặt ra, một chuyện mà mãi ngày nay mới có. Đâu đâu thì cũng cây quá giang nằm trên, cây đòn dọc nằm dưới, cũng phải tính từ tây xuống đông, từ xưa trai chưa vợ gái chưa chồng vẫn có thói quen đi ngang về tắt.

1. Đoạn này do người biên tập bổ sung (CTS).

Thế nhưng có ăn nằm vụng trộm với nhau cũng phải xem chừng, sao cho vừa phải. Đến tuần trăng lên thì phải tháo vòng nhau ra [thôi không hẹn hò nữa].

Khi tằng tịu với nhau ở bìa rừng ven làng thì phải giấu mẹ giấu cha. Thói thường là trai tơ gái tơ, người đàn ông chưa vợ, người đàn bà chưa chồng ai ai cũng đi ngang về tắt, miễn là chòi vẫn ra chòi, rẫy vẫn ra rẫy, cây chuối bụi mía rào giậu hẳn hoi.

Đằng này họ ăn nằm vụng trộm với nhau mà không xem chừng, không biết sao cho vừa phải, đến mùa trăng lên họ đã không tháo vòng nhau ra, vòng đúc không tháo, vòng dây không cởi, con ngựa con voi không tách nhau ra mỗi con đi ăn một ngả.

Họ ăn nằm với nhau cho đến khi [người đàn bà] lưng đã cong, cho đến khi cái bụng đã nhô ra, củ mì đã đâm chồi, củ khoai đã nhú lên, cho đến khi núm vú đã thâm đen, cho đến khi có mang có chửa.

Người đàn ông như vậy là có tội. Nếu hắn lấy người yêu của hắn làm vợ thì không có việc gì phải đưa ra xét xử.

Nhưng nếu hắn không lấy người ta thì hắn phải cho bà mụ một tấm chăn, cho đứa bé sơ sinh một lá chiếu một con dao để vót con dao nứa cắt rốn, một cái mền đã cũ [mềm], một cái khố cuộn lại, đó là tất cả những gì cần thiết để khâu cái nhau cho đứa trẻ[1], tất cả cộng lại giá 1 *kõ*. Ngoài ra hắn phải làm một lễ hiến sinh cho người đàn bà đó một con lợn giá 1 *sõng*.

134. NẾU NGƯỜI CHỒNG BỊ CẦM TÙ HAY BỊ BẮT LÀM NÔ LỆ THÌ NGƯỜI VỢ KHÔNG BẮT BUỘC PHẢI CHỜ MÀ CÓ THỂ LẤY CHỒNG KHÁC

Anh ta [người chồng] đã làm khác nào con chim ngói tự mổ trứng của mình, con chim bói cá tự nó nhào xuống nước, lông mọc ra từ đùi từ

1. Đoạn này do người biên tập bổ sung (CTS).

chân lại đâm vào người. Chính anh ta đã tự gây chuyện cho mình giữa ban ngày ban mặt.

Anh ta giống như cái que xâu muốn xâu, cái qua xiên muốn xiên. Số phận của anh ta không phải do trời làm đâu mà chính do bản thân anh ta gây ra.

Chị ta [người vợ] đã đợi chờ đến mòn mỏi, người đã già đi, công việc nương rẫy lại không có ai làm cho.

Chòi thì không có ai đi thăm, rẫy không có ai đi phát, con két con vẹt không có ai xua đuổi.

Con thì khóc, rẫy thì cỏ mọc, gùi lớn gùi nhỏ, gùi đẹp gùi thường đều xơ xác, trống rỗng cơm canh thiếu thốn mọi bề.

Chị ta đã chờ hết năm này qua năm khác, hết mùa khô này đến mùa khô khác. Đã đến lúc phải chấm dứt những năm đợi tháng chờ, chị ta phải lo kiếm một người chồng khác, một đời chồng thứ hai.

Muốn vậy thì chị ta hãy mời những người anh em trong họ đến [phía chị ta], mời những người cháu [gọi anh ta bằng cậu], những người em của anh ta, mời tất cả những người con người cháu của anh ta đến nói cho họ nghe.

Kẻo họ lại bảo chị ấy đã bỏ anh ta giữa vực sâu khe cạn, đã vô cớ bỏ chồng.

Chị ấy phải làm cho một vài người hiểu, bốn năm người thấy, cả trăm người nghe ra.

135. NGƯỜI ĐÀN BÀ CÓ CHỒNG ĐI VẮNG LÂU NĂM, KHÔNG CÒN CHỜ ĐƯỢC NỮA, THÌ CÓ THỂ LẤY CHỒNG KHÁC

Chị ấy không thể còn chờ đến một năm khác, đợi đến một mùa khô khác được nữa. Chị ấy đã già đi mà không được ích gì.

Khi váng mình sốt mẩy, chị ấy không đủ cơm ăn, không ai cời cho cái bếp lửa, không ai kéo đắp cho tấm chăn. Chị ấy chịu cảnh đơn độc không biết dựa vào ai.

Những ngày đói kém chị ấy không có ai để đi đào cho củ mài, không có ai cầm cho cái gậy chọc lỗ để tria, cầm cho cái chổi để quét, không có ai để dọn bờ phát bụi, để xua giùm con két con vẹt.

Đến đây chị ấy không còn sức chịu đựng cảnh sống âm thầm ấy nữa. Chị ấy sống cô đơn chờ đợi như vậy đã đủ rồi.

Chờ hết mùa rét này qua mùa rét nọ, chờ hết mùa khô này qua mùa khô kia, chờ hết mùa cau này sang mùa cau khác, sức chị ấy chờ người chồng mà mẹ cha đã hỏi cho như vậy đến đây cũng đã đủ rồi.

Anh ta đã bỏ ra đi, chân thì đặt ở đằng đông nhưng đầu lại quay về đằng tây, lang thang như một con bò rừng, trải qua năm hết tháng tàn. Biết đâu anh ta sẽ chẳng lạc đường lạc lẻo, đã chẳng bỏ xác dọc đường dọc xá, chị ấy làm sao mà chịu mãi được cảnh tang tóc cữ kiêng.

Vậy thì chị ấy sẽ nhờ anh em trong nhà [trong họ] tìm cho một người chồng khác, một người biết làm ăn, một người làm bầu làm bạn.

Những người chị em của anh ta sẽ được cho biết, những người em người cháu sẽ được cho hay, một cái vòng đồng sẽ được trao cho họ. Rằng bằng ấy năm tháng đợi chờ đã đủ rồi, đến lúc này thì chị ấy phải có một người làm bạn mới, một người chồng khác.

Như vậy không có việc gì phải đưa ra xét xử cả.

136. VỀ NHỮNG NGƯỜI BỎ VỢ, ĐI TÌM VỢ KHÁC MÀ KHÔNG LI DỊ VỚI VỢ TRƯỚC

Hắn đã có vợ có con, như đũa đã có đôi. Chân hắn đã được qua nước hiến sinh, nước phép ở lễ cưới.

Cho cha hắn người ta đã hiến sinh một con lợn đực, cho mẹ hắn người ta đã hiến sinh một con lợn nái.

Cho gia đình gốc gác của hắn, cho mẹ, cho chị em gái của hắn, người ta đã giao của dẫn cưới, lợn đã được giết, rượu đã được đem ra để thết đãi.

Mẹ gần mẹ xa [dì và già gọi theo người Việt], mẹ đẻ hắn, chị em gần xa của hắn đều đã được làm lễ hiến sinh lớn hoặc nhỏ.

Voi đã được xiềng, chiêng đã được treo, vợ chồng đã làm hôn ước cam kết.

Những kẻ ngu si, người câm điếc đã được cho hay, người tù trưởng nhà giàu đã được cho biết. Thế mà giờ đây hắn hết quay sang phía nam lại quay sang phía bắc, sáng hắn ở nhà cha, chiều hắn về nhà mẹ, chòi hắn không thăm, rẫy hắn không làm, hắn chẳng nghĩ gì đến công việc làm ăn, không ngó ngàng đến cái bẫy cái hầm [để bắt thú], không chăm nom nuôi nấng vợ con.

Hắn đu đưa như ngọn tre, nay đây mai đó như cái bếp di động, hắn hết đi phía tây lại về phía đông.

Hắn ăn rau nhà này nhưng ăn cơm nhà khác. Ăn ở đâu hắn ngủ ở đó, uống ở đâu hắn nằm lăn ra ở đó. Hắn đi đâu là đi hết tháng hết năm.

Hắn thấy bông hoa vàng trong rừng thưa, thấy bông hoa đỏ trong rừng dương xỉ, hắn thấy một người đàn bà khác là hắn đã thấy thèm thuồng.

Hắn thèm đoá hoa tông mông, hắn thèm con diều có đuôi dài, hắn ưng có một người đàn bà khác.

Hắn là một thằng đàn ông hay đi vụng về trộm với đàn bà, hắn đưa người ta vào rừng kín bụi rậm, ăn nằm với nhau như đã là vợ là chồng, cho đến khi người ta có con.

Với người vợ cũ, hắn không còn tỏ có chút ngó ngàng, chăm sóc, hắn bỏ người ta giữa phòng khách, không còn tỏ ra có chút nhớ thương. Hắn bỏ người ta trong vực sâu khe cạn, trên không chằng dưới không rễ.

Hắn thấy sợ như con cọp sợ người ta biết rõ sức nó mạnh hay yếu, như con thỏ sợ người ta biết rõ hang hốc của nó ở đâu, như con hươu, con heo rừng sợ người ta biết ổ chúng ở đâu.

Vậy thì hắn phải quay về chốn cũ nơi xưa, hắn phải trở về làng, trả giá bồi thường cho vợ cũ của hắn.

Các vòng đồng đúc cho hai người hãy tháo ra cho nhau. Các vòng đồng dây hai người hãy cởi ra giao lại cho nhau, rồi ngựa voi mỗi con sẽ đi ăn một nơi khác.

Hắn ta như con sông từ trước nước đã đầy bờ, như cỏ tranh từ trước đã đóng thành bó, hắn và người vợ mới của hắn đã thương yêu nhau từ trước rồi.

Như vậy hắn là kẻ có tội, có việc rất nghiêm trọng phải đưa ra xét xử giữa người ta với hắn.

Con lợn để hiến sinh thì phải chết, con trâu để hiến sinh thì phải chết, hắn đã gây ra chuyện thì hắn ta sẽ bị mất mạng.

137. VỀ NHỮNG KẺ ĐÁNH VỢ ĐẾN BỊ THƯƠNG

Vợ chồng cãi lộn mà hắn đánh người, đánh cho đến máu đổ thịt nát, cho đến xương gãy răng long.

Nếu hắn đánh vừa phải, đập vừa đủ thì sẽ không dẫn đến có chuyện phải đưa ra xét xử.

Đằng này hắn đã đánh người ta đến mức máu phun lên đến vòm trời, mật vỡ ra chảy đầy gan, vía còn vía mất.

Vậy thì có chuyện phải đưa ra xét xử.

Nếu người ta chết thì hắn phải trả giá đền mạng. Nếu người ta chỉ bị thương thôi thì hắn cũng phải chịu bồi thường.

138. VỀ CÁC VỤ PHÁ THAI

Gieo như gieo hạt thuốc [lá] mọc như cái giống cây lá to vẫn mọc, đó là để giống nòi mãi mãi trường tồn.

Thế mà chị ta đã lén lút làm xổ cái thai, gây sẩy thai làm cái thai phải chết.

Như vậy có việc phải đưa chị ta ra xét xử.

139. VỀ TỘI VU KHỐNG NGƯỜI TA PHÁ THAI

Hắn là kẻ có răng dài, miệng có tài bịa đặt, chỉ nghĩ đến chuyện vu khống người ta.

Hắn vô cớ vu khống người nhà nghèo, vô cớ vu khống cả người nhà giàu.

Người ta không có ghẻ, hắn vẩy nước săm niêng vào người ta, người ta không có mụn nhọt, hắn lấy dùi hắn đâm người ta, người ta vô sự thì hắn sinh sự, người ta không có chuyện gì đáng phải đưa ra xét xử thì hắn bịa tội ra cho người ta.

Hắn vu khống người ta lén lút xổ thai, tự ý một mình phá thai, làm thai nhi phải chết.

Nếu quả thật là người ta đã phá trộm cái thai làm chết thai nhi thì ắt phải có ít ra một người đã biết, ba người đã thấy, trăm nghìn người đã được nghe.

140. NGƯỜI ĐÀN BÀ HỮU SINH VÔ DƯỠNG, CÓ THỂ PHÁ THAI MÀ KHÔNG CÓ CHUYỆN GÌ PHẢI ĐƯA RA XÉT XỬ

Chị ta là người mà thần không cho có con, con gái không, con trai cũng không. Thần không cho được có con đàn cháu bầy đông đúc.

Vì vậy, chị ta sinh được đứa con trai nào chết đứa con trai ấy. Thần buộc chị ta phải tuyệt nòi.

Do đó chị ta đồng ý với người chồng, người chồng đã đồng ý với chị ta, hai vợ chồng đã thoả thuận với nhau cho cái thai xổ ra, phá cái thai khi chị ta mới có mang một hai tháng.

Trong trường hợp này, không có việc gì phải đưa ra xét xử.

141. VỀ VIỆC NGƯỜI ĐÀN BÀ PHÁ THAI MÀ GIẤU CHỒNG, GIẤU GIA ĐÌNH

Ăn cơm, chị ta không cho ai biết, ăn cá, ăn thịt, chị ta không cho ai hay: chỉ ý kiến vài ba người thôi, chị ta cũng không hỏi.

Cái thai, chị ta đã lén lút xổ ra, cái bào thai, chị ta đã tự ý một mình lén lút giết chết, không một ai đây đó được biết.

Nếu cái thai không bị xổ ra, nếu cái bụng chị ta không bị đánh trụt, nếu thai nhi không bị chị ta giết chết, thì biết đâu đứa bé sinh ra không được thần phú cho là một bà mụ phù thuỷ, nếu là con gái, là một tay khiên tài đao giỏi, đánh đông vây tây, đem lại của cải vòng xuyến bát đĩa cho vợ con, nếu là con trai, biết đâu thần *Kling* cho nó trở thành một người tù trưởng nhà giàu.

Đâu đâu thì quá giang trên, xà dọc dưới, đâu đâu cũng nói từ tây xuống đông, đất nước nào thì cũng mong cho dòng họ [djuê] được nảy nở sinh sôi, được đâm chồi như cây mai được mãi mãi có con đàn cháu đống cả gái lẫn trai.

Những người tù trưởng nhà giàu có bò có trâu thì họ dâng thần bò và trâu để cầu có con. Còn những người nghèo xơ nghèo xác muốn có con cũng phải cúng với gà với lợn.

Thế mà chị ta đã to gan lớn mật, muốn vượt cả non cao, khi thần đã cho có con để dòng họ được đông đúc, chị ta đã phá cái thai. Như vậy, chị ta là có tội, có việc phải đưa ra xét xử giữa người chồng chị ta và chị ta.

142. NGƯỜI CHỒNG PHẢI GIAO CHO VỢ GIỮ TẤT CẢ NHỮNG GÌ MÌNH CÓ

Tìm thịt tìm cá là để bỏ vào nồi nấu, làm ruộng làm rẫy là để nuôi vợ nuôi con.

Nếu người chồng có chiêng, ché, ngựa, trâu, có mâm thau, chậu đồng, chén bát, nếu anh ta có một cái gì đó, dù là những đồ đạc lặt vặt thì anh ta phải giao cho vợ giữ cho.

Nhưng nếu người vợ nấu cơm chẳng ngon, nấu canh chẳng ngọt, nếu chị ta dệt khố áo không đẹp, nếu chị ta không đi cõng củi gùi nước, không trải chiếu, nếu chị ta không chăm công việc nương rẫy thì người chồng có thể giao tất cả cho cha mẹ, chị em anh ta.

Nhưng nếu chị ta tỏ ra biết lo cơm ngon canh ngọt, dệt khố dệt áo, cuốc đất làm rẫy, cõng củi gùi nước, trải chiếu quét nhà, cung bông kéo chỉ, vững tay chày tay cối, mọi công việc chị ta đều quán xuyến thì người chồng có những gì cũng không được đem giao cho mẹ cha, chị em anh ta, nếu anh ta đem giấu là anh ta có tội, có việc phải đưa ra xét xử giữa vợ anh ta và anh ta.

CHƯƠNG VI

VỀ QUAN HỆ CHA MẸ - CON CÁI

143. TRÁCH NHIỆM CỦA CHA MẸ ĐỐI VỚI CON CÁI

Có dưa có bắp là có người trồng, có con có cái là do cha mẹ sinh ra, là có người trọng.

Nếu những đứa con làm điều này điều nọ, nếu chúng đi tầm bậy tầm bạ như kẻ điên dại, nếu chúng ăn uống bê tha, nôn mửa ỉa đái ngay bên cạnh chiêng cồng, nếu chúng đi rình mò, thò tay lấy trộm lấy cắp của người ta, nếu người làm cha làm mẹ chấp nhận tất cả những gì hư hỏng mà con cái họ có thể làm, thì họ là những người chịu trách nhiệm.

144. VỀ NHỮNG NGƯỜI CON GÁI KHÔNG VÂNG LỜI CHA MẸ

Hắn là đứa con gái mẹ khuyên không nghe, cha bảo không vâng, chưa phát rẫy đã rẫy cỏ, không biết gì là điều trái điều phải.

Hắn là đứa răn không nghe, bảo không vâng, cầm cây sáo kvưt thổi cho đến tàn hơi [chết], hắn không bao giờ chịu nghe những lời dạy bảo.

Đối với hắn không một lời khuyên nào lọt tai, không một lời dạy nào lọt tai, hắn làm như một con điên, đi lang thang hết nhà này đến nhà khác.

Củi hắn không đi lấy, rẫy hắn không đi làm, công việc làm ăn hắn chẳng bao giờ nghĩ đến, bông hắn không đi hái, chỉ hắn không chịu xe, cối chày giã gạo, hắn không động đến, hắn trốn tránh mọi lao động.

Hắn như ngọn cỏ muốn vươn cao hơn cây lau, như cọng tranh muốn vươn cao hơn cây xâu, như con thú rừng muốn vọt cao hơn lùm cây êjung.

Hắn là đứa muốn thách cả cọp, muốn cao hơn cả thần, hở miệng ra là nói những lời hỗn xược.

Như con lợn con trâu để hiến sinh, vì những chuyện hắn đã gây ra phải chịu mất xác.

Cha mẹ hắn sẽ chẳng lo lắng cho hắn, đùm bọc hắn nữa.

Chị em hắn cũng chẳng còn ai muốn cưu mang hắn.

145. VỀ NHỮNG NGƯỜI CON GÁI BỎ CHA MẸ ĐI SỐNG Ở MỘT LÀNG KHÁC

Vì thèm có trâu Mnông[1], vì ưng có cái áo cái váy là hắn bỏ những người sinh ra hắn ở lại phía sau, lăng xăng đến sống ở một làng khác.

1. Trâu của người Mnông, một dân tộc láng giềng với người Êđê, sống ở vùng đầm lầy như ven hồ Lăk, lũng sông (Krông) Ana, do thích hợp với môi trường nên béo tốt. Ngoài việc nuôi trâu để Hiến sinh, họ còn nuôi để làm ruộng trâu quần (thuỷ nậu) (CTS).

Hắn như con muỗi không đàn, như con ruồi không bầy, như kẻ không cha không mẹ.

Hắn đi chân đằng đông mà đầu thì đằng tây, lang thang như một con bò rừng.

Hắn ưng hoa *tông mông*, đoá hoa dài hơn cả cái dải đuôi diều, hắn ưng những người xa lạ hơn cha mẹ.

Hắn lìa bỏ hẳn cha mẹ, ra đi không màng trở lại, trôi dạt theo dòng nước, bỏ mặc những người đã sinh thành ra hắn.

Cha mẹ hắn đã khổ cực giường cứt chiếu đái cho hắn, đêm hôm lo củi lửa, ngủ gà ngủ gật không thành giấc vì hắn. Thế mà giờ đây, không có ai để sai đi lấy củi giùm, đi gùi giùm nước, chăm con bò con trâu, giữ gìn của cải.

Hắn đi mãi vào vùng rừng sâu, núi cao, hắn biết đó là vùng của người Bih, người Mnông.

Nếu hắn là một con đàn bà lắm chuyện giống như thằng đàn ông hay sinh sự thì nếu cha mẹ hắn có của, họ phải trả mọi khoản bồi thường [do hắn gây ra]. Nhưng nếu cha mẹ hắn không có gì thì hắn sẽ bị phạt bị một cái chày cùn [nhọn] đâm vào người, một cái cối thủng chụp lên đầu hắn.

Và lúc đó như con lợn con trâu để hiến sinh, bởi những chuyện hắn đã gây ra, hắn phải chịu mất mạng.

146. VỀ NHỮNG CON, CHÁU KHÔNG CHĂM SÓC MẸ CHA, ÔNG BÀ. CHÚNG KHÔNG ĐƯỢC THỪA KẾ, TÀI SẢN SẼ THUỘC VỀ NGƯỜI ĐÀN BÀ NÀO CHĂM SÓC HỌ TRONG TUỔI GIÀ, HOẶC DO HỌ NUÔI [LÀM CON, CHÁU]

Có cây bắp cây dưa là do có người trồng. Có con người là do có cha dưỡng mẹ sinh. Thế mà là người con, hắn đã bỏ mẹ bỏ cha ra đi, để mẹ cha sống cô đơn, hắn không chút đoái hoài.

Vì vậy người cha người mẹ phải nuôi một người con gái, con của người chị người em gái của họ, làm con nuôi như để giữ lấy giống lúa, họ sẽ xem người con gái nuôi đó như chính con đẻ của họ, để có người đi hái củi, gùi nước, có người làm lụng trên nương, có người giúp đỡ, chăm sóc họ khi ốm đau, có người nấu cơm ủ rượu cúng thần chạy chữa cho họ.

Thế mà giờ đây, lợi dụng lúc họ ốm đau bệnh tật, hắn lại đến bồng bế họ, dìu họ, cáng họ về nhà hắn, gánh gồng đem theo về nhà hắn tất cả của cải của cha mẹ hắn.

Còn người con gái mà cha mẹ hắn nuôi thì không được tí gì của người mẹ do hắn đã chia phần cho hắn tất cả.

Hắn, kẻ trước kia đã bỏ mặc cha mẹ.

Vì vậy hắn là kẻ có tội có việc giữa hắn với người con gái nuôi phải đưa ra xét xử, hắn phải trả lại phần tài sản của người mẹ để lại làm của kế thừa cho người con gái nuôi.

147. VỀ NHỮNG NGƯỜI RỂ, NGƯỜI CON, CHÁU, HOẶC TÔI TỚ TỎ RA BẤT KÍNH VỚI CHA MẸ, VỚI CHỦ NHÀ

Mẹ cha là kẻ sinh ra và nuôi nấng con, vì con mà chịu giường cứt chiếu đái, đêm hôm lo củi lửa, ngủ gà không thành giấc, vì con mà chịu khổ chịu cực đi mời bà mụ thầy cúng về chữa chạy cho con. Thế mà đến khi [người con gái] lớn khôn, béo tốt, đẫy đà, ngực căng vú nở, hắn cưới chồng rồi ra làm riêng ăn riêng, chòi mới rẫy mới, cơm ngon canh ngọt, vợ chồng hắn ăn một mình.

Mẹ cha thiếu củi không được nhờ, thiếu nước không biết tựa vào ai.

Hắn không đoái hoài đến cha mẹ hắn nữa, không đến giúp đỡ cha mẹ hắn nữa. Những con người đã khó nhọc vì hắn, đã địu hắn đến mòn vai, thế mà bây giờ chẳng còn một ai để sai bảo.

Hơn nữa, nếu hắn ỷ có bắp chân to mà dẫm lên cha, có đùi to mà đạp lên mẹ, làm như cây cuốc sắc cây rựa bén quật lại mẹ cha, thì hắn là kẻ có tội, có việc phải đem ra xét xử giữa cha mẹ hắn và hắn.

148. VỀ NHỮNG CHA MẸ KHUYẾN KHÍCH CON ĂN CẮP, ĂN TRỘM

Con cái của họ cứ như là những con lợn háu ăn, như những con chó hay ăn vụng, là những tên chuyên trộm cắp của cải người khác. Bọn chúng tìm chậu đồng của người ta trong nhà, lấy chậu thau của người ta ở phòng khách, rình mò một mình lọt vào trong nhà của người khi mọi người đều đi rẫy vắng nhà.

Bọn chúng tìm mở gùi, lục lọi lấy tiền của của người ta cất ở trong nhà để ăn cắp.

Bọn chúng đi lén đi lút, rón rén trong đêm tối tìm lấy trộm của người ta.

Là cha mẹ của những đứa con ngu xuẩn như vậy mà họ không dạy bảo chúng.

Họ khác nào con chim ngói tìm theo nắng, con chim két tìm theo gió, họ là những kẻ đồng loã với con cái của họ, họ che giấu chúng.

Con cái của họ là những kẻ chồng con chưa có, việc nhà thì lười việc rẫy cũng không siêng, chỉ nghĩ đến việc đi lấy trộm cắp của người ta.

Là người cha để con lôi kéo, là người mẹ để người con dắt mũi, họ là những người cha mẹ ủng hộ như mọi hành vi của con cái của họ.

Như vậy họ là những kẻ có tội, có việc phải đưa ra xét xử giữa họ với những người khác.

CHƯƠNG VII

VỀ TỘI GIAN DÂM

149. KẺ THÔNG DÂM TRONG NHÀ NGƯỜI KHÁC

Hắn là thằng đàn ông ngu ngốc, muốn ngủ với gái mà không vào làm kín trong rừng.

Hắn là con đàn bà tha đất cho đến đầu gối, tha bùn cho đến ngang hông, đem bùn đem đất vào nhà người ta.

Chúng làm uế tạp từ cái gối, tha bùn cái lồng ấp, đến nơi để trầu cau của người ta.

Chúng đem đất vào chiếu, đem ghét dây vào chăn của người ta, chúng ngủ với nhau trong nhà của người ta như đồ lợn, đồ chó.

Những kẻ ngủ với nhau ngoài bìa rừng mà không giấu mẹ, ngủ với nhau ngoài bìa rẫy mà không giấu cha. Chuyện trai gái mà chúng không làm theo thói người Kinh, người Miên. Chúng là những kẻ muốn có chỉ mà không chịu đi hái bông như xưa nay vẫn làm. Chúng thông dâm với nhau mà không biết ăn nằm sao cho đúng với tập quán từ xưa.

Chúng là những kẻ có tội vì đã vào buồng nhà người ta làm uế tạp các áo đen [thâm] áo đỏ, vì đã vào phòng khách nhà người ta làm uế tạp các đệm sui [để lót lưng voi] treo trên cao, các bành voi để trên sàn hiên, các dây chằng, dây buộc và các xiềng voi, và đã làm uế tạp nơi cất tiền bạc của cải của người tù trưởng nhà giàu.

Như vậy là có chuyện phải đưa ra xét xử giữa chúng và người ta.

150. VỀ NGƯỜI CHỦ THÔNG DÂM VỚI NÔ LỆ GÁI CỦA HẮN, NGƯỜI NÔ LỆ ĐÓ SẼ ĐƯỢC TỰ DO, NẾU SỰ VIỆC MỌI NGƯỜI ĐỀU BIẾT

Hắn như con mèo đen đang ngồi trên nắp gùi quý mà nhảy xuống ăn bất cứ thứ gì như lợn, như chó.

Hắn như con đàn bà kiếm chuyện, như thằng đàn ông sinh sự. Nếu người chồng lẻn vào nhà [để ăn cắp ăn trộm], tội hắn sẽ đổ lên đầu vợ con hắn, nếu hắn nói lên những lời nguyền rủa thì tội hắn sẽ đổ lên đầu người cháu [gọi bằng cậu], những người chị em gái của hắn[1], những người này phải gánh chịu việc bồi thường giá người nô lệ phải đem của cải của họ đủ đến cho vợ và con hắn.

Nếu những người cháu [gọi bằng cậu] và những người chị em gái của hắn không bồi thường được giá người nô lệ thì sau này khi hắn chết, cái cuốc, cái chà gạc[2] của hồi môn của hắn cũng như phần của cải do hắn làm chung với vợ mà có lẽ ra phải chia cho hắn, các cháu [gọi hắn bằng cậu] và những người chị em gái của hắn không được hưởng một thứ gì[3], vốn có quyền được trả tự do cho nếu gia đình xuất thân của hắn buộc phải, hoặc trả giá người nô lệ gái, hoặc từ bỏ quyền đòi lại của hồi môn và kế thừa một phần di sản do làm chung mà có của người chết.

Chú thích D. A:

1. Gia đình xuất thân của người chồng chỉ gánh chịu trách nhiệm một số hành vi của anh ta. Một hành vi nào đó của anh ta nếu có đem chút lợi cho vợ anh ta, thì vợ anh ta hoặc gia đình chị ta là người phải gánh chịu trách nhiệm. Trường hợp, hành vi của anh ta không đem lại lợi ích gì cho vợ hoặc cha mẹ vợ anh ta, thì gia đình xuất thân của anh ta là bên phải gánh chịu trách nhiệm.

2. Wăng Kgă [cuốc, chà gạc]. Hai từ này chỉ số của cải mà người đàn ông đem theo, khi anh ta về nhà vợ. Số của cải đó gồm chủ yếu là công cụ lao động.

3. Kir duah ênuah hrui: là phần của cải do làm chung mà có, phải trả về gia đình người đàn ông khi anh ta chết.

Chú thích: Xem luật Hittit Hrony, tr. 147 "Nếu một người đàn ông tự do ngủ với nô lệ gái, dù là bọn nô lệ gái này hay bọn nô lệ gái kia đều là không bị phạt."

151. KẺ THÔNG DÂM VỚI NÔ LỆ GÁI CỦA NGƯỜI KHÁC*

Như con gà mái nhập đàn, như con gà trống vào chuồng, hắn là một kẻ hoang dâm vô độ thông dâm với cả nô lệ [gái] của người ta.

Như vậy là hắn không khác con ngựa ăn cỏ phải chia cỏ, như con voi uống nước, phải hút hết, hắn ngủ với nô lệ [gái] của tù trưởng nhà giàu thì phải chia [số phận] với người ta, cũng trở thành nô lệ. Phải chăng mẹ cha hắn có của thì hắn sẽ trả giá [người nô lệ] bồi thường cho người chủ nô thay nó.

Nhưng nếu cha mẹ hắn không có gì hơn ngoài cái xác của họ, thì anh em trai bên vợ hắn chỉ có cách đem giao hắn [làm nô lệ] cho người ta, [người chủ của nô lệ gái].

152. VỀ TỘI HIẾP DÂM**

Hắn là kẻ thấy muối đã muốn nếm thử, thấy ngựa thấy trâu đã muốn ép cho cưỡi, thấy vợ con người tù trưởng nhà giàu, thấy vợ con của người anh em đã muốn cưỡng hiếp lấy được.

Hắn vồ lấy [họ] như cọp, tha [họ] đi như con thú rừng, hắn làm như con lợn con chó, hiếp người ta không chút xấu hổ.

Hắn thấy mặt mũi người ta đẹp hắn ưng. Hắn đã ưng từ lâu, từ ngày hôm qua, từ ngày hôm kia.

Nếu hắn đã hiếp một người đàn bà nghèo, hắn sẽ phải trả 1 con heo 3 *sõng* và một khoản tiền 3 *kõ*.

---

*. Xem luật Hittit của F. Hrozny (Paris Libi. Orientliste, 1922): "Nếu một nô lệ gái đưa ra một người con trai tự do giá chuộc hắn [như là một món quà cưới] và lấy người con trai này làm chồng thì không một ai được loại anh ta ra [khỏi vị trí xã hội của anh ta]" tr.25.

**. Chú thích D.A: Xem luật Hittit của Hrozny: "Nếu một người đàn ông hãm hiếp một người đàn bà, thì đó là tội của người đàn ông và hắn [phải] chết [bị đem giết]. Nếu hắn hãm hiếp những đàn bà ở trong nhà thì cả người đàn bà cũng đã phạm tội, người đàn bà phải chết, nếu chồng người đàn bà chộp được hai người, anh ta có thể giết chết cả hai, chẳng có hình phạt gì đối với anh ta" tr. 149.

Nếu hắn đã hiếp vợ con một nhà giàu, hắn sẽ phải cúng hiến sinh 1 con trâu và trả một khoản tiền 6 *kõ*.

153. VỀ TỘI HIẾP DÂM KHI NGƯỜI CON GÁI ĐANG NGỦ

Hắn là kẻ canh đang nấu trên bếp, đêm đến hắn mò đến ăn, thịt đang hầm trên bếp, tối đến hắn tìm đến ăn.

Hắn là kẻ thấy lợn là muốn ăn thịt, thấy ché là muốn uống rượu, thấy người đàn bà đang ngủ là muốn cưỡng dâm.

Hắn là kẻ vô độ, không tự kiềm chế được mình hễ thấy người đàn bà ngủ hay đang say mềm vì quá chén, tai không còn nghe được gì nữa là hắn tìm cách hãm hiếp.

Hắn mò mẫm lúc nửa đêm gà gáy đi tìm lối tuột áo váy người ta, vờ làm một thằng say rượu để chui vào buồng người ta, cưỡng dâm người ta trong bóng tối.

Vì vậy, hắn là kẻ có tội, phải đưa hắn ra xét xử giữa hắn với người ta.

154. VỀ TỘI CÁM DỖ

Như con cú vọ tìm cách lừa con cua, mụ ta cởi tuột váy ra để cám dỗ người đàn ông.

Thế là nồi nhỏ thì để nấu cà, nồi lớn thì để nấu nấm, nếu người đàn ông không thuận theo hắn thì hắn ghé đít cọ vào người ta.

Nếu chính mụ cầm tay mà lôi, cầm cho đến ngón tay móng tay mà lôi, nếu chính mụ ta là người vẫy gọi, mời mọc người đàn ông thì không có chuyện gì phải xét xử.

Bởi vì mụ ta như quả pnic đã nứt ra, như quả *êpang* đã chín, mụ ta đã cám dỗ bằng được người đàn ông, làm anh ta chết mệt.

155. VỀ NHỮNG KẺ HÃM HIẾP BÉ GÁI CHƯA ĐẾN TUỔI DẬY THÌ, CHƯA BIẾT MUỐN ĐÀN ÔNG

Hắn là kẻ đi mò mẫm lúc nửa đêm về sáng, khi mọi người đang ngủ say.

Hắn tìm cưỡng hiếp người ta, làm như một thằng khùng, thằng điên.

Canh đang nấu trên bếp hắn mò đến tìm ăn trong bóng tối, thịt đang hầm trên bếp, hắn mò đến tìm ăn giữa khuya khoắt ban đêm.

Hắn đem reo rắc bệnh tim la, truyền cho người ta bệnh lậu, làm cho phải chữa chạy bằng những nước đắng, nước chua.

Người mắc bệnh đau lăn lóc trên chiếu, đau mê man trong chăn, bà mụ thầy cúng gọi đến chẳng một ai đoán được bệnh gì.

Thế mà đó chỉ là một đứa bé [gái] đang tuổi vọc đất, bám thang, đang độ tuổi quấn lấy cha mẹ.

Hắn đã ép đứa bé như ép ngựa phải chịu cương, ép trâu phải chịu thừng, dỗ dành đứa bé bằng vòng đồng [đeo tay] và chuỗi cườm.

Miệng hắn thì há hốc ra, ngực hắn thì đè xuống, ngăn không cho đứa bé được kêu la.

Hắn vồ như một con cọp, xáp lại như một con thú, hãm đứa bé, hắn hành động như con chó con lợn, mà không biết hổ thẹn.

Đứa bé vốn chưa đến tuổi dậy thì, chưa biết muốn đàn ông, hắn mặc kệ cứ cưỡng hiếp, không phân biệt đúng sai phải trái.

Hắn là một con người miệng rộng như miệng nơm, mồm ngoác ra như cái nong, một con người không còn ai khuyên bảo được.

Hắn là một kẻ mẹ bảo không nghe, cha dạy không vâng, cứ cầm sáo vứt mà thổi cho đến tàn hơi.

Như con lợn con trâu để hiến sinh, hắn sẽ mất xác hắn vì những việc hắn đã gây ra.

156. VỀ NHỮNG KẺ ĂN DỖ BÉ GÁI ĐỂ ĐOẠT CỦA CẢI

Hắn là kẻ không thịt ăn, không rau ăn, không thuốc hút.

Với cơm trong một cái bát, hắn dỗ dành đứa bé, với cơm trong một cái nồi, hắn tán tỉnh đứa bé. Hắn tìm cách hấp dẫn đứa bé bằng những con chim tu hú, cu gù.

Nếu đứa bé không thuận, hắn dỗ nữa bằng chuối, nếu đứa bé vẫn không chịu thì hắn đưa mía ra để dỗ. Nếu đứa bé không hiểu thì hắn nói cho bằng hiểu được.

Hắn vờ tô điểm lại cái ống đựng muối, chất đống lại các bắp ngô để đánh lừa con cái người ta.

Như vậy hắn là kẻ có tội.

157. VỀ TỘI LOẠN LUÂN GIỮA NHỮNG NGƯỜI BÀ CON GẦN

Chúng ăn nằm loạn luân với nhau, đó là một điều từ xưa xem là nhục nhã. Là anh em của nhau, do cùng một lưng, một bụng sinh ra, do cùng một mẹ cưu mang mà có, thế mà chúng đã dan díu với nhau.

Chúng ăn nằm loạn luân với nhau, đó là một điều từ xưa đã xem là nhục nhã. Là con cái và cha mẹ thế mà chúng tằng tịu với nhau. Chúng bất chấp rằng mẹ là kẻ cưu mang, cha là người cõng địu, mẹ cha là người đã sinh thành ra con cái, nuôi nấng, dạy dỗ chăm nom giường cứt chiếu đái mới có những đứa con.

Là cha là mẹ chúng đem con cái vào rừng để thông dâm. Chúng tìm những rừng sâu cây cối bịt bùng đưa con cái chúng vào, đứa thì còn nằm trên đùi, đứa thì còn vác trên vai. Chúng hành động khác nào con chó con lợn, không biết gì là phải là trái.

Cây cải nước dưới suối, cây khoai môn trong đầm bị héo khô, chính là vì chúng đã ăn nằm với nhau giữa anh chị em với nhau, giữa cha mẹ với con cái.

[Cũng chính là vì chúng mà] cái nong cái nia, lưng của ông bà đã bị uế tạp.

Cây xoài không còn đơm hoa được tốt, cây muỗm không còn đơm hoa được tốt, bọn con trai con gái sinh mất nết hư thân, gây ra những chuyện bậy bạ.

Vì vậy bọn chúng phải làm một lễ tẩy uế đất bằng lợn bằng rượu, của cải, tiền bạc, váy áo chúng có lúc phạm tội, chúng phải đem nộp cho người chủ đất [pô lăn].

Những chuỗi cườm mà họ đeo ở cổ, những bông mai mà họ đeo ở tai, cái nón mà họ đội trên đầu, chiếc khăn mà họ quấn trên đầu, cái cuốc mà họ dùng để đào nghệ, cái rựa mà họ dùng để bóc vỏ cây, cái âu đồng để tưới rượu cúng, cái vòng đeo tay, cây giáo để cắm xuống đất, cái đĩa để đựng thịt, tất cả những thứ đó họ phải giao cho chủ đất.

Chủ đất sẽ làm một lễ giải uế cho lưng ông bà, nước cúng sẽ đem đổ tưới cho đất, để trở lại xanh tươi, để nước được không ngừng chảy, để dân làng được sống yên vui, để mưa cho nhiều, cho thuận, để cây kê cây lúa mọc cho tốt, để chiêng cồng lại được treo lên, để sơn với dầu hoà với nhau làm một.

Người ta trích máu ngón tay những kẻ phạm tội dâng máu cho thần sao băng, cho thần ong bò vẽ, cho thần các vũng nước rác để gột sạch các tội lỗi do loạn luân gây ra.

Nhưng nếu trước sau họ vẫn muốn ăn ở với nhau thành vợ thành chồng, như chiêng đã treo với la, như sơn đã hoà với dầu thì cơm người ta sẽ cho họ ăn trong một cái máng như cho lợn cho chó ăn, ấy là bởi vì giống như chó như lợn, họ không còn biết ai là những người bà con thân thuộc của họ.

Vì vậy, đây là một việc rất nghiêm trọng phải đưa ra xét xử.

Nếu người ta biết rõ con đàn bà đó là ai, thằng đàn ông đó là ai, thì chúng phải nộp 1 con lợn để giải uế cho rừng, 1 ché rượu để giải uế cho đất.

Con đàn bà sẽ nộp cho chủ đất, còn thằng đàn ông thì nộp cho người thủ lĩnh đầu làng[1].

158. TỘI LOẠN LUÂN GIỮA NHỮNG NGƯỜI BÀ CON XA

Chúng ăn nằm loạn luân với nhau, đó là một điều từ xưa đã xem là nhục nhã. Là anh chị em của nhau mà chúng đã dan díu, tằng tịu với nhau.

Cây môn dốc dưới suối, cây khoai môn trong đầm bị héo khô, chính vì cùng một họ mà chúng ăn nằm với nhau.

[Chỉ vì chúng mà] cái nong cái nia bị uế tạp, cái lưng của ông bà bị uế tạp.

Cho nên chúng phải cúng một con lợn để giải uế cho rừng, một ché rượu để giải uế cho đất, chúng phải nộp cho người đàn bà chủ đất một số tiền [để cúng đất].

Các vòng đồng đen mà họ đeo ở tay, các chuỗi cườm mà họ đeo ở cổ, các bông tai mà họ đeo ở tai, cái nón mà họ đội trên đầu, cái khăn mà họ quấn trên đầu.

Tấm váy trải dưới đất, tấm chăn đã đậy điệm họ, cái cuốc để đào nghệ, cái chà gạc để bóc vỏ cây, cái âu đồng để tưới rượu cúng, cái vòng

---

1. Người thủ lĩnh đầu làng có trách nhiệm giữ cho tục lệ trong làng được tôn trọng. Ông ta có trách nhiệm về các tội lỗi do dân làng gây nên. Vì vậy, những người vi phạm tục lệ phải nộp vạ cho ông ta là một điều bình thường.

Trong trường hợp này có điều gì thì phải giải quyết với người chủ đất, bởi vì đất đã bị những người phạm tội loạn luân làm uế tạp, cũng có điều gì thì phải giải quyết với người đầu làng, bởi vì tục lệ bị vi phạm.

Chú thích: Xem luật Hittit của Hrozny: "Nếu người đàn ông hiếp chính mẹ mình, thì phải xử phạt. Nếu người đàn ông hiếp chính con gái của mình thì phải xử phạt. Nếu người đàn bà hiếp chính con trai của mình thì phải xử phạt.

"Người ta dẫn hắn vào cung cấm của nhà vua và nhà vua sẽ giết hắn hoặc cứ để hắn sống" (tr.143. và 145).

tay đã cắn chặt lại, cây giáo đã cắm vào đất, cái đĩa đã đựng thịt, tất cả những thứ đó họ phải giao [cho người chủ đất][1].

Chủ đất sẽ làm một lễ giải uế cho lưng ông bà, nước cúng sẽ được đem đổ cho đất.

Để đất được trở lại xanh tươi, để nước được không ngừng chảy, để dân làng được sống yên vui, để mưa cho nhiều cho thuận, để cây kê mọc cho tốt, cây lúa chóng vào hạt, không bị héo hon.

Người ta sẽ trích lấy máu ngón tay những kẻ phạm tội dâng máu đó cho thần sao băng, cho thần đất để gột sạch các tội lỗi do loạn luân gây ra.

Nếu người ta biết rõ con đàn bà đó là ai, thằng đàn ông đó là ai thì chúng phải nộp một con lợn để giải uế cho rừng và một ché rượu để giải uế cho đất.

Con đàn bà sẽ nộp cho chủ đất, còn thằng đàn ông sẽ nộp cho thủ lĩnh đầu làng.

159. VỀ HÀNH ĐỘNG TÍNH GIAO VỚI GIA SÚC[*]

Người nói những chuyện tục tĩu, người lăn ra cười, người bịa ra những câu chuyện lạ kỳ chỉ xảy ra với mình.

---

1. Xem chú thích 1, điều 157.

*. Xem luật Hittit của Hrozny: "Nếu một người đàn ông dâm loạn với một con bò cái thì hắn phải bị trừng phạt: hắn phải chết. Người ta dẫn hắn vào cung vua, và nhà vua sẽ giết hắn hay cứ để hắn sống " (tr. 143).

"Nếu một người nào đó dâm loạn với lợn, dâm loạn với chó thì hắn phải chết".

"Nếu người đàn ông dâm loạn với một con bò đực thì con bò đực phải chết (đem giết), còn người đàn ông thì không phải chết. Một con cừu sẽ thế mạng cho người đàn ông, người ta dem giết con cừu.

"Nếu một người đàn ông dâm loạn với một con ngựa hay một con la thì không có hình phạt" (tr. 151).

Người chẳng sợ phạm phải những hành động dư luận chê cười, người không thấy đâu là tội lỗi, đâu là không.

Người làm nên chuyện cây cải nước héo khô trong nước, cây khoai sọ tàn tạ trong đầm vì đã đùa giỡn với ngựa, với trâu bò.

Người làm ô uế cái nong lớn, làm dơ bẩn cái lưng tổ tiên[1].

Người đó là có tội và có việc phải đưa ra xét xử giữa người giữ đất [chủ đất] và hắn.

CHƯƠNG VIII

CÁC TRỌNG TỘI

160. TỘI CỐ Ý GIẾT NGƯỜI

Hắn là người nóng tính, không kiềm chế được mình, dễ sinh liều lĩnh. Hắn như cọng tranh khô, sợi lạt giòn dễ bốc cháy, hắn đã nổi nóng vô cớ giết người ta.

Hắn vốn có thói ganh ghét như ma ác thần dữ.

Hắn thèm thuồng những cây gỗ thẳng, những con chà gạc bén và những con người khoẻ mạnh, nhanh nhẹn chân tay.

Vì vậy hắn đã thắt cổ người ta bằng một sợi vải, treo cổ người ta lên bằng một sợi dây, đâm chém người ta bằng những lưỡi dao ngọn giáo.

Về số máu đã đổ ra, hắn phải trả một nồi bung. Về sự mất an ninh trong xóm làng, hắn phải trả một nồi *biê*. Con dao hắn đã dùng để rạch

1. Người Êđê quan niệm mặt đất là "cái lưng của tổ tiên" (CTS).

bụng người ta, hắn phải giao cho gia đình nạn nhân, cùng một tấm khăn để gói ghém hồn người chết.

Cho người chết, hắn phải cúng 1 ché bỏng đặt ở phía đầu, kèm theo là một số tiền bạc đồ dùng.

Cho những người đến than thuê, hắn phải trả 1 nồi ba, cho những người đến khóc mướn, hắn phải trả 1 nồi bung, cho xóm làng hắn đã làm rối loạn, hắn phải cúng cầu an bằng trâu, bằng bò.

Vì sự việc hắn gây ra thật là nghiêm trọng.

Nếu hắn đã giết một người nhà nghèo thì hắn phải đền mạng bằng một cái la 1 cùi tay và 1 gang tay đường kính. Nếu hắn đã giết một người nhà giàu thì hắn phải trả 1 cái la lớn 1 cùi tay và 1 nắm tay đường kính.

161. TỘI LÉN LÚT BÓP CHẾT TRẺ SƠ SINH

Hắn là con đàn bà có bàn tay độc ác, có bàn tay giết người. Hắn đã nỡ bóp chết đứa bé lọt lòng từ chính bụng hắn.

Biết đâu đứa bé sinh ra, khi lớn lên, nếu con gái lại không thể trở thành một bà phù thuỷ biết chữa bệnh, nếu là con trai lại không thể trở thành một tay khiên tài đao giỏi, có thể chiến thắng kẻ thù, bắt được tù binh, trở thành một tù trưởng nhà giàu, thu về vòng đồng, bát đĩa...

Vậy mà hắn đang tay giết chết đứa con trai của hắn, bóp chết đứa con gái của hắn, làm cho dòng họ hắn bị tuyệt nòi.

Như vậy có chuyện phải đưa ra xét xử giữa những người khác và hắn.

162. VỀ NHỮNG VỤ GIẾT NGƯỜI BẰNG BỎ THUỐC ĐỘC VÀO NƯỚC, VÀO RƯỢU HOẶC VÀO THỨC ĂN

Kẻ nuôi nhện đen, bắt sên rừng làm thuốc độc, đem thuốc độc bỏ vào rượu, vào nước uống, vào cơm canh của người ta.

Hắn bỏ thuốc độc, hắn cũng trồng ngải, chế ra những nước đắng, nước cay như ớt, những nước bằng các nhựa cây độc là những thứ gây bệnh cho người ta. Hắn vô cớ gây tai hoạ cho người ta như các ma dữ thần ác.

Nếu hắn đã đầu độc giết hại một đứa trẻ, hắn sẽ đền mạng bằng 1 con voi cái. Nếu hắn đã đầu độc giết hại một người đã lớn tuổi, hắn sẽ đền mạng bằng 1 con voi đực. Nếu hắn đã đầu độc giết một người con người cháu của người chủ làng, thì hắn sẽ đền mạng bằng 10 bộ chiêng và 10 cái la.

Hắn vốn không có một chuyện xưa chuyện cũ nào đòi hỏi phải giải quyết với bất cứ ai.

Vì vậy là hắn có tội.

163. VỀ NHỮNG KẺ BỎ THUỐC ĐỘC VÀO GIẾNG NƯỚC GIẾT HẠI CẢ LÀNG

Kẻ bỏ thuốc độc, trồng ngải, rắp tâm làm sập các máng nước ở giếng làng, gây tai hoạ cho người ta khác nào các ma dữ thần ác.

Kẻ đem thuốc độc đổ xuống thác nước, kẻ hoà thuốc độc vào nước suối, nước sông, kẻ bỏ thuốc độc khắp mọi nơi quanh làng, mưu toan tiêu diệt xóm làng mà không có nguyên cớ.

Chúng đều là kẻ có âm mưu tàn phá các làng mạc giàu có, phồn vinh, âm mưu tiêu diệt bằng hết các xóm làng của những người anh em.

Nếu người ta có nợ hắn thì hắn đã đến đòi, nếu có chuyện gì tranh chấp thì hắn hãy đến để điều đình, thương lượng.

Đằng này hắn đã vô cớ bỏ thuốc độc, dùng các cây thuốc để giết hại từ thanh niên nam nữ đến những người lớn, người già.

Vì vậy, hắn là kẻ có tội, có việc nghiêm trọng phải đưa ra xét xử giữa người ta với hắn.

164. VỀ VIỆC GIẾT NGƯỜI BỊ TỐ CÁO LÀ MA LAI

Hắn là kẻ đã đâm chém tra tấn người dã man. Hắn đã giết chết người ta trong rừng trong bụi.

Nếu nghi người ta là ma lai, hắn hãy đem đến một cái nồi, đem dầu đổ vào đó, lấy củi nhen lửa lên, rồi gọi hoặc ít hoặc nhiều người đến để chứng kiến [cuộc thử tội ma lai].

Đằng này chưa gì hắn đã dùng đến dao sắc đao to giết chết người ta, ném xác người ta cho diều tha quạ mổ.

Bà con bên nội bên ngoại của người ta không một ai được hắn báo tin. Vòng và nhẫn [để báo tin], hắn không hề gửi đến cho họ. Tin miệng họ không được nghe. Tin bằng cho ngửi mùi, họ cũng không được nhận.

Hắn đã cột người ta bằng dây rừng, treo cổ người ta lên bằng một dải vải khăn, rồi đâm chém người ta bằng dao bằng giáo.

Hắn vốn là kẻ thù có những cây gỗ thẳng, những con chà gạc sắc, những người [giúp việc] chân tay nhanh nhẹn.

Người ta xấu người, hắn vu cho là ma lai, người ta là gái goá chồng, hắn vu cho là muốn chồng của một người khác.

Thế thì, nếu người ta đã chết, hắn phải đền mạng, nếu người ta bị thương tật hắn phải bồi thường.

Nếu người chết là một trẻ em, hắn phải trả một con voi cái, nếu người chết là người đã có tuổi hắn phải trả một con voi đực, nếu người chết là người chủ, hắn phải trả 10 cái chiêng, 10 cái la.

Nếu máu đã chảy, hắn phải trả bằng 1 nồi bung, nếu máu đã ra lênh láng, hắn phải trả bằng 1 nồi *btê*.

Con dao hắn đã dùng để rạch bụng [nạn nhân], cái khăn để gói ghém vong hồn người bị hắn giết.

Cái ché đuê đặt dưới chân người chết, cái ché bơng đặt trên đầu người chết, các đồ đạc tiền bạc khác kèm theo [đều do hắn phải trả].

Cho những người than vay, hắn phải trả một ché ba, cho những người khóc mượn, hắn phải trả một nồi bung. Đối với xóm làng đã bị hắn làm rối loạn, hắn phải giết trâu, giết bò [để cúng].

Như vậy, đây là một vụ phải đưa ra xét xử rất lớn.

165. VỀ NHỮNG NGƯỜI NGHE THEO LỜI KẺ KHÁC MÀ PHẠM TỘI

Hắn là người tin ở lời phán của thầy bói sãi cây, tin ở lời truyền của thầy phù thuỷ chữa bệnh, có ai đó xui bẩy hắn làm điều tầm bậy, hắn cũng nghe theo.

Có cây đa, hắn không tìm hỏi cây đa, có cây sung hắn không tìm hỏi câu sung, có mẹ có cha mà hắn không tìm hỏi mẹ cha, con chó không muốn sa vào bẫy người ta cứ ẩy nó vào, con diều con quạ không chịu ăn. Đâu có chuyện xấu xa người ta sai hắn đến, hắn cũng đến.

Hắn vốn là kẻ thèm cây chà gạc [đẹp] của người tù trưởng nhà giàu, thèm sọt muối, thèm các miếng bả vai bò của người ta.

Cái sai của hắn là đã nhận cứ đi, cứ chạy miễn là có đường có xá, hắn cứ ngơ ngơ ngác ngác như một người điếc, không nhận ra được cái gì là sai, cái gì là đúng.

Hắn để người ta vặn vẹo hắn như vặn vẹo một cái chân nhện, để người ta nắn bóp hắn như nắn bóp con chó con. Người ta bảo hắn gọi là mẹ là hắn gọi mẹ, người ta bảo hắn gọi cha là hắn gọi cha.

Vì vậy hắn là có tội.

166. VỀ NHỮNG VỤ NGỘ SÁT

Không phải cái que xâu muốn xâu, cái que xiên muốn xiên, mà đây là chuyện trời muốn sinh sự.

Hắn ta [người phạm tội] đâu có phải như cành mnũng, sẵn sàng đánh người [đi qua], như dây *mniêng* sẵn sàng quất vào người [đi qua]. Hắn ta đâu có phải là người muốn giết người anh em của mình.

Đó chẳng qua chỉ là do ông *Đu* ông *Adiê* đã định sẵn, do thần Mẹ địu [thần số mệnh] đã xếp đặt từ trước.

Đó quả thật không phải hắn ta muốn thử cây chà gạc xem tốt hay không tốt, thử cái niết xem đã bén hay chưa bén, không phải hắn ta đã nghiền ngẫm ngày đêm cái chuyện làm chết người này.

Nếu quả là hắn ta sáng ra đã suy tính, đêm đến vẫn ngẫm nghĩ, từ hôm trước hôm kia đã mưu tính [vụ giết người] thì hắn phải đền mạng người ta.

Nhưng đây đâu có phải hắn ta đã có chủ tâm chủ ý nghĩ đến việc giết người mà hắn ta buộc phải bồi thường.

167. VỀ NHỮNG NGƯỜI DO BỊ ÉP MÀ PHẠM TỘI

Người ta cô đơn như con bò rừng chỉ còn một mình, như củ khoai đã rỗng ruột chỉ còn lại cái vỏ, người ta chẳng còn ai là mẹ nhỏ [dì], mẹ lớn [già].

Thế mà người ta chộp người ta như chộp cá bằng nơm, bắt người ta như bắt cá bằng câu, làm như con diều hâu con chồn con cáo chộp mồi.

Người ta giao hắn bán mọi thứ mà người ta muốn, bảo hắn đánh và ném vào bờ, vào bụi bất cứ ai[1].

Hắn kéo người ta theo hắn, coi người ta như con vượn đã mất cái, như con khỉ đã mất đực, coi người ta như không còn ai để giữ lại.

Hắn dẫm lên người ta như dẫm cỏ, đạp lên người ta như đạp rơm đạp rạ, hắn muốn làm gì thì hắn làm.

Sai hắn không biết, đúng hắn không hay.

Như vậy thì có việc phải đưa ra xét xử.

1. Câu này theo bản dịch cũ (CTS).

168. VỀ HÀNH VI ĐÁNH NGƯỜI KHÔNG LÝ DO

Nếu hắn ta có chuyện kiện cáo đã cũ như củ khoai đã rỗng ruột, chuyện đó do từ xưa để lại, thì nay hắn cứ nói ra.

Nếu đó là chuyện kiện cáo về chiêng, về la thì hắn cứ đi kiện đi đã, nếu đó là một chuyện kiện cáo về voi thì hắn cứ đi kiện đi đã.

Đằng này chưa gì hắn đã nổi khùng, nổi điên lên chửi cha bới mẹ người ta.

Thử hỏi vì sao hắn lại hung hăng, to tiếng với người ta, vì sao hắn đã vội mồi lửa vào bó đuốc.

Nếu đúng là con diều hâu, con quạ không quay lưng lại với hắn, người tù trưởng nhà giàu không xử sự với hắn đúng đắn. Thì hắn có lý do để chửi cha chửi mẹ người ta.

Đằng này hắn đã làm như cây niết mẻ, hòn đá mài vỡ. Vì sao hắn lại xấu tính với người ta như vậy.

Hắn với người ta cơm cùng ăn canh cùng ăn, gan bò cùng ăn cùng một mâm, gan trâu ăn cùng một đĩa, rượu còn nồng hay đã nhạt cùng uống chung với nhau một ché.

Nếu hắn đã đánh vào đầu người ta thì hắn hãy nói rõ lý do, nếu hắn đã đánh vào mình người ta thì hắn hãy cho biết rõ duyên cớ, nếu hắn đã đánh người nhà giàu thì hắn hãy nói vì sao.

Nếu hắn đánh người không có lý do, chửi người không có duyên cớ, thì như vậy có việc phải đưa ra xét xử.

169. VỀ HÀNH VI CƯỠNG DÂM

Hắn đã vồ người ta như một con cọp, tha người ta như một con thú, hiếp người ta như con lợn, như chó phủ nhàu mà hắn chẳng biết gì là xấu hổ.

Hắn vẫn là kẻ thèm ăn quà, muốn bẻ hoa, hễ thấy người con gái đẹp một mình là tìm cách hãm hiếp.

Hắn đã thấy lợn là muốn ăn thịt liền, đã thấy ché là muốn uống rượu ngay, đã thấy người đàn bà một mình đi kiếm củi hái rau, đã thấy vợ con người ta là tìm cách hãm hiếp ngay bằng được, bất kể người ta đang ngủ hay người ta vẫn thức.

Hắn giật váy, kéo áo người ta, tìm cách lôi kéo người ta vào rừng, vào bụi.

Kẻ giật váy, lột áo một người đàn bà ở nhà hay ở rẫy một mình, tìm cách hãm hiếp họ.

Kẻ đó là có tội, có việc rất nghiêm trọng phải đưa ra xét xử giữa những người khác với hắn.

170. VỀ NGƯỜI CHỦ NHÀ ĐÁNH TÔI TỚ GÁI ĐẾN SẨY THAI*

Hắn đang tay thả sức đánh người ta, đến nỗi thịt văng, xương đầu, xương hông lòi ra.

Hắn đánh người ta cho đến máu đổ, thịt nát và mật phọt lên đến tận trời.

Chính mắt hắn đã thấy người tớ gái của hắn như củ khoai đã đâm sâu vào đất, như củ lang đã đội đất lên, đầu vú đã thâm đen, bụng đã to rồi.

Vậy mà hắn đã đánh người ta cho đến cái thai trong bụng đã chết, cái bào thai đã ngừng đập. Biết đâu nếu đứa bé được ra đời và lớn lên thì nếu là con gái, nó lại không trở thành một bà mụ bà lang, nếu là con trai,

---

*. Chú thích D.A:
Xem luật Hittit, tr.15 "Nếu một người nào đó làm đoạ thai một người nô lệ gái, nếu [thai] đã mười tháng thì hắn phải trả 5 sicllơ bạc".
Chú thích NHT:
Sicllơ: 6 gram, ở người Do Thái cổ.

nó lại trở thành một tay đao tay khiên tài giỏi, có thể chiến thắng một kẻ thù, hơn nữa có thể thu về được nhiều vòng tay, vòng cổ, chén bát.

Vậy mà cây tre, cây lồ ô đang nẩy mầm đâm chồi, hắn đang tay chặt phắt ngọn, hắn đang tay giết người con của người tù trưởng nhà giàu, làm cho giống nòi của họ tuyệt diệt.

Hắn đánh người ta như vậy khác nào hắn đã lấy dây thắt cổ người ta, khác nào hắn đã lấy dây thừng treo cổ người ta lên, khác nào hắn đã đâm chém người ta bằng dao bằng giáo.

Nếu như vậy, có việc phải đưa ra xét xử giữa người ta với hắn.

171. VỀ VIỆC MUA NGƯỜI

Hắn là kẻ đã mua bừa mua bãi những người đàn ông đàn bà.

Chả là hắn có nhiều âu đồng, chậu thau, có nhiều của cải nên muốn đem cho.

Vì vậy đã sinh ra chuyện các ông chồng thì chê, các bà vợ thì trách, các tù trưởng nhà giàu thì nổi dậy rầy la hắn.

Có bóng cây đa mà hắn không tìm đến hỏi, có bóng cây sung mà hắn không tìm đến hỏi, có mẹ có cha hắn cũng không hỏi lấy một lời.

Hắn đã đứng ra mua một mình hắn, theo suy nghĩ riêng của hắn. Tất cả mọi người không ai biết việc hắn mua.

Người đầu làng không được hắn cho biết, bọn trẻ trong làng không được hắn cho hay. Hắn không nói ra chuyện mua bán của hắn dù chỉ là bốn năm người.

Hắn là kẻ đi củi mà không báo cho cha, đi nước mà không báo cho mẹ, làm chuyện mua bán mà không hỏi ý kiến ông bà.

Như vậy là hắn đã bất chấp dấu cấm đường, bất chấp rào ngăn đường, bất chấp những lời răn dạy hắn.

Có việc phải đưa ra xét xử.

172. VỀ VIỆC BÁN NGƯỜI

Hắn bán người như bán đùm muối gói thuốc, đem đi bán giữa lúc đêm hôm.

Hắn thèm có cái khiên khum, thèm có cái tay nải thêu chỉ vàng, thèm có của cải của người tù trưởng nhà giàu, nên đã vô cớ đem người ta đi bán.

Hắn đã dẫn người ta đi bán sang Miên sang Lào, đưa người ta đi bán trong rừng người Krung[1], rừng người Bana.

Hắn bán người ta đi để có muối ăn, có sắt rèn, có khăn để quấn, có mền để đắp, có ché *tuk* ché *ba* để ủ rượu.

Vì vậy hắn là kẻ có tội, có việc rất nghiêm trọng phải đưa hắn ra xét xử.

173. VỀ NHỮNG TÔI TỚ BỊ THƯƠNG HAY BỊ CHẾT TRONG KHI LÀM VIỆC CHO CHỦ

Những người nhận đến ở làm tớ để vác nước, để làm tớ gái đi gùi nước, hái củi để làm công việc nương rẫy.

Với chủ nhà họ được ăn cùng mâm, uống cùng ché. Nếu họ váng mình, sốt mẩy, họ phải được trông nom săn sóc, phải được chữa chạy thuốc men, nếu có lợn gà thì phải giết cúng trừ bệnh cho họ.

Nếu họ chết, họ phải được khâm liệm, chôn cất, có áo quan, có cột bia hẳn hoi.

Họ là những kẻ tự tìm đến xin ở tớ [mà không hỏi ý kiến cha mẹ mình][2], đã vượt cả non cao, đã đổi lấy miếng cơm cọng rau ăn, họ nhận làm tôi tớ, trai thì để vất nước, gái thì để giúp việc nhà. Nếu họ chết, không có chuyện phải trả giá đến mạng.

---

1. *Krung*: Một nhóm tộc người địa phương thuộc dân tộc Êđê ngày nay (CTS).
2. Đoạn này do người biên tập bổ sung (CTS).

Thế nhưng lại có chuyện phải đưa ra xét xử cha mẹ họ với người ta, bởi vì họ là có tội: Con họ bỏ trốn buổi sáng, chiều họ chưa đi gọi, con họ bỏ trốn ban đêm, ban ngày họ không đi tìm, ngày hôm nay chúng bỏ trốn, ngày mai họ cũng vẫn không gọi về.

Ngựa đực trâu cái của họ thả rông, con cái của họ sinh hư thân mất nết, họ bỏ mặc chúng, để chúng đi lang thang, như để chúng trôi theo dòng nước, không cần biết chúng đến bờ nào.

Họ đã coi chúng như sợi guột ném xuống buôn, như số gạo đem nộp cho người Chăm. Chúng là con cái của họ, mà họ đã từ bỏ chúng không chút thương nhớ.

Vì vậy, có việc phải đưa ra xét xử giữa người ta với họ. Tài sản của người ta đã bị họ làm uế tạp từ nhà ở đến chòi rẫy, uế tạp từ các cột nhà đến các cây giầm nhà, uế tạp từ các tấm đệm sui vắt trên cao cho đến các bành voi đặt dưới sàn hiên, uế tạp từ các dây xiềng voi cho đến các yên ngựa, uế tạp từ các áo vàng, áo đỏ, áo gấm, áo thêu kim tuyến cho đến các lễ phục ngày hội mùa đầu năm.

174. VỀ CÁC TAI NẠN DO NHỮNG CẠM BẪY CÓ DẤU BÁO HIỆU[1]

Các tổ ong lớn đã có dấu hiệu báo, các tổ ong nhỏ cũng đã cắm dấu hiệu báo. Các cây *êghuch*, cây *ĕsa* cũng đã được khắc vào vỏ cây để báo cho mọi người biết.

Khi đặt mang cung, cắm chông, các ông cậu ông bác đã được cho biết rồi.

---

1. Chú thích của D.A: Người đặt bẫy không có trách nhiệm về các tai nạn mà họ có thể gây ra, nếu họ đã làm dấu báo có bẫy đúng như quy định của tập tục địa phương và nếu họ tôn trọng mọi quy định của tập quán.

Người bị thương do trúng một cái bẫy đã có dấu báo, phải bồi thường thiệt hại cho chủ bẫy, nếu người ấy chết thì gia đình của người ấy sẽ chịu trách nhiệm thay.

Mọi cái chết, mọi thương tích có đổ máu đều làm uế tạp đất đai. Người bị thương hoặc gia đình người ấy phải làm lễ hiến sinh tuh lăn để giải uế cho đất.

Người ta đặt mang cung, cài bẫy cắm chông là để có thịt bò rừng không kịp khô trong xiên, để có thịt nai không ngừng xông trên giàn bếp, để có thịt thỏ, thịt chồn cho vợ con ăn.

Thế mà đi ra suối lấy nước, hắn không thèm hỏi, đi vào rừng kiếm củi, hắn không thèm hỏi, hắn không nói một lời với người đã đặt, đã cài, đã cắm những cái đó.

Vì vậy lỗi thuộc về hắn. Vì hắn đã đi vào đường đã đặt mang cung, hắn đã đi vào đường đã đặt bẫy sập, nếu hắn bị trúng đầu gối hay ở đùi, nếu hắn đã trúng thương, thì hắn phải làm lễ 1 *kpih* cho người chủ mang cung của bẫy.

175. VỀ NHỮNG TAI NẠN DO CÁC CẠM BẪY KHÔNG CÓ DẤU BÁO HIỆU GÂY NÊN

Các bọng ong lớn không được hắn cắm dấu hiệu báo; các bọng ong nhỏ không được hắn cắm dấu báo; các cây *êghuih*, cây *êsa* không được hắn khắc vào vỏ làm dấu báo.

Hắn đặt mang cung bẫy sập mà không nói gì cho bọn trẻ, cho đám thanh niên nam nữ biết. Hắn không cho biết gì về các cạm bẫy hắn đặt trong rừng trong bụi.

Miệng hắn không nói ra một lời, răng hắn không hé ra một câu, hắn không hề nói cho người ta biết, dù chỉ là bốn năm người.

Khi hắn đặt mang cung, cắm chông, các ông cậu ông bác trong làng không được hắn báo cho biết.

Vì vậy, khi chết người, hắn phải trả giá đền mạng; khi người ta bị thương, hắn phải chịu bồi thường.

Nếu nạn nhân giảm đau dần, rồi hết kêu la, ra khỏi được chăn chiếu, thì khoản bồi thường hắn phải trả gồm 3 *kõ* và 1 con lợn giá 1 *kõ* để làm lễ *kpih*.

Còn nếu người ta bị thương không giảm đau, không lành được vẫn cứ rên la, không rời được chăn chiếu, thì hắn phải đền mạng bằng 1 cái la và phải làm lễ *kpih* 1 con trâu cho gia đình người chết.

176. VỀ NHỮNG TAI NẠN DO CÁC CẠM BẪY BAN NGÀY [KHÔNG THÁO RA] GÂY NÊN*

Hắn đặt mang cung mà lười qua lại thăm nom, hắn đặt bẫy xập mà lười không nhòm ngó tới. Vì vậy nếu trúng con cái tù trưởng nhà giàu là có chuyện.

Nếu nạn nhân chết, hắn phải trả giá đền mạng, nếu nạn nhân chỉ bị thương thì hắn phải bồi thường.

Hắn trồng mang cung, hắn cắm cung chông mà hắn không cho các ông bác, ông cậu biết, hắn đặt bẫy xập, bẫy kẹp mà không cho dân làng hay.

Mang cung hắn cài quanh bẫy, chông hắn cắm ở bìa rẫy. Tội của hắn là không đi lại trông coi, cài mang cung mà lười đi lại xem chừng.

Vì vậy, nếu con cái của người tù trưởng nhà giàu bị nạn thì có chuyện phải đưa ra xét xử.

Nếu nạn nhân chết, hắn phải trả giá đền mạng bằng một cái la và 1 con trâu giao cho gia đình nạn nhân. Hắn cũng phải làm 1 lễ *kpih* cúng đất [tuh lăn] với 1 con lợn giá 2 *sõng*, nộp cho người chủ đất, pô lăn, số tiền 1 *kõ*.

---

*. Chú thích D.A: Bao giờ nương rẫy cũng được canh gác ban ngày, nhưng ban đêm thì khó mà bảo vệ một cách có hiệu quả chống thú rừng. Lúc đó phải đặt bẫy xung quanh rẫy, trên các nẻo thú thường đi. Tập quán quy định ban ngày phải tháo bẫy để tránh xẩy ra tai nạn. Nhưng các quy định không phải lúc nào cũng được tuân thủ.

Mọi tai nạn xẩy ra ban ngày, vì vậy dẫn đến phải tố giác trước toà án kẻ đặt bẫy, dù bẫy có dấu hiệu báo hay không có dấu hiệu báo cho người qua đường.

Giá một mạng nhà nghèo là một chiêng, bằng đường kính một cùi tay, còn mạng nhà giàu là một chiêng bằng đường kính là một cùi tay và một gang tay.

Mọi cái chết bất đắc kì tử đều làm uế tạp, vì vậy người có nhiệm vụ trông coi đất [pô lăn] phải làm một lễ hiến sinh để giải uế. Thủ phạm [gây cái chết] là kẻ bao giờ cũng phải dài thọ các phí tổn của lễ hiến sinh này.

Còn nếu nạn nhân chỉ bị thương thì hắn phải bồi thường bằng một khoản tiền là 3 *kō*, hắn phải làm 1 lễ *kpih* với 1 con lợn 2 *sõng* cho người chủ đất.

177. VỀ CÁC TỘI DO NGƯỜI ĐIÊN GÂY NÊN*

Hắn là một kẻ bị trời la thần quở, bị thần phạt trời làm. Hắn không còn biết đông tây là đâu, hắn gây chuyện với cả cha mẹ hắn.

Chiêng sai nhịp trống khó theo, la sai nhịp thì trống khó đánh. Lỗi là ở mẹ cha hắn: Ngựa đực, ngựa cái của họ đã thả rông. Con họ mắc bệnh điên mà họ để đi lang thang, họ không cột, không giữ hắn lại.

Khoản bồi thường [tuy nhiên], nên quyết định vừa phải, ở mức họ gánh chịu được, chấp nhận được, không quá nặng đối với họ, không vượt quá tầm [quan trọng] của sự việc đã xảy ra.

Người ta điên thì không nên theo sau mà múa nhảy, người ta bị lác thì không nên chém người ta bằng đao, người ta bị hắc lào thì không nên chém người ta bằng chà gạc, người ta bị trời làm thì đừng có theo sau.

178. VỀ NHỮNG TRỌNG TỘI MẮC PHẢI KHI SAY RƯỢU

Hắn là kẻ người ta mời đến ăn, người ta mời đến uống. Hắn uống cho đến say khướt, đập phá chiêng ché nhà người ta, hành hung cả người ta.

Hắn ăn xong là hắn sinh chuyện gây gổ với người ta, hắn uống xong là hắn sinh chuyện đánh đập người ta, hắn hành động như một kẻ điếc tịt, để nổi nóng nổi giận, chửi bới, cắn xé người ta.

---

* Chú thích D.A: Những người điên không có trách nhiệm về những hành động của họ. Cha mẹ họ là những người chịu trách nhiệm hoàn toàn về họ, nếu những người cha mẹ đó không trông nom, xem chừng họ cẩn thận. Nếu mặc dù cha mẹ đã chăm sóc, trông coi mà người điên vẫn phạm phải tội thì trách nhiệm của cha mẹ được giảm bớt.

Hắn là kẻ ăn không biết nghĩ, uống không biết dừng, động đến cơm đến rượu là cầm đũa cả, cầm muôi đánh vợ đánh con, đánh anh chị em.

Mẹ người ta hắn cũng chửi, cha người ta đòi chém, hắn văng tục chửi bậy người ta.

Tội của hắn là ăn không biết ăn vừa đủ no, uống không biết vừa đủ chừng.

Vì vậy, có việc phải đưa hắn ra xét xử.

Nếu hắn đánh đập người ta đến chết, hoặc giả hắn cầm dao chém chết người ta, thì hắn phải trả giá mạng người. Nếu người ta chỉ bị thương thì hắn phải nộp một khoản bồi thường.

179. VỀ NGƯỜI RỂ ĐÁNH BỐ VỢ ĐẾN CHẾT[1]

Hắn như một cái niết sắc, cây chà gạc bén, hắn vặc lại cha mẹ, lăng loàn với cả cha mẹ vợ, đánh đá cha mẹ vợ.

Hắn đánh họ đến bị thương, cho đến chết.

Như con lợn con trâu để hiến sinh, hắn sẽ phải mất xác vì hắn, vì những chuyện hắn đã gây ra.

Hắn như một con đàn bà lắm chuyện, tội hắn gây ra do trèo lên lầm thóc của người ta rơi vào đầu vợ con hắn. Nhưng nếu hắn ăn nói hỗn hào [với cha mẹ vợ hắn] thì việc bồi thường [cho cha mẹ vợ hắn] là việc của chị em gái và các cháu [gọi bằng cậu] của hắn, những việc này phải trả giá đến mạng hoặc phải chịu bồi thường.

Con cái người ta khóc chính vì hắn, chòi rẫy người ta hoang tàn chính vì hắn, gùi quý, gùi thường, nồi lớn nồi nhỏ của người ta đều trống rỗng cũng là vì hắn.

---

1. Xem luật Hittit của Hrozny, tr.133: "Nếu giữa những người đánh nhau có một người chết, thì thủ phạm sẽ là một người".

Người ta không còn ai phát giùm bìa rẫy, chặt giùm các bụi cây, không còn ai để hét đuổi chim két chim vẹt cũng là vì hắn.

Vì vậy, có chuối có khoai hắn phải dành cho vợ cho con người quá cố, có tiền có bạc hắn cũng phải chia cho họ, cứ bốn phần thì hắn phải dành cho họ một phần.

Và khi hắn đã trả giá đền xong, đã giao khoản bồi thường xong, đã đào sâu chôn chặt xong người chết thì sự việc xem như đã được giải quyết, dấu vết [của sự việc] đã xoá xong, cứt đái đều đã khô cả.

180. VỀ NHỮNG KẺ ĐÁNH LẠI CHA MẸ

Có măng to là nhờ có tre, có tắc kè tổ là nhờ có cây, con người mà đông lên hàng trăm hàng nghìn là nhờ có cha mẹ.

Kẻ ngu thì phải nói cho nghe, người điếc thì phải vạch cho thấy, những đứa con lười biếng việc nhà việc rẫy thì cha mẹ phải răn bảo.

Vì sợ rằng hắn có thể là một đứa con gái lắm chuyện, hay là một thằng con trai hay sinh sự, nếu hắn lang thang lêu lổng, gây tội phạm này nọ, người ta sẽ kiện hắn thì người chịu trách nhiệm cuối cùng là cha mẹ hắn.

Thế mà như một cái niết sắc hắn đã vặc lại mẹ hắn, như một cây chà gạc bén, hắn đã vặc lại cha hắn. Hắn là con, cha mẹ hắn răn dạy hắn mà hắn đã nổi khùng đánh lại cha mẹ.

Như vậy hắn là kẻ có tội.

CHƯƠNG IX

VỀ TÀI SẢN

181. VỀ GIỮ GÌN CỦA CẢI

Các bát tổ chim cắt, các âu đồng tổ diều hâu, là của cải của tổ tiên ông bà xưa để lại.

Của của bà xưa, của của ông cũ để lại phải được dùng chung.

Phải góp sức đốn cây lợp hầm [nơi để của cải] phải cùng nhau chăm nom trông coi các của cải đó.

Dù là cái chén sứ con, cái bát đồng nhỏ hay những đồ vật lặt vặt cũng không được cả gan đem bán đi để ăn, mà phải mãi mãi cất giữ.

Từ những cái gùi Giarai [có nắp đậy] đến những cái sọt, cái túi, cái nải, đến những đồ vật lặt vặt, người chị cả đại diện cho người mẹ là người có nhiệm vụ trông nom gìn giữ.

Tất cả những cái bát vỏ bầu, cái túi đựng tro, các hòn đá mài, các cái trả để luộc rau, người chị cả là người được bảo quản.

Các go dệt vải, các thanh gỗ căng sợi dập các cung bắn bông, các que dệt hoa văn, các dây dập sợi, các bút quyết nước [làm ướt sợi] tất cả vật đó người chị cả là người phải bảo quản.

Các go dệt, các que dệt hoa văn, xa kéo chỉ, bàn chải bằng lông heo rừng, chính người ấy, người chị cả, là người được uỷ thác giữ gìn.

Các nồi đồng giấu trong rừng trong đầm, tất cả các của cải được cất giấu kỹ, chính người chị cả là người trông coi.

Các ché *tuk*, các ché *êbah* Mnông, các vòng đeo tay, các chén bát đẹp bạc vàng là những của cải quý giá tổ tiên xưa kia giàu có để lại, chính là người chị cả phải giữ gìn.

Những áo đen, áo đỏ, áo gấm, áo hoa thêu chỉ vàng dùng cho những ngày hội ăn uống đông vui trong mùa khô, những chiêng cồng đồng la, những voi và nô lệ, trâu bò và heo gà, cũng chính người chị cả là người phải giữ gìn.

Các con ngựa để cưỡi, các cái vòng để nằm, các cái quạt để lấy mát, cũng chính người chị cả phải giữ gìn.

Các chậu thau mâm đồng, các ống nhổ lồng ấp, các cây đèn đồng để thắp nến cũng chính là người chị cả là người phải trông nom.

Các ché để ủ rượu, các nồi bảy để đựng nước, các đồng la làm nhạc cụ, các búa rìu để bổ củi, các tôi tớ và nô lệ cũng dưới quyền của chị cả.

Quả chuối lát khoai, các bạc, miếng lòng bò lòng trâu đều đem chia đều cho người chị cả để chia cho các người em.

Mảnh nồi vỡ, các bát vỏ bầu mẻ, đồng tiền lẽ, cũng chính là người chị cả đứng ra chia.

Cấm những người chị em [gái] không bao giờ được cãi cọ giành giật nhau, cấm không bao giờ chia rẽ, không được từ chối.

Các vật lớn hay nhỏ, quý hay không quý, các nồi hoặc chén bát [do người chị cả giao lại].

182. MỘT PHẦN TÀI SẢN CỦA NGƯỜI CHỒNG QUÁ CỐ PHẢI ĐƯỢC TRẢ VỀ CHO MẸ, HOẶC CHỊ CẢ ANH TA*

Người đã chết thì cái niết, cái chà gạc phải được trả tự do. Cùng với vòng đeo tay, chuỗi hạt cườm đeo cổ, cùng với chén bát để ăn cơm, cái

*. Chú thích D.A.: Khi người chồng chết, một phần của cải mà anh ta sở hữu phải thuộc về gia đình gốc gác của anh ta. Các của cải đó gồm những thứ mà gia đình gốc gác của anh ta đã cho khi anh ta đi làm rể, mặt khác những thứ do anh ta và vợ làm chung mà có. Những thứ đều gồm chủ yếu là công cụ và vũ khí, phải được đem trả về gia đình gốc của anh ta, gia đình này cũng được dự một phần nhỏ những thứ thứ hai. Chính những phần nhỏ này được người ta gọi bằng thành ngữ "ngăn kir đuah ênuah" hay ngắn gọn hơn là "ênuah đuah".

dùi, cái búa, cái rìu, con dao găm, cái hái và đôi dép da, một cái niết nhỏ với ống đựng tem phải được đem trả đầy đủ [cho mẹ người chết, hoặc cho người nữ kế thừa bà ta]. Người đã chết thì cái niết, cái trả gạc phải được trả tự do, điều đó chưa ai biết đến trước khi có ông có bà. Đó là một tập quán có từ ngàn xưa.

Nếu anh ta [người chồng chết] từng đi hái rau vác củi tự nuôi thân, nếu anh ta từng đi săn thú và còn giữ được xương hàm các con thú, nếu anh ta đã dựng nhà, phát rẫy, có ché quý chôn dưới đất, từng đi đó đi đây [mua bán...], đang có vụ việc phải xét xử thì tất cả những điều đó phải được.

Nếu là miếng thịt nhỏ thì phải để trong các bồ đài, nếu là miếng thịt to thì sâu bằng các xiên. Nếu anh ta đã giết được heo rừng hươu nai thì người ta đã cắt lấy sừng lấy nanh.

Nếu anh ta là người nghèo thì phần của cải trả về anh ta [kir đuah ênuah] ít. Nếu anh ta là một nhà giàu thì phần của cải trả lại cho mẹ anh ta nhiều.

Những của cải trả lại đó sẽ trao trả cho người nữ chủ gia đình gốc gác ana gõ[1] của anh ta. Những người đàn ông phía vợ [Adamadri][2] anh ta không được lấy đem về cho vợ con mình.

1. Chú thích NHT: [1] Ana gõ: cái nồi: chỉ người mẹ của một người đàn ông và người đàn bà trong gia đình thay thế người mẹ đó, thường là người chị cả khi mẹ chết, vì vậy diễn dịch người nữ là chủ gia đình gốc gác [của anh ta] là sát nghĩa.

2. Adam adei: Chỉ trước hết và chủ yếu những người anh em trai ruột hay bàng hệ phía mẹ của một người đàn bà, khi trong sinh hoạt gia đình cần phân biệt những người đó về nguồn gốc và chức năng nhiệm vụ với người đàn ông là chồng của người đàn bà, cũng dùng mở rộng để chỉ tất cả đàn ông trong gia đình mẫu hệ mở rộng cùng một gốc với người đàn bà. [Như vậy trong bản D.A. dịch adam edei là Beaux freia et belles aceurs là không thật rõ và có phần sai. Trong tiếng Pháp, Beaux freie chỉ chung cả người em trai vợ và người em trai chồng, belle soeur chỉ chung cả người chị em gái vợ và người chị em gái chồng].

183. NGƯỜI CON TRAI CHƯA VỢ MÀ CÓ CỦA CẢI, THÌ PHẢI GIAO CHO MẸ HOẶC CHỊ EM GÁI CẤT GIỮ

Người con trai chưa vợ còn phải đi vác nước, còn ở nhà với mẹ cha, nếu anh ta có tiền nong, có âu đồng, bát đĩa sứ quý thì anh ta phải đưa cho cha mẹ, đưa cho những người chị em gái anh ta cất giữ.

Phòng khi anh ta có đau đầu đầy bụng, biếng ăn biếng ngủ, sức khoẻ sa sút thì có của mà chạy thầy chạy thuốc.

Được mùa no thì phải lo lúc đói kém, phải dành dụm phòng khi mất mùa mới có cái ăn, khi ốm đau mới có cái để mua lợn mua gà cúng chữa bệnh.

Đừng có thói có nhiều âu đồng thì tiêu pha xa phí, có nhiều bát đồng thì tặng những đâu đâu, có nhiều của cải thì đem phân phát hết cho khách lạ người dưng[1].

Nếu anh ta có dù chỉ là một cái nhẫn, dù chỉ là một cắc bạc, một chuỗi cườm, một vòng đồng đeo tay, anh ta cũng phải đưa cho mẹ cha đưa cho chị em. Không đưa là anh ta có tội.

184. VỀ NHỮNG ANH EM TRAI LỢI DỤNG NGƯỜI NỮ GIA TRƯỞNG CÒN NHỎ ĐÁNH CẮP TÀI SẢN THỪA KẾ ĐEM BÁN

Các âu đồng tổ chim cắt, các chậu đồng tổ chim diều hâu là những của cải của tổ tiên ông bà xưa để lại.

Vì họ thấy người nữ chủ gia đình[2] còn nằm trong tã, còn lót trong chăn, còn đứng ngồi trên đùi mẹ, còn là một bé sơ sinh.

1. Câu này do người biên tập bổ sung (CTS).
Chú thích NHT:
2. X. Chú thích điều 182.

Nên họ cư xử với bé như chân con nhện, nên họ cư xử như cư xử với một con chó con. Họ cho bé đi sang phải thì bé sang phải, họ cho bé đi sang trái thì bé sang trái*.

Họ lấy vụng những của cải của em [gái] của cháu [cháu gái của cậu] đem[1] về cho vợ con họ.

Miệng lưỡi họ như miệng lưỡi con chồng, con ngói, khéo ăn khéo nói.

Họ biết rõ các âu đồng tổ chim cắt, các chậu đồng tổ chim diều hâu là những của cải của tổ tiên ông bà xưa để lại không được bán đi để ăn, mà phải cất giữ mãi mãi.

Nhưng họ vẫn lấn áp ép buộc người nữ chủ gia đình, coi người này như một đứa trẻ thơ, ẽo ợt, chưa biết mùi người đàn ông là gì, họ đem bán các của cải đó đi để ăn.

Như vậy là họ có tội nặng, phải đưa ra xét xử.

185. NGƯỜI CHỒNG KHÔNG ĐƯỢC LẤY TÀI SẢN CỦA VỢ CON [GÁI] ĐEM CHO CÁC CHÁU [CON CHỊ EM GÁI] CỦA MÌNH

Các của cải từ xưa, các âu đồng tổ chim cắt, các thau đồng tổ chim diều hâu là những của cải của ông bà tổ tiên xưa [của bên vợ anh ta] để lại. Nếu anh ta [người chồng] lấy vụng lấy trộm đem về cho cháu [gọi anh ta bằng cậu], cho chị em gái của anh ta là không được đâu.

Anh ta buộc đem trả lại, hoặc đưa cái khác thay vào, anh ta phải bồi hoàn đủ giá những của cải mà anh ta đã lấy đem cho.

---

* Cả đoạn văn trên, một số chỗ do người biên tập bổ sung (CTS.).

1. Nt. Nói thêm: Người nữ chủ gia đình còn nhỏ tuổi này thường là một người cháu gái được gia đình mình chọn làm "nòi" [nuê] thay người đàn bà chết để lấy người đàn ông, hoặc là một người em gái cũng được gia đình chọn như vậy để thay người chị chết, lấy người anh em rể goá của mình.

Trường hợp anh ta có chuyện cấp bách, có chuyện kiện tụng phải bồi thường lớn cho người khác thì anh ta có thể hỏi mượn hỏi vay từ các âu đồng chén bát cho đến hàng trăm hàng nghìn *djir*[1] thóc lúa, nhưng buộc phải trả đủ, không được để mất đi của cải đã vay mượn.

Còn nếu là trường hợp cả hai vợ chồng đứng bán đi số của cải đó để ăn, ăn vào đó cả vợ con anh ta, có cả những người chị em gái vợ anh ta, thì dù là bán ăn hết sạch cũng không có việc gì phải đem ra xét xử.

Nhưng nếu là như vậy thì sau này anh ta chết, những người chị em, người cháu[2] anh ta, không có quyền đòi hỏi rút về những cái niết và chà gạc lớn mà chỉ được hưởng những cái niết nhỏ, một chà gạc nhỏ mà thôi3.

Nếu [sinh thời] anh ta đã gây vụ việc đã xét xử mà cháu và chị em anh ta chết họ sẽ mất không được hưởng niết và chà gạc cũng do một phần của cải anh ta đã làm chung với vợ mà có[3].

186. VỀ VIỆC MUA BÁN KHÔNG CÂN NHẮC

Anh đàn ông mua bừa, chị đàn bà sắm ẩu đều là những người lắm của, nhiều âu đồng chậu thau, đem tiêu, đem cho hoang phí.

Vì vậy, họ làm cho người chồng [trong gia đình] chê, những người vợ [trong gia đình] trách, làm cho người tù trưởng nhà giàu nổi giận.

Có bóng cây đa mà không hỏi, có bóng cây sung mà không hỏi, có mẹ cha mà không xin ý kiến mẹ cha.

Chú thích NHT:

1. Djir: Đơn vị đo lường Êđê.

2. Tức những người nữ trong gia đình gốc gác của anh ta.

3. Số của cải do vợ chồng làm chung mà có này, tiếng Ê-đê gọi bằng thuật ngữ Kir duah ênuah. Xem thêm điều 182.

Chú thích D.A.: Người đàn ông dù đã có vợ, vẫn thuộc gia đình gốc gác của mình. Nếu gia đình gốc gác anh ta không làm đầy đủ các nhiệm vụ đối với anh ta thì khi anh ta chết không có quyền đòi phần kir duah ênuah hrui của họ.

Họ đứng mua một mình, theo ý kiến riêng của họ, chẳng ai biết ai hay họ mua sắm riêng cái gì.

Họ chẳng hỏi ý kiến người già, cũng không hỏi ý kiến người trẻ. Họ mua sắm cái gì chẳng hề nói cho ai hay.

Đi hái củi họ không nói với cha, đi gùi nước họ không nói với mẹ. Họ mua sắm mà không nói với ông bà.

Họ là những kẻ bất chấp các dấu cũ, bất chấp các đường cấm, không đếm xỉa đến mọi điều răn dạy.

Vì vậy phải đưa ra xét xử họ.

187. VỀ NHỮNG NGƯỜI MUA TÀI SẢN CỦA TRẺ VỊ THÀNH NIÊN*

Hắn móc bằng chân, moi bằng cây gậy thọc lỗ tria lúa, đào bằng cái niết cái cuốc.

Hắn thèm như thèm của chua, thèm rau ngọt, hắn vốn thèm đã từ lâu các của cải của người tù trưởng nhà giàu.

Những cái âu đồng tổ chim cắt, những cái chậu đồng tổ chim diều hâu, các của cải mà tổ tiên ông bà người từ xưa để lại, hắn đào lên bằng cuốc, hắn moi lên bằng cây chà gạc phát rẫy [loại chà gạc lớn], hắn chất đầy của cải của người ta.

Hắn chăm chú chạm trổ cái ống [đựng] muối, chăm chú sắp xếp lại trật tự đống bắp ngô, đánh lạc hướng sự chú ý của con người thủ lĩnh nhà giàu, lừa đứa trẻ để lấy đi các của cải.

Hắn thấy đứa bé đường sá chưa thuộc, hang hố [trên đường] chưa quen, nơi đất giáp với trời là đâu cũng chưa phân biệt được.

---

* Chú thích D.A: Điều này có liên quan đến việc mua của cải ăn cắp ăn trộm.

Vì vậy, hắn làm chư con chim cú nhìn chằm chằm của, như đàn bà tụt váy ra để cám dỗ đàn ông, hắn bày chuyện để đánh lừa người ta.

Hắn như con chim ngói tìm nắng, như chim két tìm gió.

Hắn đào đất cho đến đầu gối, hắn lún sâu cho đến ngang hông.

Vì vậy, hắn có tội, phải đưa ra xét xử.

188. VỀ MUA HÀNG MÀ KHÔNG LẤY, ĐÒI TRẢ RẺ HÀNG MUỐN MUA

Kẻ vào [hang] mà không mua, có nhét [vào tay] cũng không lấy. Cái vòng đeo tay, hắn trả giá rẻ, các hàng [khác] hắn cũng trả giá thấp. Hàng nào người Kinh chê thì [hắn] người Êđê lại ưng. Từ xưa hễ có ăn thì người ta đã bảo, hễ có uống thì người ta đã cho biết, khắp mọi người người ta đã báo tin.

Thế mà hàng người ta đưa hắn hất trở lại, hàng đã mua của người ta hắn từ chối không lấy. Hàng người ta tốt rõ ràng, thế mà hắn chê chẳng đáng giá gì.

Lưỡi dao mà đòi dày hơn sống dao. Trẻ nít mà đòi cao hơn người lớn. Hắn là kẻ vượt lên trên cả cha mẹ.

Như vậy, hắn có việc phải xét xử.

Những người có tội và tố tụng với họ.

189. VỀ NHỮNG MÓN HÀNG ĐÒI GIÁ QUÁ ĐẮT

Kẻ nói quá nhiều, cười nhiều phịa chuyện không ngừng, kẻ buôn bán gian lận.

Hắn như một đám cháy vượt qua thung, như một cơn lũ tràn qua đập, mở miệng ra là nói quá những lời người ta đã dặn bảo.

Là cây cỏ mà hắn muốn mọc cao hơn cây lau, là ngọn tranh mà hắn muốn vươn lên trên cây sậy, hắn chư con thú rừng muốn vượt lên trên bụi ê jung.

Hắn muốn ăn mỡ để người được phì ra, hắn muốn được của cải của người khác để trở thành giàu sụ.

Hắn muốn chiếm lấy một phần, nhưng rồi muốn chiếm hết, hắn dò la của cải của người ta để rồi chiếm đoạt lấy.

Vài tấc[1] vải hắn bảo là cả sải, một thúng muối hắn nói là cả một bành voi, một khúc vòng tay đồng mà hắn nói là cả cuộn.

Hắn như con cú nhìn chằm chằm con cua, như người đàn bà tụt váy để cám dỗ đàn ông, hắn là kẻ đánh lừa khách mua hàng để lấy của cải của người ta mà ăn.

Hắn là kẻ có tội, phải đưa ra xét xử.

190. VỀ NGƯỜI MƯỢN ĐỒ ĐẠC MÀ KHÔNG TRẢ

Bò của tù trưởng, trâu của nhà giàu, của cải tiền nong của người ta, hắn mượn mà không chịu trả, không chịu thế, không chịu đền cho người ta cái hắn đã mượn.

Hắn như con cú lừa con cua, như người đàn bà cởi váy ra lừa đàn ông, của cải mượn của người ta, hắn lừa lấy mất.

Hắn không thịt ăn, không rau ăn, không thuốc hút, nên mượn những âu đồng bát đĩa của người ta.

Gạo không có ăn, nên hắn tìm mượn của người khác để bán đi mua gạo, thế mà hắn lại không chịu đem trả cho người ta.

Hắn là kẻ luôn luôn đi vay ăn, luôn luôn đi mượn đồ dùng của dân làng, cũng là kẻ luôn luôn cố tình quỵt nợ không bao giờ nghĩ đến phải đem trả phải đem thế, phải cho người ta cái hắn mượn. Nếu đã quá hẹn

1. Vài gang tay (CTS).

mà chưa đem trả thì hắn buộc phải trả sau này gạo nhiều hơn, dây đồng [làm vòng đeo tay] dài hơn.

Hắn phải trả thêm hai lần [cái hắn đã mượn] có nghĩa là hắn phải trả gấp ba ngoài cái hắn đã mượn, phải trả thêm một cái trước, một cái sau [cái mượn].

Còn nếu đã quá hẹn mà hắn vẫn một mực từ chối không chịu trả thì khi trong nhà hắn trên xà treo khố áo thấy có chiêng, người ta sẽ tháo chiêng ra đem về, khi trong nhà hắn ở phía đáy phòng khách có ché người ta sẽ lấy cái ché đi để bắt nợ. Nếu hắn vắng mặt vì đang ngủ thì người ta sẽ lay hắn dậy. Vật bắt nợ, người ta lấy trước mặt hắn nên người ta không sợ bị buộc tội, [ví dụ: tội đột nhập nhà người khác].

191. VỀ KẺ LÀM HƯ HỎNG VẬT ĐI MƯỢN

Nồi bung lớn bằng đồng nồi ba bằng đất của người ta hắn lấy dùng, cồng chiêng đồng lá của người ta hắn lấy đánh, ché của người ta hắn lấy ủ rượu.

Nếu hắn không chăm sóc [những vật đó] nếu hắn treo cồng chiêng không cẩn thận, nếu họ không chăm nom, giữ gìn của cải của người ta, nếu hắn làm vỡ thì hắn phải thay thế, hoặc đền cho người ta đủ giá các của cải đó.

Nếu hắn làm vỡ nồi, hắn sẽ phải tạo cho có một nồi khác, nếu hắn làm đứt sợi thì hắn phải kéo sợi khác, nếu họ làm vỡ đồ đạc của người ta thì hắn phải thay thế, hoặc đền bù đủ giá.

Nếu hắn làm vỡ ché quý, ché có thần làm thần nổi giận, làm vỡ của cải của người ta thì phải đưa hắn ra xét xử.

Nhưng [ngoài vật bị làm vỡ], không được đòi hắn trả nhiều hơn, dài hơn số hắn đã mượn.

192. VỀ NGƯỜI PHÙ THUỶ CHỮA BỆNH, TÌM CÁCH BÒN RÚT TÀI SẢN CỦA NGƯỜI TA

Có ăn có uống thì người ta đã báo, thế mà hắn đã bỏ qua những lời người ta dặn.

Hắn là kẻ muốn ăn mỡ để người được phì ra, để người được to ra.

Và kể từ khi người ta đã biếu những cái bát đồng, đĩa sứ, lại không muốn [tiếp tục chạy chữa cho người bệnh] nữa.

Thế mà bây giờ hắn như con vắt hút cả hai miệng, con đỉa cắn cả hai đầu, đường mòn trong rừng hắn đi, đường thênh thang ngoài bãi tranh non mới mọc hắn cũng đi.

Cây *aroh*[1] thân có sọc hắn bảo là con rắn, cái tai có vằn hắn bảo con cọp, chính miệng hắn nói mà hắn bảo miệng người tù trưởng nhà giàu.

Như vậy là khi cuốc rẫy, hắn vờ lom khom cúi làm như cuốc rẫy thật, khi phát rẫy, hắn vờ ngúc ngoắc người, làm như phát rẫy thật, hắn tìm cách vơ vét cả hộc cây, cả súc cây đã hạ xuống.

Hắn là kẻ có tội, phải đưa ra xét xử.

193. VỀ NGƯỜI BÓI SẢI CÂY, TÌM CÁCH BÒN RÚT TÀI SẢN CỦA NGƯỜI TA

Hắn là người nổi tiếng trong nhà, nổi tiếng trong làng biết sải cây, biết bói nước, biết tìm ra căn bệnh.

Khi có người mệt nằm trong chăn, mỏi nằm trên chiếu, kêu mỏi gối nhức chân, hắn bảo rằng hắn biết bói sải cây, biết thần làm điều gì.

Chú thích NHT:

1. Là một cây thân cỏ, có thể cao ngang đầu người, hoa đỏ, làm rau ăn được.

Rồi hắn phán cho mẹ cha, gia đình người bệnh phải giết bò làm lễ cúng thần. Nếu người bệnh không lành, hắn lại phải giết làm lễ cúng thần. Nhưng rồi người bệnh vẫn không khỏi, không rời bỏ được chiếu chăn.

Chả là hắn vốn không có thịt để ăn, không có canh để ăn, không có thuốc để hút.

Thế thì lợn người ta bị chết, hắn phải làm sống lại, gà người bị chết, hắn phải làm thế nào, trâu bò người ta bị chết, hắn phải trả giá đền cho đủ.

Như một con dao lưỡi đã cần, như một con chà gạc lưỡi đã cùn, hắn là một kẻ hay vẽ chuyện.

Vì vậy, như con lợn, con trâu để giết hiến sinh, hắn đã gây chuyện thì hắn phải mất mạng.

194. VẼ CHUYỆN NHỎ XÉ THÀNH TO ĐỂ HÒNG PHẠT VẠ NGƯỜI TA

Kẻ thèm trái chua, canh ngọt, thèm của cải của người ta từ hôm qua, hôm kia [từ lâu].

Thấy ai đó như con bò rừng, lạc đàn bơ vơ như củ khoai lột vỏ chỉ còn trơ cục bột, gì già đâu không có, chị em anh em cũng không có.

Hắn kiếm cách gây chuyện cho họ, xúi họ đem bẫy đặt trên đường đi, trên đường đi lấy củi của hắn, đến khi có người bị trúng chông thì hắn buộc tội họ muốn đặt bẫy để đâm hắn, giết hắn.

Hắn thèm có gỗ dài, xà thẳng để làm cửa làm nhà của hắn.

Kẻ tìm cách đâm vào cặt tre còn nguyên vẹn, tìm cách cọ xát mình vào người khác [để tước đoạt họ].

Kẻ lấy của cải [của người ta] như người ta lấy bằng cái vọt hoặc cái lưỡi câu, chộp lấy như con cắt chộp con chồn.

Người ta không lở ghẻ, hắn lấy dây săm niêng[1] hắn quất vào người, người ta không mụn nhọt hắn lấy dùi sắt chọc vào đùi để gây mụn nhọt. Người ta đang vô sự, hắn bầy đặt chuyện gây sự cho người ta.

Người ta còn là một trẻ thơ đang độ tuổi chơi, tuổi bám thang, tuổi quấn quýt lấy cha mẹ, tuổi tập làm bẫy vót chông, công việc chỉ có là tập chơi đùa ở ngoài bãi chăn trâu chăn bò.

Hắn là con ma dữ, là ông thần ác vô cớ làm hại người ta.

Hắn phạt vạ người ta vô cớ, hắn chém giết người ta không lý do, vì hắn thấy người ta như con ngựa hoang, con trâu hoang, không bà con họ hàng, cha mẹ cũng không có.

Cho nên hắn phát bụi tranh, hắn phát quang rừng, hắn giẫy cỏ chặt cây ngay dưới chân tay họ. Hắn muốn biến họ thành nô lệ của hắn.

Như vậy là hắn phải đưa ra xét xử.

Kẻ đó có tội và có việc tố tụng giữa những người khác với họ.

195. VỀ KẺ BẮT NGƯỜI TA TRẢ NỢ ĐẬY

Kẻ chặt tre về đan nong, kẻ bỏ mặc cho nhà giàu cái vòng tay của người nợ hắn, để đòi nhà giàu khoản bồi thường mà một người khác phải trả.

Bởi vì trong gia đình hắn người ta quen lấy của nhà giàu những con ngựa đẹp, những con voi lớn, lấy không của nhà giàu đồ vật và của cải.

Kẻ thèm trái chua, rau ngọt. Muốn lấy không của cải nhà giàu.

Kẻ tìm cách ăn cắp không có lý do, giết [người] không có nguyên nhân, chiếm lấy cho mình ngựa, voi của nhà giàu.

1. Một loại cây rừng gây ngứa. Đoạn này có nhiều chỗ do người biên tập bổ sung (CTS).

Kẻ ra sức đập vào đầu con cá rô, con cá trê mà không biết hổ thẹn [người đòi lấy được].

Nếu người ta thấy xà [nhà hắn] có treo chiêng, người ta cứ lấy, nếu người ta thấy ở cột ché có cột ché [rượu để uống], nếu hắn đi vắng hoặc đang ngủ mặc kệ, người ta cứ lấy uống không cần người làm chứng, việc đó sẽ không phải việc phạm pháp [đột nhập nhà người khác]. Bởi vì hắn đã bỏ cho nhà giàu cái vòng tay của người nợ hắn để ăn trộm ngựa, voi.

Những gì người ta thấy có ở nhà dù là đồ vật hay thức ăn, bò, trâu hay ngựa, người ta cứ lấy để bù lại cái mà hắn đã ăn trộm [lấy của một người này mà người khác nợ hắn].

196. VỀ KẺ ĐÒI BỒI THƯỜNG KHỐNG ĐỂ LẤY KHÔNG CỦA NGƯỜI TA

Hắn ăn thịt sống cá tươi, con cá Kroeh [cá chép] cá Kpung[?] đều nuốt chửng bất cứ thứ gì, hắn không biết cái gì là đúng, cái gì là sai.

Kẻ vì câu chuyện chỉ đáng đồng bạc mà giết một người, kẻ đi rừng mà không nói gì, giết hại cả bò con, trâu con.

Hắn vốn thèm của chua rau ngọt từ hôm trước hôm kia từ lâu, hắn vốn thèm cây gỗ thẳng, con dao sắc hắn thèm có.

Hắn phạt đến đám cỏ tranh, làm cuốc cỏ và cào cỏ dưới chân hắn, ở nơi vừa tầm tay mình.

Hắn dăng dây [ngang đường], đeo gông [vào cổ người khác], muốn những người khác trở thành nô lệ của mình, do đó làm cho những bà vợ ông chồng oán trách, làm cho các tù trưởng nổi giận.

Hắn là kẻ có tội và có việc phải xét xử.

197. VỀ KẺ MỘT MÌNH LỌT VÀO NHÀ NGƯỜI KHÁC

Hắn một mình lẻn vào nhà người ta, vài ba bốn năm người cùng đi kẻ trước người sau không có.

Hắn sục vào nhà, chui vào các buồng, sờ mó vào các gùi đựng đồ quý của các buồng.

Hắn lẻn vào cùng một lúc với người Chàm vừa đến, cây chắn cổng vừa hạ xuống, các con ngựa mới bắt đầu gãi chân, mà không ai hay. Nhưng cũng vào lúc đó một số của cải đồ đạc trong nhà đã biến mất.

Một khúc tre đã được nhấc, một đoạn le đã được xoăn [để ghi lại sự việc].

Người ta đã tóm được cái gùi của hắn, đã nắm được cánh tay của hắn, người ta đã nhận ra mặt mũi hắn một cách chắc chắn.

Vậy thì cái ché vỡ hắn phải nặn thay cái khác, con sợi đứt hắn phải thay thế con khác, của cải của người ta mất hắn phải đem trả [hoặc] thay vào đầy đủ bằng của cải khác.

Vì hắn có tội lẻn vào nhà người ta một mình.

Phải đưa hắn ra xét xử.

198. VỀ KẺ ĐÊM HÔM MÒ VÀO NHÀ NGƯỜI TA KHI MỌI NGƯỜI CÒN NGỦ

Muốn hút thì đến vào buổi chiều, muốn ăn trầu thì đến vào lúc chạng vạng, thế mà hắn lại đến vào lúc nửa đêm về sáng khi mọi người đang ngủ, vậy hắn muốn cái gì?

Hắn chỉ đi một mình, lén đến chỗ dưới chân trên đầu người ta, phải chăng hắn muốn rạch chiếu, rạch chăn của người ta [để ăn trộm ăn cắp]?

Hắn đi lang thang vơ vẩn vào lúc nửa đêm về sáng, biết đâu không phải hắn đang tìm cách phá cổng vượt rào, biết đâu không phải hắn đang rình mò cái hầm cất giữ ché chiêng, rình mò gà trên [sàn nhà] lợn

dưới [gầm sàn] rình mò tiền bạc, vòng xuyến, bát đĩa của người ta để trong gùi.

Hắn mò đến các hầm chiêng, hầm ché, mở nắp ché *tuk* ché *tang* ra xem để cuỗm rượu trong ché.

Hắn mò tìm các lối để chui được qua rào làng, các nẻo vào ra ở cổng làng, các nọc cột ngựa cột voi, các con đường đi nương đi rẫy.

Vì vậy hắn là một kẻ phải đưa ra xét xử.

199. VỀ TỘI CƯỚNG ĐOẠT TÀI SẢN

Kẻ nhồi nhét đầy miệng, kẻ theo đuổi trong rừng, từ chối [không lấy] con bò, con trâu con [mà người ta biếu hắn].

Nếu người ta vốn có nợ hắn thì hắn hãy hỏi, hãy đòi, hắn có chuyện gì thì hắn hãy đi kiện.

Nhưng nếu ăn cắp ăn trộm, lấy mọi thứ tay hắn với tới được.

Nếu hắn đi một mình, không để cho ai thấy, bốn năm người không thấy hai ba người cũng không.

Nếu khi với tay lấy, hắn vừa bước vừa lấm lét, hắn lợi dụng đêm hôm để đi ăn cắp ăn trộm, nếu hắn lấy vào đêm tối mịt mùng.

Hắn nghĩ rằng như cái cùi cắm vào cây *tung* cây *blang* sẽ không để lại sẹo, điều hắn làm không thể thành án được hắn chỉ có đi lang thang như kẻ ngây ngô.

Như vậy là có việc phải xét xử.

200. VỀ BỌN TRỘM CẮP VẶT

Kẻ đi ăn trộm, kẻ ẩn núp để ăn cắp, lấy mọi thứ trong tầm tay hắn, kẻ ăn trộm thóc gạo hoặc kê, tìm ăn cắp ăn trộm của cải của tù trưởng nhà giàu, của cải của những người anh em [dân làng] của hắn.

Hắn thò tay lấy, chân vừa bước vừa lấm lét, hắn lợi dụng đêm hôm để đi ăn cắp ăn trộm.

Kẻ ăn cắp không có nguyên nhân, kẻ ăn trộm không có lý do, ăn cắp của cải của người anh em, một cách vô ích.

Hắn không có thịt để ăn, không có rau để thái, không có thuốc để hút, như con chó ăn vụng mà người ta cho ăn một quả cà nóng [để trừng trị], con người xấu phải được trừng trị, nếu còn tái phạm, hắn càng phải được trừng phạt nghiêm khắc hơn.

201. VỀ TÔI TỚ ĂN CẮP CỦA CHỦ

Kẻ đi tìm kiếm thức ăn khắp nơi khắp xó như con heo, ăn cắp ăn trộm như con chó ăn vụng, tìm cách ăn cắp ăn trộm của nhà giàu.

Kẻ chẳng biết sợ ai, vượt lên tất cả, tìm cách chiếm đoạt hay ăn cắp ăn trộm của cải của nhà giàu hoặc của cải của người anh em không có lý do.

Như con chó tham ăn mà người ta trị bằng cho ăn một quả cà nóng, nếu kẻ đó là người xấu, thì sẽ bị trừng phạt, nếu tái phạm, càng sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc hơn.

202. VỀ KẺ ĂN TRỘM CỦA CẢI MÀ NGƯỜI TA KHÔNG TRÔNG NOM ĐƯỢC

Những chuỗi hạt mã não, những vòng đồng vòng sắt là những vật tổ tiên ông bà để lại từ xưa.

Hắn vốn có manh tâm ăn cắp những thứ đó, chiếm lấy những thứ đó làm của mình nên đã dúng tay lấy trộm.

Biết rằng ai mà giữ được con két, ai mà xem chừng được con vẹt, ai mà coi ngó luôn luôn được các vật mùa khô đến là đem dưới đất.

Nếu cây đa đầu suối đã không sửa sang lại cái nong cúng đất, nếu ông ta [người đầu làng] đã không mài nhọn cái dùi.

Nếu ông ta đã không nhen lại bếp, không kéo xuống dây diều [để kéo diều về], nếu ông ta đã không triệu tập dân làng để chỉ vẽ và nhắc nhở khuyên răn thì như vậy có việc phải xét xử giữa ông ta với tất cả những người em người cháu, với tất cả dân làng.

203. VỀ TRỘM CẮP NGŨ CỐC

Kẻ giật khăn người ta đang đội, giật túi người ta đang đeo, kẻ làm như con ma dữ như ông thần ác cứ bám lấy những người đang làm nương làm rẫy [mà làm hại].

Kẻ lấy trộm kê, trộm lúa, nắm đầy tay hoặc chất đầy gùi, kẻ lấy trộm thóc gạo của tù trưởng nhà giàu, của người anh em, dân làng.

Hắn ăn cắp ăn trộm thóc như vậy tội cũng nặng như kẻ giết người.

Và như vậy phải xét xử hắn rất nghiêm[1].

204. VỀ KẺ ĐÀO MỒ MẢ ĐỂ ĂN TRỘM

Kẻ quật mả người ta, đưa các quan tài ra ngoài, bỏ thịt, bỏ xương xác chết cho kiến mối ăn.

Hắn là kẻ ăn trộm các vòng kiềng trong quan tài, các vòng tay trong ngoài mộ, các đồ đạc [thay ma đã làm] nhơ bẩn.

Hắn vừa núp vừa lấy mọi thứ mà hắn thấy được, lấy mọi thứ vừa tầm tay hắn.

---

1. Chú thích của D.A.: Xem bộ luật Hittit của Hrozny, tr.75 [nếu một người vào kho hạt ăn cắp ăn trộm, lấy hạt trong kho, đổ đầy kho hạt, như vậy hắn sẽ nộp 12 siclơ bạc và làm những nghĩa vụ [sau này] của hắn [đoạn 96].

"Nếu một người nô lệ vào kho hạt ăn trộm ăn cắp, lấy hạt trong kho, đổ đầy kho hạt, như vậy, hắn sẽ nộp 6 siclơ bạc và làm những nghĩa vụ [sau này] của hắn [đoạn 97].

Hắn là kẻ không thịt ăn, không rau ăn, không thuốc hút.

Hắn hành động như thần, như trời đang nổi giận, cây gỗ đã gẫy hắn mưu toan chắp lại, cây le đã gẫy hắn mưu toan đạp cho dập thêm. Hắn là kẻ đi theo các thần [làm hại người ta].

Như con muỗi luôn luôn tìm đốt, hắn gây hết chuyện này đến chuyện nọ cho người ta.

Như con lợn, con trâu giết để cúng hiến sinh, kẻ gây chuyện [xúc phạm mồ mả] sẽ mất mạng.

205. VỀ NHỮNG VỤ TRỘM CẮP CỦA CẢI GIẤU TRONG ĐẦM NƯỚC

[Kẻ ăn cắp] nồi *bung* cổ, nồi *biê* xưa mà người ta gửi bản thân hắn đem cất giấu kỹ trong đầm.

Người ta coi hắn như chính con cháu trong nhà.

Thế mà chính hắn đã quay trở lại đầm để lấy cắp, hắn vừa núp vừa lấy tay mò đem đi.

Như vậy hắn là kẻ lấy mất các nồi bung giấu trong rừng, các nồi biê [giấu] trong đầm, lấy mất các đồ vật mà người ta nhờ đem giấu đi để giữ được lâu dài.

Hắn như cái cuốc sắc, như con dao bén, quay lại phản mẹ cha. Chính hắn đã quay trở lại đầm nước để lấy cắp các của cải mà hắn được giao phó đem giấu.

Hắn là kẻ có tội, phải đưa hắn ra xét xử thật nghiêm.

Như con lợn, con trâu giết để cúng hiến sinh, hắn sẽ mất mạng.

206. VỀ ĂN TRỘM MẬT ONG Ở CÁC CÂY KTƠNG VÀ KDJAR*

Kẻ đóng cọc vào các cây ktơng và kdjar làm thang để leo lên ăn trộm mật.

Kẻ đêm hôm leo lên các cây mà người ta đã đánh dấu cấm bằng một cây cọc làm hiệu hoặc cuốc đi một đám cỏ ở gốc cây.

Nếu người ta chộp được cái gùi hắn đeo, tay nắm được cánh tay hắn, nhận ra mặt hắn.

Nếu người ta tóm được con chà gạc, cái dao của hắn, kịp chộp được hắn giữa khi hắn đang leo lên cây.

Thì người ta sẽ lấy dây trói hắn lại, cầm tù hắn hay bắt hắn làm nô lệ.

Bởi vì hắn đã cả gan leo lên cây ktơng, kdjar mà ai cũng biết để ăn trộm các bọng ong của người chủ đất, của người tù trưởng nhà giàu.

Chủ đất là người trông coi đất đai, bảo vệ rừng rú là người có độc quyền mật các cây ktơng, kdjar trong phạm vi đất đai của họ.

Bởi vì hắn sợ nên hắn dám đóng cọc vào các cây đã dành riêng cho ông ta. Hắn đã làm cái mà người ta cấm, hắn đã vượt lên trên cả non cao, do đó phải đưa ra xét xử.

Hắn sẽ phải nộp [cho chủ đất] một con lợn và một ché rượu để cúng hiến sinh cho đất và cho rừng để ong trở lại làm tổ ở các cây ktơng và kdjar để mãi mãi xanh tươi, để nước mãi mãi trong vắt, để cây cối lại đơm hoa ra lá.

Ngoài ra, hắn phải trả lại sáp và mật ong cho chủ đất, người chủ của các cây ktơng, kdjar. Còn về tội ăn trộm, nếu hắn chỉ ăn trộm ít thì hắn sẽ phải trả một khoản bồi thường nhỏ, nhưng nếu hắn ăn trộm nhiều thì hắn buộc phải trả một khoản bồi thường nặng.

---

* Chú thích D.A.: Xem luật Hittit: "Nếu kẻ nào đó ăn trộm [ăn cắp] một bọng ong, nếu trong đó không có ong thì hắn phải trả 3 siclơ bạc" (đoạn 73).

207. VỀ NHỮNG VỤ TRỘM CẮP THÚ RỪNG CỦA NGƯỜI KHÁC GIẾT ĐƯỢC, HOẶC TRÚNG BẪY

Kẻ chiếm con thú rừng mà khi ăn hắn phải giấu giếm, con thú rừng mà kẻ khác đã chịu vất vả đốn cây, làm bẫy, và lần theo các dấu vết trong rừng.

Hắn là kẻ luôn luôn rắp tâm ăn trộm ăn cắp của cải của người khác, rắp tâm lấy không mọi thứ vừa tầm tay hắn.

Hắn biết thừa con thú bị cọp vồ thì có nhiều vết thương, con thú bị rắn cắn thì sưng lên nơi nó bị cắn, còn con thú sập được ở bẫy mang cung hoặc bị một người nào đó giết thì vết thương của nó chảy máu tươi.

Nếu hắn đã chiếm đoạt một con thú chân thì bị trói, tai thì bị cắt, mình thì che bằng lá [săn bắt được] thì như vậy phải đưa hắn ra xét xử.

Vì người ta đã tốn công đi tìm thuốc độc, đem nó đi săn, vì người ta đã chịu khó đi mò rừng thức đêm rình thú, để kiếm miếng thịt con cá cho vợ cho con người ta.

Nếu hắn ganh ghét với người Ê-đê, ganh ghét với các thần linh, có manh tâm đêm hôm đi ăn trộm ăn cắp.

Thì hắn phải trả đủ giá trị vật hắn đã lấy cắp, và nộp một khoản phạt.

Hắn phải nộp trả một trăm trâu, một trăm bò, một trăm lợn.

208. VỀ ĂN CẮP CÁ TRONG ĐƠM CỦA NGƯỜI KHÁC

Kẻ đi men bờ sông bờ suối để dò la các đơm đó của người ta và ăn cắp cua cá trong đó.

Các đơm đó người ta đã đặt để bắt cua cá trong sông, bắt cá sấu trong vực để làm thức ăn.

Kẻ có bụng dạ ganh ghét như con ma dữ, như ông thần ác.

Tìm ăn cắp tất cả những gì hắn thấy, thò tay vào đơm vào đó của người khác lấy hết cá cua.

Nếu người ta đã túm được tóc, nắm được cổ hắn, và nếu người ta đã đem nộp cho người tù trưởng nhà giàu [người đầu làng] những đồ vật của hắn mà người ta đã bắt được.

Nếu người ta đã khắc đánh dấu được một thân cây để nhận ra nơi [hắn ăn cắp], nếu người ta đã bẻ gẫy được một nhánh cây để đánh dấu [nơi xảy ra sự việc].

Nếu hắn chối, nhưng người ta có thể nói rõ nơi hắn bị bắt.

Nếu như vậy thì hắn sẽ không nói được rằng người ta đã không bắt được quả tang, rằng người ta đã vô cớ đối xử tàn tệ với hắn, rằng người ta đã vô lý đòi hắn một khoản phạt đền.

Nếu người ta đã cúng hiến sinh một con gà [để được thần giúp tìm ra kẻ cắp] thì hắn phải trả bù con gà, nếu người ta đã cúng hiến sinh một con lợn, thì hắn phải trả bù con lợn.

Như vậy phải đưa hắn ra xét xử.

209. VỀ ĂN CẮP GIA SÚC, GIA CẦM ĐỂ GIẾT THỊT

Kẻ ăn cắp mọi thứ hắn thấy, kẻ nhặt nhạnh mọi thứ người ta để rơi, mà không một ai biết, trăm nghìn người cũng không nghe. Kẻ đi lang thang khắp nơi, lừa lúc đêm hôm khuya khoắt ăn cắp tất cả những gì hắn thấy.

Hắn to gan lớn mật, muốn vượt cả non cao. Vật nuôi trong làng hắn bảo là thú rừng, thì cứ mỗi đầu con vật bị đánh cắp, hắn sẽ trả bằng 1 ché ba, cứ mỗi tai con vật [bị đánh cắp] hắn phải trả một thỏi thép, cứ bốn chân con vật hắn phải trả một số sải vải trị giá 4 *kõ*.

Nếu hắn viện lý rằng hắn đã thấy con vật ở giữa đường cái hay trong rừng sâu, hay trong núi nơi mọi người đi qua, thì hắn có tội bởi vì khi trèo lên gốc cây, hắn đã không cho ai hay, khi ở ngoài đồng cỏ, hắn đã không cho ai biết.

Vì vậy, phải đưa hắn ra xét xử.

210. VỀ TỘI ĂN TRỘM TRÂU BÒ

Kẻ vô cớ chiếm đoạt trâu của tù trưởng, bò của nhà giàu, súc vật của người khác.

Kẻ chẳng biết sợ gì, chẳng nể nang ai, vượt lên trên cả non cao, bởi vì hắn muốn có những trâu bò của người khác.

[Những con trâu mà] đuôi dài bao nhiêu người ta đã đo, vòng ngực rộng bao nhiêu người ta cũng đã đo chính xác, những con trâu mà chủ chúng nhận ra rất rõ ràng.

Kẻ thấy bò ở ngoài làng, thấy trâu trên bãi cỏ, manh tâm chiếm lấy bởi vì hắn ganh ghét với người khác.

Kẻ ban ngày đi quanh quẩn ở cái đầm thả trâu bò, chiều đến nhìn chừng đâu là nơi trâu bò người khác nằm và ngủ đêm. Và khi mọi người dân làng đã trở về nhà họ thì hắn đến ăn trộm dẫn về làng hắn.

Kẻ ngược ngạo và táo tợn, dám lấy trộm trâu bò của người anh chị em dân làng mình.

Kẻ thèm trái chua, rau ngọt, từ ngày này qua ngày kia [từ lâu] đã thèm muốn trâu bò của người khác.

Nếu hắn đã ăn trộm một con vật, và sau đó đã ăn thịt hoặc bán con vật, thì hắn sẽ đền con vật, hắn phải đền 2 lần nữa, có nghĩa là, hắn sẽ phải trả gấp ba, ngoài con vật hắn đánh cắp, hắn còn phải trả một trước một sau[1]. Còn nếu hắn chưa bán, chưa giết ăn thì hắn sẽ phải trả một khoản bồi thường giá 1 *kõ* cho người chủ, sẽ làm cho người chủ 1 lễ hiến sinh *kpih*, còn con bò hoặc con trâu mà hắn đã ăn trộm, hắn sẽ đem trả lại.

---

1. Chú thích của D.A.: Xem luật Hittit: tr.51: "Nếu có kẻ nào đó ăn trộm một con bò, một con ngựa, một con la lớn, một lừa, mà người chủ bắt được về lấy lại nguyên vẹn thì ngoài con vật là đánh cắp ra, hắn phải trả hai lần hơn và nghĩa vụ của hắn, hắn phải thực hiện".

211. VỀ NHỮNG KẺ CẤT GIẤU THUYỀN CỦA NGƯỜI TA KHI BỊ NƯỚC CUỐN ĐI MÀ KHÔNG BÁO CHO CHỦ THUYỀN BIẾT

Thuyền của người ta bị gió nước cuốn đi, hắn manh tâm ăn cắp đem giấu đi.

Hắn không hé miệng nói một lời, không báo tin cho người ta biết đi tìm.

Người ta hỏi hết sáng đến chiều, đến tối, người ta hỏi hết ngày nọ qua ngày kia, hắn vẫn không nói ra.

Thuyền của người ta đã phủ rêu, đã dính mỡ dính đất bùn lấm láp.

Hắn là kẻ thèm những cây gỗ thẳng, những con chà gạc bén, hắn vốn thèm của cải của người ta từ hôm qua hôm kia [từ lâu].

Bằng một cái tô hoặc một cái đĩa, hắn phải đền cho người đi công khó họ đã bỏ ra. Còn cái thuyền thì người chủ sẽ lấy lại.

Hắn là có tội bởi đã lấy lá katu lá ênăm phủ lên cái thuyền giấu giếm cái thuyền.

Vì vậy phải đưa hắn ra xét xử.

212. VỀ VIỆC THƯỞNG CHO NGƯỜI THẤY THUYỀN BỊ NƯỚC CUỐN MÀ BÁO CHO NGƯỜI CHỦ BIẾT

Ai thấy thuyền của người ta bị nước cuốn gió thổi trôi dạt vào bờ bụi mà lấy đem về làng, mà loan báo cho mọi người biết, để có ai đó đi tìm đến hỏi thì họ chỉ cho.

Người thấy thuyền lại phải giải thích cho người chủ chiếc thuyền cặn kẽ rõ ràng như người ta lột vỏ cây [để cho thấy gỗ của cây] hay như người ta tước vỏ gai [để cho thấy sợi gai]. Anh ta không giấu giếm, giữ kín điều gì. Hỏi buổi sáng, anh ta trả lời buổi sáng, hỏi buổi chiều, anh ta trả lời buổi chiều, hỏi ban ngày hay ban đêm anh ta đều trả lời tức thì.

Vì vậy anh ta phải được người chủ thuyền thưởng cho một cái tô hoặc một cái đĩa, trả công anh ta đã lùng rừng sục bụi tìm cái thuyền, lại đem nó về làng.

Như người ta đo nhà đo rẫy, người ta sẽ đo cái thuyền cả chiều dài chiều rộng. Nếu thuyền nhỏ thì thưởng nhỏ, nếu thuyền lớn thì thưởng lớn.

213. VỀ VIỆC GIẤU GIẾM ĐỒ VẬT BẮT ĐƯỢC

Bắt được mà hoá ra ăn cắp.

Hắn nhặt được của người ta, mà hắn không hé miệng nửa lời cho ai biết, mà hắn không báo cho dân làng rằng hắn đã nhặt được của [của người ta]. Của bắt được hắn lấy lá *katu*, lá *ênăm* phủ lên, hắn giấu đi hòng ăn cắp của người ta.

Đứng dưới gốc cây ktơng, hắn không kêu lên, đứng dưới cây dầu rái hắn cũng không lên tiếng, hắn không báo cho người tù trưởng nhà giàu hay [việc hắn đã bắt được của].

Đứng dưới gốc cây ktơng, hắn kín hơi kín tiếng. Hắn giữ kín quả bầu với cả hạt trong đó.

Như vậy là hắn có tội.

Mất bò mất trâu người ta đã đi tìm, mất đồ này nọ người ta đã mò hỏi, nhưng người bắt được là ai, người ta vẫn không thấy.

[Người ta đã hỏi] khi mới sáng dậy, khi mặt trời đứng bóng, hỏi ngày hôm nay, hỏi cả ngày mai [may ra] thì người ta đã biết được.

Thế là hắn phải trả gấp ba, có nghĩa là [ngoài của cải hắn bắt được] hắn phải trả thêm một cái trước và một cái sau.

Hắn phải đền tội như là một tên ăn cắp, một tên đêm hôm vừa bước đi vừa lấm lét nhìn chừng.

214. VỀ VIỆC LOAN BÁO CHO NGƯỜI KHÁC BIẾT KHI BẮT ĐƯỢC CỦA CẢI*

Ai đó bắt được của cải ở giữa đường từ cây *ktơng* đi vào làng, hay trên mọi nẻo đường bà con thường qua lại, của bắt được có thể là con bò nhà tù trưởng, là con trâu của người giàu hay là đồ vật của bà con dân làng [thấy] trong bờ trong bụi.

Mà anh ta hô hoán lên, đi báo cho mọi người biết, chỉ cho mọi người thấy, nói cho mọi người hay [rằng] con trâu không biết là của ai, con bò không biết là của ai, đồ đạc của bà con dân làng không biết rõ ai là người chủ.

Anh ta không hề lấy lá *kutu* lá *ênăm* đem phủ lên [vật bắt được], không hề có manh tâm giấu giếm [vật bắt được].

Bắt được bò, anh ta đi tìm người có bò, nhặt được sợi dây anh ta đi tìm người chủ sợi dây.

Bắt được thú rừng, anh ta đi tìm người đã bắn, đã giết được con thú. Anh ta lần mò dò la, tìm cho ra [người chủ của vật anh ta bắt được] không kể tháng năm.

Nhưng nếu trăng đã tàn, năm đã hết mà không tìm ra được người đã bắn, đã giết được con thú, thì nếu anh ta là một nhà giàu, anh ta có thể ăn thịt con vật hoặc đem thịt sấy khô trên sàn bếp.

Nếu không có người đàn ông hay một người đàn bà nào lần mò dò la tìm hỏi [vật anh ta bắt được].

Mà thời gian đã quá hai năm thì vật anh ta bắt được sẽ thuộc sở hữu [cũ], anh ta sẽ trả cho họ. Nhưng trong trường hợp này, người chủ sở hữu [cũ] phải thưởng anh ta, đền bù công lao anh ta đã giữ gìn chăm nom vật anh ta đã bắt được. Nếu vật bắt được đã lâu thì thưởng nhiều, nếu vật mới bắt được thì thưởng ít.

---

* Chú thích D.A.: Xem luật Hittit của Hrozny, tr. 94: "Nếu ai đó bắt được bát đĩa, nồi niêu hay một con bò, một con cừu, một con ngựa, một con lừa, thì đem đến trả cho người chủ sở hữu. Nếu không tìm được chủ sở hữu, thì phải có người làm chứng cho sự việc, nhưng nếu sau đó người chủ tìm thấy thì cái gì đã mất đi hẳn, người chủ sẽ lấy đủ ở người đã bắt được" (đoạn XXXV).

215. VỀ TỘI CHỨA CHẤP ĐỒ ĂN CẮP, ĂN TRỘM

Kẻ như con chim ngói tìm nắng, như con chim két theo gió, bầy mưu tính kế thông đồng [với bọn ăn cắp ăn trộm].

Kẻ giúp bọn ăn cắp ăn trộm giấu giếm của ăn cắp ăn trộm, làm như chính hắn đã tòng phạm.

Kẻ đó dù là đàn ông hay đàn bà, tán thành hành động [của một tên ăn trộm] và khuyến khích ăn cắp ăn trộm.

Kẻ giúp [người ta] đem giấu dưới lá, đem giấu các vật hoặc của cải [một người khác] ăn cắp ăn trộm.

Kẻ đó có tội, và có việc phải xử giữa người khác với hắn.

216. VỀ TỘI GỠ RÀO [CỦA NGƯỜI TA] LÀM CỦI

Rào giậu người ta làm là để ngăn không cho súc vật vào rẫy vào vườn.

Hắn là một kẻ lười biếng, chân không muốn lê đi, cẳng không muốn nhấc lên, nên đã phá rào chuồng trâu chuồng bò nhà người ta để làm củi.

Chòi người ta giữ, người ta ngăn, rẫy người ta rào để ngăn ngừa súc vật [vào phá].

Thế mà hắn đã hành động nhẫn, vì lười biếng đã phá rào nhà, rào rẫy của người tù trưởng nhà giàu, của không kể bất cứ ai.

Vì vậy phải đưa hắn ra xét xử.

217. TỘI RỦ RÊ VÀ CHỨA CHẤP NÔ LỆ, TÔI TỚ [CỦA NGƯỜI KHÁC]*

Kẻ giật cán khỏi cuốc, giật chuôi khỏi dao, rủ rê người nhà khác đến ở nhà mình.

Kẻ hun ụ mối, rủ rê nô lệ của người khác theo hắn, kẻ đốt đụn cỏ, đánh bạn với tôi tớ của người ta.

Kẻ nấu cơm ở ngoài rẫy, đem nước đặt ở bìa rừng, lôi gùi, lôi sọt của người ta ra ngoài, vì vô cớ ganh ghét với tù trưởng nhà giàu, với tất cả ai đó có tôi tớ nô lệ.

Kẻ cướp giật khăn người khác đang đội, kẻ cướp giật tay nải người khác đang đeo, kẻ có lòng ghen ghét những người chăm chỉ làm ăn trên nương rẫy.

Kẻ cứ cuốn lấy chân người ta như khói ở đống lửa, như nước ở dưới sông, giữa trưa gây chuyện với người ta.

Những kẻ đó là có tội.

218. VỀ NGƯỜI BẮT ĐƯỢC CHÉ TRONG RỪNG, ĐÃ BÁO CHO MỌI NGƯỜI BIẾT, MÀ BỊ NGƯỜI CHỦ [CỦA CHIẾC CHÉ] BUỘC CHO LÀ ĂN CẮP

Nếu ai đó bắt được một chuỗi cườm ở giữa đường đi, bắt được một vòng đeo tay ở chân cột nhà, bắt được một cái ché quý ở trong một bụi rậm.

---

* Chú thích D.A.: xem luật Hittit của Hrozny, đoạn "nếu một người là đàn ông hay đàn bà của thành phố Hattuisas" bị một người ở thành phố Lujja ăn cắp [bắt đi] và đem đến vùng thành phố Arzawa mà người chủ tóm được thì người [ăn cắp] đó sẽ giao nhà mình [cho người chủ].

"Nếu có một người nào đó của thành phố Hattuisas ăn cắp ở thành phố Arzawa và đem đến thành phố Lujja, xưa kia phải giao 12 người, còn bây giờ thì giao 6 người, các nhiệm vụ đều phải làm".

Mà trở về làng, leo lên đứng ở sàn hiên, hoặc đứng ở sân làng hô hoán lên [cho mọi người biết] cũng đến báo tin cho người tù trưởng nhà giàu.

Nhờ vậy người chủ cái ché biết được, nhận ra là cái ché của họ. Thế mà người chủ cái ché lại đổ cho người bắt được cái ché là ăn trộm ăn cắp của anh ta, đêm hôm đã lén vào nhà anh ta ăn trộm cái ché.

Cái ché đó nếu là của anh ta, thì nó mầu gì, anh ta chưa biết, nó ngửi thấy mùi gì, anh ta chưa biết, không một tù trưởng nhà giàu nào biết anh ta là chủ cái ché, anh ta có phải là chủ cái ché hay không.

Như vậy vụ việc này không cần xét xử lâu, không cần đi xa hơn nữa, [không cần tìm cho ra] đâu là bến uống nước đâu là bến lội qua sông của voi, của tê giác. Còn cái ché thì sẽ đem bán, mua váy áo đem chia, bên nhiều, bên ít.

Vụ xét xử đến đây là kết thúc.

CHƯƠNG X

VỀ TRÂU BÒ

219. VỀ KẺ THÈM CỦA CẢI NGƯỜI KHÁC

Hắn thèm trái chua, hắn thèm rau ngọt, thèm từ hôm qua hôm kia [từ lâu].

Hắn nuôi nhện, nuôi sên, làm thuốc độc bỏ cho ngựa cho voi ăn, giết hại ngựa voi người khác.

Hắn ganh đua với người Êđê, tị với các thần linh.

Hắn là kẻ có tội, phải đưa hắn ra xét xử.

220. VỀ KẺ GIẾT CHÓC TÀN NHẪN GIA SÚC, GIA CẦM

Kẻ tàn ác, thô bạo, giết hại không thương tiếc các gia súc, gia cầm.

Kẻ độc ác tàn nhẫn, miệng nói có quai, tìm mọi cách làm thiệt hại của cải người khác.

Kẻ hung hăng, không biết tự kiềm chế, chỉ khăng khăng làm theo ý mình, không biết nghe lời khuyên bảo của người khác.

Lăm lăm trong tay bó đuốc dài cả mấy gang, hay bó đơm dài cả sải, bụng căng lên vì tức giận, hắn tìm giết dã man không chút tiếc thương các con vật mà người ta nuôi.

Miệng hắn ngoác ra như miệng cái đó cái đơm, mồm hắn quai ra to như cái nia cái nong. Hắn là con người không khuyên bảo được, đã đến lúc phải gạt bỏ đi như một cọng guột phải đem vứt xuống bùn, như một mớ bã rượu phải đem đổ đi, dù còn có chàng trai cô gái nào đó luyến tiếc hắn.

Như con lợn con trâu dành làm vật hiến sinh, đã gây ra tội thì hắn phải mất mạng. Cha mẹ hắn cũng sẽ bỏ mặc hắn, không trông nom săn sóc hắn nữa.

221. VỀ KẺ TÀN NHẪN VỚI VẬT NUÔI TRONG LÀNG, LÀM CHÚNG BỊ THƯƠNG HOẶC CHẾT

Kẻ đánh đập một cách vô cớ, giết hại một cách không có lý do súc vật của tù trưởng nhà giàu, súc vật của người anh em dân làng, hắn làm như ganh tị khống với cả tổ tiên lẫn các thần.

Nếu hắn làm chết một con vật to bằng một con lợn thì hắn phải đền người chủ con vật giá bằng một con lợn, thay đầu con lợn bằng một cái nồi *êba*, thay hai tai con lợn bằng 2 thỏi thép, thay bốn chân con lợn bằng 4 *kõ*.

Nếu là một con vật lớn, ví dụ như con ngựa, con bò, con trâu và con vật chỉ bị thương thì hắn phải lo thuốc thang chạy chữa. Khi con vật đã lành, hắn phải giao một con lợn và một ché rượu.

Nhưng nếu con vật chết thì hắn phải đền cho người chủ con vật giá bằng con vật: Thay đầu con vật là 1 nồi *êba*, thay cho hai cái tai là 2 thỏi thép, thay cho bốn cái chân là 4 tên nô lệ. Bao giờ cũng vậy, hắn phải đền thêm một con trước một con sau cho người chủ bị thiệt hại.

Hắn là kẻ hung tàn ngỗ ngược, đòi vượt cả núi cao. Vì vậy phải đưa hắn ra xét xử.

222. VỀ KẺ DÙNG VOI NGƯỜI KHÁC ĐỂ CHUYÊN CHỞ, LÀM BỊ THƯƠNG HOẶC CHẾT

Đốn tre đẵn nứa mà không khuân không vác đi được, chẻ tre bổ nứa làm giầm sàn giát nhà sàn mà không mang vác đi được, phải mượn voi người khác lôi kéo đi cho.

Nếu voi sinh ra ốm đau, chân voi bị thương, nếu voi vấp ngã vì gộc cây, gỗ cây.

Thì người mượn voi phải lo thuốc thang chạy chữa, khấn thần cầu thần cho máu chóng cầm, giao [cho chủ voi] một chiếc vòng tay [kông], một lưỡi niết [wăng] để cầu may cho voi chóng tai qua nạn khỏi, đồng thời phải lấy thuốc chóng làm sẹo dịt cho voi.

Nếu vết thương không chịu khôn, máu mủ vẫn chảy, bệnh voi không giảm bớt, voi đau ốm kéo dài.

Thì người mượn voi phải đền [cho chủ voi] đủ giá con voi hoặc thay con voi bằng một con voi khác bằng giá.

Nếu sau này vết thương khôn được, voi hết bệnh thì không có chuyện gì phải giải quyết.

Thế nhưng voi vẫn không chịu để cho đặt đệm đóng bành, vẫn không chịu ăn uống thì người cho mượn voi vẫn phải chịu trách nhiệm.

Phải đền đủ giá con voi, hoặc thay vào con voi đó bằng con voi khác ngang giá.

223. VỀ NHỮNG CON TRÂU, BÒ BÁNG NHAU ĐẾN BỊ THƯƠNG HOẶC CHẾT

Rạ đã giẫm xong, mè [vừng] đã hái hết, đó là mùa khô đã đến, mùa thả trâu bò.

Trâu bò mùa khô, chúng muốn đi đâu thì đi, chúng lang thang đâu đó đều được, tha hồ chúng báng nhau, nếu có con bị chết thì điều đó không có gì quan trọng, không có việc gì phải đưa ra xét xử, cứ đem thui nó mà ăn.

Trong mùa trâu bò phải chăn giữ, nếu là trường hợp bọn người đi chăn cho trâu bò của họ đọ sức đua tài báng nhau trọi nhau thì cũng vậy, nếu xảy ra trâu bò của người khác bị chết, bị què hay bị đui thì cũng không có chuyện gì phải đưa ra xét xử.

Nhưng nếu là trường hợp vì chuồng hỏng không đủ ngăn chặn, vì không có rào, vì thiếu sự chăn dắt mà trâu bò xổng ra, tìm báng trâu bò nhà khác, gây ra chết chóc hoặc què chân mù mắt cho người trâu bò nhà khác thì người ta có quyền kiện đòi bồi thường. Đương sự phải đền đủ giá con trâu con bò bị thiệt hại hoặc thay vào đó trả cho người chủ một con trâu bò khác ngang giá, và đương sự được chia phần về con trâu bò bị thiệt hại.

224. VỀ GIA SÚC LÀM BỊ THƯƠNG HOẶC CHẾT NGƯỜI

Nếu có con trâu bò dữ báng người chết người đó là một tù trưởng nhà giàu hay là người dân thường nào khác thì chủ của chúng phải đền mạng trả giá mạng người, còn con vật đem hiến sinh cúng cho người chết.

Giá mạng người [chết] là 1 cái la [char], đường kính bằng 1 *heh* [chiều dài khuỷu tay đến cuối bàn tay nắm lại] cộng thêm 1 *kpăt* [gang tay].

Nếu người bị báng chỉ bị thương thì người chủ con vật sẽ chỉ trả một khoản bồi thường, nhưng cái chòi phải được đánh giá, cái rẫy phải được đo ngang đo dọc [đánh giá vết thương].

Nếu vết thương nhẹ, khoản bồi thường sẽ ít, nếu vết thương nặng, khoản bồi thường sẽ nhiều.

225. VỀ VIỆC THẢ TRÂU BÒ TRƯỚC MÙA QUY ĐỊNH

Kẻ thả trâu bò đi lang thang, chân đằng đông, đầu đằng tây như là những con bò rừng.

Kẻ chăn giữ không tốt, không nhòm ngó đến trâu bò mình, lười ngăn chuồng, dựng rào, lười chăn dắt trâu bò mình.

Kẻ sáng ra đã thả, trưa không xua, chiều đến không dồn về chuồng trâu bò của mình.

Kẻ có trâu bò mà chiều tối lười đi tìm, ban mai lười chăn giữ, để chúng đi lang thang trong rừng như bầy thú hoang, để chúng đến ăn, phá hoại mùa màng của người ta thì kẻ đó là có tội.

Hắn là chủ con ngựa, con trâu, con bò, là người có của cải mà không lo giữ gìn cẩn thận.

Như vậy phải đưa hắn ra xét xử.

226. VỀ CÁC VỤ GIA SÚC PHÁ HOẠI HOA MÀU

Nếu là vài ba khóm cây bị phá thì đền, nếu là lá cây bị ăn thì phải làm một lễ Kpih [hiến sinh từ lợn trở lên], nếu là mùa màng bị ăn trụi thì phải thay thế.

Nếu kê có bị hao tổn, lúa có bị gẫy giập, ngô dưa có bị bật gốc ít nhiều, ít thì phải đền bù cho đủ, nhiều thì phải đến xem [cho tường tận].

Vì trông coi đã không tốt, chăn dắt đã không siêng, người chủ gia súc là có tội, phải đưa ra xét xử.

227. VỀ CÁC VẬT NUÔI SA BẪY Ở BÌA RẪY TRONG MÙA TRỒNG

Hắn là kẻ có tội vì chăn dắt không tốt không siêng, súc vật hắn nuôi thả rông trong rừng, tràn vào phá rẫy vườn của người ta. Nếu súc vật của hắn bị trúng mang cung hay sa bẫy thì việc đó chẳng có gì phải xét xử.

Mang cung người ta cài, chông thò người ta cắm là để chống heo rừng, hươu nai vào phá ruộng rẫy, vườn của người ta. Khi cài mang cung, cắm chông thò, người ta đã đặt dấu báo, cũng đã tin cho các ông các bác ông cậu trong làng hay.

Bởi vậy cho nên các con vật chết vì mang cung, chông thò xem như là mất toi [người chủ con vật chết toi ấy không có quyền đòi được bồi thường].

228. VỀ VIỆC GIẾT GIA SÚC VÀO VƯỜN RẪY CỦA MÌNH

Hắn là kẻ bạo tàn hung hãn, đòi vượt cả non cao.

Hắn có tính hung hăng, không tự kiềm chế được mình nên sinh ra liều lĩnh.

Lẽ ra, con vật ăn nhiều thì hắn nói là ăn nhiều, ăn ít hắn nói là ăn ít, và hắn phải cho một người nhà hắn, hoặc đàn ông hoặc đàn bà, đến báo cho chủ con vật biết.

Đằng này hắn lại chém phắt con vật, chưa gì hắn đã giết chết con vật trong bụi trong bờ.

Hắn ác như ma, dữ như thần.

Nếu con vật của người chết thì hắn phải trả giá con vật hoặc phải thay thế bằng con vật ngang giá. Nếu con vật chỉ bị thương thì hắn phải chịu một khoản bồi thường. Còn giá phải trả, nếu hắn bị thiệt hại, mất hết hoa mầu, thì trong trường hợp đó không có gì phải xét xử.

CHƯƠNG XI

VỀ ĐẤT ĐAI VÀ NGƯỜI CHỦ ĐẤT

229. VỀ CHĂM NOM ĐẤT ĐAI

Con gái như hạt giống cây lúa, chính con gái là người khoác áo quàng chăn, là người giữ gìn cái nong cái nia, lưng của tổ tiên ông bà.

Chị cả là người thay mẹ, anh rể cả là người thay cha.

Họ là người chăm nom đất đai, viếng thăm rừng rú. Nếu cây xoài, cây muỗm ra hoa không tốt, nếu bọn con trai con gái sinh mất nết hư thân thì họ có quyền đòi xét xử.

Nếu cây môn dốc trong suối héo khô, nếu cây môn nước trong đầm tàn lụi, nếu có những người cùng một họ mà ăn nằm với nhau thì họ có quyền đòi phạt. Từ các cuộn dây đồng đến các gánh bí bầu, không một người đàn ông con trai nào được tranh chiếu của họ.

Nếu cậu chết thì để lại cho cháu trai của cậu, nếu bà chết thì để lại cho cháu gái của bà sẽ kế thừa; người này chết để lại cho người khác.

Hễ còn một người, là đàn ông hay đàn bà, là vẫn còn việc trông nom cái nong cái nia, là vẫn còn việc trông nom cái lưng của ông bà.

Người đó sẽ trông coi đất đai, thăm nom rừng rú, tự mình phải chăm sóc mảnh đất mà mình là chủ.

Khi con đã lớn, họ phải dạy, khi cháu đã khôn, họ phải bảo, hễ đứt là phải nối, hễ yếu là phải rèn cho vững lại.

230. KHÔNG ĐƯỢC ĐỂ MẤT NGƯỜI CHỦ ĐẤT

Mất cậu, để lại cho cháu.

Mất bà, để lại cho cháu.

Mất người này, để lại cho người kia.

Không ai dám chiếm lấy,

Không ai dám giành lấy và chia cắt, chiếm lấy bằng được.

231. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA CHỦ ĐẤT

Đất đai, sông suối, cây rừng [là] cái nong cái nia, cái lưng của ông bà.

Ông [bà] là người giữ hang[1], trồng rừng, coi cây *ktơng*, cây *djar*.

Sợ rằng cây quéo không ra hoa, cây muỗm ra hoa [cũng] không tốt, bọn con trai con gái mất nết hư thân.

Ông [bà] hãy hỏi trưởng buôn.

Cây *Kthih* trong suối [đã] héo đi nhiều, cây môn nước trong đầm [đã] khô đi nhiều, [e rằng] có những người là anh chị em của nhau mà lăng nhăng tằng tịu với nhau.

Ông [bà] hãy hỏi trưởng buôn, ông [bà] sẽ phạt kẻ có tội một lợn, ông bà sẽ đòi kẻ có tội một gà.

Họ ăn ở không phải, trưởng buôn sẽ phạt.

Họ phải cúng lợn cho rừng, cúng rượu cho đất.

Nếu ông [bà] biết rõ [đó là] con nào thằng nào thì ông [bà] phạt hắn một con lợn.

Nếu [hắn là] một con đàn bà thì con lợn thuộc chúng tôi.

Nếu [hắn là] một thằng đàn ông thì con lợn thuộc ông [bà].

Chú thích D.A:

1. Đây là các hang Adrên Băng Adrêu theo truyền thuyết, từ đó đã xuất hiện người Êđê. Việc coi sóc cái hang này được giao từ xưa cho thành viên của họ Hdruê, họ cuối cùng đã ra khỏi cái hang đó.

Nhưng nếu ông [bà] sai, nhìn hai con voi đực ra ba con voi cái, nếu ông [bà] đặt điều cho người ta thì tội với người ta, ông sẽ mang, chứ không phải chúng tôi, người chủ đất*.

232. QUYỀN LỢI NGƯỜI CHỦ ĐẤT

Có bao nhiêu con, bao nhiêu cháu đều phải dạy bằng hết cho chúng [rằng]: cấm không được đóng cọc vào cây *ktơng*, cấm không được trèo lên cây *kdjar*. Phạm điều cấm đó, người ta coi ngang với tội chặt đuôi voi, tội đạp bát thuế, tội mò vào với vợ tù trưởng nhà giàu, tội thông dâm với vợ người anh em. Tội đó sẽ phải đưa ra xét xử.

[Vì vậy] không được cho chúng trèo lên cây Ktơng cây kdjar, cấm đấy.

Phần chúng ta, ai ai cũng có quyền đốt rẫy, bắt cá [bất cứ nơi nào]. Ai ai cũng [có quyền] trèo lên [lấy] bất cứ mật ở rừng thấp, bụi bờ [nào].

Cây le, cây lồ ô, tranh tre để làm nhà, ai ai cũng đều [có quyền] lấy, không phải trả gì cho ai.

Ai ai cũng có quyền đốt rừng săn vây thú, đánh bắt cá, không ai cấm được ai.

[Còn với chủ đất thì ai ai cũng] phải giúp đỡ đem cho nhiều củi, nhiều nước, làm giùm nhà cửa nương rẫy khi công việc đã muộn màng, phải chăm nom khi đau ốm.

Khi còn sống thì [đem cho] nhiều rượu. Khi chết thì có đông người lo chôn cất, đừng bỏ mặc người ta.

Phải nghe cùng một tai, nói cùng một miệng, tất cả đều phải đồng tâm nhất trí nhiệm vụ đó.

Tất cả dân làng, tất cả con cháu, em út, mọi người tất cả phải nhớ lấy điều đó.

Chú thích NHT:

*. Đất đai thuộc quyền sở hữu của người nữ. Người nữ là chủ đất, nhưng trong thực tế, chấp hành nhiệm vụ và quyền hạn chủ đất là người đàn ông, chồng của người chủ đất.

233. NHIỆM VỤ ĐI THĂM ĐẤT CỦA NGƯỜI CHỦ ĐẤT

[Nhiệm vụ của người chủ đất là] phải đi thăm cái nong cái nia, cái lưng của ông bà.

Đi thăm là để đất đai mãi mãi tốt tươi, để nước không ngừng chảy, để chuối mía mọc xum xuê.

[Đất] nào phải như con ngựa không chủ, như con bò không người chăn.

Đó là tập quán từ xưa, từ đời bà, đời ông, từ các tổ tiên xưa cũ:

Cứ bảy năm một lần, chúng tôi [người chủ đất] lại đến thăm bà con một lần.

234. VỀ CÁC VI PHẠM QUYỀN SỞ HỮU ĐẤT ĐAI*

Đất đai, sông suối, rừng cây, sao lại được xâm chiếm, chia cắt, sao lại xí lấy bằng được.

Đất đai, sông suối, rừng cây là của chúng tôi [người chủ đất], chúng tôi không chịu đâu.

BỔ SUNG

Khi rừng bị người ta chiếm, đất bị người ta lấn, để người ta không lấy mất, ông [bà] [người chủ đất] hãy kể lên ranh giới đất đai rừng núi của mình.

Ông [bà] hãy làm lễ cúng [đất] một trâu để người ta phân ra ai là người chủ. Và sau đó, hằng năm ông bà cứ làm lễ cúng như sau:

---

*. Chú thích của D.A: Người Pô lăn [hay nói đúng hơn thị tộc của người đàn bà Pô lăn tính theo dòng mẹ], phải chứng minh được họ là người chủ sở hữu đất đai, từ lâu đời, do quyền của họ là người đã xí trước. Để chứng minh quyền đó, họ phải kể được các địa vật [núi, sông, ngã ba sông suối, thác nước, ao, hồ...] là giới hạn của khu đất, cũng phải kể được phả hệ đầy đủ tính chất theo dòng nữ của người đàn bà Pôlăn đã kế tiếp nhau từ buổi đầu. Các hệ đó có khi gồm cho đến 12 hoặc 15 đời (Xem *Truyền thuyết về đất*, do D. Atomarchi dịch).

Cho đất một trâu đực, năm ché rượu, cho bản thân ông [bà], năm ché rượu, một lợn thiến.

Nếu ông [bà] không có trâu thì cúng đất bằng bò đực, và 3 ché rượu Tuk; cúng cho bản thân ông [bà] 3 ché rượu, 1 lợn dái [lợn đực].

Nếu ông [bà] không có bò thì cúng [đất] bằng 1 lợn thiến, 5 ché rượu; cúng cho bản thân ông [bà], 1 lợn dái, 3 ché rượu.

Có làm như thế đất mới tốt tươi, nước mới không ngừng chảy, chuối, mía mới mọc xanh tốt.

235. VỀ TỘI CHIẾM ĐẤT ĐAI

Đất đai, hắn chiếm; sông suối, hắn đoạt; đất đai của tù trưởng nhà giàu, hắn giành lấy.

Rừng cây, hắn xí; đất đai hắn choán; rừng tê giác, rừng voi, hắn cũng lấn chiếm.

Hắn là kẻ to gan lớn mặt, dám vượt cả non cao.

Như vậy có việc phải xét xử giữa người ta với hắn.

236. VỀ QUYỀN NGƯỜI CHỦ ĐẤT ĐI THĂM ĐẤT ĐƯỢC HƯỞNG CỦA BIẾU XÉN

Cái nong, cái nia là lưng của ông bà, [nhiệm vụ của người chủ đất là] phải đi thăm đất để đất đai mãi mãi tốt tươi, sông suối không ngừng chảy, chuối mía mọc xum xuê.

Cứ bảy năm một lần, vào mùa khô mới, theo tục lệ [người chủ đất] phải đi thăm nom đất đai, rừng núi của mình.

Vì họ là kẻ giữ hang, là người trông nom rừng núi, là người trông coi cây *ktơng* cây *kdjar*.

Sợ rằng đất đai có kẻ muốn chiếm, sông suối có kẻ muốn đoạt, đất đai của tù trưởng nhà giàu mà lại có kẻ muốn giành lấy, muốn cướp lấy, điều đó sao được. Hang, người ta đã có người ở giữ; rừng núi người ta đã có người ở chăm nom; người ở trông coi cây *ktơng* cây *kdjar* cũng là người của người ta.

Đất này là của bà xưa ông cũ để lại, điều đó người ta đã truyền miệng cho nhau [đời này qua đời khác]. Nếu có tù trưởng nhà giàu nào đó muốn chiếm đoạt là không thể được.

Nếu cậu chết thì phải dạy cho cháu, nếu bà chết thì phải dạy cho cháu, nếu người này chết thì phải dạy cho người khác [rằng] chừng nào còn người chủ đất thì chừng ấy không ai dám giành lấy đất cả.

Vì vậy, tất cả dân làng, tất cả những người cháu, người em đều phải góp phần biếu xén người nữ gia trưởng chủ đất bảy năm một lần, kẻ tộ gạo, người rá thóc. Kẻ gùi thóc, lẻ sọt thóc để dân làng, những người cháu người em được khoẻ mạnh, để đất đai mãi mai tươi tốt, sông suối không ngừng chảy, chuối mía mọc xum xuê, mùa màng không bị vàng lụi.

DÂN TỘC MNÔNG

LUẬT TỤC
PHÁT K'TUÔI
(Trích)

Trong chương trình hợp tác sưu tầm - nghiên cứu văn hoá dân gian ở Đắc Lắc giữa hai cơ quan: Sở Văn hoá - Thông tin tỉnh Đắc Lắc và Viện Văn hoá dân gian thuộc Trung tâm KHXH và NVQG, mấy năm gần đây, nhóm công tác do PGS Ngô Đức Thịnh chủ trì, đã tiến hành thu băng ghi âm và tổ chức biên dịch thể loại luật tục (phát k'tuôi) *ở nhóm Mnông Prâng tại huyện Đắc Nông.*

Cho đến nay đã sưu tầm được khoảng trên 200 điều, quy định hầu hết các lĩnh vực về quan hệ cộng đồng, sở hữu tài sản, hôn nhân - gia đình và một số phong tục - tập quán khác của dân tộc. Mỗi điều có từ 20 đến 40 câu theo thể văn vần, tổng số khoảng trên 6.000 câu.

Trong xã hội cổ truyền, những quy định ở luật tục này được mọi người nhập tâm và truyền khẩu để nhắc nhở nhau, tự giác thực hiện. Nếu có sự vi phạm sẽ được cộng đồng răn bảo hoặc bị toà án phong tục của làng xử phạt.

Đây là một di sản văn hoá quan trọng. Ngay từ năm 1980, cách đây 15 năm, trong khi biên soạn công trình Đại cương về các dân tộc Êđê, Mnông ở Đắc Lắc, tác giả phần văn hoá, ông Chu Thái Sơn đã khẳng định sự hiện hữu của thể loại luật tục này trong mọi nhóm cư dân Mnông ở Đắc Lắc và đã dẫn dụ hàng loạt câu về cách hiệp vần của chúng. Công trình nói trên được Nhà xuất bản Khoa học xã hội ấn hành vào quý 3 năm 1982 (xem các trang từ 146 đến 150 - sách đã dẫn). Rất tiếc là trong thời gian này điều kiện an ninh ở các

tỉnh Tây Nguyên không cho phép nhóm nghiên cứu dừng chân lâu ngày cại các buôn xã để khai thác vốn cổ này. Nhưng sự phát hiện ấy đã được công bố cách đây 15 năm trong một chuyên khảo về hai dân tộc Êđê và Mnông ở Đắc Lắc. Đó là một chỉ dẫn nghiêm túc cho công tác sưu tầm vốn cũ trên địa bàn này.

Mặc dù việc sưu tầm, biên dịch và nghiên cứu của nhóm công tác [gồm Ngô Đức Thịnh, Nguyễn Tấn Vịnh và Điểu Kâu - người Mnông, phiên dịch] đang còn dang dở, nhân dịp xuất bản Tổng tập Văn học Việt Nam, *nhóm sưu tầm, biên dịch đã lựa chọn và cho công bố một phần với bạn đọc.*

Phần giới thiệu dưới đây gồm 48 điều. Căn cứ vào nội dung của từng điều, chúng tôi chia ra làm 3 đề mục lớn [I, II, III]. Các đề mục này do chúng tôi đặt. Thứ tự từng điều do chúng tôi sắp xếp. Tên gọi của từng điều do chúng tôi biên tập lại với mục đích làm cho lọn nghĩa, phản ánh đúng nội dung. Thứ tự của câu trong từng điều được dịch từ nguyên ngữ Mnông. Trong khi biên tập, chúng tôi đã lược bớt những từ Hán - Việt đang được sử dụng một cách phổ biến để thay vào đó những từ ngữ dân gian tương ứng.

Hy vọng trong một vài năm tới, luật tục của nhóm Mnông Prâng ở Đắc Nông sẽ được công bố tương đối đầy đủ trên một ấn phẩm song ngữ: Mnông - Việt.

CHU THÁI SƠN VÀ NGÔ ĐỨC THỊNH

I - VỀ QUAN HỆ GÁI TRAI

1 - VỀ TRAI GÁI ĂN NẰM VỚI NHAU RỒI CÓ CHỬA

Con gái và con trai
Con trâu và cỏ non
Con dê và ngọn cây lọ ong [ngũ gia bì]
Con bò gần bụi chuối, ăn chuối.
Con trâu gần bãi cỏ, ăn cỏ
Con cá gần cây ray táp ray [cây lá ăn]
Múc nước đã đầy bầu
Xếp c ủi đã đầy gùi
Dù một lần cũng đã thành
Dù ba lần cũng đã thành
Chửa con gái như chửa trâu
Chửa con gái như chửa thỏ
Chửa con gái ít ai mà biết
Khi đẻ ra nghe khóc oa oa
Bà con, chú bác sững sờ
Chuyện chửa chưa cưới
Xui xẻo xóm làng
Xui xẻo làm voi chạy đi
Xui xẻo làm trâu hung dữ
Xui xẻo làm người già chết
Phải cúng xoá suối nước
Xoá cho nước suối trong
Trong đến nguồn mới hết nước phèn
Cho bụi lúa bụi kê thoáng.

2 - VỀ TỘI CƯỚP CON GÁI LÀM VỢ

Nó dẫn con gái người ta
Nó nhử lợn bằng bã rượu ngọt
Nó dụ dỗ con gái bằng ngải
Nó lấy dây buộc chân con gái
Nó đánh lừa như lừa con ếch
Nó đánh lừa như lừa con cá
Nếu nó muốn ăn củ khoai
Nếu nó muốn có củ để bới
Nếu thật muốn có khoai làm giống
Nếu nó muốn cưới con cậu làm vợ
Nếu nó muốn cưới con bác làm vợ
Sao nó không hỏi người lớn
Sao nó không hỏi chủ nhà
Sao không đến nhà mà hỏi
Chiêng không kêu ta sửa một ngày
Cồng không kêu ta sửa một ngày
Voi còn bướng ta tập một ngày
Tại sao không hỏi bằng lao
Tại sao không hỏi bằng dao
Hỏi như vậy nó đúng đắn hơn
Nó đúng đắn như ta ăn mắng
Kẻ có tội phải cúng lợn cúng ché[1]
Con gái phải cưới luôn
Nếu không cưới phải đền một voi.

---

1. Lễ cúng có rượu đựng trong vò sành (ché) (Chú thích của CTS).

3 - VỀ TỘI CÁM DỖ CON GÁI NGƯỜI TA

Cám dỗ một người con gái
Lừa con gái người ta để làm việc gì
Dẫn con gái người đi bon khác
Hoặc là dẫn để thông dâm ngoại tình
Nếu ưng lấy người đó để làm vợ
Hoặc muốn cưới con cậu con bác
Tại sao không trao chiếc vòng, xâu cườm
Tại sao không đến nhà trao dao
Tại sao không đến nhà trao lao
Tại sao không xuất ché rlung đặt lễ
Tại sao không đến cưới vào buổi sáng
Tại sao không mang gà nướng đến hỏi
Tại sao không mang lợn nướng đến hỏi
Tại sao không mang trâu bò đến cưới
Muốn vợ thì phải hỏi đến cha mẹ
Nó dẫn lén một người con gái
Chắc nó dẫn đi để đem bán
Phải cho biết tội gì phải bán
Nếu con người ta không có tội gì
Nó phải bồi thường bằng của cải
Phải cúng trước bằng lợn và ché
Cúng cho nhà cửa của gia đình
Nếu nó muốn cưới làm vợ
Lễ cưới phải chém con trâu
Của cưới và ché rlung cho đủ
Sống nuôi vợ nuôi con chu đáo

4 - VỀ TRAI GÁI ĂN Ở VỚI NHAU VÀ CÓ CON

Người con trai với người con gái
Như con trâu với bụi cỏ non
Như con dê với tọt lọt ong[1]
Con bò gần bụi chuối thì ăn lá chuối
Con trâu gần bãi cỏ thì phải ăn cỏ
Con cá gần ray thì phải táp lá ray
Măng mới mọc lợn rừng ăn trước
Măng mới mọc con dương ăn trước
Đời con gái con trai yêu trước
Bửa củi đã chặt đầy gùi
Múc nước đã đầy quả bầu
Lỡ cứng miệng như cây cột bờ
Lỡ cứng miệng như cây cột trâu
Dây mây cũng không dám bứt ra
Không dám báo nên đành có con
Gùi lúa sai như bó giữa nhà
Lúa mùa sai cứ bỏ trên sập
Con cháu đẻ cha mẹ phải chịu
Bờ suối đã có phân trâu
Đầu suối đã có phân tê giác
Con cháu làm sai người già lo liệu
Lấy máu lợn phết vào bầu gạo
Lấy máu dê phết vào bầu cháo
Chém trâu bò cúng, xá bon làng
Phải làm lễ cưới cho con.

1. Nõn cây rừng mà loài dê thích ăn (CTST)

5 - VỀ NGƯỜI ĐÀN BÀ CÓ CHỬA TRƯỚC KHI CƯỚI

Rèn cái rìu một ngày hai cái
Rèn lưỡi câu một ngày có ba
Ba chục bẫy muốn dính trăm chuột
Mè rất ngon trong hũ bỏ đi
Mỡ rất ngon trong hũ bỏ đi
Muốn đi tìm những gì hôi hám
Họ mang dao đến nhà không chịu
Họ mang lao đến nhà không chịu
Họ đến cưới ban ngày không chịu
Nếu không vừa ăn mỡ của rùa
Nếu không vừa ăn mỡ ba ba
Người ta đưa dao thì đừng lấy
Người ta trao lược thì đừng lấy
Làm nhục dao nhục lược người ta
Làm ô nhục cho chồng sắp cưới
Chửa với ai đem cưới với mình
Chửa với ai ăn thịt của mình
Con gái đã chửa không được cưới
Phải chịu phạt của một thành hai
Phải chịu phạt tài sản gấp đôi

6 - VỀ NGƯỜI PHỤ NỮ CÓ CHỬA TRƯỚC NÊN BỊ CHỒNG CHÊ

Càng ngăn càng đi
Càng cản càng tới
Thịt ngon trong ché bỏ

Mỡ ngon trong ché bỏ
Đi tìm miếng thịt hôi thiu
Mụt măng mọc, lợn rừng ăn trước
Măng le mọc, con đuông đục trước
Thân con gái, con trai nếm trước
Làm ô uế cho bên nhà chồng
Múc nước múc cả con đỉa
Lửa cháy nhà đổ thừa cho gió
Rẫy không cháy đổ thừa cho mưa
Chửa với ai đem về cho chồng
Giã gạo ai về ăn cơm chồng
Uống rượu ai về say nhà chồng
Phân chồn đem phết bụi gai
Phân sóc đem phết ngọn chanh
Voi ăn tre đem vứt sân nhà
Làm ô nhục cho chồng chưa cưới
Làm ô uế cho dao và lao
Làm ô uế cho voi, voi chạy
Làm ô uế cho trâu, trâu chạy
Làm ô uế cho già, già chê
Làm ô uế cho chồng, chồng phạt, chồng bỏ.

7 - VỀ VIỆC CƯỚP VỢ CHƯA CƯỚI CỦA NGƯỜI TA

Bụi cây đã có tổ ó
Cây gòn gai đã có tổ grắt[1]

1. Grắt: loại chim ăn thịt sống.

Suối nước mạch đã có tép ở
Vòng ngón tay họ đã trao rồi
Vòng đồng chân họ đã trao rồi
Con dao họ đã cắm chân bếp
Chiếc lao họ đã cắm trước cửa
Ché rlung đã cột đầu năm
Họ đã hỏi vò lúc buổi sáng
Một bên trao dao, một bên vòng tai
Một bên trao lao, một bên cườm đỏ
Một bên thịt lợn, một bên cơm nếp
Vợ người ta sao dám yêu
Chồng người ta sao dám giựt
Chuỗi dãy người ta sao dám chặt
Chiếu đã trải sao dám đá
Cướp chồng chưa cưới cướp vợ chưa cưới
Như cướp đuôi tranh nhà cũ
Như cướp một cây mía non
Giành cái ró đè nhau xuống nước'
Giành chiếc dao để đâm lợn rừng
Giành bắt chuột nhà
Cướp vợ chưa cưới của người là có tội.

8 - VỀ VIỆC TRAI GÁI SỐNG VỚI NHAU NHƯ VỢ CHỒNG, CÓ CON RỒI BỎ, ĐỂ LẤY VỢ KHÁC

Vì là cô gái lang thang
Vì là cô gái quá ham chồng
Có người yêu không cho ai biết

Có chồng cũng không cho ai hay
Có cha mẹ cũng không hay
Chân cụt tay cụt đòi leo cây đa
Răng không còn đòi ăn da trâu
Cào không có đòi làm rẫy cũ
Chú bác không hỏi tự nhiên có
Uống rượu bầu cứ tưởng là ché
Thịt gà trống cứ tưởng là thịt lợn
Mặc vỏ cây cứ tưởng mặc áo
Cưới con cậu cứ tưởng giàu có
Lúa sót trong gốc cây tưởng là còn hột
Bẫy trong rừng tưởng đã dính chim
Củ dưới đất tưởng đã to rồi
Ngủ ban đêm tưởng là chồng mình
Sáng thức dậy mới thấy người lạ
Nay chồng bỏ như bỏ chụp cũ
Nay chồng bỏ như bỏ cơm thiu
Nay chồng bỏ như cơm chưa chín
Ai bắt được con chim rling
Ai bắt được con ó ăn gà
Gái ham chồng đành chịu nuôi con
Còn chàng trai để làng xét xử.

II. VỀ HÔN NHÂN

9 - VỀ VIỆC TRẢ ƠN NGƯỜI LÀM MỐI ĐỂ ĐI ĐẾN HÔN NHÂN

Dệt vải phải nhờ thoi
Làm bẫy phải nhờ sợi dây
Chặt tre phải nhờ chà gạt
Phát rừng phải nhờ ngải chóng
Lấy vợ người phải nhờ ngải chuối
Làm mối vợ chồng rất xui
Cần phải trả công thoả đáng
Bên cho dao, bên cho vòng
Bên cho lao, bên cho dây cườm
Bên cho thịt, bên cho xôi nếp
Thịt bên ăn, bên ăn
Rượu bên uống, bên uống
Ché bên nào cũng cho
Sau này sinh con khoẻ mạnh
Sau này sinh con dễ nuôi
Trồng bầu bí cho nó có quả
Vợ chồng làm ăn cho phát đạt
Đừng cho con ma quấy phá
Đừng cho hồn ma quấy phá
Làm ăn được phát đạt
Săn bắn chim thú không bị xui.

10 - VỀ VIỆC ĐÍNH HÔN

Nếu ưng con cậu làm vợ
Nếu ưng con bác làm vợ
Phải hỏi thăm dò trên đường đi rẫy
Phải hỏi thăm dò trên đường đi mới
Phải hỏi thăm dò bà con trong làng
Người ấy đã có ai yêu
Người ấy đã có ai hỏi
Người ấy có bằng lòng không
Có bằng lòng nuốt quả bồ hòn không
Có đẹp mặt như thỏ đeo ngải không
Hỏi kỹ càng mới dám trao vòng
Hỏi kỹ càng mới dám trao cườm
Sau đó mới cưới bằng dao
Sau đó mới cưới bằng lao
Sau đó mới làm thịt gà
Sau đó mới làm thịt lợn
Sau đó mới giết trâu bò
Một bên đưa dao, một bên trao vòng
Một bên đưa lao, một bên trao cườm
Một bên đưa thịt, một bên cơm nếp
Hỏi buổi sáng buổi chiều cưới luôn
Nếu để lâu dài lâu ngày
Nếu để lâu dài tháng năm
Mụt măng tre để lâu lợn ăn
Mụt măng tre để lâu nhộng đục
Đời con gái để lâu không được
Lúc đó lợn thiến tách đàn

Lúc đó con trâu đã bị cọp vồ
Lúc đó lúa chín đã bị khỉ tuốt
Lúc đó hai người mới ngã
Chỉ cần đến một lợn, một ché.

11- VỀ LỄ CƯỚI BÌNH THƯỜNG

Thích cá trắng hay thích cá sọc
Thích cá trầu hay thích cá lóc
Thích con gái như thích mũi con trâu
Thích con lợn thì hỏi người nuôi
Thích con trâu thì hỏi người chăn
Thích con người thì hỏi người nuôi dạy
Lúc đầu hỏi thăm qua loa
Sau đó mới đến nhà hỏi
Nếu mà hấp tấp biết còn hay đã
Sợ lưỡi rìu đã có cán
Sợ ché rlung đã có hèm
Cây rdot đã có chỉ kéo
Nhựa cây kroi đã nhuộm ràng ai
Đêm đến con gà nướng và chén gạo
Hỏi cha mẹ của cô gái
Trao vòng và sâu hạt cườm
Vòng đã đeo hạt cườm đã mang
Mới nướng lợn bưng rượu
Mới trao dao cưới
Mới trao lao cưới
Một cái ché chồng trước

Khi đến ngày cưới
Chém trâu cưới một con
Rượu cưới một ché
Rượu kết vợ chồng một ché
Rượu đãi bà con chú bác một ché
Chúc cho gia đình một cái
Ché kết vợ chồng một cái
Bộ ché lễ cưới sáu cái là rlung
Bên nhà gái nướng một lợn và một ché rượu
Trao cho mẹ chồng cơm nếp và dây hạt cườm
Khi về bên nhà chồng một lợn một rượu
Để giới thiệu nhà cha mẹ cho vợ.

12 - VỀ VIỆC KHÔNG NỘP ĐỦ LỄ CƯỚI

Người nhiều của mới mang gùi lưng
Người nhiều gạo mới nấu rượu rlang
Có rìu chắc mới đốn cây đa
Nếu người ta như gà con tý tẹo
Nếu người như nhẫn đã mòn
Nếu người như gà cụt chân
Nếu người như bê con mất mẹ
Thấy khoai ngon dù rất thèm ăn
Thấy khoai dù rất thèm nhổ
Muốn nhổ khoai đem về làm giống
Nhưng nhìn bên trái chẳng có ai giúp
Nhìn bên phải chẳng có ai giúp
Cái đập nước cũng đã vỡ rồi

Cây chày dựng trong nhà cũng đã ngã rồi
Nhìn lên trời chỉ có mái nhà
Nhìn đầu giường chỉ có vách tre
Làm sao mà đòi lợn to
Làm sao mà đòi rlung quý
Ta chỉ cần làm cho đủ lễ
Một gà con nho nhỏ được rồi
Con lợn nhỏ bằng quả cà được rồi
Con lợn vừa cũng được rồi
Dù nhỏ dù to cũng đã đủ lễ
Phần rpu roh[1] thì bỏ qua
Phần yăng boh[2] thì bỏ qua được
Khăn tế[3] thì bỏ qua được
Chỉ cần một ché cúng ông bà.

13 - VỀ VIỆC LẤY NHAU MÀ KHÔNG BÁO CHO NGƯỜI CHỦ LÀNG BIẾT

Một người đàn ông, một người đàn bà
Hai người ưng thành vợ thành chồng
Cứ tự nhiên, ăn chung ngủ chung
Họ tự nhiên bon làng không biết
Không bàn bạc cũng không lễ hỏi
Lợn không có, ché cũng không
Cơm nếp cũng không, sợi cườm cũng không
Nếu mà cha mẹ không còn

---

1. Của cưới tặng thân nhân.
2. Ché tặng gia đình vợ.
3. Của cải bà con bên vợ xin ăn.

Thì còn có chú bác xa
Thì nhờ bà con dân làng cũng được
Nhà gái một, hai người cũng đủ
Một gà nhỏ bằng quả cà cũng xong
Một lợn thiến bằng con sóc cũng xong
Làm sao có đủ nghi lễ
Để báo cho thần thánh biết rõ
Để cho ma quỷ khỏi quấy phá
Để cho bà con không phải thắc mắc
Nếu không tiến hành lễ cưới
Bon làng chết chóc đổ tội cho nó
Người bị chết bắt nó phải đền
Bon làng phải bắt phạt
Phải kiếm lợn kiếm ché
Cúng cho suối nước và cho dân làng.

14 - VỀ VIỆC HÔN NHÂN NGOÀI GIA PHẢ

Ta phải nối, nhà nó mới dài
Ta phải kéo, cho chỉ nó thẳng
Ta phải kéo, dây diều mới dài
Nếu cưới nhau không cân nhắc
Đọc gia phả chưa thông không được
Con nai xuống đồng có dấu mới theo
Con lợn ủi trùn có dấu mới theo
Con trăn bắt nai có dấu mới theo
Nếu cứ đi mò chân phải giận bùn
Chiếu không trải, nằm giường bị ngứa

Nước không tát, ta tắm nước đục
Cưới nhau không biết gia phả
Có khi cha bên này, mẹ bên kia
Ông bà thuộc dòng họ khác
E rằng trúng con nhà gái
Hoặc trúng con nhà trai
Nếu biết loạn luân để mà cúng xoá
Nếu biết rõ để cúng thần sét
Phạm loạn luân sẽ có gió bão
Gió bão sẽ cuốn buôn làng
Sét sẽ đánh sạch nhà cửa
Như sét đánh chuồng lợn ông Djút
Nếu không đọc được gia phả
Trước khi tiến hành hôn lễ cưới
Phải làm lễ nối gia phả
Gọi là chiêng đọc gia phả
Xưa kia phải chồng một bộ chiêng cho nhà
Bây giờ không theo nổi nữa
Chỉ cần cúng rượu, cúng lợn
Và chồng cho nhà vợ một cái ché
Cho bà con trong xóm biết rõ
Sau này không ai khiếu nại.

15 - VỀ VIỆC CƯỚI NHAU GIỮA NHỮNG NGƯỜI ĐÃ TỪNG CÓ THÙ OÁN

Hồi trước hai bên đã có đánh nhau
Đã có chém giết lẫn nhau
Đã có đốt phá nhà cửa lẫn nhau

Hồi trước đã gặp miệng nhau
Đã đấu tranh với nhau kịch liệt
Đã từng kình nhau kinh khủng
Và đã hoà giải với nhau
Nai với nai đã chém nhau
Cọp và cọp đã cắn nhau
Chim với chim đã đá nhau
Đầu nai đã bắt đền với nhau
Đầu cọp đã bắt đền với nhau
Đầu người đã bắt đền với nhau
Hai bên đã đút nhau ăn thịt
Hai bên đã uống với nhau ché rlung
Hai bên đã có giao kết
Tới nay hai bên là bạn
Bây giờ con lợn lại về bùn
Con trâu đực lại về ao
Ta cưới, ăn với nhau chưa được
Lưỡi dao dài còn ló không
Lưỡi chà gạt còn ló không
Lưỡi gươm còn ló không
Hay là con cháu còn nghi ngờ lẫn nhau
Như chăn giữ con trâu hung
Con cháu sau này chưa an tâm
Trước khi cưới phải
Vợ chồng làm lễ giao kết
Lời giao kết có lợn có rượu
Vợ cúng cho chồng một con lợn ché
Chồng cúng cho vợ một con lợn ché
Cứ như vậy sau này con cháu mới yên ổn.

16 - VỀ VIỆC RƯỚC VỢ VỀ NHÀ CHỒNG

Đánh nhau dễ hơn làm lễ đâm trâu
Làm lễ đâm trâu dễ hơn cưới vợ
Cưới vợ dễ hơn rước vợ về nhà
Người con gái thường giữ nhà ông bà
Người con trai phải ở nhà họ
Đan gùi thật nhiều mới được
Làm ná cho nhiều mới được
Phải lo nợ lo nần mới được
Chỉ có một vài người làm được
Chỉ có vài người rước vợ về nhà
Chỉ vài con mối mới xây dựng được cái tổ
Ai đủ của mới mang gùi rlung
Ai nhiều gạo mới dám nấu rượu rlung
Có rìu bén mới dám chặt cây đa
Có dao bén mới dám cắt dây chày
Nếu mà cụt chân, cụt tay
Đừng có hòng trèo lên cây đa
Nếu bộ răng không còn
Đừng nói chuyện ăn da trâu
Nếu không có cào bén
Đừng nói chuyện làm rẫy cũ
Ché tặng bên vợ phải đủ
Bộ ché chuộc vợ phải đủ
Trâu cưới, trâu chém, trâu kéo.

17 - VỀ VIỆC LẤY VỢ HAI

Dao đã có còn muốn kiếm sắt
Cơm đã có rồi còn muốn kiếm lúa
Voi đã có rồi còn muốn kiếm nữa
Ná có rồi còn muốn gài bẫy
Vợ có rồi còn muốn vợ nữa
Kiếm vợ hai phải đủ điều kiện
Có hai rẫy phải cố gắng vào
Cưới vợ hai phải có rlung
Rlung cho vợ cả một cái
Rlung cho vợ mới một cái
Nhắm rìu bén cứ đẵn cây đa
Nhắm dao bén cứ cắt dây chày
Thịt cưới phải đầy đủ
Ché cưới phải đầy đủ
Cưới vợ cả phải chém trâu
Rước về nhà trâu chém, trâu kéo
Ché tặng bên vợ phải đủ
Của tặng bên vợ phải đủ
Của chuộc vợ phải đủ.

18 - VỀ NGƯỜI LÀM CẢN TRỞ VIỆC HÔN NHÂN CỦA NGƯỜI KHÁC

Ưng con cậu con mợ
Hoặc ưng con bác anh mẹ
Họ đã đồng ý hôn nhau với chó

Họ đã chịu nuốt quả bồ hòn
Đã đẹp mắt như thỏ đeo ngải
Hợp với tai họ mới đeo ngà[1]
Hợp với cổ họ mới đeo cườm
Hợp với đầu họ mới quấn cườm hoa
Thần với thánh đã hợp ý nhau
Khỉ và rùa đã hợp ý nhau
Hai người đã hợp ý nhau
Gửi nuôi lợn tại sao lại cản
Gửi cái ché tại sao lại cản
Vụ cưới này đâu phải loạn luân
Vụ cưới này đâu phải cữ kiêng
Người vợ cưới không phải ma lai[2]
Bò rừng đi tại sao cản đường
Họ cưới nhau nó lại muốn cản
Con cháu cưới nhau nó lại muốn cản
Nó cản lợn mẹ phối đực
Nó làm như con cóc cản đường
Nếu mà con cháu bất bình
Có chuyện không may xảy đến
Con cháu hư nó chịu trách nhiệm
Có chuyện gì xảy ra cho bon làng
Gây chết người hại của phải đền.

---

1. Hoa tai là một thỏi ngà voi (CT).
2. Ma lai: một quan niệm như quan niệm về "ma gà", "ma ngũ hải" "ma cà rồng" ở miền núi Bắc Bộ [CTS].

19. VỀ VIỆC VỢ CHỒNG TÁCH RA Ở RIÊNG

Hồi trước vợ chồng cưới nhau
Bên vợ không đòi hỏi gì
Bên chồng cũng không đòi hỏi
Không cần của cải tài sản
Không ai đòi thịt lợn để ăn
Không ai đòi rượu to để uống
Chỉ cần vợ chồng sống với nhau hạnh phúc
Để nuôi con, nuôi các em và cha mẹ
Nay cha mẹ đã già, làm không nổi
Làm rẫy nhờ rể, giữ nhà đã có già
Nuôi voi phải nhờ cả bon làng
Gốc chuối héo nhờ rể tưới nước
Bụi chuối héo nhờ con rể tưới nước
Hư chì rẫy nhờ con rể sửa
Gẫy cột lều nhờ con rể thay
Gẫy cột nhà nhờ con rể thay
Hết củi chụm nhờ con rể mang
Bây giờ tách hộ ăn riêng
Miễn là nuôi vợ nuôi con cho tốt
Nuôi con rồi phải nuôi các em nữa
Có việc gì khó khăn đừng bỏ nhau
Khi bị lạt muối đừng bỏ nhau
Khi thiếu ăn đừng bỏ nhau
Khi bị cháy nhà đừng bỏ nhau
Khi bị nước trôi đừng bỏ nhau
Khi có nợ nần đừng bỏ nhau.

20 - VỀ LI HÔN

Vợ chồng như đũa bếp và nồi
Nếu nước đã múc lại đổ đi
Khúc củi đã mang cho lại đem về chụm
Vợ chồng cãi nhau không ngủ chung nữa
Vợ dệt vải thì chồng lắc đầu
Chồng đan gùi thì vợ lắc đầu
Giận nhau mãi có ngày cũng thôi
Cãi nhau mãi có ngày cũng hết
Cách li mãi có ngày ngủ chung
Xét thấy vợ chồng không sống chung được nữa
Chừng đó mới tách ở riêng
Đến lâu năm lâu tháng
Hoặc qua thời gian thử thách
Nếu lợn thiến về chuồng
Nếu trâu đực về giậm bùn
Thì có lợn, có rượu hoà hợp vợ chồng
Hai người chung sống với nhau như cũ
Nếu vợ lấy chồng hoặc chồng lấy vợ
Lợn phá vườn bắp mới hư
Chó sủa con chút mới chạy
Ai xúi giục chó sói mới hung
Kiến vàng cắn kỳ đà mới dữ
Ai đã tách vợ chồng người ta
Vợ người ta dám cướp ngang
Chồng người ta dám cướp ngang
Chuối đang chín trong rẫy dám chặt
Kẻ nào gây ra việc này

Phải đền thịt đền rượu lễ cưới
Đồ vật một nó phải trả hai
Của cải một, nó phải trả hai
Chém con trâu làm lễ li hôn
Chồng rlung, bỏ vợ, bỏ chồng
Bộ chiêng để lại cho con.

21 - VỀ VIỆC VỢ CHỒNG ĐÃ CÓ HÔN ƯỚC MÀ BỎ NHAU

Khỉ và rùa đã hợp nhau
Hai người đã đồng ý với nhau
Gà đã nướng rồi
Lợn đã nướng rồi
Trâu bò đã chém rồi
Một bên đã đưa dao một bên đã trao vòng
Một bên đã đưa lao một bên đã trao cườm
Một bên thịt lợn một bên cơm nếp
Chiếc chăn đã kết đuôi công
Chiếc chăn đã kết đuôi chim
Xâu lục lạc để kết đuôi nhím
Dây kăm đã buộc miệng cọp
Nước đã múc nay lại đổ
Củi đã mang, nay không chụm
Vợ chồng không hợp không ngủ chung
Khắc cán lao đã có sáu nấc
Khắc cán dao đã có bẩy nấc
Khắc tên ná đã có một trăm

Nhìn một bên to bằng con dê
Nhìn một bên to bằng cái tô
Nhìn hai bên bằng nhau con mang
Đừng nên lúc này bỏ lúc khác lại nối
Ngủ thức dậy lại ngủ cách khác
Có rượu có lợn giao kết bỏ nhau.

22 - VỀ NGƯỜI VỢ HOẶC CHỒNG PHÁ HÔN ƯỚC ĐỂ LẤY NGƯỜI KHÁC

Múc nước múc cả con đỉa
Đốt rẫy đốt khi trời mưa
Lửa cháy nhà đổ thừa cho gió
Người nhà sai, cha mẹ làm sai
Băm không kỹ rễ cây không nát
Chặt không kỹ rễ cây không đứt
Dọn không kỹ, rẫy mới không sạch
Không hỏi con cháu kỹ càng
Tại muốn ép con cháu bằng ngải
Tại muốn đè con cháu bằng gỗ
Tại đè nó bằng cái trống to
Nếu con cháu đã lỡ cưới rồi
Đã rách hông như con cua
Đã mòn mu như con rùa
Lợn đã nướng rồi, rượu đã uống
Ché và của cải đã lỡ chồng rồi
Bây giờ không ép ăn được
Măng bị đắng sao còn dùng được

Con cháu không ép uổng được
Nếu dùng dao to búa lớn
Hoặc dùng gà trống để bới trên chuồng
Thì con gà chỉ mang tội oan
Con gà rừng bị mắc bẫy oan
Con vượn cái bị ghép tội oan
Bây giờ khỏi phải thắc mắc
Có lợn nhỏ, gà nhỏ làm cho đủ lễ
Thịt rượu, của cải cưới, phải trả.

23 - VỀ LÝ DO ĐỂ NGƯỜI VỢ LẤY CHỒNG KHÁC

Chồng đi làm xa vợ ở nhà lấy chồng khác
Tức là vợ cố ý bỏ chồng
Chồng mới cố ý cướp vợ người khác
Hai vợ chồng mới đều có tội
Túi người ta để ở nhà lấy mang
Xâu nanh chó của người ta lấy đeo
Lấy chiếc khăn của người khác quấn đầu
Người ta để vợ ở nhà cướp luôn
Cướp ngang như cướp đuôi cá
Cướp ngang như cướp đuôi diều
Cướp ngang như cướp chăn đắp
Người vợ trai lơ cố tình bỏ chồng
Dao đã có rồi lại đi tìm sắt
Cơm đã có rồi lại đi tìm lúa
Cá đã có rồi lại đi tìm nữa .
Đàn bà đã có chồng lại đi tìm chồng nữa

Nếu chồng đi xa bị bệnh
Bị đau, bị ốm, bị thương
Hoặc chết thì đền một voi
Nếu chồng vô sự bình an
Khi chồng về đến nhà
Bắt phạt hai vợ chồng mới
Bắt họ phải đền bằng trâu, bằng ché
Bắt họ phải cúng bằng lợn, bằng ché
Thịt cưới trước phải trả
Rượu cưới trước phải trả
Ché cưới trước phải trả
Của một đền hai
Trâu chém rlung chồng
Vợ chồng cũ ở hoặc bỏ cũng được
Chồng mới không được khiếu nại

24 - VỀ VIỆC CƯỚP VỢ, CƯỚP CHỒNG NGƯỜI KHÁC

Vợ chồng người khác làm sao mà yêu
Vợ chồng người khác làm sao mà cướp
Buồng chuối chín trong rẫy dám chặt
Người ta đã bỏ túi, ta mới lấy mang
Người ta đã bỏ xâu nanh, ta mới lấy đeo
Người ta đã bỏ khăn ta mới lấy cuốn
Người ta bỏ vợ ngoài rừng hãy lấy
Con dao không bén nãy, hãy đi tìm sắt
Hạt kê bị lép hãy đi tìm lúa
Cái ná không chuẩn hãy đi làm bẫy

Một bên dao một bên vòng chì
Một bên lao, một bên xâu cườm
Một bên thịt lợn, một bên cơm nếp
Vòng đồng không đeo, mang trả cho đủ
Xâu cườm không đeo, mang trả cho mẹ
Khăn không dùng mang trả cho cha
Bắt gà đem cúng cho gốc đồng
Bắt gà tím cúng nêu, chém trâu
Bắt gà trống, cúng nơi gốc bạc
Như vậy mới là hoàn toàn
Mới an toàn như rổ xúc cá
Như vậy bụi kê mới thoáng
Như vậy bụi lúa mới thoáng
Vợ với chồng không còn dính líu.
Chồng và vợ không còn dính líu.

25 - VỀ NGƯỜI CÓ VỢ [HOẶC CHỒNG] ĐI VẮNG, Ở NHÀ LẤY NGƯỜI KHÁC

Vợ và chồng như đũa bếp với nồi
Không xa nhau một nháy mắt
Không rời nhau một vạc giường
Thịt chim nhỏ vợ chồng có nhau
Ăn chim rách vợ chồng cùng ăn
Ngủ không được vợ chồng vỗ nhau
Khi chết phải thương tiếc nhau
Khi mất tích phải đi tìm nhau
Hàng rào vỡ phải sửa cho vững

Phải quấn nhau như gai ngọn tre
Lông chim công ta phải uốn thẳng
Chó vừa mất bắt chim về nuôi
Ná vừa mất bắt nai về nuôi
Ché vừa bể kiếm rượu khác uống
Vợ chồng mất kiếm ngay người khác
Bầu cơm mất, đã tìm ngay chưa
Cái muỗng mất, đã tìm ngay chưa
Con trâu mất, tìm đến bãi cỏ chưa
Con dê mất, tìm đến bãi lọt ong chưa
Năm chưa qua, tháng chưa đủ
Họ để túi ở nhà lấy mang
Họ để xâu nanh ở nhà, dám đeo
Họ để khăn ở nhà dám quấn
Họ để vợ, để chồng ở nhà dám cướp
Cướp vợ, cướp chồng là có tội lớn

26 - VỀ NGƯỜI CHỒNG PHÁ HÔN ƯỚC ĐI LẤY VỢ KHÁC

Thế là bôi nhọ tình yêu
Múc nước múc cả con đỉa
Đốt rẫy đốt lúc trời mưa
Lửa cháy nhà đổ thừa cho gió
Sai người nhà, sai tại mẹ cha
Băm không kĩ, rễ cây không nát
Chặt không kĩ, rễ cây không đứt
Dọn không kĩ, rẫy mới không sạch

Con cháu mình không hỏi cho kĩ
Muốn ép nó bằng bùa bằng ngải
Muốn đè nó bằng gốc cây to
Muốn đè nó bằng cái trống to
Con cháu đã lỡ cưới rồi
Đã lỡ hư hỏng như cua
Đã lỡ hư như rùa
Lợn đã lỡ nướng, rượu đã uống
Gạo đã múc, cơm nếp đã nấu
Bây giờ làm sao ép được
Cháo đã chua làm sao ép ăn
Măng đã chua làm sao ép nấu
Bây giờ không ép con cháu nữa
Lợn đã nướng ăn rồi thì bỏ
Rượu đã bưng uống rồi thì bỏ
Ché đã chồng rồi thì bỏ
Bên gái đâu phải tiếc con
Có em gái sẵn sàng gả thôi
Lúa trong gùi nó đã nhận rồi
Lúa trong bồ nó đã nhận rồi
Trâu trong chuồng nó đã nhận rồi
Phải có thịt to rượu to làm tiệc cúng
Chỉ cần trả cho vợ một ché.

27 - VỀ NGƯỜI CON GÁI DÁM CƯỚP CHỒNG CHỊ, CHỒNG EM

Đàn lợn một mẹ đi đạp chân nhau
Đàn trâu một mẹ đi đạp chân nhau

Thắt với nhau như đan rớ
Thắt với nhau như đan chài
Thắt với nhau như se đay gai
Gà đá nhau trong một giỏ
Trâu báng nhau trong một chuồng
Người ghen nhau trong một nhà
Cán cuốc muốn to hơn cán rìu
Suối Dak Glung muốn to hơn Dak Tol
Núi Nậm Nung muốn cao hơn Nậm Njang
Me không ngọn mới tìm đến bầu
Rượu không ngọt mới tìm dong me[1]
Gạo không trắng mới tìm cối khác
Khâng không quay mới tìm rdet[2]
Miễn là đủ rìu đủ cán
Miễn là đủ lúa, đủ bồ
Miễn là đủ cả hạt giẻ
Đàn trâu chồng phải có đầy đủ
Bộ ché chồng phải có đầy đủ
Của cải tặng phải có đầy đủ
Vậy mới được rèn rìu hai cái
Vậy mới được lưỡi câu ba cái
Ba chục bẫy mới dính trăm chuột.

28 - VỀ NGƯỜI ĐÀN BÀ GOÁ TÁI GIÁ

Nếu năm chưa đầy
Nếu tháng chưa đủ

---

1. *Dong me*: cây làm men rượu.
2. *Rdet*: dụng cụ cán bông.

Mồ chưa khô, mái nhà chưa rách
Nước mũi chưa cạn
Nước mắt chưa khô
Đi lững thững như bước chân treo
Như gấu ăn ong chỉ xé bằng răng
Đàn bà goá lấy chồng trái luật
Đàn bà goá mối tình trái phép
Múc nước uống, múc cả con đỉa
Thả đàn trâu, thả chung với cọp
Nhà bị cháy trong cơn gió to
Làm ô uế mồ mả của chồng
Đền ba ché một lợn là đủ
Nếu năm đã đầy, tháng đã đủ
Lễ bỏ mồ mả, một ché một rượu
Tẩy xoá bản thân, tẩy xoá các con
Để gốc bắp, bụi lúa khỏi vướng
Để cho rẫy bắp rẫy lúa thoáng cỏ
Sau này sinh con nuôi được
Sau này nuôi trâu sinh sản
Sau này gia đình hạnh phúc
Trồng bầu cho nó mọc tốt
Một ché một rượu làm tiệc cho các con.

29 - VỀ NGƯỜI ĐÀN BÀ BỊ CHỒNG BỎ RỒI LẤY NÔ LỆ

Bị chồng bỏ như nrut đã rách
Bị chồng bỏ như đổ cơm thiu
Bị chồng nhả như cơm chưa chín

Bầu cơm đã mất phải tìm bầu khác
Cái muỗng đã mất phải tìm muỗng khác
Con trâu đã mất phải tìm cỏ non
Tìm một người có cha có mẹ
Tìm cây đặc ở đâu mà có
Tìm cái cối gỗ quý đâu nổi
Cho nên mới lấy nô lệ
Chim sên kêu thuận trước nghịch sau
Chim rlang kêu thuận trước nghịch sau
Nên ngơ ngác tìm rừng phát rẫy
Nên ngơ ngác tìm tranh đã đào
Nên ngơ ngác tìm bùn để giậm
Nên ngơ ngác tìm ao xúc cá
Tuổi đã cao bắp đùi đã móp
Con đã lớn bằng mẹ đã già
Làm sao hái lá djrễ
Làm sao hái lá răng
Làm sao tìm ra người tốt
Nhìn bên trái chẳng thấy
Nhìn bên phải chẳng có
Nước đã đắp cũng đã bị vỡ
Cái chày dựng trong nhà đã ngã
Miễn có người để nuôi thân già.

III - VỀ CÁC TỘI GIAN DÂM

30 - VỀ TỘI HÃM HIẾP PHỤ NỮ

Có vừa mũi mới hôn nhau với chó
Có vừa cổ mới nuốt quả bồ hòn
Có đẹp mắt thỏ mới đeo ngải
Vừa ý thần, vừa ý thánh
Vừa ý khỉ, vừa ý rùa
Vừa ý họ mới vừa ý mình
Vừa tai họ tai mình thì đeo
Vừa cổ họ, cổ mình đeo cườm
Vừa đầu họ đầu mình quấn ntêng[1]
Ỉa không ra đừng móc bằng que
Khâng[2] không chạy đừng có bôi dầu
Tình không ưng chớ nên ép buộc
Ỷ chụp lớn cứ chụp
Ỷ gáo to cứ tát
Ỷ bàn chân to cứ đè
Bắt cóc đè lén
Đè người dễ thông dâm
Tội váy nợ khố
Bảy dik không đủ
Tám dik[3] không xong.

---

1. Chuỗi hạt cườm để quấn đầu của đàn ông [vật trang sức].
2. Dụng cụ kéo sợi.
3. *Dik*: nô lệ.

31 - VỀ TỘI HÃM HIẾP TRẺ EM

Đầu đã già, tóc đã bạc
Gò má đã lõm
Hàm răng đã rụng
Làm sao cảm tình mới trẻ
Sống đời bậy bạ
Sống không giá trị
Đi đường quanh quẹo
Thổi nhạc rlet dàn áp con
Ngủ với mẹ vợ còn dàn xếp
Ngủ với chị vợ còn dàn xếp
Tội loạn luân còn dàn xếp [để] xoá
Hãm hiếp trẻ em xoá không sạch
Thông dâm với con thế nào xoá
Thông dâm với cháu thế nào xoá
Loạn luân sụp hết đất đai
Cưới qua lại chỉ sụp hai hộ
Đan gùi sai chỉ tội một người
Hãm hiếp trẻ em là mẹ tội lớn
Trả bằng trâu chưa khớp
Trả bằng ché chưa đúng
Trả bản thân chưa xong.

32 - VỀ HÀNH VI HIẾP DÂM NGƯỜI CON GÁI ĐANG NGỦ

Ăn cắp muối có thể xử được
Ăn cắp lúa có thể bàn được

Ăn cắp vật gì cũng có thể ghép tội
Đối với chị em nên chuyện trò vui vẻ
Đối với mẹ cha cần khiêm tốn
Muốn kết bạn phải có thịt nướng
Muốn được cô gái phải hỏi bằng miệng
Lén hiếp dâm đàn bà là có tội
Cần muối ăn sao không nói ra
Cần lúa ăn sao không xin
Cần thuốc hút sao không đến nhà
Chắc nó muốn phá đời người ta
Chắc nó muốn phá đời con gái
Làm cho cô gái bị chê cười
Cô gái sẽ bị chê khắp mọi nơi
Tiếng xấu đâu đâu cũng nghe
Từ ngoài đường cho đến trong phòng
Biết đi đâu để khuất bộ mặt
Ở trong phòng nhìn vách cũng xấu
Đi chăn trâu xấu với bãi cỏ
Tối đi ngủ xem chiếu cũng xấu
Quả bầu bẩn bắt nó phải rửa
Quần áo dơ bắt nó giặt sạch
Bắt nó tắm cho hết ghét.

33 - VỀ TỘI THÔNG DÂM NGOẠI TÌNH

Cứ hẹn nhau ngoài rừng ngoài rừng
Cứ thỏ thẻ vào giữa đêm tối
Cứ lén lút ngủ chung với nhau

Có khi ngủ tại nhà người khác
Có khi ngủ tại chòi rẫy người khác
Mang cứt chồn đổ vào đống lúa
Đem cứt sóc phết vào ngọn tranh
Voi ăn lá tre lại vứt sân nhà
Đem chuyện xấu phết vào người khác
Đem tơ nhện giăng nhà người khác
Đem nước ruộng nhổ nhà người khác
Phết vào voi thì voi chạy
Phết vào chuồng trâu thì trâu hung dữ
Phết vào người già người già chết
Phết vào nhà bị chồn ăn gà
Phết vào nhà bị ó ăn gà
Phết bãi cỏ đàn trâu chết dịch
Phết vào sừng tê giác húc người
Phết vào rừng con cọp cắn người
Phết vào rừng con rắn cắn người
Phải bắt họ cúng lợn cúng ché
Phải cúng xoá cây nêu cúng thần
Có như vậy gia đình mới sạch
Làm như vậy thần lúa mới vui
Phải quét sạch những lá cây mục
Phải quét sạch những lá cây khô
Có ai đau bệnh không còn đổ lỗi
Có chuyện gì không ai đổ tội.

34 - VỀ VIỆC BẮT ĐƯỢC QUẢ TANG NGƯỜI VỢ HOẶC CHỒNG NGOẠI TÌNH

Đầu đã gội bằng bồ kết đã thấy rõ ràng
Bàn chân nó đạp dấu còn đó
Ăn dưa gang đã thấy trước mắt
Hai đầu kề nhau rõ ràng
Bốn chân kề nhau rõ ràng
Nó lấy ớt cay bôi vào mắt mình
Nó lấy gừng cay bôi vào mắt mình
Nó lấy muối mặn bôi rát mắt mình
Dẫu nó chạy chốn đến đâu
Cái lược chải đầu của nó còn đó
Dấu chân nó đạp vẫn còn đó
Nó đầu độc mình bằng cây thuốc
Nó không đành đâm ta bằng dao
Nó thuốc ếch để giết lén
Nó thuốc cá để đánh lén
Nó ngoại tình để giết khéo mình
Nó mượn dao người khác để giết mình
Nó mượn lao người khác để giết mình
Nó mượn rìu người khác để chặt mình
Mượn cồng người khác để đánh mình
Làm cho mình buồn rầu khổ sở
Làm cho mình buồn rầu chết rũ
Phải có rượu và lợn để cúng
Cho mình hết buồn khỏi giận.

35 - VỀ VIỆC NGOẠI TÌNH GIỮA HAI NGƯỜI ĐÃ CÓ VỢ, CÓ CHỒNG

Dao có rồi lại đi kiếm sắt
Cơm có rồi lại đi kiếm lúa
Cá có rồi lại đi bắt nữa
Vợ có rồi lại đi ngoại tình
Chồng có rồi lại đi ngoại tình
Vợ lén chồng, chồng ốm chết ngay
Chồng lén vợ, vợ ốm chết ngay
Cha mẹ lén con, các con gầy ốm
Hợp với tai, mới đeo ngà
Hợp với cổ, mới đeo sâu cườm
Hợp với đầu mới quấn cườm hoa
Thần và thánh đã hợp lại rồi
Khỉ và rùa đã hợp nhau rồi
Hai người đã hợp ý nhau
Đã bằng lòng mới nhận nuôi lợn
Đã bằng lòng mới nhận nuôi trâu
Đã bằng lòng mới nhận ché cưới
Đã bằng lòng mới cưới nhau
Tại sao lại lén lút ngoại tình
Vợ lén chồng, người vợ có tội
Chồng lén vợ người chồng có tội
Cha mẹ lén con cha mẹ có tội
Phải lấy máu lợn phết vào bầu gạo
Phải lấy máu dê phết vào bầu cháo
Phải chém trâu bò ngay tại sân

Phải cúng cho trâu sáng sủa
Phải cúng cho tóc mọc dài
Cúng nơi cổ cho hết nghẹn ngào
Một bên lợn ché, cúng chồng cúng con
Phải trả thêm của phạt
Rồi nuôi vợ nuôi con như cũ
Rồi nuôi chồng nuôi con như cũ.

36 - VỀ NGƯỜI ĐÀN BÀ CÓ CHỬA VỚI CHỒNG NGƯỜI TA

Thấy con nhà người ta đẹp cứ thương
Thấy chồng người ta đẹp cứ theo
Chuối rẫy người ta, lấy trồng rẫy mình
Mía rẫy người ta nhổ trồng rẫy mình
Chuối ngoài rẫy cũ đang mọc nhiều
Mía ngoài rẫy cũ đang mọc nhiều
Dao có rồi còn kiếm thêm sắt
Cơm có nhiều còn kiếm thêm lúa
Ná có rồi còn đi làm bẫy
Thịt đã có trong ché không ăn
Mỡ đã có trong ché không ăn
Lại đi kiếm những gì hôi thối
Bửa củi đa đã đầy một gùi
Múc nước cơm đã đầy một gùi
Đã mang thai như chửa con trâu
Đã mang thai như chửa con thỏ
Làm bổ hở con chuột mới vào

Làm sạp không kỹ mới bị sụp
Sai thổi kèn mới bị gài lưỡi
Cố làm tình bị phạt cũng đáng
Vợ của người khác cứ yêu
Chồng của người khác cứ giựt
Chuối chín rẫy người cứ chặt
Chiếu đang trải cứ đạp tung ra.

37 - VỀ TỘI PHÁ THAI KHI CHỬA HOANG

Nướng rắn hơ khói bay lên trời
Nướng rắn mẹ khói bay lên trời
Bắn cá mẹ khuấy đục nước suối
Bắn con công quấy về bon làng
Nó phá thai làm nhớp bon làng
Phải bắt nó xoá suối nước
Phải xoá cho suối nước trong
Trong đến nguồn mới hết nước phèn
Nếu không tẩy xoá
Tre khô rơi phải đổ cho nó
Tre non héo phải đổ cho nó
Đuôi công rơi phải đổ cho nó
Nó làm sai gây nên ô nhiễm
Tại vì nó phá thai chửa hoang
Trồng dưa, dưa héo
Trồng bắp bị hạn khô
Trồng thuốc bị nắng không lên

Ché ntổ của Bữr blang bị vỡ[1]

Ché rlung cũng bị vỡ

Con lợn thiến đầu đàn bị vỡ

Con gái đầu còn trẻ bị chết

Đầu nai phải đưa cho nó

Đầu cọp phải đưa cho nó

Đầu người phải đưa cho nó.

38 - VỀ MỘT NGƯỜI ĐANG CÓ VỢ LẠI CÓ CON VỚI NGƯỜI KHÁC

Rèn cái rìu một ngày hai cái

Rèn lưỡi câu một ngày ba cái

Ba chục bẫy bắt được trăm chuột

Dao đã có lại muốn tìm sắt

Cơm có rồi đi kiếm lúa nữa

Né có rồi lại đi làm bẫy

Vợ có rồi đi yêu vợ khác

Làm bôi nhọ cho vợ cho con

Bôi nhọ voi, voi chạy vào rừng

Bôi nhọ trâu, trâu thành hung dữ

Bôi nhọ người già người già chết

Bôi nhọ vợ con thì gầy

Bôi nhọ chồng con thì gầy

Thần và thánh trước đã đồng ý

Rùa và khỉ đã được đồng ý

1. *Bữr blang*: Tên người đã mua ché ntổ, ý nói ché xưa.

Hai người đã đồng ý với nhau
Người già mới làm lễ cưới cho
Nay cán dao to hơn cán rìu
Suối Dak Glung to hơn Dakjơl
Núi nậm Brah to hơn nậm Veng
Vợ mới phải cúng cho vợ cũ
Cúng một lợn một ché
Cho vợ con hết giận nguội hờn
Chung nô lệ vừa một ché rlung
Nếu bỏ luôn vợ con cũ
Thì thêm thịt to, rượu lớn ly hôn.

39 - VỀ NGƯỜI ĐÀN BÀ GOÁ PHẠM TỘI NGOẠI TÌNH

Chồng chết để tang ba năm
Ba năm không được trang sức
Ba năm không được nói chuyện mới trai
Ba năm không được yêu ai
Ba năm lo nuôi dạy con
Sau ba năm tắm rửa gội đầu
Sau ba năm xoá tẩy vịt chó[1]
Làm lễ ly hôn với hồn của chồng
Làm lễ xong mới được lấy chồng
Nếu tháng chưa đầy năm chưa qua
Đất mồ chưa khô, nước mắt chưa ráo
Ngoại tình đi ngủ giường người khác
Hồn ma của chồng quấy phá

---

1. Thịt vịt và thịt chó giết để cúng thần với nghi thức tẩy rửa quá khứ tang tóc, kiêng cữ (CTS).

Hồn ma nguyền rủa gia đình
Làm cho khô cổ cứng lưỡi
Nuôi dạy con cái không được
Kiếm ăn làm rẫy không được
Nếu lấy chồng trước ba năm
Là xúc phạm mồ của chồng
Là xúc phạm cho hồn của chồng
Là xúc phạm cho con cái mình
Phải có lợn có ché
Cúng cho con và cha mẹ chồng
Thịt to rượu lớn làm tiệc cúng
Trả ché an ủi mẹ chồng
Sau đó tắm rửa gội đầu
Vịt chó tẩy xoá
Xong rồi mới làm lễ cưới.

40 - VỀ TỘI VU KHỐNG VIỆC NGOẠI TÌNH

Vợ và chồng như đũa bếp và nồi
Vợ nghi chồng phải rõ ràng
Chồng nghi vợ phải rõ ràng
Thấy họ hẹn hò nhau ngoài rừng
Thấy họ hẹn hò nhau ngoài bụi
Hoặc nghe họ thì thầm nửa đêm
Hoặc là đã bắt được hai lần
Hoặc đã bắt được bốn chân
Hai người đã tặng nhau vật gì
Tại gốc khoai phải chỉ lá
Bụi lúa phải chỉ cọng rạ
Chặt cây phải chỉ cành

Nếu không biết rõ ràng
Con cá trầu đến nguồn suối hết đường đi
Con cá trầu đi đến đâu cũng cụt ngõ
Con cá trắng đi đến thác cũng bí đường
Vu khống người ta vô cớ
Nghi với vợ người ta thì chồng người ta phạt
Nghi với chồng người ta thì vợ người ta phạt
Nghi con trai con gái chưa vợ chưa chồng
Thì cha mẹ họ sẽ đòi phạt
Phải có heo có rượu có ché.

41 - VỀ TỘI MẮC LOẠN LUÂN VỚI MỘT NGƯỜI BÀ CON GẦN

Bò phối chị, con người không theo
Trâu phối mẹ, con người không theo
Dê phối con, con người không theo
Có thời Bông-Rong[1] chị em lấy nhau
Có thời Lô - Lâu[2] chị em lấy nhau
Đã có trận bão to gió lớn
Đã có lần mặt đất bị sụp
Đã có lần bầu trời sa xuống
Nrĩ Nrẽ[3] đào từ lòng đất
BlôR - Mpa[4] bới từ lòng đất
Làm cho lòng đất bị sụp
Thời Djút Băng[5] chị em lấy nhau

---

1 - 5. Các nhân vật trong truyền thuyết và cổ tích. Về các nhân vật: Bông và Rong xin xem "Chàng Tiăng" - sử thi Mnông được giới thiệu trong *Tổng tập* này (CTS).

Sét đánh máng lợn ông Djũt
Các bụi cây bụi tre cháy sạch
Sét đánh nhà dài bọn Djũt
Của cải, tài sản, lúa gạo bị cháy
Ba con lợn, sáu con dê đi cúng mẹ trời
Ba lợn, sáu dê cúng thần Nrĩ, Nrẽ
Ba con lợn, sáu con dê đi cúng thần sét
Giết bò chém trâu cúng mẹ đất
Người lấy chị, lấy mẹ, lấy con, là cũ
Phải cúng xoá bằng lợn chó, vịt dê
Nếu lễ cũng không đầy đủ
Trong làng có tai hoạ phải chịu đền
Cũng xoá xong rồi không được cưới
Nếu muốn cưới thì ở riêng ngoài rừng
Không được quan hệ với bọn làng
Không được qua đường suối đường rẫy.

42 - VỀ NGƯỜI CHỦ NHÀ THÔNG DÂM VỚI NÔ LỆ

Nô lệ như con cháu của mình
Như kẻ mồ côi ta phải thương
Người để gọi cha gọi mẹ không
Chính chúng ta là cha là mẹ
Đời của nó chỉ nương tựa vào ta
Ta nuôi cho ăn cho mặc
Ta chăm sóc cho nó đàng hoàng
Nếu nuôi lợn đem cưa cái nanh
Nếu nuôi trâu đem cưa cái sừng

Nếu nuôi để cho cọp ăn
Nuôi con cháu ta cư xử sai trái
Ai còn gọi là lúa có hạt
Họ cho mình là hạt lúa lép
Họ cho mình là canh bị thiu
Thông dâm với nô lệ tức là với con
Dân làng sẽ phạt cúng xoá
Vịt, dê, lợn, chó tẩy uế
Phải cúng xoá cho sạch hết loạn luân
Phải cúng xoá cơn rét cho tạnh
Phải chém bò cúng cho đất đai
Nếu mà cúng không đủ lễ
Họ sẽ bắt ép thu tài sản
Xảy ra đau ốm chết người phải đền
Một người bị chết một voi
Nếu mà bị sét đánh
Hư rẫy, hư chòi, cháy làng
Phải trả nợ suốt đời không hết.

43 - VỀ VIỆC NGƯỜI CHỦ NGỦ VỚI NÔ LỆ GÁI CỦA MÌNH

Danh đang lừng như ná để săn
Ngồi ở nhà tiếng vang như ếch
Danh của ta đang vang lừng khắp nơi;
Người ta sống đẹp, sao mình lại quấy
Người ta sống đẹp, sao mình có tiếng
Người ta nghĩ đúng sao mình nghĩ sai

Người ta sống đẹp mình đi tìm tội
Cậu chồn sẽ cười từ ngọn cây rtok[1]
Cậu sóc sẽ cười từ ngọn cây ya[2]
Chú bác cười khi làm cỏ rẫy
Phượng hoàng cười khi ăn cây đa
Tất cả mọi người đều khinh bỉ
Ngủ với nô lệ sờ đích con mình
Tức là tìm tội lỗi để mang
Chim sêr đã kêu tốt rồi lại kêu ngược[3]
Chim rlang đã kêu tốt rồi lại kêu ngược[4]
Sêr kêu bên trái tát ta nó đuổi
Sêr kêu bên phải con ó nó đuổi
Miếng thịt ngon trong ché bỏ đi
Miếng mỡ ngon trong ché bỏ đi
Bỏ để tìm những gì hôi hám
Nướng con rắn khói bay lên trời
Ta phải tát cho nước trong lại.

44 - VỀ NGƯỜI ĐÀN ÔNG THÔNG DÂM VỚI NÔ LỆ CỦA MÌNH

Cây cột loại chính là gốc
Cọc cột trâu nhờ dây play si[5]
Ai cũng kính, ai cũng nể
Bon nào cũng biết danh

---

1. Giống cây cao, con sóc thích ăn loại quả này.
2. Loại cây dây leo.
3, 4. Chim báo tin.
5. *Play si*: loại cây dây leo.

Con lớn nối nghiệp cha mẹ
Lợn thiến giữ chuồng
Trâu đực giữ chuồng
Con lớn giữ nhà
Nô lệ ta nuôi thành chị ruột
Nô lệ ta nuôi thành em ruột
Nếu dẫn vào rừng
Nếu dẫn vào bụi
Nếu gọi dậy giữa đêm
Để làm tình làm yêu
Thông dâm với nô lệ là cữ
Làm ô nhục cho bàn thờ ông bà
Làm ô nhục cho bầu cơm, bầu canh[1]
Làm cho xui xẻo, làm ăn không nên
Mang tội đau bệnh chết
Cưới nô lệ của mình là cữ.

45 - VỀ KẺ NGOẠI TÌNH VỚI NÔ LỆ CỦA NGƯỜI KHÁC

Đã dám bắn con hươu lẻ đàn
Đã dám bắn con mang lẻ đàn
Đã dám bắn con chim rách trăng
Đã dám bắn một con chim mèo
Đã dám ngủ với người nô lệ
Đã vừa ý hôn nhau với chó
Đã vừa cố nuốt quả bồ hòn
Đã đẹp mắt con thỏ đeo ngài

1. Vỏ trái bầu được dùng làm đồ đựng thức ăn (CTS).

Phải đem dao cấm nơi bếp lửa
Phải mang dao cấm trước cửa nhà
Phải mang rlung cột trên đầu giường
Một bên dao, một bên vòng tai
Một bên lao, một bên cườm đỏ
Một bên thịt lợn, một bên cơm nếp
Nếu làm cỏ không đến bụi tre
Ai tuần tra không đến bãi chông
Mở cửa vào không đến nơi vợ
Múc nước đã lỡ đầy bầu
Bổ củi đã lỡ đầy gùi
Chủ phải chịu dính bẫy
Chủ phải chịu mắc bẫy
Chủ phải mang tội thay
Nếu không cưới, phải giao nô lệ, trả của cho chủ.

46 - VỀ NHỮNG KẺ NGOẠI TÌNH Ở TRONG NHÀ NGƯỜI KHÁC

Phải bắt được quả tang
Phải thấy rõ hai đầu bốn chân
Phải thấy hai người đang nằm chung
Hai người nằm chung trên một chiếc chăn
Hai người đắp chung một chăn
Chủ nhà phải khắc dấu làm hiệu
Người đàn bà không chối cãi được nữa
Người đàn ông không chối cãi được nữa
Họ nhận lời là đã lỡ lầm

Họ nhận là đã có vi phạm
Họ phải tự nhận một túi để mang
Họ tự nhận nanh chó để đeo
Họ phải tự nhận tội để đền
Những tội lỗi và những lỡ lầm
Lấy ớt cay bôi mắt chủ nhà
Lấy gừng cay bôi mắt chủ nhà
Lấy muối mặn bôi mắt chủ nhà
Nhà của chủ mới làm
Rượu vừa nấu chưa cúng nhà kịp
Vì nhà mới nên phải kiêng cữ
Trong nhà còn có đầu vịt đầu dê
Làm như vậy là xúc phạm gia đình
Nó mang đến mọi sự xui xẻo
Phải cúng bằng lợn bằng ché
Cúng cây nêu và kho lúa
Cúng cả nhà cửa và người.

47 - VỀ TỘI THÔNG DÂM TRONG NHÀ CỦA NGƯỜI KHÁC

Con lợn điếc còn biết đến chuồng
Con trâu điếc còn biết đến chuồng
Con voi điếc còn biết đến cọc
Con chim nhỏ còn biết đến tổ của nó
Con lợn rừng còn biết ổ của nó
Con người tại sao làm bậy cứ phơi bày cho mọi người thấy
Cứ phơi bày trên khắp mọi nhà

Cứ phơi bày tại khắp ché rượu
Cứ đắp chăn ngủ giường nhà khác
Nhà người ta mới làm mái tranh chưa khô
Nhà người ta có thần lúa và thần ông bà
Người ta phạt vạ là đúng
Người ta thu của cải tài sản là đúng
Người ta thu tài sản cũng được
Liệu có đủ của cải đền không
Người ta bắt đem bán cũng được
Cho nó trở thành đầy tớ nô lệ
Phải trả nợ suốt đời không xong
Người ta sẽ nói khắp mọi nhà
Người ta sẽ khinh bỉ tồi tệ
Người ta sẽ chê trên khắp đường suối
Người ta sẽ nói trên khắp đường rẫy
Nếu thông dâm trong nhà người ta
Làm dơ bẩn khắp nhà
Phải cúng lễ bằng lợn bằng ché
Để tẩy xoá những điều xui xẻo

48 - VỀ MỘT NGƯỜI MẮC TỘI LOẠN LUÂN ĐẾN MỘT NHÀ NGƯỜI KHÁC

Người đang mang tội loạn luân
Chưa cúng tẩy xoá đến nhà người khác
Hoặc là đến ở bon khác
Vì nặng tội nên kiếm chỗ dựa
Vì nặng tội nên tìm chỗ nấp

Vì nặng tội nên tìm người giúp đỡ
Tội loạn luân chưa cúng tẩy
Như kéo dây gai đâm chân người ta
Kéo dây mây đâm tay người ta
Đem nước tro đổ lên giường người
Đem nước muối đổ lên giường người
Nó kéo loạn luân đến
Đổ vào bon vào nhà người ta
Xảy ra ốm đau hoặc bị sét đánh
Gạo đã vỡ cả gùi
Cơm đã vỡ cả rổ
Con lợn chết tại máng ăn
Cái ché to đã vỡ
Con người đã chết
Cơn mưa sắp đến bảo nó xoá
Cơn dông sắp đến bảo nó xoá
Bầu trời sụp bảo nó cúng dê
Mặt đất bảo nó cúng bò
Bảo nó xoá nước suối cho trong
Bảo nó xoá bầu trời cho trong.

DÂN TỘC Ê-ĐÊ

ĐAM SĂN

Khan Đam Săn: trường ca Đam Săn, là thể loại văn học sử: khan - lần đầu tiên xuất hiện trên văn đàn Việt Nam qua bản dịch của Đào Tử Chí (Tạp chí Văn nghệ số 1 - 1957). Từ đấy, khan Đam Săn được nhiều người biết đến. Nó nổi lên vị trí đặc biệt trong nền văn học dân gian Tây Nguyên như tuyệt tác điển hình. Và nó đã bổ sung một lỗ hổng về thể loại sử thi trong nền văn học cổ truyền Việt Nam.

Vào khoảng những năm 1923 - 1924, lần đầu tiên khan Đam Săn được L.Sabatier (viên công sứ Pháp ở Đắc Lắc), dịch ra tiếng Pháp và xuất bản ở Paris năm 1928 dưới tiêu đề: ***Bài ca Đam Săn - Truyền thuyết Rahđê từ thế kỷ XVI****. Đến năm 1933, văn bản khan này được in song ngữ: Êđê - Pháp trên tạp chí của Trường Viễn Đông Bác cổ.*

Sau khi giới thiệu trên tạp chí văn nghệ (năm 1957), năm 1959, tác phẩm được Nhà xuất bản Văn hoá in song ngữ Việt - Êđê mang tên ***Bài ca chàng Đam Săn*** *và Nhà xuất bản Văn hoá Dân tộc cho tái bản năm 1977. Trong bộ sách này, chúng tôi giới thiệu văn bản sưu tầm và dịch thuật của Nguyễn Hữu Thấu do Nhà xuất bản Khoa học xã hội in năm 1988 mà chúng tôi coi là văn bản được nghiên cứu, biên soạn, dịch thuật và chú thích công phu, nghiêm túc.*

Phải nói rằng, sau Sabatier, sau sự kiện phát hiện, ghi chép, biên dịch và xuất bản khan Đam Săn mà non nửa sau của thế kỷ XX, hàng chục khan ở Tây Nguyên đã được giới khoa học xã hội Việt Nam quan tâm sưu tầm, biên dịch và lần lượt công bố với đông đảo bạn đọc gần xa.

CHU THÁI SƠN

CÂU CHUYỆN LÀ NHƯ THẾ NÀY

I

Hơ Nhị - Ơ Y Đhing ơi! Ơ Y Ling ơi! Ơ Y Đhang ơi! Ơ Y Lang ơi! Quá ngoài cổng làng có xử chém kẻ lạ nào đâu! Ơ Y Suh ơi! Y Sah ơi! Vào đây nào!

Y Đhing - Ơ em, có việc gì mà em gọi, có việc gì mà em kêu chúng tôi đấy hả em?

Hơ Nhị - Tôi gọi anh em chẳng vì công này, cũng không vì việc nọ. Danh vang đến thần, tiếng lừng khắp núi, nghe đông tây đâu đâu cũng nói Hơ Nhị Hơ Bhị như gốc nhiều cành, như cây nhiều nhánh, anh em lắm, họ hàng nhiều. Thế mà sao cho đến nay chúng tôi cứ đuờn đuỡn như cây pụt ải, chúng tôi vẫn thui thủi một mình, tấm chồng còn chưa có để giùm giúp việc nhà!

Y Đhing - Ơ em, vậy thì lòng em đã ưng ai, bụng em đã thương ai, ai là người em đã để ý?

Hơ Nhị - Nào tôi biết ai! Anh em cứ ưng đâu là chúng tôi sẽ thuận đấy, anh em cứ thương ai là chúng tôi sẽ thương theo người ấy. Chúng tôi nào dám trái lời anh em.

Y Đhing - Vậy thì Y Kuăt Y Muăt, người anh mặc giáp sắt, người em mặc giáp lưới, hai dũng tướng cuộn chạc ngựa chạc trâu không rối, em có ưng có thương không?

Hơ Nhị - Tôi thì tôi không thương không ưng những người ấy đâu, anh ạ. Tuy họ là những người tù trưởng chiêng lắm, la nhiều.

Y Đhing - Vậy thì em ưng ai, thương ai mà người anh mặc giáp sắt người em mặc giáp lưới, em lại không ưng không thương?

Hơ Nhị - Tôi thì tôi còn biết thương ai, ưng ai khác nữa! Chồng tôi, bà chúng ta đã tìm giùm, ông chúng ta đã kiếm giúp. Khi bà Hbia Klu[1] chúng ta qua đời, tôi là người đã được họ hàng đem chắp nối với ông Mtao Kla, chúng ta làm nuê[2] dành sẵn cho ông. Ông bế tôi trên đùi, còn Đam Săn ông cõng trên lưng. Ông giết trâu làm lễ cầu phúc, và ông bảo tôi rằng: "Nay ông đã mắt mờ tóc bạc, như tàu thuốc lá đã héo hon, không mong gì rồi đây ông còn lấy cháu ông được. Khi nương đã cằn, rẫy đã cỗi, khi cây đã đổ, gỗ đã mục, khi ông đã già mà hai cháu đã lớn khôn thì hai cháu sẽ lấy nhau, cháu với Đam Săn. Nếu Đam Săn lấy vợ làng đông xóm tây, Đam Săn sẽ trở thành đứa giữ ngựa, tháo chiêng, xiềng voi cho Hơ Nhị. Chỉ lấy Hơ Nhị, Đam Săn mới trở nên một tù trưởng giàu có, chiêng lắm, la nhiều". Còn với tôi thì ông đã dặn: nếu tôi lấy chồng làng đông xóm tây, tôi cũng sẽ trở thành con nô lệ nuôi lợn, nhốt gà cho Đam Săn. Chỉ lấy Đam Săn, tôi mới trở nên một nhà tù trưởng giàu có, chiêng lắm, la nhiều. Vì bà đã dạy phải, vì ông đã bảo hay, anh em hãy đi hỏi giùm Đam Săn xem chàng còn thuận lấy tôi hay chàng đã bỏ.

Y Đhing - Vậy thì chúng ta làm gì bây giờ đây, em? Để đón được một chàng trai về làm chồng, để rước được một người đàn ông về làm rể thì cẳng bò nào có bói được mà thui bò, cẳng trâu nào có bói được mà thui trâu, giò lợn thiến lợn nâng cũng nào có bói được mà đốt lợn thiến lợn nâng! Vậy chúng ta hãy làm lễ cáo thần, cáo tổ tiên, cúng linh hồn các tù trưởng xưa cũ rượu một ché tuk gà trống một con vậy.

Hơ Nhị - Ơ các con, lấy rượu cột lên đi!

Tôi tớ - Lấy rượu nào, thưa bà?

Hơ Nhị - Lấy rượu ché găn trong hầm, lấy rượu ché ghê trên lẫm, những ché rượu ông bà để lại từ xưa.

Tôi tớ - Đánh chiêng nào thưa bà?

Hơ Nhị - Hãy đánh những chiêng có tiếng ngân vang, những chiêng có tiếng đồng tiếng bạc, đánh nhè nhẹ cũng vang vọng khắp núi non, hễ

---

1. Cùng Mtao Kla là trực hệ của Hơ Nhị, hai vị thần nông nghiệp người Êđê, Chăm và Raglai.

2. Nòi, dòng họ.

đánh lên là ở dưới rung lên các cây đòn ngạch, là ở trên rung lên các cây xà ngang, là khỉ vượn quên đu cây, ma quỷ quên làm hại người. Sóc chuột quên đào hang, rắn hổ rắn mai đều chui lên nằm dài trên mặt đất, là hoẵng đứng ngẩn, thỏ ngồi ngơ, hươu nai đứng sững sờ, mải vui với tiếng chiêng của Hơ Nhị Hơ Bhị, chẳng còn màng nhoài đầu ra ăn cỏ nữa.

Lễ xong, Y Đhing, Y Ling, Y Đhang, Y Lang, Y Suh, Y Sah ra đi, người cưỡi ngựa đực lưng sóc xta, người cưỡi ngựa cái lưng sóc kênh. Ngựa kiệu hết sức là nhanh, người cưỡi đầu không động, mình không lay, tay cầm âu đồng nước không sánh. Leo núi chỉ một sải, xuống thác chỉ một nhảy, thoáng họ đã đến nơi, thoắt họ đã đến chốn.

Y Đhing phóng tầm mắt ngắm làng Đam Săn: nơi dựng làng như cái mai rùa, rẫy giăng khắp núi, trâu bò nhi nhúc như mối như kiến, đường đi bên phải rộng một với giáo, đường đi bên trái rộng một với chà gạc, dấu chân ngựa chân voi như bện thừng, nô lệ trai ngực đụng ngực, nô lệ gái vú đụng vú. Cảnh làng chàng Đam Săn trông quả thật là đẹp, là vui! Dấu chân ngựa như chân rết, nhà dài cả một hơi chiêng, sàn hiên rộng cả một hơi chim bay, trên cột phơi chỉ thì nào chim bhị chuyền, chim nhồng đậu, nào là các tà vải sọc rằn đủ mầu.

Y Đhing, Y Ling đi cột ngựa. Ngựa cột rồi, họ lên cầu thang, hai lần cầu thang lún xuống. Họ giậm chân lên sàn hiên, hai lần sàn hiên như vỗ cánh, vì cột nhà đung đưa sang tây. Họ gác chà gạc lên xà nhà, dựng giáo ở góc nhà, rồi đến ngồi ở cái ghế đánh la, nhũn nhặn như cái mồi sáp, mềm mại như con cúi bông, trông sao mà dễ thương dễ mến vậy.

Cho đến lúc này, Hơ Âng và Hơ Lị, chị và em gái của Đam Săn, vẫn nhìn ra nhà khách qua lỗ phên. Hơ Lị rủ chị Hơ Âng:

Hơ Lị: Chị ơi, ta ra nhà khách đi! (Nói với tôi tớ) ơ các con, ai mang chiếu thì mang chiếu ra, ai mang chăn thì mang chăn ra, ai mang gối thì mang gối ra, ai mang trầu thì mang trầu ra! Hãy để thuốc sắt trong khay hoa! Hãy để trầu têm trong âu đồng chạm!

Hai chị em Hơ Âng, Hơ Lị ra đến nhà khách.

Hơ Lị - Thưa anh em, vì đâu xui khiến mà chiêng leo giàn bếp bậc quyền môn lại đến với kẻ tiện ti, bỗng dưng anh em lại hạ cố đến nhà tôi lần này vậy?

Y Đhing - Ấy, xin người chị em đừng vội rấp rừng chắn lối. Từ nay, hai nhà chúng ta lại đi lại làm thân, chúng ta lại cùng nhau kẻ mua người bán. Bên này làng ta, bên kia cũng làng ta, hai bãi thả trâu bò sẽ liền làm một.

Một chiếu miến trải dưới, một chiếu hoa trải trên, hiện lên chỗ ngồi dành cho các nhà tù trưởng khách quý.

Rồi lột sột ở nhà ngoài, loạt soạt ở nhà trong. Hơ Lị rảo bước đi vào nơi Đam Săn ở. Nàng mở căn buồng hai ngăn, hai lớp vách, hai lớp đệm[1] của anh nàng. Lúc này Đam Săn đang nằm trên võng, tóc thả xuống một cái chiêng cái.

Hơ Lị - Ơ anh, ơ anh, anh ra nhà khách! Cả nhà đầy khách, phòng khách đầy người Chăm, những người cầm đầu đang ngồi một mình ở giữa nhà.

Đam Săn - Không, không, anh không ra đâu, em ơi. Em cứ đi đốt gà, đem rượu ra mời họ.

Hơ Lị - Lấy rượu ché nào, anh?

Đam Săn - Lấy cái hũ kda mới ủ được năm đêm ấy!

Hơ Lị trở lại nhà khách, đốt một gà mái ấp, giết một gà mái đẻ, giã gạo trắng như hoa êpang, sáng như ánh mặt trời, bắc nồi lên nấu cơm, vừa ráo một bã nước miếng, vừa dập một bã trầu, cơm đã chín tới. Nàng nhắc cơm xuống đặt trên sàn, rồi đem ra nào mâm chân thau chạm, nào mâm chạm trổ vành, toàn những thứ chỉ dùng để dọn cơm cho khách quý tù trưởng nhà giàu.

Hơ Lị - Thưa anh em, mời anh em lại xơi cơm.

Y Đhing, Y Ling ngồi vào mâm cơm.

Hơ Âng - Xin mời anh em ăn cho! Cơm chúng tôi mùi mốc, nước chúng tôi mùi tanh, gà chúng tôi gà diều tha, dọn cơm mời anh em là những con mụ đàn bà què quặt, ăn mặc xộc xệch, trông như những con két diều quắp, như những con vẹt diều mổ, mời anh em ăn tạm vậy!

---

1. Buồng tù trưởng khi xưa ngăn thành hai lớp để phòng ngự, chống kẻ thù bên ngoài.

Y Đhing Y Ling ăn qua loa một miếng, chỉ một lát đã ngồi nghỉ.

Hơ Âng - Ơ anh em, sao cơm chúng tôi anh em chỉ ăn một nhúm, thức ăn chúng tôi anh em chỉ ăn một nhón ngón tay, thật không bõ công chúng tôi bưng dọn, anh em ạ!

Y Đhing - Đến nhà chị, chúng tôi ăn chừng ấy. Ở nhà chúng tôi, một quả dưa hấu chúng tôi ăn ba đời, một quả dưa gang chúng tôi ăn ba năm đấy, chị ạ.

Hơ Âng - Ơ các con, ơ các con, đi lấy rượu!

Tôi tớ - Lấy ché nào cơ, thưa bà?

Hơ Âng - Lấy ché giụ ché giăn, những ché có tám tai, phải năm đòn khiêng, ba người theo đỡ ấy!

Tôi tớ đi lấy cuốc, cuốc bầm bập. Đã bắt đầu nghe có tiếng làu bàu[1].

Tôi tớ - Ơ các bà, ơ các bà xin đừng có làu bàu! Bà nào ngọt thì cứ lỉnh đi! Bà nào chua thì mời đứng dậy! Chúng tôi đem các bà lên không phải để làm việc gì xấu xa, chỉ để khoản đãi bà con nhà người ta đó tôi.

Thế rồi họ móc ché lên bằng ngón tay, khiêng ché lên bằng vai, đưa rượu lên nhà.

Rượu đã lên đến nhà.

Hơ Âng - Ai cột rượu cột đi! Ai treo chiêng treo đi!

Tôi tớ - Bà cho đánh chiêng nào, thưa bà?

Hơ Âng - Hãy đánh lên các chiêng mung chiêng mai có tiếng đồng tiếng bạc, đánh nhè nhẹ cũng vang vọng khắp núi non, hễ đánh lên là ở dưới rung lên các cây đòn ngạch, là ở trên rung lên các cây xà ngang, là khỉ vượn quên đu cây, ma quỷ quên làm hại người, sóc chuột quên đào hang, rắn hổ rắn mai đều chui lên nằm dài trên mặt đất, là hoẵng đứng ngẩn, thỏ ngồi ngơ, hươu nai đứng sững sờ, mải vui với tiếng chiêng của chàng Đam Săn, chẳng còn màng nhoài đầu ra ăn cỏ nữa. (Nói với Y Đhing Y Ling) Xin mời anh em lại uống rượu! Rượu chúng tôi chẳng ra rượu, lờ lợ ngọt, dôn dốt chua, cứ như rượu trái *kchin* non mới ủ được năm đêm, anh em uống tạm vậy.

---

1. Là tiếng phản đối của các ché rượu quý được nhân cách hoá.

Y Đhing - Sao nhỉ, thưa bà chị? Chúng tôi đến thăm hỏi thì xin được nói chuyện thăm hỏi. Chúng tôi đến bắt cá thì xin được nói chuyện bắt cá[1]. Vậy xin hỏi thế bạn Đam Săn đi đâu rồi?

Hơ Âng - Nào em nó có đi đâu! Em nó đang ở trong buồng nó ở nhà trong.

Y Đhing - Sao anh bạn lại ở trong buồng anh bạn nhỉ? Phải chăng anh bạn đang ốm mê man, đang đau quá nặng, phải nằm xông lửa nửa tỉnh nửa mê, không lê chân đi đâu được? Chúng tôi đến đây như ong đến với nước, như vò vẽ đến với hoa, như trai gái đi tìm trầu tìm thuốc cơ mà.

Nghe vậy, Hơ Âng đứng bật lên, đi vào nhà trong mở cửa buồng Đam Săn đánh rẹt một cái.

Hơ Âng - Này cậu, cậu ra ngay nhà khách! Cả nhà đầy khách, phòng khách đầy người Chăm, những người cầm đầu đang ngồi một mình ở giữa nhà kia kìa!

Đam Săn - Họ đến có việc gì?

Hơ Âng - Họ đến hỏi cậu. Họ muốn hỏi chồng cho Hơ Nhị, hỏi chồng cho Hơ Bhị đấy.

Đam Săn - Em không ra đâu chị ơi. Em không lấy Hơ Nhị, em không lấy Hơ Bhị đâu. Chị hãy ra làm lễ cho anh em các cô ấy một trâu, rồi tống tiễn họ một chiêng. Nếu họ chưa chịu xuống về thì chị tống tiễn họ thêm la, thêm voi và nô lệ.

Hơ Âng lại lột sột ở nhà trong, loạt soạt ở nhà ngoài, trở lại nhà khách, ghé ngồi xuống.

Hơ Âng - Thưa anh em, đây, công đuổi chim sẻ thì một đốt mía, công đuổi chim ngói thì một quả chuối, công anh em lặn lội đến nhà tôi thì xin có cái vòng đeo tay này để đền đáp. Em tôi quả là đứa chẳng được việc gì. Nó sẽ không biết rọ chiêng xiềng voi cho Hơ Nhị. Nó sẽ không biết thắng ngựa, không biết giữ gìn chiêng ché cho Hơ Nhị đâu.

Y Đhing - Không biết rọ chiêng cũng cứ được đi chị ạ. Không biết xiềng voi thắng ngựa, không biết giữ gìn chiêng ché cũng chẳng sao.

---

1. Ý muốn bắt Đam Săn về làm chồng cho Hơ Nhị.

Miễn là chúng tôi có người ở bên gùi quý, có người ngồi trên chiếu, ôn lại các vụ việc ông bà xưa để lại[1]. Bạn Đam Săn mà không chịu lấy em gái chúng tôi thì chúng tôi cũng quyết không chịu ra về tay trắng, miếng trầu miếng vỏ không có đâu. Chừng nào cưới được bạn ấy, chừng ấy chúng tôi mới chịu. Bạn ấy muốn chiêng ư, để chúng tôi về lấy chiêng. Bạn ấy muốn la ư, chúng tôi về lấy la. Chưa cưới được bạn ấy chúng tôi còn chưa chịu.

Hơ Âng - Thưa anh em dù anh em có gạn được óc rùa, có vắt được nước hoa *tong bi*, có ép được dầu từ một tảng đá bàn thì với con một nhà tù trưởng, khi người ta đã không bằng lòng lấy em gái các anh, thiết nghĩ anh em cũng không làm gì được người ta đâu. Tốt hơn cả, anh em nhận lấy cái chiêng này. Tốt hơn cả anh em nhận lấy cái la này.

Y Đhing - Chúng tôi lấy chiêng lấy la làm gì nhỉ! À ra anh bạn Đam Săn cho chúng tôi là một bọn còn non choẹt, còn chưa vương hương nghệ được là bao, chắc gì đã biết kiếm cho em mình một người chồng rồi đó. (Gọi Y Đhang, Y Lang), ơ Y Đhang ơi! Ơ Y Lang ơi! Quá ngoài cổng làng có xử chém kẻ lạ nào đâu! Các ngươi hãy đi lấy dây cột trâu cột bò nhà này lại giết ăn xem nào! Thử xem người ta còn cho chúng ta là bọn còn non choẹt, hương nghệ chưa vương được là bao, chắc gì đã biết kiếm cho em mình một người chồng không nào!

Vừa nghe đến đấy, Hơ Lị tức thì xắn váy đến đầu gối, xắn tay áo đến cùi chỏ, cài lại mái tóc cho chắc như người Bih người Mnông rồi đi thộc vào chỗ Đam Săn nằm, véo tai trái Đam Săn cho đến đỏ tía lên, phát cho Đam Săn một phát vào lưng làm chàng phát khóc.

Đam Săn - Cô quá quất với anh thật, cô em ơi!

Hơ Lị - Quá quất nào phải cái rế, quá quất chính là cái nồi! Quá quất nào phải cái bát, quá quất chính là cái trôn! Quá quất nào phải người làng, quá quất chính là những người khách! Anh xem cả nhà đầy khách, phòng khách đầy người Chăm, những người cầm đầu đang ngồi

1. Đây là ba nhiệm vụ chính của người chồng Êđê trong cương vị người chủ của nhà vợ: 1. Giữ cái sóng (ở đây dịch tạm là gùi quý), tức là cái gùi dựng khố váy áo quý, nữ trang, bùa ngải v.v.. của gia đình vợ; 2. Ngồi trên chiếu, tức ngồi trên cái chiếu dành cho người chủ nhà để tiếp khách; 3. Khi có tranh chấp kiện cáo về các vụ việc ông bà xưa của phía vợ để lại, thì đứng ra bênh vực cho quyền lợi nhà vợ.

một mình ở giữa nhà kia kìa! Anh có thấy anh em của Hơ Nhị Hơ Bhị đang cho bắt trâu bắt bò nhà này đem giết ăn không? Họ tức anh không ra tiếp họ đó.

Đam Săn - Ơ các con, ơ các con, lấy nước nồi bung nồi bảy cho ta rửa tay, lấy nước chén hoa bát sứ cho ta rửa mặt nào!

Đam Săn tháo khố cũ, quấn khố mới. Áo này chưa vừa lòng, chàng lấy áo kia. Chàng quấn một khố sọc rắn gấp bỏ múi, mặc một áo dày nút[1], đi đi lại lại từ nhà trong ra nhà ngoài, chân hất khoan thai, theo sau là bốn năm người tôi tớ.

Đam Săn - Bớ bọn trẻ làng ta, xem ta đã đẹp chưa nào?

Tôi tớ - Đẹp rồi đấy, ông ạ. Tốt rồi đấy, ông ạ. Đẹp như thế là vừa, đẹp từng ấy là đủ, ông ạ.

Đam Săn lại bỏ khố cũ, quấn khố mới. Áo này chưa vừa lòng, chàng lấy áo kia. Chàng quấn một khố sọc điểm hoa *kơu*, chít một khăn điểm hoa êmiê, mặc cái áo Ông Trời từ trên cao đã ban cho, từ trên cao Ông Trời đã thả xuống. Quanh hông, chàng quấn thêm một dải thắt lưng láng đen, đầu bịt thêm một vành khăn láng đỏ, trông thật ra dáng là một trang tù trưởng trẻ nhà giàu. Đóng bộ xong, Đam Săn đi ra nhà khách. Một trăm người đi trước, một nghìn người cất bước theo sau, một mình chàng đi giữa.

Tới nhà khách, chàng đến ngồi trên cái giường riêng của chàng. Một chiếu miến trải dưới, một chiếu hoa trải trên, hiện lên chỗ ngồi dành riêng cho nhà tù trưởng. Mặt chàng như hừng hơi men, như ngấm nước vang, trông như đang tức giận. Khi chàng mỉm cười, miệng chàng lộ ra như gieo hạt dưa hấu. Tay chàng vung vẩy trông như lá nén trước gió. Cổ chàng trông như quả cà chín, nhìn qua vài lần không thấy đã thèm. Râu mép to bằng sợi tóc, râu hàm to bằng đọt song, râu ria quanh miệng mọc xoắn mọc xít đến tận quanh tai.

Giữa lúc này, ở nhà Hơ Nhị, ông Đu, ông Điê[2] người chống gậy mây, người chống gậy mun, đang lộc cộc đi vào để lo việc vợ chồng Hơ Nhị, Hơ Bhị với Đam Săn.

---

1. Bộ khố áo lễ của người Êđê.

2. Hai vị thần lớn nhất của người Êđê, Aê Đu, Aê Điê.

Ông Điê - Cháu ơi, cháu, chồng cháu đã đến chưa?

Hơ Nhị - Cái gì đã đến hả, ông? Biết người ta còn chịu lấy cháu hay người ta đã bỏ! Dù sao, cháu cũng đã cho anh em cháu đi rồi. Chưa thấy họ về, ông ạ.

Ông Điê - Để một mình anh em cháu đi, việc không thành đâu cháu ơi! Cả cháu nữa cũng đi thì mới được việc, cháu ạ.

Sáng hôm sau, khi mặt trời vừa ló, Hơ Nhị đã thức dậy.

Hơ Nhị - Ơ các con, ơ các con, đi bắt voi về!

Tôi tớ - Bắt voi nào, thưa bà?

Hơ Nhị - Bắt con voi đực đuôi dài, ngà rộng, mặt da mồi con voi mà bọn nhà giàu ngày đêm không ngớt tấm tắc ngợi khen ấy.

Voi về đến làng, con đực đóng bành mây, con cái đóng bành guột. Chân hất sương mai, mở đường đi trước là con voi một ngà trái, cổ đeo chuông.

Hơ Nhị Hơ Bhị bỏ váy cũ mặc váy mới. Váy này thấy chưa đẹp, lại lấy váy kia. Cả hai chị em đều mặc váy sọc điểm hoa *kơu*, mặc áo điểm hoa êmiê, những váy áo từ trên cao ông trời đã ban cho, từ trên cao ông trời đã thả xuống.

Hơ Nhị - Hỡi bọn trẻ làng ta xem ta đã đẹp chưa nào?

Tôi tớ - Đẹp rồi đấy bà ạ. Sang rồi đấy, bà ạ.

Hơ Nhị - Tay trái đeo xuyến bạc, tay phải đeo vòng kép, cả người nàng lấp lánh như cái đĩa khiên đồng. Búi tóc thấp búi giống như người Mnông, búi tóc cao búi giống như người Êđê, một đuôi gà dài để lòi ra ngoài búi tóc. Nàng bước khoan thai, tay đánh xa mềm mại. Búi tóc chải mượt, nàng giữ thật mượt. Búi tóc chải gọn, nàng giữ thật gọn. Cả búi tóc to bằng một chiêng mong. Khi nàng cất bước, trông nàng như một con gà đang xù lông. Khi nàng bước tới, nàng lại giống như một con bồ chao đang vỗ cánh, một làn bụi trấu thoảng trôi theo bước nàng đi.

Trên voi của Hơ Nhị, Hơ Bhị, một chiếu miến trải dưới, một chiếu hoa trải trên, hiện lên chỗ ngồi dành cho nhà tù trưởng. Trên chiếu, nào gối tựa, hộp trầu, nào túi thuốc, nồi lửa đủ cả. Nhằm hướng làng Đam Săn, đoàn voi đi tới. Đoàn voi tới làng của Đam Teh Mlan.

Hơ Nhị - Ơ anh, ơ em, đường nào đi đến làng Đam Săn?

Đam Teh Mlan - Ơ chị, chờ tôi đi với! Tôi cũng đến đó bán cồng đây. Nhưng chị ơi, sao chị thì đi voi, còn tôi đi bộ?

Hơ Nhị - Thì em lại đây, chúng ta cùng đi voi.

Thế là Đam Teh Mlan lên voi cùng ngồi với Hơ Nhị. Anh chàng giở trò xin trầu, vừa xin vừa véo Hơ Nhị một cái. Lại giở trò xin thuốc, vừa xin anh chàng vừa gạ gẫm Hơ Nhị, hẹn cho Hơ Nhị một cái cồng Hlong. Thấy vậy, Hơ Bhị liền hỏi chị.

Hơ Bhị - Này chị, người chồng chị ưng là đấy đấy hả, người chồng chị muốn là đấy đấy hả? Tôi thì tôi không ưng không muốn một người chồng như vậy đâu. Tôi vẫn muốn chân không phải xuống đất mà nô lệ vẫn có, chân không phải chạy mà voi vẫn có. (Nói với tôi tớ) bớ các con, đánh voi ta về đi thôi chị ấy như vậy là đã có chồng rồi đó!

Hơ Nhị - Ấy em, quay lại đây với chị nào! Em đừng làm thế, em ơi.

Hơ Bhị - Không, không, tôi không bằng lòng thế đâu. Chị quá là ngang, quá là ngược mất rồi.

Hơ Nhị - (Nói với Đam Teh Mlan) Này cậu em, xuống đi thôi! Em tôi nó đang rầy đó. (Nói với Hơ Bhị) Nào em, bây giờ thì em quay lại với chị nào, người ta đã xuống rồi mà.

Thế là hai chị em lại cùng nhau đi đến làng Đam Săn. Đến nơi, họ thấy tôi tớ đứng giã gạo như vãi cối vãi chày.

Hơ Nhị - Ơ các con, ơ các con, người đứng đầu các con nhà ở đâu?

Tôi tớ - Làm gì có người đứng đầu! Đầu giếng nước là từ chúng tôi, cây cau đầu làng là từ chúng tôi.

Hơ Nhị - Này các con, sao các con lại giỡn ta như giỡn một con mụ nhà nghèo, khinh ta như bầy kiến đen kiến gió vậy?

Tôi tớ - Bà ơi, nào chúng tôi có biết! Bà lại mà hỏi anh trai làng đang rèn, hỏi bác già làng đang xử kiện kia xem!

Hơ Nhị tìm đến hỏi. Đến nơi nàng cúi xuống lên tiếng:

Hơ Nhị - Ơ anh trai làng đang rèn, ơ bác già làng đang xử kiện, người đứng đầu các người nhà ở đâu?

Trai rèn - Biết đâu đấy! Các bà cứ tìm xem đâu là nhà giàu, đâu là nhà nghèo. Nhà nào cho lợn ăn bằng chiêng, đó chắc là nhà nghèo. Nhà nào cho lợn ăn bằng mủng, chắc là nhà giàu đó!

Hơ Nhị - Gớm thật cái lũ làng này! Chúng cứ giỡn mình như giỡn một con mụ nhà nghèo vậy! Thấy mẹ chúng mày! L... mẹ chúng mày!

Rồi hai chị em đi thẳng đến nhà Đam Săn.

Voi áp vào sàn hiên, đứng xếp hàng ở cầu thang. Hơ Nhị nhảy xuống. Hơ Bhị nhảy xuống. Một trăm người đi trước, một nghìn người cất bước theo sau, một mình hai chị em Hơ Nhị, Hơ Bhị đi giữa. Bọn tôi tớ đến đứng thập thò ở xó củi. Hơ Nhị, Hơ Bhị cũng đến đứng thập thò ở xó củi.

Đam Săn - Ơ Hơ Lị, ơ chị Hơ Âng, sao cứ đứng đấy mà nhìn con người ta đứng ở xó củi hả? Chứ không thấy người ta vố đã gác trên xà nhà, bành đã hạ xuống sàn hiên, voi đã đang quạt tai phần phật, chân đang giậm đất hay sao?

Hơ Lị, Hơ Âng liền đi trải chiếu.

Hơ Âng - Đuk[1] ơi, đuk vào đây! Mời đuk ngồi vào chiếu.

Hơ Nhị - Đứng dậy cũng được, đuk à. Chúng tôi đâu phải là khách mà ngại.

Hơ Âng - Khách nào cơ, đuk? Nhà ta thì làm gì mà có khách!

Thế là Hơ Nhị, Hơ Bhị vào ngồi trên chiếu, Hơ Nhị một chiếu đỏ, Hơ Bhị một chiếu đỏ, Hơ Âng, Hơ Lị mỗi người ngồi một chiếu đỏ.

Đến đây Đam Săn đứng lên bỏ đi. Chàng với tay lấy cây chà gạc tai cây chà gạc bưng của chàng cầm theo, rồi nhảy phịch một cái xuống đất ra đi. Chàng bước ung dung, giữ từng bước thật ung dung. Chàng đi khoan thai, hai tay đánh xa đến là đẹp. Trên đường cái, chàng lướt lên như con rắn mây. Trong rừng cây, lúc chàng vượt cao, lúc chàng nhảy dài, trông cứ như con rắn roi đang quất tới.

Đam Săn đến nhà Hbia Điêt Kluich. Chàng lên thang, hai lần cầu thang lún xuống. Chàng giậm chân trên sàn hiên, hai lần sàn hiên làm

---

1. Tiếng xưng hô của chị em chồng, chị em dâu, thậm chí mẹ chồng, nàng dâu.

như vỗ cánh, bảy vì cột nhà đung đưa sang đông, đung đưa sang tây. Chàng bước vào nhà, gác chà gạc lên xà nhà, rồi đi thẳng vào nhà trong.

Hbia Điêt Kluich - Ơ cái anh chàng chim ưng con, có chuyện gì mà anh đến đây anh liệng? Ơ cái anh chàng chim hia con, có chuyện gì mà anh đến đây kêu? Anh đem đến cho tôi quách hoa hòm vẽ đấy phải không[1]?

Đam Săn - Ơ em, xin em đừng giận. Thế là từ nay cơm ta ăn đã khác nồi khác mâm, rượu ta uống đã khác cần khác ché, nước ta gội đầu đã khác păm pli (bồ kết), gội chung với ta đã là một kẻ khác, cả miếng thịt trâu thịt bò cũng đã khác con, mời nhau ăn không còn là ta với nhau nữa rồi?

Hbia Điêt Kluich đem ra một ché krtăk, hai người cùng ngồi uống ở cửa buồng nàng. Hbia cũng đem ra thuốc xắt một âu, trầu một âu mời Đam Săn ăn, hút.

Đam Săn - Ơ em, ơ em, khi nghe tiếng chiêng anh, em đến nhé?

Nói rồi, Đam Săn ra về. Về đến nhà chàng gọi tôi tớ:

Đam Săn - Ơ các con, ơ các con, đi lấy rượu! Ai cột rượu cột đi! Ai treo chiêng treo đi!

Liền đó, rập rập rình rình tiếng chiêng tiếng trống nhà Đam Săn nổi lên.

Hbia Điêt Kluich - Ơ các con, ơ các con, các con nghe đấy chứ? Tiếng chiêng tiếng trống nhà anh Đam Săn ta đó.

Nói rồi, Hbia Điêt Kluich thay váy cũ, mặc váy mới. Váy này chưa đẹp, nàng lấy váy kia. Đóng bộ xong, nàng ra đi. Một trăm người đi trước, một nghìn người cất bước theo sau, một mình nàng đi giữa. Tới nhà Đam Săn, tôi tớ của nàng đến đứng thập thò ở xó củi. Nàng cũng đến đứng thập thò ở xó củi. Cho đến lúc này, Đam Săn vẫn dõi theo nàng.

Đam Săn - Ơ Hơ Lị, ơ chị Hơ Âng, sao cứ đứng đấy mà nhìn con nhà người ta đứng ở xó củi hả? Chứ không thấy người ta vố đã gác trên xà nhà, bành đã hạ xuống sàn hiên, voi đã đang quạt tai phần phật, chân đang giậm đất hay sao?

---

1. Hai loại chim báo điềm chết.

Hơ Lị, Hơ Âng quơ vội chiếu đem trải.

Hơ Âng - *Đuk*[1] ơi, *đuk* vào đây! Mời *đuk* ngồi vào chiếu.

Hbia Điêt Kluich - Đứng đây cũng được, *đuk* à. Tôi phải đâu là khách mà ngại! Người ta kia mới là khách.

Hơ Âng - Khách nào cơ, đuk? Nhà ta thì làm gì có khách?

Hbia Điêt Kluich vào ngồi trên chiếu.

Bây giờ thì Đam Săn đứng ngắm Hơ Nhị và Hơ Âng, thấy Hơ Nhị đẹp hơn Hơ Âng ba ngón tay. Ngắm Hơ Âng và Hơ Bhị, thấy Hơ Âng đẹp hơn Bhị ba ngón tay. Ngắm Hơ Bhị và Hơ Lị, thấy Hơ Bhị đẹp hơn Hơ Lị ba ngón tay. Lại ngắm Hơ Lị và Hbia Điêt Kluich, thấy Hơ Lị đẹp hơn Hbia Điêt Kluich ba ngón tay.

Thế là Đam Săn cho mở tiệc ăn uống linh đình, khách lên xuống nườm nượp, đông vui khôn kể. Rượu năm ché, trâu nâng một con, chàng làm lễ cáo thần tổ tiên, tạ linh hồn các tù trưởng xưa cũ. Rượu bảy ché, trâu đực một con, chàng làm lễ cúng sức khoẻ cho chàng.

Đến lúc rượu đã nhạt ché đã phai thì ai ở đâu về đấy, khách lần lượt ra về.

Hơ Nhị - Ơ các con, đi đóng bành voi nào!

Voi đóng bành rồi. Hơ Nhị nhảy lên. Hơ Bhị nhảy lên.

Hơ Nhị - *Nuê*[2] ơi, *nuê* lại đây! Mời *nuê* lên voi.

Đam Săn - Các cô là con của voi, các cô cứ cưỡi voi mà đi. Tôi là con của đất, tôi cưỡi lưng đất vậy.

Phịch một cái, Hơ Nhị nhảy xuống đất, Hơ Bhị cũng phịch một cái nhảy xuống đất cùng đi bộ với Đam Săn. Ba người đi bộ cho ra đến bến nước[3] làng.

1. Tiếng xưng hô của chị em chồng, chị em dâu, thậm chí mẹ chồng, nàng dâu.

2. Thuật ngữ xưng hô với người chồng (vợ) kế.

3. Dịch phẩm của Nxb KHXH 1988 ghi là giếng làng là không đúng. Các buôn thôn Êđê xưa chỉ có bến nước mà thôi (Soạn giả CTS).

Đam Săn - Ơ Hơ Nhị, ơ Hơ Bhị, chúng ta chạy nào! Chạy từ bến nước làng tôi đến bến nước làng các cô. Được như vậy, chúng ta mới thành vợ thành chồng. Bằng không thì chồng thôi vợ để vậy.

Thế là ba người thi nhau chạy. Hơ Nhị lao tới. Hơ Bhị lao tới. Đam Săn cũng lao tới. Chạy được nửa đường thì chân Hơ Nhị rộp lên.

Hơ Nhị - Ơ *muê*, ơ *muê*, chân tôi rộp lên rồi! Đem dao lại đây tôi nhể cái đã.

Đam Săn - Để đấy! Để tôi lấy khăn nhiễu tôi bọc cho! Để tôi lấy khăn lụa, tôi đùm hộ.

Chỗ rộp đùm xong, ba người lại chạy.

Họ cứ chạy như vậy cho đến bãi thả trâu bò, cho đến bãi thả diều, cho đến bãi ven làng, rồi đến nhà Hơ Nhị, Hơ Bhị. Hơ Nhị chạy vào đến giữa nhà thì ngã lăn ra muốn chết ở giữa nhà, váy tung một nơi, áo toé một nẻo. Hơ Bhị chạy mãi cho tới khi tới được cửa buồng thì cũng ngã lăn ra ở cửa buồng, phần nằm trong buồng, phần nằm ở ngoài, váy áo cũng toé tung. Còn Đam Săn thì khi đến nơi, chàng hết ngồi ở giường, lại đến ngồi ở ghế đánh chiêng ở nhà ngoài, chờ từ lúc mặt trời ngang cây xà dọc phía tây[1] cho đến xẩm tối mới thấy đoàn anh em nhà vợ về đến nhà. Anh em của Hơ Nhị, Hơ Bhị liền làm phép cho Hơ Nhị hồi lại, cho Hơ Bhị hồi lại.

Y Đhing - (Nói với Hơ Nhị) Bây giờ sao đây em nhỉ? Chồng đã đến, vợ đã về, chúng ta làm lễ cáo tổ tiên, tạ thần tất cả bao nhiêu con?

Hơ Nhị - Chúng ta làm lễ cáo tổ tiên, tạ thần, cầu sức khoẻ cho Đam Săn rượu năm ché, trâu nâng một con, cầu sức khoẻ cho Hơ Nhị rượu bảy ché, trâu đực một con, cầu sức khoẻ cho Hơ Bhị rượu năm ché, trâu một con, làm lễ cầu phúc cho Hơ Âng, Hơ Lị - chị em của Đam Săn, mỗi người rượu năm ché, trâu cái một con.

Của dẫn cưới phải nộp cho người gốc rễ của Đam Săn được đem giao đủ: voi đực một con với nài[2] trước nài sau, tớ gái nấu cơm một người, tớ trai để nấu thức ăn lam[3] một người.

---

1. Tức khoảng xế chiều.

2. *Nài* (Nài voi): quản tượng (CTS).

3. *Lam*: ống lam, thức ăn nấu trong ống lồ ô.

Đam Săn cùng ăn thịt lợn uống rượu với mọi người.

Cho đến khi mãn tiệc, hai người chị em của Đam Săn cũng mới ra về.

Hơ Âng - Ơ em, ơ em, em hãy lo nuôi vợ em cho được vui sướng, lo nuôi con em cho được nên người. Em chớ có lêu lổng, nay đông mai tây. Sáng em phải lên rẫy, trưa ở bẫy, sương mai vừa ráo đã phải đi đó đi đơm. Em hãy ở với vợ em cho đến răng long đầu bạc. Đã cầm cần mời rượu thì cầm cho đến rượu nhạt ché phai. Đã chơi chiêng thì chơi cho đến khi tay dùi bị chặn lại mới thôi, em nhé.

II

Đam Săn nghỉ một ngày, ngơi một đêm, đến sáng hôm sau thì thức dậy. Vừa lúc đó, chàng thấy một cây xà dọc của nhà hàng xóm.

Đam Săn - Bớ các ông bạn! Bớ các ông bạn! Lại đây, chúng ta chơi đẩy nhau nào!

Thế rồi anh em vợ của Đam Săn sáu người đứng một đầu, đầu gốc. Còn một mình Đam Săn đứng một đầu, đầu ngọn. Hai bên đẩy nhau: Đam Săn thắng.

Y Đhing - Ơ này anh chàng chồng em gái của chúng tôi ơi! Để chúng tôi đứng đầu ngọn, bạn đứng đầu gốc.

Đam Săn đến đứng đầu gốc. Chàng vẫn thắng bọn sáu người anh em vợ đứng đầu ngọn. Và cứ như vậy chàng chơi đẩy nhau suốt ngày cho đến chiều, thâu đêm cho đến sáng.

Hơ Bhị - Ơ anh, ơ anh, về ăn cơm! Cơm đã khô trong bát, gà đã quắt lại trong xiên, thịt gà đã xác ra như thịt con kên kên đực rồi đó!

Đam Săn - Sao tôi lại về ăn cơm! Các cô cứ ăn đi! Chúng tôi chưa rồi đang còn bận chơi đẩy nhau.

Một lát sau.

Hơ Bhị - Ơ anh, ơ anh, về nhà có khách đến bán voi!

Đam Săn - Tôi về mà làm gì? Muốn mua thì các cô mua. Không muốn mua thì các cô đừng. Thế khi tôi chưa đến ở, ai mua cho các cô?

Hai chị em Hơ Nhị, Hơ Bhị đành tự mua lấy voi. Và mua cũng xong. Voi mua xong rồi, Hơ Bhị nói với Hơ Nhị:

Hơ Bhị - Danh vang đến thần, tiếng lừng khắp núi nghe đông tây đâu đâu cũng nói chị đã có chồng. Thế mà thị xem lúc này chị vẫn cứ như gái goá trước kia vậy! Đã là có chồng thì phải có người ở bên gùi quý, có người ngồi trên chiếu, ôn lại các vụ việc ông bà xưa để lại. Đằng này, chị ơi, chị vẫn cứ như gái không chồng vậy!

Đam Săn lúc này đang đứng dưới gầm nhà nên nghe trộm được. Chàng nhảy phóc lên nhà, với tay lấy các cây chà gạc của chàng, rồi bỏ ra về nhà chị em của chàng.

Hơ Bhị - Ơ anh, ơ anh, anh đi đâu vậy? Mời anh lại ăn cơm.

Đam Săn không nói không rằng. Mặt chàng như hừng hơi men, như ngâm nước vang, trông như đang tức đang giận. Cứ thế Đam Săn bỏ ra về. Chàng về đến nhà chị chàng.

Hơ Âng - Ơ em, ơ em chứ vợ em đâu?

Đam Săn - Vợ con nào, chị? Người ta đâu có cần đến tôi! Chị cứ thúc tôi như thúc tê giác. Chị cứ giục tôi như giục voi. Tôi không ưng, chị cứ ráng cột tôi vào với người ta.

Nói rồi Đam Săn đi tuột vào căn buồng hai ngăn của chàng. Chàng leo lên nằm trên võng tóc thả xuống một cái chiêng cái. Chàng nghỉ một ngày, ngơi một đêm, ở không thêm một chiều một sáng.

Vừa lúc này, Hơ Nhị, Hơ Bhị đuổi theo Đam Săn cũng đã đến nhà chị em của chàng.

Hơ Nhị - Ơ *đuk*, ơ *đuk*, có thấy em *đuk* ở đây không?

Hơ Âng - Cậu ấy còn đi đâu nữa, *đuk*? Đang nằm trong buồng của cậu ấy kia kìa. Cô cậu lại có chuyện với nhau phải không? Cãi nhau hả?

Hơ Nhị - Nào có chuyện gì mà cãi nhau, *đuk*! Hơ Bhị chỉ gọi anh ấy về ăn cơm thôi.

Rồi Hơ Nhị đi thẳng vào buồng Đam Săn.

Hơ Nhị - Ơ *nuê*, ơ *nuê* ơi, về nhà chúng ta nào. Kẻ ăn người ở trong nhà đang trông chờ *nuê* đấy.

Đam Săn - Tôi về mà làm gì? Các cô đâu có cần tôi mà tôi về? Các cô đã không cần, sao tôi lại về nhỉ?

Nghe vậy, Hơ Nhị vớ ngay một cái gùi lớn, Hơ Bhị vớ ngay một cái gùi lớn, hai chị em ra đi cõng nước, Đam Săn nhìn qua lỗ phên thấy vậy liền bảo bọn tớ gái trong nhà:

Đam Săn - Thây mẹ chúng mày cái nhà này! L... mẹ chúng mày cái nhà này! Sao lại để con nhà người ta đi cõng nước hả? Há các người lại không biết người ta là con một tù trưởng giàu có, chiêng đã lắm, la đã nhiều ư?

Bọn tớ gái liền chạy đi, người giành một bầu, kẻ giành hai bầu đi lấy nước. Còn Hơ Nhị, Hơ Bhị thì quay trở lại gùi không.

Hai chị em về đến nơi.

Đam Săn - Ơ Hơ Nhị, ơ Hơ Bhị, cho tôi tớ các cô đi bắt voi về!

Tôi tớ của Hơ Nhị, Hơ Bhị đi bắt voi. Họ đến chỗ voi đứng.

Tôi tớ - Ơ Dul, ơ Dul, mày ăn cây le! Ơ Đê Ơ Đê mày ăn cây lồ ô! Chủ chúng mày là các bà Hơ Nhị, Hơ Bhị.

Nghe gọi, con voi ré lên "khư-ưc" một tiếng, khịt lên khanh khách, lắc lư chạy đuổi bọn tôi tớ. Bọn tôi tớ tránh quanh bụi tre, nó chà nát bụi tre. Bọn tôi tớ tránh quanh bụi lồ ô. Nó chà nát bụi lồ ô. Nó báng người gẫy đùi kẻ gẫy chân.

Bọn tôi tớ bỏ chạy về.

Tôi tớ - Chết mất thôi, bà ơi! Không xong rồi! Voi không bắt lại được nữa rồi!

Hơ Nhị sai một số tôi tớ khác đi bắt. Nhưng bọn này cũng lại bị voi đuổi.

Hơ Nhị - *Nuê* ơi, *Nuê,* làm sao bây giờ? Voi chúng ta không bắt lại được nữa rồi!

Thế là Đam Săn phải ra đi bắt voi.

Đam Săn - Nào ông anh! Ta đi bắt voi nào! Ông anh cầm vố sắt, còn tôi cầm vố đồng. Con voi nhà người ta ngang ngược lắm đấy!

Hai anh em Đam Săn ra đi, chàng và người anh của chàng là Prong Mưng Hdăng-cứng-đầu-Ông-trời-bất-chết-đi-sống-lại-bảy-lần. Họ đi, đi cho đến chỗ voi đứng.

Đam Săn - Nào, ông anh gọi voi đi!

Prong Mưng - Ấy! Tôi không dám gọi đâu, chú ơi! Sợ nó đuổi.

Đam Săn - Sao như sợ chết vậy! Anh cứ gọi xem nào?

Prong Mưng cất tiếng gọi:

Prong Mưng - Ơ Dul, ơ Dul, mày ăn cây le! Ơ Đê, ơ Đê, mày ăn cây lồ ô! Chủ mày là Hơ Nhị, Hơ Bhị.

Nghe gọi, con voi cũng lại ré lên "khư-ưc" một tiếng, khịt lên khanh khách, lắc lư chạy đuổi Prong Mưng. Prong Mưng chạy lại với Đam Săn.

Đam Săn - Ố voi, ố voi! L... mẹ mày! Mày ngang ngược không khác mụ chủ Hơ Nhị của mày! Ơ cái con voi, nòi của Trọng Phị nhà Trời[1]!

Nghe tiếng Đam Săn, con voi liền té cứt té đái nằm phục xuống.

Đam Săn - Bây giờ thì anh lại đây, ơ anh Prong Mưng! Nào, anh trèo lên!

Prong Mưng - Ấy chết! Tôi không dám trèo đâu, sợ nó lại đuổi!

Đam Săn - Lại sợ! Đến trèo lên!

Họ lên voi rồi, Đam Săn đánh đầu gối thúc voi đi về làng. Nhưng đáng lẽ đi về làng, voi lại đi vào rừng. Đam Săn dùng vố đánh nó bắt đi về làng. Đáng lẽ phải đi về làng, nó cứ đi vào rừng. Nó đi mãi cho đến một gốc đa, một gốc sung thì dừng ại. Đam Săn dùng chân thúc nó đi về phía tây, nó không đi. Thúc nó đi về phía đông, nó cũng không đi. Ngước mắt nhìn lên Đam Săn nhìn thấy một chùm hoa đa hai đoá, một chùm hoa sung ba đoá cả hai chùm đang chúm nở trông thật là đẹp.

Đam Săn - Ơ anh Prong Mưng, chúng ta xuống xiềng voi lại đây! Voi xiềng rồi. Đam Săn đi chặt ngoèo.

---

1. Voi thông minh nhưng hung dữ như voi trong huyền thoại: Trọng Phị.

Đam Săn - Ơ anh Prong Mưng, anh cũng chặt ngoèo đi chứ!

Prong Mưng - Chặt ngoèo làm gì chú?

Đam Săn - Chặt ngoèo làm gì à? Để khoèo chùm hoa đa hai đoá, để khoèo chùm hoa sung ba đoá cả hai chùm đang chúm nở đẹp sao mà đẹp kia kìa.

Đam Săn trèo lên cây đa khoèo hoa. Còn Prong Mưng thì trèo lên cây sung. Đam Săn khoèo cành dưới, hoa vọt lên cành trên. Chàng khoèo cành trên, hoa vọt lên ngọn cây. Chàng mệt nhoài ngồi ngủ gật ngay trên cành cây. Hồn chàng tức thì bay lên Ông Trời.

Ông Trời - Ơ cháu, có việc gì mà cháu phải lên đây lúc nửa đêm gà gáy, khi mọi người đang ngủ vậy?

Đam Săn - Vâng, cháu đã lên đến đây, ông ạ. Cháu đi bắt voi. Voi đưa cháu đến một gốc đa, một gốc sung và dừng lại đó. Cháu thúc nó đi về phía tây, nó không đi. Cháu thúc nó đi về phía đông, nó cũng không đi, ngước mắt nhìn lên, cháu nhác thấy một chùm hoa đa hai đoá, một chùm hoa sung ba đoá, cả hai đang chúm nở. Cháu liền trèo lên khoèo. Nhưng cứ khoèo cành dưới, hoa lại vụt lên cành trên. Cứ khoèo cành trên, hoa lại vọt lên ngọn cây. Cháu khoèo mãi không được, nên lên đây tìm ông đấy, ông ạ.

Ông Trời - Ô hay, làm sao cháu khoèo được! Hoa đây đâu phải của cháu. Hoa của Hơ Nhị, Hơ Bhị chứ. Cháu có chịu lấy Hơ Nhị, cháu có chịu lấy Hơ Bhị, ông mới cho.

Đam Săn - Có chết cháu cũng không lấy Hơ Nhị, cháu cũng không lấy Hơ Bhị.

Ông Trời - Sao cháu lại không lấy Hơ Nhị, không lấy Hơ Bhị? Thế mà cháu lại muốn chân không phải xuống đất mà nô lệ vẫn có, chân không phải chạy mà voi vẫn có?

Giữa lúc đó, ở nhà, Hơ Bhị nói với Hơ Nhị:

Hơ Bhị - Này, chị ơi, sao anh đi lâu thế nhỉ? Hay là anh đã bị voi quắp mất rồi! Chúng ta phải đi xem sao chứ!

Hai chị em lên đường đi tìm. Họ lần theo dấu chân voi thì đến chỗ cây đa cây sung. Họ dừng lại đó nhìn lên thì thấy một chùm hoa đa hai

đoá đang chúm nở, một chùm hoa sung ba đoá đang chúm nở. Họ liền dừng lại, Hơ Nhị đứng dưới gốc cây đa, Hơ Bhị đứng dưới gốc cây sung.

Ông Trời - (nói với Đam Săn) Kìa cháu, vợ cháu đi theo đã đến kia kìa!

Đam Săn - Vợ nào con nào! Có chết cháu cũng không lấy Hơ Nhị, cháu cũng không lấy Hơ Bhị.

Ông Trời - Thật chứ, cháu?

Đam Săn - Thật chứ, ông.

Ông Trời tức thì lấy ống điếu cốc cho Đam Săn một cốc vào đầu. Đam Săn chết giấc ngay tức khắc. Lát sau, ông Trời làm phép cho Đam Săn sống lại.

Ông Trời - Nào, cháu, cháu lấy chứ?

Đam Săn - Cháu không lấy đâu, ông ơi.

Ông Trời lại cốc vào đầu Đam Săn làm chàng chết đi sống lại bảy lần. Hết lần thứ bảy, ông hỏi:

Ông Trời - Sao cháu, lấy chứ?

Đam Săn - Cháu lấy vậy. Nhưng ông ơi, có thật lấy Hơ Nhị, Hơ Bhị chân cháu không phải xuống đất mà nô lệ vẫn có, chân cháu không phải chạy mà voi vẫn có không ông?

Ông Trời - Thật chứ, cháu.

Đến đây Đam Săn bừng tỉnh, vẫn vắt vẻo ngồi trên cành cây. Chàng khoèo chùm hoa đa hai đoá đang nở, chùm hoa rơi vào ống tay áo Hơ Nhị. Chàng khoèo chùm hoa sung ba đoá đang nở, chùm hoa rơi vào ống tay áo Hơ Bhị.

Đam Săn - Ơ Hơ Nhị, Hơ Bhị, có thấy hoa đa, hoa sung của tôi rơi xuống đất không?

Hơ Nhị - Không thấy, *nuê* à!

Đam Săn - Vậy thì hai cô tìm đi! Tìm thấy thì thành vợ thành chồng, bằng không thì chồng thôi vợ để vậy.

Đam Săn cũng tụt xuống đất cùng tìm hoa với Hơ Nhị, Hơ Bhị, nhưng không thấy. Ba người lên voi ra về đến nhà Đam Săn.

Đam Săn - Ơ Hơ Nhị, ơ Hơ Bhị, các cô về đi thôi! Nào có tìm thấy hoa đa, hoa sung đâu mà tôi về với các cô!

Hơ Nhị, Hơ Bhị đành ra về vậy. Nhưng ra đến quá cổng làng thì hai chị em chợt thấy hoa trong tay áo.

Hơ Nhị - Ơ *nuê* ơi, hoa đây rồi!

Đam Săn - Thật không?

Hơ Nhị - Thật chứ.

Đam Săn - Còn Hơ Bhị, hoa đâu?

Hơ Nhị - Đây này.

Đam Săn tụt xuống đất, đến cạnh voi của Hơ Nhị, Hơ Bhị, leo lên voi. Hơ Nhị nói:

Hơ Nhị - Hoa đây, *nuê* à. Bầu hoa chúng ta ăn ngay. Còn cuống hoa để về làng chúng ta ăn với gan trâu.

Hơ Bhị - Còn hoa này, bầu nó chúng ta cũng ăn ngay, cuống hoa để về làng ăn với gan bò, *nuê* à.

Thế là ba người cùng lên đường ra về. Được nửa đường, Đam Săn chợt kêu lên:

Đam Săn - Ồ, tôi quên mất khố áo rồi! Hơ Nhị đứng đây chờ tôi nhé! Còn Hơ Bhị thì về trước đi! Để tôi quay lại lấy khố áo cái đã. (Nói với voi) ơ Dul ơ Dul mày ăn cây le! Ơ Đê ơ Đê, mày ăn cây lồ ô! Ngồi trong bành là bà chủ của mày đấy nhé!

Đam Săn quay trở lại nhà chàng. Về đến nhà, đang lục khố áo thì chàng lăn quay ra ngủ, voi của Hơ Nhị đợi một đêm, nán thêm ba đêm thì bỏ đi. Nó đi vào Chư Giụ, đi vào Chư Hmụ Prong, rồi vào sâu nữa cho đến Chư Giang Bong, Chư Giang Lak[1].

1. Tên 14 ngọn núi cao trong vùng Êđê. Thần 14 ngọn núi được nhắc tới nhiều lần trong khan.

Đến đây, voi gặp Đam Par Kvây một người *diêng*[1] của Đam Săn, lúc này đang lội suối băng rừng tìm thú săn, kiếm thịt phơi khô, kiếm rau để muối.

Đam Par Kvây - Ủa, voi ai kìa! Thôi, đúng là voi của vợ *diêng* tôi rồi!

Hơ Nhị - Ơ *diêng* ơi, voi tôi đấy! *Diêng* bắt giùm tôi với!

Đam Par Kvây - Ơ vợ *diêng*, tôi nói thế nào với voi đây?

Hơ Nhị - Nói thế nào à? *Diêng* cứ gọi: "Ơ Dul, ơ Dul, mày ăn cây le! Ơ Đê, ơ Đê, mày ăn cây lồ ô! Chủ mày là Hơ Nhị, Hơ Bhị!".

Đam Par Kvây cất tiếng gọi.

Con voi nghe gọi, vụt ré lên "khư-ưc" một tiếng, khịt lên khanh khách, lắc lư chạy đuổi chàng. Chàng tránh quanh bụi tre, voi chà nát bụi tre. Chàng tránh quanh bụi lồ ô, voi chà nát bụi lồ ô. Nó tìm báng chàng.

Hơ Nhị - Ối *diêng* ơi! Thôi, thế là *diêng* không bắt được nó đâu! *Diêng* chạy giùm về làng nói với Đam Săn đã bảy ngày bảy đêm tôi ở trong rừng rồi đó!

Đam Par Kvây chạy về làng Đam Săn. Đến bến nước làng thì chàng gặp Hơ Lị.

Đam Par Kvây - Ơ cô em, ơ cô em, *diêng* Đam Săn của tôi đi đâu rồi?

Hơ Lị - Anh ấy thì còn đi đâu nữa? Anh ấy về nhà vợ rồi.

Đam Par Kvây - Vợ nào, con nào? Vợ anh ấy voi đã tha tít vào Chư Giang Lak rồi!

Hơ Lị - Ủa! Thật thế ư anh!

Hơ Lị chạy ngay về nhà.

Hơ Lị - Chị ơi, ối chị ơi! Anh Đam Săn đi đâu rồi? Chị xem vợ anh ấy voi đã tha tít vào Chư Giang Lak mất rồi?

Hơ Âng - Ai bảo em thế?

---

1. Anh em, kết nghĩa.

Hơ Lị - Anh Đam Par Kvây đến bảo cho biết đấy chị ạ.

Hơ Âng - Vậy em chạy vào buồng nó xem nào!

Hơ Lị chạy vào buồng Đam Săn thì thấy anh chàng đang nằm ngủ khì.

Nàng lay bên trái, Đam Săn không cựa quậy. Chàng lay bên phải, Đam Săn cũng không cựa quậy. Nàng lấy chì nấu chảy trong một mảnh gốm, rót vào lỗ tai trái của Đam Săn, anh chàng mới bắt đầu nhúc nhích. Đến khi rót vào lỗ tai phải, lúc đó anh chàng mới choàng dậy.

Đam Săn - Này cô, sao cô lại đùa tôi như vậy? Làm tai tôi nhột quá đi!

Hơ Lị - Đã nhột gì bao nhiêu? Anh xem vợ anh đâu rồi? Voi đã tha người ta vào tít trong Chự Giang Lak, anh có biết không?

Đam Săn tức thì dốc tai trái, cục chì rơi tọt xuống. Dốc luôn tai phải, cục chì rơi tọt xuống. Hơ Âng, Hơ Lị xếp cho chàng một gùi cơm, một gùi gan trâu, gan bò. Chàng quơ vội một cây nỏ, một ống tên, quơ luôn cả một cây chà gạc, rồi quàng gùi lên vai ra đi. Chàng lần bước theo dấu chân voi, chàng đi mãi, leo hết đồi này lại tụt đồi kia mà chẳng thấy bóng con voi đâu cả. Chàng khóc hu hu. Chàng than hô hô: "Ối mình ơi, mình chết mất rồi! Ối mình ơi, mình chết mất rồi! Con người như đúc trong ống, như khuôn trong bầu, đời ông cậu xưa không có ai như vậy, đời ông bác xưa cũng không có ai như vậy, thế mà chết mất rồi!" Chàng leo hết đồi nọ đến đồi kia thì bắt gặp con voi.

Đam Săn - Ơ cái đồ con voi, nòi của Trọng Phị nhà Trời! Mày bỏ chạy đi đâu hả?

Nghe tiếng Đam Săn, con voi tức thì quay ngoắt trở lại. Nó đến trước mặt Đam Săn nằm phục xuống. Đam Săn nhảy lên ngồi trên đầu nó, thúc nó quay về.

Đam Săn - Này Hơ Nhị, cô đi việc gì vậy? Nếu đi săn tê giác thì đưa sừng đây tôi đi bán cho. Nếu đi săn voi thì đưa ngà đây tôi đi bán cho.

Hơ Nhị - Sừng siếc gì, cái thây mẹ anh! Ngà nghiếc gì, cái l... mẹ anh! Nói vừa dứt lời, Hơ Nhị xỉu đi chết giấc, Đam Săn nhảy bổ vào bành

voi, nhai một bụm cơm, lấy mũi chà gạc cạy hàm vợ, mớm cho tí cơm tí nước. Hơ Nhị tỉnh dần. Khi đã tỉnh hẳn, ăn uống được một mình rồi, nàng liền cùng ngồi ăn với Đam Săn. Ăn xong hai vợ chồng lên đường trở về làng. Về đến làng rồi, Hơ Nhị vẫn chỉ nghĩ đến chuyện ăn và chuyện uống.

III

Hội hè đã vãn.

Bây giờ Đam Săn chơi quay. Chàng chơi suốt ngày cho đến chiều, thâu đêm cho đến sáng. Hơ Bhị gọi chàng:

Hơ Bhị - Ơ anh, ơ anh, về ăn cơm! Cơm đã khô trong bát, gà đã quất lại trong xiên, thịt gà đã xác ra như thịt con kên kên đực rồi đó!

Đam Săn - Thế thì các cô cứ ăn đi! Bọn tôi chưa rồi.

Nói rồi, Đam Săn lại chơi ngay.

Giữa lúc đó, tiếng đồn đã đến tai Mtao Grự[1]: Hơ Nhị là một cô gái đẹp thần cho cái giàu, là một cô gái xinh thần cho cái sang. Hắn cho tôi tớ đi xem thử.

Mtao Grự - Ơ các con, ơ các con, các con đi xem có đúng là Hơ Nhị đẹp không nào! Đến nhà nàng, các con sẽ nói: "Chúng cháu đi mò rừng săn đêm kiếm thịt ăn. Đói rau chúng cháu ghé xin nghỉ, đói cơm chúng cháu ghé xin bà cho ăn đây".

Bọn tôi tớ ra đi. Một đứa cưỡi đầu voi, một đứa cưỡi lưng voi, voi đi lưng trần, người mang theo tên nỏ, chúng cứ như thế mà đi. Đến nhà Hơ Nhị, chúng đánh voi áp sát sàn hiên. Hơ Nhị đi ra nhà khách hỏi:

Hơ Nhị - Các cháu đến có việc gì đấy, các cháu?

Bọn tôi tớ - Chúng cháu chỉ đi chơi phiếm thôi, bà ạ. Chúng cháu đi mò rừng săn đêm kiếm thịt ăn. Đói rau chúng cháu ghé xin nghỉ, đói cơm chúng cháu ghé xin bà cho ăn đấy thôi.

---

1. Tên Mtao Grự còn thấy ở truyện Mdrông Dam.

Hơ Nhị liền đi làm cơm cho ăn. Ăn xong bọn tôi tớ hỏi:

Bọn tôi tớ - Thưa bà, ông đi đâu?

Hơ Nhị - Ông các người đi đâu à? Ông đang chơi quay.

Bọn tôi tớ - Ông chơi quay ở đâu, bà?

Hơ Nhị - Ông đang chơi ở bãi thả trâu, ở bãi ngoài làng, trên đồi thả diều đâu đó.

Bọn tôi tớ - Thế đi gọi ông có về không, bà?

Hơ Nhị - Ông có mà thèm về! Có khách đến nhà bán voi, ông đã không về. Gọi về ăn cơm, ông cũng không về nữa là.

Đến đây, bọn tôi tớ của Mtao Grự ra về, họ vừa về đến nhà lão chủ của họ đã hỏi ngay:

Mtao Grự - Thế nào các con, có thấy Hơ Nhị không? Có đúng là cô ta đẹp không?

Bọn tôi tớ - Sao lại không đẹp được, ông? Nàng quả là lộng lẫy như thần, ngời sáng như mặt trời. Ngón tay như lông nhím. Mặt mày tròn trạnh như quả hồng rừng, thứ quả không phải để ăn mà chỉ để cầm chơi. Thật là một cô gái tuyệt xinh tuyệt đẹp, ông ạ.

Mtao Grự - Có sánh được với mụ vợ thái thuốc hút của ta không?

Bọn tôi tớ - Đẹp hơn chứ, ông.

Mtao Grự - Có sánh được với mụ vợ têm trầu của ta không?

Bọn tôi tớ - Cũng đẹp hơn, ông ạ.

Mtao Grự - Thế có sánh được với mụ vợ cả của ta không?

Bọn tôi tớ - Cũng đẹp hơn hẳn, ông ạ.

Mtao Grự - Bớ các con, vậy thì đóng ngay bành voi cho ta!

Voi đóng bành rồi Mtao Grự nhảy lên ngồi ra đi. Đến nhà Hơ Nhị hắn nhảy xuống sàn hiên, khép nép đi vào ngồi ở cái ghế đánh la.

Hơ Nhị đi ra nhà khách.

Hơ Nhị - Ơ diêng, diêng đến chơi có việc gì?

Mtao Grự - Tôi đến thăm diêng của tôi, vợ diêng à. Thế diêng của tôi đi đâu?

Hơ Nhị - Diêng của ông đang chơi quay.

Mtao Grự - Tôi muốn vợ diêng cho đi gọi diêng về. Tôi mong được thăm diêng của tôi.

Hơ Nhị - Có gọi, anh ấy cũng chẳng về đâu!

Thế rồi Hơ Nhị đốt một gà mái ấp, giết một gà mái đẻ, giã gạo trắng như hoa *êpang*, sáng như ánh mặt trời, nấu cơm mời khách. Khách ăn xong, nàng cho bê rượu ra. Rượu bê ra rồi nàng ngồi uống với khách cho đến lúc mặt trời chấm ngang cây xà dọc phía tây.

Mtao Grự - Ơ vợ diêng, tôi về đây, vợ diêng à.

Hơ Nhị - Diêng à, mời diêng ở lại nghỉ đêm với chúng tôi.

Mtao Grự - Để tôi về thôi, vợ diêng, à diêng có nhà đâu mà tôi nghỉ lại! Nói rồi, Mtao Grự đứng dậy ra đi, vờ để quên cái ống điếu của hắn trên giường nhà khách. Hắn nhảy lên voi ra đi, nhưng ra đến cổng làng thì quay lại gọi.

Mtao Grự - Ơ vợ diêng, đem giùm xuống cho tôi cái ống điếu!

Hơ Nhị - Ơ các con, đem cái ống điếu xuống cho diêng!

Mtao Grự - Ấy không, vợ diêng ơi, tôi không ưng người khác đưa xuống đâu. Chính vợ diêng đưa xuống, tôi mới ưng.

Hơ Nhị cầm ống điếu xuống.

Hơ Nhị - Này đây, diêng, ống điếu của diêng đây!

Hơ Nhị giơ ống điếu lên, giơ mãi chưa tới, đến khi vừa tới thì Mtao Grự chộp lấy tay, lôi tuột nàng vào bành voi thúc voi chạy. Hơ Nhị la lên:

Hơ Nhị - Ối em ơi, ối em ơi! Chạy báo ngay cho anh biết người ta đã đến đánh chị ngay tại nhà, cướp chị ngay giữa làng, bắt đi hết tôi trai tớ gái rồi! Hơ Bhị cắm cổ chạy. Mũi xổ, nàng ngắt phắt mũi xổ. Miệng xùi, nàng quẹt phắt miệng xùi. Nàng vừa tới nơi Đam Săn đã nói đùa:

Đam Săn - Ơ cô nàng, vì đâu xui khiến mà chiêng leo giàn bếp, bậc quyền môn lại đến với kẻ tiện ti này, bỗng dưng cô nàng lại hạ cố đến nhà tôi một lần này vậy?

Hơ Bhị - Này, tôi không giỡn với anh đâu nhé! Người ta đã đến đánh chị tôi ngay tại nhà, cướp chị tôi đi ngay giữa làng rồi đó!

Đăm Săn - Người ta là đứa nào vậy?

Hơ Bhị - Nghe nói là Mtao Grụ, một dũng tướng chuyên đi dày xéo đất đai các tù trưởng nhà giàu.

Đam Săn - Ừ, hắn muốn cướp thì cho hắn cướp, hắn không muốn cướp nữa thì hắn thả. Vợ nhà giàu thì ai mà chẳng muốn cướp. (Nói với anh em vợ).

Bớ các bạn, chúng ta về làng nào!

Mọi người ra về. Họ đã về đến làng.

Đam Săn - Ơ các bạn, bây giờ chúng ta làm gì đây? Cúng chèo bẻo, bồ chao[1] với rượu với lợn được chăng? Phải cầu bằng được chèo bẻo, bồ chao báo đường cho đúng! Phải cầu bằng được chim bhị chim nhông dẫn đường cho đến chốn đến nơi!

Anh em vợ - Muốn vậy phải lấy ché tuk ché tang, phải giết con trâu rằn trán, con trâu mà thần đã cho ta từ trước từ xưa để làm lễ mới được.

Đam Săn - Ơ các bạn, bây giờ các bạn hãy đi lấy cho ta thứ ngải nổi tiếng ở gốc xoan, thứ ngải linh thiêng ở gốc chuối, những thứ ngải đã nhiều lần giúp ông ta đánh thắng quân thù, bắt tù binh, thu nhiều của cải! Các bạn hãy nổi lên tiếng trống thần Đam Bhu, chiếc trống có chùm choẹ xích sắt, tiếng vang rền, chiếc trống mà từ trên cao Ông Trời đã ban cho, từ trên cao Ông Trời đã thả xuống cho ta, chiếc trống mà tiếng vọng đến vùng Bih, người Bih phải lùa trâu lên, vọng đến vùng Lào, người Lào phải đánh voi xuống, vọng đến người Blô người Êpan, người Blô, người Êpan cũng khiêng lợn khiêng rượu đem cho.

Tôi tớ - Thưa ông, ông định cho đi bắt cá con nước nào vậy[2]?

Đam Săn - Gặp vực nhỏ, ta bắt vực nhỏ. Gặp vực lớn, ta bắt vực lớn. (Nói với Y Suh, Y Sah) Ơ Y Suh, Ơ Y Sah, ơ những chàng trai có tài ăn

---

1. Loại chim báo điềm tốt xấu trước khi xuất hành, tuỳ theo đường bay mà đoán lành dữ.

2. Ý đánh làng nào vậy?

nói, giỏi lý lẽ, biết thuyết phục bọn tù trưởng nhà giàu, các ngươi hãy lấy. dây đồng đem theo nhiều sải[1], hãy lấy thóc lúa đem theo nhiều gùi, đi gọi về đây bàn dân thiên hạ, cả người Bih rộng miệng, cả người Mnông tai dài, người đem theo hổ lò nỏ bẫy! Hãy đi gọi về đây tất cả để cùng ta đi đánh kẻ thù, bắt tù binh, xéo nát đất đai của tên tù trưởng nhà giàu Mtao Grự! Các người hãy đi gọi về đây từ tây xuống đông tất cả các tù trưởng người Mnông đeo răng rắn, các tù trưởng người Bih đeo nanh cọp! (Nói với tôi tớ). Hỡi nghìn chim sẻ, hỡi vạn chim ngói, hỡi tất cả tôi tớ của ta, các ngươi hãy theo ta đi đánh thắng Mtao Grự!

Đoàn người ra đi, đông như bầy cà tong, đặc như bầy thiêu thân, ùn ùn như kiến như mối. Voi đực đóng bành mây, voi cái đóng bành mui, ngồi trên đầu voi là những chàng trai vạm vỡ. Một trăm người đi trước, một nghìn người cất bước theo sau, một mình Đam Săn cao lênh khênh đi giữa. Tôi tớ kéo theo từng từng lớp lớp, bóng người đi rợp cả một vùng.

Họ đến bến nước làng, rồi đến bờ rào làng Mtao Grự. Trước mặt họ là một bờ rào che một lớp hai lớp, một bờ rào lồ ô một hàng hai hàng, cổng làng trồng hai hàng cột lớn.

Họ áp sát bờ rào làng, ẩy thử cổng làng. Từ trong làng vọng ra tiếng cồng lớn cồng nhỏ, nghe ì à ì ọp như tiếng ếch kêu dưới nước. Họ hiểu ra ngay đây đúng là một thằng cha tù trưởng giàu mạnh, đầu bịt khăn nhiễu, vai mang nải hoa thật.

Đam Săn - Ơ diêng ơ diêng mở cổng! Trời nắng to, mặt ta đang bị chói nắng đây này!

Mtao Grự - Ơ các con, ơ các con, ra xem có chuyện gì ngoài ấy? Tiếng gì như tiếng gà cục tác, hay tiếng trẻ nhà ai đó đang oe oe, hay tiếng gã trai rèn đang đe chi chát? Ra xem, nếu thấy người nhát thì hẵng mở cổng, nghe! Nếu người dữ thì chôn cổng lại cho chắc, nện cổng lại cho chặt, nghe!

Đam Săn - Ơ Y Suh, ơ Y Sah, hãy lấy những chiếc búa ăn rừng[2] bén nhất san bằng cái bờ rào này đi nào! Hãy chặt ở dưới, bổ ở trên, phá tan cả cái rào cái cổng làng thằng cha này đi cho ta!

1. Để cắt thành vòng đeo tay, dùng làm vật làm tin.

2. Làm rẫy.

Người của Đam Săn đông như bầy cà tong, đặc như bầy thiêu thân, ùn ùn như kiến như mối. Họ tiến vào bãi quanh làng, rồi tiến sát bờ rào làng.

Đam Săn - Ơ diêng, ơ diêng, xuống đất! Chúng ta đọ sức nhau nào!

Mtao Grự - Ơ diêng, ơ diêng, mời diêng lên nhà, ta muốn làm lễ cầu phúc cho diêng một trâu.

Đam Săn - Ngươi còn định cúng trâu cầu phúc cho ta hả! Há chẳng phải vợ ta ngươi đã cướp, đùi ta ngươi đã chặt, ruột gan ta ngươi đã moi ra rồi sao! (Nói với tôi tớ) Bớ các con, lấy cái sàn hiên nhà này đem bổ đôi ra, lấy cái cầu thang nhà này đem chẻ ra kéo lửa hun cái nhà này ta xem nào!

Mtao Grự - Ấy, khoan, diêng khoan! Để ta xuống. Không được đâm ta khi ta đang đi xuống đó, nghe!

Đam Săn - Sao ta lại đâm ngươi khi ngươi đang đi xuống nhỉ! Ngươi xem đến con lợn của nhà ngươi trong chuồng, ta cũng không thèm đâm nữa là?

Mtao Grự - Ơ diêng, ơ diêng, không được đâm ta khi ta đang đi đó, nghe!

Đam Săn - Sao ta lại đâm ngươi khi ngươi đang đi nhỉ! Ngươi xem đến con trâu cái nhà ngươi trong chuồng, ta cũng không thèm đâm nữa là?

Thế là Mtao Grự phải xuống.

Đam Săn - Ơ diêng, ơ diêng khiên đao của ngươi là khiên đao gì vậy?

Mtao Grự - Khiên thần đao thần, khiên đao dính đầy những oan hồn, khiên đao chỉ nhằm đùi bọn tù trưởng nhà giàu. Ơ diêng, còn khiên đao của ngươi là khiên đao gì vậy?

Đam Săn - Khiên đao kêu lạch xạch, khiên đao bị mọt ăn chẳng rõ còn chắc hay không! Ơ diêng, bây giờ ngươi múa đi!

Mtao Grự rung khiên múa. Hắn múa kêu lạch xạch như quả mướp khô.

Đam Săn - Ngươi múa lạch xạch, ngươi múa một mình, ngươi múa chơi đó phải không, diêng?

Mtao Grự - Bớ diêng, đến lượt ngươi, ngươi múa đi!

Đam Săn rung khiên múa. Chàng múa dưới thấp, vang lên tiếng đĩa khiên đồng. Chàng múa trên cao, vang lên tiếng đĩa khiên kênh. Chàng múa chạy nước kiệu, ba lớp núi rạn nứt, ba đồi tranh bật rễ tung bay. Chàng chạy vun vút một mình không ai theo kịp.

Còn Mtao Grự bước thấp bước cao, chạy trốn mũi giáo thần, mũi giáo dính đầy những oan hồn của Đam Săn. Hắn nhằm đùi Đam Săn phóng cây giáo của hắn tới nhưng cây giáo chỉ vừa trúng một con lợn thiến.

Đam Săn - Sao ngươi lại đâm con lợn thiến? Thế đùi ta ngươi dành làm gì? Đây ngươi hãy xem ta!

Cây giáo thần, cây giáo vương vít những oan hồn của Đam Săn nhằm đùi kẻ thù phóng tới, đâm vừa trúng đích.

Đam Săn - Đùi ngươi sao lại đỏ thế kia, ơ diêng?

Mtao Grự - Cái viền chăn đỏ của vợ hai chúng mình[1] ở nhà đó.

Mtao Grự lảo đảo như gà gẫy cánh, khập khiễng như gà gẫy chân, vừa chạy vừa kêu oai oái ở bãi đông, vừa kêu oai oái ở rẫy tây. Hắn tránh quanh chuồng lợn. Đam Săn phá tan chuồng lợn. Hắn tránh quanh quẩn vườn cam, Đam Săn phá nát vườn cam. Ba lần hắn chạy trốn về phía đông, ba lần hắn chạy trốn về phía tây, vướng hết thừng trâu đến thắng voi. Cuối cùng không chạy được nữa, hắn ngã lăn quay ra đất.

Đam Săn nhảy tới giẫm lên chém đùi hắn.

Mtao Grự - Khoan, diêng! Hãy khoan, diêng! Để ta làm lễ cầu phúc cho diêng một trâu.

Đam Săn - Sao lại khoan? Chân ngươi đã đứt, đùi ngươi đã gẫy, máu ngươi đã chảy lênh láng khắp xóm làng. Đầu ngươi ta sẽ vứt trong rừng tranh, hàm ngươi ta sẽ bêu ngoài sân cỏ cho kiến đen kiến gió chúng bâu. Ngươi đã to gan lớn mật, dám coi mình cao hơn cả non xanh.

---

1. Hàm chỉ Hơ Nhị, vợ Đam Săn, mà Mtao Grự cướp làm vợ.

Vợ ta ngươi cướp, đùi ta ngươi chém, ruột gan ta ngươi moi. Khắp người Êđê trên cao, khắp người Bih, người Mnông dưới thấp, khắp tây đông không có một ai như ngươi cả. (Nói với tôi tớ) Ơ các con, ơ các con, các con hãy đem cái đầu của hắn bêu ngoài cổng làng, đem cái hàm của nó móc ngoài bãi cỏ để cho kiến đen, kiến gió chúng bâu! (Nói với dân làng Mtao Grự). Hỡi nghìn chim sẻ, hỡi vạn chim ngói, hỡi tất cả tôi tớ bằng này, các ngươi có đi với ta không?

Dân làng - Sao chúng tôi lại không đi? Tù trưởng chúng tôi đã chết mất rồi! Sao chúng tôi lại không đi! Lúa chúng tôi đã mục mất rồi[1]! Chúng tôi còn ở với ai?

Ai phải gọi ông thì gọi ông.

Dân làng - Ông ơi, ông, chờ chúng tôi với! Để chúng tôi hốt cái bếp đã. Ai phải gọi bác thì gọi bác.

Dân làng - Bác ơi, bác, chờ chúng tôi với! Để chúng tôi quét cái nhà đã. Đam Săn ra về.

Người đi đông như bầy cà tong, đặc như bầy thiêu thân, ùn ùn như kiến như mối. Họ đem theo của cải, trông như ong đi chuyển nước, vò vẽ đi chuyển hoa, như trai gái đi ra bến làng gùi nước.

Đam Săn - Ơ các con, ơ các con, ai ưng cùm thì chặt cùm, ai ưng gông thì chặt gông mà mang theo nhé!

Dân làng - Vâng, chúng tôi xin chặt. Chúng tôi sẽ chặt và mang theo cho đến bãi ngoài làng, cho đến sân trong làng.

Đam Săn - Nào ta có bảo các ngươi chặt cùm chặt gông thật làm gì? Ta chỉ muốn bảo các ngươi chặt lấy cột nhà đem về dựng nhà mà ở đấy thôi.

Đoàn người về đến bãi ngoài làng, rồi đến sân làng.

Người ta lấy rượu năm ché, trâu nâng một con làm lễ cáo thần, cáo tổ tiên, cáo linh hồn các tù trưởng xưa cũ, cầu cho được nạn khỏi tai qua, bình yên vô sự.

---

1. Dân nô lệ phải gọi Đam Săn bằng ông, dân tự do, bằng bác.

Đam Săn - Ta đi đánh kẻ thù, bắt tù binh xéo nát đất đai một tù trưởng nhà giàu về. Nay ta xin dâng thần rượu bảy ché trâu bảy con, rượu bảy ché, bò bảy con, rượu bảy ché lợn thiến bảy con, cầu thần phù hộ ta ngày càng lớn càng mạnh lên, ngày càng không ai bì kịp, ngày càng không ai sánh tày ta được.

Đam Săn mở hội ăn uống đông vui suốt cả một mùa khô năm mới.

Nay hội hè đã tàn, rượu đã nhạt, ché đã phai, ai ở đâu về đấy, khách lần lượt ra về.

IV

Đam Săn nghỉ một ngày, ngơi một đêm, ở không thêm một chiều một sáng. Chàng gọi.

Đam Săn - Hỡi bà con dân làng, hỡi các em các cháu! Hội hè đã vãn. Bây giờ chúng ta phải bắt tay vào công việc làm ăn, phải đi thăm rẫy thăm ruộng kẻo hụt muối thiếu thuốc, đến quả kênh, củ năn cũng không có mà ăn. (Nói với tôi tớ) Bớ các con, chúng ta đi phát rẫy dọn ruộng, chúng ta đi rừng săn thú nào!

Thế là họ ra đi tìm rừng làm một rẫy bảy vạt núi. Phát xong, họ đốn cây. Sau đó ít lâu, họ đốt. Rồi, bà con xem, ai làm cỏ cứ làm cỏ, ai cào cứ cào.

Tôi tớ - Ồ, thế mà chúng ta đã làm xong cỏ rồi đó! Chúng ta cũng đã cào xong. Trời đã bắt đầu mưa. Bớ anh em ta đi tria nào!

Đam Săn - Khoan, khoan, ơ các con! Hãy đợi ta lên Ông Trời xin giống về đã!

Nói rồi Đam Săn ra đi.

Đam Săn - Ơi ông ơi, ơi ông ơi, thả thang xuống cho cháu?

Ông trời thả xuống cho Đam Săn một thang vàng. Đam Săn leo lên.

Ông Trời - Cháu lên có việc gì đó? Việc gấp lắm phải không?

Đam Săn - Không có việc gì gấp đâu, ông ạ. Cháu chỉ lên xin ông giống lúa thôi.

Ông Trời lấy lúa giống cho Đam Săn. Ông cho đủ thứ, mỗi thứ một hạt.

Đam Săn - Ông ơi, từng này sao đủ tỉa!

Ông Trời - Sao lại không đủ? Cháu cứ tỉa mỗi góc một thứ, mỗi góc một thứ là đủ đấy, cháu ạ.

Đam Săn tụt xuống đất ra về. Về đến nơi, chàng ra lệnh:

Đam Săn - Ơ nghìn chim sẻ, ơ vạn chim ngói, ơ tất cả tôi tớ của ta bằng này, các người hãy một trăm người vạch luống, một nghìn người chọc lỗ tỉa đi! Thế là, bà con xem, người đông nghìn nghịt tới tấp gieo tỉa, trông mù mịt như một đêm không trăng, tối kịt như một mớ tơ đen vừa nhuộm, người cứ ùn ùn như kiến như mối.

Tôi tớ - Chu cha, thế mà tỉa xong rồi đó, ông ạ!

Đam Săn - Vậy thì ta làm chòi giữ rẫy đi!

Chòi rẫy làm xong, Đam Săn ngủ lại để canh thú rừng đến phá rẫy, đuổi con két con mòng, đuổi con gà rừng, chim sẻ chim ngói, coi chừng lũ khỉ trọc đến phá nương. Còn Hơ Nhị, Hơ Bhị thì người ngồi may áo ở cửa chòi phía đông, người ngồi dưới gầm nhà dệt vải.

Đam Săn nghỉ một ngày, ngơi một đêm, ở không thêm một chiều một sáng.

Đam Săn - Ơ Y Blim làng Blô, ơ Y Blô làng Blang, ở làng Kang làng Ana, nơi chôn rau của những cô gái đẹp! Ơ làng Hoh, làng Hun, nơi cắt rốn của những chàng trai xinh! Các người đi bắt voi về cho ta!

Y Blim - Thưa ông, ông cần voi làm gì ạ?

Đam Săn - Ta muốn cùng các ngươi chiều đi câu, sáng đi bắt cá. Ăn trâu, ăn bò đã ngán, ta muốn ăn con tôm, con cua.

Y Blim Y Blô đi bắt voi.

Y Blim Y Blô - Ơ Dul, ơ Dul, mày ăn cây le! Ơ Đê, ơ Đê, mày ăn cây lồ ô! Chủ chúng mày, ông Đam Săn, muốn chúng mày đưa ông đi bắt cá! (Hỏi Đam Săn) Ông ơi, ông ơi, ông cho đóng bành nào?

Đam Săn - Voi đực đóng bành mây, voi cái đóng bành guột.

Voi đóng bành rồi, Đam Săn trèo lên ra đi. Người theo đi đông như bầy cà tong, đặc như bầy thiêu thân, ùn ùn như kiến như mối. Đoàn người đến một con suối.

Đam Săn - Ơ các con, ơ các con, tháo bành voi! Chúng ta xuống nước nào!

Đoàn người xuống nước. Tức thì cua chết đầy bờ, tôm chết đặc suối, cá sấu trong hang, rắn hổ, rắn mai kéo nhau lên nằm dài trên đất.

*

* *

Giữa lúc đó, danh vang đến thần, tiếng lừng khắp núi, Mtao Mxây nghe đông tây đâu đâu cũng nói Hơ Nhị là một cô gái đẹp thần cho cái giàu, là một cô gái xinh thần cho cái sang. Vì vậy, hắn đã cho tôi tớ đi dò la xem sao. Bây giờ thì bọn tôi tớ của hắn đã về tới nhà.

Mtao Mxây - Thế nào các con, nàng đẹp thật chứ các con?

Tôi tớ - Đẹp thật, ông à! Đã đẹp gái, đôi bắp chân lại tròn trạnh. Váy nàng thì tuyệt vời là đẹp! Nó cứ loang loáng như chớp, anh ánh như sét, rọi lên xóm làng những tia sáng muôn màu!

Mtao Mxây - Ơ các con, ơ các con, vậy thì đóng ngay bành voi cho ta!

Tôi tớ đi bắt voi, voi đực đóng bành mây, voi cái đóng bành guột, ngồi trên đầu voi là những chàng trai vạm vỡ. Mtao Mxây là một trang thanh niên xinh đẹp thần cho cái giàu, gông cùm đầy ắp hai bên cổng làng. Lông chân hắn như chải, lông đùi hắn như chuốt, lông mi như trũi cứng giăng đều. Mặt hắn như hừng hơi men, như ngâm nước vang, trâu tơ thấy hắn không dám qua mặt.

Mtao Mxây đến bến nước làng. Thấy trai gái làng đang tắm, hắn cất tiếng hỏi:

Mtao Mxây - Ơ các con, ơ các con, đầu bến nước này là ai, ai là con chim chút mẹ, ai là đốt dây *êdung*, đốt dây *êmiêng* ở cái làng này[1]?

Tôi tớ - Quyền cao nhất ở đây cũng gốc từ cây *mđơk*, chức lớn nhất ở đây cũng gốc từ cây *êboa*[2]. Chủ là chúng tôi, mà tớ cũng là từ chúng tôi.

Mtao Mxây - Thế ai ở đây là người có tên luôn được người ta nhắc tới; là người có chầy giã gạo thường được người ta đem xem nhiều bao nhiêu?

Tôi tớ - Đây chính là làng chàng Đam Săn, vị tù trưởng giàu mạnh đầu đội khăn nhiễu, vai mang nải hoa.

Mtao Mxây đi vào làng.

Mtao Mxây - Ơ mấy mụ đàn bà thổi thấy đang cầm chày giã gạo! Ta hỏi các mụ đầu bến nước ở đây là ai, ai là con chim chút! Mà ai là đốt dây *êtung* đốt dây *mniêng* ở cái làng này? Ai là người đầu làng của các mụ.

Gái làng - Ông há lại không biết đó là chàng Đam Săn, người mà danh vang đến thần, tiếng lừng khắp núi, đông tây đâu đâu cũng nghe đồn chân không phải xuống đất mà nô lệ vẫn có, chân không phải chạy mà voi vẫn có hay sao?

Mtao Mxây - Chà, chà! Cái thằng cha này quả là một tù trưởng chính danh giàu mạnh, đầu đội khăn nhiễu, vai mang nải hoa thật!

Mtao Mxây đến bãi ngoài làng, rồi đến sân làng.

Mtao Mxây - Ơ các con, ơ các con, nhà chàng Đam Săn đâu?

Tôi tớ - Nhà nào nhỏ là nhà giàu, nhà nào lớn là nhà nghèo. Nhà nào tôi trai tớ gái cho lợn ăn bằng chiêng, nhà nào sàn hiên sau phơi đầy chỉ đỏ, sàn hiên trước phơi đầy chỉ vàng, nhà nào ấm ấp đệm voi, nhà ấy là nhà nghèo đó!

Mtao Mxây - Chà! chà! Tôi tớ cái lằng này chúng giỡn cả tù trưởng! Thây mẹ chúng mày, L... mẹ chúng mày cái làng này!

---

1. Chim chút tượng trưng tù trưởng tốt; dây êdung, êmiêng tù trưởng xấu.

2. Mdơk, cây môn đốc và êbua, cây khoai sọ hay cây môn nước, được dùng ở đây làm biểu tượng cho người dân bình thường. Trong bếp núc của người Êđê, hai cây đó giá trị như nhau, nấu với thịt trâu, thịt bò được coi là ngon nhất.

Mtao Mxây đưa mắt ngắm ngôi nhà Đam Săn: nhà dài cả một hơi chiêng, sàn hiên rộng cả một hơi ngựa chạy, tôi tớ xuống thang đi giã gạo như đi vãi chẩy, đĩa khiên đồng lấp lánh như ánh đèn chai: cột phơi chỉ thì oằn xuống, các cây sào phơi đều nặng chĩu những tà vải sọc rằn. Thịt bò, thịt trâu đen nhà. Âu đồng, chậu thau không đâu còn chỗ để. Trong nhà thì xà ngang được khắc chạm, người đi đi lại lại như trong sương mù. Các cầu thang rộng bằng lá chiếu, người nối đuôi nhau lên xuống mà khiêng một ché đuê vẫn không chật. Đầu sàn hiên đẽo hình mặt trăng, đầu cầu thang đẽo hình chim ngói. Ngôi nhà của một tù trưởng nhà giàu quả thật là đẹp!

Mtao Mxây xuống voi. Hắn lên thang, hai lần cầu thang lún xuống. Hắn giậm chân trên sàn hiên, hai lần sàn hiên như vỗ cánh, bẩy vì cột nhà chao qua rồi chao lại. Hắn vung vẫy hai tay làm bộ quen biết, ném cái nón của hắn xuống sàn nhà, rồi đến ngồi trên cái ghế đánh la. Bọn trẻ thấy hắn tức thì đứa khóc thét lên, đứa la líu lưỡi, cả làng inh lên tiếng khóc của bọn trẻ con.

Tôi tớ - Ơ bà, ơ bà, cả nhà đầy khách, phòng khách đầy người Chăm, những người cầm đầu đang ngồi một mình ở giữa nhà. Có khách người Bih đeo nanh cọp, có khách người Mnông đeo răng rắn. Bắp chân họ như trau, bắp đùi họ như chuốt, mu bàn chân họ lấp lánh như những vì sao. Họ ở trần trông như quả dưa gang, như con sóc hoa, trông một người mà cứ thấy hoá hai hoá ba người, bà ạ.

Hơ Nhị bỏ váy cũ, mặc váy mới. Nàng hỏi Hơ Bhị:

Hơ Nhị - Chị đẹp chưa, em?

Hơ Bhị - Đẹp rồi đó chị ạ. Đẹp như thế là vừa đủ. Đen rồi đấy chị ạ. Đen từng ấy là vừa xem.

Hơ Nhị mặc một váy đen điểm hoa ênăm, điểm hoa hbiê, cái váy từ trên cao ông Trời đã ban cho, từ trên cao Ông Trời đã thả xuống cho nàng.

Nó ánh như sét loáng như chớp, rọi lên xóm làng những tia sáng muôn màu. Búi tóc chải mượt, nàng vẫn giữ thật mượt. Búi tóc chải gọn, nàng vẫn giữ thật gọn. Cả búi tóc to như độn một cái chiêng mong. Mớ

đuôi gà thì đủ để xua ong vụt mối, lợp kín được một sàn hiên, rậm rịt như một cây knia nặng bóng. Một trâm đúc cài ngang, một trâm chạm cài dọc giữ búi tóc không để gió thổi tung. Khắp các xóm làng không thấy một cô gái nào như nàng cả.

Hơ Nhị đi ra nhà khách, trông lướt thướt như một cành blô lả ngọn, lượt thượt như một cành klơng lìa gốc, váy còn ở đây mà người đã ở đằng kia. Mỗi bước đi lên, nàng mỗi nhón chân, người luôn lúôn ngay ngắn, gót kiễng lên, vừa đi vừa ưỡn ẹo làm duyên, hai tay vung vẩy trông như con gà xù lông, như con bổ chao vỗ cánh. Khi nàng lướt lên trông như diều bay ó liệng, nước lững lờ trôi cũng không bằng. Lỡ chân hụt bước chăng, nàng liền dừng lại đứng yên, đầu nghiêng nghiêng cúi xuống, hay nàng ngồi thụp xuống, đầu nhè nhẹ ngẩng lên. Tiếng nàng nghe lanh lảnh, người chưa tới mà tiếng đã vẳng lại.

Hơ Nhị - Ơ diêng, diêng đến có việc gì?

Mtao Mxây - Tôi đến chơi thôi, vợ diêng à. Tôi đến không có việc gì cả. Thế diêng của tôi đi đâu?

Hơ Nhị - Anh ấy vắng nhà, đang đi rừng đi suối săn thú, kiếm con cá, con tôm. Ơ diêng, ơ diêng xin mời diêng hút miếng thuốc của tôi. Thuốc tôi đẽo bằng rìu, chặt bằng chà gạc, phát bằng dao, thuốc lùng bùng nhét ống điếu cứ bung ra, thuốc cháy như cỏ tranh, hút vào rát lưỡi, diêng hút tạm cho vậy.

Mtao Mxây - Tôi đến nhà chị, tôi có thuốc hút. Tôi ở nhà tôi, tôi hút lá mơ-bhtê. Tôi ở trong rừng tôi hút lá êpang. Khách đến nhà, tôi không có thuốc chia cho khách, chị ạ.

Hơ Nhị trở vào nhà trong đốt một gà mái ấp, giết một gà mái đẻ, giã gạo trắng như hoa êpang, sáng như ánh mặt trời, bắc nồi nấu cơm, chỉ ráo một bãi nước miếng, vừa dập một bã trầu, cơm đã chín tới. Nàng xới cơm ra chén hoa da bích ngọc, đơm thức ăn vào bát hoa vẽ cây động đình với con cu xanh đang gù, con ktuk đang hót, những chén bát đồ chơi của các nhà giàu.

Hơ Nhị - Ơ diêng, ơ diêng, mời diêng xơi cơm. Cơm tôi mùi mốc, nước tôi mùi tanh, gà tôi gà diều tha, nấu cơm mời diêng là một mụ đàn bà ăn mặc lôi thôi lếch thếch, xin mời diêng ăn tạm vậy!

Mtao Mxây - Như thế cũng chẳng sao, vợ diêng à. Tôi đến nhà diêng, tôi có cơm ăn. Tôi ở nhà tôi, một quả dưa tôi ăn ba năm, một quả chuối tôi ăn ba ngày, vợ diêng à.

Mtao Mxây ngồi vào mâm cơm. Hắn bốc mỗi miếng to bằng một đầu chồn, đút miệng mỗi miếng to bằng một đầu gấu. Hắn ăn không biết xấu hổ, cơm thì chỉ một nhúm, rau thì chỉ một đầu ngón tay, nhưng thịt gà thì mỗi lần quơ luôn ba miếng. Chốc lát hắn đã thôi, chốc lát hắn đã ngồi nghỉ.

Hơ Nhị cho đi lấy rượu ché giụ ché giăn, những cái ché có tám tai, phải năm đòn khiêng, mười người theo đỡ, ba người đi bẻ lá, năm người cài lá, và một anh chàng cao lênh khênh đi mời dân làng đến uống. Tôi tớ đem ra chiêng mung chiêng mai, những cái chiêng có tiếng đồng tiếng bạc. Cũng lấy từ gùi quý ra các chùm lục lạc rung lên.

Hơ Nhị - Ơ các con, ơ các con, ai đánh chiêng hãy đánh không được bỏ dùi, ai đánh trống hãy đánh không được dừng tay! Hãy đánh cho ở dưới vỡ toác các cây đòn ngạch, cho ở trên gãy nát các cây xà ngang! Hãy đánh không nghỉ tay, đánh như ông chúng ta xưa từng dạy đánh!

Tôi tớ đổ nước, rồi cắm cần vào ché.

Hơ Nhị - Ơ diêng, ơ diêng, mời diêng uống rượu! Rượu tôi lờ lợ ngọt, dôn dốt chua, rượu chẳng ra rượu, mời diêng uống tạm.

Mtao Mxây - Như thế cũng chẳng sao, vợ diêng à. Có chua có mặn cũng vẫn là rượu. Có đen có xấu cũng vẫn là con gái nhà tù trưởng cơ mà.

Thế rồi hai người cùng ngồi uống, đùa giỡn với nhau cho mãi đến chiều tối.

Mtao Mxây - Chiều tối rồi, vợ diêng à, tôi về thôi.

Mtao Mxây để lại con dao ngắn của hắn ở bếp khách. Hắn nhảy lên voi ra đi, nhưng ra đến quá cổng làng, hắn quay lại gọi:

Mtao Mxây - Ơ vợ diêng, ơ vợ diêng, đem xuống giùm cho tôi con dao ngắn tôi để quên ở bếp!

Hơ Nhị - Ơ các con, ơ các con, đem dao xuống cho diêng Mtao Mxây!

Tôi tớ đem dao xuống, Mtao Mxây không chịu nhận.

Mtao Mxây - Ơ vợ diêng, ơ vợ diêng, tôi không ưng người khác đâu. Chính vợ diêng đem giùm xuống tôi mới ưng.

Sai trẻ đi không xong, cho già đi không tới, Hơ Nhị đành mang khó vào thân đi vậy.

Hơ Nhị đem dao xuống.

Hơ Nhị - Này, diêng, con dao của diêng đây!

Hơ Nhị giơ dao lên, giơ mãi chưa tới, đến khi vừa tới thì Mtao Mxây chộp lấy tay, lôi tuột nàng vào bành voi. Hơ Nhị la lên:

Hơ Nhị - Ối em ơi, ối em ơi! Ối Y Suh ơi! Ối Y Sah ơi! Chạy báo ngay cho anh biết, người ta đã đến đánh chị ngay giữa nhà, vây chị ngay trong bếp, cướp chị ngay trong rẫy trong nương rồi! Cùm người ta đã trồng, chốt người ta đã đóng, trâu bò người ta đã bắt giữ, chim két chim vẹt người ta đã xiềng lại cả rồi.

Y Suh Y Sah chạy đi ngay, người cưỡi ngựa đực lưng sóc xìa, người cưỡi ngựa cái lưng sóc kênh, ngựa kiệu vun vút, leo núi thì ba dải núi rạn nứt, vượt đồi thì ba đồi tranh bật rễ tung bay. Khiên đồng của họ kêu như có ai đó cầm lắc. Nhạc ngựa của họ kêu như có ai đó cầm rung.

Hơ Nhị - Cưỡi những con ngựa ấy thì bao giờ đến! Cưỡi những con ngựa ấy thì bao giờ tới! Sao không cưỡi con ngựa đực Hung, cưỡi con ngựa đực Hung chạy cũng nhanh mà đi cũng nhanh! Y Suh Y Sah đã đến suối.

Đam Săn - Ơ các ông bạn, ơ các ông bạn, vì đâu xui khiến mà chiêng leo dàn bếp, các bậc quyền môn lại đến với kẻ tiện ti, bỗng dưng các vị lại hạ cố đến nhà tôi lần này vậy?

Y Suh - Này anh, chúng tôi không rỗi để chơi cái trò nói lối với anh đâu nhé!

Đam Săn - Vậy thì tôi đét các cậu vào đùi, tôi nẻ các cậu vào tay, tôi hỏi các cậu thế chị các cậu ở làng có khoẻ không?

Y Suh - Khoẻ cái gì, chị Hơ Nhị tôi! Cùm người ta đã trồng, chốt người ta đã đóng, bò trâu người ta đã bắt giữ, chim két, chim vẹt người ta đã xiềng lại cả rồi!

Đam Săn - Đứa nào mà to gan lớn mật, đứa nào mà dám coi mình cao hơn cả non xanh vậy? Há hắn không biết Đam Săn này là một tù trưởng giàu mạnh, đầu đội khăn nhiễu, vai mang nải hoa hay sao? Há hắn không nghe danh vang đến thần, tiếng lừng khắp núi, cả đến vua chúa cũng biết ta đây là một tù trưởng giàu mạnh, đầu đội khăn nhiễu, vai mang nải hoa chiêng ta đang mua, la ta đang sắm, nô lệ trai gái ta đang cứu thoát[1] hay sao? Hắn là ai mà dám moi gan hùm, thử gan gấu, muốn nếm xem mật ta đắng hay nhạt vậy?

Y Suh - Người ta bảo hắn là Mtao Mxây, một tù trưởng giàu mạnh, đầu đội khăn nhiễu, vai mang nải hoa.

Đam Săn - Ơ nghìn chim sẻ, ơ vạn chim ngói! Ơ tất cả tôi tớ của ta bằng này! Bấy nhiêu là đủ, bấy nhiêu ở lại! Người ta đã đến đánh đuổi chúng ta trong rẫy, cướp phá chúng ta trong chòi, vườn mía vườn chuối chúng ta, người ta đã phá tan hoang. Vậy chúng ta hãy quay về nơi xưa chốn cũ, chúng ta hãy trở về làng chúng ta nào!

Tôi tớ tức thì kẻ vất vó bên bờ, người vất giỏ dưới nước.

Đam Săn - Hỡi các bậc cao niên, hỡi các ông bác già cả! Hỡi các vị có tuổi trong làng, hỡi các bậc có tuổi trong nhà! Chúng ta hãy lần theo vết tìm cho ra kẻ đã giật cối lôi chầy, kẻ đã cướp vợ ta ngay trên đùi ta! Chúng ta hãy lần theo dấu ngựa phân voi, lần theo con đường của khiên đao nào!

Đoàn người ra về, đông như bầy cà tong, đặc như bầy thiêu thân, ùn ùn như kiến như mối. Họ về đến bãi ngoài làng, rồi vào trong làng.

Đam Săn - Ơ các con, ơ các con, hãy đi bắt trâu cột rượu làm lễ!

Lấy rượu năm ché trâu năng một con để cúng tổ tiên, rượu bảy ché, trâu đực một con để cúng cầu sức khoẻ cho ta! Ta sẽ đi lùng đi sục, đi hỏi đi dò cho kỳ thấy vợ ta. (Nói với Y Sụh Y Sah) Ơ Y Suh, ơ Y Sah, ơ những chàng trai có tài ăn nói, giỏi lý lẽ, biết thuyết phục các tù trưởng nhà giàu! Các ngươi hãy đi mời về đây từ tây xuống đông các tù trưởng người Mnông tai dài, các tù trưởng người Bih miệng rộng, đầu bịt khăn bỏ múi dài như đuôi vượn, tay mang nỏ tên nhiều như nạng cây, từng từng lớp lớp đi rợp núi rợp rừng không sao kể siết!

---

1. Ở đây ý là mua lại nô lệ của người khác tức là cứu thoát.

Thế là, bà con xem, người từ các nơi kéo đến đông nghịt, mù mịt như một đêm không trăng, tối kịt như một mớ tơ đen vừa nhuộm, ùn ùn như kiến như mối.

Đam Săn - Hỡi những người anh mặc giáp sắt, hỡi những người em mặc giáp lưới! Anh em là những tay khiên tài đao giỏi, anh em có đi với ta không?

Các tù trưởng - Đi đâu, thưa anh?

Đam Săn - Đi đánh một tù trưởng nhà giàu, bắt tù binh, xéo nát đất đai của hắn.

Các tù trưởng - Vậy không đi thì còn làm gì nữa?

Đoàn người ra đi đông nghịt, mù mịt như một đêm không trăng, tối kịt như một mớ tơ đen vừa nhuộm, ùn ùn như kiến như mối. Họ đến bến nước làng Mtao Mxây, tràn vào khu đất dựng làng, khu đất làm rẫy, khu rừng bắt cá, khu đất làm vườn. Làng Mtao Mxây khum khum, rẫy cũng khum khum, đường đi lại thoai thoải lên thoai thoải xuống. Trâu đen như cà xanh, bò đỏ như cà chín, nhi nhúc như kiến như mối. Trong làng, nhà nhiều như sỏi rải. Ở bến nước làng, các tảng đá bàn đều phẳng lì. Thật không lời nào tả siết cái đẹp của làng một tù trưởng nhà giàu. Bờ rào làng bên dưới trổ cổng đồng, bên trên trổ cổng sắt, phía bắc trồng gai êpang, phía nam trồng gai kdriêng, cổng làng chi chít những chông lớn chông nhỏ, quả cà ném xuống cũng không lọt. Chông lớn nhiều như sỏi cát, chông nhỏ nhiều như lông chó, con sóc nhảy vào cũng khó mà thoát thân. Bờ rào tre một lớp hai lớp, bờ rào lồ ô một hàng hai hàng, cổng làng đóng ba hàng trụ dày kiên cố.

Lúc này Mtao Mxây đang giết lợn giết trâu ăn uống linh đình mừng năm mới. Hoà với chiêng, cái trống to, tiếng cồng blong, tiếng chũm choẹ xoa đang kêu lên rộn rã. Ngoài sàn hiên, voi đực voi cái ra vào không ngớt. Trên giá treo chiêng không lúc nào vắng bớt các cồng chiêng. Những chuỗi thịt bò, thịt trâu xông khói treo đen cả nhà. Âu đồng chậu thau nhiều không còn chỗ để.

Đam Săn trèo lên nhà Mtao Mxây dò la nghe ngóng.

Mtao Mxây - Ơ các con, ơ các con, coi chừng thằng địch Đam Săn, nghe! Trong nhà người ta đánh chiêng, Đam Săn đứng nghe đánh chiêng. Người ta ăn thịt bò, Đam Săn ăn thịt bò. Người ta ăn thịt trâu,

Đam Săn ăn thịt trâu. Đến gần sáng thì chàng tụt xuống đất đi ra. Phập một cái, chàng chém đứt các ống nước.

Mtao Mxây - Coi chừng, ơ các con! Coi chừng thằng địch Đam Săn, nghe!

Tôi tớ của Mtao Mxây bước ra sàn hiên xem.

Tôi tớ - Ối ông ơi, người ta chặt mất ống nước rồi!

Đam Săn - Ơ diêng, ơ diêng, mở cổng! Trời nắng to, mặt ta đang bị chói nắng đây này!

Mtao Mxây - Ra xem, ơ các con! Khách nhát thì hẵng mở cổng, nghe! Khách dữ thì chôn cổng lại cho thật chặt,nghe!

Bọn tôi tớ lại ra xem.

Tôi tớ - Ối ông ơi, địch thật rồi!

Mtao Mxây - Địch hả? Người ngợm hắn ra sao?

Tôi tớ - Hông hắn quấn khăn đen, đầu hắn bịt khăn láng. Đúng là một trang tù trưởng trẻ nhà giàu, ông ạ. Khiên hắn tròn như đầu cú, gươm hắn ánh như mặt trời. Hắn ở trần trông như quả dưa gang. Hắn ngồi thu mình trông như con sóc hoa. Một mình hắn mà trông cứ thấy hoá hai hoá ba người, ông ạ.

Đam Săn - Ơ diêng, ra tháo cổng!

Mtao Mxây - Êu êu, ớ cái con mực đục! Lên đây mà ăn cơm cháy của vợ hai chúng mình đã nào!

Đam Săn - Bớ các con, xô đổ cái bờ rào này đi xem nào!

Bọn tôi tớ Đam Săn xúm lại xô, nhưng bờ rào không chuyển. Đến lượt anh em vợ của Đam Săn thay phiên nhau vào xô, bờ rào cũng chỉ gãy một lớp.

Y Suh, Y Sah - Chu cha, cha ơi! Chúng tôi chịu rồi đó! Dù anh có giết, có vứt như đồ bỏ đi, chúng tôi cũng đành chịu!

Đam Săn - Hỡi những người anh mặc giáp sắt, hỡi những người em mặc giáp lưới! Hỡi những trang tù trưởng trẻ nhà giàu tài ba xinh đẹp! Hỡi các người thử vào xô xem nào!

Các tù trưởng - Anh ơi, chúng tôi cũng chịu. Anh có giết, có vứt như đồ bỏ đi, chúng tôi cũng không làm gì hơn được!

Đam Săn - Sao thế nhỉ? Thì ra cứt các người không đủ đầy một ống le, dái các người không đủ đầy một ống lồ ô, não các người không đủ đầy sọ hả? Sai trẻ đi không xong, cho già đi không tới, ta ra tay ư?

Nói rồi, Đam Săn xô một xô, cả cái bờ rào làng Mtao Mxây đổ lăn kềnh. Người của Đam Săn tràn vào trong làng, đông như bầy cà tong, đặc như bầy thiêu thân, ùn ùn như kiến như mối.

Nhà Mtao Mxây đầu sàn hiên đẽo hình mặt trăng, đầu cầu thang đẽo hình chim ngói. Ngôi nhà của lão tù trưởng nhà giàu này trông quả thật là đẹp. Cầu thang rộng một lá chiếu, người nối đuôi nhau lên xuống nhà khiêng một ché đuê vẫn không sợ chật.

Đam Săn - Ơ diêng, ơ diêng, xuống đây! Ta thách nhà ngươi đọ đao với ta đấy!

Mtao Mxây - Ta không xuống đâu, diêng ơi. Tay ta đang còn bận ôm vú vợ hai chúng ta ở trên nhà này cơ mà.

Đam Săn - Xuống, diêng! Xuống, diêng! Ngươi không xuống ư? Ta sẽ lấy cái sàn hiên của nhà ngươi ta bổ đôi, ta sẽ lấy cái cầu thang của nhà ngươi ta chẻ ra kéo lửa, ta hun cái nhà của nhà ngươi cho mà xem!

Mtao Mxây - Khoan, diêng, khoan! Để ta xuống. Ngươi không được đâm ta khi ta đang đi xuống đó! Nghe!

Đam Săn - Sao ta lại đâm ngươi khi ngươi đang đi xuống nhỉ? Ngươi xem đến con lợn của nhà ngươi dưới đất, ta cũng không thèm đâm nữa là!

Mtao Mxây – Ta sợ ngươi đâm ta khi ta đang đi lắm.

Đam Săn – Sao ta lại đâm ngươi khi ngươi đang đi nhỉ? Ngươi xem đến con trâu của nhà ngươi trong chuồng, ta cũng không thèm đâm nữa là!

Thế là Mtao Mxây phải ra đi. Bà con xem, khiên hắn tròn như đầu cú, gươm hắn óng ánh như cái cầu vồng. Trông hắn dữ tợn như một vị thần. Hắn đóng một cái khố sọc gấp bỏ múi, mặc một áo dày nút, đi từ

nhà trong ra nhà ngoài, dáng tần ngần do dự, mỗi bước mỗi đắn đo, giữa một đám đông mịt mù như trong sương sớm.

Đam Săn - Ngươi mới là người múa trước, ơ diêng! Ta như gà làng mới mọc cựa kliê, như gà rừng mới mọc cựa êchăm, chưa ai giẫm phải mà đã gẫy mất cánh.

Đam Săn - Ngươi cứ múa đi, ơ diêng!

Mtao Mxây rung khiên múa vậy. Khiên hắn kêu lạch xạch như quả mướp khô. Hắn múa một mình. Đam Săn không nhúc nhíc.

Đam Săn - Ngươi múa một mình, múa kêu lạch sạch như quả mướp khô.

Miếng múa ấy, ngươi học ai vậy? Ngươi múa chơi đấy phải không, diêng?

Mtao Mxây - Ta học ai à? Có cậu, ta học cậu. Có bác, ta học bác. Có thần Rồng, ta học thần Rồng[1].

Đam Săn - Thế ư? Ta thì đâu có cậu mà học cậu, đâu có bác mà học bác! Chỉ có hai ta đây, ngươi múa đi ta xem nào!

Mtao Mxây - Thế ngươi không biết ta đây là một tướng đã quen đi đánh thiên hạ, bắt tù binh, đã quen đi xéo nát đất thiên hạ hay sao?

Đam Săn - Vậy thì ngươi hãy xem ta đây!

Đam Săn rung khiên múa. Một lần xốc tới, chàng vượt một đồi tranh. Một lần xốc tới nữa, chàng vượt một đồi lồ ô. Chàng chạy vun vút qua phía đông, vun vút qua phía tây. Còn Mtao Mxây thì bước cao bước thấp chạy hết bãi tây sang bãi đông. Hắn vung dao chém phập một cái, nhưng chỉ vừa trúng một cái chão cột trâu.

Đam Săn - Sao ngươi lại chém cái chão cột trâu? Còn khoeo chân ta, người dành làm gì?

Đến lúc này, Mtao Mxây bảo Hơ Nhị quăng cho hắn một miếng trầu. Nhưng Đam Săn đã đớp được miếng trầu. Chàng nhai trầu, sức chàng tăng lên gấp bội.

---

1. Tức thần Biển Cả, gian ác.

Đam Săn - Bớ diêng, bây giờ ngươi lại chạy, ta đuổi coi!

Thế là Đam Săn lại múa. Chàng múa trên cao, gió như bão. Chàng múa dưới thấp, gió như lốc. Chòi lẫm đổ lăn lóc. Cây cối chết rụi. Khi chàng múa dưới thấp, vang lên tiếng đĩa khiên đồng. Khi chàng múa trên cao, vang lên tiếng đĩa khiên kênh. Khi chàng múa chạy nước kiệu, quả núi ba lần rạn nứt, ba đồi tranh bật rễ bay tung. Cây giáo thần, cây giáo dính đầy những oan hồn của chàng nhằm đùi Mtao Mxây phóng tới, trúng nhưng không thủng. Chàng đâm vào người Mtao Mxây cũng không thủng.

Đến lúc này, Đam Săn đã thấm mệt. Chàng vừa chạy vừa ngủ, mộng thấy Ông Trời.

Đam Săn - Ối chao, chết mất thôi, ông ơi! Cháu đâm mãi mà không thủng hắn!

Ông Trời - Thế ư, cháu? Vậy thì cháu lấy một cái chày mòn cháu ném vào vành tai hắn là được.

Đam Săn bừng tỉnh, chộp ngay một cái chày mòn, ném trúng vành tai kẻ địch. Cái giáp của Mtao Mxây tức thì rơi loảng xoảng. Mtao Mxây tháo chạy. Hắn tránh quanh chuồng lợn, Đam Săn phá tan chuồng lợn. Hắn tránh quanh chuồng trâu, Đam Săn phá tan chuồng trâu. Cuối cùng, hắn ngã lăn quay ra đất.

Mtao Mxây - Ơ diêng, ơ diêng, để ta làm lễ cầu phúc cho diêng một trâu! Ta cho thêm diêng một voi.

Đam Săn - Sao ngươi còn cúng trâu cầu phúc cho ta? Chẳng phải vợ ta ngươi đã cướp, đùi ta ngươi đã đâm rồi sao?

Nói rồi Đam Săn đâm phập một cái, cắt đầu Mtao Mxây đem bêu ngoài đường.

Đam Săn - (Nói với tôi tớ Mtao Mxây) Ơ nghìn chim sẻ, ơ vạn chim ngói! Ơ tất cả tôi tớ bằng này! Các người có đi với ta không?

Chàng gõ vào một nhà.

Dân trong nhà - Không đi sao được! Tù trưởng chúng tôi đã chết, lúa chúng tôi đã mục, chúng tôi ở với ai?

Đam Săn gõ vào ngạch, đập vào phên tất cả các nhà trong làng.

Dân làng - Không đi sao được! Nhưng bác ơi, xin bác chờ chúng tôi cho lợn ăn cái đã.

Đam Săn lại gõ vào ngạch đập vào phên mỗi nhà trong làng.

Đam Săn - Ơ tất cả dân làng này, các ngươi có đi với ta không? Tù trưởng các ngươi đã chết, lúa các ngươi đã mục. Ai chăn ngựa hãy đi bắt ngựa! Ai giữ voi hãy đi bắt voi! Ai giữ trâu hãy đi lùa trâu về!

Dân làng - Không đi sao được! Làng chúng tôi phía bắc đã mọc cỏ gấu, phía nam đã mọc cà hoang, người nhà giàu cầm đầu chúng tôi nay đã không còn nữa!

Đam Săn - Ơ nghìn chim sẻ, ơ vạn chim ngói! Ơ tất cả tôi tớ bằng này! Chúng ta ra về nào!

Đoàn người đông như bầy cà tong, đặc như bầy thiêu thân, ùn ùn như kiến như mối. Bà con xem, thế là Đam Săn nay càng thêm giầu có, hiêng lắm la nhiều. Tôi tớ mang của cải về nhiều như ong đi chuyển nước, như vò vẽ đi chuyển hoa, như bầy trai gái làng đi cõng nước.

Họ đến bãi ngoài làng, rồi vào làng.

Đam Săn - Ơ các con, ơ các con, hãy đi lấy rượu bắt trâu! Rượu năm ché trâu nâng một con để cúng thần, cáo tổ tiên, cầu sức khoẻ cho ta mới đi đánh kẻ thù, bắt tù binh, xéo nát đất đai một tù trưởng nhà giàu về. Rượu bẩy ché trâu bẩy con để dâng thần, rượu bẩy ché lợn thiến bẩy con để dâng thần, cầu cho ta được bình yên vô sự, nạn khỏi tai qua, lớn lên như sông nước, cao lên như cây rừng, không còn ai bì kịp. Hỡi anh em trong nhà, hỡi bà con trong làng, xin mời tất cả đến với ta! Chúng ta sẽ mở tiệc ăn mừng năm mới, chúng ta sẽ ăn lợn ăn trâu, đánh lên các chiêng các trống to, đánh lên các cồng hlong hoà nhịp cùng các chũm choẹ xoa sao cho kêu lên rộn rã, để voi đực voi cái ra vào sàn hiên không ngớt, dây cồng dây chiêng không lúc nào vắng bớt trên giá treo chiêng, các chuỗi thịt trâu, thịt bò treo đen nhà, chậu thau, âu đồng nhiều không còn chỗ để.

Tôi tớ - Đánh chiêng nào, thưa ông?

Đam Săn - Hãy đánh lên các chiêng có tiếng âm vang, những chiêng có tiếng đồng tiếng bạc! Từ gùi quí, hãy lấy ra các vòng nhạc rung lên! Hãy đánh lên tất cả cho ở dưới vỡ toác các cây đòn ngạch, cho ở trên gẫy nát các cây xà ngang cho tiếng chiêng vang vọng khắp đó đây, khiến voi, tê giác trong rừng quên không cho con bú, ếch nhái dưới gầm sàn, kỳ nhông ngoài giữa bãi phải ngừng kêu, tất cả đều ngày đêm lặng thinh để nghe tiếng chiêng ăn đông uống vui như mừng mùa khô năm mới của ta vậy.

Thế là, bà con xem, Đam Săn đông nghịt khách, tôi tớ chật ních cả nhà ngoài. Các khách tù trưởng đều từ phương xa đến. Còn Đam Săn, bà con xem, chàng nằm trên võng, tóc thả trên sàn, hứng tóc chàng ở dưới đất là một cái nong hoa. Chàng mở tiệc ăn uống linh đình, thịt lợn, thịt trâu ăn không ngớt, thịt lợn ăn đến cháy đen hết ống le, thịt dê ăn đến cháy đen hết ống lồ ô, máu bò máu trâu đọng đen khắp sàn hiên, dây cồng dây chiêng giăng như mạng nhện, chỉ vàng chỉ đỏ như hoa đam piêt. Cảnh đó, đời ông bác ông cậu xưa kia làm gì có!

Bà con xem chàng Đam Săn uống không biết say, ăn không biết no, chuyện trò không biết chán. Cả một vùng nhão ra như nước. Lươn trong hang, giun trong bùn, rắn hổ rắn mai đều chui lên nằm trên cao sưởi nắng. Ếch nhái dưới gầm sàn, kỳ nhông ngoài giữa bãi thì kêu lên inh ỏi suốt ngày đêm. Các chàng trai đi lại ngực đụng ngực. Các cô gái đi lại vú đụng vú. Cảnh làng một tù trưởng nhà giàu trông sao mà vui thế! Rõ ràng là tù trưởng Đam Săn đang giầu lên, chiêng lắm la nhiều. Rõ ràng là Đam Săn có chiêng đống voi bầy, có bè bạn như nêm như xếp. Làm sao mà có được một tù trưởng, đầu đội khăn nhiễu, vai mang nải hoa, đánh đâu đập tan đó, vây đâu phá nát đó như chàng? Vì vậy, danh vang đến thần, tiếng lừng khắp núi, đông tây đâu đâu cũng nghe danh tiếng Đam Săn. Từ khắp mọi miền, người ta khiêng rượu, khiêng lợn đến. Cả miền Êđê Êga[1] ca ngợi Đam Săn là một dũng tướng chắc chết mười mươi cũng không lùi bước. Ngực quấn chéo một tấm mền chiến, mình khoác một tấm áo chiến, tai đeo nụ, sát bên mình nghênh ngang đủ giáo gươm, đôi

1. Người Êđê vẫn tự nhận mình là "Êđê - Êga"? Có người giải thích đó là "Người Êđê ở xứ của mình" (?) (CTS).

mắt long lanh như mắt chim ghếch ăn hoa tre, chàng Đam Săn hiện ra là một trang tù trưởng mới giàu lên, đang tràn đầy sức trai, tiếng tăm lừng lẫy. Bắp chân chàng to bằng cây xà ngang, bắp đùi chàng to bằng ống bễ, sức chàng ngang sức voi đực, hơi thở chàng ầm ầm tựa sấm dậy, chàng nằm sấp thì gẫy dầm sàn, chàng nằm ngửa thì gẫy xà dọc: Đam Săn vốn đã ngang tàng từ trong bụng mẹ. Tiệc tùng linh đình, ăn uống đông vui kéo dài suốt cả mùa khô. Đến đây, rượu đã nhạt, ché đã phai, ai ở đâu về đấy, khách lần lượt ra về.

V

Đam Săn nghỉ một ngày ngơi một đêm, ở không thêm một chiều một sáng. Chàng gọi:

Đam Săn - Ơ Y Suh, ơ Y Sah, ơ những chàng trai có tài ăn nói, giỏi lý lẽ, biết thuyết phục bọn tù trưởng nhà giàu! Ơ Y Blim làng Blô, ơ Y Blô làng Blang! Ơ làng Kang làng Ana, nơi chôn rau của những cô gái đẹp! Ơ làng Hoh làng Hun, nơi cất rốn của những chàng trai xinh! Các ngươi hãy lại đây!

Y Suh, Y Sah, Y Blim, Y Blô - Thưa ông cậu cao niên, thưa ông bác nhiều tuổi, ông gọi chúng tôi có việc gì vậy?

Đam Săn - Tôi gọi các ngươi chẳng vì công này, cũng không vì việc nọ. Tôi muốn chúng ta đi rừng, tìm chặt cây mơ-ruah, cây klu[1], đốn đọt mây bắp chuối đó thôi.

Y Suh, Y Sah - Vậy sao chúng tôi lại không đi? Chúng tôi đi chứ. Chúng tôi sẽ đi đường nào ông định cho đi. Chúng tôi sẽ đi rừng nào ông định cho chặt. Thế là họ ra đi. Một trăm người mở đường đi trước, một nghìn người cất bước theo sau, kẻ cầm cuốc, người vác chà gạc. Họ đi hết chiều kia đến sáng nọ, sục hết rú rậm đến rừng thưa.

Đam Săn - A ha, các con ơi, rừng ta tìm phát đây rồi! Ai phát hãy phát đi! Ai đốn hãy đốn đi! Ơ này các con, cây này cây gì vậy?

---

1. Loại cây cho gỗ làm cánh và báng nỏ.

Tôi tớ - Cây smuk, cây smun đó, ông ạ. Đó là những cây gốc không thấy, ngọn không có, những cây sinh ra Hơ Nhị, Hơ Bhị đó, ông ạ. Đó là cây smuk ở phía đông nhà, là cây blang ở phía tây hiên, những cây sinh ra Hơ Nhị, Hơ Bhị đó, ông ạ. Đó là những cây gốc trong suối, thân trong thung, bóng rợp cả một vùng, tên gọi là gì không rõ. Gốc cây người đi quanh phải một năm, cành cây chim chuyền phải một tháng, tán cây chim bay phải hết một hơi. Gốc cây trong suối, thân cây trong thung, cây cao không cao, thấp không thấp, đủ chọc đến trời. Gốc trong suối, thân trong thung, đó là cây tong lông vốn có từ xưa, thân do Trời trồng, gốc do Trời vun, tự nó nó vực dậy, tự nó nó vươn lên, một cây của vực thẳm khe sâu, cành lá xum xuê rợp cả một miền. Nó gẫy phía nào không rõ, nó ngã phía nào không hay. Cây thần đó, ông ạ.

Đam Săn - Bớ bọn ta, vậy thì ta hạ cây này đi! Ai gẫy rìu hãy đi rèn rìu! Ai gẫy chà gạc hãy đi rèn chà gạc!

Hơ Nhị, Hơ Bhị ở lại trong làng ngong ngóng đợi chờ đã cả tháng năm.

Hơ Nhị - Ơ các con, ơ các con, đi bắt voi về cho ta!

Tôi tớ - Ơ Dit, ơ Dat mày ăn cây le! Ơ Bê, ơ Dê, mày ăn cây lồ ô! Chủ chúng mày là bà Hơ Nhị, Hơ Bhị. Ông Đam Săn đi kiếm đọt mây bắp chuối biền biệt đã tháng năm, ve giu, ve lê[1] lại đã kêu một mùa khác mà vẫn chưa thấy ông về! Hai bà muốn chúng mày đưa đi tìm ông đó.

Hơ Nhị - Ơ nghìn chim sẻ, ơ vạn chim ngói! Ơ tất cả tôi tớ của ta bằng này! Chúng ta hãy đi tìm ông xem sao? Ông đi rừng thẳm đầm sâu đã đằng đẵng tháng năm mà đến nay vẫn chưa thấy về!

Tôi tớ - Vâng, thưa bà, chúng ta phải đi chứ.

Cùng đi với Hơ Nhị, Hơ Bhị, bạn bè, tôi tớ có năm ba người, có cả một người biết nói vần vè cũng đi theo. Người ta gọi một trăm người đi trước, một nghìn người cất bước theo sau. Trong đoàn có cả những người anh em trong làng, những người cháu trong nhà. Voi đực đóng bành mây, voi cái đóng bành mui, ngồi trong bành là hai cô gái mặt mày bầu

1. Hai loại ve kêu tháng 3, tháng 4.

bĩnh. Họ đi, đi mãi vào vùng rừng xanh xa thẳm, vào vùng rừng tối bịt bùng, đêm nghỉ ngày lại đi. Đến lúc họ tới được nơi Đam Săn dựng lán làm chỗ ngủ thì họ thấy cây bị chặt đã đang rung lên.

Hơ Nhị - Ơ nuê, ơ nuê, sao nuê làm như vậy? Đó là cây smuk ở phía đông nhà, là cây soan ở phía tây hiên[1] những cây sinh ra bà xưa ông cũ. Nếu nuê cứ phăm phăm chặt cây như vậy, chúng tôi sẽ chết mất, nuê sẽ ăn gan bò trong thau, ăn gan trâu trong mâm, uống rượu ché tuk ché tang một mình một cần. Thôi, nuê ở lại, chúng tôi về đây!

Hơ Nhị, Hơ Bhị đứng nhìn Đam Săn, chàng vẫn hăm hở chặt. Trông chàng cứ như đang trong ngày hội giết lợn giết trâu ăn đông uống vui mừng mùa khô năm mới vậy.

Đam Săn - Bớ các con, bớ các con, hãy dũi như lợn, báng như dê, hãy tới tấp vung tay rìu tay dao như chớp giật trong đêm tối!

Tôi tớ - Ối ông ơi, ối ông ơi, gốc cây trong suối, thân cây trong thung, cây như muốn gẫy, như chưa muốn gẫy! Gốc trong suối, thân trong khe, cây đang lung lay muốn gẫy rồi, ông ạ!

Đam Săn - Cây lung lay muốn gẫy, nhưng gốc chưa đứt. Bớ tất cả làng ta, hãy cứ dũi như lợn, báng như dê, hãy cứ tới tấp vung tay rìu tay dao như chớp giật trong đêm tối cho ta!

Dân làng chặt thì cầm đèn nến, Đam Săn chặt thì cầm đuốc. Bóng cây tối như đêm. Cây đung đưa nhè nhẹ, rồi lắc lư từ gốc đến ngọn. Nó muốn gẫy.

Hơ Nhị, Hơ Bhị thấy vậy bỏ chạy. Hai chị em sợ quýnh, muốn chạy ra xa, nhưng rồi cứ quấn lấy cây mà chạy. Cây sà xuống đầu hai người.

Đam Săn - Ơ Hơ Nhị, ơ Hơ Bhị, chạy tránh đi nhanh!

Hơ Nhị, Hơ Bhị chạy phía tây, cây ngả theo phía tây; chạy phía đông, cây ngả theo phía đông. Hai chị em chạy vào vùng Mnông, cây ngả theo vào vùng Mnông, chạy xuống vùng Bih, cây ngả theo xuống vùng Bih; chạy ra vùng Ađham, cây cũng ngả theo ra vùng Ađham.

---

1. Cây được coi là ky ma, khi có cũ, lấy cành treo làm dấu. Nhựa cây soan dùng làm ngải bảo mệnh.

Đam Săn - Ơ Hơ Nhị, ơ Hơ Bhị, chạy đường về làng.

Hơ Nhị, Hơ Bhị liền chạy theo đường về làng. Hai người váy tuột mặc váy, áo tuột mặc áo, cứ đường làng mà chạy. Nhưng rồi cây cũng lại ngả theo phía đường làng.

Hơ Bhị - Em mệt lắm rồi, chị ơi!

Hơ Nhị - Thì đi vậy. Chúng ta nương nhau cùng bước vậy!

Gói trầu của Hơ Nhị, Hơ Bhị rơi vung vãi suốt dọc đường. Hai chị em về gần đến làng thì cây đã sà xuống đến gần đầu. Họ vào đến làng thì cây lao xuống. Họ bước vào nhà, khi vừa đến cửa thì cây ầm ầm ụp đổ, tiếng dội đến trời xanh. Cây cối khắp nơi đều gẫy theo. Rừng gần rừng xa đều tan tác. Các cây cổ thụ cũng gẫy, cành toác ra như bị bão giật, thân gục xuống như bị lốc xô. Hơ Nhị, Hơ Bhị bị vật lăn ra giữa nhà, bị quật ngửa ra gần buồng. Hơ Nhị thì nằm ở đây, váy tuột đằng váy, áo tuột đằng áo, Hơ Bhị vào đến nhà trong thì lăn ra chết ở cửa buồng.

Còn Đam Săn, chàng cũng chạy theo từ bấy, tóc xổ mặc tóc, khăn tuột mặc khăn, thấy váy nhặt váy, thấy áo nhặt áo đem về. Anh chàng chạy suốt, vừa chạy vừa khóc. Về đến nhà, thấy Hơ Nhị nằm chết giữa nhà, anh chàng liền bế Hơ Nhị vào buồng. Vào đến cửa buồng lại thấy Hơ Bhị nằm chết ở cửa buồng, anh chàng đỡ luôn Hơ Bhị lên đùi. Thế là một bên đùi anh chàng đỡ Hơ Bhị, một bên đùi anh chàng đỡ Hơ Nhị.

Tôi tớ trai gái trong nhà có bao nhiêu đều hớt hải chạy đến xem hai người chị em bị cây đánh như hồn đã rơi mất trong suối, vía lạc mất trong rừng. Họ oà lên khóc:

Tôi tớ - Ối anh ơi, ối anh ơi, hai chị chúng tôi chết hết cả rồi, chúng tôi ở với ai bây giờ!

Đam Săn cũng khóc. Chàng khóc cả ngày cho đến chiều, thâu đêm cho đến sáng. Thấy tôi tớ đi làm cột kut[1] hòm quách, chàng bảo:

Đam Săn - Ơ nghìn chim sẻ, ơ vạn chim ngói! Ơ tất cả tôi tớ bằng này của ta! Xin các người đừng vội làm bia cao hòm tốt! Các người hãy để ta đi, chờ ta về! Ta phải đi hỏi thần Đất, thần Nước, hỏi ông Du ông Điê,

1. Cột gỗ có khắc hình trang trí ở bốn góc mồ.

những thần trước đây đã se duyên kết tóc cho ta, ai là người các ông lại sẽ cho ta để nấu cơm ta ăn, dệt khố áo ta mặc. Hỡi bà con dân làng, hỡi các em các cháu trong nhà, nhờ bà con anh em lấy chiêng ra đầy nhà, lấy cồng ra đầy sân, giúp ta ở lại nhà với Hơ Nhị, Hơ Bhị đã lúa mục cỏ nát, bị ma quỉ bắt đi. Bà con anh em hãy giúp ta giết trâu, giết bò làm ma thật linh đình, báo tang cho khắp gần xa, từ tây xuống đông người người đều biết, để người Bih lùa trâu lên, để người Lào đánh bò xuống, để người Blô, người Êpan khiêng lợn đến dự tang... Bà con anh em hãy giúp ta đánh lên các chiêng cái, trống to, đánh lên các cồng hlong hoà nhịp cùng các chũm choẹ xoa cho kêu lên rộn rã để cho voi đực, voi cái ra vào sàn hiên không ngớt, để trên giá treo chiêng không bao giờ vắng bớt cồng chiêng!

Y Suh, Y Sah - Ơ anh, ơ anh, vậy anh đi đâu?

Đam Săn - Tôi đi khóc với thần Đất, tôi đi than với thần Nước, tôi lên ông Đu ông Điê ở trên trời.

Nói rồi, Đam Săn đi lấy một cây gươm, mài cây gươm con ruồi đỗ cũng đứt làm đôi, con mọt bám cũng rơi tuột. Rồi chàng ra đi.

Đam Săn - Ối ông ơi, ối ông ơi, ông thả thang xuống cho cháu!

Ông Trời thả xuống một thang đồng, Đam Săn chặt đi! Ông Trời thả xuống một thang bạc, Đam Săn cũng chặt đi. Ông Trời thả xuống một thang bêch[1] Đam Săn cũng lại chặt nốt. Ông Trời thả xuống một thang vàng, lúc đó Đam Săn mới leo lên. Chàng đã lên đến trời.

Ông Trời - Cháu lên có việc gì đấy, cháu?

Đam Săn đứng lặng thinh, không nói không rằng. Ông Trời chìa thuốc mời chàng hút, tức thì chàng tóm lấy đầu ông.

Đam Săn - Tôi chém ông đây này!

Ông Trời - Chuyện gì mà cháu muốn chém ông vậy, cháu?

Đam Săn - Chuyện gì mà tôi muốn chém ông à? Chuyện tôi kêu, tôi gọi ông không thưa, chuyện tôi khóc, tôi than ông không nghe. Chuyện

---

1. Một hợp kim bạc quí hơn bạc.

rượu tôi đem, lợn tôi đốt, trâu bò tôi thui mà cổng chốt ông không mở, cổng sắt ông vẫn đóng chặt. Ông ơi, ông hãy đoái nhìn thằng Đam Săn cháu ông này xem! Nước mũi nó ròng đầy chén hoa, nước mắt nó ròng đầy bát sứ, tràn trụa cả chiếu chăn. Ối ông ơi, vợ cháu chết mất rồi, người vợ nấu cơm đơm canh, người vợ dệt khố dệt áo cho cháu chết mất rồi! Chính ông là người đã treo chiêng với cổng, trộn dầu với sơn, se duyên chắp mối vợ chồng cháu. Chính ông đã ép ngựa phải chịu cương, ép trâu phải chịu thừng, ép duyên trai với gái. Cháu không ưng, không chịu thì ông hăm cháu phải hốt phân ngựa phân bò cho Hơ Nhị, Hơ Bhị. Ông bảo cháu: chỉ có lấy Hơ Nhị, Hơ Bhị, cháu mới trở nên một tù trưởng giàu có, chiêng lắm la nhiều. Vậy giữa lúc chiêng cháu đang mua, la cháu đang sắm, tôi trai tớ gái cháu đang có này, ai là người nấu cơm đơm canh, ai là người dệt khố dệt áo cho cháu đây, ông?

Ông Trời - Ơ cháu, vậy thì cháu hãy lấy ngải kpo ngải kpun đem mài ba năm, đem tắm ba sáng cho Hơ Nhị, Hơ Bhị.

Đam Săn - Cháu còn làm như thế để làm gì nữa, hả ông! Đã chết rồi thì sao còn đứng dậy được! Đã rữa ra rồi thì làm sao còn sống lại được, sao mặt mày còn như cũ, thân hình còn như xưa, sao còn được như các cô gái còn son trẻ biết chọn áo, biết chọn xuyến chọn vòng làm dáng làm duyên nữa!

Ông Trời - Vậy thì cháu lấy nén cháu phun vào lỗ tai, cháu lấy gừng cháu phun vào lỗ miệng, chạng vạng cháu ra làm phép ở sàn hiên.

Thế là Hơ Nhị, Hơ Bhị đã lúa mục cỏ nát, bị ma quỉ bắt đi, nay vì duyên vì số, lại được ông Trời cho sống lại.

Đam Săn ra về. Tay chàng đỡ cằm, tóc chàng bỏ xoã như vẫn thấy vợ chồng để tang cho nhau. Về đến làng, rồi đến nhà, chàng thấy chiêng cái trống to, cổng lớn cổng nhỏ đang đánh lên rộn rã, các chũm choẹ xoa đang hoà nhịp rền vang, voi đực voi cái đang ra vào sàn hiên không ngớt, quang cảnh khác nào như đang ăn đông uống vui mừng mùa khô năm mới. Khách đến dự tang đông nghịt, gươm giáo tua tủa như lách như lau. Chàng leo lên sàn hiên, bước tới dưới mái hiên. Khi bước vào cửa chàng tưởng đâu đây còn thấy bóng vợ. Chàng oà khóc:

Đam Săn - Ôi, vợ tôi chết mất rồi! Vợ tôi đã lúa mục cỏ nát mất rồi, người vợ mà thần đã cho tôi để tôi nên người tù trưởng giàu mạnh đầu đội khăn nhiễu, vai mang nải hoa! Giờ đây, nếu ông Trời lại ban cho tôi thì tôi lấy lá tôi chập lại, xin một sấp một ngửa. Tôi xin thần ban ơn tái tạo cho vợ tôi lại đứng dậy, ăn gan bò trong thau, ăn gan trâu trong mâm, uống rượu tuk ché tang một mình một cần. Ối em ơi, em ngủ sao quên thức giấc, em nằm sao quên bừng dậy, sao em quên cả trời đã hừng đông! Ối em ơi, em thấy chăng rượu ché tuk ché tang đem ra không ngớt, trâu bò đem thui đem đốt không ngừng, khách gần khách xa đến dự tang đông khôn kể, đem lợn hàng đàn, bò cả bầy, trâu cả trăm con đến viếng em! Hỡi ngải linh thiêng, đây, tôi lấy nén tôi thổi vào lỗ tai, tôi lấy gừng tôi phun vào lỗ miệng vợ tôi.

Hơ Nhị, Hơ Bhị tức thì hồi lại, rồi tỉnh hẳn. Hai chị em nhổm dậy đi lấy nước nồi bung nồi bẩy rửa tay, lấy nước bát sứ chén hoa rửa mặt. Hơ Nhị nói với Đam Săn:

Hơ Nhị - Ơ anh, ơ anh, thế là anh khóc chúng em đã nhiều, anh than chúng em đã lắm, anh đã sụt sùi khóc chúng em không kể ngày đêm! Em ngủ đã quá say, em nằm đã quá giấc, em mơ thấy bông sen quanh làng, anh ạ.

Đam Săn - Ơ các con, thế là vợ ta đã tỉnh lại rồi! Ai giữ bò hãy đi bắt bò, ai giữ trâu hãy đi lùa trâu, ai đi lấy rượu hãy đi lấy rượu! Hãy đánh lên các chiêng cái trống to, đánh lên cái cồng hlong hoà cùng các chũm choẹ xoa có tiếng đồng tiếng bạc! Hãy đánh lên chiếc trống thần Dam Bhu có tiếng kêu át cả sấm! Đánh lên đi nào! Đúng là ông Trời đã cho Hơ Nhị, Hơ Bhị sống lại rồi để ta lại nên một tù trưởng giàu mạnh, đầu đội khăn nhiễu, vai mang nải hoa rồi đó!

Đam Săn nghỉ một ngày, ngơi một đêm, ở không thêm một chiều một sáng. Sau đó.

Đam Săn - Ơ Hơ Nhị, ơ Hơ Bhị, đừng mong đợi tôi làm gì nhé.

Hơ Nhị - Ơ nuê, ơ nuê, nuê lại đi đâu nữa?

Đam Săn - Tôi đi vào núi thẳm rừng xanh, tôi đi vào rừng âm u bịt bùng. Đêm tôi nghỉ, ngày tôi lại đi.

Hơ Nhị - Ơ nuê, nuê đi làm gì nữa? Nếu nuê cần chiêng thì nhà đã có chiêng. Nếu nuê cần la thì nhà đã có la rồi cơ mà.

Đam Săn - Tôi đi nào phải để kiếm chiêng, tôi đi nào phải để kiếm la! Tôi chỉ đi chơi phiếm, đi chơi không thôi mà.

Hơ Nhị - Ơ nuê, ơ nuê, nuê đã có chiêng đống voi đàn, bè bạn như nêm như xếp. Ai cũng nói nuê là một tù trưởng giàu mạnh, đầu đội khăn nhiễu, vai mang nải hoa, chiêng hàng trăm đã mua, cồng hàng ngàn đã sắm, tôi trai tớ gái, voi đực voi cái đều đã có cả. Nồi bung đầy rừng, nồi bảy đầy dầm, lợn dê đầy ắp gầm sàn, nuê cũng đã có. Danh vang đến thần, tiếng lừng khắp núi, đông tây đâu đâu cũng nói nuê là một dũng tướng chắc chết mười mươi cũng không lùi bước rồi cơ mà.

Đam Săn - Tôi đi đây là để bắt nữ thần Mặt Trời. Có bắt được nàng tôi mới thực sự trở thành một tù trưởng giàu có, chiêng lắm la nhiều, mới thực sự đâu đâu cũng phải khuất phục tôi, từ người Êđê bên bờ sông cho đến người Mnông ở dưới thấp, không còn một ai dám trái lời tôi. Tôi đi đến đâu, ở đó tre le phải nghiêng mình, tre lồ ô phải cúi rạp[1]. Tôi giậm chân là núi phải vỡ, sông phải tan. Khắp các tù trưởng không một ai sánh tày tôi nữa. Tôi đi làm gì ư? Tôi nghe danh vang đến thần, tiếng lừng khắp núi, đông tây đâu đâu cũng nói nữ thần Mặt Trời là một cô gái xinh đẹp, đôi bắp chân nàng tròn trạnh, váy nàng mặc tuyệt vời là đẹp. Vì vậy các cô đừng mong đợi tôi làm gì. Mười ngày tôi sẽ ngủ lại, sáu đêm tôi sẽ nằm lại trên đường đi. Tôi sẽ đi hết năm hết tháng.

Thế là Đam Săn ra đi. Chàng cưỡi một ngựa đực, mặc một áo blak rần[2], gươm giáo tuốt trần san sát bên người. Chàng Đam Săn đi bắt nữ thần Mặt Trời như vậy đó.

Đam Săn đến nhà Tăng Măng, một người em của chàng.

Tăng Măng - Ơ anh, ơ anh, anh đi có việc gì vậy? Việc gấp lắm phải không anh?

Đam Săn - Nào có việc gì đâu, chú em! Tôi chỉ đói rau ghé xin nghỉ, đói cơm ghé xin ăn, khát rượu ghé xin uống, thiếu bồ kết ghé xin gội đầu, thèm thịt bò, thịt trâu ghé xin ăn đó thôi.

Tăng Măng đi nấu cơm, đốt gà, đem rượu ra, rồi hỏi chuyện Đam Săn đi có việc gì.

---

1. Le, lồ ô: chỉ dân thường.

2. Áo tù trưởng.

Tăng Măng - Ơ anh, ơ anh, anh đi có việc gì vậy? Việc gấp lắm phải không anh?

Đam Săn - Có việc gì gấp đâu, chú. Tôi muốn đi bắt nữ thần Mặt Trời thôi. Vậy chú có biết đâu là rừng người ta đã vạch đường, đâu là lối người ta vẫn đi tới bãi thả trâu bò của nữ thần Mặt Trời không? Chú biết chứ?

Tăng Măng - Ôi chao, anh ơi, tôi quả là thằng đàn ông không biết rừng, là con đàn bà không biết đường, là con voi, con tê giác không biết đâu là bến lội qua sông cả, anh ạ.

Đam Săn - Tôi hỏi chú, đinh ninh rằng chú thạo, vì chú ở bìa rừng cuối xóm nên chú rõ đông tây. Đi, chú! Chú đi với tôi, chú nhé. Chú hãy làm con chim ngói dẫn đường, hãy làm con chim cút dẫn lối cho tôi[1], tiễn chân tôi đến tận bãi thả trâu bò của nữ thần. Chú hãy giúp tôi, đi với tôi, chú nhé! Vì tình nghĩa anh em, chú giúp tôi, đi với tôi, chú nhé!

Hai người ra đi. Mười ngày họ ngủ lại, sáu đêm họ nằm lại dọc đường. Họ đi suốt tháng suốt năm. Lúc nghe sông nước rì rào, lúc nghe biển cả gầm thét, người cưỡi ngựa đực, người cưỡi ngựa cái, ngựa thở hổn ha hổn hển. Họ đến làng Đam Par Kvây. Bọn đàn ông con trai trong làng chạy ra xem tận giếng làng, còn bọn đàn bà con gái thì đứng nhìn từ các sàn hiên. Ai ai cũng được nghe đồn Đam Săn là một tù trưởng giàu mạnh đầu đội khăn nhiễu, vai mang nải hoa.

Đam Săn đến bãi ven làng, rồi đến nhà Đam Par Kvây, người trong nhà chạy xuống, kẻ giữ ngựa tháo yên, người đưa lời thăm hỏi. Đam Săn lên cầu thang, hai lần cầu thang lún xuống. Chàng giậm chân trên sàn hiên, sàn hiên chao qua chao lại từ đông sang tây. Chàng giất chà gạc lên, rồi ngồi xuống, trông nghênh nghênh như con rắn trong hang, ngang như con cọp trong đầm, như con tê giác trong thung. Chàng nói chàng cười, tiếng oang oang như sấm gầm sét dậy. Thật chưa từng thấy một tù trưởng nào như chàng cả!

Đam Par Kvây - Ơ các con, ơ các con, đem gối ra cho diêng của ta nào, đem chiếu đem chăn ra cho diêng của ta nào!

---

1. Biểu tượng người hay đi xa, tình bạn thân thiết, tận tụy.

Tôi tớ trải dưới một chiếu trắng, trải trên một chiếu đỏ, hiện lên chỗ ngồi dành cho nhà tù trưởng. Rồi họ đem ra thuốc sợi cả một hòm đồng, thuốc lá cả một sọt đại, trầu vỏ cả một gùi to, không còn sợ thiếu thuốc thiếu trầu cho Đam Săn ăn, hút. Họ đốt một gà mái ấp, giết một gà mái đẻ, giã gạo trắng như hoa êpang, sáng như ánh mặt trời, nấu cơm mời khách. Họ đi lấy rượu, đem ra một ché tuk da lươn, một ché êbah Mnông, trên vẽ hoa kơ-ụ, dưới lượn hoa văn, tai hình mỏ vẹt xâu lỗ, những cái ché ngã giá phải ba voi. Ai đi lấy nước cứ đi lấy nước, ai đánh chiêng cứ đánh chiêng, ai cầm cần cứ cầm cần. Cần cắm rồi, người ta mời Đam Săn ngồi vào uống.

Đam Săn ngồi vào uống, vừa uống vừa nói chuyện:

Đam Par Kvây - Ơ diêng, ơ diêng, rượu tôi đã cột, gà tôi đã đốt, cơm tôi đã dọn trong mâm đồng chậu thau, xin mời diêng đến ăn cho! Xin hỏi diêng đến có việc gì? Phải chăng đã có kẻ đến đánh diêng tại nhà, vây diêng tại làng, bắt đi hết trai gái làng diêng rồi phải không?

Đam Săn - Không phải thế đâu, diêng ơi. Tôi đến đây chẳng vì công này cũng không vì công nọ. Tôi đến rủ diêng, cùng diêng giáp mặt giáp lời bàn xem chúng ta đi bắt nữ thần Mặt Trời có được hay không?

Đam Par Kvây - Chết, chết, diêng ơi! Rừng này nhiều cọp, đường này nhiều rắn, không ai vào bắt nữ thần Mặt Trời được đâu! Đường đi hái cà người ta trồng chông lớn, đường đi hái ớt người ta trồng chông nhỏ, tù trưởng đi chết đằng tù trưởng, nhà giàu đi chết đằng nhà giàu, mãnh tướng đi chết đằng mãnh tướng, dũng tướng đi chết đằng dũng tướng.

Đam Săn - Người dũng tướng chắc chết mười mươi vẫn không lùi bước há cũng không vào được đó hay sao?

Ông Đu, ông Điê nghe được tức thì đét cho Đam Săn một đét vào người.

Đam Săn - (Vẫn nói tiếp) Diêng ơi, diêng không cho tôi đi, cũng mặc. Tôi đã mang theo đây các ngải từng giúp ông chúng tôi chiến thắng, những ngải nổi tiếng, những ngải linh thiêng, những ngải cho sức mạnh chém tê giác dưới vực, giết hùm beo trên rừng. Để xem tê giác hùm beo có chết dưới mũi giáo lưỡi gươm của Đam Săn này hay không! Dù diêng

có bảo đường đi lắm rết nhiều bọ cạp, núi rừng đầy tê giác hùm beo, chưa từng có ai đi vào, tôi cũng không nghe lời diêng đâu.

Đam Par Kvây - Chết thật đó, diêng ơi! Nước thì nhiều đỉa, rừng thì nhiều vắt, người ta chưa hề đem nhau đi vào đó bao giờ. Ven rừng đầy xương người. Trong rừng đầy xương bò xương trâu. Biết bao tù trưởng nhà giàu, biết bao mãnh tướng, dũng tướng đã bỏ mạng nơi đây. Rừng Đen[1] đất nhão là nơi đã chôn vùi nhiều tù trưởng nhà giàu. Tôi cột diêng bằng thừng, tôi trói diêng bằng dây, tôi không cho diêng đi vào đấy đâu. Tôi cúng cầu phúc cho diêng một lợn. Tôi tiễn chân diêng một trâu, tôi không cho diêng đi vào rừng của Nhà Trời đâu. Ở đấy, chông lớn nhiều như lông nhím, chông nhỏ nhiều như lông chó, con sóc mà nhảy vào, thân nó cũng khó mà vẹn toàn nữa là!

Đam Săn - Mặc, diêng cứ để mặc tôi! Tôi sẽ làm bàn trang tôi san đường tôi đi. Gặp cọp, tôi sẽ giết cọp. Gặp tê giác, tôi sẽ giết tê giác.

Đam Par Kvây - Giữ diêng, diêng không ở. Cầm diêng, diêng không dừng. Vậy diêng định đốt đuốc ra đi trong đêm này ư?

Đam Săn - Khắp vùng Êđê trên cao, vùng Mnông dưới thấp, khắp tây đông thử hỏi còn ai dám chống lại Đam Săn này, chống lại người tù trưởng giàu mạnh, đầu đội khăn nhiễu, vai mang nải hoa này? Tôi không sợ.

Đam Par Kvây - Cột không dừng, giữ không ở, đốt đuốc ra đi giữa canh khuya, diêng hãy coi chừng kẻo rơi vào rừng cỏ cần, rừng đất nhão, rừng bà Sun Y Rit đó, diêng ơi!

Đam Par Kvây quay gót trở về. Trời đã nửa đêm. Gà đã te te gáy.

Đam Par Kvây - Ơ diêng, ơ diêng, trời đã gần sáng, mặt trời muốn ló lên rồi, diêng hãy thúc ngựa chạy nhanh! Lúc này, trời còn tối, đất còn cứng. Có ánh mặt trời chiếu xuống là đất sẽ nhão ra, rừng bà Sun Y Rit sẽ bắt đầu động đấy!

---

1. Người Êđê cho rằng đất với trời vốn là một, từ khi trời tách khỏi đất thì bên kia phần đất cứng, nơi con người ở, là một vùng đất đen, ban đêm cứng, nhưng ban ngày nhão ra và dính như sáp ong, trên mặt chỉ mọc mỗi thứ cỏ lông. Vùng đất đen này ông Trời giao cho bà Sun Y Rit cai quản.

Thế là Đam Săn ra đi. Chàng đi hết rừng rậm đến núi xanh, cỏ tranh xé tay, gai mây đâm chân, không màng ăn uống. Chàng đi, đi mãi. Rừng núi quạnh hiu, vắng như không, không như vắng. Nhưng rồi chàng cũng đến được bãi thả trâu bò, rồi bãi thả diều làng ông Đu ông Điê. Chàng nhác thấy bóng đàn ông một người, bóng đàn bà một người[1]. Sau đó, trước mắt chàng là cảnh người đi đi lại lại như trong sương mù. Chàng đến bến nước xem thì thấy dưới giăng dây đồng, trên giăng dây vàng, ở giữa là những máng nước sơn grư ửng lên một màu đỏ rực. Cảnh làng của người anh giữ mặt trời, của người em giữ mặt trăng này Đam Săn thấy quả là đẹp. Chỗ hai anh em họ ở là một cánh núi ngăn một dòng nước đục chảy cho đến nơi đất giao với trời. Chàng đi đến nhà cô gái không chồng, nàng Hơ Kung của chàng Y Đu, nàng thì đã vào ở giữa mặt trời. Ở đây sấm nổ ầm ầm, mưa đổ ào ào, tiếng vó ngựa ngày đêm rầm rập, từ đây, Đam Săn đứng ngắm ngôi nhà của nữ thần Mặt Trời. Cầu thang trông như cái cầu vồng. Cối giã gạo bằng vàng, chầy cũng bằng vàng. Chầy nhà tù trưởng giàu có này giã gạo trông cứ lấp la lấp lánh!

Đam Săn xuống ngựa, tháo yên. Chàng vươn người leo lên cầu thang thì trong nhà người ta đã nghe. Chàng giậm chân bước trên sàn hiên thì trong nhà người ta đã thấy. Chàng vào nhà. Toà nhà dài dằng dặc, voi đứng vây chặt sàn hiên, chiêng xếp đầy nhà ngoài, cồng chất đầy nhà trong, tôi trai tớ gái như ong đi lấy nước, như vò vẽ đi chuyển hoa, các xà ngang xà dọc đều thếp vàng. Quả thật chàng chưa hề thấy một ngôi nhà nào như vậy cả.

Đam Săn gác chà gạc lên, rồi đến ngồi trên ghế. Người đi ra đi vào nhà trong nhà ngoài đưa mắt nhìn chàng, thấy chàng oai như một vị thần. Tiếng xì xào ca ngợi chàng đã vọng tới tai nữ thần Mặt Trời ở nhà trong.

Nữ thần - Ơ các con, ơ các con, khách nào ở ngoài ấy?

Người hầu - Thưa bà, chúng tôi không được quen. Khách mặc một áo lụa đẹp, thêm một áo chiến, cũng thật là đẹp. Lông chân khách như chải, lông đùi khách như chuốt. Tiếng khách nghe như tiếng chong chóng gõ mõ[2]. Khắp các tù trưởng đầu làng không có một ai như khách

1. Bóng của Y Đu, Hơ Kung vì loạn luân bị đẩy lên mặt trời, mặt trăng.

2. Công cụ đuổi chim ở rẫy nhờ sức gió.

cả. Nữ thần bỏ váy cũ mặc váy mới. Chưa hài lòng với váy này, nàng lấy váy kia. Nàng mặc một váy ánh như sét, loáng như chớp. Mái tóc nàng vén bên tai trông thật là đẹp. Nàng từ trong buồng đi ra, cửa buồng liền bừng sáng. Nàng đi trông như diều bay liệng, như nước lững lờ trôi cũng không bằng. Khi lỡ chân hụt bước, nàng dừng lại đứng yên, đầu nghiêng nghiêng cúi xuống, hay nàng ngồi thụp xuống, đầu nhè nhẹ ngẩng lên. Tiếng nàng lanh lảnh, người chưa tới mà tiếng đã vẳng lại. Thật không có một ai như nàng cả. Trước mặt Đam Săn là người con của thần Đất và thần Trời, với một thân hình như cái nụ tai, với một cái cổ như cổ con công.

Nữ thần - Hỡi người con của trần thế, ngươi muốn gì?

Đam Săn - Tôi đến đây, tôi muốn có người nấu cơm tôi ăn, dệt khố áo tôi mặc.

Nữ thần - Thế phải chăng ngươi còn là lưỡi dao chưa tra cán, còn là cái then cài chưa tra chốt, là gái còn ở không, là trai còn ở rồi?

Đam Săn - Tôi là lưỡi dao đã vướng cán, là lưỡi giáo đã có tay cầm. Dưới trần gian, trai gái nào mà không có đôi có lứa.

Nữ thần - Thế sao bây giờ ngươi còn ưa đằng lưng còn ưng đằng bụng, còn nói nói cười cười? Ngươi nghĩ gì vậy?

Đam Săn - Tôi muốn có hai vợ lẽ, tôi muốn cả ba vợ tôi đều là những nàng tiên xinh đẹp. Tôi muốn đưa nàng xuống trần làm *duê* làm *êngai*[1], làm chị em với Hơ Nhị, Hơ Bhị.

Nữ thần - Ủa, sao ta lại đi? Tạo hoá đã định quê hương đất tổ của Mặt Trời, Mặt Trăng là nơi cuối chân trời này rồi cơ mà.

Đam Săn - Nàng dù không đi thì tôi cũng đã rẽ đất đến đầu gối, lội bùn đến ngang hông, đội đất đội bùn để đến với nàng rồi.

Nữ thần - Nhưng nếu ta đi thì lợn dưới gà trên, cọp, tê giác, ngựa trâu sẽ chết hết. Chết cả người Khme người Lào vì hết đất làm nương. Chết cả người Êđê Êga vì không còn nước uống. Chết cả gầm ghì, cu xanh vì không còn trái ăn. Nếu ta đi, cây trong rừng sẽ tuyệt diệt, cây trên rú sẽ chết khô, lau lách sẽ ngừng đâm chồi, cỏ cây sẽ tàn lụi, đất đai

1. Hai loại chuối rừng ví như hai chị em của nhau.

sẽ nứt nẻ, sông suối sẽ cạn khô. Thôi, ngươi hãy đi lấy một gùi nước ra về đi! Ta sắp đi đây.

Đam Săn - Tôi không về. Tôi đã cầm cây chà gạc phát rẫy mới này tôi rạch rừng, tôi giết tê giác trong thung, giết cọp beo trên núi, giết kên kên, quạ dữ trên ngọn cây, chém ma thiêng quỷ ác trên đường đi. Tôi thương nàng da diết, lòng dạ tôi khôn nguôi, vì vậy tôi đã đến đây với nàng, muốn cùng nàng nên nghĩa vợ chồng, có lấy được nàng tôi mới về.

Nữ thần - Thôi, ngươi hãy xuống khỏi cái sàn hiên nhà này ra về đi! Ta là con của Trời, ngươi mới chỉ được ăn cơm tấm nước lã, hương nghệ chưa vương[1] cũng mặc!

Đam Săn - Tôi nghĩ thương nàng, hỡi người con của thần Trời! Nhưng cho đến đây, đằng lưng nàng đã không ưa, đằng bụng nàng cũng không ưng, cả tiếng nói tiếng cười với tôi nàng cũng không tiếc. Tôi quay về làng hoang nhà cũ của tôi vậy.

Nữ thần - Ấy, ngươi đừng ra về vội! Ta ra đi đây. Ngươi chết mất.

Đam Săn - Mặc, sống được chết đành! Tôi về đây.

Thế là Đam Săn ra về. Chàng nhảy lên ngựa ra đi.

Lúc này, mặt trời đã ló lên ở đầu núi, ngựa của Đam Săn kiệu còn êm. Khi đến giữa rừng Đen thì mặt trời đã lên cao, mỗi lúc mỗi thêm cao, ngựa bắt đầu bị dính ở chân. Mặt trời lên cao nữa, khi nó chấm ngang cây xà dọc phía đông, thì đất loãng ra. Ngựa tuy nhiên vẫn còn chạy được, nó tiếp tục chạy nhưng bắt đầu lún dần cho đến khi ngập ngang đầu gối. Từ đó, nó phải đi bước một, cứ bước một đi mãi. Khi mặt trời đã chênh chênh cây xà dọc phía đông thì ngựa đã lún sát bẹn, nhưng nó vẫn ráng bước tới. Cho đến khi mặt trời đứng bóng thì ngựa không sao bước tới được nữa. Nó bị ngập đến ngang lưng dần dần kéo theo Đam Săn chìm nghỉm.

Trước hết, Đam Săn thấy một con bướm.

Đam Săn - Ơ Bướm, ơ Bướm, em cứu ta với!

Bướm - Tôi thì làm sao cứu được anh!

Liền đó, Đam Săn thấy một con Chuồn.

---

1. Ý chưa chung chăn chung gối.

Đam Săn - Ơ Chuồn, ơ Chuồn, em cứu ta với!

Chuồn - Tôi thì làm sao cứu được anh, anh ơi!

Đam Săn - Không cứu được thì hãy bay về làng nói với vợ anh, anh đã rơi vào vùng rừng hoang đầm vắng, vùng rừng nhão đất mềm, vùng rừng tối như đêm, vùng rừng bà Sun Y Rit rồi!

Chuồn bay đến nhà Hơ Nhị, Hơ Bhị.

Chuồn - Ơ chị Hơ Nhị, ơ chị Hơ Bhị, tôi đến báo các chị biết chồng các chị, anh Đam Săn, đã chết chìm trong đất Sáp Đen rồi.

Hơ Nhị - Anh ấy đi đâu về?

Chuồn - Đi bắt nữ thần Mặt Trời về, nên bị chìm trong rừng Sáp Đen, đất nhão, rơi vào rừng bà Sun Y Rit.

Hơ Nhị - Em không đùa chứ?

Chuồn - Sao em lại đùa được! Anh ấy đã chết trong vùng rừng hoang đầm vắng, ở nơi tận cùng của trái đất giáp với mặt trời, ở vùng rừng cỏ cần đất nhão. Đúng là nhà tù trưởng Đam Săn giàu mạnh, đầu đội khăn nhiễu vai mang nải hoa đã chết rồi, chị ạ! Trời nắng to làm chảy đất Sáp Đen. Trời đã làm anh ấy chết chìm trong vùng đất non, nước lạnh, vùng rừng tối như đêm, không được gặp một ai là anh em các chị cả.

Hơ Nhị - Ơ các con, ơ các con, hãy chạy đi báo ngay cho *duk* Hơ Âng, *duk* Hơ Lị, chị em của ông Đam Săn, biết ông đã rơi vào vùng rừng cỏ cần đất nhão, vùng rừng bà Sun Y Rit trên đường đi bắt nữ thần Mặt Trời về rồi.

Bọn tôi tớ chạy đến nhà Hơ Âng.

Tôi tớ - Bà ơi, bà, chúng tôi đến báo cho bà biết ông Đam Săn đã rơi vào vùng đất Sáp Đen bùn dính ở nơi cuối đất chân trời rồi.

Hơ Âng - (Nói với tôi tớ của nàng) Ơ các con, ơ các con, hãy đánh trâu đánh bò đi thui không cần đếm làm lễ cúng em ta chết trong đất Sáp Đen rồi!

Hơ Nhị, Hơ Bhị - Hỡi nghìn chim sẻ, hỡi vạn chim ngói! Hỡi tất cả tôi tớ của ta bằng này! Chúng ta hãy đi làm lễ tang ông Đam Săn mất trong rừng bà Sun Y Rit! Các con hãy đi mời người hàng trăm, đi gọi

người hàng nghìn, hãy xua tôi tớ của ta đi lớp lớp từng từng làm đám cho ông! Hỡi những người giữ ngựa hãy đi bắt ngựa! Hỡi những người giữ trâu, hãy đi bắt trâu!

Đoàn người ra đi cuồn cuộn như bầy cà tong, nghìn nghịt như bầy kên kên, từng từng lớp lớp đặc cả núi sông. Trong dòng người, bà con xem, có cả các tù trưởng người Bih đeo nanh cọp, có cả các tù trưởng người Mnông đeo răng rắn. Dòng người đi viếng Đam Săn thật không sao kể xiết.

Đoàn người đã đi đến vùng rừng cỏ cần đất nhão, vùng rừng bà Sun Y Rit. Đến nơi rồi, ai làm cột bia cứ làm cột bia, ai làm lán cứ làm lán, ai làm nhà cứ làm nhà, ai thui bò, thui trâu cứ thui bò, thui trâu, ai nấu cơm cứ nấu cơm. Còn Hơ Nhị, Hơ Bhị, Hơ Âng, Hơ Lị thì, bà con xem cứ ngồi khóc. Khóc cả ngày không biết có chiều, khóc cả đêm không biết có sáng, nước mũi đầy đùi, nước mắt đầy tay.

Hơ Nhị - Ơ *nuê* ơi, thế là cây đa không còn nữa, cây *klông*[1] đã đổ rồi! Khắp vùng Bih, vùng Mnông đâu còn một tù trưởng giàu mạnh, đầu đội khăn nhiễu, vai mang nải hoa như *nuê* nữa! *Nuê* giàu có voi đàn chiêng đống, tưởng đâu *nuê* chết bia cao hom tốt, mồ mả giữ cả tháng năm. Ngờ đâu *nuê* lại chết chìm trong vùng đất Sáp Đen! Danh vang đến thần, tiếng lừng khắp núi, đông tây đâu đâu cũng nghe nói *nuê* có chiêng nhiều la lắm. Thế mà *nuê* lại chết dọc sá dọc đường trong rừng Sáp Đen, để cơm em khô trong bát, gà em quắt lại trong xiên, thịt xác như thịt con kên kên đực!

Hơ Bhị - Ơi anh ơi, ối anh ơi! Em cứ tưởng anh chết thì cũng chết trên bãi chiến trường khi đang chiến đấu với quân thù, vây bắt tù binh, xéo nát đất đai của bọn tù trưởng nhà giàu. Ngờ đâu anh lại rơi vào đất Sáp Đen, chết trong rừng đất nhão! Ôi anh ơi, anh về mà ăn gan bò chúng ta trong mâm, ăn gan trâu chúng ta trong thau, uống rượu ché tuk ché tang một mình một cần anh ơi!

Hơ Âng - Ối em ơi, ối em ơi, trước kia khi em còn là một tù trưởng giàu mạnh, đầu đội khăn nhiễu, vai mang nải hoa, nếu em bị người Bih

---

1. Tượng trưng người tù trưởng có uy tín lớn rộng.

cầm tù thì chị nào để em bị giam giữ, nếu em bị người Mnông bắt giam thì chị nào để em bị xích xiềng, nếu em bị bọn tù trưởng nhà giàu bắt làm tù binh thì dù chiêng cả trăm chị cũng cho, dù cồng cả trăm chị cũng cho, dù tôi trai tớ gái phải bao nhiêu đi nữa chị cũng cho để nộp. Ngờ đâu ngày nay chị em ta mặt không còn gặp mặt, em mất đi mà đã không gặp chị một lần!

Hơ Lị - Ôi anh ơi, mẹ dạy anh không nghe, cha bảo anh không vâng, anh cầm sáo *vưt*, anh chơi cho đến thiệt thân! Em khóc anh, nước mũi đầy chén hoa, nước mắt đầy bát sứ. Em khóc anh, người em nước mắt đầm đìa. Cơm em không còn muốn ăn, nước em không còn muốn uống, bồ kết em cũng chẳng buồn lấy để gội đầu, thịt trâu thịt bò em cũng không sao nuốt được!

Hơ Âng - Ối em ơi, em gẫy chà gạc này chị thay chà gạc khác, gẫy rìu này chị rèn rìu khác, voi đực voi cái chết chị lại mua, đằng này người chết chị làm sao có lại được, em ơi!

Vừa lúc đó, một con ruồi bay vào miệng Hơ Âng[1]. Đến đây, Hơ Nhị cho thả vào rừng cỏ cần đất nhão, rừng bà Sun Y Rit, chiêng một trăm, cồng một trăm, cũng xua vài ba người, bốn năm người nhảy theo vào đó[2].

Hơ Nhị - Ơ *duk*, ơ *duk*, đến đây mồ chúng ta đã đắp, mả chúng ta đã vun, cột bia cột mốc chúng ta đã trồng, trâu bò chúng ta đã thui không ngớt ngày đêm. Bây giờ chúng ta ra về. (Nói với tôi tớ). Ơ nghìn chim sẻ, ơ vạn chim ngói! Ơ tất cả tôi tớ của ta bằng này! Cho đến đây chúng ta đã làm xong. Bây giờ chúng ta hãy trở về làm lễ cáo tổ tiên, cáo linh hồn các tù trưởng xưa cũ, cầu cho chúng ta được mạnh tay rìu, khoẻ tay dao trong việc nương rẫy!

Sáng dậy, khi mặt trời vừa ló, người ta đã lấy rượu năm ché, trâu nâng một con làm lễ cầu yên cho mọi người.

Hơ Âng - Ơ *duk*, ơ *duk*, đến đây rượu đã nhạt ché đã phai, ai đã về nhà ấy. Chúng tôi cũng xin về *duk* ạ.

---

1. Con ruồi là hoá thân (vía ayun) của Đam Săn bay vào đầu thai lại trong người chị của chàng.

2. Vết tích tục tuẫn táng nô lệ, có vang bóng đến đầu thế kỷ này.

VI

Sáng hôm sau, Hơ Âng lại đi rẫy làm cỏ sửa chòi.

Nàng nghỉ một ngày, ngơi một đêm, ở không thêm một chiều một sáng thì thấy mình có bụng, đầu vú thâm đen. Nàng sinh một trai, thằng bé khóc không dứt, khóc ra rả cả ngày cho đến chiều, thâu đêm cho đến sáng. Người ta mời bà mụ một nghìn, thầy bói một trăm để hỏi tên cho nó, nhưng không một ai biết cả. Hơ Âng ngủ một ngày, nằm mộng một đêm thì được thần phán đặt tên cho nó là Đam Săn. Từ đó, thằng bé thôi khóc, ngày thôi đau, nó đòi ăn gan bò trong thau, ăn gan trâu trong mâm, uống rượu cần như cậu nó xưa kia. Người ta làm lễ rượu năm ché, trâu một con để cáo tổ tiên, rượu bảy ché, trâu đực một con để đặt tên cho nó, cầu cho nó trở thành một tù trưởng giàu có, chiêng lắm la nhiều như cậu nó xưa kia. Nó lớn lên bằng quả dưa gang, rồi bằng quả dưa hấu. Càng lớn lên, chiêng nó càng biết múa, la nó càng biết sấm, nô lệ trai gái, nó càng biết cứu thoát. Khắp bọn trẻ nít đang tuổi vọc đất không thấy có đứa nào như nó cả. Khắp những đứa đang tuổi bám thang, những đứa đã biết đi biết chạy, cũng không thấy có đứa nào như nó cả.

*

* *

Nghỉ một ngày, ngơi một đêm, ở không thêm một chiều một sáng, Hơ Nhị gọi:

Hơ Nhị - Ơ Y Đhing ơi! Ơ Y Ling ơi! Ơ Y Đhang ơi! Ơ Y Lang ơi! Quá ngoài cổng làng có xử chém kẻ lạ nào đâu! Ơ Y Suh ơi! Ơ Y Sah ơi! Vào đây nào!

Y Đhing - Ơ em, có việc gì mà em gọi, có việc gì mà em kêu chúng tôi đấy hả, em?

Hơ Nhị - Tôi gọi các anh chẳng vì công này, cũng không vì việc nọ. Ơ Y Suh, ơ Y Sah, ơ những chàng trai có tài ăn nói, giỏi lí lẽ, biết thuyết phục bọn tù trưởng nhà giàu, tôi đã thấy cần có người dọn bờ phát bụi, đuổi con két con vẹt rồi đó.

Thế là người ta lấy rượu một ché *tuk*, gà trống một con để làm lễ cáo thần, cáo tổ tiên, cáo linh hồn các tù trưởng xưa cũ.

Cúng xong Y Suh, Y Sah ra đi. Họ đến bãi ngoài làng, rồi đến nhà Hơ Âng.

Hơ Âng - Ơ anh, ơ anh, vì đâu xui khiến mà chiêng leo giàn bếp, bậc quyền môn lại đến với kẻ tiện ti, bỗng dưng anh lại hạ cố đến nhà tôi lần này vậy?

Y Suh - Ấy chớ, chị ơi! Xin chị đừng vội dấp rừng chắn lối. Từ nay chúng ta lại đi lại làm thân, cùng nhau kẻ mua người bán.

Hơ Âng quay vào nhà trong bê rượu ra, rồi đi giết gà, lấy chậu thau mâm đồng dọn cơm mời khách.

Y Suh - Thưa chị, cơm nước đã xong, tôi xin thưa chuyện. Tôi đến đây vì người quá cố như lúa mục cỏ nát, bị ma quỷ bắt đi. Vậy thì dầm sàn gẫy phải thay dầm sàn khác, giát sàn phải giậm lại cho lành, người này chết đi phải chắp vào một người khác. Nhà chúng tôi nay đã vách xiêu bếp nứt, mỗi tiếng là mỗi than thở buồn rầu. Vậy xin chị hãy cho chúng tôi một người chồng kế, một người *nuê*. Đây nào phải cây chuối cây mía mà chúng tôi tự trồng lấy được.

Hơ Âng - Thưa anh, vậy thì bụng anh đã ưng ai, lòng anh đã nhằm ai, ai là người anh đã để ý?

Y Suh - Cậu chết thì ghép cháu lại, bà chết thì ghép cháu bà[1]. Chết người này thì ghép người kia. Con chị, chị sẽ mua; con em chị sẽ mượn, con tù trưởng nhà giàu chị sẽ mướn thuê. Chúng tôi đến đây khác nào con ong đến với nước, vò vẽ đến với hoa, khác nào trai gái đến với trầu với thuốc.

Hơ Âng - Ơ anh, ơ anh, nhưng nào chúng tôi có ai! Chúng tôi chỉ có mỗi thằng bé còn đang tuổi vọc đất, còn đang tuổi bám thang, mới biết đi, biết chạy, đi rẫy không trọn buổi, nhổ nước miếng nhổ không quá bếp, đuổi chim két chim vẹt, chim không thèm đi, bụng to vì ăn nhiều, mặt húp vì ngủ lắm. Một thằng bé như vậy dùng được việc gì!

1. Những phép tắc trong tập tục nối nòi (chuê-nuê) Êđê (CTS).

Y Suh - Cũng cứ được đi, chị ạ. Bạn ấy có còn nhỏ, nhà tôi vẫn thêm đông. Bạn ấy có còn dại, nhà tôi vẫn bớt vắng. Chúng tôi cần chân đi mua voi mà nào có ai, cần tay đi mua chiêng, cần người làm tù trưởng mà nào có ai! Cứ được đi, chị ạ, *nuê* còn nhỏ, chúng tôi sẽ dìu dắt! Chồng còn bé, chúng tôi sẽ nán chờ. Vì bạn ấy là cháu của ông cậu ngày xưa, nên chúng tôi muốn được gần gũi.

Đam Săn - Ối chao, mẹ ơi! Việc nhà con nhác, việc nương rẫy con lười, đốn cây làm cỏ con không siêng. Chỉ e rằng rồi đây chủ người ta sẽ chê, tớ người ta sẽ trách, nhà tù trưởng người ta sẽ nói ra nói vào, mẹ ạ.

Hơ Âng - Con ơi, con cứ đi mà thay cậu con ngồi trên cái giường cái ghế người chủ nhà, mà thừa hưởng các của cải đồ đạc cậu con để lại từ xưa.

Đam Săn - Mẹ ơi, con đến ở vậy. Nhưng của dẫn cưới họ phải đem giao, tiền bạc từ ông bà xưa kia họ phải đem nộp đủ.

Y Suh - Sao lại không có gì được! Của cải chúng tôi sẽ tặng, đồ dẫn cưới chúng tôi sẽ giao. Tiền bạc chúng tôi sẽ nộp là một con voi. Chúng tôi sẽ làm lễ cầu phúc cho bà nhà ta một trâu, cậu ạ.

Hơ Âng - Hỡi các em trong làng, hỡi các cháu trong nhà! Chúng ta đi đưa Đam Săn về nhà vợ nào!

Thế là người ta ra đi. Đoàn người đông nghịt, tua tủa gươm đao. Đến nhà Hơ Nhị, họ thấy tôi tớ trong nhà ai lấy rượu cứ đi lấy rượu, ai treo chiêng cứ đi treo chiêng, ai thui trâu cứ đi thui trâu, ai lấy nước cứ đi lấy nước. Khi thịt đã chín; người ta cắm cần vào ché rượu. Cần cắm rồi, người ta làm lễ cầu phúc cho mẹ Đam Săn. Sáng dậy, người ta lấy rượu bắt trâu làm lễ cầu phúc, thoa nước phép cho vợ chồng Đam Săn. Hai người ngồi kề lưng nhau, chân đạp trên một lưỡi rìu[1] miệng ngậm cần rượu. Lễ cầu phúc cho hai vợ chồng xong người ta đem giao của dẫn cưới: voi một con, tớ gái nấu cơm một người, tớ trai làm thức ăn một người. Sau đó, Hơ Âng ra về.

Hơ Âng - (Nói với Đam Săn) Ơ con, ơ con, con hãy lo nuôi vợ nuôi con sao cho sung sướng. Sáng con phải lên rẫy, trưa ở rẫy, sương mai vừa ráo đã đi đó đi đơm. Con chớ có sớm ở nhà cha, trưa ở nhà mẹ, bỏ mặc vợ

---

1. Ý cầu hạnh phúc bền như sắt.

con một mình con nhé! (Nói với Hơ Nhị) Ơ duk, ơ duk, nuê còn bé, duk hãy dìu dắt, duk hãy chờ nuê khôn lớn nhé. Chúng tôi về đây, duk ạ.

Đam Săn nghỉ một ngày, ngơi một đêm, ở không thêm một chiều một sáng. Bây giờ thì cậu bé đã bắt đầu ngày ngày đi rẫy làm cỏ sửa chòi, biết mua cồng mua chiêng, biết cứu thoát nô lệ trai gái. Vì vậy, ai ai cũng nói cậu ta đã là một tù trưởng giàu mạnh đầu đội khăn nhiễu, vai mang nải hoa như người cậu của cậu ta xưa.

Năm mới đã đến. Đam Săn mở hội ăn uống linh đình, ăn lợn ăn trâu không ngớt.

Đam Săn - Ơ các em trong làng, ơ các cháu trong nhà! Ơ nghìn chim sẻ, ơ vạn chim ngói! Ơ tất cả tôi tớ của ta bằng này! Mùa khô đã đến, chúng ta hãy mở hội ăn uống đông vui! Chúng ta hãy làm lễ cáo thần, cáo tổ tiên, cáo linh hồn các tù trưởng xưa cũ. Chúng ta hãy làm lễ cúng thần Núi, thần Nước, thần trên cao, thần dưới thấp, thần phía đông, thần phía tây, cầu cho chúng ta luôn luôn khoẻ mạnh, năm tháng yên vui, cầu cho đất đai mãi mãi xanh tươi, sông suối không bao giờ ngừng chảy, mía chuối luôn luôn nẩy lộc đâm chồi, không bao giờ héo hon tàn lụi! Hãy đem rượu ra không ngớt, hãy giết trâu bò dê lợn không ngừng! Hãy đánh lên những chiêng có tiếng ngân vang, những chiêng có tiếng đồng tiếng bạc, đánh nhè nhẹ cũng vang vọng khắp núi non! Hãy đánh lên cho ở dưới rung lên các cây đòn ngạch, cho ở trên rung lên các cây xà ngang, cho khỉ vượn quên đu cây, ma quỷ quên làm hại người, sóc chuột quên đào hang, rắn hổ, rắn mai đều chui lên nằm dài trên mặt đất, cho hoẳng đứng ngẩn, thỏ ngồi ngơ, hươu nai đứng sững sờ không màng nhoai đầu ra ăn cỏ, cho voi, tê giác quên cho con bú, tất cả chỉ còn biết sướng vui với tiếng chiêng của Hơ Nhị, Đam Săn.

DÂN TỘC BANA

ĐĂM NOI
TRƯỜNG CA (H'MON)

"Đăm Noi" được sưu tầm, khai thác trên địa bàn phân bố dân cư của dân tộc Bana, xã Yơma, huyện An Khê, Tỉnh Kontum vào tháng 7 năm 1980.

Viện Nghệ thuật (nay là Viện Văn hoá) phối hợp với Ty Văn hoá - Thông tin tỉnh Gialai - Kontum cũ, mời nghệ nhân dân tộc Ba-na: Ông Đinh Văn Mơl người ở Plây Srok (xã Yơma) hát kể H'mon này trong 3 đêm. Năm 1982, Ty Văn hoá - Thông tin tỉnh Gialai - Kontum khi ấy đã cho in và phát hành tại Plâyku nguyên bản H'mon Đăm Noi đó. Dịch từ nguyên bản này ra tiếng Việt theo cách từ - đối từ do một nhóm cộng tác viên gồm có: A Đrin, Khuyên Đông, Siu Che (đều là người Bana) và Phạm Thị Hà, Tô Ngọc Thanh.

Cũng năm 1982, Nhà xuất bản Văn hoá cho in H'mon Đăm Noi và phát hành ở các tỉnh phía Nam. Ba năm sau, cuốn sách nói trên được tái bản tại Hà Nội. Tổng tập này giới thiệu văn bản "H'mon Đăm Noi - trường ca Bâhnar" in lần thứ 2 của Nhà xuất bản Văn hoá, Hà Nội, 1985, được ghi là do Phạm Thị Hà dịch, Tô Ngọc Thanh hiệu đính và chú thích.

Bên cạnh Đía Đon[1] và một số H'mon khác, Đăm Noi là truyền thuyết, thiên anh hùng ca được mến mộ và lưu truyền phổ biến trong hầu khắp những vùng người Ba-na cư trú, nhất là trên cao nguyên Plâyku.

1. Nghiên cứu Văn học số 8, tháng 8-1961.

H'mon Đăm Noi phản ánh nhiều mặt cuộc sống của xã hội xưa, của một chặng đường lịch sử tộc người Ba-na ở vùng sông Ba rộng lớn, khi đã có sự giao lưu văn hoá với người Giarai, người Chăm (nói ngôn ngữ Nam Đảo) và người Việt. Nó phản ánh cuộc đấu tranh với các thế lực hung bạo, đại diện cho cái ác; phản ánh quá trình vật lộn của con người với thiên nhiên khắc nghiệt. Cuối cùng con người đã thắng cái ác, thoát được nguy cơ diệt vong, thích ứng với các điều kiện tự nhiên, vượt lên để xây dựng cuộc sống của cộng đồng.

CHU THÁI SƠN

Từ lâu lắm rồi, dân làng thường lo sợ, bàn tán về bôk Drang Hạ - Drang Hơm[1], người có sức mạnh khủng khiếp, đánh núi núi lở, đánh đá đá vỡ, đánh nước nước cạn, lão đã đi ăn thịt người ở khắp đường Giarai, đường Doăn[2], đường Chăm...

[Một hôm] nhìn lên nguồn sông Ba [người ta] thấy người ùn ùn kéo nhau chạy trốn, nhà cửa tan hoang, cỏ mọc ngút đầu, con người không còn một bóng, không ai dám làm gì; thấy bôk Drang Hạ -Drang Hơm đang hướng ngược về phía làng bôk Rơh - nơi có nhà rông cao sừng sững sát tận trời xanh - lão bước đi lừng lững, vừa đi vừa nói: "Ta đây sức mạnh hơn thần, đánh núi núi lở, đánh đá đá vỡ, đánh nước nước cạn", lão đã đi hoài, đi mãi, lão đã tìm khắp nơi mà không thấy Xét đâu.

Lão đành trở về hướng nguồn sông Ba. Trên đường về, lão bắt được các cô Tă, Tăng, Rang, Bia Kơ Nhi, Bia Nga. [Ôi, thương làm sao], sức các cô còn nhỏ như con sóc mới sinh, như con sâu mới nở đã bị lão bắt đem về hầu hạ.

[Lại nói về] Đường Bana chỉ còn sống sót một mình chàng Xét, chàng không biết chạy đi đâu. Chạy bên này không được, chạy bên kia không được. Chàng liếc mắt thấy một hốc cây to liền chui vào đó, và than thở một mình "Giàng ơi, sao lại còn mình tôi thế này, làng thì rộng, mà

1. Vị thần lớn nhất của người Bana.

2. Chỉ người Kinh.

chỉ toàn cây cỏ, ở một mình sẽ buồn biết bao. Không biết cuộc sống rồi sẽ ra sao. Thôi tôi đành đốt bỏ tất cả, chỉ để lại một nhà rông, một nhà ở". (Nói rồi Xét châm lửa đốt, làng cháy sạch chỉ còn lại một nhà rông, một nhà ở). Khi ấy bôk Kei Đei nhìn xuống, thấy dưới đất tan hoang, thấy đường Giarai, đường Doăn, đường Chăm... mất hết người mà không biết làm gì. Nhìn khắp mặt đất giờ đây trần trụi, chỉ thấy một mình Xét bơ vơ... Ông bèn gọi các con lại và nói rằng:

Bôk Kei Đei: - Các con ạ, lúc ăn, bố cũng nghĩ đến, lúc ngủ bố cũng mơ thấy, làng buôn tan hoang, còn lại một mình Xét. Bố muốn một con gái của bố xuống dưới mặt đất, nếu không thì con người sẽ mất hết không còn nữa, không có ai giữ đất nước cùng Xét. Nếu con nào đi, hãy lấy thuốc thơm bảy ngày, bảy đêm mang theo.

Nghe cha nói xong, Bai Răk - nàng con gái út - đứng dậy, vui vẻ đi lấy chiếc gùi đan hình chim yến, rồi cho lửa, cho thuốc vào đó, nàng nói với cha và hai chị Bia Mơ Xét, Bơ Kơ Vất:

Bia Răk: - Ơ bố, ơ hai chị, ở lại coi cửa, ngó nhà cho mạnh khoẻ, bây giờ con đi tắm nước sông Ba, con đi xuống mặt đất màu mỡ, nơi có rau quả tốt tươi....

Nói rồi, Bia Răk đeo gùi, cầm dao, khoác áo có cánh bay theo tia sáng mặt trời. Vút một cái nàng bay đến cây breng đục mọc ngay ở bến nước của làng bôk Rơh, thấy những hàng tre đung đưa theo gió, thấy ánh sáng lấp lánh của triền cát sông Ba, thấy dải đất đồng bằng mênh mông, bát ngát. Tim Bia Răk xốn xang, rung động, nàng thấy thương và muốn ở lại ngay - liếc nhìn làng bôk Rơh cũ, thấy một chàng trai khôi ngô tuấn tú đứng trên sân nhà rông.

Eo chàng nhỏ như được người ta nén
Lưng chàng thon như thân cây đẽo nhẵn
Lông mày chàng như được vẽ bằng vàng
Mắt chàng sáng như ánh chớp đêm đông
Sắc đẹp của núi rừng trời đất ban cho.

Nàng cất tiếng hát:

Tôi là một thiếu nữ ngực mới nhú như quả cây sấn
Miệng tôi chưa mọc

Tai tôi chưa có

Lời nói chưa lớn khôn.

Tôi muốn nói chuyện với Xét mà không biết làm cách nào. Tai tôi điếc hết rồi, mồm tôi cứng hết rồi. Con tim tôi luống cuống (bồi hồi). Tôi thấy mắc cỡ hết cả người.

Ôi!

Cầu trời cho lời tôi linh nghiệm

Cho ý tôi được như ý Trời

Hơn thần mọi điều, hơn thần mọi ý

Xin trời

Mưa to ở nhà

Mưa mau ở ngoài làng

Mưa đá ào ào

Mưa tầm mưa tã

Để tôi được vào trú mưa ở làng Xét.

Bia Răk vừa dứt lời, mây đen, mây trắng kéo đến ùn ùn, một lúc sau trời đổ mưa như lời cầu nguyện của nàng. Quần áo ướt sũng, lạnh run cầm cập, nàng đứng dậy run rẩy, bước từ trên cao xuống và đi tới chỗ Xét. Dáng nàng đi uyển chuyển. Sắc đẹp nàng làm sáng chói cả một vùng.

Gió thổi làm bay tà váy,

Gió thổi lộ bắp chân như có ánh chớp

Gió thổi thấy đầu gối như có tiếng sấm ầm ì

Gió thổi thoáng bắp vế, những chói loà như tiếng sét ngang tai.

Bia Răk cất tiếng gọi:

- Ơ! Làng này có kiêng cữ gì không?

Nếu không kiêng cho tôi vào trú nhờ

Nếu có kiêng, xin chỉ đường cho tôi ra

Đưa lửa cho tôi hút thuốc.

Nghe tiếng gọi, Xét ngoái đầu nhìn ra, thấy một cô gái đứng ở ngoài cửa hàng rào làng. Nhìn đằng trước thấy nàng đẹp, nhìn đằng sau thấy nàng xinh, trông nàng như quả cam mới chín, chàng nhìn không mỏi mắt, muốn chớp mắt mà không kịp, chàng chỉ thấy mình như trong mơ:

Ơ!
Lạ quá
Lạ nhiều
Như người Giarai gánh muối
Như người Ba-na gánh gạo
Như con chuột mắc bụi rậm
Như con bìm bịp vướng trong rẫy hoang
Như con sóc bị sập bẫy
Như con cá trầu dính câu.

Xét: Ồ, Không kiêng cữ gì đâu. Vào đây đi.
Xấu hổ chi, ngần ngại gì!
Vào đây đi
Thật là vui khách đến chơi
Thật cảm kích khách đến nhà.

Bia Răk: Vâng, tôi xin vào
Nàng bước đi uyển chuyển
Một bước, cây cỏ lại ngả nghiêng
Tiếng vòng ở chân nàng rộn ràng
Mặt nàng đẹp như nắng ban mai
Mặt nàng tươi như hoa nở.

Xét: Tôi như không biết xấu hổ.
Hỏi mũi cho biết
Hỏi mắt cho rõ
Nàng là ai đó

Con trời hay con ai?

Mà đẹp như ánh chớp làm sáng rực nơi này:

Bia Răk: (Bật cười vui vẻ và nói):

Tôi như không biết xấu hổ

Dẫu giấu cũng chẳng được

Dẫu bịt cũng chẳng kín

Kín như bưng mà hạt kê vẫn lọt

Chẳng thà nói hết ngọn ngành cho nhau...

Tôi tên là Bia Răk

Chói sáng dọc sông Ba

Con của bôk Kei Đei

Ở trên bảy từng đất, bảy từng mây

Cha khuyên tôi xuống với Xét

Người đẹp nhưng không tài

Ơ, hỡi Xét

Sao chàng lại ở một mình?

Xét: Dẫu giấu cũng chẳng được

Dẫu bịt cũng chẳng kín

Kín như bưng, mà hạt kê vẫn lọt

Chẳng thà nói hết ngọn ngành cho nhau

Tôi đây là Xét

Đẹp nhưng không có tài gọi mưa, gọi gió.

Tôi sống lẻ loi một mình vì bôk Drang Hạ -Drang Hơm ăn làng chúng tôi hết sạch rồi.

Bia Răk: Hỡi Xét, chính vì thế, cha tôi muốn tôi xuống ở cùng chàng cho vui, cùng giữ lấy mặt đất.

Tôi thấy chuối chín những muốn bẻ ăn

Tôi thấy rẫy nương những muốn chăm sóc

Thấy con chim chơ oet muốn bắt về nuôi

Thấy con chim nhông muốn bồng muốn ẵm
E rằng rẫy nương người đã rẫy cỏ
E rằng ruộng nước người đã be bờ.

Xét: Ơ Bia Răk, tôi cha không có, mẹ cũng không
Cầm cái rựa chưa biết làm
Cầm cái rìu chưa chắc tay
Người như tôi ai thèm ngó tới.

Bia Răk: - Ta không sợ ai cười, ai chê. Mẹ tôi đã hứa, cha tôi đã hẹn. Bây giờ chúng ta cùng sống với nhau cho vui, cùng trồng bụi mía, bụi chuối, cùng giữ đất này.

Từ đó Bia Răk ở lại. Ngày qua tháng lại, Xét vẫn ngủ ở nhà rông, không dám ở nhà cùng Bia Răk.

Xét: Hỡi Bia Răk xinh đẹp, chói sáng dọc sông Ba, nàng hãy ngủ một mình ở nhà và coi giữ nhà tôi. Tôi muốn ngủ ở nhà rông.

Bia Răk: Nếu chàng ngủ ở nhà rông, nhà ta ai giữ, làng ta ai coi?

Ôi khó khăn biết bao
Chàng Xét mới về nhà
Chàng đóng khố kơ teh
Cái khố dệt vệt hoa trắng đỏ
Thân hình chàng nở nang, đầy dặn
Ngó lên, đầu chàng cài lược đồng sáng loáng
Ngó xuống, lục lạc bạc reo lên thành nhịp
Lục lạc vàng ngân cao thành tiếng
Kiếm báu của chàng có tua bông đỏ và lông chim trĩ
Chàng đi tới đâu thì chim chào mào từ Lào bay đến
Chim chơ rao từ đường Giarai bay sang
Bước đi của chàng hùng dũng
Búi tóc của chàng cài trâm đồng và cắm lông chim trĩ
Chàng đẹp như con ong vàng, ong mật

Bụng chàng nhỏ như được người ta nén
Lưng chàng thon như thân cây đẽo nhẵn
Mắt chàng sáng như trăng đêm rằm
Chiếu sáng cả một vùng.

Chàng bước vào nhà, từ đó ở lại cùng Bia Răk. Hai người sống với nhau đã ba năm mà vẫn chưa có con. Một hôm Bia Răk nói với Xét:

Bia Răk: Xét à, em muốn chúng ta đi thăm bố kẻo thần nhắc, ma hỏi, bố không vừa lòng.

Xét: Ta không thể theo em lên trời được!

Bia Răk: Nếu thế ta phải tạm xa nhau thôi! Xét ơi, hãy nghe em, chàng hãy lấy cây tre trồng bên cầu thang nhà ta, sau năm đêm, hai ta sẽ leo được lên trời.

Nghe lời Bia Răk, Xét liền đi lấy cây tre trồng ngay bên cầu thang, đúng năm đêm cây tre cao tới trời, Bia Răk kêu Xét cùng mình leo lên. Xét bằng lòng.

Xét: Thôi ta sẽ lên trời cùng em.
Có chết cũng đành lòng.
Nếu chết trên núi sẽ để quạ ăn
Nếu chết dưới nước để cua cá rỉa
Nếu chết ở nhà để dân làng làm ma...
Bia Răk đứng dậy.
Da nàng sáng như nồi mới lấy khỏi khuôn
Mịn như da cá chình sông Ba
Môi nàng đỏ như dây nỉ
Chân nàng mềm, trắng như cúi bông
Mỗi bước nàng đi chân loé sáng như ánh chớp
Gió thổi lộ bắp vế như có ánh chớp
Gió thổi thấy đầu gối như có tiếng sấm ầm ỳ.

Bia Răk: Xét à, chàng hãy leo lên trước, em theo sau. Nếu chàng rơi xuống, em sẽ bắt chàng.

Xét: Không được đâu, anh rơi xuống, em làm sao bắt kịp. Em leo trước đi.

Hai người leo mãi, leo mãi đến nguồn mưa gió thì Xét bị rơi xuống đất.

Bia Răk:

Giàng ơi sao khổ thế này
Xét à, chàng chết thật rồi sao
Ôi, cầu trời cho lời tôi linh nghiệm
Cho ý tôi được như ý trời
Hơn thần mọi điều, hơn thần mọi ý
Xin cho Xét được sống lại.

Nàng hướng sang đất người Miên, người Kaeng, người Doăn, người Giarai, người Mơ-pai, người Chăm-roi và khấn:

Nếu chàng chết vì thần bắt, ma hại xác chàng rồi ăn
Nếu chàng chết vì rơi xuống, thì chàng hãy sống lại với em.

Khấn xong, Bia Răk lấy chiếc mũ ngơm có tua vàng lấp lánh quay bảy lần thì Xét tỉnh lại.

Bia Răk (kêu): Ơ Xét, chàng để em cõng kẻo chàng đau.

Xét: Em người nhỏ, cõng anh sao được!

Bia Răk: Không sao mà.

Nói rồi, Bia Răk nâng Xét dậy, dìu đi lên tầng mây xanh. Ngó lên thấy phía bên kia có núi Tiol, phía bên này có núi Kues hùng vĩ. Từng đàn chim lớn bay ngang, chim nhỏ bay vòng, kêu ríu rít, vui rộn rã.

Nghe tin Bia Răk và Xét lên trời, hai chị em Bia Mơ Xét và Bia Mơ Vắt ăn mặc thật đẹp ra đón.

Nghe tiếng lục lạc bạc reo lên thành nhịp
Lục lạc vàng ngân lên thành tiếng.

Trông thấy vòng hạt cườm màu đỏ, vàng lấp lánh đẹp như chân con yểng đeo trên cổ Xét, thấy gươm báu có tua đỏ và lông chim trĩ đeo trên lưng Xét, hai chị em ai cũng muốn ra đón trước. Ôi, thân hình Xét đẹp làm sao. Ai cũng muốn ra cõng chàng trên lưng, bồng chàng trên tay. Thấy vậy, Xét ngượng ngùng lắm.

Xét: Ô, không được mà ngượng lắm. Chị vợ cõng em rể làm sao được. Xin hãy để cho tôi đi một mình.

Hai chị em: Không sao đâu, hai chị em chúng tôi muốn cõng chàng trên lưng, bế chàng trên tay, đưa chàng đi chơi, bồng chàng đi tắm!

Họ đưa Xét về nhà và kêu em trai Đăm Prel đi đánh thức bố dậy. Bôk Kei Đei đang ngủ trong buồng tối mịt mùng. Ông chỉ dậy khi nào muốn tưới nước cho mặt đất.

Đăm Prel: Ơ hai chị, xưa nay tôi không dám đánh thức bố bao giờ. Hai chị đi đánh thức bố thôi.

Hai chị: Em đi đánh thức bố dậy, nói là có hai em ở dưới kia lên đến nơi rồi. Họ muốn làm lễ tạm kẻo thần nhắc, ma hỏi.

Đăm Prel thong thả bước từng bậc thang lên nhà. Lên đến nơi, chàng gọi:

Đăm Prel: Dậy thôi bố ơi, hai người em ở dưới kia lên đến nhà rồi, họ muốn làm lễ tạm kẻo thần nhắc, ma hỏi.

Rồi chàng lay bố, nhưng bôk Kei Đei không dậy. Ông ngủ say. Tiếng ngáy của ông ầm ầm, rền vang khắp các vùng.

Ông lăn qua lăn lại nhưng vẫn không dậy. Đăm Prel đành đi lấy búa thần, đánh núi núi lở, đánh đá đá vỡ, đánh nước nước cạn để đánh vào trong mang tai bố, nhưng bôk Kei Đei vẫn không dậy. Chàng đành nói với hai chị:

- Ơ, hai chị, em chịu thua rồi, không làm sao gọi bố dậy được. Bia Mơ Xét và Bia Mơ Vất cười vang, nói:

- Ơ, Đăm Prel, ai lại làm như em. Em hãy đi cùng các chị để biết cách gọi bố dậy!

Rồi họ bảo Đăm Prel lấy đuôi rựa nung đỏ, dùi lỗ tai bôk Kei Đei cháy xèo xèo. Khi ấy bôk Kei Đei mới thức dậy hỏi.

Bôk Kei Đei: Ơ các con gọi ta dậy làm gì? Có việc gì lo lắng? Có ai đó đau ốm gì không?

Đăm Prel: Ô! Thưa bố không có việc gì đâu, con muốn đánh thức bố vì Bia Răk và anh rể Xét lên đến nơi rồi. Họ muốn làm lễ tạm kẻo thần nhắc, ma hỏi.

Bôk Kei Đei: Ô, bố tưởng có việc gì lo lắng, có ai đó ốm đau. Hoá ra là việc vui, việc mừng.

Ơ, Đăm Prel, con hãy kêu hai chị Bia Mơ Xét và Bia Mơ Vất đưa chị Bia Răk và anh rể Xét đến đây. Bố muốn hỏi chuyện con rể ta đó.

Một lát sau, mấy chị em đã đưa Bia Răk và Xét tới gặp bố. Bôk Kei Đei liền bế Xét đặt lên đùi hôn hít. Ôi, vui sướng làm sao! Bôk Kei Đei tự mình lấy lá kai bung nhét vào một ghè rượu lớn, rồi mời con rể uống.

Xét: Ôi, thưa bố, ta nói chuyện bằng miệng, ta nói chuyện bằng lời cũng vui rồi. Bố để dành rượu đó lỡ khi đau, phòng khi ốm, bố à.

Nhưng Bôk Kei Đei không ưng. Ông cho chàng rể uống hết một "cang", Xét đã thấy say, thấy chóng mặt.

Xét: Ôi, cha, mẹ ơi, sao tôi mới nhấp mà đã say rồi!

(cười vang nói): Rể ơi, mày hãy nhìm xem ta uống!

Bôk Kei Đei uống một hơi cạn ghè, lại đổ thêm một lần hết nước bảy con sông.

Bôk Kei Đei: - Ơ, hỡi tôi tớ. Rượu này ta uống không đủ, hãy đem ra đây ghè ta quen uống, ghè Breng Brong ta uống mới đã!

Tôi tớ mang ghè rượu ra, nhét lá vào ghè, đổ nước. Bôk Kei Đei vừa uống, vừa nói chuyện, giọng vang như sấm.

Ngày hôm sau, Bôk Kei Đei sai chú Dông, chú Vất bắt heo, bắt gà làm lễ tạm cho con gái, con rể kẻo thần không ưng, ma không bằng lòng.

Khi trời vừa rạng sáng, lúc bầy gà trong làng gọi nhau, tôi tớ trai đông như kiến, tôi tớ gái nhiều như ong đã đi bắt heo, bắt gà và lấy nước đổ vào các ghè rượu.

Các chàng trai Sun Đum, Sem Treng, Dong Dech, Rech Yang, đẹp như đúc từ một khuôn. Các cô gái Krôi Kum, Gunjưng, Ding Treng... thơm như trái dứa vừa chín, họ đợi tiếng trống, tiếng chuông cồng nổi lên là ùa ra, mỗi người một việc, nhộn nhịp làm lễ tạm cho nàng Bia Răk xinh đẹp và chàng Xét khoẻ mạnh.

Ăn đã no, uống đã say, mọi người bắt đầu nhảy múa, ca hát.

Hai nàng Bia Mơ Xét, Bia Mơ Vất thấy Xét đẹp nên theo miết.

Còn chú Dông, chú Vất, một người đeo dây sáu quả lục lạc bẻ đôi, một người đeo năm quả có buộc chỉ. Họ bước đi vặn vẹo, lục lạc kêu reng reng, rang rang. Đầu hai người chít khăn trắng có đuôi vểnh như tai chim cú, vừa đi họ vừa nói:

"Người ta đẹp, ta cũng đẹp. Người ta vui, ta cũng vui".

Bà Sơ - krôi: Ơ Ma Dông! Tơ - a (ta) đơ - ánh (đánh) chiêng của tơ-a, quên đánh l...âu nay đi...

Dông và Vất: Không đâu, người ta cười cho. Ta chỉ uống rượu của ta thôi.

. . . . .

Trong nhà rông người đông như kiến, mọi người nhảy múa, cười nói tưng bừng rộn rã.

Trong khi mọi người vui chơi, Bia Răk đã lo lắng cho nhà mình ở dưới đất không ai trông coi, heo gà không ai chăm sóc. Thấy hai chị Bia Mơ Xét và Bia Mơ Vất cũng yêu mến Xét, theo Xét miết, nàng cảm thấy không vui bụng và giữ gìn Xét không cho chàng đi lại.

Bia Răk: Xét à, ta về thôi, kẻo heo gà nhà ta đói nhiều ngày sẽ chết mất thôi.

Nàng bước đi uyển chuyển, duyên dáng. Những vòng cườm ở chân rung lên thành nhạc. Nàng nhìn lại bố ở trong nhà, mặt nàng như có những tia nắng ban mai chiếu sáng. Nàng ngượng ngùng hỏi bố:

- Bố à, chúng con muốn có chuối, có mía, có đậu ve, đậu ván cho vui cửa vui nhà.

Bôk Kei Đei: Không sao, được thôi. Bố sẽ cho lũ bay bảy viên thuốc. Rể uống hai viên, con uống năm viên.

Bia Răk liền uống ngay năm viên, còn hai viên cất vào cạp váy mang về cho Xét.

Bia Răk: Ơ Xét, ta về thôi, kẻo heo gà nhà ta chạy vào rừng mất.

Hai người đi về.

Tiếng nhạc ở chân Bia Răk vang lên. Trông nàng đẹp như cá chình sông Ba. Nàng kéo Xét đi theo và nói với hai chị:

- Chào hai chị ở lại. Dù trên này vui vẻ, nhưng bụng chúng tôi nhớ con heo con gà, lo nhà cửa, nên phải về thôi.

Bia Mơ Xét và Bia Mơ Vất đi tiễn hai vợ chồng Bia Răk, họ cùng trông theo bước chân Xét và lưu luyến nhớ nhung.

Bỗng có tiếng Bôk Kei Đei:

- Trước kia ta đã nói ai muốn lấy Xét thì xuống ở dưới đất, các con không chịu xuống. Bây giờ thì Xét đã thành của Bia Răk, các con muốn giành lấy sao được! Không nên thế. Mỗi người chỉ được một vợ, một chồng thôi. Các con không nghe, bố sẽ đánh.

Hai chị em nghe bố nói thế, thẹn thùng, mắc cỡ ngó lơ chỗ khác.

Hai vợ chồng Bia Răk sắm sửa quần áo ra về. Đi đến nửa đường Bia Răk đưa thuốc cho Xét uống.

Bia Răk: Xét à, anh nuốt thuốc này đi!

Xét ngó nhìn thấy thuốc đỏ rực như lửa than, kêu lên:

Xét: Mẹ ơi, Giàng ơi! Ta uống thuốc này chắc là chết ngay thôi. Em muốn cho lửa giết ta à?

Bia Răk: Không sao đâu anh à, anh há miệng em bỏ thuốc vào, có khó gì đâu.

Xét há miệng cho Bia Răk ném thuốc vào. Chàng nuốt xong, tự nhiên cảm thấy mình trở nên khoẻ mạnh khác thường. Chàng thấy

khoan khoái, dễ chịu, vui sướng và thầm nghĩ "Người ta nói quả không sai, bôk Kei Đei thật là tài, là giỏi, nhiều phép hay, phép lạ không ai sánh kịp, còn lũ người ta chỉ như cây nhỏ mọc mùa nắng, cây lớn mọc trong nương thôi.

Chẳng bao lâu, hai vợ chồng Xét xuống tới mặt đất. Về tới nhà, họ quét sàn, dọn chỗ rủ nhau nằm chung một chiếu, đắp chung một chăn.

Hết ngày lại đêm, Bia Răk đã có thai được năm tháng. Một hôm nàng bảo chồng:

- Xét à, em đã mang thai được năm tháng, em thấy mệt, thấy mỏi, chắc hôm nay em sinh con rồi.

Xét không tin.

Xét: Làm sao mau thế được. Người ta chín tháng mười ngày mới nằm chỗ, em mới năm tháng mang thai sinh sao được ra con. Hôm nay, ta muốn đi phát rẫy bên núi Tiol, núi Kues, bên đó đất cũng tốt tươi, cảnh cũng vui nhộn, từng đàn chim Hril bay ngang, chim dio grong bay dọc...

Bia Răk: Xét ơi, đừng làm như thế. Hôm nay, em muốn đẻ; bữa nay, em muốn sinh rồi mà.

Bia Răk bước vào nhà, nàng thấy trong người nôn nao, chóng mặt. Rồi bỗng nhiên từ trong bụng nàng liên tiếp rơi ra bốn đứa con, đứa nọ theo sau đứa kia, đứa này rồi đến đứa khác. Còn lại một đứa con chót nằm trong bụng mẹ vẫn chưa muốn ra.

Xét thấy vợ đẻ nhiều, sinh lắm con mắt nhìn không biết đóng mí, miệng há không biết nói thành lời.

Xét: Bia Răk à, sao có chuyện lạ thế này. Mới có thai năm tháng đã vội sinh con rồi, tôi thật không dám nói. Xưa nay, người ta một lần sinh một đứa con, còn mình một lần sinh những năm đứa. Tôi thật không dám hỏi.

Bia Răk: Xét ơi, em biết sao được. Mong sao sống đủ, sống hết.

Năm đứa trẻ ra khỏi bụng mẹ, cuống rốn dính nhằng nhịt vào nhau, đứa nào cũng khóc, đòi cha mẹ đặt tên.

Cắt rốn, chôn nhau rồi, tắm rửa sạch sẽ cho năm con, vợ chồng Xét đặt chúng nằm thành hàng, đầu bằng đầu, chân bằng chân.

Thấy các con đòi đặt tên, Bia Răk dỗ:

- Mẹ biết lũ bay đòi mẹ đặt tên chứ gì? Này đứa ra trước, đứa cắt rốn đầu của mẹ, mẹ muốn gọi tên con là Yung (Dung).

Vừa được mẹ cho đúng tên, Yung vọt nhỏm dậy chạy xuống cầu thang, chạy sang nhà rông.

Đứa tiếp theo vẫn khóc không dứt, đặt tên này không ưng thuận, tên kia không vừa ý. Bia Răk nói:

- Để mày xứng với anh cả, gần với anh lớn, mẹ đặt tên mày là Yang Yol.

Yang Yol đứng dậy cao lớn, mặt rực sáng. Nó đòi luôn một trăm ống điếu, đòi lấy đủ một trăm viên nhựa thuốc[1], hút nhả khói luôn miệng. Rồi nó cười vang và đi ra nhà rông, rất vui vì được mẹ đặt tên là Yang Yol. Còn đứa thứ ba, để mày xứng với anh cả, vừa với anh hai, mẹ đặt tên mày là Hơ Meng.

Mẹ vừa nói tên xong, Hơ Meng vui mừng vừa đi vừa nhảy tới nhà rông. Còn hai đứa nữa mẹ nó tìm mãi mà chưa thấy tên, chưa biết đặt tên là gì, hai đứa tức quá, vừa khóc vừa đạp ghè, giàn bếp... và đồ đạc trong nhà.

Bia Răk xoa đầu đứa thứ tư nói:

- Tên các anh mày lúc này là Yung, Yang Yol, Hơ Meng, mẹ đặt tên cho mày là Đe Hơ Rít.

Đe Hơ Rít vui quá, chạy ngay sang nhà rông.

Còn thằng út chưa có tên, nó giãy giụa, vừa khóc vừa cắn mẹ, đòi được đặt tên.

Bia Răk: Mẹ đặt tên mày là Đăm Pel nhỏ bé, đánh nhau giỏi đến núi lở, sông mất, nghe con!

---

1. Người Êđê ăn nhựa thuốc lá dính vào ống điếu.

Nó càng khóc lớn hơn. Thấy vậy, Bia Răk nói:

- Hay mẹ đặt tên cho mày là Dio, Diong, chắc mày ưng chứ?

Nó lại càng khóc lớn, giãy đạp lung tung.

Bia Răk vội nói:

- Ơ, mẹ quên con ạ, để xứng với các anh của mày, mẹ đặt cho mày là Noi được không?

Khi được đặt tên trúng ý, thằng út thôi khóc và chạy ngay sang nhà rông. Nó nghịch ngợm, lấy các thứ đàn của bố ra chơi. Nó đánh hết đàn goong lại chơi sang đàn brố. Chơi đàn, nó nói với anh cả:

- Anh Yung à, anh đến chỗ bố nói bố làm cho anh em mình cái ná, chúng ta đi bắn con yep (châu chấu voi đi)!

Chiều ý em Yung đi nói với bố:

- Bố à, em con muốn bố làm cho chúng con cái ná, chúng con muốn đi tập bắn con yep, con rắn mối, ma quây.

Bia Răk ở trong nhà, nghe tiếng các con đòi thế, nàng liền nói với chồng:

- Xét à, anh đừng làm cho chúng, để các con lớn lên, chúng tự làm lấy.

Xét [nói với các con]: Không được đâu, bố không làm, để mai mốt các con lớn lên tự làm lấy. Bây giờ làm, bố sợ các con bắn vào mắt nhau.

Nghe bố nói vậy, Yung đành im lặng bỏ đến chỗ các em. Nó buồn lắm. Bốn anh em của Noi đùa nghịch suốt ngày đêm. Còn Noi, ngày nào nó cũng hí hoáy lấy cái rựa đã gẫy mũi của mẹ thử làm ná. Rồi dần dần, chúng nó kéo nhau đi bắn con yep ở xung quanh làng, không chịu làm gì giúp bố mẹ. Khi ấy, vì mới sinh, Bia Răk đóng cửa nằm cả ngày, cả đêm trong nhà. Cứ chiều đến, Xét lo nấu cháo, nấu cơm cho các con ăn.

Một hôm Noi nói với anh cả:

- Anh Yung à, để em lấy cây le của bố, tí nữa hai chúng ta, anh làm tên, em làm ná, rồi chúng ta sẽ đi bắn ở các nơi xa thử xem? Anh lấy cho em cái kyoh để đựng cháo, đựng rắn mối, đựng kỳ đà mang đi chơi. Ta

đem theo gạo nấu ở rừng. Ta tập ngủ ở rừng, nhưng giấu đừng cho mẹ biết, kẻo mẹ lo và buồn vì chúng ta.

Chuẩn bị xong, chúng lốc nhốc kéo nhau đi. Càng ngày chúng càng đi xa hơn, hết núi này qua núi khác. Chúng đi theo đường K'lơm Bri, đường cọp đi và chúng thấy hiện ra con đường lớn. Noi nói với anh cả:

- Anh à, đây là đường người ta thường gặp nhau, đường người ta thấy chợ Rang đó.

Yung: Không sao. Không có gì đáng sợ hết. Tất cả mọi thú rừng không bằng ngón tay út của ta. Tất cả mọi tù trưởng buôn đông, mọi tù trưởng làng tây nghe thấy tên ta đều run sợ. Trên trời này, dưới đất kia, ta không biết sợ bất cứ cái gì. Con trăn lớn cũng sợ ta, con rồng trời cũng khiếp ta! Các anh hãy nghe theo em, chúng ta hãy nấu canh, nấu cơm để ăn cho đỡ đói.

Ăn uống xong xuôi, tất cả các anh của Noi đều lắng tai chờ xem Noi nói gì.

Noi: - Bây giờ các anh ngủ ở đường lớn này, còn em ngủ trên tảng đá kia. Nếu có kẻ ác đến em sẽ đánh ngay, nhưng các anh đừng lo. Chẳng ai biết Yung, Yol, Hơ Meng, Hơ Rít, Noi là ai. Mọi việc chỉ chớp mắt một cái là xong ngay!

Mấy anh em Noi ngủ trần, trên mình chỉ có một vòng khố.

Đang ngủ say sưa, nửa đêm chúng nghe thấy tiếng thét ầm ầm. Thức dậy, chúng nhìn thấy K'lơm Bri với một bộ răng to, ghê tởm nhe ra và một cái gan dính đầy máu, không chân không tay.

K'lơm Bri [thét]: Lũ nhóc kia, chúng mày là ai mà dám ngủ trên đường của ta?

Hơ Meng: Anh Yung à, dậy ngay, có con gì này, chúng ta chết mất.

Thấy các anh lo sợ nói với nhau như vậy, Noi vẫn làm thinh và chạy ra xa hơn để ngủ. Nó muốn chờ xem thử các anh nó có dám đánh nhau với K'lơm Bri không.

K'lơm Bri [cười ha há]: Ồ, thật là may mắn, tao đang thèm thịt ăn đây, chúng mày đến thật đúng lúc.

Yung: Ê con quỷ kia, mày thử ăn xem! Hãy chờ ta ra tay đã. Ta thử vật nhau xem sao. Nếu mày thắng chúng tao, mày sẽ ăn thịt chúng tao. Nếu chúng tao vật được mày, chúng tao sẽ ăn cái gan của mày.

Yung bàn với ba em lấy sẵn một sợi dây, vật được quỷ sẽ trói ngay lại. Rồi bốn anh em lao vào ôm lấy quỷ gan rừng quay tít. Hơ Rít lấy cái rựa gẫy mũi tiếp sức cho các anh. Nó chém vào khoeo chân con quỷ. Tiếng vật nhau ầm ầm, núi đổ rầm xuống đất. Chỉ chớp mắt, chúng đã trói gọn được quỷ gan rừng.

Yung nói với các em:

- Trói chặt nó lại, ta đem nướng đi thôi.

Hơ Rit à, em đi gọi Noi dậy!

Hơ Rit: Ơ Noi, dậy đi! Chúng tôi bắt được con gì đây rồi, nó chỉ có gan mà không có mắt mũi, nó muốn ăn thịt chúng tôi.

Noi: Thật vui quá, đây là con K'lơm Bri. Hôm nay chúng ta được ăn thịt nướng rồi.

K'lơm Bri [run sợ nói]: Xin các ông đừng ăn thịt tôi. Xin các ông hãy tha tôi vì lúc nãy tôi đã dám muốn ăn thịt các ông. Đừng ăn tôi, tôi xin đền các ông heo, gà, trâu, bò, chiêng ché...

Noi: Không, chúng tao không cần trâu, bò, heo, gà, chiêng ché. .. Chúng tao chỉ muốn ăn thịt mày thôi. Từ khi mẹ chúng tao sinh chúng tao ra, chúng tao không được bú, bụng chúng tao đang đói cồn cào, chúng tao chỉ muốn ăn thịt mày thôi.

K'lơm Bri: Vậy tôi xin đền các ông một cái đũa bếp thần, các ông muốn cơm có cơm, muốn canh có canh, muốn thịt có thịt, muốn khiên có thiên, muốn dao có dao, muốn tôi tớ có tôi tớ.

Noi: Ơ K'lơm Bri, hãy gọi tôi tớ của mày mang ngay đũa bếp thần đến đây, không tao sẽ giết mày.

K'lơm Bri gọi tôi tớ mang đũa thần đến, Hơ Meng, Hơ Rit cầm lấy đũa bếp thần quay thử. Khi ấy Noi gầm cái rựa gẫy mũi giơ lên trên con quỷ nói: - Nếu mày nói không đúng tao sẽ giết mày.

Hơ Rit, Hơ Meng quay cơm ra cơm, quay canh ra canh. Khi ngừng quay, mọi thứ biến hết chỉ còn cái đũa bếp không.

Năm anh em nhìn K'lơm Bri nói:

- Ơ, K'lơm Bri, chúng tao tha cho mày. Nhưng nếu mày và tôi tớ của mày còn ăn thịt người, chúng tao sẽ giết mày.

Nói xong, chúng cởi trói cho K'lơm Bri đi, K'lơm Bri nhục nhã, lặng lẽ đi thẳng không dám ngoái đầu lại. Rồi chúng xúm vào tranh nhau đũa thần quay tử, chúng ăn no nê những thứ mà đũa thần bày ra. Chúng còn gọi đũa thần cho khiên, dao, tên ná...

Càng ngày, Noi càng ham mê tập luyện. Có lần nó hỏi các anh:

- Các anh à, giờ còn việc gì nữa không?

Các anh: Không, không còn việc gì nữa.

Noi: Các anh điếc rồi, các anh mất lỗ tai rồi. Tai các anh như tai con sóc rồi, tai các anh bị con nhím ăn mất rồi.

Các anh có biết Drang Hạ - Drang Hơm, sức mạnh như núi, đánh núi núi lở, đánh đá đá vỡ, đánh nước nước cạn, trước kia đã ăn hết dân làng, tôi tớ của bố ta không?

Ngày xưa, Đăm Phu, Đăm Plel có sắc đẹp và có sức khoẻ như con trời đã từng đánh nhau với Drang Hạ - Drang Hơm, nhưng đều bị thua. Mai mốt chúng ta lớn lên, các anh có dám đánh nhau với Drang Hạ - Drang Hơm không?

Chỉ cần nghe Noi tả Drang Hạ - Drang Hơm có sức mạnh khủng khiếp, khiến con cá phải lặn xuống nước, con trăn phải giật mình, con rắn phải nhổm dậy nhìn lên..., các anh của Noi đã muốn đi đánh nhau ngay.

Yol [nói]: Để mai mốt ta sẽ đánh nhau với Drang Hạ - Drang Hơm.

Hơ Meng [nói]: Không, bụng tôi muốn đánh nhau ngay bây giờ!

Thấy các anh đều hăng hái muốn đi đánh Drang Hạ - Drang Hơm, Noi rất vui. Nhưng cậu vẫn nói:

- Các anh ạ, nếu đánh bây giờ sợ mẹ la rầy, chờ ta lớn lên đã, nhưng đừng nói cho mẹ biết, kẻo mẹ sẽ đánh em. Chỉ có chúng ta biết với nhau thôi. Giờ, chúng ta về nhà kẻo bố mẹ mong.

Thấy các con lốc nhốc kéo nhau về, Bia Răk gọi Noi lại mắng.

Bia Răk: Mày rủ các anh đi đâu hoài, đi mãi. Mẹ sợ cọp sẽ ăn các con, beo sẽ nuốt các con. Nếu từ nay mày còn rủ các anh đi nữa, mẹ sẽ đánh đòn.

Noi: Bố mẹ ạ, vì chúng con đi bắn ở xa, gặp nước sông Ba lớn, nên về chậm đó thôi.

Biết Noi nói dối, nhưng mẹ nó không biết làm gì, đành im lặng và tha cho nó.

Ngày lại qua ngày, anh em Noi đùa nghịch ở nhà rông, và cứ mỗi buổi sáng, chúng lại kéo nhau đi quanh pơ lây, bắn chim, bắn kỳ đà, rắn mối.

Một hôm Noi bàn với các anh:

- Bây giờ chúng ta đi săn ở nguồn sông Ba, vùng Xê Đăng. Người ta kể phía đó có khỉ, có vượn, có chồn bay, nhiều không kể hết.

Nghe lời Noi, năm anh em lại kéo nhau đi. Đi tới nguồn sông Ba, chúng thấy hiện ra trước mặt một con đường lớn rộng mênh mông, chạy dài, mặt đường rải những tấm ván hai bên đường ánh lên những tia vàng lấp lánh - đường của nhiều người đi, đường đi tới chợ Rang.

Nhìn cảnh vật xung quanh, Noi vui sướng reo lên:

- Ơ các anh! Hay quá. Ở đây có cây breng đực, cây aro ta sẽ chặt để đóng cái thuyền, chúng ta sẽ khắc hình trên thuyền cho đẹp để xứng với tên tuổi của Yung, Yol, Hơ Meng, Hơ Rit, Noi, mà mẹ đã đặt cho chúng ta; chúng ta sẽ trèo thuyền đi ngược dòng sông Krông Pa, nhưng chúng ta đừng nói cho mẹ biết, kẻo mẹ mắng.

Chúng rất thích thú vì bắn được bao nhiêu chim chèo bẻo, chào mào, rồi chúng lại lốc nhốc kéo nhau về nhà.

Lại ngày qua ngày, đêm qua đêm, chúng chơi ở nhà rông. Khố của chúng nó nhỏ bằng con giun đất, được nối liền bằng ba trăm mảnh vải nhỏ, chim của chúng nó bé bằng trái ớt thế mà cái đầu chúng nó dám nghĩ đến chuyện quạt tổ ong Bu, thổi tổ ong Vang.

Chơi đùa ở nhà rông mãi cũng chán, Noi nói với anh cả:

- Ơ Yung, anh đi lấy rìu lưỡi bạc, chuôi đồng để ta đi chặt cây kơ chik, kơ lăng. Nếu mẹ có hỏi, anh nói rằng chúng ta đi phát rẫy bên kia núi Kues, bên đó có con chim hót, con vượn kêu, bên đó cũng vui, cũng thích như bên này.

Nghe lời Noi, Yung về nhà gọi mẹ:

Yung: Ơ mẹ, mẹ hãy mở cửa cho con vào, lật cầu thang cho con leo, con muốn lên nhà chơi lắm.

Bia Răk: Vào đi, vào đây đi Yung à, xấu hổ gì, ngại ngùng ai, vào đi con!

Ơ Yung, con đến có việc gì vậy? Chưa bao giờ con đến đây. Sao lại có sự lạ này!

Lạ như người Ba-na gánh muối
Như người Giarai gánh gạo
Như con chuột mắc bụi rậm
Như con bìm bịp vướng trong rẫy hoang
Như con sóc bị sập bẫy
Như con cá trầu dính câu!

Yung: Mẹ à: Dấu giấu cũng chẳng được
Dấu bịt cũng chẳng kín
Kín như bưng mà hạt kê vẫn lọt
Chẳng thà nói hết cho mẹ biết...

Con muốn hỏi mẹ cho chúng con lấy cái rìu lưỡi bằng bạc, cán bằng đồng. Chúng con muốn đi chặt cây kơ chik, kơ lăng để làm thuyền đi ngược nước sông Ba. Chúng con muốn đi phát rẫy bên núi Kues, núi Tiol, bên đó có nhiều chim kêu, vượn hót, bên đó cũng vui cũng thích như ở nhà ta.

Bia Răk [cười vang]: Yung à, mẹ không đưa rìu cho lũ bay đâu! Khi nào lũ bay lớn mẹ sẽ đưa. Con về đi thôi, bảo với các em rằng mẹ không cho lấy rìu đâu.

Yung đành quay về nhà rông và nói với Noi:

Yung: Ơ Noi, mẹ nói "không cho chúng ta lấy rìu đâu, khi nào lớn mẹ mới đưa".

Yol [hỏi]: Tại sao vậy?

Rồi Yol đứng dậy, dáng nó vội vàng, bước đi nhanh như sóc. Nó nhỏ bé nhưng vững chắc. Hai mắt nó to, sáng như mắt mèo, miệng nó lúc nào cũng nhả khói thuốc.

Yol [nói vẻ cương quyết] - Ơ các anh, hãy chờ xem, tí nữa mẹ sẽ cho tôi.

Yol đi tới nhà và gọi mẹ:

- Mẹ ơi, mở cho con cửa, lật cho con cầu thang, con muốn lên chơi với mẹ. Từ khi mẹ sinh ra, con chưa bú mẹ lần nào. Con muốn lên chơi nhà ta! Bia Răk xinh đẹp từ trong nhà ngó ra, vòng hạt ở chân nàng rung lên như tiếng nhạc.

Bia Răk: Yol à, lên đi, sao lâu nay con không lên nhà chơi?

Yol: Mẹ à: Dấu giấu cũng chẳng được

Dấu bịt cũng chẳng kín

Kín như bưng mà hạt kê vẫn lọt

Chẳng thà nói hết với mẹ

Con muốn mẹ cho chúng con rìu lưỡi bằng bạc, cán bằng đồng. Chúng con muốn đi phát rẫy bên núi Kues, núi Tiol, bên đó cũng có chim kêu, vượn hót, bên đó cũng vui cũng thích như bên này.

Bia Răk: Yol à, khi nào các con lớn lên mẹ sẽ cho các con mượn rìu. Bây giờ các con còn nhỏ chưa cầm rìu được.

Yol buồn bã ra về tay không. Về tới nhà rông nó nói với Noi.

Yol: Noi à, chịu thôi, anh nói hết rồi mẹ vẫn không cho.

Nghe Yol nói, tất cả chúng nó đều buồn.

Lo sợ các con sẽ làm chuyện dữ, Bia Răk dặn chồng.

Bia Răk: Xét à, anh đừng cho các con lấy rìu. Em giấu rìu trong nhà này, anh hãy buộc chặt cửa lại để các con không vào lấy được.

Mặc dù cả hai anh xin mẹ rìu đều về tay không, nhưng Noi chưa chịu. Nó bảo Hơ Rit:

- Các anh à, đừng buồn.

Ơ Hơ Rit, anh cứ đi đi. Nếu Hơ Rit cũng không được, thì Hơ Meng đi nữa.

Hơ Rit đi tới nhà mẹ.

Hơ Rit: Mẹ ơi, mở cho con cái cửa, lật cho con cái cầu thang. Con muốn lên nhà chơi với mẹ. Con nhớ mẹ lâu lắm rồi.

Bia Răk: Hơ Rit à, mẹ không mở cửa đâu. Mẹ biết các con muốn lấy cái rìu. Các con đừng nghe theo Noi, các con còn nhỏ như con sóc mới sinh, như con sâu mới nở, các con đi xa sẽ chết đấy.

Mẹ biết các con muốn đánh nhau với bôk Drang Hạ - Drang Hơm có sức mạnh như thần, đánh núi núi lở, đánh đá đá vỡ, đánh nước nước cạn. Không được đâu. Chờ các con lớn lên đã.

Hơ Rit: Không phải đâu, mẹ nói không trúng rồi. Chúng con chỉ muốn đi phát rẫy bên núi Kues, núi Tiol thôi. Bên đó cũng vui sướng như bên này.

Bia Răk: Không được. Mẹ không nghe nữa, con hãy về đi, về nhà rông đi, chàng trai của mẹ à.

Hơ Rit đành quay về nhà rông. Nó nói với tất cả anh em nó.

Hơ Rit: Không được rồi, mẹ biết chúng ta muốn đánh nhau với ông Drang Hạ - Drang Hơm có sức lớn như thần, đánh núi núi lở, đánh đá đá vỡ, đánh nước nước cạn. Mẹ nhất định không cho lấy rìu đâu.

Noi: Hơ Meng à, anh đi đi, chắc mẹ sẽ cho anh đấy. Nếu mẹ không cho, em sẽ đi.

Hơ Meng thoăn thoắt bước đi, tới nhà mẹ, nó gọi:

Hơ Meng: Mẹ ơi, mở cho con cửa, lật cho con cầu thang. Con muốn vào nhà gặp mẹ. Đã từ lâu rồi con nhớ thương mẹ.

Bia Răk: Không, không. Mẹ không cho mày vào đâu. Mẹ biết mày muốn lấy lưỡi rìu bằng bạc, cán bằng đồng, mày muốn đi chặt cây kơ chik, kơ lăng để làm thuyền đi đánh nhau với Drang Hạ - Drang Hơm. Không được đâu. Các con còn nhỏ như con sóc mới sinh, như con sâu mới nở, không làm được việc đó đâu. Mẹ nhất định không cho đâu...

Drang Hạ - Drang Hơm nổi tiếng khắp vùng này. Nghe tên ông ta, tù trưởng Miên cũng sợ, tù trưởng Sđrong cũng khiếp; con cá trầu phải chui xuống đất, con trăn lớn phải giật mình, con rồng thần phải nhổm dậy ngó xem.

Hơ Meng: Mẹ à, mẹ nói không trúng rồi, chúng con muốn đi phá rẫy bên núi Kues, núi Tiol thôi.

Bia Răk: Không được đâu, Hơ Meng à, mẹ không đưa rìu lưỡi bạc, cán đồng cho con đâu. Khi các con lớn lên mẹ sẽ đưa, mẹ sẽ không ngăn các con làm chuyện đó.

Hơ Meng đành chạy về nhà rông, nó nói với Noi.

Hơ Meng: Mẹ vẫn nhất định không cho. Làm thế nào bây giờ? Anh đã làm mọi cách rồi, anh hết tài rồi. Em thử đi xem nào.

Noi: Ơ, các anh. Hãy chờ xem, tôi đi sẽ được ngay. Tôi muốn trả thù cho chú Đăm Phu, cậu Đăm Prel đã bị Drang Hạ - Drang Hơm giết.

Ai mà chẳng biết Noi tính nóng như lửa, muốn làm cái gì là làm bằng được. Nó không sợ bất cứ chuyện gì nguy hiểm. Nghe tên Noi, con cá trầu phải chui xuống đất, con trăn lớn phải giật mình, con rồng thần phải nhổm dậy, ngó xem. Noi thật xứng là con cháu của bôk Kei Đei.

Loáng một cái, Noi đã tới nhà mẹ và gọi:

- Mẹ ơi, mở cho con cửa, lật cho con cầu thang, con muốn lên chơi với mẹ.

Bia Răk: Đừng, Noi, mẹ chưa dậy được, mẹ mới sinh các con nên chưa ra ngoài được. Mẹ không cho con vào đâu.

Noi: Mẹ đánh lừa con rồi. Khi nãy anh Yung đã vào, anh Yol đã lên, sao giờ mẹ lại nói thế, con không tin đâu. Được thôi, nếu mẹ không mở cửa con sẽ phá nhà, đập cửa, làm cho nhà ta tan nát.

Bia Răk: Noi à, đừng làm thế. Mẹ biết con muốn làm chuyện chẳng lành, con muốn đốt tổ ong Bu, phá tổ ong Vang, không được đâu. Sức mày còn nhỏ như con sóc mới sinh, con sâu mới nở, không đọ được với ông Drang Hạ - Drang Hơm đâu.

Noi: Mẹ ơi, không phải đâu, chúng con chỉ muốn đi phá rẫy bên núi Kues, núi Tiol thôi. Bên đó có con chim hót, con vượn kêu, bên đó cũng vui sướng như bên này.

Mai mốt lớn lên con mới đi đánh Drang Hạ - Drang Hơm.

Con sẽ đánh cho nước biển cạn, đánh cho nước sông Ba khô, đánh con cá trầu phải chui xuống đất, con trăn lớn phải giật mình, con rồng thần phải nhổm dậy ngó xem.

Nghe Noi nói, mẹ nó lấy dây buộc cửa chặt hơn. Noi tức giận, dồn sức từ đất nhảy lên thềm cửa, xé nhỏ cánh cửa thành từng mảnh, nhảy vào nhà, nhanh như chớp, nó cướp lấy chiếc rìu. Bia Răk cũng vội cướp lại. Hai mẹ con giằng co nhau. Noi dồn hết sức, cuối cùng lấy được rìu.

Bia Răk không biết làm gì, buồn rầu nói:

Bia Răk: Noi à, mày là con út của mẹ, mày không chịu nghe lời mẹ. Nếu các anh mày chết, tao sẽ đánh chết mày.

Noi: Mẹ ơi, mẹ cũng sẽ thua con thôi. Nếu mẹ đánh, con cũng không chết đâu.

Nói rồi, Noi nhảy thẳng về nhà rông, thấy Noi mang rìu về, các anh nó nhảy lên vui mừng. Noi nói:

- Sáng mai, khi mặt trời mọc, ta chuẩn bị gạo nước bỏ vào kyoh của bố, để anh Yung gùi, ta sẽ đi đến cây breng, cây kơ chik, kơ lăng. Ta sẽ chặt cây. Nếu chặt cây đổ là ta thắng Drang Hạ - Drang Hơm. Nếu chặt cây không đổ là ta thua Drang Hạ - Drang Hơm.

Anh Yung à, anh là anh cả thì chặt trước đi!

Yung liền lấy rìu lưỡi bằng bạc, cán bằng đồng chặt cây kơ chik, kơ lăng cao sát tận trời xanh. Tiếng chặt cây chan chát. Mới chặt được vài nhát, mảnh gỗ văng ra đựng đầy một cái bát đồng. Yung đã mỏi tay, kiệt sức. Thấy vậy, Noi nói:

- Nào anh Yol chặt thử xem.

Yol cầm lấy rìu chặt tiếp. Tiếng chặt chan chát. Được vài nhát Yol cũng đã thấy mỏi tay, kiệt sức.

Đến lượt Hơ Meng, Hơ Rit cũng vậy. Chúng chỉ chặt được vài nhát đã mỏi tay kiệt sức.

Thấy bốn anh đã mệt mà cây vẫn chưa đổ. Noi liền khấn:

Noi: Cầu trời cho lời tôi linh nghiệm

Hơn thần mọi điều, hơn thần mọi ý

Cầu cho cây đổ, chúng tôi thắng

Nếu cây đứng, chúng tôi thua.

Noi cầm rìu chặt chan chát bảy lần thì cây đổ. Cây đổ về phía đường người Doăn đi, đường người Giarai lại. Noi gọi các anh lại bảo:

- Ơ, các anh kéo cây về phía trong này kẻo vướng người đi chợ Rang, chợ Phiêng.

Noi chặt bằng gốc cây và ngọn cây. Rồi nó lấy dao bào cho nhẵn ruột cây. Nó làm việc đó dễ như người ta bào dưa hấu.

Tiếng bào kêu soàn soạt, chỉ vài cái chớp, Noi đã làm xong một cái thuyền. Rồi Noi đẽo, gọt bên ngoài, khắc các hình đủ màu sắc rực rỡ, đường nét khéo léo trên thuyền. Làm xong, Noi cùng với các anh đi ngủ ở chỗ có bóng cây đa thấp, bóng cây sung cao.

Chẳng bao lâu, ông trời đã dậy, từng đoàn người lũ lượt kéo nhau đi chợ Rang.

Có tiếng Đăm Giarai nói:

- Ơ lũ làng, hôm nay ta đi chợ Rang, ta thăm chợ Phiêng, lũ làng hãy đi cùng ta, nhưng đi độ một nghìn người thôi.

Người ta thấy đoàn người đi lô nhô ở chỗ đường vòng, đi nườm nượp ở chỗ đường quẹo. Chàng Giarai tai mang hoa kơđăm, mình đóng khố kơteh. Mắt chàng nổi chi chít những cái mụn to bằng trái đu đủ, gân nổi lên chằng chịt ở bắp chân chàng. Chàng ngồi trên lưng con voi có hai ngà không bằng nhau, đi trước đoàn người, giữa núi rừng trông thật oai hùng. Chàng đi đến chỗ bóng mát cây đa thấp, cây sung cao, đi đến con đường người Doản lại, người Giarai qua. Bỗng chàng nhìn thấy một chiếc thuyền có vẽ hoa rực rỡ để bên đường. Chàng kêu lên ngạc nhiên:

Chàng Giarai: - Ồ đẹp quá! Ai làm cái này mà tài như thần, giỏi như trời. Con người hay con trời mà giỏi như trời. Con người hay con trời mà giỏi thế này? Con người không thể chặt đổ được cây to. Chỉ có con trời mới làm được!

Nhưng tiếc quá, nếu đầu rồng ở hai bên thuyền có màu sắc rực rỡ giống như mào gà chắc còn đẹp hơn nữa...

Nói rồi, Đăm Giarai cùng đoàn người đi tiếp xuống chợ Rang, chợ Phiêng. Đoàn người lô nhô đi qua đường vòng, nườm nượp đi qua đường quẹo...

Chờ cho Đăm Giarai cùng đoàn người đi qua. Noi gọi các anh dậy và nói:

Noi: - Các anh à, Đăm Giarai chê chiếc thuyền của chúng ta chưa đẹp vì thiếu màu tô trên đầu con rồng. Nếu tô màu trên đầu rồng ở hai bên thuyền, cho nó đi dưới nước thì sẽ đẹp lắm. Bây giờ các anh ở đây, em đi tìm cái mào gà để tô đầu rồng.

Nói xong, Noi nhảy ào xuống nước. Nước toả ra hai bên thành một luồng đường đi sâu xuống tận lòng đất. Noi đi đến làng bôk Prao (Rồng thần), đến nơi nó nhìn thấy tám lớp hàng rào bằng bạc, chín lớp hàng rào bằng thép ở ngoài làng. Noi kêu:

- Ơ, bôk Prao à, làng có kiêng cữ gì không, nếu có ông hãy chỉ đường ngoài cho tôi đi, hãy đưa thuốc và lửa cho tôi hút. Nếu không kiêng cữ gì, tôi sẽ đi nhờ qua bên kia.

Bôk Prao: Người lạ nào hỏi ai đó?

Nhìn ra thấy Noi, Prao gọi:

- Ơ Noi à, vào đây đi! Sao lại có chuyện lạ này?

Lạ như người Bana gánh muối
Như người Giarai gánh gạo
Như con chuột mắc bụi rậm
Như con bìm bịp vướng trong rẫy hoang
Như con sóc bị sập bẫy
Như con cá trầu dính câu!

Ơ Noi, có việc gì mà cháu đến đây?

Noi: Ông Prao à, dấu giấu cũng chẳng được
Dấu bịt cũng chẳng kín
Kín như bưng mà hạt kê vẫn lọt
Chẳng thà nói hết với ông.

Tôi muốn xin ông cái mào trên đầu. Ông có sợ đau không?

Prao: Dẫu đau ông cũng cho chúng mày để chúng mày dán vào con rồng ở hai bên thuyền, thuyền của chúng mày sẽ lướt trên mặt nước thật là đẹp.

Nói rồi, bôk Prao xé hai miếng mào trên đầu đưa cho Noi.

Noi cầm mào mang về, dán mỗi bên thuyền một cái, chiếc thuyền trông rực rỡ hẳn lên.

Đăm Giarai đang trên đường trở về nhà, chàng ngồi trên cổ voi. Voi bước đi nặng nề, cái vòi nó đung đưa. Chàng lại đi đến chỗ có bóng cây sung thấp, cây đa cao, đi đến con đường người Doăn đi qua, người Giarai lại. Đoàn người đi theo sau chàng. Họ đi lô nhô chỗ đường vòng, đi nườm nượp chỗ đường quẹo... Họ đi theo Đăm Giarai. Bỗng Đăm Giarai ngạc nhiên kêu lên:

- Ồ, lạ quá, ta vừa mới nói lúc đi là thiếu mào trên đầu rồng ở hai bên thuyền, giờ về đã có rồi, không biết người làm hay trời làm mà nhanh vậy?

Rồi chàng nhìn đoàn người và nói:

- Hỡi tất cả lũ làng, tôi tớ của ta, các người không được sờ vào chiếc thuyền này. Đây là thuyền của con trời chứ không phải con người, đừng sờ vào, đứng xem thôi.

Lũ làng, tôi tớ của Đăm Giarai không ai dám sờ, chỉ dám đứng nhìn chiếc thuyền đẹp lộng lẫy, chiếu sáng cả núi rừng.

Xem đã chán, đoàn người kéo nhau đi.

Mấy anh em Noi núp sau rừng cây bây giờ mới ra. Chúng rủ nhau về nhà.

Tới nhà, chúng đưa cho mẹ chiếc rìu cán bằng đồng, lưỡi rìu bằng bạc và nói:

Mẹ ơi, chúng con đi phát rẫy bên núi Kues, núi Tiol đã về.

Bia Răk: Noi à, mẹ biết rồi, các con đã làm xong chiếc thuyền.

Noi: Mẹ à, mẹ sợ đi theo con, các anh sẽ chết à? Không sao đâu. Noi là cháu bôk Kei Đei, không sợ một ai trên trời dưới đất cả. Tên tuổi Noi ai mà không biết. Tù trưởng bên tây nghe tên Noi là bàng hoàng, tù trưởng bên đông nghe thán phục. Con cá nghe tên Noi phải chui xuống đất, con trăn nghe tên Noi phải giật mình, con rồng nghe tên Noi phải nhổm dậy ngó xem. Mẹ hãy chờ xem con sẽ đánh nhau với Drang Hạ - Drang Hơm cho đến khi nước biển cạn, nước sông Ba hết.

Mẹ à, con muốn làm con chim Grơ bay dọc, con chim diều bay ngang, lượn trên khắp vòm trời này, quả đất kia để xứng đáng với con cháu của bôk Kei Đei, để trả thù cho chú Đăm Phu, Đăm Prel.

Bia Răk: Ơ Noi, đánh Drang Hạ - Drang Hơm cũng được. Ai mà thương con quỷ ác đó. Nhưng sức con còn nhỏ như con sóc mới sinh, như con sâu mới nở, mẹ sợ các con sẽ bị Drang Hạ - Drang Hơm giết chết.

Noi: - Mẹ à, không sao đâu. Mẹ chờ xem, mai mốt sẽ nghe thấy tiếng vang trên mây, tiếng động trên trời. Đó là tiếng vang của tên Noi mà mẹ đã đặt cho.

Mẹ ơi, chúng con đã đóng thuyền lớn. Nhưng chúng con sẽ chờ đến tuổi lớn, chờ đến khi chúng con mạnh hơn người, khoẻ hơn bạn, chờ đến lúc anh Yung ngực nở, lông mày đứng dậy, lông tay hết, lông chân rụng, chúng con mới đi đòi xương Drang Hạ - Drang Hơm. Bây giờ chúng con

mới lướt thuyền ngược sông Ba, ngược dòng nước mạnh, muốn người ta chói mắt khi nhìn thấy con thuyền đẹp, muốn người ta điếc tai khi nghe thấy con thuyền đi, muốn ông mặt trời ngắm ngía cái mào rồng đỏ như lửa.

Sau khi các con đã chạy sang đùa nghịch bên nhà rông, Bia Răk gọi chồng lại dặn.

Bia Răk: Xét à, chàng coi nhà, em muốn đi thăm rẫy bên núi Tiol, núi Kues. Chàng đừng cho Yung, Yol, Hơ Meng, Hơ Rit, Noi lấy đồ quý, vật thiêng của ta mang đi!

Khi vợ đi rồi, Xét cũng đi thăm rẫy, gài bẫy chim, bẫy thú.

Chờ lúc mẹ đã đi rẫy, cha đi thăm bẫy chim, bẫy thú, ở nhà chỉ còn năm anh em, Noi nghĩ một lát, rồi gọi các anh.

Noi: - Ơ các anh, ta lên nhà lấy đồ đạc, lấy gạo trắng hạt nhỏ, gạo trắng mùi thơm, gạo năm lần giã, bảy lần sàng sẩy. Ai khoẻ mang nhiều, ai yếu mang ít!

Cả lũ lốc nhốc leo cầu thang lên nhà mẹ.

Yung, Yol, Hơ Rit, Hơ Meng, mỗi đứa lấy năm gùi.

Còn Noi lấy bảy gùi nuốt cả vào bụng.

Noi dặn các anh:

- Ơ các anh! Lấy xong rồi đậy lại gùi cho kín, đậy lại gùi cho kỹ, kẻo khi về mẹ sẽ biết sẽ la. Các anh làm nhanh lên, ta đi thôi.

Các anh à, hôm nay ta thử chọc tổ ong bu, đốt tổ ong kuang - Mặc dù chúng ta còn nhỏ như con sóc mới sinh, như con sâu mới nở nhưng ta muốn làm chim gro bay dọc, muốn làm chim diều bay ngang, cất tiếng kêu vang động trời xanh, rừng thẳm.

Năm anh em Noi đi đến chỗ để thuyền, đi đến con đường lớn, mặt đường lát bằng ván, hai bên đường lát đồng sáng loáng, đường đẹp như đường chân mới, đường người Doăn qua, đường người Giarai lại. Chúng nó đi đến chỗ bóng cây sung thấp, bóng cây đa cao. Chúng lấy thuốc ra hút... Thuốc của chúng lấy từ ghè stok, thơm như mùi ruột cây kơ lâu, ngọt như mật con ong rừng, nhỏ vàng như sợi thuốc người Doăn, khói thuốc từ các ống điếu của chúng bay lên nghi ngút.

Cả năm anh em đều đóng khố Kơtêch. Vạt khố sóng sánh đường viền chỉ trắng chỉ đỏ, khố vặn ba vòng tua buông, gió làm vạt khố bay phần phật. Búi tóc của chúng to bằng gùi đan hoa brơng, cái trâm bạc có cắm lông chim loang trông lấp lánh như có lượn nước mới trong, giắt lược đồng sáng chói. Lưng chúng đeo gươm báu cán cuốn dây đồng, chuôi gươm có dây tua đỏ và lông chim trĩ. Chim chào mào từ bên người Miên bay đến, chim sáo từ bên người Doăn bay sang đậu trên lưng chúng kêu ríu rít.

Noi dẫn đầu năm anh em. Chàng bước đi hùng dũng.

Lục lạc bạc reo lên thành nhịp
Lục lạc đồng ngân thành tiếng
Chàng đẹp như con ong vàng, ong mật
Bụng chàng nhỏ như được người ta nén
Lưng chàng thon như thân cây đẽo
Mắt chàng sáng như trăng đêm tròn
Chiếu sáng cả vùng chàng bước đi
Tiếng chàng vang động núi rừng
Nói một lời sấm chớp ầm ầm
Nói hai lời mưa đổ ào ào.

Chàng cất cao giọng cầu nguyện:

- Cầu trời cho lời tôi linh nghiệm
Cho ý tôi được như ý trời
Hơn thần mọi điều
Hơn thần mọi ý
Cho tôi đánh thắng Drang Hạ - Drang Hơm
Sức mạnh như núi
Đánh núi núi lở
Đánh đá đá vỡ
Đánh nước nước cạn

Cầu nguyện xong, Noi cùng các anh leo lên thuyền.

Thuyền chúng lướt băng băng

Đi ngược nước sông Ba

Thuyền chúng đẹp lộng lẫy

Như lâu đài người xây

Từ xa nhìn, ai cũng lạ lùng khi thấy một lũ trẻ con nhỏ như con sóc mới sinh, như con sâu mới lớn, cầm cái khiên còn rơi xuống đất, mà đã dám chèo thuyền đi đâu.

Đang đi, anh em Noi nghe tiếng hát.

Tiếng hát:

Tôi không muốn tắm nước đựng trong ghè,nóng

Tôi không muốn tắm nước đựng trong nồi đồng,bẩn

Tôi muốn tắm ở bến nước có bóng cây sung thấp,

Bóng cây đa cao

Toả bóng mát xum xuê...

Đó là tiếng của nàng Bia Pơđa.

Nàng đi đâu mà lưng mang gùi đan hoa brơng

Miệng nàng ngậm thuốc thắp sáng lửa bằng sáp ong.

Thuốc của nàng nhỏ, vàng như sợi thuốc người Doăn

Thơm như mùi ruột cây kơ lâu

Ngọt như mật con ong rừng

Nàng bước đi uyển chuyển, duyên dáng

Vòng chân, vòng tay sáng lên lấp lánh

Nàng búi tóc đuôi gà

Nàng mặc váy mới, đeo vòng mới

Nàng đẹp rực rỡ như bông hoa pơlang.

Thấy thuyền của anh em Noi đi tới, Bia Pơđa nói:

Khách là con cái nhà ai

Từ đâu tới

Mà nhỏ như con sóc mới sinh

Như con sâu mới lớn
Hãy nói chuyện cùng ta
Chúng ta hãy nói chuyện cùng nhau
Cầu trời cho lời tôi linh nghiệm
Cho lời tôi được như ý trời
Cho tôi gặp được các chàng
Tôi xin cúng trời con trâu đực
Giậm chân, đất lún
Hố to sâu bằng cái gùi
Lắc sừng, cây đổ
Lỗ to một người chui lọt
Hỡi bạn nhỏ con nhà ai
Nhỏ như con sóc mới sinh
Nhỏ như con sâu mới lớn
Mời ghé lại đây
Ghé chỗ bóng cây đa thấp
Bóng cây sung cao
Ta sẽ nói chuyện cùng nhau
Sẽ hút thuốc cùng nhau
Thuốc em vàng, nhỏ như sợi thuốc người Doăn
Thuốc thơm mùi ruột cây kơ lâu
Ngọt như mật con ong rừng
Thuốc châm bằng lửa sáp con ong...

Anh em Noi vờ như không nghe thấy gì, cho thuyền đi thẳng. Lưng đứa nào cũng đeo lủng lẳng một thanh gươm. Chúng vừa chèo thuyền, vừa hút thuốc, khói thuốc bay nghi ngút. Trông chúng, đứa nào cũng đẹp như cùng đúc một khuôn. Chúng nói to với Bia Pơđa mà không thèm nhìn mặt nàng.

Năm anh em: - Ơ nàng Bia Pơđa, hãy đợi khi chúng tôi quay về sẽ ghé vào trò chuyện. Bây giờ chúng tôi mắc đi chơi, bận đi dạo cho vui

bụng, nhẹ đầu. Chúng tôi còn mắc đi ngược dòng sông Ba rồi ngược lên phía Bắc.

Nói rồi, các chàng trai cho thuyền lướt nhanh và cất cao giọng hát:

Tôi không muốn tắm nước đựng trong ghè, nóng
Tôi không muốn tắm nước đựng trong nồi đồng, bẩn
Tôi muốn tắm ở bến nước sâu, trong
Tôi muốn tắm ở bến nước có bóng cây sung thấp,
Bóng cây đa cao
Toả bóng mát xum xuê...

Đi một quãng anh em Noi lại gặp Bia Pơđưh

Lưng nàng mang gùi đan hoa brơng
Miệng nàng ngậm thuốc thấp sáng lửa bằng sáp ong.
Thuốc của nàng nhỏ, vàng như sợi thuốc người Doán
Thơm như mùi ruột cây kơ lâu
Ngọt như mật con ong rừng
Nàng bước đi uyển chuyển
Lục lạc bạc reo lên thành nhịp
Lục lạc vàng reo lên thành tiếng
Váy ba mươi lớp vẫn thấy bắp vế trắng bên trong.
Nhìn nàng đằng trước, thấy đẹp
Nhìn nàng đằng sau, thấy xinh

Thấy thuyền của anh em Noi, Bia Pơđưh hát:

Khách từ nơi xa nào đến
Bạn nhỏ con nhà ai
[Tiếng hát của nàng đó
Nghe thật dịu dàng]
Nhỏ như con sóc mới sinh
Nhỏ như con sâu mới lớn
Nghe tin con của nàng Bia Răk xinh đẹp

Khách là con nhà ai

Chắc là Đăm Yung, Yol, Hơ Rit, Hơ Meng, Nơi

Các chàng ơi!

Hãy chuyện với ta

Chúng ta hãy nói chuyện cùng nhau...[1]

Noi: Ơ Bia Pơđưh, không được đâu! Chúng tôi thương em, nhưng chúng tôi đang bận. Hôm nay, mẹ chúng tôi ở nhà dệt vải, ủ rượu cần, đang chờ chúng tôi từ xa về. Mai mốt, chúng tôi sẽ ghé chơi với em.

Bia Pơđưh [cười vang và nói]: Thôi, thôi Noi ơi, đừng đánh lừa tôi, đừng nói dối tôi. Tôi biết các chàng muốn đi thăm các nàng Tà, Tang, Rang, Bia Nga, Bia Kơ Nhi đang ở với Drang Hạ - Drang Hơm có sức mạnh hơn thần

Đánh núi núi lở

Đánh đá đá vỡ

Đánh nước nước cạn

Thôi, thôi Noi ơi

Chàng còn nhỏ lắm

Như con sóc mới sinh

Như con sâu mới lớn

Quất một roi, chàng sẽ chết mất

Noi ơi!

Chàng có biết không, Đăm Phu, Đăm Prel sức đã lớn, trí đã cao, dũng cảm như con trời mà vẫn không thắng được Drang Hạ - Drang Hơm. Chàng nhỏ như thế kia thắng làm sao được!

Noi: Ơ, Bia Pơđưh, nàng nói không trúng rồi. Mẹ chúng tôi sai đi mua men ở làng Bôk Rơh. Mẹ chúng tôi đang dệt vải, làm rượu ở nhà chờ chúng tôi mang men về.

Bia Pơđưh: Tôi không tin, Noi ơi!

---

1. Chúng tôi lược bỏ 20 câu tiếp vì nó lặp lại quá dài tiếng hát ở ngay đoạn trên (soạn giả - CTS).

Tôi cũng là người dũng cảm

Nghe tên tôi, người bên Kreng hoảng

Nghe tên tôi, người bên Bo sợ

Nghe tên tôi, con cá trầu sông Ba phải chui xuống đất

Con trăn lớn phải giật mình

Con rồng thần phải nhổm dậy ngó xem

Chàng hãy trông tôi đây:

Nhìn bên trái thấy trắng như bụng cá chép

Nhìn bên phải thấy mịn như lưng cá chình.

Nghe Bia Pơđưh nói vậy, Yung muốn ghé thuyền sát bờ để nói chuyện với nàng, nhưng Noi liền lái thuyền ra giữa dòng. Thuyền của chàng lại lướt đi, từ những con rồng và những cây hoa breng ở hai bên thuyền ánh lên những tia sáng rực rỡ.

Bia Pơđưh vẫn gọi với theo:

- Ơ, Yol ơi, chàng hãy trông tôi này:

Nhìn bên trái thấy trắng như bụng cá chép

Nhìn bên phải thấy mịn như lưng cá chình

Yol đưa mắt liếc Bia Pơđưh, lơi tay chèo, thuyền liền bị đâm vào bờ. Bia Pơ-đưh vội giữ lấy mũi thuyền, nàng kêu lên:

- Ơ Noi! Chàng thua Bia Pơđưh rồi nhé.

Noi: Ơ Bia Pơ-đưh! Dấu giấu cũng chẳng được

Dấu bịt cũng chẳng kín

Kín như bưng mà hạt kê vẫn lọt

Chẳng thà nói hết với em.

Nếu nàng ưng chúng tôi, hãy tặng chúng tôi vòng tai bạc sáng lấp lánh thòng xuống tận vai nàng.

Bia Pơđưh: Noi à, không sao đâu, ngại ngần gì, tôi và các nàng Bia Kơ Muh, Bia Kơ Nhi cùng ở với một người cũng được. Tôi xin tặng chàng vòng tai bạc lấp lánh. Noi à, nếu chàng thấy quả trên cây muốn bứt, thấy hoa trên cành muốn hái, chúng tôi xin về với chàng. Nếu mai mốt

chàng ưng con gái khác, chúng tôi sẽ bứt lục lạc bạc, cắt lục lạc đồng của chàng treo như quả chuối trước cửa nhà mẹ chàng.

Noi: Bia Pơđưh à, chúng tôi xin tặng nàng còng sruh, còng liêng, nếu nàng thấy quả trên cây muốn leo, thấy hoa trên cành muốn hái, mai mốt nàng về với chúng tôi.

Thấy Noi nói vậy, Bia Pơđưh bỏ tay, không giữ mũi thuyền nữa. Thuyền của năm anh em lại lướt đi giữa dòng sông.

Đi được một quãng, các chàng trai lại gặp Bia Kơ Muh Đak. Nàng vừa đi vừa hát.

Bia Kơ Muh Đak: Tôi không muốn tắm nước trong ghè, nóng

Tôi không muốn tắm nước trong nồi đồng, bẩn
Tôi muốn tắm ở bến nước sâu, trong
Tắm ở bến nước có bóng cây sung thấp,
Bóng cây đa cao
Toả bóng mát xum xuê.

Lưng nàng mang gùi đan hoa brơng đựng bầu nước bằng đồng, đựng thuốc thơm lấy từ ghe stok trộn với mật.

Thuốc của nàng nhỏ, vàng như sợi thuốc người Doăn
Thơm như mùi ruột cây kơ lâu
Ngọt như mật con ong rừng
Môi nàng đỏ như màu hoa pơ lăng
Chân tay mềm, trắng như cúi bông
Ngực mới nhú như quả cây sấn
Nàng đẹp như con trời
Nhìn đằng trước thấy xinh
Nhìn đằng sau thấy đẹp
Váy ba mươi lớp vẫn thấy bắp vế trắng ngần bên trong.
Nàng bước đi uyển chuyển
Gió thổi lộ bắp vế như có ánh chớp
Gió bay thấy đầu gối như có tiếng sấm ầm ì

Gió thổi thoáng bắp đùi, bỗng như chói loà tiếng sét ngang tai
Nghe tiếng lục lạc bạc reo lên thành nhịp
Lục lạc đồng reo lên thành tiếng
Nhìn lên, thấy thuyền của các chàng trai sáng như ánh chớp
Lướt băng băng giữa dòng sông

Bia Kơ Muh Đak [cất tiếng gọi]:

Bạn ít tuổi con nhà ai
Từ nơi xa nào đến
Mà nhỏ như con sóc mới sinh
Nhỏ như con sâu mới lớn
Có phải con của nàng Bia Răk xinh đẹp?
Cầu trời cho lời tôi linh nghiệm
Cho ý tôi được như ý trời
Cho tôi được nói chuyện với các chàng
Tôi xin cúng trời con trâu đực
Giẫm đất, đất lún
Hố to, sâu bằng cái gùi
Lắc sừng, cây đổ
Lỗ to một người chui lọt
Hỡi bạn nhỏ con nhà ai
Nhỏ như con sóc mới sinh
Nhỏ như con sâu mới lớn
Mời ghé lại đây
Ghé chỗ bóng cây sung thấp
Bóng cây đa cao
Ta sẽ nói chuyện cùng nhau
Sẽ hút thuốc cùng nhau
Thuốc em vàng, nhỏ như sợi thuốc người Doăn
Thuốc em thơm như mùi ruột cây kơ lâu

Ngọt như mật con ong rừng

Thuốc châm bằng lửa sáp con ong.

Noi: Ơ Bia Kơ Muh Đak, không được đâu! Chúng tôi thương em, chúng tôi cũng muốn nói chuyện với em, nhưng chúng tôi phải đi mua men ở làng Bôk Rơh cho mẹ ở nhà.

Bia Kơ Muh Đak: Tôi không tin, Noi ơi! Thôi hãy dừng lại đây hút cùng tôi điếu thuốc, rồi chúng ta cùng nhau nói chuyện.

Noi: Ô, không được đâu, nói thật mà, chúng tôi đi mua men ở làng Bôk Rơh! Hôm nay, mẹ chúng tôi ở nhà dệt vải, làm rượu, đang chờ chúng tôi mang men về. Mai mốt, chúng tôi sẽ ghé chơi với em.

Bia Kơ Muh Đak: Thôi, thôi, Noi ơi, tôi biết các chàng muốn đi gặp các nàng Tă, Tang, Bia Nga, Bia Kơ Nhi đang ở với Drang Hạ - Drang Hơm.

Noi ơi, chàng có biết không, chú Đăm Phu, Đăm Prel trí cao như thần, sức lớn như con trời đã bị Drang Hạ - Drang Hơm giết chết, chàng còn nhỏ như con sóc mới sinh, như con sâu mới lớn, thắng làm sao được. Thôi hãy quay về đi, chờ khi chàng lớn như thanh niên, mới đủ sức mạnh đánh thắng Drang Hạ - Drang Hơm.

Noi vờ như không nghe thấy gì, chàng chèo thuyền lướt nhanh hơn và dặn các anh:

- Các anh à, ta đi thôi, đừng nhìn Bia Kơ Muh Đak xinh đẹp kẻo lỡ việc.

Nói chuyện với Noi không được, Bia Kơ Muh Đak gọi Yung:

- Ơ Yung à, chàng hãy trông đây này:

Nhìn bên trái thấy trắng như bụng cá chép

Nhìn bên phải thấy mịn như lưng cá chình.

Yung đưa mắt liếc và lái thuyền vào chỗ Bia Kơ Muh Đak đứng. Noi liền lái thuyền ra giữa dòng sông. Bia Kơ Muh Đak chưa chịu thôi, nàng lại gọi Yol.

Bia Kơ Muh Đak: Ơ Yol, chàng hãy trông ta đây này:

Nhìn bên trái thấy trắng như bụng cá chép

Nhìn bên phải thấy mịn như lưng cá chình.

Yol đưa mắt liếc Bia Kơ Muh Đak và lái thuyền vào chỗ nàng đứng. Bia Kơ Muh Đak liền giữ lấy mũi thuyền và cười lên ròn rã.

Noi đỏ mắt không biết làm gì.

Bia Kơ Muh Đak [nói]: - Noi ơi, tôi muốn chàng hãy ngồi cùng ta dưới bóng cây sung thấp, bóng cây đa cao, để ta nói chuyện cùng nhau.

Noi: Ơ Bia Kơ Muh Đak!

Dấu giấu cũng chẳng được

Dấu bịt cũng chẳng kín

Kín như bưng mà hạt kê vẫn lọt

Chẳng thà nói hết với em.

Chúng tôi đang bận đi chơi xa, nếu nàng ưng ai trong năm anh em chúng tôi, nàng hãy tặng vòng tai bạc cho người đó.

Bia Kơ Muh Đak: Noi à, được thôi. Tôi và các nàng Bia Pơ-đưh, Bia Kơ Nhi cùng ở với một người cũng được. Tôi xin tặng chàng vòng tai bạc lấp lánh.

Noi ơi, nếu chàng thấy quả trên cây muốn bứt, thấy hoa trên cành muốn hái, chúng tôi xin về với chàng. Nếu mai mốt, chàng ưng cô gái khác, chúng tôi sẽ bứt lục lạc bạc, cắt lục lạc đồng của chàng treo như quả chuối trước cửa nhà mẹ chàng.

Noi: Bia Kơ Muh Đak à, chúng tôi xin tặng nàng còng sruh, còng liêng. Nếu nàng thấy quả trên cây muốn leo, thấy hoa trên cành muốn hái, mai mốt nàng về với chúng tôi.

Thấy Noi nói vậy, Bia Kơ Muh Đak bỏ tay, không giữ mũi thuyền nữa. Thuyền của năm anh em Noi lại lướt đi giữa dòng sông.

Noi [bảo các anh]: - Các anh à, ta mau đi thôi. Đi mau đến làng Bôk Rơh, nơi con người nhiều như con rồi đất.

Gần tới làng Bôk Rơh, họ nghe thấy tiếng các cô gái gọi nhau:

Chị ơi ta đi tắm nước sông Ba

Em không muốn tắm nước trong ghè, nóng

Em không muốn tắm nước trong nồi đồng, bẩn

Em muốn tắm ở bến nước sâu, trong

Tắm ở nơi có bãi cát để chơi...

Đó là hai chị em Bia Phu, Bia Chăm, con gái của Bôk Rơh, có sắc đẹp rực rỡ:

Môi các nàng đỏ như màu hoa pơ lang

Chân tay mềm trắng như cúi bông

Ngực mới nhú như quả cây sắn

Các nàng đẹp như con trời

Nhìn đằng trước thấy xinh

Nhìn đằng sau thấy đẹp

Váy ba mươi lớp vẫn thấy bắp vế trắng ngần bên trong.

Hai nàng bước đi uyển chuyển

Gió thổi, lộ bắp vế như có ánh chớp

Gió bay thấy đầu gối như có tiếng sấm ầm ì

Gió thổi thoáng bắp đùi, bỗng như chói loà tiếng sét ngang tai

Bia Chăm: - Chị ơi, chị có nghe tiếng

Lục lạc bạc reo lên thành nhịp

Lục lạc đồng ngân lên thành tiếng

Đó không?

Hai chị em nhìn lên thấy thuyền của anh em Noi đang lướt tới, họ liền cầu nguyện.

Bia Phu, Bia Chăm:

Cầu trời cho lời chúng tôi linh nghiệm

Cho ý chúng tôi được như ý trời

Cho chúng tôi nói chuyện với các chàng

Chúng tôi xin cúng trời con trâu đực

Giẫm đất, đất lún

Hố to, sâu bằng cái gùi
Lắc sừng, cây đổ
Lỗ to một người chui lọt
Hỡi khách từ nơi xa nào đến
Bạn nhỏ con nhà ai
Nhỏ như con sóc mới sinh
Nhỏ như con sâu mới lớn
Xin mời ghé lại đây
Ghé chỗ có bóng cây sung thấp
Bóng cây đa cao
Ta sẽ nói chuyện cùng nhau
Sẽ hút thuốc cùng nhau
Thuốc em vàng, nhỏ như sợi thuốc người Doăn
Thuốc chúng em thơm như mùi ruột cây kơ lâu
Ngọt như mật con ong rừng
Thuốc châm bằng lửa sáp con ong

Hai chị em gọi hoài, gọi mãi mà thuyền của anh em Noi vẫn đi. Bia Phu liền kêu:

Bia Phu: - Bia Chăm à, ta chạy về nhà mau lên, kêu chú Dông, chú Vắt cho đánh trống đồng mặt bạc gọi tôi tớ, lũ làng, báo cho tù trưởng của làng có bảy con sông chảy qua, đi giữ thuyền của các chàng Yung, Yol, Hơ Rit, Hơ Meng, Noi lại, để chị em ta nói chuyện cho vui!

Hai chị em tranh nhau chạy trước, vòng chân kêu reng reng. Về đến nhà, họ gọi:

- Ơ chú Dông! Ơ chú Vắt! Sao hai người cứ giữ miết cái nhà rông?

Chú Dông, chú Vắt: Ơ hai cháu, có việc gì đó, có ai ốm đau hay có người lạ nào đến làng, mà hai cháu chân bước vội, ngực thở gấp vậy? Hai cháu hãy nói cho chúng tôi biết.

Hai chị em: Ơ, hai chú à,

Dẫu giấu cũng chẳng được

Dấu bịt cũng chẳng kín

Kín như bưng mà hạt kê vẫn lọt

Chẳng thà nói hết với chú

Chúng tôi muốn được nói chuyện với các chàng trai nhà ai, nhỏ như con sóc mới sinh, nhỏ như con sâu mới lớn, cầm cái khiên còn làm rơi xuống đất, đang đi thuyền tới đây! Hai chú hãy đánh trống đồng mặt bạc báo cho lũ làng, tôi tới của làng Bôk Rơh, báo cho tù trưởng của làng có bảy con sông chảy qua, biết để đi bắt các chàng trai về cho chúng tôi.

Chiều ý hai cháu, chú Dông, chú Vất liền đi đánh trống gọi lũ làng tôi tớ đến.

Nghe tiếng trống, lũ làng, tôi tớ kéo đến đông như kiến. Họ hỏi chú Dông, chú Vất:

- Ơ chú Dông chú Vất, có việc gì mà nổi trống lên vậy? Có ai đau ốm hay có kẻ nào định đốt tổ ong Bu, phá tổ ong Kuang ở làng ta chăng?

Chú Dông, chú Vất: Hỡi lũ làng, tôi tớ, hỡi cháu trai Đăm Vit, cháu trai Đăm Prel của ta! Không có việc gì đâu! Hai anh em ta đã trống kêu lũ làng, tôi tới đến để đi bắt các chàng trai đẹp đang đi thuyền trên sông Ba cho hai cháu gái Bia Phu, Bia Chăm của ta đó. Ta ưng các chàng trai đó, xứng làm rể của ta.

Lũ làng: Ơ, chúng Dông, chú Vất. Chúng tôi đi ngay thôi. Lũ làng Bôk Rơh lũ lượt kéo nhau đi. Họ đi lô nhô chỗ đường vòng, đi nườm nượp chỗ đường quẹo.

Chú Dông già yếu, tóc bạc phơ, bước đi lụ khụ cũng đi cùng với lũ làng. Còn các nàng Bia Phu, Bia Chăm thì cất cao giọng mời:

- Xin mời khách từ nơi xa nào đến

Bạn nhỏ con nhà ai

Đi nói chuyện với ta

Đến nói chuyện cùng ta

Ở chỗ có bóng cây sung thấp

Bóng cây đa cao.

Các chàng trai vẫn đi, mắt không nhìn lại, vừa đi vừa hút thuốc, sợi thuốc vàng nhỏ như thuốc người Doăn, thơm mùi ruột cây kơ lâu, ngọt như mật ong rừng, khói thuốc từ miệng họ bay lên nghi ngút.

Đoàn người của làng Bôk Rơh rầm rập kéo nhau đi bắt thuyền của anh em Noi. Họ đi đông như con rồi đất,nhiều không đếm được. Họ nối nhau dài như mây, cao như núi để chắn dòng sông.

Thấy đoàn người ngày càng đông. Noi đứng trước mũi thuyền khấn.

Noi: Cầu trời cho lời tôi linh nghiệm

Cho ý tôi được như ý trời

Hơn thần mọi điều, hơn thần mọi ý

Cho thuyền tôi bay qua lớp người của làng Bôk Rơh

Cho chúng tôi thoát khỏi ý muốn của con Bôk Rơh.

Lại nghe thấy tiếng chú Dông, chú Vất gọi lũ làng:

- Hỡi lũ làng, tôi tớ của ta, hãy chạy cho nhanh, chạy ngược dòng sông đón bắt thuyền của các chàng trai!

Lũ làng: Ơ ông Vất, chúng ta cùng đi để bắt thuyền của Noi thử xem!

Đoàn người đi chắn kín dòng sông.

Khi ấy Bia Phu và Bia Chăm cất tiếng hỏi:

- Ơ Noi, tại sao các chàng không dừng thuyền lại. Các chàng sợ chúng tôi ăn thịt chăng?

Noi ơi, hãy xem kìa

Người của làng tôi đông như suối sâu, như núi cao

Che kín cỏ cây trời đất

Làng của chúng tôi dài rộng bảy con sông chảy qua không hết

Chàng đi làm sao được?

Nhưng bỗng nhiên thuyền của anh em Noi bay qua đoàn người chắn nước, bay lên cao tận mây xanh.

Đoàn người của làng Bôk Rơh bị nước cuốn, ngất gần hết.

Anh em Noi đã vượt được rất xa, thuyền của họ lại lướt băng băng trên dòng sông.

Noi nói với các anh:

- Các anh à, tội nghiệp lũ làng Bôk Rơh, đông như rời đất, mà không bắt được chúng ta.

Yung ơi, tôi thương lũ làng Bôk Rơh, tôi không muốn họ phải chết.

"Ơ, hỡi lũ làng Bôk Rơh, các người hãy đi đan lờ mà bắt cá chình, cá lênh, cá lang ở sông Ba, chứ đừng bắt chúng tôi".

Lũ làng Bôk Rơh: Ôi mẹ ơi, lũ làng ơi, không phải con người đâu, con trời đó! Ta bắt không được đâu. Ta đi chặt tre đan lờ bắt cá thôi.

Tất cả lũ làng Bôk Rơh lại kéo nhau đi đan lờ đem chắn ở sông Ba. Tất cả cá sông Ba đều bị mắc vào lờ của họ, suốt ngày đêm, họ ăn cá không hết. Dân làng vui sướng vì được ăn cá thoả thuê.

Trong lúc đó mấy anh em Noi đã đi tới làng của Drang Hạ - Drang Hơm. Từ xa họ đã nhìn thấy đường vào làng to, rộng mênh mông. Họ đến làng lúc mặt trời đang đứng bóng. Nhìn lên thấy một cái nhà rông cao sừng sững sát tận mây xanh.

Noi [nói]: - Ơ các anh, hãy nhìn xem, khỉ vượn nô đùa trên nóc nhà rông cao sừng sững, tám vòng hàng rào bạc, chín hàng rào thép rào quanh làng. Làng của Drang Hạ - Drang Hơm quả là hùng vĩ, vững chắc.

Đang đi, anh em Noi nghe tiếng các nàng Tă, Tang, Rang, Bia Nga, Bia Kơ Nhi nói chuyện với nhau.

Một nàng [nói]:

Ơ chị, tôi không muốn tắm nước ghè, nóng
Tôi không muốn tắm nước nồi đồng, bẩn
Tôi muốn tắm nước sông mát mẻ
Muốn tắm ở nơi có bóng cây sung thấp, bóng cây đa cao.

Một nàng khác: Vậy thì ta phải về nói cho ông Drang Hạ - Drang Hơm biết, nếu không ông sẽ ăn thịt chúng ta.

Rồi các nàng đi gọi Drang Hạ - Drang Hơm.

- Ơ ông, hãy dậy đi! Sao ông ngủ say thế? Sao ông ngáy to thế. Chúng tôi muốn báo cho ông biết.

Chúng tôi không muốn tắm nước ghè, nóng
Không muốn tắm nước nồi đồng, bẩn
Chúng tôi muốn tắm nước sông mát mẻ
Tắm ở nơi có bóng cây sung thấp, bóng cây đa cao.

Drang Hạ - Drang Hơm: Ơ các cháu, tắm nhanh lên mà về kẻo gặp kẻ ác làng nào đến đánh làng ta. Gần đây, đêm nào ta cũng nằm mơ thấy chuyện xấu, chắc có người muốn đánh làng ta. Nói rồi Drang Hạ - Drang Hơm nhổm dậy, thân hình to lớn, hai con mắt to bằng hai trái núi con, người cao sát mây xanh...

Báo cho Drang Hạ - Drang Hơm biết rồi, các nàng kéo nhau vừa đi vừa cười ròn rã. Đến bến nước, họ cởi váy áo, nhảy ào xuống sông. Thân hình các nàng làm sáng rực một vùng khiến anh em Noi bị loá mắt, không nhìn thấy gì nữa.

Noi rung reng những quả lục lạc to bằng cán rựa.
Lục lạc bạc reo lên thành nhịp
Lục lạc đồng ngân lên thành tiếng.

Nghe tiếng lục lạc, các cô gái nhìn lên thấy:

Một chàng trai đẹp,
Bụng nhỏ như con ong,
Lưng thon như cây đẽo,
Mắt sáng như trăng rằm
Mới ló ra từ đỉnh núi,
Chiếu sáng nửa vùng đất.
Các nàng xấu hổ vội quay mặt đi.

Noi: Em ơi, đừng ngại ngùng chi, mắc cỡ gì, chúng tôi đang núp ở gốc cây sung thấp, ở gốc cây đa cao - Các em đừng chạy về, hãy ở lại đây nói chuyện với chúng tôi.

Một cô [trả lời]: Ơ, đừng nhìn chúng em, chúng em đang ở trần, mắc cỡ lắm. Hãy cho chúng em mặc váy áo đã.

Noi: Không sao mà, em ơi ngại ngùng chi, xấu hổ gì. Các em hãy mặc váy đi. Tôi muốn chúng ta nói chuyện với nhau ở bóng cây sung thấp, bóng cây đa cao.

Các cô gái mặc váy áo xong, hỏi các chàng trai:

Hỡi các bạn nhỏ con nhà ai
Khách từ nơi nào đến,
Nhỏ như con sóc mới sinh
Nhỏ như con sâu mới lớn?

Các chàng trai: Ơ, các em à, chúng tôi không còn mẹ, còn cha. Bố tôi sinh ra từ củ cây, mẹ tôi sinh ra từ cây mục thôi.

Các cô gái: Bây giờ chúng ta ngồi nói chuyện với nhau chưa vui, chưa sướng đâu. Chúng tôi muốn hỏi tên cho biết, hỏi tuổi cho rõ, mai mốt gặp nhau, ta còn biết mà nói chuyện. Ơ các chàng trai, hãy nói tên tuổi trước đi, rồi chúng tôi nói sau.

Các chàng trai: Không phải đâu! Con gái nói tên trước đi, con trai nói trước sao được, không đúng mà.

Các cô gái: Các chàng trai à,

Dẫu giấu cũng chẳng được
Dẫu bịt cũng chẳng kín
Kín như bưng mà hạt kê vẫn lọt
Chẳng thà nói hết với các chàng.

Chúng tôi đây tên là Tă, Tang, Rang, Bia Nga, Bia Kơ Nhi.

Bia Kơ Nhi: Còn các anh tên là gì, các anh là ai mà đẹp như trăng rằm mới ló, đẹp như mặt trời mới mọc chiếu sáng mặt đất. Các anh là con người hay con trời.

Noi: Em ơi dẫu giấu cũng chẳng được
Dẫu bịt cũng chẳng kín

Kín như bưng mà hạt kê vẫn lọt

Chẳng thà nói hết với nhau.

Chúng tôi tên là Yung, Yol, Hơ Rit, Hơ Meng, Noi. Tôi tính nóng như lửa, không sợ ai trên đời, xứng là con cháu của Bôk Kei Đei.

Các cô gái [cười vang và nói]: Ôi, may mắn quá, nói chuyện cùng nhau, chúng ta nói chuyện với nhau ở chỗ bóng cây sung thấp, bóng cây đa cao, toả bóng mát xum xuê.

Noi à, chúng tôi buồn lắm

Mẹ chúng tôi không còn

Bố chúng tôi đã mất

Chúng tôi ở với Drang Hạ - Drang Hơm

Sức mạnh như thần

Đánh núi núi lở

Đánh đá đá vỡ

Đánh nước nước cạn

Noi ơi, chúng tôi thương Đăm Phu, Đăm Prel khoẻ mạnh. Ngày xưa, chúng tôi cũng trò chuyện ở đây. Các anh ấy cũng dũng cảm, cũng tài giỏi, cũng đi đánh Drang Hạ - Drang Hơm, nhưng đã bị lão giết mất rồi.

Noi: Các em à.

Dẫu giấu cũng chẳng được

Dẫu bịt cũng chẳng kín

Kín như bưng mà hạt kê vẫn lọt

Chẳng thà nói hết với em.

Chúng tôi cũng muốn đi trả thù cho chú Đăm Phu, Đăm Prel, chú của chúng tôi

Chúng tôi muốn phá tổ ong bu

Chúng tôi muốn quạt tổ ong kuang

Các cô gái: Noi ơi, chúng ta ngồi đây sợ ông Drang Hạ - Drang Hơm biết. Ông đã dặn chúng tôi tắm nhanh rồi, không về ông sẽ giết đó, Noi à.

Noi: Em ơi, không sao đâu, ta hãy ngồi nói chuyện cùng nhau một tý thôi để nhớ nhau. Đừng lo gì, đừng sợ gì Drang Hạ - Drang Hơm. Tôi cũng tài, cũng giỏi như Drang Hạ - Drang Hơm.

Nghe tên tôi,
Con cá trầu sông Ba phải chui xuống đất
Con trăn lớn phải giật mình
Con rồng thần phải nhổm dậy ngó xem

Các nàng ơi, các nàng có biết của cải, đao khiên của Drang Hạ - Drang Hơm để đâu không?

Bia Kơ Nhi: Noi ơi, của cải của ông Drang Hạ - Drang Hơm nhiều không kể hết, để ở khắp núi, khắp rừng, nhưng chỉ toàn là khiên thôi, khiên để đầy rừng đầy núi.

Hết đêm này qua đêm khác, đã ba ngày rồi, Drang Hạ - Drang Hơm vẫn ngủ say sưa, tiếng ngáy ầm ầm.

Noi liền nói với các anh và các cô gái:

Ơ các anh, ta đi đốt những nơi Drang Hạ - Drang Hơm để khiên thôi!

Tă, Tang, Rang, Bia Nga, Bia Kơ Nhi, các nàng hãy chỉ chỗ để khiên trong nhà Drang Hạ - Drang Hơm để chúng tôi đốt đi.

Các cô gái dắt anh em Noi tới những chỗ để khiên, thế là lửa cháy hừng hực, khói bốc nghi ngút làm mờ mịt đất trời.

Nghe những tiếng nổ ầm ầm, đất trời rung chuyển, khói bay mù mịt, lại thấy tiếng hò reo của anh em Noi, Bia Răk lo lắng than thở.

Bia Răk: Hỡi giàng ơi, hỡi Ma Brâu ơi, con ta tính nóng như lửa không biết sợ ai, là con cháu của Bôk Kei Đei, ta không cho chúng đi đánh nhau với Drang Hạ - Drang Hơm, vì chúng còn nhỏ như con sóc

mới sinh, nhỏ như con sâu mới lớn, nhưng chúng không nghe lời ta, không biết sẽ thế nào.

Cầu trời cho lời tôi linh nghiệm

Cho ý tôi được như ý trời

Cho con tôi đánh thắng Drang Hạ - Drang Hơm

Tôi xin cúng trời một con trâu đực

Giẫm đất đất lún

Húc núi núi lở

Đâm cây cây ngã

Thấy vợ than thở, lo lắng, Xét hỏi:

Xét: Bia Răk à, nàng nói gì? Có việc gì mà một mình nàng lo sợ, ngại ngần?

Bia Răk: Xét ơi, chàng không biết à. Lũ con ta đã đi đốt tổ ong bu, phá tổ ong kuang, đi đánh Drang Hạ - Drang Hơm có sức lớn như thần, đánh núi núi lở, đánh đá đá vỡ, đánh nước nước cạn. Tôi vừa cầu trời cho các con, vì tôi thấy khói lửa của chúng nó đốt khiên của Drang Hạ - Drang Hơm.

Xét: Chúng nó đi lúc nào mà ta không kịp hay biết? Ta tưởng chúng nó đi săn như mọi khi

Cầu trời cho lời tôi linh nghiệm

Cho ý tôi được như ý trời

Cho con tôi đánh thắng Drang Hạ - Drang Hơm

Tôi xin cúng trời một con trâu đực

Giẫm đất đất lún

Húc núi núi vỡ

Đâm cây cây đổ

Bia Răk: Mẹ ơi, sao khổ thế này? Con ơi, chết hết mất con ơi. Ai chẳng biết Drang Hạ - Drang Hơm có sức mạnh như thần. Ông ta đã

từng đi ăn người ở đường Giarai, đường Doăn, đường Chăm. Ai chẳng biết, nghe tên ông:

Con cá trầu sông Ba phải chui xuống đất,

Con trăn lớn phải giật mình,

Con rồng thần phải nhổm dậy ngó xem.

Sức các con còn nhỏ như con sóc mới sinh, nhỏ như con sâu mới lớn, sao các con đã dám đi đốt tổ ong kuang? Các con sẽ chết mất con ơi!

Trong khi Bia Răk lo lắng, sợ hãi, anh em Noi đã đốt gần hết khiên của Drang Hạ - Drang Hơm, chỉ còn khiên ở xung quanh hắn.

Noi rủ các cô gái:

- Ơ các nàng à, ta cùng nhau đi chơi chỗ bóng cây sung thấp, bóng cây đa cao đi!

Và chàng dặn các anh:

- Các anh à, các anh hãy đi hỏi thử Drang Hạ - Drang Hơm xem. Các anh hãy hỏi như thế này:

- Ơ ông! Làng có kiêng cữ gì không?

Nếu có kiêng cữ hãy chỉ đường cho tôi ra

Đưa lửa cho tôi hút thuốc

Nếu không kiêng cữ cho chúng tôi ghé qua!

Nghe lời Noi, Yung đi đến chỗ Drang Hạ - Drang Hơm ngủ và hỏi:

Yung: Ơ ông! Làng có kiêng cữ gì không?

Nếu có kiêng cữ hãy chỉ đường cho tôi ra

Đưa lửa cho tôi hút thuốc

Nếu không kiêng cữ cho chúng tôi ghé qua.

Yung gọi mấy lần, Drang Hạ - Drang Hơm mới tỉnh hẳn bật dậy.

Thân hình cao đụng trời xanh

Rốn to bằng núm chiêng

Mắt to bằng quả cà bát

Mặt to bằng cái nong

Hắn cất tiếng ồm ồm hỏi Yung.

Drang Hạ - Drang Hơm: - Ơ cháu ơi, làng ta không kiêng cữ gì cả, vào đi, ngại ngùng gì, mắc cỡ ai?

Cháu muốn đi đâu? Sao lại có chuyện lạ này? Ta chưa bao giờ thấy cháu đến đây?

Lạ như người Giarai gánh muối
Như người Bana gánh gạo
Như con chuột mắc bụi rậm.
Như con bìm bịp vướng trong rẫy hoang
Như con sóc bị sập bẫy
Như con cá trầu dính câu

Yung: Ông à, dấu giấu cũng chẳng được
Dấu bịt cũng chẳng kín
Kín như bưng mà hạt kê vẫn lọt
Chẳng thà nói hết với ông

Tôi muốn đi hỏi xin khiên ông. Chúng tôi nghe tiếng kêu rung chuyển đất trời của khiên ông, chúng tôi muốn tập đánh nhau, ông hãy dạy cho chúng tôi.

Chúng tôi muốn làm chim ưng bay dọc, muốn làm chim diều bay ngang...

Drang Hạ - Drang Hơm: Cháu ơi, được thôi. Cháu muốn xin khiên à, khiên nhiều lắm, đầy núi đầy rừng, ta cho cháu bảy bộ khiên đó.

Yung nhận khiên và bay về chỗ bóng cây sung thấp, bóng cây đa cao.

Noi: Kìa anh Yung đã lấy được khiên rồi, ta đi thôi, Yol ơi!

Yol đứng dậy, mang theo ba trăm ống điếu, ba trăm tăm nhựa. Yol bước đi nhanh như sóc, thân hình nhỏ bé nhưng vững chắc. Hai mắt chàng to, sáng như mắt mèo và miệng lúc nào cũng nhả khói mù mịt.

Yol vào làng Drang Hạ - Drang Hơm, chàng nhìn thấy nhà rông cao sừng sững sát tận trời xanh, Yol cất tiếng hỏi:

Yol: Ơ ông, làng có kiêng cữ gì không?

Nếu không kiêng cho tôi ghé qua

Nếu có kiêng xin chỉ đường cho tôi ra

Đưa lửa cho tôi hút thuốc.

Drang Hạ: - Drang Hơm [nghe tiếng hỏi liền bật dậy. Nhìn thấy Yol, hắn nói]:

- Cháu ơi, làng ta không kiêng cữ gì, cháu vào đi, ngại ngùng gì, mắc cỡ ai?

- Cháu muốn đi đâu? Sao lại có chuyện lạ này. Ta chưa bao giờ thấy cháu đến đây.

Lạ như người Giarai gánh muối

Như người Bana gánh gạo

Như con chuột mắc bụi rậm.

Như con bìm bịp vướng trong rẫy hoang

Như con sóc bị sập bẫy

Như con cá trầu dính câu

Yol: Ông à, chúng tôi nghe con nít nói, nghe con gái bảo rằng ông Aniung, Aniang muốn đi đánh ông, nên chúng tôi muốn đến hỏi xin khiên ông để tập luyện giúp ông. Chúng tôi muốn làm con chim ưng bay lượn trời xanh, muốn làm con diều bay qua đường Lào để xứng đáng là Yung, Yol, Hơ Rít, Hơ Meng, Noi.

Drang Hạ - Drang Hơm: Cháu à, khiên thì nhiều lắm, đầy núi, đầy rừng, muốn bao nhiêu cũng được. Ta cho cháu năm bộ khiên đó, hãy lấy đi.

Yol nhận khiên rồi quay về chỗ bóng cây sung thấp, bóng cây đa cao. Mấy anh Noi reo lên:

- Kìa, Yol lấy được khiên rồi. Hơ Rít đi thôi!

Hơ Rít đứng dậy, chàng mảnh khảnh, nhưng vững chắc, bụng chàng nhỏ như con ong, lưng thon như cây đẽo.

Hơ Rít đến làng Drang Hạ - Drang Hơm, chàng nhìn thấy khỉ vượn nô đùa trên nóc nhà rông cao sừng sững sát tận trời xanh. Hơ Rít cất tiếng hỏi:

Hơ Rít: Ơ ông, làng có kiêng cữ gì không?

Nếu không kiêng cữ cho tôi ghé qua

Nếu có kiêng, xin chỉ đường cho tôi ra

Đưa lửa cho tôi hút thuốc.

Drang Hạ - Drang Hơm: Ai nữa đấy, hỏi gì đó. Ta đang muốn ngủ, không vào được. Sao hỏi miết, muốn gì vậy?

Hơ Rít: Chúng tôi đi hỏi khiên, chúng tôi nghe ông Aniung, Aniang đỡ đất, đỡ trời muốn đánh ông. Chúng tôi muốn giúp ông, muốn làm con chim ưng bay dọc, muốn làm con chim diều bay ngang để xứng là con cháu Bok Kei Đei.

Drang Hạ - Drang Hơm: Chúng mày muốn khiên làm gì mà nhiều vậy. Ta đã cho nhiều rồi. Đây ta cho thêm bảy chiếc nữa.

Hơ Rít mang khiên vào lưng và đi về chỗ bóng cây sung thấp, bóng cây đa cao.

Mấy anh em Noi lại reo lên:

- Kìa, Hơ Rít lấy được rồi, Hơ Meng lại đi thôi!

Hơ Meng: Các anh hãy chờ xem, tôi sẽ lấy được khiên ngay thôi.

Hơ Meng đi đến làng Drang Hạ - Drang Hơm, chàng cất tiếng hỏi?

- Ơ ông, làng có kiêng cữ gì không?

Nếu không kiêng cho tôi ghé qua

Nếu có kiêng, xin chỉ đường cho tôi ra

Đưa lửa cho tôi hút thuốc.

Drang Hạ - Drang Hơm [nằm yên trong nhà hỏi vọng ra]:

- Ai nữa đó, muốn hỏi gì? Ta đang muốn ngủ, không vào được.

Tại sao chúng mày muốn vào mãi thế. Muốn kiếm gì, làm ta muốn ngủ cũng không được. Thằng nhãi con, mày như sợi chỉ cây kim, tao giẫm một cái thì nát, tao nuốt một cái thì trôi. Hay bọn bay muốn đánh nhau với tao chăng?

Hơ Meng: Không phải thế đâu, tôi đâu dám như thế. Chúng tôi chỉ muốn xin ông nhiều khiên thôi, vì chúng tôi nghe nói ông Aniung,

Aniang, Driang Teh, Drang Plenh muốn đánh lại ông. Chúng tôi muốn cùng ông làm con chim ưng bay lượn ngang trời, làm con diều bay qua đường Lào, bay tít tận mây xanh.

Drang Hạ - Drang Hơm: Thế là thế nào? Tao cho chúng mày nhiều rồi cơ mà. Đây tao cho tụi bay thêm năm chiếc nữa.

Hơ Meng vội vớ lấy chiếc khiên mang về chỗ cây sung thấp, cây đa cao. Chàng kể lại với Noi:

Hơ Meng:

- Lão ấy ghét bọn ta lắm rồi. Lão muốn nghiền nát tôi, nuốt sống tôi. Lão nói: Có phải bọn ta muốn đánh lão chăng?

Noi: Các anh, ta hãy đeo mỗi người một túi thiêng, túi có dệt đường mặt trăng, dệt đường sông trời. Các anh hãy bỏ hết khiên vào túi và mời các cô gái chui vào túi.

Năm cô gái nhẹ nhàng chui vào túi của năm anh em. Bia Kơ Nhi chỉ vào túi của chàng Noi.

Xong đâu đấy, Noi dặn các anh:

- Các anh hãy chờ ở đây, tôi đi trước, đánh Drang Hạ - Drang Hơm trước.

Nói rồi, Noi bước đi.

Chàng đẹp như con ong vàng, ong mật
Lưng chàng thon như thân cây đẽo
Bụng chàng nhỏ như được người ta nén
Mặt đẹp như trăng rằm mới ló
Chiếu sáng mỗi bước chàng đi
Nói một lời ầm ầm sấm chớp
Nói hai lời ào ào mưa đổ
Hắt hơi một cái trời rung đất chuyển
Miệng chàng ngậm ống điếu bằng bạc
Thuốc chàng hút nhỏ, vàng như sợi thuốc người Doăn
Thơm như mùi ruột cây kơ lâu

Ngọt như mật con ong rừng
Khói thuốc lúc nào cũng bay nghi ngút
Chàng đeo lục lạc to như cán rựa
Bước một bước
Lục lạc reo lên thành nhịp
Bước hai bước
Lục lạc vang lên thành tiếng.

Noi đến làng Drang Hạ - Drang Hơm, chàng cất tiếng hỏi:

- Ơ ông Drang Hạ - Drang Hơm sức mạnh hơn thần
Đánh núi núi lở
Đánh đá đá vỡ
Đánh nước nước cạn
Làng ông có kiêng cữ gì không
Nếu không kiêng, cho tôi ghé qua
Nếu có kiêng chỉ đường cho tôi ra
Đưa lửa cho tôi hút thuốc.

Drang Hạ - Drang Hơm đang ngủ, nghe tiếng gọi, liền bật dậy. Hắn nhìn ra, thấy Noi.

Drang Hạ - Drang Hơm: Noi à, không sao đâu, không kiêng cữ gì, vào đi. Cháu đi đâu đó?

Ô lạ quá
Lạ nhiều
Lạ như người Bana gánh muối
Như người Bana gánh gạo
Như con chuột mắc bụi rậm
Như con bìm bịp vướng trong rẫy hoang
Như con sóc bị sập bẫy
Như con cá trầu dính câu

Noi: Ông ơi,

Dẫu giấu cũng chẳng được
Dẫu bịt cũng chẳng kín
Kín như bưng mà hạt kê vẫn lọt
Chẳng thà nói hết với ông

Tôi muốn đi hỏi khiên ông vì tôi nghe nói ông Aniung, Aniang, Driang Teh, Drang Piênh chống đất, chống trời muốn đánh lại ông. Tôi muốn làm con chim ưng bay dọc, làm con chim diều bay ngang. Tôi đây, cũng tài, cũng giỏi như ông. Nghe tên tôi,

Con cá trầu sông Ba phải chui xuống đất
Con trăn lớn phải giật mình
Con rồng thần phải nhỏm dậy ngó xem

Drang Hạ - Drang Hơm: Cháu ơi, khiên của ta nhiều lắm, đầy núi, đầy rừng. Ta cho cháu bảy bộ đó, cháu lấy đi.

Noi cầm lấy khiên cho vào trong miệng nuốt ngay, không kịp nhìn đã thấy bảy bộ khiên biến mất.

Noi: Ông ơi, khiên nhiều rồi, giờ tôi muốn khiên Tia chớp, khiên có thể tách đôi đất trời, tôi muốn gươm Kơchốt Yol, bay xa được, bay về được và tôi muốn cái búa của ông đó. Dù ông không muốn, ông cũng phải chia cho tôi!

Nghe Noi nói vậy, người Drang Hạ - Drang Hơm đỏ rực lên, đỏ như quả ớt chín, thân thể như tắm máu. Hai người bắt đầu gầm gừ với nhau. Tiếng gầm ngày càng to. Noi đã sẵn sàng, nhanh như chớp, chàng xông vào cướp lấy chiếc khiên Tia chớp mặt trời và gươm Kơchốt Yol cùng chiếc búa thần đánh núi, núi lở, đánh đá, đá vỡ, đánh nước, nước cạn. Noi đánh Drang Hạ - Drang Hơm túi bụi, nhưng đều không trúng, chệch bên nọ, chệnh bên kia, lửa tóe ra từ khiên, từ gươm, từ búa sáng chói như sấm chớp, đất muôn lở, trời muôn long.

Các anh Noi đang ở chỗ cây sung thấp, cây đa cao bỗng thấy đất trời rung chuyển, biết rằng Noi đã đánh nhau với Drang Hạ - Drang Hơm. Yung nói với các em.

Yung: - Ơ các em, ta cùng nhau đi đánh Drang Hạ - Drang Hơm với Noi đi! Yung, Yol, Hơ Rít, Hơ Meng kéo nhau đến nhà rông, các chàng rút búa trong túi đường trăng, đường sông trời ra, rồi lao vào đánh Drang Hạ - Drang Hơm.

Đánh nhau được một lát, Drang Hạ - Drang Hơm bắt đầu yếu dần hấn lừ đừ, lảo đảo muốn ngã. Đúng lúc ấy, thì Bia Khiêt, nô lệ của Drang Hạ - Drang Hơm hiện ra, nàng ngạc nhiên kêu lên:

- Sao thế này? Giàng ơi, sao già làng của chúng tôi lại như thế này?

Drang Hạ - Drang Hơm: Ô Bia Khiết, hãy nhanh lên, lấy cái chổi thép quét chúng nó đi.

Giàng ơi, tai tôi con gấu nó ăn, con nhím nó đóng mất rồi, có chuyện dữ rồi.

Noi: Ơ các anh, Drang Hạ - Drang Hơm muốn quét chúng ta bằng chổi thép đó. Các anh hãy chạy nhanh về làng bố mẹ, nếu không sẽ chết mất.

Drang Hạ - Drang Hơm liền lấy chổi thép quét một nhát, đất trời rung chuyển, cây cối ngả nghiêng, bụi bay mù mịt, núi cao thành đất bằng, đất bằng thành vực sâu.

Noi chui vào cằm Drang Hạ - Drang Hơm, còn bốn anh của chàng chạy tan tác, nhảy từ sàn nhà rông của lão tới thuyền và bay thẳng về làng mẹ.

Drang Hạ - Drang Hơm: Ha, chúng nó đã chạy tan tác, ta sẽ quét liền bảy ngày bảy đêm. Ta sẽ làm cho trời long đất lở, ta sẽ biến núi cao thành đất bằng, đất bằng thành vực sâu. Lũ bay đã biết tay ta chưa! Noi dã chết mất tăm mất tích, ta không kịp ăn người nó.

Noi: Ơ, ông ơi, mắt ông lác rồi, mắt ông sáng cái vỏ, mà mờ con ngươi, nên không nhìn thấy tôi đâu. Tôi đang ở đây này.

Nghe tiếng Noi, Drang Hạ - Drang Hơm gầm lên tức giận, lão lấy chổi thép quét liền bảy ngày bảy đêm. Tôi tớ của lão nhiều như lá cây rừng, đông như con rồi đất, nghe thấy đất chuyển, trời rung, nhìn thấy bao nhiêu buôn làng bị đất vùi kín.

Drang Hạ - Drang Hơm: Cháu Noi ơi, ta đánh nhau đã đúng ba tháng, giờ cháu cùng ta về nghỉ chỗ bóng cây đa cao, bóng cây sung thấp,

ta sẽ cùng cháu ngồi hút thuốc. Thuốc của ta nhỏ vàng như sợi thuốc người Doăn, thơm như mùi ruột cây kơ lâu, ngọt như mật ong rừng.

Noi từ cầm Drang Hạ - Drang Hơm bước ra, đi nhanh như gió.

Chàng đẹp như con ong vàng ong mật
Bụng chàng nhỏ như được người ta nén
Lưng chàng thon như thân cây đẽo
Mắt chàng đẹp như trăng ngày rằm
Chiếu sáng cả vùng chàng bước đi

Chàng đến nghỉ dưới bóng cây breng đực, cao sát tận trời xanh. Chàng lấy thuốc mời Drang Hạ - Drang Hơm:

Mời ông hút tạm thuốc của tôi
Thuốc này nhạt nhẽo
Thuốc người ta bỏ đi
Thuốc tôi hôi mùi cứt con gián
Thuốc tôi thối mùi rắm con giun đất

Drang Hạ - Drang Hơm đưa khiên ra lấy thuốc. Bỗng có tiếng nổ như sét đánh, rồi những cây thuốc tự mọc lên rất nhanh trên khiên của lão.

Drang Hạ - Drang Hơm:

Cháu Noi ơi, hãy hút thuốc của ta
Thuốc của ta vàng, nhỏ như sợi thuốc người Doăn
Thơm như mùi ruột cây kơ lâu
Ngọt như mật con ong rừng

Noi đưa khiên ra lấy thuốc, khiên của Noi quay nhanh quấn thuốc lại, thuốc vào đến đâu thì nảy mầm, mọc thành cây đến đó.

Có tiếng một cô gái:

- E la, thật là giỏi hơn thần, giỏi như trời. Hai người cùng tài cùng giỏi như hai cây tiện bằng đầu.

Noi: Đúng rồi, hai chúng ta đánh nhau. Hai chúng ta cùng làm con chim ưng bay dọc, cùng làm con chim diều bay ngang, cất tiếng kêu vang động trời xanh, rừng thẳm.

Nghe tin Noi đang đánh nhau với Drang Hạ - Drang Hơm các cô gái ở nhiều buôn làng, đều muốn giúp chàng thắng được Drang Hạ - Drang Hơm. Các cô gái ở làng của mẹ Noi gọi nhau:

- Giàng ơi, tai tôi bị con dúi nó ăn, con nhím nó bịt mất rồi. Tôi quên mất chàng Noi đang đánh nhau với Drang Hạ - Drang Hơm sức mạnh hơn thần, đánh núi núi lở, đánh đá đá vỡ, đánh nước nước cạn.

Noi ơi, tôi thương Noi bị đói đã lâu ngày, bị lũ diều hâu vây không về ăn được.

- Ơ bạn ơi, ta đi mau giúp Noi đánh Drang Hạ - Drang Hơm thôi.

Rồi các cô gái lấy cơm thổi bằng gạo lúa ke, lúa Chăm năm lần giã, bảy lần vo bằng nước đầu nguồn và lấy dao Săng đao cho vào gùi Breng. Xong đâu đấy, họ khoác áo có cánh và bay lên ngang trời.

Các cô gái đeo vòng bạc ở chân, đeo vòng đồng ở tay, mặc váy dầy ba trăm lớp vẫn thấy bắp vế trắng bên trong. Họ bay đến đâu, đất trời chói lòa đến đó, khiến cho Drang Hạ - Drang Hơm lóa mắt. Lão nhìn đằng trước không thấy Noi, nhìn đằng sau không thấy Noi, chỉ thấy đất trời mù mịt những mây, lão hoa mắt, chóng mặt, không còn biết làm gì.

Các cô gái trong khiên của Drang Hạ - Drang Hơm kêu lên.

- Sao lại thế này. Sao ông Drang Hạ - Drang Hơm của chúng ta lại hoa mắt, chóng mặt thế này! Ông ơi, hãy lấy khiên Tia chớp mặt trời ra đi, nếu không chúng ta sẽ chết mất.

Drang Hạ - Drang Hơm chộp ngay lấy khiên Tia chớp mặt trời, vung lên một cái, trời bỗng bừng sáng, tất cả lại nhìn thấy rõ ràng, đất trời lại ấm áp, con diều hâu lại cất tiếng kêu vang động. Nắng càng ngày càng gay gắt. Nắng làm nổ cây lồ ô, nắng làm toác cây le, nắng đốt nóng tim người, nắng nung đầu người hừng hực. Đến lúc đó, Drang Hạ - Drang Hơm mới thấy chiếc khiên của Noi quay tít trước mặt, che kín người chàng không hở một tí đầu, không hở một tí chân nào. Lão tức giận kêu lên:

Drang Hạ - Drang Hơm: - Cháu ơi! Mày hãy chờ xem! Hỡi thằng cháu hỗn láo kia, mày sẽ biết tay tao.

Tên tao con cá trầu sông Ba nghe phải chui xuống bùn
Con trăn lớn phải giật mình
Con rồng thần phải nhổm dậy ngó xem.

Nói rồi, Drang Hạ - Drang Hơm chộp lấy đao có các bịt đồng, khắc những vòng chìm vòng nổi, có tua buộc sặc sỡ, chiếc đao liếc vào núi cháy núi, quệt xuống nước, nước cạn, xông vào chém Noi. Hai bên đánh nhau không thấy tiếng chạm gươm đao, chỉ thấy đường gươm, khiên loang loáng, thấy gió thổi ào ào.

Drang Hạ - Drang Hơm: - Con mẹ mày, Noi ôi! Thằng cháu hỗn láo kia, mày chờ xem tao sẽ cho mày nếm thử lửa tranh để dưới đất, cháy đất, để trên trời, cháy trời. Mày hãy chờ xem lửa trong lòng khiên của tao.

Lão nghiêng khiên, lửa tuôn ra cháy rừng, lửa bốc lên cháy trời, lửa rơi xuống cháy đất.

Noi quay khiên, sấm sét nổi lên rung chuyển trời đất, nước ào ào trút xuống. Noi lấy chiếc khiên Nôm ba quay thử, chùm kín người chàng lại. Noi lấy chiếc khiên Chơ meng ngăn đôi đất và nước, thế mà lửa vẫn cháy rừng rực làm cho Noi không biết lấy gì chống đỡ. Noi không biết cách chống lại rồi:

Các cô gái trong túi kêu Noi:

Sao lại thế này người già của chúng tôi?

Sao lại thế này người già chúng tôi?

Sao lại thế ngủ say thế người già chúng tôi?

Sao lại ngủ li bì người già chúng tôi?

Noi ơi, hãy lấy ngay khiên Brưng đứp

Chiếc khiên dầy như bờ sông đầy cây rậm rạp

Chiếc khiên rộng như lòng sông Ba

Người già chúng tôi ơi

Hãy lấy ngay khiên Brưng đứp

Nếu không ta sẽ chết ngay, chết ngay về tay lão

Noi: Tai tôi bị bụi đất lấp đầy rồi

Tai tôi bị con dúi nó đục, con nhím nó bịt kín mất rồi

Mẹ ơi! Không biết làm gì!

Noi bèn chụp lấy khiên Brưng đứp dầy như bờ sông đầy cây rậm rạp, rộng như lòng sông Ba.

Noi quay khiên Brưng đứp dầy như bờ sông đầy cây rậm rạp, rộng như dòng sông Ba. Tiếng xèo xèo nổi lên, nước bỗng đâu chảy chan chứa, lan rộng mênh mông như lòng sông Ba ngày nước lớn, không thấy đâu là bờ. Lửa tức khắc bị dập tắt, không còn thấy chút nào.

Drang Hạ - Drang Hơm: Ê la! Sao lại thế này. Thằng Noi tài hơn thần, giỏi ngang trời, giỏi hết mọi điều, biết hết mọi thứ thật rồi.

Noi ơi, mày hãy chờ xem! Ta sẽ lấy cái búa đánh núi núi lở, đánh đá đá vỡ, đánh nước nước cạn, đánh cây cây đổ.

Drang Hạ - Drang Hơm vung búa lên, thấy lông nách tua tủa, cứng như lông nhím. Khi hạ búa xuống, mây đi trốn hết về hai phía chân trời. Tiếng búa đánh ầm ầm, nhưng đều không trúng Noi. Tiếng búa làm cho mặt đất nghiêng ngả, trời sắp sập, đất sắp lở.

Đã bảy lần Drang Hạ - Drang Hơm đánh búa - lão đã mệt rồi. Lão thôi không vung búa nữa, Noi cũng ngừng quay khiên, xếp khiên bỏ vào túi thêu mặt trăng, thêu dải sông trời.

Drang Hạ - Drang Hơm [nói]:

- Thôi, thôi Noi ơi! Ta đi nghỉ nơi cây beng cao ngút tầng mây kia để ta trò chuyện.

Noi: Ông à, ta đánh nhau đã lâu lắm rồi. Đã năm năm rồi. Ta đánh nhau từ khi tôi còn nhỏ như con sóc mới sinh, như con sâu mới lớn, từ khi tôi cầm cái khiên còn quệt đất, nay tôi đã thành thanh niên trai tráng, sức đã mạnh, chạy đã nhanh mà ta chưa nghỉ lấy một lần. Nay ta nghỉ ngơi, hút thuốc thơm lấy từ ghè stôk, sđang. Thuốc nhỏ như sợi thuốc người Doăn, thơm như mùi ruột cây kơ lâu, ngọt như mật con ong rừng. Thuốc như thế mới xứng miệng hai ta.

Noi [nói với Drang Hạ - Drang Hơm].

- Ông ơi ta đánh nhau từ từ, thong thả, không vội vì:

Ta vừa đánh, vừa nghỉ
Như chim ưng lượn vòng trên trời
Như chim diều chao cánh trên mây
Ông ơi! Ông à
Nàng Bia Lao cũng đẹp, cũng xinh
Các nàng ngồi nghỉ giữa hai ta

Noi lấy thuốc thơm ngon, thuốc nhỏ như sợi thuốc người Doăn, thơm như mùi ruột cây kơ lâu, ngọt như mật con ong rừng ra mời Drang Hạ - Drang Hơm;

Ơ ông,

Thuốc tôi nhạt nhẽo

Thuốc người ta bỏ đi

Thuốc tôi hôi mùi cứt gián

Thuốc tôi thối như rắm con giun đất

Mời ông hút tạm thuốc của tôi.

Drang Hạ - Drang Hơm ngửa khiên đón lấy thuốc. Khiên quay từ chân đến đầu, và tự nhiên những cây thuốc mọc lên rất nhanh ở trên khiên.

Drang Hạ - Drang Hơm cũng lấy thuốc ra mời Noi:

- Ê la, Noi ơi, hãy hút thuốc của ta!

Thuốc của ta nhỏ, vàng như sợi thuốc người Doăn

Thơm như mùi ruột cây kơ lâu

Ngọt như mật con ong rừng

Noi đưa chiếc khiên Dung Brang Sun đón lấy thuốc. Thuốc vào khiên Noi bỗng nhiên nảy mầm, mọc thành cây, lớn mau như thổi, chốc lát đã đầy khiên...

Bia Lao: Ông à, ông ơi

Tôi khen hai người ngang tài, ngang sức

Ngang nhau như đầu gỗ tiện bằng đầu!

Không ai thua, không ai vượt

- Noi ơi, tôi muốn hai người thử làm ra trời nắng chói chang

Cho con diều hâu cất tiếng kêu vang

Cho cây lồ ô nổ toác

Nắng xoáy vào tim

Nắng vỡ cả đầu

Cho con chim ưng lượn tròn sang tận đường Lào.

Noi: - Ông ơi! Ông à! Ông thử xem

Ông cắt rốn trước, chân đạp đất trước

Ông làm trước

Tôi còn nhỏ như con sóc mới sinh

Như con sâu mới lớn

Tôi xin làm sau.

Drang Hạ - Drang Hơm: Cháu à! Ai lại như thế bao giờ.

Cháu làm thử trước đi

Hãy làm con chim ưng bay vòng,

Con diều hâu liệng tròn trên đường Lào

Ta muốn nghe tiếng chim ưng vang động

Tiếng diều hâu cao vút trời xanh.

Noi: Ông ơi! Ông à! Ai lại như thế bao giờ. Ông cắt rốn trước, chân đạp đất trước, ông làm thử trước. Để cho tôi tớ chúng ta đông như con rồi đất, nhiều như lá cây rừng, nghe tiếng hai đứa mình đánh nhau rầm rầm như sấm sét, đất trời rung chuyển, mịt mù cát bụi.

Drang Hạ - Drang Hơm: Êla! Như vậy tôi thử làm trước xem sao.

Nói rồi Drang Hạ - Drang Hơm cầu trời:

Cầu trời cho tôi giỏi hơn thần, tài ngang trời

Cho phía Kur[1] cũng nghe danh

Phía Bana Kriêm, cũng biết tiếng

Phía Giarai, Xêđăng cũng biết tên

Rằng ta giỏi hơn thần, tài như trời, giỏi hơn Noi

Hỡi bùa Leng beng

Hỡi ngải Kueng Krông mọc bên khúc sông ngoặt

Hãy dậy mau.

Drang Hạ - Drang Hơm dứt lời, thì trời nắng chói chang. Nắng làm cho Noi ngủ gà ngủ gật. Chiếc lông chim trĩ giắt ở búi tóc rung rinh và quệt xuống đất. Nước mắt chàng chảy ròng ròng như khóc.

---

1. *Khur*: Miên (đất Cam pu chia - CTS)

Trước đây, khi đang đánh nhau. Noi là người thần núi phải sợ, thần nước phải kiêng phải cúng. Thế mà bây giờ Noi lại mỏi mệt vì Drang Hạ - Drang Hơm làm nắng chói chang. Nắng xoáy vào tim, nắng vỡ cả đầu, nắng làm chim ưng kêu vang động, làm diều hâu kêu lớn giữa không trung cao vút. Drang Hạ - Drang Hơm làm nắng năm ngày đêm liền.

Rồi lão kêu Noi:

- Cháu Noi ạ! Đó, sức của tao có ngần ấy đó. Bây giờ mày làm thử xem. Tao hết sức rồi.

Noi đứng dậy
Chàng đẹp như con ong vàng ong mật
Bụng chàng nhỏ như được người ta nén
Lưng chàng thon như thân cây đẽo
Noi cất tiếng cầu trời

Noi: - Cầu trời; Nếu tôi tài hơn các vị thần
Mạnh hơn Drang Hạ - Drang Hơm
Rốn to bằng núm chiêng
Mắt to bằng quả cà bát
Thân hình cao đụng trời xanh
Đánh núi núi lở
Đánh đá đá vỡ
Đánh nước nước cạn
Thì trời sẽ làm cho Drang Hạ - Drang Hơm ngủ gà ngủ gật
Khóc ứa nước mắt nước mũi.

Dứt lời, Noi vỗ tay vào ngực hóa ra con diều vút bay lên chín tầng mây. Rồi chàng làm phép khiến trời trở lên nắng chói chang, cây cối khô héo, nứa lồ ô nổ lốp bốp, nắng đến tức ngực vỡ đầu. Noi tung bùa phép gọi các cô gái Doăn, Giarai, H'bai, Chăm bị Drang Hạ - Drang Hơm bắt trước đây đến tiếp sức cho chàng.

Con diều vừa bay lượn, vừa kêu vang trời. Tiếng kêu của nó cùng bùa phép của Noi làm Drang Hạ - Drang Hơm bỗng nhớ lại những cô gái Doăn lão đã nuốt no nê, những cô gái Giarai lão đã ăn thịt nhiều vô kể, ăn cả làng Bôk Rơh không để lại dấu vết gì.

Drang Hạ - Drang Hơm từ từ gục xuống ứa nước mắt khóc. Lão ngủ mê mạn không còn hay biết gì.

Các cô gái [gọi nhau]: Bạn ơi, ta đi vòng xem có khi lão còn giấu bùa phép thần.

Các cô gái nhìn thấy sau gáy lão có búi tóc to bằng hòm đựng người chết giắt chiếc kim bạc trắng như bụng cá, sáng chói mắt. Trên lưng lão đeo đầy lục lạc lớn bằng bạc kêu loảng xoẻng. Gáy lão sáng rực lên. Bia Pơ Đưh bèn hóa ra thành con ruồi, nhúng hai tay vào cơm nếp bay ve ve, rồi nhanh như chớp sà vào búi tóc của lão rút chiếc kim bạc có bùa thần. Lập tức Drang Hạ - Drang Hơm thức dậy, lão chửi:

- Con mẹ cháu Noi! Mày tài hơn thần, giỏi hơn trời, mạnh hơn tao rồi. Bây giờ tao bị đứa nào lấy cắp mất bùa thần rồi. Nhưng không sao. Nếu tao có chết, chết ở núi để chim ưng mổ, chết ở nước để cho cua, cá rỉa, chết ở nhà để cho tôi tớ đánh chiêng đi vòng quanh.

Noi ơi, chắc tao sắp trở thành cây thấp, sắp biến thành con nòng nọc, sắp ở trần truồng như con cá mất rồi. Chắc tao phải sụp lạy Bia Pơ Đưh dưới gầm cầu thang, kẻ lấy bùa thuốc thần từ miệng tao, bùa thuốc thần như ý tao muốn, như tai tao ưng.

Bia Pơ Đưh: [cười hể hả] Ông ơi, vì ông bỏ quên bùa phép của ông nên chúng tôi lượm chơi thôi.

Drang Hạ - Drang Hơm [giận dữ]: Mày chờ xem, sẽ biết tay tao. Tao sẽ đánh cho nước biển cạn, nước sông Ba hết, đánh cho núi cao thành đất bằng, đất bằng thành vực sâu. Tao không sợ tù trưởng bên đông, cũng chẳng sợ tù trưởng bên tây. Tao nhìn chúng nó không hết con mắt. Nếu tao có chết thì chết ở núi để cho chim ưng mổ, chết ở nước để cho cua, cá rỉa, chết ở nhà để cho tôi tớ đánh chiêng đi vòng quanh.

Noi: Ông ơi! Ông vẫn mạnh khỏe chứ! Đây, thuốc một trăm điếu, tăm nhựa một trăm que, ông hãy hút đi. Ta đánh nhau suốt ngày này, qua đêm khác đã lâu rồi, hai ta đều mệt rồi, giờ ta nghỉ, hút thuốc chơi.

Drang Hạ - Drang Hơm: Ơ Noi, khỏe cũng như không, không cũng như khỏe, mày hỏi làm gì. Hãy chém đi. Tao đã già rồi không sợ gì nữa. Nếu có chết, chết ở núi để chim ưng mổ, chết ở nước để cho cua, cá rỉa, chết ở nhà để cho tôi tớ đánh chiêng đi vòng quanh.

Thuở tao còn mạnh, còn giỏi, thần nước cũng phải cầu cúng, thần núi cũng phải kiêng dè.

Nói xong, Drang Hạ - Drang Hơm xoay chiếc khiên quay vù vù che kín chân, lấp kín đầu, chiếc khiên khổng lồ chia đất ngăn trời, rồi lão kêu Noi:

- Ơ Noi, mày hãy chờ đấy, hôm nay tao với mày sẽ xem ai thắng được. Mày hãy chờ đấy xem tao phát đường. Noi ơi, mày hãy theo sau tao.

Lão vừa dứt lời, cả hai người cùng ném cỏ tranh cháy đất, cháy trời. Nhanh như chớp, Noi chặt đế gùi của bố nó: Chát! Lửa phụt ra, trời đất cháy thành tro bụi.

Drang Hạ - Drang Hơm lấy khiên này ra đỡ cũng bị thiêu, lấy khiên kia ra đỡ cũng bị lửa đốt. Lão hết tài rồi, không biết làm thế nào, lão phải lấy khiên Bi săm khiên biết bay, biết lượn ra đỡ cũng bị cháy thành than. Lửa vẫn vây quanh lão.

Các cô gái trong khiên nhắc Drang Hạ - Drang Hơm:

- Ông ơi! Sao già làng của chúng tôi lại thế này!

Sao già làng của chúng tôi lại ngủ say li bì thế này?

Ông ơi, hãy lấy ngay khiên Brưng đúp ra thôi, kẻo ta chết mất.

Drang Hạ - Drang Hơm: Con mẹ nó, cái tai tôi con dúi nó chui, con nhím nó bịt mất rồi.

Nói rồi, lão rút chiếc khiên Brưng đúp dầy như bờ sông đầy cây rậm rạp, rộng như dòng sông Ba. Lão quay khiên, nước bỗng ào ào tuôn ra dập tắt lửa, kêu xèo xèo. Phút chốc, mặt đất biến thành sông, thành suối. Cua cá từ chiếc khiên tuôn ra nhiều quá. Drang Hạ - Drang Hơm bắt cua cá, quên cả đánh nhau.

Noi: Lão Drang Hạ - Drang Hơm tài thật, giỏi thật. Thần cũng chịu kém, trời cũng chịu thua. Nhưng lão hãy chờ ta cũng là đàn ông như lão. Hôm nay ta sẽ đánh cho nước biển hết, nước sông Ba cạn, cho núi cao thành đất bằng, đất bằng thành vực sâu.

Drang Hạ - Drang Hơm múa khiên quay tít, chỉ thấy chiếc lông chim quý và đường ngôi mái tóc thò ra.

Noi [kêu lão]:

- Ta đánh từ từ, ta đánh thong thả. Lão hãy đợi đấy, ta sẽ gõ trán hắn bằng ống điếu bạc dài một sải, ống điếu vàng dài một tay[1], say bảy sáng không hết.

Noi đập dồn ống điếu vào trán Drang Hạ - Drang Hơm, máu từ đầu lão tuôn ra như nguồn suối, lão rơi từ trên không xuống chân chưa chạm đất, lão đã nhớ ra, bèn lấy thuốc, nhổ nước bọt vào bôi lên vết thương. Vết thương kín miệng liền. Bỗng một tiếng nổ rung trời chuyển đất, Drang Hạ - Drang Hơm vụt bay lên không, biến thành một chàng trai cường tráng, cũng đẹp, cũng khỏe như Noi.

Drang Hạ - Drang Hơm: Cháu Noi ơi! Mày vẫn mạnh, vẫn khỏe đấy chứ? Đây thuốc một trăm điếu, tăm nhựa một trăm que, ta hãy hút đi, ngứa họng lắm rồi.

Noi: Ông ạ, cháu vẫn thế thôi, không sao cả. Chẳng đau ốm gì.

Noi xoay khiên không ngừng, che kín đầu, lấp kín chân. Bùa phép của Drang Hạ - Drang Hơm làm chàng dần dần bị mê mệt. Thấy nguy đến nơi, chàng liền tự bóp mình lại thành con mọt chui vào ẩn trong tay cầm của khiên. Chàng lấy chiếc võng kaclatông thêu hoa mạ vàng mắc vào tay khiên, ngủ.

Drang Hạ - Drang Hơm: Cháu ơi, mày che thân cho kín, che đầu cho khuất, kẻo tao đánh trúng đấy.

Nhìn thấy đường ngôi trên đầu Noi lão bèn tung bùa phép thần và nói:

- Noi ơi! Kìa, đường ngôi trên đầu mày kia tao đánh một cái là trúng.

Noi nấp trong tay khiên nhưng lưng vẫn hở ra. Drang Hạ - Drang Hơm lại nói:

- Cháu ơi, hôm nay đời mày sẽ chết. Mày chờ đấy rồi sẽ biết.

---

1. Cách đo của người Êđê một tay bằng 1/2 sải.

Lão rút con dao biết đóng, biết mở ra, lão phóng dao, cắm phập vào lưng Noi. Lưng chàng bị thắt dần lại, sắp đứt làm đôi.

Nữ thần khiên [kêu lên]: Giàng ơi, sao người già chúng tôi thế này? Sao già chúng tôi lại ngủ mê mệt thế này.

Noi ơi, sao không lấy thuốc kleng klong cháy họng, cháy rừng xoa vào hai bên lưỡi kiếm, chặt vào chỗ nào liền chỗ đó đi.

Noi: Ối cha! Suýt nữa muốn chết chơi. Vì tai tôi con dúi nó ăn, con nhím nó bịt mất rồi.

Noi lấy thuốc từ trong túi thêu mặt trăng, thêu dải sông trời bôi cho lưỡi dao.

Rồi chàng kêu Drang Hạ - Drang Hơm:

- Ông ơi! Tại sao ông bỏ quên dao Kơchôt yol của ông đây. Tôi lấy bỏ trong túi của tôi đây. Tôi muốn cả hai ta đều có dao Kơchôt yol.

Drang Hạ - Drang Hơm tức lắm, mà không biết làm gì, chỉ trơ mắt ra nhìn.

Noi lại nói:

- Ông ơi! Ta đánh nhau đã lâu lắm rồi. Từ khi tôi còn nhỏ như con sóc mới sinh, nhỏ như con sâu mới lớn, đến bây giờ tôi đã trở thành trai tráng, sức đã mạnh, chạy đã nhanh, hôm nay tôi muốn ông phải chết...

Người ta lại thấy đường gươm, đao khua loang loáng, lại thấy đất muốn lở, trời muốn sập.

Noi gọi các cô gái trong khiên:

- Ơ, các nàng Bia Pơ Đưh, Bia Kơ Muh Đak, Bia Kơ Nhi... các nàng hãy lại đây tôi kể cho các nàng một chuyện mà mẹ tôi dặn, bố tôi nói rằng nếu bôi nước alâu vào người tôi, thì tôi chết ngay.

Hôm nay, tôi sẽ giết Drang Hạ - Drang Hơm vì tôi đánh nhau đã lâu lắm rồi, tôi đã chán rồi. Vậy các nàng hãy lấy cái nồi gang nấu nước nóng, nếu tôi có bị trúng nước alâu của Drang Hạ - Drang Hơm, các nàng hãy nhúng tôi vào đó, tôi sẽ tỉnh ngay.

Các cô gái: Noi ơi, được thôi. Lúc nào chúng tôi cũng theo sát chân Noi, Noi à.

Dặn các cô gái xong, Noi kêu Drang Hạ - Drang Hơm.

- Ông ơi, ông vẫn mạnh khỏe chứ?

Ta đánh nhau đã lâu rồi, nay nước biển đã cạn, nước sông Ba đã hết, núi cao đã thành đất bằng, đất bằng đã thành vực sâu. Ta hãy nghỉ, hút thuốc chơi. Ông có muốn hút thuốc lấy từ ghè stok, sdong không?

Thuốc nhỏ như sợi thuốc người Doăn, thơm như mùi ruột cây kơ lâu, ngọt như mật con ong rừng.

Drang Hạ - Drang Hơm: Con mẹ cháu Noi. Mày làm gì thế này? Mày không biết Drang Hạ - Drang Hơm sức mạnh hơn thần, đánh núi núi lở, đánh đá đá vỡ, đánh nước nước cạn à? Mày khinh thường tao, mày hãy chờ xem, tí nữa tao sẽ cho mày biết tay.

Nói rồi, Drang Hạ - Drang Hơm rút chiếc khiên Lôm-lang, lấy chiếc khiên Brang yang Yul, còn bao nhiêu khiên lão lấy hết, rồi lão nhảy vào tay khiên, mắc võng Kao păng, ngủ trong đó, lão để chiếc quạt vàng một bên, quạt bạc một bên để thổi mồ hôi. Lão ngủ ngon lành trong chiếc khiên quay tít.

Noi nhìn thấy khiên của Drang Hạ - Drang Hơm quay vù vù như chong chóng. Khiên quay bảy tháng ròng rã, làm Noi mệt mỏi rã rời.

Các cô gái trong khiên: Sao lại thế này! Sao già của chúng tôi lại đến nông nỗi này. Các chị ơi! Ta hãy lấy thuốc bùa Leng beng, thuốc bùa Kueng krong, ta bôi cho khiên Drang Hạ - Drang Hơm đi.

Noi: Giàng ơi! Tai tôi bị con dúi nó ăn, con nhím nó bịt mất rồi. Trời ơi! Sao lại thế này? Trước đây, nghe đến ta, con cá phải chui xuống bùn, con trăn phải giật mình, con rồng phải nhổm dậy ngó xem...

Nói rồi, Noi lấy thuốc Leng beng, thuốc bùa Kueng krong bôi cho khiên, một luồng gió nhẹ lướt qua làm cho Drang Hạ - Drang Hơm ngủ gà ngủ gật.

Noi liền gọi lão:

- Ông ơi, trước đây ta đã cùng đọ tài đọ sức, ta cùng giỏi như nhau, cùng giỏi hơn thần, cùng giỏi như trời. Hôm nay, ông chắc chắn sẽ phải bỏ tôi tớ, bỏ lũ làng ông rồi.

Dứt lời, Noi lấy thuốc Kueng krong bôi vào họng cháy họng, phun ra rừng cháy rừng, bôi vào con dao Brăk yang, chặt vào núi chan chát, ầm ầm, mây mù trốn đi hết, thấy trơ lưng Drang Hạ - Drang Hơm. Noi chém một nhát, lưng lão đứt làm đôi, đất tung lên mù mịt.

Drang Hạ - Drang Hơm: Con mẹ thằng Noi tài hơn thần, giỏi như trời, tài hết mọi thứ, giỏi hết mọi điều rồi, thuốc của mày làm lưng tao muốn nối lại không được, muốn nổ ra cũng không được thuốc đã ngấm vào khắp người ta rồi.

Chân Drang Hạ - Drang Hơm đuổi đạp Noi, đầu lão đuổi cắn Noi. Noi cứ tránh, cứ né, nhưng không được rồi. Lão vẩy nước thối, một giọt trúng Noi, Noi lăn ra chết ngay.

Bia Pơ Đưh [trong khiên]: Giàng ơi, tội nghiệp sao Noi lại chết ngay vì nước thối của Drang Hạ - Drang Hơm thế này?

Bia Pơ Đưh nhanh nhẹn đứng dậy, ôm lấy Noi, chàng vẫn nguyên vẹn, đẹp đẽ như khi còn sống. Nàng bỏ Noi vào nồi bung ngồi duỗi chân, bỏ vào nồi bảy, nằm thẳng người. Nồi bảy có nước đang sôi. Nàng vỗ vào lưng Noi, Noi đứng dậy, trái tim Noi to bằng quả bí đao trồng ở nương mới phát.

Noi: Ông ơi, chờ xem ta đây!

Rồi Noi vung tay lên, lông lá tua tủa như lông nhím, mây trốn đi hết, hạ tay xuống, Drang Hạ - Drang Hơm đứt làm đôi.

Chàng cất tiếng gọi:

- Hỡi cá sấu to bằng cây Gier, mày hãy ăn xác lão Drang Hạ - Drang Hơm sức mạnh như núi, đánh núi núi lở, đánh đá đá vỡ, đánh nước nước cạn đi.

Thấy Drang Hạ - Drang Hơm đã bị đánh chết, các nữ thần khiên của lão lo lắng:

- Sao thế này? Sao người già của chúng tôi lại đến nông nỗi này. Già của chúng tôi đã chết thật rồi sao!

Các chị ơi, ta chạy đi, chạy chỗ khác đi, chạy trốn đi. Ta chạy lên núi một chiếc, dưới nước một chiếc. Ta không may rồi. Già của chúng ta thua rồi, thua nhục nhã rồi.

Nói rồi, các nữ thần khiên chạy tan tác, trên núi một chiếc, dưới nước một chiếc.

Các nàng Bia Kơ Nhi, Bia Pơ Đưh liền chạy đi bắt các nữ thần khiên của Drang Hạ - Drang Hơm. Các nàng chạy nhanh như chim trời.

Chỉ lát sau, các nữ thần khiên đã phải lủi thủi, cúi đầu theo họ. Các nữ thần khiên của Drang Hạ - Drang Hơm cũng đẹp chẳng kém gì Bia Kơ Nhi, Bia Pơ Đưh.

Môi các nàng đỏ như dây nỉ
Chân tay mềm trắng như cúi bông
Da các nàng sáng như nồi mới lấy khỏi khuôn
Mịn như da cá chình sông Ba
Các nàng bước đi uyển chuyển
Gió thổi lộ bắp vế như có ánh chớp
Gió bay thấy đầu gối như có tiếng sấm ầm ì
Gió lật thoáng bắp đùi, bỗng như chói lòa tiếng sét ngang tai.

Từ đấy các nữ thần khiên của Drang Hạ - Drang Hơm sống chung với các nữ thần của Noi và Bia Kơ Nhi, Bia Pơ Đưh.

Nữ thần khiên [của Noi]: Bạn ơi, đừng buồn. Drang Hạ - Drang Hơm đã chết rồi. Các bạn hãy ở với chúng tôi ở với già của chúng tôi, ở với anh hùng Noi. Drang Hạ - Drang Hơm không tốt đâu. Lão bắt người Doăn, người Giarai, người Bana... Bạn ơi, bây giờ ta ở với Noi cũng vui, cũng sướng. Noi việc gì cũng tài, chuyện gì cũng giỏi, không ai hơn Noi cả. Tên của chàng nổi tiếng khắp đường Doăn, đường Giarai, đường Chăm... Bạn ơi, bây giờ Drang Hạ - Drang Hơm sức đã yếu như đuôi con nòng nọc, trần truồng như đuôi con cá, nó phải nằm dưới cầu thang rồi, chúng ta phải lạy Noi thôi.

Các nữ thần khiên [của Drang Hạ - Drang Hơm cười vui vẻ]:

- Mẹ ơi, may mắn quá. Ta có người già mới rồi.

Noi nhanh nhẹn đón các nữ thần khiên bỏ vào túi thêu đường trăng, dệt đường sông trời. Chàng mệt mỏi vì đánh nhau đã lâu nên bèn rủ các cô gái đi nghỉ ở chỗ cây breng to, cao sát tận mây xanh. Các cô gái đặt sẵn cây mời Noi ngồi. Chàng ngồi nghỉ và rút điếu thuốc mạ bạc một bên, mạ vàng một bên, thuốc cay bảy ngày bảy sáng ra hút. Khói thuốc bay lên nghi ngút từ miệng chàng.

Noi: Các nàng ơi! Ta đánh xong Drang Hạ - Drang Hơm. Bây giờ ta về làng mẹ, bố tôi để tạm cho chúng ta kẻo thần nhắc, ma hỏi. Các nàng

hãy theo tôi lên chiếc khiên Brang yang yur. Tôi muốn chúng ta đi theo đường chỉ người ta đã giăng, đi theo đường con ong đất làm mùn, để làm mẹ tôi nghe được tiếng bước chân tôi, bước chân chúng ta vang động núi rừng, để mẹ tôi đón chúng ta.

Đang đi, họ bỗng nghe tiếng thét của Bôk Prao:

- Con mẹ thằng Noi, sao mày lại tài giỏi, gan dạ thế này. Tên tuổi Drang Hạ - Drang Hơm ai mà chẳng biết, thế mà mày dám giết lão và cho cá sấu ăn?

Ta đây sợ chi thằng nhãi con bé bằng sợi chỉ, nhỏ như cái kim, hãy chờ đó! Ta sẽ trả thù cho Drang Hạ - Drang Hơm sức mạnh hơn thần, đánh núi núi lở, đánh đá đá vỡ, đánh nước nước cạn.

Dứt lời, Bôk Prao dưới đáy biển từ từ nổi lên. Lão rung đùi, sóng biển đánh ào ào vào bờ, trong chốc lát nước ngập cả núi rừng.

Các cô gái: Ta đi đường nào bây giờ, Noi ơi! Tất cả đường Doăn, đường Giarai, đường Chăm... bị ngập nước hết rồi, Noi ơi.

Từ trên khiên, Noi và các cô gái nhìn thấy người bị nước cuốn đi nhiều như lá cây rừng rụng xuống, như củi bếp người ta đổ xuống nước. Nhưng Noi cũng đã hết tài, chàng chẳng biết làm thế nào.

Các cô gái: Noi ơi, mẹ và bố chúng ta chắc cũng chết mất. Sao chúng ta lại rủi ro thế này.

Noi: Các nàng ơi, đừng nói nữa. Hãy leo lên chiếc khiên này cho nhanh.

Họ thoăn thoắt trèo lên khiên. Khi ấy nước mỗi lúc một dâng cao đẩy khiên của Noi tới gần mây xanh. Họ không biết làm thế nào, đành ngủ trên khiên.

Ở nhà, Bia Răk thấy nước tự nhiên dâng đầy núi, đầy rừng, nàng biết ngay Noi gặp chuyện dữ.

Bia Răk: Giàng ơi, Bôk Prao khốn khiếp, lão lại đánh con tôi nữa!

Cầu trời cho lời tôi linh nghiệm

Cho ý tôi được như ý trời

Cầu cho con tôi được thắng Bôk Prao

Tôi xin cúng trời một con trâu đực

Chân to, giẫm đất, đất lún

Sừng lớn, húc cây cây đổ, húc núi núi vỡ.

Cầu cho lời tôi linh nghiệm

Cho ý tôi được như ý trời

Cầu cho nước này đừng vào đến làng tôi.

Yung: Mẹ ơi, nước từ đâu đến nhà mà lớn như thế này? Chắc em con đi đánh nhau với Drang Hạ - Drang Hơm gặp chuyện dữ rồi.

Bia Răk: Yung ạ, không sao đâu. Mưa lớn ở nguồn sông Ba đó. Em Noi đã đánh Drang Hạ - Drang Hơm rồi. Bây giờ Noi còn nghỉ ở chỗ cây Breng to, cao sát tận mây xanh.

Trong khi ấy, Noi cũng đã hết tài, không biết làm thế nào. Muốn ra để chém Bôk Prao cũng không được, vì nước dâng cao sát tận trời xanh.

Con trăn lớn phải giật mình

Con rồng thần phải nhổm dậy ngó xem

Thần núi cũng phải cúng

Thần nước cũng phải kiêng

Sao bây giờ ta lại yếu như đuôi con nòng nọc, lại trần truồng như đuôi con cá thế này.

Cầu trời cho lời tôi linh nghiệm

Cho ý tôi được như ý trời

Hơn thần mọi điều, hơn thần mọi ý

Cầu cho hai dì Bia Mơ Xét, Bia Mơ Vất

Nhớ đến tôi đang ở đây

Tôi không ra được vì sợ nữ thần khiên chạy trốn.

Noi vẫn ở trên khiên nói chuyện với các nàng Bia Kơ Nhi, Bia Pơ Đưh. Họ đã nói với nhau hết đêm vẫn không ngủ, nói cả ngày vẫn còn thiếu.

Hai dì Bia Mơ Xét, Bia Mơ Vất của Noi ở trên trời nghe tiếng cầu xin của chàng, liền kêu:

- Mẹ ơi, Giàng ơi! Tai tôi con dúi nó ăn, con nhím nó bịt mất rồi. Chắc cháu Noi đánh Drang Hạ - Drang Hơm chưa xong chăng?

Hai người nhìn xuống đã thấy nước dâng ngập gần tới trời, thấy con người bị nước cuốn đi nhiều như lá cây rừng rụng xuống. Họ liền lấy con dao Săngđao và khoác áo bay rồi bay vụt xuống, xuyên bảy lớp trời, bảy lớp đất chém Bôk Prao cứu Noi. Tới nơi, họ thấy Bôk Prao đang xoay đùi làm sóng dâng, nước cuộn. Bia Kơ Vất lấy thuốc Kleng Klong, vung dao chặt đùi Bôk Prao đứt phăng. Chặt xong, họ bay vút lên xuyên bảy lớp đất, bảy lớp trời trở về. Nước cạn dần rồi hết.

Noi mở chiếc khiên Brang Yang Yur, chàng lại nhìn thấy dưới đất bằng phẳng, thấy trên trời con diều bay lượn, thấy sừng sững nhà rông của Bôk Prao. Chàng khép túi thêu đường trăng, dệt đường sông trời để các cô gái ở trong, rồi bay như chim tới làng của Bôk Prao.

Chàng nhìn xung quanh thấy hàng rào bạc làm tám lớp, thấy hàng rào sắt chín lớp.

Noi: Ơ , Bôk Prao

Làng ông có kiêng cữ gì không

Nếu không kiêng cho tôi vào

Nếu có kiêng, xin chỉ đường cho tôi ra

Đưa lửa cho tôi hút thuốc

Bôk Prao: Ơ, Noi ơi, nhà rông tôi cữ, nhà rông tôi kiêng, mày muốn vào thì vào, muốn không thì không.

Noi: Bôk Prao ạ, sao ông lại nói như vậy. Tôi có làm gì ông đâu, mà ông lại dâng nước.

Vừa nói, chàng vừa tức giận. Tim chàng to bằng quả bí đao trồng ở nương mới phát. Chàng lao như tên bay qua hàng rào thép tới sàn nhà rông, trông chàng thật lẫm liệt.

Noi kêu Bôk Prao:

- Ông ơi, khi xưa tôi xin ông hai cái mào để dán vào đầu rồng ở hai bên thuyền cho đẹp, bây giờ ông muốn gì?

Bôk Prao [tức giận trả lời]: Ơ Noi, bây giờ tao nói cho mày biết, sức mày còn nhỏ như con sóc mới sinh, như con sâu mới lớn, mày dám đánh

chết ông Drang Hạ - Drang Hơm sức mạnh hơn thần rồi. Xưa kia, tao muốn bắt mày cho con gái tao, nhưng mày không ưng, nên bây giờ hai ta đánh nhau cho đến khi nước biển hết, nước sông Ba cạn, cho đến khi núi cao thành đất bằng, đất bằng thành vực sâu.

Noi: Ông à, ai lại như vậy! Không có việc gì phải đánh nhau, nếu ông muốn tôi sẽ đền cho ông, vì tôi đã mượn mào của ông khi xưa. Tôi không muốn đánh nhau nữa, vì tôi đã đánh nhau lâu rồi, tôi đã mệt rồi, tôi chỉ muốn nhanh nhanh về làng mẹ để làm lễ tạm kẻo thần nhắc, ma hỏi. Tôi không muốn ông dâng nước, như vậy bao nhiêu người nữa sẽ bị nước cuốn đi, con người sẽ lại chết nhiều như lá cây rừng rụng xuống.

Bôk Prao: Không, không Noi ơi. Ta cũng muốn làm chim ưng bay ngang trời, làm diều hâu bay dọc đất. Nghe tên ta cá phải chui xuống đất, trăn phải giật mình, rồng phải nhổm dậy ngó xem. Ta muốn cùng Noi thử sức, muốn thử cứu ông Drang Hạ - Drang Hơm xem sao.

Noi: Ông ơi, ông nói thật hay nói đùa hở ông? Sao ông lại thét ầm ĩ trong nhà rông như vậy? Ông không biết Noi tính nóng như lửa, đã nổi tiếng là con cháu của Bôk Kei Đei, không biết sợ ai, thần núi cũng phải cúng, thần nước cũng phải kiêng hay sao? Vậy ta sợ gì ông?

Mặc cho Noi nói, Bôk Prao dồn sức lực vào đuôi, quật một nhát làm Noi lảo đảo, rơi xuống biển. Nhưng chàng bật dậy ngay.

Chàng vẫn đẹp như ong vàng ong mật
Bụng nhỏ như được người ta nén
Lưng thon như thân cây đẽo nhẵn

Chàng tức giận kêu Bôk Prao:

- Giàng ơi, tại sao tôi lại gặp rủi ro thế này. Tại sao tôi lại nhỏ như con sóc mới sinh, như con sâu mới nở thế này!

Bôk Prao ơi, ông muốn đánh nhau cũng được. Hai ta sẽ đánh nhau đến khi nước biển mất, nước sông Ba cạn, đến khi núi cao thành đất bằng, đất bằng thành vực sâu.

Tim Noi phình to như quả bí đao trồng ở nương mới phát. Chàng đứng dậy, một tiếng nổ long trời lở đất, chàng bay vút lên khoảng không, ôm theo bảy lớp đất, bảy lớp trời, bóp nát nhà rông của Bôk Prao chỉ còn

bé bằng quả trứng gà cồ. Trời đất rung chuyển khói bụi nù mịt; trời muốn sập, đất muốn lở. Noi nhổ luôn cả nhà rông vứt xuống biển, chỉ còn nhìn thấy những chiếc cột trôi lềnh bềnh trên mặt nước.

Làm xong mọi việc. Noi kêu Bôk Prao.

- Ơ Bôk Prao, đó, ông đã biết thế nào là Noi, con cháu của Bôk Kei Đei chưa?

Bôk Prao: Con mẹ cháu Noi, sao lại tài hơn thần, giỏi hơn trời. Nhà rông của ta đã hóa thành tro bụi mất rồi.

Các con của Bôk Prao: Ơ , bố ơi, bố đừng đánh nhau nữa, bố không biết Noi có sức mạnh như thế nào ư?

Bôk Prao: Sợ gì thằng Noi nhỏ bằng sợi chỉ, bé bằng cái kim, đập và nuốt nó dễ như đập quả trứng, có khó gì đâu! Ta cũng tài giỏi kém gì. Nghe tên ta, cá cũng phải chui xuống đất, trăn cũng phải giật mình, rồng phải nhổm dậy ngó xem.

- Cháu Noi ơi, vẫn mạnh khỏe chứ? Cháu hãy hút chơi thuốc một điếu, tăm nhựa một que.

Noi: Bôk Prao ạ, không sao! Noi vẫn như thế này thôi. Từ khi mẹ đẻ ra cho đến bây giờ chưa đau ốm lần nào.

Noi lấy khiên lót ngồi, lấy thuốc sợi nhỏ ung dung hút, khói từ miệng mũi chàng bay mù mịt.

Bôk Prao: Con mẹ cháu Noi, sao lại coi thường ta, không xoay khiên, lại cho xuống đất ngồi. Mày hãy chờ xem, ta sẽ đánh bằng búa thần của Drang Hạ - Drang Hơm đây này.

Bôk Prao vung tay lên, búa thần chạm núi, núi đá vỡ ra, lông tua tủa như lông nhím, lão hạ tay xuống trong chiếc khiên của Noi, các mảnh khiên to bằng núi con bắn ra tung tóe. Lão tưởng đã đánh trúng Noi rồi, không ngờ Noi vẫn ngồi đó ung dung hút thuốc. Thuốc của chàng vàng nhỏ như sợi thuốc người Doăn, thơm như mùi ruột cây kơ lâu, ngọt như mật con ong rừng.

Bôk Prao tức lắm lão chửi:

- Con mẹ cháu Noi. Mày tài giỏi thật. Mày hãy chờ ta làm một lần nữa. Chắc chắn mày sẽ chết.

Lại một lần nữa búa cắm sâu xuống đất, Bôk Prao nhổ búa lên, vẫn thấy khói bay mù mịt. Noi vẫn ngồi hút thuốc ung dung.

Bôk Prao đã bảy lần đánh, bàn tay lão bị phồng lên như người ta nướng da heo, nhưng vẫn không trúng Noi.

Noi: Ông ơi, đánh đi, đánh nữa đi. Ông nói ta nhỏ bằng sợi chỉ, bé như cái kim. Vậy ông hãy đánh nữa đi.

Noi vẫn đứng hiên ngang, người chàng hừng hực lửa, nói tiếp:

Ơ , Prao, lão không biết tên ta sao?

Nghe tên ta, con cá chình sông Ba phải chui xuống đất

Con trăn lớn phải giật mình

Con rồng trời phải nhổm dậy ngó xem.

Ơ , Prao, bây giờ ta muốn hỏi thăm sức khỏe của lão!

Noi rút gươm có bôi thuốc Kleng klong chém một nhát vào Prao.

Prao liền lấy chiếc khiên ngăn trời ra, làm cho trời đất mù mịt không nhìn thấy gì. Noi liền quay khiên Lôn lang và Tia chớp mặt trời. Bỗng nhiên nắng chói chang chiếu sáng núi rừng, trời đất. Noi nhìn thấy Prao nằm co quắp trong chiếc khiên của lão, giữa nước biển mênh mông, không ai có thể chém được. Chàng gọi Prao:

- Ông ơi, hãy chờ xem.

Rồi chàng lấy thuốc bôi vào gươm và chỉ cần vung lên một nhát, mây đã tản đi tan tác, lão Prao bị đứt làm đôi, lão cố sức nối lại mà không được, lão liền bị rơi xuống biển. Thuốc Kleng klong thấm vào người lão làm lửa cháy ngút trời, chỉ còn cách tim lão một tí, nhưng lão vẫn bay vút lên không trung, biến thành chàng thanh niên khỏe mạnh, lực lưỡng.

Noi: Lão già kia, lão có biết ta cũng tài như lão; lão chỉ muốn đập nát ta, nhưng ta vẫn còn đây. Lão nói ta như sợi chỉ, bé bằng cái kim, vậy lão hãy nuốt thử đi!

Prao: Ơ cháu Noi, cháu có khỏe không? Giờ đây ta cũng là người, cũng khỏe mạnh tài giỏi như nhau.

Noi: Tôi vẫn khỏe đấy. Ông hãy lại đây.

Nói rồi. Noi lấy chiếc khiên Brang Yang Yur, chàng xoay khiên, lửa từ khiên tóe ra chiếu sáng cả đất trời, rừng núi.

Prao: Cháu Noi đúng là tài giỏi, nghe tên thần cũng phải nể, ma cũng phải kiêng. Nhưng Noi ơi, mày hãy chờ xem, ta sẽ chặt nát chiếc khiên của mày.

Prao chặt liên tiếp bảy lần, tay đã phồng lên mà vẫn không trúng. Lão bỏ gươm xuống, mắt ngó trơ trơ. Tài lão đã hết rồi. Ngay lúc đó, chàng Noi cường tráng đứng dậy. Ngoái cổ lại nhìn. Noi thấy Prao ngồi nghỉ ở cây breng, chàng bèn lấy ống điếu mạ bạc dài một sải, ống điếu mạ vàng dài một cánh tay, chàng gõ vào trán lão Prao, máu phun ra từ trán to bằng cầu vồng. Lão rơi từ trên ngọn cây xuống, chân vừa chạm mặt đất, lão bôi thuốc vào lại biến thành người bay vút lên trời.

Noi: Ông ơi, cháu đã đưa cho ông thuốc một trăm điếu, tăm nhựa một trăm que rồi. Thế nào ông có khỏe không! Cháu xin đưa ông một trăm thuốc, một trăm tăm nhựa nữa.

Prao: Noi à, thôi đã. Bây giờ hai ta nghỉ một lát.

Noi: Thôi được, nếu ông muốn nghỉ, ta nghỉ, nếu ông muốn đánh nhau, ta đánh. Noi không sợ gì cả. Đánh trưa cũng được, mặt trời lặn cũng được. Noi bật dậy,

Chàng đẹp như con ong vàng, ong mật.
Bụng chàng nhỏ như được người ta nén
Lưng chàng thon như thân cây đẽo
Mắt chàng đẹp như trăng ngày rằm
Chiếu sáng cả vùng chàng bước đi
Chàng nói một lời,
Sấm chớp ầm ầm
Nói hai lời
Mưa đổ ào ào

Prao: Noi ơi mày hãy hút thuốc của ta. Thuốc ta vàng nhỏ như sợi thuốc người Doăn, thơm như mùi ruột cây kơ lâu, ngọt như mật con ong rừng. Noi đưa khiên Brang Yang Yur ra đón lấy thuốc.

Noi: Ông ơi, đây, thuốc tôi nhạt nhẽo

Thuốc người ta bỏ đi

Thuốc tôi thối mùi rắm con giun đất

Hôi mùi cứt con gián

Mời ông xơi tạm

Prao đưa chiếc khiên Bơsam NămKơdih đón lấy thuốc.

Thuốc trên khiên của hai người bỗng mọc thành cây lớn nhanh như thổi.

Noi [nói với Prao]: - Ông ơi, hai ta cùng tài hơn thần, giỏi như trời, nghe tên hai ta, cá trầu sông Ba phải chui xuống đất, con trăn lớn phải giật mình, con rồng thần phải nhổm dậy ngó xem. Ta sẽ đánh nhau từ từ, đánh nhau thong thả, vừa đánh vừa chơi không sao cả.

Nghe Noi nói, các cô gái trong khiên của chàng cười vang: "Đúng rồi, sức hai người như nhau, như cây được người ta đo bằng nhau".

Prao [tức giận mắng]: Sao các người dám khinh thường ta, vì ta chỉ còn ngắn như cây chặt khúc, yếu như đuôi con nòng nọc, trần truồng như đuôi con cá. Nhưng không sao, nếu ta chết thì chết ở núi cho chim ưng ăn, chết ở nước cho cua cá rỉa, chết ở nhà cho tôi tớ đánh chiêng đi vòng quanh.

Cháu Noi ơi, ta hút thuốc đã chán rồi, không biết làm gì. Giờ ta vật nhau thử để người ta nghe tiếng gầm vang rung đất chuyển trời.

Prao vừa dứt lời, hai người liền xông vào vật nhau, tiếng vật nhau ầm ầm tưởng như trời sắp sập, đất sắp lở. Thế là trên trên, dưới dưới, Prao muốn quay Noi không được, Noi muốn quay Lão cũng không được. Họ đánh nhau không nghỉ, đêm như ngày, ngày như đêm. Bỗng tai Noi nhớ lại... Chàng xuyên qua bảy lớp đất, bảy lớp trời bay vút lên không gian, ôm theo cả ba lớp đất, ba lớp trời. Chàng gặp lại ông Sal long.

Sal Long [nói]: Mày đừng lấy ba lớp đất, ba lớp trời nữa, nếu không ta sẽ đánh sập trời, lở đất, thì lũ bay sẽ chết hết.

Noi bèn thả ba lớp đất, ba lớp trời xuống đánh Prao khiến lão choáng váng, loạng choạng.

Prao: Mẹ cháu Noi, ta không kịp thấy mày chạy đi đâu. Nếu mày còn ở đây, hai ta sẽ cùng trên trên, dưới dưới, vì mày từ trên trời, nên tao mới bị yếu như đuôi con nòng nọc, trần truồng như đuôi con cá thế này.

Noi: Ông ơi, ông vẫn khỏe đấy chứ? Đây, thuốc một điếu, tăm nhựa một que, ông có muốn hút không?

Prao: Noi ạ, không sao đâu, ta khỏe cũng như không, không cũng như khỏe. Dù cháu chém ta chết cũng được. Chết ở núi cho chim ưng ăn, chết ở dưới nước cho cá cua rỉa, chết ở nhà cho tôi tớ đánh chiêng đi vòng quanh. Nói xong Prao lấy chiếc khiên ngăn đôi một vùng đất, rồi xoay khiên Yang Yur che kín từ chân đến đầu.

Noi không muốn đánh nhau nữa, lâu quá rồi, chàng muốn đánh cho nhanh. Chàng bèn lấy con dao có bôi thuốc Kleng klong và thuốc bùa Leng beng, bùa Kueng krong từ trong túi thêu đường trăng, dệt đường sông trời bôi lên khiên Yang Yur đang che kín Prao. Prao hết nhớ rồi và bắt đầu ngủ gật. Noi nhìn thấy cái xương sống của lão còn lòi ra ngoài. Chàng phóng con dao thần trúng lưng lão, lưng Prao gần đứt đôi. Prao đã hết tài.

Các cô gái trong khiên của Prao kêu lên:

- Sao thế này, sao già của chúng tôi đến nông nỗi này, sao già của chúng tôi lại ngủ li bì thế này. Ta lấy thuốc bôi cho già đi, nếu không tí nữa, Noi sẽ giết chết mất.

Prao: Mẹ ôi! Tai tôi bị con dúi nó ăn, con nhím nó bịt mất rồi.

Nói xong lão lấy thuốc từ túi đường trăng bỏ vào chỗ đứt, lão lau thấy đau hơn mà vẫn không liền lại được. Rồi lưng lão đứt ra. Chân lão đuổi đạp Noi, đầu lão đuổi cắn Noi. Nhanh như chớp, Noi chộp lấy gươm Lơ dâu Brah Yang quét núi cháy núi, quét rừng cháy rừng, quét nước cháy nước. Chàng vung tay lên, lông lá tua tủa như lông nhím, mây tỏa ra hai bên. Chàng cầm thân Prao vứt xuống biển và gọi: "Hỡi cá sấu, mày hãy ăn Prao đi". Các cô gái trong khiên của Noi reo cười vui vẻ và nói:

- Noi ơi, lại đây, chúng tôi thương Noi, chúng tôi muốn bồng chàng đi chơi, muốn cõng chàng đi tắm. Chúng tôi thương Noi tài hơn thần, giỏi như trời. Ma phải kiêng, thần phải nể.

Các cô gái trong khiên của Prao: - Sao lại thế này mẹ ơi? Sao già của chúng tôi lại mê mệt thế này?

Các cô gái trong khiên của Noi: Hỡi các nữ thần khiên, già của các người chết rồi, hãy đi với chúng tôi, đi theo Noi. Prao không tốt đâu. Bạn ơi, bây giờ ta ở với Noi cũng sướng, cũng vui. Việc gì chàng cũng giỏi, chuyện gì cũng tài. Tên của chàng vang dội khắp đường Doăn, Giarai, Chăm... Bạn ơi, Prao đã chết rồi, chúng ta phải lạy Noi thôi.

Các cô gái trong khiên Prao: Sung sướng rồi bạn ơi, ta theo Noi thôi.

Noi vui vẻ đón các thiếu nữ thần khiên bỏ vào túi thêu đường trăng, dệt đường sông trời. Rồi chàng đi đến cây breng ngồi nghỉ, lấy thuốc hút và nói:

- Chúng ta đã đánh xong Drang Hạ - Drang Hơm, đánh xong Prao rồi, chúng ta phải về làng mẹ, bố tôi để làm lễ tạm kẻo trời nhắc, ma hỏi.

Bây giờ ta hãy leo lên khiên. Brang yang yur, ta đi theo đường chỉ đã giăng, đường con ong đất làm mùn, đi theo đường mối ăn, đường nhện giăng, để mẹ tôi được nghe tiếng bước chân tôi, bước chân chúng ta vang động núi rừng, để mẹ tôi ra đón chúng ta.

Noi vừa nói dứt lời, các nàng nhanh nhẹn bước lên khiên, chiếc khiên bay vút đi.

Bia Răk: Ô, sao có tiếng chiêng núi của ai kêu vang thế, tiếng lục lạc của ai kêu giòn giã thế.

Bia Răk lấy rựa rạch vách ngó ra ngoài xem. Từ phòng kín, nàng nhìn thấy Noi và các nữ thần khiên đi sau chàng. Nàng thấy Noi:

Đẹp như con ong vàng ong mật
Bụng nhỏ như được người ta nén
Lưng thon như cây đẽo
Mắt đẹp như trăng ngày rằm
Chiếu sáng cả vùng chàng bước đi.
Noi đi trong tiếng cười rộn ràng của nữ thần khiên.

Bia Răk [kêu lên sung sướng]:

- May mắn quá, con tôi về rồi! Xét ơi, con ta đã về rồi. Nàng gọi các nữ thần khiên:

- Lại đây đi các nàng ơi, mắc cỡ gì, ngại ngần chi. Vào đây. Vào đây đi!

Rồi nàng bước ra sân đón nàng Bia Kơ Nhi. Nàng khóc lên vì vui sướng quá, nàng đi lấy gạo lúa ke, lúa chăm năm lần giã, bảy lần vo bằng nước đầu nguồn. Mùi thơm bốc lên ngào ngạt.

Bia Răk [gọi con]:

- Ôi Noi, con đói bụng, xót ruột đã lâu ngày, con hãy về ăn cơm lúa ke, gạo lúa chăm năm lần giã bảy lần vo bằng nước đầu nguồn của mẹ.

Noi bật dậy, chàng đẹp như con ong vàng ong mật
Bụng chàng nhỏ như được người ta nén
Lưng chàng thon như thân cây đẽo
Mắt chàng đẹp như trăng ngày rằm
Chiếu sáng cả vùng chàng bước đi
Lục lạc bạc reo lên thành nhịp
Lục lạc vàng kêu lên thành tiếng

Chàng đi mời hai chú Diong, Dio đến ăn cơm.

Noi: Ơ hai chú à, dấu giấu cũng chẳng được
Dấu bịt cũng chẳng kín
Kín như bưng mà hạt kê vẫn lọt
Chẳng thà nói hết với hai chú

Cháu đi mời hai chú đến ăn cơm. Chú cháu mình ăn canh cá lếch, cá hlang, cá chua, cá mắm cho vui.

Hai chú: Êla! Sao lại có chuyện lạ này
Lạ như người Giarai gánh muối
Như người Bana gánh gạo
Như con chuột mắc bụi rậm
Như con cá chình dính câu
Sao bỗng dưng lại gọi chúng ta đi ăn?

Noi: Hai chú à, hôm nay ta đi ăn cơm lúa ke, gạo lúa chăm để ăn mừng vì cháu đã thắng Drang Hạ - Drang Hơm, đánh Prao trở về.

Hai chú: Vậy ta đi đi, ta đi ăn mừng cháu Noi đi.

Họ bước đi, chim chơ rao bay theo hót ríu rít.

Mời hai chú rồi, Noi đi gọi các anh về cùng ăn cơm. Các cô gái đang nấu nướng ở trong bếp, nhìn thấy các chàng ai cũng đẹp như nhau, cô nào cũng kêu lên:

- Ôi, Giàng ơi, mẹ ơi, sao lại có những người đẹp lạ lùng thế kia.

Về đến nhà Noi gọi mẹ:

- Ơ mẹ, mẹ hãy mở cửa cho chúng con, hãy lật lại cầu thang cho chúng con cùng hai chú lên ăn cơm lúa ke, gạo lúa chăm năm lần giã, bảy lần vo bằng nước đầu nguồn. Ơ mẹ, rồi mẹ bẻ lá cây tơpah bỏ vào ghè rượu để hai chú và chúng con ăn cơm xong là uống liền.

Bia Răk [gọi chồng]:

- Xét ơi, về nhanh đi. Về đi lấy lá Kai bung cho vào ghè rượu sơtôk, để ăn cơm xong ta uống liền.

Noi: Hỡi các anh Yung, Yol, Hơ Rít, Hơ Meng! Các anh cũng là người dũng cảm, vậy các anh hãy ăn cơm đi.

Các anh: Noi nói vậy, chúng ta hãy ăn thử xem.

Yung, Yol, Hơ Rít, Hơ Meng bắt đầu ăn. Mỗi vốc cơm của họ to bằng đầu con chó đực. Yung ăn hết một nong cơm, uống hết một nồi tư. Hơ Rit, Hơ Meng ăn hết hai nong và hai rổ.

Noi: Các anh chỉ ăn hết chừng đó thôi hả. Hãy xem tôi và chú Diông, Dơ ăn đây này.

Noi bắt đầu bốc ăn, bốc bảy lần, bảy nong hết sạch. Rồi chàng đi về phía nguồn sông Ba uống nước. Bảy con sông khô ráo làm cho cá ngáp nước, giãy chết. Uống nước xong, chàng về ngay đống lửa giữa nhà.

> Trông chàng đẹp như con ong vàng ong mật
>
> Bụng chàng nhỏ như được người ta nén
>
> Lưng chàng thon như thân cây đẽo
>
> Mắt óng ánh như mạ vàng mạ bạc

Thấy các con ăn xong rồi, Xét cũng gọi các anh Diông, Dio đi ăn.

Xét: Ơ , anh Diông, chúng ta hãy ăn thử xem chúng ta có khỏe như Noi không?

Hai người bắt đầu ăn, mỗi vốc cơm hết một nong, bốc bảy lần hết bảy nong. Rồi họ cũng đi uống hết bảy con sông.

Ăn xong, Noi gọi các anh:

- Ơ các anh, bây giờ ta uống chơi rượu men mới, kê non. Rượu của mẹ ta nấu, rượu bay mùi cứt con kỳ đà, mùi rắm con chim cu. Ta uống thong thả cùng nhau nói chuyện cho vui, cho sướng, cho đúng với những người chiến thắng.

Noi nâng cần mời chú Diông, Dio và bố trước. Mỗi người uống hết bảy nồi bung to. Vừa thả cần ra khỏi tay, họ đã ngà ngà say, mắt đỏ bừng, trông càng đẹp hơn. Hai chú quay lại nâng cần đưa cho Noi. Chỉ một lát Noi đã uống hết bảy nồi bung. Rồi chàng nâng cần mời các anh và mẹ.

- Ơ mẹ, mẹ hãy uống thử rượu mẹ nấu đi. Bia Răk, đứng dậy:

Nàng bước đi uyển chuyển

Da nàng sáng như nồi đồng mới lấy khỏi khuôn

Mịn như da cá chình sông Ba

Môi nàng đỏ như dây nỉ

Chân tay mềm, trắng như cúi bông.

Nàng cầm lấy cần rượu. Một loáng đã thấy hết bảy nồi bung.

Ăn uống đã xong, uống rượu đã xong, hút thuốc cũng đã xong, Noi nói với chú Diông:

Noi: Chú Diông à, ta hãy đổi nhau túi đường trăng đi!

Diông: Không đâu, túi đều như nhau, đẹp như nhau mà đổi làm gì. Không được đâu!

Noi: Ai lại thế, cháu muốn đổi để ta nhớ nhau, sau này có gặp điều không may, để ta nhìn vào đó mà nhớ nhau.

Diông: Vì các cháu là cháu ruột ta nên ta đổi, chứ ta không ưng đâu.

Chú Diông tháo túi đưa cho Noi. Chàng vui vẻ đón lấy túi.

Noi [tháo túi của mình đưa cho chú và nói]:

- Đây chú hãy cầm lấy túi này. Túi này có thêu hoa đẹp, có dệt đường trăng, thêu đường sông trời, túi này cũng đẹp như túi của chú.

Diông cầm lấy túi của Noi nặng quá liền hỏi:

Diông:

- Sao túi của cháu lại nặng thế này?

Nói rồi, liền mở túi ra xem. Nhìn vào thấy hiện ra nàng Bia Pơ Đưh và Bia Kơ Muh Đak xinh đẹp:

Môi các nàng đỏ như màu hoa pơ lang
Chân tay mềm trắng như cúi bông
Nhìn bên trái thấy trắng như bụng cá chép
Nhìn bên phải thấy mịn như da cá chình.
Hai nàng vừa cười vừa bước từ trong túi ra hỏi:

- Sao hai người lại đổi nhau túi đường trăng như vậy, hỡi Noi?

Noi: Hai em ạ, dẫu giấu cũng chẳng được
Dẫu bịt cũng chẳng kín
Kín như bưng mà hạt kê vẫn lọt
Chẳng thà nói hết với hai em

Tôi muốn chú Diông ở cùng nàng Bia Pơ Đưh, chú Dịơ ở với nàng Bia Kơ Muh Đak. Còn tôi ở với Bia Kơ Nhi.

Hai nàng: Ai lại như vậy hả Noi. Hai chúng tôi và Bia Kơ Nhi chỉ muốn ở với chàng thôi. Chúng tôi thương Noi vì chàng tài giỏi dũng cảm.

Noi: Không phải tôi không ưng hai nàng đâu. Nhưng ai lại như vậy. Hai nàng à, hai chú Diông, Dịơ cũng tài cũng giỏi như tôi.

Hai nàng: Ai lại như vậy hở Noi. Đừng nói lừa chúng tôi. Vì không ưng nên chàng đổi túi. Nhưng nếu không ưng chàng đổi túi, chứ sao lại nhường chúng tôi cho người khác.

Diông: Hai nàng ơi, hai nàng đừng nghe cháu Noi nói, hai nàng cứ ở với cháu Noi thôi.

Hai bên giằng co, nói đi nói lại mà các nàng vẫn không chịu. Bỗng nhiên Bia Răk từ phòng tối bước ra, nàng cười giòn giã và nói:

- Ơ hai em Diông, Dơ! Hai em hãy ưng ở với Bia Pơ Đưh và Bia Kơ Muh Đak đi, còn Noi ở với Bia Kơ Nhi.

Diông, Dơ: Không phải đâu, chị Bia Răk à, vì hai nàng chỉ thương cháu Noi tài giỏi, chỉ ưng cháu Noi thôi, chứ không phải chúng tôi không ưng hai nàng đâu.

Bia Răk: Ơ Bia Pơ Đưh, Bia Kơ Muh Đak, phải nghe lời tôi thôi.

Nghe Bia Răk nói xong, hai nàng gục vào vai Noi khóc nức nở.

Noi [an ủi]: Hai nàng ơi, đừng buồn, tôi đưa cho hai nàng gùi đan hình hoa đẹp, chúng ta cùng ở đây với nhau đừng buồn.

Từ hôm đó, Noi ngủ ở nhà rông, có quạt mạ bạc một bên, quạt mạ vàng một bên ru chàng ngủ.

Còn Bia Răk thì hết ngày này qua ngày khác, đêm như ngày, ngày như đêm, chăm chỉ dệt vải, làm rượu, Bia Kơ Nhi cũng ở trong phòng tối, dệt vải, làm rượu cùng nàng.

Khi rượu đã nhiều, vải đã lắm. Bia Răk gọi chồng:

- Xét ơi, chàng đi báo cho chú Dông, chú Vất, bảo hai chú đánh trống bịt vàng, bịt bạc để gọi lũ làng đến ăn mừng lễ tạm của Noi kẻo trời nhắc, ma hỏi.

Xét đi đến nhà rông và gọi:

Ơ chú Dông, chú Vất
Dẫu giấu cũng chẳng được
Dẫu bịt cũng chẳng kín
Kín như bưng mà hạt kê vẫn lọt
Chẳng thà nói hết với hai chú.

Noi ở đây đã lâu rồi, Noi ngủ say sưa ở nhà rông cũng lâu rồi, bây giờ hai chú hãy đánh trống bịt vàng, bịt bạc, báo cho lũ làng đến ăn mừng lễ tạm của Noi kẻo trời nhắc, ma hỏi.

Dông, Vất: Thôi ý già làng ta đã muốn vậy rồi, ta đi đi.

Họ đến chỗ treo trống trong nhà rông. Tiếng trống nổi lên vang rộn khắp buôn làng, rừng núi.

Nghe tiếng trống Yung, Yol hỏi:

- Sao chú Dông, chú Vất đánh trống có việc gì vậy?

Dông, Vất: Không sao, Yung, Yol ạ. Xét và Bia Răk bảo chúng tôi đánh trống gọi lũ làng đến ăn mừng lễ tạm của Noi và Bia Kơ Nhi kẻo trời nhắc, ma hỏi.

Đánh trống xong, hai người đến nhà Bia Răk hỏi xem lễ tạm của Noi bắt đầu vào lúc nào.

Dông, Vất: Ơ Bia Răk, mở cửa cho hai đứa tôi, lật cầu thang cho hai đứa tôi, chúng tôi muốn hỏi chuyện nàng.

Bia Răk xinh đẹp tươi cười bước ra nói:

- Lên nhà đi, mắc cỡ gì, ngại ngùng ai. Vào đi hai chú.

Dông, Vất: Bia Răk à, dấu giấu cũng chẳng được

Dấu bịt cũng chẳng kín

Kín như bưng mà hạt kê vẫn lọt

Chẳng thà nói hết với nàng.

Chúng tôi nghe nói nàng muốn làm lễ tạm cho Noi và Bia Kơ Nhi, vậy ta cần bao nhiêu trâu, bò, heo, gà?

Bia Răk: Hai chú à, ta cần gà bảy mươi con, heo bảy mươi con, trâu bảy mươi con, rượu bảy mươi ghè. Thế thôi chú ạ. Để ta uống chơi, nói chuyện cùng nhau cho vui thôi...

Hai người trở lại nhà rông cắt người cõng rượu, người mổ trâu, gà, heo, người cõng nước...

Lũ làng đã đến đông đủ, mọi thứ đã làm xong. Lễ tạm bắt đầu. Già làng cúng xong rồi. Chiêng trống nổi lên người ta say sưa uống rượu, ăn thịt và nhảy múa.

Tiếng chiêng trống rộn rã núi rừng, lũ làng tưng bừng say sưa trong nhảy múa, hát hò.

Trong lúc mọi người vui vẻ, Noi ngồi nói chuyện với bố.

Xét: Noi à, trước đây nhà ta và lũ làng cũng vui, cũng sướng. Nhưng rồi Drang Hạ - Drang Hơm sức mạnh hơn thần, đánh núi, núi lở, đánh đá, đá vỡ, đánh nước, nước cạn đã ăn sạch hết dân làng, chỉ còn một mình bố sống sót, cực khổ. Một mình bố chạy trốn trong rừng, sống ẩn dật trong một bụng cây. Nhờ trốn trong bụng cây, nên bố thoát chết, nếu không bố cũng vào trong bụng Drang Hạ - Drang Hơm rồi. Bố sống như con sóc, như con chuột, khổ lắm con à.

Noi lắng nghe bố kể, tự nhiên nước mắt chảy ròng ròng, rồi chàng khóc nức nở vì thương bố. Noi khóc ba ngày, ba đêm, bỏ cơm, bỏ rượu, bỏ thuốc. Noi khóc vì thương cuộc đời khổ nhục của bố trước kia.

Thấy Noi khóc hoài, khóc mãi, chú Dông, chú Vắt lo lắng.

Dông, Vắt: Giàng ơi! Giàng sao lại thế này? Làm sao ta uống rượu được! Nếu khóc mãi thế này Noi sẽ hết sức mất. Ba ngày ba đêm rồi, cơm không ăn, thuốc không hút, rượu không uống.

Rồi hai người gọi Yung, Yol, Kơ Rít, Hơ Meng cùng đến an ủi Noi.

- Noi à, ăn uống đi thôi. Đừng than khóc mãi. Đừng uất ức quá!

Bây giờ Drang Hạ - Drang Hơm đã chết vì bàn tay Noi rồi, Noi đừng buồn nữa, đừng nhớ lại chuyện cũ nữa, chuyện cũ đã hết rồi. Noi hãy đứng dậy đi, ta ăn cơm, uống rượu để cùng vui, cùng sướng với bố, mẹ, các chú, các anh và lũ làng đi!

Noi: Các anh à. Chú và các anh cứ đi uống trước đi. Để tôi nguôi đi nỗi uất ức thương đau, rồi tôi sẽ uống sau. Không phải tôi ghét các anh, các chú đâu. Tôi khóc vì tôi thương bố tôi xưa kia phải ở một mình trong bụng cây, không có gì ăn, không có gì uống, phải sống chui rúc như con sóc, con chuột ngày như đêm, đêm như ngày đói xót ruột, xót gan.

DÂN TỘC GIARAI

HƠBIA ĐƠRANG

Trường ca Giarai với một nội dung rất phổ biến, truyện nàng tiên, con vua Trời xuống lấy người trần sinh con, giống như truyện Thi Thốn của người Thái hay phần thứ hai của truyện Ú Thêm[1] và truyện của nhiều dân tộc khác ở Đông Nam Á. Ở đây, câu chuyện mang đượm màu sắc Tây Nguyên không chỉ ở nội dung mà ở cả phong cách thể hiện.

Nàng Đơrang, con gái Trời, yêu Rít, tìm cách phá tình yêu của chàng với nàng Hơbia Emôm, sau lấy Rít làm chồng, do mưu của thần Đất giấu cánh. Nàng Đơrang sinh được con là Đam Kơmong, muốn được xem mẹ bay. Sét, em Rít lấy cánh cho chị. Chú của Hơbia Đơrang không muốn cho cháu ở dưới trần, tạo gió đưa cháu về trời. Rít quyết tâm đi tìm vợ, được con là Đam Kơmong vì là nửa con Trời, nửa con trần gian giúp nên lên đến tận Trời. Nhờ chim sẻ, chuột trắng, hai vợ chồng gặp nhau. Sau khi đánh chú vợ thua, Rít cùng vợ con về làng ở dưới trần. Lớn lên con Rít là Đam Kơmong quyết lấy nàng Tơné và thỏa được ước mong, nhưng Trời xui khiến buộc Đam Kơmong và Hơbia Tơné phải ở giữa biển cả. Đoạn này, chỉ riêng truyện Giarai thêm thắt vào.

Truyện do Sui Ken sưu tầm, được Y Điêng biên dịch, do Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc xuất bản năm 1987. Chú ý, nhân vật Rít, Sét... thường thấy ở trường ca Bana.

ĐẶNG NGHIÊM VẠN

1. Xem trong bộ sách này.

I

Có một làng, người ta gọi làng đó là làng ông Pơtao. Làng to và nhiều nhà dài. Làng đông vui, nhiều con gái mà cũng lắm con trai. Toàn trai xinh gái đẹp. Trong làng có Hơbia góa chồng từ lúc còn rất trẻ, ở vậy nuôi hai người con trai và một mẹ già. Tên người con lớn là Rít và người em là Sét. Rít và Sét lớn lên, kết bạn với một chàng trai trong làng tên là Đam Phu. Ba chàng chỉ lo gẩy đàn gong, đi chơi suốt đêm ngày. Con trai đã lớn bằng cha ngày xưa rồi nhưng vẫn nằm chung một nhà với mẹ. Bà nội nhắc làm việc nào mới biết làm việc ấy. Bà bảo ba anh em đi làm nhà rông để ở riêng, ba người mới chịu đi làm. Nghe lời bà nhờ cậy, cả làng đến giúp họ làm nhà rông. Nhà dựng xong trông tuyệt đẹp. Từ cây cột đến xà ngang, rui, kèo và cả thang gác đều chạm hình con sóc, con chim, con bướm và những bông hoa nhiều màu sặc sỡ đẹp nhất xứ người Giarai. Từ đó ba anh em mới chịu đi nằm riêng ở nhà rông, không nằm nhà với mẹ nữa.

Một ngày qua đi, một ngày khác lại đến. Rít, Sét và Đam Phu thật đã lớn, có sức khỏe và vẻ đẹp hơn người, có đôi tay làm khéo và đôi tai biết nghe, cái đầu biết lo công việc.

Dưới chân núi là một làng có hai cô gái xinh đẹp là Hơbia Gin và Hơbia Dăn. Hai nàng đã từng nghe tiếng làng trên có hai chàng Rít, Sét đẹp trai hay làm. Ngày ngày, hai nàng đều mong ước chàng Rít và chàng Sét tới chơi nhà.

Người làng tây, người Pơlây đông đều đã từng được nghe tiếng đàn ngọt ngào của hai anh em Rít và Sét. Hôm nay, vào lúc trăng lên rọi sáng cả núi rừng, Rít và Sét đi xuống làng dưới. Hai chàng vừa đi vừa gẩy đàn. Tới nhà Hơbia Gin, Hơbia Dăn, hai chàng dừng chân. Rít cất tiếng gọi.

Rít: Ơ Hơ Gin, Hơ Dăn, hãy thả cầu thang gác cho anh em tôi lên nhà. Hai chị em vẫn lặng thinh. Anh em Rít cứ bước lên. Buồng trong buồng ngoài đều then cài cửa đóng.

Rít: Ơ Hơ Gin, Hơ Dăn, hãy mở cửa cho hai anh em tôi vào chơi, vào gẩy đàn cùng nghe.

Gian trong là buồng được, tự mình mở lấy cửa, đi vào tận nơi hai chị em đang nằm ngủ.

Rít: Hãy dậy đi, hai cô nàng! Dậy đi mà nghe tiếng đàn của hai anh em chúng tôi.

Nhưng chị em Hơbia Gin và Hơbia Dăn không ngồi dậy. Cứ thế hai nàng duỗi chân đạp anh em Rít và Sét ngã dúi vào xó buồng. Hai chàng tức giận đứng dậy.

Sét: Được! Chúng tôi đâu phải con diều hâu hay con cọp, con beo mà làm cho làng này phải hãi hùng. Chúng tôi đến đây để gẩy đàn nghe chơi. Nếu hai cô không bằng lòng thì nói cho một lời, chúng tôi sẽ về ngay. Chúng tôi về đây!

Rít và Sét xăm xăm ra về. Hai chị em Gin và Dăn biết lỗi liền ngồi dậy níu hai chàng ở lại.

Rít: Thôi, hai chị đừng níu nữa. Nếu hai chị không buông tay, chúng tôi sẽ vùng ra làm vỡ tan hết ché đẹp, chiêng hay, và bao nhiêu vật quý của nhà này. Lúc đó đừng trách chúng tôi.

Hơbia Gin: Ơ hai anh! Vỡ ché, ta mua ché khác. Nứt chiêng, ta mua chiêng nữa. Rách trống, ta bọc trống khác. Mất của cải quý, ta sẽ mua sắm lại chứ lo gì.

Sét: Hai chị có thả anh em chúng tôi ra không?

Hơbia Gin: Không đâu!

Rít, Sét vùng mạnh. Cả căn nhà sàn rung rinh nghiêng ngả, ché đập vào ché, chiêng đổ vào chiêng, trống lăn vào trống. Bao của quý khác cũng vỡ tan tành. Hai chị em túm lấy khăn để giữ họ lại, Rít và Sét cắt đứt khăn. Hai chị em nắm vào đuôi khố, Rít và Sét liền cắt đứt đuôi khố và nhảy đại xuống đất, tức giận đi về làng.

II

Sáng hôm sau, bà nội trông thấy hai anh em bị đứt đuôi khố thêu liền hỏi:

Bà nội: Hai cháu này, cái khố mẹ vừa mới dệt, vừa mới thêu sao đã đứt mất rồi.

Rít: Thưa bà! Chúng cháu đến nhà Hơbia Gin, Hơbia Dăn chơi. Hai cô ấy đá chúng cháu rồi túm đuôi khố níu lại nên chúng cháu phải cắt đuôi khố chạy về.

Bà nội: Hiếm chi gái đẹp gái xinh mà hai anh em phải cố công theo đuổi hai cô ấy. Đến chơi, đến thăm những cô gái làng khác còn xinh đẹp và giỏi giang hơn.

Rít: Các cô gái ở làng nào hở bà?

Bà nội: Ba anh em đến làng Pơtao bên kia suối xin thuốc cho bà hút đã.

Rít và Sét đến rủ bạn Đam Phu cùng đi. Mỗi người cưỡi một con ngựa đực rất khỏe và đẹp phóng đến làng ở bên kia suối. Tới cổng làng, họ gặp mấy em nhỏ đang chơi đánh quay. Rít cất tiếng gọi.

Rít: Ơ các em, hãy lại đây! Anh có một việc cần nhờ.

Các em nhỏ: Ông có việc gì mà gọi các cháu?

Rít: Các em hãy đi báo cho Pơtao biết là có khách vào làng để ông ấy mở cổng cho chúng tôi vào thăm.

Các em nhỏ: Các ông hãy đợi ngoài cổng một lát. Rồi chúng chạy đến nhà ông Pơtao và thưa rằng:

Các em nhỏ: Ơ ông! Ơ ông Pơtao ơi! Ngoài cổng có ba người khách muốn vào gặp ông đó.

Pơtao: Các cháu nói với họ đợi ông một tí, rồi ông sẽ ra ngay.

Các em nhỏ: Ơ các bác các chú ngoài cổng! Ông Pơtao bảo là đợi ông một lát ông sẽ ra ngay.

Rít: Chúng tôi đợi đây!

Lúc ấy, ông Pơtao đang làm cho mỗi con gái mình một chiếc công trạm trổ rất đẹp. Ba cô con gái của ông là Hơbia Emôm, Hơbia Lôm Hơmơlơi và nàng Tao Sá[1] đi gùi nước ngang qua cổng làng. Ba nàng thấy có ba người khách lạ đẹp trai đang đứng chờ liền đưa mắt liếc nhìn rồi cười khúc khích. Ba anh em chàng Rít cũng đã kịp nhìn thấy vẻ đẹp của ba nàng. Lòng họ ước ao được ngồi kề bên.

Nàng Emôm là chị cả. Trong bộ áo váy mới, nàng rực rỡ như hoa bít bình, hoa arinhcho. Hoa truôngianh cũng phải thua kém. Đôi má nàng ửng hồng, đôi mắt long lanh tựa sao mai. Nàng Nõn Bông và nàng út là Hơbia Mai tài sắc như nhau. Đôi má như màu caloai chín rộ, ngón tay thon như lông nhím. Ba nàng vừa đi khuất. Pơtao đã ra cổng đón khách vào. Tưởng khách nào xa lạ, hóa ra lại là ba chàng trai quen thuộc. Ông dẫn ba chàng lên nhà trải chiếu mời khách ngồi, lấy thuốc mời khách hút và chuyện trò.

Pơtao: Các cháu đến đây có chuyện này việc nọ gì không?

Rít: Thưa ông, chúng cháu đến đây là do bà nội bảo đến xin ông cho thuốc hút đấy.

Pơtao: Được rồi! Gì chứ thuốc thì ta có sẵn. Nhưng phải đợi các em đi múc nước về mới lấy được. Ba chị em đi gùi nước về bước chân lên nhà đã thấy ba chàng trai đang ngồi trò chuyện với cha. Nàng Emôm đi trước ngoái lại bấm vào tay em Nõn Bông. Nõn Bông cũng ngoái lại và bấm vào tay Hơbia Mai[2]. Mọi khi mấy chị em mang gùi nước về để cạnh nhà nhưng lần này, họ vội vàng để ở sát vách sau.

Pơtao: Ơ các con! Các con chớ ngại ngùng làm chi. Đây là ba chàng trai từ làng trên xuống không phải là người xa lạ đâu. Các con hãy lấy thuốc cho khách hút, mang nước mời khách uống đi.

Nàng Emôm tươi tấn nhanh nhẹn chạy vào buồng trong lấy thứ thuốc ngon nhất lâu nay đựng trong bát đồng chạm trổ, thuốc xắt sợi nhỏ dài như râu bắp đem ra mời khách trẻ. Họ vừa hút thuốc vừa chuyện trò

1. Tên đặt theo vẻ đẹp riêng của từng cô gái: Nàng Emôm là tên thật. Nàng Lôm Hơmơlơi có nghĩa là "nàng nõn bông" - cô gái trắng trẻo mềm mại. Nàng Tao Sá là "nàng đá mài" - cô gái có nước da mịn màng, thân hình chắc khỏe.

2. *Hơbia Mai*: tức nàng Tao Sá.

vui vẻ. Nói chuyện với nhau chưa hết điếu thuốc lòng đã xiêu, họ liền trao cho nhau chiếc vòng đồng hẹn ước.

Rít ưng nàng Emôm. Nàng Nõn Bông ưng chàng Đam Phu và nàng Mai ưng chàng Sét. Nói chuyện làm rẫy, dệt vải đã hết, họ lại nói chuyện hẹn ước. Vừa nói chuyện vừa uống rượu đã ngà say, họ cất lời hát trao duyên. Khi trời tối, từng đôi đưa nhau vào buồng riêng nằm nghỉ.

Nhưng riêng chàng Rít và nàng Emôm vừa mới vào buồng, chưa kịp nói chuyện gì thì nàng Hơbia Đơrang con Trời vén mây nhìn xuống thấy chàng Rít đã yêu nàng Emôm thì rất tức tối, vì nàng đã đem lòng yêu Rít từ lâu. Nàng liền cầu khấn.

Hơbia Đơrang: Nếu tôi đúng là con của ông Trời thì Trời hãy làm cho Y Rít ăn ngủ, chuyện trò không yên, khiến cho chàng phải trở về nhà ngay.

Thế là ngay lập tức, Rít ngồi không yên, nằm không được. Ngồi đâu gãi đấy, Hơbia Emôm lấy nước trong nồi bung, lấy nước trong nồi bảy ra cho Rít tắm đi rửa lại mãi mà vẫn không khỏi ngứa. Nàng Emôm lại bỏ chiếu cũ chăn cũ, lấy chiếu mới chăn mới trải xuống nhưng ngứa vẫn không bớt. Ngồi không xong, nằm không yên, Y Rít liền đứng dậy gọi.

Rít: Ơ em Sét và Đam Phu!

Sét: Có việc gì mà anh gọi chúng em?

Rít: Không phải việc này chuyện nọ đâu. Chỉ vì là anh không thể ở lại đây được nữa.

Đam Phu: Tại sao lại thế hở anh Rít?

Rít: Anh bị ngứa ngáy quá đứng không xong, nằm không yên. Các em ở lại, anh phải về đây.

Sét và Đam Phu nghĩ bụng: lúc đi có ba anh em cùng đi, giờ không thể để anh về một mình được. Biết ba chàng trai không thể ở lại, ông Pơtao liền gói một ít thuốc ngon đưa cho Sét mang về. Ba anh em về làng rồi lại lên nhà rông nằm ngủ. Hơbia Đơrang lại khấn:

Hơbia Đơrang: Nếu tôi là con của ông Trời thì ngay bây giờ Trời hãy làm cho những người đi săn, đang xuống suối đi múc nước, đi lấy củi hay đang làm bất cứ việc gì hãy ngủ say tại chỗ đó. Hãy làm cho tất cả lợn

gà, chó mèo đều ngủ cả, để tôi xuống nói chuyện với chàng Rít. Còn riêng chàng Rít hãy làm cho mắt nhắm lại, chân tay cứng nhưng tai vẫn nghe và miệng vẫn nói chuyện được.

Trời đã về tối. Theo lời khấn của Hơbia Đơrang, lũ làng và mọi loài cầm thú đều ngủ say ngay lập tức. Hơbia Đơrang cưỡi mây trắng đáp xuống nhà rông. Vừa tới chân cầu thang, nàng liền gọi:

Hơbia Đơrang: Anh Rít ơi! Anh đã ngủ chưa?

Rít: Tôi chưa ngủ đâu! Ai đấy?

Hơbia Đơrang: Em đây!

Rít: Em là ai?

Hơbia Đơrang: Anh mở cửa cho em vào với.

Rít: Anh không sao đứng dậy nổi! Em tự mở lấy mà vào.

Hơbia Đơrang mở cửa bước vào ngồi cạnh chỗ Rít nằm. Người Rít cứng đờ, chỉ còn miệng là vẫn nói được. Nàng ngắm nghía hồi lâu rồi hỏi Rít:

Hơbia Đơrang: Anh vừa đi đâu về đấy?

Rít: Anh không đi đâu cả.

Hơbia Đơrang: Anh Rít ơi! Anh nói thiệt đi. Anh đã có vợ chưa?

Rít: Ai mà thèm ngó, thèm ưng người xấu xí và lười biếng như anh.

Hơbia Đơrang: Thôi! Em biết hết rồi mà. Để em kể cho anh nghe: có một hôm hai anh bị hai chị em nàng Hơbia Gin, Hơbia Dăn không tiếp. Ngày hôm sau, hai anh em lại rủ bạn Đam Phu đến làng ông Pơtao ở bên kia suối, ba người trao vòng hẹn ước với ba cô nàng con gái ông Pơtao. Có không nào?

Rít: Có! Đúng như thế. Vậy tên em là gì?

Hơbia Đơrang: Em là Hơbia Đơrang. Nhà xa lắm.

Rít: Tại sao em biết hết chuyện của anh?

Hơbia Đơrang: Em phải biết chứ, tại vì em luôn nghĩ đến anh. Anh ơi! Em để lại thuốc hút cho anh ở trong cái hộp con bên bếp lửa. Em in sẵn dấu bàn chân phải của em ở đó để anh nhớ. Trước khi em về, em sẽ mở cửa và thả thang cho anh để sáng mai anh khỏi nghĩ ngợi.

Xong đâu đấy, Hơbia Đơrang cưỡi mây bay lên trời. Bay về đến nhà, lại khấn.

Hơbia Đơrang: Hỡi những ai đã ngủ say, giờ hãy thức dậy đi.

Mọi người đều tỉnh dậy, đều lấy làm lạ về việc ngủ say của mình. Họ nhao nhao nói với nhau: tại sao hôm nay tôi ngủ quên? Tại sao hôm nay tôi ngủ say, ngủ nhiều quá...?

Rít cũng thức dậy. Mắt chàng ngơ ngác nhìn xung quanh. Hết nhìn, hết ngó, chàng lại hỏi Sét, hỏi Đam Phu:

Rít: Ơ hai em Sét, Đam Phu, hồi đêm, hai em có nói chuyện với anh không?

Đam Phu: Không đâu anh ạ. Chúng tôi cũng ngủ say mà.

Sét: Người ta nói với anh những chuyện gì anh còn nhớ không?

Rít: Người nói chuyện với anh là con gái! Anh nhớ ra rồi Sét ạ. Em đến chỗ bếp lấy cái hộp con ở đó. Em thử coi trong hộp có thuốc hút không? Sét đến bên bếp thì thấy đúng là có một cái hộp xinh xắn bên trong chứa đầy thuốc lá đang nằm đó. Sét ra cửa xem thì thấy cửa mở, cầu thang đã thả xuống. Ba anh em vô cùng ngạc nhiên.

Một ngày qua đi, ngày khác lại đến. Theo lời đã hẹn với chị em nàng Emôm, ba anh em Rít rủ nhau đi làm cỏ rẫy cho các nàng. Trong lúc đó, nàng Hơbia Đơrang ở trên trời cũng đi dự lễ ăn bỏ nhà mồ làng bên. Tuy ăn cơm no, uống rượu say, nàng vẫn không quên nhìn xuống trần gian. Hơbia Đơrang thấy chàng Rít đang cặm cụi làm cỏ rẫy cho nàng Emôm. Nàng bực tức cầu khấn:

Hơbia Đơrang: Xin ông trời hãy làm cho nàng Emôm buồn ngủ và nằm ngủ luôn tại bụi chuối, nàng Nõn Bông nằm ngủ tại bụi mía, Hơbia Mai nằm ngủ dưới gốc cây cà. Bà Pơtao nằm ngủ bên gốc cây ớt. Ông Pơtao chồng bà nằm ngủ bên cạnh miệng vẫn ngậm ống điếu. Sét và Đam Phu nằm ngủ tại chòi thấp. Rít nằm ngủ trên chòi cao. Tất cả những ai đi đâu, ngồi đâu và mọi loài vật đều ngủ say hết.

Ngay lập tức, tất cả đều ngủ say. Nàng Hơbia Đơrang cưỡi mây trắng đáp xuống chòi rẫy của nàng Emôm.

Hơbia Đơrang: Ơ anh Y Rít. Anh đã ngủ chưa?

Rít: Anh chưa ngủ đâu!

Hơbia Đơrang: Anh dậy mở cửa cho em vào đi.

Rít: Anh không dậy được đâu. Em tự mở cửa mà vào.

Hơbia Đơrang: Anh đã từng nói là anh chưa có vợ vậy anh đến làm cỏ cho ai đây?

Rít: Anh chưa có vợ thật mà!

Hơbia Đơrang: Người nào nằm dưới gốc cây chuối ấy? Người ấy có phải là vợ anh không?

Anh Rít ạ! Từ lâu em ao ước được chung sống với anh. Lần trước, em đã đến với anh rồi đấy. Em muốn lấy anh làm chồng của em.

Rít: Làm sao anh ưng được? Anh chưa nhìn được mặt em, chưa biết làng em ở nơi đâu.

Hơbia Đơrang: Lần này trong nồi cơm rượu của ông Pơtao, em để lại cho anh một chiếc hộp con trong đó có thuốc hút và một chiếc nhẫn vàng. Khi anh nhìn kỹ chiếc nhẫn vàng ấy, anh sẽ hình dung thấy em. Nhẫn ấy vàng, em xinh đẹp, mà nhẫn ấy đen, em cũng đen và xấu xí như thế. Chốc nữa anh dậy mà coi.

Nói xong Hơbia Đơrang bay lên trời. Nàng lại khấn ông trời cho mọi người và mọi loài thức dậy. Ai ai cũng nói: Hôm nay sao tôi ngủ quên! Sao hôm nay tôi ngủ say như chết... Ngay cả ông Pơtao cũng phải hỏi vợ:

Ông Pơtao: Bà Khônh ơi! Không biết ai đã khiến tôi nằm ngủ và cái đầu lại kề bên mông bà?

Bà Khônh: Tôi đoán là ông Trời đấy, ông ạ!

Rít, Sét và Đam Phu cũng thức dậy. Lần này Rít không bảo ai nữa, mà đích thân chạy đến nhìn vào nồi nấu cơm rượu, thấy có một cái hộp xinh xắn. Rít mở hộp và thấy trong hộp có thuốc lá cùng một chiếc nhẫn vàng chói lọi. Rít vấn thuốc hút thử, phun khói thuốc vào các em và mọi người ngồi xung quanh. Ngửi thấy mùi thuốc ngon, Đam Phu hỏi:

Đam Phu: Anh Rít lấy thuốc ở đâu đấy?

Rít: Thuốc của tôi đấy chứ?

Đam Phu: Cho chúng tôi cùng hút với anh!

Rít: Thuốc này không thể chia cho ai được!

Nói vậy nhưng rồi Rít cũng ngắt ra từng nhúm chia cho mọi người. Ai hút thuốc cũng khen ngon, càng hút càng say. Vừa hút thuốc, vừa nói chuyện, Rít chia việc cho ngày mai.

Rít: Ngày mai chúng ta đến làm cỏ rẫy cho cô Nõn Bông nhé.

Chiều đến, người nào về làng nấy. Sáng hôm sau, Rít sửa soạn ngựa và cuốc, rựa, rìu để đi làm rẫy cho nàng Nõn Bông. Hơbia Đơrang vẫn luôn dõi theo những việc Rít làm. Thấy Rít vừa dắt ngựa ra, nàng khấn:

Hơbia Đơrang: Nếu quả thực tôi là con của Trời, Trời hãy làm cho Rít đau ngực, tức bụng để Rít phải ở nhà để rồi đi câu cá ở tận dòng sông có tia chớp xa xôi kia!

Cầu sao được vậy. Khi Rít định nhảy lên lưng ngựa, thì bỗng bị đau ngực, tức không thể nào đi được. Rít vào nhà thì lại khỏi. Nhưng hễ cứ lên ngựa định đi thì lại bị đau. Rít phải gọi hai em:

Rít: Ơ Sét! Ơ Đam Phu! Anh bị đau ngực, tức bụng quá! Anh không đi làm cỏ rẫy với các em được đâu!

Đam Phu: Anh đau nặng hay đau nhẹ?

Rít: Anh đau nhiều lắm.

Đam Phu: Nếu anh đau nặng, chúng tôi sẽ cùng ở nhà để chăm sóc anh. Anh bị đau nhẹ, chúng tôi mới yên bụng đi làm được.

Rít: Các em cứ đi đi! Anh nghỉ ở nhà sẽ khỏi ngay thôi mà.

Sét và Đam Phu mỗi người cưỡi một con ngựa đực còn non, lao về phía đường đi làm rẫy nhanh như tên bắn. Trong chốc lát, ngựa đã vượt qua con suối đầu làng rồi đến rẫy của nàng Nõn Bông. Ba chị em nàng Emôm đã ở trên rẫy. Thấy vắng Rít, nàng Emôm liền hỏi:

Emôm: Anh Rít tại sao chưa đến?

Đam Phu: Anh Rít bị đau không đi được.

Nõn Bông: Thế anh Rít bị đau bệnh gì?

Đam Phu: Anh Rít bị đau ngực, tức bụng, khó thở lắm!

Emôm: Nếu anh Rít đau nặng, ta về thăm anh ấy. Còn việc làm cỏ, ta chưa làm hôm nay, ngày mai làm cũng chưa muộn đâu.

Đam Phu: Nếu anh ấy đau nặng, chúng tôi đã không đến đây được!

Nói rồi, mỗi người cầm cuốc đi làm cỏ rẫy. Từ sáng đến chiều, họ làm cỏ không ngơi tay hết vạt rẫy này đến vạt rẫy khác. Riêng nàng Emôm tay vẫn cuốc cỏ không ngừng mà bụng luôn nghĩ đến chàng Rít, lo không biết là chàng có bị đau nhiều không!

III

Rít gượng đứng dậy dắt ngựa vào chuồng rồi lên nhà rông cất rìu rựa. Cơn đau lui. Ngồi không ở nhà cũng chán, Rít se sợi gai làm dây câu và sửa soạn để đi câu. Xong rồi, chàng thay khố thêu mới, áo thêu mới, đầu đội khăn nhiễu xanh tím, vai mang khiên đao, vai khoác túi đi câu cá. Rít đi qua bến nước đầu làng, đi mãi, hướng về bầu trời có tia chớp xa xăm. Ngày đi, đêm nghỉ lại, sáng hôm sau Rít mới tới nơi. Ở đó có một con sông to nhiều cá. Sông sâu và rộng, đứng bên này nhìn không thấy bờ bên kia. Đến bên một cái vực có bờ đẹp, Rít bắt đầu buông câu. Vừa nghe tiếng nước động, đủ các loại cá thi nhau bơi đến cắn câu. Chẳng mấy chốc, Rít đã câu được rất nhiều cá, đựng đầy tràn giỏ. Thấy đầy giỏ rồi, Rít bèn thu cần câu, xách giỏ đi về. Trên đường về, chàng ghé qua rẫy nàng Emôm. Vừa đến cửa rẫy, đã thấy mọi người tươi cười đón mừng.

Emôm: Sao hai em Sét và Đam Phu bảo rằng anh bị đau kia mà?

Rít: Đúng là anh bị đau ngực tức bụng thật.

Emôm: Nay anh đã đỡ chưa?

Rít: Đỡ rồi.

Emôm: Thế anh đi đâu về đấy?

Rít: Anh đi câu cá về.

Emôm: Đỡ đau rồi sao anh không đến đây?

Rít: Anh đến làm gì nữa? Có đến thì các em cũng làm xong rồi.

Emôm: Thế anh đi câu ở sông nào? Có được nhiều cá không?

Rít: Anh đi tận dòng sông có tia chớp kia và câu được rất nhiều cá. Anh ghé về đây để đưa cá cho các em.

Năm người vây quanh Rít, thấy cá trong giỏ nhiều, khen Rít câu giỏi. Chiều đến ai về làng nấy. Họ lại hẹn nhau mai đến làm cỏ rẫy cho Hơbia Mai.

Cũng như hôm trước, Rít, Sét và Đam Phu dậy sớm sửa soạn rìu rựa, cuốc để đi làm cỏ rẫy. Mỗi chàng cưỡi một con ngựa đực khỏe đẹp sửa soạn lên đường. Nhưng khi Rít vừa nhảy lên lưng ngựa lại bị một cơn đau dữ dội như hôm trước. Rít đánh rơi cả rìu rựa đang cầm trên tay, nhảy vội xuống ngựa, tay ôm bụng...

Rít: Ơ các em Sét và Đam Phu, anh lại bị một cơn đau nữa.

Đam Phu: Anh đau như thế nào hở anh Rít?

Rít: Đau như sáng hôm qua ấy.

Đam Phu: Có phải đau nặng hơn hôm qua không?

Rít: Đau ngực tức bụng y như hôm qua.

Đam Phu: Có đau nặng chúng em nghỉ ở nhà với anh.

Rít: Các em cứ đi làm rẫy cho nàng Hơbia Mai đi. Anh nghỉ ở nhà rồi cũng sẽ hết đau thôi.

Sét và Đam Phu nghe lời anh lại nhảy lên lưng ngựa ra roi. Ngựa phi nước đại. Chẳng mấy chốc Sét và Đam Phu đã đến rẫy nàng Hơbia Mai. Ba chị em nàng Emôm đến trước rồi. Thấy sáng nay cũng chỉ có hai anh em đến, nàng Emôm liền hỏi:

Emôm: Ơ em Sét và Đam Phu. Anh Rít của hai em đâu?

Đam Phu: Anh Rít của chúng tôi lại bị đau. Không đi được.

Emôm: Anh Rít bị đau bệnh gì? Nếu anh Rít bị đau nặng thì chúng tôi đến thăm, còn việc làm cỏ rẫy để bữa sau cũng chưa muộn mà!

Đam Phu: Anh Rít ở nhà nghỉ ngơi sẽ hết đau thôi. Chúng ta ở đây cứ làm rẫy cho giỏi thì anh hết bệnh.

Sét, Đam Phu cùng ba chị em nàng Emôm vừa làm cỏ rẫy vừa chuyện trò vui vẻ. Họ có trai, có gái nên làm rất nhanh, rẫy hết vạt cỏ này đến vạt cỏ khác. Trời mới xế chiều, họ đã làm xong rẫy cho nàng Hơbia Mai.

Riêng nàng Emôm, làm cỏ, cuốc đất cũng không thua kém các em nhưng lòng vẫn không yên, luôn nghĩ đến chàng Rít, không biết rồi bệnh của chàng có bớt không?

Một lần nữa Rít không được đi làm cỏ rẫy với các em. Chàng dắt ngựa vào chuồng rồi lên nhà rông nằm nghỉ một lúc bụng lại bớt đau. Khi ấy chàng lại nghĩ đến việc đi câu hôm nọ. Chàng sửa soạn cho việc đi câu cá. Rít đi thay khố cũ, áo cũ, mặc khố thêu áo hoa có tua xanh đỏ, đầu quấn khăn nhiễu màu xanh tím. Lúc này trông Rít lại càng khôi ngô đẹp đẽ. Rồi tay chàng xách túi, cầm đao, vai đeo khiên như những tù trưởng ra bãi chiến trường đánh giặc. Rít đi theo lối hôm trước, đi mãi về phía chớp xa xăm, nơi có một dòng sông đẹp và nhiều cá. Đến nơi chàng ngồi vào đúng chỗ hôm trước, chàng dựng khiên, gác đao một bên rồi ngồi câu cá. Nhưng con sông hôm nay sao phẳng lặng. Không hề thấy một con cá đớp mồi. Chàng ngồi câu mãi không được con cá nào bèn bắt đầu câu ngược nguồn, qua những khúc sông có vẻ nhiều cá, song vẫn không được một con nào. Con sông hôm nay buồn bã quá.

Trời đã trưa. Rít lại bắt đầu câu xuôi theo dòng sông. Đến một vũng nước lớn chàng thả câu xuống. Bỗng Rít thấy dây câu căng và cần câu nằng nặng. Chàng vội giật cần câu lên nhưng lưỡi câu lại bị mắc kẹt dưới dòng sông. Chàng giật không được kéo không lên. Tức trong bụng, chàng dựng khiên để đao xuống và nói một mình:

Rít: Ôi con sông sao lắm đá, lắm cây! Chắc là sông muốn dọa ta đây? Ta là con trai, nào có sợ chi. Ta cũng như nồi đất vỡ đâu vứt đấy thôi.

Nói rồi Rít cởi áo, cởi khố lặn xuống đáy sông men theo dây câu của mình. Nhưng lạ thay lưỡi câu của chàng không mắc vào đá, không găm vào cành cây mà lại dính vào một mớ tóc cuốn tròn. Gỡ xong lưỡi câu, chàng lên bờ đóng khố mặc áo vào người. Nghỉ ngơi một lúc, Rít lại cầm đao đeo khiên định bỏ về nhưng rồi chàng nghĩ: "Ở giữa dòng sông này lại có mớ tóc, chắc phía nguồn không xa lắm có làng của ai đó. Làng này chắc nhiều gái sinh, trai tài chăng? Ta đi ngược dòng sông này xem thử làng mạc của ai đây?

Thế là Rít đi về phía nguồn sông. Chàng đi, đi mãi. Càng đi Rít càng thấy hai bên bờ sông đẹp lạ, cỏ cây, nhưng thác nước và bao bờ đá đẹp tuyệt vời. Đến chỗ có bãi cát rộng chàng dừng lại và nghĩ rằng đây chắc là bến nước của làng nào đó. Rít đi xuống bến thoảng thấy mùi thơm của

thuốc kơ dí - thứ thuốc mà người con gái thường dùng để tắm. Chàng xuống đến lòng sông lại thấy bên bậc đá có rễ cây thuốc đang mài dở còn lại. Mùi thuốc tỏa hương thơm ngào ngạt. Trên đó, cũng thấy ai để lại một ít thuốc hút. Rít lại nhìn lên thấy có một con đường mòn thật to từ trên núi chạy xuống. Rít bỏ bến nước đi theo con đường mòn đó để xem có làng mạc nào không. Khi mới đi thì thấy đường mòn khá to nhưng càng đi xa đường càng nhỏ. Đi đến chỗ ngoặt con đường mòn mất dấu. Trước mắt anh chỉ còn lại khu rừng rậm và xa xa là đồi cỏ xanh biếc.

Rít quay lại nơi bến nước, nghỉ ngơi rồi nấu cơm ăn. Ăn cơm, uống nước xong chàng lấy thuốc trên bến ấy hút luôn. Thuốc ngon, khói thuốc tỏa mùi thơm.

Lúc này nàng Hơbia Đơrang vén mây nhìn xuống bến nước. Thấy Rít đang nghỉ ngơi, nàng liền khấn: "Nếu tôi là con ông Trời, ông hãy làm cho những con sóc, con chim và các loài vật, cả những người đi lại dọc bờ sông đều ngủ tại chỗ, ngủ thiệt say. Còn chàng Rít ngủ ngay tại bến nước, mắt nhắm, chân tay cứng, nhưng miệng vẫn nói chuyện được với tôi.

Lời nàng khấn vừa dứt, lập tức mọi loài vật đều ngủ say. Chàng Rít cũng ngã lăn ra ngủ. Hơbia Đơrang cưỡi mây đáp xuống bến nước vào lúc Rít đang ngáy khò khò.

Hơbia Đơrang: Ơ anh Rít! Anh cũng đến câu cá ở đây ư? Sao anh không đi làm rẫy cho ba chị em nàng Emôm? Anh dậy đi, ta nói chuyện.

Rít: Anh muốn đi đâu thì đi chứ! Siêng đi làm, còn lười biếng thì ở nhà đi săn bắn, câu cá, chẳng ai nói, và cũng chẳng ai buộc anh cả.

Hơbia Đơrang: Ơi người mà em mong ước từ lâu nay, làm sao hôm nay lại nói như vậy? Anh lười hay anh siêng năng em cũng biết rồi. Em muốn cùng anh sống chung một nhà, nằm chung một chiếu, cùng ăn một nồi cơm và sống với nhau cho đến khi già nua đấy.

Rít: Làm sao lấy được. Em thì sáng, anh mù lòa không nhìn thấy mặt em?

Hơbia Đơrang: Em đã để lại cho anh một chiếc nhẫn đó.

Rít: Nhẫn khác và khuôn mặt em khác chứ. Nhẫn và em làm sao giống nhau được. Khi anh cầm chiếc nhẫn, nhẫn nào biết nói, biết cười như em?

Hơbia Đơrang: Anh có muốn nhìn em không?

Rít: Có chứ.

Hơbia Đơrang: Anh hãy mở mắt đi. Mở từ từ, khéo rồi lại chói mặt trời đó!

Rít mở mắt. Chàng nhìn xuống dòng sông, nhìn lên bờ sông thấy cây lá nở hoa rực rỡ và khi chàng nhìn vào chỗ có tiếng nói cạnh mình thì thấy một cô gái xinh đẹp kỳ lạ. Rít ngẩn ngơ. Chàng dụi mắt cố nhìn lại một lần nữa cho thật kỹ.

Rít: Em là Hơbia Đơrang ở trên trời ư?

Hơbia Đơrang: Phải rồi. Em đang ngồi nói chuyện với anh đây!

Nàng Hơbia Đơrang có mái tóc đen óng mượt xõa xuống ngang lưng, nước da nàng hoa arinh cũng phải ghen, khuôn mặt như quả trứng gà vừa mới lọt lòng, có đôi má hồng, môi màu hoa xec. Dáng người của nàng mảnh mai như cây trúc, ngực nở, bụng thon... Nàng mặc áo dệt hoa có tua, mặc váy thêu rực rỡ. Tất cả các cô gái trong xứ này không ai xinh bằng nàng.

Rít mở mắt hẳn ra nhìn nàng và cả chân tay không còn cứng như lúc nãy nữa. Rít ngồi dậy. Hai người ngồi bên bờ sông, nói chuyện làm rẫy, dệt vải, nói chuyện trai gái đã hết. Hai người cùng nhau đi tắm. Nhưng đến bến nước, nàng lại muốn ra giữa dòng để tắm cho sạch sẽ. Nàng bảo chàng gọi cá sấu đến.

Rít: Hỡi con cá sấu to và hiền lành! Hãy đến đây chở chúng tôi ra giữa dòng sông để chúng tôi tắm một chút.

Một con cá sấu to bơi đến, hai người ngồi lên lưng cá. Cá sấu đưa hai người ra giữa dòng. Rít và Hơbia Đơrang vừa tắm, vừa đùa nghịch, té nước lên nhau. Tắm đã lâu, nghịch đùa đã nhiều, Rít nói:

Rít: Nếu thiệt như lời em nói. Em ưng lấy anh làm chồng thì em cùng về làng anh luôn.

Hơbia Đơrang: Ngày mai anh đến đây một lần nữa, em sẽ đi theo anh. Hôm nay, em chưa đi được vì còn mắc mảnh vải chưa dệt xong và em muốn đem theo khung cửi về làng anh luôn.

Tắm xong, hai người lại cưỡi cá sấu lên bờ. Rít về nhà mình. Nàng Hơbia Đơrang từ từ bay lên trời.

IV

Từ khi gặp Hơbia Đơrang, chàng Rít không đi lại với nàng Emôm nữa. Ngày này qua ngày khác, chàng đến bến nước gặp Hơbia Đơrang. Như mọi lần, sau khi tắm, Rít rủ nàng về làng, nàng đều từ chối khéo léo. Nàng nói nào khung dệt vải làm chưa xong, lần thì guồng quay chỉ chưa có... Hơbia Đơrang cứ lần lữa từ chối. Rít giận nàng, không đến bến nước nữa. Từ đó, chàng chỉ lo làm rẫy phát nương cho mẹ và bà. Chàng ở mãi trên rẫy không về nhà, không đi câu cá và cũng không đến thăm nàng Emôm.

Một ngày rồi một tháng, Hơbia Đơrang không nhìn thấy Rít đến bến nước. Nàng biết Rít giận mình. Rít lo làm rẫy, tria lúa cho mẹ. Lúa mọc, bắp mọc và khi đến mùa lúa chín vàng Rít mới đi câu cá trên con sông ấy. Đến chỗ câu hôm trước, Rít ngồi câu cá, cá không ăn câu. Rít lại câu từ dưới câu lên. Đang ngồi câu cá, bỗng dưng chàng thấy mặt nước ở giữa dòng sông cứ dâng lên cao như cồn sóng to. Rít đứng lên nhìn, sóng nước lại xuống dần và hiện lên một ông già người cao, to và có đôi mắt lồi ra bằng núm chiêng đỏ lừ. Bộ mặt của ông già nhăn nheo rằn ri như mặt hổ.

Rít sợ quá, chàng kêu khóc van xin thần linh hãy tha tội cho. Bỗng chàng nghe tiếng nói của ông già:

Ông già: Cháu đừng khóc nữa, nín đi. Ta là thần Nước tên là Đam Bin Đam Ban đây và là chú của cháu đây. Ta là thần coi giữ dòng nước này. Cháu và Hơbia Đơrang xuống tắm đùa nghịch làm ta đau hết cả hai mắt đấy. Nhưng vì cháu là cháu của ta, nên ta tha tội cho.

Rít: Nếu ông thương cháu xin tha tội cho cháu.

Đam Bin Đam Ban: Cháu ưng nàng Hơbia Đơrang phải không?

Rít: Phải đó, thưa chú.

Đam Bin Đam Ban: Nhưng rồi làm sao?

Rít: Mỗi lần cháu rủ về nhà, nàng đều từ chối rất khéo. Thương nhau, phải lấy nhau chứ.

Đam Bin Đam Ban: Phải rồi! Nhưng Hơbia Đơrang là con của ông Trời, biết bay còn cháu lại là người trần không biết bay.

Rít: Vậy làm thế nào để chúng cháu lấy được nhau hở chú?

Đam Bin Đam Ban: Lần sau cháu đến đây, khi nàng xuống cùng tắm, cháu giả vờ lên bờ ngồi phơi nắng cho ấm. Lừa lúc nàng mải tắm, cháu nhanh tay lấy bộ áo váy của nàng và để lại chiếc chăn đôi cho nàng làm váy. Thế rồi cháu cầm bộ áo váy ấy chạy một mạch về làng giấu cho thật kỹ. Nếu nàng gọi, cháu đừng ngoái đầu lại, nếu ngoái lại, cháu sẽ biến thành một bãi phân trâu đó.

Rít định hỏi thêm, nhưng khi nhìn xuống mặt nước, ông già biến đi đâu mất rồi. Nghe lời thần Nước khuyên, sáng hôm sau Rít đến thật sớm để đợi nàng Hơbia Đơrang xuống tắm. Một mùa lúa qua, hôm nay nàng nhìn xuống bến nước, thấy Rít đang đi lại trên bãi cát. Hơbia Đơrang liền cưỡi đám mây trắng đáp xuống bến nước. Hai người gặp nhau:

Hơbia Đơrang. Hôm nay em thấy anh đến từ lúc sáng, song em còn một số công việc chưa làm xong.

Rít: Anh đến trước để đợi em.

Hơbia Đơrang: Anh có giận em không?

Rít: Có chuyện gì mà giận.

Hơbia Đơrang: Em còn nhiều việc chưa làm xong, nên cứ lần lữa hứa với anh.

Hai người lại làm lành với nhau. Họ dắt nhau xuống sông, cưỡi lên lưng cá sấu bơi ra giữa dòng để tắm. Rít cùng tắm với nàng như mọi lần, nhưng lòng không yên, mắt luôn để ý đến nơi nàng để áo váy. Thấy chàng tắm không như lần trước, nàng hỏi:

Hơbia Đơrang. Hôm nay sao anh tắm với em không như mọi lần?

Rít: Anh rét quá. Em tắm đi, anh lên bờ hơ nắng một tý.

Hơbia Đơrang bằng lòng cho chàng lên bờ hơ nắng. Nàng vẫn tắm như bình thường. Tiếng vỗ nước của nàng nghe như tiếng trống đôi của

ai đó. Rít lên bờ vờ tìm chỗ có nắng ngồi và lẳng lặng đóng khố mặc áo vào người. Chàng lấy chiếc chăn đôi của mình đặt vào chỗ để váy áo của Hơbia Đơrang rồi cầm áo váy của nàng chạy vội về làng. Hơbia Đơrang nhìn thấy hớt hải chạy lên bờ gọi Rít trả lại áo váy. Nhưng Rít không trả lời và cũng không ngoái lại.

Hơbia Đơrang vội lấy chiếc chăn đôi của Rít để quấn vội vào người. Nàng định bay lên nhưng không được, nàng đành phải đi theo Rít về làng.

Rít về đến nhà liền đi ra rẫy giấu áo váy của nàng. Đến chiều, chàng mới trở về.

Hơbia Đơrang đi vào làng làm cho cả làng phải sững sờ trước sắc đẹp của nàng. Từ già đến trẻ, từ con trai đến con gái, ai ai cũng vội xé toạc tấm phên che nhà mình ra để kịp nhìn nàng khi nàng đi qua. Nàng không mặc áo mới, váy mới, chỉ quấn chăn đôi, mặc áo thường vậy mà làm cho cả làng quên hết mọi việc mình đang làm. Ai đang nấu cơm, nấu canh bỏ quên cả nấu, nồi cơm bị cháy, nồi canh cạn nước. Họ mải mê nhìn theo nàng Hơbia Đơrang. Nghe tiếng mọi người gọi nhau, mẹ Rít cũng ra ngoài hiên nhìn. Mỗi lúc nàng lại càng đến gần nhà mẹ Rít. Nàng bước lên nhà. Mẹ Rít vui mừng vì hôm nay nhà có gái đẹp lên chơi. Bà chạy vội vào trong nhà lấy chiếu trải mời khách ngồi. Nhưng nàng không ngồi vào chiếu mà ngồi tại xó nhà.

Mẹ Rít nhìn mãi, nhìn hoài không chán người khách lạ. Nhưng rồi bà nhận ra váy của người khách mặc đúng là tấm chăn do tay bà dệt.

Biết vậy, bà cũng không hỏi, có khách lên nhà bà phải lo nấu cơm canh để đãi khách trẻ lần đầu đến chơi này.

Đến chiều, Sét cưỡi ngựa về. Quen như mọi khi, chàng vẫn ngồi trên lưng ngựa phóng lao lên xó nhà. Chỉ lệch độ hai ngón tay nữa, mũi lao cắm vào nàng Hơbia Đơrang. Nghe tiếng lao cắm vào phên nhà, từ trong bếp bà mẹ chạy ra:

Bà mẹ: Sét! Sao con làm thế. Nhà ta có khách đó.

Nghe vậy, Sét vội vàng nhảy xuống dắt ngựa buộc dưới gầm nhà rông rồi lên nhà. Sét không dám lên cửa chính phải leo lên qua cửa trong, chàng trốn trong ngăn trong, xé phên ra xem người khách lạ và thấy nàng đang nằm. Chàng không dám nói một lời.

Một lúc sau mới thấy chàng Rít cưỡi voi chở lúa về nhà. Voi dừng chân trước hiên nhà. Rít gọi mẹ đến đón gùi lúa. Nghe tiếng Rít gọi mẹ, nàng Hơbia Đơrang khấn: "Nếu tôi là con của ông Trời thì ông hãy làm cho hai mẹ con chàng không thể nào nhấc được gùi lúa".

Bà mẹ và Rít nhấc mãi một gùi lúa mà không sao nhấc khỏi bành voi được. Thấy hai mẹ con Rít nhấc mãi không nổi, nàng nói:

Hơbia Đơrang: Ơ bác! Bác cứ để đó, để cháu giúp cho một tay.

Nàng ra hiên nhà, bước lên bành voi, cứ tay trái nhấc một gùi lúa, tay phải cũng nhấc luôn một gùi. Trong nháy mắt, lúa đã đưa xuống hết. Thấy vậy, hai mẹ con vô cùng kinh ngạc.

Sau bữa cơm chiều, Rít gọi mọi người đến:

Rít: Ơ bà nội! Ơ mẹ và các em! Hãy lại đây nghe con nói việc này, nghe anh bàn việc nọ.

Mọi người và cả nàng Hơbia Đơrang đều đến nghe Rít kể lại đầu đuôi câu chuyện giữa chàng và nàng và nói rằng hai người đã hứa lấy nhau. Hôm nay, nàng đã về nhà sống chung. Mẹ Rít rất vui mừng vì thấy con dâu vừa đẹp gái, lại khỏe mạnh, biết lo liệu công việc trong nhà.

Từ ngày đó nàng sống với chàng Rít. Nàng lo giã gạo, dệt vải, nấu cơm canh cho cả nhà.

Nghỉ một ngày, một tháng mẹ Rít bắt đầu lo nấu rượu để làm lễ cưới vợ cho con. Hơbia Đơrang cũng tự tay nấu lấy cho mình một ché rượu nhỏ và nuôi một con lợn. Đến ngày đẹp, tháng lành, mẹ Rít mời bà con dân làng đến dự lễ cưới của con. Bà lại cho con trai đến làng ông Pơtao bên kia suối mời cả nhà đến ăn cưới Rít và nàng Hơbia Đơrang.

Khách làng xa làng gần đến đông đủ. Nhiều người lên xuống nhộn nhịp. Những chàng trai lên nhà hỏi bà mẹ:

Chàng trai: Bà ơi! Bà cho chúng tôi lấy chén rượu nào đây?

Mẹ Rít: Các cháu hãy đào ché rượu to chôn xuống đất đã lâu ngày đó. Lấy ché rượu tám người khiêng, năm người đỡ ấy. Rồi lấy tiếp ché túc, ché ba mà uống suốt ngày, sang đêm không nhạt không cạn!

Rượu ngọt như mật ong và thơm như mùi hoa ngoài rừng. Rượu cột một dẫy dài đã xong. Các chàng trai lại hỏi bà mẹ:

Chàng trai: Bà ơi, rượu ché túc, ché ba đã buộc xong. Giờ bà cho bắt con lợn, con trâu, con bò nào đây?

Mẹ Rít: Các cháu hãy đến ổ bắt gà mái đang ấp, bắt con lợn chân có chấm trắng, hai chiếc nanh dài ôm lấy mồm. Con lợn ba người bắt, bốn người khiêng. Bắt con trâu đực to béo, lưng để bát nước cũng không đổ, bắt con bò vàng đang ăn cỏ ngoài bãi, con bò vừa hai người dắt, bốn người kéo không nổi ấy. Bắt đem về thui thịt, làm lễ cưới vợ cho con trai ta đãi khách gần xa đó.

Thế là mỗi người một việc, ai khiêng nước cứ khiêng, ai đi bắt trâu bò cứ đi, người đi bẻ lá cứ bẻ, con gái lo gùi nước nấu cơm để đãi khách gần xa.

Mẹ Rít làm lễ cưới vợ cho con đúng bảy ngày, bảy đêm ròng rã. Ăn cơm no, uống rượu say, ai hát cứ hát, ai đánh chiêng cứ đánh. Nước rượu từ trên nhà sàn đổ xuống đất lênh láng như nước lũ mùa tháng bảy. Con giun, con dế không thể nào sống được phải nhảy ra ngoài. Các loài ếch nhái mừng vui tưởng mưa đầu mùa kêu inh ỏi. Lễ cưới gần tan, khách sửa soạn ra về, nàng Hơbia Đơrang gọi Sét đến bảo cột ché rượu nhỏ của nàng.

Hơbia Đơrang: Ơ Sét, em hãy vào trong buồng lấy ché rượu nhỏ của chị ra đây để chị đãi khách quý gần xa.

Sét: Ơ chị! Sao lại lấy ché rượu nhỏ, nhà ta hết ché rượu to rồi hay sao?

Hơbia Đơrang: Không phải đâu em ạ. Ché rượu của chị nhỏ thật đấy nhưng uống không bao giờ nhạt đâu.

Sét: Cột ché rượu nhỏ không sợ người ta khinh nhà mình hả chị?

Hơbia Đơrang: Không ai nói đâu, miễn là có rượu uống thôi, dù ché to hay ché nhỏ cũng là rượu cả đấy chứ!

Sét: Ché rượu này của chị chỉ có mình em uống cũng không đủ mà!

Hơbia Đơrang: Em cứ cột cho chị đi.

Sét cột rượu, nhét lá và đổ nước. Hơbia Đơrang nấu cơm, nấu canh để sửa soạn một bữa cơm cho ông Pơtao và ba người con gái của ông ăn. Cơm, canh chín rồi, nàng đưa cho mỗi người một nắm cơm và gắp cho mỗi người một miếng thịt. Thấy chị làm như vậy, Sét liền hỏi:

Sét: Tại sao chị lại làm như thế, người ta khinh nhà mình không biết dọn cơm cho khách đó.

Hơbia Đơrang: Không sao đâu em ạ. Họ cứ ăn đi. Ăn hết rồi chị sẽ dọn mâm khác và nếu cần chị sẽ nấu thêm cơm canh nữa, miễn là họ ăn cơm thật no, uống rượu thật say thôi.

Ông Pơtao và ba người con gái của ông đến ăn cơm. Trong đĩa mỗi người chỉ thấy một nắm cơm bằng nắm tay và một miếng thịt rất ngon. Nhưng họ ăn hết nắm cơm này thì nắm cơm mới lại hiện lên và một miếng thịt khác có ngay trong bát canh. Cơm ăn mãi không hết, thịt ăn hoài không hết. Ăn no nê rồi họ uống rượu. Ché rượu nhỏ nhưng bốn người uống không lạt, càng uống càng ngon. Uống xong người nào cũng say. Bốn cha con nàng Emôm say nằm la liệt giữa nhà. Mọi người đã ăn cơm no, uống rượu say, Hơbia Đơrang lại mời Sét uống rượu.

Hơbia Đơrang: Ơ em Sét! Vợ em và bố vợ em đã say rượu rồi, giờ chị mời em uống ché rượu nhỏ này nhé!

Sét đến cầm cần hút thử, nhấm nháp rồi cười. Quả thật rượu uống mãi mà không lạt. Bốn cha con nàng Emôm phải ngủ lại. Sáng hôm sau khách gần xa và bốn cha con nàng Emôm cũng về làng mình.

V

Một tháng rồi một năm qua đi, nàng Hơbia Đơrang có mang và sinh được con trai đầu lòng, Rít đặt tên cho con là Đam Kơmong. Đam Kơmong vừa lên hai tuổi, Rít đã gọi dân làng đi chặt tre, nứa để giúp chàng làm nhà. Nơi có tre tốt rất xa, đi hết bốn ngày bốn đêm mới tới. Rít dặn vợ ở nhà lo làm rẫy, còn Đam Kơmong ở nhà bà trông. Nhưng Đam Kơmong không chịu. Nó đòi đi theo chú Sét ra nơi mẹ nó đang phát rẫy.

Sau khi Rít và dân làng lên rừng chặt tre, nàng Hơbia Đơrang đảm đang lo việc phát nương làm rẫy. Gió thổi hướng nào nàng phát rẫy theo hướng đó. Gió thổi về hướng đông thì phát về hướng đông. Gió thổi về hướng tây thì phát lên phía tây. Nàng mới phát có một ngày bảy trái núi đã thành rẫy.

Trong khi mẹ phát rẫy, Đam Kơmong ở trên chòi với chú Sét. Nhưng Đam Kơmong cứ khóc hoài. Sét làm cho cái ná nhỏ, nó cũng không ưa. Sét dỗ hết cái này, đến cái nọ, nó cũng không nín, cõng đi chơi cũng không thích. Mẹ cho cơm, nó không ăn. Đam Kơmong vừa khóc vừa đòi mẹ đi tìm bắt cho nó một con chim đại bàng đang bay lượn trên trời kia.

Hơbia Đơrang: Ơ con Đam Kơmong! Hồi mẹ còn con gái mẹ cũng biết bay, bay cao hơn chim đại bàng. Bây giờ cha con đem giấu bộ áo váy để bay của mẹ rồi, mẹ không bay lên để bắt chim đại bàng cho con được đâu.

Trong lúc Hơbia Đơrang dỗ con, Sét nghe lỏm được. Sét chạy đến hỏi chị:

Sét: Ơ chị ơi. Em nghe chị vừa nói gì đó?

Hơbia Đơrang: Chị có nói gì đâu! Chị dỗ cháu mà.

Sét: Em nghe hết rồi, chị đừng giấu em.

Sét: Em nghe hết rồi, chị dừng giấu em.

Hơbia Đơrang không muốn nhắc lại chuyện đã qua, nhưng Sét cứ nằng nặc đòi chị kể đầu đuôi. Hơbia Đơrang đành nói hết mọi chuyện cho Sét nghe. Sét cũng biết nơi anh Rít giấu bộ áo váy để bay đó. Sét lấy bộ áo váy đó đưa cho chị. Hơbia Đơrang mừng rỡ đón lấy mặc thử, thấy vẫn vừa vặn. Nàng cởi váy áo bỏ lại chỗ cũ. Nhưng Sét một hai đòi chị bay thử cho xem.

Hơbia Đơrang: Thôi em ạ! Chị mà vỗ cánh bay với đôi cánh này, nếu thuận gió chị sẽ bay đi xa mất, khó mà trở lại nơi đây!

Nhưng Sét cứ năn nỉ bằng được. Hơbia Đơrang chiều em và lại muốn bắt con chim đại bàng cho con chơi. Nàng mặc bộ áo váy vào rồi bay lên trời bắt chim cho con. Từ khi có con chim đại bàng, Đam Kơmong không khóc nữa. Hơbia Đơrang cởi áo váy đưa cho Sét cất vào chỗ cũ.

Từ lúc có con chim đại bàng, Đam Kơmong mải chơi với chim không khóc nhưng Sét lâu lâu lại huých cháu, muốn cho cháu khóc để chị về chòi dỗ con. Sét tìm đủ mọi cách làm cho Đam Kơmong khóc, nhưng nó có đồ chơi rất thú vị là con chim đại bàng. Hơbia Đơrang không về chòi. Sét lại ra tận chỗ chị đang làm và gọi chị về, Hơbia Đơrang về đến chòi Sét lại đòi chị bay thử để coi, Hơbia Đơrang từ chối mấy cũng không được. Hơbia Đơrang đành phải mặc bộ áo váy để bay. Nàng bay lên đến ngọn cây rồi hạ xuống. Sét vẫn đòi chị bay cao hơn, xa hơn nữa để xem. Nàng Hơbia Đơrang biết lần này bay cao, gặp gió sẽ bay xa và không thể trở lại với con. Nàng tự vắt sữa mình đựng đầy một ché, đựng đầy nồi bung để dành cho Đam Kơmong. Nàng lại mặc bộ áo váy vào người và

bay lên. Khi thấy chị bay lên khỏi ngọn cây cao, Sét sực nhớ, e chị sẽ bay đi luôn. Sét gọi, nhưng Hơbia Đơrang không nghe thấy nữa vì nàng đã bị ngọn gió đẩy lên. Nàng bay lên tận trời xanh. Ngọn gió đó là của chú Hơbia Đơrang ở trên trời thả ra để bắt nàng về. Sét nghĩ đến việc đánh cho Đam Kơmong khóc để mẹ nó nghe tiếng, sốt ruột mà hạ xuống. Nhưng Đam Kơmong mải chơi không hề khóc một tiếng. Nàng Hơbia Đơrang bay đi mất hút trên trời cao. Đến chiều, Sét cõng Đam Kơmong về nhà. Sét vừa đi về vừa khóc. Về đến nhà, Sét vẫn khóc. Thấy vậy, mẹ chàng hỏi:

Bà mẹ: Có chuyện gì mà con khóc hả Sét.

Sét: Chị Hơbia Đơrang bay lên trời mất rồi mẹ ạ!

Bà mẹ: Tại sao vậy?

Sét: Con đã lấy bộ áo váy bay và con đòi chị ấy bay lên cao để xem. Bay lên cao rồi gió đẩy chị đi xa không trở về nhà mình được nữa. Mẹ sửa soạn cho con cơm, gạo, áo, khố mới, khiên đao đi.

Bà mẹ: Để con làm gì?

Sét: Con đi báo cho anh Rít biết việc này.

Sét đi mãi. Không biết chàng đã lội qua bao nhiêu suối, đã trèo bao nhiêu núi mới gặp dân làng đang trở về. Dân làng hỏi:

Dân làng: Tại sao Sét vừa đi vừa khóc vậy?

Sét không đáp lời. Chàng cúi đầu vừa đi vừa khóc. Sét cứ đi, đi theo lối mòn, đi mãi mới gặp người bạn là Đam Phu.

Đam Phu: Tại sao Sét vừa đi vừa khóc. Anh Rít đâu.

Sét: Chưa gặp anh Rít. Bạn Đam Phu cùng đi với tôi nhé. Hai người đi theo lối mòn mà Rít và dân làng đang trở về. Sét vừa đi vừa khóc. Cuối cùng Sét và Đam Phu gặp Rít:

Rít: Có việc gì mà em khóc hở Sét?

Sét: Em có tội lớn đối với anh. Anh hãy giết em đi.

Rít: Anh chưa hiểu em nói gì?

Sét: Nếu em nói rõ thì anh có giết em không?

Rít: Giết về tội gì?

Sét: Em đã lấy bộ áo váy để bay đưa cho chị và em đòi chị bay lên cao để xem. Nhiều lần bay lên rồi chị lại hạ xuống. Nhưng em vẫn cứ đòi chị bay lên cao. Chị bay lên cao, bị ngọn gió mạnh đẩy đi, chị mất hút trên trời rồi.

Rít: Anh không thể giết em được. Giết em rồi anh còn cái gì? Dù có bay cao nhưng nếu là con người thương chồng, thương con thì sẽ hạ xuống. Đằng này cô ấy cứ bay đi luôn. Vậy là cô ấy bỏ mình chứ, cô ấy bỏ đi kia mà!

Rít, Sét, Đam Phu và dân làng kéo về nhà. Cả đêm hôm đó, Rít ăn không ngon, ngủ không yên giấc và cũng không siêng nói cười. Chàng nằm vừa nhớ vợ vừa thương con còn nhỏ... Rít nghĩ có lẽ việc này do thần linh nào gây nên đây. Chàng liền vùng dậy gọi bà, gọi mẹ và gọi trai làng, đi tìm bắt gà, giết lợn, thui trâu bò để làm lễ cúng các thần Núi, thần Sông làm cho nàng Hơbia Đơrang sáng mắt nhìn thấy đường trở về nhà. Trâu bò, lợn gà đổ xuống nhiều như đá bên sông. Khói đốt gà, thui lợn, thui trâu bò cứ cuồn cuộn bay lên và tỏa khắp bầu trời. Khói ùn lên rồi ùn xuống vào tận nhà ông Ung Đung thần đất thiêng nhất lâu nay, khói vào ngập nhà làm cho ông Ung Đung không mở mắt, không thở được, ông liền gọi Rít:

Ung Đung: Ơ cháu Rít. Cháu làm gì mà ùn khói đầy nhà cửa của ta, ta khó thở lắm.

Rít: Ơ ông Ung Đung. Cháu không phải có chuyện này việc nọ. Cháu thui trâu, đốt bò để cúng xin các thần linh hãy tha tội cho vợ cháu.

Nghe Rít nói, thần Ung Đung liền khấn:

Ung Đung: Nếu ta là thần Ung Đung có tài, có phép mầu nhiệm, hãy làm cho những ai đi trên đường, ở trong nhà hay đang lên núi vào

rừng ngủ say ngay tại chỗ ấy. Thang gác nhà Rít vẫn luôn để ngửa, Rít mắt nhắm, tai thính và miệng vẫn biết nói.

Nhưng Ung Đung quên không nhắc đến Đam Kơmong. Mọi người, mọi loài vật đều ngủ say. Ông Ung Đung đang bước lên nhà gọi Rít.

Ung Đung: Ơ cháu Rít, cháu có ở nhà không? Cháu mở cửa cho ông vào.

Rít: Cháu có ở nhà nhưng cháu không dậy được. Ông cứ mở cửa vào đi. Ông Ung Đung mở cửa trước vào nhà. Người ông to đến nỗi đụng phải cây xà ngang, sạp nhà gẫy hết. Lúc ông vào nhà chỉ còn có Đam Kơmong còn thức nên thấy rõ bộ mặt của ông.

Ung Đung: Cháu Rít có việc gì để khói lửa ùn lên mù cả trời đất? Làm cho ông không thể ngồi ăn uống được!

Rít: Cháu thui trâu, đốt bò, giết lợn để nuôi con. Con cháu còn nhỏ không có người mẹ chăm nom. Mẹ nó đã bỏ đi và bay lên trên trời rồi.

Ung Đung: Cháu cứ thui trâu, đốt bò, giết lợn thì làm sao mà gọi được mẹ nó về. Tự cháu phải đi gọi mẹ nó về đi.

Rít: Cháu là người trần sống trên mặt đất, còn mẹ nó là con của ông Trời. Cháu không có cánh làm sao đi được?

Ung Đung: Ngày mai, ngày kia, cháu đến nhà ông, ông sẽ giúp cho.

Rít: Làm sao cháu biết ông ở làng nào? Cháu không biết lối, không thạo đường đến nhà ông.

Ung Đung: Cháu cứ đi theo con đường cháu và dân làng đi chặt tre hôm trước đó. Cháu cứ đi, đi mãi, đi tới một khu rừng già, qua một khe suối và trước mặt cháu có một hòn đá to. Đến đó cháu đạp thật mạnh trên lưng hòn đá. Hòn đá sẽ tụt xuống và cháu sẽ thấy một con đường to thẳng tắp. Đó là đường đến nhà ông. Dọc trên đường đi, nếu gặp con rắn con rết, con ong hoặc con hổ xông ra cháu đừng sợ, đừng chạy. Cháu cứ đi. Nếu cháu chạy hoặc quay trở lại thì sẽ bị các loài ấy đốt, cắn và ăn thịt cháu.

Sau khi dặn dò, ông Ung Đung biến mất. Về đến nhà, ông khấn để gọi mọi người thức dậy.

Sáng dậy, Rít đến nói với mẹ:

Rít: Mẹ ơi! Hôm nay con có việc phải đi xa, đi tìm đường lên trời gọi vợ con về. Mẹ sửa soạn cho con cơm ăn và gạo để mang đi nhé.

Ăn cơm, uống nước xong, Rít vào thay áo khố mới. Tay phải cầm đao, tay trái xách khiên lên đường. Chàng theo con đường đi chặt tre hôm trước. Chàng đi mãi, vượt qua khu rừng già, lội qua khe suối nhỏ thì trước mặt chàng hiện ra một hòn đá tròn to. Rít dừng lại, cố đạp chân thật mạnh vào hòn đá. Hòn đá tụt xuống cái "rầm". Tiếng đá tụt xuống rung chuyển cả đất trời. Dân làng nghe thấy cho đó là tiếng la hét của ông Trời. Bà nội Rít cũng bảo như thế. Nghe vậy Đam Kơmong nói:

Đam Kơmong: Không phải đâu bà cố ạ. Đó là tiếng chân của cha cháu đạp hòn đá để có đường đến nhà ông Ung Đung đấy.

Bà cố: Cháu biết gì mà nói. Cứt trâu chưa tróc hết mà đã biết chuyện hả?

Đam Kơmong: Cháu biết mà. Đó là tiếng cha cháu đạp đá đó, bà ạ.

Tiếng đá sập vẫn còn rung chuyển khắp núi cao, sông sâu và khắp mọi buôn làng.

VI

Hòn đá vừa sập xuống, một con đường thẳng tắp hiện ra. Rít bước xuống. Thấy có người lạ vào tất cả các loài rắn, ong, hổ đều xông ra như muốn cắn, muốn đốt và muốn xé xác Rít. Rít nghe theo lời ông Ung Đung dặn, làm như mù như điếc, vững lòng bước đi. Thấy vậy tất cả các loài rắn, ong và hổ đành phải lui về nơi ở của mình. Rít đi không hề ngoái lại.

Rít đi trên con đường to, chàng đi vừa tròn hai ngày ba đêm thì đến một khu rừng già. Đến đây chàng mới nghe ở nơi xa lắc có tiếng gà gáy. Rít nghĩ: Thế nào cũng sắp đến làng của ai đó rồi. Rít đi tiếp quãng nữa thì vừa thấy làng, chung quanh làng có hàng rào rất dầy và cổng làng rất to nhưng vẫn đóng kín cửa. Rít đi đến cổng làng nhìn vào, thấy mấy đứa trẻ đang chơi đánh quay, Rít gọi:

Rít: Ơ các em! Làng này là làng của ai?

Các em: Thưa chú, đây là làng của ông Ung Đung.

Rít: Các em hãy đến báo cho ông Ung Đung biết rằng ngoài cổng đang có khách cần gặp.

Một em nhỏ chạy đến nhà ông Ung Đung.

Em nhỏ: Thưa ông, ngoài cổng làng ta có một người khách đang chờ, nói là có việc cần gặp ông. Cháu đánh quay ngoài cổng làng đã lâu nhưng lần này cháu mới gặp một người khách trẻ và đẹp trai như vậy, mời ông ra đón họ vào!

Ung Đung: Cháu chạy lại báo cho khách đứng chờ một lát, ta đang bận chút việc rồi sẽ ra ngay.

Em nhỏ: Ơ chú đứng ngoài cổng, ông Ung Đung đang bận tí việc, chú chờ một lát.

Các em nhỏ tiếp tục chơi đánh quay. Rít đứng đợi ngoài cổng. Ông Ung Đung đang uốn chiếc vòng đeo tay cho hai cô con gái đang đi múc nước. Làm xong chiếc vòng, ông đi ra ngoài cổng. Người ông cao, to lừng lững. Chân to bằng cối giã gạo, mắt lồi to bằng vú núm chiêng. Rít sợ quá ngã lăn ra đất. Ung Đung bế Rít vào lòng rồi đem lên nhà mình để Rít nằm nghỉ. Khi Rít tỉnh dậy ông nói:

Ung Đung: Rít ạ, cháu đừng sợ, chính ông có lần đã nói chuyện với cháu, nên hôm nay cháu mới đến đây được đấy.

Hai cô con gái của ông Ung Đung đi múc nước vừa về. Hai chị em lên nhà thì gặp một người khách lạ vừa trẻ lại vừa đẹp trai. Hai chị em e lệ đi qua nhưng vào đến bên trong hai chị em lại bấm nhau cười khúc khích. Hai gùi nước không đặt đúng chỗ cũ mà họ đem để gần vách cửa sau.

Ung Đung: Ơ các con! Đây là anh Rít chồng của chị Hơbia Đơrang, các con đừng e ngại, không phải khách xa lạ đâu.

Từ lúc đó hai chị em mới làm quen với Rít. Đến tối họ cột cho Rít một ché rượu to ba người nhắc không nổi, năm người bưng không lên. Ông Ung Đung chặt một cây tre tung[1] làm cần rượu. Ché rượu cột xong, Ung Đung cắm cần uống. Họ ăn cơm, uống rượu, uống liền trong bảy ngày bảy đêm. Nước rượu từ trên sàn nhà chảy xuống đất lênh láng làm cho ếch nhái chạy tới và thi nhau kêu inh ỏi. Chúng mừng tưởng mùa trời mưa to lụt lớn.

Ăn cơm no, uống rượu say, hai chị em đem trải cho Rít chiếc chiếu mới, chiếc chăn đôi thêu hoa để Rít nằm.

Sáng hôm sau, mặt trời vừa mọc, ông Ung Đung ra ngoài hiên nhà gọi mọi người lại.

Ung Đung: Hỡi con trai làng đông, con trai buôn tây và bao nô lệ của ta! Hãy đến đây ta có việc cần làm.

Các chàng trai và tôi tớ: Chúng tôi đến ngay đây.

Ung Đung: Hiện nay nhà ta có người khách trẻ đến nhờ ta làm cho đôi cánh để bay. Bởi vậy, ta nhờ các ngươi đi lấy sắt, lấy đồng về để ta rèn cánh cho chàng.

Các chàng trai và tôi tớ: Chúng tôi đi lấy ngay đây!

Từ ngày đó, trong làng ông Ung Đung có tiếng búa, tiếng đục vang chí chát đi khắp vùng. Rèn xong đôi cánh, khiên và đao cho Rít, ông Ung

1. Một loại tre to, thẳng, đẹp.

Đung cho Rít múa thử khiên đao và bay thử để biết sức bền của các vật đó. Ung Đung cho Rít chặt thử cây sào phơi chỉ đang giất ngoài hiên. Rít chặt một nhát, đao liền bị gẫy, khiên bị méo.

Ông Ung Đung lại rèn cho Rít đao khác, khiên khác. Rồi ông bảo Rít cầm đao, cầm khiên đứng thẳng để cho thần linh của các trái núi đến đánh thử. Đao bị gẫy, khiên bị vỡ toang. Thấy vậy, ông cho Rít đến nhấc thử thanh đao, cái khiên của ông. Rít nhấc mãi không nổi. Ba cha con ông cho Rít uống một nong thuốc khỏe mạnh và cho Rít tập bay.

Rít bắt đầu tập bay. Trong khi Rít bay, hai người con gái của ông Ung Đung cũng bắt đầu nấu cơm để đo sức bay nhanh bay chậm. Rít vỗ đôi cánh tung người lên trên không. Rít bay một vòng rồi hạ xuống, nhưng khi Rít hạ xuống cơm đã chín và nguội từ lâu rồi. Rít bay còn chậm. Ba cha con ông cho Rít uống thêm hai nong thuốc khỏe mạnh. Lần này, Rít bay vút lên cao, bay một vòng. Rít lại hạ cánh khi trở về đến mặt đất thấy nồi cơm vừa chín. Rít vẫn bay còn chậm. Ông Ung Đung cho Rít uống thêm bảy nong thuốc và cho bay thử bảy vòng. Rít lại bay lên trời, bay bảy vòng rồi hạ xuống. Khi chàng đạp chân xuống đất, nồi cơm chưa sôi. Lần này, ông Ung Đung mới cho Rít đến nhấc thử thanh đao và chiếc khiên của ông. Rít đi tới, tay trái cầm thanh đao, tay phải cầm khiên, chàng nhấc lên nhẹ như nhấc túm bông.

Bây giờ đến lượt Rít cầm khiên đao đi đánh thử các trái núi. Trái núi nào bị Rít đánh liền hóa thành khe suối. Rít múa đao phát phải rừng nào, rừng ấy thành đất bằng, thành bãi cỏ cho trâu bò ăn.

Thấy Rít khỏe mạnh, đủ sức bay lên vượt được các thần giông, thần sét, ông Ung Đung về nhà thui trâu đốt bò cho Rít ăn, cột rượu cho Rít uống và cho Rít nghỉ một ngày, ngủ một đêm.

Ung Đung: Ơ các con gái của ta, anh Rít đã khỏe chân mạnh tay rồi, cho anh Rít về được chưa?

Cô chị: Cha ơi, hãy cho anh Rít tắm một nồi bảy nước thần của ta đi, làm cho anh Rít đẹp trai xứng với cái xinh gái của chị Hơbia Đơrang.

Ung Đung: Các con cho anh tắm một nửa nồi thôi. Nếu tắm cả một nồi bảy, cây cỏ sẽ chết hết.

Nói rồi, ông Ung Đung làm phép để cho Rít chết đi một lúc để ông nặn tượng Rít. Ông nặn đi nặn lại đẽo gọt cho vừa ý. Làm xong tượng, ông đem dựng ngoài đường cái thử xem dân làng nói như thế nào.

Tượng ông nặn rất đẹp. Khách từ phía đông, khách từ làng tây qua lại ai cũng ngắm nghía khen ngợi. Ông Ung Đung sửa người Rít cho giống hệt bức tượng, xong rồi ông mới tắm nước thần cho Rít và đánh thức Rít. Rít ngồi dậy.

Rít: Ông ơi! Cháu ngủ quên đã lâu chưa?

Ung Đung: Không phải đâu. Cháu hãy nhìn lại người mình đi, cháu đã đẹp trai hơn rồi đấy!

Giờ đây Rít không những chỉ đẹp mà còn có cả dáng đi uyển chuyển, oai vệ, nói cười ai cũng ưa nghe. Ông Ung Đung cùng Rít bước lên nhà. Thấy Rít đẹp trai, hai nàng xin cha để Rít ở lại.

Ung Đung: Không được đâu hai con ạ. Anh Rít là chồng của chị Hơbia Đơrang. Hơbia Đơrang là chị họ của hai con. Chồng chị để cho chị, chồng em để cho em.

Hai chị em nghe theo lời cha. Rít cũng không dám nghĩ đến, coi họ là hai người em gái của chính mình.

Một lần nữa, ông Ung Đung thui trâu đốt bò cho Rít ăn, cột rượu cho Rít uống để chia tay. Trước khi Rít trở về làng, ông dặn.

Ung Đung: Rít về, ta đưa cho những thứ này. Con chim sẻ, con chuột trắng, con ruồi trắng và một túi thuốc biết hóa phép, cháu cần gì sẽ được nấy. Nếu gặp bữa họ mời cơm, mời rượu, trước khi ngồi ăn, ngồi uống, cháu hãy thả con ruồi trắng ra. Ruồi trắng đậu vào thứ gì cháu mới được ăn, được uống thứ đó. Muốn tìm đường đến làng của ai thì có con chim sẻ và muốn biết nơi nằm ngủ của Hơbia Đơrang cháu hãy cho con chuột trắng đi tìm...

Ăn cơm xong, Rít trở về làng mình.

VII

Rít ra đến cổng làng ông Ung Đung thì bị một hòn đá to chặn lại. Rít lấy sức rồi đạp thật mạnh vào hòn đá. Nghe một tiếng "rầm" rung chuyển khắp mọi vùng đất. Tiếng vang luồn qua rừng, bay lên núi, bay đến tận làng của Rít. Khi nghe tiếng động, mẹ Rít nói:

Mẹ Rít: Ông Trời lại đạp đất nữa rồi đó.

Đam Kơmong: Không phải đâu bà ạ. Đó là tiếng cha cháu đạp đá của ông Ung Đung đấy. Cha cháu sắp về rồi đấy mà.

Mẹ Rít: Cháu biết gì, cứt trâu chưa sạch trên trán đấy!

Đam Kơmong: Cháu nói thiệt mà.

Đến chiều, Rít về tới nhà. Thấy Rít về, lợn, chó giật mình kêu sủa râm ran. Dân làng ngơ ngác, ai ai cũng vội xé phên nhà để nhìn cho được người khách lạ. Rít bước lên nhà, nhưng bà mẹ không nhận ra con. Mẹ Rít lấy thuốc ngon mời khách trẻ đẹp trai hút, lấy chiếu đẹp chăn mới cho khách gối đầu. Nghe tiếng ồn ào từ ngoài làng vào trong nhà, Đam Kơmong thức dậy chạy ra nhà ngoài để nhìn khách lạ. Thấy cháu chạy đến, bà cố vội ngăn lại.

Bà cố: Sao cháu hư thế? Khách lạ đó.

Đam Kơmong: Không phải là khách lạ đâu bà ạ. Bố cháu về đấy!

Bà cố và mẹ Rít đứng lặng nhìn khách, mãi mới nhận ra con cháu của mình. Cả nhà mừng reo, cả làng rộn rịp.

Sau bữa cơm chiều hôm đó, Rít mới ngồi kể lại hết đầu đuôi về việc chàng đi đến nhà ông Ung Đung thần Đất, nhờ ông rèn cho đôi cánh, thanh đao và chiếc khiên.

Rít nghỉ ở nhà vừa đúng ba ngày, ba đêm. Chàng lại xin phép mẹ và nhờ mẹ sửa soạn để đi tìm Hơbia Đơrang:

Rít: Mẹ ơi! Con đã có đôi cánh, thanh đao và chiếc khiên tốt, nay con đi tìm nàng Hơbia Đơrang đây mẹ ạ.

Mẹ Rít: Con là người ở trên mặt đất, làm sao tìm được vợ là con của ông Trời biết bay!

Rít: Con đã được ông Ung Đung làm cho đôi cánh, thanh đao và chiếc khiên thần. Con đủ sức chống lại mọi kẻ thù. Mẹ và bà ở nhà, coi giúp con thằng cháu Đam Kơmong. Con lên trời đây.

Rít không mang theo gạo, chỉ mang theo mười lăm hạt lúa.

Vừa lúc đó, Đam Kơmong thức dậy đòi đi theo cha.

Đam Kơmong: Cha ơi! Cho con đi với!

Rít: Con ở nhà với bà.

Đam Kơmong: Nếu cha đi một mình, khi gặp kẻ ác, làm sao cha đánh được họ? Cha đánh không nổi đâu!

Rít đi ra đến cổng ngoái lại, thấy Đam Kơmong vẫn chạy theo đòi đi. Rít đành phải cõng con sau lưng, tay phải cầm thanh đao, tay trái cầm khiên và cùng mang cả chim sẻ, con chuột trắng, con ruồi theo. Rít cõng con đi theo con đường đi chặt tre lần trước. Rít đi, đi mãi đến bờ sông có cây sung to, lá xanh xum xuê tỏa bóng mát rợp. Rít nói một mình: đây đúng là bến nước của làng ai rồi, chắc làng cũng gần, nhưng sao lại không thấy con đường xuống đây nhỉ?

Đam Kơmong: Không phải đâu cha ạ. Đây là bến nước mà trước kia mẹ hay xuống tắm đó.

Hai cha con lại bỏ đi nơi khác. Trong lúc nghỉ ngơi. Rít cho con chim sẻ bay đi tìm đường, rồi đi tìm bẻ chuối rừng chín. Bay một lúc, con chim sẻ bay về. Rít hỏi chim:

Rít: Chim đã tìm được đường chưa?

Chim sẻ: Thấy đường rồi nhưng còn xa lắm! Thưa ông!

Rít cõng Đam Kơmong lên lưng rồi vỗ cánh bay lên. Chàng bay đến làng của vua Giông. Chung quanh vùng này có bao nhiêu là đám mây đen vây kín lại và tiếng giông, tiếng sấm ùng oàng rền vang khắp bầu trời.

Rít: Con ơi! Cha con ta gặp nguy rồi đây: Con có nghe tiếng sấm nổ không?

Đam Kơmong: Cha ơi cha đừng sợ. Mây đen là khói thuốc của vua Giông và tiếng ùng oàng là tiếng vua gõ điếu thuốc đấy mà. Nếu cha sợ, vua Giông sẽ đạp cha con ta rơi xuống đất ngay.

Càng bay đi, càng thấy mây mù dày đặc, nhưng Rít không sợ, vẫn cứ bay miết. Vượt lên cao thấy trời quang mây tạnh. Giữa bầu trời hiện ra một cái làng chung quanh làng rào kín. Bay đến cổng làng, Rít cất tiếng hỏi đám tôi tớ đang đi lại:

Rít: Ơ các anh! Hãy cho tôi hỏi thăm vài lời!

Tôi tớ: Anh từ đâu đến đây? Có việc gì không?

Rít: Chúng tôi là người từ dưới mặt đất lên đây!

Tôi tớ: Anh cần gặp ai trong làng này?

Rít: Chúng tôi muốn gặp vua của các anh.

Lũ tôi tớ ào chạy đến nhà vua Giông thưa:

Tôi tớ: Thưa ông, hiện đang có người từ mặt đất lên chơi. Họ muốn gặp ông đấy.

Vua Giông vào nhà trong thay áo khố cũ, mặc áo khố mới để ra cổng đón khách lạ.

Vua Giông: Anh đi đâu đấy! Anh là người từ đâu đến đây?

Rít: Thưa ông, chúng tôi từ mặt đất lên để tìm nàng Hơbia Đơrang. Nàng ấy có đi qua đây không hở ông? Chúng tôi ghé qua để xin phép ông cho chúng tôi nghỉ ở đây một ngày, ngủ ở đây một đêm.

Vua Giông: Tôi không nhớ lắm, ngày hôm qua, đêm hôm kia gì đó có một cô gái đến đây. Cô ta có đôi má hồng hồng, đôi môi đo đỏ, mắt sáng long lanh như sao mai, nước da trắng, ngón tay đẹp như lông nhím. Nếu anh muốn nghỉ một ngày, ngủ một đêm, hãy cho tôi hút thuốc.

Rít: Tưởng thứ gì chứ thuốc hút thì tôi sẽ chia cho. Nhưng chúng tôi chỉ sợ ông không vừa lòng, bởi thuốc chúng tôi mùi mốc, mùi khét không hút được.

Hai cha con Rít nghỉ tại nhà vua Giông tròn một ngày một đêm. Vua Giông cột cho hai cha con một ché rượu. Rít uống một hơi, rượu đã lạt.

Một ngày mới đến, Rít cõng con, cầm đao, đeo khiên vỗ cánh bay sang vùng khác. Vùng làng của vua Chớp. Chung quanh làng Chớp cứ giật liên tục. Rít bị chóng mặt.

Rít: Chết đấy con ơi! Con thấy không? Chớp giật sấm nổ liên hồi!

Đam Kơmong: Cha ơi, cha đừng sợ. Tia sáng kia là do vua Chớp quét lửa hút thuốc đó. Nếu ta không dám đi, vua chớp sẽ đạp chúng ta rơi xuống đất ngay.

Càng bay tới gần làng vua Chớp, tia chớp càng to. Rít vẫn bay. Đến nơi, thấy một làng bao bọc bởi những hàng rào dầy đặc. Rít đến vừa lúc gặp lũ tôi tớ đi ra.

Rít: Ơ các anh! Hãy cho tôi hỏi thăm một lời!

Tôi tớ: Có việc gì mà anh gọi chúng tôi?

Rít: Chúng tôi muốn gặp ông chủ làng này.

Tôi tớ: Anh từ đâu tới đây?

Rít: Chúng tôi từ dưới mặt đất lên đây. Các anh hãy đi báo cho chủ làng này biết, để cho chúng tôi vào gặp ông ta có chút việc.

Tôi tớ: Thưa ông, ngoài cổng làng ta đang có khách từ dưới mặt đất lên đang chờ gặp ông! Họ muốn gặp ông đấy!

Vua Chớp vào nhà trong thay áo khố cũ, mặc áo khố mới, chít khăn, choàng chăn thêu rồi ra cổng làng đón khách lạ.

Vua Chớp: Anh đi đâu đấy?

Rít: Chúng tôi từ mặt đất lên đây để tìm nàng Hơbia Đơrang. Lâu nay ông có thấy nàng qua đây không? Chúng tôi xin phép ông cho chúng tôi nghỉ một ngày, ngủ một đêm tại làng này.

Vua Chớp: Ngày hôm qua, đêm hôm nọ có một cô má hồng hồng, môi đo đỏ, mắt sáng long lanh như sao mai, nước da trắng mịn, có ngón tay đẹp tựa lông nhím. Nếu anh muốn nghỉ ở đây một ngày, ngủ một đêm, hãy cho tôi một ít thuốc hút.

Rít: Thuốc hút chúng tôi có, ai tiếc làm gì, nhưng chúng tôi chỉ sợ ông không ưng thôi bởi thuốc chúng tôi hôi mùi khét, mùi mốc không hút được.

Cha con Rít nghỉ lại nhà vua Chớp một ngày một đêm. Vua Chớp cột cho hai cha con một ché rượu.

Sáng hôm sau, hai cha con lại bay đi, bay đến vùng Gió. Bay đến càng gần làng, gió càng mạnh, đổ cây đổ cối. Thấy gió mạnh, Đam Kơmong khuyên cha:

Đam Kơmong: Cha ơi, cha đừng sợ. Nếu cha sợ, gió sẽ đẩy chúng ta xuống đất!

Rít bay nhanh hơn, đến một chỗ trời quang mây tạnh. Nơi ấy hiện ra một cái làng lớn, đó là làng của vua Gió. Hai cha con vừa đỗ xuống cổng làng, gặp một tốp tôi tớ đi ra.

Rít: Ơ các anh! Các anh đi báo cho vua Gió biết hiện đang có khách chờ ngoài cổng nhé!

Tôi tớ: Các anh từ đâu tới đây? Có việc gì cần gặp vua của chúng tôi.

Rít: Chúng tôi từ dưới mặt đất lên, có việc muốn gặp vua của các anh.

Lũ tôi tớ ào chạy đến nhà vua Gió.

Tôi tớ: Thưa ông! Hiện nay ngoài cổng làng ta có khách đang chờ ông.

Vua gió: Khách từ đâu tới đây?

Tôi tớ: Họ bảo rằng, họ từ dưới mặt đất lên!

Vua Gió: Các anh đến báo cho họ là ta đang bận một chút. Chờ ta ra. Vua Gió thay áo khố cũ, mặc áo khố mới, đầu chít khăn nhiễu, choàng thêm một chiếc khăn đôi thêu hoa rồi ung dung bước ra cổng làng:

Vua Gió: Anh từ đâu đến đây?

Rít: Chúng tôi từ mặt đất lên đây để tìm nàng Hơbia Đơrang. Hôm qua, hôm kia ông có thấy nàng đi qua đây không? Hôm nay ông cho chúng tôi nghỉ lại đây. Nghỉ một ngày, ngủ một đêm có được không?

Vua Gió: Anh muốn nghỉ lại đây một ngày, ngủ một đêm, hãy cho tôi một ít thuốc hút.

Rít: Chúng tôi đâu có tiếc một điếu thuốc hút! Chúng tôi chỉ ngần ngại là thuốc chúng tôi có mùi khét mùi mốc ông không hút được.

Rít nghỉ lại tại nhà vua Gió một ngày một đêm. Vua Gió cũng cột cho cha con Rít một ché. Vừa uống rượu, vua Gió vừa nói:

Vua Gió: Hôm trước đây làng chúng tôi có thấy một cô gái ghé qua. Cô ta có đôi má hồng hồng, mắt sáng long lanh, nước da trắng mịn, ngón tay thon tựa lông nhím. Gái trên vùng Gió này không ai xinh đẹp bằng!

Nghỉ hết một ngày, ngủ hết một đêm. Rít lại bay đi tìm làng của nàng Hơbia Đơrang. Từ trên trời nhìn xuống Rít thấy núi non bao la xanh ngát, thấy những dòng sông uốn khúc, lượn qua rẫy lúa, bãi bắp rộng mênh mông. Sát bên bờ sông là những dẫy tre xanh sà những nhánh lá xuống mặt nước. Xa xa, Rít nhìn thấy một bến nước, hai cha con liền xuống tắm. Nơi bến nước lại có sẵn những thứ thuốc kơsoa, kơdí tỏa hương thơm mát. Tắm xong, hai cha con nấu cơm ăn rồi Rít cho chim sẻ bay đi tìm nương rẫy của nàng Hơbia Đơrang. Chim sẻ bay đi khắp mọi vùng và đến một khu rừng nọ, chim sẻ thấy có một cái rẫy to, chiếm hẳn một ngọn đồi. Giữa rẫy có cái chòi to, chim sẻ bay về và dẫn hai cha con đến nghỉ tại chòi. Đam Kơmong vừa đến nơi liền lên chòi để tìm chuối chín. Rít ngăn con:

Rít: Con ơi! Con đừng lên chòi lấy chuối người ta, người sẽ bắt đền đấy.

Đam Kơmong: Đây là rẫy của mẹ, con lấy chuối ăn sợ gì.

Hai cha con dừng chân tại chòi này. Nghỉ một ngày ngủ một đêm. Sáng hôm sau, Rít gọi tất cả muông thú nhờ tỏa đi khắp mọi vùng để tìm làng của Hơbia Đơrang. Bay tròn một ngày đàn chim vẫn không thấy, chim liền bay về. Ngày thứ hai, thứ ba, con chim sẻ mới gặp được nàng Hơbia Đơrang. Nàng đang ngồi dệt vải. Chim sẻ nhanh chóng chui vào ống khung cửi của nàng và cất tiếng hót.

Chim sẻ: Tôi là con chim sẻ, tôi hót ríu rít. Chị Hơbia Đơrang ơi! Chị có nghe tiếng em hót? Cớ sao chị lại bay bổng lên trời? Đam Kơmong còn nhỏ, chồng đi vắng xa. Chị không thương không nhớ sao? Chíp chíp! Chị nghe không.

Hơbia Đơrang ngừng tay dệt vải, ngó chung quanh tìm kiếm thử xem con chim nào mà biết chuyện trong bụng mình.

Chim sẻ: Chị Hơbia Đơrang ơi, chị không thương chồng, không nhớ bé Đam Kơmong xinh trai đó chăng?

Hơbia Đơrang: Hỡi con chim nhỏ, chị nghe rõ rồi! Chị thương, chị nhớ lắm chứ. Ông chú ác nghiệt không cho chị trở lại mặt đất. Thế chim đang đậu ở nơi nào đó?

Chim sẻ: Chị hãy tìm em đi. Em đậu không xa nơi chị ngồi dệt vải đâu!

Hơbia Đơrang bỏ khung cửi đi tìm chim. Nàng lục lọi khắp mọi nơi, mà cũng không tìm ra. Cuối cùng nàng ngó vào ống khung dệt thì thấy một con chim sẻ đang trốn nơi đó. Hơbia Đơrang lấy nước gạo đổ vào ống làm chim ướt cánh không bay được. Nàng bắt chim ra và hơ lại cho chim khô lông cánh. Nàng dặn dò chim rồi thả chim bay về.

Đến chiều hôm ấy tất cả các loài muông thú đều trở về nhưng không có con nào tìm gặp được nàng. Chim sẻ bị ướt cánh về muộn. Rít đang lo cho chim, e bị người ta giữ lại, nên khi chim sẻ về đến nơi, Rít liền hỏi:

Rít: Chim sẻ nhỏ của ta ơi, chim có gặp được nàng Hơbia Đơrang không?

Chim sẻ: Anh Rít ơi, hãy cho em ăn chuối đã, em đói quá.

Chim vừa ăn chuối vừa kể cho chàng Rít biết hiện nay Hơbia Đơrang đang bị ông chú cầm tù, buồn nhớ chàng và nhớ Đam Kơmong lắm.

Rít: Có thật không chim sẻ?

Chim sẻ: Em đã nói chuyện với chị ấy mà. Chị ấy đổ nước gạo vào người em đây. Anh ngửi mà xem!

Rít thấy trên lông chim còn dính những hạt tấm cám nhỏ li ti và chàng ngửi có mùi nước gạo thật.

Hôm sau, Rít gọi tất cả các loài chim, thú đến: con thì cho ăn cỏ, con thì cho ăn chuối, trái cây. Cha con Rít ăn cơm. Sau khi các loài chim thú ăn no, Rít cám ơn chúng và thả cho chúng trở về.

VIII

Hai cha con Rít sửa soạn cho một chuyến đi mới. Lần này hai cha con đến làng ông chú đã cầm tù nàng Hơbia Đơrang không cho trở về mặt đất. Đến cổng làng Rít hỏi người gác cổng:

Rít: Ơ anh gác cổng ơi!

Gác cổng: Có việc gì mà anh gọi tôi?

Rít: Chúng tôi muốn vào làng này gặp người chủ của các anh. Chúng tôi có tí việc mà.

Gác cổng: Các anh từ đâu đến đây?

Rít: Chúng tôi là người từ mặt đất lên đây. Anh hãy mở cổng cho chúng tôi vào tìm nàng Hơbia Đơrang.

Cổng mở. Cha con Rít đi vào và đến ở nhờ nhà bà già góa tên là Pum. Người gác cổng chạy đến báo cho chú Hơbia Đơrang. Biết tin này, chú Hơbia Đơrang đến mời cha con Rít lên nhà mình. Cha con Rít không chịu đi. Ông chú phải đem nước, thuốc đến mời, chàng mới chịu đi về nhà ông ta.

Vào nhà, chú Hơbia Đơrang không trải chiếu mà mời hai cha con ngồi vào xó nhà của hắn. Được biết chú Hơbia Đơrang có khách lạ, tất cả dân làng nhà trên nhà dưới đều đưa cơm ngon, canh ngọt, rượu mạnh ra để đãi khách. Chú Hơbia Đơrang không cho nàng nấu cơm cho khách, bắt nàng múc cơm canh thiu, rượu chua từ lâu đem ra mời khách.

Nhà chú Hơbia Đơrang xếp đầy những rổ cơm bát canh và những ché rượu cột dài từ nhà trong đến nhà ngoài. Những người mang cơm canh và ché rượu đến cũng ở luôn đấy cùng vui với khách. Đến bữa cơm,

Rít thả con ruồi trắng ra để ruồi đi tìm rổ cơm của nàng Hơbia Đơrang. Cha con Rít ăn ngay vào rổ cơm bát canh ấy. Vừa ngồi bên mâm cơm Rít vừa khuyên con:

Rít: Ăn đi con, đây mới là cơm canh ngọt của ta.

Từ ngày hai cha con đến đây, nàng Hơbia Đơrang bị ông chú bắt nhốt trong buồng. Nàng không dám ra ngoài đón chồng và con trai. Hai cha con ăn cơm vừa xong ông chú mời uống rượu. Rít lại cho con ruồi đi tìm ché rượu của nàng Hơbia Đơrang. Rít cầm cần rượu đưa cho con uống trước:

Rít: Uống đi con, đây mới là rượu ngon của mẹ con để dành cho hai cha con ta đó.

Nghe lời chồng nói với con như thế, nàng Hơbia Đơrang ngồi trong buồng khóc. Nàng muốn ra ngoài đón con nhưng lại sợ chú la chú đánh.

Nhà chú Hơbia Đơrang giàu có, nhiều của cải, lắm nô lệ, nhà nhiều gian, nhiều buồng. Những ngày trước đấy, khi hai cha con chưa đến, nàng Hơbia Đơrang được mặc những bộ áo váy đẹp nhất, còn nô lệ mặc áo váy rách. Nàng cũng có buồng riêng. Từ lúc cha con Rít đến nhà, ông chú bắt nàng phải mặc những bộ áo váy rách nhất, còn nô lệ mặc áo váy đẹp đẽ. Đến tối ông chú buộc nàng cùng nằm với đám tôi tớ gái.

Trong khi ngồi uống rượu, chú Hơbia Đơrang tưởng mình đã giấu kín đứa cháu gái, nên ông nói với cha con Rít rằng:

Ông chú: Đấy. Hôm nay hai cha con đến nhà, nếu tìm thấy được buồng nằm của Hơbia Đơrang, ta cho đến đó mà nói chuyện.

Rít: Ôi! Khó lắm đấy. Một người giấu một người đi tìm làm sao tìm được! Nhưng nếu được ông chú cho phép, cha con tôi đi tìm vậy.

Nói chuyện xong, ông chú đi nơi khác. Rít thả con chuột trắng đi tìm. Chuột đã đánh hơi biết được buồng nằm của nàng, chuột chui vào trước. Cha con Rít theo sau. Hơbia Đơrang nằm chung với đám tôi tớ gái, mặc bộ áo váy rách rưới. Thấy vậy, Rít nói:

Rít: Em ạ, trong những ngày qua, cha con tôi ăn không ngon, ngủ không yên đó. Em là gái đã có chồng và con, là người chủ nhà, tại sao em lại bỏ đi, bỏ chồng, bỏ con nhỏ. Cha con anh ăn cơm thiu, uống rượu chua. Anh đến đây giao lại con cho em đó.

Hơbia Đơrang: Em thương anh, thương con lắm chứ, tất cả là do chú của em gây nên. Chú không cho em trở về mặt đất sống với chồng con nữa. Chú muốn gả em cho một người trai khác giàu có đấy, nhưng em không bằng lòng. Nếu anh đem Đam Kơmong về, em sẽ đi theo anh.

Rít: Việc này lớn lắm. Cha con anh không thể bỏ qua được, phải đánh nhau.

Hơbia Đơrang: Anh sẽ đánh nhau với ai?

Rít: Đánh ngay với người trong nhà này. Chính chú của em gây nên việc này. Chứ con trai nơi khác làm sao họ biết em là gái có chồng.

Chú Hơbia Đơrang đã đến từ nãy và nghe được hết mọi lời nói của Rít.

Chú Hơbia Đơrang: Ta đã bảo bụng ta, ta sẽ không bao giờ cho cháu ta trở lại mặt đất. Phải đánh nhau ngay ngày hôm nay. Ta sẵn sàng rồi. Vậy ta chọn khu rừng nào?

Rít: Nếu ông muốn thử sức, đọ khiên đao thì tôi cũng làm theo. Nhưng trước khi chúng ta đánh nhau, hãy nói cho dân làng trốn trước đi.

Chú Hơbia Đơrang: Ô, mày là người mặt đất, sức mạnh của mày đến đâu mà cả gan dám khinh khi ta. Đi ngay, ta đi múa khiên, lượn đao để thử sức thử tài.

Rít: Trước khi ta đánh nhau, ông hãy cho dân làng và tôi tớ của ông nhấc thử thanh đao và chiếc khiên của tôi dựng ngoài cổng làng đã.

Chú Hơbia Đơrang gọi tất cả trai làng và những nô lệ khỏe mạnh ra nhấc thanh đao và chiếc khiên của Rít dựng ngoài cổng. Nhưng không có ai nhấc nổi. Thấy mọi người nhấc không nổi, Rít đến, chàng chỉ dùng một tay nhấc thanh đao và chiếc khiên lên nhẹ như lông.

Rít và chú Hơbia Đơrang đã chọn một khu rừng để đánh nhau. Theo tục lệ, chú Hơbia Đơrang múa trước, Rít múa sau. Chú Hơbia Đơrang tung khiên, múa đao lúng túng. Đài khiên không xoáy, vòng đệm cán đao không kêu. Rít múa, đài khiên xoáy nhanh hơn chong chóng, chiếc vòng đệm cán đao kêu như tiếng sáo êm ái. Chú Hơbia Đơrang nhảy bên trái, Rít tránh sang phải. Hắn xông phía trước, Rít lùi lại phía sau. Chú Hơbia Đơrang đem hết sức mẹ cho, cha đưa, cố lượn múa để chém vào chân Rít, nhưng mọi mẹo lừa của hắn, Rít đều tránh được.

Đánh nhau từ sáng đến trưa, sức cha cho, mẹ nuôi của chú Hơbia Đơrang đã yếu dần, bụng đói, miệng khát, hắn lên tiếng gọi cháu đưa nước uống, cơm ăn.

Chú Hơbia Đơrang: Ơ cháu Hơbia Đơrang! Cháu ném cho chú gói cơm đi, đưa cho chú bầu nước đi, chú khát.

Hơbia Đơrang ném gói cơm, nhưng Rít từ bên kia bay vút lên đón gói cơm ăn trước. Hơbia Đơrang quăng bầu nước xuống. Rít nhảy lên đón bầu nước và uống trước. Càng đánh, sức lực và tài trí của Rít càng mạnh, càng lanh lợi. Cuộc đọ sức, đọ tài chưa phân thắng bại. Vừa múa khiên, chú Hơbia Đơrang vừa nói với Rít:

Chú Hơbia Đơrang: Ai là con gà rừng, hãy đá gà nhà trước đi.

Rít: Không! Gà nhà phải đá gà rừng trước!

Chú Hơbia Đơrang tung khiên múa đao, từ đồi này nhảy sang đồi kia, khi vượt trước đón trước, khi đuổi theo sau Rít. Nhưng tài trí của hắn không vượt nổi tài trí của Rít. Hắn nhảy trái, Rít gạt phải, khi hắn xông phía phải, Rít gạt trái. Những lần hắn đuổi theo để đón đâm Rít, Rít đều tránh được, Rít lại nhảy lên đuổi hắn. Hắn đã mệt lả.

Chú Hơbia Đơrang: Ta mệt rồi, ta nhảy đã mệt rồi, ta múa khiên đao không rung nữa, mày muốn làm gì thì làm.

Rít: Chú ơi chú hãy nhìn đây, đến lượt tôi tung khiên, múa đao đây nhé.

Nói xong Rít tung người nhảy vút lên cao, khiên rung đao liếc kêu rủng rẻng trên trời. Vòng quay của khiên làm gió bão, bụi mù đất trời, mưa xuống nước dâng lên ngập nhà, Rít vừa múa khiên liếc đao vừa nói xuống:

Rít: Giờ thì đến lượt gà rừng đá gà nhà đấy nhé.

Chú Hơbia Đơrang múa khiên để chống đỡ, nhưng sức già, tài mọn, nên không thể gạt nổi gió khiên làn đao của Rít.

Chú Hơbia Đơrang: Hỡi Rít! Ta không gạt nổi gió khiên, làn đao của mày đâu. Mày muốn làm gì tao thì làm.

Rít: Không, ta không giết người. Người thua phải làm theo lời đã hứa.

Chú Hơbia Đơrang thua nên phải bồi thường. Hắn chịu đưa cho Rít một chiếc chăn thêu biết bay như con kên kên. Tất cả dân làng cùng nàng Hơbia Đơrang và hai cô con gái của chú là Hơbia Gơ Rứ và Hơbia Á đều đi theo Rít hết. Trên đường bay về, gần đến làng của nàng Hơbia Tơné, Rít đã nhìn thấy nàng Hơbia Tơné xinh đẹp và chính nàng cũng nhìn thấy Rít trẻ xinh trai. Nàng Hơbia Tơné có phần còn xinh đẹp hơn Hơbia Đơrang. Chàng định ghé lại, nhưng Hơbia Đơrang trông thấy, đã kịp đá cho Rít một cái. Rít rơi xuống đất, nhưng lại trúng hiên nhà mình.

Rít, Hơbia Đơrang, Đam Kơmong về đến nhà. Cả nhà mừng vui, buôn làng rộn rịp đến thăm. Nghỉ hai ngày, hai đêm, Rít đem tất cả các thứ đã mượn trả lại cho ông Ung Đung. Chàng chỉ giữ lại thanh đao và chiếc khiên. Nghỉ một ngày, một tháng rồi qua một năm, đến mùa lúa về nhà, Rít gọi em và bạn Đam Phu đến, gọi chú bác, dân làng đến để lo liệu việc gia đình. Mọi người đều ưng bụng: Sét là em

trai út lấy ba chị em nàng Emôm làm vợ. Bạn Đam Phu lấy hai chị em nàng Hơbia Gơrứ.

Rít trở lại với nàng Hơbia Đơrang. Từ đó, gia đình Rít và mọi nhà trong buôn được sống êm ấm.

IX

Một mùa lúa, hai mùa lúa qua đi. Đam Kơmong nay đã lớn bằng cha rồi. Biết lo làm rẫy, đan gùi và đã biết nhìn những cô gái các làng gần xa. Nhiều lần, mẹ hỏi dò bụng Đam Kơmong. Bà chỉ cô này, bà nói cô kia, nhưng Đam Kơmong không ưng. Đam Kơmong đi hỏi bà nội đã.

Đam Kơmong: Thưa bà! Khắp xứ ta lớn bằng này có cô nào đẹp nhất mà lại giỏi giang không hở bà?

Bà nội: Có đấy cháu ạ. Nhưng cô ta đã có chồng rồi.

Đam Kơmong: Cô ở làng nào? Có xa không hở bà?

Bà nội: Nàng tên là Hơbia Tơné, là vợ của chàng Kơroáy Giăng ở một làng rất xa xăm, chàng Kơroáy Giăng là một chàng trai khỏe mạnh, tài giỏi, lâu nay chưa ai đánh thắng cả. Bọn nào đến cướp vợ, đến cướp buôn làng đều bị chàng đánh thắng cả. Bọn nào đến cướp vợ, đến cướp buôn làng đều bị chàng đánh cho chết sạch đó. Làng của chàng được rào kín bởi những cây gai và sắt, xung quanh rào đầy những đầu lâu của kẻ thù.

Đam Kơmong: Thưa bà, là con trai cháu phải đi thử sức đọ tài đây. Dù bà có ngăn, mẹ cha giữ lại, cháu cũng không ở nhà đâu.

Bà nội: Sức của Kơroáy Giăng mạnh như thế, còn cháu mới lớn lên, làm sao đánh nhau với người hùng mạnh được.

Đam Kơmong: Cháu chưa khỏe, cháu tập cho khỏe, chưa biết múa khiên, cầm đao thì tập chứ bà.

Đam Kơmong bắt đầu cầm khiên, đao của cha tập nhảy múa. Bà và cha mẹ hết lời khuyên ngăn, nhưng chàng không nghe "Con cũng như nồi đất vỡ đâu vứt đó". Chàng luyện đao, múa khiên từ mùa này sang mùa khác, đến lúc tay trái của chàng múa được khiên vững, tay phải lia được thanh đao giỏi. Chàng đến xin phép cha mẹ lên đường đến làng của nàng Hơbia Tơné. Trên đường đi chàng gặp những người tay đao, tay mác muốn đi đánh tên Kơroáy Giăng. Thấy Đam Kơmong đi một mình họ hỏi.

Người đi đường: Ủa Đam Kơmong đi đâu đấy.

Đam Kơmong: Đi đánh tên Kơroáy Giăng.

Người đi đường: Cứt trâu chưa tróc hết mà đòi đi đánh Kơoáy Giăng ư?

Đam Kơmong: Đã là con trai thì sợ chi! Đi đánh giặc mới biết ai là người có tài.

Đam Kơmong vác khiên cầm đao đi về phía làng Hơbia Tơné. Đến làng, chàng thấy làng dựng bằng tám lớp rào sắt. Chung quanh hàng rào, người cầm giáo mác đứng đông như kiến, như mối, và đều chực đánh Kơroáy Giăng. Bên trong hàng rào đều có người gác. Đam Kơmong đến, người gác cổng mở cho vào. Đam Kơmong vào làng, đã thấy nàng Hơbia Tơné đứng trên hiên nhà. Nàng mời chàng lên nhà nói chuyện.

Đam Kơmong: Hôm nay chồng em đi đâu rồi?

Hơbia Tơné: Chồng em đi chặt tre trên rừng.

Đam Kơmong: Từ lâu, khắp xứ đều nghe tiếng chồng em là một người hùng mạnh. Vậy chồng của em có thứ thuốc gì?

Hơbia Tơné: Chồng em có lá gan to, có thuốc thần phù hộ đó.

Đam Kơmong: Thế em có thể chỉ cho anh thứ thuốc ấy, chồng em cất chỗ nào không?

Hơbia Tơné: Anh ấy cất trong ché nước vàng (nước thần). Anh lấy đi, có thứ thuốc ấy, anh mới đánh thắng được.

Đam Kơmong đến gần hũ nước thần. Chàng vừa mở nắp, thấy hũ đầy nước màu vàng óng ánh.

Hơbia Tơné: Anh uống đi. Uống nước này sẽ to gan lớn mật đó và thay vào hũ một ít nước gạo. Anh uống nước này, sẽ đánh đâu được đấy.

Sau khi uống hết nước thần của Kơroáy Giăng, chàng Đam Kơmong đuổi theo Kơroáy Giăng đang đi chặt tre trên rừng xa. Đam Kơmong đến vừa đúng lúc Kơroáy Giăng và người làng kéo tre về. Nghe tiếng kéo ầm ào, Đam Kơmong nép bên đường chờ cho đến lúc Kơroáy Giăng đi qua, chàng Đam Kơmong nhảy ra dẫm chân giữ chặt ngọn tre lại. Trong khi đó, Kơroáy Giăng ráng hết sức để kéo mà cũng không nổi. Thấy Kơroáy Giăng trở lại, Đam Kơmong chạy núp vào rừng. Kơroáy Giăng vừa đi vừa nói: "Tôi đã kéo hai hôm rồi mà không mắc vào đâu cả". Kơroáy Giăng lại kéo, nhưng ngọn cây lại mắc, kéo không nổi. Kơroáy Giăng bực tức chửi đổng và khấn:

Kơroáy Giăng: Tổ cha thằng nào giữ ngọn tre của ta! Tôi xin khấn: Nếu là người, hãy ra đây thử tài, thử sức. Nếu là thần linh, hãy thả tre cho tôi kéo. Về đến nhà tôi sẽ cúng cho.

Khấn xong, Kơroáy Giăng ra sức kéo cây tre về. Đam Kơmong cũng vừa thả ngọn tre. Sẵn đà lao về phía trước, Kơroáy Giăng ngã chúi đầu xuống chảy cả máu miệng. Kơroáy Giăng đứng dậy, nhìn về phía sau thấy Đam Kơmong hớn hở cười mỉa. Kơroáy Giăng tức giận:

Kơroáy Giăng: Mày là đồ trẻ con sao dám phá việc kéo tre của ta?

Đam Kơmong: Chưa biết ai trẻ con, đọ tài thi sức mới biết ai là trẻ con.

Kơroáy Giăng: Thật không? Hay là ta kết bạn?

Đam Kơmong: Ta không làm bạn với ai cả. Phải thi tài đọ sức mới biết ai là kẻ lớn, ai là trẻ con.

Kơroáy Giăng không thể kìm được nữa, liền cầm đao xông tới chém Đam Kơmong. Nhưng Đam Kơmong kịp tránh. Kơroáy Giăng chém bên phải, Đam Kơmong gạt sang trái, chém bên trái, Đam Kơmong gạt sang

phải. Khi Kơroáy Giăng đuổi, Đam Kơmong vừa nhảy vừa múa vừa tránh né. Hai người nhảy, đuổi chém lẫn nhau mãi mà chưa phân thắng bại. Hai người nhảy, đuổi chém lẫn nhau một hồi nữa, Kơroáy Giăng đã thấy mệt, đói và khát nước liền gọi vợ đem cơm nước:

Kớroay Giăng: Ơ em Hơbia Tơné. Em hãy ném cho anh gói cơm, bầu nước và nước thần cho anh đi.

Hơbia Tơné thả gói cơm, bầu nước xuống, thì Đam Kơmong nhảy lên đón lấy gói cơm và bầu nước ăn trước, uống trước. Hai người đánh nhau từ ngày hôm trước, đến hôm sau, sức lực của Kơroáy Giăng đã xuống dần. Khiên trên tay không xoáy, đao không rung, không tỏa ánh chớp nữa.

Kơroáy Giăng: Mày hãy chém tao đi, Đam Kơmong!

Đam Kơmong múa khiên, khiên xoáy làm ra mưa gió, múa đao làm ra tia chớp, rồi Đam Kơmong tung người lên bay cao, lượn vòng hàng mấy chục lần. Sức bay của Đam Kơmong làm ra tiếng gió bão, mưa lũ. Dòng nước lũ trôi luôn cả xác của Kơroáy Giăng.

Từ đó khắp làng đông, buôn tây đều nghe tiếng Đam Kơmong hùng mạnh và người phía đông, làng phía tây đều kéo đến để thi sức đọ tài với Đam Kơmong. Ai ai cũng muốn đánh Đam Kơmong.

Thấy vậy, bà con, chú bác và người làng phải làm cho Đam Kơmong và Hơbia Tơné một ngôi nhà giữa biển cả. Những con cá to, cá dữ trong biển làm kẻ canh giữ ngôi nhà vợ chồng Đam Kơmong phải sống mãi ở đó.

DÂN TỘC ÊĐÊ

ĐĂM DI

Khan Đăm Di *xuất hiện lần đầu tiên trên tập san Nghiên cứu Văn học năm 1961 trong các số 1, 2 và 3 do Ngọc Anh sưu tầm, biên dịch. Tiếp đấy, khi trích đoạn trong* Hợp tuyển Thơ văn Việt Nam *của Nhà xuất bản Văn hóa [năm 1962], người dịch có tham khảo bản dịch* Anh hùng ca Đăm Di *của Đỗ Thiện. Đến năm 1963, Y Điêng và Ngọc Anh lại giới thiệu* Khan Đăm Di *trong trường ca Tây Nguyên của Nhà xuất bản Văn học.*

Năm 1978, Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc cho in 2 bản trường ca Xing Nhã, Đăm Di chung một đầu sách với sự đóng góp của các soạn giả: Y Ông, Kơ So Bơ Lêu, Y Yung, Y Đúp và Ngọc Anh. Trong tập sách này, khan Đăm Di có nhiều nhân vật, nhiều tình tiết khác biệt so với các khan cùng tên đã công bố trước đó. Ngược lại văn bản vừa nêu lại có nhiều nhân vật và sự kiện tương đồng với khan Đăm Di đi săn [Kdăm Yi hiu mnăh] của Y Đúp và Nông Phúc Tước sưu tầm được sau này. Ở đây, chúng tôi giới thiệu bản dịch ra tiếng Việt Khan Đăm Di *trong ấn phẩm của Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc.*

Đăm Di là một trong những khan rất phổ biến ở cao nguyên Đắc Lắc và các khu vực phân bố của người Êđê. Đó là thiên trường ca trữ tình lưu lại nhiều dấu ấn về đời sống xã hội, về văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần của chế độ gia đình mẫu hệ ở miền Trung Tây Nguyên. Di ảnh về nguồn gốc hải đảo của dân tộc Êđê cũng thấp thoáng thấy ở khan này.

CHU THÁI SƠN

I

Buôn lớn, nhà cửa mọc kín đồi. Người giàu, người nghèo sống đông đúc với nhau. Phía trong buôn chiếm ngang ba đồi tranh; phía ngoài, kín ba mặt rừng. Ngoài hàng rào, buôn chất đống cám thóc và bã khoai sắn, cùng xương của các thú rừng. Trai trẻ gái tơ và khách gần xa đi lại như ong chuyển tổ. Khắp các buôn đông tây đều nghe tiếng buôn chàng Đăm Di giàu, nhiều chiêng, nhiều ché, nhiều rượu uống, nhiều cơm ăn. Nhà chàng Đăm Di dựng giữa làng, có chiếc thang lớn, người lên xuống không ngớt. Sạp nhà làm bằng tre, phía dưới kê một tấm ván dài, cuối tấm ván có để một chiếc trống to đụng xà ngang. Trên giàn bếp, phía trong treo những gói muối, gói cá. Phía trên buộc đỏ rực những loại ché túc, ché ba; còn nồi bung, nồi bảy để kín, không chỗ thả chân xuống sạp. Trên mặt đất, lợn đi lại nhiều như cục đá, gà chạy như lá bay và bầy vịt, đàn ngỗng đang tấm kín mặt ao hồ. Trâu bò đầy bãi, voi đầy rừng. Dân làng mải mê lo ăn năm, uống tháng. Tiếng chiêng chuyển đi làm vỡ xà ngang, tiếng trống vút lên làm nứt cột đứng. Tiếng chiêng trống vang khắp rừng, làm cho bày khỉ vượn mải ngồi nghe tiếng chiêng trống của chàng Đăm Di quên cả hái hoa, ăn quả.

Ở một ngày, nghỉ một buổi chiều và ngủ một đêm, bốn anh em Đăm Di, trai đã cao bằng cha, gái lớn bằng mẹ. Chàng Đăm Di là cây đa mọc trước, mọc xưa. Rồi đến Xing Mưn, nàng Bơra Etang và em trai út là Xing Mơnga. Ba anh em Đăm Di sắm ba bộ khiên, ba con dao cầm tay. Cả ba đang tuổi múa khiên giỏi, cầm dao vững và biết đánh giặc giữ buôn làng. Họ đã từng đánh tê giác khổng lồ, đã từng xô hổ lớn và đã từng vặn cổ không biết bao nhiêu lợn rừng và muông thú. Cha sinh mẹ đẻ ra ba anh em vóc dáng mơn mởn như bày dê non.

Đôi mắt họ đẹp như mắt vẹt kiêng, nhanh nhẹn như mắt hôngsai. Họ cùng mặc khố thêu, đeo lục lạc rộn ràng. Họ giắt dao nhỏ vừa chạm mông, đeo gươm dài quệt đất. Ba anh em Đăm Di, cái đầu giống đầu chim nhông, cái miệng như miệng chim phí, thân hình ửng hồng như mặt trời mới mọc. Em gái của họ tên là Bơra Etang. Nàng cũng đẹp, chọn gái khắp xứ sở lớn bằng này không có ai theo kịp nàng. Nàng có tóc quăn

trên trán, răng trắng nõn, khuôn mặt như trứng gà mới đẻ, thân hình nàng tròn trĩnh như chiếc piêu[1] hoa đặt trên đầu nằm. Da nàng như hoa arăng arinh, ánh như hoa kơnốc. Nàng ngồi, cỏ cây chết héo; nàng vào rừng, chim kơlê, kơbuôn quên cả ăn quả đa chín. Búi tóc tròn nàng cắm trâm đồng, búi tóc thon nàng cài trâm bạc, tóc dài buông ra vừa đụng tới xà ngang. Cái lưng nhỏ thon như lưng kiến vàng, đôi vú cong như nồi lỏ và hai mông nàng tròn như trứng chim. Nàng mặc váy thêu hoa, bận áo đeo lục lạc có đính những sợi tua đùa chạy theo gió. Nàng bước đi nhẹ nhõm như voi đập vòi, bước đi lặng lờ như cá bơi dưới nước.

Nàng Bơra Etang không phải con của mẹ đẻ, cha sinh, mà là con đúc trong khuôn, nặn bằng tay. Nhìn xa cũng đẹp, trông gần càng đẹp, càng duyên dáng. Tiếng nàng nói đổi bằng giá một con trâu, tiếng nàng cười giá đứt một con voi. Tiếng nói cười của nàng khắp xứ sở lớn bằng này đều chuộng, khắp buôn làng đông tây đều khen. Nàng mở miệng cười tươi như hoa đămdé buổi sáng. Ngón tay nàng dệt thêu không ai theo kịp. Cổ nàng có hai ngấn, đeo vòng bạc và chuỗi cườm vàng. Nàng thật là một cô gái đẹp, gái xinh không ai đuổi kịp. Mẹ cha sinh ra họ, anh em Đăm Di, có ba trai, một gái. Buổi sáng mẹ không nghỉ, ban ngày không rỗi. Nếu các con rách chăn, mẹ dệt chăn, rách áo, mẹ dệt áo.

Thấy các con ngày một khôn lớn, con trai biết đi nương rẫy, bắn chim, con gái đã biết dệt áo cho mẹ, thêu khố cho cha, đến một buổi sáng mùa rảnh việc rẫy việc nương, bà mẹ mới nhờ các con trai lên núi chặt guôn mây về ăn.

Mẹ - Ơ Đăm Di! Mẹ đẻ ra các con được ba anh em trai, hiện nay các con đã lớn bằng cha rồi. Mẹ đẻ ra các con và nuôi nấng các con, nay mẹ muốn nhờ các con. Mẹ ăn cá, ăn thịt tươi, thịt nướng các loài thú của các con săn bắn về đã nhiều, đã chán. Bây giờ mẹ muốn ăn guôn mây rừng mới thấy ngọt, thấy bùi. Mẹ hiện nay chân đã yếu, tay đã mềm và thân hình đã héo dần như thuốc lá trong vườn...

Đăm Di - Vậy ư mẹ? Mẹ muốn ăn guôn mây rừng mới ngọt, mới bùi sao?

---

1. Loại gùi 4 chân phổ biến ở vùng Krông Buk ngày nay. Piêu hoa là loại gùi được đan cài hoa văn, có nắp dùng đựng váy áo.

Mẹ - Thế đó!

Đăm Di - Ngày mai, chúng con sẽ vào rừng chặt đọt mây cho mẹ, kẻo rồi, mẹ già, cha yếu mất!

Mặt trời từ từ ngả mình xuống núi. Đàn gà đã lên nhà, trâu bò ngoài bãi đã vào chuồng, chàng Đăm Di đứng trên hiên nhà gọi dân làng đến để bàn chuyện ngày mai đi chặt đọt mây.

Đăm Di - Ta gọi các người đến không phải chuyện này, việc nọ gì lớn. Các người đến, ta sẽ nói rõ.

Vừa nghe miệng Đăm Di gọi, dân làng từ khắp nơi đều rầm rập chạy đến. Từ trẻ con cho đến người già chống gậy cũng đến nghe, thấy dân làng đã đến đông, Đăm Di nói:

Đăm Di - Ơ tất cả nô lệ của ta và dân làng này! Hôm nay, ta chụm lửa rác, ta đốt lửa cấm ở đây, ta nói các người nghe!

Nô lệ - Chúng tôi muốn đi từ lâu, nhưng không có ai dẫn đường, nay ông dẫn đi, chúng tôi không đi sao được!

Đăm Di - Nếu đi, nội trong ngày mai, các người phải sắm sửa gạo muối cho đầy đủ. Chúng ta vào rừng chặt guôn mây lần này, lâu hay mau chưa biết. Khi nào chặt được guôn mây, chúng ta mới về. Ơ các bạn trai trẻ! Trước khi đi rừng, ai có người yêu hoặc có vợ trẻ, báo cho họ biết đi.

Trai làng - Chuyện đó chúng tôi không cho ông dạy ông bảo, chúng tôi đã biết từ trước rồi.

Nghe Đăm Di dặn dò xong, người nào về nhà người nấy, sắm sửa thức ăn đồ dùng ngày mai đi rừng.

Em út Đăm Di là Xing Mơnga, ở nhà trong không được, ra nhà ngoài không yên. Chàng đã đến tuổi lớn khôn, muốn có người nấu cơm, dệt áo, thêu khố. Chàng bèn hỏi chị Bơra Etang.

Xing Mơnga - Ơ chị Bơra Etang! Hiện nay, em đã lớn bằng cha, biết đi nương đi rẫy, em đã muốn có người nấu cơm, dệt áo, thêu khố, chị có nghe làng đông, làng tây nào có cọn gái ở không? Làm thế nào, họ đứng ngồi, tròn như bó bông? Làm thế nào cho ché túc cùng một mùa, ché ba cùng một thời? Mẹ đẻ em cho em, mẹ nàng cũng đang mang cho nàng?

Bơra Etang - Ơ em Xing Mơnga! Khắp các làng đông làng tây, dù dọc theo bờ sông hoặc lượn trên sườn đồi cũng không ai có người con gái như miệng em vừa nói. Chỉ có một nàng Hơbia Sun ở buôn gần nguồn sông đó. Chỉ có nàng em mới ưng bụng. Nàng đó trông ngang, ngó dọc mới thích lòng em.

Xing Mơnga - Đúng như thế đấy, chị ạ.

Hôm sau, trời vừa xế chiều, chàng Xing Mơnga đã thay khố đẹp, mặc khố nhiều hoa thêu có treo tua xanh đỏ. Chàng bước đi, sợi tua bay theo người. Chàng mặc áo đen ngực đỏ, đầu buộc khăn nhiễu xanh màu óng ánh như cánh chim diều. Trang điểm xong, Xing Mơnga ra đi, chàng đến làng của nàng Hơbia Sun. Khi đến nhà nàng, chàng nói:

Xing Mơnga - Ta nên đi đường nào đây? Nếu vào cửa trước, lửa mẹ nàng đang đỏ ngọn; vào cửa sau, lửa mẹ màng đang cháy rực, nếu ta lên lối cửa ngang, sợ nàng không thả thang cho ta bước.

Chàng Xing Mơnga đến cửa sổ chỗ buồng Hơbia Sun ngủ, con voi giữ nhà đã nhìn thấy và liền đuổi chàng. Chàng vừa chạy vừa gọi nó:

Xing Mơnga - Ơ con voi đuôi dài, ngà rộng, chớ đuổi ta làm gì! Ta muốn đến nói chuyện với nàng Hơbia Sun! Để sau này, ta sẽ nuôi nấng mày tốt lành hơn!

Nghe tiếng chàng nói, con voi không đuổi nữa. Nó chảy nước mắt, nước mũi. Rồi con voi nằm xuống cho Xing Mơnga trèo lên, đưa chàng vào đúng chỗ nàng. Hơbia Sun đang ngủ. Chàng dón chân bước vào buồng nàng. Hơbia Sun đang ngủ say mê mệt... Nàng nằm ngủ trông như chiếc nhẫn bạc rơi giữa chiếu hoa. Xing Mơnga bồi hồi lo làm thế nào gọi được nàng thức giấc để nói chuyện với mình.

Xing Mơnga - Ta làm thế nào đây. Nếu gọi, sợ nàng tức, đánh thức, sợ nàng giận. Lay đầu, sợ nàng cắn; lắc chân, sợ nàng đạp và cầm tay, sợ nàng đấm. Có lẽ ta phải sờ vào ngực, nàng mới cất tiếng cười!

Nàng Hơbia Sun đã nhẹ nhàng uốn người ngồi dậy.

Hơbia Sun - Ai đó? Anh Xin Mưn phải không?

Xing Mơnga - Không phải đâu.

Hơbia Sun - Anh Đămđơroăn phải không?

Xing Mơnga - Đâu có phải!

Hơbia Sun - Thế thì anh là ai, có phải anh Xing Mơnga không?

Xing Mơnga - Phải, anh đây, em ạ.

Hơbia Sun - Anh đi đâu, một năm mới đạp cầu thang một lần, một tháng mới đạp chân lên hiên nhà em một bận thế này?

Xing Mơnga - Năm nay con trâu đực đi tìm cỏ non, người Êđê đến tuổi lớn khôn, muốn có nhà, có rẫy trồng? Anh còn đi đâu nữa.

Hơbia Sun - Ơ , có thế mà anh dám to gan lớn mật, đạp lên chiếu chăn của em giữa lúc này sao!

Xing Mơnga - Vì bắp vế anh to, anh mới dám đạp chân xà dọc, vì bắp đùi anh lớn, anh mới dám đạp chiếc xà ngang, vì bụng dạ anh vững, anh mới dám đặt chân lên chiếu, lên chăn của em! Nếu mồm miệng nói sai với em, anh sẽ xin đến bù lại.

Hơbia Sun - Ơ anh Xing Mơnga! Ngựa ăn cỏ phải dắt về chuồng, trâu uống nước phải sỏ mũi! Hiện nay, em muốn có người phát nương, làm rẫy và đuổi chim. Nếu được thế, em mới ưa cái lưng, ưng cái bụng.

Xing Mơnga - Thật thế hở em?

Hơbia Sun - Thế đấy. Anh đến hôm nay, anh đã đem những thứ gì?

Xing Mơnga - Chui dưới gầm sàn nhà em, anh đem một cái bát đồng, lên cầu thang nhà em, anh đem một cái chậu bạc và bước chân vào trong nhà em, anh đem theo một cái ché túc giá bằng con voi!

Hơbia Sun - Thế hở anh?

Xing Mơnga - Đúng là như thế!

Hơbia Sun - Ơ anh! Em chỉ sợ thân anh vợ đã có mà anh lại muốn có một người bạn gái khác. Em e rằng người bạn họ Niê anh đã có, người bạn họ Kơsơrơ anh đã nhiều. Anh đến đây chỉ có để khây khỏa nỗi buồn của anh thôi.

Xing Mơnga - Không phải đâu, em ạ! Anh từ khi lọt lòng mẹ cha chưa đặt tên; khi thân hình khôn lớn, anh chưa hề đi làng đông tây đây

đó. Vì cái đêm nay, anh muốn chặt thứ sợi mây êpông trên rừng, anh muốn hái ngọn mơ đin trên núi, anh muốn chặt cây chuối, cây mía. Anh đã muốn từ lâu cùng em trao chiếc còng. Nếu em cái mặt không ưng, cái lưng không ưa, đến đây ta miễn chuyện này!

Hơbia Sun - Thật không anh? Anh có thật là bụi nghệ trên rẫy, cây kơsoa mọc trong rừng, tiếng nói của đôi trai gái đã hẹn. Nếu ngày mai, anh đã có người bạn khác, nhà cửa của cha mẹ anh sẽ thành tro bụi nhé!

Xing Mơnga - Ừ. Nếu như thế, anh xin sẽ đền bù của cải cho em. anh sẽ đưa cho em bảy con voi. Ơ em Hơbia Sun! Nếu ngày mai em đã có trai gần, làng xa, nhà cửa của cha mẹ em sẽ thành tro bụi và người trẻ già của làng này, anh sẽ đem về bỏ xuống cối giã đó.

Hơbia Sun - Được, như thế đấy! Ngày mai, anh đi rừng chặt guôn mây phải không? Ơ anh Xing Mơnga! Đêm nay, dù anh đem ché túc kê gỗ, ché bố đè lá, đem trâu đàn, voi bầy, người nô lệ trăm ngàn em cũng không thích đâu. Hiện nay, em chỉ muốn có cây pơrứ hoa, cây mơsa chạm, do tay anh làm ra. Nếu đi rừng, anh đừng quên làm cho em cây pơrứ hoa, cây mơsa chạm nhé!

Chàng Xinh Mơnga và nàng Hơbia Sun là trai đẹp gái xinh. Khi họ bước chân đi giống như cặp cá kơdoa bơi trong vực nước, khi họ ngồi như đôi chim kơbuôn ăn quả đa trên ngọn. Họ ngồi trong buồng ba ngăn, thắp đèn mỡ, đốt thuốc nhuộm răng.

Hơbia Sun - Ơ anh Xing Mơnga, anh hút thuốc đi! Thuốc này em bổ bằng rìu, em xắt bằng dao, sợi thuốc rời rạc như phân voi phân ngựa. Mời anh hút tạm.

Xing Mơnga - Ơ em! Hút thuốc mẹ xắt hôi mùi bầy dán, hút thuốc cha bổ sặc mùi giời leo, hút thuốc người nhân tình mới thấy mùi thơm của hoa cải!

Hơbia Sun - Thôi anh ạ, chúng ta nói chuyện bao nhiêu rồi, chúng ta ngủ đi! Nếu em nóng tay, lạnh chân trong đêm nay là tùy bụng anh đó.

Xinh Mơnga - Không phải đợi em dạy, con cá mới biết lội nước, không phải nhờ em thức, con khỉ mới biết leo cây; chuyện này anh đã biết từ lâu.

Ơ em Hơbia Sun! Ngửa mặt lên cho anh xem, nghiêng má đi cho anh hôn. Anh hôn ở bắp vế thấy mùi cua, hôn bắp đùi có mùi cau trầu. Anh hôn dưới cằm mới thấy mùi mật ong trên cây. Nếu thương nhớ, anh sẽ hôn nữa.

Hơbia Sun - Ơ anh Xing Mơnga! Anh coi cái vú em đây! Vú em cong như ngà voi. Anh hãy hôn em đi. Anh hôn bỏ vào túi, để khi nhớ thương, anh lại hôn vào túi nữa, nghe không anh!

Xing Mơnga - Ơ em Hơbia Sun! Vú tròn, em để trên đường ra bến nước, vú ngà voi, em để trên đường đi hái củi và nếu vú em đã ngã, em để cho chồng ở nhà, em nghe!

Hơbia Sun - Sao anh lại nói em như vậy?

Xing Mơnga - Ơ em Hơbia Sun! Đêm nay trời mưa nhẹ, ếch nhái trèo nhau, vắt sên chui lên lá.

Hơbia Sun - Ơ anh Xing Mơnga! Chúng ta ché túc một mùa ché ba một thời, trai gái cùng một lứa. Em đây thân hình còn nhỏ, nếu em chưa biết đi, anh cõng, chưa biết ăn, anh đơm. Đến hôm nay, chiếc còng ta đổi, chuỗi cườm ta trao, váy ta sắm cho nhau. Chúng ta sống bên nhau đến khi rụng quả mơkia, khi già trái muỗm, đến khi trời chia, đôi ta mới thôi. Đôi ta ăn ở với nhau, đánh chiêng đến khi chiêng vỡ, đánh kơná khi bị giật mất thanh gõ mới thôi.

Sau đó, chàng Xing Mơnga lấy váy thường kê trên đùi, lấy váy thêu hoa gối trên đầu, cùng nằm ngủ trong buồng với nàng Hơbia Sun.

Bỗng nghe gà vua Mơđơrí gáy ngoài nhà, gà vua Mơđơrang gáy cuối buôn, gà trên đồi gáy đầu hôm, gà trong rừng gáy lúc trăng soi, là những bầy gà lớn mào trùm trán, gai dài chít đến trời cao, mẹ mua giá bằng một cái nồi ba, cha mua bằng nồi bung. Nghe tiếng gà gáy, chàng Xing Mơnga ra về.

Nàng Bơra Etang lấy nồi lở pha đồng thau, xách nồi ba chạm đáy đi nấu cơm cho hai anh và em trai ăn để họ lên rừng. Nàng đổ gạo nghe như mưa sa, xới nồi cơm nghe như thác réo, cạo nước cơm hơi bốc lên như sương mù. Nàng nấu cơm chỉ trong dập miếng trầu cơm đã chín. Nàng xới cơm vào đĩa hoa kơtăm, đựng vào cả đĩa hoa kơbuôn nữa. Cơm của

nàng trắng như hoa êpang, nồi canh nấu đầy những tôm suối đỏ như hoa cây piết. Cơm của nàng, biết bò, biết đi như đàn ong làm tổ trên cây.

Bơra Etang - Các anh đến ăn cơm, rồi đi lên rừng!

Ba anh em Đăm Di vào bữa ăn. Mỗi lần họ bốc cơm bằng cái đầu con chồn, mỗi lần họ nắm, cơm bằng đầu con mèo. Họ ăn thịt lợn bằng ba lần đưa lên miệng, ăn thịt trâu to gấp ba lần bốc. Họ ăn cơm nhanh chóng, ăn trong chốc lát.

Bơra Etang - Các anh ăn cơm nữa! Rồi đây các anh đi đường đi nhiều ngày, em sợ không có nơi để nấu!

Ba anh em Đăm Di - Chúng tôi ăn nhiều rồi đấy. Đây là cái bụng chúng tôi, phải đâu cái gùi mới mở rộng, đâu phải cái sọt mới nới thêm, đâu phải cái bụng của con thú rừng vừa ăn, rồi lại ăn nữa. Đây là cái bụng con người, ăn uống phải có chừng. Một trái dưa có thể ăn ba năm, một quả chuối ăn ba ngày và nếu có một đoạn mía, ăn cũng vừa đủ no đấy em ạ!

II

Chim tu hú gọi bắc nồi, chim tó kêu vo gạo, chim chiền chiện bảo gói cơm, chim chèo bẻo giục mở cổng và bầy chim mơlang hốt thúc dân làng đi lại. Họ bắt voi đuôi ngà rộng, những loại voi biết kêu và có ngà dài chạm đất. Voi đực họ bắc bành tre. Đấy là đàn voi của những người gan dạ đi săn bắn.

Chàng Đăm Di gọi dân làng ra đi. Họ đi theo đường cong, ngoằn ngoèo, giáo mác giơ lên như bông lau lách, cung nỏ như nhánh cây, ống tên như trái mướp trên giàn và râu cằm của họ mọc dài như râu ngô. Người đông như kiến như mối, một trăm người đi trước, một nghìn người theo sau. Kẻ trước người sau, rộn ràng như ong chuyển tổ.

Họ lên núi Hòn Chai, theo lối núi Cú, núi Ching nghiêng phía bên kia là rừng trúc vật vờ, bên này là rừng tre alê đầy tiếng ve sầu gọi mưa, tiếng chim pút, chim kơtrao kêu trên ngọn cây lanh lảnh. Bên này bãi

trống, bên kia hang đá, làm rộn cả con sóc núi Laygia[1]. Phía trái đường là đồng bằng sông Sóa, phía bên phải là con sông Su, đằng xa xa kia là bãi cát sông Ba.

Rừng này mới có nhiều cây leo, trái cây, cây có mắt như tre, trúc và khỉ vượn nhảy khắp nhành lá. Ởđây mới có rặng cây tre trúc, tre ngà, mới nghe tiếng cười của các cô gái hái rau hai bên bờ sông. Giữa lòng sông có những chiếc thuyền nan và mảng tre lên xuống. Bên này nghe tiếng các cô gái làng cười trên bờ, bên kia nghe tiếng các cô gái trẻ mang gùi đi hái rau đắng dọc bờ suối, hái rau êpông dọc bờ sông Ba, hái rau lưỡi con nai bên bờ sông Hing, sông Búc. Ta lên đồi thấp, ta trèo non cao, kìa thấy buôn Iếut một vùng, buôn Kơreng một bãi vừa tròn ba mươi bảy cái nhà. Đó là buôn làng của những người đàn bà góa bụa[2]. Cổng làng của họ xinh xắn, bên dưới đóng cọc bằng đồng, phía trên cọc bằng sắt và treo tua xanh, tua đỏ rập rìu. Người trong làng vẫn có, nhưng cổng làng lại đóng chặt. Đoàn người và voi của anh em Đăm Di đến và dừng trước cổng. Đăm Di gọi người ra mở cổng.

Đăm Di - Ơ các em goá bụa! Hãy ra mở cổng cho anh đi chặt guôn mây bên dốc, chặt guôn toác trên đồi.

Các cô gái ngồi dệt vải, nghe tiếng gọi, ngoái đầu nhìn ra và nói:

Gái goá - Ai kia? Có phải anh Đăm Di không?

Đăm Di - Tôi đây các em ạ!

Gái goá - Anh đi đâu đó? Mỗi năm, một lần hồng ra nụ, hoa nở và đất đai nghe tiếng chim Kơtốc hót, anh mới đạp chân đến làng của bọn em, những đứa gái goá bụa này!

Đăm Di - Chúng tôi không đi đâu bao giờ. Đến năm mới, tháng mới, chúng tôi mới lên núi cao, chặt guôn mây, đọt mơ đin về nuôi cha mẹ.

Gái goá - Anh chờ một lát! Chúng em đang dở mối chỉ, cuốn vải vào khuôn.

Đăm Di - Tại sao lâu quá thế này?

---

1. Núi cao, rừng rộng.

2. Ý chỉ con gái chưa chồng theo lời nói khiêm tốn.

Xing Mơnga - Anh hãy cầu trời cho khung cửi của họ gẫy đi, có vậy họ mới mở cổng cho ta!

Đăm Di - Hỡi các thần linh, các ông hãy nghe đây! Bảy ngón tay tôi gọi thần Mơgia[1], năm ngón tay tôi gọi thần trời. Tôi cho con chim cút đi gọi chim kơtrao đi báo. Nếu ông ngủ, bà đánh thức, nếu ông quên, bà nhắc, các ông hãy làm khung cửi của các cô gái goá này xổ lông, khó dệt, và làm gẫy khung cửi của họ đi, để họ chóng ra mở cổng cho chúng tôi.

Chàng Đăm Di càng cầu thần, các cô gái càng dệt khoẻ hơn để chọc tức chàng trai ngoài cổng. Đến lượt Xing Mưn cũng thế, các cô càng đùa cợt nhiều hơn. Cuối cùng chàng Xing Mơnga ra cầu trời, cầu thần.

Xing Mơnga - Hỡi các thần linh của núi, của sông! Bảy ngón tay ta gọi thần Mơgia, năm ngón tay ta chào ông trời làm sao khung cửi của các cô gái goá bụa phải gẫy, tận tay mà ra mở cổng cho ta vào!

Xing Mơnga cầu trời chưa dứt lời, các khung cửi của các cô gái đã khó dệt. Nó nặng nề và các cây buộc chỉ đều gẫy tan.

Gái goá - Ngày hôm nay trời làm sao đây mà chỉ ta hay đứt? Có phải cái đạp chân mạnh quá không? Khung cửi ơi, mày đi trước đi, ta không cần! Thiếu gì bông mẹ ta để trong sọt, thiếu gì vải mẹ ta cất trong gùi và thiếu gì vải xanh vải đỏ rực ta phơi kia. Ta đây các cô gái xấu bụng từ hồi còn nhỏ, khung cửi đừng chọc tức ta làm gì?

Trong chốc lát, các cô gái tự tay cầm dao chặt khung cửi của mình, khung cửi đạp gẫy, rác ngập cả mái nhà. Cô gái vùng dậy, lấy váy thêu hoa có tết tua mặc vào. Nàng chải đầu, tóc đen như con rắn than, tóc dài chạm tới nhượng chân. Nàng búi tóc tròn hơn trứng chim rừng, búi tóc nhỏ nàng cài trâm đồng, búi tóc to nàng cài trâm bạc. Lấp lánh tai đeo hoa ngà voi, cổ đeo chuỗi cườm. Tiếng nói cười trong trẻo như tiếng chim hót ban mai. Thân hình nàng tròn trĩnh như vầng trăng mới mọc. Chân nàng bước đi mới nhẹ nhàng, xinh đẹp làm sao? Đến cổng làng, nàng bèn gọi các thần cầu phúc cho ba anh em chàng Đăm Di.

Gái goá: Hỡi các thần linh trên thế gian này! Ta cho chim nghiếc đến gọi, chim Kơtrao đến kêu, chim cút đến mời và ta cho bầy chim

---

1. Thần Cá Sấu.

bănbuê đến báo cho các người. Nếu chồng ngủ, vợ đánh thức, nếu vợ quên chồng nhắc. Nếu các anh nhà Đăm Di được trọn vẹn về sức khoẻ, bằng một tiếng ta gọi bến nước ăn phải gào thét, cổng làng phải lỏng những chiếc then cài!

Phẳng phẳng, nàng mở cổng. Mọi người bỗng nghe tiếng bến nước gào thét và đoàn người của Đăm Di mới chuyển đi được. Vừa đi, chàng Xing Mơnga vừa liếc nhìn thấy cô gái goá bụa: Nàng thật xinh đẹp. Chàng trai nhỏ thấy bụng muốn trao ngay chiếc còng cùng nàng. Nhưng đang trên đường đi, chàng Xing Mơnga đành nói một mình: "Làm sao cô này đẹp kỳ lạ vậy? Nếu hôm nay, ta không được cầm chiếc còng, chuỗi cườm mà trao cùng nàng, không được sắm váy áo giúp nàng, miễn sao nàng cho ta hôn một cái cũng được. Em ơi, nghiêng mặt đây cho anh xem, ngửa mặt lên cho anh hôn...!

Chàng vừa đi vừa nói, nên chàng đi chậm. Đăm Di thúc giục:

Đăm Di - Thôi em Xing Mơnga! Đi đi kẻo rồi ta không kịp lên núi!

Xing Mơnga - Các anh đi trước đi! Tôi phải ghé thăm nhà các cô gái này một chút mới được.

Xing Mơnga tách đoàn người ở lại sau, đi vào làng của cô gái. Đi đến cầu thang ở đầu làng, chàng gọi.

Xing Mơnga - Nhà này có người ở không?

Trong nhà - Có, chị em chúng tôi đang quay chỉ. Nếu anh muốn uống nước, xin hãy lên nhà, muốn hút thuốc, hãy vào trong, muốn nói chuyện trai gái, hãy lên đây chị em tôi mới dám mời. Vì làng chúng tôi mỗi năm chỉ một lần có khách đến chơi, mỗi mùa bông nở, mới có trai gần xa đến thăm. Anh hãy lên nhà đi!

Chàng Xing Mơnga lên nhà ngồi ở bếp ngoài. Các cô gái rời khỏi guồng chỉ, kẻ mang nước, người đem thuốc, người chải chiếu hoa mời khách trẻ ngồi chơi, Xing Mơnga vừa uống nước, hút thuốc, vừa nói chuyện với cô gái làng này. Họ nói hết chuyện xưa, đến chuyện nay, từ chuyện săn bắn, làm nương rẫy, dần dà họ nói đến chuyện giữa trai và gái.

Nói chuyện đường đi hái củi đã hết, nói chuyện đi đánh cá, đồ kiến vàng đã cạn, chuyện này, chuyện nọ không còn nữa, chàng Xing Mơnga lại ra đi.

Xing Mơnga: Ta nói chuyện với nhau đã nhiều rồi. Bây giờ tôi phải đi thôi!

Gái goá - Chúc anh đi mạnh chân khoẻ tay! Anh nhớ làng này nhà chật, nhưng nhiều của đấy.

Chàng Xing Mơnga ra đi. Chàng vào rừng thẳm, rừng sâu, chàng lội sông dài. Vào rừng nhỏ, thấy đầy những xương kơtong, vào rừng lớn, chất đầy xương nai, vào miền Laygia, xương thú vật đầy tràn, không còn nơi nào thả chân xuống. Chàng vào rừng thưa mới thấy trái cây chín, mới nghe tiếng chim hót vang trời đất. Chàng đi mãi, đi mãi mới kịp đoàn voi của Đăm Di. Họ đã đi qua được bảy sông, năm suối. Họ đã vào tận rừng của bầy chim kơtốc, taovao. Họ lên đồi Hơlung đứng trông mới thấy bóng râm của tảng đá và ngọn thác chảy đẹp. Trên đồi kia có chim hót và ăn quả đa, cây sung. Đến đây, họ mới nhìn thấy trên đỉnh núi xa nổi lên một ngọn toác[1] vật vờ trên trời cao.

Đăm Di: Ơ em Xing Mơnga! Chỗ này mới có đất tốt cho chúng ta dựng lán đó!

Xing Mơnga - Chúng ta nghỉ chân đi!

Đăm Di - Ơ nô lệ của ta! Các người bỏ đồ đạc xuống mà làm lán!

Nô lệ - Vậy ư ông! Chúng tôi bỏ đồ đạc xuống ngay đây!

Trong chốc lát, người tản ra đầy núi đầy rừng. Rầm rập, bên này đầy những người chặt cây, bứt mây, bên kia chặt tre, cắt tranh. Mỗi người chặt một cây, một sợi dây. Giữa đồi hoang vắng xưa nay, đã mọc lên những chiếc lán to đẹp. Người đông như kiến, như mối. Kẻ ngồi quạt cho chàng Đăm Di, người nấu cơm và số còn lại kẻ xin đi hái rau trong lũng, bắt cá dưới suối, bắn chim trên rừng. Kẻ đi người lại nhanh như kiến chuyển tổ.

Xing Mơnga - Ơ anh Đăm Di! Sáng mai, chúng ta phải dậy sớm để kịp vào rừng chặt guôn mây và bắp chuối đó!

---

1. Một loại cây rừng cao, mảnh dẻ, đọt ăn rất ngon.

Sáng dậy, mặt trời đã soi đến chỗ họ và những người nô lệ đang lo ăn cơm uống nước. Ăn cơm uống nước xong, họ bắt đầu lên núi. Đăm Di đi con đường nào, nô lệ dồn theo về phía đó.

Đăm Di - Hôm nay, ta lên núi chặt guôn mây đọt toác cho bằng được chúng ta mới về!

Thấy những ngọn mây ngọn toác tốt, Đăm Di định chặt nhưng không tranh kịp với nô lệ của chàng. Còn chàng Xing Mơnga và chàng Xing Mưn nhanh nhẹn xuống suối này, đồi kia, đến chỗ nào cũng thấy dấu chân người đến trước. Chàng Đăm Di lên núi này đồi nọ cũng chỉ chặt mót của Xing Mơnga và Xing Mưn. Nhưng Đăm Di không biết chặt trước là ai nên chàng chửi đổng.

Đăm Di - Mẹ nó! Ai đến chặt đọt mây, bắp chuối của ta thế này, hỏ trời!

Họ chặt được một ít, rồi cùng về chỗ hẹn chờ nhau. Trong đoàn người này, coi lại thiếu mất Xing Mơnga và Xing Mưn. Nhưng rồi Xing Mơnga và Xing Mưn đã về. Hai người vác về toàn những đọt tốt. Họ về đến nơi, nô lệ hỏi:

Nô lệ - Ơ ông! Làm thế nào hai ông lấy được những đọt tốt như thế này?

Xing Mơnga - Cố đi vào núi rậm rừng dầy mới có!

Nô lệ - Chúng tôi cũng đi hết sức, lên núi cao, xuống suối sâu, và cả núi rừng của bầy voi, đàn cọp, chúng tôi cũng không lùi bước. Nhưng không thể có được nhiều. Chúng tôi đi chỗ nào cũng thấy toàn những dấu chặt của người đi trước.

Họ về đến chỗ nghỉ ngơi. Ở đây người đông, tiếng nói ồn ào như bầy chim sáo trên cây hoa gạo. Chàng Xing Mơnga đi lại khắp nơi xem thử ai đã nhiều, ai còn ít, để chàng vào rừng chặt hộ. Sau đó, Xing Mơnga đến ngồi trên một hòn đá gần suối. Bỗng chàng nhìn thấy bảy ngọn mây êpông mơn mởn bám lấy thân cây tùng cao vút. Chàng bèn gọi anh Đăm Di.

Xing Mơnga - Ơ anh Đăm Di! Kia mới là ngọn mây tốt đang bám lấy cây tùng, đó mới là mây non và to. Hiện nay, chúng ta chưa có là bao nhiêu, chúng ta đi chặt nữa chặt nữa anh ạ!

Đăm Di - Em nói phải đó, chúng ta đi đi! Em đi mau cho bà con ta đến phát gốc trước!

Chàng Xing Mơnga và dân làng đến phát gốc. Chặt gốc xong, chàng gọi Đăm Di đến kéo sợi mây xuống trước.

Xing Mơnga - Ơ anh Đăm Di! Gốc chúng tôi đã phát đứt rồi, anh đến kéo sợi mây xuống đi! Chúng ta lấy hết bảy ngọn mây này mới đủ chia cho dân làng và để ba anh em chúng ta thử tài, thử sức xem trong chúng ta ai là kẻ cứng gân cốt nhất.

Đăm Di - Lấy thế nào nổi được cả bảy ngọn mây một lúc hả em?

Xing Mơnga - Kẻ nào bứt nổi là người ấy khoẻ và có nhiều người yêu! Anh đến kéo trước đi! Nếu anh kéo không nổi, mới đến dân làng và dù anh có kéo không nổi, anh cũng vẫn là người có nhiều nhân tình khắp đông tây.

Đăm Di - Tại sao em hay đùa anh quá như thế?

Chàng Đăm Di sửa soạn sức lực. Chàng gắng cho sức mình mạnh bằng sức con trâu, nổi gân cổ bằng cây chuối. Chàng đạp một chân vào kẽ rễ cây, thả một chân xuống đất. Tay trái của chàng nắm, tay phải buộc bảy sợi mây làm một bó. Chàng bắt đầu kéo. Chàng đẩy ba lần, chàng kéo ba lượt, nhưng không giữ nổi, nên bị sợi mây kéo lên trời và khi hết đà, ngọn mây lại thả chàng rơi bịch xuống đất.

Đăm Di - Ôi chao! Em Xing Mơnga ơi! Sức mẹ đẻ, cha sinh cho anh không còn nữa.

Xing Mơnga - Sức anh chỉ có thế thôi ư?

Đăm Di - Thế thôi, em Xing Mơnga ạ!

Xing Mơnga bây giờ đến lượt anh, anh Xing Mưn! Anh kéo đi, có lẽ anh khoẻ mạnh hơn anh Đăm Di.

Xing Mưn - Chao ơi! Anh còn yếu hơn. Anh cũng chỉ như anh Đăm Di đó thôi!

Chàng Xing Mưn đi vòng quanh gốc mây. Chàng thắt lại khố, lấy sức bằng sáu con trâu, làm thân hình to bằng con voi, gân cổ nổi bằng gốc chuối êpung. Chàng thả chân vào rễ cây, chôn hẳn chân xuống đất,

tay trái của chàng nắm lấy các sợi mây, tay phải buộc bảy sợi mây làm một bó. Chàng đẩy bảy ngọn mây về phía gốc ba lần, chàng giật bảy lượt. Nhưng các ngọn mây chỉ nhích xuống bằng ba ngón tay, rồi kéo trở lại bằng một nửa thân cây tùng. Trượt tay bám, chàng Xing Mưn nhào xuống trúng hố sâu.

Xing Mơnga - Dân làng đến cứu mau, anh Xing Mưn rơi xuống hố sâu rồi!

Xing Mưn - Ơ em Xing Mơnga! Anh đã dùng hết sức mẹ cho, hết sức cha truyền lại là bấy nhiêu đó thôi!

Xing Mơnga - Ơ Giàng! Làm thế nào đây? Thôi bây giờ đến lượt tôi. Khi nào tôi kéo không nổi, tôi sẽ gọi dân làng đến giúp. Tôi còn yếu hơn các anh. Các anh chỉ là những cây mọc trước, tôi đây như ngọn giờ tôi đi kéo thử xem nó ra sao, các anh đừng cười!

Chàng Xing Mơnga đến bên bụi mây xem xét một lúc, rồi cúi xuống nắn móng chân, uốn móng tay, lấy sức bằng con voi, bằng tê giác. Đóng chân xuống rễ cây, chôn chân xuống mặt đất, tay trái nắm và tay phải buộc bảy gốc mây làm một, chàng đẩy một lần, kéo một lượt, làm cho cả cây tùng phải rung rinh, cành chuyển ì ầm, lá bay theo gió tới tấp. Chàng đẩy ba lần, kéo ba lượt nữa, chàng giật một lần cuối, các nhánh cây tùng, cây bờ riêng gẫy tuồn tuột.

Xing Mơnga - Các người hãy tránh xa ra kẻo cây ngã phải!

Mọi người chạy trốn ra tận ba đồi tranh. Bảy sợi mây níu cành cây tùng rơi xuống đất, chàng Xing Mơnga kéo lê ba khoảng rừng nữa. Chàng chạy đến đâu cây cối gẫy theo đến đó. Thấy vậy, tất cả dân làng cùng đi đều reo hò. Các chàng Đăm Di và Xing Mưn cười và vỗ đùi không biết bao nhiêu lần mà đếm, sợi mây chất đống ngập đầu!

Đăm Di - Ôi chao! Em Xing Mơnga của ta khoẻ quá!

Xing Mưn - Đó là cái lều, cái nhà cho ta nấp, cối chày có chỗ cho ta đựng đó[1].

Con đường nào chàng Xing Mơnga kéo mây qua đều thành đường lớn, như lối người ta cuốc rẫy phát nương.

---

1. Ý nói Xing Mơnga là chỗ dựa vững chắc của gia đình.

Xing Mơnga - Ơ anh Đăm Di, anh Xing Mưn! Các anh đến lột vỏ đi!

Đăm Di - Ơ Xing Mơnga, các anh đến ngay đây!

Chàng Đăm Di, chàng Xing Mưn đến. Mỗi người xách theo một con rựa và sau họ là dân làng. Chàng Đăm Di chặt một nhát, vỏ mây cứng quá nảy ánh chớp, chàng chặt một lần nữa, lửa nảy cháy hết ba đồi tranh, mà không hề sứt một miếng vỏ mây. Trong khi đó, chàng Xing Mơnga luôn tay chạm trổ bộ khung cửi dệt vải cho nàng Hơbia Sun và nhìn người anh đang ra sức chặt mây.

Đăm Di - Không được đâu, em Xing Mơnga ạ! Em bắt buộc anh cũng chịu chết đấy!

Xing Mơnga - Ơ dân làng và nô lệ của ta! Các người làm được đến thế thôi ư? Các người làm như thế thì chết đi được đấy. Cây đã ngã rồi mà cũng phải đến tay ta ư?

Xing Mơnga bước đến, chàng đem theo một cái rựa lớn, chàng róc từ ngọn xuống gốc, và bao nhiêu cành cây làm vướng, chàng đều cầm lấy ném ra ngoài. Cành cây rơi xuống các đồi núi ầm ầm bao nhiêu người, bao nhiêu con mất không ai chớp. Xing Mơnga róc từ ngọn xuống tận gốc mây, mây cứng như đá tảng, chàng làm dễ như người ta chẻ mía non vậy.

Dân làng - Ơ Giàng! Làm thế nào mà ông khoẻ thế!

Xing Mơnga - Đó, anh Đăm Di đến buộc đi, chúng ta vác về.

Đăm Di và Xing Mưn đến buộc, nhưng khi buộc được đằng đầu, lại tuột đằng đuôi, mồ hôi, mồ kê đổ ra đầy người, mây bó vẫn không xong. Thấy hai anh buộc không nổi, Xing Mơnga lại phải xuống buộc và vác về lán. Về đến lán, chàng ném bó đọt mây xuống làm cho các quả núi phải lắc lư mấy lần rồi mới đứng vững được.

Ăn uống xong, họ bắc bành voi và chở guôn mây đi. Khi lên voi, Xing Mơnga nói:

Xing Mơnga - Nào, các anh, nào bà con, ta về đi thôi!

Đăm Di - Ừ, về đây! Chúng ta đi rừng từ lâu rồi, phải về kẻo mẹ già, cha yếu ở nhà chờ đợi!

Họ kéo nhau về. Đàn voi đi trước, người trăm người nghìn theo sau. Về đến nửa đường, Xing Mưn khát nước không thể đi được, chàng xin xuống suối tìm nước uống.

Xing Mưn - Ơ anh Đăm Di! Em khát nước lắm rồi! Em không thể đi được nữa. Không biết làm thế nào có nước uống đây!

Đăm Di - Em xuống suối kia, thử xem có nước hay không?

Xing Mưn - Em đi thật đấy.

III

Đoàn người dừng lại, Xing Mưn, tay phải cầm đao, tay trái xách khiên, đi tìm nước uống. Xa xa, nghe tiếng nước chảy. Nhưng khi chàng đến nơi, suối nước lại khô cạn. Chàng đi mãi, đi mười suối, ba khe vượt, nhưng vẫn không thấy nước. Chàng đi mãi vào tận núi rừng đầy chim Kơtúc, chim Kơvao kêu hót khắp trời. Chàng lên một ngọn núi mới thấy bên kia có đất đai bằng phẳng, thấy có chòi lúa bằng tổ chim và mới văng vẳng nghe tiếng cô gái hát đuổi chim.

Xing Mưn, [nói một mình]: Kia là rẫy của ai, to không to, nhỏ không nhỏ. Lúa chín nửa vời. Hoa bí, hoa đậu đang nở khắp gốc cây. Xung quanh nghệ trồng mười lăm luống, chuối mọc như rừng, mía chen chúc như mây trên núi vàng óng. Không biết rẫy của ai đây, ta vào thử biết đâu lại có nước?

Tiếng của cô gái đuổi chim nghe rõ dần. Cô ta hát những lời đối đáp giữa trai và gái, giọng trong, nước chảy qua khe đá không bằng! Dù khách qua đường, trai trẻ hay là tù trưởng giàu sang cũng phải dừng voi, dừng chân đứng nghe tiếng hát của nàng.

Xing Mưn: Chà rẫy của ai mà đẹp thế này? Hai bên bờ sông có nhiều tảng đá và bóng mát của cây. Nước trong bầy cá bơi lượn rập rờn. Nương

rẫy đẹp thế này, tại sao hôm nay chủ nó không ra đuổi chim nhỉ. Cái rẫy đẹp chắc chủ của nó đúng là một cô gái xinh.

Xing Mưn mừng trong bụng, tới bờ suối, chàng cúi xuống uống nước, nhưng trên mặt nước chỉ thấy toàn cứt của bầy chim quạ trôi xuống.

Xing Mưn - Bến nước đẹp là thế, tại sao chủ của nó không biết đuổi chim? Ta phải vào chòi xin nước uống vậy. Ở đây toàn cứt quạ, uống sao được?

Xing Mưn nâng chân đạp bìa rẫy, thì trên trời chằng chịt những sợi dây giật mõ và tiếng đuổi chim của chủ rẫy lanh lảnh bên tai.

Chủ rẫy - Bơ hơ... Ơ chim kơtrao bay lượn, chim kơtia bay la! Chúng mày có biết không, lúa này mẹ ta tỉa, cha ta vun, chúng mày đừng phá, đừng ăn lúa của ta. Chúng mày hãy bay lên đồi ăn hạt cỏ dại đi.

Chàng đi vào gần chòi rẫy. Cô gái giữ rẫy nhìn thấy chàng. Lúc này, trong chòi của nàng có Pơrong Mưng ngồi chơi.

Cô gái giữ rẫy - Ơ anh Pơrong Mưng! Chàng Xing Mưn đang vào chơi đấy, anh trốn đi!

Pơrong Mưng - Chạy trốn vào chỗ nào mới kín đây?

Cô gái giữ rẫy - Anh ngồi vào bồ lúa, em lấy bồ này úp lên!

Pơrong Mưng - Phải rồi!

Pơrong Mưng ngồi vào bồ lúa. Anh không dám động chân tay, không ho, không thở mạnh, vì sợ chàng Xing Mưn nghe được. Xing Mưn đến gần chòi, gọi:

Xing Mưn - Có ai ở trên chòi không?

Cô gái giữ rẫy - Có tôi đây!

Nàng bước ra ngoài hiên chòi.

Xing Mưn - Bà ơi, bà hãy thương tôi, tôi đi chặt guồn mây về, khát nước quá!

Cô gái giữ rẫy - Nếu là khách, phải lên nhà, lên chòi mới có nước uống, nào tôi có tiếc gì đâu!

Xing Mưn - Tôi lên uống thật đấy, bà ạ.

Cô gái giữ rẫy - Đấy nước trong bầu, mời anh cứ uống! Tôi là một đứa trẻ nhỏ, thui gà không sạch lông[1], gọi khách không biết tên, xin anh đừng giận.

Xing Mưn - Tôi tên là Xing Mưn, em trai Đăm Di. Còn bà ở làng nào, lại làm rẫy tận đây?

Cô gái giữ rẫy - Tôi tên là Hơbia Pơlao, là người làng Chi Mơrế, làm rẫy ở đây mới nhiều lúa kê. Ơ anh, tại sao anh gọi tôi bằng bà, tôi đâu có già. Gặp người đàn bà trước tiên anh phải gọi bằng em chứ!

Xing Mưn - Vì tôi đâu phải là con suối, mảnh rừng ở đây, hôm nay tôi khát quá mới lạc vào đây. Gặp người lạ, làm sao lại gọi bằng em ngay được. Là con gái, ta phải gọi bằng bà, là con trai kêu bằng ông mới phải.

Xing Mưn lấy bầu nước và uống liền từng hơi một. Uống nước xong, chàng ra về, nhưng nàng Hơbia Pơlao giữ lại ăn cơm.

Hơbia Pơlao - Một tí nữa anh hãy về, để em nấu cơm ăn, cho có sức mà đi đường xa. Có lẽ bây giờ anh đói lắm rồi.

Xing Mưn - Ăn cơm xong, sợ trời tối mất.

Hơbia Pơlao - Không tối đâu! Em nấu cơm nhanh lắm. Anh chờ một lát là có ngay thôi.

Xing Mưn ở lại ăn cơm. Nàng Hơbia Pơlao lấy nồi lở, nồi đồng chạm hoa dưới đáy để nấu cơm. Nước sôi nghe như thác réo, đổ gạo như mưa rào, gạn nước cơm bốc lên nghi ngút như sương mù tháng bảy. Cơm chín, nàng dọn ra. Cơm của nàng trắng như hoa êpang, hạt cơm như biết bò, biết mời chàng khách trẻ.

Hơbia Pơlao - Mời anh Xing Mưn, chúng ta cùng ăn cơm! Nàng và chàng ngồi cùng ăn một mâm. Họ vừa ăn cơm, vừa nói chuyện với nhau. Chàng và nàng ngồi ăn cơm như chim Mơlinh trong tổ, chim pút ăn quả trên cây. Nàng bốc cơm trong đĩa chỗ nào, Xing Mưn cũng bốc cơm chỗ đó. Người này nhìn người kia, rồi họ mỉm miệng cùng nhau cười. Họ cười gần xa, cười trông người, cười thật, cười đùa, cười nghĩ chuyện, và cười như em với anh. Ăn cơm no, Xing Mưn lấy nước uống, nhưng nàng không cho uống, nàng mời chàng ăn tiếp:

---

1. Người Êđê thịt gà bằng cách thui. Ý nói việc nhỏ còn làm nổi.

Hơbia Pơlao - Ăn nữa đi anh! Anh đừng làm khách.

Xing Mưn - Anh ăn no rồi thôi.

Hơbia Pơlao - Sao anh ăn ít thế?

Xing Mưn - Đâu phải cái gùi mới mở ra cho nó rộng, không phải cá sọt mới nới thêm, bụng anh không phải là cái bụng hươu nai mới ăn rồ lại muốn ăn nữa. Bụng của con người ăn có chừng có mực thôi em ạ!

Nàng Hơbia Pơlao lấy nước đổ vào chậu mời chàng uống và nói:

Hơbia Pơlao: Nước đây, anh uống đi! Nếu anh uống không hết nước này, anh sẽ phải ở đây luôn với em đó. Nếu anh muốn về, anh hãy đi hái lá mà gói nước này đem về cho mẹ già, cha yếu của anh. Gói được, em mới cho anh về.

Xing Mưn - Chao ơi! Bụng nào anh uống hết nổi chậu nước này?

Hơbia Pơlao - Anh uống thử coi! Chàng Xing Mưn không muốn cãi miệng với nàng. Chàng cố uống, nhưng không sao uống hết. Nước còn lại một ít trong chậu.

Xing Mưn - Anh uống bấy nhiêu thôi, em ạ! Nếu em có bắt anh uống nữa, anh uống cũng không nổi.

Hơbia Pơlao - Anh uống không hết ư?

Xing Mưn - Anh đổ đi em nhé!

Hơbia Pơlao - Không được, nếu không hết, anh phải gói mang về nhà!

Hai người cãi nhau, người ít, kẻ nhiều. Tính con trai của chàng Xing Mưn không bền lắm.

Xing Mưn - Tôi không cần. Ở nhà mẹ tôi thiếu gì nước này.

Xing Mưn giằng lấy chậu nước và ném ra, nhưng chậu nước đụng phải xà ngang, rơi xuống trúng bồ thóc đậy Pơrong Mưng.

Nước đổ. Chàng Pơrong Mưng ướt như chuột trong hang. Chàng tức giận vùng dậy.

Pơrong Mưng - Các người làm gì thế này? Ăn cơm, uống nước đầy bụng lại đổ nước vào đầu ta ư?

Nói chưa hết lời, Pơrong Mưng nhào tới, vật Xing Mưn. Hai người vật nhau trong chòi. Xing Mưn dùng hết sức mình, nâng Pơrong Mưng lên rồi ném xuống đất. Pơrong Mưng vùng dậy. Chàng Xing Mưn liền nhảy xuống, Pơrong Mưng đã đứng dậy kịp, giữ chặt Xing Mưn lại. Hai người vật nhau tơi bời giữa rẫy lúa đang chín. Nàng Hơbia Pơlao chưa biết làm thế nào. Thấy Pơrong Mưng rung chân tay, nàng nói:

Hơbia Pơlao - Pơrong Mưng thua à?

Một lát sau, đến lượt chàng Xing Mưn trông như lùm cây bị gió thổi, Hơbia Pơlao lại hỏi:

Hơbia Pơlao - Xing Mưn thua à?

Hơbia Pơlao bước tới định cản họ, nhưng nàng nghĩ mình là gái, cản sao nổi những chàng trai khoẻ mạnh hơn trâu đực kia. Nàng đành lại ngồi yên trên chòi. Phía nào có đám lúa tốt, chàng Xing Mưn ném Pơrong Mưng về phía đó. Nơi nào họ vật nhau, lúa nát nhừ. Họ kéo đi phía nào, đằng ấy lúa nhàu nát như đường voi xuống ăn cỏ dưới thung lũng. Ngay cả đất cũng nát, nàng ngồi khóc mãi. Nàng khóc đến khô cả nước mắt, họ vẫn chưa thôi, họ càng vật nhau khoẻ hơn. Nàng đành nhảy lên một gốc cây cao, gọi anh ruột là chàng Chi Mơrế đến.

Hơbia Pơlao - Ơ anh Chi Mơrế! Anh hãy về nhà, về chòi mau! Giữa rẫy ta hiện đang có chuyện, một mình em con gái không thể xử được chuyện này! Anh hãy về nhanh!

Lúc này Chi Mơrế đang xuống làng người Kinh. Nghe tiếng em gái gọi, chàng xin phép các bạn để ra về.

Chi Mơrế - Ơ bạn, ông Cúc, ông Cai! Nhà cửa tôi có chuyện, không biết như thế nào đây? Tim gan tôi đụng đậy mạnh quá. Mọi năm, tôi không hề thấy thế này đâu, các bạn ạ! Thôi các bạn ông Cúc, ông Cai ở lại, tôi xin phép tôi về.

Ông Cúc - Bạn cứ về đi! Để một mình em gái ở nhà không được đâu!

Ông Cúc lo sửa soạn muối, rượu và chọn đồ nữ trang cùng vải áo đẹp cho chàng Chi Mơrế đem về làm quà cho Hơbia Pơlao. Chi Mơrế tạm biệt bạn, ra về. Chàng vừa đi, vừa chạy. Chàng đã đi qua bao nhiêu con sông, đã trèo qua bao nhiêu ngọn đồi, chàng không nhớ nữa. Chàng đi

như chạy, như bay. Về đến rẫy, thấy Hơbia Pơlao đang ngồi khóc cạnh cột hiên, chàng hỏi:

Chi Mơrế - Sạo em khóc?

Hơbia Pơlao - Ơ anh Chi Mơrế! Năm nay nhà ta có chuyện lớn. Đấy, anh xem nương rẫy của ta nhàu nát hết rồi!

Chi Mơrế nhìn lại nương rẫy của mình. Thấy những cây lúa đã trĩu bông, những dây bí lắm quả, và chuối, và mía tất cả nát như bột giã xuống cối, chàng lại hỏi em:

Chi Mơrế - Làm sao thế này?

Hơbia Pơlao - Anh Xing Mưn và anh Pơrong Mưng vật nhau đó. Em không đủ sức cản họ lại.

Chi Mơrế - Có chuyện gì mà họ vật nhau?

Hơbia Pơlao kể rành rọt đầu đuôi câu chuyện cho anh biết. Nghe hết đầu đuôi câu chuyện. Chi Mơrế lên đầu cột hiên chòi gọi Xing Mưn và Pơrong Mưng đang vật nhau ngoài rẫy:

Chi Mơrế - Các bạn nghỉ đi, đừng vật nhau nữa! Nếu có chuyện gì hãy về chòi ta xét xử xem phải trái về bên nào. Các bạn nghỉ đi! Các bạn làm lúa ngô của tôi nhàu nát hết rồi. Tôi e rằng sau này các bạn sẽ không có gì mà đền nổi.

Nghe tiếng Chi Mơrế gọi, hai chàng cùng quay mặt nhìn một tí nhưng rồi lại vật nhau. Chàng Chi Mơrế gọi họ đã mỏi miệng. Chàng có muốn đến cản cũng không được vì họ đang lúc hăng.

Trong khi đó Đăm Di và Xing Mơnga cùng dân làng vẫn ngồi chờ ngoài đường cái. Thấy quá lâu, Đăm Di gọi em:

Đăm Di - Ơ em Xing Mơnga! Tại sao Xing Mưn đi lâu thế này nhỉ, hay là nó lạc vào đâu rồi?

Xing Mơnga - Nào ai biết. Anh hỏi, em không biết đường nào mà nói!

Đăm Di - Em leo lên ngọn cây cao đó, xem thử nó có đi lạc vào đâu. Em mở mắt cho thật rộng, nhìn quanh rừng dọc sông, vào nương rẫy của người ta, xem nó có đi lạc vào đó?

Xing Mơnga leo lên ngọn cây. Chàng cố nhìn rừng đông rừng tây, nơi đất mọc những bụm cây ê mi, ê giang. Chàng nhìn qua những rặng cây đổ xa xa mới thấy một mảnh rẫy đầy lúa chín của nàng Hơbia Pơlao. Giữa đám rẫy hai bóng người đang vật nhau.

Xing Mơnga - Ơ anh Đăm Di! Không biết ai đang vật nhau giữa rẫy nhà nàng Hơbia Pơlao kia? Chắc anh Xing Mưn đó, không có ai nữa đâu.

Đăm Di - Không biết có chuyện gì với ai mà đến nỗi phải vật nhau như thế này? Em xuống mau, ta gọi nó về!

Xing Mơnga xuống và bảo dân làng sửa soạn.

Xing Mơnga - Ơ tất cả dân làng và các người nô lệ cùng đi với ta! Các người bỏ xuống tất cả những thứ để trên bành voi đó. Guôn mây, bắp chuối, các người xếp vào hai bên đường này, để chúng ta đi tìm anh Xing Mưn.

Nô lệ - Chúng tôi nghe cả đây!

Xing Mơnga - Ơ tất cả các nô lệ đó đây của ta! Nếu chúng ta đến rẫy của nàng Hơbia Pơlao, các người ở lại bên ngoài, mặc mình ta vào đó.

Họ đi đến rẫy của Hơbia Pơlao. Nô lệ và dân làng dừng lại. Đăm Di và Xing Mơnga đến hẳn chòi rẫy của nàng.

Đăm Di - Ơ tất cả nô lệ của ta! Các người ở lại đây, để hai anh em ta vào bắt Xing Mưn và Pơrong Mưng. Sau đó, chúng ta xét xử câu chuyện xem thử ai phải, ai trái và các người sẽ vào sau.

Nô lệ - Vâng! Chúng tôi xin nghe theo các ông!

Hai chàng Xing Mưn và Pơrong Mưng vật nhau như hai con trâu đực đã nổi giận ghen cái. Không ai chịu nghỉ tay. Chàng Xing Mơnga bước chân phải, bước chân trái, đi nhè nhẹ đến chỗ hai người đang vật lộn. Dân làng và nô lệ ở ngoài rẫy ai cũng nhăn mặt sợ hãi chàng Xing Mưn và Pơrong Mưng sẽ đánh. Xing Mơnga đi tới và đâm bổ vào giữa hai người. Chàng nắm chắc mái tóc Xing Mưn và Pơrong Mưng. Chàng giãn

ngay ra làm cho Xing Mưn, Pơrong Mưng mỗi người ngã ra một nơi, và cả hai đều chết ngất.

Xing Mơnga - Đấy, các anh có biết không, có ăn uống gì mà các anh vật dữ vậy. Các anh vật nhau làm nát cả nương lúa của người ta, mẹ cha các anh làm sao có đủ của cải đến bù cho người ta được?

Xing Mưn ngồi dậy và Pơrong Mưng cũng đã ngồi dậy. Nhưng khi Pơrong Mưng thấy Xing Mơnga bước đến gần thì chàng càng run bần bật.

Pơrong Mưng - Ơ bạn Xing Mơnga! Tôi và bạn Xing Mưn đã có chuyện sai lớn rồi đó. Vì người chủ rẫy này mà chúng tôi phải vật nhau đến tàn sức như thế này đây.

Xing Mơnga dắt Xing Mưn tay trái, kéo Pơrong Mưng tay phải, về chòi rẫy của nàng Hơbia Pơlao. Hơbia Pơlao kể lại đầu đuôi chuyện xảy ra mới rồi. Ở đây có đủ mặt các chàng Chi Mơrế, Đăm Di, Xing Mơnga, mọi người cùng nghiêng tai dõi chuyện.

Hơbia Pơlao kể trước. Nàng kể rành rọt từ ngọn đến gốc, kể từ gốc đến ngọn. Trước khi kể, nàng nhận phần sai về mình.

Hơbia Pơlao - Đấy, chuyện có thế, các anh Chi Mơrế, Đăm Di, Xing Mơnga ạ! Em là người gây sự, làm hai anh Pơrong Mưng và Xing Mưn vật nhau cả ngày hôm nay. Các anh Xing Mưn, Pơrong Mưng có chuyện này nọ, chính bởi tại em.

Và, bây giờ nàng mới bắt đầu kể vào chuyện thật.

Hơbia Pơlao: Ơ các anh Chi Mơrế, Đăm Di và Xing Mơnga! Đầu đuôi chuyện như thế này:

Em và Pơrong Mưng chiếc còng đã trao, chuỗi cườm đã đổi từ lâu. Nay em lớn bằng mẹ, muốn có người cùng đi lên nương rẫy đuổi chim. Mấy hôm nay, anh Chi Mơrế đi vắng, anh Pơrong Mưng đến rẫy phát bờ và cùng đuổi chim với em cho em đỡ sợ hãi một mình giữa núi rừng. Trong khi anh Pơrong Mưng đang ngồi trên chòi, anh Xing Mưn đến em xấu hổ nên cho anh Pơrong Mưng trốn vào ngồi trong bồ lúa. Anh Xing Mưn đến xin nước uống, em mời lên chòi. Uống nước rồi, anh định về, nhưng em mời anh ở lại ăn cơm.

Anh Xing Mưn ở lại ăn cơm với em. Ăn xong, em lấy chậu nước đầy, em bắt anh uống và nếu anh uống không hết thì mang về; nếu muốn về, anh phải đi bẻ lá gói hết nước đem về cho cha mẹ, nếu không gói được, phải ở lại. Anh Xing Mưn cái bụng nào uống hết được! Em và Xing Mưn cãi nhau, kẻ ít, người nhiều. Miệng trai có hạn, nên anh Xing Mưn cầm chậu nước ném đi, nhưng Pơrong Mưng tức và nhảy ra vật anh Xing Mưn. Hai người vật nhau từ trên chòi này, vật ra ngoài rẫy. Chuyện là thế đấy. Nhờ các anh Đăm Di, Chi Mơrế và Xing Mơnga xét xử cho. Tuỳ các anh thôi, nếu các anh tha, em được sống, bằng không các anh muốn giết em phải chịu.

Xing Mơnga - Anh Xing Mưn kể đi.

Chàng Xing Mưn kể cũng như chuyện nàng Hơbia Pơlao vừa kể. Cuối cùng, chàng nói:

Xing Mưn - Tôi và bạn Pơrong Mưng kể đi.

Chàng Pơrong Mưng kể cũng như Xing Mưn, và cả hai người đều đổ tội cho nàng Hơbia Pơlao.

Xing Mơnga - Ơ chị Hơbia Pơlao, làm sao chị lại thế? Chị cầm trái Púckơđang, trái êpang chín, chị kiếm chuyện muốn làm cho hai người trai chết oan uổng phải không?

Nàng Hơbia Pơlao ngồi khóc sụt sùi. Nước mắt, nước mũi rơi đầy bắp vế. Chuyện này, việc nọ, lẽ phải đều thuộc về người ta cả? Chàng Xing Mơnga liền gọi Chi Mơrế, anh trai của nàng, mà nói thêm:

Xing Mơnga - Ơ bạn Chi Mơrế, chuyện là thế đấy. Tất cả đều do em gái của bạn gây nên. Người thân không có ghẻ lở, mà nàng đem đập hoa mơniêng, người không có mụn nhọt, mà nàng đem dùi, dùi vào mình. Không có chuyện này, lại chuyện khác để cướp hai người trai trẻ này về làm nô lệ cho các anh. Chuyện này, chúng tôi không bằng lòng, bạn Chi Mơrế ạ. Bạn nghĩ đi, làm thế nào cho ai phải ai trái đều được rõ ràng.

Chi Mơrế - Ơ bạn Xing Mơnga, chuyện này tôi đã nghĩ nát cả lỗ tai rồi. Tuỳ các bạn, nếu các bạn tha thì nó sống, không tha thì nó chết.

Xing Mơnga - Ơ bạn Chi Mơrế! Của ít, chúng tôi sẽ đền bằng giá trị bảy con trâu, của nhiều, bằng mười con voi; nếu lúa ngô bị hư hại nhiều,

chúng tôi sẽ đền bù cho bằng voi và nô lệ. Bây giờ bạn cho chúng tôi thả voi vào ăn, cho nô lệ của tôi vào rẫy của bạn. Đằng nào lúa của bạn đã hư hỏng, chúng tôi cũng phải đều bù. Còn cái chuyện vật nhau, ta sẽ xử cách khác.

Chi Mơrế - Cho chúng ăn đi, bạn Xing Mơnga ạ!

Xing Mơnga gọi nô lệ vào rẫy.

Xing Mơnga - Ơ tất cả nô lệ của ta; các người hãy lùa đàn voi của ta cho vào ăn lúa của bạn Chi Mơrế này hết đi, như thế mới đáng ta phải đền bù sau này. Bao nhiêu cây chuối, bụi mía, ta cho ăn các người cứ ăn, ta cho phá các người cứ phá. Các người chớ sợ hãi gì hết.

Nô lệ - Thật thế hả ông?

Xing Mơnga - Thật, các người vào đi.

Đoàn người và voi của Đăm Di ùa vào, kẻ ăn mía, người bẻ chuối. Chàng Chi Mơrế đứng trông cảnh nô lệ của Đăm Di phá phách, tuy thương tiếc nương rẫy của mình, nhưng chàng không còn cách nào ngăn lại được. Chàng vào chòi lấy một con dao cắm xuống một gốc cây cứng. Con dao ngập tới cán. Và chàng nói:

Chi Mơrế - Ơ bạn Đăm Di! Nếu ai nhổ được chiếc dao của tôi đây, tôi sẽ cho người ấy lấy em gái tôi làm vợ và bao nhiêu lúa ngô của cải trong rẫy này, tôi không bắt phải đền bù.

Đăm Di - Bạn thách như thế hay sao?

Chi Mơrế - Như thế đấy bạn Đăm Di ạ!

Đăm Di - Nếu như thế, ba anh em chúng tôi đều xin nhổ thử, không biết có được không?

Chàng Đăm Di miệng nói vậy nhưng trong bụng lại run sợ, e nhổ không nổi. Nhưng Xing Mơnga đã nói:

Xing Mơnga - Anh Đăm Di ơi, anh đừng sợ! Chúng ta có thử mới biết sức của ta. Họ là con đực, chúng ta cũng là con đực cả, đâu phải con cái mà lo! [nói với Chi Mơrế]: Bạn Chi Mơrế giao hẹn thực như vậy phải không?

Chi Mơrế - Đúng vậy!

Xing Mơnga - Nếu chúng tôi rút được con dao này lên, bạn không thay đổi miệng lưỡi đã giao hẹn đó.

Chi Mơrế - Tôi chỉ có một miệng, một lưỡi thôi, các bạn ạ.

Xing Mơnga - Anh Xing Mưn nhổ trước đi, anh là kẻ gây ra chuyện này, nếu anh nhổ không được mới đến anh Pơrong Mưng.

Xing Mưn - Anh thử ngay đây! Không biết như thế nào, sức mẹ đẻ, cha cho anh có hạn!

Chàng Xing Mưn tới nắm cán dao, chàng kéo ba lượt, rút ba lần, nhưng chỉ thấy khớp xương của chàng kêu "lục cục".

Xing Mưn - Ơ em Xing Mơnga, sức anh chỉ có thế, anh đã rủn cả chân tay rồi!

Xing Mơnga - Đến lượt anh Pơrong Mưng thử coi!

Pơrong Mưng cũng thế, cán dao không lay một chút nào.

Xing Mơnga - Bây giờ đến lượt anh Đăm Di! Có lẽ anh Đăm Di mới rút nổi!

Đăm Di - Anh lại càng yếu hơn các em kia, em Xing Mơnga ạ!

Các em như cây mía non, nhổ còn không được, anh già rồi, còn đường gân gì đâu.

Nhưng rồi Đăm Di cũng nắm cán dao thử nhổ lên. Như những người trước, con dao vẫn cắm chặt ở gốc cây.

Đăm Di - Em Xing Mơnga, sức anh chỉ có vậy. Đành chịu đền bù của cải cho họ thôi!

Xing Mơnga - Đền bù thì cứ đền bù. Chúng tôi đền bù bằng hết của cải của mẹ cha trong nhà mới chịu làm nô lệ người khác!

Dân làng và nô lệ đứng ngoài cũng lo sợ và nói với nhau: "Ba anh em họ thua, họ sẽ giao chúng mình cho Chi Mơrế. Lần này chỉ còn mỗi một mình Xing Mơnga. Có lẽ chúng ta không được về gặp vợ con ở nhà nữa đâu".

Xing Mơnga - Ơ bạn Chi Mơrế! Nếu tôi nhờ có thần linh phù hộ mà nhổ được con dao này, lúa ngô của bạn bao nhiêu đó sẽ mất, và em gái của bạn, tôi sẽ cho anh Đăm Di lấy làm vợ, vì nếu chúng tôi đi tìm vợ, cũng phải tìm cho người anh cả của chúng tôi trước. Như thế bạn có bằng lòng không? Bạn bằng lòng, tôi mới nhổ.

Chi Mơrế - Ừ, được rồi! Tôi bằng lòng như thế đấy!

Chàng Chi Mơrế lại hỏi cả em gái có ưng lấy chàng Đăm Di già không.

Xing Mơnga - Bây giờ đến lượt tôi nhổ dao đây này!

Chàng cầm tay trái, với tay phải, giật ba lần, nhổ được con dao, và chàng đóng xuống nhổ lên ba lần nữa. Rộn rã tiếng cười nói vui mừng của nô lệ xung quanh.

Nô lệ - Trời ơi! Ông Xing Mơnga khoẻ quá! Như vậy, chúng tôi mới có nơi nương tựa sau này.

Đăm Di và Xing Mưn nói cười và vỗ đùi đen đét.

Đăm Di - Giàng ơi! Em Xing Mơnga của ta khoẻ quá! Từ nay nếu có giặc núi cướp, ta có chỗ núp, giặc nước đến đánh, ta có nơi nương tựa! Cối chầy, ta có chỗ dựng rồi!

Nàng Hơbia Pơlao đứng trên hiên nhà cũng cất tiếng cười và nói:

Nàng Hơbia Pơlao - Chàng Xing Mơnga này cái mặt của ta mới ưng, cái lưng của ta mới ưa. Chàng Xing Mơnga này mới đáng lúa ngô cùng một mùa với ta. Ta không thể yêu chàng Đăm Di - lông bắp chân bằng sải tay, lông bắp đùi bằng gang tay và râu cằm dài tới cổ. Chỉ chàng Xing Mơnga này ta mới ưa. Nếu không chặt thân chuối, trẻ thơ khóc đời, ta cũng xin thôi.

Chi Mơrế - Nếu được như ý em muốn thì rất tốt. Nhưng đằng này, chúng tôi đã giao hẹn với người ta rồi. Em có lấy Đăm Di, cũng như lấy Xing Mơnga thôi, vì họ là anh em một nhà.

Hơbia Pơlao - Không phải lấy anh cũng như lấy em. Người đàn bà như em làm sao có hai người chồng?

Xing Mơnga - Chị nói không lấy anh Đăm Di của chúng tôi, không được. Trước khi làm việc này, chúng tôi đã giao hẹn, vì nếu chúng tôi có đi tìm người nấu cơm dệt áo, chúng tôi phải tìm cho anh cả của chúng tôi trước, rồi mới đến lượt chúng tôi. Nếu ở nhà làm ăn được đầy đủ, chúng tôi phải lo tìm vợ cho anh chúng tôi trước đã.

Hơbia Pơlao - Nếu thế, em và anh Đăm Di như lúa ngô không phải mùa. Chỉ có anh Xing Mơnga vai vác rìu, tay cầm chà gạc, dìu em lên nương mới đẹp đôi phải lứa!

Sau khi giao hẹn, ba anh em Đăm Di đi đến nhắc lại trước khi ra về.

Đăm Di - Hôm nay anh về làng, để tháng sau, năm tới anh sẽ đến đón em về nhà. Và lúc đó, cả anh Chi Mơrế phải cùng đi!

Ba anh em Đăm Di và nô lệ kéo nhau ra về. Một trăm người đi trước, một nghìn người theo sau, họ chuyển đi như bầy ong kiến. Họ về gần đến làng cũ. Chàng Đăm Di gọi:

Đăm Di - Ơ tất cả nô lệ của ta! Nay ta về gần đến chân làng rồi!

Ta thấy thẹn với buôn làng và vợ con của các người lắm. Chúng ta đi rừng chặt guôn, nhưng nay guôn mang về không có. Ta e rằng vợ con các người tức giận. Bây giờ, ta nói thế này xem các người có bằng lòng không? Chúng ta sẽ dựng làng ở đây. Nếu mẹ cha, vợ con các người muốn đến đây ở với chúng ta thì đến. Các người nghĩ sao?

Nô lệ - Ông bảo sao chúng tôi làm vậy!

Đăm Di - Nếu như thế, các người đi vào rừng chặt cây, bứt dây và lên đồi cắt tranh về, để chúng ta làm nhà! Sau đó, chúng ta về mời vợ con cùng mẹ cha đến ở.

Dân làng và nô lệ lo làm nhà cửa. Ai chặt cây cứ chặt, ai bứt mây cứ bứt, ai cắt tranh cứ cắt và ai dựng nhà cứ dựng. Buôn làng của Đăm Di đã nghe tiếng chiêng trống vang lên. Những bà mẹ, người vợ và bao anh em trong làng cũ đều chạy đến ở làng mới.

IV

Nghỉ một ngày, ngủ một đêm. Một buổi sáng, Đăm Di gọi bạn và các em:

Đăm Di - Ơ các em Xing Mơnga và bạn Pơrong Mưng! Nội trong ngày mai, chúng ta sẽ vào rừng chặt tre, để làm thử chiếc diều xem có đẹp không? Nếu chiếc diều của ta bay lên trời cao mà có nàng con gái nào nhảy múa đẹp mời được diều của ta xuống, ta sẽ lấy làm vợ.

Xing Mưn - Nếu anh bảo, ta đi làm thôi!

Ba anh em Đăm vào rừng chặt tre. Ba anh em cầm con dao, xách ba bộ khiên. Dân làng cùng đi theo. Một trăm người đi trước, một nghìn người theo sau. Họ đi trên con đường thẳng dài bằng con sông, đi theo con đường cong như con rắn đen uốn mình bò chạy. Ba anh em Đăm Di đi chính giữa. Bên trái họ là lưu vực con sông Soa, bên phải họ là bãi sông Su, và trước mặt họ là dải cát của con sông Ba trắng xoá. Đến đây họ mới thấy bên kia là rặng tre bô, bên này là tre tung cao vời vợi. Họ đến tận đất này mới nghe tiếng cười nói của các cô gái đi hái dâu.

Đăm Di - Đất này sao vui tai ta thế! Chúng ta đi đến con sông Ủa mới có tre tốt tre lành, em Xing Mơnga!

Họ đi đến nguồn con sông Ủa mới thấy nhiều tre tốt. Nhưng khi họ chặt bụi này, bụi nọ, thì bụi nào cũng bị sâu mọt ăn hết.

Đăm Di - Ơ em Xing Mơnga! Loại tre này không dùng được. Bây giờ chúng ta thử đi chặt loại tre trong kia xem sao?

Xing Mơnga - Ừ, ta đi chặt đi!

Họ đến rặng tre tung. Cây nào cũng đẹp như nhau. Chàng Xing Mơnga nói:

Xing Mơnga - Ơ anh Đăm Di! Hiện nay, chúng ta đã đến rặng tre tung rồi. Anh là anh cả trong nhà, anh chặt trước đi! Nếu anh không chặt nổi, mới đến tay chúng tôi!

Chàng Đăm Di đến phát gốc cây, nhưng chàng phát mãi, phát mỏi tay, vẫn không đứt một nhánh tre con con nào.

Đăm Di - Ơ em Xing Mơnga! Anh mỏi tay chặt, mềm chân đứng rồi. Anh đã dùng hết sức mẹ đẻ, cha sinh rồi!

Xing Mơnga - Sức anh có ngần ấy thôi ư? Bây giờ đến lượt anh Xing Mưn chặt thử!

Chàng Xing Mưn tay cầm dao, cũng dùng hết sức mẹ đẻ, cha sinh chặt mãi, tre vẫn không rụng một lá khô.

Xing Mưn - Ơ em Xing Mưn, sức anh có ngần ấy thôi!

Xing Mơnga - Sức anh có ngần ấy ư? Thôi, bây giờ đến lượt Pơrong Mưng!

Đến lượt chàng Pơrong Mưng. Cũng như Đăm Di và Xing Mưn, chàng chặt hoài, nhưng tre vẫn không rung ngọn.

Xing Mơnga, tay phải cầm dao đến phát gốc. Gốc tre đứt thẳng, không vướng một tí gì. Chàng chặt từng cây, bỏ xuống từng đống, từng đống. Nô lệ nhào nhào tới khiêng về làng. Chàng Đăm Di bèn cho Xing Mơnga đi gọi anh Y Kú biết vót nan, thuê chàng Y Lý biết chẻ lạt, biết buộc sáo bằng một thanh la to, đến làm diều.

Xing Mơnga đến nhà Y Kú, Y Lý.

Xing Mơnga - Ơ các bạn Y Kú, Y Lý! Các bạn là những người tay khéo, chân dẻo, các bạn hãy dựng hộ sườn diều cho chúng tôi đi. Chúng tôi sẽ thuê các bạn giá bằng một chiếc thanh la to.

Y Kú - Chúng tôi sẽ làm hộ, cần gì phải thuê mướn.

Y Kú, Y Lý nấu cơm cất rượu cho Xing Mưn và Pơrong Mưng và Xing Mơnga ăn uống.

Y Kú - Mời các bạn ăn cơm, uống rượu với chúng tôi!

Xing Mưn, Pơrong Mưng và Xing Mơnga vào ăn cơm. Ăn cơm xong rồi, họ bắt đầu uống rượu. Ăn cơm no, uống rượu say, anh em Xing Mơnga mới ra về. Họ mời các bạn Y Kú, Y Lý cùng đi buôn. Về nhà, các chàng Y Kú, Y Lý nghỉ chân tay một lát, rồi bắt tay vào việc dựng diều cho anh em Đăm Di.

Đăm Di - Ơ các bạn Y Kú, Y Lý! Các bạn hãy nghỉ tay đã, cái đó mai kia chúng ta làm cũng được, có vội gì đâu? Ngày tháng chúng ta còn dài mà!

Y Kú - Chúng tôi làm sớm, về sớm, làm chiều, về chiều, để các bạn chóng được diều chơi.

Đăm Di - Nếu các bạn nghĩ thế thì tốt quá.

Chẻ tre vót nan xong, Y Kú, Y Lý đi mua giấy tận đất làng người Kinh. Họ đến tận nhà ông Cúc, ông Cúc mới mua được giấy tốt. Y Kú, Y Lý may vá vừa hết năm ngày, năm đêm mới xong một chiếc diều to.

Đăm Di - Thật rõ khéo! Đúng là Y Kú giỏi vót nan, Y Lý khéo tay may vá. Chiếc diều sáo trơn tru như dán một chiếc lá to!

May vá xong, Y Kú và Y Lý giao diều sáo cho Đăm Di.

Y Kú - Ơ bạn Đăm Di! Diều sáo của bạn, chúng tôi đã làm xong!

Đăm Di - Xong rồi ư, các bạn? Hỡi các em Xing Mưn, Pơrong Mưng và Xing Mơnga, các em hãy dắt ngựa xuống đất người Kinh mua dây sắt cho ta thả diều lên trời.

Xing Mưn, Pơrong Mưng, Xing Mơnga dắt năm con ngựa đực khoẻ để đi chở dây sắt về nhà.

Đăm Di - Ơ em Xing Mơnga! Các em đi mua dây sắt về có được không?

Xing Mơnga - Được đấy, anh ạ.

Đăm Di - Dây sắt thả diều của chúng ta đã có, nhưng còn những sợi tua treo chung quanh diều cho đẹp, chúng ta chưa có.

Xing Mơnga - Các đó em đã thấy nhiều, mẹ cha ta cất đầy trong chiếc piêu hoa. Theo kể lại, đó là của các chú bác chúng ta từ ngày xưa để lại.

Xing Mưn - Chúng ta lấy dùng cũng được chứ sao! Sao chúng ta lại phải tìm ở một nơi khác làm gì?

Ba anh em đều ưng ý lấy sợi tua của chú bác xưa để lại buộc vào diều sáo của mình.

Xing Mơnga - Ơ anh Đăm Di! Anh lấy những sợi tua trái sung, tua hoa teng leng đi!

Đăm Di - Anh đi đây.

Đăm Di vội chạy về nhà. Khi lên nhà, chàng gặp mẹ đang ngồi quay chỉ bên hiên. Chàng nói:

Đăm Di - Ơ mẹ! Hiện nay, chúng con đã làm xong diều sáo, đã có dây sắt để thả, nhưng chúng còn còn thiếu những sợi tua thêu hoa treo hai bên sườn diều cho đẹp.

Mẹ - Các con đừng bày ra chuyện đó. Chú bác của các con xưa cũng vì chuyện này mà phải chết. Mẹ nói rồi các con vẫn đi theo con đường đó. Mẹ không cho đâu!

Đăm Di - Mẹ không cho phải không?

Mẹ - Không! Mẹ không cho các con lấy những thứ nguy hiểm đó!

Chàng Đăm Di tức giận lấy gậy đập những ché túc mua bằng giá một con voi, ché ba mua bằng giá một người nô lệ vỡ tan tành, rồi chàng xuống cầu thang.

Mẹ - Buổi sáng vỡ ché túc, mẹ sẽ mua buổi chiều. Mẹ chỉ sợ các con chết, mẹ không tìm đâu ra được các con nữa!

Đăm Di đi về chỗ dựng diều, Xing Mơnga hỏi ngay:

Xing Mơnga - Sao, có tua không anh Đăm Di?

Đăm Di - Mẹ ta không cho, em ạ.

Xing Mơnga - Giàng ơi! Làm thế nào bây giờ? Mẹ chi mà lại như thế? Bây giờ anh Xing Mưn, về lấy đi! May ra anh được cha mẹ thương hơn.

Đến chàng Xing Mưn mẹ cũng không cho lấy.

Xing Mơnga - Các anh đi lấy không được, bây giờ đến lượt em. Chàng bèn lên nhà hỏi mẹ.

Xing Mơnga - Mẹ không cho thật ư?

Mẹ - Mẹ không cho thật, vì các con chết mẹ tìm đâu được các con!

Xing Mơnga - Sao? Mẹ không cho phải không? Con chết cũng được. Con đây đâu phải là con gái để giống[1].

---

1. Ở chế độ mẫu hệ, con gái là người nối dõi.

Mẹ - Con ơi, thôi mẹ đành cho các con lấy vậy.

Xing Mơnga - Mẹ cho thật không?

Mẹ - Mẹ cho thật đấy, các con lấy đi!

Xing Mơnga vội chạy đến chỗ để piêu, gỡ lấy tất cả những sợi tua mang ra treo vào diều sáo. Chiếc diều sáo của Đăm Di đã có đủ dây sắt cho đến tua rực rỡ treo hai bên cành và những chùm lục lạc cũng kêu rộn ràng.

Đăm Di - Chiếc diều sáo đã có đủ thứ của nó rồi. Ta có thể cho diều bay bổng lên trên trời được đó!

Xing Mơnga - Ơ các anh Đăm Di, Xing Mưn và Pơrong Mưng! Chiếc diều ta đã làm xong, những sợi tua xanh đỏ treo hai bên sườn của nó và những chùm lục lạc, ta đã có rồi. Nhưng bây giờ tôi thấy còn thiếu cái nữa là sợi sáo gió, để khi diều bay lên, khắp mọi người đều biết tiếng đó là tiếng vang diều sáo của anh em Đăm Di.

Đăm Di - Muốn có cái đó ta phải xuống nhờ các bạn của ông Cúc, ông Cai, rèn hộ mới được.

Ông Cúc, ông Cai rèn hộ cho họ một sợi dây sắt mỏng pha đồng óng ánh để họ đem về nhà. Sợi sắt mỏng ấy, anh em Đăm Di buộc vào đầu diều sáo. Nhưng làm xong diều, trời không nổi gió, diều không lên. Chàng Xing Mơnga nói:

Xing Mơnga - Ơ anh Đăm Di, làm thế nào có gió đây?

Đăm Di - Chúng ta xin ông Trời!

Xing Mơnga - Vậy anh cầu Trời đi!

Đăm Di - Ơ Thần núi, tôi giết lợn đực kêu các ông. Ơ thần sông, tôi giết bò thiến mời các ông. Các ông đến ăn thịt, uống rượu của tôi phải đem theo ngọn gió cho tôi chạy diều!

Đăm Di xin Trời mỏi cả lưỡi, Trời vẫn đứng im hơi lặng tiếng. Miệng anh không còn tiếng để cầu gọi nữa rồi.

Xing Mưn - Ơ Thần núi, tôi giết con bò khoang tôi mời, tôi giết con trâu trắng tôi gọi thần nước, hãy đem ngọn gió mạnh cho anh em chúng tôi chạy diều!

Trời vẫn đứng im. Tuy nhiên vòm trời có những đám mây đen, nhưng gió vẫn chưa nổi.

Xing Mơnga - Tiếc quá! Mẹ đẻ các anh trước mà các anh không làm được việc gì hết. Bây giờ đến lượt tôi cầu Trời, cầu Thần vậy.

[Và Xing Mơnga khấn]:

- "Tôi giơ bảy ngón tay gọi Giàng Mơgia, năm ngón tay chào ông Thần núi. Chào ông Điều Thần Trời, mời ông Đu Thần Đất, tôi gọi tất cả thần linh của những người chết. Hôm nay, tôi cho chim đi gọi các ông. Nếu chồng ngủ, vợ đánh thức, vợ quên chồng nhắc, các ông đến uống bảy ché rượu, ăn bảy con trâu tôi giết cúng các ông và cầu mong các ông hãy mở cửa gió đi để tôi chạy sáo diều".

Chàng Xing Mơnga cầu chưa khép miệng, trên trời đã có đầy những đám mây đen tụ lại và những luồng gió bắt đầu thổi xuống trần gian, làm dân làng khắp đông tây không có nơi ẩn nấp.

Xing Mơnga - Ơ anh Đăm Di! Giờ ngọn gió đã về, anh chạy diều trước đi! Nếu anh chạy không nổi mới đến lượt các em của anh!

Đăm Di - Bây giờ anh chạy thử trước.

Chàng Đăm Di dẫm chân xuống đất để lấy sức mẹ đẻ, cha sinh, làm cho thân hình khoẻ mạnh bằng con trâu đực. Chàng đưa tay phải nắm dây sắt thả diều. Nhưng chàng vừa chạy qua ba đồi tranh đã ngã quỵ.

Đăm Di - Ơ Xing Mơnga! Anh đã rời khớp xương tay, mỏi nhức gân chân. Sức mẹ đẻ, cha sinh cho anh chỉ có thế!

Xing Mơnga - Nếu vậy thì sao? Thôi bây giờ anh Xing Mưn chạy thử!

Chàng Xing Mưn vừa mới chạy được bảy ngọn đồi quang, cũng ngã quỵ như Đăm Di. Chiếc diều vẫn không nhúc nhích.

Xing Mưn - Ơ em Xing Mơnga! Anh nay tay đã mỏi gân, chân đã mỏi xương rồi! Anh không thể chạy được nữa!

Xing Mơnga - Làm thế nào bây giờ? Thôi thì bạn Pơrong Mưng chạy vậy!

Chàng Pơrong Mưng cũng như Đăm Di và Xing Mưn chạy đến mệt lả mà diều vẫn không động đậy.

Xing Mơnga - Thôi chết! Các anh không chạy nổi sẽ đến lượt tôi. Làm thế nào cho diều bay được đây!

Chàng Xing Mơnga giẫm chân xuống đất và giơ ngón tay lên để lấy sữa mẹ đẻ, cha sinh, làm cho sức mạnh của mình bằng voi. Chàng thu mình, bổ tới và giành lấy dây diều trên tay Pơrong Mưng. Chàng bay lên trời cao. Vượt khỏi các ngọn gió mà bay cao. Sáo diều to bằng mái nhà hùng dũng hứng lấy ngọn gió mà bay cao. Sáo diều bắt đầu ca hát cho chị Trăng nghe. Thấy diều của chàng bay lên, dân làng reo mừng.

Dân làng - Ơ Giàng! Kìa diều đẹp quá!

Đăm Di - Giàng ơi! Em Xing Mơnga lấy sức ở nơi nào mà khoẻ vậy?

Diều lên rồi, chàng Xing Mơnga mới cầm sợi dây từ từ hạ mình xuống. Chàng gọi anh Đăm Di đến giữ dây.

Xing Mơnga - Ơ anh Đăm Di! Anh hãy đến cầm hộ sợi dây này, để em nghỉ tay hút thuốc một tý.

Chàng Đăm Di chạy đến và hai tay nắm lấy dây diều. Nhưng vừa lúc diều gặp gió, diều vươn lên, bay cao hơn nữa, diều kéo cả Đăm Di lủng lẳng bay giữa trời cao.

Đăm Di - Ơ em Xing Mưn, ơ bạn Pơrong Mưng! Hãy đến đây cùng tôi níu dây diều này xuống!

Xing Mưn và Pơrong Mưng chạy đến cùng giúp sức níu diều xuống. Nhưng diều vẫn mạnh hơn sức của ba chàng. Diều kéo cả ba chàng lên. Lúc này, Xing Mơnga đang ngồi hút thuốc và nhìn thấy ba người anh bị diều sáo kéo đi.

Xing Mơnga - Giàng ơi! Các anh sức lực ngần ấy cũng không giữ nổi chiếc diều bé nhỏ thì còn làm được việc gì!

Chàng Xing Mơnga bỏ điếu thuốc hút dở và nhảy tới nắm lấy dây diều kéo xuống, làm cho Đăm Di, Xing Mưn và Pơrong Mưng rơi ịch xuống đất.

Đăm Di - Cái diều mới khoẻ làm sao! Nó kéo cả ba người bay lên theo nó!

Xing Mơnga - Đem theo sợi dây diều về buộc vào cột hiên nhà. Chiếc diều của họ hát không mỏi miệng và bay lượn không mỏi cánh, làm cho

cả một khoảng trời rộn vui, làm cho bảy cô gái làng bên phải ngửa mặt nhìn lên khen ngợi. Các cô này là Hơgơhung, Gơhung Kơnăm, Mơná Eteng, Hơbisun, Hơbia Rơđá và Băng Tra. Đó là các người yêu của ba anh em Đăm Di.

Các cô gái - Diều của anh em chàng Đăm Di bay lượn đẹp quá, vui quá! Chúng ta đến nhảy múa đi, để mời diều này xuống đất.

Bảy nàng đi về làng Đăm Di. Bảy người cùng mặc váy mới, áo mới thêu hoa, treo tua xanh đỏ lục lạc đeo dưới nách kêu rộn đường vang bến. Cổ các ngàn có ngấn đeo vòng bạc, chuỗi cườm. Búi tóc các nàng đẹp hơn trứng chim. Thật là những nàng ngực còn mới nở như còn măng trẻ. Họ đi đến nơi buộc diều của Đăm Di, thi nhau nhảy múa để mời diều xuống. Nhưng người này múa còn cứng chân, người kia còn cứng tay cứng lưng. Không ai múa được đẹp mắt, không ai múa mời được diều xuống.

Các cô gái - Giàng ơi! Không biết xứ sở lớn bằng này có ai là người khéo chân dẻo tay nhảy múa, làm cho diều của chàng Đăm Di này phải chao đầu xuống đất đen. Có lẽ cả xứ sở này chỉ có nàng Bơra Etang, em gái của chàng mới nhảy múa giỏi. Bây giờ, ta có gọi Bơra Etang đi, nhờ nàng tập hộ cho chúng mình.

Bảy người bước lên nhà nàng Bơra Etang.

Các cô gái - Ơ Bơra Etang! Chúng tôi nhảy múa đã lâu nhưng diều của chàng Đăm Di không chịu xuống. Bây giờ chúng tôi mời bạn xuống dạy chúng tôi múa. Chúng tôi sẽ cho bạn bảy cuộn chỉ đã nhuộm màu.

Bơra Etang - Giàng ơi! Tôi nào phải gái làng đông làng tây, họ hàng xa đâu. Tôi đâu cùng anh em với Đăm Di. Các bạn là của anh tôi, các bạn muốn sao cũng được!

Các cô gái - Bạn xuống múa cho chúng tôi coi, nếu chiếc diều gần rơi, thì bạn chạy trốn cũng được-chứ sợ gì[1]?

Bơra Etang - Ừ như thế cũng được!

---

1. Sợ Bơra Etang thành công thì Đăm Di phải lấy làm vợ.

Nghe nói đến bảy nàng kia có bảy cuộn chỉ đã nhuộm màu, nàng Bơra Etang thích lắm, nên nàng xuống múa. Nàng bỏ váy cũ mặc váy mới, cởi áo cũ thay áo mới. Nàng mang những loại váy có thêu và đính tua xanh đỏ rập rờn bay theo gió. Nàng búi lại tóc, đeo thêm vòng bạc, chuỗi cườm. Các cô gái Mơđơthua dọc bờ sông Ba, các cô gái và các cô gái nửa chừng khác[1] cũng không ai đẹp bằng. Nàng uyển chuyển như bướm lượn. Bước chân này sai, nàng lùi lại, đưa bước chân kia. Dáng đi của nàng mềm dẻo như vòi voi. Nàng xuống đến nơi Đăm Di buộc diều. Nàng bắt đầu nhảy múa.

Chiếc diều quay đầu, nàng uống chân, diều múa đuôi thì nàng đưa tay, diều múa trên trời như thế nào, dưới đất múa cũng đẹp như thế. Ngay cả ông Điê trên trời cũng phải khen: "Sao Bơra Etang cháu ta múa đẹp thế!". Và ông Điê mới đưa tay ấn diều xuống. Chiếc diều từ từ xuống ngang ngọn cây trên dãy núi phía tây. Thấy chiếc diều rơi, chàng Đăm Di và Xing Mơnga chạy đến, thấy em gái mình đang múa mời diều xuống.

Đăm Di - Tôi tưởng ai, tưởng rằng con gái làng đông tây hoặc họ hàng xa, chẳng hoá ra đây chính là em gái mình.

Nghe tiếng và nhìn thấy Đăm Di đến, nàng Bơra Etang vội chạy trốn. Nàng thẹn với các anh, không chạy trốn nơi nào cho kín. Còn bảy người yêu của Đăm Di cứ khen lấy khen để "Bạn Bơra Etang thật là một người mềm chân, dẻo tay!".

V

Khi nàng Bơra Etang chạy trốn, diều lại bay lên trên trời cao như cũ. Và diều nhảy múa trên trời ròng rã bảy ngày đêm. Để cho diều lên cao và bay xa hơn nữa, chàng Xing Mơnga bèn bảo Đăm Di đến cởi dây buộc diều.

Xing Mơnga - Ơ anh Đăm Di! Anh đến cởi dây diều, cho nó bay bổng đi khắp mọi phương trời, cho nó bay đến tận làng nàng Hơbia Pơlao của anh đi, để nàng biết tin anh vẫn còn khoẻ mạnh.

1. Lai dòng máu hai tộc người.

Diều tuột dây bay về hướng khác.

Đăm Di - Mày bay đi, diều ơi! Mày vào mây đen, mây trắng đi! Nếu đến một làng nào nhỏ, mày đòi uống rượu ché túc, ăn thịt gà trắng. Nếu đến một làng nào lớn, mày đòi ăn lợn thiến, uống ba ché rượu và nếu gặp những làng giàu có, mày hãy đòi ăn con trâu hoang rồi hãy bay đi nơi khác!

Chiếc diều rền vang trên trời. Diều bay đầu về phía tây, gặp một buôn nhỏ, uống rượu ché túc, ăn thịt gà trắng. Rồi đến khắp các làng giàu nghèo, làng nào cũng phải cúng cho diều này. Diều quay đầu về hướng đông, gặp một làng lớn, nhưng làng này không cúng. Diều rền vang ròng rã ba ngày, ba đêm. Trên khoảng trời diều bay, gió bão nổi mạnh làm dân làng này không có nơi ẩn nấp. Dân làng đến gọi chủ làng ra cầu thần cho diều bay đi nơi khác.

Dân làng - Ơ ông chủ làng! Ông có nghe thấy gì không, năm tháng này, có con chim gì to lớn bay mãi trên khoảng trời của làng ta đó. Chúng tôi sợ lắm. Ban đêm chúng tôi sợ hại đến thân, ban ngày sợ trúng những mũi tên người khác. Chúng tôi ăn không yên, ngủ không ngon. Rừng chúng tôi không dám vào, rẫy nương chúng tôi không dám làm, đường đi hái củi, múc nước, chúng tôi cũng không dám đi.

Chủ làng - Hỡi dân làng! Chúng ta làm thế nào bây giờ?

Dân làng - Ơ ông Đu ngồi trên trời cao, ông Điê đứng trên mặt trăng. Không biết năm nay làng chúng tôi có một con chim gì to lắm đến kêu quanh làng? Nếu các ông đuổi được con chim ấy ra khỏi bến nước và cổng làng, chúng tôi sẽ thui bảy con trâu, cất bảy ché rượu, mời các ông xuống ăn uống với dân làng chúng tôi!

Vừa dứt lời kêu cầu, chiếc diều quay đầu về phía khác. Gió bão cũng tan dần.

Chủ làng - Đấy con chim này muốn ăn thịt trâu, muốn uống rượu của chúng ta, chúng ta hãy đi đâm trâu, cất rượu và treo chiêng để cầu cúng cho chim thần!

Diều bay về làng Hơbia Pơlao. Sáo rền rĩ mãi chung quanh làng. Tiếng sáo làm cho ai ai cũng ghét và sợ hãi.

Chi Mơrể - Đúng rồi! Đây là sáo diều của lão Đăm Di già đó. Ta sẽ không cho nó lấy em gái ta làm vợ. Nó quả là người chỉ muốn tự nhiên được giàu có. Ta muốn rằng chồng của em gái ta phải là người siêng năng làm nương rẫy có nhiều lúa ngô. Đăm Di đi đâu cũng phải người khiêng, kẻ quạt. Như chàng Xing Mơnga kia mới xứng đáng là chồng của em ta. Còn Đăm Di ta xin thôi. Ơ em Hơbia Pơlao! Chúng ta chạy trốn đi! Chạy dọc theo con sông Ba mới nơi nương tựa. Nếu ở trong buôn rẫy, Đăm Di sẽ đến lấy em làm vợ đó. Em lấy hắn làm gì?

Hơbia Pơlao - Ơ anh Chi Mơrể! Dù chúng ta chạy đến nơi nào họ cũng theo đến đó, vì chúng ta đã nhỡ miệng hẹn lời cùng họ rồi. Chạy đường nào cho thoát được? Chúng ta cứ ở trong làng này, nếu họ thương, họ để chúng ta sống, nếu họ không thương, họ giết chúng ta.

Chi Mơrể - Mày nghe lời người ta làm gì? Nếu mày không trốn theo tao, tao sẽ chém đầu mày giữa làng này, rồi tao mới trốn. Mày không sợ sao, lấy Đăm Di làm gì. Nó là kẻ già yếu.

Hơbia Pơlao sợ anh chém đầu, vội vàng cất giấu những thứ cần dùng. Nàng mang gùi chỉ đi theo sau lưng anh. Hai anh em đi mãi làng đông, tìm nơi nương tựa, nhưng không có chủ buôn làng nào dám nuôi. Nàng đi theo anh mãi nàng vừa đi nàng vừa thương nhớ Đăm Di. Nàng khóc.

Hơbia Pơlao - Ơ anh Đăm Di! Anh hãy đến cưới em đi!. Hiện nay, người ta mang em giao cho kẻ giàu sang một nơi. Em chết mất. Hỡi anh Xing Mưn, Xing Mơnga, hãy về cứu chị!

Họ đi mãi mãi đến một làng Đam San, người tù trưởng giàu mạnh, mọi thần Núi, thần Sông đều biết tiếng.

Chi Mơrể - Ơ bạn Đam San! Hai anh em chúng tôi phải chạy trốn vì Đăm Di muốn lấy em gái tôi làm vợ. Bạn hãy cứu chúng tôi.

Đam San - Các bạn cứ ở đây! Chúng ta không sợ hãi Đăm Di già đó. Nếu nó đến, ta sẽ chém đầu hắn xuống sông này!

Hai anh em Chi Mơrể sống ở làng Đam San. Nhưng chiếc diều của Đăm Di lại bay tới, làm cho dân làng ăn không ngon, ngủ không yên, và ngay cả chàng Đam San không còn bụng dạ nào chịu nổi.

Đam San - Chết rồi! Diều của Đăm Di này mạnh lắm, chúng ta ở đây sẽ không sống được lâu. Chúng ta phải chạy đến ở làng bạn Đăm Chúc giữa hòn đảo của biển cả xa xôi kia mới được. Đến đó, chúng ta mới có nơi nương tựa.

Chàng Đam San lùa dân làng đi và hai anh em Chi Mơrế cũng đi theo. Tất cả dân làng đều xuống tàu nước[1] sang làng chàng Đăm Chúc. Càng đi xa nàng Hơbia Pơlao càng nhớ chàng Đăm Di và nàng khóc mãi.

Hơbia Pơlao - Ơ anh Đăm Di! Sao anh bỏ em thế này? Anh đã bảo rằng anh sẽ đến mời em về nhà anh, sao anh không đến? Ơ anh hãy đến cứu em.

Thấy nhiều người trốn đến làng mình, Đăm Chúc nói:

Đăm Chúc - Ở đây thôi, em Hơbia Pơlao ạ! Đừng sợ hãi gì hết. Dù con tê giác khổng lồ, con hổ tinh quái, con voi dữ đôi ngà chạm đất cũng không dám đến nơi đây.

Hơbia Pơlao - Anh bảo em ở thì em ở!

Nhưng sau đó diều của Đăm Di vẫn bay đến. Diều làm cho buôn làng của Đăm Chúc ngủ không yên, ăn không ngon. Chàng Đăm Chúc lo đứng, lo ngồi không xong, bèn gọi nàng Hơbia Pơlao ra múa.

Đăm Chúc - Ơ em Hơbia Pơlao! Em hãy ra múa cho diều này rơi xuống, để khỏi điếc tai chúng ta, cho dân làng ta đỡ sợ!

Nàng Hơbia Pơlao thay áo váy mới. Nàng càng đẹp. Nàng ra đến chỗ diều lượn trên trời. Trước khi múa nàng nói:

Nàng Hơbia Pơlao - Nếu ta lấy được chàng Đăm Di, chiếc diều trên trời cao kia hãy rơi xuống!

Hơbia Pơlao bắt đầu múa theo nhịp diều đang lượn trên trời. Diều lượn múa trên trời đẹp như thế nào, nàng lượn múa ở dưới đất cũng đẹp như vậy. Nàng múa mãi làm cho ông Đu trên trời, ông Điê trên trăng phải khen. Ông Đu bèn đưa cánh tay dài ấn chiếc diều xuống. Chiếc diều từ từ rơi xuống một nơi xa xôi. Diều rơi xuống mặt đất, nàng Hơbia Pơlao

1. Tiếng Êđê cũng là thần Nước. Chưa rõ cách lý giải.

tới gỡ tất cả những sợi tua treo trên hai cánh diều cất vừa đầy một gùi. Nàng đem về giấu thật kín. Chiếc diều của Đăm Di, nàng đạp nát tại chỗ, để kẻ khác khỏi đến phá.

Ba anh em Đăm Di nhìn lên trời không thấy diều bay, nhìn xuống thấy sợi dây đã nằm sát mặt đất.

Đăm Di - Ơ các em! Diều của chúng ta đã rơi rồi! Không biết nó rơi xuống nơi nào? Nếu có rơi phải làng Hơbia Pơlao, nàng sẽ cất hộ chúng ta những sợi tua treo trên diều đó. Chỉ sợ diều này rơi phải một làng của người giàu khác sẽ mất thôi!

Chàng Đăm Di bèn gọi bạn Pơrong Mưng đến vì lời giao hẹn với nàng Hơbia Pơlao do Pơrong Mưng cầm chiếc còng làm chứng. Nay nếu nàng chạy trốn, Pơrong Mưng phải đi hỏi đi tìm.

Đăm Di - Ơ bạn Pơrong Mưng! Trước kia bạn là người cầm chiếc còng giao hẹn giữa tôi với nàng Hơbia Pơlao. Nếu nàng chạy trốn làng đông, làng tây, vào ở những nơi giàu có, bạn phải chịu khó đi tìm về cho tôi. Tôi làm cái diều này để đi tìm vợ, nhưng giờ đây diều của tôi đã đứt dây và rơi vào một nơi nào tôi không biết. Nếu diều nay rơi vào chỗ nào, nàng Hơbia Pơlao của ta ở chỗ đó. Chỉ có nàng Hơbia Pơlao mới tay mềm chân dẻo múa nổi cho diều của tôi rơi xuống. Bạn phải đi tìm diều này rơi ở nơi nào, bạn đi trưa nay thì phải về ngay trưa nay. Bạn tìm không ra cái diều thì tôi sẽ giết bạn. Bạn là người làm chứng cho nàng, bạn đã bảo rằng nàng không đi đâu.

Pơrong Mưng - Tôi làm thế nào đây? Không biết diều này rơi xuống nơi nào?

Pơrong Mưng vào chuồng ngựa. Chàng chọn con ngựa biết đi nhanh về ngay. Chàng nhảy lên lưng ngựa. Ngựa chạy như bay xa tít chân trời, bao nhiêu cỏ cây đều ngã rạp sau lưng. Chàng Pơrong Mưng cho ngựa chạy theo con đường có dây diều nằm đó. Dây diều đi về phía nào, chàng đi về phía đó. Chàng đi mãi mới gặp được làng của Đam San. Chàng hỏi dân làng còn sót lại, vì không kịp đi theo tù trưởng Đam San của họ.

Pơrong Mưng - Hỡi bà con làng này! Bà con có thấy diều của tôi rơi đâu không? Nếu ai đã thấy hãy chỉ hộ chúng tôi. Đây là cái diều của Đăm Di xuống tìm vợ. Nếu buôn làng nào nhặt được, hãy cất giùm chúng

tôi tất cả những sợi tua treo trên diều. Người nào cất hộ tua cái diều đó, nếu là con gái, bạn Đăm Di của tôi sẽ lấy làm vợ, nếu là con trai, bạn Đăm Di của tôi sẽ kết làm anh em. Nếu làng nào quá tham lam lấy và giấu đi, làng đó sẽ thành tro bụi và bao trẻ già chúng tôi sẽ bỏ xuống cối giã.

Dân làng - Ông ơi! Trước đây chúng tôi có biết. Diều bay chung quanh làng nàng Hơbia Pơlao, nhưng Chi Mơrế anh nàng, không dám nhìn bèn dẫn nàng đến ở làng của chúng tôi. Diều lại bay đến theo. Tù trưởng Đam San và chàng Chi Mơrế không dám nghe tiếng diều kêu, không dám nhìn diều lượn, nên họ lại dẫn nàng Hơbia Pơlao lên chiếc tàu nước sang làng của ông Đăm Chúc ở hòn đảo giữa bể lớn kia. Diều cũng bay theo họ. Từ đó, chúng tôi không còn thấy gì nữa. Nhưng chúng tôi mới được nghe rằng, thấy diều bay theo, nàng Hơbia Pơlao ra múa mời diều xuống vậy nàng đã cất tất cả những sợi tua treo trên cánh diều. Thân diều nàng đã đạp nát bỏ tại chỗ ấy.

Pơrong Mưng - Có thật không bà con?

Dân làng - Chúng tôi tuổi đã bằng này, đời nào dám nói dối ông. Từ trước tới nay, chúng tôi chưa hề nói lừa tai ai!

Pơrong Mưng cưỡi ngựa ra về. Chàng về đến làng Đăm Di, mặt trời hãy còn nhiều bóng.

Đăm Di - Ơ bạn Pơrong Mưng, bạn đã về! Cái diều của tôi rơi vào chỗ nào, bạn có biết không?

Pơrong Mưng - Bạn Đăm Di ơi! Diều của chúng ta chạy theo nàng Hơbia Pơlao đấy. Nàng chạy theo anh là chàng Chi Mơrế sang ở làng Tù trưởng Đăm Chúc ở tận hòn đảo giữa biển khơi kia. Diều của ta nàng đã lấy được và bao nhiêu sợi tua nàng đã cất đi, còn thân diều, nàng đạp bỏ tại chỗ. Nếu chúng ta muốn đến cướp nàng và giành về những thứ trên diều, chúng ta phải đúc tàu nước mới đi được. Không có tàu nước, chúng ta không có đường nào sang tàu họ. Biển lớn lắm bạn ơi!

Đăm Di - Trời ơi! Bạn Chi Mơrế làm sao như vậy? Trước nay, cái mặt đã ưng, cái lưng đã ưa, kết bạn anh em cùng ta, nay lại thành cây bẫy giật ngược mối dây. Ta phải đi đọ sức với họ mới được, xem thử sức mẹ đẻ, cha sinh xem họ mạnh đến dường nào?

Ơ em Xing Mơnga! Ta đi thuê bạn Mơtao Egơi, đi mời các bạn Y Kú, Y Lý đến đúc tàu nước cho chúng ta. Các bạn ấy đòi gì, ta sẽ cho các bạn ấy thứ đó!

Xing Mơnga - Ơ anh Đăm Di! Em đi mời đây!

Xing Mơnga đến làng Mơtao Egơi và các bạn Y Kú, Y Lý! Chúng tôi muốn nhờ các bạn đúc hộ tàu nước, để chúng tôi sang bên làng của Đăm Chúc ở giữa biển kia. Hắn giữ nàng Hơbia Pơlao là vợ yêu quý của anh chúng tôi. Chúng tôi phải đi cướp lại. Chúng tôi sẽ thuê các bạn bằng ba ché túc giá một con voi, một ché ba bán giá mua bằng một người nô lệ và nếu các bạn muốn bao nhiêu của cải khác nữa, chúng tôi sẽ trả đủ bấy nhiêu cho các bạn lấy về!

Mơtao Egơi và Y Kú, Y Lý - Cần gì phải thuê mượn, chúng tôi sẽ làm cho các bạn ưng bụng vừa lòng.

Mơtao Egơi và Y Kú, Y Lý hì hục làm tàu nước. Họ làm ròng rã vừa hết ba ngày, ba đêm thì xong bốn chiếc tàu.

Mơtao Egơi - Ơ bạn Đăm Di! Tàu nước của các bạn, chúng tôi đã làm xong. Mời các bạn đến xem, nếu ưng bụng thì lấy, không ưng, chúng tôi sẽ làm lại cho cái khác nhanh hơn.

Chàng Đăm Di xuống bến, xem chiếc tàu của các bạn Mơtao Egơi vừa làm xong. Những chiếc tàu rất đẹp. Phía mũi có cột treo cờ, phía sau có cột buồm cao đón gió.

Đăm Di - Các tàu nước này đẹp lắm, hùng dũng lắm, các bạn ạ! Được tàu nước này, chúng tôi mới ưng bụng. Ơ bạn Mơtao Egơi, và các bạn Y Kú, Y Lý! Các bạn đến lấy ché túc giá một con voi, ché ba mua bằng giá một người nô lệ và đàn gà bày lợn, các bạn muốn lấy gì cứ về lấy đi!

Mơtao Egơi- Bạn cho bao nhiêu, chúng tôi lấy về bấy nhiêu thôi.

Đăm Di - Các bạn muốn lấy bao nhiêu cứ lấy!

Bốn chiếc tàu nước của Mơtao Egơi và Y Kú, Y Lý làm còn để trên bờ. Một chiếc tàu lớn và ba chiếc tàu nhỏ để đi đánh trận. Tàu đánh trận dưới nước đã có, ba anh em Đăm Di sắm sửa lương ăn và gọi dân làng khiêng tàu xuống bến.

VI

Lần này ba anh em Đăm Di ra đi không phải vì duyên này cớ nọ. Họ đi đánh Đăm Chúc đã cả gan dám giữ nàng Hơbia Pơlao và để giành lại những sợi tua treo trên chiếc diều của họ về.

Đăm Di - Ơ các em Xing Mơnga và Xing Mưn, chúng ta đi thôi! Tại sao Chi Mơrế dám đem nàng Hơbia Pơlao của ta đi? Ta phải cướp lại nàng mới được.

Xing Mơnga và Xing Mưn - Anh bảo đi, chúng tôi đi, làm sao bỏ được cái diều của ta chứ!

Mờ sáng, Đăm Di cho người vào rừng bắt voi. Họ bắt những con voi có tên Mơ gung, đuôi dài ngà rộng, con voi biết gầm biết thét. Voi đực họ bắc bành hoa, voi cái bắc bành mây, con voi hung dữ bắc bành có mui che mưa nắng. Đàn voi của Đăm Di bị Mơ lum ăn trụi nách, cơrác ăn hết ngực[1] dẫn đường. Tất cả dân làng đều đi theo Đăm Di. Một trăm người đi trước, một nghìn người theo sau. Người đông như ong chuyển tổ. Khi dừng chân, người dồn lại như vũng nước lớn. Họ đi theo đường cong, men theo đường hẻm, họ vác cây phảng[2] như hoa trắc, cây mác như bông lau nở nhiều hơn nhành cây và ống tên lúc lưu trái hơ giốt trên cành.

Trăng lưỡi liềm chàng đi, trăng đầy chàng đánh giặc, trăng vàng chàng đi làm đông tây, trăng sáng chàng trở về nhà. Đăm Di đi dâu, nô lệ, khiêng bằng võng vải. Họ đi con đường nào, đường ấy nát lá nát guôn, cỏ cây rạp xuống những loại lá khô bay theo sau như mối bay gặp trời mưa xa. Trên đường đi, làng nào không lấy nạng chống dây diều của Đăm Di lên, làng đó thành tro bụi và dân làng bị lùa đi theo. Làng nào lấy nạng chống dây diều lên, không bị đánh tan, người không bị lùa đi. Và suốt con đường họ đi, gặp nhiều tù trưởng hung ác, họ đều đánh cho tan tác.

Đoàn người của Đăm Di đi mỗi lúc một nhiều. Dây diều hướng theo đường nào, họ đi theo đường ấy.

---

1. Ý bị lang ben, lông rụng vì già.

2. Loại dao rừng to bản.

Họ đi mãi mới đến bờ biển. Biển rộng không thấy bờ. Trước mắt họ là những lớp mây trắng thi nhau lên cao. Nô lệ liền thả tàu nước xuống biển.

Đoàn người dừng lại trên bờ. Bốn chiếc tàu của Đăm Di quả là đẹp, mũi nhọn, phía trước có cột treo cờ, phía sau có cột buồm cao hứng gió. Tất cả đều dừng lại trên bờ, ai lo làm nhà cho Đăm Di, cứ làm, ai quạt cho Đăm Di, cứ quạt. Ba anh em Đăm Di ngồi bàn cách đánh Đăm Chúc.

Đăm Di - Làm thế nào chúng ta cướp được nàng Hơbia Pơlao đang ở giữa hòn đảo của biển cả đây kia?

Họ bàn đi, cãi lại mãi cách làm thế nào để cướp được Hơbia Pơlao. Cuối cùng, Đăm Di đã nghĩ ra. Chàng nói:

Đăm Di - Ơ em Xing Mưn, Xing Mơnga và bạn Pơrong Mưng! Hai em và bạn lấy ba chiếc tàu nhỏ đem theo ba con chim Kơtrao sang bên kia. Đến bến nước của họ, các em dừng lại cho chim đến gọi nàng Hơbia Pơlao đi múc nước, các em ngồi ở bến chờ rồi cướp nàng về.

Xing Mưn, Xing Mơnga - Thế ư anh Đăm Di?

Ba người xuống tàu quay mũi về phía bên kia xa lắc, ba chiếc tàu trèo lên đầu các ngọn sóng. Tàu của Xing Mơnga đã đến bến nước của Đăm Chúc. Họ ngồi đợi đấy rồi thả ba con chim Kơtrao cho bay đi. Ba con chim bay vào đảo, thấy nàng Hơbia Pơlao đang ngồi dệt vải dưới gầm nhà, chúng là là bay thấp xuống và đậu trên nóc nhà và hót.

Lũ chim Kơtrao: Trúc kơtru!... Những chàng trai trẻ đã ngồi đầy bến nước! Trắc kơtra!... Những trai làng xa đã ngồi dọc suối chờ nàng Hơbia Pơlao đi tắm rồi!

Nghe tiếng chim kơtrao nàng Hơbia Pơlao thấy bụng dào dạt nhớ thương quê xưa làng cũ và những người bạn gần xa.

Hơbia Pơlao - Hỡi chim! Chúng mày đừng hót nữa, lòng ta buồn thương nhớ lắm!

Rồi nàng cất khung cửi và lấy gùi nước đi về phía bến. Hơbia Pơlao gọi thêm hai bạn gái cùng đi.

Hơbia Pơlao - Ơ Bội Giang, Bang Hơmách, chúng ta đi tắm đi! Làm sao hôm nay tôi thấy ngứa nhiều như có bầy kiến bò khắp người. Bọn ta

tắm nước nồi bung, nồi bảy đã chán rồi, bây giờ ta phải ra tắm ngoài bến nước mới mát mẻ được các bạn ạ!

Bội Giang - Thôi bạn ơi! Đừng xuống tắm ở bến nước sợ rằng nắng tràn, đàn kiến bò, sai cái miệng Thần Núi, lệch cái bụng Thần Sông, mẹ cha ta sẽ không kịp cứu chữa, thân ta sẽ đổ ngã, không có người đỡ! Đừng đi bạn ơi!

Hơbia Pơlao - Các bạn can tôi không nên, các bạn ngăn tôi không lùi. Ngày hôm nay tôi phải xuống tắm ở bến nước mới mát dạ được, các bạn ạ!

Hơbia Pơlao và hai bạn gái sửa soạn cùng thay áo váy mới. Ba người cùng mang trên vai một gùi bầu nước. Họ bước chân đi, cả thân người uyển chuyển như con voi quay đầu để đưa người chủ đi dạo mát.

Bội Giang - Sao hôm nay bạn Hơbia Pơlao sửa soạn đẹp quá vậy?

Hơbia Pơlao - Tôi sửa soạn thế này để khỏi nắng tràn, đàn kiến đốt, nếu có sai miệng Thần Núi, lệch bụng Thần Sông, mẹ cha không kịp cứu chữa, ngã thân mình, tôi đã có bấy nhiêu của cải trong người.

Bội Giang - Như vậy hở bạn?

Ba người cùng ra bến nước. Múc nước và để bầu nước vào gùi rồi, họ xuống sông tắm, họ cởi váy treo trên nhành cây tang, mắc áo trên ngọn cây tùng. Họ nhảy xuống nước, họ đánh sóng nước lên cây tre trên bờ đưa ngọn lửa, họ đánh nước xuống, cây tre hạ ngọn xuống. Sóng nước gợn tràn bờ, ngoài kia, sóng đánh to bằng bồ lúa, bằng cái nhà, gầm gừ reo.

Hơbia Pơlao - Bến nước này đẹp quá. Bụi tre trên bờ xanh non gọi các cô gái đi hái rau. Kia là những chiếc thuyền bơi ngược, thuyền đan chài búa lưới xuôi dòng. Trời thẳm chim taovao bay, ruộng thung cò trắng lượn, năm nay vui quá, nắng tràn khắp nơi. Ơ anh Đăm Di! Anh xem đây, bắp vế em như trăng tháng giêng, bắp đùi em như trăng tháng ba, ngực em như mùa xuân mới về. Thân hình em xinh đẹp hơn tất cả các thứ trên mặt đất.

Hơbia Pơlao vui như com chim, nàng đánh bọt nước không mỏi tay và nàng hát gọi chàng Đăm Di không lúc nào mỏi miệng. Biển có bao nhiêu gợn sóng, lòng nàng nhớ thương chàng Đăm Di bấy nhiêu.

Bỗng nhiên có ba chiếc tàu quay mũi bơi về phía họ. Đây là ba chiếc tàu của Xing Mơnga tới cướp nàng Hơbia Pơlao. Bóng ba chiếc tàu in trên mặt nước thật là đẹp, phía trước mũi có cột treo cờ, đằng sau có cột buồm căng gió, gầm gừ lướt sóng to. Nàng Hơbia Pơlao nhìn thấy và gọi các bạn:

Hơbia Pơlao - Ơ các bạn! Đẹp quá kìa, các bạn có thấy hoa sen đang lướt sóng đó? Có họ đó để cho chúng ta đi dạo chơi, chao ơi sung sướng biết chừng nào!

Bội Giang - Biết bao giờ chúng ta mới có được?

Nàng Hơbia Pơlao lại nhảy xuống đánh bọt nước. Xing Mơnga đưa tàu vào gần bến. Chờ đến lúc nàng Hơbia Pơlao tắm xa bờ, chàng Xing Mơnga cho tàu của mình lao tới và nắm lấy tóc nàng kéo lên. Nàng Hơbia Pơlao gào thét, nhưng sóng còn gào thét to hơn. Hai nàng Bội Giang và Bang Hơmách sợ hãi nhảy lên bờ, không kịp thay váy, không kịp mang gùi nước cứ thế chạy vội về buôn. Hai nàng về, Bội Giang la lớn:

Bội Giang - Giàng ơi! Buôn làng ơi! Bà con ơi! Các anh Chi Mơrế, Đam San và Đăm Chúc ơi! Bạn Hơbia Pơlao bị người ta cướp sang bên kia bờ rồi, mau đi cứu bạn Hơbia Pơlao của chúng tôi!

Nghe tin em gái bị giặc bể đến cướp, chàng Chi Mơrế hung hăng như con trâu gặp nắng mùa hè.

Chi Mơrế - Thế ư các em? Các em có biết ai cướp không?

Chàng Chi Mơrế tay không kịp xách khiên, cầm dao rủ người trăm, người nghìn khiêng tàu xuống bến, để đi đánh nhau giành lại em gái mình. Dân làng nhao nhao, lo chạy đông, chạy tây. Ai khiêng tàu cứ khiêng ai làm tàu cứ làm. Chàng Chi Mơrế đã tập họp thêm được bảy tù trưởng giàu mạnh khác cùng đến giúp đỡ đi đánh anh em Đăm Di.

Chàng Xing Mơnga cho tàu về bên kia bờ thật nhanh. Đến bến, Xing Mơnga cho nàng Hơbia Pơlao lên tàu lớn ở với Đăm Di. Thấy nàng, Đăm Di hỏi:

Đăm Di: - Ơ em Hơbia Pơlao! Làm sao em phải đội váy trốn lên đất lạ, vác áo chạy xuống đất xa? Con thuyền đi tìm bến, sên ốc đi vào rừng đồi, con người đi tìm chỗ kẻ giàu sang làm nơi nương tựa; em nghe miệng lưỡi của ai, để phải trốn nấp nơi này? Trước đây, anh và em đã trao chiếc còng đeo tay, chuỗi cườm đeo cổ. Anh và em cái mặt đã ưng, cái lưng đã ưa, chúng mình đã thành vợ thành chồng. Ngày ấy, có bạn Pơrong Mưng làm chứng. Bạn Pơrong Mưng đã hứa nếu em mất đường chạy trốn, sẽ đi tìm, nếu em chìm đắm vào giữa làng giàu sang, sẽ đi hỏi. Cho đến nay, em làm thế thật. Cỏ tranh khô, em cho nó sống lại; chuyện phải trái, em lật ngược và em đã chạy sang làng người Hơrê, quê người Bana ở tận phía đông, phía tây. Vì vậy, hôm nay hơrốc[1] đã trôi, sôi[1] đã mất, anh phải đi tìm dọc bờ suối, bờ sông, mất người giàu sang, anh phải đi hỏi cho thấy đó, em ạ.

Hơbia Pơlao - Em sai lời hẹn rồi, anh Đăm Di ạ! Nếu anh tha em được sống, anh không thương, em phải chết. Anh có biết bao nhiêu ngày tháng sống trên đất người nơi giàu sang ấy, nước mắt em rỏ đầy bắp đùi, nước mũi rơi đầy đầu gối. Ôi em tức giận không có gì đến dạy bảo, vì em nghe lời anh Chi Mơrế bảo rằng "lấy anh làm gì, lông chân dài như bùi nhùi, lông đùi rậm như lông nhím, râu cằm dài, và đi đâu phải có người khiêng, kẻ quạt, anh là người lười việc rẫy việc nương". Anh Chi Mơrế không cho em lấy anh làm chồng. Anh Chi Mơrế muốn tìm chồng cho em là người thạo việc nương, siêng việc rẫy như anh Xing Mơnga, em trai anh đó, anh của em mới ưng bụng!

Đăm Di - Nếu như thế cũng được. Lấy anh hoặc lấy em Xing Mơnga, chuyện đó sau này chúng ta sẽ bàn.

Trong lúc đó buôn làng của chàng Đăm Chúc nhốn nháo. Kẻ làm tàu cứ làm, người đi tàu cứ đi. Họ lùa người nghìn, người vạn cưỡi tàu băng trên mũi sóng sang đánh anh em Đăm Di. Đoàn tàu này do Tù trưởng Đam San dẫn đầu. Đi gần tới nơi, Đam San cất tiếng gọi. Tiếng gọi của Đam San vang tận cùng trời cuối đất, ai ai cũng nghe thấy.

---

1. Loại đơm, đó của người Êđê.

Đam San - Ơ bạn Đăm Di! Tại sao bạn dám to gan lớn mật dường này? Sừng tê giác đến giành, ngà voi đến tranh, người giàu sang, bạn đến đánh cướp chị em của chúng tôi? Bạn hãy ra đây, buổi sáng ta chơi, trời trưa ta vật, giữa sóng biển cả này!

Nghe tiếng Đam San gọi từ xa và nhìn các con tàu chiến đến, Đăm Di gọi các em:

Đăm Di - Ơ các em Xing Mưn, Xing Mơnga và các bạn Pơrong Mưng! Các em có nghe tiếng Đam San gọi đó không? Các em và bạn Pơrong Mưng hãy cưỡi tàu sang hỏi, để anh ở nhà giữ nàng Hơbia Pơlao!

Xing Mưn, Xing Mơnga và Pơrong Mưng xuống tàu, thả dây buồm căng gió, tàu vượt sóng. Họ đến giữa biển đúng vừa lúc gặp đoàn tàu của Đam San.

Xing Mơnga - Ơ ông bạn Đam San! Chúng tôi ở phía này đây! Hôm nay, con ngựa ta cho đá, con trâu ta cho húc, ta giục bày voi cho đuổi nhau, xem thử sức mẹ đẻ, cha sinh của bạn khoẻ bằng nào? Bạn có biết chúng tôi xương sắt, gân đồng, người anh hùng từ thuở nhỏ, con tê giác chúng tôi đã từng lôi, voi hùm đã từng đạp, cọp beo chúng tôi đã từng giết và những bầy lợn rừng, hươu dữ chúng tôi đã từng vặn cổ không biết bao nhiêu mà đếm nổi.

Hai bên đánh nhau giữa biển cả. Sóng nổi lên bằng mái nhà, rồi lại chúi ngọn xuống tận đáy biển.

Xing Mơnga - Ơ bạn Đam San! Các bạn đứng bên đó, chúng tôi đứng bên này, ta cho tàu lao tới húc nhau xem thử tàu ai vỡ trước?

Hai bên cho các tàu chiến của mình lao tới, các tàu chở nô lệ của Đam San vỡ ra từng mảng, người trôi trên ngọn sóng như lá, như cỏ. Tàu của Xing Mơnga bằng sắt, bằng đồng, còn tàu của Đam San bằng gỗ, bằng tre nên chóng vỡ. Chàng Xing Mơnga đứng trên mũi tàu gọi Đam San.

Xing Mơnga - Ơ bạn Đam San! Bạn sửa soạn đi! Chúng tôi cho tàu lao tới đó. Khi tàu của Xing Mơnga lao tới, tàu của Đăm Di bị bắn ra xa tít. Họ đánh nhau mãi. Tàu của Đam San bị vỡ. Đam San lao xuống biển.

Đam San chết. Tù trưởng Đăm Chét lùa người nghìn, người vạn, cưỡi tàu ra biển cả đánh Đăm Di. Nhưng rồi tàu của Đăm Chét cũng xuống biển, làm hang cho cá nấp, và sau đó, đến lượt các tù trưởng lừng tiếng lâu nay là kẻ gươm tài, dai sức như Đăm Bơra, Mơtao Lovéc, Đăm Đơri, Đăm Đơrang, nhưng không một tàu nào của họ chịu nổi tàu của Xing Mơnga. Giờ đây, đích thân chàng Đăm Chúc xuống tàu ra đánh nhau, thay nhau, người này đi kẻ kia tiếp.

Đăm Chúc cưỡi tàu ra giữa trận trên mặt biển gọi chàng Xing Mơnga:

Đăm Chúc - Ơ bạn Xing Mơnga, chúng tôi ở phía này đây!

Hai bên đánh nhau, làm cho nước biển không lúc nào yên sóng. Tàu của Xing Mơnga phía trước treo cờ, phía sau cột buồm căng gió lao đến đón tàu của Đăm Chúc.

Xing Mơnga - Tàu của ta Xing Mơnga! Hãy cưỡi lên ngọn sóng buồm căng gió đi! Chồm lên, lắng xuống, hỡi những chiếc tàu chiến của chàng trai trẻ ra biển đánh trận này!

Tàu chiến của chàng Xing Mơnga theo sóng lao xuống đụng phải đá dưới đáy biển nghe như sét đánh, sấm nổ, bật ra những làn chớp chói loà. Trên trời, mây mưa kéo lại đổ xuống ầm ầm. Các loại thần từ các nơi cũng bay tới ăn linh hồn của người tù trưởng đã chết chìm dưới đáy bể.

Trong lúc đó nàng Hơbia Pơlao và chàng Đăm Di ăn cơm, rồi ngồi chơi và nói chuyện trên tàu lớn ngoài xa...

VII

Chàng Xing Mơnga, đem hết sức dài, tài rộng của cha đẻ, mẹ sinh đưa tàu chiến của mình vùng vẫy trên mặt biển như không có sức gì cản nổi. Tàu chiến của chàng làm cho nước nổi sóng lớn và làm cho công chúa con vua thuỷ tề ngồi không yên, thấy cái nhà của mình cứ rung rinh muốn đổ. Nàng đã nhìn thấy một chàng trai trẻ lái con tàu chiến tài giỏi và đẹp đẽ. Nàng bỗng yêu chàng và muốn lấy chàng. Nàng chạy vào nhà và nói với cha:

Công chúa - Thưa cha, chàng trai nào đang lái con tàu chiến kia, trẻ và đẹp quá! Xin cha bắt chàng về cho con làm chồng!

Vua Thuỷ Tề - Ơ con! Làm thế nào bắt nổi họ trong lúc họ đang nhảy đao, múa khiên như thế?

Công chúa - Thưa cha, cha cứ ra, ngoi lên lật tàu ấy, hẳn chàng phải chìm xuống đây với con.

Vua Thuỷ Tề - Ờ, nếu vậy để cha lên làm xem thử!

Vua Thuỷ tề đến gần tàu chiến của chàng Xing Mơnga. Ông bơi theo mãi, chờ đến lúc thuận tay chờ đến khi tàu của chàng Đăm Chúc húc tàu của Xing Mơnga, mới thò tay kéo tàu của Xing Mơnga từ từ chìm xuống biển. Vua Thuỷ Tề liền tới bế chàng về nhà. Công chúa thấy cha về, mang theo một chàng trai đẹp, nàng vui mừng hết nói, và đem chàng nhốt vào buồng của nàng. Xing Mơnga và công chúa nói cười suốt ngày bên nhau.

Pơrong Mưng, nhìn thấy tàu của Xing Mơnga chìm xuống chạy kêu lên:

Pơrong Mưng - Ơ Giàng! Bạn Xing Mơnga của ta đã chìm xuống đáy biển mất rồi!

Pơrong Mưng quay mũi tàu về báo cho Đăm Di biết.

Pơrong Mưng - Ơ bạn Đăm Di! Xing Mơnga đã chìm xuống đáy biển, vì tàu chiến của Đăm Chúc lao tới rồi!

Đăm Di - Ơ bạn Pơrong Mưng! Trước kia bạn là người làm chứng cho việc này. Hôm nay bạn phải lặn xuống, đi tìm xác em trai của tôi. Nếu bạn tìm được em trai tôi, tôi sẽ gả em gái Bơra Etang của tôi cho bạn. Bạn hãy lặn xuống tìm thấy hay không thấy, bạn cũng phải về báo cho tôi biết. Còn em Xing Mưn, em hãy ra chống cự với Đăm Chúc hung dữ kia cho ta!

Pơrong Mưng - Làm thế nào bây giờ? Ta đi, không biết chết hay sống đây?

Nói xong, chàng Pơrong Mưng quay mũi tàu ra khơi. Pơrong Mưng cho tàu lặn xuống và đi tìm khắp ngóc ngách chân hòn đảo đá: Chàng đi mãi, xa xa đã thấy hiện lên làng của vua Thuỷ Tề. Chàng cất tiếng gọi. Tiếng của chàng vang gọi vang mọi vùng trong đảo, vào tận nhà của vua Thuỷ Tề, làm nhà của vua Thuỷ Tề tốc hết mái vì hơi gió của chàng Pơrong Mưng tạt tới.

Pơrong Mưng - Ơ bạn Xing Mơnga! Hiện nay chúng ta đang đánh giặc! Về đi bạn ơi!

Vua Thuỷ Tề - Tiếng ai gọi to vậy?

Xing Mơnga - Bạn Pơrong Mưng của tôi đấy. Tại sao các người lại giữ tôi ở đây? Các người thả tôi ra cho tôi về, tôi còn phải đi đánh tan những kẻ gian ác.

Vua Thuỷ Tề - Không, không cho anh về, chúng tôi bắt anh tới đây để làm chồng con gái tôi.

Xing Mơnga - Các người làm thế là hỏng hết!

Pơrong Mưng, hỏi vua Thuỷ Tề - Các người có thấy bạn Xing Mơnga của tôi vào đây không?

Vua Thuỷ Tề đứng trước cửa nhìn Pơrong Mưng, nhưng không nói một tiếng.

Pơrong Mưng - Nếu các người là kẻ giấu bạn ta, buôn làng của các người sẽ thành tro bụi, và những người trẻ già của làng này ta sẽ đem giã xuống cối. Các người không biết chúng ta đang đánh giặc để giành lại vợ cho anh, cho bạn ta sao?

Công chúa - Buôn làng này thành tro bụi và người giàu nghèo làng này các người đem giết cũng được, miễn sao ta lấy được chàng Xing Mơnga làm chồng, ta mới yên bụng này.

Pơrong Mưng - Các người dám nói vậy sao?

Vua Thuỷ Tề - Nói thế đấy, các người làm gì thì làm.

Nghe vua Thuỷ Tề thách thức, chàng Pơrong Mưng trở về báo cho Đăm Di biết.

Pơrong Mưng - Ơ bạn Đăm Di! Bạn Xing Mơnga đã lạc vào buôn của vua Thuỷ Tề. Vua Thuỷ Tề bắt bạn ấy làm chồng cho con gái của lão. Lão không cho Xing Mơnga về. Hiện nay, bạn Xing Mơnga bị nhốt kín vào buồng của con gái lão. Chung quanh làng của lão, toàn là hàng rào bằng đá. Tôi gọi về, Xing Mơnga không sao về được. Làm thế nào chúng ta phải phá được các hàng rào đá đó, bạn Xing Mơnga mới có thể về đây.

Đăm Di - Muốn đánh được cổng làng của vua Thuỷ Tề, bạn phải xách theo chiếc búa Kơrăn[1] này. Đến nơi, bạn cho búa này phá tung cổng, ta mới có lối đánh vào. Bạn vào đánh đi, tôi và em Xing Mưn ở trên này chống với Đăm Chúc và giữ nàng Hơbia Pơlao, kẻo nàng lại bị chúng cướp đi lần nữa!

Pơrong Mưng - Vâng, tôi đi đây!

Chàng Pơrong Mưng cho tàu của mình lặn xuống ngay trước cổng làng vua Thuỷ Tề. Chàng giáng búa vào thành cổng, cổng đổ sập. Pơrong Mưng nhảy vào giữa làng, đuổi đánh vua Thuỷ Tề. Dân làng của vua Thuỷ Tề chạy trốn tán loạn.

Đánh tan vua Thuỷ Tề, Pơrong Mưng vào gọi Xing Mơnga ra.

Pơrong Mưng - Về đi bạn Xing Mơnga! Buôn làng của vua Thuỷ Tề, ta đã đánh tan rồi!

Pơrong Mưng đem chàng Xing Mơnga lên bờ. Thấy em về, chàng Đăm Di mới cất tiếng cười và nói:

Đăm Di - Ơ bạn Pơrong Mưng! Bạn thật là một người bạn trung thành, sống chết đều có bên nhau. Bạn mới xứng đáng là chồng của Bơra Etang, em gái xinh đẹp của chúng tôi. Về đến nhà, chúng tôi sẽ làm lễ cưới cho các em ngay.

1. Theo truyền thuyết, búa thả xuống gần núi, núi sẽ nổ tung.

Sau đó bốn anh em cưỡi bốn chiếc tàu ra khơi đánh Đăm Chúc. Chàng Xing Mơnga đưa mũi tàu của mình đâm thẳng vào tàu của Đăm Chúc. Tàu của Đăm Chúc vỡ tan tành. Đăm Chúc lao người ôm lấy ngọn sóng biển.

Tất cả các tù trưởng đến giúp Đăm Chúc đều lao theo sóng biển, còn lại mỗi mình Chi Mơrế, người anh trai của nàng Hơbia Pơlao. Chàng Chi Mơrế xuống tàu chiến đem theo người nghìn, người vạn. Tàu ra giữa biển, chàng Chi Mơrế gọi.

Chi Mơrế - Ơ bạn Đăm Di! Các bạn hãy đứng đó, ta cho tàu lao tới đây!

Họ lại đánh nhau. Họ lại đánh nhau dưới mặt nước, trên mặt nước làm cho sóng biển nổi to tràn cả bờ. Mặt trời vừa xế chiều, tàu gỗ của Chi Mơrế vỡ tung từng mảng, Chi Mơrế cũng chết theo ngọn sóng.

*

* *

Trận đánh đến đây là hết. Bốn anh em Đăm Di thắng trận và Đăm Di kêu gọi tất cả dân làng:

Đăm Di - Hỡi tất cả dân làng của ta đó đây! Muốn có lúa ăn, các người hãy phát nương làm rẫy, muốn có nhà ở, các người hãy đi làm nhà!

Dân làng đổ đi làm nhà. Ai làm rẫy cứ làm, ai dựng nhà cứ dựng.

Còn bốn anh em Đăm Di về đến nhà, họ lấy rượu ché túc, ché ba, làm lễ cưới cho Đăm Di và Hơbia Pơlao và Pơrong Mưng với Bơra Etang. Họ giết trâu bò để cúng thần núi, thần sông, gọi hồn linh của những người đã chết phù hộ cho họ được mãi mãi khoẻ mạnh và giàu có. Làng của Đăm Di ngày nay không còn giặc đông giặc tây nữa. Ngày ngày, người ta chỉ nghe tiếng chiêng, tiếng trống "ăn năm, uống tháng" mà thôi.

DÂN TỘC MNÔNG

CHÀNG TIĂNG*

Khan - một thể loại ngâm kể phổ biến ở các dân tộc: Giarai, Êđê, Chăm, Ra-glai... được nhiều nhà nghiên cứu gọi là trường ca, sử thi. Cũng như vậy, thể loại ấy ở dân tộc Mnông gọi là Ot nrông.

Vào giữa năm 1993, Nhà xuất bản Văn hoá Dân tộc cho phát hành ấn phẩm: "Sử thi cổ sơ Mnông" *do hai tác giả: Điểu Kâu (Người Mnông ở Đăk Nông) và Đỗ Hồng Kỳ (cán bộ nghiên cứu Viện Văn hoá Dân gian).*

Công trình sưu tầm và biên dịch này là sản phẩm của một quá trình hợp tác nghiên cứu giữa hai cơ quan: Sở Văn hoá - Thông tin tỉnh Đăk Lăk và Viện Văn hoá Dân gian thuộc Trung tâm KHXH và NVQG, có sự đóng góp của nhiều cán bộ.

Đây là lần đầu tiên, chúng ta có trong tay một thiên sử thi dài có sức quyến rũ của người Mnông, mới được phát hiện ở huyện Đắk Nông, tại tỉnh Đắk Lắk, tại bon làng nhóm Mnông Noong. Trong ấn phẩm, sau một bài nghiên cứu ngắn là 4 truyện dài mà các nhân vật đều có quan hệ mật thiết với nhau như là bốn phần liên tục. Dưới đây, chúng tôi chỉ giới thiệu 3 truyện, được biết đó là dịch phẩm của Điểu Kâu. Còn truyện cuối cùng: "Chàng Lêng", *thì người sưu tầm nghe kể và trần thuật lại, chúng tôi không tuyển chọn vào Tổng tập này.*

---

* Tên chung này do chúng tôi dặt (CTS).

Căn cứ vào nội dung, ngôn từ và thủ pháp diễn đạt, tin rằng, Ót nrông này là một trong những áng sử thi cổ nhất trong kho vốn cùng thể loại sưu tầm được trên đất nước ta.

Chúng tôi cũng được người sưu tầm cho biết sử thi Ót nrông xuất bản năm 1993 như đã nói ở trên, đến nay vẫn là một công trình sưu tầm, biên dịch còn dang dở, đang được tiếp tục bổ sung để hoàn thiện và sẽ giới thiệu chung một ấn phẩm gồm cả hai thứ tiếng: Êđê - Việt trong vài năm tới. Rất mong ý định này sớm trở thành hiện thực, vì đây là sử thi hiếm thấy của một nhóm tộc người nói ngôn ngữ Môn - Khơme ở miền hẻo lánh thuộc trung Tây Nguyên. Trong khi biên tập để giới thiệu ở đây, chúng tôi cố gắng thống nhất cách phiên âm những danh từ riêng và thay thế một số từ Hán - Việt bằng ngôn ngữ dân gian thích hợp.

CHU THÁI SƠN

I

BÔNG, RONG VÀ TIĂNG

Từ thời xa xưa
Có con bươm bướm dập dờn với đá
Con chuồn chuồn thung thăng với nước,
Hòn đá sinh ra một trăm người,
Củ khoai Lò[1] sinh ra sáu mươi chín người
Nước biển sinh ra trứng và nở ra Tiăng.
Đầu tiên sinh ra Sết,
Sết đẻ ra Sắt,
Sắt đẻ ra Sang,
Sang đẻ ra Grên, Grăn,
Grên, Grăn ấp ra đất đai...
Sết đi xuống hướng Nam,
Sắt đi lên hướng Bắc,
So đi tới vùng cao,
Tiăng và Rơ Khê đi xuống Phan[2],
Gloi và Giai theo chồng là Briăng Phut,
N'đu con Gut giữ xứ Drôn[3]
Bông và Rong đi khai phá vùng cao,
Nguyên do Bing, Bai giành chồng với Rong,
Bing, Bai và Rong cãi cọ nhau.
Họ thử thách tài nghệ,

---

1. Một loại khoai củ hình tròn, vỏ màu nâu, ruột đỏ, có nghệ nhân cho là Lô và Lâu sinh ra 69 người.

2. Thế giới trong lòng đất (chú thích của soạn giả - CTS).

3. Drôn: Campuchia ngày nay

Họ thi nhau đập bông,
Họ thi nhau kéo chỉ,
Thi nhau nhuộm sợi.
Một gói bông Bing dệt thành chăn,
Một gói bông, Bing dệt thành áo,
Bing làm xong, đến lượt Rong.
Rong bắt đầu cầm đồ nghề,
Nhưng đồ nghề không theo ý muốn:
Một gói bông không ra được chăn,
Một gói bông không ra được áo,
Một quả bông không ra được vải.
Cuối cùng bị Bing đập đồ nghề,
Rong xấu hổ và tức giận,
Tức đến nỗi như không còn thở được,
Tức đến nỗi không nói ra lời,
Tức đến nỗi tim như ngừng đập,
Cơn giận trào lên như dóng nước mùa mưa
Mặt đỏ hồng như quả rmăng glơng[1],
Rong định chết bằng dùi nhưng sợ chết bằng dùi,
Định chết bằng rìu nhưng sợ chết vì rìu?
Rong định dùng ống[2] nấu ống thuốc độc nhưng sợ chết vì ống,
Nàng định dùng sợi dây thắt cổ nhưng không dám.
Lúc này Rong ăn cơm không trôi,
Uống nước không vào,
Một mảnh khố[3] cũng không còn dính thân,
Tiếng nói của Rong, không phát được thành lời,

1. Một quả to bằng ngón tay cái, khi chín có màu rất đỏ.
2. Ống tre, lồ ô tươi thường dùng để làm "nồi" nấu canh (CTS).
3. Xa xưa, nữ giới ở Tây Nguyên cũng mặc khố như nam giới (CTS).

Rong nghĩ mãi hướng đi:
- Chắc mình phải đi khỏi nơi này,
Đi thật xa đến các xứ khác,
Đi ra rừng cho cọp nó vồ,
Ra bãi cỏ cho hổ nó ăn,
Cho tiêu tan thân xác như tro, như muối.
Cho mất tích như chiếc vòng dời tay.
Rong bắt đầu chuẩn bị các thứ,
Những chiếc vòng bạc thường đeo,
Cả khay đựng trầu cau,
Và bình đựng vôi ăn trầu,
Rong mang theo những con dao nhỏ,
Những con dao có cán bằng sừng và bằng gốc lồ ô[1]
Rong không quên mang bánh gạo rang,
Và những gói cơm nếp ăn đường,
Phòng khi bị đói trong rừng.
Rong mang chiếc gùi nhỏ của mình,
Chiếc gùi nhẹ nhất của nàng;
Chiếc gùi có đan hình bông hoa,
Chiếc gùi có đế bằng bạc, bằng vàng.
Rong bước ra khỏi nhà,
Bước ra khỏi sân,
Đi theo con đường đất đỏ nứt nẻ,
Qua bụi nứa đi về hướng con suối,
Rong nghé vào nhà Bông, anh ruột của nàng[2],
Rong lên tiếng nhỏ nhẹ:
- Anh Bông ơi, anh hãy thương em!

---

1. Một loại tre phổ biến ở các cao nguyên miền Trung (CTS).
2. Theo tập quán mẫu hệ, người con trai về ở nhà vợ (CTS).

Xin anh đi theo em, giúp em mang gạo,
Anh đi theo em, và luôn luôn cạnh em.
Rong vừa dứt lời, Bông liền lên tiếng,
Lời Bông nói nhỏ nhẹ như tơ con nhện,
Lời Bông nói êm như tiếng gông chiêng,
Lời Bông nói thanh như tiếng gõ tô đồng:
- Rong định đi đâu bây giờ?
Rong định đi hướng nào?
Em định đi hướng nào?
Định đi thăm chị em bạn nơi nào?
Hay định đi đánh nhau với ai?
Rong nói rằng:
- Em cũng không biết nữa, anh Bông ơi!
Bây giờ em lúng túng lắm rồi,
Em định đi đến nơi đất gặp trời,
Đi đến nơi thật xa xôi,
Em muốn đi qua xứ khác ở thôi.
Bông nghĩ không thể rời Rong,
Nếu Rong chết, Bông cũng khổ sở[1]
Mất em Rong, Bông sẽ nghèo khổ,
Nếu Rong bỏ đi, Bông sẽ vất vả,
Không có ai tuốt lúa, giã gạo,
Không có ai sàng gạo,
Không có ai bổ củi cho Bông,
Không có ai nấu cơm cho khách.
Bông đành theo ý của Rong,
Bông cần phải chiều Rong mới nên,

1. Trong chế độ mẫu hệ, người con trai phụ thuộc vào chị em gái của mình (CTS).

Bông phải đi theo Rong sát bên,
Đi mang giúp đồ đạc cho Rong.
Bông chuẩn bị các thứ cần dùng,
Cả cối đồng giã trầu cau,
Và bình đựng vôi ăn trầu.
Bông mang theo con dao hộ thân,
Một chiếc lao tuỳ thân chớ quên,
Một chiếc khiên gỗ phòng thân đừng quên.
Bông mang cái gùi có nắp bằng đồng,
Cúi gùi quai làm bằng cườm treo thêm lục lạc.
Bông bới tóc cắm thêm lông chim,
Quấn quanh đầu mấy vòng vải đỏ,
Quấn thêm khăn quanh mình mấy vòng.
Bông mặc khố, cắm thêm dao, gươm,
Quanh đầu bịt mảng cườm hoa,
Trên cổ Bông đeo vòng bạc,
Bông cởi tóc buộc thêm chỉ màu,
Cắm thêm lông chim công,
Cắm thêm lông chim én,
Cắm cả lông chim cu lưa thưa,
Bông bới múi tóc kết thêm vải đỏ,
Cổ tay trái Bông đeo vòng bằng đồng đỏ,
Cổ tay phải đeo vòng bằng đồng thau,
Ngón tay giữa đeo vòng bằng đồng đen.
Bông mặc thêm áo dày,
Choàng thêm áo bằng đá pha bạc,
Khoác thêm áo giáp bằng sắt,
Bông mặc áo toàn bằng sắt, bằng đồng,
Thân che kín chỉ hở lỗ mũi,

Thân che kín chỉ trừ cái mồm.
Bông từ từ bước ra khỏi nhà,
Bước qua sân,
Đi qua bụi tre, qua nơi bổ củi,
Qua nơi phơi lúa, kéo chỉ,
Qua nơi đàn bà phơi vải.
Bông đi trước, Rong bước theo sau,
Rong luôn luôn đi sát theo Bông,
Rong vừa đi vừa ngắm anh Bông.
Bông và Rong kéo nhau về hướng Bắc,
Họ đi về phía có các đồi trọc,
Rong vừa đi vừa nói với Bông:
- Anh Bông ơi! Anh có biết không?
Xứ trên kia toàn là tảng đá,
Xứ trên kia bằng phẳng trống không,
Không có một cây che nắng,
Không có một bụi tre cho người núp,
Cũng không có một bụi cỏ tựa lưng,
Người trên kia gieo lúa trên đá,
Rong dứt lời, Bông đáp lại ngay:
- Thế hả em? Anh đã biết rồi,
Em để anh lo cho là xong.
Bông nghĩ đến việc đắp đất trồng cỏ,
Và trồng vài loại cây ăn quả.
Bông mang theo các loại ong và dã thú, chim muông,
Bông cũng mang giống cây làm hàng rào,
Đem giống tre giúp nghề đan gùi,
Đem cây prô lấy vỏ bó người chết,
Giống cây gòn gai để đục quan tài,

Lá cây tjăng để nhử các loại cheo[1].
Bông và Rong bắt đầu lên dốc,
Đùi Rong trắng như cây chuối non.
Tranh và mây dùng làm chòi,
Bông mang theo mỗi thứ một cây,
Con chim cu dùng mổ hạt thóc,
Bông mang theo một trống một mái,
Con chim én sinh sống trên biển,
Cần để hút những giọt nước mưa,
Bông mang theo một trống một mái,
Các loại chuột dùng ăn rễ tre,
Bông mang theo một đực một cái,
Loại cọp beo để cắn chân trâu,
Bông mang theo một đực một cái.
Còn Rong mang một bầu đất,
Bảy con giun và một thanh củi,
Nước một sừng trâu, cát một *khiao*[2]
Và mang theo một *khiao* đất đỏ.
Một nắm đất Rong đắp núi Nâm Brah[3],
Một nắm đất Rong đắp núi Nâm Veng[4],
Một chén đất đắp dãy Yau Ung[5]
Một lưỡi rìu đắp đồi Glung-ma-jơl[6].
Bông kéo mây hoá thành khe suối,
Kéo cây nrông hoá thành con sông,

1. Lá màu đỏ, con cheo rất thích ăn.
2. Một loại gùi nhỏ.
3. Núi Bà Rá, thuộc huyện Phước Long.
4. Nay là núi Bà Đen, thuộc tỉnh Tây Ninh.
5. Thuộc xã Đắk Nhau, huyện Bù Đăng.
6. Thuộc xã Quảng Trực, huyện Đắk Lấp tỉnh Đắk Lắk ngày nay.

Đổ nước cơm hoá thành biển cả!
Bông phóng lao hoá thành dòng thác,
Bông nấu canh, Rong gieo hạt cam,
Rong trồng bưởi trên bờ sông Mê Kông
Cây cam này Kônh Krung cai quản[1],
Cây bưởi này Kônh Srai cai quản[2],
Quả nduat[3] Ting Rung cai quản.
Ăn cơm xong Bông, Rong lại đi,
Họ tiếp tục đi về hướng Bắc,
Chưa có đường đi, Bông, Rong tự tạo,
Khi qua núi, họ chăng dây mây,
Chưa có đất đai họ tự tạo nên.
Đi một đoạn đường họ lại nhìn trời,
Đi xa rồi họ đếm các vì sao,
Sao trên trời làm sao đếm nổi,
Đếm lá cây trong rừng dễ hơn!
Vùng Bông, Rong qua toàn tảng đá,
Không có một cây che nắng,
Không có một bụi cỏ dựa lưng,
Trời nắng chang chang,
Nóng phồng da, hạn hán quanh năm,
Nóng đến khó thở, lở da,
Mùa khô nắng gắt, đi mệt lả người.
Bong và Rông đi đến Buhích[4] và Burơtung[5],
Đến Bu-gung[6] và Burơtiăng[7],

1, 2. Sống ở vùng Campuchia.
3. Quả ăn rất chua. Người Mnông gọi loại cây này là Mẹ rừng.
4, 5. Thuộc xã Quảng Trực huyện Đắk Nông ngày nay.
6, 7. Thuộc xã Quảng Trực huyện Đắk Nông ngày nay.

Đã đến bon Găngmil[1] và Găngbrao[2]

Đã đến bon người Díp[3] của Yông Tiăng Đing[4]

Họ tiếp tục đi về hướng Bắc,

Họ vừa đi vừa nói chuyện,

Vừa đi vừa ngó nhìn,

Bông và Rong đi sát bên nhau.

Họ đã đi xa lắm rồi,

Họ đã đến xứ Bu Pruh[5], Bu Prâng[6] rồi,

Đến đó họ dừng lại làm nhà,

Làm nhà xong,

Mọi việc đều xong,

Họ đem đồ đạc vào nhà,

Rồi hai người sống trơ trọi ở đó.

Tạm dừng câu chuyện Bông và Rong,

Bây giờ ta kể đến chuyện Tiăng.

Ấy là Tiăng con Tắp[7]

Lúc đầu dòng nước phun lên mặt trời,

Lửa mặt trời phun xuống nước,

Hai bên gặp nhau giữa không trung,

Cuối cùng rớt xuống hồ một quả trứng to.

Biôn Biăn đi xúc tôm tép,

1, 2. Thuộc xã Quảng Trực.

3. Díp: một ngành Mnông.

4. Tên chủ bọn người Díp. Bọn này thuộc xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng.

5, 6. Thuộc xã Quảng Trực (có lẽ là Bu Pruh, Bu Prâng vì đây đồng thời là tộc danh của 3 ngành Mnông - CTS).

7. Tức là Tiăng con trứng.

Lúc đầu đi xúc tại Đák Dai[1]
Qua xúc tại Đák Roch[2]
Rồi họ đi đến xúc tại Krông Bông[3],
Khi đến hồ họ thấy là lạ,
Họ nhìn kỹ mới nhận ra đó là quả trứng,
Một quả trứng to tướng ở đáy hồ,
Vừa nhận ra, Biôn, Biăn tự hỏi:
- Đó không phải là trứng chim,
Không phải trứng thằn lằn, cũng không phải trứng ó,
Đó là quả trứng có màu sặc sỡ.
Hai người xuống khiêng quả trứng lên bờ,
Họ đem trứng về ấp,
Dùng mền đỏ ấp trứng glu[4], mền bông ấp trứng ó.
Dùng mền có hoa ấp trứng Tiăng.
Biôn, Biăn vừa ấp, em Kong đòi luộc ăn,
Đòi nướng ăn trứng Tiăng.
Kong khóc suốt ngày đêm,
Biôn, Biăn phải dỗ Kong bằng củ khoai môn[5]
Bằng củ khoai mỡ[6]
Luộc trứng gà, trứng vịt dỗ Kong.
Biôn, Biăn ấp trứng liên tục bảy ngày bảy đêm,
Đúng bảy ngày bảy đêm thì trứng nở.
Buổi sáng nở ra Tiăng,

1, 2. Những con suối này thuộc tỉnh Đắk Lắk và Môndônkiri (Campuchia). Tương truyền đó là những con suối mà dân làng Tiăng nuôi tôm cá, họ thường đến đó tắm và bắt tôm cá.

3. Chỗ nước lên của con suối: Có lẽ cách gọi này do ảnh hưởng của ngôn ngữ Êđê láng giềng (CTS).

4. Trứng đỉa.

5. Một loại cây có lá và củ rất ngứa.

6. Một loại cây khoai vỏ đen xám, ruột trắng.

Buổi chiều nở ra klang[1]
Lúc gần sáng nở ra con sâu.
Biôn, Biăn đến mừng Tiăng,
Họ bồng Tiăng lên,
Họ túm bằng áo,
Họ cõng bằng vải[2],
Đứa trẻ sơ sinh cũng có đủ chân, đủ tay,
Biôn vuốt ve đứa trẻ.
Biăn cũng vuốt ve đứa trẻ,
Họ tắm rửa cho nó sạch sẽ.
Biôn nói với Biăn:
- Chúng ta đặt tên cho nó là gì đây?
Bây giờ thử đặt tên nó là Lêng con Tấp.
Họ đặt tên nó là Lênh con Tấp.
Vừa đặt tên xong nó bị bệnh
Vì nó không thích đặt tên là Lêng,
Tên đó không hợp với nó,
Tên đó không vừa lòng nó,
Và tên đó cũng không phải là tên của nó.
Nó khóc suốt ngày.
Nó khóc suốt đêm.
Biôn, Biăn đêm không ngủ được,
Sáng không ăn được.
Ban ngày không đi làm được.
Họ dùng vải cõng nó sau lưng.
Nó vùng vẫy.
Làm rách cả vải cõng nó.

1. Tên chung chỉ ó và diều hâu.
2. Cõng bằng cái địu (CTS).

Nó rơi, vùng vẫy trên đất
Nó khóc la, lăn lộn.
Bấy giờ chẳng biết đặt tên nó là gì:
- Đặt tên cho mày là Nđu con Tấp?
Nó càng giận thêm,
Nó khóc liên tục bảy ngày bảy đêm,
Họ thử đặt tên nó là Ting con Tấp,
Cũng không được.
Biôn, Biăn hết đường tính,
Họ chịu thua nó rồi.
Họ lấy mbuất[1] đồng tặng nó,
Làm cúng cho nó,
Và đặt tên cho nó là Tiăng con Tấp:
- Đừng đau bệnh nữa,
Ôm mbuất đi,
Lớn mau mau để thổi mbuất này!
Từ đó Tiăng bắt đầu cười,
Nó cười như cá thoát đơm,
Như khố cười đùi,
Như ché rượu cười cần.
Nó vừa lòng, không khóc nữa.
Tiăng một ngày một lớn,
Nó lớn lên rất nhanh,
Không bao lâu,
Tiăng đã thành người lớn,
Nhưng Tiăng không phải là người bình thường, nó là ma lai[2]

1. Loại nhạc cụ gồm sáu ống nứa cắm vào một quả bầu khô.
2. Theo quan niệm của các dân tộc Tây Nguyên, ma lai là một loại "ma sống", nó tiềm ẩn ở ngay trong con người nào đó và có khả năng làm hại người, gia súc và cây trồng, nó giống như quan niệm về "ma ngũ hái", "ma gà" ở các dân tộc miền núi phía Bắc (CTS).

Nó biết làm cho người khác đau ốm,
Làm cho người khác chết,
Nên nó phải làm phục dịch cho Kong con Biăn.
Kong dùng nó để chăn dê,
Chăn trâu, chăn bò,
Hằng ngày nó ở ngoài đồng với trâu bò.
Ngày này qua ngày khác,
Tháng này qua tháng khác,
Thời gian trôi đi đã nhiều,
Tiăng tự nghĩ về mình,
Nghĩ phần mình quá khổ.
Không thể để mình khổ mãi như thế này được.
Bây giờ tính thế nào đây,
Tại sao họ đặt tên mình là Tiăng con Tấp,
Tại sao chỉ có một mình là ma lai,
Tại sao mình có con ma lai?
Cái đó không hợp với mình đâu,
Không để cho họ gọi mình là Tiăng ma lai mãi được.
Bây giờ mình phải trốn đi,
Trốn vào rừng cho hổ nó ăn,
Trốn vào bụi cho cọp nó vồ,
Đi đến bon khác cho người ta giết,
Đi cho chết bỏ,
Chết cho yên thân,
Chết cho đáng đời,
Chết cho hết đời làm phục dịch.
Đến một ngày kia,
Tiăng đi chăn trâu bò như bình thường,
Nó cho trâu bò ăn ở bên bờ hồ Klông Bông,

Tất cả trâu bò của Kong con Biăn,
Tất cả bầy dê mà Kong giao chăn,
Tiăng đều bỏ lại.
Tiăng lặng lẽ ra đi,
Nó ra đi như khố dời eo,
Như cườm rời cổ.
Thế là Tiăng đã đi rồi,
Nó đi về hướng Nam,
Không biết đường, nó cũng cứ đi,
Không biết lối, nó cũng chẳng sợ,
Nó đi qua khe, qua suối,
Băng núi, băng rừng.
Đi xa xa, nó nhìn bầu trời cao,
Đi xa xa, nó đếm các ngôi sao.
Tiăng đi đến bon Ting con Gâr,
Tiăng đi đến bon Mbong con Gâr,
Ting con Gâr rất nổi tiếng,
Tiăng muốn sống gần Ting để được như Ting
Sống gần Mbong để được như Mbong.
Tiăng ghé vào bon Ting, Mbong con Gâr,
Tiăng chui vào bụng mẹ Gâr,
Để người ta gọi nó là Tiăng con Gâr,
Làm anh em với Tiăng con Gâr
Và nó đã thành Tiăng con Gâr.
Sống một thời gian ở đây, Tiăng cũng chán,
Nó lại ra đi,
Nó tiếp tục đi về hướng Nam.
Tiăng bỏ lại mbuất đing kông[1],

1. Tức là mbuất làm bằng đồng; kông là vòng đồng.

Cho Ting Mbông con Gâr.
Tiăng tiếp tục băng rừng băng núi,
Có lúc chui qua đá,
Mấy ngọn núi Tiăng cũng vượt qua,
Trăm tảng đá Tiăng đều chui qua,
Tiăng đi, chẳng có ai biết,
Tiăng đi đến bon N'đu con Trôk,
Nó đã đến bon Dong con Trôk,
N'đu con Trôk đầu đội mũ bằng ché,
Ting con Trôk đầu đội mũ bằng chiêng,
Mưng Nghe con Trôk có đeo lửa bên chân.
N'đu con Trôk rất nổi danh,
Tiăng nghĩ muốn mình bằng N'đu con Trôk,
Sống gần N'đu để được danh tiếng,
Sống chung với họ để được như họ.
Tiăng liền chui vào bụng mẹ Trôk,
Sống một thời gian nó lại nghĩ:
Người ta gọi mình là Tiăng con Trôk,
Cũng không hợp với mình lắm.
Rồi Tiăng lại bỏ đi,
Nó tiếp tục đi cả ngày lẫn đêm,
Bây giờ Tiăng đi dưới lòng đất,
Nó bỏ lại chiếc gươm cho N'đu con Trôk,
Gươm quý này,
Về sau Manh Mang giữ.
Tiăng tiếp tục đi đến bon Ting con Puh,
Đi đến bon Mbông con Puh.
Ting con Puh cũng rất nổi tiếng,
Tiăng chui vào bụng mẹ Puh,

Người ta gọi nó là Tiăng con Puh,
Nó được làm anh em với Ting, Mbông con Puh.
Như vậy vẫn không hợp với Tiăng,
Nó cũng không thích người ta gọi là Tiăng con Puh.
Tiăng tiếp tục ra đi,
Nó càng đi sâu dưới lòng đất,
Và bỏ lại nơi đây một ống sao cho N'đu con Puh.
Tiăng băng qua suối,
Nó chui qua đá,
Qua bụng các con vật,
Tiăng chui vào bụng con rái cá, gặp con cua,
Nó sợ người ta gọi nó là Tiăng con cua,
Tiăng định chui vào bụng chim, sợ gặp quả,
Nó trở thành quả cây!
Tiăng định chui vào bụng trâu rừng,
Sợ bên cạnh cỏ nó thành cỏ,
Tiăng định chui vào lòng đá,
Nó sợ trở thành hòn đá.
Tiăng cứ đi mãi,
Nơi nào nó cũng đi qua,
Nó ghé thăm Vê con Trôk,
Tiăng bỏ lại đây một cái ché con dê[1],
Nó để lại cái ché này cho Vê, Vom,
Đó là cái ché quý nhất của Tiăng.
Tiăng lại tiếp tục đi,
Nó đi ngày không ăn, tối không ngủ!
Tiăng đến bon Ting con Jri,

1. Theo người Mnông, đó là cái ché có hình con dê: tối nó là ché bất động, ngày hoá thành con dê đi ăn cỏ.

Nghỉ ngơi một lúc,
Nó chui vào bụng mẹ Jri,
Người ta gọi nó là Tiăng con Jri.
Tên này cũng không hợp với nó,
Nó không thích gọi bằng Tiăng con Jri.
Tiăng lại tiếp tục ra đi,
Nó đi về hướng dưới,
Nó để lại một con dao có cán bằng sừng trâu,
Dao này để cho Mbông con Jri.
Tiăng lại ra đi,
Nó đến bon Ting con Bong,
Đến bon Mbông con Bong,
Ting con Bong là người danh tiếng nhất,
Mbông con Bong cũng rất danh tiếng,
Họ nổi tiếng khắp mọi nơi,
Tiăng muốn sống chung với Ting,
Muốn sống chung với Mbông,
Muốn danh tiếng như họ.
Tiăng liền chui vào bụng mẹ Bong,
Người ta gọi nó là Tiăng con Bong,
Nó được làm anh em với Ting, Mbong con Bong.
Tên này cũng không hợp với Tiăng,
Tiăng cũng không thích gọi bằng tên này,
Đặt tên Tiăng phải sát với chiêng,
Đặt tên Tiăng phải sát với gông.
Tiăng lại tiếp tục ra đi,
Nó bỏ lại nơi đây "ruột con mối,
Một bộ vẩy con chuột,
Một dấu vết con thằn lằn, một mỏ con châu chấu

Một bộ ngà con sóc, một bộ răng con trút
Một đốt chân ngược con gà rừng, và tay rắn, chân trăn"*
Một bộ chỉ vàng bạc độ nửa ống tre,
Một bộ đồ nghề kéo chỉ bằng bạc,
Bỏ lại một cây đa bằng bạc, bằng đồng,
Tiăng bỏ lại tất cả cho Ting, Mbong con Bong.
Tiăng lại tiếp tục ra đi,
Nó đã qua hết lòng đất và tới thế gian khác,
Tiăng đến bon Ting con Liăng
Nó lại chui vào bụng mẹ Liăng,
Tiăng được làm anh em với Ting, Mbong con Liăng,
Tên này cũng chưa hợp với nó.
Tiăng lại đi tiếp,
Nó bỏ lại con dao đục đá cho Ting, Mbong con Liăng.
Tiăng đã đến tận cùng chân trời,
Đã đến tận cùng mặt đất,
Tiăng đã đi một thời gian rất dài.
Mấy đời đã qua.
Con gà từ lúc đẻ trứng, bây giờ đã thành gà lớn rồi,
Con dê từ lúc nhỏ, bây giờ đã già,
Măng từ khi mới nhú, nay đã thành tre già,
Mặt trăng từ lúc như chiếc lá cong, nay đã tròn,
Lúa từ lúc mới tra hạt, nay đã tuốt hết rồi,
Con trâu từ lúc mới đẻ, nay đã thành trâu lớn,
Tiăng mất một thời gian quá dài,
Nhưng chỉ phí thời gian không mang lại lợi ích
Tiăng nghĩ đường nào cũng hết,

---

* Điệp khúc quen thuộc trong Ót nrông.

Đi lối nào cũng bí,
Lúc đó Tiăng rất lúng túng,
Tiăng chợt nghĩ ra,
Nó nghĩ tới một nơi xa xôi khác,
Có Bông và Rong làm nhà sống lẻ loi trên hoang mạc,
Hai người này đã lập bon giữa đồi trọc,
Tiăng biết Bông và Rong có công khai phá,
Tiăng suy nghĩ một lúc,
Nó tính đi, tính lại,
Rồi nó quyết:
Dứt khoát tên mình phải là Tiăng con Rong.
Như vậy mới hay mới đẹp,
Sau này mình mới danh tiếng,
Tiăng phải được gọi Rong bằng mẹ, Bông bằng cha,
N'đu phải gọi Bung bằng mẹ, Phang bằng cha,
Lênh, Yang phải là con Dum và Rung,
Suối và khe phải gọi thác là mẹ.
Bây giờ phải ghép Bông và Rong,
Bông và Rong, hai anh em ruột phải thành vợ chồng,
Như Lô và Lâu - Hai mẹ con phải thành vợ chồng[1],
Nhưng Tiăng sợ kỵ làm hỏng trời đất,
Rồi Tiăng lại nghĩ:
Không sao, chẳng có ai hơn ta được,
Tiăng bắt đầu bỏ con ma lai trôi theo dòng sông
Con ma lai này chui vào Rôch, Rông.
Tiăng đã bỏ tất cả loại ác trong mình,

1. Bà Lô sinh ra con trai đặt tên là Lâu. Vì sống trơ trọi giữa đất trời, nên hai mẹ con thành vợ chồng. Trời đất chao đảo, cả vũ trụ mù mịt. Lô và Lâu phải cúng, mọi vật mới trở lại bình thường.

Chuyển cho Rôch, Rông.
Cho nên Rôch, Rông thành người ma lai,
Rôch, Rông biết làm người bệnh chết,
Rôch, Rông biết ăn thịt người.
Bây giờ Tiăng trèo lên cây đa,
Nó nghỉ ngơi trên cây đa.
Tạm dừng câu chuyện Tiăng ở đây.

*
* *

Tiếp tục nói đến Bông và Rong.
Lúc đó tại bon Bông, Rong đang buổi chiều,
Chiều xuống dần, chim đã về tổ,
Mặt trời sắp lặn, chim rlang[1] đã bay về.
Mặt trời nấp sau rừng cây, con trâu đã về.
Trời sắp tối, đàn bà đi giã lúa,
Chim rkleh[2] đã về ngủ,
Chim vik[3] đã bắt đầu bay.
Khi nào con gái N'đu về là biết trời tối,
Khi nào Dong đi chăn trâu về là biết trời tối.
Bon Bông, Rong trời đã tối đen,
Màn đêm đã phủ khắp nơi,
Bông đã đi ngủ,
Rong cũng đã ngủ,
Lúc này đã đến nửa đêm,
Trời đêm hơi lành lạnh,

---

1. Chim có đốm trắng trên đầu, thường bay từng bầy.
2. Loại chim mỏ dài, lông đầu có chấm đen trắng.
3. Một loại chim chuyên kiếm ăn vào ban đêm.

Ngoài kia tiếng chuột kêu chút chít,
Mọi người đã ngủ yên giấc,
Còn Tiăng thì đang tính mưu.
Nó chặt một ống cây sậy,
Chặt thêm một ống cây tre,
Rồi bỏ bùa ngải vào ống để giã.
Tiăng có nhiều ngải lắm,
Nào là ngải cơm, ngải lúa,
Nào là ngải khiến đánh nhau to,
Ngải chữa mù mắt,
Ngải làm cho cô gái mê,
Ngải đui mù cũng có,
Ngải chữa bệnh cũng có,
Ngải bắt con sóc cũng có,
Ngải đánh cá sấu cũng có.
Mỗi loại ngải lá khác nhau,
Mỗi loại ngải củ khác nhau,
Củ ngải màu sắc khác nhau,
Hình dáng cũng khác nhau,
Ngải đó có từ cậu Bốt,
Ngải Gun Sot có từ cậu Đe,
Ngải Rtah có từ Khir[1] con Liăng.
Tiăng bỏ các loại ngải vào ống, giã nát,
Tiăng bắt đầu khấn:
- Củ ngải này phải linh,
Củ ngải này phải nghe theo ta,
Nếu không nghe theo ta, ta đem bỏ đi,

1. Ngải có nguồn gốc từ khe đá. Và khe đá là con thần Thác đá.

Nếu không thiêng, ta đem bỏ vào lửa!
Củ ngải này phải chui vào người Bông,
Phải sai khiến Bông,
Hồn ngải phải quấy rầy Bông,
Làm cho Bông không ngủ được,
Làm cho Bông buồn bã,
Làm cho Bông suy nghĩ vẩn vơ,
Làm cho Bông xem ai cũng xấu,
Thấy ai cũng ghét,
Bông chỉ nghĩ đến Rong!
Bông và Rong phải lấy nhau,
Cũng như Lô và Lâu, hai mẹ con phải lấy nhau.
Nếu củ ngải không nghe lời ta,
Ta sẽ vứt bỏ,
Ta sẽ đốt đi!
Nói xong, Tiăng cầm ống ngải ném đi,
Hồn của ngải biến thành hai người nữ tên là Vêh, Vănh.
Vêh, Vănh cũng biết mang gùi,
Gùi của họ cũng có hoa, cũng có đế bằng vàng,
Vêh, Vănh cũng đeo vòng đồng ở cổ chân,
Khi họ bước cũng nghe tiếng vòng vang lên,
Tai Vêh, Vănh cũng đeo lục lạc,
Đầu Vêh, Vănh cũng đội mũ hoa bạc,
Cũng có cắm hoa trắng,
Mỗi người đeo một vòng ở cổ tay,
Hai người mặc váy ngắn đến nửa đùi.
Vêh, Vănh nói Tiăng rằng:
- Như vậy Tiăng nhé!
Chúng tôi là khách qua đường,

Chúng tôi chỉ biết chặt gốc cây thôi,
Còn ngọn và cành là do anh làm.
Vêh, Vănh bắt đầu bay đi,
Chúng bay đến nhà Bông,
Bay sát cạnh Bông.
Đậu lên quần áo Bông.
Vêh, Vănh bắt đầu biến dạng,
Chúng hoá thành con ong ruồi,
Bay qua bay lại,
Rồi đậu lên mặt Bông.
Bông lấy tay phủi đi,
Ong ruồi hoá thành cục đá,
Bông tin đó là hòn ngọc quý,
Bông bỏ vào mồm nuốt đi,
Thế là hồn ngải đã vào trong bụng Bông.
Bông bắt đầu làm theo hồn ngải,
Làm theo ý muốn của Tiăng,
Lúc đó trời đã hơn nửa đêm,
Bông lăn lộn mãi, không ngủ được.
Hình như có ai quấy rầy,
Người Bông ngứa như có bụi đất,
Ngứa như dính bụi thóc,
Ngứa như qua bụi tong ya[1],
Bông tắm vẫn không hết ngứa.
Bông ngồi trên giường, lại muốn xuống đất,
Khi xuống đất, lại muốn ra sân.
Ngồi không yên, ngủ không được,

1. Một loại cây dây leo, vỏ của quả này rất ngứa.

Người Bông như bị gió xoáy,
Có lúc như bị kéo đi nhẹ tựa lá tre khô.
Bông nghĩ chẳng biết tại sao,
Tại sao mình lại thế này,
Hay là có ai muốn giết ta,
Có ai sắp đánh ta,
Có ai sắp đến cướp bon ta?
Bông suy nghĩ vẩn vơ,
Cuối cùng Bông chợt nghĩ đến Rong,
Bông đốt đuốc lên,
Đuốc của Bông to bằng cái ché,
Đuốc của Bông bằng ché rlung[1],
Đuốc của Bông thắp bằng dầu cây,
Đuốc thắp sáng tỏ khắp cả nhà.
Bông cầm đuốc đi,
Chàng đến nơi Rong ngủ,
Buồng Rong có vách hoa,
Vách có hình con trăn,
Bông vào buồng Rong,
Rong đang yên giấc,
Nàng gáy nho nhỏ,
Tiếng gáy của Rong rất êm,
Nghe rất đẹp tai,
Tiếng gáy vọng ra như hoa rsi.
Sạp ngủ, Rong chải lớp chiếu lá,
Trải thêm mấy lớp chiếu hoa,
Rong đắp chăn đỏ mới tinh.

1. Một loại ché quý.

Bông định lên tiếng gọi,
Nhưng lòng cứ đắn đo,
Cuối cùng Bông quyết định,
Bông thò tay nhè nhẹ,
Cầm chăn Rong đắp lật lên,
Bông mới bắt đầu lên tiếng:
- Em Rong ơi,, em ngủ hay thức?
Anh Bông đang đánh thức em đây!
Rong tỉnh giấc, sửng sốt,
Rong ngồi dậy, hãi hùng,
Tiếng hỏi:
- Cái gì xảy ra?
Ai đến phá bon ta,
Ai muốn làm hại ta,
Hay là ai muốn cướp bụi mía của ta,
Ai muốn hái quả dừa của ta?
Anh này là ai?
Người từ bon nào đến?
Rong dứt lời, Bông đáp lại ngay,
Lời Bông buồn bã:
- Sao em hỏi như vậy,
Em không nhận ra anh Bông đây sao?
Em tưởng là ai xa lạ ư?
Không có ai xa lạ đâu em ạ!
Rong nhìn kỹ và nhận ra Bông,
Rong mừng rỡ,
Thế anh Bông đi đâu thế này?
Anh đến đây có chuyện gì không?
Anh định đi thăm ai,

Anh định đi đánh ai,
Hay là anh sắp đi đâu xa,
Tại sao anh đến đây lúc đêm khuya?
Đêm đã khuya lắm rồi,
Chim chắt chẳng đang kêu ngoài kia,
Con chuột đang kêu chút chít,
Mọi người đang ngủ yên giấc.
Bông trả lời:
- Anh cũng không biết nữa, Rong ơi!
Đầu óc anh đang rối đây,
Để anh kể cho Rong nghe:
Trong người anh bây giờ lạ lắm,
Nằm trên giường mà như ngứa bụi đất,
Ở dưới đất như ngứa bụi lúa,
Ngứa như có cây tơng ya,
Anh lấy nước tắm cũng không hết,
Không biết chuyện gì đã xảy ra,
Không biết có chuyện gì sắp xảy ra.
Rong thản nhiên nói rằng:
- Làm gì có chuyện xảy ra hả anh,
Mình có chuyện gì với ai đâu,
Mình không có thù oán với ai cả,
Mình chẳng có nợ ai,
Như vậy có việc gì đâu?
Bông bày ra những con dao,
Những lưỡi dao,
Những chuỗi cườm,

Những đồ trang sức nraih[1],
Kể cả cái lược chải đầu bằng bạc.
Bông đặt các thứ đó trước mặt Rong,
Bông mới nói rằng:
- Bây giờ anh nói cho em nghe,
Anh có điều gì giấu giếm nữa,
Người Preh tỏ tình bằng nhôngrơhe[1],
Người Rađê tỏ tình bằng nhôngnjang[2],
Tiăng[3] và Tang bằng netnke.
Anh với em bằng lục lạc.
Bông chưa dứt lời, Rong đã lên tiếng,
Giọng Rong rất gắt gỏng,
Rong bực tức run cả chân tay,
Lưỡi cứng khó phát thành lời:
- Anh Bông đừng nói bậy,
Chắc anh điên rồi,
Anh bây giờ biến thành con chó hay sao,
Tại sao anh lại tỏ tình với em?
Anh không sợ kị à,
Anh đừng có thử trời nhé
Rong vừa dứt lời, Bông nói tiếp:
- Em Rong không nên nói vậy,
Không phải anh xin em làm vợ đâu,
Nếu em và anh thành vợ chồng mới kị chứ,

---

1. Đồ trang sức có kết hoa chỉ đỏ và là vật quý, người phụ nữ thường kết trên đầu.

1. Chuỗi cườm làm bằng hạt cây miên (giống cây bo bo). Người nghèo thường lấy hạt cây này xâu thành chuỗi, làm đồ trang sức.

2. Một loại chuỗi cườm của người Êđê.

3. Tiăng có trước Bông, Rong nhưng vì đầu thai vào bụng Rong, nên người ta gọi Tiăng là con mẹ Rong.

Đây chỉ là anh nhờ qua đường,
Nhờ đêm nay, ngày mai lại thôi,
Cho anh mượn như mượn rìu, mượn cào,
Mượn xong anh lại trả cho em.
Rong cứng rắn không chịu,
Vùng vẫy chân tay,
La hét vang khắp trời đất!
Rong tức giận Bông lắm,
Bông làm gì cũng bị Rong phản ứng,
Bông nói gì Rong cũng quay mặt,
Rong như người cấm khẩu,
Dù có ăn cũng không thèm,
Có đưa thuốc hút cũng không lấy,
Cuối cùng Bông đành phải ra về.
Về nhà, chàng tiếp tục đắp chăn nằm ngủ,
Nhưng không làm sao ngủ được,
Bông cảm thấy sức mình rất yếu,
Bông nói không ra lời,
Bông phải sử dụng đến bùa ngải,
Bông thổi bùa ngải và nói:
- Củ ngải mày phải nghe ta,
Phải làm cho Rong thương ta!
Một lát sau,
Rong đổi ý liền,
Nàng nghĩ mình đã nặng lời với Bông,
Sợ Bông buồn chết cũng nên,
Sợ Bông chết bằng dao, bằng rìu,
Nàng sợ Bông uống thuốc độc,
Sợ Bông dùng dây thắt cổ,

Nếu Bông chết Rong khổ lắm.
Rong liền bước xuống khỏi giường,
Đến chỗ Bông nằm:
- Anh Bông ơi! Anh thức hay ngủ?
Nếu ngủ thì dậy đi anh ơi!
Rong vừa nói vừa cười,
Nàng nói cười ròn rã,
Tiếng cười như gạo thơm,
Tiếng cười trong như gạo trắng,
Nghe Rong gọi, Bông lên tiếng:
- Anh ngủ không được Rong ơi!
Người anh như bị gió xoáy,
Như bị ai lôi giống ống tre khô.
Bông chưa dứt lời, Rong cắt lời:
- Như vậy anh Bông nhé!
Anh đã muốn thì tặng em một chiếc vòng,
Chiếc vòng thật mới,
Một chuỗi cườm cườm thật mới,
Như vậy là em vừa lòng với anh.
Trong nhiều con dao của Bông,
Rong chỉ chọn lấy một con thật xinh,
Trong nhiều nraih của Bông,
Rong chỉ lấy một cái thật đẹp.
Chuỗi hạt cườm của Bông một ống,
Và lược bằng bạc của chàng thật nhiều,
Nàng chỉ lấy mỗi thứ một chiếc.
Xong xuôi rồi,
Hai người trò chuyện,
Tại giường của Bông.

Hai người ôm nhau,
Họ bắt đầu đắp chăn.
Tay Bông bắt đầu mơn man.
Bông bắt đầu gỡ áo của Rong,
Chân Bông từ từ choàng vào đùi Rong.
Bông nghĩ thầm: "Đùi Rong trắng như cây chuối non,
Thân Rong đẹp như hoa trắng".
Háng nàng đen như đám mây u ám,
Sờ dưới rốn như sờ tóc đứa trẻ,
Con voi có đi cũng không thể qua được!
Hôn đầu nàng thơm như hoa gai,
Hôn tóc nàng thơm như nấm langai[1]
Hôn răng nàng thơm như krai mới,
Hôn hông nàng thơm như nước nhuộm vải.
Bông và Rong bốn chân choàng nhau.
Đùi người này sát vào đùi người kia,
Hai người vuốt ve nhau,
Họ đè lên nhau không hề mỏi mệt,
Hai người ôm nhau không biết mỏi tay,
Hai người rất vừa nhau;
Chân tay họ dài ngắn như nhau,
Thân hình họ to bé như nhau,
Rất bằng nhau như ống đổ rượu,
Mẹ đẻ ra như là sinh đôi.
Rong nói thành lời:
- Em muốn chúng ta thành vợ chồng mãi mãi
Bông và em sống bên nhau,
Thành vợ chồng, đẻ con cái,

---

1. Chưa rõ là gì.

Đi đâu về Bông mang lao,
Đi đâu về Bông đeo gươm,
Đi đâu về Bông mang con cho em.
Bông run sợ trả lời:
- Không được đâu em ơi!
Nếu chúng ta là bà con xa mới được,
Anh với em một mẹ đẻ ra,
Ta không thành vợ chồng được đâu!
Nói chuyện xong.
Hai người đi ngủ.
Bây giờ nói đến Mặt Trời.

*

Mẹ mặt trời bắt đầu lau chùi vòng đồng đeo ở chân bằng tro,
Lau chùi vòng bạc đeo ở tay bằng tro,
Vòng chân, vòng tay sáng chói.
Keng, Kăng con Nar,
Bắt đầu mở cửa, mở cổng,
Mở những cánh cửa bằng đá.
Dọn dẹp sân nhà xong,
Mẹ Mặt Trời bắt đầu mang gùi,
Rồi bước ra khỏi nhà.
Lúc đó bon Bông và Rong, gà bắt đầu gáy,
Gà gáy từ suối lên,
Con trâu kêu từ trên nguồn suối,
Con voi nhỏ hú từ ngoài rừng xa,
Con gà to của Bông cựa dài ba sải,
Cái trứng to bằng chiếc ché.
Gà bới một cái đu đủ gãy ngang,

Bay một cái gió bẻ gãy ngang cây bằng lăng,
Gáy một tiếng vang đến nguồn Krông[1],
Gáy một tiếng vang đến suối Bon Pah[2],
Gáy một tiếng vang đến bon Pai[3],
Gáy nhiều tiếng vang đến bon Glung[4],
Gà trống ăn vùng người Radê, gà mái bới vùng người R'hong[5]
Con gà gáy sớm quá,
Các cặp vợ chồng ngủ chưa chán,
Mong gà bị chồn ăn.
Bị cọp ăn hết cả.
Trời bắt đầu sáng.
Ánh mặt trời bắt đầu tỏ khắp nơi,
Mặt trời lên đến dòng Krông Bông
Tiăng thấy Bông và Rong đã làm theo ý mình
Tiăng mừng như cá thoát nơm.
Tiăng tiếp tục sai khiến bùa ngải:
- Củ ngải này phải làm theo ta.
Khiến Bông, Rong hết sạch thức ăn.
Trong nhà Bông, Rong không còn thức ăn.
Cá khô một con không có.
Một miếng thịt khô cũng hết.
Rong rủ Bông đi xúc tôm tép.
Họ đi đến dòng Krông Bông.
Họ đeo gùi trên lưng.
Hai người đi về hướng suối.
Đi qua bãi cỏ,

---

1. Krông Knô (sông Đực) nay thuộc huyện cùng tên tỉnh Đắk Lắk.
2, 3, 4. Chưa rõ.
5. Một ngành của người Mnông.

Đi qua vùng đất bằng, có cây lưa thưa.
Họ nghe tiếng sóc kêu dưới hang đất,
Rong nói với Bông:
- Chúng ta đào hang đất bắt sóc đi,
Bông lấy cây vót nhọn để đào.
Đào một ngày không được con sóc nào.
Lại đào tiếp cả ngày hôm sau.
Bông đào bên này, Rong chấn lỗ kia.
Những cục đất văng vào háng Rong
Tiăng hoá thành ruồi, thành muỗi.
Bay theo cục đất rồi chui vào bụng Rong.
Bây giờ Tiăng đã ở trong bụng Rong rồi.
Sau đó không bao lâu.
Rong đã mang thai.
Nàng mang thai như con trâu, con thỏ[1],
Nàng mang thai như gái không chồng.
Bon làng Bông bắt đầu u ám,
Bắt đầu mưa gió,
Bắt đầu sấm sét,
Mưa từ đâu cũng kéo về bon Bông,
Gió từ đâu cũng kéo về bon Bông.
Tạm dừng chuyện Bông, Rong ở đây,
Ta kể chuyện mẹ Trời.

*

Lúc này mẹ Trời đang bệnh nặng lắm,
Đã mấy ngày không ăn được cơm,

---

1. Ý nói không bình thường.

Không uống được nước,
Vòng đeo tai đã tuột ra,
Khố ngang lưng cũng đã rơi xuống!
Trời sắp sáng, mây càng u ám,
Lúc trời sáng, trời càng tối tăm,
Lúc trời sáng, Bôn, Băn mang mây đến che.
Trời và đất chỉ còn cách nhau một cành câu,
Mặt Trời, Mặt Trăng chỉ cách nhau một cần vó,
Đá trên trời bắt đầu đổ xuống,
Trăng trên trời bắt đầu rơi xuống
Vũ trụ bắt đầu tối tăm lạnh buốt,
Đá rơi vào chân người hoá thành cây đa,
Rơi trúng tay hoá thành cây nhãn,
Rớt trúng đầu hoá thành cục đá.
Một bên mưa, một bên nắng
Một bên đen, một bên trắng,
Một bên lạnh buốt, một bên hạn hán!
Tiăng bắt đầu chui ra khỏi bụng Rong, Tiăng nhìn trời đất,
Tiăng thấy những hòn đá trên mặt trời bắt đầu rung rinh.
Tiăng rất lo ngại,
Tiăng sợ trời đất tiêu tan,
Tiăng bay gấp lên trời,
Đem ba con heo, ba con dê, một cái cào,
Để cúng bà Trời.
Cúng xong, Mặt Trời im như cũ,
Mặt Trời, Mặt Trăng đứng im một chỗ.
Tiăng quay về mặt đất,
Tiăng lại chui vào bụng mẹ Rong.

*

Bây giờ kể đến Ndri, Ndre dưới kia[1],
Ndri, Ndre cũng đang lâm bệnh nặng,
Họ đang hấp hối,
Chỉ còn thở ít thôi,
Lời nói, lời mất, lời còn,
Linh hồn sắp xuống Phan.
Những hòn đá trên mặt đất bắt đầu rung rinh
Có hòn đá bắt đầu sụp xuống,
Mặt đất bắt đầu nứt ra,
Bắt đầu vỡ ra từng mảnh.
Khắp thế gian ầm ì tiếng kêu,
Trời và đất chỉ còn cách nhau bằng chày giã gạo
Mặt Trời Mặt Trăng chỉ còn cách nhau bằng một cái vó.
Tiếng trên trời tưởng là dưới đất,
Nghe dưới đất tưởng là trên cây,
Nghe trong rừng tưởng là trong bon.
Tiăng lại chui ra khỏi bụng mẹ Rong,
Tiăng nhìn khắp nơi,
Thấy mặt đất lõm lung tung.
Tiăng mặc áo bay tức khắc,
Mặc áo vào tự nhiên mọc lông,
Thắt khố vào lưng hoá thành con ó.
Tiăng bay xuống dưới kia,
Đến nơi Ndri, Ndre ở,
Đem theo ba con heo, ba con dê, một cái cào làm cỏ,
Đến nơi, Tiăng làm cúng cho Ndri, Ndre.

1. Người Mnông cho rằng thần Ndri, Ndre nằm ở trong lòng đất, con người làm ăn sinh sống ở trên. Nếu người làm điều sai trái, các vị thần chuyển đi chỗ khác. Khi đó xảy ra động đất.

Trái đất bắt đầu lành lại,
Tiăng lại chui vào bụng mẹ Rong,
Tiăng trong bụng mẹ Rong rất lâu,
Rong thèm khát quả chua,
Bông đi kiếm quả chua,
Quả bông sung đã hết mùa,
Quả nduất ở dòng suối Glung và Jơh cũng hết.
Một gùi quả, Rong ăn được đến nửa đêm,
Một bồ quả mới đủ ăn đến sáng,
Bông không còn cách nào nữa,
Không biết tìm đâu ra quả chua.
Bông rất lo cho sức lực của Rong,
Bông đi ăn cắp cam của người Drôn,
Mới đến vườn cây đã bị người ta bắt,
Bông kể lại nguồn gốc của cây cam,
Và tình cảnh của Rong,
Người Drôn cho Bông cam, mang về.

*

Bây giờ lại nói về Rong.
Rong mang thai to như con trâu mang thai,
Rong mang thai đẹp hơn con thỏ mang thai,
Nàng mang thai như gái không chồng.
Khi Rong đẻ ra Tiăng, nó khóc oa oa,
Đêm đẻ, sáng đã cầm dao chặt chân con dê,
Buổi sáng Tiăng đi đánh nhau với Briăng[1]
Buổi chiều đánh nhau với Klang,

---

1. Con quỷ ăn thịt người - thần Bất đắc kỳ tử (sg).

Tang tảng sáng đánh nhau với khỉ.
Bà Dum đẻ ra hai mươi sáu con trai,
Chỉ có Lêng và Yang nổi tiếng,
Chỉ có Lêng là giỏi hơn,
Chỉ có Lêng khoẻ hơn cả,
Chỉ có Lêng mới thắng được kẻ thù.
Việc nội trợ có Kông và Glơng,
Brah đẻ hai mươi sáu con gái,
Đẻ ra sáu mươi bảy con trai,
Nổi tiếng nhất là Yong và Kông,
Chỉ có Kông là hơn cả.
Nghề nội trợ có Jrah và Jrai,
Nghề làm rẫy có Yơng và Kong.
Sinh con gái cúng bằng cào,
Đẻ con trai cúng bằng rìu,
Bing con lông cúng bằng dao bạc,
Klốp đẻ ra đòi đeo lục lạc,
Tiăng cướp lục lạc của Jong Bang con Gió.
Họ đánh nhau suốt mấy mùa trăng.
Nhông đẻ ra lại đòi cái sừng,
Yang đẻ ra lại đòi khiên mây.
Đi ăn cắp cây bung của Bư, Bui để làm khiên,
Tiăng đánh nhau với Bư, Bui mấy mùa trăng.
Preh, Pâng đẻ ra sa quay chỉ,
Tiăng cướp sa quay chỉ của Preh, Pâng con Măch,
Tiăng đánh nhau với họ suốt mấy mùa quả chín,
Dôt, Dôi lớn lên lại đòi thoi dệt...
Từ đó dân bon Tiăng thành đông,
Người đứng, người ngồi tấp nập,

Ở đâu cũng có người,
Người nhiều như tên ná.
Con Ting cháu Rung nhộn nhịp đầu nhà.

*

Bây giờ nói về Tiăng,
Tiăng chỉ dẫn mọi đường;
- Hỡi các cháu, các em!
Núi Gung Jneh, Gung Ju ta lập bon N'du con Kler,
Núi Kler lập thành bon Chứt con Krong,
Núi Nâm Brah là bon Krah con Siăng,
Núi Nâm Brăng là bon Tiăng con Rong.
Nơi rừng sâu là N'du con Kông,
Ở trên kia là nhà Djut,
Nhà cuối cùng để cho Yui con Kam,
Ở phía Đông cho Lêng chắn gió,
Nhà Breh dài bằng một sợi mây to,
Nhà Tiăng, Tang dài bằng sợi dây diều,
Nhà dài nhất phải là nhà Lông, Măng.
Lêng là người trẻ ở chính giữa,
Tiăng răn dạy không ngớt:
- Người sứt tai, mẻ đầu ở riêng một bên,
Người ốm yếu ở riêng một bên.
Người đui mù ở riêng một bên.
Chúng tôi khoẻ ở chính giữa,
Yơng đẹp trai ở chính giữa,
Yang đẹp trai phải ở chính giữa.
Nhà trong Bon Tiăng đông đến một trăm,

Nhìn đâu cũng thấy có nhà,
Tiăng tiếp tục đi răn dạy,
Từ rẫy đến làng:
- Thằng Yơng mày phải trồng cây gòn gai,
Yang phải trồng cây riăng[1],
Mẹ Rong phải trồng tre gai,
Làm cho tre mọc quanh làng.
Xứ này toàn là tảng đá,
Mặt đất trơ trọi,
Hạt cây cối của Tiăng nhiều đến ba gùi,
Gùi hạt này Tiăng lấy trong người ra.
Tiăng nói: Mọi người phải nghe theo ta.
Các loại cây cối phải gọi đất là mẹ[2]
Cây mây phải gọi cây song là mẹ
Cây tre phải gọi cây van dung là mẹ,
Bầu, bí phải kêu cây dưa là mẹ,
Cây tung và cây gòn gai phải gọi cây bông vông là mẹ,
Cái kuai noanh phải gọi klâng là mẹ,
Con gà Glơn rgã phải gọi gà rừng là mẹ
Bông còn phải gọi Rđet là mẹ
Chú chim xanh phải gọi chim cu là mẹ.
Cây rlô, rla phải gọi rkê bằng mẹ,
Con súc phải gọi con ếch là mẹ,
Chiêng, ché phải gọi rlã đơng là mẹ,
Con mang phải gọi cây rbut là mẹ,
Con cá quả phải gọi cá ru là mẹ,
Con rpo phải gọi cái đơm là mẹ,

1. Loại cây dùng vỏ ép lấy nước để nhuộm chỉ.
2.. Ý nói phải có trên có dưới, cái gì cũng phải nhớ về nguồn!

Còn ta là Tiăng phải gọi Bông là cha,
Gọi Rong là mẹ.
Bây giờ họ bắt đầu làm hàng rào,
Một lớp hàng rào làm bằng tre,
Ba lớp làm bằng gỗ chau,
Sáu lớp rào bằng nứa khô,
Rào bằng nứa khô cao đến chọc trời,
Hàng rào cao sắp đến bon Trời,
Hàng rào sâu sắp đến bon Phan.
Cổng ra vào có đặt cung[1],
Các lối khác đều cắm chông,
Chông lớn, chông nhỏ, con chó vào không lọt.
Ở ngoài cùng bao quanh bằng một vòng lửa,
Con cọp đứng ở cổng ra vào,
Bầy ong bay đậu kín hàng rào,
Tiếng ào ào như nước chảy trong hang đá.
Nọc ong to bằng ché Rlung,
Bên trái, họ trồng tre,
Bên phải trồng cây nơ ngâm,
Những cây này dùng để chắn gió,
Bon trong hang đá không ai cướp nổi.
Trong bon họ trồng cây ăn quả,
Đây là dưa, kia là đậu,
Trên cao có nhiều trái cây,
Trái to bằng cái gùi cũng có,
Có cả trái như gùi nhỏ có hoa,
Luồng gió làm rung cây,

1. Là nỏ mới đúng, vì Tây Nguyên không có truyền thống dùng cung, có lẽ dịch giả đã nhầm (CTS).

Trái và hoa đung đưa thật đẹp.
Giữa bon có một gốc cây đa to,
Cây đa này cành lá sum suê,
Một nhánh toả hướng Jran con Nghe,
Một nhánh toả hướng Sre con Liăng,
Một nhánh toả hướng nhà Tiăng,
Một nhánh toả hướng nhà N'đu.
Nhánh bên trái có tổ klang rya,
Nhánh bên phải có tổ klăng ndăng,
Nhánh trụi lá có tổ chim rling.
Bầy chim xanh bu ăn trái đa,
Bầy chim nhông bu ăn trái đa,
Chim xanh đậu nhánh, phượng hoàng đậu cành cao,
Phượng hoàng tới lúc tảng sáng.
Người ta lấy nhựa từ bon Bu Ja,
Lấy nhựa từ bon Bu Đâng,
Lấy dầu rái từ Prăng Ngang,
Để nấu keo bẫy chim ăn trái đa.
Yơng chỉ bắt chim rlang,
Yang chỉ bắt chim rling,
Bắt chim rling ba đuôi cho Bing nuôi chơi,
Để rling ca cho Bing nghe chơi.
Chân chim rling họ bịt bằng bạc,
Thân chim rling họ bịt bằng vàng.
Cây đa cao mà nhánh xoè sát đất,
Dưới gốc cây đa có con rắn to,
Con rắn hổ mang, con rắn màu xanh như lá,
Và những con ếch nấp trong gốc cây.
Đường đi rẫy có bảy, tám đường,

Bến nước đầu bon, có bảy tám bến,
Giống Yơng, Yang, họ lát bằng bạc,
Giống Lêng, Kông, họ lát bằng vàng,
Giống Mbông con Tiăng lát bằng chiêng hoa,
Đường đi rẫy họ cũng vẽ hoa,
Đường đi suối họ cũng vẽ hoa,
Trâu, bò đi ăn cỏ cũng có đường riêng,
Bầy gà bới đống trấu cũng có bãi riêng,
Dân bon Tiăng tấp nập làm ăn,
Đám tuổi tác hơn ba chục người,
Con gái nhiều như cây chuối con,
Con trai nhiều như ngọn cây Jok,
Con gái tóc dài như cây rơtiăng[1]
Nhiều con gái kéo chỉ giữa bon,
Nhiều con trai thả diều giữa bon,
Đàn bà đeo vòng đồng ở chân,
Đàn ông bới tóc, cài chỉ đỏ,
Đeo vòng bạc ở ngực.
Buổi sáng, họ đi hái bông chau để ăn,
Buổi chiều họ đi hái quả gòn gai làm gối,
Có người đi đốt cây tre ở bờ hồ Klong Bong,
Một bãi cỏ dành cho dê ăn,
Đất giữa bon trồng chuối rừng để nuôi heo,
Phía hiên nhà trồng cây nứa để múc nước.
Họ nuôi rất nhiều khỉ,
Họ nuôi công, nhìn rất đẹp mắt.

. Cây này dùng để đan chiếu.

Nuôi dik để giã lúa,[1]
Bon làng tập trung rất đông người,
Tập trung tất cả con của Ting.
Tập trung tất cả con của Rung,
Một nửa số người đeo vòng chì,
Một nửa số người đeo vòng bạc,
Tay họ đều đeo vòng đồng,
Ngực họ đều đeo những chuỗi cườm,
Tóc họ đeo vòng kach,
Hai vành tai họ cũng đeo lục lạc,
Đầu họ đội mũ thêu hoa đỏ,
Cài thêm hoa trắng làm bằng bạc,
Họ đeo vòng đồng lên đến đầu gối,
Đeo vòng sắt lên đến khuỷu tay,
Sống mũi họ như người ta nắn,
Mặt như người ta chạm,
Hàm răng nhọn như gai cây mây,
Đuôi tóc uốn xoắn xuống,
Cổ đeo chuỗi cườm uốn như cần rượu.
Khi họ ngồi xuống đẹp tựa bụi nứa,
Con phượng hoàng còn chưa bằng,
Mặt Trăng có lúc còn bị lu mờ.
Chân họ đeo vòng sáng như lửa toả,
Tay sa xuống như dây đuổi chim,
Đôi vú nhú lên như bắp chuối,
Búi tóc đẹp như đầu con chim én,
Khi họ cười như gà rừng cục tác.

1. Người phục dịch, nô lệ gia đình (CTS).

Trên đầu họ cài thêm hoa bạc,
Có người để tóc dài,
Có người đeo vòng,
Có người đeo chuỗi cườm,
Có người mặc áo vỏ cây,
Có người đen như nhựa bắp chuối,
Có người bụng nhỏ như lưng ong,
Có người chân tay dài như con cào cào,
Có người vú sà xuống giữa bụng,
Có người bụng xẹp mỏng như là miếng thịt kỳ đà thái nhỏ.
Bing dệt mền nhỏ đổi được con trâu,
Dệt mền hoa đổi được con voi,
Buổi sáng Bing dệt,
Buổi trưa thêu hoa,
Đi suối về lại thêu cái khố,
Dệt mềm lơ ving.
Bing dệt mền to có hình Mặt Trời,
Khi dệt mền dệt từ dưới dệt lên.
Thoi dệt kéo ngược đằng sau.
Nói năng thường ví von,
Chăm chỉ làm như heo ủi đất,
Bing làm gì cũng được,
Có hai lần đi với người Chin[1], người Lào.
Bing, Tơng là khéo tay nhất,
Ai không biết thêu thì đến học Bing,
Ai chưa biết gấp gấu váy thì đến học Bing.
Nhà Bing lúc nào cũng đầy khách,

1. Chú thích này dịch giả chữa là "Người Tàu", có lẽ người Chin hay Chil nay là một ngành Mnông hiện có ở Lâm Đồng mà nguồn gốc chưa sáng tỏ (CTS).

Không chen chân được,
Nhiều đến nỗi không có chỗ cho con nằm,
Đông đến nỗi con voi qua cũng không được!
Có người đen như nhựa bắp chuối,
Bụng thon như bụng con ong,
Chân tay dài như chân con châu chấu,
Vú sà xuống đến nửa bụng,
Bụng xẹp như mỏ con kỳ đà,
Có người chỉ lấy lá cây che một bên đùi,
Lấy lá trang che một bên đùi,
Làm như vậy để khỏi xấu hổ khi đi giã lúa.
Mặc lá cây để khỏi xấu hổ khi đi tắm
Mặc lá trun để xuống tắm cho con.
Bon làng Tiăng xây nhà bằng đá,
Cái đòn tay làm bằng bạc,
Lợp nhà bằng những tảng đá,
Trên mái nhà có giăng chuỗi cườm.
Cái gùi treo vào móc sắt,
Ngay đầu nhà để ché rlung,
Trước cửa nhà để máng cho heo ăn,
Trên mái nhà có bàn thờ cúng lúa,
Trước cửa nhà có treo ngà voi,
Dưới đất để ché choh - rung,
Hai bên hiên nhà có hai con trâu đực,
Trong chuồng có nhiều con bò,
Đầu đường, cuối đường có nhiều bầy dê.
Ché quý cột thẳng một hàng,
Ché Ntô màu trắng in hình người.
Ché Rlung có tai, Tiăng cũng có,

Ché con nai, con dê biết ăn cỏ.
Ché Rlung con Trúc mua từ vùng người Dron
Ché xanh mua từ bon Dri con Kuăch
Ché Yăng - ndach mua từ sông Mê Kông,
Buổi sáng thành ché, buổi chiều thành con phượng hoàng,
Tảng sáng đi ăn quả đa,
Kêu buổi sáng, báo hiệu người ở xa đem ché đến,
Kêu buổi chiều, báo có người mang ché Rlung đến,
Kêu buổi trưa, báo có người mang di đến đổi
cho Tiăng lấy củ cải,
Hằng ngày người ta mang hàng trăm con trâu đến đổi
cho Tiăng.

Người Penh thường đến bán con dê cho Tiăng,
người Ra đê thường đến đổi gông, chiêng,
Người R'hong thường đến đổi mbuăt,
Người Díp đến nhờ Tiăng dạy mping[1]
Bu Đing ở phía Bắc đến nhờ Tiăng dạy rma[2]
Người Bông Ja đến nhờ Tiăng dạy rma doih[3],
Tiăng dạy họ rằng:
- Muốn có lúa phải làm rẫy,
Muốn có thịt sóc phải làm ná,
Muốn có cá phải đan đơm,
Muốn có con dơi, con én phải chăng bẫy,
Muốn có muối ăn phải đi đổi từ xa.

*

1. Thơ ca dân gian.
2. Tục ngữ.
3. Luật tục (tập quán pháp).

Bây giờ nói đến Phang cha N'đu,
Phang thức dậy từ lúc heo kêu,
Ông chải tóc từ lúc gà sáng.
Phang bắt đầu rèn cào từ lúc con chim kêu sáng
Buổi sáng người ta nhờ rèn cào,
Buổi chiều nhờ rèn rìu.
Rèn con dao sạch đẹp như người ta rửa,
Rèn dao, gươm như người ta xoa mịn,
Uốn cong như chiếc cầu vồng.
Ông Phang chuyên ngồi rèn dưới gốc cây đa,
Rèn một lúc được năm, sáu chiếc rìu.
Lêng mài dao hết một bầu nước,
Yang mài lao, nước hết một ché Rlung,
Tiăng rèn rìu, nước hết một ché Rla - dơng.
Yơng dùng phân con ó để tôi dao,
Yang dùng phân con diều hâu để tôi dao,
Tiăng dùng phân con én để tôi dao.
Dao của họ chặt cây tre đứt trơn,
Chặt cây chuối đứt trơn,
Chặt tảng đá đứt làm đôi.
Phang rèn một cái rìu nhỏ,
Người ta trả công bằng một con gà to,
Rung cha Yang đan vó,
Người ta đổi bằng một cái lục lạc to,
Kông làm cái vòng chân,
Người ta đổi cái chiêng ba pene[1]
Song con Tìng xe dây buộc trâu bò,

1. Đơn vị đo của người Mnông.

Bông cha Tiăng có chà gạc đựng mấy nia,
Có rìu đựng mấy bồ,
Cái lao đựng mấy bồ,
Mẹ Rong, chuỗi cườm chưa đầy ba chòi,
Thoi dệt của bà đựng trong một chiếc gùi hoa.
Mẹ Rong có nhiều cái lao,
Bó lại lớn bằng ché Rlung,
Rìu của mẹ để đầy một góc giường,
Ché bằng bạc, bằng vàng của mẹ Rong,
Ché yăngôt to bằng quả rbu.
Cha Bông của Tiăng giữ lúa phơi,
Ông rất thích ăn cơm cháy,
Giữ con cháu ở nhà,
Hằng ngày đánh đàn tre,
Thổi kèn làm bằng cọng lúa.
Vừa đánh vừa đi,
Cứ đi tối ngày,
Tất cả lũ trẻ vây kín quanh Bông.
Đằng trước hai trăm,
Đằng sau hai trăm,
Bông đứng ở giữa,
Lũ trẻ giành nhau, níu đuôi khố của ông.
Bây giờ nói đến Mbông con Tiăng.
Đầu Mbông bẩn, trồng gừng cũng mọc,
Đầu Mbông đất cát, trồng khoai cũng lên,
Răng Mbông dơ bẩn thì nhuộm không ăn.
Chơi trong nhà nó đạp ché rlung,
Chơi ngoài sân nó làm chết heo, nai,
Đi chơi trong làng, làm chết con người ta.

Suốt ngày Mbông đùa nhau với bọn trẻ,
Bọn trẻ rất thích theo Mbông.
Chúng đuổi bắt nhau dưới gốc đa,
Mbông cho bọn trẻ níu vào tay, rồi đẩy ngã.
Một chân Mbông dựa vào cây đa,
Một tay nắm nhành đa,
Rồi bắt đầu quay tròn,
Vừa quay nó vừa cười,
Tiếng gió phát ra ào ào,
Lũ trẻ văng xa mấy ngọn núi,
Văng xa đến đầu suối,
Văng tới bãi cỏ,
Có đứa bị thủng bụng,
Có đứa lòi ruột gan ra ngoài.

Bây giờ nói đến Lêng con Rung,
Lênh hung hăng từ lúc còn nhỏ,
Tức chị, đem bầu cơm ra đập,
Giận em, đem bầu gạo ra dập,
Tức mẹ nó nhảy xuống suối,
Ai gặp không chào nó tát vào má,
Uống rượu không ngon nó đập ché,
Măng mọc chậm, nó nhổ gốc bỏ đi,
Người yêu không cười, Lênh tát vào miệng,
Người chặt lồ ô bên đường,
Người bổ củi ngoài rừng,
Người tuốt lúa ngoài rẫy,

Đều bị Lêng chém sạch.
Khách đến nhà, nó ném.
Khách qua đường, nó chém.
Lênh cầm dao, phóng người ta bằng dao,
Hái quả cà, nắm người ta bằng quả cà,
Cầm chiếc chông, ném người ta bằng chiếc chông,
Rủ uống rượu, ném người ta bằng ống đổ nước,
Đi xúc cá, chặt hết vó người ta.
Lêng đi đòi nợ con dao tại bon Ruma,
Đòi nợ cái lao ở bon Bulong.
Ché và chiêng, Lênh vác về nhà,
Trâu bò nhiều, không có chỗ cột,
Con voi nhiều, cũng không có chỗ cột,
Kông là người tài kiếm củi,
Kông giàu về ché,
Tiăng giàu về trâu,
N'đu nhiều vợ.
Vợ thứ ba của N'đu đeo vòng đầy tay,
Vợ thứ bảy có đôi vú căng tròn.

*

Bây giờ lại nói về Tiăng,
Tiăng nói với Yang, Tơng:
- Hỡi các em!
Chiêng Trômput chúng ta đã có,
Rlung Trômput chúng ta đều có.
Bây giờ Yang gọi tất cả phụ nữ,
Gọi tất cả bọn trẻ.

Yang vâng lời Tiăng,
Vừa ra khỏi nhà,
Yang gọi lớn cho tất cả làng đều nghe,
Tiếng Yang vang qua bảy nhà, vang khắp không gian:
- Hỡi các em, các cháu!
Beh Bop, Klốp, Nhông,
Tông, Bơng, Yơng,
Yang, Krăng, Bing, Ting,
Sung, Krông, Djut, Mbông...
Khi mọi người đến đầy đủ,
Yang nói rằng:
- Những người đàn bà ở một bên,
Những người đàn ông ở một bên,
Những người già cả ở một bên.
Mọi người nghe theo lời Yang,
Người người kéo đến rất đông,
Đông đến nỗi không đếm nổi,
Đếm lá cây trong rừng còn dễ hơn,
Đếm sao nối đuôi khố nơdring!
Đàn bà đeo vòng chân,
Đàn ông buộc vải đỏ trên đầu,
Mọi người đều cầm dao,
Ai ai cũng cầm lao,
Mọi người đều mang khiên,
Ai ai cũng có kèn bằng sừng trâu,
Đằng trước một trăm,
Đằng sau một trăm,
Tiăng ở chính giữa,
Đằng trước một trăm,

Đằng sau một trăm,
Yang ở chính giữa.
Tiăng bắt đầu nói:
- Hỡi các em!
Ta sẽ kể chuyện cho các em nghe,
Chim gút hãy dừng sửa chiêng.
Chim rling hãy nghỉ sửa gông,
Chim mrông hãy nghỉ mài đá,
Chim sim suar hãy ngừng đánh chiêng.
Tất cả đều im lặng,
Tiăng tiếp tục nói:
- Từ lâu lắm rồi,
Tôi là Tiăng con Trôk,
Mới đây tôi mới là Tiăng con Rong,
Mọi người trên trời không ai giàu hơn tôi.
Hôm nay ai ai cũng đủ,
Với rất nhiều vũ khí,
Bây giờ ta so thử ai hơn kém ai,
Bây giờ ta thử đọ lao,
Xem ai hơn, ai kém.
Trong cuộc thi tài,
Bêh là thấp nhất,
Bôp là thấp nhất,
Mbông con Tiăng hơn ba hạt tấm.
Tiăng nhìn về phía Lêng,
Mặt Lêng sáng chói lạ lùng,
Lêng là người tài nhất,
Lêng hơn Mbông ba hạt tấm.
Ai nhìn vào mắt Lêng,

Mắt người đó bị chớp chớp,
Trong người Lêng có lửa phun ra,
Trong người Lêng có nước chảy ra,
Mặt trời, mặt trăng, Lêng sẵn trong ngực[1].
Lửa, Lêng để sẵn trên đầu,
Hét một tiếng là lửa phun ra.
Tiăng nghĩ: "Tại sao lại như vậy,
Chắc là nửa con thần, nửa con người!"
- Hỡi Lêng em!
Cho anh biết Lêng là ai,
Gốc gác từ đâu,
Từ bon nào đến?
Tiăng dứt lời, Lêng đáp lại ngay:
- Trước kia tôi là Lêng con Lửa,
Gần đây tôi mới là con Rung.
Tiăng hỏi tiếp:
- Còn Yang, Yơng thì sao,
Các em thuộc dòng họ nào?
Yang, Yơng trả lời:
- Yơng trước kia là Yơng con Pruh[2]
Yang trước kia là Yang con Ju,
Đánh nhau với Tieng con Yang bị thua,
Gần đây mới là Yang con Rung.
Tiăng hỏi tiếp:
- Còn em Kong thì sao,
Em thuộc dòng họ nào?
Kong trả lời:

1. Ý nói có sức mạnh trời đất.
2. Cây chuối rừng.

- Tôi là con cây đa, bên kia biển cả,
Mới đây người ta gọi tôi là Kong con Ting.
Tiăng hỏi tiếp:
- Còn Bơng, đùi thì mặc quần,
Cổ thì mặc áo,
Lúc nào cũng thích cầm vũ khí,
Dòng họ em là gì, từ đâu đến?
Bơng trả lời:
- Tôi là Bơng con Gut,
Gần đây mới là Bơng con Rong.
Tiăng hỏi tiếp:
- Còn Mbông thuộc dòng họ nào?
Mbông trả lời:
- Tôi là Mbông con Bur
Chui vào bụng mẹ Bing,
Gần đây mới là Mbông con Tiăng.
Tiăng nói lớn:
- Hỡi các em!
Sao chúng ta lại quây quần đầy đủ thế này.
Quây quần toàn những người tài giỏi,
Hãy bàn mưu gì để đánh ta đây?
Yang trả lời:
- Không phải đâu anh Tiăng ạ.
Người có chuyện gì thù oán với ta đâu,
Nợ một cái chén ta cũng không,
Nợ một con voi ta càng không.
Hơn nữa có ai hơn nổi ta đâu?
Tụ tập hồi lâu,
Ai về nhà nấy,

Mặt trời lên cao,
Mặt trời đã toả khắp nơi,
Mặt trời đã lên cao bằng cây chuối rồi.
Tiăng nói:
- Hỡi em Yang,
Hôm tới đến lượt ai đi chăn trâu,
Chắc đến phiên em Yang?
Yang cãi lại:
- Không phải đến lượt tôi,
Tôi mới chăn cách đây mấy ngày,
Chắc đến phiên Bêh, Bốp,
Tiăng bảo Bêh, Bêh nói Bốp
Tiăng bảo Bốp, Bốp nói Nhông,
Tiăng gọi đến Prum
Prum lại nói đến lượt Dơ.
Tiăng gọi Dơ, Dơ nói:
- Tôi mới chăn trâu rồi,
Chắc đến lượt anh Song con Ting,
Tiăng gọi Song con Ting đi chăn trâu.
Mặt trời đã lên cao rồi,
Song bắt đầu chuẩn bị,
Chuẩn bị đồ đạc đầy một gùi,
Trong gùi có cả hộp trầu cau.
Song bước ra khỏi nhà,
Song đi đến chuồng trâu,
Con trâu Đămdup cổ đeo lục lạc,
Con trâu Đămdung đeo ngrach - blang,
Con trâu Đămbri đeo ngar
Song bắt đầu kéo khúc cây ngăn cổng chuồng trâu,

Con Đămdung bắt đầu chạy ra,
Con Đămdang cũng chạy ra,
Tất cả đàn trâu chạy ra,
Trâu mẹ Grông, trâu mẹ Griăng,
Một trăm lứa con,
Luôn đi đầu đàn.
Song chưa biết cho trâu đi ăn ở hướng nào,
Đi đường nào, chúng mới chịu đi.
Cho trâu ăn trên đồi, sợ ăn lúa của Bu Păng,
Cho ăn dưới bãi bằng, sợ ăn lúa của Bu Pai,
Phải đi xa, trâu mới yên ăn cỏ.
Yơng thường cho trâu ăn ở các làng cũ,
Yang thường cho ăn ở các nền nhà cũ,
Beh, Bol cho ăn trên bờ suối Lingle,
Srê con Ốt cho ăn ở bên kia suối Đơng,
Yơng con Ting ở bên kia biển cả,
Djui thường chăn quanh làng,
Nên con trâu mẹ bị gầy,
Song đi theo sau đàn trâu bò,
Trâu vừa đi vừa húc sừng vào cây cối,
Trâu vừa đi vừa cọ mình vào cây tre,
Cây dừa cao mà chỉ ngang lưng trâu,
Cây tre cao nhất cũng bị trâu ăn phớt ngọn.
Đã đến bãi cỏ chăn trâu,
Song lên chòi chăn trâu, che bằng lá chuối,
Song nói, tiếng vang khắp rừng:
- Trâu lớn đừng đánh trâu đực nhỏ,
Nếu đánh nhau phải chịu phạt đền,

Đàn trâu đều nghe theo lời Song con Ting,
Trâu bắt đầu ăn cỏ,
Gặm một lần cả bãi sạch trơn,
Ăn xong rồi đàn trâu dầm nước,
Nằm một cái, đất sụt thành ao,
Con trâu đực nhảy một lần, trâu cái mang thai.
To mập nhất là Đămbri của Tiăng.
Nó béo, thịt che kín mắt,
Sừng nó dài bằng ba bước chân người đi,
Thân nó dài ba người nằm mới bằng,
Đuôi nó dài bằng con hep heh[1]
Dấu chân nó đi, lớn bằng khiên đánh nhau,
Mắt nó to bằng ché Rlung,
Con ong đất làm tổ kẽ sừng trái,
Con ong vàng làm tổ ở kẽ sừng phải,
Con ong bé làm tổ hai bên kẽ tai.
Krôt, klang làm tổ ở đuôi,
Tạm dừng chuyện Song ở đây.

*

Bây giờ nói đến Klốp, Nhông Tông,
Bơng, Yơng, Yang đang ngồi nhà chẻ mây.
Đan cái giỏ để đựng cá,
Đan cái gùi để đựng gạo,
Chặt tre để làm cọc buộc trâu.
Bây giờ nói đến Djăn, Dje,
Nói đến Bing, Jông, Kông, Glơng.

1. Con rồng.

Bổ củi xong, họ nấu cơm,
Nấu cơm xong, đi ủ rượu,
Rồi mang lúa ra phơi.
Có người, mặt trời lên cao mới đem ra phơi,
Trời đã tối mới lo kiếm củi.
Hôm nay Djăn đã hết củi,
Gạo ăn cũng hết,
Nó tìm cái gùi nhỏ,
Lấy ra một chiếc rìu,
Cái rìu có cán mới,
Có lưỡi bằng ba ngón tay,
Rìu này Tiăng dùng để chặt cây,
Djăn lấy cái rìu cả cán và lưỡi đều bằng sắt,
Chưa ai từng có loại rìu này,
Djăn bắt đầu ăn trầu,
Uống hết nước một quả dừa.
Rồi đi đến chỗ Tiăng.
Tiăng đang ngồi ăn chuối
Đang nói chuyện với khách,
Djăng kêu: - Tiăng ơi!
Đi bổ củi với em!
Em rủ anh đi bổ củi ở suối Tu nhau,
Đi chặt cây brau hai nhánh,
Tiăng trả lời:
- Không được đâu Djăng ơi,
Anh đang bận lắm,
Djăng đi một mình đi!
Djăng đi gặp Bing:
- Em Bing ơi,

Em đi kiếm củi với chị!
Bing bằng lòng và đến chỗ Yang,
Yang đang vuốt dây mây,
Chẻ lạt tre, đan nia, đan gùi,
Nửa cây tre, Yang đan được hai gùi, hai nia,
Một miếng sắt, Yang rèn được hai dùi, tám cái cào.
Một bó tranh lợp được bảy cái nhà,
Một cây klốt đan được bảy cái đó.
Bing nói: - Yang ơi,
Đi bổ củi với em,
Yang trả lời:
- Không được đâu,
Anh đang bận lắm,
Bing đi một mình đi!
Cuối cùng Djăng nói:
- Ơ các em Bing, Jong, Kông, Glơng,
Chúng ta cùng đi kiếm củi!
Djăn dẫn đầu,
Đàn em theo sau,
Djăn đi trước, Dje theo sau,
Dje đi trước, Bing theo sau,
Bing đi trước, Jơng theo sau.
Họ nối nhau mà đi,
Họ nhìn vào lưng nhau,
Bing đến đâu bừng sáng đến đó, sáng cả miệng gùi,
Họ đi vang tiếng lục lạc,
Với những khăn hoa đủ màu trên đầu.
Họ đã đến bãi cỏ,
Đến nơi hái rau,

Đến bãi chăn trâu của Song,
Họ nghe tiếng lục lạc
Họ đến bãi cỏ trâu ăn,
Đàn trâu bị bất ngờ sợ hãi,
Những con trâu từ các bụi cây chạy ra,
Những con trâu đang đầm mình dưới nước,
Lắc đầu hung dữ,
Đang muốn lao tới đánh người,
Djăn gọi: - Song em ơi,
Hãy đuổi đàn trâu đi,
Để mở đường cho chúng tôi đi,
Song đi chặt một cây tre dài ba sải,
Đuổi đàn trâu mẹ,
Đánh bầy trâu đực,
Đàn trâu dạt ra hai bên,
Djăn dẫn đoàn người đi,
Họ đi đến rẫy mới trồng đậu,
Rẫy cũ trồng lúa sớm,
Rẫy dọc bờ suối trồng mía,
Trồng cây có quả thơm.
Rẫy của Tiăng rộng đến bảy đồi,
Rẫy của Yang rộng đến hàng trăm suối nước,
Rẫy trên đồi cao thấy các bầy khỉ,
Rẫy dưới đồi thấp thấy đàn heo rừng,
Rẫy đồi cao thấy đàn nai sáu sừng,
Rẫy bên suối có bầy công tỉa cánh.
Bing lên tiếng đuổi khỉ.
Bing lên tiếng đuổi chim két,
Nàng la đuổi chim két giữa rẫy.

Lúa djang prit mới chín đầu bông,
Lúa djang kring mới trổ lẻ tẻ,
Lúa râu mới nhu nhú,
Lúa thơm và lúa nếp đã chín rụng,
Hoa dưa và bí đang đơm nụ,
Mướp đã có quả nho nhỏ.
Djăn nói: Ơ các em,
Mặt trời đã cao lắm rồi,
Chúng ta hãy đi chặt củi đi!
Chặt trên cao phải buộc bằng dây mây,
Chặt dưới đất phải kê bằng cây gỗ,
Đừng để cán rìu vào củi.
Chặt một cái, củi đã đầy gùi,
Bổ một cái đã đầy dra[1]
Bổ một buổi được bảy ndrơng[2]
Có người chặt cây đa mục,
Có người chặt cây krai thối,
Củi trong gùi họ chỉ được mấy thanh,
Những người như vậy không có người yêu.
Bing cho họ củi khô,
Djăn cho họ củi ròn,
Tất cả chất củi vào gùi,
Xong rồi tất cả cùng đi.
Họ mang gùi còng lưng,
Đến suối klông srung,
Họ ngồi nghỉ ở đó.
Djăn nói: - Bây giờ ta xuống tắm!

1,2. Đống củi.

Mọi người cởi váy áo, bỏ trên bờ,
Cùng nhảy xuống nước,
Bơi lội, vùng vẫy,
Sóng nước nhấp nhô.
Bầy cá nhỏ bơi theo đớp chân Bing, Jông,
Cá ngleh kéo từng bầy bơi sát bờ,
Cá mơ beng kéo từng bầy đớp rốn Bing, Djăn,
Cá n'glai bơi có vệt nước phía sau,
Cá r'lang có sáp trắng dưới miệng,
Cá trắng có nốt đen trên sống mũi,
Cá ku có bè chuối trên lưng.
Cá đơi có chớp xanh ở đuôi,
Có cả những con cá màu đỏ...
Họ bắt cá ném lên bờ,
Họ lấy xâu, xâu cá,
Rồi tiếp tục còng lưng mang củi ra về.
Về đến nhà, Djăn gọi:
- Anh Tiăng ơi,
Anh lấy kẹp, kẹp cá đi!
Tiăng kẹp xong, rồi nướng cá.
Lúc mặt trời đã xế chiều,
Djăn nói: - Ơ các em,
Chúng ta hãy giã lúa, giã gạo,
Djăn xếp từng người:
Bing và Jơng giã chung một cối,
Kông và Glơng giã chung một cối,
Sơ và Jâng giã chung một cối,
Brôi và Brai giã chung một cối.
Khi giã lúa nghe tiếng vòng tay,

Khi giã gạo nghe tiếng vòng chân,
Lúc sàng lúa nghe tiếng nia chạm nhau,
Ngọn chày giơ lên nhiều như đàn dơi bay,
Bụi cám bay kín quanh cối,
Giã nhanh như chim glơng bay,
Nhộn nhịp như bầy ong,
Tiếng giã lúa vang rền như sấm.

*

Bây giờ nói đến Song ton Ting.
Trời gần tối rồi,
Xế chiều chim rlang đã về,
Mặt trời sà sát ngọn cây, con trâu đi về,
Mặt trời thay màu, đến lúc giã gạo,
Chim rkleh đã bay vào ổ,
Chim vik đã bắt đầu bay đi ăn đêm,
Con gái N'đu về nhà là biết trời tối,
Song đưa đàn trâu bò về nhà lúc trời tối,
Đứng trước cổng hàng rào,
Song nói vang vang:
- Những ai đi săn bắn,
Những ai còn làm gì ở ngoài,
Những người đi bẫy gà rừng,
Hãy vào hết trong làng,
Cho Song đóng cổng,
Đường này Song ngăn bằng gai,
Đường kia Song đặt vòng cung,[1]

---

1. Cung dây lên sẵn, khi muốn bắn, người ta giật dây (có lẽ là nỏ - Sg).

Đường khác nữa Song cắm chông...
Trời sắp tối rồi,
Trời dần dần tối,
Lợn đòi ăn, người ta cho ăn,
Chó đòi ăn, người ta cho ăn,
Djăn bắt đầu vo gạo làm cơm,
Djăn chắt nước cơm trước cửa,
Khách ngoài đường, Djăn đã chuẩn bị cơm,
Khách đến cửa, cơm Djăn nấu đã chín,
Djăn gọi người cho cơm vào ống,
Dọn cơm trên lá chuối thành bờ[1],
Những cục thịt bò to bằng bắp đùi,
Những cục thịt trâu to bằng đầu gối,
Thịt lợn đực to bằng khúc gỗ,
Đùi ếch trắng trơn,
Gà tơ thơm nức,
Djăn nấu măng chua cho khách ăn,
Luộc măng tươi cho khách ăn,
Tiăng bắt đầu mời khách ăn uống,
Những người khách đổi dê,
Những người khách đổi bẫy,
Mời khách R'hong đổi mbuăt
Mời khách người Díp tai đeo ống tre,[2]
Mời khách người Biêt có sẹo ở môi,[3]
Mọi người bắt đầu ăn cơm,

1. Khi đông khách, người Mnông trải lá chuối rồi đổ cơm vào đó vén thành luống cho nguội.
2. Khoanh nứa vàng (kon) dùng làm hoa tai (CTS).
3. Một hình thức xăm của người Biêt - một ngành Mnông (CTS).

Djăn nói với khách:

- Cơm nhà tôi không có thức ăn,
Mong các anh ăn no như ăn ở nhà,
Khách bốc vài ba nắm cơm,
Ăn miếng thịt gà to bằng ngón tay...

*

Bây giờ nói đến Lông Bu Koh,
Nó ngồi nhìn cơm không chịu ăn,
Nó không ăn, cũng chẳng nói năng gì.
Ăn thịt bò nó sợ hôi,
Ăn cá nó sợ tanh,
Thịt trâu rừng, thịt chim công nó cũng chê.
Lông Bu Koh quen ăn cơm với muối,
Không có muối đi xin nhà khác,
Không có vợ nó ngủ kế vợ người.
Khách ăn xong xúc miệng,
Lấy ống điếu hút thuốc.
Djăn nhỏ nhẹ:

- Mời anh Tiăng ăn cơm,
Mời con Mbông ăn cơm,
Djăn chỉ ăn vài ba nắm cơm,
Ăn một miếng thịt gà bằng ngón tay là xong.
Tiăng chỉ ăn vài ba nắm cơm,
Ăn một miếng thịt gà bằng ngón tay là xong,
Ăn xong họ xúc miệng,
Lấy ống điếu hút thuốc,

Con Mbông, con Djăn và Tiăng,
Ăn hết cơm chị lấy thêm cơm mẹ,
Hết cơm mẹ đi lấy cơm nhà khác,
Thịt bò bằng bắp đùi nó ăn đã hết,
Thịt trâu bằng đầu gối nó ăn đã hết,
Thịt lợn thái bằng khúc gỗ nó ăn đã hết,
Thịt đùi ếch nó ăn đã sạch,
Mbông ăn trọn đồ ăn vẫn chưa no.
Nó lục sàn bếp.
Lấy thịt ếch khô ra ăn hết,
Lấy thịt nai khô ra ăn sạch,
Thấy vậy Tiăng la:
- Mbông ăn gì mà quá vậy,
Ăn hết phần chị, lại đến phần mẹ,
Hết phần mẹ lại đi ăn nhà khác,
Đi vào rừng không chịu hái rau,
Đi chăn trâu không chịu chặt đọt,
Ra bờ suối không chịu nhặt trứng kỳ đà,
Ngày ngày chỉ đùa với đám con nít,
Nghe cha nói, Mbông tức giận:
- Những việc trên không phải của con,
Cha không được bắt con làm những việc đó,
Cha đã giao cho con làm việc lớn cơ mà;
Mbông đứng dậy rút gươm ra,
Nó múa gươm quay tít,
Nó chặt phá nhà cửa,
Nhà của Mbông bị chặt sạch,
Tiếng Mbông hét vang trong đêm khuya,

Tiăng nín luôn, không dám nói nữa.
Trời đã khuya rồi,
Chim chất chăng đã kêu rồi,
Lũ chuột đùa nhau chút chít,
Những cặp vợ chồng ôm nhau mà ngủ say rồi,
Những đứa bé kê đầu mẹ ngủ yên,
Đàn lợn kê chân lên nhau ngủ yên,
Đàn trâu chạm sừng vào nhau ngáy phì phò,
Bầy dê kê móng lên nhau ngủ yên,
Trời đêm lành lạnh...

II

N'ĐU THĂM TIĂNG

Buổi sáng kể chuyện nương rẫy,
Buổi chiều kể chuyện củi nước,
Buổi trưa kể chuyện người hùng,
Tối sáng trăng kể chuyện N'đu, Tiăng...
N'đu lâu đời nay đã đen sì,
Tiăng lâu đời nay đã đen sì,
Họ đen sì như cá mẹ ở suối Giung.[1]
Ngồi ở nhà tuổi già chẳng hay,
Ngồi ở nhà tóc bạc chẳng thấy,

1. Nguồn của một con sông, bắt đầu từ xã Quảng Trực, huyện Đák Láp, tỉnh Đák Lák. (Người Mnông gọi suối, sông là Đák nên suối Giang cũng có nghĩa là Đák Giang - Sg)

Mải vui chơi mang tối chẳng biết,
Họ mải lo bó đuốc đót ong,
Thi bắn ná để săn con thú.
Yơng và Yang chuyên vuốt dây mây,
Thắt dây mây khoá mỏ con briăng,
Thắt dây mây khoá mỏ con klang,
Thắt qua đeo treo những bầu gạo,
Chặt caya tre để trang trí rạp,
Bon Tiăng ăn uống suốt ngày,
Bon Tiăng giết thịt suốt năm,
Ngày nào cũng có tiếng chiêng,
Họ cầu khẩn không sót một ngày,
Họ cúng lúa không sót tháng nào,
Khách Preh đến, họ giết heo mẹ,
Khách Rađê đến, họ giết heo lớn,
Bạn bè đến họ làm thịt trâu thiến,
Uống rượu làm cỏ, họ đánh chiêng thuê,[1]
Vui thu lúa họ đánh chiêng vi,[2]
Khi có khách họ đánh chiêng jau[3],
Lêng đánh chiêng jau sáu chiếc một mình,
Họ đi săn ở vùng bon Răngăp,[4]
Họ hái rau bên kia suối Dak Ar, [5]
Kiếm cấn dao bên kia suối Dak Glung,
Họ săn chim chất đầy gùi,

1. Loại chiêng nhỏ 6 chiếc một bộ.
2. Tên một loại chiêng gồm 6 chiếc một bộ.
3. Loại chiêng xưa nhất, làm bằng đồng đen.
4. Ở Cămpuchia.
5. Thuộc xã Đắk Ơ, huyện Phước Long.

Gùi đã đầy họ treo đầy đuôi khố,
Chim bong boi đeo đầy quanh lưng,
Con cá sấu đựng đầy ống tên,
Bơng con Rong có một chiếc ná,
Nó đi săn khắp rừng Tơm Tung,
Nó đi săn khắp bãi cây blang,
Bắn hổ rừng chết chất thành đống,
Bắn nai chết cả một bầy,
Bắn heo rừng nhiều bằng heo nhà,
Những chiếc da chất lên thành đống,
Những sừng nai đã đầy mấy bồ,
Bơng bán da cho Drôn chù muối,
Bơng bán da đến bon Bu Pur,[1]
Buôn bán da đến bon Bu Sai,[2]
Nó đổi được nhiều bao muối to,
Nó đổi được nhiều gió lớn,
Mỗi bao muối được ba con trâu,
Bao muối to bằng ba sạp tre,
Bon nào cũng đến nhà Bơng xin muối,
Xin một chén Bơng cho một nắm,
Xung quanh nhà nghe những tiếng à,[3]
Từ bờ suối vọng tiếng kéo chỉ,
Trong nhà vang tiếng đánh chiêng,
Từ ngoài bãi tiếng trâu đuổi nhau,
Một mình Mbông gầm như sư tử,
Ngày nào họ cũng đi đánh nhau.

1. Nằm cạnh suối Đắk Pur, ranh giới Việt Nam - Cămpuchia.
2. Người Xitêng nói tiếng Khơme, ở huyện Phước Long.
3. Bộ phận phát ra âm thanh của diều.

Buổi sáng họ đánh nhau với Briăng,
Buổi chiều đánh nhau với Klang,
Lúc tảng sáng đánh nhau với khỉ,
Đi xa hơn đánh nhau với Rôch con Briăng,
Đánh đến đâu Lêng giết sạch đến đó.
Súc vật của người ta đều bị Lêng giết sạch,
Lúa gạo của họ bị Lêng phá sạch,
Tất cả dân làng bị Lêng chém sạch,
Những người phục dịch được Lêng dẫn về.
Câu chuyện Lêng tạm dừng ở đây,
Câu chuyện Mbông tạm dừng ở đây.

*

Bây giờ ta kể đến N'đu con Bung,
Kể đến Song con Bung, con Phang.
Rah và Kong là cháu N'đu,
Rah, Kong cà răng nửa phần,
Preh, Gle, cháu N'đu không xỏ lỗ tai,
Brit và Bret là vợ N'đu,
N'đu có nhiều vợ,
Vợ thứ ba của N'đu lá tai sệ xuống,
Vợ thứ bảy của N'đu vừa nhú,
Lúc bấy giờ bon N'đu đang lúc đêm khuya,
Vào một đêm lạnh lẽo,
Những con chuột đang kêu chút chít,
Những cặp vợ chồng đã ngủ say,
Những đứa bé nằm sát lòng mẹ.
N'đu ngủ yên giấc với vợ,

Nó đắp chăn đỏ,
Nó nằm ngủ trong những chăn đen,
Bên kia Brít, bên này Brét,
N'đu nằm ngủ ở giữa hai người.
N'đu ngủ ngáy khò khò,
Nó vừa gáy vừa rên ầm ĩ,
Tiếng gáy rên vang vang khắp nơi,
Ngủ một giấc, N'đu mơ ôm bàu nước,
Mơ ôm tình nhân mơ thấy thần,
Mơ ôm người yêu lại ôm bầu cháo.
Mơ chọc gái lại chọc phải gùi.
Bây giờ N'đu mới đi chăn trâu,
Nó chăn bầy trâu và con trâu đực của mình.
Nó đang chăn trâu tại bờ Krông Bong.
Trong giấc mơ ấy.
N'đu đã đến bãi cỏ chăn trâu,
Đã đến bãi hái rau,
N'đu đang leo lên một cái chòi lợp lá chuối,
Cái chòi này nằm phía nguồn suối,
N'đu nằm thổi mbuăt đồng,
Vang lên khắp bầu trời,
Tiếng mbuăt đồng.
Tiếng nhạc êm như sợi tơ nhện,
Tiếng nhạc vang như tiếng gông rung[1]
Đàn bò ngừng ăn lá chuối,
Đàn trâu ngừng ăn cỏ,
Cá dưới suối cùng ngừng táp mồi,

1. Loại chiêng có núm gồm 4 chiếc, đánh bằng dùi ngô.

Con trâu rừng phải ngừng nhai cỏ,
Chim rling, chim rlang cũng phải nghỉ hót,
Chúng đậu im lặng trên khắp ngọn cây,
Thổi kèn mbuăt chán rồi,
N'đu ngồi dậy ngắm nghía bầy trâu,
Thấy từ xa như Tiăng và con Rong đang đi tới,
N'đu chăm chú nhìn kỹ càng,
Nhìn kỹ từ đầu đến chân,
Người đang đi đó chưa biết rõ là ai,
Hình dáng giống Tiăng quá,
Không biết là Tiăng định đi đâu?
Nó định đi hướng nào,
Nó đi tìm ai,
Nó đi thăm bà con nào,
Hay là nó đi đánh nhau với ai,
Nên mới đi đến nơi này.
N'đu định lên hỏi Tiăng,
Nhưng miệng ấp úng không phát ra lời.
Đàn trâu bò trên đồng cỏ từ từ kéo đến.
Và từ vũng kéo về hướng Tiăng,
Đàn trâu bò nghênh ngang cặp sừng,
Chúng gườm gườm như chỉ chực đánh nhau,
Chúng hướng cả về phía Tiăng,
Và nối nhau lao tới,
Nhưng Tiăng kịp thời hét lên:
- Hỡi N'đu em ơi,
N'đu phải dẹp đàn trâu bò,
N'đu phải lùa đàn trâu bò sang một bên,
Để trừ lối cho Tiăng đi!

N'đu bắt đầu đứng dậy,
Tay cầm cây tre dài hơn ba sải,
Nó đuổi đàn bò sang bên,
Và đuổi đàn trâu đi ra;
Đuôi trâu Đăm bri, Đăm yau,
Tránh sang hai bên,
Để mở đường cho Tiăng đi.
Xong rồi N'đu hỏi Tiăng:
- Anh Tiăng đi đâu đấy,
Anh đi nữa hay ở lại?
Tiăng trả lời:
- Anh không đi nữa,
Vì lâu ngày anh quá nhớ em,
Anh em ta đã bỏ nhau lâu rồi,
Anh buồn quá ăn ngủ không được,
Nên hôm nay anh đến thăm em.
N'đu mời Tiăng lên chòi che lá chuối,
N'đu lấy trầu cau và thuốc,
Mời Tiăng hút thuốc,
Mời Tiăng dùng trầu,
Rồi mời Tiăng uống nước dừa tươi,
N'đu, Tiăng nói chuyện với nhau,
Họ nói chuyện với nhau rất thích thú,
Họ bàn những chuyện làm ăn.
Hai người gặp nhau chỉ chốc lát mà thôi,
Vì thấy N'đu bắt đầu tỉnh giấc,
N'đu nhìn xung quanh chỉ thấy nhà không,
N'đu khóc thầm một mình,
Vì quá nhớ Tiăng trong giấc chiêm bao.

N'đu gắng ngồi dậy và đứng lên,
Mắt đỏ ngầu,
N'đu nghĩ tại sao lại thế này,
Tại sao những giấc mơ kỳ lạ?
Ta mơ có người thân đến,
Khi thức dậy thấy toàn bầu nước,
Ta mơ gặp người yêu,
Khi thức dậy thấy toàn là gùi,
Ta đang mơ uống chung nước dừa,
Bây giờ lại bú ngón tay,
Ta nằm mơ bắt chấy,
Bây giờ lại nắm sợi tóc,
Ta mơ cười, sao bây giờ lại khóc
N'đu càng nghĩ càng run sợ,
N'đu tiếp tục chùm mền chăn ngủ.
Lúc bấy giờ bà Nar con Jray,
Đang đánh bóng những vòng đồng đeo chân,
Đang đánh bóng những vòng đồng đeo tay,
Bà đánh bóng bằng những tổ mối.
Keng, Kăng con Nar đang mở cửa,
Họ đang mở cổng,
Họ đẩy những cánh cửa ra,
Nar đang chuẩn bị gùi,
Nar mang gùi nhỏ sáng trưng,
Gùi của bà cũng vẽ hoa,
Gùi của bà cũng có đế bạc,
Bà Nar bắt đầu ra ngoài.
Một lúc sau,
Những con gà trống đã gáy te te,

Những con gà mái đã cục tác từ bờ suối,
Những con trâu đã bắt đầu rống,
Những con voi trong rừng đã hú,
Trâu thức giấc cọ mình quanh cột,
Khâng[1] thức dậy lo việc kéo chỉ,
Đàn bà ngủ dậy lo đi giã gạo,
Đàn ông ngủ dậy chỉ trông đầu gối [2].
Chờ ăn cơm xong mới làm.
Mặt trời đã toả khắp xứ Bu Pruh [3]
Mặt trời đã toả khắp hồ Klong Bong.
Tất cả con N'đu đã thức dậy,
Tiếp tục công việc hằng ngày,
N'đu nằm ngủ trên giường,
N'đu ngủ bỏ cả cơm sáng,
N'đu nhớ Tiăng cơm không đặng.
Uống nước không vào
Chiếc khố quấn mình cũng tuột ra
Nói cũng không thành lời,
N'đu cảm thấy bực bội,
Ngồi nằm không yên,
Ngứa như bông cây tong ya,
Không có nước nào rửa nổi
N'đu lo nghĩ vẩn vơ,
Nó nghĩ đi nghĩ lại,
Cũng không nghĩ mới được điều gì,
N'đu bèn nghĩ đến việc đi thăm Tiăng

1. Dụng cụ kéo chỉ của người Mnông.

2. Ngày xưa, đàn ông Mnông ngủ dậy không làm gì hết. Ăn cơm xong họ làm gì mới làm.

3. Nay là xã Quảng Trực, huyện Đắk Nông.

Đi thăm Tiăng, đi ra suối với nó.
Đi thăm Tiăng, đi săn với nó,
Hồi xưa mình với Tiăng nhà sát bên nhau,
Làm rẫy cùng cạnh nhau,
Chăn trâu chung bãi cỏ,
Tối ngủ cùng chung chiếu,
Bây giờ N'đu phải chịu lạt muối,
Bây giờ N'đu phải chịu thiếu ăn,
N'đu đang thiếu thốn mọi thứ,
Thuốc hút cũng thiếu,
Bông dệt vải cũng thiếu,
Những chuỗi cườm đeo cũng đã mất dần.
Ta phải đến rủ Tiăng đi,
Rủ Tiăng đến vùng người Srai,
Rủ Tiăng đến bon người Dron,
N'đu đã chịu lạt muối cả năm rồi,
Cau ăn trầu N'đu cũng không còn,
Muốn ăn cũng đã hết,
Các thứ cần thiết đã hết một năm rồi,
Đã lâu rồi N'đu chưa đánh nhau với ai,
Không đánh nhau khiên đã mốc sì,
Không cúng lúa, tù và nhện giăng tơ.
Brit và Bret vợ N'đu làm cơm đã xong.
Mặt trời đã lên cao rồi,
Nhưng N'đu vẫn chưa ra khỏi nơi ngủ,
Thường ngày N'đu dậy từ lúc heo kêu,
N'đu xuống chải đầu từ lúc gà gáy,
Xuống mài dao từ lúc chim hót.
Tại sao sáng nay N'đu vẫn còn ngủ

Hay là N'đu bị đau,
Hay là N'đu bị ốm,
Hoặc là N'đu uống rượu say?
Brít và Brết cùng vào nơi N'đu ngủ,
Hai bà đến gần bên chồng,
Thấy chồng vẫn chùm chăn,
N'đu nằm thẳng chân như người chết,
Hai bà cùng giở chăn ra,
N'đu anh ngủ hay thức?
Anh ngồi dậy đi!
Trời đã sáng lâu rồi.
Mặt trời đã cao ngang ngọn chuối,
Sao N'đu vẫn còn ngủ,
Anh có bị làm sao không?
Vẫn im lặng, không một tiếng đáp,
Kéo cái chân thì chân lả xuống.
Kéo cái tay thì tay lả xuống.
Anh N'đu làm sao thế này,
Hay là anh bị ốm?
Hai bà cởi nút áo N'đu ra,
Hai bà thử sờ lồng ngực N'đu,
Rồi tiếp tục sờ khắp người .
Người N'đu vẫn bình thường,
Nếu N'đu bị ốm đau,
Ít nhất cũng phải nóng trong người,
Nếu bị trúng klach và rklai,[1]

1. Loại cây dây leo, quả có chất độc hại.

Người N'đu sao không rịt mồ hôi,
Hai bà cầm hai chân N'đu giật,
Anh N'đu ngủ hay thức?
Anh ngồi dậy đi!
Anh làm sao thế này?
Trời ơi anh chết thật à?
N'đu từ từ mở mắt ra,
N'đu bắt đầu ngồi dậy,
Lấy khăn lau mặt,
N'đu ngơ ngác như người mất hồn,
N'đu nhìn quanh không nói một lời,
N'đu từ từ mở miệng,
Tiếng nói nghe tiếng được tiếng mất,
N'đu phải nói cho vợ nghe,
Phải nói cho vợ biết;
Người anh bây giờ khác lắm các em ơi!
Chắc có kẻ xấu thổi ngải rồi,
Cho nên anh đã nằm mơ,
Anh nằm mơ thấy Tiăng và Rong,
Nó đến thăm anh,
Anh và Tiăng hút thuốc ăn trầu,
Đang cùng nhau uống chung trái dừa,
Đang kể chuyện xưa,
Tiăng kể chuyện chưa dứt...
Anh nằm mơ tưởng là thật,
Bây giờ anh nhớ Tiăng quá,
Bây giờ anh xin hai em.
Hai em giúp anh,
Nếu hai em còn thương anh,

Hai em phải cùng anh đi thăm Tiăng.
Ta đến rủ Tiăng đi săn.
Ta đến uống rượu với Tiăng,
Ta đến ăn uống với Tiăng cho vui.
Ta thiếu muối ăn gừng chán rồi,
Ta thiếu gạo ăn củ lâu rồi,
Ta hết thuốc, nhịn không nổi,
Ta đang thiếu thốn mọi thứ,
Bông dệt vải cũng không còn.
Chuỗi cườm đeo cổ cũng đã mất dần.
Ta đến rủ Tiăng đến vùng Drôn,
Ta đến rut Tiăng đi đổi muối,
Ta sẽ đổi muối thật nhiều,
Đổi chỗ khác không bằng,
Đổi chỗ khác không ngon,
Đổi trâu chỗ khác đều trâu nhỏ,
Con trâu đực của Yang con Gut,
Mua trâu rút của phum, phom,
Ta mới thoả lòng,
Mọi người mới khen ta sáng,
Ta mới giàu sang hơn mọi người.
N'đu dứt lời, Brit, Bret đáp lại:
- Chúng tôi không đi được đâu,
Chúng tôi đang bận nhiều việc lắm,
Không ai đuổi bầy khỉ phá rẫy,
Không ai đuổi chim tét ăn lúa,
Cũng chẳng có ai chăm sóc heo gà.
N'đu nói:
- Sao lại không cho có người,

Ta nhờ cháu Bah trông hộ,
Ta nhờ cháu Rong giúp cho,
Chúng sẽ giúp ta đuổi khỉ,
Chúng sẽ giúp ta chăm sóc heo gà.
Brít nói với N'đu:
- Vậy thì cháu Rah giúp ta đuổi khỉ.
Cháu Rong giúp ta đuổi chim tét.
Còn ai đi chăn đàn trâu,
Ai giữ con trâu đực của mình?
Chúng sẽ đi ăn lúa người ta,
Chúng sẽ đi mất luôn,
Hai bà nói thế nào N'đu cũng không chịu.
Brít, Bret lại nói:
- Sao anh cứ muốn đi thăm Tiăng,
Không được đâu N'đu ơi,
Đi thăm Tiăng không dễ dàng đâu,
Một năm đến thăm, trăm chuyện xẩy ra!
N'đu nói:
- Không sao đâu hai em ơi!
Ở dưới kia đã có Lêng, Mbông lo,
Lêng, Mbông chưa thua một ai,
Cán dao, gươm của Lêng, Mbông chưa gẫy,
Cán lao của Lêng, Mbông chưa mềm,
Cả thiên hạ vẫn còn xa,
Có ai dám hơn Lêng đâu,
Có ai hơn nổi Mbông đâu?
Nói đường nào cũng bị N'đu chặn,
Brít, Bret im không nói một lời,
Hai bà không thèm nói với N'đu nữa,

Cơn giận của N'đu nổi lên,
N'đu lên tiếng mắng hai bà,
N'đu hăm doạ, hai bà làm thinh,
N'đu chửi như ó táp gà:
Nếu ta chết thì hai bà cũng chết,
Nếu ta chết hai bà cũng khổ,
Nếu ta bỏ đi hai bà đừng tiếc.
N'đu rất bực tức,
N'đu bước ra khỏi nhà
N'đu đi đến nhà Rah, Rong,
Rah, Rong đang ngồi chẻ dây mây trước cửa,
N'đu nói:
- Cậu có thể vào nhà được không?
Rah, Rong trả lời:
- Nhà cháu không kiêng cữ gì,
Con dê đẻ cũng chưa có,
Con heo đẻ cũng không,
Con người đẻ cũng không.
Rah, Rong mời N'đu vào nhà,
N'đu bước vào nhà,
Nó tự nhiên như chẳng có việc gì,
Rah, Rong bắt đầu trải chiếu hoa,
Để mời N'đu ngồi,
Trên chiếu trải thêm lớp vải,
Trải thêm một lớp chăn dệt hoa,
Ngồi gần bếp sợ con bọ chét,
Ngồi trên củi sợ bị con rết,
Ngồi trên sạp sợ bị rệp cắn.
Họ bắt đầu tiếp khách,

Những mâm trầu cau,
Những tô đồng đựng thuốc,
Rah, Rong nói:
- Xin mời cậu hút thuốc,
Xin mời cậu ăn trầu,
Cậu đến chơi quý quá,
Cậu đến có việc gì đây?
Có mấy khi cậu đến sớm thế này!
N'đu nói:
- Cậu không giấu hai cháu,
Có việc cậu mới đến với hai cháu,
Cậu sang định rủ hai cháu đi thăm Tiăng đây.
Rah, Rong trả lời:
- Không được đâu cậu ơi,
Hai cháu lúc này đang bận nhiều việc lắm.
Cậu chịu khó đi một mình nhé!
N'đu nổi giận trách móc hai cháu,
N'đu la mắng như ó táp gà,
N'đu bỏ đi ra ngoài.
N'đu đi đến nhà Preh và Gle:
- Hỡi cháu Preh, Gle của cậu ơi!
Cậu đến rủ các cháu đi với cậu,
Cậu tính đi thăm Tiăng dưới kia,
Preh, Gle nói:
- Không được đâu cậu ơi!
Lúc này hai cháu đang bận nhiều việc lắm,
Cậu chịu khó đi một mình nhé!
N'đu nói:
- Sao hai cháu xấu bụng với cậu thế,

Nếu cậu chết các cháu sống một mình được không,
Nếu cậu mất các cháu biết nương tựa vào ai?
N'đu tức giận ra về.
N'đu đến nhà Dong:
- Em Dong của anh ơi!
Em cùng anh đi thăm Tiăng nhé?
Ta rủ Tiăng săn bắn,
Ta đi uống rượu với Tiăng.
Ta nhớ Tiăng lắm rồi.
Dong trả lời:
- Không được đâu anh ơi!
Anh tính đi thăm Tiăng à?
Có khi nào đi thăm Tiăng an toàn đâu,
Một năm đến thăm, trăm chuyện xẩy ra!
Anh lại đi chỉ hại cho bọn Tiăng thôi.
N'đu nói:
- Không sao đâu các em ơi!
Cán dao cán gươm của Lêng, Mbông chưa gẫy,
Thiên hạ chưa ai bằng Lêng, Mbông,
Ai dám hơn Lêng,
Ai thắng nổi Mbông?
Dong nói gì cũng bị N'đu chặn,
Dong nói gì cũng không lại với N'đu.
Dong nghĩ đi rồi nghĩ lại:
Nếu để N'đu đi một mình cũng tội nghiệp,
Hay ta nên đi cùng với N'đu.
Dong nói:
- Thôi được, em sẽ đi cùng anh.
N'đu mỉm cười mừng rỡ,

Vậy ta chuẩn bị ngay,
N'đu về cho Brét cắt tóc,
Dong về cho Brít cắt tóc,
Hớt tóc xong rồi,
Hai người bắt đầu búi tóc,
Họ kẹp hai lá nhãn rừng vào tóc,
Họ cuốn thêm vải đỏ,
Cắm thêm lông đuôi gà trắng,
Cắm thêm lông đuôi con công,
Lông công xoè ra bằng cái nia to,
Quấn thêm những vải màu đỏ,
Khoảng bảy tám lớp.
Họ cuốn thêm bảy tám lớp khăn,
Buộc khố chặt, đeo thêm dao gươm,
Xung quanh đầu cuốn thêm ntêng[1] hoa,
Trước ngực họ mang vòng bạc,
Tay trái đeo vòng bằng đồng vàng,
Tay phải đeo vòng bằng đồng đỏ,
Họ quấn thêm khố hoa bằng đồng,
Trên đầu cắm thêm chóp con công.
Họ mặc áo xanh,
Họ mặc thêm áo bạc,
Tai họ đeo ngà voi,
Họ mặc một lớp áo mỏng,
Ba lớp áo dày,
Tám lớp áo đá pha bạc,
Mặc áo đá choàng thêm áo sắt,

1. Đồ trang điểm của đàn ông dệt bằng vải, kết thêm chuỗi cườm nhiều màu sắc, thường cuốn vòng quanh đầu.

Áo của họ toàn bằng sắt với đồng!
Thân chỉ ló ra cái mũi,
Chỉ có thấy đôi mắt,
N'đu nói:
- Em Dong ơi!
Đi đến Yơng phải mặc áo klang,
Đi đến Yang phải mặc áo briăng,
Đi đến Tiăng phải mang áo choàng,
Đi đến N'đu phải mặc áo klang,
Và đi đến Lêng phải mặc áo nước,
Để đỡ bớt sức nóng của Lêng;
Đuôi khố Lêng lúc nào cũng đeo lửa,
Trong mình Lêng toàn là lửa nóng.
Dong bắt đầu mặc thêm áo nước,
Chiếc áo nước nặng nề,
Đủ chống lại dòng lửa Mặt Trời,
Brít, Bret cũng đang chuẩn bị cho chồng,
Brít lấy cái gùi có nắp bằng đồng,
Bà chuẩn bị gạo ăn vài ngày,
Se sáp ong ba bốn cây dài,
Những gói cơm khô,
Những ống cơm nếp đã nấu chín sẵn
Những con cá trắng đã nướng,
Để ăn dọc đường khi đi xa,
Con dao N'đu cất kín trong người,
Những chiếc lao, N'đu cất gọn,
N'đu chuẩn bị những hòn đá tạo lửa,
Chuẩn bị những đuốc soi đường,
N'đu mang đủ những con dao tuỳ thân,

Những chiếc lao cầm tay,
Những chiếc khiên tự vệ đường xa,
Buộc chiếc tù và vào ngực,
Một con dao cán bằng sừng trâu,
Một con dao đục đá,
Để đục những tảng đá tầng,
Mang theo chiếc búa khổng lồ,
Phòng khi gặp trận đánh ác liệt.
N'đu mang theo cái lưới to,
Để phòng những trận đánh chụp,
N'đu mang theo chiếc đơm bằng sắt,
Chiếc đơm từ đời Yau li,
Để phòng khi đánh nhau bằng đơm,
N'đu mang theo chiếc nia quạt gió,
Quạt một lần tất cả ra cám,
Quạt ba lần, ra gió ra bão.
N'đu mang theo ống thổi lửa,
Thổi một cái nó phun ra lửa,
Phòng khi đánh nhau bằng lửa,
Những cuộn chỉ xỏ mũi,
N'đu, Dong mang lao làm bằng cây puh,[1]
Nhiều khoảng một vài ôm,
Lao mũi nhọn xếp gọn trong người,
Lao rmiôt và lao rmiăt,
Lao lưỡi heo và lao lưỡi chó,
Một người đem theo sáu con dao,
Một người đem theo sáu con lao,

---

1. Một loại cây có củ mọc trong rừng, người Mnông gọi là củ ngải.

Một người đem theo sáu chiếc khiên,
Họ xếp đi xếp lại,
Tất cả đều chất gọn trong người!
Họ chuẩn bị mọi thứ đã xong,
Mặt trời đã lên cao rồi,
N'đu đến dặn vợ lần cuối: -
- Này Brít, Bret vợ của anh ơi!
Trong lúc anh và Dong đi vắng.
Hai người ở nhà không làm điều kiêng kị,
Kiêng những thức ăn phải kiêng,
Nếu hai em đốt tro ta bị đau bụng,
Nếu hai em ăn quả, ta bị ghẻ nhọt,
Đùa giỡn với người, ta bị ong đốt,
Đàn ông goá vợ mượn cuốc không cho,
Đàn ông goá vợ mượn cào, cũng kiêng,
Đàn bà goá chồng, mượn rìu không nên,
Người chưa vợ đến ngủ càng cữ.
Đường đi đến bon Tiăng rất xa,
Anh và Dong đi chắc rất lâu,
Nếu về sớm cũng gần nửa năm.
Brit, Bret nói:
- Xin anh đừng dặn,
Chúng tôi biết cả rồi
Chúng tôi răm rắp hơn đàn ông kia mà.
Brít, Bret nói tiếp:
- Các anh đi bình yên nhé,
Đi lúc nào cũng tự vệ luôn đấy,
Cầm vũ khí đừng có lơ là,

Gặp khó khăn chớ nên run sợ,
Đi đường phải đề phòng mũi tên bắn lén,
Sợ nhất là bị tên thuốc độc.
Mọi việc đã xong rồi,
Họ chuẩn bị lên đường,
N'đu vừa mới mang gùi đứng dậy,
Con chó khịt khịt mũi,
Nó chạy ra khỏi cửa làm ngã chày giã lúa,
N'đu nói:
- Hai em giã lúa xong,
Không chịu cất chày cho kỹ.
Brít nói:
- Anh nói vậy là không đúng,
Đó là điều xấu về chuyến đi của anh và Dong.
N'đu ra khỏi nhà,
Dong nói với N'đu rằng:
- Mới đứng dậy đã có chó khịt mũi,
Bước khỏi cửa cái chày đã ngã xuống,
Chắc đó là những điểm xấu,
Chúng ta không nên đi là hơn!
N'đu nói:
- Không được đâu em ơi,
Sợ gì con chó khịt mũi đó,
Nếu đứt dây treo ché mới cữ,
Một nháy mắt sau đó,
Tự nhiên trong nhà N'đu mấy dây treo ché bị đứt,
Ché rơi xuống làm vỡ Rlugn thần,
N'đu cũng chẳng cần,

N'đu quyết đi là đi,
Càng khuyên can N'đu càng quyết đi
Ai nói gì N'đu cũng không thèm nghe,
N'đu và Dong ra đi,
Họ đi ra khỏi sân nhà,
Đi đến bãi cỏ đi qua bụi tre,
Đã đến nơi các bà phơi chỉ,
Đã đến gốc cây krai[1] các bà phơi vải,
Họ đã đi đến ngã ba đường bon.
Đến đây họ dừng chân,
Họ dựng gươm, lao ở gốc cây đa,
N'đu dựng lên bàn thờ nho nhỏ,
Để cúng thần nước mời thần đi cùng,
Thất hrak để cúng thần rừng,
Họ làm lễ cúng dưới gốc đa.
N'đu cắt cổ con gà lấy máu,
Con gà nhỏ chỉ bằng trái cà,
Và một con heo nhỏ bằng con sóc,
Vừa đủ làm lễ cúng thần.
N'đu bắt đầu cầu khấn,
Miệng lẩm nhẩm đọc tên các thần,
Kêu thần gọi thánh khắp nơi!
Nó kêu những con chim ser[2]

---

1. Loại cây lấy nhựa nhuộm đen răng.
2. Loại chim nhỏ, bay từng bầy. Người Mnông quan niệm, nếu đi đâu gặp chim kêu phía trái là may, kêu phía phải là rủi.

Kêu các thần nơi cây rgah[1],
Kêu các thần nơi cây rgai[2],
Kêu các thần nơi cây rgong [3],
Các thần từ Bong Thôch[4] và Bong Nrung[5],
Thần suối nước nơi có tôm tép sống,
Thần ao hồ nơi có cá ở,
Thần bãi nước sình, nơi có nhiều cua,
Nơi bụi mây là bàn thờ của thần,
Nơi mang đất đá là cối của thần,
Những con rắn là lao của thần,
Những dòng thác là mái nhà của thần,
Các thần ba chân, ba tay,
Các thần rừng sáu chân, ba tay,
Thần rừng mười chân, chín tay,
Nữ thần Lêt, Mai phù hộ Tiăng,
Nữ thần Grông, Gring phù hộ cho Yang,
Nữ thần Ot, Ang phù hộ N'du.
Thần Tu Rmăt[6] phù hộ Lêng con Rung.
Xin các thần đi theo ta,
Các thần phải đi cùng ta,
Ta đi thăm Tiăng dưới kia,
Lúc bấy giờ nữ thần Ot, Ang,
Đang ngồi cặm cụi dệt vải trước nhà,
Họ nghe mang máng như có ai gọi,
Một trong hai thần nói:
- Hình như có ai đó gọi chúng ta,

1, 2, 3, : Tên những loài cây mọc trong rừng già.
4, 5. Hai con suối ở xã Đắc Rung, huyện Đắk Nông, tỉnh Đắk Lắk.
6. Thần nguồn sông Mê Kông.

Ta nghe ai gọi từ nơi xa kia,
Hai chân cuốn khung cửi cất đi.
Hai thần trèo lên cây đa,
Đứng trên cây đa quan sát bốn phía,
Hai thần nhìn kỹ,
Hai thần trông thấy N'đu con Bung,
Và Dong con Phang,
Thần lận bậm nói:
- N'đu tính đi đâu đây,
N'đu tính đi thăm Tiăng à?
N'đu đi thăm Tiăng không ốm đâu,
N'đu đi một năm trăm chuyện xảy ra,
Nó đi làm hại Tiăng đấy.
Bây giờ chúng ta cản nó lại,
Ta phải lùa trâu ta về nhà,
Thần lấy một cái nia quăng xuống,
Cái nia hoá thành con ó,
Thần lao cái chày giã cua thành con rắn.
Trên đầu N'đu lúc đó có con ó kêu,
Dưới gốc đa có rắn cuốn nhau,
Con ó của thần vừa bay vừa kêu,
Nó cứ bay quanh quẩn trên đầu N'đu và Dong,
N'đu vốc một nắm gạo cho nó ăn,
Nhưng con ó vẫn kêu,
Con rắn thì vẫn quấn nhau,
Mặc cho ó và rắn,
N'đu vẫn cứ tiếp tục đi,
Thấy vậy thần Ot, Ang thử làm cách khác,
Thần bứt một cây mía vứt xuống đất,

Thần bứt cây mía lớn nhất của thần
Trongchốc lát trước mặt N'đu và Dong.
Có nhiều cây ngã xuống,
Cây guih[1] ngã bên phía tay phải,
Cây sa [2] ngã bên phía tay trái,
Dong nói với N'du rằng:
- Những cái xảy ra là điềm xấu,
Chúng ta không đi được đâu,
Ta nên trở về đi anh N'đu ạ!
N'đu nói:
- Cây guih ngã vì có nhiều lá,
Cây sa đổ vì có nhiều cành,
Có gì lạ đâu!
Thần Ot,Ang tiếp tục giăng chỉ,
Thần kết chỉ có đủ màu sắc,
Chất đủ một gùi đổ xuống,
Mặt trời liền bị các vòng của chỉ vây quanh,
N'đu cũng không cần đến Mặt Trời,
N'đu tiếp tục đi xa dần,
Thần Ot, Ang làm cách gì cũng chẳng dừng,
Thần không còn cách cản N'đu được.
Thần nói:
- Bây giờ ta thả con trâu ta đi.
Thần thả con trâu đực ra,
Thần lấy cây đánh con trâu kêu,
Trước mắt N'đu và Dong,
Con trâu đã hoá thành con nai khổng lồ,

1. Loại cây dẻ ăn được quả
2. Loại cây dẻ không ăn được quả.

Con nai vừa chạy vừa kêu,
Con nai lạ lùng có đến ba đầu, sáu sừng,
N'đu vẫn thản nhiên coi như không có gì,
Nó cứ tiếp tục đi,
Nó đi không bao giờ ngó lại đằng sau,
Đi chết bỏ không chịu trở lại,
Quay trở lại sợ người yêu chê cười.
N'đu đi càng xa dần.
Nói đến thế nào N'đu cũng không chịu,
Dong buồn bã im lặng đi theo,
Thần Ot, Ang nói:
- Chắc N'đu không chịu trở lại đâu,
Như vậy N'đu trách ta đấy.
Ăn heo, N'đu cho mình đùi,
Ăn trâu, N'đu cho mình vai,
Ăn gà, N'đu cho mình ngực,
Đánh giặc về, cho mình uống rượu,
Thôi, ta đi đưa N'đu quãng đường vậy,
Hai thần đồng ý với nhau,
Hai thần mặc áo cánh chim,
Hai thần có đôi cánh bay,
Hai thần mặc áo lông chim,
Hai thần thành con chim ó,
Hai thần bắt đầu bay đi,
Hai thần bay về hướng N'đu và Dong.
Trong chốc lát hai thần đã đến gần N'đu và Dong,
Thần Ot, Ang xuống đất thành người,
Hai thần vừa đi vừa cười vui,
Trước mặt N'đu và Dong có chim ser kêu,

Chim ser kêu từ bên trái,
Tiếp tục kêu từ bên phải,
N'đu nói:
- Điềm tốt đến với ta rồi,
Chim kêu như vậy là điềm tốt rồi đó,
Thôi, chúng ta tiếp tục đi nhanh lên!
Thần Ot, Ang nói:
- Thôi, anh N'đu nhé!
Anh không chịu nghe chúng tôi thì thôi,
Anh đi một mình cẩn thận nhé,
Cầm dao gươm cầm thật chắc cán,
Cầm lao cho cẩn thận đấy,
Chúng tôi bận nhiều việc lắm không đi được đâu,
Anh đi một mình nhé!
Chim ser đang kêu xuôi,
Chốc lát lại kêu ngược,
Nhưng có ai trông thấy thần đâu,
N'đu và Dong cứ tiếp tục đi,
Họ đi đã xa lắm rồi.
Họ đi đến Bu Huch, Bu Hung,
Đã đến Bu Glung, Bu Rtiăng,
Đến bon Tăng Nul, Jang Brau,
Đến Klau Bu Đip, Yơng Ntăng Đing,
Họ đi một bước dài bằng đốt cây mây,
Chạy một cái xa bằng dây diều,
Đi một bước qua một dãy đồi,
Không biết đường, họ tự khắc xem hướng,
Không biết lối họ tự đi tìm ra,
Không biết núi biết đồi, họ tự nhắm lấy.

Đường bên trái là đường Bul Ka[1],
Đường bên phải là đường Bul Ê[2],
Con đường kia là đường Plơm[3], Glu.
Họ cứ đi theo con đường cũ,
Họ đã đi qua Bu Huch, Bu Hung,
Họ đã qua Bu Glung, Bu Htiăng.
Họ đã đi xa rồi,
Họ đi đến cây đa mọc trên hòn đá,
Họ đã ngủ một đêm tại bon người Rađê,
Họ đã ngủ ba đêm tại bon Mbuăn,
Họ đã ngủ bốn đêm tại bon Bu Kok,
Đã ngủ bảy đêm tại bon Ir Briăng Vải,
Các bon Bu Giuch, Bu Lung,
Bu Tăng, Bu Npa, Bu Ja, Bu Oach,
Những con suối Dak Glung, Dak Oanl,
Đak Rlấp bên phải, Bong Ja bên trái,
Họ đã đến khu rừng, có dấu người chặt cây,
Họ đã đến bụi măng có dấu người bẻ.
Họ đã đến suối nước có dấu người tát,
Đã đến bon làng cũ,
Nơi Tiăng bắt Trăng,
Họ dần dần đến bon Tiăng,
Nếu đi nhanh còn một buổi sáng,
Nếu người yếu đi còn ngủ đường một đêm.
Từ đằng xa họ đã trông thấy bon Tiăng
Họ mới chỉ trông thấy cột nhà nhỏ bằng cây gai,

1. Con thằn lằn sống trên cạn.
2. Con thằn lằn sống dưới nước.
3. Con vắt.

Trông thấy cột chòi bằng cây rau dền,
Trông thấy chòi canh bằng quả trứng rlang,
Họ cũng đã trông thấy lục lạc đeo cổ trâu bon Tiăng,
Họ đã trông thấy những chuồng bò,
Trông thấy những luồng khói lửa,
Đã trông thấy những người đàn bà đang bới tóc,
Các bà đã tấp nập kéo chỉ trong sân.
Họ đã đến bãi cỏ Tu Thôch [1],
Đã đến khu vực hái rau,
Đã đến bãi cỏ chăn trâu,
Họ đến rẫy và trông thấy đám lúa,
Đã thấy những bụi chuối và lấp lánh những ánh lửa bếp,
Họ đã trông thấy đàn bà giã gạo.
N'đu và Dong đã sắp sửa đến nơi,
Họ đã qua những rừng gai, bụi tre,
Đã đến nơi bon Tiăng bổ củi,
Đã đến các nơi thường phơi chỉ,
Đã đến gốc Krai thường phơi vải.
Họ đã đến sát bon Tiăng rồi,
Họ đã đến ngay trước cổng hàng rào.
Rào bon Tiăng kiên cố mấy lớp,
Một lớp rào bằng cây tre,
Ba lớp rào bằng cây chau,
Sáu lớp rào bằng nứa khô.
Những con cọp canh giữ bên ngoài,
Những con heo canh gác cổng vào,
Bầy ong hung dữ ào ào bay,

---

1. Suối này ở Đák Rung.

N'đu và Dong không thể qua được,
N'đu định mở miệng kêu lên,
Nhưng N'đu còn phân vân rụt rè,
Một chân định bước một chân định thụt lùi,
Cuối cùng N'đu cương quyết,
N'đu mở miệng kêu lên:
- Hỡi Tiăng anh ơi!
Hãy mở cửa cho em vào với,
Hãy mở những cánh cửa đá,
Cho em vào thăm anh đây,
Lúc này Tiăng con Rong,
Đang ăn uống vui chơi với mọi người,
Họ đang thi nhau uống những chén rượu cần,
Họ đang đánh gông chiêng,
Đang xúm nhau uống những ché Rlung,
Tiăng uống rượu đã say,
Người Tiăng uể oải,
Không ai biết N'đu và Dong đến,
N'đu kêu lên một tiếng,
N'đu chửi mắng một hồi,
Nhưng Tiăng vẫn không hay biết gì.
N'đu và Dong không còn cách nào,
Họ dành phải chờ đợi,
Hai người nhìn nhau bàn tính,
N'đu muốn trở về,
N'đu rủ Dong trở về bon mình,
Dong ngắt lời và nói:
- Anh N'đu sao lại thế?
Đã đi phải đến nơi,

Nếu ta là con dao cụt,
Ta mới nên thụt lùi nửa đường,
Nếu là rìu cụt ta thụt lùi cũng được,
Ta là người anh hùng,
Nhất định phải vào được bon Tiăng.
Lúc đó trời đang nóng bức,
Dưới ánh nắng chang chang,
Đôi mặt hai người nhìn nhau,
Họ đang dựa tạm vào bức tường đá,
Lúc này Rong và Bong đang ở hiên nhà,
Mẹ Rong đang kéo chỉ bằng Klâng,
Klâng của Rong đang quay liên tục,
Klâng đang quay chỉ một bên...
Buổi sáng Rong buộc chỉ bằng chiếc ché,
Buổi chiều Rong buộc chỉ bằng chỉ Rlung,
Buổi trưa Rong buộc chỉ bằng ché Rla Đong,
Rong đang nằm nghỉ lưng trên sàn,
Chợt nghe văng vẳng bên tai,
Mẹ Rong nghe tiếng người gọi,
Có ai gọi từ ngoài hàng rào,
Chim put[1] kêu từ ngọn cây knet,
Chim tét kêu từ ngọn cây năng[2],
Cá snăng[3] kêu từ hòn đá trắng,
Rong chăm chú lắng nghe,
Nghe tiếng kêu kẹo theo tiếng chỉ,
Những tiếng gọi kèm theo trách móc.

1. Chim có lông mầu xanh, thường ăn trái đa.
2. Loại cây dùng gỗ làm ná.
3. Loại cá chỉ sống ở suối đá.

Đó có phải người anh hùng,
Đó có phải là những người đứng đắn,
Hay là có kẻ đến chọc bon ta,
Có kẻ đến phá bon ta,
Có kẻ định cướp bon ta?
Họ định cướp giật đuôi diều của ta,
Định cướp giật đuôi khố của ta?
Rong bắt đầu đứng dậy,
Bà tháo gỡ chỉ ra,
Bà thả chân khỏi Klâng rồi bước ra,
Như thả đứa con đang ấp trong lòng,
Rong bắt đầu đi,
Bà bước qua mấy nhà,
Băng qua mấy cửa,
Đi qua một dãy nhà dài, bà đã đến chỗ Tiăng.
Lúc bấy giờ Tiăng đang ngủ say,
Tiăng đang ngủ như chết,
Ngủ quên cả trải chiếu đắp chăn.
Rong cầm hai đùi Tiăng lay lay,
Tiăng, con đang ngủ hay thức?
Hãy thức dậy mau lên có việc!
Chim put kêu từ ngọn knet,
Chim tét kêu từ ngọn cây năng,
Cá snăng kêu từ hòn đá trắng,
Có thể là kẻ thù phá bon ta!
Tiăng đang ngủ vùng dậy.
Đôi mắt ngơ ngác đỏ bừng,
Tiăng hét to:
- Ai thế này?

Nếu là người bình thường,
Ta sẽ tát mấy tát tai,
Ta sẽ gõ đầu bằng dao bạc,
Tiăng dứt lời, Rong đáp ngay:
- Đừng nói vậy, Tiăng con ơi!
Nếu là người bình thường con tát cũng được,
Con không nhận mẹ Rong đây sao?
Tiăng nói:
- Thế đây là mẹ ta ư,
Thế mẹ định đi đâu đấy?
Mẹ Rong rằng:
- Mẹ chẳng đi đâu Tiăng con ạ,
Có tiếng gào từ ngoài cổng vào,
Có tiếng gọi từ ngoài hàng rào
Kẻo có ai đến đánh phá ta
Mẹ Rong dứt lời, Tiăng đáp lại ngay:
- Mẹ nói sao,
Mẹ nói thật không,
Hay là mẹ nói đùa với con đấy.
Chim put kêu mẹ tưởng ai gọi
Chim mbuăt[1] hót mẹ tưởng ai kêu.
- Đừng nói vậy Tiăng con ơi !
Mẹ đâu phải là con trẻ,
Mà còn nói đùa nói dối con.
Tóc mẹ đã bạc phơ rồi,
Chân tóc mẹ đã nhẵn rồi,
Gò má mẹ đã móp rồi,

1. Loại chim màu xanh, bay từng bầy.

Chân lợi mẹ nay đã gặp nhau,
Đâu còn duyên mà tỏ tình với trai.
Tiăng thoắt đứng dậy,
Lúc này Tiăng hung hăng lanh lẹ,
Đôi mắt mở to sáng như ngọn đèn sáp.
Tiăng hô lên một tiếng vang trời,
Tiăng hét lên những tiếng kêu cứu.
Hỡi các em của ta ơi !
Các em Bêh, Bôp,
Klôp, Nhông, Tông, Bơng,
Yơng, Yang, và tất cả.
Bọn ta sắp bị địch phá,
Tất cả chúng ta phải ra ngoài,
Tất cả mọi người vâng lời như một,
Không có một ai dám cãi lời Tiăng.
Mỗi người tay cầm lao, tay cầm ná,
Không mang khiên.
Một con dao tuỳ thân không quên,
Chiếc lao phóng cầm tay không sót,
Một chiếc khiên che thân đừng quên.
Chiếc kèn sừng trâu kề sẵn ở mồm,
Mọi người cùng bước ra khỏi nhà,
Tất cả đã đến cổng rào.
Tiăng đã bắc thang lên cây đa,
Cây đa lá bạc sùm xoè.
Riêng Tiăng con Rong, chuẩn bị gươm ná,
Ná của Tiăng bằng cây năng có bịt bạc,
Tiăng bắt đầu ngắm,
Ngắm trên trời sợ chết heo của Bing, Glơng,

Bắn hang chim pút ở, bịt ngay miệng lỗ,
Bắn cối giã lúa ngoài sân vỡ đôi.
Thủ bắn gùi chỉ cần bắn chéo,
Bắn chim pút rơi như lá đa,
Tiăng ngắm ngay nhánh cây đa,
Vừa bóp cò lên liền bay đi,
Tên bay đi trúng ngay nhánh đa,
Nhánh đa đứt ngang như chặt bằng rìu,
Nhánh đa đứt như chặt bằng dao,
Nhánh đa rơi ngay nơi N'đu và Dong đang đứng,
N'đu và Dong nhanh tay đỡ đầu bằng khiên.
N'đu càng tức giận,
N'đu chửi mẹ chửi cha Tiăng và Tang.
Tại sao bọn bay bắn N'đu?
Tại sao bọn bay bắn Dong?
Các người không nhận ra N'đu và Dong à?
Tiăng đang ở trên cây đa,
Tiăng quan sát khắp mọi nơi,
Tiăng quan sát kỹ càng bốn phía,
Tiăng chợt thấy bóng người,
Đang đứng sát tường đá,
Họ là hai người đàn ông.
Tiăng tự hỏi: người đó là ai?
Tiăng nhìn kỹ từ đầu đến chân.
Tiăng nhìn kỹ như Bing ở bon Trang,
Tiăng lại nghĩ một hồi.
Chắc không ai xa lạ đâu,
Hình như con Bung,
Hơi giống như Dong con Phang,

Họ đi đâu đến đây?
Họ đi thăm bà con,
Hay là định đi đánh nhau với ai?
Nhận ra N'đu, Tiăng mừng rỡ:
- N'đu đến ta vui rồi,
N'đu đến ta sướng rồi,
N'đu đến ta thoả lòng rồi.
Một nồi cơm ăn chung rất ngon,
Một bàu nước uống chung mát lòng,
Tiăng bắt đầu lên tiếng,
Tiếng Tiăng hỏi, đâu đâu cũng nghe:
- Các người đang cầm lao đó là ai?
Các người từ phương nào tới đây,
Các người tên gì?
Các người thuộc dòng họ nào?
Các người từ bon nào đến?
Tiăng dứt lời, N'đu đáp ngay:
- Tại sao Tiăng lúc này lú thế,
Chắc Tiăng sắp chui xuống lòng đất,
Tiăng không nhận ra N'đu sao?
Tôi là N'đu đây!
Tôi là Dong đến đây,
Chúng tôi đến thăm Tiăng đây,
Tiăng mở cửa rào đi,
N'đu cho mở cổng rào đi!
Từ trên cây N'đu nói tiếp:
- N'đu là N'đu nào?
Dong là Dong nào?

N'đu nhỏ hay N'đu bé[1],
N'đu mới sinh hay mới lớn lên?
Đã có hàng trăm tên N'đu,
Có đến hơn một trăm tên Dong.
Không phải đâu Tiăng anh ơi.
Chúng tôi là N'đu con Bung đây,
Chúng tôi là Dong con Phang đây,
Tiăng mở cửa cho vào bon đi!
Tiăng bắt đầu xuống thang,
Xuống đến cổng bên trong hàng rào,
Tiăng ra lệnh cho mọi người,
Tiăng dặn dò từng việc làm:
- Chú Lơ Vơ hãy mở cửa,
- Chú Đret Đreng kéo cánh cửa ra,
- Chú Đăk Đăl nhận dạng người khách,
Tiăng dặn:
- Mở cửa cho rộng,
Đừng cho vướng đuôi công của khách.
Đừng cho vướng đuôi khố của khách,
Mọi người vâng lời,
Không một ai dám cãi lệnh.
- Chú Lơ Vơ bắt đầu mở cửa,
- Chú Đret Đreng kéo cánh cửa ra,
Chú Đăk Đăl nhận dạng người khách,
Đăk Đăl bước đi lưng khom khom,
Đi một bước chống gậy hai bước,
Đầu tóc đã trắng như bông,

---

1. (SG) Người Mnông có tập quán đặt tên nhại lại tên người trên đã quá cố.

Phun nước miệng dính đầy mình mẩy,
Bước bên này muốn ngã bên kia,
Ra từ bếp khố dính toàn tro,
Bước ra khỏi nhà khố chưa buộc chặt,
Chiếc khố sà xuống,
Không khác gì người cởi truồng.
Một lớp rào bằng tre,
Đăk Đăl đã bước ra,
Ba lớp rào bằng nhau,
Sáu lớp rào nứa khô,
Cụ đến nơi N'đu và Dong đứng.
Đăk Đăl nhìn N'đu và Dong kỹ càng,
Cụ nhìn suốt từ đầu đến chân,
Nhìn đi nhìn lại nhiều lần,
Nhận ra chắc chắn mới nói:
- Quý quá N'đu cháu ơi!
- Quý quá Dong cháu ơi!
Tưởng là ai lại chính là N'đu và Dong.
Có việc gì mà các cháu phải đến,
Có việc gì quan trọng lắm không?
N'đu lên tiếng trả lời:
- Đâu có chuyện gì chú Đăk Đăl ơi!
Đâu phải người xa lạ mà cứ nói vậy,
Chú cho mở cửa đi,
Chúng cháu đã nóng bức lắm rồi,
Chúng cháu đã mệt vì trời nắng.
Đăk Đăl nói:
- Cánh cửa mở ra ngay đây,
Các cánh cửa từ từ mở ra,
Một đoạn hàng rào mở ra,

Tất cả các hàng rào mở ra,
N'đu và Dong đã đi qua,
Ba lớp rào bằng nhau,
Sáu lớp hàng rào bằng tre nứa,
N'đu và Dong đã đi qua,
Rào tre nứa cao đã chọc trời,
Hàng rào cao dính liền với trời,
Hàng rào sâu đến tận lòng đất!
Lớp cuối cùng họ rào bằng bạc, bằng đồng.
N'đu và Dong đã đến trước nhà,
N'đu và Dong đã đến nhà.
Dong vừa đến, chó đã ra gầm gừ,
N'đu vừa đến, chó đã sủa vang,
Chó hùng hục từ cửa lao ra,
Chó sủa vang từ các chuồng trâu,
Tiăng hô một tiếng:
- Tất cả hãy tránh ra,
Đứng giữa đường N'đu đạp chết.
Khi N'đu đi đến đàn dê kéo đi,
Khi N'đu đến chim tét cũng bay,
Khi N'đu đến rắn cũng bỏ đi,
Khi N'đu đến đàn chó chạy đi,
Con chó gầy nằm trên bếp cũng đi,
Gà trống đen đang mổ thóc cũng đi,
Các cụ già ngồi bếp cũng đi,
Con dê đực lông xù bước đi,
Con dê trắng thẳng cổ bước đi,
Chú Bêl Bol cả trăm con kéo đi.
N'đu và Dong đã đến trước cửa:
- Chúng tôi vào nhà được không anh?
N'đu dứt lời Tiăng đáp ngay.

Lời Tiăng nói êm như tơ nhện,
Lời Tiăng nói êm như tiếng gông;
- Nhà chúng tôi không có kiêng cữ,
Con dê đẻ ba đêm hết cữ,
Con heo đẻ bốn đêm hết cữ,
Những người ốm đau cũng không có.
N'đu và Dong bước vào nhà,
N'đu vào trước, Dong bước theo sau,
Họ vào nhà, cả bộ n'ke pă[1] vẫn còn.
Họ treo khiên trước ngoài cửa,
Họ cất ná phía dưới mái nhà,
Họ cất dao dưới dra.
Mọi việc đã xong,
N'đu và Dong bắt đầu ngồi xuống,
Họ ngồi, hai chân xếp lại,
Ngồi ngay ngắn như cối giã lúa.
Tiăng lấy khăn chon lót ghế,
Lấy vải rách cho Dong kê đùi,
Lấy vải hoa để lót chỗ ngồi,
Lấy khăn để lau mồ hôi.
Ngồi gần bếp sợ con bọ chét,
Ngồi trên củi sợ con rết,
Ngồi trên sạp sợ con rệp cắn,
Ngồi trên giường sợ nhớp cơm thừa,
Tiăng lấy chiêng làm ghế N'đu ngồi,
Djăn bắt đầu tiếp khách:
Một mâm trầu cau,

1. Đồ trang sức của đàn ông, cắm trên đầu.

Một mâm đựng thuốc,
Những tô nước dừa, Djăn vui vẻ mời khách.
Họ têm trầu đầy một lòng chiêng,
Họ bầy trầu đầy một lòng gông,
Djăn dọn ra thuốc lá rê ngon nhất,
Djăn dọn lên những lá trầu đuôi chim tét,
Hái những lá trầu leo cây mây,
Những lá trầu leo cây siăng.
Djăn nhỏ nhẹ:
- Mời N'đu dùng thuốc,
Mời Dong dùng trầu,
N'đu đến quý quá,
Dong đến quý quá,
Lâu quá không thấy N'đu, Dong qua,
Djăn dứt lời, N'đu đáp ngay:
- Không phải thế đâu Djăn ơi,
Phải ai xa lạ mà nói thế,
Mình không phải là người dưng.
N'đu và Dong vẫn thường qua đây,
Đi preh về thường ghé xin gạo,
Đi Rađê về thường ghé xin cơm,
Khi nào nhớ quá ghé ngủ một đêm.
Djăn lấy trầu mời khách,
Djăn đưa cho N'đu bằng hai tay,
N'đu và Dong cầm lấy trầu,
Họ bỏ trầu cau vào miệng nhai,
Họ nhai trầu như trâu nhai cỏ,
Trên môi thắm màu đỏ tươi,
Nhổ xuống cỏ đỏ như lửa cháy,

Nhổ xuống đất đất màu đỏ tươi,
Bã trầu rơi xuống nhiều như bầy cá bôn[1],
Họ trò chuyện với nhau thân mật,
Họ kể những chuyện xưa.
Chúng ta tạm dừng câu chuyện N'đu.

*

Từng đoàn phụ nữ kéo nhau đến nhà.
Ta kể đến các nàng Bung Ving.
Họ ngừng tất cả công việc đang làm,
Họ đưa con cho chồng trông,
Họ bỏ cả klâng kéo chỉ một bên,
Các anh giữ hộ bọn em nhé!
Để chúng em gặp mất anh N'đu,
Để chúng em thấy mặt anh Dong,
Họ kéo đến thấy mặt anh Dong,
Họ kéo đến đông đầy nhà,
Nhà Tiăng đã chật người,
Nhà Tiăng đông không còn chỗ ngồi,
Không còn chỗ nằm,
Đông đến nỗi voi băng qua không nổi!
Đám đông có cả đàn ông đàn bà,
Họ ăn mặc như trong ngày hội,
Hàng trăm cặp mắt nhìn N'đu và Dong.
Họ nhìn kỹ từ đầu đến chân,
Họ ngó không hề chớp mắt,

1. Loại cá nhỏ sống ở suối đá.

Họ nhìn thẳng như chim cho do[1],
Mọi người rì rầm:
- N'đu, Dong thế mới nổi tiếng,
Ai ai cũng biết tên N'đu và Dong,
Đâu đâu cũng khen N'đu giỏi.
Nghe vậy N'đu lên tiếng:
- Này các em! Gà mổ nia thóc đang phơi,
Gà đang mổ lúa mới miệng bồ,
Gà đang ăn gùi lúa trong nhà.
N'đu vừa dứt lời họ liền đáp:
- Anh N'đu đừng lo,
Chuyện đó không đáng để mắt nhìn,
Nếu gà ăn lúa, có đất để trồng,
Ai chém chết con, chúng em còn chồng,
Bông sợi bị cháy chúng em còn klâng
N'đu nói: Thế thì hay lắm!
Họ cùng cười rộ lên,
Họ cười hở cả hàm răng nhuộm.
Tiếng cười thơm như cơm gạo ba ke[2],
Tiếng cười ròn như hạt gạo tẻ,
N'Đu nói tiếp:
- Hỡi các em!
Các em nhìn, nhìn sao kỹ thế.
Các em nhìn gì mà đôi mắt không chớp,
Các em nhìn đôi mắt tròn xoe,
Trên đầu anh chỉ có tóc như ai.
Trong lưng xương sống như mọi người,

1. Chim mỏ dài, chuyên hút mật hoa chuối.
2. Loại lúa, gạo nấu cơm rất dẻo và thơm ngon.

Cái mũi có hai lỗ,
Chỉ có đôi vú là anh không giống các em...
- Anh N'đu đừng nói vậy nhé,
Ngó anh, em tưởng chim én,
Ngó anh chúng em tưởng nhòm chim och[1],
Chúng em đang ngắm nước nguồn chảy ra,
Chúng em đang nhìn cá sấu đầu suối
Chúng em cười con cá trong rổ,
Chúng em cười chia tình với nhau.
Thấy con chó ló nhìn anh,
Chúng em cũng muốn nhìn anh N'đu,
Họ nói đùa với nhau rất vui
Một miếng thuốc họ hút chung với N'đu,
Một quả cam bổ đôi ăn chung,
Họ kể chuyện với nhau rất hay,
Câu chuyện càng kể càng dài,
Trời xế chiều, chim rling đã bay về.
Mặt trời xuống ngọn cây bầy trâu sắp về,
Mặt trời đỏ bắt đầu giã lúa.
Chim rkeh đã bay về tổ,
Chim vik bắt đầu bay đi kiếm ăn,
Con gái N'đu về biết trời đã tối.
Nghe tiếng lục lạc của Song là trời đã tối.
Các bà Bung Vinh,
Các nàng Bing, Oanong, Kông, Glơng,
Họ bắt đầu lấy bùi nhùi thổi thổi bếp.
Họ bắt đầu lấy củi chụm lửa,

1. Giống chim nhỏ màu lông vàng.

Họ chụm củi giữa ba hòn đá.
Họ bắt đầu vo gạo nấu cơm,
Dùng xơ mướp bắc nồi chắt nước cơm.
Họ vừa chắt nước cơm, con chó liền ngó.
Cơm đang sôi lũ chó đã sủa,
Họ lấy tay đánh gạt chó ra,
Lũ chó la ăng ẳng,
Lũ chó nói thầm trọng bụng:
Các chị sao mà xấu bụng,
Chúng tôi săn chồn đã đầy hai, ba gùi,
Chúng tôi săn sóc đã đầy bồ,
Săn con nsông[1] hơn một bồ rưỡi,
Chúng tôi chết các chị vứt xác vào bụi,
Khi đã thối các chị vứt xác xuống hồ,
Khi đẻ con chị giả bộ mừng rỡ,
Nhưng đâu có ai nghe chó!
Họ tiếp tục nấu canh chua.
Luộc những ngọn măng non,
Để cho khách ăn,
Khách đến nửa đường, họ đã đặt cơm,
Khách chưa tới, cơm họ đã chín,
Khách đến cửa, cơm họ đã xới,
Khách vào nhà họ đã gọi ăn,
Họ xếp sẵn những quả bầu đựng nước.
Trời đã tối rồi,
Tiăng thắp đèn bằng trái bầu,
Thắp đèn sáp bằng cái ché,

---

1. Con bạc má.

Thấp bằng chai bằng ché Rlung,
Đèn sáng trưng toả khắp nhà.
Djăn bắt đầu dọn cơm,
Djăn dọn cơm gơr[1],
Dọn thêm cơm ống,
Trút canh thục[2] nấu với thịt chim phượng hoàng,
Xong xuôi rồi, Djăn gọi:
- Tiăng chồng em ơi,
Hãy mời khách ăn cơm đi!
Tiăng nghe lời vợ đứng dậy,
Tiăng bước qua nơi N'đu đang ngồi:
- Hỡi em N'đu,
Hỡi em Dong,
Mời các em ăn cơm!
Mời các em ăn cơm lạt muối,
Nhà anh nghèo chẳng có gì ăn,
N'đu và Dong bước vào nơi ăn,
Một tay cầm lấy bầu nước,
Một tay cầm lấy bầu cơm,
Nửa cặp mắt liếc N'đu con Đuih.
Bầu nước của Djăn đeo cổ,
Djăn buộc chỉ, đeo thêm chuỗi cườm.
Quấn chỉ đỏ chỉ hở miệng bầu,
Người chưa uống bầu nước đã tự rót,
Khi hết nước bầu tự múc lấy!
Bầu nước này biết nói như người:
Rót nước này rửa tay cháu N'đu,

1. Cơm thành luống đặt trên lá chuối.
2. Loại canh, lấy rau giã nát bỏ vào ống đun nhừ.

Tay cháu đã bám phải máng chó,
Tay cháu đã bám phải máng heo,
Tay cháu đã bám phải phân gà.
N'đu nghe lời bầu nước, rửa tay thật sạch,
Rửa tay xong rồi, Djăn mời ăn,
N'đu và Dong bắt đầu ăn cơm,
Khi ăn có tiếng nhạc tô chạm nhau.
Họ vừa ăn Djăn đã nói:
- Này N'đu ơi,
- Này Dong ơi,
Cám trong cơm, hãy nhả ra,
Cứt chuột trong cơm, hãy nhả ra,
Chúng tôi giã gạo còn sót nhiều thóc,
Nấu canh rau có dính con sâu,
Bổ củi mục, củi thối.
Người lười hay kiếm nhành củi khói,
Người lười hay múc nước đục,
Khách đến nhà không nhận ra ai.
Djăn dứt lời, Dong đáp lại ngay:
- Djăn, đừng nói như vậy,
Đó là lời Djăn tự đặt ra,
Khéo bịa đặt cho vui thôi.
Gạo của Djăn trắng như hoa mpang,
Cơm của Djăn nở như hoa rlê.
Trắng như hoa suê ở [suối] Đak Đơng.
Djăn lại nói tiếp:
- Thịt heo rừng, N'đu ăn được không?
Thịt con chuột, N'đu ăn được không?
Thịt trâu tơ, N'đu ăn được không?

- Djăn ơi! Có thứ gì người ta không ăn,
Đào dưới đất chỉ có con bọ con rệp,
Trên các ngọn cây chỉ trừ con đuông,
Ở trong rừng chỉ trừ có con sâu.
Muốn ăn rau phải đi kiếm,
Muốn ăn măng, phải đi bẻ,
Canh rtơ phải hái rau mới có,
- N'đu hãy ăn cho no như ở nhà mình,
Dong hãy ăn cho no như ở nhà mình,
Ăn chậm như ở nhà vậy.
- Việc gì phải nói Djăn ơi!
Chúng tôi sẽ ăn như ở nhà mình,
Nắm ba nắm to bằng gốc tre,
Nắm ba nắm to bằng cán rìu,
Nắm thật to bằng miệng con trâu,
Nắm cuối cùng to bằng bắp đùi.
Họ ăn thật no nê,
Có thể ba bốn đêm mới ăn lại một lần.
Rời nơi ăn cơm, họ đi xúc miệng.
Cầm ống điếu bên cạnh cửa,
Ống điếu đồng đen hợp với mầu da,
Ống điếu bạc hợp với vòng tay,
Họ vừa hút thuốc vừa nói chuyện.
Ăn cơm xong, Dong nói với Djăn:
- Cơm đã hết xin trả bầu không,
Canh đã hết xin trả bầu không.
Djăn nói:
- Dong phải trả gì cho tôi đây,
Phải cởi chuỗi cườm nơi cổ,

Cởi cả ngà voi đeo tai?

Dong nói:

- Không được đâu, Djăn ơi!

Đây là vật của ông bà,

Cho vật này tôi sẽ ốm đau,

Đổi vật này tôi sẽ chết mất.

Djăn cười, nói với Dong:

- Dong đừng chấp những lời nói đùa,

Chúng tôi quen nói đùa với bọn Bu tria[1],

Chúng tôi nói đùa như bon Bu Nhau[2].

Tập mới khép như Ir bon Briăn Vai[3],

- Djăn ơi, cơm tôi ăn thừa Djăn đổ cho heo,

Nhiar[4] tôi ngồi đem đốt đi,

Chúng tôi xấu xí, sợ xấu dòng họ!

Djăn nói:

- Dong ơi, đừng nói vậy,

Đó là tự Dong nghĩ thôi!

Chúng tôi thường ăn cơm thừa của khách,

Đôi khi ăn cơm chung với heo và gà...

N'đu đã ra khỏi nơi ăn cơm,

Dong đã ra khỏi nơi ăn cơm,

N'đu mời Tiăng ăn cơm,

Djăn cũng lên tiếng:

- Hỡi Tiăng chồng của em ơi,

Các em Bêh và Bôp,.

Các em Klôp và Nhông,

---

1. Thuộc huyện Bù Đăng.
2. Thuộc xã Quảng Trực.
3. Tên người ở bon Bu Rai, xã Đắk Nhau, huyện Bù Đăng.
4. Giát sập [giường] ngủ.

Và các em Tông, Bong
Và Mbông con của mẹ,
Hãy lên cùng ăn cơm!
Mọi người cùng ăn cơm với nhau,
Riêng Tiăng và Tang,
Thịt thật tươi họ mới ăn được,
Cá thật tươi họ mới ăn được,
Canh rau mướp họ đều bỏ dở,
Tiăng chỉ ăn vài nắm cơm,
Lấy thêm một chút canh rau,
Ăn uống xong xuôi rồi,
N'đu nói với Tiăng:
- Tôi nướng gà trong nhà anh được không?
Tôi nướng heo tại nhà anh được không?
Nấu ống nếp trong nhà được không?
Nhà có kiêng cữ gì không anh?
N'đu dứt lời, Tiăng đáp lại ngay:
- Không có việc gì phải kiêng cả,
Người đẻ trong bon không có...
N'đu nói:
- Vậy bắt đầu nướng một con gà,
Nướng thêm một con heo nhỏ,
Nấu vài ống nếp bỏ trên cái nia,
Xong xuôi rồi N'đu nói:
- Anh Tiăng hãy mời các em từ trên nhà xuống,
Mời các em từ dưới kia lên.
Tiăng theo N'đu,
Nhưng vẫn hơi lo,
Chắc có chuyện gì N'đu mới đến với ta.

Tiăng gọi thật to cho cả nhà nghe:
- Hỡi các em Bêh và Bôp,
Các em Klôp và Nhông,
Các em Sung, Krong,
Và Mbông con của cha,
Chúng ta hãy đến gần N'đu!
Một lát sau,
Mọi người đã có mặt đầy đủ,
Họ ngồi xung quanh N'đu và Dong,
Tiăng nói thật to:
- Các chú chim rling hãy ngừng sửa gông,
Chú Bronging hãy ngừng đánh đồng la,
Chú chim chào mào hãy nghỉ tập hót,
Để nghe N'đu và Tiăng nói chuyện.
Tất cả đều im lặng vâng lời.
N'đu bắt đầu lấy gạo của mình.
Lấy đầy một tô gạo,
Chiếc tô đồng quý có hai chân,
N'đu bắt đầu thắp ngọn sáp bỏ vào quả bầu,
Thắp đèn chai bằng ché Rlung.
N'đu chắp tay lạy,
Lễ phép lạy giống như người Drôn.
N'đu bắt đầu chuyện:
- Xin báo các anh,
Xin báo các em,
Hồi xưa kia,
Cách đây đã lâu lắm rồi,
Chúng ta làm nhà còn chung vách,
Chúng ta làm rẫy sát cạnh bên nhau,

Chúng ta chăn trâu cùng chung bãi cỏ,
Tối nằm ngủ cùng chung chiếc chiếu.
Bây giờ chịu cô đơn,
Làm lúa chẳng đủ, ăn củ đã chán,
Thiếu sợi chỉ phải dùng đến vỏ cây,
Hết hộp cườm phải đeo hột chuối,
Nên N'đu đến đây rủ Tiăng đi xa,
Rủ Tiăng đi đến vùng Srai,
Rủ Tiăng đi xuống tận bon người Drôn chủ muối,
Nhờ Tiăng kể chuyện N'đu nghe,
Nhờ Tiăng nhắc lại gia phả,
Nhờ Tiăng N'đu nhắc lại tổ tông của ta,
N'đu dứt lời Tiăng đáp ngay:
(Trước khi nói Tiăng cũng chấp tay lạy,
Chấp tay lại giống người Drôn):
- N'đu nói, rất đúng,
Tiăng chẳng biết nói gì hơn nữa.
Tiăng cũng nhớ thương N'đu vô cùng,
Nhưng không làm sao được,
Chân Tiăng đã yếu, tay Tiăng đã mềm.
Sống mới qua, nay đã già,
Sống ở nhà tuổi già chẳng hay,
Sống hằng ngày chỉ thích vui chơi,
Thỉnh thoảng đốt ong lấy mật,
Lâu lâu lấy ná bắn thú,
Cách đây cũng lâu rồi,
Trên núi kia N'đu còn mẹ bồng.
Qua sông kia mẹ phải dắt,
Núi Gung Krêng mới chập chững biết đi,

Ở bon Tung Tê, bon Vil,
Ở Jil Peng, Rung Khăp, Ntar con Ho,
Chúng ta không bao giờ quên được,
Tiăng kể gia phả rất giỏi,
Tiăng nói cho N'đu nghe:
- Chúng ta không phải ai xa lạ,
Không phải ai xa lạ,
Không phải dòng họ ai khác,
Chúng ta cùng một tổ tiên,
Tôi Tiăng là con mẹ Rong,
N'đu là con mẹ Bung,
Bung và Rong đều là con bà Bong.
Chúng ta chung ruột thịt,
Chúng ta chung máu mủ,
Chúng ta là con cháu bà Bong cả.
Tiăng tiếp tục nói sang chuyện khác,
Tiăng Nói N'đu nghe:
Tôi là con mẹ Rong chỉ mới đây thôi,
Trước kia tôi là Tiăng con Tấp,
Đã trốn đi qua bụng con rái cá,
Có lúc đã biến thành trứng cá,
Tiăng đầu thai thành con chim nhông,
Đã từng trốn vào bụng con trâu rừng,
Nhưng những nơi đó không hợp ý tôi,
Tôi chỉ thích là Tiăng con Rong,
Cuối cùng tôi phải ghép Bông Rong lấy nhau,
Bông và Rong hai chị em ruột phải lấy nhau.
Trước kia tôi là ma lai,
Biết nạt người biết ăn thịt người,

Tôi đã bỏ con ma tại một cái ao,
Con ma chui vào Rôch,
Rông đang là kẻ thù với ta,
Tiăng kể tiếp cho N'đu nghe:
Mặt đất này xưa kia trống trơn,
Nó chỉ là một hòn đá trắng,
Chỉ mọc cây gòn trơ trụi lá,
Không có một bóng cây che mắt,
Không có một bụi tre dựa lưng,
Không có một bụi cỏ để chân,
Tiăng đã sinh từ lâu rồi.
Hồi trời mới bằng hai ngón tay,
Tiăng đã sinh ra rồi.
Đất chỉ bằng hai ngón tay,
Tiăng vừa đầu thai,
Những hạt cây cối Tiăng mang ba gùi,
Tiăng đã mang từ bon Phan dưới kia.
Tất cả cỏ cây, bất phải gọi đất là mẹ,
Các loại mây gọi cây than là mẹ.
Các loại tre gọi van dung là mẹ,
Các loại dưa gọi dưa hấu là mẹ,
Các loại bông vải gọi bông gạo là mẹ,
Các loài chim gọi chim cu là mẹ...
Chuyện Tiăng kể càng hay,
Chuyện Tiăng kể càng dài.
Đêm đã khuya lắm rồi,
Đêm khuya im lìm lạnh lẽo,
Con chất chăng đã kêu văng vẳng,
Lũ chuột đã kêu chút chít,

Các cặp vợ chồng đã ngủ yên giấc,
Các con trẻ đã nằm yên cạnh mẹ.
Tiăng nói với N'đu:
- Trời đã khuya rồi,
Chúng ta hãy đi ngủ đi!
Tiăng về buồng ngủ của mình,
Tiăng bàn chuyện với vợ,
Tiăng vỗ về vợ,
Tiăng nhỏ nhẹ,
Bàn bạc với Djăn:
- Này Djăn, vợ của anh ơi!
N'đu thường ít đến nhà mình,
Hay là chúng ta bưng rượu,
Ta bưng ché tiếp đãi N'đu?
N'đu ruột thịt của ta,
Tiăng vừa nói,
Djăn đáp lại ngay:
- Sao anh nói thế.
Sao anh còn phải hỏi em,
Việc đó là do ý anh.
Tiăng bắt đầu ngồi dậy,
Tiăng thắp đèn sáp đèn chai,
Đèn chai thắp to bằng ché Rlung.
Đèn sáng toả cả nhà.
Tiăng đến gần Mbông:
- Này Mbông con ơi,
Con hãy thức dậy cha bảo!
Mbông lên tiếng hỏi:
- Cha bảo con làm gì hả cha?

Tiăng nói: - Con hãy bưng ché rượu kia,
Bưng ché rượu Rlung mừng N'đu,
Đã lâu lắm N'đu mới đến nhà mình.
Mbông vâng lời cha,
Hối hả đứng dậy,
Nó thắp đuốc sáng cả nhà,
Nó vội chọn những ché rượu ngon.
Đầu tiên Mbông lăn xuống một ché Dung - dra[1],
Kế tiếp một ché Rlung,
Cuối cùng nghỉ và xếp đặt sẵn:
- Rượu ché Rlu dành đãi đoàn ở Bugung,
Rượu ché Rlung đãi đoàn Sung Bu Bong[2],
Ché Yăng Jong dành cho đoàn Kong bon mình.
Ché Grilân dành cho bà con láng giềng,
Ché Yăngret, Yăngre[3] dành đãi N'đu,
Ché Yăngre chứa ba chục nồi cơm,
Hàng trăm người uống cũng không nhạt.
Các trai làng đều được tụ tập,
Mbông cắt đặt:
- Em Brách chặt lá,
Em Chang la đi tìm cần uống rượu,
Anh Bông krông, đi khiêng nước,
Mỗi lượt mang đổ đầy hai nồi.
Những ché rượu đã bầy sẵn chờ khách.
Mbông lễ phép nói với Tiăng:
- Các ché rượu đã đổ nước lên lá,

1. Thực tế không có loại ché này. Đây là sự tưởng tượng
2. Ở thác Bức Sô, huyện Đức Lập.
3. Loại ché này chỉ Tiăng mới có.

Đến lượt cha mời khách cầm cần,
Đến lượt mẹ rủ khách đến uống.
Djăn vội vã ra đi,
Djăn đi từng nhà bà con trong bon,
Rủ họ uống chung vui với N'đu,
Dân làng đến chật cả nhà.
Tiăng bước qua bên giường khách ngủ,
N'đu và Dong đang ngủ khì khì.
Tiăng khe khẽ gọi:
- Mời N'đu, Dong đến cầm cần,
Mời các em cầm cần rượu chua.
Rượu mới ủ chưa đầy một tháng,
Rượu đã bưng không nên từ chối.
Tiăng dứt lời, N'đu bước khỏi sạp,
N'đu và Dong bước tới ché rượu.
Đám đông đã ngồi đợi.
Họ muốn cùng N'đu vui suốt đêm.
Tiăng chấp tay lại N'đu:
- Mời N'đu cầm cần.
N'đu hai tay đỡ lấy cần trúc,
N'đu xin phép được nếm rượu cần.
Nếm một hớp N'đu lại buông ra,
Nuốt một hớp N'đu đã khen:
- Rượu này ngọt không đâu bằng,
N'đu khen Tiăng khéo chọn rễ cây,
N'đu khen Djăn khéo giã bột men,
Khen bon Tiăng ủ rượu giỏi.
N'đu xin Tiăng chỉ loại cây,
N'đu xin Djăn bày hộ cách làm men,

Để N'đu về bày cho vợ.
N'đu nói xong nếm một hớp to.
Thả cần ra đưa cho Tiăng,
Theo tục lệ chủ phải uống trước.
Djăn vội vã ra đi,
Đi từng nhà bà con trong bơn,
Rủ họ uống chung vui với N'đu,
Dân làng đến chật cả nhà.
Chủ uống trước, khách uống sau.
Tiăng và Tang cùng cầm cần một lúc,
Hai anh em hút một hồi.
Buông cần ra, nước đã xuống sâu.
Hai người uống hết hơi dài.
Uống xong Tiăng khấn trời:
- Trời cho Tiăng bình yên.
Nếu bình yên thì nước không tràn,
Gặp điều rủi thì nước tràn miệng ché,
Vừa dứt lời khấn, Lêng hút nước ống dài,
Ống dài một sải một gang.
Trút một lúc, nước đã tràn đầy,
Nước còn lại trong ống chút ít.
Điềm báo trước Tiăng chẳng gặp lành.
Tiăng và Tang uống tiếp cho cạn.
Buông cần ra truyền cho N'đu và Dong.
N'đu và Dong cũng cầm cần một lúc,
Hút một hơi ché rượu gần cạn.
Trước khi đổ nước, N'đu khấn rằng:
- Nếu chuyến đi gặp nhiều chuyện lành,
Nước đổ vào không thiếu không thừa,

Nước trút xuống mà chưa hết đã tràn,
Điềm báo trước chuyến đi không lành.
N'đu và Dong uống tiếp cho cạn.
Uống cạn rồi chuyển cần cho Lêng.
Lêng và Mbông cũng cầm cần một lúc,
Hút một hơi, ché rượu gần cạn,
Thả cần ra, miệng khấn lầm rầm:
- Gặp điều may nước chẳng thiếu chẳng thừa,
Ống nước đổ vừa hết, miệng ché vừa đầy,
Điềm báo trước Lêng và Dong may mắn.
Lêng uống xong chuyển cho Yang,
Yơng và Yang uống cùng một lúc,
Yang uống xong chuyển cho Bêh,
Bêh và Bôp uống chung một lúc.
Vừa uống rượu họ vừa kể chuyện,
N'đu và Tiăng kể chuyện không dứt,
Hết chuyện cũ, kể đến chuyện mới,
Hết chuyện xưa kể đến chuyện nay,
Hết chuyện rẫy, qua chuyện nhà,
Đang kể chuyện N'đu chợt nhớ ra.
N'đu nhớ tới một bộ đồng la,
Bộ đồng la ông bà để lại,
Bộ đồng la trải qua sáu đời.
N'đu nói:
- Đồng la còn ư, anh Tiăng?
Và đòi Tiăng đem ra đánh cho vui.
Tiăng bằng lòng đánh bộ đồng la thần,
Tiăng sai Mbông qua bên nhà mẹ Rong,
Xin mang đồng la về đánh chơi.

Vâng lời cha Mbông qua nhà bà,
Đánh thức bà mượn bộ đồng la.
Mbông chưa nói dứt, bà đã ngắt lời:
- Đồng la nào cháu đòi đánh chơi?
Đồng la này trải qua sáu đời,
Đồng la thần tổ tiên để lại,
Đồng la này không thể đánh chơi,
Đánh một lần trăm chuyện xảy ra.
Rượu các cháu uống chơi đãi khách,
Uống rượu chẳng cúng, chẳng khấn.
Mang đồng la ra chuốc hoạ vào thân.
Bà khuyên cháu nhìn trước nghĩ sau,
Đừng liều lĩnh sau này mang hoạ.
Men rượu vào Mbông chẳng nghe bà.
Mbông quyết đem bộ đồng la về:
- Xin bà đừng nên lo xa,
Việc gì đã có cháu bà,
Cháu Lêng, Mbông đâu đã thua ai,
Chuyện gì xảy ra mà bà đã lo?
Nói xong, Mbông bỏ đồng la vào gùi,
Mang qua bên nhà đang uống rượu.
Trước khi đánh phải cúng heo gà,
Tiăng cúng cho đồng la thần:
- Trong đêm nay đừng có đi xa,
Chỉ quanh làm vui cho ta!
Lêng tức mình bước qua khấn lại:
- Đồng la thần này phải nghe lời ta,
Tiếng kêu đêm nay phải bay thật xa,
Phải bay qua mấy tầng trời,

Phải bay xuống tận lòng đất,
Phải vang khắp bốn phương,
Bằng không ta sẽ phá vỡ!
Cúng xong họ bắt đầu đánh,
Bộ đồng la này chỉ đánh một người,
Một lúc đánh cả sáu chiếc,
Từ N'du cho đến anh Tiăng,
Toát mồ hôi bộ đồng la chẳng kêu.
Cuối cùng đến lượt Lêng đánh,
Lêng vốn con thần nên được thần giúp,
Cùng một lần đánh cả sáu chiếc,
Krông, Bong, tên thần giữ đồng la,
Nghe lời Lêng bay đi khắp nơi,
Tiếng đồng la âm vang trời đất,
Đâu đâu cũng nghe tiếng đồng la vang,
Đâu đâu cũng đoán được rằng:
- Tiếng đồng la của bon Tiăng đánh,
Thần Krông, Bong đã bay đi khắp nơi,
Khi trở về ghé chơi chủ thần,
Thần Lết, Mai đang ngủ ngon giấc,
Bỗng nghe tiếng đồng la vang dội,
Thần biết ngay tiếng đồng la của bon Tiăng,
Nhưng chẳng biết bon Tiăng làm gì,
Mà đêm khuya đánh đồng la,
Hai nữ thần bước ra khỏi nhà,
Hai chị em thần trèo lên cây đa,
Nhìn thấy Tiăng,
Đang vui uống rượu mừng N'du và Dong.
Tiăng uống rượu sao không gọi thần?

Hai nữ thần tức giận đỏ mặt,
Họ bàn cách làm hại bon Tiăng,
Thần dùng ngải sai khiến con người,
Khiến con người u mê liều lĩnh,
Khiến con người mang nhiều tội lỗi,
Khiến con người thù oán lẫn nhau,
Khiến con người cướp bóc của nhau,
Khiến con người chém giết lẫn nhau.
Tục uống rượu là phải gọi thần,
Tục uống rượu là phải cúng thần,
Ai không cúng là sai với thần.
Mặc hai nữ thần tức giận,
Dân bon Tiăng ai đâu có biết,
Họ vẫn tiếp tục vui chơi...
Sáng hôm sau giết thêm trâu bò,
Ăn uống cho thoả thích với N'đu và Dong,
Họ ăn uống bảy ngày bảy đêm,
Cho đến khi tai hoạ xảy ra...

III

TIĂNG CHẾT VÀ SỐNG LẠI

Câu chuyện N'đu, Tiăng tạm dừng ở đây,
Ta kể đến Lết, Mai con Jri.
Giữa đêm khuya đang ngủ,
Chợt nghe tiếng đồng la,

Tiếng đồng la văng vẳng bên tai,
Làm cho hai nữ thần suy nghĩ,
Hai nữ thần ra ngoài,
Hai nữ thần lắng nghe,
Thần đoán chắc là từ bon Tiăng,
Bon Tiăng sao cứ ăn uống miết,
Ăn uống mà không cần cầu khấn,
Ai là thần phù hộ cho nó?
Hai thần tức giận, ngủ không yên.
Vì Tiăng quên mời họ uống rượu.
Thần Lết bàn với Mai:
Bây giờ ta phải thổi ngải,
Ta thổi cho chúng chết,
Ta thổi cho chúng tiêu tan,
Vì chúng ăn uống không dứt,
Chúng ăn uống như lễ cúng trâu,
Bây giờ ta phải nhờ người,
Làm hại bon Tiăng.
Ta phải khiến Ting con Râl,
Ta phải khiến Mbông con Tâl,
Ting con Râl làm dấy nước lên,
Mbông con Râl mạnh lắm,
Khiên lao của họ cũng mạnh lắm,
Ta khiến họ cướp Bing và Djăn,
Ta làm như vậy Tiăng mới khổ nghèo,
Không còn ai giã lúa cho nó,
Không còn ai bổ củi cho nó.
Không còn ai giã gạo cho nó.
Không còn ai làm thức ăn,

Không còn ai dọn cơm cho khách,
Mai nói lời cản lại:
- Chị nói như vậy chưa đúng,
Chị nói là nhờ Ting con Tâl,
Xưa kia đã có một lần,
Ting đến cướp Bing và Djăn,
Ting con Tâl bịt nước lại.
Nước đang dâng lên cao,
Nước đã dâng lên khắp mặt đất,
Nước dâng lên cao đến chọc trời,
Nước đã lên đến tận mây xanh,
Nước lên đến các ngôi sao,
Nước dâng lên làm cho người chết.
Bon Tiăng đã trôi sạch,
Nhưng một mình Lêng vẫn thoát,
Sau này đánh nhau,
Lêng vẫn giành phần thắng.
Sức mạnh của Lêng lạ thường,
Sức của Lêng mạnh cả trăm người,
Lao Lêng phóng chẳng ai đỡ kịp.
Tên Lêng bắn không ai đỡ kịp.
Chị không nên xem thường như vậy.
Lết lại bàn tiếp:
- Nếu vậy thì nhờ Rôch, Rông con Briăng,
Rôch con Briăng săn là kẻ thù,
Vì Tiăng chuyển con ma lai cho họ,
Rôch, Rông trở thành người ma lai,
Ta bảo Rôch, Rông ăn thịt cho Tiăng chết.
Mai vẫn ngăn cản:

- Rôch, Rông cũng không nổi đâu,
Rôch, Rông đã từng nhờ mẹ Băng,
Mẹ Băng đã ăn sạch bon Tiăng,
Dù mẹ Băng đã ăn hết bon Tiăng,
Nhưng Lêng vẫn thoát được.
Lêng cứ để mẹ Băng nuốt,
Rồi Lêng cắt tim gan mẹ Băng,
Mẹ Băng của Rôch, Rông phải chết.
Trận đánh nhau nào Lêng cũng thắng,
Lêng đã thu sạch của cải của người thua.
Nếu vậy, chúng ta nhờ Ting con Puh.
Chúng ta nhờ Mbông con Puh.
Nhờ họ đến cướp Bing và Djăn,
Để không còn ai giã lúa lấy củi,
Làm như vậy cho Tiăng khổ,
Cho bon Tiăng nghèo,
Ting sẽ đi với gió,
Mbông sẽ đi với bão,
Họ sẽ đi với lửa,
Bin Tiăng sẽ bị gió xoáy
Nhà cửa sẽ bay hết.
Một miếng tranh cũng chẳng còn.
Ting, Mbông mạnh lắm.
Họ mạnh hơn bất cứ ai
Không ai đánh nổi họ.
Mai vẫn cản Lết:
- Chị nghĩ vậy cũng chưa được đâu,
Ting, Mbông con Puh ăn thua gì,
Xưa kia đã có một lần.

Chính Ting con Puh,
Chính Mbông con Puh,
Định cướp Bing và Djăn.
Họ đã đem cả gió.
Họ đã đem cả bão.
Gió đã từng xoáy.
Bão đã từng xoáy,
Gió và bão đi rất mạnh,
Gió đã thổi Yơng bay mất,
Bão đã thổi Yang bay mất,
Gió thổi Lêng văng ra ngoài biển,
Lêng vẫn thoát.
Sau này đánh nhau Lêng vẫn thắng,
Lêng đã thu hết tài sản của Ting, Mbông con Puh.
Lết nói thế nào cũng bị Mai cản,
Lết vẫn không chịu thua Mai.
Lết nói:
- Bây giờ ta phải làm cách nào,
Để trả thù cho được bon Tiăng?
Thôi ta cho ngải ăn gan Tiăng vậy,
Tiăng chết và phải đi xuống Dê, Dơm.
Mai nói:
- Như vậy càng nguy hiểm,
Chị mà cho Tiăng chết,
Trời đất sẽ thối đi.
Trời mới bằng hai ngón tay, Tiăng đã có rồi.
Đất mới bằng hai ngón tay, Tiăng đã có rồi.
Cây cối nhờ Tiăng trồng mới có.
Rau cỏ là Tiăng trồng đầu tiên,

Nếu Tiăng chết thì trời sẽ sập.
Ta sẽ chống mặt trăng khỏi rơi xuống,
Ta làm như vậy, Yơng, Yang mới khổ,
Làm như vậy họ sẽ nghèo đói.
Mai nói gì cũng bị Lết chặn,
Mai im không thèm nói nữa,
Lúc đó là giữa đêm khuya,
Họ thức luôn đến sáng.
Đã gần sáng rồi.
Con gà rừng đã gáy.
Con gà nhà đã gáy,
Những con trâu đã kêu,
Những con voi đã hú ngoài rừng,
Mặt trời bắt đầu mở cửa,
Mặt trời mọc lên,
Ánh sáng đã toả khắp nơi.
Con trâu thức, cọ cọ quanh cột,
Klânh thức lo việc kéo chỉ.
Đàn bà thức dậy lo đi giã gạo.
Đàn ông thức dậy co ro đầu gối.
Trời đã sáng rồi:
Mặt trời đã lên cao,
Lết gọi Mai đến:
- Này Mai ạ!
Chúng ta đi thôi:
Chúng ta đi xúc tôm tép,
Ta đi xúc ngoài suối kia,
Chúng ta đã hết thức ăn,
Những con ếch nướng đã hết sạch,

Những con cá nướng đã hết sạch,
Mai vâng lời chị Lết,
Lết và Mai bắt đầu chuẩn bị,
Họ chuẩn bị các thứ,
Họ đem cái rổ xúc cá,
Họ đem ống tre đựng tôm tép,
Ống tre khắc hoa văn.
Xong mọi việc họ bắt đầu đi,
Chuẩn bị xong hai thần bắt đầu đi,
Họ đi ra khỏi nhà.
Họ đi qua bụi tre.
Họ đi lả lướt.
Trên con đường dài,
Ta tạm dừng chuyện Lết,
Ta tạm dừng chuyện Mai.
Bây giờ nói đến Deh con Jri,
Ta nói đến Dai con Jri.
Họ đang dệt vải trước cửa nhà,
Thấy hai người đi qua.
Họ nhìn thật kỹ,
Đó lá Lết, Mai con Jri.
Deh và Dai cùng hỏi:
- Lết em đi đâu đấy?
- Mai em đi đâu đấy?
Lết và Mai trả lời:
- Chúng tôi không còn thức ăn nữa,
Thịt ếch nướng đã hết sạch.
Những con cá nướng đã hết sạch,
Thịt khô cũng đã hết sạch,

Deh, Dai tỏ vẻ đồng ý cho đi.
Hai nữ thần Lết, Mai ra đi.
Hai người đi những bước dài,
Đi một bước qua một con suối.
Đi một bước như gió thổi.
Họ đã đi đến rẫy của mình,
Rẫy cũ đã tỉa lúa sớm.
Lết bàn với Mai rằng:
Bây giờ ta hãy lấy ngải của Ting,
Ta hãy lấy ngải của Mbông,
Ngải của Ting trồng quanh gốc tre,
Ngải của Ting rộng ba bụi tre,
Mai chậm rãi đáp:
- Làm như vậy Ting giận đấy,
Ting sẽ rầy la chúng ta,
Và có khi Ting đánh nữa,
Lết nói:
- Không đâu, làm gì Ting biết,
Ai báo mà Ting biết được,
Ai báo mà Mbông đâu có đi ra,
Chỉ suốt ngày ở trong cái ché.
Đầu Ting đội cái chiêng,
Đầu Mbông đội mũ bằng gông.
Mai nói: - Vậy thì tuỳ chị.
Bây giờ Lết nhổ ngải của Ting,
Tìng có nhiều loại ngải lắm.
Nào là ngải lúa, ngải cơm.
Ngải đánh nhau không chết.
Có loại ngải mắt mù chữa lành,

Có loại ngải trồng vũng bùn con lươn cũng chết,
Trồng trên bờ con rùa cũng chết,
Trồng nơi bãi trống con người chết.
Ting trồng ngải ở giữa khe đá,
Hòn đá cũng nứt toang.
Lết bắt đầu chặt ống tre,
Chặt những ống nứa,
Bỏ những củ ngải vào giã.
Lúc giã ngải, hai thần cùng khấn:
- Hỡi ngải này phải nghe lời ta.
Hồn ngải phải nhập vào đầu người.
Hồn ngải phải nhập vào thân người.
Hồn ngải phải chui vào tim gan.
Phải làm cho tim gan nóng lên.
Nóng lên cho tiêu tan tim gan.
Làm cho Ting chết và đi xuống Dê, Dơm.
Nếu hồn ngải này không linh,
Ta sẽ quăng xuống suối.
Ta sẽ đốt bằng lửa cho tiêu tan.
Lết, Mai quăng ống ngải.
Bây giờ Veh, Vanh là hồn ngải,
Hồn ngải mang gùi nhỏ,
Gùi của ngải cũng có hình hoa,
Gùi của ngải cũng có đế bạc,
Chúng làm theo lời Lết khấn,
Chúng làm theo lời Mai khấn.
Hồn ngải nói: - Này chị Lết, chị Mai,
Chúng tôi là ngải được các chị nhờ,
Chúng tôi phải làm cho đúng,

Vi nhận thấy có một chuồng trâu,
Trong chuồng có một con trâu to.
Trâu đẻ buổi tối, Tiăng đẻ buổi sáng
Vi báo ngay cho Lêng biết:
- Ta thấy con trâu Đam Bri, Đam Yau,
Một sợi dây đã cột vào cổ,
Lêng về phải giết con trâu này,
Nếu không giết, Lêng không cứu được Tiăng đâu.
Lêng nói:
- Nhờ cậu xem kỹ,
Có khi không phải trâu đó đâu!
Vi nói:
- Đúng rồi đấy, Lêng ơi!
Trâu đẻ buổi tối, Tiăng đẻ buổi sáng.
Con trâu đó lưng có đốm màu trắng,
Đuôi cũng có đốm màu trắng,
Ngay trước ngực cũng là màu trắng.
Con trâu này to nhất trong đàn.
Trên lưng nó có cả vũng nước.
Lêng nghe kỹ càng và trở về.
Lêng bước nhanh qua những dãy nhà.
Lêng đã về đến nhà Tiăng.
Lêng về, Yang lật đật hỏi:
- Thế nào, Lêng ơi?
Lêng đáp:
- Khi cúng thấy một chuồng trâu,
Trong chuồng có trâu Đam Bri, Đam Yau.
Bây giờ phải giết hai con trâu đó.

Lêng gọi:

- Hỡi các em Klốp, Nhông hãy lấy dây,
Tất cả hãy kéo đến chuồng trâu!
Con trâu Đam Bri thấy vậy sợ hãi,
Lêng nhử nó bằng những lá cây lông hor,
Rồi Lêng ném ngay vòng dây,
Vòng sợi dây buộc ngay cổ trâu,
Con trâu đực bắt đầu vùng vẫy.
Họ cột thêm mấy sợi dây khác,
Lêng hét:
- Hỡi các em Yơng, Yang,
Hãy nắm chặt dây kéo trâu đi!
Tất cả mọi người cùng xắn tay vào!
Kéo trâu đến trước nhà Tiăng,
Họ cột hai dây hai bên:
Một bên cột gốc cây đa, một bên cột gốc bằng lăng.
Tay này Lêng cầm lao, tay kia rút gươm ra.
Lêng đi không một tiếng động,
Lêng giơ gươm lên cao,
Rồi chém vào chân trâu,
Lêng dùng lao đâm tiếp.
Con Đam Bri ngã xuống,
Nó chết ngay dưới gốc cây đa.
Lêng chạy nhanh đến chỗ Tiăng nằm.
Lêng hỏi:
- Thế nào rồi, anh Tiăng ơi?
Tiăng không nói gì nữa,
Tiăng đã đi xuống Phan.
Lêng lấy tay sờ lồng ngực,

Lồng ngực Tiăng đã lạnh ngắt,
Lêng biết Tiăng đã chết rồi,
Bon Tiăng có mặt không thiếu một người.
Nhà Tiăng lúc này đầy người.
Chật đến nỗi không có chỗ ngồi.
Yơng, Yang, cũng đến bên Tiăng.
Họ đến sờ chân Tiăng,
Nhưng Tiăng đâu còn biết ai.
Tiăng đã tắt thở rồi.
Bên này là vợ Djăn, bên kia là mẹ Rong,
Hai người đều rơi nước mắt,
Hai người đều khóc oà lên.
Những vòng đeo tay Djăn đã tháo ra,
Những vòng đeo tai Djăn đã gỡ ra,
Djăn chia cho Tiăng nửa phần,
Chia cả những chuỗi cườm,
Djăn vừa chia vừa khóc.
Tóc đang dài Djăn cắt ngắn.
Djăn vừa khóc, vừa lăn lộn.
Djăn dùng dao để chết không được.
Djăn dùng rìu để chết không xong,
Định dùng thuốc độc để chết theo Tiăng,
Định lấy dây treo cổ chết theo Tiăng!...
Mẹ Rong nói:
- Hãy sống lại đi Tiăng con ơi!
Con chết đi mẹ khổ lắm.
Con chết đi mẹ phải đơn độc.
Ai cai quản núi rừng,
Ai trông nom sông suối,

Ai chăm sóc nương rẫy,
Ai dẫn dắt dân làng?
Một bên Bông ngồi, một bên Rong ngồi,
Họ chia vòng, Tiăng một nửa, họ một nửa,
Chia chuỗi cườm Tiăng một nửa, họ một nửa,
Vải đẹp nhất đem chia cho Tiăng,
Những áo thêu đem chia cho Tiăng.

*

Bây giờ ta nói đến Tiăng.
Hồn Tiăng đang đi xuống Phan,
Đầu Tiăng chỉ to bằng hạt bồ hòn,
Đôi mắt Tiăng chỉ bằng hạt rau dền,
Tiăng đi trên đường lạnh lẽo.
Mọi người đều khóc đám ma Tiăng,
Ma u lo kêu đầy mái nhà,
Ma chak ki kêu khắp quanh nhà,
Mọi người sợ hãi, rùng rợn.

*

Bây giờ ta nói đến Lêng con Rung.
Lêng nói:
- Yang ơi, Yang ở nhà,
Gắng giữ chị Djăn,
Đừng cho chị Djăn chết bằng khăn,
Đừng cho chị Djăn chết bằng rìu,...
Djăn đang khóc và vùng vẫy,
Một đêm đã qua.

Chín, mười đêm qua rồi.
Bụng Djăn chưa vào hạt cơm.
Thân xác chỉ còn da bọc xương.
Djăn gầy như con dơi.
Djăn có thể chui vào ống nứa.
Lêng lại tiếp tục đi,
Lêng đi qua bụi tre,
Lêng đi đến nhà Khư con Jri,
Lêng đã đến nhà Khul con Jri.
Khul đang ngồi chẻ mây trước cửa,
Lêng nói:
- Cậu Khư, Khul ơi.
Nhờ các cậu bói hộ tôi.
Sao anh Tiăng của tôi đã chết rồi!
Khul mở nắp gùi,
Trong gùi có hòn đá ngọc,
Khul bắt đầu thắp một ngọn sáp.
Lấy một que đặt ngang hòn đá ngọc.
Khul xem kỹ càng và nói:
- Nếu bị trúng klach sao không thở dài,
Nếu bị ổ mối cắn, bụng phải có u!
Đầu Tiăng chỉ còn bằng hạt rau dền,
Tiăng đi tay không cầm dao,
Một cái khiên che đầu cũng không,
Tiăng đi về hướng bon Phan.
Khul nói:
- Lêng đừng trách cậu nhé,
Cậu không giúp Lêng được đâu!
Lêng buồn bã ra về, gặp Yang.

Lêng nói:
- Bây giờ Yang ở đây giữ Djăn,
Tôi đi theo hồn Tiăng,
Ở nhà Yang phải giữ xác Tiăng,
Lêng bắt đầu ra đi,
Lúc đó hồn Tiăng đã đi xa,
Đầu Tiăng chỉ còn bằng hạt bồ hòn,
Đôi mắt Tiăng chỉ còn bằng hạt rau dền,
Tiăng bước đi dưới nắng gắt,
Tiăng bước qua những cây chặn đường.
Tay Tiăng chẳng có con dao,
Tay Tiăng chẳng có cái lao,
Đầu Tiăng chẳng có khiên che,
Tiăng đã đi xa lắm rồi...
Tiăng đã đến nơi con sâu Dam Dang ở,
Con sâu này dài bằng cây tre,
Con sâu này dài bằng ba cây chau,
Nó chỉ có một mắt trên đầu,
Nó chỉ có một cái răng giữa
Con sâu gầm vang cả trời đất,
Tiăng kể gia phả cho nó nghe:
- Buổi sáng đẻ Tiăng.
Buổi chiều đẻ ra con Klang.
Tảng sáng đẻ ra sâu Dam Dang.
Tôi là Tiăng đây,
Sâu tránh đường cho tôi đi!
Sâu nói: - Anh Tiăng đi đâu đấy,
Anh sẽ đi hướng nào?
Tiăng trả lời: - Tôi đi xuống Phan.

Sâu nói: - Thân tôi nặng không thể bò nổi,
Tiăng cứ trèo qua lưng tôi.
Tiăng trèo qua lưng con sâu,
Tiăng khát không có nước uống.
Bụng Tiăng đói chẳng có cơm ăn.
Bảy đêm đi qua rừng hoang,
Tiăng đi lẻ loi một mình
Tiăng đã đến bon Kuk con Băng,
Tiăng đã đến bon Kưng con Băng,
Băng mẹ chặn đường không chi Tiăng đi.
Mẹ Băng nói:
- Vào đây cho ta ăn thịt!
Băng há miệng chờ Tiăng đi vào,
Tiăng đọc gia phả cho mẹ Băng nghe,
Mẹ Băng liền tránh cho Tiăng đi.
Tiăng đã đến rừng cọ dày đặc,
Những rừng cọ chắn gió bon Phan.
Cọ dày đặc chắn hết đường đi.
Tiăng kể cho rừng cọ nghe:
Cây rlễ, Tiăng cho có gai.
Cây cọ, Tiăng cho có tàu.
Con sên, con ốc, Tiăng cho có miệng.
Tôi chính là Tiăng đây mà,
Rừng cọ phải tránh cho đường tôi đi!
Mấy hàng cọ tránh ra một bên,
Để dành đường cho Tiăng đi qua.
Tiăng tiếp tục đi trên đường lớn,
Tiăng tiếp tục đi trên đường xưa.
Tiăng bắt đầu bước xuống vực sâu,

Tiăng đã đến bãi cỏ của Dê, Dơm,
Tiăng đã đến nơi Dê hái rau,
Tiăng đã đến bãi Dơm chăn trâu
Chỉ còn một khoảng trống,
Chỉ còn cách một tầm tên bắn,
Chỉ còn khoảng một cái rẫy đến nhà Dê, Dơm.
Dê, Dơm đang ngồi ngoài cửa
Hai người nhìn khắp mọi nơi,
Họ nhìn về hướng trên đầu,
Hai người thấy Tiăng trên đầu,
Hai người thấy Tiăng đang đi,
Chỉ thấy Tiăng nhấp nhô cái đầu,
Dê, Dơm chẳng nhận ra ai,
Nhưng đoán rằng đó là người sang,
Đoán chắc rằng đó là anh hùng.
Dê, Dơm ngắm nghía kỹ càng,
Họ đoán được đó là Tiăng con Rong.
Đầu Tiăng chỉ bằng hột bồ hòn,
Đôi mắt Tiăng chỉ bằng hạt rau dền.
Chắc là Tiăng chết vì đánh nhau,
Nhưng đâu có thấy Tiăng cầm gươm, cầm lao.
Nếu Tiăng bị chết đuối,
Sao không thấy Tiăng cầm sợi dây chăng.
Nếu Tiăng bị chết đói chết khát,
Sao không thấy đem củ mài, quả dẻ.
Thấy Tiăng đang mang quan tài,
Dê, Dơm biết chắc là Tiăng đã chết lành.
Tiăng đến đây ta mừng lắm rồi,
Một nồi cơm ta sẽ ăn ngon,

Một bầu nước ta sẽ uống ngon.
Một miếng cơm, ta sẽ ăn chung.
Tiăng đã đến bến nước Dê, Dơm,
Tiăng đã đến cổng rào bon Dê, Dơm,
Tiăng đã đến sân nhà Dê, Dơm,
Nhưng không biết đường vào nhà.
Tiăng đứng ngoài hàng rào,
Dê, Dơm cất tiếng hỏi:
- Ai đứng ngoài hàng rào đó?
Anh là ai, tên gì,
Anh từ bon nào đến,
Anh thuộc dòng họ nào?
Tiăng đáp:
- Tôi là Tiăng con Rong,
Tôi định đến bon Ting con Bong,
Tôi đi đến bon Mbông con Bong,
Để lấy ruột con mối, vẩy con chuột,
Dấu chân thằn lằn, mỏ châu chấu,
Ngà con sóc, răng con tê tê,
Chân con gà rừng và chân con rắn.
Tiăng nói xong, Dê, Dơm đáp lại:
- Mời Tiăng vào nhà ăn cơm uống nước,
Vào nhà tắm rửa sạch sẽ,
Vào nhà nghỉ ngơi vài đêm.
Con đường từ đây đến đó còn xa,
Đường đi phải qua vùng biển,
Bon Ting con Bong ở tận cuối trời,
Tiăng đi luôn làm sao đủ sức?

Tiăng nói:

- Dê, Dơm hãy mở cổng cho tôi vào!

Một lớp hàng rào bằng tre,
Hai lớp bằng cây chau,
Sáu lớp rào bằng tre khô,
Rào tre khô cao đến chọc trời!
Tiăng đã qua các lớp rào,
Tiăng đã đến cạnh nhà Dê, Dơm.

Tiăng hỏi:

- Nhà Dê, Dơm có kiêng cữ gì không?

Dê, Dơm đáp:

- Nhà chúng tôi không có kiêng cữ,
Con dê đẻ cũng không có,
Con heo đẻ cũng không có,
Con người đẻ cũng không có.

Tiăng đi vào nhà,
Tiăng ngồi xuống sạp,
Dê, Dơm lấy thuốc cho Tiăng hút,
Dê, Dơm têm trầu cho Tiăng ăn,
Dê mời Tiăng uống nước dừa.
Tiăng bắt đầu hút thuốc, ăn trầu,
Tiăng đã ngồi uống nước dừa của Dê, Dơm,
Tiăng đã ăn cơm của Dê, Dơm.
Dê, Dơm trải chiếu cho Tiăng ngồi,
Đưa vải lụa cho Tiăng quạt gió.
Ngồi dưới đất sợ bọ chét cắn,
Ngồi trên củi sợ bọ cạp cắn,
Ngồi trên sạp sợ con rệp cắn,
Dê đưa chiêng cho Tiăng làm ghế,

Dơm đưa gông cho Tiăng kê ngồi.
Tiăng ngồi hút thuốc ăn trầu,
Tiăng uống nước dừa, rồi nói chuyện,
Tiăng kể gia phả rất hay,
Tiăng đã bị Dê, Dơm mê hoặc,
Tiăng đã bị Dê, Dơm dụ dỗ,
Tiăng đã ăn thịt của bon Phan rồi.
Tiăng không còn nhớ đằng sau nữa[1].
Tiăng ở nhà Dê, Dơm một đêm,
Rồi chín mươi đêm trôi qua,
Thế là Tiăng đã ở luôn đó.
Thôi, để mặc Tiăng ở với Dê, Dơm.

*

Bây giờ ta kể đến Lêng con Rung.
Ba ngày Lêng chẳng ăn miếng cơm,
Bảy nắng Lêng không uống ngụm rượu,
Vì thương Tiăng, Lêng ăn uống không vào.
Lêng nói:
- Yang ở đây giữ lấy xác Tiăng,
Yang ở đây lo mọi việc,
Nhất là phải an ủi chị Djăn.
Đừng cho Djăn chết bằng dây,
Xem chừng Djăn uống thuốc độc.
Lêng bắt đầu ra đi,
Lêng đi qua bụi tre,
Lấy cối giã lúa quăng xuống đất,

1. Tức là không còn nhớ gì về trần giới nữa.

Đường xuống Phan hiện ra.
Lêng đang đi xuống lòng đất mẹ,
Lêng qua một đoạn đường dài bóng tối,
Lêng cứ đi theo vết chân Tiăng,
Lối Tiăng đi cỏ ngả hai bên còn nguyên.
Đường xuống Phan rất rộng và thẳng,
Lêng đi dưới trời nắng gắt mùa khô,
Không có một bóng cây để núp,
Không có một bụi tre che mát,
Không có một gốc cây dựa lưng.
Lêng đi lặng lẽ một mình giữa bãi mạc.
Lêng gặp từng đàn cọp, đàn heo,
Lêng gặp từng đàn hổ đàn gấu khổng lồ,
Lêng gặp những con tê giác...
Lêng cố gắng đi nhanh.
Đi một bước bằng một dây mây,
Nhảy một cái đã qua con suối,
Đi một lúc đã qua mấy rẫy.
Lêng đi nhanh như gió bay,
Lêng đi qua hàng chục bon làng,
Lêng cứ theo vết chân Tiăng mà đi.
Lêng đã đi xuống vực thẳm,
Lêng đã nghe những tiếng chim kêu,
Lêng nghe tiếng chim cút,
Lêng nghe tiếng chim gôi,
Nghe tiếng chim, hồn Lêng phải mê.
Lêng đã đến nơi con sâu khổng lồ ở,
Con sâu chỉ có một mắt,
Con sâu chỉ có một răng,

Con sâu giận dữ gầm lên,
Nó đòi ăn thịt Lêng,
Nó há miệng chờ Lêng vào!
Lêng nói:
- Cậu sâu làm gì thế,
Ai xa lạ đâu mà đòi ăn thịt,
Nếu là người lạ thì sâu mới nên ăn.
Tôi và sâu bà con rất gần,
Tôi xin kể cho sâu nghe:
- Yang nuôi sâu Dăm Dang,
Yang nuôi sâu Dăm Huêng,
Tôi là Lêng nuôi sâu Dăm Nhông,
Con sâu Dăm Nhông nhận ra Lêng,
Nó bảo Lêng bước qua lưng,
Lêng bước qua lưng con sâu,
Lêng cứ theo đường Tiăng đi mà đi,
Lêng đã đi gần đến bon Phan rồi,
Chỉ còn khoảng một bãi trống,
Chỉ còn một tầm bắn tên,
Là Lêng đến bon Dê, Dơm.
Lêng đã đến bãi Dê hái rau,
Lêng đã đến bãi Dơm chăn trâu,
Lêng đã đến rẫy lúa Dê, Dơm.
Lêng đã đến suối nước Dê, Dơm.
Lêng đã đi đến bon Phan,
Lêng không thấy đường vào,
Lêng đứng dưới trời nắng,
Lêng đứng dựa vào vách đá.
Dê, Dơm trông thấy người mới hỏi:

- Ai đang đứng đó,
Tên người là gì,
Người từ bon nào đến?
Dê, Dơm dứt lời, Lêng đáp lại ngay:
- Tôi là Lêng con Rung.
Dê, Dơm mời Lêng vào nhà,
Hai người mở cửa cho Lêng vào,
Lêng bước qua cổng, qua mấy lớp rào,
Hàng rào Dê, Dơm có nhiều lớp,
Lêng đã qua và vào nhà Dê, Dơm.
Dê, Dơm mời Lêng hút thuốc, ăn trầu,
Nhưng Lêng không hút thuốc,
Ăn trầu của Dê, Dơm.
Dê, Dơm hỏi:
- Lêng định đi đâu mà qua đây,
Thường mấy khi Lêng đến đây đâu,
Chắc là có chuyện gì cần lắm?
Lêng nói:
- Không giấu gì Dê, Dơm,
Tôi đi đến đây có việc cần lắm,
Tôi xuống để gọi Tiăng trở về,
Tiăng đi, bỏ cả núi rừng,
Tiăng đi, bỏ cả suối nước,
Tiăng đi, bỏ cả nương rẫy,
Không ai chỉ bảo dân làng,
Lêng dứt lời, Dê, Dơm đáp lại ngay:
- Lêng đi đòi Tiăng về ư?
Tiăng nói với chúng tôi là Tiăng không về.
Lêng phải đi lấy cho Tiăng những vật này:

Ruột con mối, vẩy con chuột,
Dấu chân thằn lằn, mỏ con châu chấu,
Chân con gà rừng và chân con rắn.
Lêng đi tìm Tiăng khắp nơi,
Gặp Tiăng, Lêng nói:
- Này anh Tiăng ơi,
Tôi đến gọi anh về đây,
Anh bỏ lại núi rừng cho ai,
Ai trông coi suối nước,
Ai trông coi nương rẫy,
Ai dẫn dắt bà con của mình?
Tiăng trả lời một cách cứng rắn:
- Trông coi suối nước,
Cai quản núi rừng,
Chăm lo nương rẫy?
Những việc đó đã có Yơng, Yang,
Cần gì đến tôi nữa?
Lêng nói:
- Anh Tiăng nói vậy chưa được đâu,
Thế anh bỏ chị Djăn à?
Chị Djăn nhớ thương anh đến chết mất.
Tiăng quả quyết rằng:
- Djăn ở một mình được rồi.
Lêng nói thế nào, Tiăng cũng không về,
Lêng rất lo lắng buồn bực,
Lêng giơ tay nắm đầu Tiăng,
Người Tiăng trơn như mỡ,
Lêng không thấy Tiăng đâu nữa,
Lêng gọi Tiăng không thèm đáp.

Tiăng không muốn nói chuyện với ai cả,
Dê, Dơm nói với Lêng:
- Vậy Lêng đừng trách chúng tôi nhé.
Đừng nói là chúng tôi không cho Tiăng về.
Lêng ở dưới Phan đã lâu rồi,
Chợt nhớ lại bon làng của mình.
Lêng từ giã Dê, Dơm.
Để trở về với bọn làng của mình,
Dê, Dơm nói:
- Tiăng không chịu về thì thôi,
Cháu Lêng về đi!
Lêng bước ra khỏi nhà,
Lêng đi một bước bằng một dây mây,
Nhảy một cái qua một con suối,
Đi một lúc qua mấy cái rẫy.
Lêng đi nhanh như gió bay.
Một lúc Lêng đã đến nhà mình,
Lêng nhẹ nhàng bước vào nhà,
Trong lúc mọi người đang bối rối,
Yơng, Yang hỏi:
- Thế nào Lêng ơi,
Hồn Tiăng có về không?
Lêng nói:
- Tiăng đã chết thật rồi,
Hồn của Tiăng đã ăn cơm Dê, Dơm rồi,
Hồn Tiăng đã mê bon Phan rồi,
Tôi hỏi Tiăng không đáp,
Cho cơm Tiăng không ăn,
Cho thuốc Tiăng không hút

Tiăng đòi lấy những vật lạ:
Ruột con mối, vẩy con chuột,
Dấu chân thằn lằn, mỏ con châu chấu,
Ngà con sóc, răng con tê tê,
Chân con gà rừng và chân con rắn.
Ở nhà Ting con Rong,
Yang nói:
- Có thể đi lấy được,
Tôi biết đi được đó.
Bon Tiăng lúc này buồn lắm,
Không một con gà gáy,
Không một con nghé kêu,
Chỉ nghe những tiếng khóc than.
Vải chia cho Tiăng chất đầy nhà,
Của cải chia cho Tiăng đầy nhà,
Những chiếc chiếu mới chia cho,
Tiăng chất đầy nhà.
Tiăng đang nằm như ngủ,
Hai bên tay Tiăng có Bông và Rong:
- Tiăng chết đi ta khổ lắm,
Tiăng đi xa ta sẽ bơ vơ!
Ai cai quản núi rừng,
Ai trông nom suối nước,
Ai chăm lo nương rẫy,
Ai dẫn dắt dân làng?
Nói rồi hai người cùng khóc,
Tiếng khóc đám ma vang lên.
Trời bắt đầu u ám,
Trời bắt đầu sà xuống,

Trời sắp tối mịt mù,
Bầu trời từ từ sà xuống,
Bầu trời lúc này có thể với tới,
Tiăng chết là trời chết theo!
Bầu trời đã đau, sắp chết theo Tiăng,
Trời tối rồi lại sáng,
Sáng rồi lại tối,
Lêng lấy gậy chống trời,
Lêng chạy lên trời, nói với mẹ trời:
Tôi sẽ tìm hồn Tiăng về,
Như vậy bầu trời sẽ như cũ.
Ở bon Tiăng vẫn cảnh buồn thảm,
Đàn bò bỏ cả ăn cỏ,
Đàn trâu không còn rung chuông,
Cá dưới suối dừng cả táp mồi,
Con trâu rừng ngừng cả nhai cỏ,
Chim chóc ngừng ca hát,
Tất cả cảnh vật đều buồn.
Lêng nói với Yang:
- Bây giờ Yang làm quan tài cho Tiăng nhé
Yang phải làm quan tài bằng đá,
Làm quan tài cho giống hình Tiăng,
Phải có cả chân tay,
Có đầu và mặt mũi.
Yang bắt đầu rủ Bêh, Bôp,
Bêh, Bôp cùng đi với Yang,
Yang đi chặt hòn đá to,
Hòn đá nằm dưới lòng sông,
Yang dùng cái rìu đặc biệt cua Tiăng,

Yang dùng cái rìu chặt tiếp,
Lấy đá đó đục quan tài cho Tiăng.
Làm xong, gọi thêm nhiều người,
Khiêng quan tài về nhà,
Họ đem quan tài vào nhà,
Họ đặt chiếc quan tài cạnh Tiăng.
Họ bỏ xác Tiăng vào trong quan tài.
Xác Tiăng đã nằm trong quan tài bằng đá,
Mọi người khóc oà lên.
Những tiếng khóc đám ma vang lên.

*

Bây giờ nói đến Lêng,
Lêng gọi Yơng, Yang, Mbông,
Bêh, Bôp, Klôp, Nhông...
Tất cả đều có mặt,
Đến vây quanh Lêng,
Lêng bắt đầu phân công:
- Yơng, Yang, Bêh, Bôp,
Ai sẽ đi với tôi?
Yang hỏi:
- Đi đâu hở Lêng?
Lêng nói:
- Đi đến Ting, Mbông con Bong,
Đi lấy những vật lạ, của Tiăng:
Ruột con mối, vảy con chuột,
Dấu chân thằn lằn, mỏ châu chấu,
Ngà con sóc, răng con tê tê,

Chân con gà rừng, chân con rắn.
Và đem cây đa của Tiăng lên đây.
Yang hỏi:
- Thế có ai biết đường không?
Lêng nói quả quyết:
- Biết hay không cũng phải đi,
Phòng khi gặp những tảng đá,
Họ còn đem con dao to,
Con dao có cán bằng sừng trâu.
Để khoét những tảng đá lớn.
Họ đem những lao prô[1]
Họ đêm theo những mũi lao Ju[2],
Những lao mốt, miăt[3],
Và những chiếc lao lưỡi heo lưỡi chó,
Phóng đằng này bay qua đằng kia,
Phóng đi rồi lao lại trở về!
Họ đem những sợi dây sắt,
Những sợi chỉ để xỏ mũi,
Họ mang cả cái bễ thổi lửa,
Hợ chuẩn bị xong rồi,
Họ bước ra khỏi nhà,
Họ đi qua bụi tre,
Yang đi trước dẫn đường,
Tay phải, Yang cầm "yeh",
Tay trái cầm lao,
Hông đeo khiên, ngực đeo tù và,
Đi một quãng Lêng bảo dừng lại,

1, 2, 3. Tên các loại lao.

Họ nghỉ ở gốc cây đa.
Họ dựng vũ khí quanh gốc cây đa.
Họ chuẩn bị làm cúng,
Để mời thần đi cùng,
Yang lấy từ trong gùi ra,
Một con gà nhỏ bằng quả cà,
Một con heo nhỏ bằng con sóc để cúng thần.
Yang bắt đầu hút gió,
Yang hút gió bằng lá ti tốt,
Yang hút gió bằng lá tốt tông,
Miệng Yang lầm rầm cầu khấn,
Yang khấn và gọi các thần:
- Mời các thần cùng đi với chúng tôi.
Họ gọi các thần từ núi Njuch,
Gọi các thần từ núi Njong,
Gọi các thần từ suối Rkêh,
Gọi các thần từ đá ba tầng,
Gọi các thần từ rừng già,
Gọi các thần từ rừng thưa.
Mời thần Đá phù hộ Sung,
Mời thần Đá phù hộ Krong,
Mời thần Đá gọi Kong, Yang,
Mời thần Lết, Mai phù hộ cho bon Tiăng,
Mời thần Grong, Griang phù hộ cho Yang,
Mời thần Ot, Ang phù hộ N'đu,
Mời thần đầu sông phù hộ cho Lêng.
Họ báo cho các thần biết,
Họ sẽ đi đến Ting con Bong,
Họ đã vì Tiăng mà đi.

Yang cầu khấn một hồi,
Trong chốc lát lời cầu khấn
Đã bay đến tai các thần,
Đã bay đến tai nữ thần Lết, Mai.
Lết, Mai đang nằm ngoài cửa,
Hai thần nghe mang máng bên tai,
Hình như có tiếng gọi từ xa.
Hai thần bước ra khỏi sân,
Hai thần leo lên cây xem xét,
Thần nghe tiếng gọi từ hướng bon Tiăng.
Lết, Mai nghĩ:
- Hình như đó là Yơng con Ting,
Hình như đó là Yang con Rung,
Có tiếng gọi của Lêng con Rung,
Có tiếng gọi của Kong con Ting.
Hai thần ngồi trên cây đa xem xét,
Thấy sáu người kia dưới gốc đa,
Lết, Mai đoán: Họ định đi đến Ting con Bong,
Họ định đi đến Mbông con Bong,
Để lấy những vật lạ của Tiăng:
Ruột con mối, vảy con chuột,
Dấu chân thằn lằn, mỏ châu chấu,
Ngà con sóc, răng con tê tê,
Chân con gà rừng và chân con rắn.
Lết nói với Mai:
- Tiăng đã chết thật rồi,
Vậy là hồn ngải của ta đã linh rồi,
Tiăng chết cho đáng đời.
Bây giờ ta nên đưa anh em Tiăng một đoạn,

Nếu không Yang nổi giận là nguy lắm,
Yang nổi giận là nó chặt cây đa.
Thần Lết, Mai bước xuống,
Hai thần vừa đi vừa bàn nhau,
Rồi hai thần mặc áo chim,
Bay thẳng đến nơi Yang ngồi,
Thần đã đến gần nơi Yơng, Yang ngồi,
Nhưng nào ai biết Lết, Mai đã đến.
Hai nữ thần đùa ghẹo nhau,
Hai nữ thần phát ra tiếng cười,
Trong chốc lát,
Bầy chim sêr kêu bên phía tay trái,
Bầy chim rlang kêu bên phía tay phải,
Đó là chim báo điều lành.
Chim sêr kêu vừa tốt vừa xấu,
Chim rlang kêu vừa tốt vừa xấu,
Hai thần Lết, Mai bỏ về và nói:
- Thôi chúng tôi về nhé,
Mọi người khi đi phải coi chừng đấy!
Thần Lết, Mai bắt đầu dùng ngải:
- Hồn ngải này phải làm theo ta,
Hồn ngải phải che mắt Lêng, Yang,
Khiến Lêng, Yang phải lạc đường.
Chúng phải đi lạc vào bon Rôch, Rông,
Để Rôch, Rông bắt cóc, ăn thịt.
Tiăng và Rôch, Rông sẵn là kẻ thù,
Tiăng đã bán em Brách của Rôch,
Tiăng đã bán em Brăng của Rông,
Tiăng đã chuyển con ma lai cho Rôch, Rông.

Nói xong thần Lết, Mai bỏ về,
Hai thần về nhà nằm ngủ.
Sáu người lại tiếp tục đi,
Họ vừa đi vừa quan sát,
Họ đi những bước rất dài,
Đi một bước qua một con suối,
Đi một lúc qua một cái rẫy,
Họ đi nhanh như gió bay.
Họ cứ theo đường cũ mà đi,
Khi xuống dốc họ đi như bay,
Khi qua núi họ đi hối hả,
Cây đang ngủ vượt qua cũng kịp,
Đoàn đi đến bon Bung con Lu,
Đến bon Sưng con Klang.
Họ đã qua bon Hung con Lu,
Họ vừa đi vừa kể chuyện,
Họ đi dưới trời nắng gắt,
Thỉnh thoảng Lêng lại nhắc Yang:
- Này Yang ơi,
Cẩn thận nhắm đường mà đi,
Không khéo nhầm đường vào bon Rôch, Rông!
Họ nhìn thấy xa xa có bon làng,
Nhìn thấy có nhiều khói lửa,
Họ gặp từng đàn bò rừng, hươu, nai,
Đàn heo rừng, nhiều hơn heo nhà,
Con vắt cắn ở chân không gỡ,
Con rắn cắn ở chân không dám kêu đau,
Những con đỉa to bằng lưỡi lao,
Những con ruồi to bằng con gà mái,

Những con ó to bằng cái gùi.
Họ đã gặp những đàn cọp beo,
Gặp đàn gấu đang ăn mật ong,
Gặp tê giác đang cho con bú,
Họ phải chống cự với muôn loài thú dữ.
Phải chống cự với các loại sâu bọ.
Họ đã đi đến rẫy của Ting, Mbông con Kã,
Họ vượt qua rẫy và tiếp tục đi,
Nhưng có ai biết họ đã đi qua.
Họ đã đến gần bon Rôch con Briăng,
Lêng lại nhắc Yang:
- Này Yang ơi!
Cẩn thận nhắm đường mà đi,
Không khéo ta bị lạc đường đấy!
Họ đã gần đến bon Rôch, Rông rồi,
Đã đến bãi hái rau, chăn châu của Rôch, Rông.
Lêng nói với Yang rằng:
- Chúng ta đã bị lạc đường rồi,
Chúng ta đã vào bon Rôch, Rông rồi,
Bãi cỏ này là bãi cỏ của Rôch, Rông.
Yang cãi lại:
- Làm sao lại lạc được,
Xưa kia chúng tôi đã từng đi rồi,
Chỉ có một con đường này thôi!
Họ gắng đi thật nhanh,
Đi một lúc đã đến nơi,
Họ đã đến bon Rôch, Rông mà không biết.
Bon Rôch, Rông đang uống rượu, ăn thịt,
Họ đang ăn uống và đánh đồng la,

Đoàn của Lêng ghé vào bon,
Đến rìa bon mới nghe mùi hôi,
Nghe cả mùi nướng thịt người,
Đoàn Lêng nhận ra là bon Rôch, Rông.
Họ nói thầm:
- Thế là hết đời rồi!
Lêng dặn dò mọi người:
- Này Yơng, Yang, Kong, Sung và Krong,
Mọi người phải rất cẩn thận,
Cầm vũ khí phải chắc tay,
Chúng ta phải bám sát nhau,
Không ai được đi lẻ một mình,
Kẻ thù có thể bắn lén chúng ta!
Họ đã đến bon Rôch, Rông,
Vì lạc đường buộc họ phải vào,
Yang hỏi:
- Bon ai đây cho ta vào với,
Cho bọn ta ghé vào uống nước,
Cho chúng ta ghé vào ăn cơm!
Nhưng Rôch, Rông đâu có nghe,
Họ đang mải ăn thịt, uống rượu,
Họ đang mải đánh đồng la.
Yang vừa gọi vừa mắng,
Lúc đó có Ngo, Nghe con Briăng,
Hai người đang ngồi dệt vải ngoài cửa,
Chợt nghe có tiếng gọi,
Ngo, Nghe đến báo Rôch, Rông:
- Hỡi anh Rôch, Rông ơi!
Có tiếng gọi từ bên ngoài,

Chắc bon ta có khách,
Hay có kẻ thù, kẻ cướp?
Người bon Rôch, Rông hối hả ra ngoài,
Tay cầm ná, hông đeo khiên,
Rông ra lệnh cho mọi người:
- Tất cả hãy chuẩn bị đánh nhau!
Họ bắt đầu ra ngoài, Rôch trèo lên cây đa
Rôch ngắm nghía mọi phía,
Rôch nhìn xuống thấy một đoàn người,
Họ đang dựa lưng vào vách rào,
Nhưng chưa biết đó là ai.
Rôch suy nghĩ một hồi,
Bèn cất tiếng hỏi ngay:
- Ai đang gọi ta đó,
Các người định đi đâu?
Rôch dứt lời Lêng đáp lại ngay:
- Chúng tôi là Yơng, Yang, Lêng,
Chúng tôi là Kong, Sung và Krong.
Rôch lại hỏi tiếp:
- Lêng là Lêng nào,
Lêng lớn hay Lêng nhỏ?
Lêng nói:
- Chúng tôi là Lêng con Rung,
Chúng tôi là Kong con Ting,
Yơng con Ting và Yang con Rung,
Sung và Krong con Rong.
Chúng tôi đến thăm các anh,
Các anh hãy mở cửa ra!

Rôch nói:
- Các em cứ chờ!
Rồi Rôch xuống thang nói cho người trong nhà biết:
- Bon Tiăng vẫn là kẻ thù của ta,
Tiăng đã bán em Brách của ta,
Tiăng đã bán em Brăng của ta,
Tiăng đã chuyển con ma lai cho ta,
Bây giờ ta phải là ma lai.
Tiăng đã bán Pêt, Pêng con Briăng,
Nói xong Rôch ra lệnh:
- Cho chú Lơ Vơ mở cửa,
Cho chú Dret Dreng mở cổng rào,
Cho chú Dak Dal nhận dạng khách.
Họ mở cửa từng lớp hàng hào,
Mở lớp hàng nào nào, Lêng qua lớp đó.
Họ vừa mở cổng vừa xem xét,
Họ để ý từ cách ăn mặc,
Họ để ý đến vũ khí cầm tay.
Các lớp rào bọn Lêng đi qua,
Qua lớp nào đóng lại lớp đó.
Bon Rôch, Rông có nhiều lớp rào,
Các lớp rào cao đến chọc trời!
Họ đến nơi Dak Dal nhận dạng,
Dak Dal nhìn kỹ càng.
Nhận rõ đó là Lêng, Yang...
Dak Dal nói:
- Đã lâu lắm nay các cháu mới đến chơi,
Có mấy khi các cháu đến đây chơi?

Lêng đáp:
- Hôm nay đi qua đây,
Chúng tôi ghé xin gạo ăn đường,
Chúng tôi ghé xin cơm qua ngày,
Chú mở cửa nhanh lên!
Trời nóng như thiêu đốt!
Bọn Lêng đi vào nhà Rôch, Rông.
Trước lúc vào Yang hỏi:
- Nhà các anh có kiêng cữ không?
Rôch đáp:
- Nhà chúng tôi không kiêng cữ,
Con dê đẻ cũng không có,
Con heo đẻ cũng không có,
Con người đẻ cũng không.
Anh em Lêng bước vào trong nhà,
Họ đi tự nhiên như không việc gì.
Những chiếc khiên của anh em Lêng,
Những chiếc lao, chiếc ná của họ,
Theo tục lệ phải để một chỗ.
Sung và Krong nhìn ra bốn phái,
Thấy trong nhà có nhiều vật lạ,
Những xương đầu người treo đầy mái nhà,
Xương cổ người treo đầy vách nhà,
Xương hàm răng treo trên cửa ra vào,
Sung và Krong lo lắng.
Ngo, Nghe con Briăng ra tiếp khách,
Họ đem ra những tấm vải,
Đem ra những chiếc khăn đỏ,
Đem ra những chăn có hoa,

Đưa chiêng, gông cho anh em Lêng kê ngồi,
Họ vui vẻ tiếp khách bình thường,
Họ mời anh em Lêng hút thuốc, ăn trầu.
Họ mời anh em Lêng uống nước dừa.
Đến lượt Rôch tiếp anh em Lêng:
- Đã lâu người bon Tiăng không đến,
Nay các em đến quý quá,
Có mấy khi các em đến chơi!
Yang đáp:
- Không phải thế đâu anh Rôch ơi,
Chúng ta có phải xa lạ đâu,
Chúng ta là anh em ruột thịt,
Đi đâu về đều ghé xin gạo,
Đi đâu về đều ghé ăn cơm,
Ghé ngủ đêm cho thoả tấm lòng.
Họ kể gia phả cho nhau nghe,
Lúc đó những người khoẻ mạnh
Của bon Rôch, Rông đều có đủ,
Bên trong bên ngoài đều có người,
Mọi người vũ khí cầm tay.
Tay cầm lao, tay cầm dao gươm,
Hông đeo khiên.
Yang đảo mắt nhìn quanh một vòng,
Toàn thấy người cầm vũ khí,
Họ rỉ tai nhau, chỉ chỉ trỏ trỏ,
Họ nháy mắt với nhau,
Ý họ nói:
- Không cho Lêng thoát,
Nếu Yơng, Yang mà thoát cũng được,

Nếu Sung, Krong phải nắm cho chắc,
Bắt được Lêng phải giết cho chết,
Lêng không phải bình thường đâu,
Trăm lần chết trăm lần sống lại.
Họ phân công Tơng và Song con Briăng giết Lêng, Kong,
Rôch và Rông con Briăng giết Yơng, Yang,
Kuk, Kưng con Băng giết Sung và Krong.
Họ đã xếp đặt sẵn rồi.
Họ rỉ tai, nháy mắt với nhau.
Rôch bắt đầu ra ám hiệu,
Họ thình lình lao vào đánh,
Bị bất ngờ Lêng ngã xuống,
Họ xúm nhau đè lên Lêng,
Họ dùng dao chém Lêng,
Họ dùng khiên đạp Lêng.
Yang cũng bị ngã rồi,
Họ xúm nhau đè Yang.
Bốn người còn lại đã ngã xuống,
Họ xúm nhau đè lên bốn người.
Sáu người đều vùng vẫy.
Nhưng không ăn thua gì.
Yang nói:
- Tại sao thế này hở các anh.
Chúng tôi có những tội gì?
Chúng ta đều là con cháu mẹ Bong.
Tôi là Yang con Dum,
Dum là con Bong,
Rôch, Rông là con Bong.
Chúng ta cùng một mẹ mà ra!

Rôch nói:

- Các người có tội với ta,
Vì các người đã bán em Brach,
Các người đã bán em Brăng,
Vì Tiăng chuyền con ma lai sang ta,
Ta mới thành ma lai.
Họ lấy que nhọn xỏ qua lỗ mũi,
Họ buộc thêm dây ở cổ,
Họ cột cả sáu người vào gốc bằng lăng.
Xong rồi họ chôn sáu cái cọc,
Bon Rôch, Rông bắt đầu bưng rượu,
Họ cột sáu người vào cọc.
Họ bưng những ché rlung,
Họ cột những hàng ché rượu dài.
Họ bắt đầu xúm vào uống,
Uống cạn ché, họ lại đổ nước,
Uống hết ống đổ nước, họ lại vỗ tay.
Yơng, Yang, Sung, Kong và Krong,
Rất lo lắng và sợ hãi.
Bon Rôch, Rông uống rượu đến nửa đêm...
Đêm đã khuya lắm rồi,
Lúc đó có thần Kuach, Yong,
Thần Kuach, Yong ở trên trời,
Thần nằm úp mặt xuống phía mặt đất.
Thần luôn luôn quan sát khắp nơi,
Thần nhìn thấy có sáu người bị cột như trâu.
Nhìn kỹ thần nhận ra:
Đó là Sung, Kong và Krong.
Sáu người ở bon Tiăng, anh em với Tiăng,

Thần Kuach, Yong bay xuống đất,
Thần đến chỗ Lêng, Yang,
Thần dùng ngải thổi và nói:
- Hồn ngải này phải nghe lời ta,
Ngải phải khiến cho bon Rôch, Rông,
Từ trẻ nhỏ đến người già,
Đều phải ngủ say.
Một lúc sau mọi người bon Rôch, Rông đều ngủ say,
Thần Kuach, Yong bước đến chỗ Lêng,
Lêng nhìn thấy hai thần,
Nhưng chẳng biết đó là ai,
Lêng nói:
- Các người đến ăn thịt ta đấy à?
Thần Kuach, Yong đáp lại:
- Lêng không nhận ra chúng tôi sao,
Chúng tôi là thần Kuach, Yong đây mà.
Thần Kuach, Yong lại lấy ngải ra,
Thần lấy ra các loại ngải,
Đưa cho Sung và Krong ăn,
Ăn vào có vị đắng và cay.
Thần đưa tiếp cho Yơng, Yang và Kong,
Họ ăn vào có vị đắng cay.
Vậy là thần không cứu được năm người kia,
Thần chỉ giúp mình Lêng bằng cách,
Lấy các tảng đá đắp vào người Lêng,
Biến da thịt Lêng cứng như đá,
Chân tay Lêng biến thành đá,
Thần nói:
- Thôi ta không cứu được đâu,

Bà Đưng chất củi đốt,
Lửa cháy phừng phừng,
Nước sôi đến cạn.
Bà Đưng hỏi:
- Lêng còn khoẻ không?
Lêng trả lời:
- Không việc gì cả!
Bà Đưng lại đổ nước, chất củi,
Hết nước, hết củi, bà Đưng đi lấy.
Nước sôi ùng ục,
Lêng từ trong nồi nói to:
- Này bà Đưng ơi!
Cháu thèm thuốc xin cho hút thuốc,
Bà Đưng lấy thuốc, lấy trầu đưa cho Lêng,
Bà Đưng đốt mãi nhưng Lêng không chết,
Bà Đưng mệt lử, nằm nghỉ bên đống lửa,
Dần dần bà đã ngủ say.
Lêng vùng vẫy, nồi chao đi chao lại,
Bỗng nổ một tiếng to chỉ thấy đá vụn.
Bà Đưng bị nước sôi phồng hết cả người,
Bà nhìn quanh chẳng thấy Lêng đâu,
Bà chạy đi báo ngay Rôch, Rông,
Rôch, Rông chạy đến chẳng thấy Lêng đâu,
Chỉ thấy toàn đá vụn,
Chẳng ai thấy Lêng chỗ nào,
Rôch, Rông tiếp tục xé thịt,
Chia thịt cho cả bon cùng ăn,
Rôch, Rông đốt lửa lên,
Họ tiếp tục ăn uống...

Ta đi về nhé!
Thần Kuach, Yong lại bay về trời.
Xong mọi việc trời đã sáng,
Mọi người bon Rôch, Rông thức dậy,
Yang lên tiếng:
- Này bon Rôch, Rông,
Các người hành động đi thôi,
Chúng tao phải chờ khổ lắm!
Rôch đáp:
- Cần gì các anh phải nhắc.
Kuk và Kưng con Băng bước ra,
Họ giơ dao gươm lên cao,
Họ chặt vào đầu Sung và Krong,
Sung, Krong la một lúc rồi chết.
Rôch chém vào đầu Kong,
Kong vùng vẫy một lúc rồi chết.
Bây giờ chỉ còn có một mình Lêng,
Siăng bắt đầu giơ cao lưỡi gươm,
Chặt vào đầu Lêng, đầu Lêng cứng như ché,
Chặt vào chân, chân cứng như gông,
Chặt bằng yeh, yeh gẫy cán,
Bắn bằng ná, dây ná đứt,
Dân bon Rôch, Rông hốt hoảng sợ hãi.
Lêng vũng vẫy, đứt hết cả dây,
Bon Rôch, Rông xúm nhau bắt Lêng,
Rôch, Rông ra lệnh cho bà Đưng:
- Bà phải đem Lêng nấu chín.
Bà Đưng ném Lêng vào một cái nồi to,
Rồi đổ nước vào nồi,

Bây giờ nói đến Yơng, Yang
Nói đến Sung, Kong và Krong,
Bị chết chém nên hồn họ bay lên trời.
Cái đầu họ chỉ còn bằng hạt rau dền.
Chưa biết đường họ vẫn cứ đi,
Họ đến bon Ot, Ang con Briăng
Họ ghé xin cơm, uống nước của Ot, Ang,
Ăn uống no say ở bon Ot, Ang,
Hồn năm người ở luôn trên đó,
Còn Lêng con Rung thì sao,
Nếu chết bị ma lai ăn thì nó mang quan tài,
Nếu bị ai đâm chém thì mang dao, mang lao.
Nếu chết trôi sông, trôi suối thì đem dây chăng nước để đi,
Nếu chết đói chết khát thì mang củ khoai, trái dẻ,
Lêng bị nấu sôi chết, Lêng mang cái nồi,
Lêng đang đi xuống dưới Phan
Cái đầu Lêng chỉ bằng hạt bồ hòn,
Đôi mắt Lêng chỉ bằng hạt rau dền.
Lêng đi một mình giữa bãi sa mạc,
Không một con dao cầm tay,
Không có một chiếc khiên che đầu,
Lêng đã đi gần đến bon Phan.
Lêng đứng dựa vào hàng rào Dê, Dơm,
Dê, Dơm hỏi:
- Ai đứng ngoài đó?
Lêng nói:
- Tôi là Lêng đây dì Dê, Dơm ơi

Dê, Dơm mời Lêng
Mời vào nhà hút thuốc, ăn cơm,
Mời Lêng vào nhà nghỉ một đêm,
Nhưng Lêng không vào sợ bị bùa mê.
Lêng nói:
- Cháu đi tắm đã, các dì ơi.
Lêng đi và không quay lại nữa,
Lêng nhảy xuống đó tắm,
Lêng bị chết trôi trên mặt nước,
Thần Kuach, Yong luôn luôn theo dõi,
Thấy vậy thần bay tới chỗ Lêng chết,
Thần Kuach, Yong dùng ngải,
Thần thổi cho Lêng sống lại,
Thần cho Lêng ăn ngải, và cho Lêng con dao,
Xong rồi thần Kuach, Yong lại bay về trời.
Lêng chỉ còn một mình,
Chàng tiếp tục đi đến Ting con Bong,
Lêng đã nghe đàn chim gut kêu,
Lêng đã nghe đàn chim gôi kêu,
Lêng đã nghe đàn chim ta ta kêu,
Tiếng chim kêu giữa bãi sa mạc.
Lêng đã đến suối nước của Ting,
Lêng nhảy xuống để tắm,
Lêng vừa tắm vừa bắt cá,
Xong rồi Lêng đi tiếp
Lêng đi đến nhà Ting, Mbông.
Lêng đi qua bãi đá,
Bãi đá sập, Lêng hoảng hốt,

Lêng nói:
- Đừng làm như vậy mẹ đá ơi!
Tôi là Lêng con mẹ Dum,
Mẹ Dum là con bà Bong,
Tôi đi thăm Ting con Bong,
Bãi đá liền tránh đường cho Lêng đi.
Đến cửa vào có con hổ giữ nhà,
Con hổ thấy Lêng gầm lên,
Lêng nói:
- Cậu hổ đừng làm vậy!
Tôi là Lêng con mẹ Dum,
Mẹ Dum là con bà Bong,
Tôi đến thăm cậu Ting con Bong đây.
Nghe vậy, hổ liền tránh đường cho Lêng đi,
Lêng đã đến sát hàng rào bon Ting,
Lêng cất tiếng gọi to:
- Cậu Ting ơi, xin cậu mở cửa ra,
Tôi đến thăm cậu Ting đây.
Nhưng bon Ting có ai nghe thấy gì,
Họ đang uống rượu trong nhà,
Lúc đó có Bing và Jông con Bong,
Hai người đang ngồi ngoài cửa,
Họ nghe tiếng gọi từ bên ngoài,
Họ nghe tiếng gọi từ cổng ra vào,
Họ đến báo với Ting, Mbông:
- Hỡi anh Ting ơi, Mbông ơi!
Có tiếng gọi từ bên ngoài,
Tiếng gọi của rất thanh,
Chắc có ai thân thiết đến thăm,

Hoặc là ai chọc bọn ta,
Ting, Mbông vội vã ra ngoài,
Ting bắc thang lên cây đa,
Ting đứng nhìn quanh bốn phía,
Thấy có một người đứng sát hàng rào,
Người đó đứng dựa vào tường đá,
Ting cất tiếng hỏi:
- Ai đang đứng bên ngoài đó?
Người từ đâu đến,
Người định đi đâu?
Ting dứt lời, Lêng đáp lại ngay:
- Tôi là Lêng đây,
Tôi đến thăm cậu Ting đây,
Xin cậu mở cửa cho tôi vào!
Ting hỏi lại kỹ càng:
- Lêng là Lêng nào,
Có nhiều tên là Lêng lắm!
Lêng nói:
- Tôi là Lêng con Dum.
Ting đã nhận rõ đó là Lêng,
Ting từ cây đa xuống,
Ting nói:
- Chú Lơ Vơ phải mau mở cửa,
Chú Dret Dreng phải mau mở cổng,
Chú Dak Dal nhận dạng khách.
Nhìn thấy Lêng, Dak Dal nói:
- Lêng đến chơi quý quá,
Chắc có việc quan trọng Lêng mới đến?

Lêng nói:

- Đúng vậy rồi, chú Dak Dal ơi!

Bây giờ, tôi xin vào nhà Ting, Mbông,

Ting nói:

- Nhà tôi không kiêng cữ,

Con dê đẻ cũng không có,

Con heo đẻ cũng không có,

Con người đẻ cũng không.

Lêng bước vào nhà Ting,

Ting trải chiếu cho Lêng ngồi,

Đưa vải cho Lêng quạt gió,

Đưa đồng la cho Lêng kê ngồi.

Thấy Lêng đến mọi người rất mừng,

Mọi người đều đến chơi với Lêng,

Họ tiếp Lêng bằng thuốc, bằng trầu,

Họ tiếp Lêng bằng nước dừa.

Lêng hút thuốc, ăn trầu,

Ting hỏi:

- Lêng đến chơi hay có chuyện gì?

Thường mấy khi Lêng đến chơi đâu!

Sao bây giờ Lêng còm quá,

Lêng nhỏ gần bằng con dơi.

Lêng kể cho Ting nghe:

- Tiăng chết và đã xuống Phan rồi,

Tiăng đã ăn cơm Dê, Dơm rồi,

Tiăng đã mê bon Phan nên quên tất cả.

Tôi đến tận bon Phan gọi Tiăng về,

Tôi hỏi, Tiăng không nói,

Gọi ăn cơm, Tiăng không ngó,

Đưa thuốc Tiăng không thèm hút,
Tiăng chỉ đòi lấy về những vật lạ:
Ruột con mối, vẩy con chuột,
Dấu chân thằn lằn, mỏ châu chấu,
Ngà con sóc, răng con tê tê,
Chân con gà rừng và chân con rắn,
Con trâu hai đầu của Phưm, Phơm.
Sáu anh em chúng tôi bị lạc đường vào bon Rôch, Rông,
Năm người anh em dòng họ tôi,
Bị Rôch, Rông giết chết rồi ăn thịt,
Hồn năm người đã lên bon Briăng,
Con Lêng đến đây nhờ cậu Ting,
Tạo lại thân xác Lêng.
Ting, Mbông nghe Lêng kể rất tức,
Ting, Mbông căm thù Rôch, Rông lắm,
Đã có lần bon bị Rôch, Rông đánh tiêu tan,
Nay họ vẫn không sợ.
Ting gọi Yơng, Kong đến:
- Bây giờ chúng ta tạo lại xác Lêng ngay,
Chúng ta làm cho Lêng hùng mạnh,
Yơng, Kong mang theo cái bễ,
Thổi lửa của Khir Khe.
Họ cùng đi đến gốc cây đa có bóng mát.
Yơng cầm dao đánh vào mặt Lêng,
Lêng chảy máu mũi, máu mắt,
Lêng chết queo dưới gốc cây đa.
Yơng, Kong lấy cái bễ thổi lửa,
Thổi cho lửa đỏ lên,
Họ bỏ Lêng vào lửa,

Họ đốt xác Lêng cho tiêu thành tro,
Yơng, Kông lấy tro xác Lêng nặn hình người,
Yơng giã ngải trong ống proh,
Kông giã ngải trong ống krêng,
Họ giã chung nhiều loại ngải với nhau,
Rồi họ thổi ngải vào hình đã nặn,
Hình nặn liền biết thở, biết nói,
Đó chính là con người mới của Lêng,
Lêng đứng dậy chạy đi,
Ting gọi:
- Tại sao Lêng lại chạy,
Lêng không nhận ra Ting, Mbông sao?
Lêng nói:
- Cậu Ting làm hại tôi rồi!
Ting nói :
- Không phải vậy đâu Lêng ơi!
Nghe Ting nói, Lêng mới hết hoảng sợ,
Lêng ngồi nghỉ ở gốc cây đa.
Yơng, Kong thử sức với Lêng,
Họ cầm khiên đột ngột lao vào đánh Lêng,
Lêng liền dùng khiên đánh lại.
Tiếng khiên chạm vào nhau vang lên,
Cuối cùng khiên của Lêng bị vỡ,
Lêng ngã úp mặt xuống đất thở hổn hển.
Yơng, Kông lấy thêm ngải đưa cho Lêng,
Yơng, Kông nói:
- Nếu ăn vào thấy đắng,
Thì Lêng đừng nuốt nhé!
Lêng ăn ngải thấy ngọt hơn sữa mẹ,

Đưa bao nhiêu Lêng ăn cũng hết.
Yơng, Kong nói:
- Lêng ăn vậy là vừa rồi.
Lêng ăn nhiều quá là hoá đá đấy.
Việc tạo lại Lêng xong xuôi,
Họ về nhà hút thuốc, ăn trầu.
Lúc bấy giờ đã sắp tối,
Họ đi nấu cơm,
Cơm chín rồi, Bing, Jong mời khách ăn cơm.
Bing nói:
- Lêng ơi, mời Lêng vào ăn cơm.
Lêng vào ngồi ăn cơm một mình,
Bing, Jong tiếp thức ăn cho Lêng.
Jong nói:
- Lêng ăn tạm nhé,
Cơm nhà chúng tôi không có thức ăn,
Cơm lại có hạt mềm hạt cứng.
Lêng nói:
- Vâng, tôi xin ăn thật no.
Lêng bốc cơm ăn ba bốn nắm,
Lấy một miếng thịt gà ăn nữa là xong.
Ăn xong, Lêng xúc miệng,
Rồi lấy điếu hút thuốc.
Bây giờ đến lượt Ting ăn cơm,
Tiêng cũng chỉ bốc cơm ăn ba bốn nắm,
Lấy một miếng thịt gà ăn nữa là xong.
Ăn xong, Ting súc miệng,
Rồi lấy điếu hút thuốc.

Lêng hỏi:
- Nhà cậu Ting có kiêng cữ gì không?
Cậu có cho tôi nướng một con gà nhỏ,
Nướng một con heo nhỏ?
Ting trả lời:
- Nhà cậu con dê đẻ cũng không có,
Con heo đẻ cũng không có,
Con người đẻ cũng không.
Lênh lấy một tô đồng có chân,
Xúc gạo và đặt lên chiếu,
Lêng còn đặt một con gà, con heo nướng.
Lêng nói:
- Cậu Ting, Mbông ơi!
Mời các cậu đến đây, nghe Lêng nói chuyện.
Lêng nói:
- Tiăng đã chết xuống Phan rồi,
Hiện nay bon Tiăng buồn lắm,
Trâu bò không rung lục lạc,
Dân làng ngừng ăn uống,
Tiăng chết đi như rắn mất đầu,
Không có người trông nom sông suối,
Không có người dẫn dắt bon làng.
Tôi đã đi xuống Phan năn nỉ Tiăng về,
Tiăng đòi tôi đi lấy vật lạ:
Ruột con mối, vẩy con chuột,
Dấu chân thằn lằn, mỏ châu chấu,
Cặp ngà con sóc, răng con tê tê.
Chân con gà rừng và chân con rắn.
Sợi dây vàng bạc, các đồ gỗ quý,

Con trâu hai đầu và cây đa.
Những kỷ vật đó còn hay mất?
Lêng dứt lời, Ting đáp lại ngay:
- Xưa kia ta cùng một cha mẹ,
Ở chung một nhà,
Tại vì Rong giận Bing, Bai,
Bông và Rong mới chạy lên đó[1].
Chúng tôi ngăn mãi, Rong vẫn quyết đi,
Vì thế họ hàng mình mới xa nhau,
Còn những kỷ vật đó, nay vẫn còn nguyên.
Ta bỏ Tiăng cũng tiếc,
Tiăng mà chết trời đất sẽ thối!
Ting tìm Bing, Jong và nói:
- Hỡi Bing, Jong ơi,
Có mấy khi Lêng đến chơi đây,
Ta đi bưng rượu mời Lêng!
Bing, Jong đều nói:
- Việc đó tuỳ anh Ting,
Chúng tôi có cản gì đâu!
Ting lại đi đến nơi Yơng, Kông ngủ:
- Hỡi các em Yơng, Kông ơi,
Có mấy khi Lêng đến chơi đây,
Các em hãy lấy rượu mời Lêng!
Yơng, Kông bưng một ché rượu to,
Rồi bưng thêm nhiều ché rượu nhỏ.
Ting cắt đặt:
- Em Brach đi lấy đá,

1. Tức là trên mặt đất.

Em Chang đi lấy cần,
Bông, Krông đi khiêng nước...
Chuẩn bị xong xuôi,
Ting đến chỗ Lêng nằm ngủ.
Ting gọi:
- Lêng ngủ hay thức?
Mời Lêng dậy nếm rượu cần,
Rượu ở đây nhạt lắm,
Không được ngon như trên đó đâu!
Lêng nói:
- Ting bày rượu làm gì,
Xuống đây, tôi có mang gì cho cậu đâu?
Ting nói:
- Sao cháu lại nói thế?
Có phải ai xa lạ đâu,
Ta cùng một cội gốc,
Sống xa nhau nên ít thăm nhau.
Cậu đã già rồi, khó đi nổi lên đó.
Ting đã mời, không nỡ từ chối,
Lêng đứng dậy cùng Ting đến bên ché rượu,
Ting đưa cần cho Lêng cầm,
Cầm cần xong Lêng nếm nước rượu đầu.
Lêng nói:
- Chưa nơi nào bằng rượu cậu Ting,
Các cậu dưới này làm rượu ngon lắm!
Chắc là do cây làm men?
Ước gì tôi nhổ cây đó về trồng.
Lêng uống rượu xong, giao cần cho Ting,

Tìng đỡ cần và gọi:
- Hỡi em Mbông, Yơng, Kông ơi!
Mời các em, đến cùng ché rượu,
Ba người đến ngồi quanh ché rượu to,
Họ bắt đầu khấn:
- Hỡi thần Rừng, thần Núi,
Thần Suối, thần Đá,
Thần mẹ Ba Ba và mẹ Cá Sấu,
Mời các thần đến uống rượu!
Tiăng đã bảo Lêng đến đây lấy vật lạ,
Nhưng vì lạc đường nên đã vào bon Rôch, Rông,
Cả bọn Lêng chỉ có mình Lêng chạy thoát,
Xin các thần phù hộ cho Lêng,
Khi đánh Rôch, Rông sẽ giành phần thắng!
Lời cầu khấn đến tai thần Bing, Jong con Lửa.
Lúc đó đang đêm khuya,
Thần Bing, Jong con lửa đang ngủ,
Họ nghe có tiếng cầu khấn bên tai,
Nghe tiếng mời họ đến uống rượu với Lêng.
Bing nói với Jong rằng ta nên đi uống rượu,
Ta uống trước, Ting uống sau,
Ta ăn trước, Ting ăn sau
Tìng lúc nào cũng trọng ta,
Thôi, ta đi kẻo Tìng chờ.
Hai thần bước ra khỏi nhà,
Họ bàn với nhau nên mặc áo cánh bay đi,
Hai nữ thần bay đi rất nhanh,
Một lát sau họ đã đến nhà Ting, Mbông.
Họ vào nhà và nếm từng ché rượu,

Họ khen rượu của Ting ngọt,
Nhưng không một ai thấy thần đâu.
Ting và Mbông cùng uống rượu,
Hút một hơi nước đã xuống sâu,
Uống thật đã, hai người thả cần,
Họ chờ Lêng đổ nước.
Lêng đổ nước đầy một ống to.
Lêng đổ nước, còn Ting, Mbông thì khấn:
- Nếu sức Ting, Mbông còn mạnh như cũ,
Đi đánh nhau không thua ai,
Thì đổ hết nước vừa đầy ché,
Nếu đi đánh nhau mà thua,
Nước ống tre đổ vào ché sẽ thiếu.
Khấn xong, nước ở ống hết, miệng ché vừa đầy,
Ting, Mbông tin chắc mình sẽ thắng.
Đến lượt Lêng vừa uống vừa cầu khấn:
- Xin các thần giúp Lêng đánh thắng Rôch, Rông.
Khấn xong Lêng bắt đầu uống,
Uống một hơi nước đã cạn nhiều,
Uống thật đã, rồi thả cần ra,
Lêng chờ Yơng, Kông đổ nước.
Lêng cầu khấn:
- Nếu Lêng thắng thì nước vừa đầy.
Nước trong ống tre đổ vừa hết ché rượu vừa đầy,
Lêng biết mình sẽ thắng.
Bây giờ giờ đến lượt Yơng, Kông uống,
Uống một hơi nước đã cạn nhiều,
Uống thật đã, họ thả cần ra,
Nước trong ống tre đổ vừa hết ché rượu vừa đầy,

Họ tin chắc lần này sẽ thắng.
Uống rượu đến nửa đêm họ mới đi ngủ,
Sáng hôm sau dậy chuẩn bị lên đường,
Ting lấy kỷ vật ra giao cho Yơng, Kông giữ,
Yơng, Kông trèo lên cây đa làm chòi,
Xong rồi họ đem các thứ cần thiết bỏ vào đó,
Ting lại bảo Yơng, Kông đi tìm
Mẹ Ba Ba và Cá Sấu,
Gặp mẹ Ba Ba và Cá Sấu, họ thưa rằng:
- Ting nhờ mẹ Ba Ba và mẹ Cá Sấu,
Đưa cây đa cho Lêng đem về mặt đất,
Mẹ Ba Ba và Cá Sấu bằng lòng,
Yơng, Kông trèo lên lưng Ba Ba và Cá Sấu,
Cùng đi đến gốc cây đa.
Ting bảo mẹ Ba Ba và mẹ Cá Sấu moi đất
Rồi họ lấy dây buộc gốc cây đa với Ba Ba và Cá Sấu,
Xong rồi gọi mọi người cùng trèo lên cây đa.
Mẹ Ba Ba và mẹ Cá Sấu kéo cây đa đi,
Đi đến đâu có nước đến đó,
Cây đa đi qua vùng người Drôn,
Mọi người ngồi trên cây đa,
Thấy rõ mọi sinh hoạt của người Drôn.
Cây đa đi qua rẫy trồng lúa và bãi chăn trâu,
Họ đã đi đến bon Ting con Su.
Họ đã đi đến bon Mbông con De,
Ting con Su đang ăn uống,
Họ đi qua bon Ting con Su.
Cây đa đã đi đến gần bon Rôch, Rông con Briăng,
Họ đã nhìn thấy bon Rôch, Rông đang ăn uống,

Ting nói:

- Chúng ta đã gần đến bon Rôch, Rông rồi,
Coi chừng Rôch, Rông bắn lén.
Họ chọn đường khác đi,
Cho Rôch, Rông khỏi thấy,
Họ đã đi qua bon Rôch, Rông.
Ting bảo mẹ Ba Ba và mẹ Cá Sấu nghỉ một lát,
Lêng, Yui, Srai, Ting và Mbông ra khỏi cây đa.
Trên cây đa chỉ còn Yơng và Kông,
Ting bảo Yơng, Kông cưỡi cây đa đến nhà Bung con Lu.
Họ đi qua bon Ting con Ke,
Cây đa càng đi càng nhanh,
Cây đa đến bon N'đu con Teh.
N'đu con Teh, chân ngắn, người thấp,
Nhưng nó chạy rất nhanh.
Cây đa đến bon Kê, Liăng,
Kê và Liăng ngủ một năm mới dậy.
Cây đa đi rất nhanh,
Mọi người nhìn cây đa thấy lạ,
Cây đa đến bon Bung con Lu,
Yơng, Kông cho cây đa dừng,
Họ dừng để chờ năm người,
Đi đánh nhau với Rôch, Rông.
Mẹ Ba Ba và mẹ Cá Sấu đào đất thành hố,
Gốc cây đa chuyển sang đứng trên lưng con Rùa.
Ta tạm dừng chuyện Yơng và Kông,
Để trở lại với Lêng đằng sau.

*

Đoàn ở lại có năm người:
Lêng, Yui, Srai, Ting và Mbông,
Họ dặn nhau phải đề phòng Rôch, Rông bắn lén.
Năm người đã đến bến nước bon Rôch, Rông,
Họ đã ngửi thấy mùi khét nướng thịt người.
Rôch, Rông là ma lai nên chuyên ăn thịt người.
Bước qua suối nước, Lêng đi trước,
Yui, Srai, Ting và Mbông theo sau.
Lêng phải nhặt từng lá cây,
Để tìm bãi chông của Rôch, Rông,
Đoàn của Lêng tìm chỗ nấp,
Họ nghỉ ngơi để bàn bạc,
Ăn cơm uống nước cho no.
Ăn cơm xong họ leo lên cây đa bon Rôch, Rông,
Từ trên cây đa họ nhìn thấy tất cả,
Bon Rôch, Rông đang ăn uống quanh đống lửa.
Ting và Mbông lấy ngải thổi và cầu khấn:
- Hồn ngải mày phải nghe theo ta
Ngải hãy làm cho tất cả người bon Rôch, Rông ra ngoài.
Một lát sau,
Hồn ngải của Ting đã nhập vào từng người bon Rôch, Rông,
Người bon Rôch, Rông từ từ ra ngoài,
Đầu tiên là Rôch và Rông bước ra,
Chúng tới gốc cây chuối để ngồi.
Một lát sau Tơng và Săng bước ra
Chúng đến gốc cây chuối ngồi chơi.
Một lát nữa Kuk và Kưng bước ra,
Chúng đến gốc cây chuối ngồi chơi.
Rồi tất cả người bon Rôch, Rông đều ra khỏi nhà,

Sau đó họ lại trở vào tiếp tục ăn uống.
Lêng bảo Yui và Srai chặn cổng ra vào,
Một mình Lêng vào đánh Rôch, Rông,
Lêng vừa chặt phá hàng rào, vừa múa gươm,
Người bon Rôch, Rông bỏ chạy thoát thân.
Chui hàng rào gặp ngay Ting và Mbông,
Qua cổng lại gặp ngay Yui và Srai,
Đoàn của Lêng dùng dao gươm chém chết nhiều người,
Xong rồi họ đốt nhà, đốt lúa gạo,
Rôch, Rông, Tơng, Siăng, Kuk và Kưng trốn thoát,
Kuk và Kưng đến nhờ mẹ Băng đánh Lêng,
Hai người ngồi trên lưng mẹ Băng ăn thịt.
Khi vào trong bụng Băng,
Lêng đốt lửa và dùng dao cắt gan.
Còn Rôch, Rông chạy đến nhờ Briăng mổ đầu Lêng.
Lêng dùng gươm chặt đầu Briăng.
Rôch, Rông rất tức giận,
Bất thình lình lao vào đánh Lêng.
Hai bên đánh nhau bằng dao, bằng khiên.
Rôch, Rông đâm Lêng không trúng.
Rôch, Rông phun lửa,
Lêng cho mưa dập tắt.
Đánh nhau mãi nhưng không bên nào thắng.
Cuối cùng Ting dùng ngải bắt Rôch, Rông, Kuk, Kưng.
Còn Tơng, Siăng chạy thoát,
Hai người mặc áo klang bay đi.
Lêng cũng mặc áo klang bay đuổi theo.
Đuổi đến biển, không thấy Tơng, Siăng đâu nữa.
Lêng đành quay về.

Còn Rôch, Rông và Kuk, Kưng,
Bị Ting, Mbông đốt thành tro.
Xong rồi, đoàn Lêng đến gốc đa.
Yơng, Kông đang chờ ở đó.
Yơng, Kông từ trên cây đa nhìn xuống,
Tấy Lêng, Yui, Srai, Ting và Mbông đang đi,
Hai người trèo xuống khỏi cây đa,
Yơng, Kông hỏi:
- Thế nào hở các anh.
Cuộc đánh nhau thắng bại thế nào?
Hai người dứt lời, Ting đáp lại ngay:
- Cuộc đánh nhau gay go lắm,
Nhưng cuối cùng chỉ trừ Tơng và Siăng.
Còn Rôch, Rông, Kuk, Kưng đều chết.
Lêng bảo mọi người ngồi nghỉ,
Để Lêng đi gọi linh hồn năm người về.
Lêng mặc áo lông chim rồi bay lên trời.
Lêng bay đến chỗ Ot, Ang ở,
Nơi linh hồn năm người đang ẩn náu,
Thần Ot, Ang bằng lòng cho về,
Nhưng Yơng, Yang, Kông, Sung và Krông không chịu về,
Họ đã ăn cơm của Ot, Ang,
Lêng bắt từng người rồi vò nát,
Xong rồi, Lêng chào Ot, Ang ra về,
Lêng bay về gốc cây đa,
Đưa năm linh hồn cho Ting,
Ting lấy đất sét nặn ra năm người,
Lấy của ngải thổi tiếp vào mỗi người,
Năm người kia được sống lại.

Gặp lại nhau họ rất mừng,
Họ ngồi nghỉ một lúc, rồi lại trèo lên cây đa,
Ting bảo mẹ Ba Ba và mẹ Cá Sấu tiếp tục đi.
Cây đa di chuyển về hướng Tiăng ở,
Gốc đa đã đến nhà Tiăng,
Gió thổi nhẹ rung lá cây đa,
Nhạc lá cây đa lẫn với tiếng khóc,
Tiếng khóc ma của những người già.
Yang mời mọi người vào nhà,
Ăn cơm xong, nghỉ một lúc,
Lêng xin Ting xuống Phan để lấy hồn Tiăng,
Lêng đi thẳng đến bon Dê, Dơm,
Đến nơi, Lêng đòi Dê, Dơm trả hồn Tiăng,
Dê, Dơm cho về, nhưng Tiăng không chịu,
Vì hồn Tiăng đã bị mê bon Phan rồi.
Lêng lao vào nắm lấy đầu Tiăng,
Đầu Tiăng trơn như mỡ,
Tiăng đã chạy thoát rồi.
Lêng đành phải về báo với Ting,
Ting và Mbông quay trở lại Phan,
Bảo Dê, Dơm phải cho Tiăng về,
Tiăng không về trời đất sẽ sập.
Ting đến chỗ Tiăng ngồi,
Ting bắt Tiăng bỏ vào bàn tay vò nát,
Xong rồi, Ting trở lại bon Tiăng,
Về đến nơi, Ting nói với Lêng rằng:
- Lêng hãy mở quan tài ra, Ting bỏ hồn Tiăng vào xác,
Ting dùng ngải thổi thêm vào xác,
Tiăng sống lại, nói chuyện bình thường,

Mọi người đều vui sướng,
Bon Tiăng vui vẻ trở lại,
Cảnh vật vui tươi như xưa.
Lêng, Kông, Yơng, Yang bàn nhau làm cúng,
Họ giết những con heo to,
Họ giết những con bò lớn,
Họ giết những con trâu thiến,
Họ bưng hàng trăm ché rượu.
Dân bon Tiăng bắt đầu cúng mừng,
Mừng cho Tiăng chết sống lại,
Mừng cho Ting và Tiăng gặp nhau,
Mừng cây đa của Tiăng đã về,
Mừng cho việc đánh thắng Rôch, Rông.
Dân bon Tiăng tiếp tục ăn uống,
Hết thịt họ lại giết thêm gia súc,
Hết rượu họ lại bưng ché khác,
Ting, Mbông ở lại chơi mấy ngày...
Khi về, Ting trao cây đa và các kỷ vật cho Tiăng.
Yơng, Kông, Ting và Mbông cưỡi lên lưng mẹ Ba Ba,
Yui và Srai cưỡi lên lưng mẹ Cá Sấu,
Dân bon Tiăng có mặt đông,
Tiễn Ting và những người trở về[1]
Mẹ Ba Ba và mẹ Cá Sấu,
Đi đến đâu phun nước đến đó,
Đường chúng đi biến thành dòng sông...

1. Trở về dưới Phan.

MỤC LỤC

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM - TẬP 39